PHÙNG HỮU LAN
馮 友 蘭

中國哲学史

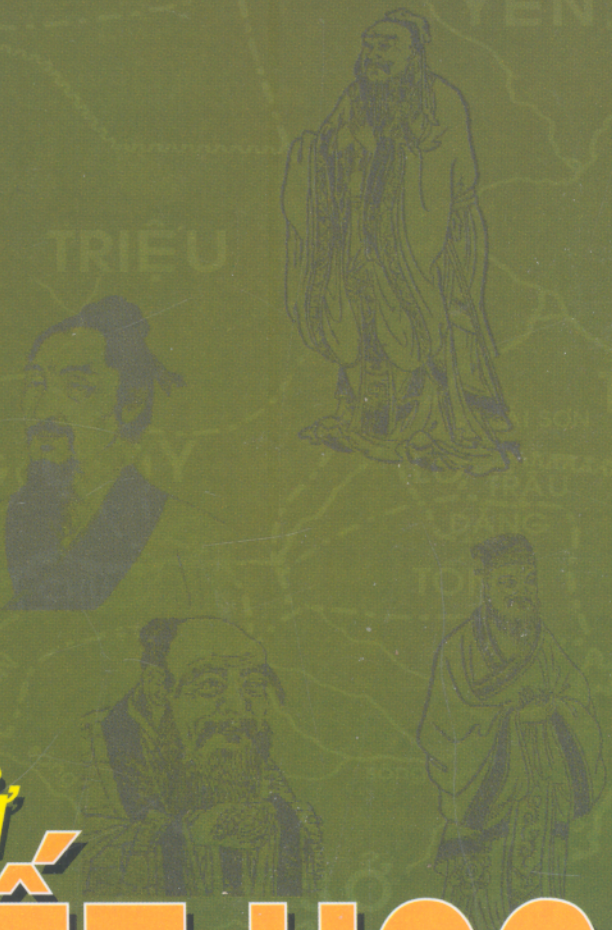

Lịch sử
TRIẾT HỌC TRUNG QUỐC

TẬP I
THỜI ĐẠI TỬ HỌC

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

LỊCH SỬ
TRIẾT HỌC TRUNG QUỐC
中國哲學史

PHÙNG HỮU LAN
馮 友 蘭

LỊCH SỬ TRIẾT HỌC TRUNG QUỐC
中 國 哲 學 史

Quyển I:

THỜI ĐẠI TỬ HỌC

LÊ ANH MINH dịch

Bản đồ TRUNG QUỐC thời Chiến Quốc

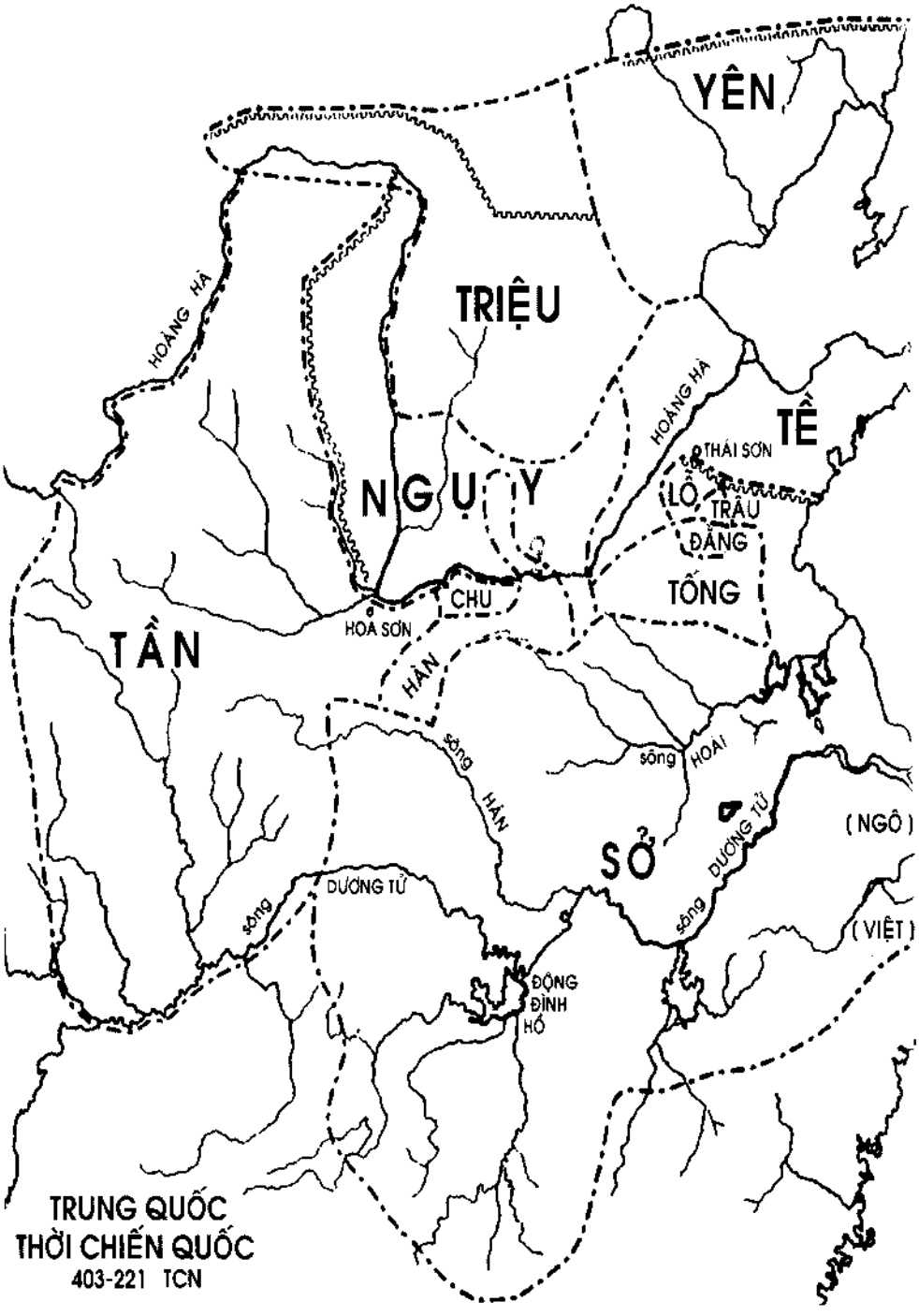

Lời tựa

của dịch giả Derk Bodde [1]

Mặc dù những phát minh hiện đại thời nay đang giúp con người xích lại gần nhau hơn, nhưng thực sự vẫn còn đó những rào cản về tri thức khiến con người cũng như các dân tộc chưa thể hiểu biết được lẫn nhau. Hiện nay, như ta rất thường thấy trong lịch sử thế giới, sự phát triển về giao tiếp vật chất đã vượt lên trước sự phát triển về giao tiếp trí tuệ; và chính trong thời đại mà các phương thức truyền thông phát triển nhanh như hiện nay thì việc hiểu biết và thông cảm giữa các dân tộc càng cần phải được quan tâm thực hiện.

Người ta luôn nghe những lời lẽ (thậm chí do các đại học giả phương Tây nói) đại loại như: «Thời Hôn Ám ở Âu Châu đã đẩy thế giới đến một trình độ văn hoá thấp nhất.» Nói như vậy là không biết rằng: cùng lúc với thời Hôn Ám ở Âu Châu, một nền văn hoá rực rỡ huy hoàng của nhân loại đang xảy ra dưới đời Đường tại Trung Quốc, và quyển sách đầu tiên của thế giới đã được in ra tại vương quốc này trong thế kỷ IX.[2] Rất nhiều người chúng ta ở phương Tây đã có cái nhìn mà Trang Tử bảo là «ếch ngồi đáy giếng» (well-frog), tức là xem cả thế giới lớn bằng cái vòm trời qua miệng giếng. Khi đa số chúng ta cho rằng cái di sản văn hoá Hi Lạp và La Mã vẫn là tiêu biểu của thế giới, thì khoa học so sánh các nền văn minh càng cần thiết hơn bao giờ hết, không chỉ để hiểu được các nền văn hoá nước ngoài mà còn để hiểu chính nền văn hoá của chúng ta, ngõ hầu chúng ta có sự đánh giá khách quan.

Chính vì các nguyên do đó mà bản dịch Anh ngữ này ra đời, với niềm hy vọng rằng nó sẽ giúp phương Tây thấy được một

học giả Trung Quốc vốn được đào tạo theo kiểu phương Tây đã nhận định thế nào về nền triết học của chính đất nước của ông. Đây là bản dịch của Trung Quốc Triết Học Sử, của Tiến sĩ Phùng Hữu Lan, tốt nghiệp Đại học Columbia (Mỹ) và hiện (1937) giảng dạy triết học tại Đại học Thanh Hoa, Bắc Kinh. Quyển I bao quát thời đại Tử học, một thời đại có thể nói là rực rỡ nhất trong triết học Trung Quốc, trải dài từ thời xa xưa đến khoảng năm 100 TCN, khi mà Nho giáo chiếm địa vị chính thống. Trong các tác phẩm viết về thời kỳ này, bộ sách của Phùng Hữu Lan hẳn là hoàn bị nhất, và trong nhiều phương diện, người ta có thể hy vọng đây là một trong những bộ sách tốt nhất. Quyển II nối tiếp lịch sử triết học Trung Quốc, từ cuối thời đại Tử học cho đến hiện nay.

Chúng ta cần chú ý rằng tác giả đã trích dẫn rất nhiều đoạn cổ văn từ các nguồn thư tịch gốc. Việc này khiến tác phẩm của ông không những là một sách tham khảo quý báu về các văn bản gốc của triết học Trung Quốc, mà còn tạo sự thuận lợi bởi vì nó để cho các văn bản cổ xưa tự lên tiếng. Đó là một điều rất quan trọng trong một lĩnh vực như triết học Trung Quốc, khi một văn bản thường có nhiều lời bình chú. Khi chuyển các đoạn văn trích này sang Anh ngữ, tôi cố bám vào nguyên tác, đồng thời cũng tham bác các bản dịch có sẵn bằng các ngôn ngữ phương Tây. Để thuận tiện, tôi đưa vào các ghi chú tham khảo, và tôi hiếm khi chấp nhận các lời dịch đó mà không có sự điều chỉnh của chính mình, ngõ hầu bản dịch của tôi được chính xác hơn.

Tuy nhiên, khi không dịch các trích dẫn gốc, tôi không ngần ngại điều chỉnh đôi chút để văn phong tiếng Anh được trôi chảy mà vẫn giữ được nguyên ý của tác giả. Những đoạn văn khá dài trong bản Hán ngữ đôi khi được ngắt ra. Để cho độc giả phương Tây tiện theo dõi, đôi khi tôi thêm thắt chút đỉnh, chẳng hạn ghi thêm niên đại sau tên các vị vua; và để giải thích thêm, tôi cũng cho vào các phụ chú (ghi là DB chú). Bất kỳ thay đổi lớn nào trong bản dịch này đều đã được tác giả Phùng Hữu Lan ưng thuận, và chúng được nêu ra trong các chú thích. Một thuận lợi lớn cho tôi là bản dịch Anh ngữ này đã được tác giả duyệt lại và góp ý điều chỉnh.

Quý vị nào đã từng đọc nguyên tác Hán ngữ sẽ thấy nhiều điểm khác biệt trong bản dịch Anh ngữ này. Chẳng hạn, nguyên tác Hán ngữ không có Tóm tắt lịch sử, bảng niên đại các triết gia, thư mục tham khảo, và chỉ mục (index) như trong bản dịch, bởi vì chúng do dịch giả thêm vào. Bản đồ Trung Quốc thời Chiến Quốc cũng mới. Phần thư mục liệt kê những sách được tác giả đề cập cũng như những sách mà dịch giả tham khảo. Tên riêng bằng chữ Hán được cho vào phần chỉ mục. Độc giả nào đối chiếu nguyên tác Hán ngữ với bản dịch Anh ngữ sẽ thấy rằng chương I của bản dịch chỉ là một phần của chương I nguyên tác. Những phần của chương I nguyên tác được cơ cấu lại theo hình thức một bài luận, xem như là phần dẫn nhập của tác giả, đồng thời, tôi bỏ đi những phần mà độc giả phương Tây không quan tâm. Phần niên biểu sau đây, trừ những chi tiết đã ghi chú, đều căn cứ vào Synchronismes chinois (Niên biểu Trung Quốc) của Mathias Tchang.

Sau cùng, tôi vô cùng hân hoan tri ân Tiến sĩ Phùng Hữu Lan vì ông đã đọc bản thảo của bản dịch và kiểm tra cẩn thận, đối chiếu với nguyên tác, để cho bản dịch này khả dĩ chấp nhận được. Tôi cũng chân thành cảm tạ ông Henri Vetch, người xuất bản sách tại Bắc Kinh, về những lời khuyên bảo và phê bình của ông. Tôi cũng vô vàn biết ơn các học giả tiền bối trong lĩnh vực phiên dịch kinh điển Trung Quốc, bắt đầu từ James Legge, cũng như các học giả khác như Arthur Probsthain, người phiên dịch rất nhiều về triết học Trung Quốc và có công nhiều hơn ai hết vì đã giúp thế giới phương Tây tiếp cận được một lĩnh vực của tư tưởng nhân loại bấy lâu ít được biết đến. Tôi cũng tri ân Ban nhân viên của Quốc Lập Đồ Thư Quán tại Bắc Kinh đã giúp tôi có được thông tin về tiểu sử của các học giả Trung Quốc hiện đại để đưa vào phần thư mục tham khảo của bản dịch. Và tôi cũng hết sức cảm tạ những độc giả đầu tiên của bản thảo, trong đó có mẫu thân và hiền nội của tôi.

Derk Bodde

Bắc Kinh, 18 tháng 5 năm 1937

Lời tựa của bản dịch Việt ngữ

Lời tựa của dịch giả Derk Bodde (1909 - 2003) cho độc giả phương Tây thiết tưởng đã đầy đủ. Tuy nhiên, tôi muốn trình bày thêm đôi lời với độc giả của bản Việt ngữ.

Trước hết là mối quan hệ sư đệ giữa Phùng Hữu Lan và Derk Bodde. Như Derk Bodde đã kể lại trong A Short History of Chinese Philosophy (New York, 1948) vào những năm 1930 ông sang Bắc Kinh học triết học Trung Quốc. Trong niên khoá 1934-1935 tại Đại học Thanh Hoa, Derk Bodde học Phùng Hữu Lan. Bấy giờ quyển II* ***Trung Quốc Triết Học Sử*** *(Hán ngữ) đã xuất bản. Ngày nọ, Phùng Hữu Lan vào lớp và hỏi Derk Bodde xem có biết ai sẵn lòng dịch bộ triết sử này sang Anh ngữ, và Derk Bodde đã nhận lời phiên dịch. Quyển I dịch xong và xuất bản mùa hè 1937. Nhưng do chiến tranh Trung Nhật bùng nổ sau đó, Derk Bodde trở lại Mỹ và việc dịch tiếp quyển II (dự định dịch xong trong hai-ba năm) bị dang dở. Mãi đến mùa thu 1946, Phùng Hữu Lan được mời sang dạy Hán ngữ tại Đại học Pennsylvania, Derk Bodde có dịp dịch nốt quyển II**. Trong thời gian này, Derk Bodde đã đỗ Tiến sĩ và bắt đầu làm việc ở Philadelphia. Năm 1948, Phùng Hữu Lan quyết định rút ngắn hai quyển triết sử và tự viết gọn thành một quyển bằng Anh ngữ (tức là quyển A Short History of Chinese Philosophy), và nhờ Derk Bodde biên tập lại, xuất bản cùng năm này.*

Từ khi xuất hiện năm 1931, ***Trung Quốc Triết Học Sử*** *của Tiến sĩ Phùng Hữu Lan đã trở thành tác phẩm kinh điển trong lĩnh vực lịch sử triết học Trung Quốc, không chỉ tại Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản (bản Hán ngữ), mà còn ở phương Tây nữa (bản Anh ngữ). Chúng ta thử vào Internet, tham khảo*

chương trình đào tạo Trung Quốc học trong các trang Web của các đại học phương Tây thì thấy ngay bộ sách này hiện nay vẫn còn chiếm địa vị quan trọng. Phùng Hữu Lan – cũng như Hồ Thích và Kim Nhạc Lâm – đã đỗ Tiến sĩ Triết học ở Đại học Columbia (Mỹ);[1] với vốn tri thức và phương pháp luận thu nhận thêm từ phương Tây, ông đã vận dụng mà nghiên cứu lịch sử triết học Trung Quốc, do đó bộ sách của ông có tính khoa học rất cao.

Một học giả hiện đại của Trung Quốc là Lý Thận nhận định chung về Phùng Hữu Lan bằng tám chữ «Dung quán Trung Tây, thông thích kim cổ»[4] 融貫中西通釋今古 (dung hoà thấu triệt hai nền học thuật Trung Quốc và phương Tây, giải thích thông suốt việc xưa nay) và cho rằng nếu người Trung Quốc biết đến học thuật của phương Tây nhờ Nghiêm Phục, thì người ngoại quốc hiểu được triết học Trung Quốc là nhờ Phùng Hữu Lan.

Phùng Hữu Lan không chỉ là một sử gia về lịch sử triết học Trung Quốc (trình bày trong ba bộ sách gọi là «Tam Sử»), ông còn là một triết gia với học thuyết Tân Lý Học (phát huy Lý Học của Chu Hi, trình bày trong bộ sách 6 quyển gọi là «Trinh Nguyên Lục Thư»), do đó ông được xếp vào nhà Nho của Trung Quốc hiện đại, và là Giáo sư triết học từng góp phần đào tạo thế hệ ưu tú như Tào Ngu, Tiền Chung Thư, Lâm Canh, Quý Tiện Lâm, Vương Dao, Đường Trĩ Tùng, v.v... Với tất cả những điều ấy và do hoàn cảnh xã hội chính trị, ông cũng như đa số trí thức bấy giờ đã trở thành nạn nhân bị bức hại thê thảm trong cuộc Đại Cách Mạng Văn Hoá Trung Quốc.

Cho đến nay, sau ngần ấy năm đằng đẵng, bộ Trung Quốc Triết Học Sử của Phùng Hữu Lan mới được dịch ra Việt ngữ, tuy là một việc muộn màng, nhưng vẫn còn hơn không. Dịch giả dùng cả nguyên tác Hán ngữ lẫn bản dịch Anh ngữ, bởi bản Hán ngữ chú thích rất sơ sài; còn bản Anh ngữ, như Derk Bodde đã giới thiệu, chú thích rất kỹ và có phần đóng góp thêm của ông. Do đó hai bản này «tương hỗ tương thành» (giúp nhau mà thành tựu). Derk Bodde đã cơ cấu lại chương I của nguyên tác. Tôi dịch luôn cả chương I của Phùng Hữu Lan lẫn chương

I cải biên của Derk Bodde. Ngoài việc bám sát cả hai bản ấy, tôi đứng về phía đại đa số độc giả, cho nên còn phụ chú những chỗ mà tôi nghĩ cần thiết, để độc giả đỡ mất công tra cứu thêm. Do đó, ngoài chú thích của nguyên bản, chú nào của Derk Bodde thì tôi ghi là «Derk Bodde chú», chú nào của tôi thì ghi là «LAM chú». Những đoạn cổ văn mà Phùng Hữu Lan trích dẫn từ cổ tịch tôi cũng chép lại y nguyên chữ Hán kèm với phiên âm Hán Việt, để các nhà nghiên cứu tiện tham khảo và trích lại, nếu cần. Những đoạn cổ văn này được Phùng Hữu Lan trích dẫn như chúng vốn có chứ không kèm theo phần phiên dịch bạch thoại. Để phiên dịch những đoạn cổ văn này, ngoài việc tham khảo bản dịch của Derk Bodde (mà phần lớn là trích lại những bản dịch có sẵn bằng Anh ngữ như ông đã nêu rõ ở trang 410-418 trong bản dịch Anh ngữ của ông), tôi còn tham khảo các bản chú giải của Trung Quốc, rồi phụ chú thêm những chỗ khó hiểu, các từ ngữ cổ, đối chiếu với một vài bản dịch khác (như của James Legge, James Ware, Nguyễn Hiến Lê, v.v...) và nêu ra một vài chỗ mà theo tôi Derk Bodde đã lầm lẫn. Tuy Derk Bodde nói bản dịch Anh ngữ của ông đã được chính tác giả đọc lại, nhưng tôi e rằng Phùng Hữu Lan đã không đọc kỹ những đoạn phiên dịch cổ văn; những chỗ khả nghi này tôi có nêu rõ. Ngoài ra, tôi tổng hợp và sàng lọc nhiều nguồn tư liệu (sách báo và Internet) để viết thêm phần tiểu sử của Phùng Hữu Lan, xem như phần bổ túc cho cả bản Hán ngữ lẫn Anh ngữ. Để độc giả thêm hứng thú, tôi cũng tìm thêm những hình ảnh minh họa thích hợp đưa vào bản dịch.

Nhân đây, tôi xin chân thành tri ân các học giả tiền bối mà các bản dịch chú kinh điển Trung Quốc bằng Anh ngữ, Hán ngữ, và Việt ngữ của quý ngài là nguồn tham khảo hết sức quý báu cho tôi để bản dịch Việt ngữ này khả dĩ chấp nhận được. Dịch giả dù rất thận trọng, ắt cũng khó tránh được ít nhiều lầm lỗi; do đó tôi thành tâm ước mong quý độc giả lượng thứ và chỉ điểm cho những chỗ còn sai sót. Được như thế, tôi vô cùng thâm tạ.

Dịch giả,
Lê Anh Minh
(Dịch xong tại TP HCM, tháng 8-2005)

[1] Lời tựa này vẫn giữ nguyên từ ấn bản đầu tiên (Bắc Kinh, 1937) cho đến ấn bản lần thứ 7 (Princeton University Press, 1983). Quyển I của bản Hán ngữ được Nxb Thần Châu ấn hành (Thượng Hải, 1931). Năm 1934, Thương Vụ Ấn Thư Quán in quyển I và II chung với nhau. Ấn bản Anh ngữ đầu tiên của quyển II xuất hiện năm 1953 (Princeton University Press). [LAM chú]

[2] Thời Hôn Ám (Dark Ages) là thời tối tăm man rợ, ước tính từ sự sụp đổ của Đế chế La Mã (Roman Empire) năm 476 CN kéo dài đến năm 1100 CN; có sách ấn định rộng hơn, cho rằng danh từ này cũng ám chỉ thời Trung Cổ, kể từ sự sụp đổ của Đế chế La Mã cho đến lúc Columbus phát hiện châu Mỹ năm 1492. Còn đời Đường (618-907) thịnh đạt nhất (gọi là thời Thịnh Đường) từ những năm Khai Nguyên (713-741) triều vua Huyền Tông (Lý Long Cơ) đến những năm Đại Lịch (766-779) triều vua Đại Tông (Lý Dự). Quyển sách in đầu tiên trên thế giới được Derk Bodde nhắc đến ở đây là *Kim Cương Kinh* in năm 868 CN, được phát hiện tại Đôn Hoàng năm 1907. [LAM chú]

[3] Hồ Thích đỗ Tiến sĩ năm 1917, Kim Nhạc Lâm 1920, Phùng Hữu Lan 1923.

[4] Đây cũng là nhan đề bài viết của Lý Thận in trong *Phùng Hữu Lan Tiên Sinh Kỷ Niệm Văn Tập.*

* Năm 1985 Đại học Bắc Kinh cho Đồ Hựu Quang 涂又光 dịch quyển này sang Hán ngữ với nhan đề Trung Quốc Triết Học Giản Sử.

** dịch xong và xuất bản lần đầu 1953, Princeton University Press

Biển rộng trời cao ta vút bay

(Hải khoát thiên không ngã tự phi)

海闊天空我自飛

Phùng Hữu Lan (1895–1990)

Triết gia kiêm triết học sử gia trứ danh Phùng Hữu Lan 馮友蘭 tự là Chi Sinh 芝生, sinh ngày 4-12-1895 tại trấn Kỳ Nghi 祁儀, huyện Đường Hà 唐河, tỉnh Hà Nam 河南. Tổ tiên ông quê ở huyện Cao Bình 高平, tỉnh Sơn Tây 山西; vào những năm Khang Hi đời Thanh, các cụ đã di cư đến Đường Hà mà kinh doanh. Trải hơn trăm năm, họ Phùng của ông trở nên thế gia vọng tộc ở nơi này. Cha ông tên Phùng Đài Dị 臺異

tự Thụ Hầu 樹侯, hiệu Phục Trai 復齋,đỗ Tiến sĩ khoa thi năm Mậu Tuất (1898) tức năm Quang Tự 23. Bác trai và chú ông đều đỗ Tú tài. Cha ông giữ nhiều chức vụ và từng làm Tri huyện ở Sùng Dương 崇陽, tỉnh Hồ Bắc 湖北. Mẹ ông tên Ngô Thanh Chi 吳清芝, tự Tĩnh Nghi 靜宜, thạo văn chương, rộng kiến thức, đảm việc nhà; từng làm Giám học ở trường nữ Đoan Bản 端本 tại Đường Hà.

Lúc bình sinh, Phùng Hữu Lan yêu quý nhất ba người phụ nữ: mẹ, vợ, và con gái. Đối với mẹ, ông rất hiếu kính và vô cùng khâm phục. Ông từng viết: «*Mẹ tôi là người mà trọn đời tôi kính phục nhất, cũng là người gieo nhiều ảnh hưởng cho tôi nhất.*»[1] Do đó có thể hiểu vì sao ông lấy tên tự là Chi Sinh (mẹ ông tên Ngô Thanh Chi). Tại Trung Quốc cuối thế kỷ XIX đầu thế kỷ XX, một phụ nữ có học vấn uyên bác như bà thật là hiếm. Ngay từ lúc còn bé thơ ông đã được mẹ dạy kinh điển Nho giáo. Khi Phùng Hữu Lan lên 13 tuổi, cha ông do bệnh mà mất; mẹ ông vừa là từ mẫu vừa đóng vai nghiêm phụ nuôi dạy anh em ông thành tài. Em trai ông là Phùng Cảnh Lan 馮景蘭, một nhà địa chất, và em gái ông là Phùng Nguyên Quân 馮沅君, một nữ tác gia và cũng là một nhà nghiên cứu về văn học cổ điển.

Trường hợp Phùng Hữu Lan khiến người ta liên tưởng Hồ Thích 胡適 (1891-1962).[2] Cả hai đại học giả này đều thuộc dòng dõi nhà quan, thế gia sĩ tộc, đều sớm mồ côi cha – Phùng Hữu Lan mồ côi lúc 13 tuổi, Hồ Thích mồ côi lúc vừa lên 4 – và chịu ảnh hưởng của mẹ rất sâu đậm theo hai cách khác nhau. Mẹ của Hồ Thích họ Phùng, cha ông là Hồ Thiết Hoa, sau hai năm kết hôn đãsinh ra ông. Cha Hồ Thích từng làm quan nhiều nơi như Đông Tam Tỉnh, Quảng Đông, v.v... cuối cùng là làm Tri châu của châu Trực Lệ ở Đài Đông (thuộc Đài Loan). Trong hồi ức

[1] *Tam Tùng Đường toàn tập*, quyển I, tr.112.

[2] Hồ Thích tự là Thích Chi, quê ở Tích Khê tỉnh An Huy. Ông sinh năm Quang Tự 17 (tức 1891). Năm Tuyên Thống thứ hai (1910), ông được Đại học Thanh Hoa tuyển đi du học tại Mỹ, đỗ cử nhân triết học năm 1915 tại Đại học Cornell và Tiến sĩ triết học năm 1917 tại Đại học Columbia. Ông là học trò của triết gia John Dewey. Trên 30 năm ông là Tiến sĩ danh dự của Trung Quốc. Năm Dân Quốc thứ 6 (1917) ông trở về Trung Quốc giảng dạy tại Quốc Lập Bắc Kinh Đại Học. Năm Dân Quốc thứ 8, ông viết bài Văn học cải lương xô nghị (Bàn về cải cách văn học) trên tạp chí Tân Thanh Niên (do Trần Độc Tú sáng lập). Trần Độc Tú là một lĩnh tụ buổi đầu của Đảng Cộng Sản Trung Quốc (thành lập 1921). Hồ Thích đề xướng việc sử dụng văn bạch thoại (là văn nói bình dân thường ngày) thay thế cho thể văn cổ điển là văn ngôn. Bài báo này gây chấn động dư luận, từ đó phong trào Tân Văn Học phát động, đưa đến cuộc cách mạng văn học Bốn tháng Năm (Ngũ tứ vận động 1919). Kết quả, Bộ Giáo Dục chấp nhận việc dạy bạch thoại trong các trường học kể từ 1920. Năm 1931 ông là Viện trưởng Bắc Đại Văn Học Viện (viện văn học thuộc Đại học Bắc Kinh). Thời kháng Nhật, ông làm đại sứ Trung Quốc tại Mỹ. Sau thời kháng Nhật, ông làm Hiệu trưởng Đại học Bắc Kinh. Năm 1948 ông sang Mỹ dạy học tại Đại học Cornell và đồng thời làm Chủ nhiệm khoa Trung Văn của Đại học này. Năm 1958 ông qua Đài Loan làm Viện trưởng Trung Ương Nghiên Cứu Viện và qua đời tại nhiệm sở này ngày 24 tháng hai năm 1962. Ông trứ tác rất nhiều. Tác phẩm chính có *Trung Quốc Triết Học Sử Đại Cương, Bạch Thoại Văn Học Sử, Hồ Thích Văn Tồn, Hồ Thích Luận Học Cận Trứ*, v.v...

của mình, ông kể lại những năm tháng ngắn ngủi được mẹ dạy dỗ sau khi cha đã mất. Lúc đó, mẹ ông mới 23 tuổi: «*Được mẹ thương yêu dạy dỗ nghiêm khắc trong 9 năm, tôi chịu ảnh hưởng rất sâu đậm của mẹ. Khi tôi 14 tuổi (thực ra là 12 tuổi 3 tháng) đã phải rời mẹ đi học xa hơn 20 năm mà không ai quản thúc. Nếu tôi học tập được mảy may tính chất tốt đẹp nào, nếu tôi học tập được thái độ ôn hoà trong cư xử với tha nhân, nếu tôi có thể khoan dung thứ tha được người khác, thì tất cả là nhờ ở mẹ hiền của tôi mà có.*»[3] Sự khác biệt giữa hai bà từ mẫu ở chỗ: mẹ của Phùng Hữu Lan là phụ nữ trí thức, học vấn uyên thâm, tinh thông Nho học; còn mẹ Hồ Thích là phụ nữ ít học, lúc lập gia đình còn chưa biết chữ. Trong hồi ức Hồ Thích viết: «*Sau khi kết hôn không lâu, cha tôi đưa mẹ tôi đến chung sống tại Thượng Hải, giúp mẹ tôi thoát cảnh khổ sở của một đại gia đình. Cha rất yêu mẹ. Dù bận bịu trăm công ngàn việc, nhưng cha vẫn dành thời giờ để dạy mẹ tôi nhận biết mặt chữ Hán. Những năm ấy gia đình cực kỳ hạnh phúc. Thuở thơ ấu, tôi rất được cha yêu thương chiều chuộng. Khi tôi chưa đầy ba tuổi, cha tôi lấy những tờ giấy hồng điều có viết chữ Hán mà cha đã từng dạy cho mẹ đem ra dạy lại cho tôi. Cha là thầy giáo của tôi và mẹ tôi đứng bên cạnh làm phụ giảng. Khi tôi học chữ mới thì mẹ cũng có dịp ôn lại những chữ mẹ đã học. Lúc cha quá bận rộn thì mẹ thay cha dạy chữ cho tôi.*»[4] Nhờ sự giáo dục nghiêm khắc về đạo đức và nhân cách từ bà mẹ ấy mà về sau Hồ Thích trở thành một học giả danh tiếng.

Trở lại với Phùng Hữu Lan, ngoài mẹ, còn hai người phụ nữ nữa mà ông rất mực yêu quý đó là vợ và con gái. Vợ ông là nữ sĩ Nhiệm Tải Khôn 任載坤, tự là Thúc Minh 叔明, thành thân với ông năm 22 tuổi (nhỏ hơn ông một tuổi). Hưởng ứng phong trào Ngũ Tứ, bà cùng với ông sáng lập tạp chí *Tâm Thanh* 心聲 (tiếng lòng). Bà vừa là đồng chí, vừa là nội tướng; chăm sóc và cùng vui hưởng hạnh phúc cũng như sẻ chia hoạn nạn với ông suốt 60 năm. Khi ông lâm đại nạn trong Đại Cách Mạng Văn Hoá (Văn Hoá Đại Cách Mệnh 文化大革命, gọi tắt là Văn Cách), do quá thương tâm bà đã lâm trọng bệnh vàra đi trước ông 13 năm. Trong cảnh chiều tàn bóng xế, bệnh hoạn và hiu quạnh nơi Tam

---

[3] Xem bài *Ngã Đích Mẫu Thân* của Hồ Thích, in trong tuyển tập *Danh Gia Trữ Tình Văn Tuyển*, Đài Bắc, 1962, tr.85.

[4] Sách đã dẫn.

Tùng Đường[5] 三松堂 thuộc vườn Yến Nam 燕南 của Đại học Bắc Kinh, ông chỉ còn chút niềm ủi an nơi người con gái hiếu thảo tên là Chung Phác 鐘璞 hết lòng chăm nom phụng dưỡng. Tiếp nối truyền thống nữ sĩ của gia đình, Chung Phát là một tác gia với bút danh Tông Phác 宗璞.

Phùng Hữu Lan lúc vãn niên
và ái nữ (Tông Phác)

*

Cuộc đời Phùng Hữu Lan có thể tạm chia làm ba thời kỳ:

(1) *Thời kỳ tự hiện thực hoá bản thân* (self-actualization): từ lúc thơ ấu, học tập đến khi trở thành Tiến sĩ Đại học Columbia, về nước giảng dạy và trứ tác đến 1948.

(2) *Thời kỳ tự phủ nhận*: từ 1949 đến khi Văn Cách kết thúc (1976). Thời này ông buộc phải tự phủ nhận mình, phủ nhận các tác phẩm đã viết; và bị bức hại trong Văn Cách (1966-1976).

(3) *Thời kỳ trở về bản ngã*: từ 1977 cho đến khi mất (1990). Sau khi Văn Cách kết thúc, ông mới tự do viết lách và nghiên cứu theo ý riêng của mình; vì thế gọi là trở về bản ngã (*hồi quy tự ngã* 回歸自我).

Sự phân kỳ này chỉ có tính tượng trưng để tiện theo dõi, thực tế

---

5 Ông sống nơi đây hơn 30 năm, trước nhà có ba cây tùng, nên gọi Tam Tùng Đường, do đó các trứ tác của ông gom vào một bộ cũng lấy tên này (*Tam Tùng Đường toàn tập*). Cuối đời, ông viết câu đối: «Tâm hoài tứ hoá, ý ký Tam Tùng.心懷四化意寄三松 (Hoài bão giáo hoá bốn phương, ý tưởng gởi vào Tam Tùng).

không hoàn toàn chính xác như vậy.

Thời kỳ tự hiện thực hoá bản thân (1895-1948)

Khi vừa lên 6 tuổi, Phùng Hữu Lan học tư thục. Theo nếp cũ, ông học qua các sách *Tam Tự Kinh, Tứ Thư, Thi Kinh,* và *Địa Cầu Vận Ngôn* (môn địa lý phổ thông soạn bằng văn vần). Năm 9 tuổi, ông theo mẹ đến nhiệm sở của cha tại Vũ Xương 武昌 (bấy giờ cha ông dạy ở Phương Ngôn Học Đường 方言學堂). Ở đây, mẹ ông dạy ông *Thư Kinh, Dịch Kinh, Tả Truyện, Lễ Ký*; còn cha ông dạy các môn lịch sử và địa lý (do cha ông tự biên soạn).

Năm 1912, ông nhập học lớp dự bị của Đại học Trung Quốc Công Học ở Thượng Hải 上海中國公學大學. Năm 1915, ông học Văn khoa (môn triết học Trung Quốc) tại Đại học Bắc Kinh và tốt nghiệp năm 1918. Năm 1919, ông sang Mỹ du học ở Đại học Columbia.

Mùa hè năm 1923, ông đệ trình tại Đại học Columbia luận văn Tiến sĩ nhan đề: *Nhân sinh lý tưởng chi tỉ giảo nghiên cứu* 人生理想之比較研究 (Nghiên cứu so sánh lý tưởng đời người) còn có tên là *Thiên nhân tổn ích luận* 天人損益論 (Luận về sự tổn hại và lợi ích giữa trời với người); ông đã bảo vệ thành công, và được công nhận học vị Tiến sĩ triết học (Ph.D.) năm 1924. cùng năm, luận văn này với nguyên tựa là *A Comparative Study of Life Ideals* được Thương Vụ Ấn Thư Quán xuất bản.

Ông về nước vào mùa thu năm 1924. Sau đó, ông bắt đầu giảng dạy ở Đại học Trung Châu (1924), Đại học Quảng Đông, Đại học Yên Kinh (1926), Đại học Thanh Hoa. Ở Đại học Thanh Hoa, ông làm Chủ nhiệm hệ Triết học kiêm Viện trưởng Viện Văn học. (Ông làm Chủ tịch Ban Thường Vụ của Đại học Thanh Hoa, từ tháng 12-1948 đến tháng 5-1949).

Cũng từ 1924, dựa theo phương hướng của luận văn *Thiên nhân tổn ích luận*, ông viết *Nhất chủng nhân sinh quan* 一種人生觀 (Một quan niệm về đời người). Cũng năm 1924, ông viết lại thành quyển *Nhân sinh triết học* 人生哲學 (Triết học về đời người) để làm tài liệu giáo khoa cho học sinh trung học. Trong sách này, ông xác lập một niềm tin triết học theo chủ nghĩa hiện thực mới (Tân thực tại chủ nghĩa 新實在主義) và kết hợp Lý Học 理學 của Trình-Chu với chủ nghĩa hiện thực mới.

Trong thời gian giảng dạy triết học tại Đại học Yên Kinh , ông hoàn tất bộ *Trung Quốc Triết học sử* 中國哲學史 (quyển I năm 1931, quyển II năm 1934). Bộ sách này sau đó trở thành sách giáo khoa bậc đại học, như

là một cống hiến trọng đại trong việc xây dựng bộ môn khoa học về lịch sử triết học Trung Quốc. Derk Bodde, học trò ông, lần lượt dịch bộ triết sử nói trên sang Anh ngữ và xuất bản.[6]

Từ 1939 đến 1946, ông liên tiếp xuất bản một bộ sách sáu quyển, gọi là «*Trinh Nguyên Lục Thư*» 貞元六書, gồm: *Tân Lý Học* 新理學 (1937), *Tân Thế Huấn* 新世訓 (1940), *Tân Sự Luận* 新事論 (1940), *Tân Nguyên Nhân* 新原人 (1942), *Tân Nguyên Đạo* 新原道 (1945), và *Tân Tri Ngôn* 新知言 (1946). Phùng Hữu Lan sáng lập hệ thống tư tưởng Lý Học mới, khiến ông trở thành một triết gia của Trung Quốc hiện đại có ảnh hưởng rất lớn.

Năm 1948, ông tự viết bằng Anh ngữ quyển *A Short History of Chinese Philosophy* – rút ngắn bộ triết sử (hai quyển) nói trên – và nhờ Derk Bodde biên tập lại, xuất bản cùng năm này.[7]

Trong thời kháng chiến, ông làm Viện trưởng Viện Văn học kiêm Giáo sư hệ Triết học của Tây Nam Liên Đại. Năm 1946, ông sang Mỹ làm Giáo sư thỉnh giảng. Cuối 1948 và đầu 1949, ông làm Chủ tịch Hội nghị Hiệu vụ của Đại học Thanh Hoa. Ông được phong tặng là Tiến sĩ danh dự về văn học của các trường: Đại học Princeton (Mỹ), Đại học Columbia (Mỹ), Đại học Delhi (Ấn Độ). Từ 1952, ông làm Giáo sư hệ Triết học của Đại học Bắc Kinh. Ông từng làm Uỷ viên của Triết học Xã hội Khoa học Bộ (Bộ Triết học và Khoa học Xã hội), thuộc Trung Quốc Xã Khoa Viện (Viện Khoa Học Xã Hội của Trung Quốc).

Thời kỳ tự phủ nhận (1949-1976)

Những năm 1949-1960 là thời kỳ tư tưởng Phùng Hữu Lan chuyển biến lớn. Kể từ năm 1949, ông gác bỏ hệ thống Tân Lý Học của mình qua một bên, rồi nghiên cứu chủ nghĩa Marx và dùng chủ nghĩa này để nghiên cứu lịch sử triết học Trung Quốc. Tháng 8-1950, giới tân trí thức hưởng ứng phong trào phê phán tư tưởng Nho giáo, «*bình Pháp phê Nho*» (phê bình Pháp gia và Nho gia); do đó họ bắt đầu đấu tố Phùng Hữu Lan, phê phán tư tưởng của ông, và ông bắt đầu viết kiểm điểm, tự phê bình, sám hối. Phùng Hữu Lan đã thú nhận rằng, hơn 10 năm sau 1949, những gì ông viết ra đều là sám hối. Sám hối những gì ông đã từng viết trước

---

[6] **Xem lời giới thiệu của Derk Bodde (người biên tập) trong: Fung Yu-Lan, *A Short History of Chinese Philosophy*, Macmillan Company, 1967.**

[7] **Sách đã dẫn ở trên.**

1949 (trong đó có hai bộ *Triết Sử* và *Trinh Nguyên Lục Thư*).[8]

Phùng Hữu Lan trở thành tội nhân ngay buổi đầu của cuộc Văn Cách, tức Đại Cách Mạng Văn Hoá (1966-1976). Đại nạn của Phùng Hữu Lan chính xác bắt đầu từ tháng 6-1966 (bấy giờ ông 71 tuổi). Ông bị đấu tố, phê bình là «kẻ có uy quyền về học thuật phản động của giai cấp tư sản». Ông bị tịch biên tài sản, bị cách ly để thẩm tra, và bị cưỡng bức lao động cải tạo. Tháng 3 năm 1967, Đại học Bắc Kinh thành lập cái gọi là «Trạm liên lạc để phê bình Phùng Hữu Lan» (Phê Phùng liên lạc trạm) đồng thời họ biên soạn và ấn hành một tuyển tập các bài viết phê phán Phùng Hữu Lan. Năm ông 73 tuổi (1968), do có chỉ thị của Mao Trạch Đông, ông được trả về nhà, nhưng tài sản bị tịch biên thì chỉ trả lại có một phần.

Thời kỳ trở về bản ngã (1977-1990)

Văn Cách chấm dứt năm 1976. Trước đó, ông đã xuất bản được hai quyển đầu của bộ *Trung Quốc Triết Học Sử Tân Biên* (do Nhân Dân xuất bản xã ấn hành, quyển I năm 1962 và quyển II năm 1964; rồi tu đính và tái bản quyển I năm 1982 và quyển II năm 1984, cùng nhà xuất bản). Kể từ 1979, ông – bấy giờ 84 tuổi và bệnh tật – tập trung viết cho xong bộ sách 7 quyển (gồm 81 chương) này. Các quyển III, IV, V, và VI của bộ *Tân Biên* lần lượt được Nhân Dân xuất bản xã ấn hành vào các năm 1985, 1986, 1988, 1989. Gắng gượng chống chọi với bệnh tật ở tuổi già để hoàn tất bộ *Tân Biên*, ông thường nói: «Bộ *Tân Biên* chưa xong nên phải gượng uống thuốc trị bệnh; chừng nào viết xong rồi, thì khỏi cần trị bệnh nữa.» Tuổi già mắt kém, suýt loà, ông thường tĩnh toạ, thâm hô hấp.

Quyển VII ông bắt đầu viết năm 1988, vừa viết xong vào tháng 7-1990 thì tháng 9 ông bị viêm hô hấp và phải nhập viện. Ngày 4 tháng 12-1990, ông qua đời tại Bệnh viện Bắc Kinh, thọ 95 tuổi. Trong ba ngày, từ 4 đến 6 tháng 12 này, Bắc Kinh cử hành một hội thảo học thuật quốc tế để nghiên cứu tư tưởng triết học của Phùng Hữu Lan.

Trong Văn Cách, có lúc Phùng Hữu Lan buộc phải viết những điều trái với lòng, cho nên ông lấy câu «*tu từ lập kỳ thành*» 修辭立其誠 của *Kinh Dịch* [9] để tự an ủi, và tâm sự trong lời tựa quyển VII của bộ *Lịch Sử Triết Học Trung Quốc Tân Biên* rằng: «Nếu có người không cho [những điều tôi viết] là đúng, và do đó [sách này] không xuất bản được,

---

[8] *Tam Tùng Đường*, quyển I, tr.261.

[9] Về hình thức thì sửa chữa lời lẽ cho tinh xác, về nội dung thì lấy sự thành thực để giảng giải. (Quẻ Càn, Văn Ngôn, hào Cửu tam)

thì tôi sẽ là Vương Thuyền Sơn vậy.»[10] Nhưng thực tế, ông đã không trở thành Vương Thuyền Sơn. Trứ tác của ông đã được xuất bản hết. Còn quyển VII của bộ *Tân Biên* vốn được xem là một tác phẩm độc lập, bao quát triết học Trung Quốc hiện đại, cho nên đã được xuất bản riêng biệt với nhan đề là *Trung Quốc Hiện Đại Triết Học Sử* (Trung Hoa Thư Cục, Hương Cảng, 1992, và Quảng Đông Nhân Dân xuất bản xã, 1999).

*

Phùng Hữu Lan từng viết:

> **«Hoạt động học thuật của tôi có hai mặt: Một mặt là triết học, và một mặt là lịch sử triết học Trung Quốc. Trong đó cái chính là triết học còn cái phụ là lịch sử triết học Trung Quốc.»**[11]

Nói thế, tức ông tự nhận mình vừa là triết gia, vừa là sử gia về triết học Trung Quốc. Hệ thống triết học của ông – hiện nay được gọi là «Phùng học» 馮學 – được trình bày qua bộ *Trinh Nguyên Lục Thư*. Học thuật của ông tóm trong câu đối ông viết: «*Tam Sử luận cổ kim, Lục Thư kỷ Trinh Nguyên.*» 三史論古今六書紀貞元.

Tam Sử (ba bộ sử: *Trung Quốc Triết Học Sử, Trung Quốc Triết Học Giản Sử*, và *Trung Quốc Triết Học Sử Tân Biên*) là cống hiến của ông về phương diện triết học sử. Bộ đầu tiên được Derk Bodde dịch sang Anh ngữ, bộ *Giản Sử* được Đồ Hựu Quang 涂又光 dịch Anh-Hán; theo Internet, bộ *Tân Biên* được Tiến sĩ Lauren Pfister dịch (bản thảo dịch sang Anh ngữ hoàn tất năm 1999, hiệu đính năm 2000, đang chờ xuất bản).

Từ những năm 1930, Phùng Hữu Lan chủ trương «thích cổ» 釋古 (giải thích xưa), khác với chủ trương «tín cổ» 信古 (tin xưa) hoặc «nghi cổ» 疑古 (hoài nghi xưa). Chủ trương «thích cổ» Hồ Thích và Cố Hiệt Cương cũng đề xướng vào những năm 1920-1930, nhưng tư trào này chỉ thịnh hành một thời. Năm 1935, Phùng Hữu Lan tổng kết:

> ***«Xu thế nghiên cứu lịch sử của Trung Quốc gần đây dựa theo quan điểm nghiên cứu có thể phân làm ba phái: (1) tín cổ, (2) nghi cổ và (3) thích cổ. Phái tín cổ tin tưởng mù quáng vào sách xưa, cho những điều chép trong sách xưa đều đúng***

---

[10] **Vương Thuyền Sơn tức là Vương Phu Chi (1619-1692), sống giữa đời Minh và đời Thanh. Ông dấy binh phản Thanh phục Minh; nhưng không thành, ông bèn ẩn cư trong núi Thạch Thuyền Sơn, do đó mà người đời gọi ông là Vương Thuyền Sơn. Ông thông thiên văn, lịch số, kinh sử, địa lý, trứ tác rất nhiều, nhất là về Dịch học. Mấy trăm năm sau khi ông mất, người đời mới sưu tập tác phẩm của ông thành *Thuyền Sơn Di Tập*, gồm 324 quyển, bao quát 70 chủ đề.**

[11] **Lời tựa của *Phùng Hữu Lan Học Thuật Luận Tứ Tự Tuyển Tập*.**

cả, không chút hoài nghi, hoàn toàn thiếu tinh thần phê phán. Việc thẩm tra sử liệu của phái nghi cổ không phải không có đóng góp đối với sử học, nhưng họ cho rằng sách xưa đa số là không đáng tin, thậm chí mạt sát cả thảy. Đó là sở đoản của họ. Phái thích cổ khá khoa học. Họ tuy không tin hết sách xưa nhưng cũng không vất bỏ tất cả. Họ cho rằng tuy truyền thuyết không thể đáng tin hết nhưng chúng ta có thể nhân đó mà nhìn ra chân tướng một phần nào của xã hội cổ đại. Công phu của người thuộc phái nghi cổ là thẩm tra sử liệu còn công việc của người thuộc phái thích cổ là dung hợp quán thông sử liệu. [...] Phải trải qua hai giai đoạn thẩm tra sử liệu và dung hợp quán thông thì [bộ sách] lịch sử mới có thể hoàn thành. [...] Do quan điểm đó mà xét, cho dù nghi cổ hay thích cổ, chúng đều quan trọng với sử học của Trung Quốc.»[12] *«Sự nghiên cứu văn hoá cổ đại của học giả đời Thanh là tín cổ, đòi hỏi tuân theo gia pháp. Các học giả từ sau phong trào Ngũ Tứ đều là nghi cổ, họ muốn đánh giá lại các giá trị, thích tạo các học án. Chúng tôi chọn quan điểm thứ ba, tức thích cổ; và muốn cố gắng đưa ra sự giải thích hợp lý và phù hợp tình huống đương thời. Kiến giải và quan điểm của các nhà nghiên cứu cho dù có thể có chỗ bất đồng nhưng đối với một hiện tượng lịch sử nào đó họ đều phải tìm cho ra nguyên nhân của xã hội và thời đại dẫn đến hiện tượng như vậy, giải thích tại sao lại như thế.»*[13]

Tam Sử của Phùng Hữu Lan chính là theo chủ trương thích cổ. Chủ trương này có ý nghĩa quan trọng trong việc nghiên cứu sử học hiện nay, và ngày càng được các học giả coi trọng.

Bộ *Trinh Nguyên Lục Thư* là cống hiến của ông về phương diện triết học, gồm: ① *Tân Lý Học* 新理學, ② *Tân Sự Luận* 新事論, ③ *Tân Thế Huấn* 新世訓, ④ *Tân Nguyên Nhân* 新原人), ⑤ *Tân Nguyên Đạo* 新原道 (tức *Trung Quốc Triết Học Chi Tinh Thần* 中國哲學之精神, được E.R. Hughes dịch sang Anh ngữ: *The Spirit of Chinese Philosophy [Tinh thần của Triết học Trung Quốc]*, London, 1947), và ⑥ *Tân Tri Ngôn* 新知言.

Tân Lý Học là đại cương của *Lục Thư*, phát huy Lý Học của Chu Hi, giải thích các khái niệm: Lý, Khí, Đạo Thể, và Đại Toàn. *Tân Sự Luận* – cũng gọi là «Con đường dẫn đến tự do của Trung Quốc» – trình bày quan điểm xã hội của ông, tức là vận dụng Tân Lý Học vào xã hội. Dựa theo sử quan duy vật, ông cho rằng loại hình cơ bản của xã hội con người là «cộng tướng» 共相 (dạng chung, tính chất chung) còn đặc tính khác nhau của các dân tộc là «thù tướng» 殊相 (dạng riêng, tính chất riêng). Mỗi quốc gia đều có thể chuyển hoá từ một loại hình xã hội này sang một loại hình xã hội khác, đó là vì trong cái «thù tướng» có cái «cộng

---

[12] *Trung Quốc Cận Niên Nghiên Cứu Sử Học Chi Tân Xu Thế*, in trong *Tam Tùng Đường* quyển 11, tr. 281, 359.

[13] Dẫn theo Vương Dao, *Ngã Đích Hân Ủy Dữ Kỳ Đãi*, đăng trong *Văn Nghệ Báo*, 6-12-1988.

tưởng». *Tân Thế Huấn* luận về phương pháp sinh sống và tu dưỡng đạo đức, chủ yếu là chọn lọc các phương pháp sinh sống và tu dưỡng đạo đức theo truyền thống nhưng vẫn có ý nghĩa nhất định đối với xã hội hiện đại. *Tân Nguyên Nhân* là triết học về nhân sinh, luận về kiếp người và bốn cảnh giới của nó: ① *Cảnh giới tự nhiên* (con người sống theo bản tính hay tập quán tự nhiên), ② *Cảnh giới công lợi* (con người sống vì lợi ích cá nhân, vụ lợi riêng cho mình), ③ *Cảnh giới đạo đức* (con người sống vì lợi ích của tha nhân, của cộng đồng), và ④ *Cảnh giới thiên địa* (con người hiểu được ý nghĩa của con người đối với vũ trụ, biết sống hợp nhất với vũ trụ). Công dụng của triết học là giúp con người chuyển hoá từ hai cảnh giới trước sang hai cảnh giới sau, tức là nhằm sống đạo đức và hợp nhất với trời đất. *Tân Nguyên Đạo* luận về tinh thần của triết học Trung Quốc, trình bày sự tiến triển của các dòng chủ lưu của triết học Trung Quốc, phê bình những mặt được mất, và nhấn mạnh địa vị của Tân Lý Học trong lịch sử triết học Trung Quốc. *Tân Tri Ngôn* trình bày phương pháp luận của ông, đồng thời tổng kết kinh nghiệm của lịch sử triết học Trung Quốc và phương Tây. *Lục Thư* tạo thành một hệ thống triết học hoàn chỉnh mà ông đặt tên chung là Tân Lý Học, tức «Phùng học» 馮學 (triết học Phùng Hữu Lan).

Tháng 12-2000, nhân kỷ niệm lễ *minh thọ* 冥壽 thứ 105 (tức 10 năm sau ngày mất) của ông, hệ Triết học của Đại học Bắc Kinh (nơi đã từng đấu tố ông) và của Đại học Thanh Hoa, Sở Triết học thuộc Viện Khoa học Xã hội, Quốc tế Nho Liên, Nhà xuất bản Đại học Bắc Kinh, v.v... đã thành lập Hội Nghiên cứu Phùng Học, Hội trưởng là Chu Bá Côn.[14] Phùng học thực chất là Nho học hiện đại, là cách tân Lý Học của Chu Hi. Thuở sinh tiền, ông đề cao đạo Trung Dung – tinh hoa của Nho giáo – với hoài bão của mình qua câu đối: «*Xiển cựu bang dĩ phụ tân mệnh, cực cao minh nhi đạo Trung Dung.*» 闡舊邦以輔新命，極高明而道中庸 (Làm rõ [học thuật] của nước xưa để giúp vận mệnh mới; đạt đến chỗ tối cao minh mà giảng về Trung Dung.)

*

Hoàn tất *Tam Sử Lục Thư*, hẳn ông đã mãn nguyện. Ông viết rằng: «*Hai mươi năm trời gắng sức với bộ Trung Quốc Triết Học Sử Tân Biên, quyển VII giờ đã hoàn tất. Hồi tưởng lại hai mươi năm ấy*

[14] Theo *Nhân Dân Nhật Báo*, hải ngoại bản, số báo ngày 27-12-2000.

lòng tôi không khỏi ngậm ngùi cảm khái. Năm 1977, bà Nhiệm Tải Khôn nhà tôi qua đời, tôi có viết câu đối: "Đồng vinh nhục, cộng an nguy, xuất nhập tương phù trì, bích lạc hoàng tuyền, quân tiên khứ; Trảm danh quan, phá lợi sách, phủ ngưỡng vô quý tạc, hải khoát thiên không ngã tự phi." 同榮辱共安危出入相扶持碧落黃泉君先去; 斬名關破利索俯仰無愧怍海闊天空我自飛 (Cùng vinh quang và nhục nhã, chung yên bình và nguy khốn, ra vào nâng đỡ nhau, nàng như ngọc biếc đã rơi xuống suối vàng mà đi trước ta; ta chặt phá nát ràng buộc của lợi danh, ngước lên không thẹn với trời, cúi xuống không hổ với người, biển rộng trời cao ta vút bay.) *Bấy giờ tôi đã bắt đầu thấy danh lợi chỉ là những ràng buộc, biết "ngã tự phi" (ta tự bay) mới là tự do. Sau khi viết xong chương 81 của bộ Tân Biên, tôi mới cảm nhận được sự tự do vút bay nơi biển rộng trời cao.*»[15]

Một kiếp người, một đời học thuật, trải dài non một thế kỷ, đầy bi-hoan-vinh-nhục, giờ quả thực ông đã tự do thoát vòng danh lợi rồi. Ông đã di tặng hậu nhân một học thuyết Nho giáo mới, đã tiên phong đắp nền cho ngành lịch sử triết học Trung Quốc, và đã góp phần đào tạo một thế hệ học giả ưu tú kế thừa. Sự đã thành, ông như cánh huyền hạc rời bỏ trần gian tục lụy, bay vút vào khoảng trời mênh mông vô tận, tiêu dao du trong cõi vô cùng: «*Biển rộng trời cao ta vút bay.*»

LÊ ANH MINH (tháng 9-2003)

---

[15] **Phùng Hữu Lan, *Trung Quốc Hiện Đại Triết Học Sử*, Quảng Đông Nhân Dân xuất bản xã, Quảng Đông, 1999.**

Tư liệu tham khảo chính

1. Thái Trọng Đức, *Phùng Hữu Lan Tiên sinh bình truyện*, in trong: Phùng Hữu Lan, *Trung Quốc Hiện đại Triết học sử*, Quảng Đông Nhân Dân xuất bản xã, Quảng Đông, 1999.
2. Trần Lai, *Phùng Hữu Lan Tiên sinh tiểu truyện*, in trong: Lưu Mộng Khê (chủ biên), *Phùng Hữu Lan quyển*, quyển thượng, Hà Bắc Giáo Dục xuất bản xã, 1996.
3. *Phùng Hữu Lan tiên sinh học thuật niên biểu*, in trong: Lưu Mộng Khê (chủ biên), *Phùng Hữu Lan quyển*, quyển hạ, Hà Bắc Giáo dục xuất bản xã, 1996.
4. Phùng Hữu Lan, *Trung Quốc Hiện đại Triết học sử*, Trung Hoa Thư Cục, Hương Cảng, 1992.
5. Phùng Hữu Lan, *Trung Quốc Hiện đại Triết học sử*, Quảng Đông Nhân Dân xuất bản xã, Quảng Đông, 1999.
6. Fung Yu-Lan, *A Short History of Chinese Philosophy*, Macmillan Company, 1967.
7. Vương Vĩ Doanh, *Lịch sử học gia Trần Dần Khác dữ triết học gia Phùng Hữu Lan*, in trong: *Mỗi Nhật Văn Báo*, được trích đăng báo điện tử *Nhân dân Nhật báo Hải ngoại bản*, số 11, ngày 10-03-2003.
   http://www.booker.com.cn/big5/paper23/53/class002300001/hwz230941.htm
8. Tản Thù, *Phùng Hữu Lan cập kỳ Tân Lý Học thể hệ*,
   http://www.confucius2000.com/big5/confucian/fengyoulan.htm

---

THỜI ĐẠI TỬ HỌC

CHƯƠNG 1
MỞ ĐẦU

1. Nội dung của triết học

Triết học vốn là một danh từ của Tây phương. Nay muốn nói đến lịch sử triết học Trung Quốc thì một trong các việc chủ yếu là ta phải tuyển chọn trong các môn học vấn trong lịch sử Trung Quốc để trình bày cái mà Tây phương gọi là triết học. Trong công việc này, trước tiên ta phải hiểu rõ ý nghĩa của danh từ triết học của Tây phương.

Tại Tây phương, danh từ triết học đã có lịch sử rất lâu đời. Đối với danh từ này, các triết học gia cũng có nhiều định nghĩa khác nhau. Để bắt đầu xem xét cho dễ dàng, tôi trình bày trước tiên cái nội dung của triết học theo nhận thức phổ thông của nhiều người. Hễ biết nội dung của nó (tức là biết được triết học là cái gì), thì cái định nghĩa chính thức của danh từ triết học cũng không cần đưa ra nữa.

Đa số các triết học gia Hi Lạp đã phân chia triết học thành ba bộ phận:

– *Vật lý học* 物理學 (physics),

– *Luân lý học* 倫理學 (ethics),

– *Luận lý học* 論理學 (logic).

Phạm vi của ba bộ phận này khá rộng so với phạm vi của chúng hiện nay. Theo thuật ngữ hiện nay, triết học bao hàm ba bộ phận lớn:

– *Vũ trụ luận* 宇宙論 với mục đích tìm kiếm lý thuyết về thế giới (a theory of world),

– *Nhân sinh luận* 人生論 với mục đích tìm kiếm lý thuyết về nhân sinh (a theory of life),

– *Tri thức luận* 知識論 với mục đích tìm kiếm lý thuyết về tri thức (a theory of knowledge).

Cách phân chia này đã lưu hành phổ biến kể từ Plato cho đến nay. Nội dung của triết học đại khái là như vậy.

Vũ trụ luận có thể phân chia thành hai bộ phận:

* Nghiên cứu bản thể của *«sự tồn tại»* và yếu tố *«chân thực»*. Môn nghiên cứu này gọi là *Bản thể luận* 本體論 (ontology)

* Nghiên cứu sự phát sinh ra thế giới và lịch sử của nó. Môn nghiên cứu này gọi là *Vũ trụ luận* 宇宙論 (cosmology).

Nhân sinh luận cũng phân chia thành hai bộ phận:

* Nghiên cứu cái mục đích tối hậu của con người là gì. Nó là đối tượng khảo cứu của *Tâm lý học* 心理學.

* Nghiên cứu rốt cuộc con người phải như thế nào. Nó là đối tượng khảo cứu của *Luân lý học* 倫理學 (theo nghĩa hẹp), Triết học về chính trị và xã hội, v.v...

Tri thức luận cũng phân chia thành hai bộ phận:

* Nghiên cứu tính chất của tri thức, tức là *Tri thức luận* 知識論 (epistemology) theo nghĩa hẹp.

* Nghiên cứu qui phạm của tri thức, tức là *Luận lý học* 論理學 (theo nghĩa hẹp).

Trong ba bộ phận – Vũ trụ luận, Nhân sinh luận, và Tri thức luận – thì *Vũ trụ luận* và *Nhân sinh luận* có quan hệ mật thiết, không thể tách rời nhau. Nhân sinh luận của một triết học căn cứ vào Vũ trụ luận của nó. Thí dụ như thiên Dương Chu trong *Liệt Tử* cho rằng vũ trụ là vật chất, là mù quáng và cơ giới, cho nên nhân sinh không thể hi vọng gì khác ngoài việc hưởng lạc trước mắt. Phái Epicure ở Tây phương cũng có tiền đề tương tự nên cũng có phán đoán giống như thế. Trong các triết gia, có người đem Tri thức luận mà chứng minh thành Vũ trụ luận (như Berkeley, Kant, tức là phái duy tâm của tri thức luận [epistemological idealism].) Tướng tông 相宗 trong Phật giáo). Có người do nghiên cứu con

người mà liên hệ tới vấn đề tri thức, như Locke và Hume. Do đó các bộ phận trong triết học đều có tương quan nhau.[1]

2. Phương pháp triết học

Gần đây có người nói rằng phương pháp nghiên cứu triết học khác với phương pháp nghiên cứu khoa học. Phương pháp nghiên cứu khoa học là logic, là lý trí. Phương pháp triết học là trực giác, là phản lý trí. Thực ra những gì gọi là trực giác, đốn ngộ, kinh nghiệm thần bí, v.v... tuy có giá trị rất cao nhưng không nhất thiết phải gộp chúng lẫn vào phương pháp triết học. Cho dù là triết học hay khoa học thì chúng đều nhằm nói ra hay viết ra được lý lẽ và đều lấy thái độ lý trí nghiêm túc mà thể hiện nó. Hễ viết sách hay lập thuyết thì ai cũng thế. Cho nên cảnh giới tối cao của Phật gia tuy «không thể nói» (bất khả thuyết) nhưng phải đợi chứng ngộ mới có; và cái bất khả thuyết đó không phải là triết học. Phật gia lấy thái độ lý trí nghiêm túc để nói ra lý lẽ. Cho nên nếu nói lấy trực giác làm phương pháp mà ta sẽ có được kinh nghiệm thần bí, thì điều ấy có thể được. (Cái kinh nghiệm này có phù hợp với «thực tại» hay không lại là vấn đề khác). Nếu nói lấy trực giác làm phương pháp mà ta sẽ có được một thứ triết học, thì điều ấy không thể được. Nói cách khác, trực giác có thể giúp ta có một kinh nghiệm chứ không thể giúp ta tạo nên lý lẽ. Bản thân của kinh nghiệm thì không đúng hay sai; còn lý lẽ là một thứ phán đoán, nên phải hợp logic. Mục đích của các học thuyết đều không nhắm vào sự tường thuật kinh nghiệm mà nhắm vào sự tạo nên lý lẽ. Cho nên phương pháp của chúng phải hợp logic, phải khoa học. Gần đây nhiều người do không hiểu duyên cớ đó mà tranh luận rất nhiều về phương pháp khoa học. Thật ra, cái gọi là phương pháp khoa học vốn là phương pháp tư duy thông thường của chúng ta, nhưng kỹ lưỡng và tinh xác hơn. Cho nên những ai phản đối phương pháp khoa học và logic thì lời lẽ của họ cũng vẫn dựa theo phương pháp khoa học và logic. Do đó, tuy chúng ta thừa nhận giá trị của trực giác nhưng lại không thừa nhận nó là phương pháp triết học. Phương pháp khoa học tức là phương pháp triết học. So với phương pháp tư duy thông thường của chúng ta thì chúng cùng một loại, nhưng khác nhau về mức độ cao thấp mà thôi.

---

[1] W.P. Montague cũng chia triết học thành ba bộ phận: Phương pháp luận 方法論, Hình thượng học 形上學, và Giá trị luận 價值論. Phương pháp luận là Tri thức luận đã nói trên; Hình thượng học tức là Vũ trụ luận đã nói trên. Mỗi bộ phận này đều có hai phần như trên. Giá trị luận cũng chia làm hai phần: (a) Luân lý học 倫理學: nghiên cứu tính chất của cái thiện và cách ứng dụng nó vào hành vi. (b) Mỹ học 美學: nghiên cứu tính chất của cái đẹp (mỹ) và cách ứng dụng nó vào nghệ thuật. (xem: W.P. Montague, *The Ways of Knowing*, tr.1)

3. Tầm quan trọng của luận chứng trong triết học

Nói theo logic, một hệ triết học gồm hai phần: (a) phán đoán sau cùng, và (b) cơ sở để đạt được phán đoán đó, tức là tiền đề của phán đoán đó. Phán đoán triết học tất nhiên phải đúng. Nhưng có một phán đoán đúng cũng chưa phải là đủ. Đối với vũ trụ nhân sinh, vấn đề có hay không thần linh và linh hồn thì phần đông chúng ta đều có kiến giải, đôi khi kiến giải của họ cũng giống như của các triết học gia chuyên môn. Nhưng kiến giải của người thường là do truyền thuyết hoặc trực giác mà có. Người thường chỉ biết và có kiến giải của họ chứ không thể dùng lý luận để thuyết minh tại sao lại có kiến giải như thế. Các triết học gia chuyên môn thì khác. Họ không những biết và có kiến giải mà còn có thể thuyết minh tại sao có kiến giải như thế. Họ không những có phán đoán mà còn có tiền đề của phán đoán đó. Thí dụ, người thường thì *nhảy đến* kiến giải của họ; còn triết học gia chuyên môn thì *đi đến* kiến giải của mình.[2]

Vì vậy, triết học là sản vật của lý trí. Triết học gia muốn thành lập một lý thuyết tất phải dùng luận chứng để chứng minh cái lý thuyết đã thành lập. Cho nên Tuân Tử nói: «Họ tin có cớ, lời nói của họ thành lý.»[3] Mạnh Tử nói: «Ta ham biện luận sao? Ta bất đắc dĩ vậy thôi.»[4] Biện luận tức là dùng luận chứng để công kích điều sai lầm của người khác, chứng minh điều đúng của mình, tức là cái mà các nhà nhân minh 因明家 gọi là «Làm rõ chính, diệt tà» (hiển chính tồi tà 顯正摧邪). Không riêng Mạnh Tử ham biện luận mà ngay đến Trang Tử – với Tề Vật Luận – cũng muốn vượt qua biện luận; thế mà Trang Tử cũng phải hết sức biện luận để chứng minh rằng không biện luận mới là đúng. Cho nên muốn lập một lý thuyết triết học để chủ trương một việc khác xa với thực tế, nếu không muốn biện luận thì cứ im lặng, còn nếu không hết sức biện luận thì không xong. Hễ biện luận thì phải dùng phương pháp logic. Những lời biện luận đó đôi khi sai logic nhưng điều này thuộc về vấn đề trình độ dùng logic có giỏi không chứ không phải đã không dùng logic.

4. Triết học và nghĩa lý học của Trung Quốc

Xem những điều nói trên về nội dung của triết học, ta thấy đối tượng nghiên cứu của triết học Tây phương cũng gần giống như đối tượng

---

[2] William James, *The pluralistic Universe*, trang 13 -14.

[3] *Tuân Tử* 荀子 (Phi Thập Nhị Tử 非十二子): **«Kỳ trì chi hữu cố, kỳ ngôn chi thành lý.»** 其持之有故其言之成理.

[4] *Mạnh Tử* 孟子 (Đằng Văn Công hạ滕文公下): **«Dư khởi háo biện tai? Dư bất đắc dĩ dã.»** 余豈好辯哉余不得已也.

nghiên cứu của cái gọi là Huyền học 玄學 đời Tấn và đời Ngụy, Đạo học 道學 đời Tống và đời Minh, và Nghĩa lý học 義理學 đời Thanh. Nếu vận dụng phép phân chia làm ba của W.P. Montague (xem lại chú thích ở tiết I), ta có thể chia triết học làm: vũ trụ luận, nhân sinh luận, và phương pháp luận. *Luận Ngữ* nói: «Lời của Khổng Tử là nói về tính và thiên đạo.»[5] Câu nói này nêu ra hai phần của đối tượng mà nghĩa lý học nghiên cứu. Phần nghiên cứu Thiên đạo hơi giống vũ trụ luận trong triết học Tây phương. Phần nghiên cứu tính mệnh hơi giống nhân sinh luận trong triết học Tây phương. Chỉ có phương pháp luận trong triết Tây phương là không được bàn luận đến trong thời đại Tử học của lịch sử tư tưởng Trung Quốc, mà từ đời Tống về sau cũng không ai nghiên cứu. Ở một mặt khác, nghĩa lý học cũng có phương pháp luận, tức là cái mà nó thường gọi là «phương pháp để học» (vi học chi phương 爲學之方). Điều khác biệt là những gì mà «phương pháp để học» giảng thì không phải là phương pháp cầu tri thức mà là phương pháp tu dưỡng; tức không phải phương pháp cầu chân mà là phương pháp cầu thiện.

Chúng ta chỉ có thể lấy cái gọi là nghĩa lý học Trung Quốc làm chủ thể mà viết lịch sử nghĩa lý học Trung Quốc; và ta cũng có thể chọn các môn học vấn của Tây phương xem có môn nào có thể gọi là nghĩa lý học thì lấy ra mà trần thuật để viết thành lịch sử nghĩa lý học của Tây phương. Theo nguyên tắc mà nói, việc này vốn có thể làm được, nhưng về sự thực mà nói, các môn học vấn cận đại đều bắt nguồn từ Tây phương, nhất là khoa học. Nếu nêu ra một thứ học vấn nào đấy trong lịch sử Trung Quốc hay Tây phương mà nói đó là nghĩa lý học thì khó mà biết cho rõ ràng địa vị của nó trong nền học vấn cận đại cùng sự quan hệ giữa nó với các môn học vấn cận đại khác. Nếu nêu ra và nói đó là triết học thì sẽ tránh được những khó khăn ấy. Vì vậy, gần đây chỉ có người viết lịch sử triết học Trung Quốc chứ không ai viết lịch sử nghĩa lý học của Tây phương.

Cũng vì lý do ấy nên từ đây trở đi chúng ta sẽ dùng danh từ triết học Trung Quốc và triết học gia Trung Quốc. Nói triết học Trung Quốc tức là nói đến một môn học vấn hoặc một bộ phận của một môn học vấn của Trung Quốc mà ta có thể dùng danh từ triết học của Tây phương để ám chỉ nó. Còn triết học gia Trung Quốc là một loại học giả của Trung Quốc mà ta có thể dùng danh từ triết học gia để ám chỉ họ.

---

[5] *Luận Ngữ* 論語 (Công Dã Tràng 公冶長): «Phu Tử chi ngôn tính dữ thiên đạo.» 夫子之言性與天道.

5. Nhược điểm của triết học Trung Quốc

Về mặt luận chứng và thuyết minh thì triết học của các triết học gia Trung Quốc thua kém triết học của các triết học gia Ấn Độ hay Tây phương. Sở dĩ như thế là vì các triết học gia Trung Quốc không chịu làm chứ không phải làm không được. Họ cho rằng như thế là «cái thứ bẻ từng cành chứ không phải chuyện ôm Thái Sơn nhảy qua Bắc Hải».[6] Đa số các triết học gia Trung Quốc không cho tự thân tri thức là tốt, cho nên không vì tri thức mà cầu tri thức. Chẳng những không vì tri thức mà cầu tri thức, mà những tri thức có thể làm con người thêm hạnh phúc thì họ cũng muốn đem ra thực hành để con người tăng thêm hạnh phúc chứ không muốn thảo luận suông: «*Ta muốn gửi nó vào lời nói suông, nhưng điều đó không bằng thấy nó ở trong hành vi, rõ ràng và sâu sắc hơn.*»[7] Vì thế, xưa nay người Trung Quốc không xem trọng việc viết sách, lập thuyết. «*Trên hết là lập đức, kế đến là lập công, chót hết là lập ngôn.*»[8] Các triết học gia Trung Quốc thường rao giảng đạo «nội thánh ngoại vương» 內聖外王. Nội thánh (bên trong là thánh) là lập đức, ngoại vương (bên ngoài là vua) là lập công. Lý tưởng của họ là có đức của thánh nhân và có công nghiệp của đế vương, tức là thành thánh vương 聖王, tức là hạng mà Plato gọi là «triết học vương giả» 哲學王者 (ông vua triết học). Nếu không thực hành được nghiệp đế vương và không thực hành được đạo thánh nhân, thì bất đắc dĩ mới quay về mà lập ngôn. Vì thế các triết học gia Trung Quốc coi việc viết sách và lập thuyết là chuyện bất đắc dĩ. Cũng bởi thế nên trong lịch sử triết học Trung Quốc ít có những bộ sách triết học đầu đuôi nhất quán, do tác giả móc ruột viết ra. Thường thường các triết học gia hoặc môn nhân, hậu học của họ thu nhặt những thư từ, ngữ lục hàng ngày mà làm thành sách. Tùy tiện mà làm thành sách nên lý lẽ tuy đủ vững, nhưng nghị luận để chống đỡ đạo lý đó lại thường quá đơn giản vụn vặt.[9]

Tóm lại, các triết học gia Trung Quốc chú trọng con người «là cái

---

[6] **Nguyên văn: «Nãi chiết chi chi loại, phi huề Thái Sơn dĩ siêu Bắc Hải chi loại.»** 乃折枝之類非攜泰山以超北海之類.

[7] **Nguyên văn: «Ngô dục thác chi không ngôn, bất như kiến chi hành sự chi thâm thiết trước minh dã.»** 吾欲託之空言不如見之行事之深切著明也.

[8] **Nguyên văn: «Thái thượng hữu lập đức, kỳ thứ hữu lập công, kỳ thứ hữu lập ngôn.»** 太上有立德其次有立功其次有立言 **[LAM chú].**

[9] **Ngày xưa ở Trung Quốc dùng thẻ tre để ghi chép. Vì thẻ tre quá nặng nên khi viết sách và lập ngôn thì cổ nhân thường mong sao lời lẽ đơn giản và ngắn, có khi chỉ chép đoạn kết luận. Cách này lâu ngày thành thói quen. Về sau, tuy không còn bị vật chất hạn chế nữa mà người ta cũng cứ theo thói đó, không chịu sửa đổi.**

gì» mà không chú trọng con người «có cái gì». Nếu là thánh nhân thì dù không có một chút tri thức cũng vẫn là thánh nhân; nếu là ác nhân thì dù có vô hạn tri thức cũng vẫn là ác nhân. Vương Dương Minh thường lấy vàng ròng để tỉ dụ về thánh nhân. Cho là hễ vàng có màu sắc tinh ròng, tức là thánh nhân. Còn như tri thức tài khí tuy có lớn nhỏ khác nhau, cũng như tám ngàn *dật* [10] vàng với chín ngàn *dật* vàng, phân lượng tuy có khác, nhưng kể về vàng ròng thì y hệt như nhau. Chất của vàng thuộc về «là cái gì», còn phân lượng thì thuộc về mặt «có cái gì». Người Trung Quốc xem trọng «là cái gì» mà không xem trọng «có cái gì», cho nên không xem trọng tri thức. Trung Quốc chỉ có mầm mống khoa học chứ không có khoa học chân chính, một phần là tại vì thế.[11]

Triết học Trung Quốc cũng không cho vấn đề tri thức (theo nghĩa hẹp) là một vấn đề trọng yếu trong triết học. Bởi vì các triết học gia Trung Quốc không muốn vì tri thức mà cầu tri thức, và cũng vì triết học Trung Quốc chưa chia cá nhân và vũ trụ ra làm hai cho rõ ràng. Lịch sử cận đại của Tây phương có một đặc điểm rất trọng yếu, đó là tự giác về cái ta (*ngã* 我). Sau khi đã tự giác về *ngã* thì cái thế giới của *ngã* liền chia làm hai: *ngã* 我(ta) và *phi ngã* 非我(không phải ta). *Ngã* là chủ quan, ngoài *ngã* là thế giới khách quan, đều là *phi ngã*. Đã chia ra làm *ngã* và *phi ngã* rồi, thì giữa khách quan và chủ quan liền có cái ranh giới phân cách không thể vượt qua, và nảy sinh vấn đề «*ngã* làm sao biết được *phi ngã*». Thế là tri thức luận 知識論 liền biến thành một bộ phận trọng yếu trong triết học Tây phương. Trong tư tưởng của người Trung Quốc chưa có tự giác một cách rõ ràng về cái ta, cho nên cũng chưa biết chia ra *ngã* và *phi ngã*. Vì vậy mà vấn đề tri thức (theo nghĩa hẹp) chưa trở thành một vấn đề trọng yếu trong triết học Trung Quốc.

Triết học gia không biện luận thì thôi. Hễ biện luận tất phải dùng logic. Nhưng các triết học gia Trung Quốc ít có ai gắng sức về lập ngôn. Ngoại trừ các Danh gia vốn dĩ vừa mới nổi lên là tàn ngay, cũng ít có ai đề xuất nghiên cứu trình tự và phương pháp biện luận tư tưởng một cách có ý thức. Cho nên phần thứ hai của tri thức luận, tức là logic, cũng không được phát đạt ở Trung Quốc.

Các triết học gia Trung Quốc lại còn quá chú trọng đến nhân sự nên đối với vấn đề nghiên cứu vũ trụ họ cũng hết sức giản lược. Vì thế các bộ

---

[10] **Dật 鎰 = đơn vị xưa, bằng 20 lượng. [LAM chú]**

[11] **Xem *Why China has no science (Tại sao Trung Quốc không có khoa học)* của Phùng Hữu Lan, in trong: *The International Journal of Ethics (chuyên san luân lý quốc tế)*, bộ 32, số 3.**

phận của triết học mà tôi đã nêu trên, bộ phận nào cũng rất phát đạt tại Tây phương. Còn ở trong triết học Trung Quốc thì các bộ phận phát đạt không đều nhau. Chẳng qua vì các triết học gia Trung Quốc quá chú trọng đến cái đạo *nội thánh* 內聖 nên giảng giải rất kỹ về phương pháp tu dưỡng, tức là «phương pháp để học» (vi học chi phương 爲學之方). Điều này tuy có người cho rằng không thể gọi là triết học, nhưng chính các học giả Trung Quốc đã cống hiến rất nhiều về phương diện này.[12]

6. Sự thống nhất của triết học

Từ sự quan hệ giữa vũ trụ luận và nhân sinh luận đã được thuật trên đây thì ta cũng thấy được tư tưởng của một triết học gia là một thể hoàn chỉnh. Phàm một hệ thống triết học chân chính đều như một cái cây có cành, nhánh, các bộ phận trong đó, đầu đuôi đều có liền nhau, làm thành một khối. Tuy cái cây có cành lá, thân, nhánh, nhưng tự bản thân cái cây đó chính là một thể hoàn chỉnh. William James nói rằng các triết học gia đều có *cái thấy* (vision: kiến 見) của họ, và đều lấy *cái thấy* đó làm ý tứ căn bản để vận dụng nó thích hợp vào các phương diện. Sự thích dụng càng rộng thì hệ thống càng lớn. Khổng Tử nói: «Đạo ta thì nhất quán.»[13] Sự thật thì hệ thống của các triết học đều nhất quán cả. Hoàng Lê Châu 黃梨洲 nói: «Nói chung, cái học có tông chỉ là chỗ đắc lực của người ta và cũng là chỗ nhập môn của kẻ cầu học. Nghĩa lý trong thiên hạ vô cùng, không dùng một vài chữ để định nó thì làm sao có thể tóm thâu nó để làm của mình? Cho nên giảng học mà không có tông chỉ tức là nói suông, là tơ rối không có đầu mối. Kẻ cầu học mà không hiểu được tôn chỉ của người ta, đọc

---

[12] Gần đây có người nói: «Triết học của nước ta kém về tổ chức, phương pháp. Người gần đây thường xem đó là dở. Họ không biết rằng tinh thần triết học của nước ta chính là ở chỗ đó. Bởi vì những vi ngôn đại nghĩa [lời nhỏ, ý nghĩa lớn] của triết học nếu không nhờ ngộ nhập thì không thể hiểu... Văn tự là để ghi chép Đạo, nhưng Đạo ở ngoài văn tự. Như vậy thì nói tổ chức làm gì, nói phương pháp làm gì?» (xem: Lục Mậu Đức 陸懋德, *Chu Tần Triết học sử* 周秦哲學史, trang 4). Những lời này có thể đại biểu cho ý kiến của một số người. Chúng ta không phải không xem trọng giác ngộ, nhưng cái mà giác ngộ có được là một thứ kinh nghiệm chứ không phải là một thứ học vấn, không phải là triết học. Triết học tất phải dùng ngôn ngữ văn tự để biểu đạt lý lẽ. Tuy có người bảo Đạo 道 thì nằm ngoài ngôn ngữ văn tự, nhưng triết học thì nằm ở ngôn ngữ văn tự. Giống như cái sự vật mà khoa học nói, cũng nằm ngoài ngôn ngữ văn tự, nhưng những sự vật đó chỉ là sự vật chứ không phải là khoa học. Những nguyên lý, công thức mà ngôn ngữ văn tự biểu đạt mới chính là khoa học. Những sự vật làm ra nhờ dựa theo những nguyên lý công thức đó, thí dụ như các sản vật công nghiệp, cũng chỉ là sự vật chứ không phải là khoa học.

[13] *Luận ngữ* 論語 (Lý Nhân 里仁): «Ngô đạo nhất dĩ quán chi.» 吾道一以貫之. Dịch sát: Đạo ta chỉ có Một mà xuyên suốt tất cả.

sách của họ thì cũng chẳng khác gì Trương Khiên 張騫 khi mới đến nước Đại Hạ 大夏, không thể hiểu được yếu lĩnh của Nguyệt Thị 月氏. Đỗ Mục Chi 杜牧之 nói: "Viên bi chạy trong cái mâm, ngang dọc vòng thẳng không thể biết hết cả; điều có thể biết chắc là viên bi không chạy ra ngoài cái mâm. Tông chỉ cũng thế thôi."» [14]

Trong số các triết học gia Trung Quốc có Tuân Tử là người giỏi phê bình triết học. Tuân Tử cho rằng các triết học gia đều có cái *sở kiến* 所見 (kiến giải riêng, hiểu biết riêng) nên ông nói: «Thận Tử có thấy ở sau mà không thấy ở trước. Lão Tử có thấy chỗ co lại mà không thấy chỗ duỗi ra. Mặc Tử có thấy chỗ bằng nhau mà không thấy chỗ khác nhau. Tống Tử có thấy ít mà không thấy nhiều.»[15] Tuân Tử còn cho rằng các triết học gia đều có cái *sở tế* 所蔽 (bị che lấp) nên ông nói: «Mặc Tử bị *dụng* che lấp nên không biết *văn*. Tống Tử bị cái *dục* che lấp nên không biết cái *được*. Thận Tử bị *pháp* che lấp nên không biết người *hiền*. Thân Tử bị cái *thế* che lấp nên không biết cái *trí*. Huệ Tử bị *lời nói* che lấp nên không biết cái *thực*. Trang Tử bị *trời* che lấp nên không biết *người*.»[16] William James (sách đã dẫn) nói nếu một phương diện của vũ trụ khiến một triết học gia đặc biệt chú ý đến, thì ông ta nắm lấy đầu mối đó để khái quát toàn thể. Cho nên triết học gia mà có cái *sở tế* là vì đã có cái *sở kiến*. Chỉ có vậy thôi. Do đó tư tưởng của một đại triết học gia không những là một thể hoàn chỉnh mà lại còn có một tinh thần đặc biệt, một bộ mặt đặc biệt.

Sách của các triết học gia Trung Quốc ít được tác giả dốc hết tâm lực biên soạn để cho nội dung xuyên suốt từ đầu tới cuối, do đó nhiều người bảo rằng triết học Trung Quốc không có hệ thống. (Trên đây tôi đã trích dẫn, gần đây có người nói: «Triết học của Trung Quốc giản lược về tổ chức và phương pháp.» Nói vậy tức là cũng giống như nêu ra tính phi hệ thống này.) Nhưng hệ thống có hai thứ: hệ thống về hình thức và hệ thống

---

[14] **Hoàng Lê Châu 黃梨洲, *Minh Nho học án* 明儒學案, Phát phàm 發凡.**

[15] ***Tuân Tử* 荀子 (Thiên Luận 天論): «Thận Tử hữu kiến ư hậu, vô kiến ư tiền. Lão Tử hữu kiến ư khuất, vô kiến ư tín. Mặc Tử hữu kiến ư tề, vô kiến ư kỳ. Tống Tử hữu kiến ư thiểu, vô kiến ư đa.»** 愼子有見於後無見於先. 老子有見於詘無見於信. 墨子有見於齊無見於畸. 宋子有見於少, 無見於多. **Chữ *khuất* (hay *truất*) 詘 thông với *khuất* 屈 (co); chữ *tín* 信 thông với *thân* 伸 (duỗi) [LAM chú]**

[16] ***Tuân Tử* 荀子 (Giải Tế 解蔽): «Mặc Tử tế ư dụng nhi bất tri văn. Tống Tử tế ư dục hi bất tri đắc. Thận Tử tế ư pháp nhi bất tri hiền. Thân Tử tế ư thế nhi bất tri trí. Huệ Tử tế ư từ nhi bất tri thực. Trang Tử tế ư thiên nhi bất tri nhân.»** 墨子蔽於用而不知文. 宋子蔽於欲而不知得. 愼子蔽於法而不知賢. 申子蔽於勢而不知智. 惠子蔽於辭而不知實. 莊子蔽於天而不知人.

về thực chất. Hai hệ thống này không có quan hệ liên đới. Triết học của các triết học gia Trung Quốc tuy không có hệ thống về hình thức, nhưng nếu nói triết học Trung Quốc không có hệ thống về thực chất thì chẳng khác gì bảo rằng triết học của các triết học gia Trung Quốc không là gì cả; và Trung Quốc không có triết học. Triết học cổ của Hi Lạp cũng không có hệ thống hình thức. Socrate vốn không hề viết sách. Plato viết sách theo thể đối thoại. Đến Aristotle mới có những luận văn thảo luận rõ ràng về các vấn đề. Nếu xét về hệ thống hình thức thì triết học của Aristotle có hệ thống hơn. Nhưng nếu kể về thực chất thì triết học của Plato cũng có hệ thống vậy. Căn cứ như trên thì triết học của một triết học gia mà đáng gọi là triết học tất phải có hệ thống thực chất. Cái gọi là hệ thống của một hệ thống triết học là ám chỉ cái hệ thống thực chất của triết học đó. Các triết học gia Trung Quốc thua kém các triết học gia Tây phương về hệ thống hình thức, nhưng hệ thống thực chất thì cũng chẳng kém gì. Một trong những yếu nghĩa của việc giảng về triết học sử là cần tìm ra một hệ thống thực chất trong một triết học không có hệ thống hình thức.

7. Triết học và triết gia

Theo trên thì thấy triết học của một triết học gia có quan hệ rất lớn đến nhân cách (chỉ chung tính tình, khí chất, kinh nghiệm của một người) hoặc cá tính của họ. Về điểm này triết học cũng giống như tôn giáo và văn học. Bởi vì tất cả các vấn đề của triết học, nếu đem so sánh với các vấn đề của khoa học, đều có tính chất rộng lớn hơn. Đối với chúng, ta không thể nghiên cứu một cách hoàn toàn khách quan. Do đó, muốn giải quyết những vấn đề đó phải đợi có sự suy nghĩ và khảo sát chủ quan cùng với cái sở kiến của triết gia. Cho nên, lý luận khoa học có thể được mọi người công nhận, còn triết học của một triết học gia chỉ có thể là ngôn luận của một phái.

William James nói rằng dựa theo tính tình và khí chất của các triết gia, chúng ta có thể chia họ làm hai loại. Một loại triết học gia lòng mềm yếu. Lòng mềm yếu nên họ không nỡ đem những sự vật có giá trị trong vũ trụ mà cho là vô giá trị, nên triết học của họ có tính duy tâm luận, tôn giáo, tự do ý chí luận, nhất nguyên luận. Một loại triết học gia lòng cứng cỏi. Lòng cứng cỏi nên họ không ngần ngại đem những sự vật có giá trị trong vũ trụ mà cho là vô giá trị, nên triết học của họ có tính duy vật luận, phi tôn giáo, đa nguyên luận.[17] Höffding cũng nói rằng mọi vấn đề trong triết học đều ở vùng biên giới của tri thức chúng ta. Có dùng các phương pháp

[17] Xem W. James, *Pluralistic Universe (Vũ trụ đa nguyên)*.

tinh xác (exact methods) cũng không chạm tới được. Cho nên nhân cách của người nghiên cứu quyết định phương hướng cho tư tưởng của họ, mà có lúc họ không tự biết, không thấy nó là đặc biệt. Đôi khi trong triết học phát sinh một vấn đề mà chính nhân cách của người nghiên cứu lại là điều kiện tiên quyết. Có một vài tư tưởng chỉ phát sinh trong một trạng huống tâm lý nào đó mà thôi. Kế đến, cái căn cứ mà người nghiên cứu dựa vào để giải quyết vấn đề cũng có quan hệ với vấn đề mà họ giải quyết. Cho nên, đối với triết học của một nhà, khi chúng ta nghiên cứu lịch sử triết học đó, cần phải chú ý đến tình thế của thời đại của nó và trạng huống tư tưởng của mỗi phương diện.[18] Đó là điều mà ai nghiên cứu triết học sử cũng đều phải chú ý. Mạnh Tử nói: «Ngâm thơ của họ, đọc sách của họ, có thể không biết họ sao? Ấy là nói về đời họ vậy.»[19] Tống Nho rất chú ý đến *khí tượng* 氣象 của các bậc thánh hiền đời xưa. Tuy động cơ của họ là ở phương diện tu dưỡng, nhưng khi nghiên cứu lịch sử triết học của một người, quả thật ta cũng phải chú ý đến *khí tượng* của người ấy.

8. Lịch sử và triết học sử

Lịch sử có hai nghĩa. Một là chỉ tự thân của sự tình, thí dụ như nói Trung Quốc có bốn ngàn năm lịch sử. Khi nói thế, người nói không ám chỉ quyển sử nào cả, chẳng qua có ý nói rằng Trung Quốc đã trải qua bốn ngàn năm mà thôi. Gọi thế là lịch sử, rõ ràng đó là chỉ tự thân của sự tình. Lịch sử còn có một nghĩa khác nữa, đó là việc ghi chép về sự tình, như nói *Thông Giám* 通鑑, *Sử Ký* 史記 là lịch sử, tức là theo ý nghĩa này. Tóm lại, cái gọi là lịch sử hoặc là chỉ toàn thể hoạt động của chủ nhân ông (tức là các nhân vật lịch sử) hoặc chỉ việc ghi chép của các sử gia về các hoạt động đó. Nếu muốn dùng hai tên cho hai nghĩa thì có thể gọi tự thân của lịch sử là *lịch sử* hoặc *lịch sử khách quan*, còn việc ghi chép về sự tình là *lịch sử viết* hoặc *lịch sử chủ quan*.

Trên đã nói, tình thế của một thời đại cho đến trạng huống tư tưởng của các phương diện có thể ảnh hưởng đến triết học của một triết học gia. Nhưng triết học của một triết học gia cũng có thể ảnh hưởng đến một thời đại cho đến tư tưởng của các phương diện của thời đại đó. Nói một cách khác, lịch sử có thể ảnh hưởng đến triết học mà triết học cũng có thể ảnh hưởng đến lịch sử. «Anh hùng tạo thời thế, thời thế tạo anh hùng». Cả hai là nhân quả của nhau. Mỗi thời đại có riêng một tinh thần,

---

[18] Harald Höff Ding, *History of philosophy (Lịch sử triết học)*, tr. xvi.

[19] *Mạnh Tử* 孟子 (Vạn Chương hạ 萬章下): «Tụng kỳ thi, độc kỳ thư, bất tri kỳ nhân khả hồ? Thị dĩ luận kỳ thế dã.» 誦其詩讀其書不知其人可乎是以論其世也.

triết học của một thời đại là kết tinh của tinh thần của thời đại ấy. Nghiên cứu triết học của một triết học gia cần phải «biết người ấy, luận về thời thế của họ» (tri kỳ nhân, luận kỳ thế 知其人論其世). Khi nghiên cứu lịch sử của một dân tộc hoặc một thời đại cũng cần phải biết đến triết học của thời đại ấy, dân tộc ấy. Bacon nói rằng nhiều người ghi chép về cõi thiên nhiên, về chính trị, tôn giáo, nhưng riêng về trạng huống phổ thông của học thuật qua các thời đại thì chưa có ai ghi chép. Phần này mà chưa được ghi chép thì lịch sử thế giới chẳng khác gì một pho tượng không có mắt, bởi vì nó thiếu mất phần có thể biểu thị tinh thần và sinh hoạt của con người.[20] Thuật lại lịch sử của một thời đại, một dân tộc, mà không đề cập triết học của thời đại ấy, dân tộc ấy, thì khác nào «hoạ long bất điểm tinh» 畫龍不點睛 (vẽ rồng mà không vẽ mắt), giống như Bacon đã nói. Nghiên cứu lịch sử của một thời đại, một dân tộc, mà không đề cập triết học của thời đại ấy, dân tộc ấy, thì khó mà hiểu được triệt để thời đại đó và dân tộc đó. «Người ta biết nhau, quý ở chỗ biết lòng nhau» (nhân chi tương tri, quý tương tri tâm 人相知貴相知心). Chúng ta nghiên cứu về một thời đại, một dân tộc, cũng nên biết lòng của họ. Cho nên, *chuyên sử* 專史 về triết học sử có địa vị rất trọng yếu trong *thông sử* 通史; triết học sử cũng rất trọng yếu đối với người nghiên cứu lịch sử.

Mỗi hệ thống triết học đều có tinh thần đặc biệt và có diện mục đặc thù của nó. Mỗi thời đại, mỗi dân tộc, đều có một triết học. Lý lẽ do các triết học gia đời nay lập ra mọi người chưa công nhận là phải, lý lẽ do các triết học gia đời xưa lập ra mọi người cũng chưa công nhận là trái. Vì vậy, khi nghiên cứu triết học thì một mặt phải nghiên cứu triết học sử để xem các hệ thống triết học lớn đã có những lý lẽ gì đối với thế giới và nhân sinh, một mặt phải trực tiếp quan sát thế giới và nhân sinh thực tế để tự lập lấy lý lẽ. Do đó, triết học sử càng thêm trọng yếu đối với nhà nghiên cứu triết học.

9. Lịch sử và lịch sử viết

Theo trên, *lịch sử* và *lịch sử viết*[21] khác nhau. Ngoài lịch sử viết và vượt trên lịch sử viết còn có tự thân của lịch sử. Nó tồn tại mãi mãi, không hề cần đến trí thức của loài người. Lịch sử viết là những ghi chép theo sau lịch sử thực tế. Nó hay hoặc dở là do sự ghi chép có chân thật hay không, có tương hợp thực tế hay không.

---

[20] Bacon, *The Advancement of Learning (sự tiến bộ của học thuật).*

[21] Tức *tự thân của lịch sử* và *lịch sử thành văn do đời ghi chép lại.* [LAM chú].

Nhiều người gần đây thường nói rằng lịch sử viết cần phải chú trọng tìm nhân quả của sự tình trong lịch sử. Kỳ thật, cái gọi là nguyên nhân của một việc chẳng qua là *cái đi trước* (antecedent: tiên hành giả 先行者) không thể thiếu được của việc đó; và cái gọi là kết quả của một việc chẳng qua là *cái khởi lên sau* (consequent: hậu khởi giả 後起者) không thể thiếu được của việc đó. Nói chung, việc xảy ra trước một việc, đều là *cái đi trước* của việc ấy. Việc xảy ra sau một việc, đều là *cái khởi lên sau* của việc ấy. Một việc không thể đơn độc xảy ra, trước nó ắt phải có nhiều việc và sau nó ắt cũng phải có nhiều việc. Lịch sử viết kể lại một việc, ắt phải kể đến những việc ở trước và ở sau việc ấy. Nhưng những việc ở trước và sau đấy quá nhiều, không thể kể ra cho hết, cho nên chỉ chọn những *cái đi trước* và *cái nổi lên sau* cần thiết để thuật lại mà thôi. Xưa nay lịch sử viết đều như thế cả, chứ không riêng gì «lịch sử mới» (tân lịch sử) mới bắt đầu chú trọng đến nhân quả. Tuy nhiên, có khi lịch sử viết đã ghi những *cái đi trước* và *cái nổi lên sau* cần thiết, có khi lại ghi những *cái đi trước* và *cái nổi lên sau* không cần thiết. Thí dụ như trước khi chép chiến sự thì chép việc thấy sao chổi, sau khi chép việc đế vương vô đạo thì nói đến nhật thực. Nhưng đó là do các sử gia qua các thời đại có kiến giải khác nhau đối với sự vật, chứ không phải mục đích hoặc phương pháp viết sử khác nhau. Mục đích của lịch sử viết cốt ở chỗ phù hợp với thực tế, giá trị của nó là nó có thể tạo được chữ *tín* 信 hay không.

Những sự tình hoạt động trong lịch sử một khi đã xảy ra thì không hiện trở lại nữa. Những sử liệu mà lịch sử viết dùng làm bằng cứ chẳng qua là lời thuật lại của kẻ đã thấy việc đó, dự vào việc đó, hoặc là những giấy tờ, di tích có quan hệ đến việc đó, tức là cái gọi là «văn hiến». Những tài liệu đó vì có liên quan trực tiếp với những điều lịch sử viết ghi chép nên gọi là «sử liệu gốc» (nguyên thuỷ đích sử liệu 原始的史料: original source). Những ghi chép chính thức hoặc không chính thức về một việc, vốn cũng là lịch sử viết nhưng vì nó có vào thời đại mà sự việc ấy phát sinh hoặc có gần thời đại đó, các sử gia đời sau cũng trích dẫn làm căn cứ, dùng như sử liệu, thì gọi là «sử liệu phụ trợ» (phụ trợ đích sử liệu 輔助的史料: secondary source).

Các sử gia căn cứ vào những sử liệu này mà viết được lịch sử hoàn toàn đáng tin hay không, thì vẫn còn là một nghi vấn. Thế gian có kẻ viết sử hoặc vì bị ép buộc hoặc vì bị danh lợi cám dỗ, hoặc vì một mục đích nào đó, nên không có ý viết tín sử. Bọn viết sử như thế tất nhiên khỏi cần nói đến. Còn người thực lòng muốn viết tín sử thì lịch sử do họ viết ra cơ hồ cũng khó mà phù hợp hoàn toàn với thực tế. Nordau nói rằng cái

khách quan chân thật trong lịch sử viết cũng giống như cái mà Kant gọi là «tự thân của vật» trong trí thức của người ta vậy. Lịch sử viết mãi mãi không phù hợp với thực tế.[22] Lời này không khỏi quá đáng, nhưng sử gia muốn viết tín sử hoàn toàn kỳ thực gặp phải nhiều khó khăn. Hệ Từ của *Chu Dịch* nói: «Sách không chép hết lời, lời không nói hết ý.»[23] Trang Tử nói: «Người xưa và những cái không thể truyền của họ đều đã chết rồi. Thế thì cái mà ngài đọc đó chỉ là cặn bã của người xưa mà thôi.»[24] Lời nói không hết ý. Hai người đang đối diện nói chuyện với nhau mà còn có khi không hiểu nhau, nói chi «sách lại không chép hết lời» (thư bất tận ngôn). Hơn nữa, ngôn ngữ văn tự xưa nay khác nhau. Nếu ta có sử liệu rất hoàn bị, liệu ta có bảo đảm rằng mình hiểu được tất cả mà chẳng sai lầm không? Chúng ta nghiên cứu cổ sử, không chỉ dựa vào thư tịch mà còn dựa vào văn tự trên bia đá và đồ đồng (kim thạch văn tự 金石文字). Tất nhiên chúng đều là «sách chép không hết lời, lời nói không hết ý». Nghiên cứu lịch sử chỉ là dựa vào cặn bã của cổ nhân, mà chính những cặn bã đó chúng ta cũng không thể hiểu hết. Đó là một khó khăn. Nếu chúng ta hoàn toàn hiểu được sách xưa, lại có những kẻ hiếu học nghĩ sâu, biết rõ ý của người viết sách, nhưng sách xưa cũng không thể tin hết cả được. Mạnh Tử nói: «Cả tin vào sách chẳng bằng không có sách; thí dụ như thiên Vũ Thành [trong *Kinh Thư*] ta chỉ tin lấy hai ba đoạn thôi.»[25] Các sử gia vốn có thể dùng phương pháp khoa học để thẩm tra sử liệu, lấy những điều đáng tin, bỏ những điều không đáng tin, tức là công việc phân tích sử liệu. Ngoài văn tự thư tịch, các sử gia còn có thể dựa vào những sử liệu khác nữa. Nhưng sử liệu phần nhiều đều vụn vặt, không quan hệ với nhau. Sau khi đã phân tích sử liệu rồi, sử gia tất phải tổng hợp tất cả những sử liệu vụn vặt đó và dùng sức tưởng tượng mà kết chúng thành một xâu. Đã vận dụng sức tưởng tượng tức là đã chủ quan, vậy thì những điều họ trình bày khó mà hoàn toàn phù hợp với lịch sử khách quan được. Đó là điều khó khăn thứ hai. Nghiên cứu khoa học tự nhiên nếu có giả thiết thì có thể dùng thực nghiệm để xác định nó đúng hay sai. Các sử gia đối với những giả thiết về sự kiện lịch sử thì lại tuyệt đối không thể dùng thực nghiệm. Hàn Phi nói: «Khổng Tử và Mặc Tử

---

[22] **Nordau, *The Interpretation of History (giải thích lịch sử)*, tr.12.**

[23] **Thư bất tận ngôn, ngôn bất tận ý.** 書不盡言言不盡意.

[24] ***Trang Tử*** 莊子**(Thiên Đạo** 天道**): «Cổ chi nhân dữ kỳ bất khả truyền giả tử hĩ. Nhiên tắc quân chi sở độc giả, cổ nhân chi tao phách dĩ phù.»** 古之人與其不可傳者死矣然則君之所讀者古人之糟粕已夫.

[25] ***Mạnh Tử*** 孟子**(Tận Tâm hạ** 盡心下**): «Tận tín thư tắc bất như vô thư, ngô ư Vũ Thành, thủ nhị tam sách nhi dĩ.»** 盡信書則不如無書吾於武成取二三策而已.

đều nói về Nghiêu Thuấn, mà việc chọn lựa [các dữ kiện] lại khác nhau; [nhưng họ] đều tự cho là nói đúng về Nghiêu và Thuấn. Nghiêu và Thuấn không sống lại, biết lấy ai mà định luận sự thành thực của Nho và Mặc?»[26] Vậy là «người chết rồi, không ai đối chứng» (nhân tử vô đối chứng 人死無對證). Đó là điều khó khăn thứ ba. Do những điều khó khăn đó mà sử gia chỉ có thể hết lòng viết tín sử, còn sử của họ viết ra có đáng tin chăng thì không thể bảo đảm được.

Lịch sử chia làm *lịch sử* và *lịch sử viết*, triết học sử cũng chia làm *triết học sử* và *triết học sử viết*. Lịch sử viết đã không thể hoàn toàn phù hợp với lịch sử thì triết học sử viết cũng khó lòng phù hợp với triết học sử. Hơn nữa, sử liệu của triết học sử viết thì chỉ dựa vào văn tự thư tịch, thế lại càng khó tránh khỏi khó khăn thứ ba vừa nói trên. Vì vậy, triết học sử của Tây phương chỉ có một, mà triết học sử viết của họ thì có cả trăm bộ, trong số đó không có hai bộ hoàn toàn giống nhau. Triết học sử Trung Quốc cũng chỉ có một mà triết học sử viết của Trung Quốc thì ngày càng nhiều. Sách của người này viết thì bị người khác chê sai, sách của người kia viết thì bị người nọ chê sai. Các triết học gia ngày xưa không sống lại, rốt cuộc ai có thể xác định được đúng sai? Đã không ai xác định được, thì lịch sử viết và triết học sử viết đành phải viết đi viết lại mãi thôi.

10. Triết học sử viết kiểu tự thuật và triết học sử viết kiểu tuyển lục

Triết học sử viết có hai thể thức: *tự thuật* 敘述 (kể lại) và *tuyển lục* 選錄 (chọn và chép lại). Triết học sử của người Tây phương viết phần nhiều là theo kiểu tự thuật. Dùng phương pháp này, người viết triết học sử có thể kể lại triết học sử theo sự hiểu biết của mình. Nhưng nó có cái dở là nếu độc giả chỉ đọc một quyển sách ấy thôi thì họ không tiếp xúc được sử liệu gốc, không những dễ bị kiến giải của người viết triết học sử che lấp, lại còn khó mà hiểu rõ những gì người viết kể lại. Những sách sử của người Trung Quốc hầu như viết theo kiểu tuyển lục. Thí dụ: *Tống Nguyên học án* 宋元學案 và *Minh Nho học án* 明儒學案 của Hoàng Lê Châu 黃梨洲 là hai bộ triết học sử về đời Tống, Nguyên, Minh; *Cổ văn từ loại toản* 古文辭類纂 của Diêu Nãi 姚鼐 và *Kinh sử bách gia tạp sao* 經史百家雜鈔 của Tăng Quốc Phiên 曾國藩 là

---

[26] *Hàn Phi Tử* 韓非子 (Hiển Học 顯學): «Khổng Tử Mặc Tử câu đạo Nghiêu Thuấn, nhi thủ xả bất đồng, giai tự vị chân Nghiêu Thuấn. Nghiêu Thuấn bất phục sinh, tương thuỳ sử định Nho Mặc chi thành hồ?» 孔子墨子俱道堯舜而取舍不同皆自謂眞堯舜堯舜不復生將誰使定儒墨之誠乎？

hai bộ văn học sử Trung Quốc. Dùng phương pháp tuyển lục, người viết văn học sử hoặc triết học sử tuyển chọn và chép lại những trứ tác gốc của các văn học gia hoặc triết học gia. Khi tuyển lục, tất nhiên người tuyển lục cũng có nêu ra kiến giải chủ quan của mình, nhưng độc giả có cái lợi là có thể tiếp xúc trực tiếp với sử liệu gốc, dễ có kiến thức khá minh xác về văn học sử và triết học sử mà mình nghiên cứu. Nhưng chỉ dùng phương pháp tuyển lục thì văn học sử gia hay triết học sử gia khó trình bày kiến giải riêng của họ một cách có hệ thống, và vì thế mà độc giả khó biết kiến giải đó. Do đó, bộ *Trung Quốc triết học sử* này tôi thử viết theo cả hai phương pháp, may ra có được kết quả tốt hơn chăng?

11. Lịch sử là tiến bộ

Tổ chức của xã hội tiến triển từ đơn giản đến phồn tạp. Học thuật tiến triển từ không rõ ràng đến rõ ràng. Người sau căn cứ vào kinh nghiệm của người trước, cho nên họ đều có thể rút tỉa tinh hoa của người trước ở mọi phương diện. Vì vậy, lịch sử là tiến bộ. Quan sát triết học sử Trung Quốc, ta sẽ thấy điều đó không sai. Phạm vi và vấn đề nghiên cứu của triết học Trung Quốc sau đời Hán thì không nhiều và rộng bằng trước đời Hán. Nhưng sau đời Hán, lý luận trong triết học trở nên rõ ràng hơn trước đời Hán. Những người bình luận không xét kỹ, thấy Khổng Tử nói về Nghiêu Thuấn, thấy Đổng Trọng Thư, Chu Hi, Vương Dương Minh nói về Khổng Tử, thấy Đái Đông Nguyên, Khang Hữu Vi cũng nói về Khổng Tử, bèn cho rằng người xưa có đủ tất cả mà người nay chẳng có gì hết. Thực tế, Đổng Trọng Thư chỉ là Đổng Trọng Thư, Vương Dương Minh chỉ là Vương Dương Minh. Nếu biết *Xuân Thu phồn lộ* 春秋繁露 chỉ là triết học của Đổng Trọng Thư, nếu biết *Đại học vấn* 大學問 chỉ là triết học của Vương Dương Minh, thì sẽ thấy rõ sự tiến bộ của triết học Trung Quốc. Tổ chức của xã hội tiến triển từ đơn giản đến phồn tạp và học thuật tiến triển từ không rõ ràng đến rõ ràng, đó là điều *thực nhiên* 實然 chứ không phải *đương nhiên* 當然.

Có người bảo rằng điều mà những người như Đổng Trọng Thư và Vương Dương Minh nói thì trong sách người xưa cũng đã nói rồi. Đổng Trọng Thư và Vương Dương Minh chỉ làm công việc phát huy cái có sẵn thôi, sao gọi là triết học riêng của họ? Họ có cống hiến mới mẻ nào đáng nói đâu? Giả sử chúng ta chỉ thừa nhận hai nhà đó chỉ phát huy cái có sẵn, thì chúng ta cũng không nên coi nhẹ việc phát huy, bởi vì phát huy là tiến bộ. Đứa trẻ phát triển thành người lớn, người lớn chẳng qua là đã phát huy những quan năng tiềm tàng trong đứa bé mà thôi. Trứng gà biến thành gà, thì gà chẳng qua là đã phát huy những quan năng tiềm tàng trong trứng gà

mà thôi. Nhưng sao có thể nói đứa trẻ là người lớn, trứng gà là gà? Dùng danh từ của Aristotle mà nói thì *tiềm năng* (potentiality) và *hiện thực* (actuality) rất khác nhau. Từ tiềm năng đến hiện thực là tiến bộ. Muốn xem dấu vết sự tiến bộ của triết học Trung Quốc thì trước tiên chúng ta phải đem tài liệu của thời đại nào trả lại cho thời đại ấy, lời của ai thì trả lại cho người ấy. Có như thế thì mới thấy rõ bộ mặt thật của triết học của các triết học gia, và thấy sự tiến bộ của triết học Trung Quốc là hiển nhiên.

Những nhà nghiên cứu học vấn của Trung Quốc trước đây, hoặc không phân biệt sách giả (ngụy thư 僞書) với sách thật (chân thư 眞書), hoặc biết phân biệt nhưng lại cho sách giả là vô giá trị, đó là một nguyên nhân khiến triết học sử Trung Quốc nhìn bề ngoài cơ hồ không tiến bộ. Chúng ta nghiên cứu triết học sử tất phải biết phân biệt sử liệu giả và thật, vì nếu không thế thì không thể thấy rõ bộ mặt thật của tư tưởng các thời đại. Nếu chỉ nghiên cứu về triết học thì chúng ta chỉ chú trọng những điều nói trong sách là đúng hay sai. Còn những lời đó do ai nói ra, thuộc thời đại nào, thì không có gì quan trọng cả. Sách đó tuy giả nhưng cũng không vì thế mà giảm giá trị, sách kia tuy thật nhưng không vì thế mà tăng thêm giá trị. Theo triết học sử mà nói, sách giả tuy không thể đại biểu cho tư tưởng thời đại mà nó giả mạo nhưng nó là tư tưởng của thời đại sản sinh ra nó, chính là sử liệu của thời đại sản sinh ra nó. Như thiên Dương Chu trong sách *Liệt Tử*, tuy không phải là học thuyết của Dương Chu, nhưng nó biểu hiện một cách hệ thống một trào lưu tư tưởng khoảng đời Ngụy Tấn. Nó chính là sử liệu triết học đời Ngụy Tấn. Cho nên tuy xem thiên Dương Chu là giả, nhưng ta cũng không nên vất bỏ đi, mà chỉ nên dời nó xuống đời sau mà thôi. Dời nó xuống đời sau vì muốn lịch sử viết tương hợp với thực tế để có thể tạo được chữ tín.

12. Tiêu chuẩn để chọn tư liệu viết lịch sử triết học Trung Quốc

Trung Quốc vốn không có danh từ triết học. Nhiều người không có quan niệm minh xác về nội dung và phạm vi của triết học nên cho rằng hễ những sách gần với cái mà xưa gọi là «kinh» 經 và «tử» 子[27] đều có

[27] **Cổ tịch Trung Quốc phân làm bốn loại: *kinh* 經, *sử* 史, *tử* 子, *tập* 集. Trong đó *kinh* là xưa nhất. *Kinh* gồm các sách lưu lại lời nói của thánh nhân. *Sử* gồm các sách liên quan đến lịch sử Trung Quốc. *Tử* gồm các sách của các triết gia hay tư tưởng gia (như Lão Tử, Trang Tử, v.v...). *Tập* bao gồm các tác phẩm văn học (văn tập, thi tập) của các tác giả lịch đại. [LAM chú]**

thể lấy làm sử liệu cho triết học sử.[28] Nhưng theo những điều đã nói trên, đối với nội dung của triết học chúng ta đã có quan niệm minh xác, vậy thì khi chọn tài liệu để viết triết học sử, chúng ta cần phải có một tiêu chuẩn nhất định. Những trứ thuật của người xưa có thể dùng làm sử liệu cho triết học sử là:

1. Nội dung của triết học đã trình bày trên đây đã xác định phạm vi của triết học, đồng thời chỉ rõ các vấn đề vốn có trong triết học. Những trứ thuật của người xưa có quan hệ đến những vấn đề đó và những thảo luận ở trong phạm vi đó đều có thể dùng làm sử liệu cho triết học sử. Nếu không vậy, thì không dùng làm sử liệu (thí dụ như sách của binh gia 兵家).

2. Như nói ở trên, triết học gia tất phải có «cái thấy» (kiến 見) riêng để lập hệ thống của mình. Cho nên những trứ thuật có cái thấy mới mẻ thì mới có thể làm sử liệu viết triết học sử. Nếu chỉ là những lời trần thuật thì không dùng làm sử liệu. Hoàng Lê Châu nói: «Cái đạo của học vấn xem cái tự dùng được của mỗi người là chân thực. Phàm kẻ bàng môn đạo thuật, nếu không phải là kẻ sĩ tầm thường thì là kẻ cốt ở mưu sinh. [...] Lấy nước giúp nước, có thể gọi là học vấn hay sao?»[29] Lời này chính là nói ý đó.

3. Một triết học tất có quan niệm cốt lõi của nó (tức là cái thấy riêng của triết học gia). Hễ trứ thuật nào không có quan niệm cốt lõi, tức là sách của tạp gia, đại loại như *Lã Thị Xuân Thu, Hoài Nam Tử*, v.v... đều không thể dùng làm sử liệu gốc, nhưng vì nó ghi lại lời của các nhà riêng biệt, có giá trị như báo cáo, cho nên có thể dùng nó làm sử liệu phụ trợ.

4. Triết học của một triết học gia cần phải nêu ra biện luận lý trí. Vì thế, phàm những câu, những đoạn vụn vặt, không thể coi là sử liệu gốc được. Thí dụ, *Kinh Thi* nói: «Dân chi bỉnh di, hiếu thị ý đức.» 民之秉彝好是懿德 (Dân chúng có tính chất bình thường, nên họ thích nết tốt). Nhưng như đã nói trên đây, triết học của một thời đại có tương quan nhân quả với tình thế và trạng huống tư tưởng của thời đại ấy. Cho nên, những ngôn luận ấy cũng có thể sưu tập để hiểu tư tưởng lưu hành trong

---

[28] Cao Lại Vũ Thứ Lang 高瀨武次郎 (Nhật Bản) – tác giả của *Chi Na triết học sử (lịch sử triết học Trung Quốc)* 支那哲學史 – có thể đại biểu cho những người có ý kiến như vậy. Trong quyển sách của mình, ông đã nêu ra sự quan trọng của các sách binh gia 兵家. Như về Tôn Tử 孫子, ông nói: «Văn của Tôn Tử, tinh mà giản lược, khúc chiết mà cao khiết, không thẹn là kiệt tác thời Xuân Thu. [...] Văn ông hư hư thực thực, giản dị mà uyên thâm, không thể thêm bớt một chữ. [...] Cho nên sách của Tôn Tử không những là sách báu của binh gia mà còn là áng văn chương hào hùng hiếm hoi trên phương diện văn tự nữa.» (Bản dịch chữ Hán của Triệu Lan Bình 趙蘭坪, quyển I, trang 286). Sự nhiệt thành này khiến người ta dễ ngờ binh học sử là văn học sử.

[29] *Minh Nho học án* 明儒學案 (thiên Phát Phàm 發凡).

một thời, để hiểu rõ bối cảnh của hệ thống triết học.

5. Triết học của một triết học gia có quan hệ với nhân cách của triết học gia ấy. Cho nên những trần thuật của triết học gia, nếu có thể biểu thị được nhân cách của họ thì đều có thể được chọn làm sử liệu.

Theo những tiêu chuẩn trên đây mà sưu tập sử liệu để viết triết học sử Trung Quốc thì «dẫu không trúng nhưng cũng không đi xa [sự thật] vậy» (Tuy bất trúng, bất viễn hĩ 雖不中不遠矣).

CHƯƠNG DẪN NHẬP

(chương 1 rút gọn của dịch giả Derk Bodde)

Khi quan tâm đến lịch sử tư tưởng Trung Quốc, ai cũng vướng phải ba câu hỏi: (1) Bản chất của triết học Trung Quốc là gì, và nó có đóng góp gì cho thế giới? (2) Phải chăng – như người ta thường nói – triết học Trung Quốc thiếu hệ thống? và (3) Phải chăng triết học Trung Quốc không phát triển?

Với câu hỏi thứ nhất – ***Bản chất của triết học Trung Quốc là gì, và nó có đóng góp gì cho thế giới?*** – ta có thể trả lời tốt nhất bằng cách so sánh sơ lược triết học Trung Quốc với triết học Tây phương. Nếu ta xem xét các vấn đề được nghiên cứu bằng cái gọi là *Huyền học* 玄學 đời Ngụy (220-265) và đời Tấn (265-420), bằng cái gọi là *Đạo học* 道學 đời Tống (960-1279) và đời Minh (1368-1644), và bằng cái gọi là *Nghĩa lý học* 義理學 đời Thanh (1644-1912), thì ta thấy rằng những vấn đề này tương tự đáng kể với những vấn đề trong triết học Tây phương.

Tại Tây phương, triết học được chia làm các bộ môn như: siêu hình học (metaphysics), đạo đức học (ethics), tri thức luận (epistemology), luận lý học (hay logic học: lô-gíc), v.v... Tương tự như vậy tại Trung Quốc thế kỷ V TCN, ta thấy một câu nói của Khổng Tử về *nhân tính* 人性 và *thiên đạo* 天道. Câu nói này liên quan hai bộ môn của tư tưởng triết học Tây phương: nhân tính ứng với đạo đức học (ethics), thiên đạo ứng với siêu hình học (metaphysics). Những bộ môn khác như luận lý học (logic) và tri thức luận (epistemology) chỉ được đề cập vào thời đại Tử học tại Trung Quốc (trải dài từ thời Khổng Tử đến khoảng năm 100 TCN) và đã bị các nhà tư tưởng về sau (thí dụ đời Tống và đời Minh) bỏ qua. Có thể nói rằng triết học về sau đã phát triển một phương pháp luận, khi nó bàn đến cái gọi là «phương pháp để học» (vi học chi phương 爲學之方). Tuy nhiên, phương pháp này không chủ yếu truy cầu tri thức, mà chỉ nhắm vào tu thân; nó không truy cầu chân lý, mà chỉ truy cầu cái thiện.

Do đó, về mặt phương pháp luận (theo ý nghĩa của Tây phương) thì triết học Trung Quốc có vị thế khiêm tốn khi so với triết học Tây phương hay triết học Ấn Độ. Sở dĩ như vậy vì người Trung Quốc ít quan tâm phương pháp luận chứ không phải là họ không có khả năng đưa ra phương

pháp luận. Đa số các triết học gia Trung Quốc không cho tự thân tri thức là tốt, cho nên không vì tri thức mà cầu tri thức. Chẳng những không vì tri thức mà cầu tri thức, mà những tri thức có thể làm con người thêm hạnh phúc thì họ cũng muốn đem ra thực hành để con người tăng thêm hạnh phúc chứ không muốn thảo luận suông. Vì thế, xưa nay người Trung Quốc không xem trọng việc viết sách, lập thuyết. Các triết học gia Trung Quốc thường rao giảng đạo «nội thánh ngoại vương» 內聖外王. Nội thánh là người đã lập đức, ngoại vương là người đã lập công trạng lớn ở đời. Lý tưởng cao tột của con người là phải có đức của thánh nhân và có công nghiệp của đế vương, tức là thành thánh vương 聖王, tức là hạng mà Plato gọi là «triết học vương giả» 哲學王者(ông vua kiêm triết gia: philosopher-king).

Do đó, khi một thánh nhân không làm được đế vương (hoặc thậm chí không làm được quan tướng) để thực hành được đạo của mình, thì bất đắc dĩ mới quay về mà lập ngôn. Vì thế các triết học gia Trung Quốc coi việc viết sách và lập thuyết là chuyện bất đắc dĩ. Cũng bởi thế nên trong lịch sử triết học Trung Quốc ít có những bộ sách triết học có hình thức hoàn bị và được trình bày nhất quán. Thường thường chính triết gia hoặc môn nhân của họ gom góp những bài viết tạp nhạp mà thành một khối rời rạc. Vì thế, lý lẽ trong sách tuy đủ vững, nhưng luận chứng để bênh vực lý lẽ đó lại thường quá đơn giản và rời rạc.[1]

Tóm lại, triết học Trung Quốc luôn nhấn mạnh «con người là gì» (tức là phẩm chất đạo đức) hơn là «con người có gì» (tức là khả năng trí tuệ và vật chất). Nếu một người là thánh nhân thì ông ta sẽ mãi là thánh nhân dù cho ông ta thiếu tri thức. Nếu ông ta là ác nhân thì ông ta cứ là kẻ ác dù kiến thức có sâu rộng đến đâu. Vương Dương Minh (1473-1529) đã so sánh thánh nhân với vàng ròng, cho rằng một người cần có phẩm chất thanh khiết để thành thánh nhân, không cần biết kiến thức hay khả năng khác của ông ta như thế nào. Những kiến thức và khả năng có thể khác nhau giữa người này người nọ thí dụ như như tám *pound*[2] vàng với chín *pound* vàng, khối lượng tuy có khác, nhưng kể về vàng ròng thì y hệt như nhau. Chất ròng của vàng thuộc về «là cái gì», còn khối lượng thì thuộc về mặt «có cái gì». Các triết gia Trung Quốc xem trọng «là cái gì»

[1] Một giải thích khả dĩ chấp nhận được về việc này đó là vào thời cổ đại, trước khi giấy được phát minh, người ta viết chữ trên thẻ tre (trúc giản). Vì chất liệu cồng kềnh, cho nên lời lẽ được ghi chép phải càng cô đọng càng tốt. Đến khi giấy được phát minh rồi (khoảng năm 105 CN) thì cách ghi chép như thế đã thành thói quen, và điều này giải thích tại sao cổ văn Trung Quốc cực kỳ cô đọng.

[2] 1 pound= 453 gam. [LAM chú]

mà không xem trọng «có cái gì», cho nên không xem trọng tri thức. Đây là một lý do giải thích tại sao Trung Quốc chỉ có khởi nguyên của khoa học mà thiếu một hệ thống khoa học được phát triển đúng đắn.[3]

Tương tự, tri thức luận (epistemology) đã không hình thành một phần trọng yếu của triết học Trung Quốc, bởi vì triết học Trung Quốc không quan tâm việc vì tri thức mà cầu tri thức, và cũng vì nó không phân định ranh giới rõ ràng giữa cá nhân và vũ trụ. Lịch sử cận đại của Tây phương có một đặc điểm rất quan trọng, đó là sự ý thức về *ngã* 我 (cái ta: ego). Sau khi ta có ý thức về *ngã* thì cái thế giới liền chia làm hai: *ngã* 我 (ta) và *phi ngã* 非我 (không phải ta: non-ego). *Ngã* là chủ quan, *phi ngã* là khách quan. Sự phân chia này nảy sinh vấn đề «*ngã* làm sao biết được *phi ngã*». Thế là tri thức luận 知識論 trở thành một bộ phận trọng yếu trong triết học Tây phương. Trong tư tưởng của người Trung Quốc chưa có tự ý thức rõ ràng về cái ta, cho nên cũng chưa biết chia ra *ngã* và *phi ngã*. Vì vậy mà vấn đề tri thức (theo nghĩa hẹp) chưa trở thành một vấn đề trọng yếu trong triết học Trung Quốc.[4]

Triết học Trung Quốc vì quá chú trọng nhân sự (human affairs) nên không chú trọng nhiều siêu hình học (metaphysics). Vì thế các bộ môn triết học mà tôi đã nêu trên thì rất phát triển tại Tây phương, còn ở triết học Trung Quốc thì các bộ môn phát triển không đều nhau. Triết học Trung Quốc vì quá chú trọng cái đạo *nội thánh* 內聖 nên giảng giải rất kỹ về phương pháp tu dưỡng, tức là «phương pháp để học» (vi học chi phương 爲學之方). Và Trung Quốc đã thực sự cống hiến rất lớn về phương diện này.

Điều nói trên đã phần nào trả lời được câu hỏi thứ hai (trong ba câu hỏi của chúng ta): «***Phải chăng triết học Trung Quốc thiếu hệ thống?***» Về sự biểu đạt ý tưởng (presentation of ideas) thì quả là có khá ít sách của các triết học gia Trung Quốc được trình bày nhất quán và có thứ tự lớp lang; vì thế người ta thường bảo rằng triết học Trung Quốc không có hệ thống. Nhưng cái gọi là hệ thống thì có hai thứ: *hệ thống hình thức* (formal system) và *hệ thống thực chất* (real system). Hai hệ thống này không có quan hệ liên đới. Triết học của các triết học gia Trung Quốc tuy thiếu hệ thống

[3] Xem *Why China has no science* (Tại sao Trung Quốc không có khoa học) của Phùng Hữu Lan, in trong: *The International Journal of Ethics* (chuyên san luân lý quốc tế), bộ 32, số 3.

[4] Kỳ thực có một vài tông phái Phật giáo tại Trung Quốc đã thâm cứu về ngã và phi ngã. Tuy nhiên, những tông phái này chủ yếu trình bày tư tưởng Ấn Độ hơn là Trung Quốc, do đó đã thất bại (ít nhất là ở hình thức nguyên thuỷ) và không thể trở thành một bộ phận xuyên suốt trong luồng tư tưởng chủ yếu của Trung Quốc. Về đại thể, tư tưởng Trung Quốc ít chú ý đến những vấn đề nảy sinh từ sự nhận thức về sự phân biệt giữa ngã và phi ngã. [DB chú].

hình thức, nhưng nếu nói triết học Trung Quốc không có hệ thống thực chất (tức là ta không tìm thấy một sự nhất quán hữu cơ của các ý tưởng trong triết học Trung Quốc) thì chẳng khác gì bảo rằng triết học Trung Quốc không là triết học, và Trung Quốc không có triết học. Triết học cổ của Hi Lạp cũng không có hệ thống hình thức. Do đó Socrates vốn không viết sách. Plato viết sách theo thể đối thoại. Đến Aristotle mới có những luận văn thảo luận rõ ràng về các vấn đề. Nếu xét về hệ thống hình thức thì triết học của Aristotle có hệ thống hơn. Nhưng nếu kể về thực chất thì triết học của Plato cũng có hệ thống như vậy. Căn cứ như trên thì triết học của một triết học gia mà đáng gọi là triết học tất phải có hệ thống thực chất (real system), và về mặt hình thức, tuy triết học Trung Quốc kém tính hệ thống so với triết học Tây phương, nhưng hệ thống thực chất của triết học Trung Quốc thì cũng chẳng kém gì. Nếu vậy, nhiệm vụ quan trọng của người viết triết học sử là phải tìm ra một hệ thống thực chất trong một triết học thiếu hệ thống hình thức.

Việc tìm kiếm hệ thống thực chất ẩn tàng trong một triết học dẫn chúng ta đến câu hỏi thứ ba: «***Phải chăng triết học Trung Quốc không phát triển?***» Khi nghiên cứu lịch sử, chúng ta thấy rằng cơ cấu xã hội có xu hướng tiến triển từ đơn giản đến phồn tạp. Học thuật tiến triển từ không rõ ràng đến rõ ràng. Người sau căn cứ vào kinh nghiệm của người trước, cho nên họ đều có thể lợi dụng tất cả những gì đã xảy ra trước thời của họ. Vì vậy, sự tiến triển của lịch sử là sự tiến bộ, một xu hướng mà chúng ta thấy là có thực khi chúng ta khảo sát triết học sử Trung Quốc. Phạm vi và các vấn đề nghiên cứu của triết học Trung Quốc sau đời Hán thì không nhiều và rộng bằng trước đời Hán. Nhưng triết học sau đời Hán được giải thích rõ ràng hơn trước đời Hán. Những người bình luận không xét kỹ, khi thấy Khổng Tử nói về hai vị vua nửa hư nửa thực (semi-mythical Emperors) Nghiêu và Thuấn, thấy Đổng Trọng Thư (179?-104? TCN), Chu Hi (1130-1200), Vương Dương Minh (1473-1529) nói về Khổng Tử, thậm chí thấy Đái Đông Nguyên (1723-1777) và Khang Hữu Vi (1858-1927) thời nay cũng nói về Khổng Tử, bèn cho rằng người xưa có đủ tất cả mà người nay chẳng có gì hết. Thực tế, nếu chúng ta nghĩ rằng những người như Đổng Trọng Thư và Vương Dương Minh không chỉ là nhà bình chú, và nghĩ rằng những tác phẩm triết học của họ vốn trình bày triết học của riêng họ chứ không phải là triết học có trước họ, thì sự tiến triển của triết học Trung Quốc quả là hiển nhiên.

Có người bảo rằng điều mà những người như Đổng Trọng Thư và Vương Dương Minh nói thì trong sách Nho gia ngày xưa cũng đã nói rồi. Đổng Trọng Thư và Vương Dương Minh chỉ làm công việc phát huy cái

có sẵn thôi, sao họ có thể được nhìn nhận là đã hình thành triết học riêng của mình? Họ có cống hiến mới mẻ nào đâu? Giả sử chúng ta thừa nhận hai nhà đó chỉ phát huy tư tưởng có sẵn, thì chúng ta cũng không nên coi nhẹ việc phát huy, bởi vì phát huy là tiến bộ. Đứa trẻ phát triển thành người lớn, người lớn chẳng qua là đã phát huy những quan năng tiềm tàng trong đứa bé mà thôi. Trứng gà biến thành gà, thì gà chẳng qua là đã phát huy những quan năng tiềm tàng trong trứng gà mà thôi. Nhưng sao có thể nói đứa trẻ là người lớn, trứng gà là gà? Dùng danh từ của Aristotle mà nói thì *tiềm năng* (potentiality) và *hiện thực* (actuality) rất khác nhau. Từ tiềm năng đến hiện thực là tiến bộ. Muốn xem dấu vết sự tiến bộ của triết học Trung Quốc thì trước tiên chúng ta phải đem tài liệu của thời đại nào trả lại cho thời đại ấy, lời của ai thì trả lại cho người ấy. Có như thế thì mới thấy rõ bộ mặt thật của triết học của các triết học gia, và thấy sự tiến bộ của triết học Trung Quốc là hiển nhiên.

Những nhà nghiên cứu trước đây về văn minh Trung Quốc, hoặc không phân biệt sách giả (nguỵ thư 僞書) với sách thật (chân thư 眞書), hoặc biết phân biệt chân nguỵ nhưng lại cho sách giả là vô giá trị. Đó là một nguyên nhân khiến triết học sử Trung Quốc nhìn bề ngoài cơ hồ không tiến triển. Chúng ta nghiên cứu triết học sử tất phải biết phân biệt sử liệu giả và thật, vì nếu không thế thì không thể thấy rõ bộ mặt thật của tư tưởng các thời đại. Nếu chỉ nghiên cứu về triết học (chứ không nghiên cứu triết học sử) thì chúng ta chỉ chú trọng những điều nói trong sách là có giá trị hay không. Còn những lời đó do ai nói ra, thuộc thời đại nào, thì không ta không quan tâm. Sách đó tuy giả nhưng cũng không vì thế mà giảm giá trị, miễn là những ý tưởng mà nó trình bày vốn có giá trị. Sách kia tuy thật nhưng không vì thế mà tăng thêm giá trị, nếu như tự bản thân những gì mà nó nêu ra là vô giá trị.

Tuy nhiên, theo quan điểm của nhà viết triết học sử, sách giả có thể có giá trị. Bởi vì tuy không thể đại biểu cho tư tưởng thời đại mà nó giả mạo nhưng nó là tư tưởng của thời đại mà nó được tạo ra, cho nên nó chính là sử liệu triết học sử của thời đại sản sinh ra nó. Như thiên Dương Chu trong sách *Liệt Tử*, tuy không phải là học thuyết của Dương Chu (có lẽ sống vào thế kỷ IV TCN), nhưng nó biểu hiện một cách hệ thống một trào lưu tư tưởng khoảng đời Nguỵ (220-265) và đời Tấn (265-420). Nó chính là sử liệu triết học đời Nguỵ Tấn. Cho nên tuy xem thiên Dương Chu là giả, nhưng ta cũng không nên vất bỏ đi, mà chỉ nên dời nó xuống đời sau mà thôi. Dời nó xuống đời sau vì muốn lịch sử viết tương hợp với thực tế để có thể đạt được sự thật.

CHƯƠNG 2

PHIẾM LUẬN THỜI ĐẠI TỬ HỌC

1. Mở đầu thời đại Tử học

Văn hoá Trung Quốc đến đời Chu (1122?-256 TCN) thì qui mô đã đầy đủ. Khổng Tử nói: «Nhà Chu noi gương hai nhà trước [tức Hạ và Thương], văn hoá rực rỡ thay! Ta theo Chu.»[1] Trong tâm trí của Khổng Tử, điển chương và chế độ nhà Chu quả thực là «trên có thể nối theo thánh nhân đã qua, dưới có thể mở lối cho kẻ hậu học» (Thượng kế vãng thánh, hạ khai lai học 上繼往聖 下開來學). Trọn đời, Khổng Tử đã có chí hướng noi theo công nghiệp của Văn Vương và Chu Công (hai vị sáng lập nhà Chu). Sách *Luận Ngữ* nói rất rõ điều đó. (Xem chương 4, tiết 2).

Văn hoá (tức là *văn* 文) và điển chương chế độ (tức là *lễ* 禮) của nhà Chu mặc dù có thể xem xét được, nhưng từ Khổng Tử về trước chưa hề có tư nhân trứ thuật điều đó.[2] Chương Thực Trai (tức Chương Học Thành, 1738-1801) nói: «Xưa không hề có việc trứ thuật. Quan sư (quan và thầy) coi giữ việc điển chương, sử thần giữ việc ghi chép. Cái đạo của văn tự, trăm quan dùng để cai trị, vạn dân dùng để xem xét. Cái dụng của nó đã đủ rồi, vì vậy thánh vương viết cùng một lối chữ để bình thiên hạ, chưa hề không dùng trong chính giáo điển chương, chưa hề lấy văn tự làm trứ thuật của một người. Đạo không thi hành được, Nho gia mới lập ra học phái của họ, vì thế mà công lao của Khổng Tử hơn cả Nghiêu và Thuấn.»[3]

Lời nói ấy đã lý tưởng hoá thời xưa; nếu bỏ phần lý tưởng hoá đi thì

---

1 *Luận Ngữ* 論語 (Bát Dật 八佾): «Chu giám ư nhị đại, úc úc hồ văn tai. Ngô tùng Chu.» 周監於二代郁郁乎文哉吾從周.

2 Các sách tương truyền ra đời trước Khổng Tử đều là sách giả do người đời sau viết. Bộ *Lão Tử Đạo Đức Kinh* giả định là được viết trước thời Khổng Tử, cũng ra đời trễ hơn nhiều. (Xem chương 8, tiết 1)

3 *Văn Sử Thông Nghĩa* 文史通義, chương Thi Giáo 詩教, trong *Chương Thị Di Thư* 章氏遺書, quyển thượng, trang 23.

lời ấy có lẽ cũng gần với sự thật. Trung Quốc thời xưa vốn do giới quý tộc cai trị; kẻ có chính quyền tất có tài sản, có tri thức. Giai cấp thống trị về chính trị và kinh tế cũng tức là giai cấp trí thức. Thế nên giữa quan và thầy không có sự phân biệt (quan sư bất phân 官師不分). Giới quý tộc cầm quyền, bận bịu việc chính trị, tất có ít thì giờ để viết sách. Hơn nữa, họ đã nắm chính quyền, tức là có lý tưởng và có thể thực hành lý tưởng của mình, tạo thành «chính giáo điển chương».[4] Như thế thì họ không cần phải viết sách nữa. Viết sách chỉ là việc bất đắc dĩ mới làm, các triết học gia Trung Quốc đều có kiến giải như thế. Triết học là tư tưởng có hệ thống của triết học gia phải được biểu hiện trong những trứ thuật của tư nhân. Trước Khổng Tử không có việc tư nhân viết sách. Thời xưa có triết học chính thức hay không thì chúng ta không sao biết được. Khổng Tử không hề dùng văn tự để sáng tác tác phẩm riêng cho mình, mà trọn đời giảng học chứ chưa từng làm quan hay làm việc gì khác. Việc này hiện nay thường thấy, nhưng ngày xưa nó là một trường hợp đặc biệt. Cứ xem những ghi chép của của các môn nhân của Khổng Tử, thì ngài quả thực có hệ thống tư tưởng.[5] Do đó, Khổng Tử là người khai đường mở lối cho lịch sử triết học Trung Quốc. Hậu thế tôn ông là vị thầy duy nhất để noi theo, tuy không đúng lắm, nhưng không phải là không có duyên cớ. Do đó bộ sách *Trung Quốc triết học sử* của tôi bắt đầu nói từ Khổng Tử trở đi, bởi vì trước Khổng Tử không có hệ thống tư tưởng nào đáng gọi là triết học cả.

2. Nguyên nhân triết học phát đạt ở thời đại Tử học

Trong tất cả các thời kỳ của triết học sử Trung Quốc, thì thời kỳ Tử học là có nhiều phái triết gia, có nhiều vấn đề được họ thảo luận, phạm vi rộng lớn, việc nghiên cứu gây thú vị vô cùng, và có không khí sôi nổi. Sở dĩ có tình hình đặc biệt đó là có nguyên do đặc biệt của nó, xin kể ra sau.[6]

---

[4] Derk Bodde dịch «chính giáo điển chương» là «texts used in government instruction» (những văn bản được dùng trong việc hướng dẫn về cai trị). [LAM chú]

[5] Những trứ thuật của tư nhân trước thời Chiến Quốc (403-221 TCN) không nhất thiết phải do đích thân họ viết ra. (Xem tiết 5 của chương 2 này)

[6] Khi luận về thời thế từ Lão Tử và Khổng Tử trở về trước, Hồ Thích 胡適 kết luận rằng vào cái thời mà *«chính trị tối tăm như thế, xã hội loạn lạc như thế, giàu nghèo chênh lệch như thế, dân sinh khốn khổ như thế, nếu đã có những tình thế ấy tất nhiên trong xã hội phải phát sinh những phản động về tư tưởng»*. (*Trung Quốc triết học sử đại cương* 中國哲學史大綱, trang 42). Sự thật thì trong lịch sử Trung Quốc hầu như thời đại nào cũng có tình hình như thế cả. Việc phát sinh của triết học cổ đại tất có quan hệ đến tình thế nói trên, nhưng không thể dẫn ra để nói đó là tình hình đặc thù của triết học thời xưa. Lương Khải Siêu 梁啓超 (1873-1929) nói có phần đúng hơn, nhưng những điều ông ta nói là «đáng chú ý» thì ở đời sau cũng thường có, cho nên sự giải thích của ông cũng bất cập. (*Lương Nhiệm Công học thuật giảng diễn tập* 梁任公學術講演集, tập I, trang 11-16)

Từ thời Xuân Thu (722-481 TCN) xuống đến đầu đời Hán (206 TCN - 220 CN) là thời đại giải phóng lớn trong lịch sử Trung Quốc. Trong thời đó, các chế độ chính trị, các tổ chức xã hội, các chế độ kinh tế đều thay đổi đến tận gốc. Thời xưa, chính trị do quý tộc nắm, các nước hoặc do nhà Chu phong, hoặc sẵn có từ trước. Trong các nước đó, các khanh đại phu đều là công hầu nối đời làm quan; còn thứ dân thì không thể tham gia chính quyền. *Tả Truyện* 左傳 [7] (Chiêu công thất niên 昭公七年, tức năm 535 TCN) chép: «Trời có [từng đợt] mười ngày, người có mười đẳng cấp. Dưới là để phụng sự trên, trên là để phụng sự thần linh. Cho nên để làm trăm việc thì có hệ thống cai trị: Vương cai trị công, công cai trị đại phu, đại phu cai trị sĩ, sĩ cai trị tạo, tạo cai trị dư, dư cai trị lệ, lệ cai trị liêu, liêu cai trị bộc, bộc cai trị đài; nuôi ngựa có ngữ; chăn trâu có mục.» [8] Chính trị do quý tộc đời xưa nắm quyền có chế độ nối đời làm quan, nối đời ăn lộc, cho nên xã hội thời ấy mới có các giai cấp kể trên. Khi chính trị do quý tộc nắm quyền đã sụp đổ thì chính trị và chế độ xã hội đương thời cũng bị thay đổi đến tận gốc.

Triệu Dực viết: «Giữa khoảng đời Tần-Hán là một cuộc thay đổi lớn của trời đất. Từ xưa đều phong kiến, vua chư hầu làm vua nước mình, các khanh và đại phu nối đời làm quan, chuyện đó thành lệ rồi cứ nối theo mãi, coi như là việc cố nhiên. Về sau ngày càng thêm tệ: vua chúa hoang dâm bạo ác, ngược đãi dân chúng vô cùng, cường thần đại tộc giết vua cướp ngôi, hoạ loạn không ngớt. Rốt cuộc còn lại có bảy nước. Chiến tranh lại càng tăng, xảy ra máu chảy đầu rơi. Tình thế đó không thể không biến chuyển, nên cục diện các khanh và hầu nối đời mấy ngàn năm nay trong một lúc cũng khó tránh được thay đổi. Cho nên, trước tiên kẻ sĩ từ giai cấp dưới nổi lên. Về du thuyết thì Phạm Thư, Sái Trạch, Tô Tần, Trương Nghi, v.v... bình dân mà thành quan văn. Về chinh chiến thì Tôn Tẫn, Bạch Khởi, Lạc Nghị, Liêm Pha, Vương Tiễn, v.v... tay trắng mà thành tướng võ. Từ đó mở đầu cho trường hợp những kẻ thường dân áo vải tiến lên làm quan tướng, tuy nhiên quyền lực vẫn còn trong tay các vua. Trời muốn mượn quyền lực ấy mà hợp nhất, cho nên không thể

---

[7] **Một bộ sử chi tiết, có lẽ được viết suốt thế kỷ III TCN, bao quát các sự kiện đương thời, và phần lớn chép kỹ các sự kiện trong thời Xuân Thu. [DB chú]**

[8] **Thiên hữu thập nhật, nhân hữu thập đẳng, hạ sở dĩ sự thượng, thượng sở dĩ cung thần dã. Cố vương thần công, công thần đại phu, đại phu thần sĩ, sĩ thần tạo, tạo thần dư, dư thần lệ, lệ thần liêu, liêu thần bộc, bộc thần đài, mã hữu ngữ, ngưu hữu mục, dĩ đãi bách sự.** 天有十日，人有十等，下所以事上，上所以共神也。故王臣公，公臣大夫，大夫臣士，士臣皂，皂臣輿，輿臣隸，隸臣僚，僚臣僕，僕臣臺，馬有圉，牛有牧，以待百事。

một sớm quét sạch nó, khiến cho kẻ thất phu có được thiên hạ. Cho nên vua Tần diệt sáu nước, thống nhất Trung Quốc. Nếu bấy giờ vua Tần cai trị nhân đạo, cùng dân nghỉ ngơi, thì tai hoạ và loạn lạc làm gì xảy ra. Tầng lớp dưới tuy không có hạng bề tôi nối đời ăn lộc, nhưng tầng lớp trên vẫn có hạng vua cha truyền con nối. Nhưng vua Tần lại ra oai ngược đãi dân chúng, khiến ai ai cũng muốn làm loạn, bốn bể sôi sục, chốn quê mùa phất lên khởi nghĩa. Hán Cao Tổ là kẻ thất phu nổi dậy, dẹp quần hùng mà lên ngôi chí tôn. Vua vốn là một kẻ áo vải thì bề tôi cũng toàn bọn vô lại bạt mạng, nhờ lập công mà thành quan văn tướng võ; đó là do khí vận mà nên. Cuộc biến thiên của trời ấy mới bắt đầu ổn định. Giữa Sở và Hán, sáu nước đều lập người nối ngôi, thí dụ như Sở Hoài Vương Tâm, Triệu Vương Yết, Ngụy Vương Quỹ, Ngụy Vương Báo, Hàn Vương Thành, Tề Vương Điền Chiêm, Điền Vinh, Điền Quảng, Điền An, Điền Thị, v.v... Hán cũng phong cho công thần; trước hết cắt đất phong vương cho Bành và Hàn, rồi chia nước phong hầu cho Giáng và Quán. Bởi dân tình đã quen với cảnh cũ ở đời phong kiến, nên tập tục này chưa có thể bỏ ngay được. Chẳng bao lâu vua chúa sáu nước đều bại diệt. Trong tám người khác họ mà Hán phong vương thì bảy người đều bị bại diệt. Xem thế đủ biết dân tình dù có mến cũ nhưng thiên ý đã đổi mới, nên việc trừ khử mới dễ như thế. Thời đó con em các nước vẫn được phong làm vua. Sau khi bảy nước làm phản thì chư hầu bị nghiêm cấm việc phong vương. Trừ chức *lại* ra, còn các chức vị khác thì đều do thiên triều bổ dụng, vua chư hầu chỉ được thu thuế mà thôi. Nhưng phần nhiều các nước chư hầu đều vì việc triều chính mà mất nước. Dần dần cái phép lập khanh và hầu nối đời của thời Tam đại suy tàn đến hết; việc tuyển cử và khoa mục bắt đầu mở ra lan tràn trong thiên hạ. Đó chẳng phải là tự trời hay sao?» [9]

Chúng ta không đồng ý với Trương Dực về cái gọi là *thiên ý* (ý trời), nhưng lời lẽ trên cho thấy xu thế sụp đổ của nền chính trị đo giới quý tộc đương thời nắm giữ. Việc đó từ thời Xuân Thu cũng đã thấy rồi, như Ninh Thích chăn trâu mà làm quan nước Tề, Bách Lý Hề là nô lệ mà làm quan nước Tần; tức là kẻ thường dân bước lên làm quan vậy. *Kinh Thi* có bài Thức Vi 式微 của Lê hầu 黎侯. Còn *Tả Truyện* thì chép: «Loan, Khước, Tư, Nguyên, Hồ, Tục, Khánh, Bá bị giáng xuống làm *tạo* 皂 và *lệ* 隸.»[10] Khổng Tử vốn thuộc giới quý tộc nước Tống, nhưng vì nghèo mà có khi làm *ủy lại* 委吏 (chức lại coi kho), có khi làm

---

[9] ***Trấp Nhị Sử Trát Ký*** 廿二史札記 ***(ghi chép 24 sử)***, **quyển 2.**

[10] ***Tả Truyện*** 左傳, **quyển 14, Chiêu Công tam niên** 昭公三年: **«Loan, Khước, Tư, Nguyên, Hồ, Tục, Khánh, Bá giáng vi tạo lệ.» 欒卻胥原狐續慶伯降爲皂隸. (LAM chú: Đó là tám dòng họ lớn của nước Tấn. *Tạo lệ*: hạng nô lệ, tôi tớ.)**

thừa điền 乘田 (người canh giữ ruộng công). Đó là hạng quý tộc bị giáng xuống làm dân. Như thế chế độ giai cấp bị tiêu diệt dần. Đến đời Hán Cao Tổ thì thất phu mà làm tới thiên tử, đó là sự thay đổi đến gốc rễ của chế độ chính trị, tổ chức xã hội đương thời vậy.

Chế độ kinh tế *tỉnh điền* 井田 [11] liên quan mật thiết đến chế độ chính trị do giới quý tộc nắm giữ. *Kinh Thi* chép: «Dưới trời đâu đâu cũng là đất của vua. Trong đất ấy, ai ai cũng là bề tôi của vua.»[12] *Tả Truyện* (năm Chiêu Công thứ 7, tức 535) chép: «Thiên tử quản lý khắp thiên hạ, chư hầu cai quản đất được thiên tử ban cấp cho, đó là chế độ xưa. Ở trong cương thổ đâu chẳng là đất của vua; ăn rau và ngũ cốc của đất ấy, ai chẳng là dân của vua.»[13] Đời sau cho rằng «đất của vua» (vương thổ) và «bề tôi của vua» (vương thần) chỉ có ý nghĩa về mặt chính trị. Nhưng dưới chế độ phong kiến ngày xưa, nó còn gồm ý nghĩa kinh tế nữa.

Trên đã nói đến các giai cấp trong xã hội, đó không phải chỉ có ý nghĩa về mặt chính trị xã hội mà còn cả ý nghĩa kinh tế nữa, bởi thiên tử, vua chư hầu, khanh, đại phu đều là chủ nhân của dân trên phương diện chính trị và kinh tế. Thí dụ như nhà Chu lấy đất phong cho con em làm chư hầu, tức là con em được làm quân chủ lẫn địa chủ những đất ấy. Chư hầu lại lấy đất ấy chia lại cho con em họ, con em họ lại phân đất ra cho dân đen canh tác. Dân đen không thể tự có đất riêng cho nên chỉ có thể làm nông nô cho hạng chủ nhân trên phương diện chính trị và kinh tế. Trong *Tả Truyện* hay trong *Quốc Ngữ* cũng có chép những việc hoạt động chính trị đương thời, nhưng đó chẳng qua chỉ là sự hoạt động của một số nhà quý tộc đương thời mà thôi. Còn như dân đen vào thời bình thì phải lao động phục vụ cho giới quý tộc, đến khi có giặc lại đi chết thay cho quý tộc.

Vương Thuyền Sơn 王船山 nói: «Các nước thời Tam Đại chỉ rộng bằng một huyện đời nay. Kẻ sĩ không ra khỏi trăm dặm, mà con các quan khanh, đại phu lại luôn làm hạng sĩ, cho nên kẻ có thế lộc thì có thế điền, tức là nối đời mà kinh doanh vậy. Tên gọi là 'khanh' và 'đại phu' thật ra

---

[11] **Chữ *tỉnh* 井 tượng trưng thửa ruộng hình vuông được phân thành 9 ô vuông, 8 ô vuông ruộng phía ngoài do 8 hộ nông dân canh tác, còn ô vuông ruộng chính giữa gọi là *công điền* và 8 hộ nông dân phải chung sức với nhau mà canh tác, mà phần thu hoạch ở công điền sẽ thuộc về chủ đất (quý tộc).**

[12] *Kinh Thi* 詩經: **«Phổ thiên chi hạ, mạc phi vương thổ; suất thổ chi tân, mạc phi vương thần.»** 普天之下莫非王土率土之濱莫非王臣.

[13] *Tả Truyện* 左傳, **quyển 21, Chiêu Công thất niên** 昭公七年: **«Thiên tử kinh lược, chư hầu chính phong, cố chi chế dã. Phong lược chi nội, hà phi quân thổ? Thực thổ chi mao, thuỳ phi quân thần?»** 天子經略諸侯正封古之制也封略之內何非君土食土之毛誰非君臣?

thì cũng như tên gọi là 'hào tộc' ở trong làng đời nay mà thôi. Họ nối đời cư ngụ đất ấy, cai quản ruộng ấy, tu sửa ao hồ, và cai trị dân trợ cày, v.v...»[14]

«Dân trợ cày» (kỳ trợ canh chi manh 其助耕之氓) tức nông nô (serf). Sử gia Hạ Tăng Hữu 夏曾佑 (mất năm 1924) nói: «Xưa nay người ta bàn luận rất nhiều về chế độ tỉnh điền. Theo lời các học giả đời Hán-Đường thì hình như đời xưa có chuyện ấy, và đó là cái gốc để người xưa đi đến trị an. Theo thuyết tiến hoá của đời gần đây mà xét thì tựa như không thể có chuyện ấy. Sự biến hoá của xã hội có muôn vàn nguyên nhân, ràng buộc lấy nhau, làm sao có thể lấy tài sản trong thiên hạ đem chia ra trong một lúc; chế độ tỉnh điền bất quá chỉ là lý tưởng của nhà Nho. Hai thuyết này đến nay vẫn chưa định. Nay lấy những sách vở không phải của nhà Nho ở khoảng đời Tần Hán mà làm chứng thì hình như người xưa quả có chế độ tỉnh điền và đó là cốt lõi của việc giáo hoá. Sự thật đất đai là sở hữu riêng của quý tộc, còn nhà nông đều là nông nô, đó là sự phân biệt giữa dân đen (không có họ) và trăm họ (bách tính) của quý tộc vậy. Đến đời Tần, Thương Ưởng bỏ phép tỉnh điền. Sự kiện này đánh dấu một giai đoạn tiến hoá của xã hội.»[15]

Sử sách chép rằng Thương Ưởng 商鞅 «xoá bỏ chế độ tỉnh điền, khai mở bờ ranh các thửa ruộng, [...] vương chế xưa liền bị diệt; sự phân biệt công và tư không có chừng mực, trong số dân có kẻ giàu đến cự vạn.»[16] Đó là tình hình sau khi nông nô được giải phóng, dân đen quật khởi chiếm địa vị địa chủ. Sự diệt vong của cái gọi là chế độ tỉnh điền rõ ràng là một xu thế phổ thông của thời đại đó, còn Thương Ưởng – bằng cách sử dụng quyền lực chính trị đặc biệt – chẳng qua là đã thúc đẩy sự triệt tiêu chế độ tỉnh điền ở quy mô lớn và có ý thức.

Kế đến, hạng con buôn cũng thừa cơ mà nổi lên thành một thế lực. *Tiền Hán Thư* (Hoá thực truyện) chép: «Khi nhà Chu suy, lễ pháp sa đoạ [...], đến mức bọn kẻ sĩ và thường dân ai cũng bỏ khuôn phép cũ và bỏ gốc gác (tức nông nghiệp); dân cày ít mà con buôn nhiều; thóc không đủ mà hàng hoá có thừa. [...] Thế rồi họ buôn những hàng hiếm; thợ thuyền chế tạo những đồ vật không có ích lợi thực tế; kẻ sĩ làm những việc trái đạo lý

[14] *Thuyền Sơn Di Thư* 船山遺書 – *Độc Thông Giám Luận* 讀通鑑論 *(Luận về việc đọc Thông Giám)*, quyển 19. (LAM chú: DB bỏ câu này, không dịch.)

[15] Hạ Tăng Hữu 夏曾佑, *Trung Quốc Cổ Đại Sử* 中國古代史, tr.184.

[16] *Tiền Hán Thư* 前漢書, quyển 24, chương Thực Hoá Chí 食貨志: «Hoại tỉnh điền, khai thiên mạch [...] vương chế toại diệt, tiếm sai vô độ, thử nhân chi phú giả lũy cự vạn.» 壞井開阡陌 (...) 上農夫治田百畝之家. (DB chú: Thương Ưởng – mất năm 338 TCN – là một pháp gia danh tiếng, đã đề ra nhiều biện pháp cải cách kinh tế mới mẻ cho nhà Tần.)

để vụ lợi tức thì và phất lên giàu có. [...] Kẻ giàu thì nhà cửa chạm trổ; chó ngựa ăn thịt ăn thóc đến thừa mứa. [...] Trong dân gian, mặc dù về lý thuyết họ bình đẳng nhau, nhưng trong thực tế thì một số cậy thế lực và giàu có mà trở thành các chủ nhân của những người kém cỏi hơn.»[17]

Người ta cho rằng sở dĩ như thế là vì «vương chế bị diệt, lễ pháp sa đoạ» (vương chế diệt, lễ pháp đoạ 王制滅禮法墜), cho nên thứ dân quật khởi mà thành phú hào. Nhưng nếu theo quan điểm kinh tế sử quan mà nói thì bởi vì thế lực của bọn nông nô và con buôn trên lĩnh vực kinh tế càng ngày càng bành trướng, nên chế độ chính trị của quý tộc phải sụp đổ. Giai cấp lái buôn nổi lên, thí dụ như lái buôn Huyền Cao 弦高 đã giúp nước Trịnh chống được nước Tần (năm 627 TCN), lái buôn Lã Bất Vi 呂不韋 làm đến tướng quốc của nước Tần. Đó là các chứng cớ cho thấy rõ các nhà tư bản bấy giờ đã có ảnh hưởng trực tiếp đến chính trị ngoại giao. Tóm lại, chế độ nối đời làm quan (thế lộc 世祿) và chế độ tỉnh điền sụp đổ, cho nên dân đen được giải phóng, khuếch trương tư sản và trở nên phú hào. Đó là một biến động lớn trong chế độ kinh tế thời xưa vậy.

Những điều thay đổi nói trên phát khởi từ thời Xuân Thu, kết thúc vào giữa đời Hán. Trong khoảng vài trăm năm, đó là thời kỳ quá độ của nhịp tiến hoá của xã hội Trung Quốc và cũng là thời kỳ rất trọng yếu trong lịch sử Trung Quốc.

Trong quá trình các định chế cũ của cả một xã hội đang sụp đổ dần, tất nhiên có những kẻ bảo thủ, nhận thấy «phong tục ở đời không giống xưa và lòng người ngày càng thấp kém» (thế phong bất cổ, nhân tâm nhật hạ 世風不古人心日下), bèn nổi lên ủng hộ các định chế cũ. Chính Khổng Tử thuộc hạng này.

Khi các định chế cũ chưa lung lay, chỉ cần nêu ra một điểm thuộc định chế cũ cũng đủ cho người ta tôn kính. Nhưng một khi chúng đã lung lay rồi thì người bảo thủ phải đưa lý do tại sao cần phải ủng hộ định chế cũ, như thế mới có thể làm cho vua chúa đương thời và dân chúng bấy giờ nghe theo. Việc này Khổng Tử đã mở lối và Nho gia đời sau đã tiếp

[17] ***Tiền Hán Thư*** 前漢書, **quyển 91, Hoá Thực Truyện** 貨殖傳: **«Cập Chu thất suy, lễ pháp đoạ, [...] kỳ lưu chí hồ sĩ thứ nhân mạc bất ly chế nhi khí bản, giá sắc chi dân thiển, thương lữ chi dân đa, cốc bất túc nhi hoá hữu dư. [...] Ư thị thương thông nan đắc chi hoá, công tác vô dụng chi khí, sĩ thiết phản đạo chi hành, dĩ truy thời hiếu nhi thủ thế tư. [...] Phú giả thổ mộc bị văn cẩm, khuyển mã dư nhục túc. [...] Kỳ vi biên hộ tề dân, đồng liệt nhi dĩ tài lực tương quân.»** 及周室衰禮法墜[...]其流至乎士庶人莫不離制而棄本稼穡之民少商旅之民多穀不足而貨有餘[...]於是商通難得之貨工作無用之器士設反道之行以追時好而取世資[...]富者土木文錦犬馬餘肉粟[...]其爲編戶齊民同列而以財力相君.

tục. Sự cống hiến của Nho gia chính là ở điểm này.

Tuy nhiên, cái xu hướng chung của thời đại đã khiến các định chế cũ tiếp tục tan rã cho dù các Nho gia đã ủng hộ chúng. Từ thời Khổng Tử trở đi, có những kẻ nổi lên phê phán và chống đối tất cả các định chế này. Họ muốn cải cách chúng và muốn thiết lập những định chế mới; cũng có kẻ muốn phản đối tất cả chúng. Đó là một thời kỳ quá độ mà mọi định chế cũ đã mất uy quyền của chúng và các định chế mới vẫn chưa xác định. Tất nhiên thời này sẽ không tránh khỏi sự bất định và phân kỳ. Do đó khi Nho gia ủng hộ việc tôn cổ thì những nhà có chủ trương khác buộc phải đưa ra lý lẽ chứng minh học thuyết của họ là ưu trội hơn. Các Nho gia thí dụ như Tuân Tử đã nêu ra tình trạng này khi ông nói về các học thuyết của 12 nhà: «Điều họ ủng hộ đều có cớ; lời họ rao giảng đều thành lý.»[18] Người ta đã chú trọng đến thói quen lý luận, cho nên các Danh gia mới nổi lên, với những biện luận về các chủ đề như «kiên-bạch» 堅白 (cứng-trắng) và «đồng-dị» 同異 (giống-khác) và mối quan tâm đến sự biện luận có tính thuần lý luận của họ. Do đó, khởi đầu của sự lý luận hoá 理論化 (rationalism) cũng là khởi đầu của triết học hoá 哲學化 (philosophizing) vậy.

Sách Mạnh Tử nói: «Thánh vương không xuất hiện, chư hầu phóng túng, xử sĩ nói càn.»[19] Sách Trang Tử nói: «Thiên hạ đại loạn, hiền thánh không lộ diện, đạo đức không thống nhất, trong thiên hạ nhiều người chỉ biết một phần của đạo để tự vui... Mọi người trong thiên hạ đều làm theo lòng dục của mình, xem nó là đạo riêng của mình.»[20] *Hán Thư* chép: «Chư tử có mười nhà, có thể biết được chín nhà mà thôi. Họ đều nổi lên khi vương đạo đã suy, chư hầu cai trị bằng sức mạnh... vua chúa đương thời ưa ghét khác nhau. Vì thế thuật của chín nhà nổi lên như ong và đều lưu hành, mỗi nhà nắm lấy một mối, tôn sùng cái mình cho là phải. Dùng cái đó đi du thuyết, để tranh thủ ân sủng của các vua chư

---

[18] *Tuân Tử* 荀子: «Trì chi hữu cố, ngôn chi thành lý.» 持之有故，言之成理.

[19] *Mạnh Tử* 孟子 (Đằng Văn Công hạ 滕文公下): «Thánh vương bất tác, chư hầu phóng thứ, xử sĩ hoành nghị.» 聖王不作，諸侯放恣，處士橫議. (Bất tác = bất xuất 不出)

[20] *Trang Tử* 莊子 (Thiên Hạ 天下): «Thiên hạ đại loạn, hiền thánh bất minh, đạo đức bất nhất, thiên hạ đa đắc nhất sát yên dĩ tự hảo. [...] Thiên hạ chi nhân, các vi kỳ sở dục yên dĩ tự vi phương.» 天下大亂，賢聖不明，道德不一，天下多得一察焉以自好. [...] 天下之人，各爲其所欲焉以自爲方.

hầu.»[21]

Nói rằng «thánh vương không xuất hiện», «hiền thánh không có», «vương đạo đã suy» tức là chỉ sự sụp đổ của chế độ cũ cho nên «đạo đức không thống nhất», do đó «vua chúa đương thời ưa ghét khác nhau» và «người trong thiên hạ đều làm theo lòng dục của mình, xem nó là đạo riêng của mình». Sự phát đạt của triết học thời thượng cổ là do ở sự tự do ngôn luận và tư tưởng bấy giờ, mà sự tự do đó là nhờ vào một thời đại giải phóng lớn, một thời đại quá độ lớn vậy.[22]

3. Kết thúc thời đại Tử học

Có người cho rằng thời đại Tử học kết thúc vào cuối thời Chiến Quốc (năm 221 TCN, tức là khi Tần Thuỷ Hoàng 秦始皇 thống nhất Trung Quốc). Lại có một số người vì Tần Thủy Hoàng năm 213 TCN ra lệnh đốt sách, cấm cất chứa «*Thi*, Thư, và sách vở của trăm nhà» (*Thi*, Thư, bách gia ngữ 詩書百家語), mà coi đời Tần là dã man và cho rằng học thuyết các đời trước đến đời Tần đã bị tận diệt. Kỳ thực, Tần Thủy Hoàng chỉ đốt sách trong dân gian chứ không đốt sách trong quan phủ, cấm không được dạy tư nhưng cho phép dân đến quan bác sĩ[23] cầu học.[24] Tần Thủy Hoàng và Lý Tư 李斯 chỉ muốn thống nhất tư tưởng chứ không phải muốn tận

---

[21] *Tiền Hán Thư* 前漢書, Nghệ Văn Chí 藝文志: «Chư tử thập gia, kỳ khả quan giả, cửu gia nhi dĩ. Giai khởi tự vương đạo kỷ vi, chư hầu lực chính, thời quân thế chủ, háo ố thù phương, thị dĩ cửu gia chi thuật, phong xuất tịnh tác, các dẫn nhất đoan, sùng kỳ sở thiện, dĩ thử trì thuyết, thù hợp chư hầu.» 諸子十家，其可觀者，九家而已。皆起於王道既微，諸侯力政，時君世主，好惡殊方，是以九家之術，蜂出並作，各引一端，崇其所善，以此馳說，取合諸侯。

[22] Thái độ «ưa ghét khác nhau» của các vua chư hầu mà *Nghệ Văn Chí* đề cập chính là nguyên nhân làm phát đạt tư tưởng thời Chiến Quốc (403-221 TCN). Điều này trở nên rõ ràng khi chúng ta so sánh thái độ của các vua chư hầu bấy giờ với thái độ đối với văn học và học thuật của các vua chúa, các đại quan, và các phú thương về sau này. Tuy nhiên nếu không suy xét bối cảnh kinh tế, chính trị, xã hội của thời Xuân Thu và thời Chiến Quốc thì người ta sẽ không hiểu tại sao có sự khác biệt giữa hai thái độ đó. Tự thân sự ủng hộ của vua chúa và xã hội dành cho các sinh hoạt học thuật không phải là một đặc tính của thời Xuân Thu hay thời Chiến Quốc, và do đó nó không cần phải bàn luận nhiều.

[23] Bác sĩ 博士 là chức quan dành cho các học giả. [DB chú]

[24] Thôi Thích 崔適 (1851-1924), *Sử Ký Thám Nguyên* 史記探源, quyển 3; xem thêm: Trịnh Tiều 鄭樵 (1104-1162), *Thông Chí Hiệu Thù Lược* 通志校讎略, và Khang Hữu Vi 康有爲 (1858-1927), *Tân Học Ngụy Kinh Khảo* 新學僞經考.

diệt các học thuyết đương thời,[25] bởi vì các quan bác sĩ do Tần Thuỷ Hoàng tuyển chọn cũng gồm các học giả của các phái.[26]

Dưới chế độ khắc nghiệt của nhà Tần, không có tự do tư tưởng ngôn luận: học thuật bị trở ngại nên không phát triển được. Nhưng nhà Tần mất rất nhanh, chưa kịp gây ảnh hưởng lớn. Cho nên đầu đời Hán các học phái vẫn còn thịnh. Hán Văn Đế 漢文帝 thích lời lẽ của phái Hoàng Lão, lấy từ thiện cần kiệm làm tông chỉ trong việc trị dân. Đậu thái hậu 竇太后 cũng thích Hoàng Lão. Cái Công 蓋公 dạy Tào Tham 曹參 nên dùng thanh tĩnh vô vi mà trị nước. Cấp Ám 汲黯 chủ trương dùng thanh tĩnh mà trị dân. Hoài Nam Vương 淮南王 (mất năm 122 TCN) mời khách đến nhà mà viết sách (nay gọi là sách *Hoài Nam Tử* 淮南子), gồm hết học thuyết của mọi nhà.[27] Tư Mã Đàm 司馬談 xếp thứ tự sáu phái, cho Đạo gia đứng đầu. Giả Nghị 賈誼 giảng minh học thuyết của Thương Ưởng và Thân Bất Hại. Triều Thác 晁錯 học tập thuyết hình danh của Thương Ưởng và Thân Bất Hại. Hàn An Quốc 韓安國 thụ nhận tạp thuyết của Hàn Phi Tử. Chủ Phụ Yển 主父偃 học các thuật trường đoản và tung hoành. Những việc này đều được chép rõ trong *Sử Ký* và *Hán Thư*. *Hán Thư Bản Truyện* 漢書本傳 có bức thư của Lưu Hâm 劉歆 (mất năm 23 CN) gửi quan bác sĩ Đi Nhượng Thái Thường 移讓太常 rằng: «Đến đời Hán Hiếu Văn Đế, sách trong thiên hạ [vốn chưa bị vua Tần đốt mất] dần xuất hiện, đều là học thuyết truyền lại của chư tử. Do đó, [triều đình] mở rộng chức học quan, đặt chức quan bác sĩ [để dạy các học thuyết này].»[28] Xem ra, vào đời Hán Văn Đế (179-157),

[25] Các sử gia hiện nay vẫn chưa định luận được phạm vi và dụng ý của việc đốt sách này. Nhưng dù cho Tần Thuỷ Hoàng và Lý Tư quả thực muốn «tận diệt các học thuyết đương thời» để «làm ngu dân đen» (dĩ ngu kiềm thủ 以愚黔首) đi nữa, thì theo cách giải thích lâu nay, trong khoảng thời gian ngắn vài năm từ lúc Tần hạ lệnh đốt sách (năm 213 TCN) cho đến khi triều đại Hán thành lập (206 TCN), việc tận diệt các học thuyết đương thời quả thực là bất khả thi.

[26] Vương Quốc Duy 王國維 (1877-1927), *Hán-Ngụy Bác Sĩ Khảo* 漢魏博士考, Quan Đường Tập Lâm 觀堂集林, quyển 4.

[27] *Diêm Thiết Luận* 鹽鐵論, thiên Triều Thác 晁錯, chép: «Gần đây các nhà như Hoài Nam 淮南 và Hành Sơn 衡山 tu sửa văn học, chiêu mộ du sĩ bốn phương. Các Nho gia và Mặc gia ở Sơn Đông quy tụ về vùng sông Giang và sông Hoài để giảng nghĩa, tập luận, và viết sách vài chục thiên.» (Nhật giả Hoài Nam, Hành Sơn tu văn học, chiêu từ phương du sĩ, Sơn Đông nho mặc, giai tụ ư Giang-Hoài chi gian, giảng nghĩa tập luận, trứ thư sổ thập thiên 日者淮南衡山修文學招四方遊士山東儒墨皆聚於江淮之間講義集論著書數十篇). Qua đây, ta thấy trong thời Hoài Nam Vương thì Mặc gia vẫn còn tồn tại.

[28] Lưu Hâm Di Nhượng Thái Thường Bác Sĩ thư 劉歆移讓太常博士書: «Chí Hiếu Văn Hoàng Đế, thiên hạ chúng thư, vãng vãng phả xuất, giai chư tử truyền thuyết, do quảng lập ư học quan, vi trí bác sĩ.» 至孝文皇帝天下眾書往往頗出乃諸子之傳說 廣廣立學官以置博士.

trong nhóm bác sĩ vẫn còn đủ học giả của các phái.

Các kinh điển trọng yếu của Nho gia như *Lễ Ký* 禮記 và cái gọi là *Dịch Thập Dực* 易十翼 cũng có một phần do các nhà Nho đầu đời Hán viết ra. Sách *Xuân Thu Công Dương* 春秋公羊[29] cũng đến đầu đời Hán mới thành hiển học. Như vậy, triết học của Nho gia đến đầu đời Hán mới hoàn bị. Chúng ta xem đối sách (trình lên vua khoảng năm 136 TCN) của Đổng Trọng Thư 董仲舒 (179 ?-104 ? TCN) thì có thể hiểu rõ tình hình đương thời: «*Xuân Thu* là bộ sách thâu tóm tất cả. Nó là lẽ thường của trời đất, là nghị luận thông suốt xưa nay. Nay các thầy có đạo khác nhau, mọi người ngôn luận khác nhau, trăm nhà khác nẻo, ý chỉ bất đồng. Vì vậy trên không có người giữ mối thống nhất, pháp chế thay đổi mấy lần, kẻ dưới không biết đâu mà theo. Cứ ý của ngu thần thì bất cứ khoa gì không thuộc lục nghệ,[30] không phải học thuật của Khổng Tử thì cứ diệt chúng đi, không cho bành trướng. Những thuyết tà vạy mà dứt rồi thì mới có thống nhất, pháp độ mới rõ ràng, dân mới biết nên theo về đâu.»[31] Ông còn nói: «Đào tạo kẻ sĩ không gì bằng xây nhà Thái Học. Nhà Thái Học liên quan đến hiền sĩ, là cội nguồn của giáo hoá... Hạ thần xin bệ hạ hãy chấn hưng nhà Thái Học, đặt thầy giỏi để đào tạo kẻ sĩ trong thiên hạ.»[32]

---

[29] Tức *Công Dương Truyện*, là một phần bình chú *Xuân Thu*, được nghiên cứu nhiều vào thời đó cho đến khi nó bị *Tả Truyện* thay thế, do ảnh hưởng của Lưu Hâm. [DB chú]

[30] Derk Bodde chú: «*Lục nghệ* là *Xuân Thu, Dịch, Thi, Thư, Lễ, Nhạc*.» Kỳ thực, đó là lục kinh. Theo *Chu Lễ*, các con em quý tộc (gọi là quốc tử 國子) được quan Bảo Thị 保氏 dạy cho lục nghệ. Đó là: *Lễ* 禮 (5 nghi lễ); *nhạc* 樂 (6 loại nhạc); *xạ* 射 (bắn cung); *ngự* 御 (cưỡi ngựa và xe); *thư* 六書 (lục thư =6 cách tạo chữ Hán); *số* 數 (toán học). Xem: *Chu Lễ* Địa quan – Bảo Thị, bản dịch chú của Tiền Huyền, Tiền Hưng Kỳ, Vương Hoa Bảo, Tạ Bình Hồng; Nhạc Lộc Thư Xã xuất bản, Hồ Nam, 2001, tr.126. [LAM chú]

[31] *Tiền Hán Thư* 前漢書, quyển 56, Đổng Trọng Thư truyện 董仲舒傳: «*Xuân Thu* đại nhất thống giả, thiên địa chi thường kinh, cổ kim chi thông nghị dã. Kim sư dị đạo, nhân dị luận, bách gia thù phương, chí ý bất đồng. Thị dĩ thượng vô dĩ trì nhất thống, pháp độ số biến; hạ bất tri sở thủ. Thần ngu dĩ vi chư bất tại Lục Nghệ chi khoa, Khổng Tử chi thuật giả, giai tuyệt kỳ đạo, vật sử tịnh tiến, tà tích chi thuyết diệt tức, nhiên hậu thống kỷ khả nhất, nhi pháp độ khả minh, dân tri sở tùng hĩ.» 春秋大一統者，天地之常經，古今之通誼也。今師異道，人異論，百家殊方，指意不同，是以上無以持一統，法度數變；下不知所守。臣愚以爲諸不在六藝之科，孔子之術者，皆絕其道，勿使並進，邪辟之說滅息，然後統紀可一而法度可明，民知所從矣。

[32] *Tiền Hán Thư* 前漢書, quyển 56, Đổng Trọng Thư truyện 董仲舒傳: «Dưỡng sĩ chi đại giả, mạc đại hồ Thái Học. Thái Học giả, hiền sĩ chi sở quan dã, giáo hoá chi bản nguyên dã... Thần nguyện bệ hạ hưng Thái Học, trí minh sư, dĩ dưỡng thiên hạ chi sĩ.» 養士之大者，莫大乎太學。太學者，賢士之所關也，教化之本源也... 臣願陛下興太學，置明師，以養天下之士。

Theo *Tiền Hán Thư*, từ khi Hán Vũ Đế 漢武帝 (cai trị 140-87 TCN) lập Ngụy Kỳ 魏其 và Vũ An Hầu 武安侯 lên làm tướng, Nho gia mới hưng thịnh. Đến khi Đổng Trọng Thư dâng đối sách, suy tôn Khổng Tử, áp chế trăm nhà thì các việc như lập chức quan coi trường học, việc châu quận cử *mậu tài* 茂材 và *hiếu liêm* 孝廉 đều bắt đầu từ Đổng Trọng Thư. Từ đó, người ta lấy lợi lộc mà dẫn xướng Nho học (muốn làm quan thì phải theo Nho), mà Nho học lại phải là cái Nho học do bề trên ấn định. Thế rồi anh hùng thiên hạ đều mắc vào bẫy. Bầu không khí tự do cực đoan về tư tưởng và ngôn luận trong thiên hạ từ thời Xuân Thu đến tới đó đã chấm dứt.

Chủ trương của Đổng Trọng Thư được thi hành thì *thời đại* Tử học bị diệt vong. Học thuyết của Đổng Trọng Thư lập ra mở đầu cho *thời đại Kinh học*. Thuyết của Âm Dương gia và Ngũ Hành gia, vốn tương hợp với thuyết của Nho gia, đến đời Đổng Trọng Thư thì tỏ ra có hệ thống. Từ đó, Khổng Tử biến thành thần, Nho gia biến thành Nho giáo. Cho đến khi cái gọi là *cổ văn học* 古文學[33] ra đời thì Khổng Tử mới trở lại địa vị người và Nho giáo dần dần trở lại thành Nho gia. (Xem quyển II thì rõ.)

4. Kết thúc thời kỳ đại quá độ

Chính sách của Hán Vũ Đế và Đổng Trọng Thư tức là chính sách của Tần Thủy Hoàng và Lý Tư. Tại sao kẻ thất bại, người thành công? Nguyên nhân của nó rất phức tạp, nhưng có một điều có thể nói, đó là thời Xuân Thu mở màn cho cuộc biến động lớn về xã hội, kinh tế, và chính trị; đến giữa đời Hán thì mới dần dần dừng lại. Tình hình đặc biệt đó không còn nữa cho nên đặc điểm của học thuật trong thời đại ấy cũng mất căn cứ để tồn tại. Cuộc biến động lớn đó là do sự đổ nát của văn hoá cũ và chế độ cũ. Văn hoá cũ và chế độ cũ càng đổ nát thì tư tưởng ngôn luận càng tự do. Nhưng sau khi Tần diệt sáu nước mà thống nhất năm 221 TCN, trừ hoàng thất nhà Tần ra, những kẻ còn lại nguyên là quý tộc thì hoá thành bình dân. Xét bề mặt, cuộc biến động lớn từ thời Xuân Thu nói trên đến thời này thì kết thúc. Sự thật thì bọn hậu duệ quý tộc vẫn còn thế lực, nên Tần Thủy Hoàng vừa mất, giới quý tộc liền nổi lên, và suốt những trận chiến trước khi nhà Hán được thành lập thì sáu nước

[33] Vấn đề hai phái *cổ văn* và *kim văn* giải thích kinh điển vốn là một trong các vấn đề được các học giả tranh luận sôi nổi nhất kể từ khởi nguyên của nó, tức là từ Thiên Chúa giáng sinh đến nay. Vấn đề này quá phức tạp nên không bàn ở đây. Có thể tạm nói rằng: việc thần bí hoá Khổng Tử và những việc làm kỳ diệu mà người ta gán cho ông vốn là một trong các điểm được tranh cãi giữa hai phái cổ văn và kim văn. Trong phạm vi này, phái cổ văn tỏ ra có lý lẽ và ít mê tín hơn phái kim văn. [DB chú]

trước đây lại tái lập lãnh tụ cũ của họ. Nhưng sự phục hưng của họ cũng không lâu, cho nên Hán Cao Tổ 漢高祖 là kẻ áo vải đã diệt quần hùng mà lên ngôi vua. Ông tuy phong thái ấp cho thân thuộc và công thần, nhưng ở thời ông và thời sau, phong kiến chỉ có ý nghĩa về mặt chính trị chứ không có ý nghĩa về mặt kinh tế.

Đến giữa đời Hán, một trật tự chính trị và xã hội mới mẻ đã dần ổn định. Về mặt kinh tế người ta cũng dần tuân theo chế độ mới do xu thế tự nhiên của kinh tế sinh ra. *Hán Thư* chép: «Dân chúng vốn bình đẳng, nhưng họ căn cứ vào tài lực mà coi nhau như vua, dù làm tôi tớ cũng không có vẻ oán.»[34] Theo con mắt chính trị quý tộc mà xét thì không thể có chuyện «dân chúng vốn bình đẳng, nhưng họ căn cứ vào tài lực mà coi nhau như vua»; sự thật thì chính xu thế tự nhiên của kinh tế đã tạo ra tình trạng ấy. «Dù làm tôi tớ cũng không có vẻ oán» đủ rõ người đời đã yên theo cái trật tự kinh tế mới rồi. Nhà Hán tuy theo chính sách *trọng nông ức thương* 重農抑商 nhưng đối với trật tự kinh tế mới đó của xã hội nó cũng chưa hề có những thay đổi căn bản. Thời kỳ đại quá độ bắt đầu từ thời Xuân Thu đến đó là chấm dứt, tư tưởng bồng bột một thời đến đó cũng suy. Từ đó về sau, cho đến gần đây chế độ chính trị kinh tế và tổ chức xã hội của Trung Quốc (trừ thời Vương Mãng 王莽 đã dùng thế lực chính trị mà cải cách) đều không hề có thay đổi cơ bản. Cho nên trạng huống đặc thù của tư tưởng thời đại Tử học cũng không hề tái hiện.[35]

5. Thể tài trứ thuật đời xưa

Trên đây có nói: muốn xem dấu vết tiến bộ của triết học Trung Quốc, trước hết ta phải đem tài liệu thời nào quy về cho thời ấy, lời lẽ của ai thì quy về cho người đó.[36] Đó là một biện pháp lý tưởng, nhưng về lịch sử triết học thượng cổ, việc thi hành sẽ gặp khó khăn. Nếu theo tiêu chuẩn đó để xét những sách mà đời thường cho là của thời Xuân Thu Chiến Quốc thì sách *Liệt Tử* vốn do người đời Ngụy-Tấn viết ra có thể đại biểu cho một phần tư tưởng của đời Ngụy-Tấn. Cho nên chúng ta

---

[34] *Tiền Hán Thư*, quyển 91, Hoá thực truyện 貨殖傳: «Kỳ vi biên bộ tề dân, đồng liệt nhi dĩ tài lực tương quân, tuy vi bộc lỗ, do vô oán sắc.» 其為編戶齊民，同列而以財力相君，雖為僕虜，猶無慍色。

[35] Đối với nhiều độc giả đọc những dòng này, những cải cách chẳng hạn như cải cách của Vương An Thạch (1021-1086) và việc sớm sử dụng tiền giấy tại Trung Quốc có thể chứng minh ngược lại. Tuy nhiên, về hiệu quả lâu dài, những cải cách này không thể sánh với những thay đổi cơ bản, thí dụ như việc bãi bỏ chế độ phong kiến và việc bắt đầu áp dụng hệ thống khoa cử vào đời Hán, hoặc sự khởi đầu công nghiệp hoá hiện nay. [DB chú]

[36] Xem lại chương 1, tiết 11.

phải nhận nó là sách giả và dời nó xuống đời Ngụy-Tấn. Đến như những sách mà ta xem là sách thật như *Mặc Tử* và *Trang Tử*, thì ta có thể quy chúng vào đời thượng cổ. Nhưng hiện nay trong các sách *Mặc Tử* và *Trang Tử*, bộ phận nào là của chính Mặc Địch, Trang Tử viết ra thì khó mà đoán định được. Về điểm này chúng ta không thể không biết về thể tài trứ thuật của người xưa. Chương Thực Trai 章實齋 viết: «Chư tử muốn lấy cái học của mình để thay đổi thiên hạ, muốn đem cái mà họ xem là đạo của mình để tranh hơn với thiên hạ, nhưng ít khi họ viết ra... Sách ghi chép lời nói và hành động của họ không phải do chính họ tự viết ra cả. Như sách *Quản Tử* chép những việc xảy ra sau khi Quản Trọng mất (năm 645 TCN); sách *Hàn Phi Tử* chép lời Lý Tư bài bác chính sách của Hàn Phi. Hai thiên Nhượng Vương và Ngư Phủ trong sách *Trang Tử* bị họ Tô xem là giả. Nếu chúng không giả, thì do những kẻ học theo Trang Tử viết phụ vào. Họ Liễu xem *Án Tử Xuân Thu* là lời lẽ của Mặc gia, nhưng không có ý xem Án Tử là Mặc gia mà có ý nói những kẻ yêu thích Mặc học đã lấy tên Án Tử để đặt cho tên sách của mình. Điều này cũng giống như Cáo Tử và Vạn Chương được dùng làm tên hai thiên trong sách *Mạnh Tử*... Chư tử nổi lên khi đạo thuật đã suy, họ đều thiên lệch do bởi tài lực thông minh của mình. Mỗi người chỉ có được một phần của đạo lớn mà lại muốn dùng nó để thay đổi thiên hạ. Cái họ nắm giữ đều có cớ, lời họ nói đã thành lý, nên đều tự suy diễn cái học thuật của mình và truyền cho đồ đệ. Họ chỉ nhằm làm rõ học thuật và lập được tông chỉ của học phái mình, chứ không hề kể công viết sách lập ngôn.»[37]

Lời trên không khỏi lý tưởng hoá đời xưa, nhưng về thể tài trứ thuật của người xưa như trên tựa hồ gần với sự thật. Quan niệm của người xưa về lịch sử và về tác giả thì không rõ ràng, cho nên sách nào hiện nay có đề tên một tác giả sống trước thời Chiến Quốc thì chưa hẳn là có ý nói sách đó do chính tay người đó viết. Cái phần thêm thắt ở trong đó, người xưa không cần phân biệt mà người nay thì không thể

---

[37] Chương Thực Trai 章實齋 (tức Chương Học Thành 章學誠), *Văn Sử Thông Nghĩa* 文史通義, Ngôn Công 言公, thượng; *Chương Thị Di Thư* 章氏遺書, quyển 4. Nguyên đoạn này, Derk Bodde dịch tóm tắt là: «Sử gia Chương Học Thành đã chỉ ra rằng sách *Quan Tử* chẳng hạn đã đề cập các sự việc xảy ra sau cái chết của Quản Trọng (một chính khách mất năm 645 TCN). Còn *Hàn Phi Tử* (sách gán cho Hàn Phi, một pháp gia mất năm 233 TCN) chép lời Lý Tư phản đối chính sách của Hàn Phi. Do đó, có thể thấy rõ rằng các sách này sách khác có những đoạn không do chính tác giả viết, mà do hậu nhân của học phái đó viết. Chương tiên sinh nói rằng mục đích chủ yếu của một tác giả thời xưa là nhằm phát huy học thuyết của phái mình, còn vấn đề ai là tác giả đích thực của sách đó thì không quan trọng lắm. Vì lý do này, tác phẩm của bất kỳ học phái nào đều là công trình tập thể của phái đó chứ không phải là của riêng một cá nhân.» [LAM chú]

phân biệt nổi.[38] Do đó, đối với các sách hiện nay ghi tên là của các nhà trước thời Chiến Quốc thì chúng ta nên coi đó là sách của học phái ấy, chứ không nên coi là sách do một người viết ra. Như sách *Mặc Tử* và *Trang Tử* hiện nay chúng ta nên coi là sách của học phái Mặc học và Trang học. Gần đây có người đã phân tích các sách ấy, như các thiên Kinh 經 và Kinh Thuyết 經說 trong sách *Mặc Tử* chắc hẳn không do Mặc Địch viết. Đến như các thiên Thiên Chí 天志 và Thượng Đồng 尚同, ta có thể nào phân biệt sự thêm thắt không? Triết học sử này bàn học thuyết của chư tử đời thượng cổ. Ý nói rằng ở thời thượng cổ đã có những học thuyết đó, có hệ thống tư tưởng đó. Các hệ thống tư tưởng đó có đại biểu cho hệ thống tư tưởng của một người lập ra hay là nó đã bị hậu thế sửa đổi và bổ sung, điều đó chúng ta không dám xác định.

Phần lớn học thuyết cổ đại nằm trong cái mà xưa gọi là Tử học *(cái học chư tử)*, cho nên trong triết học sử Trung Quốc, thời thượng cổ có thể gọi là thời đại Tử học 子學時代. Tư Mã Đàm 司馬談 chia chư tử của thời đại này làm sáu nhà: Âm Dương gia 陰陽家, Nho gia 儒家, Mặc gia 墨家, Danh gia 名家, Pháp gia 法家, Đạo gia 道家.[39] Gọi họ là nhà, bởi họ là những tư nhân đứng ra giảng học. Lưu Hâm 劉歆, ngoài 6 nhà trên, còn thêm vào bốn nhà nữa: Nông gia 農家, Tung Hoành gia 縱橫家, Tạp gia 雜家, Tiểu thuyết gia 小說家. Tổng cộng là 10 nhà. *Hán Thư – Nghệ Văn Chí* chép: «Mười nhà này thì ta có thể biết được chín mà thôi.» Nhưng trong số chín nhà đó, có nhà không quan hệ với triết học. Tôi chỉ tuyển các nhà có liên quan đến triết học và trình bày học thuyết của họ theo thứ tự trước sau.

---

[38] Điểm này các học giả tiền bối cũng đã nói nhiều. Tôn Tinh Diễn 孫星衍 nói: «Phàm gọi là sách của chư tử, phần lớn không do họ tự viết ra.» (xem: *Án Tử Xuân Thu Tự* 晏子春秋序, *Vấn Tự Đường Tập* 問字堂集, q.3, tr.11.) Nghiêm Khả Quân 嚴可均 nói: «Các sách chư tử trước đời Tần đều do đệ tử, tân khách, hoặc con cháu biên soạn, chứ không phải tự tay chư tử viết ra.» (xem: *Thư Quán Tử Hậu Thiết Kiều Mạn Cảo* 書管子後鐵橋漫稿, *Tường Thị Sơn Bản* 嚴氏鐵本, q.8, tr.7.) Nói chung các sách trước thời Tần truyền lại đến nay đều trải qua sự chỉnh lý của người đời Hán, thí dụ các sách hiện thấy lưu truyền như *Mặc Tử*, *Trang Tử*, v.v... thì trước đời Tần đều không có. Trước đời Tần chỉ có các thiên rời rạc như *Thượng Đồng*, *Kiêm Ái*, *Tề Vật Luận*, *Tiêu Dao Du*, v.v... Người đời Hán khi chỉnh lý điển tịch trước đời Tần đã sắp xếp các thiên thuộc cùng một học phái vào một quyển, rồi ghi nhan đề là *tử* này *tử* nọ, ý nói đó là trứ tác của học phái đó. Tuy vậy cũng có ngoại lệ, *Lã Thị Xuân Thu* 呂氏春秋 là một trứ tác hoàn chỉnh đời Tần. Sau khi sách này hoàn tất, Lã Bất Vi 呂不韋 (Thừa tướng đời Tần, mất năm 235 TCN) treo nó ở cổng thành để khoe khoang. Đây quả là một thành tựu hiếm thấy.

[39] *Sử Ký* 史記, **Thái Sử Công tự tự** 太史公自序.

CHƯƠNG 3

TƯ TƯỞNG VÀ TÔN GIÁO TRƯỚC THỜI KHỔNG TỬ

Trước Khổng Tử (551-479 TCN), tư nhân không viết sách. Nay việc sưu tập các thuyết trong *Thi, Thư, Tả Truyện*, và *Quốc Ngữ* cũng đủ để đại biểu tư tưởng triết học và tư tưởng tôn giáo trước và trong thời đại của Khổng Tử, và cũng đủ để thấy tổng quát trình độ dân trí trước và trong thời đại của Khổng Tử.

1. Quỷ thần

Trí thức của con người thời nguyên thủy ở trình độ sơ khai nên họ thường cho rằng tất cả sự vật trong vũ trụ đều có thần linh thống trị. *Quốc Ngữ* chép: «Vua Chiêu 昭 (nước Sở, cai trị 515-489 TCN) hỏi Quan Xạ Phụ 觀射父 rằng: "*Chu Thư* 周書 có nói Trọng 重 và Lê 黎 khiến cho trời và đất không thông với nhau, thế nghĩa là sao? Nếu không làm thế, dân có thể bay lên trời à?" Quan Xạ Phụ đáp: "Không phải thế. Thời xưa người và thần không lẫn với nhau. Trong dân chúng có người tinh thần trong suốt và chất phác. Họ còn đáng kính, trung thực, chân chính nữa. Trí thức của họ về cõi trên và cõi dưới phù hợp với *nghĩa*. Sự thánh thiện của họ có thể soi sáng tận nơi xa. Sự sáng láng của họ chiếu sáng rỡ. Sự thông suốt của họ có thể nghe thấu triệt mọi thứ. Những người như thế thì thần minh giáng vào họ. Người nam thì gọi là *hịch* 覡, người nữ gọi là *vu* 巫. Vu và hịch xếp đặt cho thần linh chỗ ở, ngôi vị, thứ bậc, sự hiến tế, vật cúng tế, và y phục. [...] Do đó có năm chức quan lo về trời, đất, thần, dân, loài vật; gọi là ngũ quan. Mỗi quan lo phần việc của mình, không lẫn lộn với nhau. Vì thế mà người dân thì trung tín, thần linh thì minh đức. Người và thần có chức việc khác nhau. Tôn kính chứ không lờn nhau. Cho nên thần giáng ban cho mùa màng phong nhiêu. Người dân cúng thần để tạ ơn, để tai hoạ không xảy ra, để cầu xin có dùng không hết. [...] Đến khi Thiếu Hạo 少皞 suy, thì Cửu Lê 九黎 [9 bộ lạc] loạn đức, người dân và thần linh hỗn tạp, mọi thứ không thể phân biệt đúng. Khi người dân cúng tế, mỗi nhà đều có *vu sử* 巫史. Nhưng

các vu sử này thiếu phẩm chất, nên người dân cúng tế mãi mà không biết phúc có đến không. Cúng tế vô độ, người và thần đồng vị. Người dân khinh lờn lời thề của họ và không có uy nghiêm. Thần linh cũng theo thói đời và không làm thanh khiết việc làm của thần. Mùa màng không còn phong nhiêu nữa. Không có gì để cúng tế nữa. Tai hoạ xảy ra liên miên. Không ai sống trọn tuổi đời. Khi Chuyên Húc 顓頊 nắm quyền, ngài ra lệnh Nam Chính Trọng 南正重 phụ trách về trời để quy tụ thần linh và ra lệnh Hoả Chính Lê 火正黎 phụ trách về đất để quy tụ người dân nhằm khôi phục lề lối cũ, để cho người dân và thần không xâm phạm cũng như không khinh lờn nhau. Vì thế mới nói là dứt tuyệt sự giao thông giữa trời với đất."» [1]

Đoạn văn trên tuy chẳng liên quan sự thật lịch sử, nhưng cho thấy sự mê tín của con người thời xưa. Các vu hịch «xếp đặt cho thần linh chỗ ở, ngôi vị, thứ bậc»; theo đó ta thấy số lượng thần linh nhiều cỡ nào. Thần linh có thể ban phúc, nhận lãnh vật cúng tế, giáng nhập vào thân xác con người. Qua đó, ta thấy thần cũng có nhân cách. Thần và người

---

[1] *Quốc Ngữ* 國語, quyển 18, Sở Ngữ hạ 楚語下: «Chiêu Vương vấn ư Quan Xạ Phụ viết: "Chu Thư sở vị Trọng Lê thực sử thiên địa bất thông giả, hà dã? Nhược vô nhiên, dân tượng năng đăng thiên hồ?" Đối viết: "Phi thử chi vị dã. Cổ giả dân thần bất tạp, dân chi tinh sáng bất huề nhị giả, nhi hựu năng tề túc trung chính, kỳ trí năng thượng hạ tỉ nghĩa, kỳ thánh năng quang viễn tuyên lãng, kỳ minh năng quang chiếu chi, kỳ thông năng thấm triệt chi, như thị tắc thần minh giáng chi, tại nam viết hịch, tại nữ viết vu. Thị sử chế thần chi xứ, vị, thứ chủ, nhi vi chi sinh, khí, thời phục. [...] Ư thị hồ hữu thiên, địa, thần, dân, loại vật chi quan, vị chi ngũ quan, các tư kỳ tự, bất tương loạn dã. Dân thị dĩ năng hữu trung tín, thần thị dĩ năng hữu minh đức, dân thần dị nghiệp, kính nhi bất độc. Cố thần giáng chi gia sinh; dân dĩ vật hưởng, hoạ tai bất chí, cầu dụng bất quỹ. Cập Thiếu Hạo chi suy dã, Cửu Lê loạn đức, dân thần tạp nhu, bất khả phương vật. Phù nhân tác hưởng, gia vi vu sử, vô hữu yếu chất. Dân quỹ ư tế tự nhi bất tri kỳ phúc. Chưng hưởng vô độ, dân thần đồng vị dân độc tề minh, vô hữu nghiêm uy. Thần hiệp dân tắc, bất quyện kỳ vi. Gia sinh bất giáng, vô vật dĩ hưởng. Hoạ tai tiễn trăn, mạc tận kỳ khí. Chuyên Húc thụ chi, nãi mệnh Nam Chính Trọng tư thiên dĩ thuộc thần, mệnh Hoả Chính Lê tư địa dĩ thuộc dân. Sử phục cựu thường, vô tương xâm độc. Thị vị tuyệt địa thiên thông."» 昭王問於觀射父曰: "周書所謂重黎實使天地不通者, 何也? 若無然, 民將能登天乎?" 對曰: "非此之謂也. 古者民神不雜, 民之精爽不携貳者, 而又能齊肅衷正, 其知能上下比義, 其聖能光遠宣朗, 其明能光照之, 其聰能聽徹之, 如是則神明降之, 在男曰覡, 在女曰巫. 是使制神處, 位, 次主, 而爲之牲, 器, 時服. [...] 於是乎有天地, 神, 民, 類物之官, 謂之五官, 各司其序, 不相亂也. 民是以能有忠信, 神是以能有明德, 民神異業, 敬而不瀆. 故神降之嘉生; 民以物享, 禍災不至, 求用不匱. 及少皞之衰也, 九黎亂德, 民神雜糅, 不可方物. 夫人作享, 家爲巫史, 無有要質. 民匱於祭祀而不知其福. 烝享無度, 民神同位. 民瀆齊盟, 無有嚴威. 神狎民則, 不蠲其爲. 嘉生不降, 無物以享. 禍災荐臻, 莫盡其氣. 顓頊受之, 乃命南正重司天以屬神, 命火正黎司地以屬民, 使復舊常, 無相侵瀆. 是謂絕地天通."

hỗn tạp, đồng vị. Thần noi theo thói đời. Như thế, hành vi cử chỉ của thần không khác với người. Người dân thời đó chỉ có mê tín chứ không có tri thức, có tôn giáo chứ không có triết học. Cho nên đức tin của họ giống như đức tin của người Hi Lạp. Thần linh của họ giống như thần linh của người Hi Lạp. Từ đời Hạ và đời Thương trở đi, người Trung Quốc mới có quan niệm *Thiên* 天 và *Đế* 帝. *Nhất thần luận* (monotheistic belief) dần dần có thế lực mà *đa thần luận* (polytheism) cũng chưa tiêu diệt hẳn.

Trong *Tả Truyện* và *Quốc Ngữ*, ngoài những đoạn nói đến Thiên (Trời) vẫn còn nhiều đoạn nói đến thần. Đời Chu Lệ Vương 周厲王 (878-842 TCN), Nhuế Lương Phu 芮良夫 nói: «Hễ làm vua thì phải dẫn dắt và ban bố điều lợi cho người trên kẻ dưới trong dân, khiến cho thần, người, và trăm vật chẳng gì mà không đạt tốt đẹp tối đa.» [2]

Trong *Tả Truyện*, vào đời vua Hoàn Công 桓公 năm thứ 6 (tức năm 706 TCN), Quý Lương 季梁 nói: «Đã gọi là đạo [làm vua] thì phải trung với dân và tín với thần. Vua nghĩ đến lợi cho dân là trung, các quan *chúc* và *sử* cầu khấn những lời chân chính là tín.» [3]

Đời vua Trang Công 莊公, năm thứ 10 (tức năm 684 TCN), Tào Quệ 曹劌 nói: «Ân huệ nhỏ chưa ban khắp thì dân không theo... Đức tin nhỏ mà chưa trọn thì thần không ban phúc.» [4]

Trong *Quốc Ngữ*, vào đời Huệ Vương 惠王 năm thứ 15 (tức năm 662 TCN) có thần giáng vào Tân 莘. Nội Sử Quá 內史過 nói: «Quốc gia sắp hưng thịnh, tức là do nhà vua sáng suốt, trung chính, tinh khiết, hiền hoà. Đức độ của vua đủ toả hương thơm [để thực hiện cúng tế], ân huệ của vua đủ để thống nhất nhân dân. Thần hưởng vật cúng tế, dân chúng lắng nghe thần dạy. Dân và thần không oán. Cho nên thần minh giáng xuống, xem xét đạo đức của việc cai trị, và ban phúc đồng đều cho dân. Quốc gia sắp mất, tức là do nhà vua tham lam tà vạy, hoang dâm lười nhác. [...] Dân và thần oán ghét nhà vua, và chẳng có gì để nương theo trông cậy. Thần cũng đến, nhưng xem xét sự gian ác [của vua] và giáng tai họa cho quốc gia. [...] Do đấy mà xét, đó chẳng phải là thần

---

[2] ***Quốc Ngữ*** 國語, **Chu Ngữ thượng** 周語上: **«Phùvương nhân giả, tương lợi nhi bố chi thượng hạ giả dã. Sử thần nhân bách vật, vô bất đắc kỳ cực.»** 夫王人者,將利而布之上下者也.使神人百物,無不得其極.

[3] ***Tả Truyện*** 左傳, **quyển 2: «Sở vị đạo, trung ư dân nhi tín ư thần dã. Thượng tư lợi dân, trung dã; chúc sử chính từ, tín dã.»** 所謂道,忠於民而信於神也.上思利民,忠也;祝史正辭,信也.– **LAM chú:** ***Chúc*** 祝 **và** ***sử*** 史 **là các quan tư tế của triều đình.**

[4] ***Tả Truyện*** 左傳, **quyển 3: «Tiểu huệ vị biến, dân phất tùng dã. [...] Tiểu tín vị phu, thần phất phúc dã.»** 小惠未遍,民弗從也... 小信未孚神弗福也.

Đan Chu sao?»[5]

Trong *Tả Truyện*, vào đời vua Hi Công 僖公 năm thứ 5 (tức năm 655 TCN), Cung Chi Kỳ 宮之奇 nói: «Quỷ thần không thực sự thân với người, mà chỉ y theo đức của họ. Nếu không có đức, dân chúng bất hoà, thần không hưởng vật cúng tế. Nếu nước Tấn chiếm nước Ngu, mà họ có đức sáng để cúng tế lễ vật thơm tho, lẽ nào thần lại từ chối?»[6]

Vào đời vua Văn Công 文公 năm thứ 4 (tức năm 647 TCN), Tư Thần 肸臣 nói: «Làm yên lòng trăm thần để nhu hoà vạn dân. Cho nên *Kinh Thi* nói: Ngài noi theo gương tổ tiên để thần không có cớ than phiền.»[7]

Chu Tương Vương 周襄王 năm 18 (tức năm 634 TCN) nói: «Xưa khi các tiên vương của ta có được thiên hạ, các ngài qui định ngàn dặm vuông làm điện phục để thờ cúng Thượng Đế và trăm vị thần sông thần núi.»[8]

Vào đời vua Tương Vương 襄王 năm 14 (tức năm 569 TCN), Sư Khoáng 師曠 nói: «Vua là chủ của các thần và là sự hy vọng của dân chúng.»[9]

Chiêu Công 昭公 nguyên niên (tức năm 541 TCN), Lưu Định Công

---

[5] *Quốc Ngữ* 國語, quyển 1, Chu Ngữ thượng 周語上: «Quốc chi tương hưng, kỳ quân tất minh trung chính, tinh khiết huệ hoà. Kỳ đức túc dĩ chiêu kỳ hình hương, kỳ huệ túc dĩ đồng kỳ dân nhân. Thần hưởng nhi dân thính, dân thần vô oán, cố minh thần giáng chi. Quan kỳ chính đức, nhi quân bố phúc yên. Quốc chi tương vong, kỳ quân tham mạo tịch tà, dâm dật hoang đãi. [...] Dân thần oán thống, vô sở y hoài. Cố thần diệc vãng yên, quan kỳ hà thắc, nhi giáng chi hoạ. [...] Nhược do thị quan chi, kỳ Đan Chu chi thần hồ?» 國之將興, 其君齊明衷正, 精潔惠和. 其德足以昭其馨香, 其惠足以同其民人. 神饗而民聽, 民神無怨, 故明神降之. 觀其政德, 而均布福焉. 國之將亡, 其君貪冒辟邪, 淫佚荒怠. [...] 民神怨痛, 無所依懷. 故神亦往焉, 觀其苛慝, 而降之禍. [...] 若由是觀之其丹朱之神乎?

[6] *Tả Truyện* 左傳, quyển 5: «Quỷ thần phi nhân thực thân, duy đức thị y. [...] Như thị tắc phi đức, dân bất hoà, thần bất hưởng hĩ. Nhược Tấn thủ Ngu, nhi minh đức dĩ tiến hình hương, thần kỳ thổ chi hồ?» 鬼神非人實親, 惟德是依. [...] 如是則非德, 民不和, 神不享矣. 若晉取虞, 而明德以薦馨香, 神其吐之乎?

[7] *Quốc Ngữ* 國語, quyển 10, Tấn Ngữ 晉語: «Ức ninh bách thần nhi nhu hoà vạn dân. Cố *Thi* vân: Huệ ư tông công, thần vô thời đồn.» 億寧百神而柔和萬民. 故詩云: 惠於宗公神罔時恫.

[8] *Quốc Ngữ* 國語, quyển 2, Chu Ngữ 周語: «Tích ngã tiên vương hữu thiên hạ dã, qui phương thiên lý, dĩ vi điện phục, dĩ cung Thượng Đế sơn xuyên bách thần chi tự.» 昔我先王有天下也, 規方千里, 以爲甸服, 以供上帝山川百神之祀. (*Điện phục*: kinh đô)

[9] *Tả Truyện* 左傳, quyển 15: «Phù quân, thần chi chủ dã, nhi dân chi vọng dã.» 夫君, 神之主也, 而民之望也.

劉定公 nói: «Như Triệu Mạnh hay sao? [...] Hắn bỏ thần và người. Thần giận, dân phản; làm sao hắn có thể tồn tại lâu dài cho được?»[10]

Theo những trích dẫn trên đây, người xưa luôn nói đến trăm thần, đủ rõ thần có nhiều lắm. Thần và người thường được đề cập chung với nhau, mà trách nhiệm lớn lao của người cầm quyền là làm sao cho trăm thần yên ổn, vạn dân nhu hoà. Nếu không, thì thần sẽ giận và dân sẽ phản, thế thì khó lòng mà tồn tại lâu dài được.

Chu Tương Vương nói đến Thượng Đế và bách thần. Như vậy, Thượng Đế không ở trong số bách thần. Nội Sử Quá nói thần giáng vào thần Tân là thần Đan Chu; vậy ít nhất một bộ phận được gọi là "thần" chính là *nhân quỷ* 人鬼.

Tả Truyện ghi chép nhiều về quỷ. Sách *Mặc Tử*, thiên Minh quỷ, cũng thuật nhiều truyền thuyết về quỷ đời xưa. Nhưng tín ngưỡng quỷ thần về sau dần dần suy. Khổng Tử nói: «Ta kính quỷ thần nhưng nên ở xa.» Lại nói: «Cúng tế [tổ tiên] như thể [tổ tiên] đang có mặt; cúng thần như thể thần đang hiện diện.» Hay nói: «Phục vụ người còn chưa xong, làm sao phục vụ cho quỷ được?»[11] Như thế Khổng Tử có thái độ hoài nghi sự tồn tại của quỷ thần; giả sử quỷ thần có thực thì ta chớ bàn luận đến. Mặc Tử trái lại, rất bực tức khi thấy người ta không tin vào quỷ thần đến nỗi thiên hạ đại loạn, nên ông đã hết sức giải thích rõ về quỷ trong thiên Minh Quỷ.

2. Thuật số

Người xưa đa số cho rằng sự vật trong vũ trụ và nhân sự có ảnh hưởng qua lại, cho nên đời xưa có một phép gọi là *thuật số* 術數. Họ dùng những phép thuật để quan sát hiện tượng đáng chú ý trong vũ trụ nhằm dự đoán hoạ phúc của con người.

Hán Thư - Nghệ Văn Chí chép: «Thuật số là chức việc của các quan sử bốc Hi và Hoà nơi Minh Đường. Chức sử quan đã bị phế lâu rồi. Sách của họ không còn đủ. Dù có sách đó nhưng không còn người đó nữa. *Kinh Dịch* chép: "Nếu không đúng người, thì Đạo không nên thi hành suông." Thời Xuân Thu, nước Lỗ có Tử Thận 梓慎, nước Trịnh có Tỳ Táo 裨灶, nước Tấn có Bốc Yển 卜偃, nước Tống có Tử Vi 子韋. Thời Lục

[10] *Tả Truyện* 左傳, quyển 20: «... kỳ Triệu Mạnh chi vị hồ? [...] khí thần nhân hĩ. Thần nộ, dân bạn, hà dĩ năng cửu?» ... 其趙孟之謂乎? [...] 棄神人矣. 神怒民叛, 何以能久?

[11] *Luận Ngữ* 論語: «Kính quỷ thần nhi viễn chi.» 敬鬼神而遠之 (Ung Dã 雍也) – «Tế như tại, tế thần như thần tại.» 祭如在祭神如神在 (Bát Dật 八佾) – «Vị năng sự nhân, yên năng sự quỷ?» 未能事人焉能事鬼 (Tiên Tiến 先進)

Quốc, nước Sở có Cam Công 甘公, nước Ngụy có Thạch Thân Phu 石申夫, nước Hán có Đường Đô 唐都. Họ biết được tổng quát thuật số [...] và chia thuật số làm sáu loại.»[12]

Sáu loại đó như sau:

① ***Thiên văn*** 天文: *Nghệ Văn Chí* chép: «Thiên văn là xếp thứ tự nhị thập bát tú, tính bước đi của ngũ tinh, mặt trời, mặt trăng để ghi lấy hiện tượng tốt xấu, thánh vương dùng nó để tham chính. *Dịch* chép: "Xem thiên văn để xét sự biến đổi theo thời."»[13]

xương thú

mai rùa

cỏ thi

② ***Lịch phổ*** 歷譜: *Nghệ Văn Chí* chép: «Lịch phổ là xếp thứ tự bốn mùa, tính đúng các tiết *phân* và *chí*, tìm hiểu các thời của ngũ tinh, mặt trời và mặt trăng để khảo sát các thực tế nóng, lạnh, sinh, sát. Cho nên thánh vương phải giữ cho lịch số chính xác để định màu sắc và y phục của ba hệ thống; lại cũng dùng nó để biết sự vận hành của ngũ tinh và nhật nguyệt, để biết lo về tai ách, để có niềm vui được tốt đẹp bền vững. Tất cả

---

[12] *Tiền Hán Thư* 前漢書, quyển 30: «Số thuật giả, giai Minh Đường Hi Hoà sử bốc chi chức dã. Sử quan chi phế cửu hĩ. Kỳ thư ký bất năng cụ, duy hữu kỳ thư nhi vô kỳ nhân. *Dịch* viết: 'Cầu phi kỳ nhân, Đạo bất hư hành.' Xuân Thu thời, Lỗ hữu Tử Thận, Trịnh hữu Tỳ Táo, Tấn hữu Bốc Yển, Tống hữu Tử Vi. Lục Quốc thời, Sở hữu Cam Công, Ngụy hữu Thạch Thân Phu, Hán hữu Đường Đô, thứ đắc thô thô. [...] Tự số thuật vi lục chủng.» 數術者,皆明堂羲和史卜之職也.史官之廢久矣,其書既不能具,雖有其書而無其人.易曰:«苟非其人道不虛行.» 春秋時,魯有梓慎,鄭有裨灶,晉有卜偃,宋有子韋.六國時,楚有甘公,魏有石申夫,漢有唐都,庶得麤物 [...] 序數術爲六種.

[13] *Tiền Hán Thư* 前漢書, quyển 30: «Thiên văn giả, tự nhị thập bát tú, bộ ngũ tinh nhật nguyệt, dĩ kỷ cát hung chi tượng, thánh vương sở dĩ tham chính dã. Dịch viết: "Quan hồ thiên văn, dĩ sát thời biến."» 天文者,序二十八宿,步五星日月,以紀吉凶之象,聖王所以參政也.易曰:«觀乎天文,以察時變».

đều do thuật này cả. Đây là thuật được thánh nhân dùng để biết số mệnh.»[14]

③ ***Ngũ Hành*** 五行: *Nghệ Văn Chí* chép: «Ngũ hành tức là hình khí của ngũ thường (tức *nhân, nghĩa, lễ, trí, tín*). *Kinh Thư* chép: "Thứ nhất là ngũ hành, thứ nhì là dùng năm việc." Ý nói dùng năm việc thuận theo ngũ hành. Hễ nét mặt, lời nói, xem xét, nghe ngóng, nghĩ ngợi mà thất thường thì thứ tự ngũ hành rối loạn và ngũ tinh biến đổi. Thuật này cũng phát xuất từ các con số liên quan đến luật lịch, nhưng phân ra làm một phần riêng. Phép tắc của chúng cũng khởi từ ngũ đức (tức là ngũ hành), suy diễn hết mức thì cái gì nó cũng đạt tới.»[15]

④ ***Thi quy*** 蓍龜: *Nghệ Văn Chí* chép: «*Thi quy* (bói cỏ thi và bói rùa) là thuật thánh nhân dùng. *Kinh Thư* chép: "Hễ ngươi có điều nghi lớn hãy *bốc phệ* (bói rùa và bói cỏ thi)." *Kinh Dịch* chép: "Để xác định việc lành dữ của thiên hạ, để thành tựu những nỗ lực của thiên hạ, không gì tốt bằng thi quy. [...] Cho nên người quân tử sắp làm chuyện gì đều hỏi thi quy mà câu giải đáp bảo cần phải làm gì thì vang như tiếng dội. Các vấn đề dù sâu thẳm, huyền bí, xa gần, [người quân tử] đều biết được sẽ xảy ra thế nào, nếu [thi quy] không phải là cái rất tinh tuý trong thiên hạ thì làm sao mà được thế?"»[16]

---

[14] ***Tiền Hán Thư*** 前漢書, **quyển 30: «Lịch phổ giả, tự tứ thời chi vị, chính phân chí chi tiết, hội nhật nguyệt ngũ tinh chi thần, dĩ khảo hàn thử sát sinh chi thực. Cố thánh vương tất chính lịch số dĩ định tam thống phục sắc chi chế. Hựu dĩ thám tri ngũ tinh nhật nguyệt chi hội, hưng ách chi hoàn, cát long chi hỉ, kỳ thuật giai xuất yên. Thử thánh nhân tri mệnh chi thuật dã.»** 歷譜者，序四時之位，正分至之節，會日月五星之辰，以考寒暑殺生之實，故聖王必正歷數以定三統服色之制，又以探知五星日月之會，凶阨之患，吉隆之喜，其術皆出焉。此聖人知命之術也。**– DB chú: *Tam thống*** 三統 **là quan niệm của Đổng Trọng Thư, cho rằng vương triều phải có màu sắc thích hợp: đời nhà Hạ màu đen, đời Thương màu trắng, đời Chu màu đỏ. Với màu sắc và phẩm phục tương ứng này, vương triều sẽ trường tồn. Xem chương nói về Đổng Trọng Thư trong quyển 2.**

[15] ***Tiền Hán Thư*** 前漢書, **quyển 30: «Ngũ hành giả, ngũ thường chi hình khí dã. *Thư* vân: «Sơ nhất viết ngũ hành, thứ nhị viết tu dụng ngũ sự.» Ngôn tiến dụng ngũ sự dĩ thuận ngũ hành dã. Mạo ngôn thị thính tư tâm thất nhi ngũ hành chi tự loạn, ngũ tinh chi biến tác. Giai xuất ư luật lịch chi số nhi phân vi nhất giả dã. Kỳ pháp diệc khởi ngũ đức chung thuỷ, suy kỳ cực tắc vô bất chí.»** 五行者，五常之形氣也。書云：«初一曰五行，次二曰羞用五事。言進用五事以順五行也。貌言視聽思心失而五行之序亂，五星之變作，皆出於律歷之數而分爲一者也。其法亦起五德終始，推其極則無不至。

[16] ***Tiền Hán Thư*** 前漢書, **quyển 30: «Thi quy giả, thánh nhân chi sở dụng dã. *Thư* viết: «Nhữ tắc hữu đại nghi, mưu cập bốc phệ.» *Dịch* viết: «Dĩ định thiên hạ chi cát hung, thành thiên hạ chi vĩ vĩ giả, mạc thiện ư thi quy. [...] Thị cố quân tử tương hữu vi dã, tương hữu hành dã, vấn yên nhi dĩ ngôn, kỳ thụ mệnh dã như hưởng. Vô hữu viễn cận u thâm, toại tri lai vật, phi thiên hạ chi chí tinh, kỳ thục năng dữ ư thử».»** 蓍龜者，聖人之所用也。書曰：«女則有大疑，謀及卜筮。» 易曰：«以定天下之吉凶，成天下之亹亹者，莫善於蓍龜。[...] 是故君子將有爲也，將有行也，問焉而以言，其受命如嚮，無有遠近幽深，遂知來物，非天下之至精，其孰能與於此？»

⑤ ***Tạp chiêm*** 雜占: *Nghệ Văn Chí* chép: «Tạp chiêm là ghi hiện tượng của trăm vật, xem xét điềm thiện ác. *Kinh Dịch* chép: "Chiêm để biết việc sắp xảy ra." Chiêm có nhiều thứ mà *chiêm mộng* (bói điềm thấy trong giấc mơ) là quan trọng nhất. Cho nên nhà Chu có đặt chức quan coi về chiêm mộng. *Kinh Thi* cũng có nói những giấc mộng thấy gấu, rắn, cá, cờ phướn thêu hình rùa-rắn hay hình chim, điềm đại nhân sắp đến, để xét việc lành dữ. Các giấc mộng này có liên quan với bốc phệ.»[17]

⑥ ***Hình pháp*** 形法: *Nghệ Văn Chí* chép: «Hình pháp là xem xét địa thế trong Cửu Châu (tức Trung Quốc) để lập thành quách nhà cửa. Xét rõ số lượng xương cốt của người và lục súc, hình dạng của đồ vật, để xem cái âm thanh và khí chất của chúng sang hay hèn, tốt hay xấu. Bởi thanh luật có dài ngắn mà mỗi thứ đều có âm thanh riêng. Đó không phải do quỷ thần, mà do sự tự nhiên của số vậy. Hình với khí là đầu đuôi của nhau. Đôi khi có hình mà không có khí, có khí mà không có hình, ấy là chỗ độc đáo, lạ lùng, tinh vi vậy.»[18]

Trong 6 loại thuật số này, thi quy và tạp chiêm được đề cập rất nhiều trong *Tả Truyện*. Trong *Tả Truyện* cũng hay nói đến hai cụm từ «bốc chi» 卜之 và «phệ chi» 筮之. *Bốc* là bói bằng mai rùa, *phệ* là bói bằng cỏ thi. Như *Nghệ Văn Chí* nói: «Chiêm có nhiều thứ mà *chiêm mộng* là quan trọng nhất.» Cho nên việc chiêm mộng được thuật trong *Tả Truyện* đều dùng phép tạp chiêm. *Tả Truyện* chép rằng quan nội sử nhà Chu là Thúc Phục 叔服 có thể «xem tướng người» (năng tướng nhân 能相人). Thiên Phi Tướng 非相 trong sách Tuân Tử nói: «Thời xưa có Cô Bố Tử Khanh 姑布子卿, thời nay ở nước Lương có Đường Cử 唐舉. Họ xem hình dạng nhan sắc của một người mà biết được tốt xấu yểu thọ của người đó.

---

[17] ***Tiền Hán Thư*** 前漢書, **quyển 30: «Tạp chiêm giả, kỳ bách sự chi tượng, hậu thiện ác chi trưng. *Dịch* viết: "Chiêm sự tri lai." Chúng chiêm phi nhất, nhi mộng vi đại. Cố Chu hữu kỳ quan, nhi *Thi* tái hùng bì huỷ xà chúng ngư triệu dư chi mộng, trứ minh đại nhân chi chiêm, dĩ khảo cát hung, cái tham bốc phệ.»** 雜占者，紀百事之象，候善惡之徵。易曰：«占事知來。» 衆占非一，而夢爲大。故周有其官，而詩載熊羆虺蛇衆魚旐旟之夢，著明大人之占，以考吉凶，蓋參卜筮。

[18] ***Tiền Hán Thư*** 前漢書, **quyển 30: «Hình pháp giả, đại cử Cửu Châu chi thế, dĩ lập thành quách thất xá. Hình nhân cập lục súc cốt pháp chi độ số, khí vật chi hình dung, dĩ cầu kỳ thanh khí quý tiện cát hung. Do luật hữu trường đoản, nhi các trưng kỳ thanh, phi hữu quỷ thần, số tự nhiên dã. Nhiên hình dữ khí tương thủ vĩ, diệc hữu hữu kỳ hình nhi vô kỳ khí, hữu kỳ khí nhi vô kỳ hình; thử tinh vi chi độc dị dã.»** 形法者，大舉九州之勢，以立城郭室舍。形人及六畜骨法之度數，器物之形容，以求其聲氣貴賤吉凶。猶律有長短，而各徵其聲，非有鬼神，數自然也。然形與氣相首尾，亦有有其形而無其氣，有其氣而無其形；此精微之獨異也。

Người đời rất khen ngợi họ.»[19] Thuật ấy chính là *hình pháp* vậy.

Ba thuật *thiên văn, lịch phổ, ngũ hành* cũng được đề cập trong *Tả Truyện*. Sau đây là một vài đoạn trích dẫn:

Chiêu Công 昭公 năm thứ 8 (tức năm 534 TCN): «Sở diệt Trần. Tấn hầu 晉侯 hỏi Sử Triệu 史趙 rằng: "Trần sẽ mất chăng?" Sử Triệu

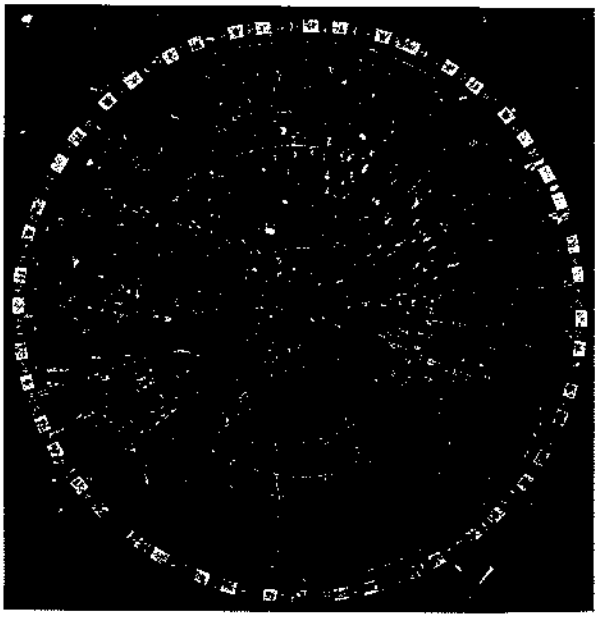

Bản đồ thiên văn

đáp: "Chưa mất. [...] Trần là dòng dõi Chuyên Húc. Khi tuế tinh 歲星 (tức Jupiter) đến chòm sao Thuần Hoả 純火 thì [đời Chuyên Húc] bị diệt. Trần sẽ như thế. Nay [tuế tinh] ở chòm sao Tích Thuỷ 析水, bên sông Ngân Hà, nước Trần sẽ khôi phục."»[20]

Chiêu Công 昭公 năm thứ 9 (tức năm 533 TCN): «Tháng 4, mùa hè, nước Trần có một hoả tai. Tỳ Táo 裨灶 của nước Trịnh nói: "Năm

---

[19] *Tuân Tử* 荀子, quyển 3: **«Cổ giả hữu Cô Bố Tử Khanh, kim chi thế Lương hữu Đường Cử, tướng nhân chi hình trạng nhan sắc, nhi tri kỳ cát hung yêu tường, thế tục xưng chi.»** 古者有姑布子卿，今之世梁有唐舉，相人之形狀顏色，而知其吉凶妖祥，世俗稱之.

[20] *Tả Truyện* 左傳, quyển 22: **«Sở diệt Trần. Tấn hầu vấn ư Sử Triệu viết: "Trần kỳ toại vong hồ?" Đối viết: "Vị dã. [...] Trần, Chuyên Húc chi tộc dã. Tuế tại Thuần Hoả, thị dĩ tốt diệt, Trần tương như chi. Kim tại Tích Thuỷ chi tân, do tương phục do."»** 楚滅陳，晉侯問於史趙曰：« 陳其遂亡乎?» 對曰：«未也[...] 陳，顓頊之族也. 歲在鶉火，是以卒滅，陳將如之，今在析水之津，猶將復由.»

năm nữa, nước Trần sẽ tái lập. Rồi sau 52 năm tái lập, Trần sẽ bị diệt vong. [...] Trần thuộc hành thuỷ. Hoả khắc thuỷ, mà Sở thuộc hành hoả. Nay hành hoả xuất hiện, [thể hiện qua] vụ cháy ở nước Trần, đuổi nước Sở và tái lập nước Trần. Các hành phối thành số 5, nên ta nói 5 năm nữa Trần sẽ tái lập. Tuế tinh phải 5 lần đến chòm sao Thuần Hoả 純火, sau đó Trần sẽ bị diệt vong. Sở khắc Trần nên chiếm được Trần. Đó là đạo Trời. Vì thế ta nói [Trần bị diệt] sau 52 năm."»[21]

Chiêu Công 昭公 năm thứ 10 (tức năm 532 TCN): «Mùa xuân, tháng giêng theo lịch nhà Chu, có ngôi sao lạ xuất hiện ở chòm Vụ Nữ 婺女. Tỳ Táo nước Trịnh nói với Tử Sản rằng: "Tháng 7, ngày Mậu Tý, vua nước Tấn sẽ chết."»[22]

Chiêu Công 昭公 năm thứ 15 (tức năm 527 TCN): «Mùa xuân, lễ cúng tổ tiên của vua sắp tổ chức tại miếu Vũ Công. Vua ra lệnh bá quan trai giới. Tử Thận 梓慎 nói: "Ngày cúng tế này e có tai hoạ xảy ra! Ta thấy một quầng sáng màu đen và đỏ, nó không phải là điềm lành cho buổi cúng tế, mà là khí của tang ma. Nó sẽ xảy ra cho quan lo về cúng tế chăng?"»[23]

Chiêu Công 昭公 năm thứ 17 (tức năm 525 TCN): «Mùa đông, sao chổi quét qua chòm sao Đại Thần 大辰 (tức Đại Hoả Tinh), đến phía tây sông Hán 漢 (tức dãy Ngân Hà). Thân Tu 申須 nói: "Sao chổi vốn quét cái cũ mà phân bố cái mới, sự việc phát sinh trên trời thường tượng trưng cho điềm lành hoặc dữ. Nay sao chổi quét sạch hoả (tức Đại

---

[21] *Tả Truyện* 左傳, quyển 22: «Hạ tứ nguyệt, Trần tai. Trịnh Tỳ Táo 裨灶 viết: "Ngũ niên Trần tương phục phong, phong ngũ thập nhị niên, nhi toại vong. [...] Trần, thuỷ thuộc dã. Hoả, thuỷ phi dã, nhi Sở sở tương dã. Kim hoả xuất nhi hoả Trần, trục Sở nhi kiến Trần dã. Phi dĩ ngũ thành, cố viết ngũ niên. Tuế ngũ cập Thuần Hoả nhi hậu Trần tất vong, Sở khắc hữu chi, thiên chi đạo dã. Cố viết ngũ thập nhị niên."» 夏四月，陳災。鄭裨灶曰：«五年陳將復封，封五十二年，而遂亡。[...] 陳，水屬也。火，水妃也，而楚所相也。今火出而火陳，逐楚而建陳也。妃以五成，故曰五年。歲五及鶉火而後陳亡，楚克有之，天之道也。故曰五十二年。

[22] *Tả Truyện* 左傳, quyển 22: «Xuân, vương chính nguyệt, hữu tinh xuất ư Vụ Nữ. Trịnh Tỳ Táo ngôn ư Tử Sản viết: "Thất nguyệt Mậu Tý, Tấn quân tương tử."» 春，王正月，有星出於婺女。鄭裨灶言於子產曰：«七月戊子，晉君將死。»

[23] *Tả Truyện* 左傳, quyển 22: «Xuân, tương đế ư Vũ Công, giới bách quan. Tử Thận viết: "Đế chi nhật, kỳ hữu cữu hồ! Ngô kiến xích hắc chi tẩm, phi tế tường dã, tang phân dã, kỳ tại lý sự hồ?"» 春，將禘於武公，戒百官，梓慎曰：«禘之日，其有省乎！吾見赤黑之祲，非祭祥也，喪氛也，其在蒞事乎？» – LAM chú: *Đế* 禘 là lễ cúng tổ tiên của thiên tử và chư hầu, tổ chức nơi tông miếu. Trong đoạn trích dẫn này, nó tổ chức vào mùa xuân. Nhưng theo *Lễ Ký*, lễ cúng tổ tiên thiên tử và chư hầu vào mùa xuân gọi là *dược* 礿, mùa hè gọi là *đế* 禘, mùa thu gọi là *thường* 嘗, mùa đông gọi là *chưng* 烝.

Thần), khi hoả tái xuất hiện thì nhất định sẽ phát ra tai ương. Các nước chư hầu ắt bị hoả tai chăng?" Tử Thận 梓慎 nói: "... Nếu hoả tai phát sinh, e rằng bốn nước phải gánh chịu... [Hoả tai sẽ xảy ra] ở bốn nước Tống, Vệ, Trần, Trịnh chăng? ... [Hoả tai sẽ xảy ra] vào ngày Bính Tý hoặc ngày Nhâm Ngọ chăng?..." Tỳ Táo ở nước Trịnh nói với Tử Sản rằng: "... Nếu ta dùng các tế khí như *quán giả* 瓘斝 và *ngọc toản* 玉瓚 để cúng thần thì nước Trịnh sẽ không bị hoả tai."»[24]

Chiêu Công 昭公 năm thứ 18 (tức năm 524 TCN): «Mùa xuân, tháng 2 theo lịch nhà Chu, ngày Ất Mão, quan đại phu Mao Đắc 毛得 của nhà Chu giết quan đại phu Mao Bá Quá 毛伯過 để thế chỗ. Trường Hoằng 萇弘 nói: "Mao Đắc ắt sẽ chết, vì đó là ngày mà Côn Ngô 昆吾 gây ác quá nhiều."»[25] (Côn Ngô quá xa xỉ độc ác, nên cũng bị chết với vua Kiệt vào ngày Ất Mão.)

Chiêu Công 昭公 năm thứ 32 (tức năm 510 TCN): «Mùa hè, nước Ngô đánh nước Việt. ... Sử Mặc 史墨 nói: "Không tới 40 năm nữa, Việt chiếm lại Ngô chăng? Nay Việt bị tuế tinh chiếu mà Ngô đánh phạt, ắt Việt bị tai ương."»[26]

Từ những trích dẫn trên đây, ta thấy Sử Triệu, Tỳ Táo, Tử Thận, Thân Tu, Trường Hoằng, Sử Mặc đều lấy những hiện tượng thiên nhiên và «đạo Trời» (Thiên chi đạo 天之道) để tiên đoán việc con người. Thuật mà họ dùng hiển nhiên là *thiên văn*, kết hợp *lịch phổ* và *ngũ hành*. Các thuật thiên văn, lịch phổ, ngũ hành đều chú ý cái gọi là «thiên nhân chi tế»

---

[24] *Tả Truyện* 左傳, quyển 23: «Đông, hữu tinh bột ư Đại Thần, tây cập Hán. Thân Tu viết: "Tuệ sở dĩ trừ cựu bố tân dã, thiên sự hằng tượng, kim trừ ư hoả, hoả xuất tất bố yên. Chư hầu kỳ hữu hoả tai hồ?" Tử Thận viết: "... Nhược hoả tác, kỳ tứ quốc đương chi. ... tại Tống, Vệ, Trần, Trịnh hồ? ...kỳ dĩ Bính Tý nhược Nhâm Ngọ tác hồ?..." Trịnh Tỳ Táo ngôn ư Tử Sản viết: "... Nhược ngã dụng quán giả ngọc toản, Trịnh tất bất hoả."» 冬，有星孛於大辰，西及漢。申須曰：« 彗所以除舊布新也，天事恆象，今除於火，火出必布焉，諸侯其有大災乎？» 梓慎曰：«... 若火作，其四國當之 ... 在宋衛陳鄭乎？ ... 其以丙子若壬午作乎？...» 鄭裨灶言於子產曰：«... 若我用瑮斝玉瓚，鄭必不火.» – LAM chú: *quán giả* 瓘斝: chén để rót rượu, *ngọc toản* 玉瓚: cái môi bằng ngọc để múc rượu rảy xuống đất khi cúng tế. Derk Bodde không dịch câu trích dẫn này.

[25] *Tả Truyện* 左傳, quyển 24: «Xuân vương nhị nguyệt, Ất Mão, Chu Mao Đắc sát Mao Bá Quá nhi đại chi. Trường Hoằng viết: "Mao Đắc tất vong, thị Côn Ngô nhẫm chi nhật dã."» 春王二月，乙卯，周毛得殺毛伯過而代之。萇弘曰：«毛得必亡是昆吾稔之日也.» – LAM chú: Derk Bodde không dịch câu trích dẫn này.

[26] *Tả Truyện* 左傳, quyển 26: «Hạ, Ngô phạt Việt. ... Sử Mặc viết: "Bất cập tứ thập niên, Việt kỳ hữu Ngô hồ? Việt đắc tuế nhi Ngô phạt chi, tất thụ kỳ hung."» 夏，吳伐越 ... 史墨曰：«不及四十年，越其有吳乎？越得歲而吳伐之，必受其凶.» – LAM chú: Derk Bodde không dịch câu trích dẫn này.

天人之際 tức là ảnh hưởng qua lại giữa thiên đạo và nhân sự. Các Âm Dương gia và Ngũ hành gia đời sau chỉ là theo đó mà suy diễn ra.

3. Trời

Ngoài bách thần còn có *Thiên* 天 (Trời) và *Đế* 帝. Sách *Thượng Thư* 尚書, thiên Thang Thệ 湯誓, chép: «Nhà Hạ nhiều tội, Trời sai ta diệt nhà Hạ... Ta sợ Thượng Đế nhưng không dám không trừng phạt [nhà Hạ] ... và thi hành sự trừng phạt theo mệnh Trời.»[27] Trong một đoạn không đầy 150 chữ Hán này có đến ba lần đề cập *Thiên* và *Đế*.

Tương tự, trong *Thương Tụng* 商頌 của *Kinh Thi*: "Trời sai huyền điểu giáng xuống mà sinh nhà Thương. [...] Thời xưa, Đế ra lệnh Vũ Thang 武湯 (vua Thang) lập nhà Thương. Ngài lãnh mệnh Trời mà không hề nghi ngờ... Nhà Ân (tức Thương) lãnh mệnh Trời là hoàn toàn đúng.»[28] Trong một đoạn không đầy 100 chữ Hán này có đến năm lần đề cập *Thiên* 天, *Đế* 帝, và *thụ mệnh* 受命 (lãnh mệnh Trời).

Quốc Ngữ chép: «Quắc Công 虢公 nằm mộng trong tông miếu, thấy một vị thần mặt người, lông trắng, vuốt cọp, cầm cái búa đứng ở mái tây của miếu. Công sợ, bỏ chạy. Thần nói: "Chớ chạy. Đế ra lệnh ta khiến quân Tấn vào cổng thành của ngươi." Quắc Công cúi đầu lạy thần. Khi tỉnh dậy, Quắc Công sai Sử Ngân 史嚚 bói mộng. Sử Ngân nói: "Theo lời ngài nói, đó là thần Nhục Thu 蓐收 [thuộc phía tây], vốn là thần thi hành hình phạt theo lệnh Trời. Mỗi việc của Trời đều có quan thi hành."»[29]

Kinh Thi, Kinh Thư, Tả Truyện, Quốc Ngữ nói đến *Thiên* và *Đế* nhiều đến nỗi không kể ra hết được, nhưng đa phần là ám chỉ Thượng Đế có tính cách như con người. Lời Sử Ngân 史嚚 giải mộng của Quắc Công cho thấy quan hệ giữa Thiên và thần. Nói chung, Thượng Đế có uy

[27] ***Thượng Thư*** 尚書, **quyển 4: «Hữu Hạ đa tội, thiên mệnh cức chi. [...] Dư uý Thượng Đế, bất cảm bất chính. [...] Trí Thiên chi phạt.»** 有夏多罪，天命殛之 [...] 予畏上帝，不敢不正 [...] 致天之罰.

[28] ***Thi*** 詩, **quyển 20, Huyền Điểu** 玄鳥: **«Thiên mệnh huyền điểu giáng nhi sinh Thương. [...] Cổ Đế mệnh Vũ Thang. [...] Phương mệnh quyết hậu, [...] thụ mệnh bất đãi, [...] Ân thụ mệnh hàm nghi.»** 天命玄鳥降而生商 [...] 古帝命武湯 [...] 方命厥后 [...] 受命不殆 [...] 殷受命咸宜.

[29] ***Quốc Ngữ*** 國語, **quyển 8, Tấn Ngữ** 晉語: **«Quắc Công mộng tại miếu, hữu thần nhân diện bạch mao hổ trảo chấp việt lập ư tây a. Công cụ nhi tẩu, thần viết: "Vô tẩu. Đế mệnh viết: Sử Tấn tập ư nhĩ môn." Công bái khể thủ. Giác, sử Sử Hiêu chiêm chi. Đối viết: "Như quân chi ngôn, tắc Nhục Thu dã. Thiên chi hình thần dã, thiên sự quan thành."»** 虢公夢在廟，有神人面白毛虎爪執鉞立於西阿. 公懼而走，神曰：«無走. 帝命曰：使晉襲於爾門.» 公拜稽首. 覺，使史嚚占之. 對曰：«如君之言，則蓐收也，天之刑神也，天事官成.»

quyền tối cao và ngài thiết lập các chức quan để các thần nắm giữ. Địa vị và quyền lực của các thần thấp hơn Đế và phải phục tòng Đế. Đây là tín ngưỡng tôn giáo của người bình dân tại Trung Quốc nói chung, và nó đã có từ thời xa xưa.

Trong văn tự Trung Quốc, chữ Thiên 天 có năm nghĩa:

① Bầu trời, tương ứng với đất.

② Ông Trời, còn gọi là Hoàng Thiên Thượng Đế 皇天上帝, tức là chủ tể (Thiên và Đế) có tính cách như người.

③ Vận mệnh, tức là *thiên* 天 tương đương với *mệnh* 命, ám chỉ tất cả các thứ liên quan đến cuộc sống con người nhưng con người không thể kiểm soát được. Đó là chữ *thiên* mà Mạnh Tử nói trong câu «*Nhược phù thành công tắc thiên dã*» 若夫成功則天也 (Nếu thành công, đó là do số mệnh.)[30]

④ Sự vận hành tự nhiên, tức là cõi tự nhiên được nói trong sách *Tuân Tử*, thiên Thiên Luận 天論.

⑤ Nguyên lý tối cao trong vũ trụ, tức là chữ *thiên* trong câu «*Thiên mệnh chi vị tính*» 天命之謂性 (Cái mà *thiên* phú bẩm [cho con người] gọi là tính) ở đầu sách *Trung Dung*.

Chữ *thiên* 天 mà *Kinh Thi, Kinh Thư, Quốc Ngữ, Tả Truyện* thường nhắc đến, ngoài ý nghĩa là «bầu trời», còn có nghĩa là «Ông Trời». Trong *Luận Ngữ*, Khổng Tử cũng thường nói đến Thiên với ý nghĩa là «Ông Trời», đấng chủ tể của muôn loài.

4. Những người có tư tưởng sáng suốt

Đến thời Xuân Thu, có một số người sáng suốt, dần dần không tin có quỷ thần và đạo Trời. Trong *Tả Truyện*, Trang Công 莊公 năm 32 (tức năm 662 TCN), Sử Ngân 史嚚 nói: «Nước sắp hưng thịnh [vua] lắng nghe dân, nước sắp mất [vua] lắng nghe thần.»[31]

Chiêu Công 昭公 năm 18 (tức năm 524 TCN), Tử Sản 子產 nói: «Đạo Trời xa, đạo người gần. Chúng ta không đạt tới đạo Trời. Làm sao biết được nó?»[32]

---

[30] *Mạnh Tử* 孟子 (Lương Huệ Vương hạ 梁惠王下).

[31] *Tả Truyện* 左傳, quyển 3: «Quốc tương hưng, thính ư dân; quốc tương vong, thính ư thần.» 國將興，聽於民；國將亡，聽於神.

[32] *Tả Truyện* 左傳, quyển 24: «Thiên đạo viễn, nhân đạo nhĩ, phi sở cập dã. Hà dĩ tri chi?» 天道遠，人道邇，非所及也，何以知之？

Định Công 定公 nguyên niên (tức năm 509 TCN), Trọng Kỷ 仲幾 nói: «Nước Tiết dùng người để chứng minh, nước Tống dùng quỷ để chứng minh, tội lỗi của nước Tống lớn lắm.»[33]

Những lời trích dẫn trên đây tuy chưa phủ nhận sự tồn tại của cái gọi là quỷ thần và Thiên đạo nhưng đã tỏ thái độ "*kính nhi viễn chi*" 敬而遠之 (kính trọng nhưng tránh xa).[34]

Ngoài ra, từ thời xa xưa có người sớm biết thử dùng thuyết Âm Dương mà giải thích những hiện tượng trong vũ trụ. *Quốc Ngữ* chép rằng Năm U Vương 幽王 thứ ba, ba con sông ở Tây Chu động lớn. Bá Dương Phụ 伯陽父 nói: «Nhà Chu sắp mất rồi. Cái khí của trời đất không mất thứ tự. Hễ mất thứ tự thì dân loạn. Dương bị che khuất không xuất ra được, âm bị đè nén không bốc lên được, cho nên xảy ra động đất. Nay ba sông chấn động, ấy là dương mất vị trí chính đáng của nó mà đi đè nén âm. Dương mất vị trí của nó và chiếm vị trí của âm, nguồn của ba sông tất bị nghẽn.»[35]

Tả Truyện, Hi Công 僖公 năm 16 (tức năm 644 TCN), chép: «Có sáu con chim *nghịch* 鷁 bay ngược qua kinh đô nước Tống, đó là do gió mạnh gây ra.» Quan nội sử của nước Chu là Thúc Hưng 叔興 nói: «Đó là chuyện âm dương, không phải điềm xảy ra việc lành dữ gì đâu. Lành dữ là do con người gây ra.»[36]

Quốc Ngữ chép: Việt Vương Câu Tiễn 越王勾踐 năm thứ 3 (tức năm 494 TCN), Phạm Lãi 范蠡 nói: «Thiên đạo thì đầy mà không tràn, thịnh mà không kiêu, vất vả mà không khoe công. Thánh nhân tuỳ thời mà hành động, đó gọi là *giữ thời* (thủ thời 守時). Không đúng thời thì thánh

---

[33] *Tả Truyện* 左傳, quyển 27: «**Tiết trưng ư nhân, Tống trưng ư quỷ, Tống tội đại hĩ.**» 薛徵於人, 宋徵於鬼, 宋罪大矣. – **LAM chú:** *Tả Truyện toàn dịch* 左傳全譯, Quý Châu Nhân Dân xbx, quyển hạ, 1990, tr.1412-1413, giải: *Trưng* 徵 là *chứng minh* 証明. Derk Bodde dịch là *«appeal to»* (thu hút, lôi cuốn).

[34] Đây là thái độ của Khổng Tử đối với quỷ thần, xem *Luận Ngữ* (Ung Dã 雍也): «Kính quỷ thần nhi viễn chi.» 敬鬼神而遠之 [LAM chú].

[35] *Quốc Ngữ* 國語, quyển 1, Chu Ngữ thượng 周語上: «**Chu tương vong hĩ. Phù thiên địa chi khí, bất thất kỳ tự. Nhược quá kỳ tự, dân loạn chi dã. Dương phục nhi bất năng xuất, âm bách nhi bất năng chưng, ư thị hữu địa chấn. Kim tam xuyên thực chấn, thị dương thất kỳ sở nhi trấn âm dã. Dương thất nhi tại âm, xuyên nguyên tất tắc.**» 周將亡矣. 夫天地之氣, 不失其序. 若過其序, 民亂之也. 陽伏而不能出, 陰迫而不能烝, 於是有地震. 今三川實震, 是陽失其所而鎮陰也. 陽失而在陰, 川源必塞.

[36] *Tả Truyện* 左傳, quyển 6: «**Lục nghịch thoái phi quá Tống đô, phong dã. [...] Thị âm dương chi sự, phi cát hung sở xuất dã. Cát hung do nhân.**» 六鷁退飛過宋都, 風也. [...] 是陰陽之事, 非吉凶所出也. 吉凶由人. – **LAM chú:** *nghịch* 鷁 là một loài chim nước (thuỷ điểu) bay cao, thường được nói trong sách xưa. Derk Bodde dịch là *fish-hawk* = ngư ưng.

nhân không làm khách của người đời (tức không giúp đời). Việc người chưa xảy ra thì thánh nhân không làm nó xảy ra. [...] Đất có thể ôm hết vạn vật và xem chúng như một, nhưng việc nó không thất bại. Nó sinh vạn vật, dung chứa và nuôi cầm thú, rồi sau nó mới có danh cùng với lợi. Dù mọi thứ đẹp hay xấu nó đều nuôi dưỡng và sinh ra. Nếu thời chưa đến thì không thể gượng tạo ra. Nếu sự việc chưa xét kỹ thì không thể ép nó thành tựu. [...] Hễ biết chế độ thường hằng của trời đất, thì sẽ có cái lợi đầy đủ của trời đất. Phải dùng sự thường hằng của âm dương và thuận theo sự thường hằng của trời đất. Nhu nhưng không khuất phục, mạnh nhưng không cứng. Trời để người tự làm, thánh nhân để Trời tự làm. Người tự sinh ra, trời đất cho hình, thánh nhân theo đó mà giúp cho thành tựu.»[37]

Lấy âm dương mà giải thích những hiện tượng trong vũ trụ thì không tránh khỏi mơ hồ lẫn lộn, nhưng so với việc lấy Thượng đế quỷ thần ra mà giải thích thì đã tiến bộ hơn nhiều. Chữ *thiên* trong lời nói của Phạm Lãi là cõi tự nhiên, rất giống chữ *thiên* mà Lão Tử dùng, e rằng đó là một yếu tố mở đường cho Lão học vậy.

5. Phát hiện nhân bản

Thuở ban sơ, người ta cho rằng mọi chế độ trong xã hội đều do Thượng đế tạo ra. *Kinh Thư* chép: «Chớ để các quan ở không. Việc của Trời [nuôi dân và trị dân] thì con người phải thay Trời mà làm lấy. Trật tự của Trời có đạo thường. [Trời] sắp đặt cho chúng ta có *ngũ thường* và năm mối thân thiết [giữa cha, mẹ, anh, em, con]. Trời xếp đặt trật tự cho con người, qui định lễ nghi, ấn định cho chúng ta năm loại lễ dùng cho năm đẳng cấp [thiên tử, chư hầu, khanh đại phu, sĩ, thứ dân]. [...] Trời

---

[37] *Quốc Ngữ* 國語, quyển 21, Việt Ngữ hạ 越語下: «Thiên đạo doanh nhi bất dật, thịnh nhi bất kiêu, lao nhi bất căng kỳ công. Phù thánh nhân tuỳ thời nhi hành, thị vị thủ thời. Thiên thời bất tác, phất vi nhân khách. Nhân sự bất khởi, phất vi chi thuỷ. [...] Duy địa năng bao vạn vật dĩ vi nhất, kỳ sự bất thất. Sinh vạn vật, dung súc cầm thú. Nhiên hậu thụ kỳ danh nhi kiêm kỳ lợi. Mỹ ố giai thành dĩ dưỡng sinh. Thời bất chí, bất khả cưỡng sinh. Sự bất cứu, bất khả cưỡng thành. [...] Tất hữu dĩ tri thiên địa chi hằng chế, nãi khả dĩ hữu thiên địa chi thành lợi. [...] Nhân âm dương chi hằng, thuận thiên địa chi thường. Nhu nhi bất khuất, cường nhi bất cương. [...] Thiên nhân nhân, thánh nhân nhân thiên. Nhân tự sinh chi, thiên địa hình chi, thánh nhân nhân nhi thành chi.» 天道盈而不溢,盛而不驕,勞而不矜其功. 夫聖人隨時而行,是謂守時. 天時不作,弗爲人客. 人事不起,弗爲之始 [...] 惟地能包萬物以爲一,其事不失. 生萬物,容畜禽獸. 然後受其名而兼其利. 美惡皆成以養生. 時不至,不可強生. 事不究,不可強成 [...] 必有以知天地之恆制,乃可以有天地之成利 [...] 因陰陽之恆,隨天地之常. 柔而不屈,強而不剛 [...] 天因人,聖人因天. 人自生之,天地形之,聖人因而成之.

ban mệnh cho người có đức, ấn định *ngũ phục* và *ngũ chương*. Trời phạt kẻ có tội, áp dụng năm loại hình phạt cho họ.»[38]

Mạnh Tử đã trích dẫn *Kinh Thư* rằng: «Trời tạo ra hạ dân, ấn định vua [để cai trị dân] và thầy giáo [để dạy dân].»[39]

Kinh Thư lại nói: «Đế giữ lòng trong sạch mà hỏi han dân chúng [...] rồi sai ba vị trưởng quan lo lắng công việc của dân. Bá Di 伯夷 soạn ra pháp điển, dùng hình pháp để ước thúc dân. Vũ 禹 lo về thuỷ lợi, quản lý tên sông và núi. Tắc 稷 đích thân dạy dân gieo trồng, nỗ lực cày cấy, mùa màng tươi tốt. Ba vị quan này thành công, dân chúng ấm no sung túc.»[40]

Kinh Thi viết: «Trời sinh muôn dân, có sự vật thì có phép tắc.»[41]

Kinh Thi cũng viết: «Không cần ý thức, không cần biết; cứ thuận theo phép tắc của Trời đi.»[42]

---

[38] ***Thượng Thư*** 尚書, **quyển 2, Cao Dao mô** 皋陶謨: **«Vô khoáng thứ quan, thiên công nhân kỳ đại chi. Thiên tự hữu điển, sắc ngã ngũ điển ngũ đôn tai. Thiên trật hữu lễ, tự ngã ngũ lễ ngũ dụng tai. [...] Thiên mệnh hữu đức, ngũ phục ngũ chương tai. Thiên thảo hữu tội, ngũ hình ngũ dụng tai.»** 無曠庶官，天工其代之。天敘有典，敕我五典五惇哉。天秩有禮，自我五禮五庸哉。[...] 天命有德，五服五章哉。天討有罪，五刑五用哉。 **– LAM chú:** ***Ngũ điển = ngũ thường*** **= cha có nghĩa, mẹ hiền từ, anh thương em, em kính anh, con có hiếu.** ***Ngũ đôn*** **= 5 mối thân thiết giữa cha, mẹ, anh, em, con.** ***Ngũ lễ*** **= chế độ lễ nghi cho thiên tử, chư hầu, khanh đại phu, sĩ, thứ dân.** ***Hữu dụng*** 有庸 **= hữu dụng** 有用. ***Hữu đức*** **= người có đức.** ***Hữu tội*** **= người có tội.** ***Ngũ phục*** **= 5 loại y phục cho thiên tử, chư hầu, khanh đại phu, sĩ, thứ dân.** ***Ngũ chương*** **= 5 loại hoa văn và màu sắc để phân biệt ngũ phục.** ***Ngũ hình*** **= 5 hình loại phạt: mặc hình** 墨刑 **[xăm chữ vào trán], tỵ hình** 劓刑 **[cắt mũi], phí hình** 刖刑 **[chặt 2 chân], cung hình** 宮刑 **[thiến], đại tịch** 大辟 **[chặt đầu].** ***Ngũ dụng*** **= áp dụng 5 hình phạt trên.**

[39] ***Mạnh Tử*** 孟子, **Lương Huệ Vương hạ** 梁惠王下: **«Thư viết: Thiên giáng hạ dân, tác chi quân, tác chi sư.»** 書曰：«天降下民，作之君，作之師。»

[40] ***Thượng Thư*** 尚書, **quyển 12, Lã Hình** 呂刑: **«Hoàng đế thanh vấn hạ dân [...] nãi mệnh tam hậu, tuất công ư dân. Bá Di giáng điển, chiết dân duy hình. Vũ bình thuỷ thổ, chú danh sơn xuyên. Tắc giáng bá chủng. Nông thực gia cốc. Tam hậu thành công, duy ân ư dân.»** 皇帝清問下民 [...] 乃命三后，恤功于民。伯夷降典，折民惟刑。禹平水土，主名山川。稷降播種，農殖嘉穀。三后成功，惟殷于民。 **– LAM chú: Khi trích dẫn đoạn này, Phùng Hữu Lan hiểu** ***hoàng đế*** **ở đây là** ***Đế*** **[ý nghĩa cũng như Trời], do đó Derk Bodde dịch theo là «Imperial God [Ti]». Kỳ thực, thiên Lã Hình** 呂刑 **này nói về vua Chu Mục Vương** 周穆王 **bố cáo việc áp dụng hình pháp cho dân, và vị quan phụ trách việc này là Lã Hầu** 呂侯. **Còn** ***«hoàng đế»*** **ở đây là Đế Nghiêu** 堯, **sau khi lên ngôi hèn giữ lòng trong sạch hỏi han dân chúng. Tôi dịch đoạn này dựa theo bản** ***Thư Kinh trực giải*** 書經直解 **của Trương Đạo Cần** 張道勤, **Chiết Giang Văn Nghệ xbx, 1997, tr.204-205; và để khỏi trái mạch văn của Phùng Hữu Lan, tôi chỉ ghi là** ***Đế***.

[41] ***Thi*** 詩, **quyển 18, Đại Nhã** 大雅 **- Chưng Dân** 烝民: **«Thiên sinh chưng dân, hữu vật hữu tắc.»** 天生烝民，有物有則。

[42] ***Thi*** 詩, **quyển 16, Đại Nhã** 大雅 **- Hoàng hĩ** 皇矣: **«Bất thức bất tri, thuận Đế chi tắc.»** 不識不知，順帝之則。

«Phép tắc của Trời» (Đế chi tắc 帝之則) tức là chế độ lễ giáo – các định chế chính trị và xã hội – do Thượng Đế lập ra. Người Hi Lạp cổ đại cũng tin tưởng rằng các chế độ quốc gia của họ đều do thần linh chế tác. Đây quả là kiến giải chung của người cổ đại vậy.

Đến thời Xuân Thu, người ta dần dần có cách giải thích mang tính chất nhân bản (humanistic) đối với các chế độ xã hội. Họ cho rằng các chế độ xã hội đều do con người lập ra vì lợi ích của con người. Đời vua Hoàn Công 桓公(806-771 TCN) của nước Trịnh 鄭, Sử Bá 史伯 nói: «*Hoà* 和 là do vật được sinh ra, nhưng *đồng* 同 thì không phải thế. Cho cái này bằng cái khác thì gọi là *hoà*, do đó *hoà* sinh ra mọi vật. Nếu lấy *đồng* thêm vào *đồng*, cái mới sẽ không sinh ra. Cho nên tiên vương lấy hành thổ hoà lẫn với bốn hành kim mộc thuỷ hoả để tạo ra trăm vật. Cho nên hoà năm vị để vừa miệng, làm mạnh mẽ tứ chi để bảo vệ thân thể, hoà sáu luật [âm nhạc] để nghe lọt tai, điều chỉnh *bảy thể* 七體 (= hai mắt, hai tai, hai lỗ mũi, miệng – DB chú) để sai khiến tâm, làm yên *tám sách* 八索 (= đầu, bao tử, hai bàn chân, hai dùi, hai mắt, miệng, hai tai, hai bàn tay – DB chú) để người trọn lành, lập *chín kỷ* 九紀 (= tim, gan, lá lách, thận, phổi, bao tử, bụng dưới, ruột, mật – DB chú) để tạo thuần đức, hợp *mười số* 十數 để dạy *trăm thể* 百體 (= hợp 10 đẳng cấp của xã hội phong kiến để điều hành trật tự các cơ cấu tổ chức – DB chú), tạo ra ngàn vật phẩm, hoàn thành vạn con đường, tính toán trăm ngàn việc, ước tính trăm triệu vật, thu nhập cả tỷ nguồn lợi tức, thi hành để đạt tới con số vô hạn.[43] Cho nên các vua cư trú trên đất của chín châu, thu nhập cả tỷ nguồn lợi tức vì nuôi dưỡng triệu dân. Những thứ này được sắp đặt có trật tự, nên họ có thể dùng chúng, và có sự hài hoà hạnh phúc cơ hồ muôn dân như một. Nếu được thế, đó là mức tối cao của hoà vậy. Cho nên các vua đời trước thích lấy hoàng hậu thuộc họ khác, để mong tìm sự giàu có từ vùng khác, tuyển chọn các quan từ những người có thể can gián vua và giảng giải được về nhiều sự vật. Họ làm thế vì muốn có sự hoà đồng vậy. Nếu chỉ có một âm thanh thì chẳng có ai nghe. Nếu chỉ có một vật thì chẳng có hoa văn trang trí. Nếu chỉ có một vị thì chẳng ai ngon miệng. Nếu chỉ có một vật thì chẳng ai giải thích.»[44]

---

[43] Chỗ này minh hoạ lý thú về sở thích liệt kê sự vật của người Trung Quốc theo những con số 5, 6, 9, v.v... và những con số bất định. [DB chú]

[44] *Quốc Ngữ* 國語, quyển 16, Trịnh Ngữ 鄭語: «Phù hoà thực sinh vật, đồng tắc bất kế. Dĩ tha bình tha vị chi hoà, cố năng phong trường nhi vật sinh chi. Nhược dĩ đồng tỷ đồng, tận nãi khí hĩ. Cố tiên vương dĩ thổ dữ kim mộc thuỷ hoả tạp dĩ thành bách vật. Thị dĩ hoà ngũ vị dĩ điều khẩu, cường tứ chi dĩ vệ thể, hoà lục luật dĩ thông nhĩ, chính thất thể dĩ dịch tâm, bình bát sách dĩ thành nhân, kiến cửu kỷ dĩ lập thuần đức, hợp thập số dĩ huấn bách thể, xuất thiên phẩm, cụ vạn phương, kế ức sự, tài triệu vật, thu kinh nhập, hành cai cực. Cố vương giả cư cửu cai

«Cho cái này bằng cái khác thì gọi là *hoà*» ý nói: lấy vị mặn thêm vào vị chua thì được một vị mới. Chua là «cái khác» của mặn; mặn là «cái khác» của chua. «Cho cái này bằng cái khác» thì được một cái mới, đó là «*hoà* sinh ra mọi vật». Nếu lấy vị mặn thêm vào vị mặn, thì chỉ được vị mặn. Mặn với mặn là «*đồng*». Cho nên «lấy *đồng* thêm vào *đồng*, cái mới sẽ không sinh ra». Suy diễn ra: nếu chỉ có một âm thanh, bất kể lặp đi lặp lại thế nào, cũng không thành âm nhạc. Tương tự, nếu chỉ có một màu, bất kể lặp đi lặp lại thế nào, cũng không thành văn vẻ màu sắc. Cho nên lấy «cái khác» mà giúp nó thì mới có sự thành tựu. Sự phân biệt giữa «*hoà*» và «*đồng*» của Sử Bá trên đây đã giải thích tại sao lễ nhạc và các định chế xã hội phải trở nên phong phú và phồn tạp.

Về sau, Án Tử 晏子 (mất năm 493 TCN) cũng biện luận tương tự như vậy. *Tả Truyện*, đời Chiêu Công năm 20 (tức năm 522 TCN), chép: «Tề Hầu 齊侯 (tức Tề Cảnh Công 齊景公) đi săn trở về, Án Tử đứng bên cạnh Tề Hầu nơi Thuyên Đài 遄臺, khi đó Tử Do 子猶 (tức Lương Khâu Cứ 梁丘據) đánh xe chạy nhanh tới. Tề Hầu nói: "Chỉ có Cứ *hoà* với ta." Án Tử nói: "Cứ cũng chỉ *đồng* với ngài mà thôi, sao gọi là *hoà* cho được?" Tề Hầu hỏi: "*Hoà* với *đồng* khác nhau ư?" Án Tử đáp: "Khác nhau. Hoà giống như món canh. Ngài có nước, lửa, dấm, nước cốt thịt cá, muối, quả mận, để nấu với thịt cá. Đầu bếp lấy củi nấu nó và hoà các thứ vật liệu đó. Cân đối chúng để tạo hương vị món canh, tăng vị chưa đủ và giảm vị thái quá. Người chủ ăn món canh này để bình tâm của mình. Vua và bầy tôi cũng y như thế. Cái mà vua cho là có thể nhưng trong đó có cái không thể, bầy tôi sẽ nêu ra cái không thể trong đó để cái có thể được hoàn bị. Cái mà vua cho là không thể nhưng trong đó có cái có thể, bầy tôi sẽ nêu ra cái có thể trong đó để khử bỏ cái không thể. Cho nên, khi nền cai trị bình hoà nhưng không trái lễ nghi, thì dân chúng không có lòng tranh chấp nhau. Cho nên [bài Liệt Tổ của phần Thương Tụng trong] *Kinh Thi* chép rằng: '*Cũng như canh được nêm nếm ngon, năm vị đầy đủ*

---

chi điển, thu kinh nhập dĩ thực triệu dân. Chu huấn nhi năng dụng chi, hoà lạc như nhất. Phù như thị, hoà chi chí dã. Ư thị hồ tiên vương sinh hậu ư địa tính, cầu tài ư hữu phương, trạch thần thủ gián công, nhi giảng dĩ đa vật, vụ hoà đồng dã. Thanh nhất vô thính, vật nhất vô văn, vị nhất vô quả, vật nhất bất giảng.» 夫和實生物，同則不繼。以他平他謂之和，故能豐長而物生之。若以同裨同，盡乃棄矣。故先王以土與金木水火雜以成百物，是以和五味以調口，剛四支以衛體，和六律以聰耳，正七體以役心，平八索以成人，建九紀以立純德，合十數以訓百體，出千品，具萬方，計億事，材兆物，收經入，行姟極。故王者居九埏之田，收經入以食兆民，周訓而能用之，和樂如一。夫如是，和之至也。於是乎先王聘后於異姓，求財於有方，擇臣以諫工，而講以多物，務和同也。聲一無聽，物一無文，味一無果，物一無講。– LAM chú: Derk Bodde dịch *hoà* 和 là *harmony* (hài hoà) và *đồng* 同 là *identity* (đồng nhất). LAM chú: Derk Bodde dịch *hoà* 和 là *harmony* (hài hoà) và *đồng* 同 là *identity* (đồng nhất).

và độ đậm thích hợp, thần linh đến hưởng không lời chê trách, trên dưới không tranh, tâm bình khí hoà.' Tiên vương điều hoà ngũ vị, hài hoà ngũ thanh để tâm được bình, và chính sự thành tựu. Âm thanh cũng như vị. Một khí, hai thể [múa văn và võ], ba loại [phong, nhã, tụng], bốn vật [vật bốn phương], năm thanh, sáu luật, bảy âm, tám phong [gió tám hướng], chín ca [chín bài ca], là để tạo thành [âm nhạc]. Trong đục, lớn nhỏ, ngắn dài, mau chậm, vui buồn, cứng mềm, nhanh trễ, cao thấp, ra vào, chu đáo sơ sài, là để giúp nhau. Quân tử nghe âm nhạc đó để bình tâm mình. Tâm bình thì đức hoà. Nên [bài Lang Bạt của phần Bân Phong trong] *Kinh Thi* chép rằng: '*Đức và âm không tỳ vết.*' Nay Cứ không thế. Vua nói có thể, Cứ cũng nói có thể. Vua nói không thể, Cứ cũng nói không thể. Nếu lấy nước thêm vào nước, ai có thể dùng được? Nếu đàn cầm và đàn sắt y hệt nhau, ai có thể nghe được? Cái không thể của *đồng* cũng như thế."»[45]

---

[45] *Tả Truyện* 左傳, quyển 24: «Tề Hầu chí tự diễn, Án Tử thị ư Thuyên đài. Tử Do trì nhi tạo yên. Công viết: "Duy Cứ dữ ngã hoà phù." Án Tử đối viết: "Cứ diệc đồng dã. Yên đắc vi hoà?" Công viết: "Hoà dữ đồng dị hồ?" Đối viết: "Dị. Hoà như canh yên, thuỷ hoả dĩ hải diêm mai, dĩ phanh ngư nhục, xiển chi dĩ tân, tể phu hoà chi, tể chi dĩ vị, tế kỳ bất cập, dĩ duệ kỳ quá. Quân tử thực chi, dĩ bình kỳ tâm. Quân thần diệc nhiên. Quân sở vị khả nhi hữu phủ yên, thần hiến kỳ phủ dĩ thành kỳ khả. Quân sở vị phủ nhi hữu khả yên, thần hiến kỳ khả dĩ khử kỳ phủ. Thị dĩ chính bình nhi bất can, dân vô tranh tâm. Cố *Thi* viết: '*Diệc hữu như canh, ký giới ký bình, tông giả vô ngôn, thời mị hữu tranh.*' Tiên vương chi tế ngũ vị, hoà ngũ thanh dã, dĩ bình kỳ tâm, thành kỳ chính dã. Thanh diệc như vị. Nhất khí, nhị thể, tam loại, tứ vật, ngũ thanh, lục luật, thất âm, bát phong, cửu ca dĩ tương thành dã. Thanh trọc, đại tiểu, đoản trường, tật từ, ai lạc, cương nhu, trì tốc, cao hạ, xuất nhập, chu sơ, dĩ tương tế dã. Quân tử thính chi, dĩ bình kỳ tâm, tâm bình đức hoà. Cố *Thi* viết: '*Đức âm bất hà.*' Kim Cứ bất nhiên. Quân sở vị khả, Cứ diệc viết khả. Quân sở vị phủ, Cứ diệc viết phủ. Nhược dĩ thuỷ tế thuỷ, thuỷ năng thực chi. Nhược cầm sắt chi chuyên nhất, thuỳ năng thính chi. Đồng chi bất khả dã như thị."» 齊侯至自田，晏子侍於遄臺。子猶馳而造焉。公曰：「唯據與我和夫。」晏子對曰：「據亦同也，焉得爲和？」公曰：「和與同異乎？」對曰：「異。和如羹焉，水火醯醢鹽梅，以烹魚肉，煇之以薪，宰夫和之，齊之以味，濟其不及，以洩其過。君子食之，以平其心。君臣亦然。君所謂可而有否焉，臣獻其否以成其可。君所謂否而有可焉，臣獻其可以去其否。是以政平而不干，民無爭心。故詩曰：'亦有和羹，既戒既平，鬷嘏無言，時靡有爭。'先王之濟五味，和五聲也，以平其心，成其政也。聲亦如味，一氣，二體，三類，四物，五聲，六律，七音，八風，九歌以相成也。清濁，大小，短長，疾徐，哀樂，剛柔，遲速，高下，出入，周疏，以相濟也。君子聽之以平其心，心平德和。故詩曰：'德音不瑕。'今據不然，君所謂可，據亦曰可。君所謂否，據亦曰否。若以水濟水，誰能食之。若琴瑟之專壹，誰能聽之。同之不可也如是。» – **LAM chú: Săn mùa Xuân gọi là *điền* 田; săn mùa Hạ gọi là *miêu* 苗; săn mùa Thu gọi là *tiễn* 獮; săn mùa Đông gọi là *liệp* 獵, vì thế săn bắn mới gọi là *điền liệp* 田獵. *Thuyên Đài* 遄臺: một địa danh của nước Tề, nay ở phía đông huyện Lâm Trì 臨淄 tỉnh Sơn Đông 山東, Derk Bodde hiểu là cái tháp tên Thuyên (the tower of *Ch'uan*). *Hải* 醢 là nước cốt thịt hay cá, nhưng Derk Bodde dịch là *pickle* (dưa chua). *Lục luật* 六律: hoàng chung, thái thốc, cô tẩy, nhuy tân, di tắc, vô tắc. *Thất âm* 七音: cung, thương, giốc, chủy, vũ, bán cung, bán chuỷ.**

Khởi nguyên và công dụng của lễ, nhạc, chính trị, hình pháp cũng còn được đề cập trong *Tả Truyện*. Hoàn Công 桓公 năm thứ nhất (tức năm 710 TCN), Tang Ai Bá 臧哀伯 nói: «Bậc làm vua phải phát huy đạo đức và ngăn chận tà ác, để soi sáng cho trăm quan, như thế mà vẫn còn sợ mình lầm lỗi. Nên phải phát huy đức tốt để làm mẫu mực cho con cháu đời sau. Vì thế, tông miếu lợp mái bằng cỏ tranh. Chiếu lót trên xe [khi đi tế trời] bằng cỏ, canh cúng trời thì không nêm nếm nhiều gia vị, cơm cúng thì dùng gạo thô, tất cả để biểu thị sự tiết kiệm. Áo, mũ, miếng che đầu gối, cây hốt (ngọc khuê), đai lưng, váy, vải bó ống chân, hài, trâm cài ngang mũ, giải mũ hai bên, dây cột mũ, vải làm mũ, tất cả để biểu thị mức độ. Đệm ngọc, khăn đội, bao kiếm, vật trang trí bao kiếm, đai da, vật trang trí trên đai da, cờ phướn, vật trang trí cho ngựa, tất cả để biểu thị số lượng. [Các hình trên lễ phục như] lửa, rồng, búa, hoa văn thêu, tất cả để biểu thị văn vẻ. Năm sắc [trên lễ phục] biểu thị cho mọi vật trong thiên nhiên. Các loại chuông treo trên đầu ngựa, trên trụ xe, trên ngọn cờ, tất cả đều biểu thị âm thanh hài hoà. Cờ xí với hình mặt trời, mặt trăng, ngôi sao, tất cả để biểu thị sự sáng rỡ. Để biểu thị đức tốt, tiết kiệm phải có mức độ, tăng giảm phải có số lượng. Dùng văn vẻ và màu sắc để ghi chép nó, dùng âm thanh và sự rực rỡ để phát huy nó, nhằm sáng soi cho trăm quan. Trăm quan sẽ giữ gìn và sợ hãi, do đó không dám thay đổi kỷ luật.»[46]

Lý thuyết trên đây nói mục đích vua dùng lễ nhạc là để khiến trăm quan sợ hãi mà không dám phạm kỷ luật.

Đời vua Chiêu Công 昭公 năm thứ 6 (tức 536 TCN), Thúc Hướng 叔向 gửi thư cho Tử Sản 子產, nói rằng: «Ngày xưa, tiên vương bàn luận mức nặng nhẹ của sự việc mà phán tội, chứ không chế định hình pháp chung chung, vì e rằng dân có lòng tranh chấp. Nhưng vì không thể

---

[46] *Tả Truyện* 左傳, quyển 2: «Quân nhân giả tương chiêu đức tắc vi, dĩ lâm chiếu bách quan, do cụ hoặc thất chi. Cố chiêu lệnh đức dĩ thị tử tôn. Thị dĩ, thanh miếu mao ốc, đại lộ việt tịch, đại canh bất trí, tư thực bất tạc, chiêu kỳ kiệm dã. Cổn miện phất đính, đái thường bức tích, hành đam hoành diên, chiêu kỳ độ dã. Tảo suất bỉ bồng, bàn lệ du anh, chiêu kỳ số dã. Hoả long phủ phất, chiêu kỳ văn dã. Ngũ sắc tỉ tượng, chiêu kỳ vật dã. Tích loan hoà linh, chiêu kỳ thanh dã. Tam thần kỳ kỳ, chiêu kỳ minh dã. Phù đức kiệm nhi hữu độ, đăng giáng hữu số, văn vật dĩ kỷ chi, thanh minh dĩ phát chi, dĩ lâm chiếu bách quan, bách quan ư thị hồ giới cụ, nhi bất cảm dịch kỷ luật.» 君人者將昭德塞違，以臨照百官，猶懼或失之。故昭令德以示子孫。是以清廟茅屋，大路越席，大羹不致，粢食不鑿，昭其儉也。袞冕黻珽，帶裳幅舄，衡紞紘綖，昭其度也。藻率鞞鞛，鞶厲游纓，昭其數也。火龍黼黻，昭其文也。五色比象，昭其物也。錫鸞和鈴，昭其聲也。三辰旂旗，昭旗明也。夫德儉而有度，登降有數，文物以紀之，聲明以發之，以臨照百官，百官於是乎戒懼，而不敢易紀律。

ngăn cấm hết mọi tội lỗi của dân, nên vua dùng đạo nghĩa để phòng ngừa họ, dùng chính trị để uốn nắn họ, dùng lễ để họ thi hành, dùng tin tưởng để họ giữ, dùng nhân ái để họ tuân theo. Ấn định bổng lộc và địa vị để khuyến khích họ phục tùng, nghiêm khắc định hình phạt để những kẻ phóng túng phải sợ. E rằng như thế vẫn chưa đủ, vua dạy họ phải trung thành, căn cứ hành vi mà thưởng cho họ, lấy nghề chuyên môn mà huấn luyện họ, lấy nhu hoà sai khiến họ, lấy kính trọng để tiếp đãi họ, lấy nghiêm túc để đến với họ, lấy kiên quyết để phán đoán họ. Ngoài ra, còn phải cầu bậc hiền tài nắm chức vị cao, các quan có sự xét đoán minh bạch, những bậc trưởng lão trung tín, những bậc thầy hiền từ. Như vậy, dân có thể được sử dụng tốt và sẽ không làm loạn. Nếu dân biết có pháp luật, ắt không kiêng bậc trên, lại còn có lòng tranh chấp, [khi gặp việc thì] trưng dẫn luật pháp làm căn cứ, lại còn mong tranh phần thắng; như vậy vua sẽ không trị được họ nữa. Khi chính trị đời Hạ rối loạn thì có *Vũ hình* 禹刑 (hình pháp do ông Vũ soạn). Khi chính trị đời Thương rối loạn thì có *Thang hình* 湯刑 (hình pháp do ông Thang soạn). Khi chính trị đời Chu rối loạn thì có *Cửu hình* 九刑 (hình pháp đời Chu). Ba bộ hình pháp này (gọi là *Tam tịch* 三辟) được làm ra đều là do bởi đời suy bại. Nay ngài làm tướng nước Trịnh, lập kế hoạch phân chia ruộng đất và xây dựng đê điều, thiết lập chính sách từng bị chê bai, chế định [hình pháp như] ba bộ hình pháp đó, đem đúc kim loại bộ hình pháp để làm yên dân chúng, như vậy chẳng phải là khó lắm ư?»[47]

Đối với bộ hình pháp do Tử Sản công bố, kiến giải trên đây của Thúc

---

[47] *Tả Truyện* 左傳, quyển 21: «Tích tiên vương nghị sự dĩ chế, bất vi hình tịch, cụ dân chi hữu tranh tâm dã, do bất khả cấm ngự. Thị cố nhân chi dĩ nghĩa, củ chi dĩ chính, hành chi dĩ lễ, thủ chi dĩ tín, phụng chi dĩ nhân. Chế vi lộc vị dĩ khuyến kỳ tùng, nghiêm đoán hình phạt dĩ uy kỳ dâm. Cụ kỳ vị dã, cố hối chi dĩ trung, tủng chi dĩ hành, giáo chi dĩ vụ, sử chi dĩ hoà, lâm chi dĩ kính, lý chi dĩ cương, đoán chi dĩ cương, do cầu thánh triết chi thượng, minh sát chi quan, trung tín chi trưởng, từ huệ chi sư, dân ư thị hồ khả nhậm sử dã, nhi bất sinh hoạ loạn. Dân tri hữu tịch, tắc bất kỵ ư thượng, tịnh hữu tranh tâm, dĩ trưng ư thư, nhi kiểu hạnh dĩ thành chi, phất khả vi hĩ. Hạ hữu loạn chính nhi tác Vũ hình, Thương hữu loạn chính nhi tác Thang hình, Chu hữu loạn chính nhi tác cửu hình. Tam tịch chi hưng, giai thúc thế dã. Kim ngô tử tướng Trịnh quốc, tác phong hức, lập bàng chính, chế tham tịch, chú hình thư tương, dĩ tĩnh dân, bất diệc nan hồ?» 昔先王議事以制，不爲刑辟，懼民之有爭心也，猶不可禁禦．是故閑之以義，糾之以政，行之以禮，守之以信，奉之以仁．制爲祿位以勸其從，嚴斷刑罰以威其淫．懼其未也，故誨之以忠，聳之以行，教之以務，使之以和，臨之以敬，蒞之以彊，斷之以剛，猶求聖哲之上，明察之官，忠信之長，慈惠之師，民於是乎可任使也，而不生禍亂．民知有辟，則不忌於上，並有爭心，以徵於書，而徼幸以成之，弗可爲矣．夏有亂政而作禹刑，商有亂政而作湯刑，周有亂政而作九刑．三辟之興，皆叔世也．今吾子相鄭國，作封洫，立謗政，制參辟，鑄刑書，將以靖民，不亦難乎？

Hướng tuy rất thủ cựu nhưng đã giải thích hình pháp theo chủ nghĩa nhân bản (tức là hình pháp do người lập chứ không phải do thần linh lập ra).

Đời vua Chiêu Công 昭公 năm 25 (tức năm 517 TCN), Tử Thái Thúc 子太叔 nói: «Tôi nghe quan đại phu quá cố Tử Sản nói rằng: "Lễ là quy phạm của trời, là chuẩn tắc của đất, là hành động của dân. Dân noi theo quy phạm của trời đất, noi theo vẻ sáng của trời, bắt chước bản tính của đất. Trời đất sinh ra sáu khí và người sử dụng ngũ hành. Khí tạo ra năm vị, phát ra năm sắc, thể hiện năm thanh. Hễ chúng quá mức thì sinh tối tăm hỗn loạn và dân mất đi bản tính của mình. Cho nên phải lấy lễ để chế ngự họ; lấy sáu loại gia súc, năm loại thú rừng, ba loại thú cúng tế để duy trì năm vị; lấy chín kiểu hoa văn, sáu màu, năm cách thể hiện để duy trì ngũ sắc; lấy chín bài ca, gió tám hướng, bảy âm, sáu luật để duy trì năm thanh; ấn định vua-tôi và vai vế trên-dưới để theo chuẩn tắc của đất; lập quan hệ vợ-chồng và trong-ngoài để định hai loại việc [bên ngoài và trong nhà]; lập quan hệ cha-con, anh-em, cô-cháu, cậu-cháu, cha vợ và rể, quan hệ cột chèo, để tượng trưng vẻ sáng của trời; ấn định chính sách, lao động, việc làm hàng ngày để thuận theo bốn mùa; ấn định hình phạt, hình ngục uy nghiêm, để dân sợ hãi như sợ sự giết hại của sấm sét; tỏ ra hiền từ ôn hoà để bắt chước sự sinh thành và dưỡng dục của trời. Dân có lòng yêu-ghét, mừng-giận, buồn-vui, là phát sinh từ sáu khí; cho nên [tiên vương] bắt chước cẩn thận các mối quan hệ và sự tương tự này để khắc chế sáu chí. Buồn thì khóc lóc, vui thì ca múa, mừng thì bố thí, giận thì đánh nhau. Mừng do yêu, giận do ghét. Cho nên [tiên vương] cẩn thận trong phẩm hạnh và mệnh lệnh khi ban phúc gieo hoạ và thưởng phạt dân, để kiểm soát sự sống chết của họ. Sống là việc dân thích, chết là việc dân ghét. Cái thích sinh vui, cái ghét sinh buồn. Vui buồn không thất lễ, là hoà hợp với bản tính của trời đất, cho nên lâu dài."»[48]

---

[48] *Tả Truyện* 左傳, quyển 25: «Cát dã văn chư tiên đại phu Tử Sản viết: "Phù lễ, thiên chi kinh dã, địa chi nghĩa dã, dân chi hành dã. Thiên địa chi kinh, nhi dân thực tắc chi. Tắc thiên chi minh, nhân địa chi tính, sinh kỳ lục khí, dụng kỳ ngũ hành. Khí vi ngũ vị, phát vi ngũ sắc, chương vi ngũ thanh, đâm tắc hôn loạn, dân thất kỳ tính. Thị cố vi lễ dĩ phụng chi. Vi lục súc, ngũ sinh, tam hy, dĩ phụng ngũ vị; vi cửu văn, lục thái, ngũ chương, dĩ phụng ngũ sắc; vi cửu ca, bát phong, thất âm, lục luật, dĩ phụng ngũ thanh; vi quân thần, thượng hạ, dĩ tắc địa nghĩa; vi phu phụ, ngoại nội, dĩ kinh nhị vật; vi phụ tử, huynh đệ, cô tỷ, sinh cữu, hôn cấu, nhân á, dĩ tượng thiên minh; vi chính sự, dung lực, hành vụ, dĩ tùng tứ thời; vi hình phạt, uy ngục, sử dân uý kỵ, dĩ loại kỳ chấn diệu sát lục; vi ôn từ, huệ hoà, dĩ hiệu thiên chi sinh thực trưởng dục. Dân hữu háo ố, hỉ nộ, ai lạc, sinh ư lục khí, thị cố thẩm tắc nghi loại, dĩ chế lục chí, ai hữu khốc khấp, lạc hữu ca vũ, hỉ hữu thi xả, nộ hữu chiến đấu. Hỉ sinh ư háo, nộ sinh ư ố. Thị cố thẩm hành tín lệnh, hoạ phúc thưởng phạt, dĩ chế tử sinh. Sinh, háo vật dã; tử, ố vật dã; háo vật, lạc dã; ố vật, ai dã. Ai lạc bất thất, nãi năng hiệp ư thiên địa chi tính, thị dĩ trường cửu."» 吉也聞諸先大夫子產曰：«夫禮，天之經也，地之義也，民之行也。天地之經，而民實則之。則天之明，因地之性生其六氣，用其五行。氣爲五味，發爲

Trên đây luận về công dụng của lễ nhạc và hình phạt, tức là khiến dân khỏi hỗn loạn, mà nguyên lai của chúng là do con người bắt chước theo trời đất.

Về việc cúng tế, cũng có người thời ấy giải thích theo chủ nghĩa nhân bản. *Quốc Ngữ* chép lời Quan Xạ Phụ 觀射父 rằng: «Cúng tế là việc làm để tỏ đạo hiếu, cho quốc thái dân an, cho trăm họ bình yên, nên không thể bỏ cúng tế. Hễ lòng dân phóng túng thì tinh thần sa đoạ và sinh ra ngưng trệ, ngưng trệ lâu mà không vực dậy thì cuộc sống không phồn thịnh và dân không tuân theo người cai trị. Cuộc sống không phồn thịnh thì việc phong thái ấp không thể làm được. Do đó, các vua thời xưa tổ chức cúng ngày, cúng tháng, cúng mùa, cúng năm. Vua chư hầu bỏ cúng ngày, khanh đại phu bỏ cúng tháng, kẻ sĩ và bình dân bỏ cúng mùa; thiên tử cúng tế chư thần và dâng mọi lễ vật. Vua chư hầu cúng trời đất, tam thần (mặt trời, mặt trăng, sao) cho đến sông núi trong lĩnh thổ; khanh đại phu cúng thần trong nhà và tổ tiên; kẻ sĩ và thường dân chỉ cúng tổ tiên. [...] Trong trăm họ, các đôi vợ chồng chọn ngày tốt để cúng thần, dâng cúng thực phẩm và súc vật, kính cẩn cúng ngũ cốc đựng trong chậu, quét dọn sạch sẽ, mặc y phục cẩn thận, thận trọng dâng rượu cúng, hướng dẫn con cái cúng kiến theo mùa, thành khẩn cúng tổ tiên, lời khấn êm thuận, để làm rạng rỡ tổ tiên. Cúng tế trang nghiêm như thể có người khuất mặt chứng giám. Lễ cúng là dịp tụ hợp bạn bè trong xóm làng, bà con hai họ thông gia, anh em, và người thân thích. Nhân dịp này, trăm chuyện phiền hà giữa họ được bỏ qua, bạn bè thân thiết, họ hàng gắn bó, mọi chuyện gian tà chấm dứt, kẻ bậc trên và hàng con em đều thoải mái, nhờ vậy tình họ hàng trở nên thân thiết và vững chắc. Vì thế mà kẻ bậc trên dạy dân kính thành, còn kẻ bậc dưới phải phục vụ cho kẻ bậc trên. Thiên tử khi cúng tế ở thành ngoại phải tự tay bắn con thú dâng cúng và hoàng hậu phải tự tay giã ngũ cốc dâng cúng. Vua chư hầu khi cúng tế ở tông miếu phải tự tay bắn trâu, đâm dê, giết heo, còn hoàng hậu phải tự tay giã ngũ cốc dâng cúng. Vua chúa còn như thế huống hồ kẻ hạ dân, có ai dám không kính sợ khi cúng trăm thần? [...] Nhờ cúng tế mà các mối

---

五色，章爲五聲，淫則昏亂，民失其性。是故爲禮奉之，爲六畜，五牲，三犧，以奉五味；爲九文，六采，五章，以奉五色；爲九歌，八風，七音，六律，以奉五聲；爲君臣，上下，以則地義；爲夫婦，外內，以經二物；爲父子，兄弟，姑姊，甥舅，婚媾，姻亞，以象天明；爲政事，庸力，行務，以從四時；爲刑罰，威獄，使民畏忌，以類其震曜殺戮；爲溫慈，惠和，以效天之生殖長育。民有好惡，喜怒，哀樂，生於六氣，是故審則宜類，以制六志。哀有哭泣，樂有歌舞，喜有施舍，怒有戰鬥。喜生於好，怒生於惡。是故審行信令，禍福賞罰，以制死生。生，好物也；死惡物也；好物，樂也；惡物，哀也。哀樂不失，乃能協於天地之性，是以長久。»

quan hệ trong dân được bền chặt, vậy thì tại sao họ lại bỏ cúng tế cơ chứ?»[49]

Trong đoạn văn trên, «cúng tế trang nghiêm *như thể* có người khuất mặt chứng giám» (*túc túc tế tế, như hoặc lâm chi* 肅肅濟濟如或臨之) nghĩa là không nhất thiết có một đấng thần linh thực sự chứng giám. Nếu cúng tế thực hiện theo sự hiểu biết như vậy, thì nó dường như chỉ là một dịp để tụ họp thân tộc trong xóm làng, đồng thời dạy cho họ có lòng thành kính. Cho nên, công dụng của cúng tế – theo đoạn văn trên – là «nhờ cúng tế mà các mối quan hệ trong dân được bền chặt». Từ quan điểm này, cúng tế là một việc mà Tuân Tử nhận xét rằng: «Người quân tử xem cúng tế là việc người (nhân đạo 人道), còn kẻ bình dân xem nó là việc phục vụ quỷ thần (quỷ sự 鬼事).»[50]

Trong *Quốc Ngữ*, Triển Cầm 展禽 nói: «Cúng tế là lễ lớn của quốc gia, mà những lễ này làm cho chính quyền được thành công. Cho nên phải thận trọng trong việc đặt ra những lễ cúng tế làm *quốc điển* 國典 (định

[49] *Quốc Ngữ* 國語, quyển 18, Sở Ngữ 楚語: «Tự sở dĩ chiêu hiếu tức dân, phủ quốc gia, định bách tính dã, bất khả dĩ đĩ. Phù dân khí túng tắc để, để tắc trệ, trệ cửu bất chấn, sinh nãi bất thực, thị dụng bất tùng. Kỳ sinh bất thực, bất khả dĩ phong. Thị dĩ cổ giả tiên vương nhật tế, nguyệt hưởng, thời loại, tuế tự. Chư hầu xả nhật, khanh đại phu xả nguyệt, sĩ thứ nhân xả thời, thiên tử biến tự quần thần phẩm vật. Chư hầu tự thiên địa tam thần cập kỳ thổ chi sơn xuyên, khanh đại phu tự kỳ lễ, sĩ thứ nhân bất quá kỳ tổ. [...] Bách tính phu phụ trạch kỳ lệnh thần, phụng kỳ hy sinh, kính kỳ tư thịnh, kiết kỳ phẩn trừ, thận kỳ thái phục, yên kỳ tửu lễ, soái kỳ tử tính, tùng kỳ thời hưởng, kiến kỳ tông chúc, đạo kỳ thuận từ, dĩ chiêu tự kỳ tiên tổ, túc túc tế tế, như hoặc lâm chi, ư thị hợp kỳ châu hương bằng hữu hôn nhân, tì nhĩ huynh đệ thân thích; ư thị hồ nhị kỳ bách hà, điển kỳ sàm thắc, hợp kỳ gia bảo, kết kỳ thân nặc, ức kỳ thượng hạ, dĩ thân cố kỳ tính. Thượng sở dĩ giáo dân kiến dã, hạ sở dĩ chiêu sự thượng dã. Thiên tử đế giao chi sự, tất tự xạ kỳ sinh, vương hậu tất tự thung kỳ tư. Chư hầu tông miếu chi sự, tất tự xạ ngưu khuê dương kích thỉ, phù nhân tất tự thung kỳ thịnh, hướng kỳ hạ chi nhân, kỳ thuỳ cảm bất chiến chiến căng căng, dĩ sự bách thần. [...] Dân sở dĩ nhiếp cố giả dã, nhược chi hà kỳ xả chi dã.» 祀所以昭孝息民，撫國家，定百姓也，不可以已．夫民氣縱則底，底則滯，滯久不震，生乃不殖，是用不從．其生不殖，不可以封．是以古者先王日祭，月享，時類，歲祀．諸侯舍日，卿大夫舍月，士庶人舍時，大子遍祀群神品物．諸侯祀天地三辰及其土之山川，卿大夫祀其禮，士庶人不過其祖．[...] 百姓夫婦擇其令辰奉其犧牲，敬其粢盛，絜其粪除，慎其采服禮其酒醴，帥其子姓，從其時享，度其宗祝道其順辭，以昭祀其先祖，肅肅濟濟，如或臨之，於是乎合其州鄉朋友婚姻，比閭兄弟親戚；於是乎弭其百苟，殄其讒慝，合其嘉好，結其親暱，億其上下，以申固其姓．上所以教民虔也，下所以昭事上也．天子禘郊之事，必自射其牲，王后必自舂其粢．諸侯宗廟之事．必自射牛刲羊擊豕，夫人必自舂其盛，況其下之人，其誰敢不戰戰兢兢，以事百神．[...] 民所以攝固者也，若之何其舍之也．

[50] *Tuân Tử* 荀子 (**Lễ Luận** 禮論): «Tại quân tử dĩ vi nhân đạo dã, kỳ tại bách tính dĩ vi quỷ sự dã.» 在君子以爲人道也，其在百姓以爲鬼事也. (**Xem chương 14, tiết 4, của quyển triết sử này.**)

chế của nước). [...] Khi thánh vương đặt ra các lễ cúng tế, các ngài qui định phải cúng tế những bậc như: những vị lập ra phép tắc cho dân, những vị lao nhọc cho dân mà chết, những vị vất vả giúp cho nước được bình yên, những vị giải trừ được tai ách lớn của nước, những vị gánh vác hoạn nạn lớn của dân. Nếu không đúng các bậc ấy, thì không ghi nhớ để cúng tế. [...] Những lễ cúng tế của cả nước thì có năm loại: *đế* 禘 (vua cúng tổ tiên), *giao* 郊 (vua cúng trời vào Đông Chí và cúng đất vào Hạ Chí), *tổ* 祖 (cúng người có công), *tông* 宗 (cúng người có đức), *báo* 報(cúng để nhớ ơn). Ngoài ra, còn phải cúng thần Xã 社 (thần đất đai), thần Tắc 稷 (thần ngũ cốc), các thần sông, thần núi, và cúng tất cả những bậc có công trạng hiển hách giúp ích cho dân. [Còn phải cúng tế:] những bậc hiền nhân thánh triết thuở xưa mà phẩm chất của các ngài thật rạng rỡ; tam thần 三辰 (mặt trời, mặt trăng, ngôi sao) mà dân luôn chiêm ngưỡng; ngũ hành của đất mà nhờ đó cuộc sống phồn thịnh; các sông núi ao hồ nổi tiếng của Trung Quốc mà nhờ đó chúng ta có nguồn tài nguyên sử dụng. Nếu không đúng các đối tượng ấy, thì không ghi nhớ để cúng tế.»[51]

Lời Triển Cầm đã giải thích cúng tế là việc cần làm để đền ơn vậy. Quan điểm này cho thấy cúng tế là việc người (nhân đạo 人道) chứ không phải là việc phục vụ quỷ thần (quỷ sự 鬼事).

Một khi các định chế xã hội đều được giải thích là do con người lập ra chứ không phải do thần linh, thế thì sự tôn nghiêm mang tính chất thần thánh bất khả xâm phạm của kẻ gọi là vua cũng bị mất đi. *Quốc Ngữ* chép: «Người nước Tấn giết vua Lệ Công 厲公(580-573), kẻ ở biên giới báo tin [cho nước Lỗ]. Thành Công 成公 (590-573) đang tại triều đình, hỏi: "Bề tôi mà giết vua, đó là lỗi của ai?" Các quan đại phu không trả lời được. Lý Cách 李革 đáp: "Đó là lỗi ở vua. Bậc làm vua thì uy rất

---

[51] *Quốc Ngữ* 國語, quyển 4, Lỗ Ngữ 魯語: «Phù tự, quốc chi đại tiết dã, nhi tiết, chính chi sở thành dã; cố thận chế tự dĩ vi quốc điển. [...] Phù thánh vương chi chế tự dã, pháp thi ư dân tắc tự chi, dĩ tử cần sự tắc tự chi, dĩ lao định quốc tắc tự chi, năng ngự đại tai tắc tự chi, năng cán đại hoạn tắc tự chi; phi thị tộc dã, bất tại tự điển. [...] Phàm đế giao tổ tông báo, thử ngũ giả, quốc chi điển tự dã, gia chi dĩ xã tắc sơn xuyên chi thần, giai hữu công liệt ư dân giả dã. Tức tiền triết lệnh đức chi nhân, sở dĩ vi minh chất dã. Cập thiên chi tam thần, dân sở dĩ chiêm ngưỡng dã. Cập địa chi ngũ hành, sở dĩ sinh thực dã. Cập Cửu Châu danh sơn xuyên trạch, sở dĩ xuất tài dụng dã. Phi thị, bất tại tự điển.» 夫祀, 國之大節也, 而節, 政之所成也；故慎制祀以爲國典[...] 夫聖王之制祀也, 法施於民則祀之, 以死勤事則祀之, 以勞定國則祀之, 能禦大災則祀之, 能捍大患則祀之, 非是族也, 不在祀典[...] 凡禘郊祖宗報, 此五者, 國之典祀也, 加之以社稷山川之神, 皆有功烈於民者也. 即前哲令德之人, 所以爲明質也. 及天之三辰, 民所以瞻仰也. 及地之五行, 所以生殖也. 及九州名山川澤, 所以出財用也. 非是, 不在祀典.

lớn. Mất uy đến nỗi bị giết, hẳn lỗi vua nhiều lắm. Hơn nữa, vua là người chăn dân, giúp dân sửa chữa lầm lỗi (cải tà quy chính). Nếu vua ăn chơi phóng túng và không lo việc của dân, thì dân có lỗi lầm nhưng không được ai sửa chữa. Như vậy họ càng thêm gian tà. Nếu vua lấy gian tà mà trị dân, thì vua sụp đổ, không thể cứu vãn. Vua dùng người tốt mà không hết lòng thì không sai khiến được ai. Đến nỗi chết mà chẳng ai thương, vua như thế thì còn ích lợi gì nữa."»[52]

Đời vua Chiêu Công 昭公 năm thứ 32 (tức năm 510 TCN), *Tả Truyện* chép: «Giản Tử 簡子 của nước Triệu 趙 hỏi Sử Mặc 史墨 rằng: "Quý Bình Tử 季平子 trục xuất vua của mình nhưng dân vẫn phục tòng ông ta và chư hầu tán thành việc ấy. Vua chết bên ngoài [của nước Lỗ] nhưng sao chẳng ai đến hỏi tội họ Quý vậy?" Sử Mặc trả lời: "Vạn vật được sinh ra thành từng nhóm hai, ba, năm, và có phối ngẫu (để giúp nhau). Cho nên trời có tam thần 三辰 (mặt trời, mặt trăng, các sao), đất có ngũ hành, thân thể có bên trái bên phải, mỗi thứ đều có cái đi đôi với mình để giúp mình. Vua có bậc công phò tá, chư hầu có bậc khanh phò tá, đều là cặp phối ngẫu vậy. Trời sinh họ Quý phò tá Lỗ hầu, việc này cũng lâu rồi. Dân phục tùng họ Quý, không đúng hay sao? Các vua nước Lỗ cứ lần lượt lầm lỗi mãi, họ Quý cứ lần lượt chăm lo vị thế của họ. Dân quên vua, đến nỗi vua chết ở nước khác mà dân có ai thương xót cho! Thần Xã 社 (thần đất đai) và thần Tắc 稷 (thần ngũ cốc) không luôn [do một ông vua] cúng tế. Vua và bầy tôi không bao giờ có địa vị cố định. Từ xưa đến nay đều đúng như thế. Cho nên *Kinh Thi* nói: 'Bờ đê cao thành hang, hang sâu thành gò.'(*Cao ngạn vi cốc, thâm cốc vi lăng* 高岸爲谷,深谷爲陵.) Họ ba đời vua nay biến thành họ thứ dân. Ngài đã

---

[52] *Quốc Ngữ* 國語, quyển 4, Lỗ Ngữ 魯語: «Tấn nhân sát Lệ Công, biên nhân dĩ cáo. Thành Công tại triều. Công viết: "Thần sát kỳ quân, thuỳ chi quá dã?" Đại phu mạc đối. Lý Cách viết: "Quân chi quá dã. Phù quân nhân giả, kỳ uy đại hĩ. Thất uy nhi chí ư sát, kỳ quá đa hĩ. Thả phù quân dã giả, tương mục dân nhi chính kỳ tà giả dã. Nhược quân túng tư hồi nhi khí dân sự, dân hàng hữu thắc, vô do tỉnh chí, ích tà đa hĩ. Nhược dĩ tà lâm dân, hãm nhi bất chấn, dụng thiện bất khẳng chuyên, tắc bất năng sử. Chí ư điên diệt nhi mạc chi tuất dã, tương an dụng chi?"» 晉人殺厲公,邊人以告.成公在朝.公曰:«臣殺其君,誰之過也?» 大夫莫對.李革曰:«君之過也.夫君人者,其威大矣.失威至於殺,其過多矣.且夫君也者,將牧民而正其邪者也.若君縱私回而棄民事,民旁有慝,無由省之,益邪多矣.若以邪臨民,陷而不振,用善不肯專,則不能使.至於殄滅而莫之恤也,將安用之?»

biết rồi còn gì."»[53]

Bầy tôi cũng có thể giết vua. Quan điểm này quả là rất cách mạng trong thời đại bấy giờ. Lời lẽ của *Tả Truyện* và *Quốc Ngữ* đôi khi khoa trương và cầu kỳ, nhưng những ý tưởng cơ bản trong những đoạn trích dẫn trên đây đều có khuynh hướng nhân bản chủ nghĩa vậy. Bậc trí giả của Hi Lạp là Protagoras[54] đã nói: «*Con người là chuẩn tắc của mọi sự vật.*» (Man is the measure of all things.) Lời lẽ của các nhân vật trong *Tả Truyện* và *Quốc Ngữ* được trích dẫn trên đây cũng có ý đó. Tuy nhiên, các nhân vật ấy hoặc là sử quan nối nghiệp, hoặc là quý tộc tham chính, cho nên họ không thể quy tụ học trò để giảng dạy và tuyên truyền chủ trương của họ giống như trí giả Protagoras đã làm. Vậy, chúng ta phải xét đến Khổng Tử, Mặc Tử, và chư tử về sau để thấy sự đóng góp quan trọng của họ vào nền tư tưởng Trung Quốc.

---

[53] *Tả Truyện* 左傳, quyển 26: «Triệu Giản Tử vấn ư Sử Mặc viết: "Quý thị xuất kỳ quân, nhi dân phục yên, chư hầu dữ chi. Quân tử ư ngoại, nhi mạc chi hoặc tội dã." Đối viết: "Vật sinh hữu lưỡng, hữu tam, hữu ngũ, hữu bội nhị. Cố thiên hữu tam thần, địa hữu ngũ hành, thể hữu tả hữu, các hữu phối ngẫu. Vương hữu công, chư hầu hữu khanh, giai hữu nhị dã. Thiên sinh Quý thị, dĩ nhị Lỗ hầu, vi nhật cửu hĩ. Dân chi phục yên, bất diệc nghi hồ? Lỗ quân thế tùng kỳ thất, Quý thị thế tu kỳ cần. Dân vong quân hĩ. Tuy tử ư ngoại, kỳ thuỳ căng chi! Xã tắc vô thường phụng, quân thần vô thường vị, tự cổ dĩ nhiên. Cố *Thi* viết: 'Cao ngạn vi cốc, thâm cốc vi lăng.' Tam hậu chi tính, ư kim vi thứ. Chủ sở tri dã."» 趙簡子問於史墨曰：«季氏出其君，而民服焉，諸侯與之．君死於外，而莫之或罪也．» 對曰：«物生有兩，有三，有五，有陪貳．故天有三辰，地有五行，體有左右，各有妃耦．王有公，諸侯有卿，皆有貳也．天生季氏，以貳魯侯，爲日久矣．民之服焉，不亦宜乎？魯君世從其失，季氏世修其勤．民忘君矣．雖死於外，其誰矜之！社稷無常奉，君臣無常位，自古以然．故詩曰：'高岸爲谷，深谷爲陵．' 三后之姓，於今爲庶．主所知也．» – LAM chú: 妃耦 là giả tá của 配偶, nên đọc là *phối ngẫu*.

[54] Protagoras (480?-411? TCN) là một triết gia Hi Lạp, sinh tại Abdera thuộc xứ Thrace. Khoảng năm 445 TCN ông đến Athens. Nơi đây ông kết giao với chính khách Pericles và rồi ông nổi tiếng là một triết gia kiêm thầy dạy học. Protagoras là người đầu tiên tự nhận mình là một nhà «Sophist» (ngụy biện) cũng là người đầu tiên dạy học thu học phí và thu được khá nhiều tiền từ môn đệ. Ông dạy ngữ pháp, tu từ học (rhetoric) và giảng giải thi ca. Những tác phẩm chủ yếu của ông hiện không còn nguyên vẹn có nhan đề *Truth* (chân lý) và *On the Gods* (về các thần linh). Điểm then chốt trong triết thuyết của ông là: chẳng có gì hoàn toàn thiện hay hoàn toàn ác; chẳng có gì tuyệt đối đúng hay tuyệt đối sai; mỗi cá nhân vì thế có thẩm quyền tối hậu đối với mình. Tư tưởng của ông được tóm gọn vào câu: «Man is the measure of all things.» (*Con người là chuẩn tắc của mọi sự vật.*) Bị buộc tội vô tín ngưỡng, ông phải chạy trốn đến Sicily và chết dọc đường. [LAM chú]

CHƯƠNG 4

KHỔNG TỬ VÀ KHỞI NGUYÊN CỦA NHO GIA

Cuộc đời Khổng Tử 孔子 được biết đến nhiều hơn cuộc đời của bất kỳ triết gia nào khác của Trung Quốc cổ đại, chủ yếu là nhờ có một thiên dài viết về ông - thiên 47, *Khổng Tử thế gia* 孔子世家 trong quyển *Sử Ký* 史記 của Tư Mã Thiên 司馬遷. Theo thiên này, Khổng Tử sinh năm 551 TCN tại nước Lỗ (hiện nay là thành phố Khúc Phụ 曲阜, tỉnh Sơn Đông). Tổ tiên ông thuộc vương thất nước Tống (phía Tây Nam của nước Lỗ - nay là tỉnh Hà Nam), nhưng cố của ông đã di cư sang nước Lỗ và ở đây gia đình của ông đã trở nên nghèo khó. Do đó, Khổng Tử – cũng giống như nhiều thuyết khách và các triết gia chu du các nước vào các thế kỷ kế tiếp – xuất thân từ một tầng lớp xã hội vốn là quý tộc sa cơ thất thế. Khổng Phu Tử 孔夫子 (nghĩa là ông thầy họ Khổng) tên là Khâu 丘, tự là Trọng Ni 仲尼.

Cha của ông là một võ quan dũng cảm, nhưng ông mồ côi cha lúc mới ba tuổi và mẹ ông đã nuôi nấng ông. Năm 19 tuổi, ông lấy vợ. Cùng thời gian này, tại nước Lỗ, ông làm chức giữ kho thóc và rồi chức quản lý đất công. Năm 501 TCN, ông giữ chức Trung Đô Tể 中都宰 tại nước Lỗ, một chức vụ cao nhất trong đời tham chính của ông. Sự thành công này lớn đến nỗi nước Tề láng giềng sợ ảnh hưởng ngày một lớn của ông nên đã gửi tặng cho vua nước Lỗ một đoàn vũ nữ và nhạc công để cho vua nước Lỗ say đắm mà xao lãng việc nước. Chán nản, Khổng Tử đã từ chức. Khoảng năm 479 ông cùng các môn đệ đi du thuyết các nước [áp dụng học thuyết của ông]. Trong vòng 13 năm, ông và môn đệ khi ghé nước này, lúc ghé nước khác, gặp không ít gian nan và hiểm nguy. Cuối cùng,

Khổng Tử (551-479)

ông trở về cố hương, dành 3 năm cuối đời để dạy học và san định kinh sách. Ông mất năm 479 TCN và được an táng ở Khúc Phụ, lăng mộ ông vẫn còn tồn tại cho đến ngày nay.[1]

Ngoài phần sơ lược trên đây, thông tin khá chi tiết về Khổng Tử được chép trong *Sử Ký* của Tư Mã Thiên: "Khổng Tử sinh ở ấp Trâu 陬, làng Xương Bình 昌平, nước Lỗ. Tổ tiên vốn là người nước Tống. [...] Ông sinh năm thứ 22 đời Lỗ Tương Công 魯襄公. [...] Vào thời Khổng Tử, nhà Chu đã suy, lễ nhạc bị phế bỏ, *Kinh Thi* và *Kinh Thư* thiếu sót. Khổng Tử theo dấu vết của lễ thời Tam Đại (Hạ, Thương, Chu), sắp xếp thứ tự các đoạn của *Kinh Thư*, ghi chép sự việc từ đời Đường 唐 (vua Nghiêu 堯), đời Ngu 虞 (vua Thuấn 舜), cho đến đời Tần Mục Công 秦繆公 (659-621). Khổng Tử sắp đặt các sự việc, và nói: «Ta có thể nói về lễ đời Hạ 夏, nhưng nước Kỷ 杞 [con cháu nhà Hạ] không đủ chứng minh những điều ta nói. Ta có thể nói về lễ đời Ân 殷, nhưng nước Tống 宋 [con cháu nhà Ân] không đủ chứng minh những điều ta nói. Nếu họ [ghi chép] đủ thì ta có thể trưng dẫn để chứng minh.» Khi xem những điều nhà Ân thêm bớt về lễ của nhà Hạ, Khổng Tử nói: «Một trăm đời sau cũng có thể biết được. Đời trước chuộng văn hoa, đời sau chuộng thực chất. Triều đại Chu noi theo hai triều đại trước, lễ nhà Chu rực rỡ thay! Ta theo nhà Chu.» Vì thế, nội dung *Kinh Thư* và *Lễ Ký* là do Khổng Tử [san định]. Khổng Tử nói với quan thái sư của nước Lỗ rằng: «Có thể hiểu được âm nhạc. Lúc đầu dồn dập, khi tiến triển thì hài hoà, rõ ràng, liên tục cho đến kết thúc. Chỉ khi ta Từ nước Vệ trở về nước Lỗ thì nhạc mới được chỉnh đốn. Nhã và Tụng được phân biệt đúng.» Xưa, *Thi* có hơn ba ngàn bài, đến thời Khổng Tử thì ông bớt những bài trùng nhau, và chỉ chọn các bài mang tính chất giáo hoá lễ nghĩa. Những bài này bắt đầu từ Tiết 契 (cũng đọc là Khế, tổ nhà Ân) và Hậu Tắc 后稷 (tổ nhà Chu); khoảng giữa thì thuật lại sự hưng thịnh của nhà Ân, nhà Chu, cho đến sự đổi bại của vua U 幽 và vua Lệ 厲. [...] Tất cả 305 bài này Khổng Tử đã đàn và hát, để cho chúng hoà hợp với âm điệu của Thiều 韶, Vũ 武, Nhã 雅, Tụng 頌. Lễ và nhạc từ đây mới có thể được thuật lại để làm hoàn bị vương đạo và lục nghệ. Về sau Khổng Tử thích *Dịch*, nên xếp thứ tự các phần Thoán 彖, Hệ Từ 繫辭, Tượng 象, Thuyết Quái 說卦, Văn Ngôn 文言. Ông nghiền ngẫm Dịch đến nỗi sợi dây da cột các thẻ tre [ghi chép *Dịch*] bị đứt ba lần. Ông nói: «Nếu cho ta thêm vài năm nữa như thế này, thì ta sẽ hiểu trọn vẹn Dịch.» (*Giả ngã số niên, nhược*

[1] **Derk Bodde chú: Hai đoạn văn mở đầu cho chương này không có trong nguyên tác chữ Hán. Dịch giả thêm chúng vào đây để giúp độc giả phương Tây dễ đọc hơn, vì họ chưa biết nhiều cuộc đời của Khổng Tử như các độc giả Trung Quốc.**

thị, ngã ư Dịch tắc bân bân hĩ 假我數年，若是，我於易則彬彬矣.)[2] Khổng Tử dạy cho môn đệ *Kinh Thi, Kinh Thư,* lễ, nhạc. Môn đệ có đến ba ngàn, trong đó có 72 người tinh thông lục nghệ. [...] Lúc ở thôn xóm thì Khổng Tử dè dặt dường như không có tài ăn nói, nhưng ở tông miếu và triều đình thì ông nói năng rõ ràng cẩn thận.[3] Ông nói với các quan thượng đại phu thì nghiêm trang, nói với quan hạ đại phu thì hoà nhã.[4] Đi vào cửa công thì ông bước lom khom, hai tay khuỳnh khuỳnh.[5] Khi vua triệu đến để tiếp khách thì ông biến sắc.[6] Khi vua triệu vời thì ông đi ngay không đợi thắng xe.[7] Cá ươn, thịt hôi, hoặc thức ăn cất không ngay ngắn thì ông không ăn.[8] Chiếu trải không ngay ngắn thì ông không ngồi.[9] Ngồi bên cạnh người có tang thì ông không ăn no. Cùng trong ngày hễ đã khóc thì ông không ca hát.[10] Thấy người có tang hay mù loà, thì dù là trẻ em ông cũng đổi sắc diện [tỏ lòng thương xót].[11] Khổng Tử

---

[2] **LAM chú: Câu này khác với câu trong *Luận Ngữ* 論語 (Thuật Nhi 述而): «Tử viết: Gia ngã số niên, ngũ thập dĩ học Dịch, khả dĩ vô đại quá hĩ.» 加我數年，五十以學易，可以無大過矣 (Cho ta sống thêm vài năm đến năm 50 tuổi, để học Dịch, thế sẽ không mắc lầm lỗi lớn.) Chu Hi cho rằng Khổng Tử nói câu này lúc 70 tuổi, nên chú «ngũ thập» 五十 là viết lầm của chữ "tốt" 卒 (xong, chết), chữ «dịch» 易 là chữ «diệc» 亦 (cũng). Câu trên dây chấm câu lại sẽ thành: «Gia ngã số niên tốt dĩ học, diệc khả dĩ vô đại quá hĩ.» 加我數年卒以學，亦可以無大過矣 (Cho ta sống thêm vài năm nữa để học thì cũng có thể không lầm lỗi lớn.) Thử tham khảo một vài bản dịch: (1) James R. Ware dịch: *«Give me a few more years and by fifty I shall have studied the book of divination called Changes. Through it I may become free of large faults.»* (Cho ta thêm vài năm nữa và đến khi 50 tuổi thì ta học xong quyển sách bói có tên là *Dịch*. Nhờ nó ta sẽ không có lỗi lầm lớn); (2) James Legge dịch: *«If some years were added to my life, I would give fifty to the study of the Yi, and then I might come to be without great faults.»* (Giá mà đời ta có thêm vài năm nữa, ta sẽ bỏ ra 50 năm học *Dịch*, như thế ta sẽ không có những lầm lỗi lớn); (3) Dương Bá Tuấn 楊伯峻 dịch: *«Nhược ngã đa hoạt kỹ niên, đáo ngũ thập tuế thời hậu khứ học tập Dịch Kinh, sử khả dĩ một hữu đại quá thác liễu.»* 讓我多活幾年，到五十歲时候去學習易經，使可以沒有大過錯了 (Cho ta sống thêm vài năm đến 50 tuổi để học *Kinh Dịch*, ta sẽ không có lỗi lầm lớn); (4) Đoàn Trung Còn chép: «Gia ngã số niên, tốt dĩ học Dịch, khả dĩ vô đại quá hĩ.» 加我數年，卒以學易，可以無大過矣; và dịch: *«Nếu Trời cho ta sống thêm ít tuổi nữa đặng ta học xong đạo Dịch, thì ta có thể không phạm lỗi lớn nữa.»*; (5) Nguyễn Hiến Lê dịch: *«Cho ta sống thêm ít năm nữa, tới 50 tuổi nghiên cứu Kinh Dịch [để biết lẽ tiến thoái] thì có thể không lầm lỗi lớn.»* Những cách dịch này còn gợi ra một vấn đề khác: Khổng Tử đến 50 tuổi mới học Dịch hay là đến 50 tuổi thì học xong Dịch?**

[3] *Luận Ngữ* 論語 (Hương Đảng 鄉黨 -1). [DB chú]

[4] *Luận Ngữ* 論語 (Hương Đảng 鄉黨 -2). [DB chú]

[5] *Luận Ngữ* 論語 (Hương Đảng 鄉黨 -4). [DB chú]

[6] *Luận Ngữ* 論語 (Hương Đảng 鄉黨 -3). [DB chú]

[7] *Luận Ngữ* 論語 (Hương Đảng 鄉黨 -13). [DB chú]

[8] *Luận Ngữ* 論語 (Hương Đảng 鄉黨 -8). [DB chú]

[9] *Luận Ngữ* 論語 (Hương Đảng 鄉黨 -9). [DB chú]

[10] *Luận Ngữ* 論語 (Thuật Nhi 述而 -9). [DB chú]

[11] *Luận Ngữ* 論語 (Tử Hãn 子罕 -9; Hương Đảng 鄉黨 -16). [DB chú]

nói: «Trong ba người cùng đi ắt có người làm thầy của ta. Không trau dồi đạo đức, học không luyện tập, nghe điều nghĩa mà không theo, nghe điều thiện mà không biết sửa, đó là những điều ta lo lắng.» [12] Khi bảo ai hát, nếu người đó hát hay thì Khổng Tử yêu cầu hát lại rồi ông hát hoà theo.[13] Ông không nói chuyện quái dị, bạo lực, làm loạn, quỷ thần.[14] [...] Ông dựa vào sử ký mà soạn bộ *Xuân Thu*, chép từ đời vua Ẩn Công 隱公 (722-712) đến năm 14 đời vua Ai Công 哀公 (tức năm 481 TCN) của nước Lỗ, gồm 12 đời vua. Về sử, ông chọn nước Lỗ làm cơ sở, thân với Chu, xem Ân là quá khứ, xoay quanh phép tắc ba đời Hạ, Thương, Chu. Văn phong ông ngắn gọn nhưng ý sâu rộng. Cho nên vua Ngô và vua Sở tự xưng *'vương'* 王 nhưng trong *Xuân Thu* ông chỉ gọi chung chung là *'tử'* 子. Tại hội nghị ở Tiễn Thổ 踐土 (năm 632 TCN), kỳ thực thiên tử nhà Chu bị gọi đến dự, nhưng *Xuân Thu* lại tránh né sự việc này và viết dối là *'Thiên vương đi săn ở Hà Dương'*. Khổng Tử đưa ra những thí dụ như vậy như là những phép tắc cho thời đại của ông. Về sau khi có các vua xuất hiện, ý nghĩa của lời khen chê ở đó sẽ rõ. Ý nghĩa của kinh *Xuân Thu* được thi hành thì bọn loạn thần tặc tử phải sợ. [...] Khổng Tử mất năm 73 tuổi, ngày Kỷ Sửu, năm 16 đời Lỗ Ai Công (479)." [15]

Đó là hình ảnh của Khổng Tử trong tâm tưởng của phần đông người đời suốt 2000 năm qua; nhưng nay xem lại, nhiều chỗ trong *Khổng Tử thế gia* không hợp với sự thật. Tuy nhiên, có một điểm đáng chú ý là: đời Tây Hán (206 TCN - 23 CN) phần đông coi Khổng Tử như thần thánh, mà Tư Mã Thiên 司馬遷 (145-86 TCN) chỉ coi Khổng Tử như một con người. Những điều trích dẫn trên đây so với *Luận Ngữ* có thể tin được,

---

[12] **LAM chú: Nguyên văn trong *Sử Ký*: «Tam nhân hành, tất đắc ngã sư. Đức chi bất tu, học chi bất giảng; văn nghĩa bất năng đổ, bất thiện bất năng cải; thị ngô ưu dã.»** 三人行，必得我師。德之不修，學之不講；聞義不能徙，不善不能改；是吾憂也。**So sánh câu trong *Luận Ngữ* 論語, Thuật Nhi 述而-21: «Tam nhân hành, tất hữu ngã sư yên: Trạch kỳ thiện giả nhi tùng chi, kỳ bất thiện giả nhi cải chi.»** 三人行必有我師焉：擇其善者而從之，其不善者而改之 **(Ba người đi chung, ắt có một người làm thầy ta: lựa cái hay của người này mà học, xét cái quấy của người kia mà tự sửa mình). Câu «Đức chi bất tu, học chi bất giảng; văn nghĩa bất năng đổ, bất thiện bất năng cải; thị ngô ưu dã» cũng có trong *Luận Ngữ*, nhưng ở đầu chương Thuật Nhi.**

[13] ***Luận Ngữ* 論語, Thuật Nhi 述而-31. [DB chú]**

[14] ***Luận Ngữ* 論語, Thuật Nhi 述而-20. [DB chú]**

[15] ***Sử Ký* 史記, quyển 47, Khổng Tử thế gia 孔子世家.**

riêng chỗ quan hệ giữa Khổng Tử với *lục kinh* hay *lục nghệ* (*Dịch, Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Xuân Thu*) thì dưới đây tôi sẽ nói rõ.[16]

1. Địa vị Khổng Tử trong lịch sử Trung Quốc

Xưa nay những nhà kinh học kim văn đều cho rằng lục nghệ là do Khổng Tử đặt ra. Các nhà kinh học cổ văn lại cho rằng Khổng Tử chỉ thuật lại lục nghệ mà thôi. Thuyết tuy khác, nhưng đều cho thấy Khổng Tử có liên quan đến lục nghệ. Ngày nay tôi cho rằng cái gọi là lục nghệ là các môn học vấn cố hữu của thời Xuân Thu, có trước Khổng Tử, tức là ông chưa từng chế tác ra chúng.

Chứng cứ về việc Khổng Tử chưa từng chế tác lục nghệ, các học giả tiền bối và hiện nay cũng nêu ra nhiều. Chính tôi cũng luận về điều này ở một nơi khác,[17] nên không cần trình bày chi tiết ở đây. Tuy chưa từng làm ra lục nghệ, nhưng Khổng Tử đem nó ra mà dạy học, nên người đời sau mới cho rằng Khổng Tử có quan hệ mật thiết với lục nghệ, như thế không phải là không có căn cứ.

Đem lục nghệ mà dạy học không phải bắt đầu từ Khổng Tử mà thôi. Sách *Quốc Ngữ* có chép truyện Sĩ Vĩ 士薳 dạy thái tử nước Sở học các môn: *Thi, Lễ, Nhạc, Xuân Thu, Cố Chí* 故志.[18] Cả *Quốc Ngữ* lẫn *Tả Truyện* đều chép vô số lời đối đáp của nhiều nhân vật quan trọng đương thời, trong đó thường trích dẫn *Thi* và *Thư*; còn *Lễ* được dùng trong giao tiếp, và *Dịch* được dùng để bói toán. Điều đó đủ thấy ít nhất có một số nhân vật quý tộc ban đầu cũng đã nhận lĩnh sự giáo dục đó. Khổng Tử

---

[16] LAM chú: Có hai thuyết về *lục nghệ*: ① Lục nghệ = lục kinh (*Dịch, Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Xuân Thu*); ② Lục nghệ = *Lễ, Nhạc, Xạ, Ngự, Thư, Số*. Thuyết ① [mà Phùng Hữu Lan theo] dựa trên giải thích trong *Sử Ký* của Tư Mã Thiên, trong *Thất Lược* 七略 của Lưu Hâm 劉歆, và trong *Hán Thư-Nghệ Văn Chí* 漢書-藝文志 của Ban Cố 班固. Thuyết ② được giải thích trong *Chu Lễ* 周禮 (thiên Địa Quan Tư Đồ 地官司徒- Bảo Thị 保氏). Bảo Thị là chức quan dạy con em của quý tộc (gọi là quốc tử 國子) 6 môn học, gọi là lục nghệ, gồm: ①*Lễ*, ②*Nhạc*, ③*Xạ*, ④*Ngự*, ⑤*Thư*, ⑥*Số*. Trịnh Huyền 鄭玄 chú: ①*Lễ* 禮 = 5 nghi lễ (cát 吉, hung 凶, tân 賓, quân 軍, gia 嘉); ②*Nhạc* 樂 = 6 thể loại (vân môn 雲門, đại hàm 大咸, đại thiều 大韶, đại hạ 大夏, đại hộ 大濩, đại vũ 大武); ③*Xạ* 射 = 5 kỹ thuật bắn cung (bạch thỉ 白矢, tham liên 參連, diễm chú 剡注, tương xích 襄尺, tỉnh nghi 井儀); ④*Ngự* 馭(御) = 5 kỹ thuật đánh xe ngựa (minh hoà loan 鳴和鸞, trục thuỷ khúc 逐水曲, quá quân biểu 過君表, vũ giao cù 舞交衢, trục cầm tả 逐禽左); ⑤*Thư* 書 = 6 phép cấu tạo chữ Hán, tức *lục thư* (tượng hình 象形, hội ý 會意, chuyển chú 轉注, chỉ sự 指事, giả tá 假借, hài thanh 諧聲). ⑥*Số* 數 = 9 phép tính toán. – Nhiều người sai lầm (ngay cả các sách dạy thư pháp hiện nay của Trung Quốc cũng thế) khi cho rằng *thư* ở đây là *thư pháp* 書法 (calligraphy).

[17] Xem: *The Position of Confucius in Chinese History* 孔子在中國歷史中之地位 (Địa vị của Khổng Tử trong lịch sử Trung Quốc) in trong *Yên Kinh học báo* 燕京學報, kỳ 2.

[18] LAM chú: *Cố Chí* 故志 = sách ghi chép chuyện xưa, Derk Bodde dịch là «Old Records».

chẳng qua chỉ là người đầu tiên đem lục nghệ ra giảng dạy cho thường dân mà thôi. Điểm này sẽ giải thích rõ hơn về sau.

Ở đây tôi chỉ nói về cách Khổng Tử dạy học khác với nhà đời sau. Các nhà dạy học đời sau chỉ chú trọng đến học thuyết của họ. Chẳng hạn chương 33 của Trang Tử nói rằng đệ tử của Mặc gia thì tụng niệm *Mặc Kinh*. Trái lại, Khổng Tử là một nhà giáo dục mà mục đích giảng dạy của ông là dạy cho học trò nên «Người», có thể phục vụ quốc gia, chứ không nhằm đào tạo thành các học giả của một học phái. Do đó ông đã dạy học trò đủ các sách. Vì thế Nhan Uyên 顏淵 nói: «Thầy mở rộng văn cho ta và lấy lễ mà ràng buộc ta.»[19] Thiên *Thiên hạ* trong *Trang Tử* khi nói đến Nho gia đã chép: «*Thi* để dẫn dắt ý chí, *Thư* để dẫn dắt công việc, *Lễ* để dẫn dắt hành vi, *Nhạc* để hoà, *Dịch* để hiểu âm dương, *Xuân Thu* để nói về danh phận. Sáu thứ này là sáu môn học mà Nho gia đem ra giảng dạy cho người ta.»

Cách dạy của ông như thế, nên thành tựu của học trò khác nhau. Theo *Luận Ngữ*, về đức hạnh có Nhan Uyên 顏淵, Mẫn Tử Khiên 閔子騫, Nhiễm Bá Ngưu 冉伯牛, Trọng Cung 仲弓; về ngôn ngữ có Tể Ngã 宰我, Tử Cống 子貢; về chính trị có Nhiễm Hữu 冉有, Quý Lộ 季路; về văn chương có Tử Du 子游, Tử Hạ 子夏.[20] Tử Lộ có thể trông coi việc thuế má; Nhiễm Hữu có thể làm tể tướng; Công Tây Hoa 公西華 có thể tiếp tân khách. Họ đều có thể là công chức cho quốc gia có ngàn cỗ xe cả.[21] Điều này cho thấy Khổng Tử muốn dạy học trò thành người hữu dụng giúp nước chứ không phải thành học giả của một phái.

Khổng Tử đã lấy sách có sẵn thời bấy giờ để dạy học. Trong khi dạy, ông tuỳ lúc cũng có gia giảm, chọn lọc. Nếu cho hành động đó là *san chính* 刪正 (tức là trừ bỏ điều không thích hợp, sửa sang lại cho đúng) lục kinh, thì quả thực Khổng Tử đã có san chính. Nếu vậy, việc san chính không có gì phi thường cả. Nho gia đời sau theo nếp cũ, tiếp tục dùng lục nghệ để dạy học. Trong khi đó các phái khác chuyên giảng dạy học thuyết mới mẻ của họ chứ không dùng sách xưa nữa. Cho nên lục nghệ cơ hồ dần trở thành sở hữu của Nho gia, coi như Khổng Tử chế tác ra. Vì thế mà ý nghĩa chữ *san chính* – nếu có – đã trở nên trọng đại.

Hán Thư - Nghệ Văn Chí cho rằng chư tử đều bắt nguồn từ lục nghệ.

---

[19] *Luận Ngữ* 論語 (**Tử Hãn** 子罕): «**Bác ngã dĩ văn, ước ngã dĩ lễ.**» 博我以文, 約我以禮.

[20] *Luận Ngữ* 論語 (**Tiên Tiến** 先進-2).

[21] *Luận Ngữ* 論語 (**Công Dã Tràng** 公冶長-7).

Thiên Thiên Hạ trong *Trang Tử* cũng nói thế. Lời nói ấy không phải không có lý do, bởi vì cái gọi là lục nghệ vốn là tri thức chung của con người thời ấy. Từ khi các học phái xuất hiện rao giảng học thuyết riêng của họ thì lục nghệ thành sản phẩm riêng của Nho gia, cơ hồ Khổng Tử đã chế tác ra. Thực tế, trước đó lục nghệ vốn là của chung trong thiên hạ. Tuy nhiên nếu nói học thuyết của các phái đều có sẵn trong lục nghệ thì không đúng.

Về thuật ngữ *nho (nhu)* 儒, *Thuyết Văn Giải Tự* của Hứa Thận giải: «Nho là mềm; tiếng gọi thuật sĩ.» (Nho, nhu dã. Thuật sĩ chi xưng. 儒，柔也；術士之稱) Khổng Tử bảo Tử Hạ: «Hãy làm *nho quân tử* chứ đừng làm *nho tiểu nhân*.»[22] Như vậy, *nho* là tên gọi chung những người có tài nghệ và tri thức, cho nên mới có sự phân biệt giữa *nho quân tử* và *nho tiểu nhân*. Khi Nho gia mới nổi lên, người ta lấy danh xưng *«nho»* để gọi họ. Sau đó, nó trở thành danh từ riêng chỉ chung một học phái, chứ thoạt đầu *nho* là một danh từ phổ thông.

Tóm lại, Khổng Tử là nhà giáo dục chỉ *«thuật lại chứ không sáng tác, tin xưa và thích xưa»* và *«học không chán, dạy người không biết mệt»*.[23] Đấy là lời Khổng Tử tự nói về mình.

Như vậy, Khổng Tử chỉ là ông thầy giáo già, nhưng trong lịch sử Trung Quốc ông lại có địa vị rất cao. Theo tôi, đó là vì ba lý do:

(1) Ông là người Trung Quốc đầu tiên giảng rộng học thuật cho đại chúng, lấy giáo dục làm nghề nghiệp, mở đầu phong trào giảng học và du thuyết đời Chiến Quốc. Chính ông là người sáng lập – ít nhất cũng là phát triển rực rỡ – một tầng lớp kẻ sĩ của Trung Quốc cổ đại mà những người này chẳng phải hạng nông, công, thương, hay quan liêu.

(2) Hành vi của ông khá giống hành vi của các bậc trí giả Hi Lạp (Greek sophists).

(3) Hành vi và ảnh hưởng của ông đối với lịch sử Trung Quốc cũng tương tự hành vi và ảnh hưởng của Socrate đối với Tây phương.

Ở trên có nói Sĩ Vĩ 士鳶 dạy cho thái tử nước Sở các môn *Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Cố Chí*. Những môn học ấy thời đó không phải ai ai cũng

---

[22] *Luận Ngữ* 論語 (Ung Dã 雍也): **«Tử vị Tử Hạ viết: Nữ vi quân tử nho, vô vi tiểu nhân nho.»** 子謂子夏曰: «女爲君子儒毋爲小人儒.

[23] *Luận Ngữ* 論語 (Thuật Nhi 述而): **«Thuật nhi bất tác, tín nhi hiếu cổ.»** 述而不作，信而好古. - **«Vi chi bất yếm, hối nhân bất quyện.»** 爲之不厭，誨人不倦

được học, hạng bình dân chưa chắc hưởng được thứ giáo dục đó, mà hạng quý tộc cũng ít lắm. Hàn Tuyên Tử 韓宣子 là thế khanh[24] của nước Tấn khi đến nước Lỗ công tác ngoại giao mới xem được sách của quan thái sử, bấy giờ lần đầu đọc được *Dịch Tượng* và *Xuân Thu* của nước Lỗ.[25] Quý Trát 季札 cũng nhờ đến Lỗ mới xem được *Thi* và *Nhạc* các nước.[26] Điều đó đủ thấy *Dịch, Xuân Thu, Nhạc, Thi* là những thứ điển tịch và học vấn rất quý bấy giờ.

Khổng Tử «*dạy người không phân biệt lý lịch*»,[27] «*chỉ cần họ đến và nạp một chút lễ mọn ông cũng dạy*».[28] Ông thu nhận rất nhiều học sinh không phân biệt gia cảnh. Hễ ai đóng học phí là được nhận. Tất cả học sinh đều học chung điển tịch như nhau. Ông dạy họ đọc các điển tịch quý [là lục nghệ]. Đó quả là một cuộc giải phóng lớn. Cho nên lấy lục nghệ ra giảng dạy thì từ xưa cũng từng có, nhưng việc phổ cập lục nghệ cho đại chúng chính là bắt đầu từ Khổng Tử.

Tôi nói Khổng Tử là người đầu tiên phổ cập lục nghệ cho đại chúng, bởi vì chưa thấy sách nào chép rằng trước Khổng Tử đã có người tập trung đông đảo học sinh mà giảng dạy, cũng chưa nghe nói có ai giảng dạy mà không phân biệt thân thế lý lịch. Đồng thời với Khổng Tử có Thiếu Chính Mão 少正卯, cũng quy tụ học sinh, «chỗ ở của ông ta tụ tập môn đệ thành bè đảng, lời nói của họ đủ hoa mỹ để say mê dân chúng, sức kháng cự của họ đủ để lật ngược sự thật và đứng riêng thành một hệ tư tưởng.»[29] Thiếu Chính Mão thành công đến nỗi, như Lưu Hiệp viết, «học trò Khổng Tử ba lần đầy, ba lần vơi (ý nói bỏ Khổng Tử để sang thụ giáo Thiếu Chính Mão) nhưng Nhan Uyên không bỏ đi».[30] Sách Trang Tử chép: «Nước Lỗ có một người bị hình phạt chặt bàn chân tên là Vương Thai 王駘. Số môn sinh của ông cũng đông bằng số môn sinh của

---

[24] **LAM chú: Derk Bodde dịch *Thế khanh* 世卿 là *«a hereditary minister»* (bộ trưởng nối đời làm quan).**

[25] ***Tả Truyện* 左傳, quyển 20, Chiêu Công 昭公 năm thứ 2.**

[26] ***Tả Truyện* 左傳, quyển 19, Tương Công 襄公 năm thứ 29.**

[27] ***Luận Ngữ* 論語 (Vệ Linh Công 衛靈公): «Hữu giáo vô loại.»有教無類.**

[28] ***Luận Ngữ* 論語 (Thuật Nhi 述而): «Tự hành thúc tu dĩ thượng, ngô vị thường vô hối yên.»** 自行束脩以上，吾未嘗無誨焉.

[29] ***Khổng Tử Gia Ngữ* 孔子家語, phần 2.**

[30] **Lưu Hiệp 劉勰 (*Tân Luận* 新論), quyển 4, thiên Tâm Ẩn 心隱.**

Khổng Tử.»[31] Nhưng chuyện Khổng Tử khiến Thiếu Chính Mão bị giết [chép trong *Khổng Tử Gia Ngữ*] thì các học giả ngày trước đã xem là không đáng tin, nên ta không biết chắc là đã từng có nhân vật Thiếu Chính Mão hay không. Cũng thế, 9 phần 10 các chuyện trong *Trang Tử* đều là ngụ ngôn. Do đó chuyện «Vương Thai và Khổng Tử chia đôi số học trò của nước Lỗ» càng không đáng tin. Cho nên người đầu tiên quy tụ đông đảo học sinh để giáo dục chính là Khổng Tử. Về sau, các nhà khác nổi lên cạnh tranh quy tụ học trò. Người mở đầu cho phong khí ấy chính là Khổng Tử vậy.

Khổng Tử liên tục du thuyết các vua chư hầu, mang theo môn đệ chu du liệt quốc. Hành động đó chưa có tiền lệ, mà về sau thì phong khí ấy trở nên thịnh hành, đó cũng là do Khổng Tử mở đường vậy.

Lại nữa, trước Khổng Tử chưa hề có kẻ không phải hạng công, thương, công chức chỉ lấy giáo dục làm nghề nghiệp và sống bằng nghề ấy. Ngày xưa, ngoài hạng quý tộc nối đời làm quan, cũng có hạng bình dân làm quan. Những người này trước khi làm quan đều theo một trong các nghề nông, công, thương để mưu sinh. Mạnh Tử nói: «Vua Thuấn 舜 phát tích từ đồng ruộng; Phó Duyệt 傅說 khởi lên từ chòi tranh; Giao Cách 膠鬲 xuất thân từ nơi buôn cá bán muối; Quản Di Ngô 管夷吾 nổi lên từ lúc ở tù với quân sĩ; Tôn Thúc Ngao 孫叔敖 gốc là dân đánh cá; Bách Lý Hề 百里奚 tiến thân từ nơi chợ búa.»[32] Lời Mạnh Tử tuy chưa đủ tin hết nhưng quả thật trước Khổng Tử chưa từng nghe nói có kẻ không làm quan cũng không lao động sản xuất. *Tả Truyện* chép rằng Ký Khuyết 冀缺 trước khi làm quan đã mưu sinh bằng nghề nông.[33]

Theo sách *Mạnh Tử*, Khổng Tử từng vì nghèo mà đi làm chức *ủy lại* 委吏 (trông nom kho thóc) rồi *thừa điền* 乘田 (quản lý ruộng công), cả hai đều là chức việc thấp.[34] Nhưng sau khi trở thành đại phu, ông quy tụ đông đảo học sinh, lấy nghề dạy học kiếm sống. Ông đã không lao động sản xuất, cũng không muốn dạy học sinh lao động sản xuất. Khi Phàn Trì

---

[31] *Trang Tử* 莊子 (Đức Sung Phù 德充符).

[32] *Mạnh Tử* 孟子 (Cáo Tử hạ 告子下).

[33] *Tả Truyện* 左傳, quyển 7, Hi Công 僖公 năm 33.

[34] *Mạnh Tử* 孟子 (Vạn Chương hạ 萬章下).

樊遲 xin học làm ruộng thì Khổng Tử chê là tiểu nhân.[35] Tử Cống 子貢 làm kinh doanh, Khổng Tử cũng chê là không biết an bần lạc đạo.[36] Chính vì thái độ này mà Khổng Tử bị người thời ấy chỉ trích. Theo *Luận Ngữ*, Hà Điều Trượng Nhân 荷蓧丈人 phê bình Khổng Tử rằng: «Tứ chi không chuyên cần, không phân biệt được ngũ cốc.»[37] [Khi Tề Cảnh Công toan lấy ruộng Ni Khê 尼谿 ban cho Khổng Tử] Án Anh 晏嬰 can: «Bọn nhà Nho ba hoa nguỵ biện nên ta không thể xem họ là mẫu mực. Họ kiêu ngạo, tự cho mình đúng, nên ta không thể xem là bầy tôi. Họ coi trọng việc tang ma, phá hết gia sản để hậu táng, ta không thể lấy đó làm phong tục. Họ du thuyết kiếm ăn nên ta không thể dùng họ làm việc nước.»[38] Sách Trang Tử chép lời Đạo Chích 盜跖 mắng Khổng Tử: «Mi bày ra lời này lẽ nọ, xưng láo đó là lời vua Văn vua Vũ. [...] Mi ba hoa nói bậy, không cày mà ăn, không dệt mà mặc, khua môi múa mỏ bày trò thị phi để mê hoặc các vua trong thiên hạ, khiến cho kẻ sĩ trong thiên hạ không trở lại bản tính được. Mi mượn cớ trọng hiếu để, nhưng cốt là để cầu phong hầu mà hưởng phú quý.»[39]

Những lời phê bình ấy vị tất là lời của Án Anh và Đạo Chích, lời trong sách *Trang Tử* cũng không thể cho là sự thật. Nhưng bấy giờ cũng có thể có lời phê bình dại loại như thế.

Thời Chiến Quốc có kẻ có học vấn nhưng chẳng chịu làm quan. Họ tự lực mưu sinh. Chẳng hạn Hứa Hành 許行 «đồ đệ vài mươi người, đều mặc áo vải lông, làm dép cỏ, dệt chiếu để mưu sinh»; hay là Trần Trọng Tử 陳仲子 «thân làm nghề đan dép, vợ đánh dây gai» để tự nuôi thân.[40] Mạnh Tử thì trái lại, bản thân ông có «xe theo sau mươi chiếc, kẻ tuỳ tùng vài trăm, đi ăn nhờ khắp chư hầu». Chính đồ đệ của ông là Bành Canh 彭更 cũng cho thế là quá đáng, trách gì người ngoài chẳng phê bình.[41]

Mạnh Tử còn thuật thái độ của Tử Tư 子思 đối với sự cung dưỡng:

---

[35] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Tử Lộ** 子路**): «Tiểu nhân tai Phàn Tu dã.»** 小人哉樊須也. **(Phàn Tu – tức Phàn Trì – sao mà tiểu nhân thế.)**

[36] ***Luận Ngữ*** 論語**(Tiên Tiến** 先進**): «Tứ bất thụ mệnh, nhi hoá thực yên, ức tắc lũ trúng.»** 賜不受命，而貨殖焉，億則屢中. **(Tứ chẳng an phận, mà đi buôn trở nên giàu, nhưng tiên đoán cái gì cũng đều đúng.)**

[37] ***Luận Ngữ*** 論語**(Vi Tử** 微子**): «Tử thể bất cần, ngũ cốc bất phân.»** 四體不勤五穀不分.

[38] ***Sử Ký*** 史記**(Khổng Tử thế gia** 孔子世家**).**

[39] ***Trang Tử*** 莊子**(Đạo Chích** 盜跖**).**

[40] ***Mạnh Tử*** 孟子**(Đằng Văn Công** 滕文公 **thượng & hạ).**

[41] ***Mạnh Tử*** 孟子**(Đằng Văn Công hạ** 滕文公下**).**

«Vua Mục Công 繆公 nước Lỗ ái mộ Tử Tư, năng cho người thăm hỏi, năng đem cho món thịt chín. Tử Tư lâu ngày chán thái độ của sứ giả. Ông bảo hắn đi theo ông đến bên ngoài cổng thành, rồi ông day mặt về hướng Bắc lạy hai lạy từ chối và nói: "Đến nay ta mới biết vua nuôi ta như nuôi chó ngựa." [...] Vạn Chương hỏi: "Xin hỏi, nếu vua muốn nuôi người quân tử thì nên thế nào?" Mạnh Tử nói: "Lần đầu, sứ giả nói vua sai mình đến tặng quà, người quân tử lạy hai lạy tạ ân vua và nhận. Về sau kẻ giữ kho tiếp tục mang thóc đến và kẻ giữ nhà bếp tiếp tục mang thịt đến nhưng chẳng nói là làm theo lệnh vua. Tử Tư cho rằng vua cho món thịt chín mà bắt mình phải lạy hoài, đó chẳng phải là cách nuôi người quân tử vậy."»[42]

Cứ xem đoạn trên đủ rõ phong khí nhà Nho. Chính cái phong khí ấy mà sau này nảy sinh hạng người không phải nông, không phải công, không phải thương, không phải quan lại, tức là bọn kẻ «sĩ» 士. Họ không chịu làm ăn, mà chỉ đợi người khác cung dưỡng cho. Hạng kẻ sĩ này trước thời Khổng Tử quả chưa từng có. Ngày xưa cũng có chữ sĩ, nhưng để gọi sĩ đại phu hay quân sĩ, chứ không phải cái thứ «sĩ» mà hậu thế gọi chung trong cụm từ «sĩ, nông, công, thương».[43]

Bọn kẻ sĩ [có từ thời Khổng Tử này] chỉ làm hai việc: làm quan và giảng dạy. Thậm chí cho đến ngày nay, những sinh viên tốt nghiệp – bất kể từ trường học nông nghiệp hay kỹ thuật nào – của Trung Quốc đều chỉ có hai con đường mưu sinh: làm quan hoặc làm giáo viên. Quả đúng như *Luận Ngữ* đã nói: «Làm quan mà dư sức khoẻ thì nên học; học mà dư sức khoẻ thì nên làm quan.»[44]

Chính Khổng Tử nếu không sáng lập ra hạng người này thì ít nhất cũng đã phát triển họ. Về sau Pháp gia đã công kích họ dữ dội. Chẳng hạn, Hàn Phi Tử 韓非子 (mất năm 223 TCN) nói: «Có những kẻ học rộng và biện luận giỏi như Khổng Tử và Mặc Tử. Khổng và Mặc không cày bừa thì quốc gia được lợi gì? Có những kẻ trau dồi đạo hiếu và giảm thiểu dục vọng như Tăng Sâm 曾參 và Sử Ngư 史魚. Tăng và Sử không đi chiến

---

[42] *Mạnh Tử* 孟子 (Vạn Chương hạ 萬章下).

[43] Trong *Quốc Ngữ* (Tề Ngữ) cũng có cụm từ «sĩ, nông, công, thương» nhưng trong đó chữ *sĩ* ám chỉ *quân sĩ*. Xin xem bài viết của tôi về Khổng Tử trong *Yên Kinh Học Báo*, kỳ số 2.

[44] *Luận Ngữ* 論語 (Tử Trương 子張): «Sĩ nhi ưu tắc học; học nhi ưu tắc sĩ.» 仕而優則學;學而優則仕 – LAM chú: Có hai chữ *sĩ* cần phân biệt: ①*Sĩ* 士 (viết không có bộ *nhân*) = kẻ sĩ, hạng có học vấn mà trên đây chê là kẻ chuyên ăn chực của thiên hạ; ②*Sĩ* 仕 (viết với bộ *nhân*) = kẻ làm quan (tố quan đích nhân 做官的人).

trận thì quốc gia được lợi gì?»[45] Lại nói: «Nho lấy văn làm loạn phép tắc, bọn vũ hiệp lấy vũ lực mà phạm cấm. [...] Nay học văn và học biện luận, không phải vất vả cày cấy mà vẫn giàu, không phải gian nguy nơi chiến trường mà vẫn được tôn quý. Hỏi ai mà chẳng ham?»[46]

Khổng Tử cũng có hành vi giống các trí giả Hi Lạp (Greek Sophists). Họ đều phá tập quán cũ bằng cách bắt đầu chính thức quy tụ học trò để giảng dạy. Trí giả Hi Lạp thu học phí để duy trì sinh hoạt, việc này bị người đương thời chỉ trích lắm. Khổng Tử nói: «Ai đến đưa lễ mọn từ một bó nem trở lên, ta chưa từng chê ít mà không dạy.»[47] Có lẽ ông chưa định giá học phí, nhưng một thứ đại loại như lễ vật bái sư ắt phải có. Khổng Tử tuy được vua trong nước trợ cấp, vị tất đã bám vào học phí thu được để mưu sinh, nhưng đệ tử của ông rất đông, thế nào học trò cũng cấp dưỡng. Trong lịch sử Trung Quốc, chính Khổng Tử là người khởi đầu việc dạy học nuôi thân. Nói như vậy chẳng hại gì đến giá trị của ông, bởi vì hễ sống thì cần phải nuôi thân.

Khổng Tử lại còn có một điểm rất giống hạng trí giả Hi Lạp nữa. Trí giả Hi Lạp học rộng lắm tài, có thể dạy học trò đủ các môn học, mà chủ yếu là để học trò đủ năng lực ra làm chính trị. Khổng Tử cũng học rộng lắm tài, cho nên có người nói: «Khổng Tử vĩ đại thật. Ông học rộng, nhưng chẳng nổi tiếng riêng một môn nào cả.»[48] «Quan Thái Tể hỏi Tử Cống: "Phu tử là thánh chăng? Sao mà đa tài thế?" Tử Cống đáp: "Trời rộng rãi muốn ngài làm thánh nhân, lại ban cho nhiều tài."»[49] Khổng Tử cũng dạy đủ các môn (tức lục nghệ). Ông cũng chú ý đến hoạt động chính trị, sao cho trong «một nước có ngàn cỗ xe» (thiên thặng chi quốc 千乘之國) học trò ông có thể «quản lý quân đội» (trị phú 治賦) hoặc «làm tể tướng» (vi tể 爲宰).[50] Khi Quý Khang Tử 季康子 hỏi

---

[45] ***Hàn Phi Tử*** 韓非子 **(Bát Thuyết** 八說**).**

[46] ***Hàn Phi Tử*** 韓非子 **(Ngũ Đố** 五蠹**).**

[47] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Thuật Nhi** 述而**): «Tự hành thúc tu dĩ thượng, ngô vị thường vô hối yên.»** 自行束脩以上，吾未嘗無誨焉.

[48] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Tử Hãn** 子罕**): «Đại tai Khổng Tử, bác học nhi vô sở thành danh.»** 大哉孔子，博學而無所成名.

[49] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Tử Hãn** 子罕**): «Thái tể vấn ư Tử Cống viết: "Phu tử thánh giả dư? Hà kỳ đa năng dã?" Tử Cống viết: "Cố thiên túng chi tương thánh, hựu đa năng dã."»** 太宰問於子貢曰:«夫子聖者與?何其多能也?» 子貢曰：«固天縱之將聖，又多能也.»

[50] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Công Dã Tràng** 公冶長**).– LAM chú: Dương Bá Tuấn giải *phú* nghĩa là *binh phú* 兵賦, vốn là chế độ quân dịch thời cổ đại, nhưng ở đây bao quát công tác quân sự và chính trị.**

ông xem ba môn đệ của ông là Trọng Do (Tử Lộ), Tứ (Tử Cống), Cầu (Nhiễm Hữu) có thể tham chính (làm quan) được chăng, Khổng Tử đáp: «Trọng Do quyết đoán, Tứ thông hiểu sự lý, Cầu nhiều tài nghệ. Họ làm chính trị có gì mà chẳng được?»[51] Việc này cũng giống như việc ngày nay các cơ quan chính phủ tham vấn các nhân vật trọng yếu trong ban giám hiệu của các trường xin họ tiến cử các sinh viên tốt nghiệp vậy.

Khổng Tử cũng giống Socrates. Socrates vốn là một trí giả, nhưng điểm khác biệt là ông không thu học phí, không bán tri thức. Socrates không có hứng thú về vấn đề vũ trụ, còn đối với vấn đề thần linh, ông chấp nhận kiến giải truyền thống. Khổng Tử cũng có quan điểm tương tự về các vấn đề này. Socrates tự cho mình có sứ mạng thiêng liêng là giác ngộ cho dân Hi Lạp. Khổng Tử cũng vậy, ông nói: «Trời ban đức cho ta.»[52] Ông cho rằng ông có sứ mệnh phát huy «tư văn» 斯文 (nền văn hoá đó) của nhà Chu, cho nên khi bị vây khốn ở đất Khuông nước Vệ, ông nói: «Trời chưa muốn làm mất nền văn hoá đó, người đất Khuông làm gì được ta!»[53]

Theo Aristotle nói, Socrates đã dùng phép quy nạp (inductive reasoning) để tìm định nghĩa, từ đó xác định tiêu chuẩn cho hành vi con người. Cũng thế, Khổng Tử giảng *chính danh* 正名, lấy định nghĩa của danh làm tiêu chuẩn cho hành vi con người. Socrates chú trọng tính chất đạo đức của con người. Khổng Tử cũng cho rằng lòng *nhân* 仁 của con người còn quan trọng hơn là năng lực làm chính trị. Cho nên, tuy ông cho rằng một số môn đệ của ông (như Tử Lộ, Nhiễm Hữu, Công Tây Hoa) có thể *tùng chính* 從政 (theo làm việc chính trị) nhưng ông không nói họ có lòng nhân. Socrates không hề viết sách, mà người đời sau viết sách thường dẫn lời ông (chẳng hạn trong quyển *Dialogues [Đối thoại]* của Plato). Khổng Tử cũng không hề viết sách mà trong các sách đời sau có quá nhiều cụm từ *«Tử viết...»* 子曰 (Khổng Tử nói rằng...). Sau khi Socrates mất, môn phái của ông được Plato và Aristotle phát huy, trở thành hệ tư tưởng chính thống của triết học Tây phương. Còn môn phái của Khổng Tử được Mạnh Tử và Tuân Tử phát huy, trở thành hệ tư tưởng chính thống của triết học Trung Quốc. Đấy là nói

---

[51] *Luận Ngữ* 論語 (**Ung Dã** 雍也).– **LAM chú: nguyên văn câu này khá dài dòng, Phùng Hữu Lan tóm gọn lại.**

[52] *Luận Ngữ* 論語 (**Thuật Nhi** 述而): **«Thiên sinh đức ư dư.»** 天生德於予.

[53] *Luận Ngữ* 論語 (**Tử Hãn** 子罕): **«Thiên chi vị táng tư văn dã, Khuông nhân kỳ như dư hà?»** 天之未喪斯文也, 匡人其如予何.– **LAM chú: Derk Bodde theo James Legge dịch *tư văn* là *«this cause of truth»* (sự nghiệp của chân lý [?]). James R. Ware dịch là *«this high culture»* (nền văn hoá cao này). Các sách dịch chú *Luận Ngữ* của Trung Quốc và Đài Loan đều dịch là** 這種文化 **(nền văn hoá này).**

tổng quát, về sau tôi sẽ nói chi tiết hơn.

Khổng Tử là một Socrates của Trung Quốc, tức là chiếm một địa vị rất cao. Hơn thế, Khổng Tử là người đầu tiên đã đem học thuật mà phổ biến cho đại chúng, sáng lập ra (hoặc ít nhất là phát triển) hạng kẻ sĩ. Công đó còn hơn hẳn công của Socrates nữa.

2. Thái độ của Khổng Tử đối với chế độ và tín ngưỡng truyền thống

Văn hoá Trung Quốc đến đời Chu thì qui mô đã hoàn chỉnh. Mọi chế độ và điển chương của nhà Chu, tuy không hoàn toàn do Văn Vương 文王 và Chu Công 周公 chế tác (như các nhà kinh học cổ văn thường nói) nhưng chính Văn Vương và Chu Công là hai nhân vật chủ yếu sáng tạo văn hoá đời Chu. Dân nước Lỗ là con cháu Chu Công. Cho nên văn hoá đời Chu tất nhiên còn lưu lại ở nước Lỗ nhiều hơn ở các nước khác. Trong *Tả Truyện*, năm 506 TCN, Chúc Đà 祝佗 nói: «Chu Công giúp vương thất nhà Chu cai trị thiên hạ. Ngài thân thiết với nhà Chu. Lỗ Công (con cháu của Chu Công) được phân cho xe lớn và cờ lớn [...] để đức sáng của Chu Công rực rỡ. Lỗ Công được phân cho ruộng đất, các quan cúng tế ở tông miếu, quan bói toán (bốc), sử quan, các thẻ chép sử, các vật dụng cúng tế bằng đồng.»[54]

Quý Trát 季札 sang thăm nước Lỗ, xem nhạc của nhà Chu.[55] Hàn Tuyên Tử 韓宣子 (quan thế khanh của nước Tấn) sang thăm nước Lỗ, xem sách của quan thái sử, thấy được *Dịch Tượng* và *Xuân Thu* của nước Lỗ, có nói: «Lễ của nhà Chu đều có đủ tại nước Lỗ, nay ta mới biết cái đức của Chu Công và duyên cớ vì sao nhà Chu làm thiên tử.»[56] Những lời khen ngợi đó cho thấy nước Lỗ là hình ảnh thu nhỏ của nhà Chu xét về phương diện văn hoá. Đặc biệt khi nhà Chu suy sụp, bị bọn man di phía Tây đánh đuổi, Bình Vương (770-720) phải dời đô từ Tây sang Đông. Bấy giờ văn vật bị mất mát nhiều, cho nên nền văn hoá nhà Chu từ ấy chỉ tập trung ở nước Lỗ.

Khổng Tử bình sinh vẫn tự hào là hiếu học: «Ta không phải sinh ra mà đã biết. Nhờ *hiếu cổ* (thích văn hoá xưa) và siêng năng tìm học nên mới biết.»[57] Lại nói: «Trong ấp có mười nhà, tất có người trung tín như Khâu, nhưng chẳng ai hiếu học bằng Khâu.»[58] Lại nói: «Ta có thể nói về

---

[54] *Tả Truyện* 左傳, quyển 27, Định Công 定公 năm thứ 4.

[55] *Tả Truyện* 左傳, quyển 19, Tương Công 襄公 năm thứ 29.

[56] *Tả Truyện* 左傳, quyển 20, Chiêu Công 昭公 năm thứ 2.

[57] *Luận Ngữ* 論語 (Thuật Nhi 述而).

[58] *Luận Ngữ* 論語 (Công Dã Tràng 公冶長).

lễ đời Hạ 夏, nhưng nước Kỷ 杞 [con cháu nhà Hạ] không đủ chứng minh những điều ta nói. Ta có thể nói về lễ đời Ân 殷, nhưng nước Tống 宋 [con cháu nhà Ân] không đủ chứng minh những điều ta nói. Nếu họ [ghi chép] đủ thì ta có thể trưng dẫn để chứng minh.»[59]

Khổng Tử sinh ở nước Lỗ, văn hoá nhà Chu còn lại nhiều ở nước này. Khổng Tử hiểu sâu văn hoá nhà Chu nên rất yêu quý nó: «Triều đại Chu noi theo hai triều đại trước, lễ nhà Chu rực rỡ thay! Ta theo nhà Chu.»[60] Chỉ theo văn hoá nhà Chu, nên trọn một đời Khổng Tử hoài bão kế tục sự nghiệp của Văn Vương và Chu Công. Khi bị vây ở đất Khuông, ông nói: «Văn Vương đã mất, văn hoá [nhà Chu] chẳng ở ta sao? Nếu Trời muốn diệt nền văn hoá đó, thì người sau sẽ không hưởng được nó. Nhưng Trời chưa muốn diệt nền văn hoá đó, người đất Khuông làm gì được ta!»[61] Ông nói ý chí của mình: «Như có ai dùng ta, lẽ nào ta không tạo ra Đông Chu?»[62] Với cụm từ «Đông Chu», ông có ý muốn phục hưng văn hoá nhà Chu ở phía Đông của Trung Quốc. Than thở cho sự suy bại của mình, ông nói: «Lâu rồi ta nằm mộng không thấy Chu Công.»[63]

Các nhà kinh học cổ văn đời sau đều nói lục nghệ do Chu Công làm ra, còn Khổng Tử chỉ thuật lại. Các nhà kinh học kim văn nói Khổng Tử làm sách *Xuân Thu* để tự sánh mình với Chu Công. Hai quan điểm này chắc gì đúng sự thật, nhưng việc Khổng Tử tự cho mình có trách nhiệm nối nghiệp Văn Vương và Chu Công thì đã rõ lắm vậy.

Vì thế, các Nho gia đời sau đều đề cập Chu Công chung với Khổng Tử:

Mạnh Tử nói: «Trần Lương là người nước Sở, vì hâm mộ đạo của Chu Công và Trọng Ni mà đến miền Bắc Trung Quốc để cầu học.»[64]

Tuân Tử nói: «Khổng Tử đã nhân và trí, lại không bị che lấp (tức là không có thành kiến), nên học đạo trị thiên hạ đủ để sánh với các vua đời trước. Ông trở thành một nhà duy nhất có được cái đạo của nhà Chu, khi vận dụng nó thì không bị thành tích của các tạp thuyết che lấp. Cho nên đức của ông bằng với đức của Chu Công, danh của ông bằng với danh của Tam Vương.»[65]

---

[59] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Bát Dật** 八佾**).**

[60] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Bát Dật** 八佾**).**

[61] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Tử Hãn** 子罕**).**

[62] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Dương Hoá** 陽貨**).**

[63] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Thuật Nhi** 述而**).**

[64] ***Mạnh Tử*** 孟子 **(Đằng Văn Công thượng** 滕文公上**).**

[65] ***Tuân Tử*** 荀子 **(Giải Tế** 解蔽**).**

Người đời Hán cũng cho rằng Khổng Tử kế thừa đạo của Chu Công:

- *Hoài Nam Tử* 淮南子 nói: «Khổng Tử thực hành đạo của Thành Vương 成王 (1115-1079) và Khang Vương 康王 (1078-1053), truyền lại lời giáo huấn của Chu Công.»[66]

– Tư Mã Thiên nói: «Sau khi Chu Công mất được năm trăm năm thì có Khổng Tử.»[67]

Chính Khổng Tử khi nói ông «thuật lại chứ không chế tác» (thuật nhi bất tác) thì cái mà ông «thuật lại» chính là lễ của nhà Chu vậy.

Khổng Tử hiểu rõ lễ của nhà Chu và yêu quý nó. Khi thấy lễ nhà Chu bấy giờ băng hoại, ông không tránh khỏi đau đớn uất hận. Chẳng hạn:

– Khi thấy họ Quý tổ chức múa *bát dật* trong sân nhà họ, Khổng Tử không thể chịu nổi.[68] Nghe họ Quý tế thần núi Thái, ông than: «Hỡi ơi, thần núi Thái mà chẳng bằng Lâm Phóng 林放 sao?»[69]

– Quản Tử (tức Quản Trọng) dùng *phản điếm* 反坫 (vốn dĩ dành cho vua)[70] Khổng Tử phê bình Quản Tử là không biết lễ.[71]

– Trần Thành Tử 陳成子 giết Giản Công 簡公, Khổng Tử tắm gội rồi vào triều nói với Ai Công 哀公 rằng: «Trần Hằng 陳恒 giết vua của hắn, xin bệ hạ thảo phạt hắn.»[72]

Về cách xử sự, ông tự cho rằng ông «đứng sau hàng đại phu, nên không thể đi bộ».[73] Thực sự, những mô tả trong chương Hương Đảng của *Luận Ngữ* về cung cách cư xử và ẩm thực của ông cho thấy đó là cung

---

66 *Hoài Nam Hồng Liệt Tập Giải* 淮南鴻烈集解, quyển 21(Yếu Lược 要略).

67 *Sử Ký* 史記(Thái Sử Công tự tự 太史公自序).

68 LAM chú: Theo *Tả Truyện* (Chiêu Công năm 25), họ Quý là Quý Bình Tử 季平子 (tức Quý Tôn Ý Như 季孫意如). *Bát dật* là kiểu múa dành cho thiên tử, 64 vũ công xếp thành 8 hàng, mỗi hàng 8 người. Vua chư hầu chỉ được dùng *lục dật* (6 hàng, tức 48 vũ công). Đại phu dùng *tứ dật* (4 hàng, tức 32 vũ công). Họ Quý thuộc hàng đại phu lẽ ra dùng *tứ dật* thế mà dùng *bát dật*, tức là loạn phép tắc.

69 LAM chú: Cúng thần Thái Sơn là việc của thiên tử, nên họ Quý đã vượt quyền. Nếu thần núi hưởng lễ cúng của họ Quý, hoá ra lại thua Lâm Phóng, một người dân nước Lỗ trọng lễ nghi.

70 LAM chú: Phản điếm là cái kỷ bằng đất, khi các vua chư hầu uống rượu xong thì đặt chén trên đó.

71 *Luận Ngữ* 論語 (Bát Dật 八佾).

72 *Luận Ngữ* 論語 (Hiến Vấn 憲問).

73 *Luận Ngữ* 論語 (Tiên Tiến 先進).– LAM chú: Khị Nhan Uyên 顏淵 chết, cha ông là Nhan Lộ 顏路 xin chiếc xe của Khổng Tử để bán đi, lấy tiền mua cái quách để chôn Nhan Uyên. Khổng Tử nói câu này để từ chối Nhan Lộ. Khổng Tử từng làm đại phu, về sau tuy không còn là đại phu nữa (ông nói khiêm tốn là «*đi sau hàng đại phu*»), nhưng ông muốn giữ lễ đại phu, tức là đi ra ngoài phải có xe, nên không thể đem cho chiếc xe ấy được.

cách của hàng quý tộc. Nhưng nó không nhất thiết có nghĩa là ông thích cách sống sang trọng. Thực ra, ông cảm thấy rằng nếu không như thế thì không hợp với lễ của nhà Chu.

Đối với tín ngưỡng truyền thống bấy giờ, Khổng Tử là một người thủ cựu. *Luận Ngữ* có nhiều đoạn ông nói về Trời (Thiên 天):

– «Vương Tôn Giả 王孫賈 hỏi: "Tục ngữ nói: 'Nịnh thần Áo, chẳng bằng nịnh thần Táo.' Thế có nghĩa gì?" Khổng Tử đáp: "Không phải vậy. Hễ mang tội với Trời thì cầu đảo ở đâu cũng vô ích."»[74]

– «Khổng Tử gặp Nam Tử 南子 (người vợ dâm đãng của vua Vệ Linh Công), Tử Lộ bất mãn. Khổng Tử thề: "Ta có làm gì quấy thì Trời bỏ ta! Trời bỏ ta!"»[75]

– «Khổng Tử bệnh nặng, Tử Lộ bảo các bạn đồng môn làm *gia thần* 家臣 [chuẩn bị hậu sự cho Khổng Tử]. May mắn bệnh qua khỏi, Khổng Tử biết chuyện *gia thần*, trách: "Do lừa dối lâu nay. Ta không có *gia thần* mà bày ra làm *gia thần*. Ta dối ai? Dối Trời chăng?"»[76]

«Nhan Uyên chết, Khổng Tử than: "Ôi Trời hại ta, Trời hại ta!"»[77]

«Ta không oán Trời, không trách người. Ta học từ thấp [là nhân đạo] đến cao [là Thiên đạo]. Biết ta phải chăng chỉ có Trời thôi?»[78]

Từ những trích dẫn trên, «Trời» theo Khổng Tử là Thượng Đế có ý chí, là chủ tể của muôn loài.[79]

---

[74] *Luận Ngữ* 論語 (Bát Dật 八佾 – 13).

[75] *Luận Ngữ* 論語 (Ung Dã 雍也 – 26).

[76] *Luận Ngữ* 論語 (Tử Hãn 子罕 – 11).– LAM chú: Gia thần = hạng nô lệ trong nhà. Từ bậc đại phu trở lên thì có gia thần. Khổng Tử không còn làm đại phu nữa, nên không có gia thần. Tử Lộ muốn dùng lễ đại phu lo hậu sự cho thầy, nhưng Khổng Tử trách là trái lễ.

[77] *Luận Ngữ* 論語 (Tiến Tiến 先進 – 8).

[78] *Luận Ngữ* 論語 (Hiến Vấn 憲問 – 35).

[79] Có người trích câu nói «Thiên hà ngôn tai? Tứ thời hành yên, vạn vật sinh yên. Thiên hà ngôn tai?» 天何言哉?四時行焉,萬物生焉.天何言哉? (Trời có nói gì đâu? Bốn mùa luân chuyển, vạn vật sinh sôi. Trời có nói gì đâu?) [*Luận Ngữ* 論語, Dương Hoá 陽貨 – 19] mà chứng minh rằng «Thiên» mà Khổng Tử nói ở đây là *thiên nhiên, cõi tự nhiên*. Thực ra, câu văn này ám chỉ Trời *«lấy vô vi mà cai trị»* (vô vi nhi trị 無爲而治) – một tư tưởng của Đạo giáo –hơn là ám chỉ *thiên nhiên, cõi tự nhiên*. Câu «Trời có nói gì đâu?» hàm ý rằng Trời có thể nói, nhưng Trời không muốn nói đấy thôi. Nếu không thế, câu nói này vô nghĩa. Tương tự, chúng ta không nói «Hòn đá có nói gì đâu?», «Cái bàn có nói gì đâu?» bởi chúng vốn là vật và không thể nói được.

Luận Ngữ cũng có nhiều đoạn nói đến «mệnh» 命:

– «Khổng Tử nói: "Ta 15 tuổi chí tâm học tập, 30 tuổi biết tự lập, 40 tuổi không còn nghi hoặc, 50 tuổi biết mệnh Trời."»[80]

– Bá Ngưu 伯牛 bệnh. Khổng Tử đến thăm, đứng ngoài cửa sổ nắm tay Bá Ngưu nói: «Mệnh Trời chăng? Người [đức hạnh] thế này sao lại bệnh?»[81]

«Đạo ta thi hành được là nhờ mệnh Trời, đạo ta không thi hành được là bởi mệnh Trời. Công Bá Liêu 公伯寮 làm sao thay đổi được mệnh Trời?»[82]

«Quân tử có ba điều sợ: sợ mệnh Trời, sợ đại nhân, và sợ lời nói của thánh nhân.»[83]

Nếu Trời là đấng Thượng Đế có ý chí thì mệnh Trời chính là ý chí của Thượng Đế. Khổng Tử tự cho mình có sứ mạng thiêng liêng mà Trời dành cho ông, nên nói: «Trời chưa muốn làm mất nền văn hoá đó (*tư văn* 斯文), người đất Khuông làm gì được ta!»[84] Cùng thời Khổng Tử cũng có kẻ cho rằng Khổng Tử nhận lĩnh mệnh Trời. Chẳng hạn, Nghi Phong Nhân 儀封人 nói: «Thiên hạ vô đạo lâu rồi, Trời lấy Khổng Tử làm mõ gỗ [để tuyên dương giáo hoá].»[85]

Tuy nhiên, về quỷ thần thì Khổng Tử có kiến giải mới mẻ [với thái độ hoài nghi]. *Luận Ngữ* chép:

– «Cúng tế [tổ tiên] như thể [tổ tiên] đang có mặt; cúng thần như thể thần đang hiện diện.»[86]

– «Kính quỷ thần nhưng nên ở xa thì mới gọi là biết.»[87]

– Quý Lộ 季路 hỏi việc phục vụ quỷ thần, Khổng Tử đáp: «Phục vụ người còn chưa xong, làm sao phục vụ cho quỷ được?» Hỏi tiếp: «Xin hỏi về sự chết» Đáp: «Sống còn chưa biết, sao biết được chết?»[88]

---

[80] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Vi Chính** 爲政 **– 4).**

[81] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Ung Dã** 雍也 **– 8).**

[82] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Hiến Vấn** 憲問 **– 36).**

[83] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Quý Thị** 季氏 **– 8).**

[84] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Tử Hãn** 子罕 **– 5).**

[85] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Bát Dật** 八佾 **– 24).**

[86] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Bát Dật** 八佾 **–12).**

[87] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Ung Dã** 雍也 **– 20): «Kính quỷ thần nhi viễn chi, khả vị tri hĩ.»** 敬鬼神而遠之可謂知矣.

[88] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Tiên Tiến** 先進 **- 11).**

Câu nói «*Kính quỷ thần nhưng nên ở xa thì mới gọi là biết*» có nghĩa là người không đứng xa quỷ thần thì không biết. Đã không biết, tại sao phải kính quỷ thần? Vấn đề này Nho gia đời sau đã trả lời, và họ dần dần hình thành một «tế tự quan» 祭祀觀 (quan niệm về cúng tế) mà tôi sẽ trình bày chi tiết ở chương 14. Ở đây điều chúng ta cần chú ý là chính Khổng Tử đã nêu ra chữ «tri» 知 (biết) về vấn đề quỷ thần, thể hiện một thái độ duy lý (a rationalist attitude). Điều đó cho thấy rằng đối với sự mê tín, ắt có nhiều người đương thời không tin. Cho nên Khổng Tử «không nói chuyện *quái, lực, loạn, thần*.»[89]

3. Chủ nghĩa chính danh

Khổng Tử chính mắt thấy các chế độ đương thời băng hoại, nên cho rằng «thiên hạ vô đạo» và ông luôn mơ tưởng một thời đại «thiên hạ hữu đạo». Ông nói:

– «Thiên hạ hữu đạo thì thiên tử ấn định lễ nhạc và ban ra lệnh chinh phạt. Thiên hạ vô đạo thì vua chư hầu ấn định lễ nhạc và ban ra lệnh chinh phạt. Lệnh từ chư hầu ban ra thì không quá mười đời, ít khi không mất nước. Lệnh từ đại phu ban ra thì không quá năm đời, ít khi không mất nước. Bồi thần (bầy tôi) nắm mệnh nước thì không quá ba đời, ít khi không mất nước. Thiên hạ hữu đạo thì chính quyền không ở trong tay đại phu. Thiên hạ hữu đạo thì thứ dân không nghị luận việc nước.»[90]

«Quyền ban tước lộc không thuộc về công thất nước Lỗ đã năm đời rồi. Quốc chính trong tay đại phu đã bốn đời rồi, cho nên con cháu Tam Hoàn 三桓 suy vi.»[91]

Khổng Tử cho rằng về chính trị cũng như về xã hội, sự băng hoại của các giai cấp là do từ bên trên. «Lễ nhạc và lệnh chinh phạt từ chư hầu ban ra», sau mười đời chúng sẽ suy thoái và sẽ «từ đại phu ban ra». «Từ đại phu ban ra» thì sau năm đời «bồi thần sẽ nắm mệnh nước» và con cháu Tam Hoàn tất phải suy vi. «Bồi thần nắm mệnh nước» thì sau ba đời tất có thứ dân nổi dậy. Điều này Mạnh Tử gọi là: «Nếu ai cũng vì việc lợi trước, việc

---

[89] *Luận Ngữ* 論語 (Thuật Nhi 述而 - 20).

[90] *Luận Ngữ* 論語 (Quý Thị 季氏 – 2).

[91] *Luận Ngữ* 論語 (Quý Thị 季氏 – 3).– LAM chú: Tam Hoàn là 3 vị khanh của nước Lỗ dưới triều Lỗ Hoàn Công 魯桓公, nên gọi Tam Hoàn. Đó là: Trọng Tôn 仲孫 (tức Mạnh Tôn 孟孫), Thúc Tôn 叔孫, Quý Tôn 季孫.

nghĩa sau, thì kẻ này cướp đoạt hết của kẻ khác mới hả dạ.»[92]

Trong tình hình đó, Khổng Tử cho rằng nếu muốn «*dẹp đời loạn để trở về chính đạo*» (bát loạn thế nhi phản chi chính 撥亂世而反之正) thì chẳng gì bằng: thiên tử phải ra thiên tử, chư hầu phải ra chư hầu, đại phu phải ra đại phu, bồi thần phải ra bồi thần, thứ dân phải ra thứ dân. Khiến cho cái thực đúng với cái danh, thế gọi là chủ nghĩa *chính danh* 正名. Khổng Tử cho rằng điều đó rất trọng yếu. Cho nên *Luận Ngữ* chép:

– «Tử Lộ hỏi: "Nếu vua Vệ mời thầy làm chính sự thì thầy sẽ làm gì trước?" Khổng Tử đáp: "Tất phải *chính danh* trước."»[93]

– «Tề Cảnh Công 齊景公 hỏi Khổng Tử về chính trị. Khổng Tử đáp: "Vua phải ra vua, tôi phải ra tôi, cha phải ra cha, con phải ra con." (Quân quân, thần thần, phụ phụ, tử tử. 君君,臣臣,父父,子子) Tề Cảnh Công nói: "Đúng vậy. Nếu vua chẳng ra vua, tôi chẳng ra tôi, cha chẳng ra cha, con chẳng ra con, thì dù có thóc lúa chắc gì ta đã ăn được."»[94]

Mỗi cái danh đều có định nghĩa của nó. Cái định nghĩa đó nêu ra cái khiến cho một vật (mà cái danh gán cho nó) là chính nó. Nói cách khác, danh là yếu tố hay khái niệm của vật đó. Thí dụ, cái được nêu ra bằng định nghĩa của danh «vua» (quân) là cái yếu tố khiến vua ra vua. Trong «vua$_{[1]}$ phải ra vua$_{[2]}$», chữ «vua$_{[1]}$» là chỉ ông vua có thật, còn chữ «vua$_{[2]}$» là chỉ cái danh cũng là khái niệm của một ông vua lý tưởng. Các danh «tôi» (thần), «cha» (phụ), «con» (tử) cũng tương tự như thế. Nếu khiến cho vua, tôi, cha, con đều đúng như cái định nghĩa về họ để cho mỗi người thực hiện trọn đạo làm vua, làm tôi, làm cha, làm con, thì đời không còn loạn nữa; tức là «thiên hạ hữu đạo» vậy. Nhưng đương thời chính mắt Khổng Tử chứng kiến cảnh «vua chẳng ra vua, tôi chẳng ra tôi, cha chẳng ra cha, con chẳng ra con». Đối với ông, cái loạn này tượng trưng bằng một kiểu cốc uống rượu (gọi là «cô» 觚) thông dụng bấy giờ. Ông cảm khái: «Cái *cô* mà không góc cạnh thì sao gọi là cái *cô*? Sao gọi là cái *cô*?»[95]

Khổng Tử cho rằng vì danh không đúng (danh bất chính 名不正)

---

[92] *Mạnh Tử* 孟子 (**Lương Huệ Vương** 梁惠王 **thượng**).

[93] *Luận Ngữ* 論語 (**Tử Lộ** 子路 –3).

[94] *Luận Ngữ* 論語 (**Nhan Uyên** 顏淵 – 11).

[95] *Luận Ngữ* 論語 (**Ung Dã** 雍也 – 23).– **LAM chú: Cô** 觚 **có 8 cạnh, về sau người ta bỏ các cạnh. Ý Khổng Tử nói: khi một vật mất tính chất của nó thì cái danh vốn gán cho nó không còn đúng nữa.**

nên đời mới loạn. Do đó, ông muốn *chính danh* để cứu đời. Ông cho rằng danh sở dĩ không đúng là lỗi ở người trên, vậy muốn chính danh thì phải bắt đầu từ tầng lớp trên. *Luận Ngữ* chép:

– Quý Khang Tử hỏi về chính trị, Khổng Tử nói: «*Chính* 政 tức là *chính* 正 (đúng, chính đáng) vậy. Ngài lãnh đạo dân một cách chính đáng, ai dám không chính đáng?»[96]

– Quý Khang Tử lo trộm cắp, nên hỏi Khổng Tử cách trị. Khổng Tử nói: «Nếu ngài không tham, dù ngài cho tiền xúi họ trộm cắp thì họ cũng không làm.»[97]

– Quý Khang Tử hỏi: «Như giết kẻ vô đạo để cho dời trở lại hữu đạo thì sao?» Khổng Tử nói: «Ngài làm chính trị thì cần gì giết ai? Ngài muốn thiện thì dân sẽ theo thiện. Đức của người quân tử như gió, đức của kẻ tiểu nhân như cỏ. Gió thổi thì cỏ rạp xuống.»[98]

Ở thời đại mà quý tộc cầm quyền, dân không có một chút tri thức. Cho nên hành vi của giới quý tộc (quân tử) rất có ảnh hưởng rất lớn đến dân chúng (tiểu nhân).

Phần đông cho rằng Khổng Tử muốn thực hành chủ nghĩa chính danh nên mới soạn kinh *Xuân Thu*. Mạnh Tử nói Khổng Tử soạn kinh *Xuân Thu* là để cho «loạn thần và tặc tử phải sợ».[99] Tuy nhiên, *Tả Truyện* chép rằng: «Năm Tuyên Công 宣公 thứ hai (tức năm 607 TCN), khi Triệu Xuyên 趙穿 (một người trong họ với Triệu Thuẫn 趙盾) giết Tấn Linh Công 晉靈公. |Triệu Thuẫn bôn đào nhưng chưa vượt khỏi biên giới, nghe tin Tấn Linh Công bị giết, bèn quay về.| Quan thái sử là Đổng Hồ 董狐 chép: "Triệu Thuẫn giết vua của mình." Rồi đem lời chép đó cho triều đình xem. Triệu Thuẫn nói: "Không đúng." Đổng Hồ đáp: "Ông làm chính khanh. Khi vua chết, ông chưa ra khỏi nước. Khi trở về, ông không giết kẻ nghịch tặc. Nếu ông không chịu trách nhiệm thì ai đây?" |...| Khổng Tử khen: "Đổng Hồ là một sử quan rất giỏi đời xưa. Cách chép sử không che giấu sự việc."»[100]

«Năm Tương Công 襄公 thứ 25 (tức năm 548 TCN), Thôi Trữ 崔

---

[96] *Luận Ngữ* 論語 (Nhan Uyên 顏淵 – 17).

[97] *Luận Ngữ* 論語 (Nhan Uyên 顏淵 – 18).

[98] *Luận Ngữ* 論語 (Nhan Uyên 顏淵 – 19).

[99] *Mạnh Tử* 孟子 (Đằng Văn Công 滕文公 hạ).

[100] *Tả Truyện* 左傳, quyển 10.

杼 giết Tề Trang Công 齊莊公. Quan thái sử chép: "Thôi Trữ giết vua." Thôi Trữ bèn giết quan thái sử. Hai người em của quan thái sử cũng viết y như thế và cũng bị Thôi Trữ giết. Còn người em thứ ba của quan thái sử cũng chép y như thế và cũng bị Thôi Trữ giết luôn. Nam Sử Thị 南史氏 (cũng là quan thái sử) nghe chuyện quan thái sử ấy và hai người em bị giết, bèn ôm các thẻ tre chép sử bỏ trốn. Trên đường, nghe nói người em thứ ba của quan thái sử ấy cũng chép sự thật y như vậy, thì Nam Sử Thị quay về.»[101]

Theo những trích dẫn trên, ít nhất ngọn bút của các thái sử ở nước Tề và nước Tấn thời Xuân Thu cũng đều có thể khiến cho «loạn thần và tặc tử phải sợ» chứ đâu phải chỉ có riêng kinh *Xuân Thu* mà thôi. Sử quan đời xưa đã biết cách chép sử rồi. Mạnh Tử nói: «*Thặng* 乘 của Tấn, *Đào Ngột* 檮杌 của Sở, và *Xuân Thu* 春秋 của Lỗ đều là các sách có cùng tính chất [chép sử] như nhau. Chủ đề là sự việc của Tề Hoàn Công, Tấn Văn Công, còn văn phong là của sử. Khổng Tử nói: "Cái nghĩa đó, Khâu này xin giữ lấy." (Kỳ nghĩa tắc Khâu thiết thủ chi hĩ. 其義則丘竊取之矣).»[102]

Cái *nghĩa* đó (kỳ nghĩa 其義)[103] không chỉ là nghĩa của *Xuân Thu* mà còn là nghĩa của *Thặng* và *Đào Ngột* nữa. Cứ xem cách viết sử của Đổng Hồ thì ta cũng hiểu được đại khái. Khổng Tử chỉ «giữ lấy» (thủ 取) chứ không «làm ra» (tác 作) cái nghĩa đó. Lời nói này có lẽ gần với sự thật, mặc dù đâu đó trong sách Mạnh Tử nói rằng Khổng Tử thực sự đã làm ra sách *Xuân Thu*.[104]

---

[101] ***Tả Truyện*** 左傳, quyển 17.

[102] ***Mạnh Tử*** 孟子 (Ly Lâu 離婁 hạ).

[103] LAM chú: *Nghĩa ở đây là nguyên tắc công chính* (righteous principle) chứ không phải là *ý nghĩa* (meaning).

[104] Lưu Sư Bồi 劉師培 (1884-1919) trong tác phẩm *Tả Am Tập* 左盦集 (quyển 2) của ông đã phân tích kỹ ý nghĩa của từ *tác* 作 : Các nhà Nho đời sau căn cứ câu «Khổng Tử cụ, tác Xuân Thu.» 孔子懼, 作春秋 (Khổng Tử sợ, bèn «tác» *Xuân Thu*) [*Mạnh Tử* – Đằng Văn Công] mà cho rằng Khổng Tử sáng tác *Xuân Thu*. Kỳ thực, chữ «tác» này có hai nghĩa: ① bắt đầu làm ra, ② thực hành. Ý nghĩa ① căn cứ *Thuyết Văn Giải Tự*, tức là «sáng tác», tức là chữ *tác* trong câu "tác giả chi vi thánh" 作者之爲聖 (người sáng tác ra nó là bậc thánh) của *Nhạc Ký* 樂記. Ý nghĩa ② (thực hành) căn cứ vào *Nhĩ Nhã* 爾雅, nó không phải là «sáng tác». *Kinh Thư* chép: «Nhữ tác tư đồ» 女作司徒 (Người [tức ông Tiết 契] làm quan tư đồ) không có nghĩa là ông Tiết sáng tác ra chức quan tư đồ. *Luận Ngữ* chép: «Thuỷ tác hấp như» 始作翕如 (lúc đầu tấu nhạc thì sôi nổi dồn dập). *Tả Truyện* chép: «Kim tấu tác tư hạ» 今奏作於下 (Kim tấu nhạc ở bên dưới) như vậy «chơi nhạc» (tấu nhạc 奏樂) cũng nói là «tác nhạc» 作樂 và từ này khác với *tác nhạc* trong câu «tác nhạc sùng đức» 作樂崇德 (soạn nhạc đề cao đức). *Tả Truyện* chép: «Triệu Mục củ hợp tông tộc ư Thành Chu nhi tác thi.» 召穆公糾合宗族於成周作詩 (Triệu Mục tập hợp dòng họ ở Thành Chu và ngâm bài thơ). Như vậy

Có lẽ vì các vua nước Lỗ là dòng dõi của Chu Công và Lỗ là nước có lễ nghĩa, cho nên *Xuân Thu* của nước Lỗ chân thực hơn các bộ sử của các nước khác. Hàn Tuyên Tử sang nước Lỗ, khi xem sách ở quan thái sử, rất chú ý *Xuân Thu* của Lỗ. Hoặc có lẽ *Xuân Thu* của Lỗ có chỗ đặc biệt hơn *Thặng* của Tấn, *Đào Ngột* của Sở, cho nên trước Khổng Tử đã có người lấy *Xuân Thu* làm sách giáo khoa. *Quốc Ngữ* chép: «Sở Trang Vương 楚莊王 sai Sĩ Vĩ 士亹 dạy thái tử Châm 箴. Sĩ Vĩ hỏi ý Thân Thúc Thời 申叔時, Thời nói: "Dạy *Xuân Thu* để khuyến thiện trừng ác và để răn lòng."»[105]

Có thể thấy *Xuân Thu* đã sớm thành sách giáo khoa của người xưa rồi. Việc này xảy ra trước thời của Khổng Tử, không liên quan với Khổng Tử.

Khổng Tử hoàn toàn tán thành việc dùng *Xuân Thu* để «khuyến thiện trừng ác», «giết loạn thần, tặc tử», và «nói về danh phận».[106] Nhưng xét theo sự thật, có lẽ chẳng phải vì chủ trương chính danh mà Khổng Tử thuật *Xuân Thu* (như truyền thuyết đã nói). Trái lại, có lẽ Khổng Tử đã mượn ý nghĩa của *Xuân Thu* và sử của các nước khác mà lập ra thuyết chính danh. Đúng như Mạnh Tử nói, cái nghĩa đó, Khổng Tử đã «xin giữ lấy».

4. Khổng Tử lấy *thuật* 述 làm *tác* 作

Chính Khổng Tử nói rằng ông «thuật lại chứ không sáng tác» (thuật nhi bất tác 述而不作). *Xuân Thu* đương nhiên cũng không ngoài lệ đó. Chẳng qua Khổng Tử đem cách viết của *Xuân Thu* và các bộ sử của các nước khác mà đúc kết thành thuyết "chính danh", rồi lý luận hoá *Xuân Thu*. Cống hiến lớn lao của Khổng Tử cho văn hoá Trung Quốc chính là sự lý luận hoá của ông đối với các chế độ xã hội vốn có từ thuở xưa. *Luận Ngữ*

«ngâm thơ» cũng nói là «tác thi» 作詩 và từ này khác với *tác thi* trong câu «Thị nhân Mạnh Tử tác vi thử thi» 侍人孟子作爲此詩 (người hầu Mạnh Tử và sáng tác bài thơ ấy). [...] Theo giải thích của Lưu Sư Bồi, nếu tấu nhạc có thể nói «tác nhạc», ngâm thơ có thể nói «tác thi», thì «tác Xuân Thu» nghĩa là «giảng giải Xuân Thu». Khổng Tử giảng *Xuân Thu*, hết sức chú ý đến chính danh, nên nói «Cái nghĩa ấy Khâu này xin trộm lấy», vì thế mà «loạn thần và tặc tử phải sợ».

[105] ***Quốc Ngữ* 國語, quyển 17 (Sở Ngữ 楚語 thượng): «Giáo chi Xuân Thu nhi vi chi *tăng thiện nhi ức ác* yên, dĩ giới khuyến kỳ tâm.» 教之春秋而爲之耑善而抑惡焉以戒勸其心 .– LAM chú: Chữ *tăng* 耑 trong cổ văn nghĩa là «khen thưởng và khích lệ» (tưởng lệ 獎勵). *Tăng thiện nhi ức ác* 耑善而抑惡 = khen thưởng và khích lệ điều/người thiện và đè nén điều/người ác. Tôi dịch thoát là «khuyến thiện trừng ác».**

[106] ***Trang Tử* 莊子 (Thiên Hạ 天下): a/ *Tăng thiện nhi ức ác* 耑善而抑惡 = khuyến thiện trừng ác; b/ *Tru loạn thần tặc tử* 誅亂臣賊子 = giết loạn thần và tặc tử; c/ *Xuân Thu dĩ đạo danh phận* 春秋以道名分 = Xuân Thu để nói về danh phận.**

chép: «Tể Ngã 宰我 nói: "Cư tang [cha mẹ] suốt ba năm,[107] nhưng cư tang một năm cũng là lâu rồi. Quân tử ba năm không tập lễ nghi, lễ nghi ắt sẽ hoại; ba năm không tấu âm nhạc, âm nhạc ắt sẽ thất truyền. [Đủ một năm] lúa cũ ăn hết, lúa mới đã chín. Cách dùi cây lấy lửa thì thay đổi [mỗi năm dùi một loại cây]. Cư tang một năm cũng đủ lắm rồi." Khổng Tử nói: "[Cha mẹ chết chưa hết ba năm] mà ăn cơm gạo trắng thơm và mặc áo gấm thì ngươi có yên tâm không?" Tể Ngã đáp: "Có." Khổng Tử nói: "Nếu yên tâm thì ngươi cứ làm đi. Quân tử khi có tang, ăn thức ngon cũng không thấy ngon, nghe nhạc cũng không thấy vui, ở trong nhà cũng không yên, cho nên không làm thế (tức là không ăn ngon mặc đẹp). Nay ngươi thấy yên tâm thì cứ làm thế đi." Tể Ngã đi ra. Khổng Tử nói: "Tể Ngã là kẻ bất nhân. Đứa con được sinh ra, sau ba năm cha mẹ mới thôi bồng bế. Vậy cư tang ba năm là thông lệ trong thiên hạ. Tể Ngã có từng được cha mẹ bồng bế ba năm không?"»[108] Đoạn trên cho thấy Khổng Tử tạo ra cơ sở lý luận cho chế độ cư tang ba năm.[109]

Trong việc đem lục nghệ ra mà dạy học trò, Khổng Tử cũng có ý mới. Chủ nghĩa chính danh – trên đây đã nói – là do Khổng Tử đúc kết từ cách viết của *Xuân Thu* và các bộ sử của các nước khác. Ông đối với *Kinh Thi* cũng cùng cách thức như vậy. Tử Hạ 子夏 do bởi câu «Miệng xinh chúm chím cười, long lanh mắt sáng ngời» (xảo tiếu thiến hề, mỹ mục phán hề 巧笑倩兮美目兮) trong *Kinh Thi* mà ngộ được lý lẽ «lễ có sau [nhân nghĩa]». Khổng Tử khen: «Trò có thể cùng ta thảo luận về *Kinh Thi* rồi đó.»[110]

---

[107] Derk Bodde chú: Thời hạn cư tang cha mẹ, xưa cũng như nay, khoảng 25 hoặc 27 tháng. Trong thời gian này, người con phải gác bỏ mọi công việc, ăn thức ăn xoàng, mặc áo vải thô.

[108] *Luận Ngữ* 論語 (Dương Hoá 陽貨 - 21).

[109] Có người cho rằng chế độ cư tang ba năm là do Khổng Tử đặt ra. Nhưng *Tả Truyện* chép: Năm Chiêu Công 昭公 thứ 15 (tức năm 527 TCN), Thúc Hướng 叔向 nói: «Vua trong một năm có hai cái tang thì phải cư tang ba năm cho mỗi cái tang. [...] Việc cư tang ba năm, quý tộc cũng phải tuân theo, vì đó là lễ. Thậm chí, nếu vua đang cư tang mà yến tiệc quá sớm trước thời hạn ba năm, thì điều đó không đúng lễ.» Do đó, cư tang ba năm vốn là thông lệ, mặc dù trong thời Khổng Tử số người còn giữ lệ này cũng không nhiều, đến nỗi ngay cả vua cũng không theo. Cho nên, Khổng Tử đề cao lệ này thêm lần nữa và đưa ra cơ sở lý luận cho nó.

[110] *Luận Ngữ* 論語 (Bát Dật 八佾 – 8): «Tử Hạ hỏi: "*Kinh Thi* nói: 'Miệng xinh chúm chím cười, long lanh mắt sáng ngời. Trên nền trắng vẽ màu sặc sỡ.' như vậy là có nghĩa gì?" Khổng Tử đáp: "Nền trắng có trước, rồi ta mới vẽ lên đó sau." Tử Hạ: "Tức là lễ có sau [nhân và nghĩa] chăng?" Khổng Tử nói: "Bốc Thương à, trò là người phát khởi được ý ta; có thể cùng ta thảo luận về *Kinh Thi* được rồi đó." – LAM chú: Trong nguyên văn có ba chữ «Lễ hậu hồ?» 禮後乎 (lễ có sau chăng?) nhưng có sau cái gì thì chưa rõ. Phần đông Nho gia xưa nay đều cho rằng nó ám chỉ «lễ có sau nhân nghĩa».

Khổng Tử nói: «*Kinh Thi* có ba trăm bài, có thể tóm lại một câu: *tư tưởng không tà vạy* (tư vô tà 思無邪).»[111]

– «Học *Kinh Thi* giúp phấn chấn ý chí, nâng cao năng lực quan sát, rèn luyện tính hợp quần, tập phương pháp phê bình, vận dụng đạo lý trong đó để gần thì phụng dưỡng cha mẹ, xa thì phục vụ vua, lại còn biết được nhiều tên cây cỏ chim muông nữa.»[112]

Vậy, khi giảng *Kinh Thi*, Khổng Tử chú ý đến ý nghĩa đạo đức trong đó, chứ không phải chỉ để tập ứng đối hay chỉ mong «*đi sứ bốn phương mà không làm nhục mệnh vua*» (sứ ư bốn phương bất nhục quân mệnh 使於四方不辱君命).[113]

Luận Ngữ chép: «Có người hỏi Khổng Tử sao không ra làm chính trị. Khổng Tử đáp: "*Kinh Thư* nói: 'Hiếu với cha mẹ, thương yêu anh em.' Làm được điều đó mà cảm hoá được nhà cầm quyền, thì cũng là *làm chính trị*, đâu cần phải trực tiếp tham gia chính sự?"»[114] Vậy, Khổng Tử xem «tề gia» là gốc của «trị quốc». Đủ thấy khi giảng *Kinh Thư*, Khổng Tử chú trọng đến những điều giáo huấn đạo đức trong đó chứ không phải cốt chép lấy những lời lẽ và sự việc.

Về lễ và nhạc, *Luận Ngữ* chép:

– «Lâm Phóng hỏi về gốc của lễ, Khổng Tử nói: "Câu hỏi này trọng đại lắm. Lễ mà xa xỉ thì tiết kiệm còn hơn. Tang mà chỉ lo nghi thức thì đau buồn còn hơn."»[115]

– «Cái dụng của lễ là lấy hoà làm quý. Cái đạo của tiên vương nhờ hoà mà đẹp.»[116]

– «Lễ ư? Lễ ư? Ngọc và lụa là lễ ư? Nhạc ư? Nhạc ư? Chuông và trống là nhạc ư?»[117]

– «Khổng Tử nói với quan thái sư của nước Lỗ rằng: "Có thể hiểu được âm nhạc. Lúc đầu dồn dập, khi tiến triển thì hài hoà, rõ ràng, liên tục cho đến kết thúc."»[118]

---

[111] ***Luận Ngữ*** **論語 (Vi Chính 爲政 – 2).**

[112] ***Luận Ngữ*** **論語 (Dương Hoá 陽貨 – 9).**

[113] ***Luận Ngữ*** **論語 (Tử Lộ 子路 –20).**

[114] ***Luận Ngữ*** **論語 (Vi Chính 爲政 – 21).**

[115] ***Luận Ngữ*** **論語 (Bát Dật 八佾 –4).**

[116] ***Luận Ngữ*** **論語 (Học Nhi 學而 –12).**

[117] ***Luận Ngữ*** **論語 (Dương Hoá 陽貨 –11).– LAM chú: Khổng Tử phê bình sự thi hành lễ nhạc chỉ vụ vào hình thức.**

[118] ***Luận Ngữ*** **論語 (Bát Dật 八佾 –23).**

Trong đoạn trên, Khổng Tử giảng lễ và nhạc đã chú trọng đến gốc của lễ và nguyên lý của nhạc, chứ không phải chỉ giảng về hình thức tiết tấu mà thôi.

Về *Kinh Dịch* , Khổng Tử nói: «Người phương Nam nói: "Người không bền tâm thì không thể làm thầy cúng, thầy thuốc được." Đúng vậy. *Kinh Dịch* , quẻ Hằng [hào cửu tam] nói: "Người không bền đức thì thường bị hổ thẹn." Câu đó ý nói người không bền tâm thì chớ xem bói mà chi.»[119] Chỗ này chứng tỏ khi giảng *Kinh Dịch* , Khổng Tử đã chú trọng ý nghĩa của hào từ chứ không chú trọng bói toán.

Điều ấy không còn là «thuật nhi bất tác» (thuật lại chứ không sáng tác), mà quả thực Khổng Tử đã *lấy thuật làm tác*. Tinh thần và khuynh hướng đó đã truyền lại cho Nho gia đời sau, khiến cho Mạnh Tử, Tuân Tử, và 70 môn đệ ông đều hết sức chú trọng việc *lấy thuật làm tác*, tạo nên một hệ thống tư tưởng hoàn chỉnh của Nho giáo.

Do đó, *Dịch* có trước Khổng Tử đã lâu và được Nho gia thuật lại; nhưng Hệ Từ và Văn Ngôn là do Nho gia sáng tác, nhờ đó mà *Dịch* có giá trị trong lịch sử tư tưởng. Cũng thế, *Xuân Thu* vốn có đã lâu và được Nho gia thuật lại; nhưng *Công Dương Truyện* là do Nho gia sáng tác, nhờ đó mà *Xuân Thu* có giá trị trong lịch sử tư tưởng. Trường hợp *Nghi Lễ* và *Lễ Ký* cũng giống như vậy, tức là *Lễ Ký* do Nho gia sáng tác.

Vậy, các nhà cổ văn cũng không sai khi nói lục kinh đều là sử và Khổng Tử chỉ thuật lại chứ không sáng tác. Còn các nhà kim văn cũng không phải là không có căn cứ khi bảo Khổng Tử chỉ sáng tác chứ không thuật lại. Do đó đời sau xem Khổng Tử là *tiên thánh* 先聖 và *tiên sư* 先師, hay *chí thánh tiên sư* 至聖先師 (người thầy đầu tiên vô cùng thánh thiện), cũng không phải là không có nguyên nhân. Bởi vì, *Chu Dịch* nếu bỏ *Hệ Từ* và *Văn Ngôn* thì chỉ là quyển sách bói; *Xuân Thu* nếu không có *Công Dương Truyện* thì chỉ là một tuyển tập ghi chép những sự việc ngắn ngủi khô khan của triều đình; *Nghi Lễ* nếu bỏ *Lễ Ký* thì chỉ là một quyển sách lễ mà thôi. Tự thân các bộ sách *Chu Dịch, Xuân Thu, Nghi Lễ* có lẽ cũng không có ảnh hưởng mạnh mẽ suốt hai ngàn năm qua, nhưng chính những phần viết dựa vào chúng (tức là *Hệ Từ - Văn Ngôn, Công Dương Truyện, Lễ Ký*) đã có ảnh hưởng mãnh liệt trong lịch sử Trung Quốc từ đời Hán đến đời Thanh. Khi các nhà kim văn xem Khổng Tử là *chí thánh*

[119] *Luận Ngữ* 論語 (Tử Lộ 子路 -22).

tiên sư thì chúng ta cần nhớ rằng họ đã xem Khổng Tử không phải là một nhân vật lịch sử, mà là một nhân vật lý tưởng, một đại biểu cho lý tưởng của Nho gia.

5. Trực 直, nhân 仁, trung 忠, thứ 恕

Trên đây đã nói, Khổng Tử chú trọng gốc của lễ. Tử Hạ hỏi: «*Kinh Thi* nói: "Miệng xinh chúm chím cười, long lanh mắt sáng ngời. Trên nền trắng vẽ màu sặc sỡ." như vậy là có nghĩa gì?» Khổng Tử đáp: «Nền trắng có trước, rồi ta mới vẽ lên đó sau.» Tử Hạ: «Tức là lễ có sau [nhân và nghĩa] chăng?» Khổng Tử nói: «Bốc Thương à, trò là người phát khởi được ý ta; có thể cùng ta thảo luận về *Kinh Thi* được rồi đó.»[120]

Tử Hạ nhờ câu «Nền trắng có trước, rồi ta mới vẽ lên đó sau» mà hiểu rằng «lễ có sau». Người ta tất phải có tính tình chân chính rồi sau mới thực hành lễ. Cũng như gái đẹp, trước phải cười duyên liếc khéo rồi sau mới trang sức cho đẹp. Nếu không, lễ chỉ là hình thức hư ngụy, đã không đủ quý mà còn đáng khinh. Vì thế, Khổng Tử nói:

– «Kẻ bất nhân thì theo lễ làm gì? Kẻ bất nhân thì theo nhạc làm gì?»[121] Người bất nhân không có tính tình chân chính, cho nên làm theo lễ nhạc chỉ là làm tăng thêm giả dối.

– «Người quân tử lấy nghĩa làm bản chất, theo lễ mà làm, từ tốn mà nói năng, lấy trung tín mà làm nên việc.»[122] Vậy lễ 禮 và chất 質 phải cùng phối hợp nhau mà thi hành.

Khổng Tử chú trọng tính tình chân chính của con người, ghét giả dối, chuộng chất phác, thẳng thắn.

– «Sống thì phải ngay thẳng. Không ngay thẳng mà sống được là nhờ may mắn đó thôi.»[123]

Ngay thẳng (trực 直) là không tự lừa mình và không dối người. Lòng thương ghét cứ thẳng thắn bộc lộ.

Diệp Công 葉公 bảo Khổng Tử: «Làng tôi có kẻ rất thẳng thắn. Cha nó trộm dê mà nó ra làm chứng.» Khổng Tử đáp: «Người thẳng thắn

---

[120] *Luận Ngữ* 論語 (Bát Dật 八佾 – 8).

[121] *Luận Ngữ* 論語 (Bát Dật 八佾 –3).

[122] *Luận Ngữ* 論語 (Vệ Linh Công 衛靈公 –17).

[123] *Luận Ngữ* 論語 (Ung Dã 雍也 –17).

trong làng tôi thì khác. Cha che giấu cho con. Con che giấu cho cha. Sự thẳng thắn ở chỗ đó.»[124]

«Sự thẳng thắn ở chỗ đó» tức là từ trong lòng phát ra. Theo lẽ thường tình, cha trộm dê thì con không bao giờ muốn tiết lộ. Đó gọi là tình người. Cái tình trong ta phát xuất ra, đó là sự thẳng thắn. Nay dứa con làm chứng việc cha hắn trộm dê. Tên đó nếu không nhằm mua danh tiếng thẳng thắn thì là hạng vô tình, bất nhân. Cho nên đó không thể là sự thẳng thắn chân thực được.

Khổng Tử nói: «Ai bảo Vi Sinh Cao 微生高 thẳng thắn? Có người đến xin ông ta dấm, ông ta không có bèn qua hàng xóm xin và đem về cho lại.»[125] Người thẳng thắn thì dựa vào mình. Người không thẳng thắn thì cậy sức người. Nếu trong nhà không có dấm, thì ta từ chối người xin, vậy đâu có vấn đề gì. Nay nhà không có dấm, ta lại cố đi mượn hàng xóm để làm vui lòng người xin (vì sợ rằng từ chối sẽ phật lòng người xin). Vậy, ta không dựa vào mình, lại tự dối mình để người khác vẫn nghĩ tốt cho mình. Suy cho cùng, ta đã giả dối, chứ đâu phải là thẳng thắn.

Ông lại nói: «Nói hay, nét mặt vờ niềm nở, thái độ quá cung kính, Tả Khâu Minh 左丘明 thấy xấu hổ về nó và Khâu này cũng thế.»[126] Xấu hổ về sự không thẳng thắn.

«Tử Cống hỏi: "Kẻ mà ai trong làng cũng ưa thì hắn thế nào?" Khổng Tử đáp: "Chưa hẳn là tốt." Tử Cống lại hỏi: "Kẻ mà ai trong làng cũng ghét thì hắn thế nào?" Khổng Tử đáp: "Chưa hẳn là xấu. Chẳng bằng kẻ mà mọi người tốt trong làng đều ưa, mọi người xấu trong làng đều ghét."»[127] Người mà cả làng đều ghét là kẻ bất cận nhân tình, nhưng hạng người mà cả làng đều khen thì ắt là kẻ chuyên làm vừa lòng mọi người, thế thì cũng giả dối, không chấp nhận được.

Thẳng thắn tuy đáng quý nhưng phải theo lễ. Khổng Tử nói: «Cung kính mà không theo lễ thì nhọc mệt. Cẩn thận mà không theo lễ thì nhát sợ. Can đảm mà không theo lễ thì loạn. Thẳng thắn mà không theo lễ thì

---

[124] *Luận Ngữ* 論語 (Tử Lộ 子路 -18).

[125] *Luận Ngữ* 論語 (Công Dã Tràng 公冶長 - 23).

[126] *Luận Ngữ* 論語 (Công Dã Tràng 公冶長 -24).

[127] *Luận Ngữ* 論語 (Tử Lộ 子路 – 24).

phiền nhiễu.»[128] Ông lại nói: «Thẳng thắn mà không ham học thì có cái tệ là phiền nhiễu.»[129] Học ở đây tức là học lễ.

Thời xưa, nghĩa của chữ lễ rất rộng. Ngoài ý nghĩa hiện nay, chữ lễ còn bao hàm tất cả phong tục, tập quán, chế độ, chính trị, tổ chức, xã hội. Tử Sản nói: «Lễ là quy phạm của trời, là chuẩn tắc của đất, là hành động của dân.» Sách *Trang Tử*, thiên Thiên Hạ chép: «Lễ dẫn dắt hành vi.» Hễ quy tắc nào liên quan đến hành vi của con người đều thuộc về lễ. Khổng Tử đã ủng hộ nhà Chu, nên ngoài việc dạy kiến thức ông còn dạy lễ cho học trò nữa để ràng buộc họ. Vì thế Nhan Uyên nói: «Thầy mở rộng văn cho ta và lấy lễ mà ràng buộc ta.»[130]

Đồng thời, Khổng Tử chú trọng gốc của lễ, nên nói đến thẳng thắn (*trực* 直). Nói đến thẳng thắn tức là nhấn mạnh sự tự do của tính tình cá nhân; nói đến lễ là nhấn mạnh sự ràng buộc của các ước lệ xã hội đối với cá nhân. Cái trước là ý tưởng mới của Khổng Tử; cái sau vốn là quy tắc có từ xưa. Bậc quân tử trong lý tưởng của Khổng Tử là người có thể lấy tính tình chân thật mà làm theo lễ. Cho nên:

– «Chất phác mà trội hơn văn nhã đó là kẻ quê mùa; văn nhã mà trội hơn chất phác đó là kẻ chép sử; văn nhã và chất phác mà ngang nhau đó là người quân tử.»[131]

– «Không tìm được người trung thực để truyền dạy thì tìm kẻ cuồng phóng hay kẻ cẩn hậu giữ tiết tháo vậy. Người cuồng phóng thì tiến thủ, người cẩn hậu giữ tiết tháo thì không làm điều xấu.»[132]

– «Kẻ *hương nguyện* (tức là đạo đức giả để người trong làng khen) là kẻ làm hại đạo đức.»[133]

«Văn và chất ngang nhau» (văn chất bân bân 文質彬彬) tức là hành đạo trung dung. Hành vi của kẻ cuồng phóng hay kẻ cẩn hậu giữ tiết tháo tuy không hợp đạo trung dung nhưng đã bày tỏ tính tình trung

---

[128] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Thái Bá** 泰伯 **–2).**

[129] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Dương Hoá** 陽貨 **–8).**

[130] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Tử Hãn** 子罕 **–10).**

[131] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Ung Dã** 雍也 **–16).**

[132] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Tử Lộ** 子路 **–21).**

[133] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Dương Hoá** 陽貨 **–13).**

thực, cho nên chấp nhận được. Còn kẻ hương nguyện chính là kẻ nguỵ quân tử, còn tệ hơn kẻ tiểu nhân đích thực nữa.[134]

Ở trên là nói đến người bất nhân không có tính tình chân thực. *Luận Ngữ* nói đến *nhân* rất nhiều. [*Nhân* 仁 là một trong những khái niệm quan trọng nhất trong tư tưởng Khổng Tử. Về mặt chữ, nó gồm bộ thủ *nhân* 亻 (biến thể của 人, nghĩa là người) ghép với chữ *nhị* 二 (hai). Tức là nó ngụ ý những phẩm chất đạo đức trong quan hệ giữa người với người.][135] Tóm lại, người có lòng nhân là người có tính tình chân thực và phát ra hợp lễ. «Lời nói khéo léo, nét mặt vờ niềm nở. Đó là kẻ ít lòng nhân.»[136] «Cứng cỏi, quả cảm, chất phác, nói năng chậm chạp. Đó là gần với đức nhân.»[137] Lời nói khéo léo, nét mặt vờ niềm nở cho vừa lòng thiên hạ, đó không phải là tính tình chân thực, nên ít lòng nhân. Cứng cỏi, quả cảm, chất phác, nói năng chậm chạp, là tính tình chân thực, nên gần với đức nhân.

– «Phàn Trì 樊遲 hỏi về nhân, Khổng Tử nói: "Yêu người." (ái nhân 愛人)».[138] Nhân lấy sự thông cảm làm gốc, nên yêu người gọi là nhân.

– «Nguyên Hiến 原憲 (học trò Khổng Tử) hỏi: "Người không hiếu thắng, khoe khoang, oán hận, tham dục, thì có thể gọi là nhân không?" Khổng Tử đáp: "Có thể nói là làm được việc khó, còn nhân hay không thì không biết."»[139]

Học giả Tiêu Tuần 焦循 (1763-1820) viết: «Mạnh Tử nói Công Lưu 公劉 ham vật chất, Thái Vương 太王 thích nữ sắc, nhưng họ khiến bách tính cùng thoả lòng như họ, nhờ đó kho lúa được chứa đầy và những kẻ độc thân không còn tủi phận.[140] Cái học của Mạnh Tử hoàn toàn kế thừa Khổng

---

[134] **Từ chỗ trích dẫn «*Ung Dã* 雍也–17» cho đến đây, tôi tham khảo: Tiền Mục 錢穆, *Luận Ngữ yếu lược* 論語要略, và Homer H. Dubes, *The Conflict of Authority and Freedom in Ancient Chinese Ethics (Sự xung đột quyền thế và sự tự do trong nền đạo đức của Trung Quốc cổ đại)*, in trong tạp chí *Open Court*, bộ 40, số 3.**

[135] **LAM chú: Đoạn để trong ngoặc vuông này là phần thêm vào của Derk Bodde.**

[136] ***Luận Ngữ* 論語 (Học Nhi 學而–3).**

[137] ***Luận Ngữ* 論語 (Tử Lộ 子路 –27).**

[138] ***Luận Ngữ* 論語 (Nhan Uyên 顏淵–22).**

[139] ***Luận Ngữ* 論語 (Hiến vấn 憲問–1).**

[140] **Đại ý câu này lấy ở *Mạnh Tử* 孟子 (Lương Huệ Vương 梁惠王 hạ –5). LAM chú: Ở đây Lương Huệ Vương than với Mạnh Tử rằng ông có tật hiếu sắc. Mạnh Tử đáp Thái Vương là ông nội của Văn Vương cũng hiếu sắc, nhưng cũng khiến dân chúng được thoả lòng như mình. Như vậy hiếu sắc thì đã sao.**

Tử, nên đại ý câu vừa rồi là dựa vào câu trong *Luận Ngữ*: "Người nhân là kẻ muốn tự lập thì cũng thành lập cho người, muốn thành công thì cũng giúp người thành công. Hễ mình mong ước gì thì cũng giúp người có được như thế."[141] Vua tiết dục, giảm ăn mặc, và không màng đến khó khăn cơ hàn của bách tính, rốt cuộc để thành trái bầu khô. Cho nên người mà không hiếu thắng, không khoe khoang, không oán hận, không tham dục, thì Khổng Tử không thể xem là nhân. Thà rằng từ cái lòng ham muốn của mình mà suy ra cái lòng ham muốn của người; tức là từ cái ta không muốn mà suy ra cái mà người khác không muốn. Nếu dứt tuyệt lòng tư dục thì ta không thể nào cảm thông với tâm tư của thiên hạ, như thế không phải là nhân.»[142]

Khổng Tử nói: «Lỗi của mỗi người thuộc về từng loại. Xét lỗi của hắn thuộc loại nào thì sẽ biết hắn có nhân hay không.»[143] Tính tình chân thực của con người có khi biểu lộ quá lố mà thành ra lầm lỗi, nhưng đó là sự biểu lộ chân thực của tính tình, nên có thể xét lỗi mà biết hắn có nhân hay không.

Nhan Uyên 顏淵 hỏi về nhân, Khổng Tử nói: «Khắc kỷ phục lễ (kiềm chế bản thân và theo lễ) là nhân. Một ngày khắc kỷ phục lễ, thiên hạ trở về nhân. Làm điều nhân là do mình, chứ không do người.» Nhan Uyên hỏi: «Xin hỏi đặc điểm của nhân?» Khổng Tử nói: «Cái gì không hợp lễ thì đừng nhìn, đừng nói, đừng nghe, đừng làm.»[144] «Thẳng thắn mà không ham học [lễ] thì có cái tệ là phiền nhiễu.»[145] Cho nên nhân là tính tình chân thực của con người mà khi biểu lộ thì phải hợp lễ mới được.

Trọng Cung 仲弓 hỏi về nhân, Khổng Tử nói: «Ra khỏi nhà phải nghiêm trang như gặp khách quý; sai khiến dân thì phải thận trọng như dự buổi cúng tế lớn. Cái gì mình không muốn kẻ khác gây cho mình thì mình đừng làm điều đó cho họ. Như vậy trong nước không ai oán mình, mà trong nhà cũng không ai oán mình.»[146]

Tử Cống nói: «Như có người rộng bố thí cho dân, có thể giúp đỡ mọi người thì sao? Có phải là người nhân không?» Khổng Tử đáp: «Sao lại nhân thôi? Phải là bậc thánh chứ. Đến Nghiêu và Thuấn còn chưa làm được như vậy thay. Người nhân là kẻ muốn tự lập thì cũng thành lập cho người, muốn thành công thì cũng giúp người thành công. Hễ mình mong

[141] *Luận Ngữ* 論語 (Ung Dã 雍也 -28).

[142] Tiêu Tuần 焦循 (*Luận Ngữ bổ sớ* 論語補疏).

[143] *Luận Ngữ* 論語 (Lý Nhân 里仁 -7).

[144] *Luận Ngữ* 論語 (Nhan Uyên 顏淵 -1).

[145] *Luận Ngữ* 論語 (Dương Hoá 陽貨 -8).

[146] *Luận Ngữ* 論語 (Nhan Uyên 顏淵 -2).

ước gì thì cũng giúp người có được như thế. Đó gọi là phương pháp thực hành điều nhân.»[147] Phương pháp thực hành điều nhân là suy bụng ta ra bụng người. Từ lòng ham muốn của mình mà suy ra lòng ham muốn của người; mình muốn tự lập thì cũng thành lập cho người, muốn thành công thì cũng giúp người thành công. Đó cũng gọi là *trung* 忠.[148] Cái gì mình không muốn kẻ khác gây cho mình thì mình đừng làm điều đó cho họ. Thế cũng gọi là *thứ* 恕. Thực hành *trung thứ* 忠恕 là thực hành nhân vậy.

Khổng Tử nói: «Sâm à, đạo ta chỉ có một lẽ mà thông suốt tất cả.» Tăng Tử đáp: «Vâng.» Khổng Tử đi ra khỏi cửa, môn đệ hỏi Tăng Tử: «Thế nghĩa là gì?» Tăng Tử đáp: «Đạo của thầy chỉ là trung thứ mà thôi.»[149] Đạo thông suốt một mối của Khổng Tử tức là *trung* và *thứ*, cũng là *nhân*. Cách thực hành nhân giản dị như thế cho nên Khổng Tử nói: «Nhân đâu có xa gì? Ta muốn nhân, thì nhân đến.»[150]

Các nhà Đạo học các đời Tống và Minh, thuộc phái Lục Cửu Uyên 陸九淵 (1139-1192) và Vương Dương Minh 王陽明 (1473-1529) giả định rằng con người vốn có lương tri 良知 hoàn toàn, giả định rằng «thánh nhân đầy đường» (mãn nhai đô thị thánh nhân), nên cho rằng người ta chỉ cần cẩn thận theo lương tri mà làm thì không bao giờ sai lầm. Tuy nhiên, ban đầu Khổng Tử vốn không có ý ấy. Sự thể hiện chân thực của tính tình con người không cần theo lương tri mà làm. Đó là lý do tại sao Khổng Tử chú trọng *khắc kỷ phục lễ* (kiềm chế bản thân và theo lễ).[151]

Nhưng lễ là khuôn phép bên ngoài. Ngoài khuôn phép bên ngoài ra, ở bên trong chúng ta cũng có cái có thể làm tiêu chuẩn cho hành vi chúng ta. Nếu ta có thể suy bụng ta ra bụng người, nếu điều ta muốn thì ta làm

---

147 *Luận Ngữ* 論語 (Ung Dã 雍也 –28).

148 Trong *Luận Ngữ* (Vệ Linh Công-23) Khổng Tử định nghĩa *thứ* 恕 là: «Cái gì mình không muốn kẻ khác gây cho mình thì mình đừng làm điều đó cho họ» (Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân 己所不欲勿施於人). Nhưng chữ *trung* 忠 thì không được định nghĩa rõ ràng trong *Luận Ngữ* cho nên người đời sau mới giải thích nó là *tận kỷ* 盡己 (hết sức mình). «Làm việc gì cho ai có hết lòng không?» (Vi nhân mưu nhi bất trung hồ 爲人謀而不忠乎) [Học Nhi-4] – «Hết lòng với người.» (Dữ nhân trung 與人忠) [Tử Lộ-19] – «Bề tôi phục vụ vua phải hết lòng.» (Thần sự quân dĩ trung 臣事君以忠) [Bát Dật-19] – «Hiếu với cha mẹ, từ ái với mọi người thì dân sẽ hết lòng.» (Hiếu từ tắc trung 孝慈則忠) [Vi Chính-20] – «Hết lòng với người mà không chỉ bảo họ theo điều hay lẽ phải ư?» (Trung yên năng vật hối hồ 忠焉能勿誨乎) [Hiến Vấn-8]. Trong các câu trích này, *trung* có ý nghĩa tích cực là hành động vì người khác. Còn cái ý nghĩa *tận kỷ* (hết sức mình) thì không thấy ở chỗ nào trong *Luận Ngữ*. Dường như Khổng Tử không sử dụng chữ *trung* với ý nghĩa *tận kỷ*.

149 *Luận Ngữ* 論語 (Lý Nhân 里仁 –15).

150 *Luận Ngữ* 論語 (Thuật Nhi 述而 –29).

151 *Luận Ngữ* 論語 (Nhan Uyên 顏淵 –1).

cho người, nếu điều ta không muốn thì ta không làm cho người, như vậy thì tính tình của ta phát ra cũng thích đáng. Cho nên thẳng thắn (*trực* 直) cũng có chỗ không thông, mà *nhân* 仁 thì chẳng đâu là chẳng thông, nên *nhân* là cái đạo «nhất quán» --貫 của Khổng Tử và là cốt lõi của Khổng học.

Vì thế, trong *Luận Ngữ* chữ *nhân* được dùng như đại từ ám chỉ sự toàn đức của con người:

– «Cầu *nhân* mà được *nhân*, còn oán ai nữa?»[152]

– «Như thánh và *nhân*, sao ta lại không dám?»[153]

«Không cầu sống mà hại *nhân*. Có người tự giết mình để *nhân* được thành.»[154]

Chữ *nhân* trong các câu trên đều ám chỉ cái đức hoàn toàn của con người.[155] Chỉ có *nhân* là có thể làm đại từ cho cái đức hoàn toàn của con người, nên Khổng Tử lấy *nhân* để bao gồm các đức khác:

– Tể Ngã cho rằng để tang ba năm là lâu, Khổng Tử chê Tể Ngã là bất nhân.[156] Nhân ở đây gồm cả *hiếu* 孝. Mạnh Tử về sau nói: «Chưa hề có ai có lòng nhân mà quên lãng cha mẹ mình cả.»[157] *Trung Dung* nói: «Phận làm con phải hiếu với cha mẹ.»[158] Người có lòng nhân (nhân nhân 仁人) – tức là người thực hành *trung* và *thứ* – tất nhiên là người có *hiếu*.[159]

– Vi Tử 微子 bỏ đi, Cơ Tử 箕子 bị làm nô lệ, Tỉ Can 比干 vì can gián vua mà bị giết. Khổng Tử xem ba vị ấy là ba bậc nhân của nhà Ân.[160] Nhân ở đây gồm cả *trung* 忠. Mạnh Tử về sau nói: «Chưa hề có ai

---

[152] *Luận Ngữ* 論語 (Thuật Nhi 述而 –14).

[153] *Luận Ngữ* 論語 (Thuật Nhi 述 –33).

[154] *Luận Ngữ* 論語 (Vệ Linh Công 衛靈公–8).

[155] Chữ *nhân* trong *Luận Ngữ* quả thực có hai ý nghĩa quan trọng là *trung* và *thứ* như đã nói trên đây. Nhưng về sau người ta không phân biệt được hai ý nghĩa quan trọng này. Điều đó nảy sinh vô số biện luận về chữ *nhân* trong các trứ tác gần đây.

[156] *Luận Ngữ* 論語 (Dương Hoá 陽貨–21).

[157] *Mạnh Tử* 孟子 (Lương Huệ Vương 梁惠王 thượng –1).

[158] *Trung Dung* 中庸 –12: «Sở cầu hồ tử dĩ sự phụ.» 所求乎子以事父.

[159] Chữ *hiếu* trong *Luận Ngữ* với ý nghĩa *phục tùng, nuôi dưỡng ý chí của cha mẹ, khuyên can cha mẹ*, v.v... đều ám chỉ cách thực hành đạo hiếu, chứ không phải là nguyên lý của đạo hiếu. Tôi sẽ luận bàn sau.

[160] *Luận Ngữ* 論語 (Vi Tử 微子 –1).– LAM chú: Vi Tử là anh vua Trụ, thấy Trụ hoang dâm tàn ác nên bỏ nước ra đi để bảo tồn dòng họ. Cơ Tử và Tỉ Can đều là chú của Trụ. Cơ Tử bị Trụ tống giam, bèn giả điên. Tỉ Can bị Trụ moi tim.

có lòng nhân mà coi nhẹ vua của mình cả.»[161] *Trung Dung* nói: «Phận làm bề tôi phải trung với vua.»[162] Người có lòng nhân (nhân nhân 仁人) – tức là người thực hành *trung* và *thứ* – tất nhiên là người có đức *trung*.

– Khổng Tử bảo quan lệnh doãn Tử Văn 子文: «Chưa là người trí thì làm sao gọi là người có lòng nhân?»[163] Như vậy, nhân ở đây gồm cả *trí* 智.

– «Người nhân thì can đảm.»[164] Như vậy, nhân ở đây gồm cả *dũng* 勇.

– Nhan Uyên hỏi về nhân, Khổng Tử đáp: «Khắc kỷ, phục lễ.»[165] Thế thì nhân ở đây gồm cả *lễ* 禮.

– Tử Trương 子張 hỏi về nhân, Khổng Tử đáp: «Làm được năm đức trong thiên hạ thì gọi là nhân.» Tử Trương hỏi nữa thì Khổng Tử giải thích năm đức đó là: «*Cung* 恭, *khoan* 寬, *tín* 信, *mẫn* 敏, *huệ* 惠. Cung kính thì không xấc xược, khoan dung thì được lòng người, tín thì người ta tin mình, mẫn cán thì thành công, từ huệ thì sai khiến được người.»[166] Như vậy, nhân ở đây bao gồm cả *tín* 信 nữa.

6. Nghĩa 義, lợi 利, tính 性

Xem trên, ta thấy Khổng Tử chú trọng sự tự do của tính tình con người. Sự biểu lộ chân thực của tính tình cần phải hợp lễ, thế thì rất tốt, con người nên theo đó mà làm. *Luận Ngữ* chép:

– «Phu tử có bốn điều: *vô ý* 毋意 (không theo ý riêng mà phán đoán), *vô tất* 毋必 (không khẳng định tuyệt đối), *vô cố* 毋固 (không cố chấp), *vô ngã* 毋我 (không vị kỷ).»[167]

– Khổng Tử nói: «Có những kẻ mình có thể cùng học với họ nhưng chưa thể cùng đi vào đạo với họ; có thể cùng đi vào đạo với họ nhưng chưa thể cùng đứng vững trong đạo với họ; có thể cùng đứng vững trong đạo với họ nhưng chưa thể cùng thực hành phép quyền biến với họ.»[168]

---

[161] ***Mạnh Tử*** 孟子 **(Lương Huệ Vương** 梁惠王 **thượng –1).**

[162] ***Trung Dung*** 中庸 **–12: «Sở cầu hồ thần dĩ sự quân.»** 所求乎臣以事君.

[163] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Công Dã Tràng** 公冶長 **–18).**

[164] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Hiến Vấn** 憲問 **–5).**

[165] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Nhan Uyên** 顏淵 **–1).**

[166] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Dương Hoá** 陽貨 **–6).**

[167] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Tử Hãn** 子罕 **–4).**

[168] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Tử Hãn** 子罕 **–29).**

– Về những kẻ ẩn dật, Khổng Tử nói: «Bá Di 伯夷 và Thúc Tề 叔齊 không khuất chí và không để nhục thân mình. Còn Liễu Hạ Huệ 柳下惠 và Thiếu Liên 少連 tuy chịu khuất chí và nhục thân mình, nhưng lời nói của họ hợp nghĩa lý và hành vi đắn đo. Còn Ngu Trọng 虞仲 và Di Dật 夷逸 thì ở ẩn, im lặng, hành vi trong sạch, không làm quan. Ta khác với họ: Chẳng có gì là có thể, chẳng có gì là không thể.»[169]

Theo các câu trên, tiêu chuẩn cho hành vi của chúng ta ít nhất một phần là do nội tại chứ không do ngoại tại, là sống chứ không chết, là biến hoá chứ không cố định. Thế nên hành vi chúng ta tuỳ thời, tuỳ nơi chốn, và tuỳ tính tình của chúng ta mà biểu lộ khác nhau. Cái đó gọi là «vô ý, vô tất, vô cố, vô ngã», giống như Khổng Tử nói: «Chẳng có gì là có thể, chẳng có gì là không thể.» Nếu cứ theo một quy tắc nhất định thì đó là hạng mà ta «có thể cùng đứng vững trong đạo với họ nhưng chưa thể cùng thực hành phép quyền biến với họ».

Sự biểu lộ chân thực của tính tình con người chỉ cần hợp lễ thì rất tốt, không cần hỏi xem hành vi ấy có kết quả có lợi hay không. Thực ra, sự biểu lộ chân thực của tính tình con người thì có lợi nhiều cho xã hội, ít nhất cũng vô hại. Khổng Tử không hoàn toàn chú trọng điều đó. Thí dụ Tăng Tử nói: «Thận trọng trong tang lễ cha mẹ, truy niệm và tế tự tổ tiên xa, thì đức của dân sẽ dày thêm.»[170] Khổng Tử có vẻ đã dùng ý đó như một thứ cơ sở lý luận cho việc để tang ba năm. Tuy nhiên, ông cho rằng nếu người ta không làm thế thì lòng họ không yên. Cách để tang như thế cũng có lợi, vì nó khiến cho «đức của dân thêm dày». Nhưng Khổng Tử không xem cái lợi đó là cơ sở lý luận cho việc để tang ba năm. Khổng Tử không chú trọng kết quả của hành vi. Trọn đời ông làm việc gì cũng đều như thế cả. Chính Tử Lộ đã biện hộ cho ông rằng: «Quân tử làm quan là vì điều nghĩa. Còn đạo không thi hành được vốn đã biết rồi.»[171] Đạo không thi hành được vốn đã biết rồi, vậy mà ngồi không yên chiếu, cứ mong thi hành đạo, cho nên người giữ cửa ở Thạch Môn 石門 (ngoại thành nước Lỗ) mới cho Khổng Tử là người «biết việc là bất khả thi mà cứ làm».[172]

Đổng Trọng Thư nói: «Hãy chính nghị luận chứ đừng mưu lợi; hãy làm sáng đạo chứ đừng kể công.» Quân tử làm quan là làm điều nghĩa

---

[169] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Vi Tử** 微子 **-8).**

[170] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Học Nhi** 學而 **-9).**

[171] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Vi Tử** 微子 **-7).**

[172] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Hiến Vấn** 憲問 **-41).**

tức là «chính nghị luận», là «làm sáng đạo» vậy. Còn thi hành được hay không thì đó là «lợi», là «công», ta không cần mưu tính, không cần kể lể.

Cho nên «Khổng Tử ít nói đến lợi»[173] và nói: «Quân tử chuộng nghĩa, tiểu nhân chuộng lợi.»[174] Đó là chủ trương nhất quán của Khổng Tử và Mạnh Tử. Đó cũng là sự khác biệt giữa Nho gia và Mặc gia.[175]

Xem trên, ta lại biết được rằng triết học của Khổng Tử rất chú trọng phương diện tâm lý con người, cho nên Nho gia đời sau cũng chú trọng tâm lý học. Khổng Tử nói: «Bản tính con người vốn giống nhau, nhưng do tập nhiễm nên khác nhau.»[176] Dù Khổng Tử không đưa ra một giải đáp minh xác tuyệt đối cho vấn đề nhân tính, nhưng chính vì ông chú trọng tâm lý học nên «tính thiện, tính ác» mới trở thành vấn đề lớn cho Nho gia đời sau.

---

[173] *Luận Ngữ* 論語 (Tử Hãn 子罕-1).

[174] *Luận Ngữ* 論語 (Lý Nhân 里仁-16).

[175] Nhiều người bàn đến điểm này đã chỉ ra rằng: Đạo trị nước của Khổng Tử là «Dân đông rồi thì làm cho họ giàu, rồi giáo hoá họ» [Tử Lộ-9], còn Mạnh Tử thì cũng chú trọng phương diện kinh tế của đời sống nhân dân. Như vậy Nho gia không phải là không nói đến lợi. Tuy nhiên tôi cho rằng bất luận việc gì Nho gia chỉ cần hỏi là nó có đúng hay không, không cần biết kết quả. Tôi không có ý nói họ không nói đến cái lợi cho đời sống nhân dân. Đó là chủ nghĩa *phi công lợi* 非功利 của Nho gia, trái ngược với chủ nghĩa *công lợi* 功利 của Mặc gia. Tôi sẽ bàn đến điểm này ở hai chương 5 (Mặc Tử) và 6 (Mạnh Tử).

[176] *Luận Ngữ* 論語 (Dương Hoá 陽貨-2).

CHƯƠNG 5

MẶC TỬ VÀ MẶC GIA THỜI KỲ ĐẦU

1. Khảo chứng về Mặc Tử

Mặc Tử 墨子 là một trong những nhân vật quan trọng nhất trong lịch sử Trung Quốc. Từ đời Chiến Quốc đến đầu đời Hán, người ta hay gọi danh xưng Khổng-Mặc chung với nhau. Tuy nhiên, khoảng năm 100 TCN khi Tư Mã Thiên viết *Sử Ký* thì Nho gia đã có vị thế áp đảo giới tư tưởng rồi, cho nên Khổng Tử được chép vào phần Thế gia 世家 của *Sử Ký*, còn Mặc Tử thì thậm chí không được chép vào phần Liệt Truyện 列傳 nữa. Mãi đến cuối đời Thanh (1644-1912) mới có nhiều nhà nghiên cứu Mặc học. Nhờ đó mà càng ngày càng có nhiều khảo chứng quan trọng về Mặc Tử.

Mặc Tử

Sử Ký chép: «Mặc Địch 墨翟 làm quan đại phu nước Tống, giỏi phòng thủ quân sự, dạy cách sử dụng tiết kiệm. Có người nói ông sống cùng thời với Khổng Tử, có người nói ông sống sau Khổng Tử.»[1]

Nay các học giả đã chấp nhận thuyết Mặc Tử sinh sau Khổng Tử. Tôn Di Nhượng 孫詒讓 (1848-1908) viết *Mặc Tử niên biểu*, bắt đầu từ năm 468 TCN (năm thứ nhất đời vua Trinh Định Vương 貞定王 nước Chu) xuống đến năm 376 TCN (năm 26 đời vua An Vương 安王 nước Chu).[2] Tiền Mục 錢穆 viết *Mặc Tử niên biểu* tính từ năm 479 TCN (năm 41 đời vua Kính Vương 敬王 nước Chu, tức năm Khổng Tử mất) đến năm 381 TCN (năm 21 đời vua An Vương 安王, năm Ngô Khởi 吳起 mất).[3] Niên biểu của Tiền Mục tính thời gian sớm hơn so với niên biểu của Tôn Di Nhượng. Theo *Lã Thị Xuân Thu*, khi Ngô Khởi mất, Mặc

---

[1] *Sử Ký* 史記 (Mạnh Tử Tuân Khanh liệt truyện 孟子荀卿列傳).

[2] Tôn Di Nhượng 孫詒讓, *Mặc Tử Hậu Ngữ* 墨子後語, quyển 1.

[3] Tiền Mục 錢穆, *Mặc Tử* 墨子, chương 1, Quốc học tiểu tùng thư 國學小叢書.

gia đã có *cự tử* 鉅子 (tương tự như chưởng môn) là Mạnh Thắng 孟勝 rồi, tức là Mặc Tử đã mất trước Ngô Khởi. Theo đó, niên biểu của Tiền Mục gần với sự thật hơn. Thời gian trong niên biểu (479-381) lâu đến 100 năm, như thế không phải ông sống thọ như vậy mà chỉ có ý nói ông ta sống xê xích trong khoảng thời gian đó.

Có thuyết nói Mặc Tử là người Tống, có thuyết nói là người Lỗ. Tôn Di Nhượng khảo đính cho là người Lỗ. Thuyết này nay được các học giả chấp nhận. Về nguồn gốc của Mặc học, *Lã Thị Xuân Thu* chép: «Lỗ Huệ Công 魯惠公 (768-723) sai vị quan là Nhượng 讓 đến thiên tử xin học nghi lễ tế giao và tế tông miếu. Hoàn Công 桓公 sai Sử Giác 史角 đi. Huệ Công ngăn lại. Về sau dân tại nước Lỗ theo học Mặc Tử.» *Hán Thư Nghệ Văn Chí* chép: «Mặc học bắt đầu ở những người giữ thanh miếu.» Tuy nhiên những thuyết trên đây không có chứng cứ.

Thiên Chủ Thuật Huấn 主術訓 trong *Hoài Nam Tử* chép: «Khổng Khâu và Mặc Địch sửa lại các thuật của các thánh đời xưa, bàn luận thông suốt Lục Nghệ.» Thiên Yếu Lược 要略 chép: «Mặc Địch theo nghiệp Nho, thọ giáo học thuật của Khổng Tử, cho rằng lễ quá phiền nhiễu nên không thích, việc tang ma quá lớn làm dân tốn kém và nghèo đi, để tang lâu làm hại sinh hoạt, cho nên bỏ đạo nhà Chu mà theo chính sách nhà Hạ.» Sách *Mặc Tử* trích dẫn *Kinh Thi* và *Kinh Thư* rất nhiều. Khổng Tử quy tụ đệ tử để giảng dạy, mở đầu phong khí cho một thời. Mặc Tử đã là người nước Lỗ, ở vào thời đại đó, tất nhiên phải chịu ảnh hưởng của Khổng Tử. Hơn nữa, Khổng Tử cũng chuộng tiết dụng, nên nói:

– «Trị một nước nghìn cỗ xe thì phải thận trọng trong mọi việc mà thành thực với dân; tiết dụng mà yêu dân; sai khiến dân phải tuỳ thời.»[4]

– «Lễ mà quá xa xỉ thì thà rằng kiệm ước.»[5]

– «Vua Vũ 禹 (của nhà Hạ) ta không chê được: ăn uống đạm bạc mà cúng tế quỷ thần rất hậu; ăn mặc tầm thường mà tế phục thì hết sức đẹp đẽ; nhà cửa thì nhỏ hẹp mà tận lực khơi ngòi đào lạch. Vua Vũ ta không chê được.»[6]

Do đó, có thể nói rằng Mặc Tử chủ trương tiết dụng, tin quỷ thần, và tôn sùng vua Vũ chẳng qua là phát huy những gì mà Khổng Tử dạy về các phương diện này.

---

[4] *Luận Ngữ* 論語 (Học Nhi 學而 –5).

[5] *Luận Ngữ* 論語 (Bát Dật 八佾 –4).

[6] *Luận Ngữ* 論語 (Thái Bá 泰伯 –21).

Theo những lời trên, Mặc học khởi nguyên ở nước Lỗ, đồng thời với Nho học. Nhưng có người cho rằng nước Tống cũng có quan hệ với Mặc học. Du Chính Tiếp 俞正燮 (1775-1840) viết rằng: «Thiên Lập chính trong sách *Quản Tử* chép: "Thuyết Kiêm Ái mà thắng thì sĩ tốt không đánh giặc." Thiên Lập chính cửu bại giải nói: "Không thể khiến người ta đừng đánh mình. Người ta luyện tập quân sĩ, mình cho dân chơi. Người ta dùng tướng giỏi, mình dùng kẻ bất tài, tất thua tan quân chết tướng." Đó là nói vua Tống Tương Công 宋襄公 (650-637). *Tả Truyện* chép chuyện công tử Mục Di 目夷 bảo vua Tống Tương Công không biết đánh giặc: "Nếu xót người bị thương thì chớ làm họ bị thương; nếu thương người già không áo mặc thì cứ cho họ áo." Kiêm ái 兼愛 (yêu khắp mọi người) và phi công 非攻 (không đánh, phản chiến) vốn là cái tệ của người nước Tống. Thiên Thẩm Ứng 審應 trong sách *Lã Thị Xuân Thu* chép: "Cái ý ngưng binh là cái lòng kiêm ái đối với thiên hạ vậy." Theo *Tả Truyện*, sau khi Tống Tương Công mất, bọn Hoa Nguyên 華元 và Hướng Nhung 向戌 đều lấy việc ngưng binh làm bổn phận. Mặc Tử ra đời liền giảng phép chống giữ, không như lời thiên Cửu bại giải đã trách. Mặc Tử quả thật đã làm quan đại phu nước Tống. Về sau, Tống Khanh 宋牼 cũng là người theo Mặc học, muốn ngưng binh đánh Tần và Sở, nói đánh không có lợi. Thiên Công Mạnh trong sách *Mặc Tử* chép: "Mặc Tử bảo Công Mạnh 公孟: Người nói theo đạo nhà Chu mà chưa nói theo đạo nhà Hạ, chưa phải là theo xưa."»[7]

Ở đây Du Chính Tiếp kết luận rằng chính vì Mặc Tử là người nước Tống (mà các vua cai trị của Tống không phải là con cháu nhà Chu) nên ông theo phép tắc nhà Hạ. Còn Nho gia tập trung ở nước Lỗ, nói theo phép tắc nhà Chu.

Người nước Tống vốn nổi tiếng là ngu. Trong sách của chư tử, khi nói đến người ngu thường lấy người nước Tống làm thí dụ. Chẳng hạn Trang Tử nói người Tống đem mũ *chương phủ* 章甫 sang bán ở nước Việt, nhưng người Việt cắt tóc xăm mình, không dùng mũ.[8] *Mạnh Tử* kể rằng có người Tống thấy lúa người cao hơn lúa mình bèn kéo lúa mình lên cho bằng.[9] *Hàn Phi Tử* kể chuyện người nước Tống ôm gốc cây đợi thỏ.[10] Tất cả đều cho rằng người Tống là ngu. *Trang Tử* nhận xét đạo của Mặc Tử rằng:

---

[7] **Du Chính Tiếp** 俞正燮, ***Quý Tỵ Loại Cảo*** 癸巳類稿, **quyển 14.**

[8] ***Trang Tử*** 莊子 **(Tiêu Dao Du** 逍遙遊**).**

[9] ***Mạnh Tử*** 孟子 **(Công Tôn Sửu** 公孫丑 **thượng).**

[10] ***Hàn Phi Tử*** 韓非子 **(Ngũ Đố** 五蠹**).**

«Sống thì cần lao, chết thì tang ma đạm bạc, đạo rất khắc khổ, lấy sự khổ thân làm quý.» Cho nên chê rằng: «Trí của họ có thể sánh kịp, ngu của họ không thể sánh kịp.»[11] Như thế cũng có cái phong cách của người Tống. Hay là ban đầu Mặc Tử ở nước Lỗ nên chịu ảnh hưởng Khổng Tử, đến khi sang làm đại phu nước Tống lại chịu ảnh hưởng của các thuyết phi công và kiêm ái của người Tống mà lập ra Mặc học chăng?

Tên của Mặc Tử cũng là một vấn đề. Xưa có người nói Mặc Tử họ Mặc 墨, tên là Địch 翟. Gần đây có người nói: «Xưa gọi là Mặc, không phải chỉ họ, mà là chỉ học thuật.»[12] Theo Tiền Mục thì Mặc là một thứ hình phạt thời xưa, người bị hình phạt này là hạng nô dịch. Chủ trương *tiết dụng* 節用 (sử dụng tiết kiệm), *đoản tang* 短喪 (thời gian cư tang ngắn), *phi nhạc* 非樂 (phản đối âm nhạc) của họ đều cực đoan, trái ngược với hành vi của giới đại phu và quân tử đương thời. Đời sống của họ khắc khổ như lao công, cho nên đời gọi những kẻ theo đạo ấy là Mặc gia, ý nói là hạng nô dịch bị hình phạt vậy. Thiên Quý Nghĩa 貴義 trong sách *Mặc Tử* chép rằng: «Hiến Huệ Vương 獻惠王 của nước Sở sai Mục Hạ 穆賀 sang yết kiến Mặc Tử. Mặc Tử thuyết Mục Hạ. Mục Hạ rất vui, nói: "Lời ngài đúng lắm, nhưng vua tôi là đại vương trong thiên hạ, sẽ cho đó là việc của tiện nhân mà không theo."» Chủ trương Mặc Tử bị coi là «việc của tiện nhân» đủ rõ tại sao người ta gọi đạo của ông là Mặc đạo. Mặc Tử đã vui lòng chấp nhận danh từ đó, cũng như ở Hi Lạp có học thuyết của Antisthenes bị người thời ấy gọi là «khuyển học» 犬學 (haplocyon) thế mà ông ta cũng chấp nhận danh từ ấy làm tên học phái của mình. Khi ông mất trên mộ có đặt một con chó đá để làm biểu trưng.

Mặc học chống lại quý tộc và chế độ nhà Chu mà quý tộc noi theo. Nên chủ trương của ông trái ngược với chế độ nhà Chu. Nho gia dùng chủ trương của nhà Chu để kêu gọi mọi người. Mặc Tử lại nói rằng học thuyết của ông là theo nhà Hạ. Thí dụ vua Vũ trong truyền thuyết bấy giờ là ông vua cần kiệm và khắc khổ (xem *Luận Ngữ*, Thái Bá –21). Cho nên Mặc Tử rất vui mà hô hào những đặc tính này, không phải vì chúng thuộc nhà Hạ mà vì chúng phù hợp học thuyết của ông. Nếu bảo Mặc Tử noi theo xưa hay noi theo chế độ nhà Hạ, tức là sai. Uông Trung 汪中 viết trong *Mặc Tử hậu tự* 墨子後序 rằng: «Mặc Tử đem sở học lập ra đạo của mình, cho nên thiên *Tiết Táng* (đám tang tiết kiệm) trong sách *Mặc Tử* có chép rằng: "Chế độ của thánh vương lấy tiết táng làm phép

---

[11] *Trang Tử* 莊子 (Thiên Hạ 天下).

[12] Giang Tuyền 江瑔, *Độc tử chi ngôn* 讀子卮言, Luận Mặc Tử phi tính Mặc 論墨子非姓墨.

tắc", lại nói "chế độ của Mặc Tử lấy tiết táng làm phép tắc". Vậy nói Mặc Tử tự chế ra [học thuyết] là đúng.» Học thuyết của Mặc Tử theo quan điểm bình dân nên chủ trương trái với chế độ nhà Chu.

2. Thời đại của các thiên Kinh 經, Kinh Thuyết 經說, Đại Thủ 大取, và Tiểu Thủ 小取 trong sách *Mặc Tử*

Sáu thiên Kinh 經(40-41), Kinh thuyết 經說(42-43), Đại Thủ 大取(44), và Tiểu Thủ 小取(45) trong sách *Mặc Tử* là do Mặc gia đời sau (tức thời Chiến Quốc) viết ra. Cuối thời Chiến Quốc phong trào du thuyết rất thịnh. Cách viết sách cốt giản dị dễ nhớ, cho nên các nhà mới viết kinh 經. Mặc gia có Mặc Kinh 墨經. Trong *Tuân Tử* trích dẫn nhiều Đạo Kinh 道經. Trong *Hàn Phi Tử* có phần kinh Nội Trữ Thuyết 內儲說 và Ngoại Trữ Thuyết 外儲說. Đầu thời Chiến Quốc chưa có lối viết đó.[13]

Ngày nay chúng ta biết rằng trong các sách xưa do tư nhân viết thì *Luận Ngữ* là bộ sách đầu tiên. *Luận Ngữ* được viết theo kiểu chép lời rất ngắn gọn. Đến sách *Mạnh Tử* và sách *Trang Tử* thì kiểu chép lời ngắn gọn đó chuyển sang kiểu chép lời phô bày, rồi đến ngụ ngôn. Đó là bước đầu của chư tử thời Chiến Quốc. Sau đó kiểu chép lời bị bỏ, và xuất hiện kiểu viết nghị luận theo đề tài (như trong bộ *Tuân Tử*). Đó là bước thứ hai trong sự diễn tiến văn thể của chư tử thời Chiến Quốc.[14] Hai thiên Đại Thủ và Tiểu Thủ trong *Mặc Tử* đều viết theo kiểu nghị luận theo đề tài, tức là kiểu viết chưa xuất hiện lúc Mặc Tử còn sống.

Hơn nữa, sáu thiên Kinh 經(40-41), Kinh thuyết 經說(42-43), Đại Thủ 大取(44), và Tiểu Thủ 小取(45) có đề cập *kiên bạch đồng dị* 堅白同異 (cứng-trắng, giống-khác) và *ngưu mã phi ngưu* 牛馬非牛 (trâu và ngựa không phải trâu), vốn là những biện luận có sau khi Mặc Tử mất. Mạnh Tử (371?-289?) tuy thích biện luận, nhưng đối với các vấn đề ấy ông chưa hề bàn đến. Do đó, rõ ràng sáu thiên ấy là do người cuối thời Chiến Quốc viết ra. Chương này tôi chỉ nói đến Mặc Tử, nên chưa nói đến các thiên ấy. Ở chương 11 tôi sẽ nói đến chúng.

3. Mặc gia là đoàn thể có tổ chức

Sách *Mặc Tử*, thiên Công Thâu 公輸 chép: «Công Thâu Ban 公輸般 làm thang mây[15] cho nước Sở xong, sắp đem đi đánh Tống. Mặc Tử

---

[13] Đây là thuyết của Cố Hiệt Cương 顧頡剛, xem *Cổ sử biện* 古史辯, phần I, trang 56.

[14] Đây là thuyết của Phó Tư Niên 傅斯年.

[15] LAM chú: *Thang mây* (vân thê 雲梯) là thang bắc lên thành để binh sĩ leo lên tấn công thành.

nghe tin, bèn đi suốt mười ngày mười đêm từ nước Lỗ đến kinh đô của nước Sở để yết kiến Công Thâu Ban. [...] Mặc Tử cởi đai lưng giả làm thành, lấy thẻ tre giả làm khí giới. Công Thâu Ban chín lần bày cách đánh thành giả ấy nhưng Mặc Tử chín lần cự lại. Công Thâu Ban dùng hết khí giới đánh thành mà Mặc Tử thì còn cách chống giữ. Công Thâu Ban chịu thua. [...] Mặc Tử nói: "300 đệ tử của tôi do đệ tử Cầm Hoạt Ly 禽滑釐 lãnh đạo đã đem phép phòng thủ của tôi mà giúp Tống. Họ đang ở Tống để đợi quân Sở đến. Nếu tôi bị giết thì cách chống giữ đó cũng không tiêu diệt được." Vua Sở nghe và quyết định không đánh Tống nữa.»[16]

Đoạn trích dẫn trên cho thấy hai điều: (1) Mặc Tử chủ trương *phi công* 非攻 (không tấn công, phản chiến) nên phản đối chiến tranh. Ông chủ trương *kiêm ái* 兼愛 (yêu khắp mọi người) nên muốn các nước thân ái với nhau. Nhưng bấy giờ nước mạnh hay xâm lược nước yếu, kẻ đông lấn hiếp kẻ thế cô. Mặc Tử cứu giúp nước yếu chống lại nước mạnh, việc đó chỉ thấy chép như trên mà thôi. Nhưng qua đó cũng có thể thấy Mặc Tử có quan hệ đặc biệt với nước Tống. (2) Mặc gia là một đoàn thể có tổ chức, nên việc họ cứu Tống là hành động có tổ chức. Mặc Tử đến nước Sở gặp Công Thâu Ban, trong khi đó 300 đệ tử của ông đang ở Tống phòng thủ thành trì.

Thiên Canh Trụ 耕柱 chép: «Mặc Tử sai đệ tử Quản Kiểm 管黔 đưa đệ tử Cao Thạch Tử 高石子 sang Vệ và tiến cử Cao với vua. Vua Vệ ban lộc rất hậu, cho Cao làm quan khanh. Cao ba lần vào chầu, nói hết kế hoạch tâm huyết của mình, nhưng vua Vệ chẳng thi hành. Cao bèn bỏ sang nước Tề, gặp Mặc Tử và nói: "Vua Vệ vì thầy mà ban lộc cho tôi rất hậu, cho tôi làm quan khanh. Tôi ba lần vào chầu, nói hết kế hoạch tâm huyết của mình, nhưng vua Vệ chẳng thi hành. Cho nên tôi bỏ đi. Vua Vệ có nghĩ tôi là kẻ khùng không?" Mặc Tử đáp: "Bỏ đi mà hợp đạo thì dù mang tiếng khùng cũng chẳng hại gì. [...]" Cao nói: "Tôi bỏ đi vì không dám trái đạo." Mặc Tử vui mừng.»

Thiên Canh Trụ chép: «Mặc Tử sang nước Kinh 荊 (tức Sở). Canh Trụ Tử 耕柱子 đang làm quan ở Sở. Có hai ba đệ tử của Mặc Tử đến nhà Canh Trụ Tử. Canh Trụ Tử cấp cho ba thăng gạo, tiếp đãi lạnh nhạt. Họ về bảo Mặc Tử: "Canh Trụ Tử ở Sở vô ích [cho đoàn thể chúng ta], bọn tôi đến thì cho ăn ba thăng gạo, tiếp đãi lạnh nhạt." Mặc Tử nói:

---

[16] *Mặc Tử* 墨子, quyển 13.

"Chưa thể biết được." Không bao lâu Canh Trụ Tử đưa Mặc Tử mười dật vàng và thưa: "Hậu sinh không dám chết, nay có mười dật vàng xin đưa thầy dùng." Mặc Tử nói: "Quả thực là chưa thể biết được."»[17]

Thiên *Lỗ Vấn* 魯問 chép: «Mặc Tử sai đệ tử Thắng Xước 勝綽 giúp việc cho Hạng Tử Ngưu 項子牛. Hạng Tử Ngưu ba lần lấn đất Lỗ mà Thắng Xước ba lần đều đi theo giúp. Mặc Tử nghe thế bèn sai Cao Tôn Tử 高孫子 bảo Hạng Tử Ngưu đuổi Thắng Xước về.»[18]

Theo các trích dẫn trên, Mặc Tử chỉ huy mọi hành động của đệ tử mình. Đệ tử nào ra làm quan thì phải thực hiện chủ trương của Mặc Tử, nếu không thì bị buộc phải từ chức. Đệ tử nào giúp ai mà người đó không theo chủ trương của Mặc Tử thì đệ tử ấy phải bỏ đi. Đệ tử nào ra làm quan thì đem bổng lộc của mình mà đóng góp cho đoàn thể Mặc gia chi dùng. *Hoài Nam Tử* chép: «Kẻ phục dịch Mặc Tử có đến 180 người, đều có thể vâng lời Mặc Tử xông vào lửa đạp trên dao mà không trở gót.» Rõ ràng đệ tử của Mặc Tử hoàn toàn phục tùng sư phụ.

Thủ lĩnh của Mặc gia gọi là *cự tử* 鉅子 (巨子). Sách Trang Tử chép: «Họ xem *cự tử* là thánh nhân, đều mong được nối nghiệp *cự tử*.»[19] Mặc Tử là cự tử thứ nhất của Mặc gia. Theo *Lã thị Xuân Thu*, sau Mặc Tử thì có ít nhất là ba cự tử nữa: Mạnh Thắng 孟勝, Điền Tương Tử 田襄子, và Phúc Thôn 腹蘧.

Lã thị Xuân Thu chép: «Cự tử của Mặc gia là Mạnh Thắng, thân thiện Dương Thành Quân 陽成君 ở nước Kinh 荊 (tức nước Sở). Dương sai Mạnh giữ đất của Dương, bẻ đôi ngọc hoàn làm tín phù; giao hẹn hễ có người đem mảnh tín phù kia đến báo tin nếu hai mảnh khớp nhau thì nghe lời báo tin của người đó. Vua Kinh chết, quần thần đánh Ngô Khởi 吳起; đánh nhau ở nơi đám tang. Dương Thành Quân cũng dính líu. Bị nước Kinh bắt tội, Dương Thành Quân trốn. Nước Kinh tịch thu đất của Dương Thành Quân. Mạnh Thắng nói: "Giữ nước của họ Dương, lại có ngọc hoàn làm tín phù. Nay ta không thấy ai đưa nửa tín phù kia đến báo tin, lại không đủ sức chống cự, vậy ta phải chết thôi." Đệ tử của Mạnh Thắng là Từ Nhược 徐

---

[17] **LAM chú: Đoàn thể của Mặc Tử qui định, hễ ai ra làm quan thì phải trích bổng lộc mà đóng góp vào đoàn thể, giúp thầy và đồng môn.**

[18] **LAM chú: Đại ý chỗ này: Mặc Tử sai Thắng Xước theo giúp Hạng Tử Ngưu là ý muốn Thắng ngăn cản tính hiếu chiến của Hạng. Nhưng Thắng ham bổng lộc của Hạng mà không chịu can gián. Thắng ba lần theo Hạng đánh Lỗ, vậy là trái chủ trương *phi công* của Mặc Tử, nên Mặc Tử sai Cao Tôn Tử bảo Hạng đuổi Thắng về.**

[19] *Trang Tử* 莊子 (Thiên Hạ 天下).

弱 can: "Chết mà có ích cho Dương thì hãy chết. Còn như chết vô ích thì làm mất đi một người trong Mặc gia, xin thầy đừng chết." Mạnh Thắng nói: "Không phải thế. Ta nếu không là thầy của Dương Thành Quân thì là bạn, nếu không phải bạn thì là bầy tôi. Nếu ta không chết, từ nay chẳng ai cầu thầy giỏi, cầu bạn hiền, hay cầu bầy tôi trung thành trong số Mặc gia nữa. Chết là làm theo nghĩa và nối nghiệp của Mặc gia vậy. Ta muốn truyền chức cự tử cho Điền Tương Tử ở nước Tống. Điền Tương Tử là người hiền, chẳng lo Mặc gia tuyệt mất trên đời." Từ Nhược nói: "Nếu quả như lời thầy nói, đệ tử xin chết trước để mở đường." Nói xong, Từ Nhược đập đầu chết trước mặt Mạnh Thắng. Mạnh Thắng sai hai người sang nước Tống báo tin truyền chức cự tử cho Điền Tương Tử rồi tự sát. Đệ tử chết theo đến 83 người. Hai người đi sang Tống báo tin cho Điền Tương Tử xong thì quay về nước Kinh để chết theo Mạnh Thắng. Điền Tương Tử cản, nói: "Mạnh Thắng truyền chức cự tử cho ta rồi, các ngươi phải nghe lời ta." Nhưng họ vẫn quay về nước Kinh để chết theo Mạnh Thắng. Mặc gia chê họ là không vâng lời tân cự tử.»[20]

Hành vi của Mặc gia quả rất giống hành vi của bọn hiệp khách. Thiên Du Hiệp Liệt Truyện 游俠列傳 trong *Sử Ký* nói về họ: «Lời nói của họ luôn chân thành, hành động của họ rất quả quyết, hễ hứa là giữ lời. Họ không tiếc thân xác, xông vào hiểm nguy để cứu giúp kẻ khác.»

Lã Thị Xuân Thu chép: «Cự tử của Mặc gia ở nước Tần là Phúc Thôn. Con của Phúc Thôn giết người. Tần Huệ Vương 秦惠王 (337-311) bảo Phúc Thôn: "Tiên sinh lớn tuổi, không thể sinh con nữa, ta sẽ tha chết cho con của tiên sinh." Phúc Thôn trả lời: "Phép của Mặc gia: ai giết người thì bị xử tử, gây thương tích kẻ khác thì bị xử tội hình. Làm vậy để ngăn cấm việc sát thương, đó là việc lớn trong thiên hạ. Tuy bệ hạ tha chết cho con thần, nhưng thần phải giữ phép tắc của Mặc gia." Phúc Thôn không nghe lời Huệ Vương, rồi xử tử con mình.»[21]

Như vậy, kỷ luật trong đoàn thể Mặc gia rất nghiêm. Cự tử có quyền sinh sát đối với kẻ Mặc gia nào vi phạm phép tắc của đoàn thể.

4. Triết học của Mặc Tử là chủ nghĩa công lợi

Người cùng thời với Mặc Tử cũng chủ trương *kiệm* (tiết kiệm), *tiết dụng* (sử dụng hạn chế), *kiêm ái* (yêu thương khắp mọi người), *phi công*

---

[20] *Lã Thị Xuân Thu* 呂氏春秋 (Thượng Đức 上德 -3).

[21] *Lã Thị Xuân Thu* 呂氏春秋 (Khứ Tư 去私-5).

(phản đối sự tấn công). Mặc Tử không những thực hành những quan niệm đó mà còn tìm ra cơ sở lý luận cho chúng nữa, để chúng trở thành một hệ thống nhất quán. Đó là cống hiến của ông cho triết học.

Trong sách *Mặc Tử* có rất nhiều đoạn phản đối Nho gia, bởi vì quan niệm cơ bản của hai hệ thống Mặc học và Nho học khác nhau. Nho gia chủ trương *«làm cho nghị luận đúng đắn chứ không mưu lợi, làm sáng đạo chứ không kể công»*.[22] Mặc gia thì coi trọng *công* 功 và *lợi* 利. Bản thân Khổng Tử và Mặc Tử đều dốc lòng cứu đời, nhưng sự giải thích về hành vi của mỗi người thì khác hẳn nhau. Tử Lộ giải thích cho Khổng Tử rằng: «Quân tử làm quan là vì điều nghĩa. Còn đạo không thi hành được vốn đã biết rồi.»[23] Nói vậy nghĩa là Khổng Tử muốn can dự chính trị bởi vì đó là việc «phải làm». Còn kết quả không tốt thì ai cũng biết là «đạo không thi hành được». Mặc Tử thì khác. Sách *Mặc Tử* chép:

– «Mặc Tử từ nước Lỗ sang nước Tề, giữa đường tình cờ gặp người quen. Người ấy bảo Mặc Tử: "Thiên hạ ngày nay chẳng ai làm điều nghĩa, chỉ có ông lại khổ thân làm điều nghĩa. Sao ông không thôi đi?" Mặc Tử nói: "Gia đình nọ có mười đứa con. Một đứa cày ruộng, chín đứa chờ ăn. Đứa cày ruộng phải cày gấp lên. Tại sao? Vì kẻ ăn thì đông còn người cày thì ít. Nay thiên hạ chẳng ai làm điều nghĩa, lẽ ra ông nên động viên tôi thì mới phải, cớ sao cản tôi?"»[24]

- «Công Mạnh Tử bảo Mặc Tử: "Ngài đi du thuyết thiên hạ, sao mà vất vả thế?" Mặc Tử đáp: "[...] Có hai người giỏi bói cỏ thi. Một kẻ đi bói dạo, một kẻ bói tại nhà. Ai kiếm gạo nhiều hơn?" Công Mạnh Tử đáp: "Kẻ bói dạo kiếm nhiều hơn." Mặc Tử đáp: "Đức nhân và nghĩa ngang nhau. Người đi thuyết phục kẻ khác thì công cũng nhiều hơn. Vậy tại sao lại không du thuyết?"»[25]

Điều nghĩa thì ít người làm, nhưng một hai người làm thì có công hơn là chẳng ai làm. Đi khắp nơi để thuyết nhân nghĩa, tuy khó khiến mọi người nghe theo hết, nhưng cái kết quả còn hơn là không có ai đi thuyết nhân nghĩa cả. Cái kết quả ấy rốt cuộc có lợi cho thiên hạ. Khổng Tử làm vì nó là điều cần phải làm, còn Mặc Tử thì làm vì mong kết quả. *Công* 功 và *lợi* 利 là hai khái niệm cơ bản của Mặc học.

---

[22] **Đổng Trọng Thư: «Chính kỳ nghị bất mưu kỳ lợi, minh kỳ đạo bất kế kỳ công.»** 正其誼不謀其利明其道不計其功.

[23] ***Luận Ngữ*** 論語 **(Vi Tử** 微子 **-7).**

[24] ***Mặc Tử*** 墨子 **(Quý Nghĩa** 貴義 **).**

[25] ***Mặc Tử*** 墨子 **(Công Mạnh** 公孟 **).**

Sách *Mặc Tử* chép: «Hễ nói thì phải có tiêu chuẩn trước. Nói mà không theo tiêu chuẩn có sẵn thì khác gì ở trên bàn xoay của thợ gốm mà biện luận sớm tối, phải trái, lợi hại khác nhau thế nào. Cho nên khi nói phải có ba tiêu chuẩn: *bản* 本 (nền tảng), *nguyên* 原 (chứng thực), và *dụng* 用 (vận dụng).[26] *Bản* nghĩa là lời nói căn cứ vào sự việc của thánh vương đời xưa. *Nguyên* nghĩa là lời nói được chứng thực bằng tai nghe mắt thấy của mọi người. *Dụng* nghĩa là lời nói được vận dụng vào hành chính để xem xét cái lợi của nó cho quốc gia và nhân dân.»[27]

Trong ba tiêu chuẩn đó, *dụng* là quan trọng nhất. Mặc Tử xem «ích nước lợi dân» là tiêu chuẩn để đánh giá mọi việc. Mọi sự vật đều phải hữu dụng. Lời nói mà thực hiện được thì mới có giá trị. Sách *Mặc Tử* chép:

– «Mặc Tử hỏi một nhà Nho: "Chơi nhạc để làm chi?" Nhà Nho đáp: "Chơi nhạc vì âm nhạc."[28] Mặc Tử nói: "Ông vẫn chưa trả lời tôi. Thí dụ, tôi hỏi tại sao phải cất nhà, thì ông trả lời là để tránh rét đông, tránh nắng hè, để cách biệt nam nữ. Nếu vậy, ông đã cho tôi biết lý do xây phòng. Còn nay ông trả lời chơi nhạc là vì âm nhạc, khác nào xây nhà là để xây nhà."»[29]

– «Diệp Công Tử Cao 葉公子高 hỏi Khổng Tử: "Kẻ giỏi chính trị thì thế nào?" Khổng Tử đáp: "Kẻ giỏi chính trị thì làm cho kẻ ở xa đến gần mình và sửa cái cũ thành mới."[30] Mặc Tử nghe thế, nói: "Diệp Công Tử Cao chưa biết hỏi, mà Trọng Ni cũng chưa biết đáp. Diệp Công Tử Cao lẽ nào chẳng biết kẻ khéo làm chính trị thì làm cho kẻ ở xa đến gần mình và sửa cái cũ thành mới. Hắn muốn hỏi là cách thức phải làm như thế nào."»[31]

– «Lời nói có thực hành được thì hãy nói; không thực hành được thì đừng nói. Không thực hành được mà cứ nói hoài thì chỉ mỏi miệng thôi.»[32]

---

[26] **Thiên Phi Mệnh 非命 chép: «Có ba phép cho lời nói. Chúng là gì? Đó là *bản, nguyên, dụng*. Về *bản* thì xét ý chí của Trời và quỷ, và xét sự việc của thánh vương. [...]» Ở đây *bản* được thêm vào *«ý Trời và quỷ»*, cho thấy Mặc Tử rất tin vào ý Trời (thiên chí 天志).**

[27] ***Mặc Tử* 墨子, Phi Mệnh 非命 hạ.**

[28] **Derk Bodde chú: Nguyên văn: «Nhạc đĩ vi *nhạc (lạc)* dã.» 樂以爲樂也. Chữ 樂 có hai âm: *nhạc* (âm nhạc) và *lạc* (vui). Câu này có thể dịch: «Chơi nhạc để vui.»**

[29] ***Mặc Tử* 墨子 (Công Mạnh 公孟).**

[30] **Derk Bodde chú: Câu này tương tự câu: «Diệp Công vấn chính. Tử viết: "Cận giả duyệt, viễn giả lai."» 葉公問政. 子曰:«近者悅遠者來.» [Tử Lộ-16] = Diệp Công hỏi về cách cai trị. Khổng Tử đáp: «Phải làm cho kẻ ở gần vui lòng và kẻ ở xa quy phục mình.»**

[31] ***Mặc Tử* 墨子 (Canh Trụ 耕柱).**

Tại sao chơi nhạc và *tại sao cần có nhạc* là hai vấn đề, nhưng Mặc Tử chỉ xem là một. Nho gia nói chơi nhạc vì nhạc (tức là để vui), nhưng Mặc Tử không thừa nhận chơi nhạc là hữu dụng, bởi vì chơi nhạc là tìm niềm vui trước mắt, không có kết quả ích lợi cho tương lai. Bất kỳ lời nói nào nếu không thực hiện được thì chỉ là trò thao tác trí tuệ, tuy mang lại niềm vui trước mắt nhưng đối với tương lai thì vô dụng, nên vô giá trị.

5. Sao cho nhân dân có lợi nhiều

Sự vật phải có ích nước lợi dân thì mới có giá trị. Ích nước lợi dân tức là *phú* 富 (giàu) và *thứ* 庶 (đông đúc) của nhân dân. Hễ sự vật gì làm cho nhân dân giàu có và đông đúc thì đều hữu dụng. Nếu không, thì nó vô ích hoặc có hại. Mọi giá trị đều lấy *phú* và *thứ* mà định luận.

Sách *Mặc Tử* chép:

– «Thánh nhân cai trị một nước thì cái lợi của nước tăng gấp đôi, cai trị thiên hạ thì cái lợi của thiên hạ tăng gấp đôi. Nguyên do không phải ở chiếm đất bên ngoài, mà ở chỗ bỏ đi những cái vô dụng và lãng phí thì đủ để tăng gấp đôi. [...] Cái gì khó tăng gấp đôi? Chỉ có dân số là khó tăng gấp đôi. Tuy nhiên cũng có thể tăng gấp đôi được. Ngày xưa thánh vương ra lệnh: "Trai 20 tuổi phải lấy vợ, gái 15 tuổi phải lấy chồng. Chẳng ai dám trái lệnh." Đó là lệnh của thánh vương. Khi thánh vương mất rồi, dân đâm ra bừa bãi. Có người lấy vợ sớm khi mới 20, có người lấy vợ trễ khi đã 40. Dù sớm hay trễ thì trung bình trễ hơn tuổi thánh vương quy định 10 năm. Nếu 3 năm sinh một con, thì trong 10 năm đó để lỡ hai ba đứa con rồi. Vậy chẳng phải bắt dân lấy vợ sớm thì dân có thể đông gấp đôi đó ư?»[33] Có thể thấy chủ nghĩa công lợi rất chú trọng tính toán. Sự giàu có (*phú*) và sự đông đúc (*thứ*) của dân là cái lợi lớn cho dân cho nước. Cho nên cái gì vô dụng hay có hại thì phải bỏ đi, tức là chúng ta cần phải tiết kiệm và chống xa xỉ.

– «Thánh vương ngày xưa đặt ra phép tiết dụng, bảo: "Thợ làm trăm nghề trong thiên hạ (như đóng xe, đồ da, đồ gốm, đồ sắt, đồ mộc, v.v...) đều phải làm theo năng lực của mình. Hễ đủ chu cấp cho dân tiêu dùng thì thôi. Hao phí thêm mà không có lợi cho dân thì thánh vương không làm. [...]" Thánh vương ngày xưa đặt ra phép ăn mặc, bảo: "Mùa đông mặc áo lụa xanh lụa điều, nhẹ và ấm. Mùa hè mặc áo vải nhỏ, nhẹ và mát. Hễ đủ chu cấp cho dân tiêu dùng thì thôi. Hao phí thêm mà

---

[32] *Mặc Tử* 墨子 (Canh Trụ 耕柱).

[33] *Mặc Tử* 墨子 (Tiết Dụng 節用 thượng).

không có lợi cho dân thì thánh vương không làm." Thánh vương ngày xưa dạy dân dùng binh khí để chống thú dữ, bảo: "Ngày ngày mang kiếm, hễ đâm thì thủng, chém thì đứt, đánh một bên thì không gãy. Đó là cái lợi của kiếm. Áo giáp mặc nhẹ và tiện lợi, cử động tuỳ ý. Đó là cái lợi của áo giáp. Xe dùng chở vật nặng và đi xa. Ngồi xe an toàn và xe dễ kéo. Ngồi xe an toàn nên không hại người đi xe và xe dễ kéo nên có thể đi nhanh. Đó là cái lợi của xe." Thánh vương ngày xưa thấy dân không qua được sông lớn, nên chế tạo thuyền và mái chèo. Thuyền và mái chèo đủ để chở người thì thôi, không phân biệt người sang sông là sang hay hèn, và người chèo thuyền cũng không tô điểm [cho thuyền đẹp]. Đó là cái lợi của thuyền. Thánh vương ngày xưa đặt ra phép *tiết táng* 節葬 (tang ma tiết kiệm), nói: "Vải liệm ba bộ đủ đến khi thịt nát, quan tài dày ba tấc (*thốn* 寸) đủ đến khi xương tan. Huyệt đào sâu không chạm mạch nước để xú khí khỏi xông lên. Người chết đã chôn rồi thì người sống không để tang lâu." Người nguyên thuỷ chưa có nhà cửa, kiếm gò đất đào hang hố mà trú thân. Thánh vương lo lắng, mùa đông trong hang hố thì tránh được gió lạnh, nhưng mùa hè thì hại sức khoẻ vì dưới đất ẩm thấp còn phía trên thì nóng. Vì thế thánh vương chế tạo nhà cửa để có lợi cho dân. Nhưng cách xây cất nhà thì thế nào? Mặc Tử nói: "Tường có thể ngăn gió lạnh từ bề, nóc có thể ngừa tuyết sương mưa móc. Bên trong thì sáng sủa sạch sẽ để có thể thờ cúng được. Vách đủ để ngăn cách nam nữ. Thế là đủ. Cái gì làm tăng phí tổn nhưng không có lợi thì thánh vương không làm."»[34]

Đoạn trích dài trên đây cho thấy Mặc Tử không phản đối tốn kém (nếu tốn kém mà có lợi thì cũng chấp nhận), mà chỉ phản đối những tốn kém vô ích cho dân. Tốn mà vô ích thì phải cấm. Cùng lý do đó, người ta phải *tiết táng* (tang ma tiết kiệm) và *đoản tang* (rút ngắn thời gian cư tang).

Sách *Mặc Tử* chép: «Hạng thượng sĩ để tang phải có người nâng mới đứng dậy, phải chống gậy mới đi, suốt trong ba năm. Nếu buộc như thế thì hạng vương, công, và đại nhân không thể đến triều đình sớm, xử án và trị nước; hạng sĩ đại phu không giữ nắm chức vụ, coi sáu ty, mở mang đất đai; nhà nông không thể sáng ra đồng chiều về nhà, canh tác trồng trọt được; thợ thuyền không thể lao động sản xuất vật dụng; phụ nữ không thể thức khuya dậy sớm, quay tơ dệt vải được. Chôn theo lắm thứ tuỳ táng thì tốn kém của cải, để tang lâu thì phải ngưng làm việc trong

[34] *Mặc Tử* 墨子 (Tiết Dụng 節用 trung).

một thời gian lâu. Của cải gây dựng nay chôn mất, con cháu có thể lao động sản xuất thì cấm chúng làm việc. Như thế mà mong giàu thì khác gì không cày cấy mà mong gặt hái. [...] Hạng thượng sĩ để tang phải có người nâng mới đứng dậy, phải chống gậy mới đi, suốt trong ba năm. Nếu buộc như thế thì dân sẽ đói mệt, mùa đông không chịu nổi rét, mùa hè không chịu nổi nóng, đến nỗi bệnh tật chết vô số kể. Trong thời gian cư tang, vợ chồng không được ăn nằm với nhau. Như thế mà cầu cho dân đông thì khác gì đẩy người ta vào chỗ chết mà mong họ sống lâu.»[35] Nho gia chủ trương *hậu táng* 厚葬 và *cửu tang* 久喪 (chôn cất trọng thể và cư tang lâu), như vậy sẽ làm cản trở việc làm cho dân đông và dân giàu. Do đó mà người ta cần phải *tiết táng* 節葬 và *đoản tang* 短喪.

Cũng để cho dân có lợi, ta cần phải chống lại âm nhạc: «Thuyền để đi trên nước, xe để đi trên bộ, quân tử nhờ đó mà đỡ mỏi chân, tiểu nhân nhờ đó mà khỏi khuân vác. Do đó dân bỏ tiền làm thuyền và xe, có ai tiếc đâu. Vì sao? Bởi vì thuyền xe có lợi cho dân. Nếu nhạc mà cũng có lợi cho dân như thuyền và xe thì ta không dám chê. Dân có ba điều lo lớn: Đói không có ăn, rét không có mặc, vất vả không được nghỉ ngơi. Nay đánh trống khua chiêng ầm ĩ, khảy đàn thổi sáo réo rắt, thì có sinh ra cơm ăn áo mặc cho dân không? Tất nhiên là không. Nay nước lớn đánh nước nhỏ, kẻ mạnh cướp kẻ yếu, đông hiếp ít, khôn lừa ngu, sang khinh hèn, trộm cướp loạn lạc khắp nơi. Đàn ca xướng hát có thể làm nước từ loạn sang trị được không? Tất nhiên là không. Thu thuế của dân cho nhiều để chế tạo các loại nhạc cụ cho nhiều mà mong ích nước lợi dân, quả là vô ích. Cho nên âm nhạc là đáng chê.»[36]

Nhạc vô dụng, đáng bỏ, tất nhiên các bộ môn nghệ thuật khác cũng đều đáng bỏ. Âm nhạc và mỹ thuật đều là sản phẩm của tình cảm, kích động tình cảm. Mặc Tử xem chúng là vô dụng, cần phế bỏ. Qua đó ta cũng thấy thái độ của Mặc Tử đối với tình cảm.

Theo chủ nghĩa công lợi cực đoan của Mặc Tử mà xét, người nhiều tình cảm thì vô ích và vô nghĩa. Ta cần đè nén tình cảm, đừng để nó cản trở hành vi của mình. Nho gia cho rằng khi cư tang thì sắc diện phải buồn bã, phải khóc lóc bi ai, để biểu hiện tình cảm con người. Theo chủ nghĩa công lợi cực đoan của Mặc Tử, như thế là vô ích và vô nghĩa.

Mặc Tử chép: «Công Mạnh Tử nói: "Để tang ba năm là bắt chước đứa trẻ thương yêu cha mẹ." Mặc Tử nói: "Trẻ con chỉ biết thương yêu

---

[35] ***Mặc Tử*** **墨子 (Tiết Táng 節葬 hạ).**

[36] ***Mặc Tử*** **墨子 (Phi Nhạc 非樂 thượng).**

cha mẹ thôi. Cha mẹ không còn nữa thì khóc lóc mãi. Vì sao thế? Vì quá ngu. Sự hiểu biết của Nho gia có hơn gì sự hiểu biết của trẻ con?"»[37]

Nho gia không tin quỷ thần, nhưng chú trọng cúng tế, đó là để cầu cho tình cảm được đầy đủ. Sách *Mặc Tử* chép:

– «Công Mạnh nói: "Không có quỷ thần," Rồi nói: "Quân tử phải học cúng tế." Mặc Tử nói: "Không tin quỷ thần mà học cúng tế, khác gì không có khách mà học lễ tiếp khách, không có cá mà học cách thả lưới."»[38]

– «Mặc Tử nói: "Người ta phải bỏ *lục tỵ* 六辟 (tức là mừng, giận, vui, buồn, yêu, ghét). Khi im lặng nên suy nghĩ; khi nói nên giáo hoá, khi hành động nên làm cho ra việc. Hễ dùng ba cái đó thay thế nhau ắt sẽ thành thánh nhân. Người ta phải trừ bỏ mừng, giận, vui, buồn, yêu, ghét; tay chân miệng mũi tai dùng vào việc nghĩa, như vậy sẽ thành thánh nhân."»[39]

Mừng, giận, vui, buồn, yêu, ghét đều là tình cảm con người. Mặc Tử xem chúng là *lục tỵ* 六辟 và khuyên chúng ta hãy bỏ chúng đi. «Khi im lặng nên suy nghĩ; khi nói nên giáo hoá, khi hành động nên làm cho ra việc.» Tức là mọi cử động của ta đều phải ở trong trạng thái lý trí. Đoạn trích trên cho thấy rõ Mặc Tử bài trừ tình cảm.

6. Kiêm ái

Xa xỉ và trang sức đều không có lợi cho quốc gia và dân chúng, nhưng chúng cũng chưa phải là mối hại lớn. Mối hại lớn chính là sự tranh giành không ngừng của các quốc gia và dân chúng, mà nguyên do là con người không thương mến nhau. Sách *Mặc Tử* chép:

«Việc của người nhân là phát triển cái lợi của thiên hạ và bài trừ cái hại cho thiên hạ. Nhưng cái gì đang là mối hại lớn nhất cho thiên hạ? Nước lớn đánh nước nhỏ, nhà lớn làm loạn nhà nhỏ, kẻ mạnh cướp kẻ yếu, đông hiếp ít, khôn lừa ngu, sang khinh hèn. Đó là cái hại cho thiên hạ. Lại như làm vua mà tối tăm, bầy tôi không trung, cha không hiền, con bất hiếu. Đó cũng là cái hại cho thiên hạ nữa. Lại như bọn tiện nhân

---

[37] *Mặc Tử* 墨子 (Công Mạnh 公孟).– LAM chú: Chỗ này Công Mạnh Tử muốn nhắc đến quan điểm của Khổng Tử: «Đứa con được sinh ra, sau ba năm cha mẹ mới thôi bồng bế. Vậy cứ tang ba năm là thông lệ trong thiên hạ.» [*Luận Ngữ*, Dương Hoá –21].

[38] *Mặc Tử* 墨子 (Công Mạnh 公孟).

[39] *Mặc Tử* 墨子 (Quý Nghĩa 貴義).

ngày nay dùng gươm dao, thuốc độc, nước lửa, để làm hại nhau. Đó cũng là cái hại cho thiên hạ nữa. Nguyên nhân của cái hại đó từ đâu? Có phải phát sinh từ lòng thương người và làm lợi cho người? Tất nhiên là không. Vậy thì do lòng ghét hại người mà sinh ra. Như vậy những kẻ ác nhân hại người thuộc về phái *kiêm* 兼 (bao gồm) hay phái *biệt* 別 (riêng biệt)? Tất nhiên là phái *biệt*. Người ta vì *biệt* mà gây ra các mối hại lớn cho thiên hạ, cho nên *biệt* là sái quấy. Đã biết nó là sái quấy thì có cái gì để thay thế? [...] Mặc Tử nói: «Lấy *kiêm* mà thay cho *biệt*.»[40]

«*Kiêm* thay cho *biệt* là vì sao? Nếu ai cũng xem nước người như nước mình thì còn ai đi xâm lược nước khác? Bởi vì nước người cũng như nước mình. Nếu ai cũng xem kinh đô của người như của mình thì còn ai đi chiếm kinh đô nước khác? Bởi vì kinh đô của người cũng như kinh đô của mình. Nếu ai cũng xem nhà của người như nhà của mình thì còn ai đi làm loạn nhà người khác? Bởi vì nhà của người cũng như nhà của mình. Nước này không làm loạn nước khác, nhà này không làm loạn nhà kia, vậy thì có lợi hay có hại cho thiên hạ? Tất nhiên là lợi cho thiên hạ.»

«Nguyên nhân của cái lợi đó từ đâu? Có phải phát sinh từ lòng ghét người và làm hại người? Tất nhiên là không. Vậy thì do lòng thương người và làm lợi cho người mà sinh ra. Như vậy những kẻ thương người và làm lợi cho người thuộc về phái *kiêm* hay phái *biệt*? Tất nhiên là phái *kiêm*. Người ta vì *kiêm* mà làm lợi cho thiên hạ, cho nên *kiêm* là đúng.»

«Việc của người nhân là phát triển cái lợi của thiên hạ và bài trừ cái hại cho thiên hạ. Nay *kiêm* sinh ra cái lợi lớn cho thiên hạ, còn *biệt* sinh ra cái hại lớn cho thiên hạ. Vì thế Mặc Tử nói *kiêm* thì đúng, *biệt* thì sai.»

«Nay muốn tạo cái lợi lớn cho thiên hạ và lấy *kiêm* làm chính sách thì ai cũng đem tai tinh, mắt sáng để trông nghe cho nhau, đem chân tay khoẻ mạnh để làm lụng cho nhau, và kẻ biết đạo lý thì dạy dỗ nhau. Những kẻ già không vợ thì được giúp đỡ chăm sóc trọn đời. Trẻ nhỏ không cha mẹ thì được cấp chỗ nương tựa và được nuôi tới lớn. Dùng *kiêm* làm chính sách thì có lợi như thế. Thế mà chẳng hiểu tại sao kẻ sĩ trong thiên hạ khi nghe nói đến *kiêm* thì chê? Họ chê *kiêm* và hỏi: «*Kiêm* tốt đấy, nhưng có dùng được không?» Mặc Tử đáp: «Dùng không được thì ta đây cũng chê. Nhưng cái tốt lẽ nào không dùng được?»

---

[40] **LAM chú:** Theo *Thuyết Văn Giải Tự*, chữ *kiêm* 兼 ở dạng chữ triện là , tượng trưng bàn tay nắm gộp lấy hai nhánh lúa; ý nghĩa gốc là *tinh* 并 (bao gồm). Mặc Tử dùng thuật ngữ *kiêm* và *biệt* với ý nghĩa «bao gồm tất cả mà không phân biệt chủng loại» và «riêng biệt». Derk Bodde dịch là *universality* và *partiality*.

«Thử so sánh *kiêm* và *biệt* mà xem. Thí dụ có hai người: kẻ theo *kiêm*, người theo *biệt*. Người theo *biệt* nói: «Tôi làm sao lại coi thân bạn như thân ta, coi cha mẹ bạn như cha mẹ ta được?» Cho nên hắn thấy bạn đói mà không cho ăn, thấy lạnh mà không cho mặc, thấy bệnh mà không chăm sóc, thấy chết mà không chôn. Lời nói và hành vi của kẻ theo *biệt* đều như vậy. Nhưng lời nói và hành vi của người theo *kiêm* thì khác.»

«Người theo *kiêm* nói: «Ta nghe nói bậc cao sĩ trong thiên hạ coi thân bạn như thân mình, coi cha mẹ bạn như cha mẹ mình.» Hắn thấy bạn đói thì cho ăn, thấy rét thì cho mặc, thấy bệnh thì chăm sóc, thấy chết thì chôn cất. Lời nói và hành vi của người theo *kiêm* đều như vậy.»

«[...] Nếu hai kẻ ấy mặc giáp, đội mũ trụ, sắp ra trận trên cánh đồng rộng lớn, chưa biết sống hay chết. Hoặc nếu họ phải vâng lệnh vua mà đi sứ các nước, chưa biết có đi đến nơi về đến chốn hay không. Như vậy họ đem gửi gắm vợ con thân thích cho người theo *kiêm* hay theo *biệt*? Kẻ dù ngu đến đâu (ngay cả kẻ chê kiêm) cũng gửi gắm vợ con thân thích cho người theo *kiêm*. Miệng thì chống *kiêm*, nhưng thực tế lại lựa chọn *kiêm*, nghĩa là lời nói và việc làm trái nhau. Thế mà chẳng hiểu tại sao kẻ sĩ trong thiên hạ khi nghe nói đến *kiêm* thì chê?»

«Họ vẫn chê *kiêm* và nói: «Kẻ sĩ theo *kiêm* thì may ra, chứ vua thì theo sao được?» Thử so sánh *kiêm* và *biệt* mà xem. Thí dụ có hai ông vua: một theo *kiêm*, một theo *biệt*. Ông vua theo *biệt* nói: «Ta làm sao có thể xem thân của vạn dân như thân của ta được? Như vậy trái với thường tình. Kiếp người ngắn ngủi như bóng câu qua khe cửa.» Rồi vua đó thấy dân khổ. Họ đói mà vua không cho ăn; rét mà vua không cho áo; bệnh tật mà vua không cho thuốc thang; chết mà vua chẳng giúp chôn cất. Lời nói và hành vi của vua theo *biệt* là thế. Còn vua theo *kiêm* thì khác. Ông nói: «Bậc minh quân trong thiên hạ phải đặt thân của vạn dân trước thân của mình.» Rồi vua đó thấy dân khổ. Họ đói thì vua cho ăn; rét thì vua cho áo; bệnh tật thì vua cho thuốc thang; chết thì vua giúp chôn cất. Lời nói và hành vi của vua theo *kiêm* là thế. [...]»

«Xin hỏi, gặp năm có bệnh dịch, vạn dân đói khổ, rét lạnh, vô số người chết ở bờ mương rãnh nước, thì người ta sẽ chọn vua nào? Kẻ dù ngu đến đâu (ngay cả kẻ chê kiêm) cũng chọn ông vua theo *kiêm*. Miệng thì chống *kiêm*, nhưng thực tế lại lựa chọn *kiêm*, nghĩa là lời nói và việc làm trái nhau. Thế mà chẳng hiểu tại sao kẻ sĩ trong thiên hạ khi nghe nói đến *kiêm* thì chê?»[41]

---

[41] *Mặc Tử* 墨子 (Kiêm Ái 兼愛 hạ).

Mối lo lớn trong thiên hạ là người ta không biết thương nhau. Do đó phải lấy thuyết kiêm ái mà cứu đời. Đạo kiêm ái không chỉ có lợi cho cho tha nhân (*lợi tha* 利他) mà còn có lợi cho chính bản thân người thi hành kiêm ái nữa (*lợi tự* 利自). Về phương diện *công lợi* 功利, Mặc Tử đã dùng *kiêm* để chứng minh *kiêm ái* rất cần thiết. Đó là sự khác biệt giữa thuyết *kiêm ái* của Mặc Tử với chủ trương về *nhân* 仁 của Nho gia.

Thiên hạ được lợi lớn là nhờ kiêm ái. Thiên hạ bị hại lớn là bởi tương tranh, cho nên phải phản đối việc gây chiến (*phi công* 非攻). Sách *Mặc Tử* chép:

«Khởi binh vào mùa đông thì sợ rét, vào mùa hè thì sợ nóng. Do đó phải tránh hai mùa ấy. Nếu khởi binh vào mùa xuân thì làm hại sự canh tác của dân, còn vào mùa thu thì làm hại việc thu hoạch của dân. Do đó phải tránh hai mùa ấy. Dân phải bỏ một mùa thì thiên hạ chết đói chết rét vô số kể. Thử tính xem: Khi xuất quân thì vũ khí các loại (như tên tre, cờ lông, màn, trướng, áo giáo, khiên lớn, khiên nhỏ, giáo mác, v.v...) bị hư hao, mất mát, sẽ không thu hồi được vô số kể. Trâu ngựa khi đi béo tốt, khi về ốm đói chết dọc đường vô số kể. Đường xá xa xôi, lương thực thiếu thốn, dân chúng chết vô số kể. Ăn ở không yên, no đói thất thường, nên dân chết vô số kể. Thế là quỷ thần mất đi vô số kẻ cúng tế. Tại sao họ trị nước mà cứ chiếm đoạt của cải của dân [để phục vụ chiến tranh]? Bởi vì họ háo danh thắng trận và hám lợi. Xét cái danh thắng trận thì không dùng vào việc gì. Xét cái lợi của chiến thắng thì nó không bù đắp nổi sự tổn thất quá lớn của dân. [...] Bọn ủng hộ chiến tranh xâm lược nói: "Phía nam có nước Kinh và nước Ngô, phía bắc có nước Tề và nước Tấn. Thuở đầu được phong chư hầu, đất của họ không tới vài trăm dặm vuông, dân số non vài chục vạn. Nhờ đánh nhau mà đất rộng thêm vài nghìn dặm, dân đông đến mấy triệu. Vậy thì không nên phản chiến." Mặc Tử nói: "Tuy có bốn năm nước được lợi, nhưng đó là việc trái đạo. Thí dụ như thầy thuốc lấy một thứ thuốc mà trị bệnh cho thiên hạ. Một vạn người dùng thuốc mà chỉ dăm người khỏi bệnh, như vậy không thể nói là thuốc đó trị được bệnh. Người con có hiếu sẽ không lấy thuốc đó cho cha mẹ uống. Bề tôi trung thành sẽ không lấy thuốc đó cho vua uống. Ngày xưa, các nước được phong trong thiên hạ rất nhiều. Tai nghe chuyện xưa, mắt thấy chuyện nay: số nước chư hầu bị tiêu diệt vì chính sách xâm lược rất nhiều."»[42]

Jeremy Bentham cho rằng mục đích của đạo đức và pháp luật là mưu

[42] *Mặc Tử* 墨子 (Phi Công 非攻 trung).

cầu hạnh phúc tối đa cho đại đa số nhân dân.[43] Mặc Tử cũng có ý ấy nên chủ trương phản chiến. *Mạnh Tử* cũng nói: «Kẻ thiện chiến phải chịu hình phạt cao nhất.»[44] Tuy nhiên Mặc Tử phản chiến là vì chiến tranh gây bất lợi, còn Mạnh Tử phản chiến là vì chiến tranh vốn bất nghĩa. Cứ xem đoạn đối đáp giữa Mạnh Tử và Tống Khanh 宋牼 thì ta đủ thấy điều đó.[45] Tống Khanh muốn yết kiến vua Tần và vua Sở để thuyết họ ngưng binh, bởi vì chiến tranh vốn bất lợi. Mạnh Tử chủ trương lấy nhân và nghĩa để thuyết hai vua. Cho dù Tống Khanh không phải là Mặc gia, thì sự việc này cũng cho thấy quan điểm khác biệt giữa Mạnh Tử và Mặc Tử.

7. Chế tài tôn giáo

Tuy Mặc Tử cho rằng đạo kiêm ái là giải pháp duy nhất để cứu đời, nhưng ông không cho rằng người ta vốn dĩ thương nhau. Sách *Mặc Tử* chép: «Mặc Tử thấy người ta nhuộm tơ mà than thở: "Muốn nhuộm xanh thì ra xanh, muốn nhuộm vàng thì ra vàng. Hễ nhúng tơ vào phẩm màu là một lần đổi màu. Nhúng năm lần thì năm lần đổi màu. Cho nên hễ nhuộm thì phải cẩn thận."»[46] Mặc Tử cho rằng nhân tính giống như tơ chưa nhuộm (*tố ti* 素絲), bản tính trở nên thiện hay ác là do nhuộm mà ra (*sở nhiễm* 所染). Vì thế cần phải lấy đạo kiêm ái mà nhuộm con người, để cho họ làm lợi cho nhau thay vì làm hại nhau. Nhưng thông thường cái hiểu biết của người ta vốn thiển cận, nên khó khiến cho họ thấy cái lợi của kiêm ái, và thấy cái hại của không kiêm ái. Do đó Mặc

---

[43] Jeremy Bentham, *Introduction to the Principles of Morals and Legislature* (Dẫn nhập các nguyên lý của đạo đức và lập pháp), Oxford, 1907: «The purpose of morality and laws is to procure the greatest happiness for the greatest number.»

[44] *Mạnh Tử* 孟子 (Ly Lâu 離婁 thượng –14): «Thiện chiến giả phục thượng hình.» 善戰者服上刑.

[45] *Mạnh Tử* 孟子 (Cáo Tử 告子 hạ-4).– LAM chú: Tống Khanh (thường bị phiên âm sai là Tống Hình, bởi vì phiên thiết của 牼 là *khát canh thiết* 渴耕切 = *khanh*) vốn là một Mặc gia, nghe tin Tần và Sở sắp đánh nhau bèn tính đi thuyết cho hai vua Tần và Sở ngưng binh. Giữa đường gặp Mạnh Tử. Mạnh Tử hỏi Tống Khanh đi đâu. Tống Khanh nói lý do. Mạnh Tử bảo Tống Khanh thử trưng lý lẽ xem có thể thuyết phục hai vua đó ngưng binh hay không. Tống Khanh nói sẽ thuyết rằng chiến tranh gây bất lợi cho cả hai nước. Mạnh Tử bác lý lẽ ấy. Ông cho rằng không thể đặt mọi quan hệ dựa trên lợi. Nếu ai nấy đều vì hám lợi mà làm, thì mọi tội ác sẽ xảy ra. Như thế chẳng bằng dùng nhân và nghĩa để thuyết phục hai nước ngưng binh.

[46] *Mặc Tử* 墨子 (Sở Nhiễm 所染).

Tử chú trọng các loại *chế tài* [47] [tôn giáo và chính trị] để người ta có thể thương nhau.[48]

Mặc Tử chú trọng sự chế tài tôn giáo, ông cho rằng Thượng Đế trên cao thưởng người *kiêm* và phạt người *biệt*. Sách *Mặc Tử* chép: «Thiên tử là người rất giàu sang trong thiên hạ, cho nên muốn giàu sang thì phải thuận theo ý Trời. Thuận ý Trời tức là con người phải thương yêu và làm lợi cho nhau, như vậy Trời sẽ thưởng cho. Trái ý Trời tức là ghét và làm hại nhau, như vậy Trời sẽ phạt cho. Ai đã được Trời thưởng? Ai đã bị Trời phạt? Mặc Tử nói: "Thánh vương thời Tam đại là Vũ, Thang, Văn Vương, Vũ Vương vì thuận theo ý Trời mà được thưởng. Các bạo chúa thời Tam đại là Kiệt, Trụ, U, Lệ vì trái ý Trời mà bị phạt." Vũ, Thang, Văn Vương, Vũ Vương đã làm gì mà được Trời thưởng? Mặc Tử nói: "Các ngài ấy trên thì tôn kính Trời, giữa thì thờ quỷ thần, dưới thì yêu mến dân. Cho nên ý Trời nói: '*Mọi người ta yêu thì họ cũng yêu; mọi người ta làm lợi cho thì họ cũng làm lợi cho. Yêu người rất rộng, làm lợi cho người rất dày.*' Cho nên Trời khiến cho sang thì làm thiên tử, khiến cho giàu thì có cả thiên hạ, sự nghiệp truyền cho con cháu đến vạn đời, đời đời khen là thiện, tiếng thơm lan khắp thiên hạ, đến nay vẫn còn. Họ gọi là thánh vương." Kiệt, Trụ, U, Lệ đã làm gì mà bị phạt? Mặc Tử nói: "Họ trên thì báng bổ Trời, giữa thì mắng mỏ quỷ thần, dưới thì hại người. Cho nên ý Trời nói: '*Những kẻ ta yêu thì họ ghét; những kẻ ta muốn làm lợi cho thì họ làm hại. Hại người rất rộng, ghét người rất dày.*' Cho nên họ không được trọn tuổi thọ, hậu duệ bị dứt tuyệt. Đến nay họ còn bị chê là bạo vương. Nhưng làm sao biết Trời thương yêu con người? Vì Trời lấy *kiêm* mà làm cho họ sáng láng. Làm sao biết như vậy? Vì Trời lấy *kiêm* mà có hết thảy. Làm sao biết như vậy? Vì trong bốn biển, dân ăn ngũ cốc (tức con người văn minh) ai cũng dùng cỏ nuôi trâu bò dê, dùng cơm nuôi chó heo, làm rượu tinh khiết cúng Thượng Đế và quỷ thần. Trời có dân chúng, lẽ nào không yêu họ? Hơn nữa, như tôi đã nói,

---

[47] LAM chú: *Chế tài* 制裁 nghĩa là: dùng pháp luật hay sức mạnh của xã hội để quán thúc và phán xử hay trừng phạt; tiếng Anh dịch là *sanction* (trừng phạt). Thí dụ: *kinh tế chế tài* = trừng phạt kinh tế (economic sanction). *Chế tài* và *trừng phạt* đều là từ Hán Việt, nên tôi dùng từ *chế tài* theo đúng nguyên bản. Ở đây Mặc Tử thiết lập hai loại: *chế tài tôn giáo* (religious sanction) và *chế tài chính trị* (political sanction).

[48] Bentham nói sự khoái lạc và đau khổ của con người có bốn nguồn phát sinh: *vật chất, chính trị, đạo đức,* và *tôn giáo*. Pháp luật và các quy tắc về hành vi đều lợi dụng sự khoái lạc hay đau khổ (phát sinh từ bốn nguồn ấy) để khuyến khích hay cưỡng chế con người. Bentham gọi bốn nguồn đó là *bốn chế tài* (four sanctions). –Jeremy Bentham, *sách đã dẫn,* tr. 25.

Hễ một người vô tội bị giết thì điều chẳng lành sẽ giáng xuống. Giết người vô tội là ai? Là người. Giáng điều chẳng lành là ai? Là Trời. Nếu Trời không yêu trăm họ thì chuyện kẻ này giết người kia có liên can gì đến Trời mà trời phải giáng điều chẳng lành? Do đó mà biết Trời yêu khắp trăm họ trong thiên hạ."»[49]

Qua lời trên, Mặc Tử muốn chứng minh Thượng Đế hiện hữu và có ý chí. Lý luận của luận chứng trên khá thô thiển bởi vì Mặc Tử không chú trọng *siêu hình học*.[50] Kỳ thực, ông chỉ muốn thiết lập một thứ chế tài để mọi người thương nhau mà thôi.

Sách *Mặc Tử* chép: «Ý Trời không muốn: nước lớn đánh nước nhỏ, kẻ mạnh hiếp kẻ yếu, kẻ khôn lừa kẻ ngu, kẻ sang khinh kẻ hèn. Không chỉ thế, Trời còn muốn: người khoẻ giúp người yếu, người có đạo dạy bảo người ngu, người giàu giúp đỡ người nghèo. Trời còn muốn bậc trên lắng nghe dân mà cai trị, còn kẻ dưới gắng sức làm theo. Như thế thì đất nước yên bình, kẻ dưới chăm chỉ phụng sự, của cải sẽ đủ dùng. Tức là đối nội thì có rượu ngon gạo trắng để cúng tế Trời và quỷ thần; đối ngoại thì có các thứ ngọc quý làm tặng phẩm cho các nước láng giềng để gây tình hữu nghị. Chư hầu không đánh nhau. Binh lính ở biên cương chẳng cần dùng. Trong nước, kẻ đói được ăn, kẻ vất vả được nghỉ ngơi, vạn dân được nuôi nấng. Vua sẽ anh minh, bề tôi sẽ trung thành, cha sẽ hiền từ, con cái sẽ hiếu thảo, anh em sẽ hoà thuận. Cho nên khi ai cũng hiểu cần thuận theo ý Trời và thực hành việc tốt rộng khắp thì chính trị yên ổn, vạn dân hoà thuận, nước giàu, của cải sung túc, trăm họ cơm no áo ấm, bình yên không âu lo.»[51]

Ngoài Thượng Đế, còn có quỷ thần, cũng có thể thưởng người thiện và phạt người ác.

Sách *Mặc Tử* nói: «Sau khi thánh vương thời Tam đại mất rồi, thiên hạ đánh mất nghĩa, chư hầu dùng bạo lực để chinh phục nhau, vua không sáng, bầy tôi không trung, cha không hiền, con không hiếu, anh không thương em, em không kính anh, người trên không lắng nghe dân mà cai trị, kẻ dưới không gắng sức làm theo. Dân trở nên dâm loạn và tàn bạo, trộm cướp nổi lên khắp nơi, thiên hạ trở nên đại loạn. Nguyên do ở đâu? Bởi vì ai ai cũng đều nghi hoặc không biết có quỷ thần chăng. Nay nếu làm cho thiên hạ thấy và tin rằng quỷ thần có thể thưởng thiện phạt ác thì thiên hạ làm sao còn loạn được nữa?»[52]

[49] *Mặc Tử* 墨子 (Thiên Chí 天志 : ý trời).

[50] LAM chú: Nguyên tác dùng thuật ngữ «hình thượng học» 形上學 (metaphysics).

[51] *Mặc Tử* 墨子 (Thiên Chí 天志 (trung).

[52] *Mặc Tử* 墨子 (Minh Quỷ 明鬼).

Tuy có quỷ thần nhưng người ta phải cầu xin quỷ thần ban phúc, chứ không thể ngồi đợi quỷ thần giúp.

Sách *Mặc Tử* chép: «Mặc Tử có bệnh, Trật Tỵ 跌鼻 đến thăm, nói: "Tiên sinh bảo quỷ thần sáng suốt, có thể ban phúc, giáng hoạ, thưởng thiện, phạt ác. Tiên sinh là bậc thánh, nay cớ sao lại bệnh? Tiên sinh nói sai hay là quỷ thần không sáng suốt?" Mặc Tử nói: "Ta có bệnh, sao nói quỷ thần không sáng suốt? Bệnh do nhiều nguyên nhân: nóng lạnh, lao nhọc. Nhà có trăm cửa nhưng chỉ đóng một cửa thì kẻ trộm sao không vào được?"»[53]

Mặc Tử dùng các thứ chế tài để cho người ta thương nhau, cho nên ông nói không có định mệnh (*phi mệnh* 非命). Thượng Đế và quỷ thần thưởng phạt ai là xét theo hành vi của kẻ ấy chứ nào phải do định mệnh. Nếu bảo do định mệnh mà bất chấp hành vi con người, thì các thứ thưởng phạt ấy đều không có hiệu lực.

Sách *Mặc Tử* chép: «Thánh vương đời xưa ban hành luật pháp và mệnh lệnh để có chế độ thưởng phạt và để khuyến thiện trừng ác. Do đó người ta trong nhà thì hiếu thuận, trong xóm làng thì lễ phép với trưởng bối, đứng ngồi đều có phép, ra vào đều có chừng mực, giữa nam nữ có sự phân biệt. Vì vậy, kẻ làm quan phủ không trộm cắp, kẻ làm quan giữ thành không tạo phản, vua gặp nạn thì bầy tôi liều chết để cứu giá, vua bôn đào sang nước khác thì bầy tôi chạy theo. Thành thử người đó được thưởng và trăm họ đều khen. Người tin số mệnh thì nói: "Được thưởng là do phần số, chứ đâu phải vì làm điều tốt." Cho nên, họ trong nhà thì không hiếu thuận, trong xóm làng thì không lễ phép với trưởng bối, đứng ngồi đều vô phép, ra vào đều sỗ sàng, nam nữ suồng sã với nhau. Vì vậy, kẻ làm quan phủ thì trộm cắp, kẻ làm quan giữ thành thì tạo phản, vua gặp nạn thì bầy tôi bỏ mặc, vua bôn đào sang nước khác thì bầy tôi không chạy theo. Thành thử người đó bị phạt và trăm họ đều chê. Người tin số mệnh thì nói: "Bị phạt là do số mệnh chứ đâu phải vì có tội." Nếu thế, kẻ làm vua sẽ bất nghĩa, kẻ làm tôi sẽ bất trung, kẻ làm cha sẽ bất từ, kẻ làm con sẽ bất hiếu, kẻ làm anh bất lương, kẻ làm em bất đễ. Cố chấp vào số mệnh thì tự phát sinh lời nói ác và đó là cái đạo của bọn hung bạo.»[54]

8. Chế tài chính trị

Ngoài chế tài tôn giáo, Mặc Tử còn chú trọng chế tài chính trị.

---

[53] *Mặc Tử* 墨子 (Công Mạnh 公孟).

[54] *Mặc Tử* 墨子 (Phi Mệnh 非命 thượng).

Ông cho rằng muốn cho thế giới hoà bình và nhân dân khang lạc thì chúng ta không những cần có Thượng Đế trên trời mà còn cần có Thượng Đế ở trần gian nữa.

Sách *Mặc Tử* chép: «Ngày xưa lúc dân mới sinh ra, pháp luật và chính phủ chưa có. Cho nên mỗi người mỗi ý, trăm người trăm ý, người càng đông thì ý càng nhiều. Ai cũng cho ý mình đúng, ý người khác sai, cho nên chê bai nhau. Vì thế, trong nhà thì cha con anh em oán ghét nhau, ly tán nhau, không hoà hợp nhau. Trăm họ trong thiên hạ đều lấy nước, lửa, thuốc độc mà hại nhau. Kẻ mạnh không giúp kẻ yếu. Của cải dư thừa để cho mục nát chứ không chia sẻ nhau. Những cách thức hay tốt thì giấu giếm chứ không dạy nhau. Thiên hạ loạn không khác chi cầm thú. Thiên hạ loạn vì không có người trên nắm giữ chính trị. Vì thế, thiên hạ chọn người hiền và giỏi giang để làm thiên tử. [...] Thiên tử ban lệnh cho thiên hạ rằng: "Hễ nghe điều thiện hay ác thì phải báo cáo cho bậc trưởng bối. Trưởng bối cho là đúng thì phải tin là đúng; cho là sai thì phải tin là sai."»[55]

Trong lịch sử triết học Tây phương cận đại, Thomas Hobbes cho rằng con người ban sơ chưa có quốc gia, ở trong trạng thái thiên nhiên, mọi người đều coi nhau là cừu địch, và chiến tranh liên miên. Mọi người đều ngao ngán cảnh đó nên bất đắc dĩ phải lập ra một kẻ thống trị tuyệt đối và quy phục ông ta. Khởi nguyên của quốc gia là thế, nên uy quyền của nó rất lớn. Nếu không, quốc gia tan rã và con người trở lại trạng thái thiên nhiên. Quốc gia và Thượng Đế có uy quyền tuyệt đối giống nhau, chỉ khác ở chỗ: Thượng Đế thì tồn tại mãi, còn quốc gia thì có thể suy tàn, diệt vong.[56] Triết học chính trị của Mặc Tử cũng giống như triết học chính trị của Hobbes.[57]

Trước khi có quốc gia, luật pháp, và chính trị, thì thiên hạ đại loạn bởi vì tiêu chuẩn đúng sai chưa có. Do đó, sau khi quốc gia đã lập rồi, hiệu lệnh của thiên tử là tiêu chuẩn tuyệt đối để đánh giá đúng sai. Ngoài tiêu chuẩn đó, dân không được theo bất cứ tiêu chuẩn nào khác. Cho nên, ngoài

---

[55] *Mặc Tử* 墨子 (Thượng Đồng 尚同 thượng).

[56] Thomas Hobbes, *The Leviathan*, phần I, chương 17.

[57] *Mặc Tử* 墨子 (Thượng Đồng 尚同 trung) chép: «Thời xưa Thượng Đế và quỷ thần lập quốc, định đô, và chọn các bậc cai trị không phải là để làm cho tước vị của họ cao sang, cho lợi lộc của họ hậu hĩnh, cho họ phú quý dật lạc không âu lo; mà chính là để cho vạn dân được lợi, để trừ hại, để khiến người nghèo trở nên giàu, để thiểu số trở nên đông đúc, để dẹp yên nguy hiểm và để trị loạn.» Ở đây, quốc gia là do Thượng Đế và quỷ thần thiết lập. Đây là một lý thuyết chẳng có gì lạ lùng, vì Mặc Tử vốn là người tin sự hiện hữu của ý Trời (Thiên chí).

chế tài chính trị ra, không được có thêm chế tài xã hội nữa.

Sách *Mặc Tử* chép: «Ngày nay cớ sao người trên không trị được kẻ dưới, kẻ dưới không tuân theo người trên, và họ còn làm hại lẫn nhau? Tại sao? Bởi vì *lẽ phải* (nghĩa 義) không thống nhất. Nếu lẽ phải không thống nhất thì nạn bè đảng phát sinh. Khi người trên đánh giá ai đó là tốt và khen thưởng. Hắn tuy được thưởng nhưng lại sợ trăm họ huỷ báng [vì mọi người không cùng tiêu chuẩn đánh giá]. Do đó người làm thiện không được khuyến khích, khen thưởng. Khi người trên đánh giá ai đó là ác và trừng phạt. Hắn tuy bị phạt nhưng lại được trăm họ khen [vì mọi người không cùng tiêu chuẩn đánh giá]. Do đó kẻ gây ác không bị ngăn cấm, trừng phạt. Vậy sự khen thưởng của người trên không đủ để khuyến thiện, sự trừng phạt của người trên không đủ để trừng ác. Tại sao? Vì mọi người không thống nhất với nhau về lẽ phải.»[58]

Thomas Hobbes cho rằng cái bệnh của quốc gia là tại đa đoan, một phần do bởi sự độc hại của các tà thuyết làm mê hoặc nhân tâm. Các tà thuyết ấy khiến cho mỗi cá nhân có thể phán xét mọi hành vi thiện hay ác theo cách riêng.[59] Mặc Tử cũng thấy như thế, nên bảo mọi người cần phải tuân theo người trên và chớ so bì với người dưới (thượng đồng nhi bất hạ tỷ 上同而不下比).

Sách *Mặc Tử* nói: «Muốn thống nhất *lẽ phải* (nghĩa 義) trong thiên hạ thì làm thế nào? Mặc Tử nói: "Sao không khiến gia trưởng làm trước? Gia trưởng ra lệnh trong nhà: 'Hễ thấy ai yêu và làm lợi cho nhà thì phải báo cáo. Hễ thấy ai ghét và làm hại cho nhà thì cũng báo cáo.' Gia trưởng sẽ khen thưởng người yêu và làm lợi cho nhà; đồng thời trách phạt người ghét và làm hại cho nhà. Như vậy mọi người trong nhà đều làm điều tốt để được khen thưởng và tránh bị trách phạt. [...] Thử xét một nhà yên ổn như vậy là vì sao? Bởi vì người trên và người dưới thống nhất với nhau về lẽ phải. Nhà đã yên ổn rồi, đạo trị nước đã xong chưa? Chưa, bởi vì trong thiên hạ có vô số nhà. Nhà nào cũng cho mình phải mình đúng mà chê bai nhà khác. Do đó mà sinh loạn lớn hoặc tranh chấp. Vậy phải buộc các nhà trong cả nước phải thống nhất với vua về lẽ phải. Vua ban pháp lệnh cả nước: 'Hễ thấy ai yêu và làm lợi cho nước thì phải báo cáo. Hễ thấy ai ghét và làm hại cho nước thì cũng báo cáo.' Vua sẽ khen thưởng người yêu và làm lợi cho nước; đồng thời trách phạt người ghét và làm hại cho nước. Như vậy mọi người trong nước đều làm điều tốt để được khen thưởng

---

[58] *Mặc Tử* 墨子 (Thượng Đồng 尚同 hạ).

[59] Thomas Hobbes, *The Leviathan*, phần II, chương 29.

và tránh bị trách phạt. [...] Thử xét một nước yên ổn như vậy là vì sao? Bởi vì người trên và người dưới thống nhất với nhau về lẽ phải."»[60]

Người dưới phải vâng theo người trên. Người trên phải lấy việc tương ái và tương lợi làm cơ sở để ra lệnh. Như thế người trong thiên hạ ai mà chẳng thương nhau, làm lợi cho nhau. Tuy nhiên nếu răm rắp vâng theo người trên thì cá tính của con người sẽ không phát triển được gì cả. *Tuân Tử* chê: «Mặc Tử có cái thấy ở chỗ bằng nhau mà không có cái thấy ở chỗ khác nhau.»[61] Sở dĩ không thấy được chỗ khác nhau bởi vì quá chú trọng vào việc bắt mọi người phải răm rắp giống nhau.

Mặc Tử nói mọi người nên tuân theo ý Trời (Thiên chí 天志), nhưng dựa vào các đẳng cấp (nhà, vua chư hầu, thiên tử) theo thuyết *thượng đồng* 尚同 thì chỉ có thiên tử mới có thể vâng ý Trời. Thiên tử thay Trời ban lệnh, nhân dân chỉ phục tùng theo.

Cho nên, theo ý Mặc Tử, cần có chế tài chính trị chứ không cần có chế tài xã hội. Còn chế tài tôn giáo cũng chỉ là dựa vào chế tài chính trị. Quan điểm của Mặc Tử giống quan điểm của Thomas Hobbes. Hobbes cho rằng giáo hội không thể đứng ngoài quốc gia và có quyền lực độc lập. Nếu giáo hội đứng ngoài quốc gia và có quyền lực độc lập thì quốc gia sẽ bị chia cắt, sẽ không tồn tại. Theo ông, nếu nhân dân chỉ theo tín ngưỡng cá nhân chứ không theo pháp luật thì nước sẽ bị diệt vong.[62] Theo thuyết *thượng đồng* của Mặc Tử, ý chí của Thượng Đế và người nắm chủ quyền (tức thiên tử) tương hợp mà không xung đột. Như thế, thiên tử cũng là giáo hoàng.

9. Dư luận

Mặc Tử cho rằng người ta nên hy sinh tất cả để cầu *phú* 富 và *thứ* 庶 (giàu có và đông đúc). Thuyết này rất có căn cứ. Theo sinh vật học, mọi sinh vật đều muốn bảo tồn chính mình và chủng tộc của mình. Theo phân tâm học, lòng ham muốn mạnh nhất của chúng ta là lòng *tự tư* 自私 (ích kỷ) và ham muốn tính dục nam nữ. Ý Mặc Tử cũng muốn cho

---

[60] ***Mặc Tử*** 墨子 **(Thượng Đồng** 尚同 **hạ).– LAM chú: Cũng theo cách lý luận ấy, Mặc Tử muốn có sự thống nhất về lẽ phải giữa mọi người. Trước tiên là thống nhất về lẽ phải trong một nhà, rồi giữa các nhà với vua [chư hầu], rồi giữa các vua [chư hầu] với thiên tử, rồi giữa thiên tử với Trời. Theo chính sách thống nhất về lẽ phải với người trên, ở thiên tử thì trị được thiên hạ, ở vua chư hầu thì trị được một nước, ở gia trưởng thì trị được một nhà.**

[61] ***Tuân Tử*** 荀子 **(Thiên Luận** 天論**): «Mặc Tử hữu kiến ư tề, vô kiến ư kỳ.»** 墨子有見於齊無見於畸.

người đời có thể duy trì cuộc sống, kết hôn, sinh con, khiến nhân loại ngày càng đông đúc. Đạo kiêm ái, chế độ quốc gia, và các phương pháp khác đều nhằm đạt đến mục đích ấy.

Ý nghĩa cơ bản ấy vốn không sai, nhưng cái học thuyết đó khuyên chúng ta nên hy sinh tất cả những cái hưởng thụ trước mắt để cầu mong mục đích xa xôi trong tương lai, vì thế mà thành ra quá tính toán. Sách *Trang Tử* phê bình Mặc học rằng: «Không xa xỉ phô trương với đời sau, không lãng phí mọi vật, không khoe khoang về điển chương chế độ, gắng giữ kỷ luật để sẵn sàng cứu giúp việc khẩn cấp của đời; đạo thuật đời xưa có chủ trương đó. Mặc Địch 墨翟 và đệ tử Cầm Hoạt Ly 禽滑釐 nghe phong khí đó thì thích, nhưng họ tỏ ra thái quá và tạo ra sự khắc khổ cho bản thân. Họ vin vào lý do *tiết dụng* mà cấm nhạc, bảo rằng sống thì chớ ca hát, người thân chết thì không mặc tang phục. Mặc Tử chủ trương *kiêm ái*, mưu lợi chung cho thiên hạ, và phản chiến. Đạo của ông dạy không oán giận. Ông hiếu học và uyên bác. Ông mong mọi người đừng khác nhau, nhưng chủ trương của ông khác với các vua trước. Ông bỏ hết lễ nhạc đời xưa như: nhạc Hàm Trì 咸池 của Hoàng Đế 黃帝, nhạc Đại Chương 大章 của vua Nghiêu 堯, nhạc Đại Thiều 大韶 của vua Thuấn 舜, nhạc Đại Hạ 大夏 của vua Vũ 禹, nhạc Đại Hộ 大濩 của vua Thang 湯, nhạc Tịch Ung 辟雍 của Văn Vương 文王, nhạc Vũ 武 của Vũ Vương 武王 và Chu Công 周公. Tang lễ ngày xưa có nghi thức tuỳ sang hèn, tuỳ đẳng cấp. Quan quách[63] của thiên tử có bảy lớp, của chư hầu có năm, của đại phu có ba, của kẻ sĩ có hai. Nay theo Mặc Tử, hễ sống thì không ca hát, hễ thân nhân chết thì không mặc tang phục. Quan tài bằng gỗ ngô đồng dày ba tấc mà không dùng quách. Ông cho đó là khuôn mẫu ra dạy người. Dạy thế e rằng không phải yêu người; tự đem đạo ấy thực hành cho mình, e rằng không phải yêu mình. Tôi không công kích đạo của Mặc Tử. Nhưng người ta hát mà ông cấm, người ta khóc mà ông chê. Như thế có hợp tình người chăng? Người ta sống thì cần lao, mà chết thì tang ma bạc bẽo. Đạo Mặc Tử khắc khổ quá, khiến cho người ta lo và tủi, mà làm được thế lại khó khăn. Tôi e rằng đó không phải là đạo của thánh nhân, vì trái với nhân tâm, không ai chấp nhận nó. Mặc Tử theo được, nhưng người khác thì sao? Ông ấy cách biệt với thiên hạ như thế thật là xa

---

[62] **Thomas Hobbes, *The Leviathan*, phần II, chương 29.**

[63] **LAM chú: Hòm của quý tộc có hai lớp: lớp trong là *quan* 棺, lớp ngoài là *quách* 槨. Người ta thường nói: «Trong quan ngoài quách.»**

đạo của thánh vương vậy.»[64] Đoạn phê bình này thực là chính đáng. Mặc học không truyền được cho hậu thế có lẽ vì thế.

Tuân Tử cũng phê bình Mặc Tử: «Mặc Tử bị cái dụng che lấp mà không biết giá trị của văn hoá.»[65] Nhưng sách *Thuyết Uyển* 說苑 của Lưu Hướng 劉向 (77-6 TCN) nói: «Cầm Tử 禽子 hỏi Mặc Tử: "Thưa thầy, gấm, vải thêu, vải mịn, vải thô để làm chi?" Mặc Tử đáp: "Nay gặp năm đói, có người muốn cho anh viên ngọc của Tuỳ Hầu 隨侯. Anh không được bán, chỉ để trang sức. Người đó lại muốn cho anh một chung thóc. Hễ lấy ngọc thì không lấy thóc, lấy thóc thì không lấy ngọc. Anh chọn ngọc hay thóc?" Cầm Tử nói: "Tôi lấy thóc để cứu đói." Mặc Tử nói: "Phải. Cớ gì phải đua đòi xa xỉ? Thánh nhân chẳng gấp tìm các thứ vô dụng, chẳng vội ham hành vi hời hợt và dật lạc. Cho nên, trước phải ăn no mặc ấm ở yên, sau mới cầu ăn ngon mặc đẹp ở vui. Trước phải chú trọng *chất* 質 (thực chất), sau mới chú trọng *văn* 文 (văn vẻ bên ngoài). Đó mới là cái thánh nhân quan tâm."»[66]

Nếu câu chuyện trên có thực thì Mặc Tử không ghét xa xỉ và văn vẻ. Văn vẻ cũng tốt, nhưng trước hết cần phải có thực chất, sau mới cần văn vẻ. Trước tiên chúng ta cần sống sót cái đã, rồi sau đó mới cần sống tốt đẹp. Đó là thực tế không ai chối cãi. Nhưng khiến cho tất cả mọi người trên đời đều có cuộc sống tốt đẹp thật là khó thay. Cho nên Mặc Tử chủ trương tiết dụng, chuyên cần, kham khổ. Không phải Mặc Tử không biết văn vẻ là tốt, nhưng ông cảm thấy rằng con người chưa thể nhàn rỗi để tạo văn vẻ.

---

[64] *Trang Tử* 莊子 (Thiên Hạ 天下).

[65] *Tuân Tử* 荀子 (Giải Tế 解蔽): «Mặc Tử tế ư dụng nhi bất tri văn.» 墨子蔽於用而不知文.

[66] Lưu Hướng 劉向, *Thuyết Uyển* 說苑 (*Phản Chất* 反質).– LAM chú: ① Cầm Tử 禽子 tức là Cầm Hoạt Ly 禽滑釐, đệ tử của Mặc Tử. ② Viên ngọc của Tuỳ Hầu (*Tuỳ Hầu chi châu* 隋侯之珠): hạt châu rất quý. Tuỳ Hầu là chư hầu của nhà Hán. Tùy Hầu trông thấy một con rắn lớn bị thương nên dùng thuốc cứu chữa; về sau con rắn ngậm hạt châu dâng trả ơn, nên gọi là hạt châu Tùy Hầu, nghĩa rộng là hạt châu rất quý. Trong *Sưu Thần Ký* 搜神記 và *Thuỷ Kinh Chú* 水經注 gọi nó là Linh xà châu 靈蛇珠. Điển cố này còn gọi là Tuỳ châu 隋珠, Tuỳ Hầu châu 隋侯珠. Xem: Vu Thạch 于石, Vương Quang Hán 王光漢, Từ Thành Chí 徐成志, *Thường Dụng Điển Cố Từ Điển* 常用典故詞典, Thượng Hải Từ Thư xuất bản xã, 1998, trang 467.

CHƯƠNG 6

MẠNH TỬ VÀ MẠNH HỌC

1. Sứ mạng và địa vị của Mạnh Tử trong lịch sử Trung Quốc

Sau khi Khổng Tử qua đời, tình hình Nho gia về *Sử Ký* của Tư Mã Thiên chép: «Sau khi Khổng Tử mất, 70 học trò tản mác và chu du các chư hầu. Lớn thì làm sư phó (dạy học) hay khanh tướng; nhỏ thì làm sĩ đại phu hoặc đi ở ẩn. Tử Lộ 子路 ở nước Vệ, Tử Trương 子張 ở nước Trần, Đạm Đài Tử Vũ 澹臺子羽 ở nước Sở, Tử Hạ 子夏 ở Tây Hà, Tử Cống 子貢 chết ở nước Tề. Bọn Điền Tử Phương 田子方, Đoàn Can Mộc 段干木, Ngô Khởi 吳起, Cầm Hoạt Ly 禽滑釐 đều thụ giáo Tử Hạ và sau đó họ dạy học cho các vua. Thời đó chỉ có Nguỵ Văn Hầu 魏文侯 (403-387) là hiếu học. Sự học suy dần đến đời Tần Thuỷ Hoàng 秦始皇 (246-210). Thiên hạ chiến tranh khắp nơi, Nho học suy tàn. Nhưng ở hai nước Tề và Lỗ, các học giả vẫn không phế bỏ Nho học. Khoảng giữa đời Tề Uy Vương 齊威王 (357-320) và Tề Tuyên Vương 齊宣王 (319-301),[1] Mạnh Tử 孟子 và Tuân Khanh 荀卿 tôn vinh sự nghiệp của Khổng Tử và phát triển Nho học. Cái học của họ nổi tiếng đương thời.»[2]

Mạnh Tử

Khổng Tử là người đầu tiên lấy việc dạy học làm nghề nghiệp.

---

[1] **Derk Bodde chú: Về năm cai trị của các vua này, xem: Maspero, *La chronologie des rois de Ts'i (Niên biểu các vua nước Tề)*, in trong *Thông Báo*, 1927, số 5.**

[2] **Tư Mã Thiên 司馬遷, *Sử Ký* 史記 (Nho Lâm truyện 儒林傳).**

Các đệ tử của ông về sau cũng lấy việc dạy học làm nghề nghiệp, nhưng nổi tiếng ở đời thì chỉ có Mạnh Tử và Tuân Khanh (tức Tuân Tử). Mạnh Tử và Tuân Tử đáng gọi là bậc đại sư đứng sau Khổng Tử. Địa vị Khổng Tử trong lịch sử Trung Quốc cũng y như địa vị của Socrate trong lịch sử Tây phương (tôi đã nói ở chương 4). Địa vị Mạnh Tử trong lịch sử Trung Quốc cũng y như địa vị của Plato trong lịch sử Tây phương, cả tính cách lẫn triết học của họ rất lý tưởng. Còn địa vị Tuân Tử trong lịch sử Trung Quốc cũng y như địa vị của Aristotle trong lịch sử Tây phương, cả tính cách lẫn triết học của họ rất thực tế.

Sử Ký chép: «Mạnh Kha 孟軻 người nước Trâu 鄒, học nơi Tử Tư 子思 (cháu nội của Khổng Tử). Học thành tài liền đi du thuyết và muốn phục vụ Tề Tuyên Vương 齊宣王. Tuyên Vương không dùng, ông bèn đi sang nước Lương 梁. Lương Huệ Vương 梁惠王 (370-319) không tin lời ông, cho là viển vông không thực tế. Bấy giờ nước Tần dùng Thương Quân 商君 nên nước giàu binh mạnh. Sở và Ngụy dùng Ngô Khởi 吳起 để xâm lược các nước yếu. Tề Uy Vương và Tề Tuyên Vương dùng bọn Tôn Tử 孫子 và Điền Kỵ 田忌, chư hầu phải xoay mặt về hướng đông mà bèn quy phục nước Tề. Thiên hạ chuộng chính sách *hợp tung* và *liên hoành*, xem chiến tranh là hay. Mạnh Kha thi hành đạo đức của đời Đường (tức đời vua Nghiêu), Ngu (tức đời vua Thuấn), và Tam Đại, vì thế mà không hợp thời. Ông lui về cùng bọn Vạn Chương 萬章, viết lời tựa cho *Thi*, *Thư*, thuật lại tư tưởng của Khổng Tử, và làm sách *Mạnh Tử* (có 7 thiên).»[3]

Sử Ký không ghi năm sinh và năm mất của Mạnh Tử, nhưng theo *Mạnh Tử niên phổ* 孟子年譜 của Trình Phục Tâm 程復心 đời Nguyên thì Mạnh Tử sinh năm thứ tư đời Chu Liệt Vương 周烈王 (372 TCN) và mất năm 26 đời Noãn Vương 赧王 (289 TCN). Mạnh Tử là người nước Trâu. Nước Trâu nhỏ và rất gần nước Lỗ (nay là Sơn Đông), đều là căn cứ địa của Nho gia. Vì thế Trang Tử mới gọi Nho gia là «những kẻ sĩ và quan đại phu của Trâu và Lỗ».[4]

---

[3] **Tư Mã Thiên 司馬遷, *Sử Ký* 史記 (Mạnh Tử - Tuân Khanh liệt truyện 孟子荀卿列傳).– LAM chú: 7 thiên trong sách *Mạnh Tử* là: ① Lương Huệ Vương, ② Công Tôn Sửu, ③ Đằng Văn Công, ④ Ly Lâu, ⑤ Vạn Chương, ⑥ Cáo Tử, ⑦ Tận Tâm. Mỗi thiên có 2 phần: thượng và hạ.**

[4] ***Trang Tử* 莊子 (Thiên Hạ 天下): «Trâu Lỗ chi sĩ, tấn thân tiên sinh.» 鄒魯之士搢紳先生.– LAM chú: *Tấn* là cắm vào, *thân* là đai lưng của quan. Ý nói giắt cái hốt vào thắt lưng (tấn hốt ư thân 搢笏於紳 = to stick the official tablet into the girdle), nghĩa rộng là những kẻ làm quan hay sĩ đại phu (court officials). Derk Bodde dịch là «các thầy giáo» (teachers). Xem: *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển*, Thương Vụ Ấn Thư Quán, 2000, tr. 808; *Mathews' Chinese-English Dictionary*, mục từ 1089 (搢).**

Chí nguyện trọn đời của Khổng Tử là nối nghiệp Văn Vương và Chu Công. Còn Mạnh Tử cũng mong trọn đời nối nghiệp Khổng Tử. Sách Mạnh Tử nói:

– «Xưa vua Vũ 禹 [giúp vua Thuấn] trị thuỷ mà thiên hạ bình. Chu Công 周公 [giúp Vũ Vương] thu phục rợ Di 夷 và Địch 狄, đuổi mãnh thú, nên trăm họ được yên. Khổng Tử soạn xong kinh *Xuân Thu* thì loạn thần tặc tử sợ hãi. [...] Ta cũng muốn chỉnh đốn nhân tâm, dẹp bỏ tà thuyết, chống lại sự bất công, trừ khử lời dâm đãng, để nối nghiệp ba thánh nhân ấy (tức vua Vũ, Chu Công, Khổng Tử). Ta có ham biện luận đâu, chẳng qua bất đắc dĩ mà thôi.»[5]

– «Đạo truyền hơn 500 năm, từ vua Nghiêu đến vua Thuấn, rồi đến vua Thang. Ông Vũ 禹 và ông Cao Dao 皋陶 thì còn trông thấy được đạo ấy. Đến vua Thang thì chỉ còn nghe truyền tụng mà biết được đạo ấy. Từ vua Thang đến Văn Vương trải hơn 500 năm. Ông Y Doãn 伊尹 và ông Lai Chu 萊朱 thì còn trông thấy được đạo ấy. Đến Văn Vương thì chỉ còn nghe truyền tụng mà biết được đạo ấy. Từ vua Văn Vương đến Khổng Tử trải hơn 500 năm. Ông Thái Công Vọng 太公望 và ông Tản Nghi Sinh 散宜生 thì còn trông thấy được đạo ấy. Đến Khổng Tử thì chỉ còn nghe truyền tụng mà biết được đạo ấy. Từ Khổng Tử đến ta trải hơn trăm năm. Hơn một trăm năm sau Khổng Tử, cách đời các thánh vương không bao xa. Từ nước Trâu sang nước Lỗ rất gần, lẽ nào không ai tận mắt thấy Khổng Tử và biết được đạo của ngài sao? Lẽ nào không có ai nghe truyền tụng mà biết sao?»[6]

---

[5] ***Mạnh Tử*** **孟子 (Đằng Văn Công 滕文公 hạ): «Tích giả Vũ ức hồng thuỷ, nhi thiên hạ bình; Chu Công kiêm di địch, khu mãnh thú, nhi bách tính ninh; Khổng Tử thành Xuân Thu, nhi loạn thần tặc tử cụ [...] Ngã diệc dục chính nhân tâm, tức tà thuyết, cự bá hành, phóng dâm từ, dĩ thừa tam thánh giả. Dư khởi hiếu biện tai! Dư bất đắc dĩ dã.»** 昔者禹抑洪水而天下平；周公兼夷狄，驅猛獸而百姓寧；孔子成春秋而亂臣賊子懼 ... 我亦欲正人心，息邪說，距跛行，放淫辭，以承三聖者，予豈好辯哉！予不得已也.

[6] ***Mạnh Tử*** **孟子 (Tận Tâm 盡心 hạ): «Do Nghiêu, Thuấn chí ư Thang, ngũ bách hữu dư tuế, nhược Vũ, Cao Dao, tắc kiến nhi tri chi; nhược Thang, tắc văn nhi tri chi. Do Thang chí ư Văn Vương, ngũ bách hữu dư tuế, nhược Y Doãn, Lai Chu tắc kiến nhi tri chi; nhược Văn Vương, tắc văn nhi tri chi. Do Văn Vương chí ư Khổng Tử, ngũ bách hữu dư tuế, nhược Thái Công Vọng, Tản Nghi Sinh, tắc kiến nhi tri chi; nhược Khổng Tử, tắc văn nhi tri chi. Do Khổng Tử nhi lai chí ư kim, bách hữu dư tuế, khứ thánh nhân chi thế, nhược thử kỳ vị viễn dã; cận thánh nhân chi cư, nhược thử kỳ thậm dã, nhiên nhi vô hữu hồ nhĩ, tắc diệc vô hữu hồ nhĩ.»** 由堯，舜至於湯，五百有餘歲，若禹，皋陶，則見而知之．若湯，則聞而知之．由湯至於文王，五百有餘歲，若伊尹，萊朱則見而知之；若文王，則聞而知之．由文王至於孔子，五百有餘歲，若太公望，散宜生，則見而知之；若孔子則聞而知之．由孔子而來至於今，百有餘歲，去聖人之世，若此其未遠也；近聖人之居，若此其甚也，然而無有乎爾，則亦無有乎爾.

Ở đây Mạnh Tử ngụ ý rằng ông là người duy nhất trong thời ly loạn có thể kế nghiệp Khổng Tử. Cho nên, ông nói: «Lúc này muốn bình thiên hạ, nếu bỏ ta thì dùng ai?»[7] và: «Ta nguyện học theo Khổng Tử.»[8]

2. Thái độ của Mạnh Tử đối với chế độ của nhà Chu

Khổng Tử lấy lục nghệ dạy người. Nho gia đời sau cũng noi theo đó. *Sử Ký* nói: «Mạnh Tử theo *Thi* và *Thư*, thuật ý chỉ của Trọng Ni.»[9] Triệu Kỳ 趙岐 viết đề từ cho quyển sách Mạnh Tử rằng: «Mạnh Tử thông lục kinh, mà giỏi nhất là *Thi* và *Thư*.»[10] Hiện trong sách Mạnh Tử có 30 chỗ trích dẫn *Thi*, 4 chỗ luận *Thi*, và 18 chỗ trích dẫn *Thư*, một chỗ luận về *Thư*. Lại có chỗ trích dẫn *Thư* mà không nói rõ là «*Thư* viết» 書曰 (*Kinh Thư* nói rằng). Còn thỉnh thoảng thì trích dẫn *Kinh Lễ* và *Kinh Xuân Thu*.[11] Khi giảng *Thi* và *Thư*, Mạnh Tử rất chú trọng ý nghĩa trong *Thi* và *Thư*. Thí dụ Mạnh Tử nói: «*Kinh Thi* chép: "Trời sinh dân, có sự vật, có phép tắc; dân giữ tính thường hằng, vốn yêu đức tốt ấy." Khổng Tử khen: "Kẻ sáng tác bài thơ này có lẽ biết đạo vậy." Có sự vật, tất phải có phép tắc, dân vốn giữ tính thường hằng nên mới yêu cái đức tốt ấy.»[12] Mạnh Tử lại nói: «Lời oán than trong bài thơ Tiểu Bàn 小弁 là bày tỏ tình thương yêu cha mẹ vậy. Thương yêu cha mẹ là nhân. Cao Tẩu giảng *Kinh Thi* thật cố chấp thay.»[13] Giảng *Kinh Thi* không nên cố chấp, cho nên Mạnh Tử nói: «Giảng *Kinh Thi* thì chớ lấy văn hại lời, chớ lấy lời hại chí hướng [của tác giả]. Lấy tâm ý [của mình] mà dò tìm chí hướng [của tác giả] thì mới hiểu được.»[14]

---

7 ***Mạnh Tử*** **孟子 (Công Tôn Sửu 公孫丑 hạ): «Như dục bình trị thiên hạ, đương kim chi thế, xả ngã kỳ thuỳ tai?»** 如欲平治天下，當今之世，舍我其誰哉.

8 ***Mạnh Tử*** **孟子 (Công Tôn Sửu 公孫丑 thượng): «Nãi sở nguyện tắc học Khổng Tử dã.»** 乃所願則學孔子也.

9 **«Mạnh Tử tự Thi Thư, thuật Trọng Ni chi ý.»** 孟子序詩書，述仲尼之意.

10 **«Mạnh Tử thông lục kinh, vưu trường ư Thi Thư.»** 孟子通六經，尤長於詩書.

11 **Trần Lễ** 陳澧, ***Đông Thục Độc Thư Ký*** 東塾讀書記, **quyển 3, tr.9–10.**

12 ***Mạnh Tử*** **(Cáo Tử - thượng): «Thi vân: "Thiên sinh chưng dân, hữu vật, hữu tắc; dân chi bỉnh di, hiếu thị ý đức." Khổng Tử viết: "Vi thử Thi giả, kỳ tri Đạo hồ! Cố hữu vật tất hữu tắc, dân chi bỉnh di dã, cố hiếu thị ý đức."»** 詩云:天生蒸民，有物有則;民之秉彝，好是懿德.孔子曰:爲此詩者，其知道乎.故有物必有則，民之秉之也，故好是懿德.

13 ***Mạnh Tử*** **(Cáo Tử - hạ): «Tiểu Bàn chi oán, thân thân dã; thân thân nhân dã, cố hĩ phù Cao Tẩu chi vi Thi dã.»** 小弁之怨，親親也;親親仁也，故矣夫高叟之爲詩也.

14 ***Mạnh Tử*** **(Vạn Chương - thượng): «Cố thuyết Thi giả, bất dĩ văn hại từ, bất dĩ từ hại chí. Dĩ ý nghịch chí, thị vi đắc chi.»** 故說詩者，不以文害辭，不以辭害志.以意逆志，是爲得之.

Chí nguyện trọn đời của Khổng Tử là nối nghiệp Văn Vương và Chu Công. Còn Mạnh Tử cũng mong trọn đời nối nghiệp Khổng Tử. Sách Mạnh Tử nói:

– «Xưa vua Vũ 禹 [giúp vua Thuấn] trị thuỷ mà thiên hạ bình. Chu Công 周公 [giúp Vũ Vương] thu phục rợ Di 夷 và Địch 狄, đuổi mãnh thú, nên trăm họ được yên. Khổng Tử soạn xong kinh *Xuân Thu* thì loạn thần tặc tử sợ hãi. [...] Ta cũng muốn chỉnh đốn nhân tâm, dẹp bỏ tà thuyết, chống lại sự bất công, trừ khử lời dâm đãng, để nối nghiệp ba thánh nhân ấy (tức vua Vũ, Chu Công, Khổng Tử). Ta có ham biện luận đâu, chẳng qua bất đắc dĩ mà thôi.»[5]

– «Đạo truyền hơn 500 năm, từ vua Nghiêu đến vua Thuấn, rồi đến vua Thang. Ông Vũ 禹 và ông Cao Dao 皋陶 thì còn trông thấy được đạo ấy. Đến vua Thang thì chỉ còn nghe truyền tụng mà biết được đạo ấy. Từ vua Thang đến Văn Vương trải hơn 500 năm. Ông Y Doãn 伊尹 và ông Lai Chu 萊朱 thì còn trông thấy được đạo ấy. Đến Văn Vương thì chỉ còn nghe truyền tụng mà biết được đạo ấy. Từ vua Văn Vương đến Khổng Tử trải hơn 500 năm. Ông Thái Công Vọng 太公望 và ông Tản Nghi Sinh 散宜生 thì còn trông thấy được đạo ấy. Đến Khổng Tử thì chỉ còn nghe truyền tụng mà biết được đạo ấy. Từ Khổng Tử đến ta trải hơn trăm năm. Hơn một trăm năm sau Khổng Tử, cách đời các thánh vương không bao xa. Từ nước Trâu sang nước Lỗ rất gần, lẽ nào không ai tận mắt thấy Khổng Tử và biết được đạo của ngài sao? Lẽ nào không có ai nghe truyền tụng mà biết sao?»[6]

---

[5] ***Mạnh Tử*** **孟子 (Đằng Văn Công 滕文公 hạ): «Tích giả Vũ ức hồng thuỷ, nhi thiên hạ bình; Chu Công kiêm di địch, khu mãnh thú, nhi bách tính ninh; Khổng Tử thành Xuân Thu, nhi loạn thần tặc tử cụ [...] Ngã diệc dục chính nhân tâm, tức tà thuyết, cự bạ hành, phóng dâm từ, dĩ thừa tam thánh giả. Dư khởi hiếu biện tai! Dư bất đắc dĩ dã.»** 昔者禹抑洪水而天下平；周公兼夷狄，驅猛獸而百姓寧；孔子成春秋而亂臣賊子懼 ... 我亦欲正人心，息邪說，距跛行，放淫辭，以承三聖者，予豈好辯哉！予不得已也．

[6] ***Mạnh Tử*** **孟子 (Tận Tâm 盡心 hạ): «Do Nghiêu, Thuấn chí ư Thang, ngũ bách hữu dư tuế, nhược Vũ, Cao Dao, tắc kiến nhi tri chi; nhược Thang, tắc văn nhi tri chi. Do Thang chí ư Văn Vương, ngũ bách hữu dư tuế, nhược Y Doãn, Lai Chu tắc kiến nhi tri chi; nhược Văn Vương, tắc văn nhi tri chi. Do Văn Vương chí ư Khổng Tử, ngũ bách hữu dư tuế, nhược Thái Công Vọng, Tản Nghi Sinh, tắc kiến nhi tri chi; nhược Khổng Tử, tắc văn nhi tri chi. Do Khổng Tử nhi lai chí ư kim, bách hữu dư tuế, khử thánh nhân chi thế, nhược thử kỳ vị viễn dã; cận thánh nhân chi cư, nhược thử kỳ thậm dã, nhiên nhi vô hữu hồ nhĩ, tắc diệc vô hữu hồ nhĩ.»** 由堯，舜至於湯，五百有餘歲，若禹，皋陶，則見而知之．若湯，則聞而知之．由湯至於文王，五百有餘歲，若伊尹，萊朱則見而知之；若文王，則聞而知之．由文王至於孔子，五百有餘歲，若太公望，散宜生，則見而知之；若孔子則聞而知之．由孔子而來至於今，百有餘歲，去聖人之世，若此其未遠也；近聖人之居，若此其甚也，然而無有乎爾，則亦無有乎爾．

Ở đây Mạnh Tử ngụ ý rằng ông là người duy nhất trong thời ly loạn có thể kế nghiệp Khổng Tử. Cho nên, ông nói: «Lúc này muốn bình thiên hạ, nếu bỏ ta thì dùng ai?»[7] và: «Ta nguyện học theo Khổng Tử.»[8]

2. Thái độ của Mạnh Tử đối với chế độ của nhà Chu

Khổng Tử lấy lục nghệ dạy người. Nho gia đời sau cũng noi theo đó. *Sử Ký* nói: «Mạnh Tử theo *Thi* và *Thư*, thuật ý chỉ của Trọng Ni.»[9] Triệu Kỳ 趙岐 viết đề từ cho quyển sách Mạnh Tử rằng: «Mạnh Tử thông lục kinh, mà giỏi nhất là *Thi* và *Thư*.»[10] Hiện trong sách Mạnh Tử có 30 chỗ trích dẫn *Thi*, 4 chỗ luận *Thi*, và 18 chỗ trích dẫn *Thư*, một chỗ luận về *Thư*. Lại có chỗ trích dẫn *Thư* mà không nói rõ là «*Thư* viết» 書曰 (*Kinh Thư* nói rằng). Còn thỉnh thoảng thì trích dẫn *Kinh Lễ* và *Kinh Xuân Thu*.[11] Khi giảng *Thi* và *Thư*, Mạnh Tử rất chú trọng ý nghĩa trong *Thi* và *Thư*. Thí dụ Mạnh Tử nói: «*Kinh Thi* chép: "Trời sinh dân, có sự vật, có phép tắc; dân giữ tính thường hằng, vốn yêu đức tốt ấy." Khổng Tử khen: "Kẻ sáng tác bài thơ này có lẽ biết đạo vậy." Có sự vật, tất phải có phép tắc, dân vốn giữ tính thường hằng nên mới yêu cái đức tốt ấy.»[12] Mạnh Tử lại nói: «Lời oán than trong bài thơ Tiểu Bàn 小弁 là bày tỏ tình thương yêu cha mẹ vậy. Thương yêu cha mẹ là nhân. Cao Tẩu giảng *Kinh Thi* thật cố chấp thay.»[13] Giảng *Kinh Thi* không nên cố chấp, cho nên Mạnh Tử nói: «Giảng *Kinh Thi* thì chớ lấy văn hại lời, chớ lấy lời hại chí hướng [của tác giả]. Lấy tâm ý [của mình] mà dò tìm chí hướng [của tác giả] thì mới hiểu được.»[14]

---

7 *Mạnh Tử* 孟子 (Công Tôn Sửu 公孫丑 hạ): «Như dục bình trị thiên hạ, đương kim chi thế, xả ngã kỳ thuỳ tai?» 如欲平治天下，當今之世，舍我其誰哉.

8 *Mạnh Tử* 孟子 (Công Tôn Sửu 公孫丑 thượng): «Nãi sở nguyện tắc học Khổng Tử dã.» 乃所願則學孔子也.

9 «Mạnh Tử tự Thi Thư, thuật Trọng Ni chi ý.» 孟子序詩書，述仲尼之意.

10 «Mạnh Tử thông lục kinh, vưu trường ư Thi Thư.» 孟子通六經，尤長於詩書.

11 Trần Lễ 陳澧, *Đông Thục Độc Thư Ký* 東塾讀書記, quyển 3, tr.9–10.

12 *Mạnh Tử* (Cáo Tử - thượng): «Thi vân: "Thiên sinh chưng dân, hữu vật, hữu tắc; dân chi bỉnh di, hiếu thị ý đức." Khổng Tử viết: "Vi thử Thi giả, kỳ tri Đạo hồ! Cố hữu vật tất hữu tắc, dân chi bỉnh di dã, cố hiếu thị ý đức."» 詩云:天生蒸民，有物有則；民之秉彝，好是懿德. 孔子曰:爲此詩者，其知道乎. 故有物必有則，民之秉之也，故好是懿德.

13 *Mạnh Tử* (Cáo Tử - hạ): «Tiểu Bàn chi oán, thân thân dã; thân thân nhân dã, cố bĩ phù Cao Tẩu chi vi Thi dã.» 小弁之怨，親親也；親親仁也，故矣夫高叟之爲詩也.

14 *Mạnh Tử* (Vạn Chương - thượng): «Cố thuyết Thi giả, bất dĩ văn hại từ, bất dĩ từ hại chí. Dĩ ý nghịch chí, thị vi đắc chi.» 故說詩者，不以文害辭，不以辭害志. 以意逆志，是爲得之.

Mạnh Tử giảng *Kinh Thư* cũng có thái độ như thế: «Cả tin vào sách chẳng bằng không có sách; thí dụ như thiên Vũ Thành [trong *Kinh Thư*] ta chỉ tin lấy hai ba đoạn thôi. Người nhân là kẻ vô địch trong thiên hạ. Người nhân [là Vũ Vương] đánh kẻ bất nhân [là Trụ Vương] thì tại sao [thiên Vũ Thành] lại nói máu chảy ngập chày giã gạo cho được?»[15] Lấy ý kiến cá nhân mà giải thích *Kinh Thi* và *Kinh Thư* như thế, tức là cách Nho gia lấy thuật làm tác đối với Lục Nghệ vậy.

Mạnh Tử nguyện nối tiếp chí hướng của Khổng Tử cho nên ông có thái độ ủng hộ chế độ truyền thống bấy giờ. Sách Mạnh Tử chép: «Bắc Cung Kỳ 北宮錡 hỏi: "Tước và lộc của nhà Chu ấn định thế nào?" Mạnh Tử nói: "Không thể biết rõ chi tiết được, bởi vì chư hầu ghét chế độ ấn định tước lộc của nhà Chu vốn có hại cho quyền lợi của họ. Do đó họ bỏ hết các sổ sách cũ đi, nên ta chỉ biết được đại khái thôi. Tước trong thiên hạ thì có năm bậc: 1. Thiên tử 天子, 2. Công 公, 3. Hầu 侯, 4. Bá 伯, 5. Tử 子, Nam 男 (tử và nam cùng bậc). Tước trong một nước thì có sáu bậc: 1. Quân 君 (vua chư hầu), 2. Khanh 卿, 3. Đại phu 大夫, 4. Thượng sĩ 上士, 5. Trung sĩ 中士, 6. Hạ sĩ 下士. Theo chế độ đất đai thì có bốn hạng: Thiên tử hưởng thụ phần đất 1000 dặm vuông, Công với Hầu đều hưởng đất vuông 100 dặm, Bá hưởng 70 dặm, Tử và Nam đều hưởng 50 dặm. Nếu một chư hầu có phần đất non 50 dặm vuông thì vua chư hầu ấy không thể trực tiếp triều cống thiên tử, mà phải phụ thuộc vào nước chư hầu lớn hơn để nhờ làm đại diện. Nước nhỏ non 50 dặm vuông này gọi là *phụ dung* 附庸. Quan khanh của Thiên tử hưởng diện tích đất theo tước hầu, đại phu hưởng theo tước bá, thượng sĩ hưởng theo tước tử và nam. Nước chư hầu mà diện tích đất trên trăm dặm thì lộc vua gấp 10 lần lộc quan khanh, lộc quan khanh gấp 4 lần lộc đại phu, lộc đại phu gấp đôi lộc thượng sĩ, lộc thượng sĩ gấp đôi lộc trung sĩ, lộc trung sĩ gấp đôi lộc hạ sĩ. Hạ sĩ và thứ dân làm việc quan thì hưởng lộc như nhau. Lộc đủ để thay thế phần đất mình cày. Nước chư hầu mà diện tích đất 70 dặm thì lộc vua gấp 10 lần lộc quan khanh, lộc quan khanh gấp 3 lần lộc đại phu, lộc đại phu gấp đôi lộc thượng sĩ, lộc thượng sĩ gấp đôi lộc trung sĩ, lộc trung sĩ gấp đôi lộc hạ sĩ. Hạ sĩ và thứ dân làm việc quan thì hưởng lộc như nhau. Lộc đủ để thay thế phần đất mình cày. Nước chư hầu mà diện tích đất 50 dặm thì lộc vua gấp 10 lần lộc quan khanh, lộc quan

---

[15] ***Mạnh Tử*** **(Tận Tâm - hạ): «Tận tín thư tắc bất như vô thư, ngô ư Vũ Thành, thủ nhị tam sách nhi dĩ hĩ. Nhân nhân vô địch ư thiên hạ. Dĩ chí nhân phạt bất nhân, nhi hà kỳ huyết chi lưu chử đã.»** 盡信書則不如無書，吾於武成取二三策而已矣。仁人無敵於天下。以至仁伐不仁，而何其血之流杵也。

khanh gấp 2 lần lộc đại phu, lộc đại phu gấp đôi lộc thượng sĩ, lộc thượng sĩ gấp đôi lộc trung sĩ, lộc trung sĩ gấp đôi lộc hạ sĩ. Hạ sĩ và thứ dân làm việc quan thì hưởng lộc như nhau. Lộc đủ để thay thế phần đất mình cày. Phép chia ruộng của nhà Chu mỗi người được cày 100 mẫu. Nếu 100 mẫu ấy được chăm sóc phân bón tốt thì người nông phu giỏi nhất có thể nuôi được 9 miệng, người giỏi hạng nhì nuôi được 8 miệng, người giỏi trung bình nuôi được 7 miệng, người bình thường nuôi được 6 miệng, người dở tệ cũng nuôi được 5 miệng. Thứ dân làm việc quan thì hưởng lộc đại khái bằng hoa lợi của một trong 5 hạng nông phu trên.”»[16]

Chế độ chính trị và kinh tế nói trên đây tuy không nhất thiết phải là chế độ nhà Chu về mặt lịch sử. Chế độ nhà Chu nếu xét kỹ từng tiết mục, các nước chư hầu cũng không thể theo một mực như thế. Các nguyên

---

[16] ***Mạnh Tử*** **(Vạn Chương - hạ): «Bắc Cung Kỳ vấn viết: “Chu thất ban tước lộc dã, như chi hà?” Mạnh Tử viết: “Kỳ tường bất khả đắc văn dã. Chư hầu ố kỳ bại kỷ dã, nhi giai khứ kỳ tịch. Nhiên nhi Kha dã, thường văn kỳ lược dã. Thiên tử nhất vị, công nhất vị, hầu nhất vị, bá nhất vị, tử, nam đồng nhất vị: phàm ngũ đẳng dã. Quân nhất vị, khanh nhất vị, đại phu nhất vị, thượng sĩ nhất vị, trung sĩ nhất vị, hạ sĩ nhất vị: phàm lục đẳng. Thiên tử chi chế, địa phương thiên lý; công, hầu, giai phương bách lý; bá, thất thập lý; tử, nam, ngũ thập lý: phàm tứ đẳng. Bất năng ngũ thập lý, bất đạt vu thiên tử; phụ vu chư hầu viết phụ dung. Thiên tử chi khanh thụ địa thị hầu, đại phu thụ địa thị bá, nguyên sĩ thụ địa thị tử nam. Đại quốc địa phương bách lý; quân thập khanh lộc, khanh lộc tứ đại phu, đại phu bội thượng sĩ, thượng sĩ bội trung sĩ, trung sĩ bội hạ sĩ, hạ sĩ dữ thứ nhân tại quan giả đồng lộc, lộc túc dĩ đại kỳ canh dã. Thứ quốc địa phương thất thập lý, quân thập khanh lộc, khanh lộc tam đại phu, đại phu bội thượng sĩ, thượng sĩ bội trung sĩ, trung sĩ bội hạ sĩ, hạ sĩ dữ thứ nhân tại quan giả đồng lộc, lộc túc dĩ đại kỳ canh dã. Tiểu quốc địa phương ngũ thập lý. Quân thập khanh lộc, khanh lộc nhị đại phu, đại phu bội thượng sĩ, thượng sĩ bội trung sĩ, trung sĩ bội hạ sĩ, hạ sĩ dữ thứ nhân tại quan giả đồng lộc, lộc túc dĩ đại kỳ canh dã. Canh giả chi sở hoạch: nhất phu bách mẫu, bách mẫu chi phẩn, thượng nông phu tự cửu nhân, thượng thứ tự bát nhân, trung tự thất nhân, trung thứ tự lục nhân, hạ tự ngũ nhân; thứ nhân tại quan giả, kỳ lộc dĩ thị vi sai.»** 北宮錡問曰：“周室班爵祿也如之何？”孟子曰：“其詳不可得聞也。諸侯惡其害己也，而皆去其籍。然而軻也，嘗聞其略也。天子一位，公一位，侯一位，子男同一位：凡五等也。君一位，卿一位，大夫一位，上士一位，中士一位，下士一位：凡六等。天子之制，地方千里；公侯皆方百里；伯七十里；子男五十里：凡四等。不能五十里不達于天子；附于諸侯曰附庸。天子之卿受地視侯，大夫受地視伯，元士受地視子男。大國地方百里；君十卿祿，卿祿四大夫，大夫倍上士，上士倍中士，中士倍下士。下士與庶人在官者同祿，祿足以代其耕也。次國地方七十里，君十卿祿，卿祿三大夫，大夫倍上士，上士倍中士，中士倍下士。下士與庶人在官者同祿，祿足以代其耕也。小國地方五十里。君十卿祿，卿祿二大夫，大夫倍上士，上士倍中士，中士倍下士。下士與庶人在官者同祿，祿足以代其耕也。耕者之所獲：一夫百畝，百畝之糞，上農夫食九人，上次食八人，中食七人，中次食六人，下食五人；庶人在官者，其祿以是爲差。”。

tắc chung của nhà Chu so với những điều kể trên tuy không đúng hẳn nhưng chắc không sai lắm. Mạnh Tử nói: «Ly Lâu 離婁 sáng, Công Thâu 公輸 xảo. Nhưng nếu họ không dùng thước vuông (*qui* 規 = ê-ke) và thước tròn (*cử* 矩 = com-pa) thì họ cũng chẳng chế tạo được vật hình vuông hay tròn. Sư Khoáng 師曠 thính tai, nhưng nếu ông ta không dùng sáu luật thì ông ta cũng không thể định được năm tiếng. Đạo của vua Nghiêu và vua Thuấn nếu không thi hành *nhân chính* 仁政 (cai trị nhân ái) thì Nghiêu và Thuấn cũng không bình trị được thiên hạ. Các ông vua đời nay cũng có người nhân. Họ có tiếng là nhân, nhưng dân chẳng được nhờ. Họ chẳng thể làm khuôn phép cho đời sau, bởi vì họ chẳng thi hành được đạo của tiên vương. [...] *Kinh Thi* chép: "Chẳng lỗi, chẳng quên, nếu noi theo phép xưa." (Bất khiên bất vong, suất do cựu chương 不愆不忘, 率由舊章). Noi theo phép xưa của tiên vương (tuân tiên vương chi pháp 遵先王之法) mà phạm lỗi thì việc ấy chưa hề có vậy.»[17]

Chế độ chính trị và kinh tế nói trên gọi là *nhân chính* 仁政 (chính sách nhân ái). Mạnh Tử nói: «Nhân chính trước phải phân định ranh giới. Ranh giới không đúng, ruộng đất sẽ không đều, lộc bằng lúa (*cốc lộc* 穀祿) sẽ không công bằng. [...] Việc phân định ranh giới mà đúng, thì việc chia ruộng và ban lộc (phân điền chế lộc 分田制祿) có thể ngồi một

---

[17] ***Mạnh Tử* (Ly Lâu - thượng): «Ly Lâu chi minh, Công Thâu Tử chi xảo, bất dĩ quy củ, bất năng thành phương viên; Sư Khoáng chi thông, bất dĩ lục luật, bất năng chính ngũ âm; Nghiêu, Thuấn chi đạo, bất dĩ nhân chính, bất năng bình trị thiên hạ. Kim hữu nhân tâm nhân văn, nhi dân bất bị kỳ trạch, bất khả pháp vu hậu thế giả, bất hành tiên vương chi đạo dã. [...] Thi vân: "Bất khiên bất vong, suất do cựu chương." Tuân tiên vương chi pháp nhi quá giả, vị chi hữu dã.»** 離婁之明，公輸子之巧，不以規矩，不能成方圓；師曠之聰，不以六律，不能正五音；堯舜之道，不以仁政，不能平治天下。今有仁心仁聞，而民不被其澤，不可法于後世者，不行先王之道也 [...] 詩云："不愆不忘，率由舊章。"遵先王之法而過者，未之有也。 **– LAM chú: Sư Khoáng là quan thái sư, phụ trách âm nhạc đời vua Tấn Bình Công 晉平公, thời Xuân Thu. – *Lục luật* 六律: Thời Hoàng Đế 黃帝 có Linh Luân 伶倫 dùng ống trúc dài và ngắn làm tạo âm thanh và phân biệt 6 loại dương luật: (1) hoàng chung 黃鍾: ống trúc dài 9 thốn 寸 ứng với tháng 11; (2) thái thốc 太簇: ống trúc dài 8 thốn ứng với tháng giêng; (3) cô tẩy 姑洗: ống trúc dài 7 thốn 1 phân 分 ứng với tháng 3; (4) nhuy tân 蕤賓: ống trúc dài 6 thốn 2 phân ứng với tháng 5; (5) di tắc 夷則: ống trúc dài 5 thốn 5 phân ứng với tháng 7; và (6) vô xạ 無射: ống trúc dài 4 thốn 8 phân ứng với tháng 9. Ngoài ra còn phân biệt 6 *âm lữ*: (1) lâm chung 林鍾: ống trúc dài 6 thốn ứng với tháng 6; (2) nam lữ 南呂: ống trúc dài 5 thốn 3 phân ứng với tháng 8; (3) ứng chung 應鍾: ống trúc dài 4 thốn 6 phân ứng với tháng 10; (4) đại lữ 大呂: ống trúc dài 8 thốn 3 phân ứng với tháng 12; (5) giáp chung 夾鍾: ống trúc dài 7 thốn 4 phân ứng với tháng 2; và (6) trọng lữ 仲呂: ống trúc dài 6 thốn 5 phân ứng với tháng 4. Như vậy luật lữ là tiêu chuẩn ấn định âm thanh cao thấp trong đục cho các loại nhạc cụ Trung Quốc cổ đại.**

chỗ mà ấn định được.»[18]

«Chẳng lỗi, chẳng quên, nếu noi theo phép xưa» và «noi theo phép cũ của tiên vương» để «chia ruộng ban lộc». Kết quả của nó hẳn giống với phép ban tước lộc của nhà Chu. Xét về mặt này, Mạnh Tử có thái độ thủ cựu đối với chế độ truyền thống của nhà Chu.

3. Chế độ chính trị và kinh tế lý tưởng của Mạnh Tử

Xét về mặt này, Mạnh Tử quả là «thuật nhi bất tác» 述而不作 (thuật lại chứ không sáng tác). Nhưng cái «thuật nhi bất tác» của Nho gia chẳng phải thực là «bất tác» 不作 (không sáng tác) mà là «dĩ thuật nhi tác» 以述而作 (lấy thuật làm tác; sáng tác thông qua việc kể lại). Điều này đã nói rõ ở chương 4. Cái khuynh hướng và tinh thần của «dĩ thuật nhi tác» thì Khổng Tử đã nêu ra đầu tiên, còn Mạnh Tử chỉ phát huy nó mà thôi. Cho nên cái chế độ chính trị và kinh tế mà Mạnh Tử chủ trương, tuy trên bề mặt là «noi theo phép xưa» và «noi theo phép cũ của tiên vương» nhưng trên thực tế lại là lý tưởng hoá và lý luận hoá «phép cũ của tiên vương» vậy.

Mạnh Tử tuy ủng hộ cách thức ban tước lộc của nhà Chu nhưng quan điểm căn bản về chính trị và kinh tế của ông không giống như quan điểm truyền thống. Theo quan điểm truyền thống, tất cả chế độ chính trị và kinh tế được ấn định hoàn toàn là cho quý tộc (Xin xem lại chương 2). Còn quan điểm của Mạnh Tử thì tất cả chế độ được ấn định là vì nhân dân. Đó là ý tưởng căn bản trong triết học xã hội và chính trị của Mạnh Tử.

Mạnh Tử quý trọng vương đạo mà khinh chê bá đạo.[19] Ông nói: «Môn đồ của Trọng Ni không nói về chuyện của Tề Hoàn Công và Tấn Văn Công.»[20] Thực ra, chính Khổng Tử rất tôn trọng Tề Hoàn Công và

---

[18] *Mạnh Tử* (Đằng Văn Công - thượng): «Phù nhân chính tất tự kinh giới thuỷ; kinh giới bất chính, tỉnh địa bất quân, cốc lộc bất bình. [...] Kinh giới ký chính, phân điền chế lộc, khả tọa nhi định dã.» 夫仁政必自經界始;經界不正,井地不均,穀祿不平.[...]經界既正,分田制祿,可坐而定也.

[19] Derk Bodde chú: Khi quyền lực của nhà Chu suy, nhiều quyền hành và đặc quyền của nhà Chu bị các chư hầu mạnh hơn chiếm đoạt. Họ được gọi là «bá» 霸 và làm bá chủ các chư hầu khác. Họ được xem là các nhà lĩnh đạo và thỉnh thoảng hội họp các chư hầu. Tương truyền suốt thời Xuân Thu có *ngũ bá* là: Tề Hoàn Công 齊桓公 (685-643), Tần Mục Công 秦穆公 (659-621), Tống Tương Công 宋襄公 (650-637), Tấn Văn Công 晉文公 (635-628), và Sở Trang Vương 楚莊王 (631-591). – LAM chú: *ngũ bá* có thể viết là 五霸 hay 五伯 (xem *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển*, Thương Vụ Ấn Thư Quán, Bắc Kinh, 2000, tr.1649).

[20] *Mạnh Tử* (Lương Huệ Vương - thượng): «Trọng Ni chi đồ, vô đạo Hoàn Văn chi sự giả.» 仲尼之徒無道桓文之事者.

Quản Trọng. Khổng Tử nói: «Hoàn Công chín lần họp chư hầu mà không dùng binh. Đó là nhờ Quản Trọng. Còn ai có đức nhân như thế?»[21] Lại nói: «Quản Trọng làm tướng cho Tề Hoàn Công, giúp Hoàn Công làm bá chủ chư hầu, khuông định thiên hạ, dân chúng đến nay còn thụ hưởng ơn đức mãi. Nếu không có Quản Trọng, chúng ta bị gióc tóc và mang vạt áo bên trái [như bọn man di] rồi.»[22]

Đối với Mạnh Tử, vương đạo và bá đạo là hai chế độ chính trị khác nhau. Sự phân biệt này vẫn còn trong triết học chính trị về sau của Trung Quốc: (1) Tất cả các qui định của bậc vương đặt ra là nhằm giúp ích cho dân, nên dân vui lòng tuân theo. (2) Bá đạo thì lấy vũ lực mà khuất phục dân, cưỡng ép họ phải theo mình. Cho nên nói: «Lấy sức mạnh mà giả làm điều nhân thì gọi là bá. [...] Lấy đức mà thi hành điều nhân thì gọi là vương. [...] Lấy vũ lực cưỡng ép người theo thì họ tuân theo. Họ yếu thế mà theo chứ không phải do tâm phục. Lấy đức làm cho người phục, khiến họ vui lòng mà thành thật kính phục, như 70 môn đệ của Khổng Tử kính phục Khổng Tử vậy.»[23]

Lòng vì dân của bậc cai trị theo vương đạo phát xuất từ «bất nhẫn nhân chi tâm» 不忍人之心 (không đành lòng nhìn người ta khổ); lấy tấm lòng ấy mà thi hành chính sách «không đành lòng nhìn người ta khổ» tức là chính sách vương đạo (vương chính 王政). Phép tắc và chế độ của kẻ cai trị theo bá đạo có khi dường như là vì dân, nhưng ý đồ chẳng qua là lấy nó để đạt thủ đoạn hám danh lợi, hám vinh. Cho nên mới nói «lấy sức mạnh mà giả làm điều nhân thì gọi là bá».

Mạnh Tử nói: «[Nhân nghĩa] là bản tính của vua Nghiêu và vua Thuấn. Vua Thang và vua Vũ [thì thể hiện nhân nghĩa ở] thân. Còn ngũ bá thì giả [nhân nghĩa]. Giả [nhân nghĩa] đã lâu mà họ không theo [nhân

---

[21] ***Luận Ngữ* (Hiến Vấn): «Hoàn Công cửu hợp chư hầu, bất dĩ binh xa, Quản Trọng chi lực dã. Như kỳ nhân! Như kỳ nhân!»** 桓公九合諸侯，不以兵車，管仲之力也。如其仁！如其仁！

[22] ***Luận Ngữ* (Hiến Vấn): «Quản Trọng tương Hoàn Công, bá chư hầu, nhất khuông thiên hạ, dân đáo ư kim thụ kỳ tứ. Vi Quản Trọng, ngô kỳ bị phát, tả nhẫm hĩ.»** 管仲相桓公，伯諸侯，一匡天下，民到於今受其賜。微管仲，吾其被髮，左衽矣。

[23] ***Mạnh Tử* (Công Tôn Sửu - thượng): «Dĩ lực giả nhân giả, bá. [...] Dĩ đức hành nhân giả, vương. [...] Dĩ lực phục nhân giả, phi tâm phục dã, lực bất thiệm dã. Dĩ đức phục nhân giả, trung tâm duyệt nhi thành phục dã, như thất thập tử chi phục Khổng Tử dã.»** 以力假仁者霸[...]以德行仁者王[...] 以力服人者，非心服也，力不贍也。以德服心者，中心悅而誠服也，如七十子之服孔子也。

nghĩa], nhưng có ai biết họ không có [nhân nghĩa]?»[24]

Mạnh Tử cho rằng tất cả chế độ chính trị và kinh tế đều là vì dân, cho nên ông nói: «Dân là quý, kế đến là xã tắc, hạng chót là vua. Có dân thì mới có thiên tử, có thiên tử mới có chư hầu, có chư hầu mới có đại phu.»[25]

Xem thế, tuy Mạnh Tử chủ trương duy trì thiên tử, chư hầu, đại phu, và mọi tước lộc của nhà Chu, nhưng cái lý do để họ tồn tại là nhờ có được dân. Kẻ gọi là vua nếu không có được dân thì ông ta mất đi cái khiến ông ta trở thành vua, tức là không có vua. Mạnh Tử nói: «Kẻ làm hại nhân gọi là *tặc* (kẻ cướp); kẻ làm hại nghĩa gọi là *tàn* (kẻ tàn bạo). Tàn và tặc là một kẻ. Nghe nói giết một kẻ tên là Trụ, không nghe nói giết vua.»[26] Thế cũng là chủ nghĩa chính danh. Sử gia và Khổng Tử ngày xưa theo thuyết chính danh làm cho loạn thần tặc tử phải sợ, đến thời Mạnh Tử chính danh cũng làm cho loạn quân (vua hôn loạn) phải sợ.[27]

Mạnh Tử tuy cho rằng trong xã hội vẫn phải có sự phân biệt giữa quân tử và kẻ thô lậu, giữa kẻ trị và kẻ bị trị, nhưng đó hoàn toàn là sự phân công để giúp nhau. Mạnh Tử phản bác thuyết «quân thần tịnh canh» 君臣並耕 (vua và bầy tôi đều cày ruộng) của Hứa Hành 許行: «Như vậy trị thiên hạ chỉ có cày ruộng mà thôi ư? Có việc của hạng đại nhân, có việc của kẻ tiểu nhân. Hơn nữa, cần có trăm thợ để cung cấp cho một người sử dụng. Nếu bắt buộc mỗi người tự làm hết thảy mọi việc cho mình dùng (tức là không có phân công lao động) thì đó là khiến cho thiên hạ ai cũng chạy nhốn nháo ngoài đường vậy. Cho nên lời xưa rằng: "Kẻ lao tâm, người lao lực. Kẻ lao tâm cai trị người, kẻ lao lực bị người cai

---

[24] ***Mạnh Tử*** **(Tận Tâm - thượng): «Nghiêu Thuấn, tính chi dã; Thang Vũ, thân chi dã; ngũ bá, giả chi dã; cửu giả nhi bất quy, ô tri kỳ phi hữu dã?»** 堯舜，性之也；湯武，身之也；五霸，假之也；久假而不歸，惡知其非有也.

[25] ***Mạnh Tử*** **(Tận Tâm - hạ): «Dân vi quý, xã tắc thứ chi, quân vi khinh. Thị cố, đắc hồ khưu dân nhi vi thiên tử, đắc hồ thiên tử vi chư hầu, đắc hồ chư hầu vi đại phu.»** 民爲貴，社稷次之，君爲輕. 是故，得乎丘民而爲天子，得乎天子爲諸侯，得乎諸侯爲大夫.

[26] ***Mạnh Tử*** **(Lương Huệ Vương - hạ): «Tặc nhân giả vị chi tặc, tặc nghĩa giả vị chi tàn. Tàn tặc chi nhân, vị chi nhất phu. Văn tru nhất phu Trụ hĩ, vị văn thí quân dã.»** 賊仁者謂之賊，賊義者謂之殘. 殘賊之人，謂之一夫. 聞誅一夫紂矣，未聞弒君也

[27] **Mạnh Tử cho rằng các biện pháp này không thể áp dụng cho quan hệ cha con. Như Cổ Tẩu Thuấn tuy không phải là cha hiền, nhưng vua Thuấn là con của Cổ Tẩu vẫn phải chí hiếu. Nếu Mạnh Tử lấy tư tưởng căn bản «dân vi quý» (dân là quý) thi hành ở chính trị thì đương nhiên phải có chủ trương như nói trên; nhưng về phương diện cha con, anh em, thì phải theo quan niệm truyền thống.**

trị. Cai trị người thì được người nuôi, bị người cai trị thì phải nuôi người." Đó là cái nghĩa thông thường trong thiên hạ vậy. [...] Vua Nghiêu và vua Thuấn trị thiên hạ nào phải không dụng tâm đâu, nhưng chỉ không dụng tâm về cày ruộng.»[28]

Mạnh Tử còn bảo: «Không có quân tử, lấy ai trị dân? Không có dân, lấy ai nuôi quân tử?»[29] Trong xã hội, đời sống của một người cần rất nhiều thứ sản phẩm để dùng; cái đó gọi là «cần có trăm thợ để cung cấp cho một người sử dụng». Nếu mỗi người tự làm hết thảy mọi việc cho mình dùng thì việc đó không thể được, cho nên người ta phải phân công lao động mà giúp lẫn nhau. Kẻ cai trị người và kẻ bị người cai trị tuy việc của họ khác nhau, nhưng đều cần đến nhau, đều không thể thiếu nhau.

Theo nguyên tắc phân công lao động đó, ai là kẻ phải cai trị và ai là kẻ phải bị cai trị? Mạnh Tử nói: «Thiên hạ có đạo thì kẻ đức ít phục dịch người đức nhiều; kẻ hiền ít phục dịch người hiền nhiều. Thiên hạ vô đạo thì nhỏ phục dịch lớn, yếu phục dịch mạnh. Hai tình trạng ấy là do Trời; ai thuận theo Trời thì còn, ai nghịch lại thì mất.»[30]

Như vậy tức là khi đời thịnh trị thì kẻ đức ít phục dịch người đức nhiều, kẻ hiền ít phục dịch người hiền nhiều; khi đời loạn thì nhỏ phục dịch lớn, yếu phục dịch mạnh. Đó chẳng qua là trong đời loạn, kẻ mạnh nuốt kẻ yếu, đông người hiếp đáp ít người, người với người cạnh tranh chứ không giúp nhau. Nó không phù hợp với nguyên tắc phân công lao động để giúp nhau. Nếu căn cứ nguyên tắc phân công lao động để giúp nhau, ắt nó khiến kẻ có năng lực cai trị người được cai trị người, giống

---

[28] ***Mạnh Tử*** **(Đằng Văn Công - thượng): «Nhiên tắc trị thiên hạ, độc khả canh thả vi dư? Hữu đại nhân chi sự, hữu tiểu nhân chi sự. Thả nhất nhân chi thân nhi bách công chi sở vi bị, như tất tự vi nhi hậu dụng chi, thị suất thiên hạ nhi lộ dã. Cố viết: Hoặc lao tâm hoặc lao lực. Lao tâm giả trị nhân, lao lực giả trị ư nhân. Trị ư nhân giả tự nhân, trị nhân giả tự ư nhân. Thiên hạ chi thông nghĩa dã. [...] Nghiêu Thuấn chi trị thiên hạ, khởi vô sở dụng kỳ tâm tai? Diệc bất dụng ư canh nhĩ.»** 然則治天下，獨可耕且爲與。有大人之事，有小人之事。且一人之身而百工之所爲備；如必自爲而後用之，是率天下而路也。故曰：或勞心或勞力。勞心者治人，勞力者治於人。治於人者食人，治人者食於人。天下之通義也[...] 堯舜之治天下，豈無所用其心哉？亦不用於耕耳。

[29] ***Mạnh Tử*** **(Đằng Văn Công - thượng): «Vô quân tử mạc trị dã nhân; vô dã nhân mạc dưỡng quân tử?»** 無君子莫治野人；無野人莫養君子。

[30] ***Mạnh Tử*** **(Ly Lâu - thượng): «Thiên hạ hữu đạo, tiểu đức dịch đại đức, tiểu hiền dịch đại hiền. Thiên hạ vô đạo, tiểu dịch đại, nhược dịch cường. Tư nhị giả Thiên dã. Thuận Thiên giả tồn, nghịch Thiên giả vong.»** 天下有道，小德役大德，小賢役大賢。天下無道，小役大，弱役強。斯二者天也。順天者存，逆天者亡。

như khiến người có khả năng làm đồ gốm được làm đồ gốm.

Mạnh Tử nói với Tề Tuyên Vương 齊宣王 rằng: «Hễ làm nhà lớn ắt phải sai thợ cả tìm gỗ lớn. Thợ cả mà tìm được gỗ lớn thì vua vui mừng, cho rằng gỗ ấy đáp ứng được yêu cầu. Nếu thợ mộc đẽo cho gỗ nhỏ đi thì vua giận, cho rằng gỗ ấy không đáp ứng được yêu cầu. Lại như có người thuở bé học [đạo trị quốc], khi lớn lên muốn đem sở học ra thi hành. Vậy mà vua bảo hắn: "Ngươi phải bỏ cái học ấy mà theo ý ta." Nói vậy có được chăng? Giả dụ bây giờ vua có một khối ngọc chưa mài giũa nhưng giá đến vạn dật vàng, vua ắt sai thợ ngọc mài giũa nó. Đối với việc trị nước thì vua bảo: "Ngươi phải bỏ cái học ấy mà theo ý ta." Tại sao việc này lại khác với việc sai thợ mài giũa ngọc?»[31]

Quốc gia và xã hội cũng giống như gỗ lớn và ngọc. Việc đẽo cây và mài giũa ngọc phải dùng chuyên gia, tức là những người «ấu nhi học chi» 幼而學之 (thuở nhỏ đã học tập nó) vậy. Bậc đại đức đại hiền là chuyên gia cai trị quốc gia và xã hội vậy. Suy từ lý lẽ này, địa vị tối cao trên lĩnh vực chính trị tất phải để người chí đức nắm giữ. Kẻ gọi là thiên tử thì thánh nhân có thể làm được. Cho nên việc vua Nghiêu và vua Thuấn nhường ngôi cho người hiền trở thành chế độ chính trị mà Mạnh Tử xem là lý tưởng.[32]

---

[31] ***Mạnh Tử*** **(Lương Huệ Vương - hạ): «Vi cự thất tắc tất sử công sư cầu đại mộc. Công sư đắc đại mộc, tắc vương hỉ, dĩ vi năng thắng kỳ nhiệm hĩ. Tượng nhân trác nhi tiểu chi, tắc vương nộ, dĩ vi bất thắng kỳ nhiệm hĩ. Phù nhân ấu nhi học chi, tráng nhi dục hành chi. Vương viết: "Cô, xả nhữ sở học nhi tòng ngã." Tắc hà như? Kim hữu phác ngọc ư thử, tuy vạn dật, tất sử ngọc nhân điêu trác chi. Chí ư trị quốc gia, tắc viết: "Cô, xả nhữ sở học nhi tòng ngã." Tắc hà dĩ dị ư giáo ngọc nhân điêu trác ngọc tai?»** 爲巨室則必使工師求大木.工師得大木,則王喜,以爲能勝其任也.匠人斲而小之,則王怒,以爲不勝其任矣.夫人幼而學之,壯而欲行之.王曰:姑舍女所學而從我.則何如?今有璞玉於此,雖萬鎰,必使玉人雕琢之.至於治國家,則曰:姑舍女所學而從我.則何異於教玉人雕琢玉哉?

[32] **LAM chú: Chế độ nhường ngôi này gọi là *thiện nhượng* 禪讓; tức là *truyền hiền bất truyền tử* 傳賢不傳子 (truyền ngôi cho người hiền tài chứ không truyền ngôi cho con). Hoàng Đế chết, ngôi vua truyền cho Thiếu Hạo 少昊, Chuyên Húc 顓頊, Đế Khốc 帝嚳, rồi đến Nghiêu 堯. Vua Nghiêu đầu tiên dùng quốc hiệu; lấy quốc hiệu là Đường 唐, định đô ở Bình Dương 平陽 (tức nơi mà nay là Lâm Phần 臨汾 ở Sơn Tây 山西). Chính vua Nghiêu khai sáng chế độ truyền ngôi gọi là *thiện nhượng* 禪讓 (truyền ngôi cho người hiền chứ không truyền cho con: *truyền hiền bất truyền tử* 傳賢不傳子). Theo *Kinh Thư - Nghiêu Điển*, vua Nghiêu gả hai ái nữ là Nga Hoàng 娥皇 và Nữ Anh 女英 cho ông Thuấn 舜 rồi thiện nhượng cho ông Thuấn. Vua Thuấn đặt quốc hiệu là Ngu 虞, định đô ở Bồ Bản 蒲阪 (tức nơi mà nay là Vĩnh Tế 永濟 ở Sơn Tây 山西). Các tiến bộ trong thời Nghiêu Thuấn: ông Ngu 禹 (quan Tư Không) trị lũ lụt thành công; ông Khí 棄 (Hậu Tắc 后稷) dạy dân canh tác; ông Khế (quan Tư Đồ) phụ trách giáo dục; Cao Dao 皋陶 (cũng viết Cửu Dao 咎繇) phụ trách hình pháp. Ông Ngu trị thuỷ thành công nên vua Thuấn thiện nhượng cho ông Ngu. Vua Ngu đặt**

Sách *Mạnh Tử* chép: «Vạn Chương hỏi: "Phải chăng vua Nghiêu lấy thiên hạ đem cho ông Thuấn?" Mạnh Tử nói: "Không. Thiên tử không thể lấy thiên hạ mà cho kẻ khác." Vạn Chương hỏi: "Vậy thì ai cho ông Thuấn thiên hạ?" Mạnh Tử đáp: "Trời cho." Vạn Chương hỏi: "Trời cho; vậy Trời có nói rõ điều đó không?" Mạnh Tử đáp: "Không. Trời không nói thành lời. Nhưng đức hạnh và việc làm của ông Thuấn khiến Trời ngầm cho ông thôi." Vạn Chương hỏi: "Vậy cách cho ra sao?" Mạnh Tử đáp: "Bậc thiên tử có thể tiến cử người tài đức với Trời, để phó thác thiên hạ, nhưng không thể buộc Trời phải giao thiên hạ cho người đó. Cũng như chư hầu có thể tiến cử người hiền với thiên tử nhưng không thể buộc thiên tử phải cho người đó ngôi chư hầu. Quan đại phu có thể tiến cử người hiền với vua chư hầu nhưng không thể buộc vua chư hầu phải cho người đó chức đại phu. Ngày xưa vua Nghiêu tiến cử ông Thuấn với Trời thì Trời ưng thuận, giới thiệu ông Thuấn với dân thì dân cũng ưng thuận; nên ta nói: Trời không nói thành lời; nhưng đức hạnh và việc làm của ông Thuấn khiến Trời ngầm cho ông thôi." Vạn Chương hỏi: "Xin hỏi ngài: vua Nghiêu tiến cử ông Thuấn với Trời thì Trời thuận, giới thiệu ông Thuấn với dân thì dân cũng thuận. Vậy cách thức hai việc ấy thế nào?" Mạnh Tử đáp: "Khi vua Nghiêu cử ông Thuấn làm chủ việc cúng tế thì bách thần thụ hưởng; tức là Trời ưng thuận. Khi vua Nghiêu cử ông Thuấn ra trị nước thì mọi sự ổn định, trăm họ yên lành; tức là dân ưng thuận. Trời và dân đều đem thiên hạ cho ông Thuấn, nên ta nói: Thiên tử không thể lấy thiên hạ mà cho kẻ khác. Ông Thuấn thay thế vua Nghiêu cai trị suốt 28 năm. Đấy không phải là tài năng của người, mà là Trời cho vậy. Vua Nghiêu băng hà; ông Thuấn cư tang ba năm xong thì nhường quyền cho con của vua Nghiêu, rồi lui về ở bờ Nam sông Nam Hà. Nhưng đến chư hầu trong thiên hạ khi có việc đều đến triều kiến ông Thuấn chứ không đến con của vua Nghiêu.[33] Dân chúng có kiện tụng thì cũng tìm đến ông Thuấn nhờ xử chứ không đến con của vua Nghiêu. Khi người ta ca ngợi thiên tử thì họ ca ngợi ông Thuấn chứ không ca ngợi con của vua Nghiêu; nên ta nói: đó là Trời cho. Về sau ông Thuấn về [kinh đô] Trung Quốc và lên ngôi vua. Nếu ngay sau vua

---

quốc hiệu là Hạ 夏. Đời nhà Hạ (2183-1752 TCN) đinh đô lần lượt ở Thang Địch 湯舊 (nay là huyện Ngu 禹 ở Hà Nam 河南), An Ấp 安邑 (nay là An Ấp 安邑 ở Sơn Tây 山西), Dương Thành 陽城 (nay là Đăng Phong 登封 ở Hà Nam 河南). Sau khi vua Ngu chết, dân chúng cảm ân đức của vua nên lập con của vua là Khải 啓 nối ngôi, chế độ *thiện nhượng* bị bỏ và chế độ *quân chủ thế tập* 君主世襲 (nối đời làm vua) bắt đầu từ đây.

[33] LAM chú: Theo *Kinh Thư (Ngu thư - Ích Tắc)*, con của vua Nghiêu là Đan Chu 丹朱 lêu lổng, ngạo mạn, bạo ngược, thích kéo bạn xấu về nhà loạn dâm. Vì thế không được nối ngôi vua.

Nghiêu chết ông Thuấn cứ ở lại hoàng cung, và bức hiếp con vua Nghiêu để giữ ngôi vua, tức là ông Thuấn soán ngôi vua chứ không phải do Trời cho. *Kinh Thư* - Thái Thệ nói: 'Hễ Trời chấp nhận mình thì dân chấp nhận mình; hễ Trời lắng nghe mình thì dân lắng nghe mình.' (Thiên thị tự ngã dân thị, thiên thính tự ngã dân thính 天視自我民視，天聽自我民聽). Đó là ý mà ta vừa nói." Vạn Chương lại hỏi: "Người ta thường nói: Đến đời vua Vũ 禹 thì đức đã suy, nên không truyền ngôi cho người hiền, mà truyền cho con. Có đúng vậy không?" Mạnh Tử đáp: "Không. Trời muốn cho người hiền thì cho; muốn cho con vua thì cho. Hồi xưa vua Thuấn tiến cử ông Vũ với Trời. Sau 17 năm thì vua Thuấn băng hà. Ông Vũ cư tang xong ba năm thì lui về Dương Thành 陽城. Dân trong thiên hạ theo ông, y hệt như sau khi vua Nghiêu băng, họ theo ông Thuấn chứ không theo con vua Nghiêu. Rồi sau đó, vua Vũ tiến cử ông Ích 益 với Trời. Sau 7 năm thì vua Vũ băng hà. Ông Ích cư tang xong ba năm thì nhường quyền cho con của vua Vũ rồi lui về phía bắc của Cơ Sơn 箕山.[34] Chư hầu triều kiến, dân chúng thưa kiện, tất cả đều không đến ông Ích, mà tìm đến con của vua Vũ là Khải 啓 và nói: 'Ngài là con của vua chúng tôi.' Khi ca ngợi thiên tử, họ không ca ngợi ông Ích, mà ca ngợi ông Khải, và nói: 'Ngài là con của vua chúng tôi.' Đan Chu 丹朱 (con vua Nghiêu) là kẻ hư hỏng. Con vua Thuấn (là Thương Quân 商均) cũng hư hỏng. Ông Thuấn cai trị thay vua Nghiêu [suốt 28 năm], ông Vũ cai trị thay vua Thuấn [suốt 17 năm]. Trải qua nhiều năm, ban ân trạch lâu dài cho dân. Ông Khải là người hiền, có thể nối nghiệp cha là vua Vũ. Ông Ích cai trị thay vua Vũ [suốt 7 năm], trải qua ít năm đó, ban ân trạch chưa lâu dài cho dân. Về việc cai trị thay, ông Thuấn và ông Vũ cai trị lâu năm hơn ông Ích. Con vua Nghiêu và con vua Thuấn đều hư hỏng, con vua Vũ thì hiền. Các điều ấy đều do Trời, đâu phải do người. Việc mình không làm mà được, đó là do Trời; không mong mà có, đó là mệnh Trời. Người bình dân mà có được thiên hạ, thì đạo đức ắt cỡ ông Thuấn và ông Vũ, đồng thời phải có vua tiến cử [với Trời]. Cho nên Trọng Ni không có thiên hạ là thế. Con nối ngôi vua của cha mà có thiên hạ; khi Trời phế bỏ thì ắt như Kiệt 桀 và Trụ 紂. Cho nên ông Ích 益, Y Doãn 伊尹, và Chu Công 周公 không có thiên hạ là thế."»[35]

---

[34] **LAM chú: Theo *Từ Thư Độc Bản*, Tam Dân Thư Cục, Đài Bắc 1993, Cơ Sơn cũng gọi là Ngạc Lãnh 鄂嶺, hiện ở phía Đông Nam của huyện Đăng Phong 登封, tỉnh Hà Nam 河南.**

[35] ***Mạnh Tử*** **(Vạn Chương - thượng): «Vạn Chương viết: "Nghiêu dĩ thiên hạ dữ Thuấn, hữu chư?" Mạnh Tử viết: "Phủ. Thiên tử bất năng dĩ thiên hạ dữ nhân." "Nhiên tắc Thuấn hữu thiên hạ dã, thục dữ chi?" Viết: "Thiên dữ chi." "Thiên dữ chi giả, truân truân nhiên mệnh chi hồ?" Viết: "Phủ. Thiên bất ngôn, dĩ hành dữ sự thị chi nhi dĩ hĩ." Viết: "Dĩ hành dữ sự thị chi giả, như chi hà?" Viết: "Thiên tử năng tiến nhân vu thiên, bất năng sử thiên dữ chi thiên hạ, chư hầu năng**

tiến nhân vu thiên tử, bất năng sử thiên tử dữ chi chư hầu; đại phu năng tiến nhân vu chư hầu, bất năng sử chư hầu dữ chi đại phu. Tích giả Nghiêu tiến Thuấn vu thiên nhi thiên thụ chi, bộc chi vu dân nhi dân thụ chi. Cố viết: "Thiên bất ngôn, dĩ hành dữ sự thị chi nhi dĩ hĩ." Viết: "Cảm vấn: 'Tiến chi vu thiên nhi thiên thụ chi, bộc chi vu dân nhi dân thụ chi,' như hà?" Viết: "Sử chi chủ tế nhi bách thần hưởng chi, thị thiên thụ chi, sử chi chủ sự nhi sự trị, bách tính an chi, thị dân thụ chi dã. thiên dữ chi, nhân dữ chi. Cố viết: "Thiên tử bất năng dĩ thiên hạ dữ nhân." "Thuấn tướng Nghiêu nhị thập hữu bát tải, phi nhân chi sở năng vi dã, thiên dã. Nghiêu băng, tam niên chi tang tất, Thuấn tị Nghiêu chi tử vu Nam Hà chi nam. Thiên tử chư hầu triều cận giả, bất chi Nghiêu chi tử nhi chi Thuấn, tụng ngục giả, bất chi Nghiêu chi tử nhi chi Thuấn. Âu ca giả, bất âu ca Nghiêu chi tử nhi âu ca Thuấn. Cố viết: 'Thiên dã.' Phù nhiên hậu, chi Trung Quốc tiến thiên tử vị yên. Nhi cư Nghiêu chi cung, bức Nghiêu chi tử: thị soán dã, phi thiên dữ dã." Thái Thệ viết: 'Thiên thị tự ngã dân thị, thiên thính tự ngã dân thính.' Thử chi vị dã." Vạn Chương vấn viết: "Nhân hữu ngôn: chí vu Vũ nhi đức suy, bất truyền vu hiền nhi truyền vu tử: hữu chư?" Mạnh Tử viết: "Phủ, bất nhiên dã. Thiên dữ hiền, tắc dữ hiền; thiên dữ tử, tắc dữ tử. Tích giả Thuấn tiến Vũ vu thiên, thập hữu thất niên; Thuấn băng, tam niên chi tang tất, Vũ tị Thuấn chi tử vu Dương Thành; thiên hạ chi dân tòng chi, nhược Nghiêu băng chi hậu bất tòng Nghiêu chi tử nhi tòng Thuấn dã. Vũ tiến Ích vu thiên. Thất niên; Vũ băng, tam niên chi tang tất, Ích tị Vũ chi tử vu Cơ Sơn chi âm. Triều cận tụng ngục giả, bất chi Ích nhi chi Khải, viết: 'Ngô quân chi tử dã.' Âu ca giả, bất âu ca Ích nhi âu ca Khải, viết: 'Ngô quân chi tử dã.' "Đan Chu chi bất tiếu, Thuấn chi tử diệc bất tiếu; Thuấn chi tướng Nghiêu, Vũ chi tướng Thuấn dã, lịch niên đa, thi trạch vu dân cửu. Khải hiền, năng kính thừa kế Vũ chi đạo; Ích chi tướng Vũ dã, lịch niên thiểu, thi trạch vu dân vị cửu. Thuấn, Vũ, Ích tướng khứ cửu viễn, kỳ tử chi hiền bất tiếu, giai thiên dã, phi nhân chi sở năng vi dã, mạc chi vi nhi vi giả, thiên dã; mạc chi trí nhi trí giả, mệnh dã. 'Thất phu nhi hữu thiên hạ giả, đức tất nhược Thuấn, Vũ, nhi hựu hữu thiên tử tiến chi giả. Cố Trọng Ni bất hữu thiên hạ.' Kế thế dĩ hữu thiên hạ, thiên chi sở phế, tất nhược Kiệt, Trụ giả dã. Cố Ích, Y Doãn, Chu Công bất hữu thiên hạ."» 萬章曰："堯以天下與舜，有諸？"孟子曰："否，天子不能以天下與人。""然則舜有天下也，孰與之？"曰："天與之。""天與之者，諄諄然命之乎？"曰："否，天不言，以行與事示之而已矣。"曰："以行與事示之者，如之何？"曰："天子能薦人于天，不能使天與之天下，諸侯能薦人于天子，不能使天子與之諸侯；大夫能薦人于諸侯，不能使諸侯與之大夫。昔者堯薦舜于天而天受之，暴之于民而民受之。故曰：'天不言，以行與事示之而已矣。'"曰："敢問：'薦之于天而天受之，暴之于民而民受之'如何？"曰："使之主祭而百神享之，是天受之；使之主事而事治，百姓安之，是民受之也。天與之人與之。故曰：'天子不能以天下與人。'""舜相堯二十有八載，非人之所能爲也，天也。堯崩，三年之喪畢，舜避堯之子于于南河之南。天子諸侯朝覲者，不之堯之子而之舜，訟獄者，不之堯之子而之舜，謳歌者，不謳歌堯之子而謳歌舜。故曰：'天也。'夫然後，之中國踐天子位焉。而居堯之宮，逼堯之子；是篡也，非天與也。"泰誓曰：'天視自我民視，天聽自我民聽。'此之謂也。"萬章問曰："人有言：至于禹而德衰，不傳于賢而傳于子。有諸？"孟子曰："否，不然也。天與賢則與賢；天與子則與子。昔者舜薦禹于天，十有七年；舜崩，三年之喪畢，禹避舜之子于陽城；天下之民從之，若堯崩之後不從堯之子而從舜也。禹薦益于天七年；禹崩；三年之喪畢，益避禹之子于箕山之陰。朝覲訟獄者，不之益而之啓，曰：'吾君之子也。'謳歌者，不謳歌益而謳歌啓，曰：'吾君之子也。'"丹朱之不肖，舜之子亦不肖；舜之相堯，禹之相舜也，歷年多，施澤于民久。啓賢，能敬承繼禹之道；益之相禹也，歷年少，施澤于民未久。舜禹益相去久遠，其子之賢不

Trong chế độ chính trị lý tưởng của Mạnh Tử nói trên, người có đức của thánh nhân mới ở địa vị của thiên tử. Khi thánh vương đã già, bèn tuyển chọn một thánh nhân trẻ tuổi làm tướng để xem xét. Nếu vị đó hoàn thành tốt mọi việc thì được tiến cử lên trời, để thay thế cho vua. Khi vị thánh vương già chết, vị thánh nhân trẻ tuổi nối ngôi. Nhưng người ta không thể biết ý Trời mà chỉ biết được ý dân. Dân mà quy phục người ấy, tức là Trời đem thiên hạ cho người ấy. Cho nên tiến cử người ấy với Trời tức là tiến cử với dân. Nhưng «người bình dân mà có được thiên hạ, thì đạo đức ắt cỡ ông Thuấn và ông Vũ, đồng thời phải có vua tiến cử với Trời.» Nghĩa là nếu không được vua tiến cử, trước tiên ông ta sẽ không thể làm tướng để tự thử thách, sẽ không thể ban ân trạch cho dân, và dân sẽ không quy phục. Lý tưởng đó rất giống chủ trương của Plato về một nước cộng hoà. Nhưng Nho gia lấy thuật làm tác nên phải mượn sự việc trong sử để nói lý tưởng của mình. Hơn nữa, họ lại dựa theo chế độ nhà Chu và tôn sùng Văn Vương và Chu Công, cho nên họ cũng không công kích việc «nối đời mà có thiên hạ» (kế thế nhi hữu thiên hạ 繼世而有天下, tức con nối ngôi vua của cha). Việc đó không thể lấy logic mà giải thích được, chỉ có thể gán cho nó là: «Việc mình không làm mà được, đó là do Trời; không mong mà có, đó là mệnh Trời.»

Sách Mạnh Tử nói rất rõ về chế độ kinh tế lý tưởng của ông rằng: «Ở thôn quê [ruộng theo tỉnh điền] thì xin vua trợ giúp bằng cách thu thuế 1/9 hoa lợi; ở thành thị thì thu thuế 1/10 hoa lợi. Từ quan khanh trở xuống cần được cấp cho *khuê điền* 圭田 (ruộng hương hoả) 50 mẫu. Trai chưa vợ cần được cấp ruộng riêng 25 mẫu. Việc mai táng và dời đổi chỗ ở không được ra khỏi phạm vi của làng. Ruộng làng chia theo chữ *tỉnh* 井, dân làng ra vào có nhau, giữ gìn làng xóm giúp nhau, đau ốm chăm sóc nhau. Như thế, trăm họ thân ái hoà mục. Một dặm vuông là một *tỉnh* 井; mỗi tỉnh 900 mẫu, chia làm 9 ô vuông (mỗi ô 100 mẫu). Ô vuông chính giữa là ruộng công. Tám nhà ở ngoài đều được một ô ruộng riêng (100 mẫu). Tám nhà cùng chăm sóc ruộng công, làm ruộng công xong thì mới

---

肖，皆天也，非人之所能爲也，莫之爲而爲者，天也；莫之致而至者，命也。匹夫而有天下者，德必若舜禹而又有天子薦之者。故仲尼不有天下。繼世以有天下，天之所廢，必若桀紂者也。故益，伊尹，周公不有天下。– LAM chú: Ông Ích tuy cai trị thay vua Vũ, nhưng ông Khải là con vua Vũ lại hiền đức nên nối ngôi vua. Y Doãn là tướng của Thành Thang 成湯, nhiếp chính cho tự vương Thái Giáp 太甲 (cháu nội Thành Thang) dạy dỗ Thái Giáp thành người hiền đức, nối ngôi Thành Thang. Chu Công là em của Chu Vũ Vương 周武王, tên là Dán 旦, phò tá Vũ Vương 武王 phạt Trụ, diệt nhà Thương, lập nhà Chu. Khi Vũ Vương mất, con là Thành Vương 成王 còn nhỏ, nên Chu Công nhiếp chính. Thành Vương cũng là người hiền đức, nên về sau nối ngôi vua.

làm ruộng tư. Đó là cách để phân biệt dân quê [với kẻ cai trị quốc gia]»[36]

Mạnh Tử lại nói: «Không làm trái thời canh tác của dân thì thóc dư ăn; không dùng lưới dày ở ao đầm thì cá và ba ba dư ăn. Tuỳ theo mùa mới cho khai thác gỗ rừng thì gỗ dư dùng. Có dư dật thóc, cá, ba ba, cây gỗ để dùng thì dân nuôi được kẻ sống, chôn được kẻ chết, không có gì ân hận. Đó là khởi đầu cho vương đạo. Cho dân khu đất 5 mẫu để ở và sai trồng dâu xung quanh nhà thì dân 50 tuổi có lụa mặc. Không giết hại gà, lợn, chó vào mùa chúng sinh sản, thì dân 70 tuổi có thịt để ăn. Đối với ruộng 100 mẫu, vua chớ cướp mất thời gian canh tác của dân, thì mỗi hộ dân vài nhân khẩu sẽ không chết đói. Nếu vua chăm lo việc giáo dục trong các trường học, dạy cho dân biết hiếu đễ thì những người già không phải khuân vác kiếm ăn ngoài đường. Nếu người già 70 được mặc áo lụa, ăn cơm có thịt thà, và người dân đen không bị đói rét; như thế mà nói bậc cai trị chẳng phải là minh vương thì điều đó chưa hề có vậy.»[37]

Trong các đoạn văn trên, Mạnh Tử đã chuyển dời quan điểm từ chế độ tỉnh điền cố hữu sang chế độ kinh tế có tính chất xã hội chủ nghĩa. Nói rằng quan điểm đã chuyển dời, bởi vì thời cổ đại đất đai là tư hữu của

---

[36] ***Mạnh Tử*** **(Đằng Văn Công - thượng): «Thỉnh dã cửu nhất nhi trợ, quốc trung thập nhất sử tự phú. Khanh dĩ hạ, tất hữu khuê điền; khuê điền ngũ thập mẫu. Dư phu nhị thập ngũ mẫu. Tử tỷ vô xuất hương, hương điền đồng tỉnh, xuất nhập tương hữu, thủ vọng tương trợ, tật bệnh tương phù trì; tắc bách tính thân mục. Phương lý nhi tỉnh, tỉnh cửu bách mẫu; kỳ trung vi công điền, bát gia giai tư bách mẫu, đồng dưỡng công điền. Công sự tất, nhiên hậu cảm trị tư sự; sở dĩ biệt dã nhân dã.»** 請野九一之助，國中，什一使自賦．卿以下，必有圭田；圭田五十畝．餘夫二十五畝．死徙無出鄉，鄉田同井，出入相友，守望相助，疾病相扶持；則百姓親睦．方里而井；井九百畝；其中爲公田，八家皆私百畝，同養公田．公事畢然後敢治私事；所以別野人也．

[37] ***Mạnh Tử*** **(Lương Huệ Vương - thượng): «Bất vi nông thời, cốc bất khả thắng thực dã. Sác cổ bất nhập ô trì, ngư miết bất khả thắng thực dã. Phủ cân dĩ thời nhập sơn lâm, tài mộc bất khả thắng dụng dã. Cốc dữ ngư miết bất khả thắng thực, tài mộc bất khả thắng dụng, thị sử dân dưỡng sinh táng tử vô hám dã. Dưỡng sinh tang tử vô hám, vương đạo chi thuỷ dã. Ngũ mẫu chi trạch, thụ chi dĩ tang, ngũ thập giả khả dĩ ý bạch hĩ. Kê đồn cẩu trệ chi súc, vô thất kỳ thời, thất thập giả khả dĩ thực nhục hĩ. Bách mẫu chi điền, vật đoạt kỳ thời, số khẩu chi gia khả dĩ vô cơ hĩ. Cẩn thường tự chi giáo, thân chi dĩ hiếu đễ chi nghĩa, ban bạch giả bất phụ đái vu đạo lộ hĩ. Thất thập giả ý bạch thực nhục, lê dân bất cơ bất hàn; nhiên nhi bất vương giả, vị chi hữu dã.»** 不違農時，穀不可勝食也．數罟不入洿池，魚鱉不可勝食也．斧斤以時入山林，材木不可勝用也．穀與魚鱉不可勝食，材木不可勝用，是使民養生喪死無憾也．養生喪死無憾，王道之始也．五畝之宅，樹之以桑，五十者可以衣帛矣．雞豚狗彘之畜，無失其時，七十者可以食肉矣．百畝之田勿奪其時，數口之家可以無饑矣．謹庠序之教申之以孝悌之義，頒白者不負戴于道路矣．七十者衣帛食肉，黎民不饑不寒，然而不王者，未之有也．

vua chúa và quý tộc. Nông dân nhận đất từ quý tộc và cày thuê cho họ, tức là nông nô. Cho nên chế độ tỉnh điền vốn dĩ là vì lợi ích của quý tộc. Theo lý tưởng của Mạnh Tử, đất đai là công hữu của nhà nước. Nông dân nhận đất từ nhà nước và tự do canh tác. Sản lượng của ô vuông công điền ở chính giữa mỗi tỉnh điền tuy vẫn có thể là lộc cho vua, khanh, đại phu; nhưng cái công điền mà nông dân giúp canh tác cũng có tính chất như nộp thuế cho nhà nước, chứ không phải là nông nô phục dịch cho địa chủ. Chế độ trong lý tưởng đó chính là khiến cho «dân nuôi được kẻ sống, chôn được kẻ chết, không có gì ân hận», tức là vì ích lợi của nhân dân. Cho nên sẽ là sai lầm nếu bảo rằng chế độ tỉnh điền mà Mạnh Tử mô tả như trên vốn đã được thực hành từ xưa; và cũng sai lầm nữa nếu bảo rằng chế độ mà Mạnh Tử mô tả như trên là một chế độ do ông hoàn toàn tưởng tượng và sáng tạo. Kỳ thực, Mạnh Tử đã chấp nhận một hệ thống có sẵn rồi gán cho nó một giải thích mới, tức là *lấy thuật làm tác*. Mặc Tử theo quan điểm vì người dân bình thường mà chống lại các định chế của nhà Chu, còn Mạnh Tử cũng theo quan điểm vì người dân bình thường, nhưng giải thích các định chế của nhà Chu với ý nghĩa mới mẻ. Đó là chỗ khác nhau giữa Mặc Tử với Mạnh Tử về phương diện này.

Theo ý Mạnh Tử, nhà nước không những phải giúp nhân dân luôn có tài sản để giải quyết vấn đề sinh sống, mà còn phải thiết lập cơ quan giáo dục để giáo hoá họ. Mạnh Tử nói: «Thiết lập các loại trường như Tường, Tự, Học, Hiệu để dạy dân. Tường là để nuôi dưỡng. Hiệu là để dạy dân. Tự là để dạy bắn cung. Trường học đời Hạ gọi là Hiệu, đời Ân gọi là Tự, đời Chu gọi là Tường. Đến đời Tam Đại thì gọi chung một tên là Học. Tất cả các loại trường này đều nhằm làm rõ đạo làm người. Khi kẻ ở trên làm rõ đạo làm người, thì trong hạng tiểu dân ở dưới sẽ có tình cảm thân ái.»[38]

Mọi người đều có thể sinh sống, «nuôi được kẻ sống, chôn được kẻ chết, không có gì ân hận», đó chỉ là khởi đầu của vương đạo. Vương đạo sẽ hoàn thành khi nào mọi người đã được giáo dục để hiểu rõ đạo làm người. Đó cũng là ý nghĩa câu «phú chi giáo chi» 富之教之 (làm cho họ giàu và giáo dục họ) của Khổng Tử.[39]

---

[38] ***Mạnh Tử*** **(Đằng Văn Công - thượng): «Thiết vi tường tự học hiệu dĩ giáo chi; tường giả dưỡng dã, hiệu giả giáo dã, tự giả xạ dã; Hạ viết hiệu, Ân viết tự, Chu viết tường, học tắc tam đại cộng chi: giai sở dĩ minh nhân luân dã. Nhân luân minh vu thượng, tiểu dân thân vu hạ.»** 設爲庠序學校以教之；庠者養也，校者教也，序者射也；夏曰校，殷曰序，周曰庠，學則三代共之：皆所以明人倫也。人倫明于上，小民親于下。

[39] ***Luận Ngữ*** **(Bát Dật).**

4. Tính thiện

Trên đây nói về các chế độ lý tưởng, tức là cái mà Mạnh Tử gọi là *vương đạo* 王道, *vương chính* 王政, hay *nhân chính* 仁政. Tại sao phải thực hành nhân chính? Thực hành nhân chính có được không? Mạnh Tử nói: «Ai cũng có lòng bất nhẫn (không thể chịu nổi sự đau khổ của kẻ khác). Đấng tiên vương có lòng bất nhẫn thì tất có chế độ chính trị không nỡ nhẫn tâm đối với mọi người.»[40] Nền chính trị ấy là nhân chính vậy. «Ai cũng có lòng bất nhẫn», không nỡ nhìn kẻ khác khốn khổ, vì thế mà phải thực hành nhân chính. Mọi người đều có lòng bất nhẫn. Đó là căn cứ để thực hành nhân chính; tức là nhân chính có thể thực hành được.

Mạnh Tử nhân lúc thấy Tề Tuyên Vương không nỡ nhìn dáng vẻ sợ hãi của một con trâu sắp bị giết để hiến tế mà đoán rằng vua có thể thực hành nhân chính: «Kính và nuôi người già của nhà mình rồi đến người già của nhà người; thương yêu bảo bọc con trẻ của nhà mình rồi đến con trẻ của nhà người. Làm được như thế thì việc cai trị thiên hạ dễ như trở bàn tay. *Kinh Thi* có câu: "Trước tiên hãy làm gương cho vợ rồi đến anh em; như thế trị gia rồi trị quốc." Tức là nói [Văn Vương] đem cái lòng nhân ái mà ban cho người gần đến người xa. Cho nên ân đức ban ra đủ để bảo vệ tất cả trong bốn biển. Nếu không biết ban ân đức ra thì không thể bảo vệ được vợ con. Các vua đời xưa sở dĩ vượt hơn người rất nhiều chẳng qua là họ biết cách phát huy các việc thiện của họ mà thôi.»[41]

Tề Tuyên Vương tự xét mình ham của cải và ham sắc dục, nên không thể thi hành nhân chính được. Mạnh Tử nói: «Vua ham của [...] ham sắc; [...] nếu cùng hưởng với trăm họ thì đạt vương đạo có khó gì?»[42] Nhân mình ham của cải và sắc dục mà suy ra cho trăm họ cùng

---

[40] ***Mạnh Tử*** **(Công Tôn Sửu - thượng): «Nhân giai hữu bất nhẫn nhân chi tâm; tiên vương hữu bất nhẫn nhân chi tâm; tư hữu bất nhẫn nhân chi chính hĩ.»** 人皆有不忍人之心；先王有不忍人之心；斯有不忍人之政矣.

[41] ***Mạnh Tử*** **(Lương Huệ Vương - thượng): «Lão ngô lão, dĩ cập nhân chi lão; ấu ngô ấu, dĩ cập nhân chi ấu; thiên hạ khả vận vu chưởng. Thi vân: "Hình vu quả thê, chí vu huynh đệ, dĩ ngự vu gia bang." Ngôn cử tư tâm gia chư bỉ nhi dĩ. Cố suy ân túc dĩ bảo tứ hải, bất suy ân vô dĩ bảo thê tử; cổ chi nhân sở dĩ đại quá nhân giả vô tha yên, thiện suy kỳ sở vi nhi dĩ hĩ.»** 老吾老以及人之老；幼吾幼以及人之幼；天下可運于掌. 詩云：刑于寡妻，至于兄弟，以御于家邦. 言舉斯心加諸彼而已. 故推恩足以保四海；不推恩，無以保妻子；古之人所以大過人者無他焉，善推其所爲而已矣.

[42] ***Mạnh Tử*** **(Lương Huệ Vương - hạ): «Vương như hiếu hoá [...] vương như hiếu sắc [...] dữ bách tính đồng chi, ư vương hà hữu?»** 王如好貨[...]王如好色[...]與百姓同之，於王何有.

hưởng, tức là «đem cái lòng nhân ái mà ban cho người gần đến người xa». Nếu thực hiện cái tâm đó trong chính trị thì nền chính trị ấy là nhân chính rồi. Biết cách phát huy các việc thiện của mình là *nhân* 仁, là *trung thứ* 忠恕. Khổng Tử giảng *nhân* và *trung thứ* chủ yếu trên phương diện tu dưỡng của cá nhân, nhưng Mạnh Tử ứng dụng *nhân* và *trung thứ* vào triết học về xã hội và chính trị. Khổng Tử giảng nhân và trung thứ, để cá nhân đạt tới «nội thánh» 內聖 (bên trong là thánh), còn Mạnh Tử khai triển thêm, giúp cá nhân trở thành «ngoại vương» 外王 (bên ngoài là vua).[43] Mạnh Tử nói: «Ai cũng có lòng bất nhẫn. [...] Nay bỗng thấy một đứa bé sắp rơi xuống giếng, ai cũng sợ hãi và thương xót [mà đến cứu nó], chẳng phải vì họ quen biết cha mẹ nó, hay để làng xóm và bạn bè khen ngợi, hay vì sợ mang tiếng bất nhân. Do đó mà xét, hễ không có lòng trắc ẩn thì chẳng là người; không có lòng hổ thẹn thì chẳng là người; không có lòng từ nhượng (cung kính và nhún nhường) thì chẳng là người; không có lòng phân biệt đúng sai thì chẳng là người. Lòng trắc ẩn là đầu mối của nhân; lòng hổ thẹn là đầu mối của nghĩa; lòng từ nhượng là đầu mối của lễ; lòng biết đúng sai là đầu mối của trí. Người ta có bốn đầu mối ấy, cũng như có tứ chi. Đã có bốn đầu mối ấy mà bảo rằng không thể làm được [nhân, nghĩa, lễ, trí], tức là tự hại mình vậy. Bảo rằng vua không làm được tức là hại vua đấy. Người ta có bốn đầu mối ấy, hễ phát triển cho đầy đủ thì cái thế của nó giống như lửa mới cháy, nước suối mới tuôn. Nếu làm đầy đủ bốn đầu mối ấy thì đủ sức bảo vệ mọi thứ trong bốn biển; nếu không, thì không đủ sức phụng dưỡng cha mẹ.»[44]

---

[43] Derk Bodde chú: *Nội thánh* và *ngoại vương* là thuật ngữ thông dụng trong triết học Trung Quốc. Nội thánh là cá nhân đạt được sự tu thân hoàn hảo để trở thành bậc thánh. Ngoại vương là cá nhân nhờ vào đức hạnh và tài năng của mình mà có được phẩm chất cần thiết của bậc minh vương.

[44] *Mạnh Tử* (Công Tôn Sửu - thượng): «Nhân giai hữu bất nhẫn nhân chi tâm. [...] Kim nhân sạ kiến nhụ tử tương nhập vu tỉnh, giai hữu truật dịch trắc ẩn chi tâm. Phi sở dĩ nạp giao vu nhụ tử chi phụ mẫu dã; phi sở dĩ yêu dự vu hương đảng bằng hữu dã; phi ố kỳ thanh nhi nhiên dã. Do thị quan chi, vô trắc ẩn chi tâm, phi nhân dã; vô tu ố chi tâm, phi nhân dã; vô từ nhượng chi tâm, phi nhân dã; vô thị phi chi tâm, phi nhân dã. Trắc ẩn chi tâm, nhân chi đoan dã; tu ố chi tâm, nghĩa chi đoan dã; từ nhượng chi tâm, lễ chi đoan dã; thị phi chi tâm, trí chi đoan dã. Nhân chi hữu thị tứ đoan dã, do kỳ hữu tứ thể dã. Hữu thị tứ đoan nhi tự vị bất năng giả, tự tặc giả dã. Vị kỳ quân bất năng giả, tặc kỳ quân giả dã. Phàm hữu tứ đoan vu ngã giả, tri giai khuếch nhi sung chi hĩ, nhược hoả chi thuỷ nhiên, tuyền chi thuỷ đạt. Cẩu năng sung chi, túc dĩ bảo tứ hải; cẩu bất sung chi, bất túc dĩ sự phụ mẫu.» 人皆有不忍人之心 [...] 今人乍見孺子將入于井，皆有怵惕惻隱之心．非所以內交于孺子之父母也；非所以要譽于鄉黨朋友也；非惡其聲而然也．猶是觀之：無惻隱之心，非人也；無羞惡之心，非人也；無辭讓之心，非人

Trần Lễ 陳澧 (1801-1882) nói: «Mạnh Tử nói tính thiện, tức là nói bản tính mọi người đều có cái thiện, chứ không nói bản tính mọi người đều hoàn toàn là thiện.»[45] Khi nói bản tính con người là thiện, Mạnh Tử chỉ có ý nói rằng con người có *tứ đoan* 四端 (bốn đầu mối: nhân, nghĩa, lễ, trí). Nếu con người phát triển đầy đủ *tứ đoan* thì thành thánh nhân. Người ta sở dĩ bất thiện là vì họ không phát triển được *tứ đoan*, chứ chẳng phải bản tính của họ khác với bản tính của người thiện. Cho nên Mạnh Tử nói: «Xét cái *tình* 情 người ta thì biết người ta vốn có thể làm thiện, nên mới bảo là tính thiện. Còn kẻ làm điều bất thiện thì không phải là cái lỗi của *tài* 才. Ai cũng có lòng trắc ẩn, biết xấu hổ, biết từ nhượng, biết đúng sai. Lòng trắc ẩn là nhân, biết xấu hổ là nghĩa, biết từ nhượng là lễ, biết đúng sai là trí. Nhân, nghĩa, lễ, trí không phải từ bên ngoài un đúc cho ta. Ta đã sẵn có chúng, nhưng ta không nghĩ đến thôi. Cho nên nói: "Tìm cầu [nhân, nghĩa, lễ, trí] thì có; bỏ đi thì mất chúng." Người ta khác nhau hai lần, năm lần, hay nhiều lần chính là vì không thể thực hiện cho kỳ hết cái *tài* 才 của họ.»[46]

Du Chính Tiếp 俞正燮 (1775-1840) nói: «Tình là thực tế của sự. *Đại Học* nói: "Kẻ vô tình." Trịnh Huyền (127-200 TCN) chú: "Tình cũng như thực tế." là thế.» (Tình giả, sự chi thực dã. Đại Học: "Vô tình giả." Trịnh chú vân: "Tình do thực dã" thị dã 情者，事之實也. 大學：無情者. 鄭註云：情猶實也是也). Chu Hi (*Mạnh Tử Tập Chú*) nói: «Tài cũng như tài chất.» (Tài do tài chất 才猶材質). *Tài* 才 ý nói là tài liệu 材料. Kẻ bất thiện theo thực tế lẽ nào cũng không có tài liệu để làm điều

---

也；無是非之心；非人也. 惻隱之心仁之端也；羞惡之心義之端也；辭讓之心禮之端也；是非之心智之端也. 人之有是四端也，猶其有四體也有是四端而自謂不能者自賊者也. 謂其君不能者賊其君者也. 凡有四端于我者知皆擴而充之矣，若火之始然，泉之始達. 苟能充之；足以保四海；苟不充之，不足以事父母.

[45] **Trần Lễ 陳澧, *Đông Thục Độc Thư Ký* 東塾讀書記, quyển 3.**

[46] ***Mạnh Tử* (Cáo Tử - thượng): «Nãi nhược kỳ tình, tắc khả dĩ vi thiện hĩ, nãi sở vị thiện dã. Nhược phù vi bất thiện, phi tài chi tội dã. Trắc ẩn chi tâm, nhân giai hữu chi; tu ố chi tâm, nhân giai hữu chi; cung kính chi tâm, nhân giai hữu chi; thị phi chi tâm, nhân giai hữu chi. Trắc ẩn chi tâm, nhân dã; tu ố chi tâm, nghĩa dã; cung kính chi tâm, lễ dã; thị phi chi tâm, trí dã. Nhân nghĩa lễ trí, phi do ngoại thước ngã dã, ngã cố hữu chi dã, phất tư nhĩ hĩ. Cố viết: "Cầu tắc đắc chi, xả tắc thất chi." Hoặc tương bội tỷ nhi vô toán giả, bất năng tận kỳ tài giả dã.»** 乃若其情，則可以爲善矣，乃所謂善也. 若夫爲不善，非才之罪也. 惻隱之心，人皆有之；羞惡之人，人皆有之；恭敬之心，人皆有之；是非之心，人皆有之. 惻隱之心仁也；羞惡之心義也；恭敬之心禮也；是非之心智也. 仁義禮智，非由外鑠我也，我固有之也，弗思耳矣. 故曰：求則得之，舍則失之. 或相倍蓰無算者，不能盡其才者也.

thiện sao? Lẽ nào cũng không có tứ đoan như nói trên đây sao? Chẳng qua họ không thể phát triển đầy đủ chúng, có người lại còn đè nén chúng cho mất đi. Cho nên đó «không phải là cái lỗi của *tài* 才».

Tại sao con người cần phải phát triển đầy đủ *thiện đoan* 善端 (đầu mối của thiện)? Đây cũng là một vấn đề. Nếu nói theo chủ nghĩa công lợi 功利, sự phát triển đầy đủ thiện đoan của con người sẽ có lợi cho xã hội, nếu không thì có hại. Đó là lý do mà Mặc Tử chủ trương kiêm ái. Nhưng theo ý Mạnh Tử, sự phát triển đầy đủ thiện đoan của con người là để cho «con người trở nên xứng đáng là Người» (nhân chi sở dĩ vi nhân dã 人之所以爲人也).

Mạnh Tử nói: «Cái khiến con người khác với cầm thú thì rất nhỏ. Kẻ thứ dân thì bỏ mất nó, còn người quân tử thì biết bảo tồn nó.»[47] Cái khiến con người trở thành Người, tức là yếu tố của con người để định nghĩa cái danh từ "Người", và cũng chính là giúp phân biệt người với cầm thú, đó là *nhân tâm* 人心. Sách *Mạnh Tử* chép: «Công Đô Tử hỏi: "Đều là người cả, cớ sao có người là đại nhân, có kẻ là tiểu nhân?" Mạnh Tử đáp: "Kẻ theo *đại thể* (cái lớn lao) của họ là đại nhân, kẻ theo *tiểu thể* (cái vụn vặt) của họ là tiểu nhân." Hỏi: "Đều là người cả, cớ sao có người theo *đại thể*, có kẻ theo *tiểu thể*?" Đáp: "Tai và mắt chẳng suy nghĩ, lại bị ngoại vật che lấp. Ngoại vật [như âm thanh và sắc tướng] tiếp xúc tai và mắt ta thì ta bị lôi kéo đi. Tâm để suy nghĩ. Nghĩ sâu thì hiểu được [nghĩa lý sự vật], nếu không nghĩ sâu thì không hiểu được nó. Tâm là cái mà Trời phú bẩm cho ta. Người ta trước tiên phải thiết lập điều lớn lao ở tâm, thì điều nhỏ nhặt sẽ không chiếm đoạt lấy tâm của mình. Đó mới là đại nhân."»[48]

Tác phẩm *Luân lý học* (Ethics) của Aristotle cho rằng việc ăn uống và tình dục thì con người và cầm thú đều có như nhau. Nhưng cái khiến

---

[47] ***Mạnh Tử*** **(Ly Lâu - hạ): «Nhân chi sở dĩ dị vu cầm thú giả cơ hi, thứ dân khử chi, quân tử tồn chi.»** 人之所以異于禽獸幾希;庶民去之,君子存之.

[48] ***Mạnh Tử*** **(Cáo Tử - thượng): «Công Đô Tử vấn viết: "Quân thị nhân dã, hoặc vi đại nhân, hoặc vi tiểu nhân, hà dã?" Mạnh Tử viết: "Tòng kỳ đại thể vi đại nhân, tòng kỳ tiểu thể vi tiểu nhân." Viết: "Quân thị nhân dã, hoặc tòng kỳ đại thể, hoặc tòng kỳ tiểu thể, hà dã?" Viết: "Nhĩ mục chi quan bất tư, nhi tế ư vật, vật giao vật, tắc dẫn chi nhi dĩ hĩ. Tâm chi quan tắc tư, tư tắc đắc chi, bất tư tắc bất đắc dã. Thử thiên chi sở dữ ngã giả, tiên lập hồ kỳ đại giả, tắc kỳ tiểu giả phất năng đoạt dã. Thử vi đại nhân nhi dĩ hĩ."»** 公都子問曰:"鈞是人也,或爲大人或爲小人,何也."孟子曰:"從其大體爲大人,從其小體爲小人."曰:"鈞是人也,或從其大體或從其小體,何也?"曰:"耳目之官不思而蔽於物,物交物,則引之而已矣.心之官則思,思則得之,不思則不得也.此天之所與我者,先立乎其大者,則其小者弗能奪也.此爲大人而已矣."

con người khác biệt với cầm thú là con người có *lý tính* 理性 (reason: lý trí). Khả năng của tâm là tư duy. Có thể tư duy là có lý tính. Cái tâm có thể tư duy là cái sở hữu đặc biệt của con người, và do trời phú bẩm cho; vì thế tâm là *đại thể* 大體. Tai và mắt thì con người và cầm thú đều có, và chúng là *tiểu thể* 小體. Làm theo tai mắt (tiểu thể) thì không chỉ là tiểu nhân mà còn là cầm thú nữa. «Tai và mắt chẳng suy nghĩ, lại bị ngoại vật che lấp. Ngoại vật [như âm thanh và sắc tướng] tiếp xúc tai và mắt ta thì ta bị lôi kéo đi». Nếu ta bỏ mặc chúng tức là ta khiến tâm bị chìm đắm. Con người sở dĩ bất thiện là do đấy. Tâm biết tư duy thì ưa thích *nghĩa* 義 và *lý* 理.

Mạnh Tử nói: «Hễ vật cùng loại thì bản tính chúng đều giống nhau. Tại sao đối với người thì nghi ngờ bản tính không giống nhau? Thánh nhân và ta cùng một loại. Cho nên Long Tử nói: "[Một người thợ làm dép rơm] không biết cỡ chân, chỉ phỏng chừng mà làm. Ta biết hắn chẳng làm chiếc dép to bằng cái giỏ." Cỡ dép tương tự, bởi cỡ chân người cũng tương tự. Đối với mùi vị, miệng người đều có ưa thích giống nhau. [Đầu bếp giỏi] Dịch Nha chỉ là người đầu tiên biết cái mà ta khoái khẩu. Nếu khẩu vị của Dịch Nha khác với mọi người, giống như chó và ngựa khác loài với người, thì tại sao thiên hạ đều theo Dịch Nha về cái khoái khẩu ấy? Về khẩu vị, thiên hạ theo Dịch Nha, tức là miệng của họ giống nhau vậy. Đối với tai cũng đúng. Về âm thanh, thiên hạ đều theo Sư Khoáng, bởi tai của họ có sự ưa thích giống nhau. Đối với mắt cũng đúng, thiên hạ chẳng ai mà không biết Tử Đô đẹp trai. Ai không thấy Tử Đô đẹp trai quả là không có mắt. Cho nên nói miệng người ta đều có cùng khoái khẩu, tai người ta cùng ưa nghe âm thanh hay, mắt người ta cùng ưa nhìn sắc đẹp. Vậy thì tâm người ta không có chung cái gì sao? Tâm cho cái gì là phải? Đó là *lý* 理 và *nghĩa* 義. Thánh nhân biết trước được cái mà thiên hạ cùng cho là phải. Cho nên lý và nghĩa làm vui lòng chúng ta, giống như thịt thà làm khoái miệng chúng ta.»[49]

---

[49] *Mạnh Tử* (Cáo Tử - thượng): «Cố phàm đồng loại giả, cử tương tự dã, hà độc chí ư nhân nhi nghi chi? Thánh nhân dữ ngã đồng loại giả. Cố Long Tử viết: "Bất tri túc nhi vi lũ, ngã tri kỳ bất vi quỷ dã." Lũ chi tương tự, thiên hạ chi túc đồng dã. Khẩu chi ư vị, hữu đồng thị dã. Dịch Nha tiên đắc ngã khẩu chi sở thị giả dã. Như sử khẩu chi ư vị dã, kỳ tính dữ nhân thù, nhược khuyển mã chi dữ ngã bất đồng loại dã, tắc thiên hạ hà thị giai tòng Dịch Nha chi ư vị dã? Chí ư vị, thiên hạ kỳ ư Dịch Nha, thị thiên hạ chi khẩu tương tự dã. Duy nhĩ diệc nhiên. Chí ư thanh, thiên hạ kỳ ư Sư Khoáng, thị thiên hạ chi nhĩ tương tự dã. Duy mục diệc nhiên. Chí ư Tử Đô, thiên hạ mạc bất tri kỳ giảo dã. Bất tri Tử Đô chi giảo giả, vô mục giả dã. Cố viết: Khẩu chi ư vị dã, hữu đồng thị yên; nhĩ chi ư thanh dã, hữu đồng thính yên; mục chi ư sắc dã, hữu đồng mỹ yên. Chí ư tâm, độc vô sở đồng nhiên hồ? Tâm chi sở đồng nhiên giả hà dã? Vị lý dã, nghĩa dã. Thánh nhân tiên đắc ngã tâm chi sở đồng nhiên nhĩ. Cố lý nghĩa chi duyệt ngã tâm, do sô

Cho nên người ta ắt y theo nghĩa và lý – tức là theo đại thể của mình – mà hành động. Theo đại thể thì có thể bảo toàn được cái khiến con người vẫn là Người; nếu không thì làm mất cái khiến con người là Người, tức là con người trở nên cùng loại với cầm thú. Mạnh Tử nói: «Nó tồn tại ở con người, lẽ nào tâm con người không có nhân và nghĩa sao? Người ta buông bỏ lương tâm của mình, cũng giống như lấy búa rìu đẽo cây. Mỗi sáng lấy búa rìu đẽo cây, cây [tức tâm] còn đẹp tốt mãi được sao? Những cái tâm ấy vẫn được phát triển ngày đêm. Trong khí trời yên ả sáng sớm, sự ưa ghét của nó gần giống như tâm của người tốt, nhưng không mạnh mẽ. Rồi từ sáng đến tối, cái lương tâm ấy bị gông cùm và huỷ hoại trong mọi hành vi. Bị gông cùm mãi, thì cái khí lực phục hồi vào ban đêm không đủ để bảo tồn lương tâm. Như vậy con người trở thành cầm thú chẳng mấy chốc. Người khác nhìn thấy bọn cầm thú này, không nghĩ rằng chúng từng có lương tâm. Đó chẳng phải là tình trạng của con người sao?»[50]

Khí phục hồi ban đêm tức là cái lòng nhân nghĩa chưa hoàn toàn bị búa rìu đẽo gọt. Nếu khí đó hết, tức là con người đã mất «cái khiến người trở thành Người» và đương nhiên người trở thành cầm thú. Đó là lý do Mạnh Tử chủ trương «cầu phóng tâm» 求放心 (tìm cái tâm bị

---

hoạn chi duyệt ngã khẩu.» 故凡同類者，舉相似也，何獨至於人而疑之？聖人與我同類也．故龍子曰："不知足而爲屨，我知其不爲蕢也．"屨之相似，天下之足同也．口之於味，有同嗜也．易牙先得我口之所嗜者也．如使口之於味也，其性與人殊，若犬馬之與我不同類也，則天下何嗜皆從易牙之於味也？至於味，天下期於易牙，是天下之口相似也．惟耳亦然．至於聲，天下期於師曠，是天下之耳相似也．惟目亦然．至於子都，天下莫不知其姣也．不知子都之姣者，無目者也．故曰：口之於味也，有同嗜焉；耳之於聲也，有同聽焉；目之於色也，有同美焉．至於心，獨無所同然乎？心之所同然者何也？謂理也，義也．聖人先得我心之所同然耳．故理義之悅我心，猶芻豢之悅我口．

[50] ***Mạnh Tử*** **(Cáo Tử - thượng): «Tuy tồn hồ nhân giả, khởi vô nhân nghĩa chi tâm tai? Kỳ sở dĩ phóng kỳ lương tâm giả, diệc do phủ cân chi ư mộc dã, đán đán nhi phạt chi, khả dĩ vi mỹ hồ? Kỳ nhật dạ chi sở tức, bình đán chi khí, kỳ hiếu ố dữ nhân tương cận dã giả cơ hi, tắc kỳ đán trú chi sở vi, hữu cốc vong chi hĩ. Cốc chi phản phúc, tắc kỳ dạ khí bất túc dĩ tồn; dạ khí bất túc dĩ tồn, tắc kỳ vi cầm thú bất viễn hĩ. Nhân kiến kỳ cầm thú dã, nhi dĩ vi vị thường hữu tài yên giả, thị khởi nhân chi tình dã tai.»** 惟存乎人者，豈無仁義之心哉？其所以放其良心者，亦猶斧斤之於木也，旦旦而伐之，可以爲美乎？其日夜之所息，平旦之氣，其好惡與人相近也者幾希，則其旦晝之所爲，有梏亡之矣．梏之反覆，則其夜氣不足以存，則其違禽獸不遠矣．人見其禽獸也，而以爲未嘗有才焉也，是豈人之情也哉？

mất) và «bất thất bản tâm» 不失本心 (không đánh mất bản tâm). Có thế thì người mới thật là Người.

Ai cũng có *nhân tâm* 人心, nên bản tính của người vốn thiện. Khi Mạnh Tử nói bản tính thiện, tức là ông muốn người ta đặc biệt chú ý rằng cái bản tính ấy là *nhân tính* 人性 (bản tính của con người): «Cáo Tử nói: "Cái lúc sinh ra vốn thế được gọi là tính." Mạnh Tử hỏi: "Cái lúc sinh ra vốn thế được gọi là tính, vậy cái gì trắng đều gọi là trắng sao?" Cáo Tử đáp: "Phải." Mạnh Tử hỏi: "Vậy màu trắng của lông vũ trắng giống như màu trắng của tuyết trắng, màu trắng của tuyết trắng giống như màu trắng của ngọc trắng sao?" Cáo Tử đáp: "Phải." Mạnh Tử hỏi: "Vậy cái tính của chó giống như cái tính của trâu, cái tính của trâu giống như cái tính của người sao?"»[51]

Màu trắng trong thiên hạ giống nhau nhưng cái tính thì khác nhau. Trâu với người khác loài, nên tính trâu và tính người khác nhau. Tính của người bao hàm cái «khiến người trở nên người», mất tính đó thì người trở thành cầm thú. Mạnh Tử nói: «*Nhân* 仁 là cái tâm mà người ta phải có; *nghĩa* 義 là con đường mà người ta phải theo.»[52] Nếu không ăn ở cho nhân nghĩa thì không phải con người.

Theo đó, ta hiểu ý Mạnh Tử khi ông nói: «Dương Chu vị ngã nên không có vua; Mặc Địch kiêm ái nên không có cha. Không vua và không cha tức là cầm thú.»[53] Mạnh Tử không mắng bậy, bởi vì Nho gia cho rằng sự biểu hiện của *tứ đoan* 四端 (bốn đầu mối) của con người trong tổ chức xã hội gọi là *nhân luân* 人倫: «Thực chất của *nhân* là phụng dưỡng cha mẹ, thực chất của *nghĩa* là kính anh, thực chất của *trí* là biết rõ nhân nghĩa và chẳng lìa bỏ chúng, thực chất của *lễ* là bày ra nghi tiết, văn vẻ cho nhân

---

[51] ***Mạnh Tử*** **(Cáo Tử - thượng): «Cáo Tử viết: "Sinh chi vị tính." Mạnh Tử viết: "Sinh chi vị tính dã, do bạch chi vị bạch dư? Viết: "Nhiên." "Bạch vũ chi bạch dã, do bạch tuyết chi bạch; bạch tuyết chi bạch, do bạch ngọc chi bạch dư? Viết: "Nhiên." "Nhiên tắc khuyển chi tính, do ngưu chi tính; ngưu chi tính, do nhân chi tính dư?"»** 告子曰: "生之謂性." 孟子曰: "生之謂性也, 猶白之謂白歟?" 曰: "然." "白羽之白也, 猶白雪之白; 白雪之白猶白玉之白歟?" 曰: "然." "然則犬之性, 猶牛之性; 牛之性, 猶人之性歟?"

[52] ***Mạnh Tử*** **(Cáo Tử - thượng): «Nhân, nhân tâm dã; nghĩa, nhân lộ dã.»** 仁, 人心也; 義, 人路也.

[53] ***Mạnh Tử*** **(Đằng Văn Công - hạ): «Dương thị vị ngã, thị vô quân dã; Mặc thị kiêm ái, thị vô phụ dã; vô phụ vô quân, thị cầm thú dã.»** 楊氏爲我, 是無君也; 墨氏兼愛, 是無父也; 無父無君, 是禽獸也.

nghĩa, thực chất của *nhạc* là làm vui vẻ trong nhân nghĩa.»[54] Lại nói: «Thánh nhân là người đạt được tột đỉnh của nhân luân.»[55]

Đạo của Dương Tử và Mặc Tử là vất bỏ nhân luân, tức là mất cái khiến con người trở thành Người, không hợp với định nghĩa về con người, nên là cầm thú. Aristotle cho rằng người ta là động vật có chính trị, và nói nếu nhân tính phát triển đầy đủ thì ắt có quốc gia xã hội, nếu không thì không phải là người. Nho gia cho rằng con người cần có vua và cha, cũng là diễn tả ý kiến đó.

Mọi người đều có *thiện đoan* 善端 (đầu mối thiện). Thánh nhân chẳng qua đã phát triển thiện đoan đầy đủ, tới mức đạt được tột đỉnh của nhân luân. Cho nên ai cũng có thể thành thánh nhân. Mạnh Tử dẫn lời Nhan Uyên: «Vua Thuấn là người thế nào? Ta là người thế nào? Có làm [thánh nhân] thì cũng được thôi.»[56] Nếu ta tự cho mình không thể ăn ở theo nhân nghĩa tức là ta tự vất bỏ mình đi.

Mạnh Tử rất xem trọng cá nhân, cho nên cũng chú trọng sự tự do cá nhân. Cho đến cái gọi là lễ, nếu người ta nhận thấy lễ không hợp thời, thì họ có thể cải cách nó.

Mạnh Tử nói với Tề Tuyên Vương 齊宣王 rằng: «Vua xem bầy tôi như tay chân thì bầy tôi xem vua như tâm phúc, vua xem bầy tôi như chó ngựa thì bầy tôi xem vua như người thường, vua xem bầy tôi như đất cỏ thì bầy tôi xem vua như kẻ thù.» Tề Tuyên Vương hỏi: «*Kinh Lễ* nói: 'Để tang cho vua cũ.' Vua như thế nào thì đáng để tang?» Mạnh Tử nói: «Bầy tôi can gián vua mà vua vẫn dùng; nói mà vua nghe; ân trạch vua xuống đến dân; bầy tôi nếu buộc phải rời nước ra đi thì vua sai người đưa ra khỏi biên giới, lại có lời tiến cử tại nơi đến; nếu người đó đi ba năm mà không quay về, thì vua mới thu lại điền sản của người đó. Đó là ba việc có lễ của vua đối đãi với bầy tôi. Ông vua như thế thì khi mất đáng cho bầy tôi để tang. Ngày nay, bầy tôi can gián vua mà vua không dùng; nói mà vua không nghe; ân trạch vua không xuống đến dân; bầy tôi nếu buộc phải rời nước ra đi thì vua bắt giữ không cho đi, hoặc gièm pha

---

[54] ***Mạnh Tử*** **(Ly Lâu - thượng): «Nhân chi thực, sự thân thị dã. Nghĩa chi thực, tòng huynh thị dã. Trí chi thực, tri tư nhị giả phất khử thị dã. Lễ chi thực, tiết văn tư nhị giả thị dã. Nhạc chi thực, lạc tư nhị giả.»** 仁之實，事親是也．義之實，從兄是也．智之實，知斯二者弗去是也．禮之實，節文斯二者是也．樂之實，樂斯二也．

[55] ***Mạnh Tử*** **(Ly Lâu - thượng): «Thánh nhân, nhân luân chi chí dã.»** 聖人，人倫之至也．

[56] ***Mạnh Tử*** **(Đằng Văn Công - thượng): «Thuấn hà nhân dã; dư hà nhân dã. Hữu vi giả diệc nhược thị.»** 舜何人也；予何人也．有爲者亦若是．

người đó tại nước mà người đó đến. Ngay trong ngày người đó đi thoát thì vua tịch thu điền sản của người đó. Vua như thế thì gọi là giặc thù. Giặc thù chết thì để tang làm gì?»[57]

Mạnh Tử phủ nhận lễ xưa, ông nói: «Lễ mà phi lễ, nghĩa mà phi nghĩa, thì đại nhân không làm.» Tức là quyền uy của sự phán đoán cá nhân còn trên cả cái mà thế tục gọi là lễ nghĩa nữa. Trên đây đã nói Khổng Tử chú trọng sự tự do của tính tình cá nhân đồng thời cũng chú trọng khuôn phép từ bên ngoài đối với hành vi người ta. Sự chú trọng sự tự do của tính tình cá nhân quả là ý tưởng mới mẻ của Khổng Tử, còn sự chú trọng khuôn phép từ bên ngoài đối với hành vi người ta thì từ cổ đại đã có. Mạnh Tử cũng khá chú trọng sự tự do của tính tình cá nhân. Mạnh Tử đã nói đến tính thiện, cho rằng nhân, nghĩa, lễ, trí không phải từ bên ngoài un đúc cho ta, mà chính ta đã sẵn có. Như vậy sự phán đoán đạo đức của cá nhân đương nhiên đáng được xem trọng.

Ai cũng có thể thành thánh nhân, miễn là lập chí. Còn sự thành hay bại, thuận lợi hay gian nan trong các phương diện khác của đời người thì không thể tính được, mà cũng không cần tính đến. Mạnh Tử nói: «Thành công được là nhờ trời. Cái mà vua cần làm là gì? Nhà vua cần gắng làm thiện, chỉ vậy thôi.»[58] Lại nói: «Khóc người chết vì thương xót kẻ đó chứ chẳng phải để lấy lòng người sống [là thân nhân của kẻ chết]. Theo con đường đạo đức và không tà vạy là việc cần làm chứ đâu phải để cầu lợi lộc. Nói năng vốn phải thành thực, chứ đâu phải để

---

[57] *Mạnh Tử* (Ly Lâu - hạ): «Mạnh Tử cáo Tề Tuyên Vương viết: "Quân chi thị thần như thủ túc, tắc thần thị quân như phúc tâm; quân chi thị thần như khuyển mã, tắc thần thị quân như quốc nhân; quân chi thị thần như thổ giới, tắc thần thị quân như khấu thù." Vương viết: "Lễ vi cựu quân hữu phục, hà như tư khả vi phục hĩ?" Viết: "Gián hành ngôn thính, cao trạch hạ vu dân; hữu cố nhi khứ, tắc quân sử nhân đạo chi xuất cương, hựu tiên vu kỳ sở vãng; khứ tam niên bất phản, nhiên hậu thu kỳ điền lý: thử chi vị tam hữu lễ yên; như thử tắc vi chi phục hĩ. Kim dã vi thần, gián tắc bất hành, ngôn tắc bất thính, cao trạch bất hạ vu dân; hữu cố nhi khứ, tắc quân bức chấp chi, hựu cực chi vu kỳ sở vãng; khứ chi nhật, toại thu kỳ điền lý: thử chi vị khấu thù, khấu thù hà phục chi hữu!"» 孟子告齊宣王曰："君之視臣如手足，則臣視君如腹心，君之視臣如犬馬，則臣視君如國君；君之視臣如土芥，則臣視君如寇讎．"王曰："禮爲舊君有服，何如斯可爲服矣？"曰："諫行言聽，膏澤下于民；有故而去，則君使人導之出疆，又先于其所往；去三年不反，然後收其田里：此之謂三有禮焉；如此則爲之服矣．今也爲臣，諫則不行，言則不聽，膏澤不下于民；有故而去，則君搏執之，又極之于其所往，去之日，遂收田里：此之謂寇讎，寇讎何服之有！

[58] *Mạnh Tử* (Lương Huệ Vương - thượng): «Nhược phù thành công tắc thiên dã; quân như bỉ hà tai, cưỡng vi thiện nhi dĩ hĩ.» 若夫成功則天也；君如彼何哉，強爲善而以矣

[nổi tiếng là] trau giồi đức hạnh. Bậc quân tử cứ hành động theo lẽ phải và đợi mệnh trời mà thôi.»[59]

Ở đây, cái gọi là *Thiên* và cái gọi là *mệnh* ám chỉ một điều vượt ngoài sức lực của con người. Cho nên Mạnh Tử nói: «Việc mình không làm mà được, đó là do Trời; không mong mà có, đó là mệnh Trời.» (Mạc chi vi nhi vi giả, thiên dã; mạc chi trí nhi trí giả, mệnh dã 莫之爲而爲者，天也；莫之致而致者，命也). Chúng ta làm việc, chỉ cần tự hỏi có nên làm hay không. Nên làm thì làm. Chúng ta cố gắng để làm thiện, chỉ có vậy thôi. Còn như thành hay bại, thuận lợi hay trắc trở, thì chúng biến đổi tuỳ hoàn cảnh của từng phương diện. Những cái đó con người không thể khống chế được, đó gọi là mệnh và trời. «Trời với ý nghĩa là số mệnh» ám chỉ điều ấy (và đã được giải thích ở chương 3). Mặc gia lập thuyết *phi mệnh* 非命, đối lập với Nho gia. Kỳ thực, *mệnh* theo Nho gia – hay ít nhất là theo Mạnh Tử và Tuân Tử – đều không có yếu tố mê tín. Cái *mệnh* này khác với khái niệm của cái *mệnh* mà Mặc gia đã cực lực công kích.

5. Mạnh Tử chống công lợi

Theo trên, chúng ta có thể hiểu lý do Mạnh Tử chống công lợi. Ông cho rằng người ta ai cũng có *tứ đoan*: lòng thương xót (trắc ẩn), hổ thẹn (tu ố), khiêm nhường (từ nhượng), phân biệt đúng sai (thị phi). Nếu tứ đoan được phát triển đầy đủ thì trở thành *tứ đức* (nhân, nghĩa, lễ, trí). Bốn đức tính này là kết quả tự nhiên của sự phát triển nhân tính. Đó là một sự phát triển mà con người phải tiến hành để có được cái khiến «con người trở thành Người». Cho nên tứ đức không phải được thực hành chỉ vì chúng có lợi ích vật chất, mặc dù sự thực hành tứ đức tất nhiên tạo ra kết quả có lợi cho xã hội. Kết quả đó tuy rất quý, nhưng đó chỉ là phụ. Giống như tác phẩm của một nghệ sĩ, cố nhiên nó có thể khiến người ta vui thích nhưng đó chỉ là kết quả thứ yếu. Sáng tác của nghệ sĩ chủ yếu là để biểu hiện lý tưởng và tình cảm của mình hơn là mong cầu sự vui thích của người khác.

Mạnh Tử chủ trương *nghĩa* và chống đối *lợi*, nhưng ông chưa hề phân biệt rõ ràng giữa *nghĩa* và *lợi*, giữa *công lợi* và *tư lợi*, cho nên học giả đời sau thường chỉ trích ông. Tuy nhiên cuộc biện luận giữa Mạnh Tử

---

[59] *Mạnh Tử* (Tận Tâm - hạ): «Khốc tử nhi ai, phi vi sinh giả dã; kinh đức bất hồi, phi dĩ can lộc dã; ngôn ngữ tất tín, phi dĩ chính hành dã. Quân Tử hành pháp, dĩ sĩ mệnh nhi dĩ hĩ.» 哭死而哀，非爲生者也；經德不回，非以干祿也；言語必信，非以正行也，君子行法，以俟命而已矣.

và Di Chi 夷之 (một Mặc gia) về *bạc táng* 薄葬 (tang ma sơ sài) là nói rõ quan điểm của Mạnh Tử chống ý nghĩa chủ yếu của chủ nghĩa công lợi: «Đời thượng cổ người ta chưa biết mai táng cha mẹ. Cha mẹ chết thì họ đem vất vào hố sâu. Ngày sau đi ngang đấy, họ thấy ruồi nhặng bu đậu, cầy cáo đến ăn. Họ toát mồ hôi trán mà ngó chỗ khác. Toát mồ hôi trán chẳng phải vì xấu hổ với người khác, mà vì trong lòng xót thương cha mẹ nên hiện ra ở gương mặt. Họ trở về nhà, lấy cuốc xẻng, rồi trở lại chôn lấp cho cha mẹ. Khi việc chôn lấp ấy đã được xem là đúng đắn, thì người con có hiếu và kẻ có lòng nhân [ngày nay] tất nhiên cũng có cách thức đúng đắn mai táng cha mẹ.»[60] Mạnh Tử lại nói: «Đời thượng cổ, quan [ở trong] và quách [ở ngoài] không có kích thước nhất định. Đời trung cổ, quan dày bảy tấc, quách [bên ngoài] cũng dày bảy tấc. Từ vua đến dân đều thế, không phải để có mỹ quan, mà để thể hiện sự tận tâm.»[61]

Theo lập luận của chủ nghĩa thuần công lợi, Mặc gia công kích việc mai táng hậu và cư tang lâu của Nho gia, và chủ trương mai táng tiết kiệm và cư tang ngắn. Mạnh Tử hoàn toàn bác bỏ lập luận của chủ nghĩa công lợi. Mai táng hậu và cư tang lâu đối với xã hội cũng có lợi ích: «Hãy quan tâm cẩn thận việc mai táng cha mẹ, về lâu dài đức của dân sẽ dày.»[62] Mạnh Tử nói hậu táng để thể hiện tận tâm, đó là tinh thần của Nho gia.

6. Trời, tính, khí hạo nhiên

Chữ *thiên* 天 mà Mạnh Tử dùng có khi nghĩa là ông Trời như trong câu «vua Nghiêu tiến cử ông Thuấn với Trời» (Nghiêu tiến Thuấn ư

---

[60] *Mạnh Tử* (Đằng Văn Công - thượng): «Cái thượng thế thường hữu bất táng kỳ thân giả : kỳ thân tử, tắc cử nhi uỷ chi vu hác. Tha nhật quá chi, hồ ly thực chi, đăng nhuế cô soái chi. Kỳ tảng hữu tỷ, nghễ nhi bất thị. Phù tỷ dã, phi vi nhân tỷ, trung tâm đạt vu diện mục. Cái quy, phản lụy ly nhi yểm chi. Yểm chi thành thị dã, tắc hiếu tử nhân nhân chi yểm kỳ thân, diệc tất hữu đạo hĩ.» 蓋上世嘗有不葬其親者：其親死，則舉而委之于壑．他日過之，狐狸食之，蠅蚋姑嘬之．其顙有泚，睨而不視．夫泚也，非爲人泚，中心達于面目．蓋歸，反蘆裡而掩之．掩之誠是也，則孝子仁人之掩其親，亦必有道矣．

[61] *Mạnh Tử* (Công Tôn Sửu - hạ): «Cổ giả quan quách vô độ, trung cổ quan thất thốn, quách xứng chi; tự thiên tử đạt vu thứ nhân; phi trực vi quan mỹ dã, nhiên hậu tận vu nhân tâm.» 古者棺槨無度，中古棺七寸，槨稱之；自天子達于庶人，非直爲觀美也，然後盡于人心．

[62] *Luận Ngữ* (Học Nhi): «Thận chung truy viễn, dân đức quy hậu hĩ.» 愼終追遠，民德歸厚矣．

Thiên 莞薦舜於天); có khi nghĩa là số mệnh, như trên đây đã nói; có khi nghĩa là *nghĩa lý* 義理(đạo đức). Mạnh Tử cho rằng người ta ai cũng có tứ đoan (nhân, nghĩa, lễ, trí), cho nên nói bản tính con người là thiện. Người sở dĩ có tứ đoan và bản tính thiện chính là vì bản tính ấy do Trời ban cho. Đây là căn cứ siêu hình của thuyết tính thiện. Mạnh Tử nói: «Hễ tận tâm thì biết bản tính. Biết bản tính thì biết được Trời. Tồn tâm dưỡng tính là phụng sự Trời. Chết yểu hay sống lâu cũng như nhau. Tu thân để chờ đợi ra sao thì ra. Như vậy là lập mệnh.»[63]

Tâm là *đại thể* của con người, nên tận tâm thì biết bản tính. Tâm và tính là do Trời ban cho con người, do đó tận tâm thì biết tính và cũng biết Trời. Mạnh Tử nói: «Bậc quân tử đi qua nơi nào thì cảm hoá người dân ở đó; ở tại nơi nào thì ảnh hưởng như thần. Ảnh hưởng đó lưu thông trên dưới cùng với trời đất. Sao có thể nói quân tử tu sửa xã hội chỉ bằng cách thức nhỏ nhoi?»[64] Lại nói: «Vạn vật đều có đủ trong ta. Tự xét bản thân mà thấy mình chân thành thì còn gì vui hơn. Cố gắng làm theo đạo *thứ* 恕 (suy bụng ta ra bụng người). Mong điều *nhân* 仁 thì chẳng gì gần hơn nữa.»[65]

Các câu «Vạn vật đều có đủ trong ta» và «Ảnh hưởng đó lưu thông trên dưới cùng với trời đất» hơi có khuynh hướng của chủ nghĩa thần bí. Bản ý của Mạnh Tử như thế nào, ông chỉ nói giản lược, không thể hiểu rõ.

CHÚ THÍCH (của Phùng Hữu Lan):

Thuật ngữ *chủ nghĩa thần bí* có nhiều ý nghĩa khác nhau. Khi dùng ở đây, nó chuyên chỉ một thứ triết học thừa nhận rằng có một cảnh giới gọi là «vạn vật cùng một thể» (vạn vật nhất thể 萬物一體). Trong cảnh giới đó, cá nhân và toàn thể vũ trụ hợp thành một, không còn sự phân biệt trong với ngoài, người với ta nữa. Người ta thường cho rằng chủ nghĩa thần bí này ắt có liên quan với *vũ trụ luận* 宇宙論 của *duy tâm luận* 惟心論. Vũ trụ ắt là cái có tính duy tâm. Toàn thể vũ trụ và tâm linh của cá nhân có mối quan hệ ở bên trong. Tinh thần của cá

---

[63] ***Mạnh Tử*** **(Tận Tâm - thượng): «Tận kỳ tâm giả, tri kỳ tính dã. Tri kỳ tính, tắc tri thiên hĩ. Tồn kỳ tâm, dưỡng kỳ tính, sở dĩ sự thiên dã. Yểu thọ bất nhị, tu thân dĩ sĩ chi, sở dĩ lập mệnh dã.»** 盡其心者，知其性也．知其性，則知天矣．存其心．養其性，所以事天也．夭壽不貳，修身以俟之，所以立命也．

[64] ***Mạnh Tử*** **(Tận Tâm - thượng): «Phù quân tử sở quá giả hoá, sở tồn giả thần, thượng hạ dữ thiên địa đồng lưu, khởi viết: tiểu bổ chi tai?»** 夫君子所過者化，所存者神，上下與天地同流，豈曰：小補之哉？

[65] ***Mạnh Tử*** **(Tận Tâm - thượng): «Vạn vật giai bị ư ngã hĩ. Phản thân nhi thành, lạc mạc đại yên. Cưỡng thứ nhi hành; cầu nhân mạc cận yên.»** 萬物皆備於我矣．反身而誠，樂莫大焉．強恕而行；求仁莫近焉．

nhân và đại tinh thần của vũ trụ ban đầu vốn là một thể, nhưng do sự cách trở khởi lên sau này mà cá nhân và vũ trụ tách rời nhau. Cái cách trở ấy, một số Phật gia gọi là *vô minh* 無明 (avidya), còn Tống Nho gọi là *tư dục* 私欲. Nếu trừ khử được cái cách trở ấy, thì cá nhân và vũ trụ sẽ tái hợp thành một thể. Cái cảnh giới đó, Phật giáo gọi là chứng được *chân như* 眞如 (tathagata), Tống Nho gọi là «nhân dục dứt sạch và lẽ trời trôi chảy [trong ta]» (nhân dục tịnh tận, thiên lý lưu hành 人欲淨盡, 天理流行). Tuy nhiên, cái chủ nghĩa thần bí này cũng không nhất thiết có liên quan với vũ trụ luận của duy tâm luận. Trong triết học của Trang Tử, vũ trụ luận của Trang Tử không hề là vũ trụ luận của duy tâm luận, nhưng cũng chú trọng chủ nghĩa thần bí. Trong triết học Trung Quốc, Nho gia của phái Mạnh Tử và Đạo gia của phái Trang Tử đều xem cảnh giới thần bí là cảnh giới tối cao, đều xem kinh nghiệm thần bí ấy là thành tựu tối cao của sự tu dưỡng cá nhân; nhưng phương pháp mà hai phái này sử dụng để đạt tới cảnh giới tối cao ấy, tới mục đích tối cao ấy, thì khác nhau. Phương pháp mà Đạo gia dùng là lấy kinh nghiệm thuần tuý để vong ngã, còn phương pháp mà Nho gia dùng là lấy «sự nghiệp yêu thương» (ái chi sự nghiệp 愛之事業 - từ ngữ của Schopenhauer: the work of love) để khử tư dục. Vô ngã và vô tư dục thì cá nhân hợp nhất vũ trụ. Nếu trong triết học của Mạnh Tử có chủ nghĩa thần bí, thì câu nói «Vạn vật đều có đủ trong ta» nghĩa là ta và vạn vật vốn là một thể. Nhưng do cách trở nào đó mà ta với vạn vật cơ hồ phân ly, đó tức là không chân thành (bất thành 不誠). Nếu «tự xét bản thân mà thấy mình chân thành» (phản thân nhi thành 反身而誠) thì sẽ phục hồi cảnh giới «ta với vạn vật là một thể», ắt sẽ «không có gì vui bằng» (lạc mạc đại yên 樂莫大焉). Muốn phục hồi cảnh giới hợp nhất ấy, ắt phải dùng phương pháp «sự nghiệp yêu thương» (ái chi sự nghiệp 愛之事業). Đó gọi là «cố gắng làm theo đạo *thứ* 恕; mong điều *nhân* 仁 thì chẳng gì gần hơn nữa». Lấy *thứ* cầu nhân, lấy *nhân* cầu *thành*. *Thứ* và *nhân* đều chú trọng ở việc thủ tiêu giới hạn giữa ta với người. Hễ giới hạn ấy đã mất, thì ta với vạn vật hợp thành một thể. Chẳng biết cách giải thích này có hợp với bản ý của Mạnh Tử hay không, nhưng triết học của Tống Nho đều suy diễn từ ý này.

Nếu triết học của Mạnh Tử có chủ nghĩa thần bí thì cái mà ông gọi là «khí hạo nhiên» (hạo nhiên chi khí 浩然之氣) là trạng thái tinh thần của cá nhân ở trong cảnh giới tối cao ấy. Cho nên ông nói: «Khí ấy rất lớn, rất mạnh. Lấy ngay thẳng mà nuôi nó và đừng để nó bị hại thì nó lấp đầy trời đất.»[66]

---

[66] ***Mạnh Tử* (Công Tôn Sửu - thượng): «Kỳ vi khí dã, chí đại chí cương, dĩ trực dưỡng nhi vô hại, tắc tắc ư thiên địa chi gian.»** 其爲氣也，至大至剛，以直養而無害，則塞於天地之間.

Về phương pháp nuôi khí hạo nhiên, Mạnh Tử nói: «Khí hạo nhiên phối hợp với nghĩa và đạo. Nếu không có khí ấy, thì thân thể đói ngay. Khí hạo nhiên sinh ra bằng cách tập hợp mọi việc nghĩa. Nếu chỉ làm một việc nghĩa thôi thì không lấy được khí đó. Nếu hành động không hợp với lương tâm thì sẽ đói ngay. Nên ta nói: «Cáo Tử chưa hề biết nghĩa, bởi vì ông nói nghĩa ở ngoài tâm.» Phải luôn làm việc nghĩa, chớ vội mong hiệu quả; lòng chớ quên việc nghĩa, và cũng đừng nôn nóng giúp nó lớn lên ngay.»[67]

Cái gọi là *nghĩa* bao gồm *thiện đoan* 善端 (đầu mối của thiện) trong bản tính chúng ta. *Nghĩa* vốn ở trong tâm ta, nên Mạnh Tử nói: «Cáo Tử chưa hề biết nghĩa, bởi vì ông nói nghĩa ở ngoài tâm.» Các thiện đoan có xu hướng thủ tiêu giới hạn giữa người với ta. Tức là chúng dần dần mở rộng. Chớ có nôn nóng cầu mau có và cũng chớ dừng lại. Cứ tập hợp việc nghĩa lâu ngày thì hành động sẽ hợp với lương tâm và ta có trạng thái tinh thần mà khí hạo nhiên lấp đầy trời đất.

Đạt đến cảnh giới ấy thì «ở chốn nhà rộng trong thiên hạ, ở ngôi vị chính đáng trong thiên hạ; thi hành đại đạo trong thiên hạ; đắc chí thì thi hành điều tốt cho dân; không đắc chí thì riêng giữ đạo mình; phú quý không thể làm ta dâm; nghèo khổ không thể làm ta đổi chí; cường quyền không thể khuất phục được ta; đó gọi là bậc đại trượng phu.»[68]

---

[67] ***Mạnh Tử*** **(Công Tôn Sửu - thượng): «Kỳ vi khí dã, phối nghĩa dữ đạo; vô thị, nỗi hĩ. Thị tập nghĩa sở sinh giả, phi nghĩa tập nhi thủ chi dã. Hành hữu bất hiềm vu tâm, tắc nỗi hĩ. Ngã cố viết: "Cáo Tử vị thường tri nghĩa, dĩ kỳ ngoại chi dã." Tất hữu sự yên nhi vật chính, tâm vật vong, vật trợ trưởng dã.»** 其爲氣也, 配義與道;無是, 餒矣.是集義所生者,非義襲而取之也.行有不慊于心,則餒矣.我故曰:告子未嘗知義,以其外之也.必有事焉而勿正,心勿忘,勿助長也.

[68] ***Mạnh Tử*** **(Đằng Văn Công - hạ): «Cư thiên hạ chi quảng cư, lập thiên hạ chi chính vị, hành thiên hạ chi đại đạo; đắc chí dữ dân do chi, bất đắc chí độc hành kỳ đạo; phú quý bất năng dâm, bần tiện bất năng di, uy vũ bất năng khuất, thử chi vị đại trượng phu.»** 居天下之廣居,立天下之正位,行天下之大道;得志與民由之;不得志獨行其道;富貴不能淫,貧賤不能移,威武不能屈;此之謂大丈夫.

CHƯƠNG 7

CÁI HỌC BÁCH GIA THỜI CHIẾN QUỐC

Hoàn cảnh địa lý của Mạnh Tử thực tế rất giống hoàn cảnh địa lý của Khổng Tử, nhưng xét về thời đại, từ Khổng Tử đến Mạnh Tử là trên 100 năm, thời thế và tư tưởng bấy giờ nói chung đã có biến chuyển lớn. Xét về mặt tư tưởng, trong thời Khổng Tử – trừ Khổng Tử và năm ba kẻ ẩn sĩ tiêu cực mà ông gặp – chưa có học phái nào có đủ thế lực đối kháng với Khổng Tử. Ngay thời Mặc Tử cũng chỉ có hai phái Nho và Mặc biện luận công kích nhau. Đến thời Mạnh Tử, các trường phái tư tưởng phức tạp nảy sinh. Thiên Thiên Hạ trong *Trang Tử* đề cập «cái học bách gia» (Bách gia chi học 百家之學) tức là nói đến các trường phái đó. Về tình hình thời đại ấy, Mạnh Tử nói: «Thánh vương không xuất hiện, chư hầu phóng túng, xử sĩ nói ngang.»[1]

Thời Mạnh Tử, ở nước Tề có địa danh Tắc Hạ 稷下 vốn là một trung tâm tư tưởng và học thuật. *Sử Ký Tư Mã Thiên* chép: «Trâu Diễn 騶衍 với các kẻ sĩ ở Tắc Hạ của nước Tề – như Thuần Vu Khôn 淳于髡, Thận Đáo 愼到, Hoàn Uyên 環淵, Tiếp Tử 接子, Điền Biền 田駢, Trâu Thích 騶奭 – đều viết sách nói về việc trị loạn. [...] Thận Đáo (nước Triệu), Điền Biền và Tiếp Tử (nước Tề), Hoàn Uyên (nước Sở) đều học "thuật về đạo và đức" (đạo đức chi thuật 道德之術) của Hoàng Đế và Lão Tử, nhân đó mà phát huy tông chỉ của cái học Hoàng Lão. Cho nên Thận Đáo viết 12 thiên lý luận; Hoàn Uyên viết hai thiên thượng và hạ; Điền Biền và Tiếp Tử ai cũng có viết lý luận riêng. [...] Từ Thuần Vu Khôn trở xuống, họ đều được xếp vào hàng đại phu, có nhà cửa khang trang ở đường phố lớn, rất được tôn trọng và yêu mến. Điều này cho thấy họ là tân khách của chư hầu trong thiên hạ. Nói đến Tề là nói đến hiền sĩ trong thiên hạ.»[2]

---

[1] ***Mạnh Tử*** **(Đằng Văn Công - hạ): «Thánh vương bất tác, chư hầu phóng thứ, xử sĩ hoành nghị.»** 聖王不作，諸侯放恣，處士橫議.

[2] **Tư Mã Thiên** 司馬遷, ***Sử Ký*** 史記**(Mạnh Tử Tuân Khanh liệt truyện).– LAM chú: ❶ Chữ** 騶 **thường bị phiên âm sai là *sô*, chính âm là *trâu* như *Từ Hải* phiên: «tri ưu thiết, âm trâu, vưu vận» 甾優切音鄒尤韻, dùng thông với chữ *trâu* 鄒. *Khang Hi* phiên là: «trắc cưu thiết» 側鳩切 và «tri vưu thiết âm trâu» 甾尤切音鄒, như vậy vẫn đọc là *trâu*. *Từ Hải* cũng

Lại nói: «Tề Tuyên Vương (tại vị 319-301) thích bọn giỏi văn học và du thuyết như Trâu Diễn, Thuần Vu Khôn, Điền Biền, Tiếp Tử, Thận Đáo, Hoàn Uyên, v.v... Bọn họ 76 người, đều được ban nhà cửa, chức thượng đại phu, không cai trị mà chỉ nghị luận. Vì thế học sĩ ở trung tâm Tắc Hạ phồn thịnh đến vài trăm hay vài ngàn người.»[3] *Sử Ký* cũng nói Mạnh Tử từng du thuyết giúp Tề Tuyên Vương. Trong sách *Mạnh Tử* có chép lời lẽ đối đáp giữa Mạnh Tử và Tề Tuyên Vương. Như vậy, Mạnh Tử cũng từng ở Tắc Hạ và «không cai trị mà chỉ nghị luận». Sách do các học giả ở Tắc Hạ biên soạn hiện nay đã mất. Cái nghị luận mà Mạnh Tử bảo là «kẻ sĩ nói ngang», hiện cũng không thể nghe được trọn vẹn; chỉ còn thấy kể vụn vặt trong các sách như *Mạnh Tử, Trang Tử, Tuân Tử, Lã Thị Xuân Thu, Sử Ký*, v.v...

---

nói Trâu (Diễn) có thể viết là 騶(衍) hoặc 鄒(衍). ● Từ điển *Từ Hải* nói Tắc Hạ là một ấp ở phía tây kinh đô của nước Tề thời Xuân Thu, nay ở phía bắc của Lâm Tri 臨淄 tỉnh Sơn Đông. Tắc Hạ thường bị nhận lầm là một học phái. *Trung Quốc Nho Học* 中國儒學 (Bàng Phác 龐樸 chủ biên, Đông Phương xuất bản xã trung tâm, Thượng Hải, 1997, quyển 2, tr.356-358) gọi nó là Tắc Hạ Học Cung 稷下學宮, chúng tôi lược dịch như sau: «Tắc Hạ Học Cung là một trung tâm văn hoá học thuật và cũng là một trung tâm tư vấn chính trị do các quan chức của nước Tề thời Chiến Quốc sáng lập. Học Cung được lập ở khu vực phụ cận của Tắc Môn 稷門 (cổng thành phía tây) tại kinh đô nước Tề (là Lâm Tri 臨淄, nay là thành phố Tri Bác 淄博 tỉnh Sơn Đông), vì thế mà có tên "Tắc Hạ Học Cung". Trong quá khứ các học giả giải thích lầm đây là một học phái; kỳ thực đây chẳng phải chuyên về một học phái nào cả, mà nó là một trung tâm quy tụ các học giả thuộc nhiều môn phái đương thời, đến nghị luận học thuật và chính trị. Tắc Hạ Học Cung được thành lập thời Tề Hoàn Công 齊桓公 (tại vị 374-357) – có thuyết nói nó lập vào thời Tề Uy Vương 齊威王 (tại vị 356-320) – và giai đoạn cực thịnh của Học Cung là thời Tề Tuyên Vương 齊宣王 (tại vị 319-301). Cuối thời Tề Hôn Vương 齊湣王 (tại vị 300-285), do chiến tranh, Học Cung suy thoái. Thời Tề Tương Vương 齊襄王 (tại vị 283-265), Học Cung phục hưng, nhưng đến thời Tề Vương Kiến 齊王建 (tại vị 264-221) thì Học Cung dần bị tiêu vong. Trong giai đoạn cực thịnh, Học Cung dung nạp gần như đủ các học giả của các học phái thuộc «Bách gia chư tử», chủ yếu là: Đạo gia, Nho gia, Pháp gia, Danh gia, Binh gia, Nông gia, Âm Dương gia. Học Cung thời cực thịnh đã quy tụ cả ngàn hiền sĩ trong thiên hạ, trong đó có: Mạnh Tử 孟子, Thuần Vu Khôn 淳于髡, Trâu Diễn 騶衍, Điền Biền 田駢, Thận Đáo 愼到, Tiếp Tử 接子, Quý Chân 季眞, Hoàn Uyên 環淵, Bành Mông 彭蒙, Tống Hình 宋鈃, Doãn Văn 尹文, Điền Ba 田巴, Nhi Thuyết 兒說, Lỗ Trọng Liên 魯仲連, Trâu Thích 騶奭, Tuân Tử 荀子, v.v... Đặc biệt Tuân Tử ba lần giữ chức Tế Tửu 祭酒 (trưởng quan), lãnh đạo Học Cung. Bấy giờ các học giả đến Học Cung – bất kể thuộc học phái gì, có quan điểm tư tưởng và khuynh hướng chính trị gì, bất kể tuổi tác, lý lịch, và người nước nào – đều có thể phát biểu kiến giải học thuật của mình, do đó mà Học Cung trở thành trung tâm quy tụ các học phái đương thời. Các học giả nghị luận, tranh cãi, hấp thu lẫn nhau, đúng với mô hình «Bách gia tranh minh» 百家爭鳴 (trăm nhà đua tiếng). Điều đáng quý là các vua Tề rất trọng các kẻ sĩ, phong không ít học giả làm «Thượng đại phu», hưởng lộc của bậc thượng đại phu nhưng không cần nhậm chức tại triều, chỉ cần nghị luận chính trị thôi. Do đó Học Cung có tính chất vừa là đoàn thể tư vấn chính trị vừa là cơ quan học thuật, dưới sự ủng hộ của triều đình.»

[3] Tư Mã Thiên 司馬遷, *Sử Ký* 史記 (Điền Hoàn Thế Gia 田完世家).

1. Dương Chu và khởi đầu của Đạo gia

Mạnh Tử nói: «Lời của thiên hạ nếu không theo Dương Chu thì theo Mặc Địch.»[4] Mạnh Tử xem Dương Chu và Mặc Địch là hai đối thủ của mình, và Mạnh Tử tự cho mình có trách nhiệm phải «chống lại Dương Chu và Mặc Địch» (cự Dương Mặc 距楊墨). Về cái học của Mặc Địch 墨翟, trên đây đã nói qua. Còn cái học của Dương Chu 楊朱 rất ít nơi nào nói đến, ngoại trừ Mạnh Tử tuyên truyền rất nhiều qua sự công kích của ông. Hiện nay trong sách *Liệt Tử* có thiên Dương Chu, nhưng nó là sáng tác của một nhân vật nào đó trong đời Nguỵ (220-265) và Tấn (265-420) nhằm đề cao chủ nghĩa khoái lạc cực đoan, và nó vốn không phải là chủ trương của Dương Chu.

Mạnh Tử nói: «Dương Chu chủ trương vị ngã. Nhổ một sợi lông mà có lợi cho thiên hạ thì ông cũng chẳng làm.»[5]

Lã Thị Xuân Thu chép: «Dương Sinh quý bản thân mình.»[6]

Hàn Phi Tử nói: «Nay ở đây có kẻ chủ trương: Không vào thành trì đang bị nguy; không ở trong quân đội; không vì lợi lớn cho thiên hạ mà nhổ một sợi lông chân. Các vua trên đời tất nghe theo, lấy lễ đón tiếp hắn, quý tri thức của hắn, trọng hành vi của hắn, vì cho rằng đó là kẻ sĩ khinh sự vật mà trọng sự sống.»[7]

Hoài Nam Tử chép: «Đàn, ca hát, đánh trống, múa vũ để trình diễn âm nhạc; khúm núm vái chào để trau giồi lễ, mai táng hậu và cư tang lâu để tiễn người chết; đó là chủ trương của Khổng Tử, nhưng bị Mặc Tử

---

[4] *Mạnh Tử* (Đằng Văn Công - hạ): «Thiên hạ chi ngôn, bất quy Dương, tắc quy Mặc.» 天下之言，不歸楊則歸墨.

[5] *Mạnh Tử* (Tận Tâm - thượng): «Dương Tử thủ vi ngã, bạt nhất mao nhi lợi thiên hạ bất vi dã.» 楊子取爲我，拔一毛而利天下不爲也.

[6] *Lã Thị Xuân Thu* (Bất Nhị 不二): «Dương Sinh quý kỷ.» 陽生貴己. (Dương Sinh = Dương Chu, Dương Tử).

[7] *Hàn Phi Tử* (Hiển Học): «Kim hữu nhân ư thử, nghĩa bất nhập nguy thành, bất xử quân lữ, bất dĩ thiên hạ đại lợi dịch kỳ hình nhất mao. Thế chủ tất tòng nhi lễ chi, quý kỳ trí nhi cao kỳ hành, dĩ vi khinh vật trọng sinh chi sĩ dã.» 今有人於此，義不入危城，不處軍旅，不以天下大利易其脛一毛.世主必從而禮之，貴其智而高其行，以爲輕物重生之士也.

chê là sai. Bảo toàn mạng sống và giữ gìn chân tính, không vì vật mà lụy thân; đó là chủ trương của Dương Chu, nhưng bị Mạnh Tử chê là sai.»[8]

Lã Thị Xuân Thu nói: «Dương Sinh quý kỷ.» 陽生貴己. Cao Dụ 高誘 dẫn lời Mạnh Tử nói về Dương Chu nên chú Dương Sinh là Dương Chu. Tất Nguyên 畢沅 nói: «Lý Thiện 李善 chú bài Thuật Tổ Đức 述祖德 của Tạ Linh Vận 謝靈運 trong *Văn Tuyển* 文選, trích dẫn là Dương Chu 楊朱, hai chữ Dương 陽 và 楊 ngày xưa dùng thông với nhau.» Như vậy Dương Sinh 陽生 là Dương Chu 楊朱. Cái «vị ngã» 爲我 (vì mình) mà Mạnh Tử nói đồng nghĩa với «quý kỷ» 貴己 (quý thân mình) mà *Lã Thị Xuân Thu* nói, hay là «bảo toàn mạng sống và giữ gìn chân tính, không vì vật mà lụy thân» mà *Hoài Nam Tử* nói. Đó mới là ý tứ chủ yếu trong học thuyết của Dương Chu. Cho nên câu «khinh sự vật mà trọng sự sống» trong *Hàn Phi Tử* ám chỉ bọn Dương Chu. Theo Hàn Phi nói, bọn Dương Chu «nhổ một sợi lông mà có lợi cho thiên hạ thì cũng chẳng làm»[9] tức là «khinh sự vật mà trọng sự sống» và «không vì vật mà lụy thân» vậy. Thiên hạ tuy lớn nhưng cũng là ngoại vật. Một sợi lông tuy nhỏ nhưng thuộc hình thể của ta và là một phần sự sống của ta. Cho nên thiên hạ thì đáng xem nhẹ mà sợi lông thì đáng xem trọng. Theo câu trích dẫn trên trong *Hoài Nam Tử*, chúng ta có thể thấy thứ tự mà bốn học thuyết Khổng, Mặc, Dương, Mạnh sinh ra. Từ Khổng Tử đến Mạnh Tử có thêm học thuyết của Mặc Tử và học thuyết của Dương Chu. Thời Mạnh Tử, ba học thuyết của Khổng Tử, Mặc Tử, và Dương Chu đã tạo thành thế lực phân đều làm ba như thế chân vạc. Mạnh Tử muốn nối

---

[8] ***Hoài Nam Tử* (Phiếm Luận 氾論): «Phù huyền ca cổ vũ dĩ vi nhạc, bàn tuyền ấp nhượng dĩ tu lễ, hậu táng cửu tang dĩ tống tử, Khổng Tử chi sở lập dã, nhi Mặc Tử phi chi. Toàn sinh bảo chân, bất dĩ vật lụy hình, Dương Tử chi *sở* lập dã, nhi Mạnh Tử phi chi.»** 夫弦歌鼓舞以爲樂，盤旋揖讓以修禮，厚葬久喪以送死，孔子所立也，而墨子非之．全生保眞，不以物累形，楊子之所立也，而孟子非之．

[9] **Cố Hiệt Cương 顧頡剛 tiên sinh cho rằng Mạnh Tử nói Dương Chu «lợi thiên hạ bất vi» 利天下不爲 cũng nên giải thích là «tuy lợi chi dĩ thiên hạ nhi bất khẳng vi» 雖利之以天下而不肯爲 (dù lấy thiên hạ mà có lợi thì cũng không chịu). [Xem: *Sử Học Niên Báo* 史學年報, kỳ 4, bài: *Tòng Lã Thị Xuân Thu suy trắc Lão Tử thành thư niên đại* 從呂氏春秋推測老子成書年代 (từ Lã Thị Xuân Thu mà suy ra thời gian hình thành tác phẩm Lão Tử), trang 493-494]. Nhưng ngay sau câu nói của Mạnh Tử là «Mặc Tử kiêm ái, ma đỉnh phóng chủng lợi thiên hạ vi chi» 墨子兼愛，摩頂放踵利天下爲之 (Mặc Tử kiêm ái, dù mòn gót lỏng trán mà có lợi cho thiên hạ thì ông cũng làm). Văn giống nhưng giải thích khác thì bất thoả đáng. [Tức là chỉ có một cách hiểu: *Lợi* 利 = làm lợi cho ai]. Như vậy, «Nếu người ta làm lợi cho Dương Chu bằng cách cho ông thiên hạ, và hi vọng ông nhổ một sợi lông, thì ông cũng chẳng làm» là học thuyết của Dương Chu; «Nhổ một sợi lông mà có lợi cho thiên hạ thì Dương Chu cũng chẳng làm» là cách giải thích của Mạnh Tử về học thuyết của Dương Chu.**

tiếp chí hướng của Khổng Tử nên cực lực chống lại học thuyết của Dương Chu và học thuyết của Mặc Tử.

Theo trên thì có thể biết trong các sách được viết trước đời Tần, chưa sách nào nói cuộc sống lý tưởng phóng túng khoái lạc cực đoan là chủ trương của Dương Chu như thiên Dương Chu trong sách *Liệt Tử* đã nói. Cái học thuyết được nói trong thiên Dương Chu cơ hồ đã từng có trong thời Chiến Quốc, nhưng nó không phải là học thuyết của Dương Chu. Thời của Mạnh Tử học thuyết của Dương Chu quá thịnh hành, nhưng tại sao về sau ít người nhắc đến nó? Xét bề mặt, dường như cái học của Dương Chu không có nguồn gốc và không có lưu truyền, vì thế có người ngờ rằng Dương Chu là Trang Chu. Tuy nhiên chẳng có chứng cứ nào để chứng minh điều ấy. Hơn nữa, cái học của Dương Chu cũng không phải là không có nguồn gốc và sự phát triển để khảo sát được.

Thời Khổng Tử đã xuất hiện một bọn kẻ sĩ lánh đời. Họ có trí thức và học vấn, nhưng thấy đời loạn khó cứu vãn được, nên có thái độ tiêu cực, không muốn can dự việc đời nữa. Khổng Tử nói: «Người hiền lánh đời loạn, tránh vùng đất bất an, xa lánh dáng vẻ giả dối, tránh xa lời xảo trá. Bọn họ có bảy người.»[10]

Theo *Luận Ngữ*, Khổng Tử cũng bị bọn ẩn sĩ lánh đời ấy chê bai lắm: «Khi Tử Lộ ngủ trọ ở Thạch Môn, thì Thần Môn hỏi: "Ông từ đâu đến?" Tử Lộ đáp: "Từ họ Khổng mà đến." Thần Môn hỏi: "Có phải cái kẻ biết không thể làm được mà cố làm không?"»[11]

«Có lần Khổng Tử gõ khánh ở nước Vệ. Một kẻ vác sọt cỏ đi ngang cửa, nói: "Tiếng khánh nghe có tâm sự cứu đời đấy!" Rồi nói tiếp: "Tiếng khánh nghe sao tệ lậu thế. Đời chẳng biết mình thì thôi. Nước sâu thì để cả y phục mà lội, cạn thì vén xiêm mà qua."»[12]

---

[10] *Luận Ngữ* (Hiến Vấn): «Hiền giả tị thế, kỳ thứ tị địa, kỳ thứ tị sắc, kỳ thứ tị ngôn. Tác giả thất nhân hĩ.» 賢者避世,其次避地,其次避色,其次避言.作者七人.– LAM chú: Không sách nào nói 7 ẩn sĩ này là ai (chắc chắn không phải là Trúc Lâm Thất Hiền vì Thất Hiền sống mãi vào đời Tấn về sau, chứ không phải sống cùng thời với Khổng Tử).

[11] *Luận Ngữ* (Hiến Vấn): «Tử Lộ túc ư Thạch Môn, Thần Môn viết: "Hề tự?" Tử Lộ viết: "Tự Khổng thị." Viết: "Thị tri kỳ bất khả nhi vi chi giả dư?"» 子路宿於石門,晨門曰:奚自?子路曰:自孔氏.曰:是知其不可而爲之者與?.

[12] *Luận Ngữ* (Hiến Vấn): «Tử kích khánh ư Vệ. Hữu hà quý nhi quá Khổng thị chi môn giả, viết: "Hữu tâm tai, kích khánh hồ!" Ký nhi viết: "Bỉ tai, khanh khanh hồ! Mạc kỷ tri dã, tư dĩ nhi dĩ hĩ! Thâm tắc lệ, thiển tắc yết." 子擊磬於衛,有荷蕢而過孔氏之門者,曰:有心哉,擊磬乎!既而曰:鄙哉硜硜乎!莫己知也,斯已而已矣!深則厲,淺則揭.

«Một người điên của nước Sở tên là Tiếp Dư 接輿 đi ngang qua xe Khổng Tử và hát: «Phượng ơi! Phượng ơi! Đức suy đồi. Chuyện đã qua không cứu vãn được, chuyện sắp tới có thể sửa đổi. Thôi đi, thôi đi. Thời này kẻ làm chính trị chỉ nguy mà thôi.»[13]

Kiệt Nịch 桀溺 bảo Tử Lộ: «Thiên hạ đều là giòng nước đục cuồn cuộn. Có ai thay đổi được? Ông theo kẻ sĩ tránh người vô đạo, sao bằng theo kẻ sĩ tránh đời ô trọc?»[14]

«Tử Lộ [theo Khổng Tử nhưng] bị lạc phía sau, gặp một ông già đang quẩy một cái giỏ trên một cái gậy. Tử Lộ hỏi: «Thưa, ông có thấy thầy tôi không?» Ông già đáp: «Tay chân lười nhác thì không phân biệt được ngũ cốc. Ai là thầy anh vậy?» Rồi ông chống gậy và bắt đầu làm cỏ. Tử Lộ chắp tay đứng bên cạnh chờ. Làm xong việc, ông già mời Tử Lộ về nhà nghỉ qua đêm. Ông cho giết gà làm cơm đãi khách, còn sai hai đứa con ra chào. Sáng hôm sau, Tử Lộ ra đi, gặp Khổng Tử và kể lại câu chuyện. Khổng Tử nói đó là ẩn sĩ lánh đời và sai Tử Lộ trở lại tìm. Đến nơi thì ông già đã đi khỏi. Tử Lộ nói [với hai con ông]: «Không ra làm quan là không hợp nghĩa. Nếu vai vế trên dưới trong gia đình đã không bỏ được thì sao lại bỏ quan hệ vua tôi? Ở ẩn cho trong sạch bản thân hoá ra làm loạn đại luân. Quân tử làm quan là thi hành nghĩa vụ, dù biết Đạo vốn không thi hành được.»[15]

---

[13] ***Luận Ngữ* (Vi Tử): «Sở cuồng Tiếp Dư, ca nhi quá Khổng Tử, viết: "Phượng hề! Phượng hề! Hà đức chi suy? Vãng giả bất khả gián, lai giả do khả truy. Dĩ nhi! Dĩ nhi! Kim chi tòng chính giả đãi nhi."»** 楚狂接輿，歌而過孔子，曰：鳳兮鳳兮何德之衰？往者不可諫來者猶可追。已而已而今之從政者殆而。

[14] ***Luận Ngữ* (Vi Tử): «Thao thao giả, thiên hạ giai thị đã, nhi thuỳ dĩ dịch chi? Thả nhi dữ kỳ tòng tịch nhân chi sĩ đã, khởi nhược tòng tịch thế chi sĩ tai?»** 滔滔者，天下皆是也，而誰以易之？且而與其從辟人之士也，豈若從辟世之士哉。

[15] ***Luận Ngữ* (Vi Tử): «Tử Lộ tòng nhi hậu, ngộ trượng nhân, dĩ trượng hà điệu Tử Lộ vấn viết: "Tử kiến phu tử hồ?" Trượng nhân viết: "Tứ lễ bất cần, ngũ cốc bất phân, thục vi phu tử?" Thực kỳ trượng nhi vân. Tử Lộ củng nhi lập. Chỉ Tử Lộ túc, sát kê vi thử nhi tự chi, hiện kỳ nhị tử yên. Minh nhật, Tử Lộ hành dĩ cáo. Tử viết: "Ẩn giả đã." Sử Tử Lộ phản kiến chi. Chí, tắc hành hĩ. Tử Lộ viết: "Bất sĩ vô nghĩa. Trưởng ấu chi tiết, bất khả phế đã; quân thần chi nghĩa, như chi hà kỳ phế chi? Dục khiết kỳ thân, nhi loạn đại luân. Quân tử chi sĩ đã, hành kỳ nghĩa đã. Đạo chi bất hành, đĩ tri chi hĩ!"»** 子路從而後，遇丈人，以杖荷蓧子路問曰：子見夫子乎？丈人曰：四體不勤五穀不分，孰爲夫子。植其杖而芸。子路拱而立。止子路宿，殺雞爲黍而食之，見其二子焉。明日，子路行以告。子曰：隱者也使子路反見之。至則行矣。子路曰：不仕無義。長幼之節，不可廢也；君臣之義，如之何其廢之？欲潔其身，而亂大倫。君子之仕也，行其義也。道之不行，已知之矣。

Thần Môn ở Thạch Môn chê Khổng Tử là «biết không thể làm được mà cố làm» tức là Thần Môn cũng tự biết không thể làm được nên không làm. Các ẩn sĩ cho rằng «đời chẳng biết mình thì thôi», «thời này kẻ làm chính trị chỉ nguy mà thôi» nên không làm chính trị, rằng «thiên hạ đều là giòng nước đục cuồn cuộn, có ai thay đổi được đâu». Các ẩn sĩ tiêu cực này là những kẻ muốn tốt riêng phận mình (*độc thiện kỳ thân* 獨善其身), mặc kệ thế sự. Ý kiến của họ đối với thế sự giống như lời Mạnh Tử trách Dương Chu: «Dương Chu chủ trương vị ngã. Nhổ một sợi lông mà có lợi cho thiên hạ thì ông cũng chẳng làm.» Tử Lộ chê ông già «ở ẩn cho trong sạch bản thân hoá ra làm loạn đại luân». Mạnh Tử chê «Dương Chu vị ngã nên không có vua». «Vị ngã» tức là «ở ẩn cho trong sạch bản thân». «Không có vua» tức là «làm loạn đại luân». Các ẩn sĩ tiêu cực ấy là khởi đầu cho bọn Dương Chu vậy.

Tuy nhiên, thời Khổng Tử, các ẩn sĩ tiêu cực ấy cũng chỉ là những kẻ muốn tốt riêng phận mình mà thôi; họ chưa có học thuyết hệ thống nào để làm căn cứ lý luận cho hành vi của họ. Dương Chu dường như bắt đầu có học thuyết hệ thống để làm căn cứ lý luận cho hành vi muốn tốt riêng phận mình.

Mạnh Tử nói: «Lời Dương Chu và Mặc Địch đầy thiên hạ. Lời của thiên hạ nếu không theo Dương Chu thì theo Mặc Địch.»[16] «Lời Dương Chu và Mặc Địch» tức là sự lý luận của Dương và Mặc. Dương và Mặc đã có lý luận, thì Mạnh Tử cũng phải có lý luận để biện luận với Dương và Mặc. Cho nên Mạnh Tử nói: «Ta có ham biện luận đâu, chẳng qua bất đắc dĩ mà thôi.»[17]

Tuy nhiên, từ Mạnh Tử về sau, tại sao lời lẽ Dương Chu cơ hồ tuyệt diệt? Phải chăng Mạnh Tử đã chống lại Dương Chu hoàn toàn thành công? Sau Dương Chu, bọn theo Lão Trang rất thịnh. Lão Trang kế thừa Dương Chu, nhưng trong tư tưởng Lão Trang có những điểm mà Dương Chu chưa nói. Do đó cái tên của Dương Chu bị Lão Trang che lấp, vì thế lời lẽ Dương Chu tưởng như tuyệt diệt, nhưng thực tế thì không.

Trong *Lã Thị Xuân Thu* có nhiều chỗ nói đến học thuyết truyền thống của Dương Chu. Thiên Trọng Kỷ 重己 (xem trọng bản thân) của

---

[16] ***Mạnh Tử*** **(Đằng Văn Công - hạ): «Dương Chu Mặc Địch chi ngôn doanh thiên hạ. Thiên hạ chi ngôn, bất quy Dương, tắc quy Mặc.»** 楊朱墨翟之言盈天下.天下之言,不歸楊則歸墨.

[17] ***Mạnh Tử*** **(Đằng Văn Công - hạ): «Dư khởi hiếu biện tai! Dư bất đắc dĩ dã.»** 予豈好辯哉!予不得已也.

Lã Thị Xuân Thu chép: «Nay sự sống của ta là của ta; nó làm lợi cho ta cũng lớn. Luận về sang hèn, dù được phong làm thiên tử cũng không sánh được với sinh mệnh của ta. Luận về khinh trọng, dẫu giàu có được cả thiên hạ cũng không đổi được với sinh mệnh của ta. Luận về an nguy, hễ lỡ mất sinh mệnh thì không bao giờ tìm lại được nữa. Ba điều ấy kẻ có đạo phải thận trọng. Đã thận trọng mà bị hại ngược lại là vì không đạt cái tình của tính mệnh. Đã không đạt được cái tình của tính mệnh thì dù thận trọng cũng chẳng ích gì. [...] Vua, quý tộc, kẻ không hiền, kẻ bất tiếu ở trên đời ai mà chẳng muốn sống lâu. Thế mà ngày nào họ cũng làm nghịch với sự sống, thì dù có muốn sống lâu cũng chẳng ích gì. Phàm sống lâu thì phải thuận theo sự sống; khiến cho sự sống không thuận tức là dục vọng. Cho nên thánh nhân trước tiên phải tiết dục.»[18]

Đó là thuyết *khinh vật trọng sinh* 輕物重生 (coi thường sự vật và quý trọng sự sống) của Dương Chu. Quý trọng sự sống không phải là buông thả theo dục vọng. Cho nên Dương Chu nói «rượu nồng thịt béo là thực phẩm thiêu đốt ruột», «xinh tươi răng trắng của mỹ nhân là búa rìu chặt đẽo bản tính của con người».[19] Nếu xem buông thả theo dục vọng là quý trọng sự sống tức là «đã thận trọng mà bị hại ngược lại». Cho nên thánh nhân trọng sự sống thì trước tiên phải tiết dục.[20]

Thiên Bản Sinh 本生 của *Lã Thị Xuân Thu* chép: «Cho nên thánh nhân đối với thanh sắc và mùi vị nếu có lợi cho sự sống thì giữ lấy, nếu có hại cho sự sống thì xả bỏ đi. Đó là cái đạo bảo toàn bản tính.»[21]

---

[18] **Lã Bất Vi, *Lã Thị Xuân Thu* (Trọng Kỷ 重己): «Kim ngô sinh chi vi ngã hữu, nhi lợi ngã diệc đại hĩ. Luận kỳ quý tiện, tước vi thiên tử, bất túc dĩ tỷ yên; luận kỳ khinh trọng, phú hữu thiên hạ, bất khả dĩ dịch chi; luận kỳ an nguy, nhất thử thất chi, chung thân bất phục đắc. Thử tam giả, hữu đạo giả chi sở thận dã. Hữu thận chi nhi phản hại chi giả, bất đạt hồ tính mệnh chi tình dã. Bất đạt hồ tính mệnh chi tình, thận chi hà ích? [...] Thế chi nhân chủ quý nhân, vô hiền bất tiếu, mạc bất dục trường sinh cửu thị, nhi nhật nghịch kỳ sinh, dục chi hà ích? Phàm sinh chi trường dã, thuận chi dã; sử sinh bất thuận giả, dục dã; cố thánh nhân tất tiên thích dục.»** 今吾生之爲我有，而利我亦大矣．論其貴賤，雖爲天子，不足以比焉；論其輕重，富有天下，不可以易之；論其安危，一嘿失之，終身不復得．此三者，有道者之所慎也．有慎之而反害之者，不達乎性命之情也．不達乎性命之情，慎之何益？[...]世之人主貴人，無賢不肖，莫不欲長生久視，而日逆其生，欲之何益？凡生之長也，順之也；使生不順者，欲也；故聖人必先適欲．

[19] **Lã Bất Vi, *Lã Thị Xuân Thu* (Bản Sinh).**

[20] **Thánh nhân tất tiên thích dục** 聖人必先適欲. **Cao Dụ** 高誘 **chú: «Thích giống như tiết.» (Thích do tiết dã** 適猶節也**). Vậy, «thích dục» tức là «tiết dục».**

[21] **Lã Bất Vi, *Lã Thị Xuân Thu* (Bản Sinh): «Thị cố thánh nhân chi ư thanh sắc tư vị dã, lợi ư tính tắc thủ chi, hại ư tính tắc xả chi, thử toàn tính chi đạo dã.»** 是故聖人之於聲色滋味也，利於性則取之，害於性則舍之，此全性之道也．

Thiên Tình Dục 情欲 của *Lã Thị Xuân Thu* chép: «Trời sinh người, lại khiến cho có lòng tham dục. Lòng dục có tình; tình có tiết chế. Thánh nhân phải tiết chế để dứt dục, vì thế không khiến cho tình cảm vượt quá giới hạn. Tai muốn năm thanh, mắt muốn năm sắc, miệng muốn năm vị, đó là tình. Ba thứ (thanh, sắc, vị) ấy ai ai cũng ham muốn như nhau, dù họ sang, hèn, ngu, trí, hiền, bất tiếu. Dù Thần Nông, Hoàng Đế, lòng ham muốn của họ cũng như lòng ham muốn của Kiệt, Trụ. Thánh nhân sở dĩ khác mọi người là bởi có tình cảm chừng mực. Do quý sự sống mà hành động thì có tình cảm chừng mực; không do quý sự sống mà hành động thì mất tình cảm chừng mực.»[22]

Như thế, vì quý sự sống nên trước phải tiết dục. Nhưng cái đáng quý của sự sống là qua nó ta có thể hưởng thụ thanh, sắc, vị. Tiết dục là để sống lâu, để hưởng thụ nhiều, chứ không phải xem hưởng thụ là không đúng đắn, là không tốt. Cho nên: «Hễ tai không thích tiếng, mắt không thích màu, miệng không thích vị, thì không có sự lựa chọn giữa sinh và tử. Người xưa đắc đạo, sống để trường thọ, để có thể vui thích lâu dài tiếng, màu, vị. Bằng cách nào? Đó là sớm xác định. Sớm xác định thì biết tiết chế. Biết sớm tiết chế thì tinh không hao kiệt.»[23]

Lã Thị Xuân Thu dẫn lời Tử Hoa Tử 子華子 rằng: «Sự sống toàn vẹn là trên hết, kế đến là sự sống hao tổn, kế đến là chết, chót hết là sự sống bị bức bách. Cho nên cái gọi là tôn quý sự sống ý nói sự sống toàn vẹn. Cái gọi là sự sống toàn vẹn tức là do lục dục thích nghi. Cái gọi là sự sống hao tổn là do lục dục không thích nghi. Sự sống hao tổn thì mỏng manh hơn sự sống được tôn quý. Hao tổn càng nhiều, tôn quý càng ít. Cái gọi là chết là trạng thái không có tri giác, là trở về trạng thái lúc chưa sinh. Cái gọi là sự sống bị bức bách là do lục dục không thích nghi, và

[22] *Lã Thị Xuân Thu* (Tình Dục): «Thiên sinh nhân nhi sử hữu tham hữu dục. Dục hữu tình, tình hữu tiết. Thánh nhân tu tiết dĩ chỉ dục, cố bất quá hành kỳ tình dã. Cố nhĩ chi dục ngũ thanh, mục chi dục ngũ sắc, khẩu chi dục ngũ vị, tình dã. Thử tam giả, quý tiện ngu trí hiền bất tiếu dục chi nhược nhất, tuy Thần Nông, Hoàng Đế kỳ dữ Kiệt, Trụ đồng. Thánh nhân chi sở dĩ dị giả, đắc kỳ tình dã. Do quý sinh động tắc đắc kỳ tình hĩ, bất do quý sinh động tắc thất kỳ tình hĩ.» 天生人而使有貪有欲.欲有情,情有節.聖人修節以止欲,故不過行其情也.故耳之欲五聲,目之欲五色,口之欲五味,情也.此三者,貴賤愚智賢不肖欲之若一,雖神農,黃帝其與桀紂同.聖人其所以異者,得其情也.由貴生動則得其情矣,不由貴生動則失其情矣.

[23] *Lã Thị Xuân Thu* (Tình Dục): «Nhĩ bất lạc thanh, mục bất lạc sắc, khẩu bất cam vị, dữ tử vô trạch. Cổ nhân đắc đạo giả, sinh dĩ thọ trường, thanh sắc tư vị, năng cửu lạc chi, hề cố? Luận tảo định dã. Luận tảo định tắc tri tảo sắc, tri tảo sắc tắc tinh bất diệt.» 耳不樂聲,目不樂色,口不甘味,與死無擇.古人得道者,生以壽長,聲色滋味,能久樂之,奚故?論早定也.論早定則知早嗇,知早嗇則精不滅.

đều nhận lấy cái đáng ghét là bị khuất phục và bị nhục nhã. Bị nhục thì không gì lớn bằng bất nghĩa, cho nên bất nghĩa là bức bách sự sống, mà sống bị bức bách không chỉ là bất nghĩa mà thôi. Cho nên nói sống bị bức bách chẳng bằng chết đi. Làm sao mà biết như thế? Tai nghe cái mình ghét, chẳng bằng không nghe; mắt nhìn cái mình ghét, chẳng bằng không nhìn. Cho nên có sấm thì ta bịt tai, có chớp thì ta nhắm mắt, đó là thí dụ. Lục dục đều biết cái chúng ghét nhất, nhưng nếu không tránh được thì chẳng bằng không có tri giác; không có tri giác tức là chết; cho nên sống bị bức bách thì không bằng chết. Thích ăn thịt đâu phải là ăn cả chuột chết thối rữa; thích rượu đâu phải là uống cả rượu bị biến chất; tôn quý sự sống đâu phải là quý cả sự sống bị bức bách?»[24]

Trên đây cũng là một thuyết của phái Dương Chu. Lục dục mà thích nghi (tức là hài hoà) thì sự sống toàn vẹn. Lục dục mà không thích nghi thì sự sống bị bức bách, và chẳng bằng chết đi. Bởi vì chết là trạng thái không có tri giác; còn sống mà bị bức bách thì khổ hơn cả chết. Lục dục thích nghi tức là tiết dục. Tuy nhiên tiết dục không có nghĩa là vô dục, cũng như quý sự sống không có nghĩa là quý cái chết.

Lã Thị Xuân Thu chép: «Hàn và Ngụy sắp đánh nhau giành đất. Tử Hoa Tử yết kiến Chiêu Ly Hầu (của nước Hàn, 358-333), Chiêu Ly Hầu có vẻ lo âu. Tử Hoa Tử nói: "Nay giả sử cả thiên hạ dâng thư trước ngài;

---

[24] ***Lã Thị Xuân Thu*** **(Quý Sinh): «Toàn sinh vi thượng, khuy sinh thứ chi, tử thứ chi, bách sinh vi hạ. Cố sở vị tôn sinh giả, toàn sinh chi vị. Sở vị toàn sinh giả, lục dục giai đắc kỳ nghi dã. Sở vị khuy sinh giả, lục dục phân đắc kỳ nghi dã. Khuy sinh tắc ư kỳ tôn chi giả bạc hĩ. Kỳ khuy di thậm giả dã, kỳ tôn di bạc. Sở vị tử giả, vô hữu sở dĩ tri, phục kỳ vị sinh dã. Sở vị bách sinh giả, lục dục mạc đắc kỳ nghi dã, giai hoạch kỳ sở thậm ố giả, phục thị dã, nhục thị dã. Nhục mạc đại ư bất nghĩa, cố bất nghĩa, bách sinh dã, nhi bách sinh phi độc bất nghĩa dã, cố viết bách sinh bất nhược tử. Hề dĩ tri kỳ nhiên dã? Nhĩ vấn sở ố, bất nhược vô văn; mục kiến sở ố, bất nhược vô kiến. Cố lôi tắc yểm nhĩ, điện tắc yểm mục, thử kỳ tỉ dã. Phàm lục dục giả, giai tri kỳ sở thậm ố, nhi tất bất đắc miễn, bất nhược vô hữu sở dĩ tri, vô hữu sở dĩ tri giả, tử chi vị dã, cố bách sinh bất nhược tử. Thị nhục giả, phi hủ thử chi vị dã; thị tửu giả, phi bại tửu chi vị dã; tôn sinh giả, phi bách sinh chi vị dã.»** 全生爲上，虧生次之，死次之，迫生爲下．故所謂尊生者，全生之謂．所謂全生者，六欲皆得其宜也．所謂虧生者，六欲分得其宜也．虧生則於其尊生薄矣．其虧彌甚者也，其尊彌薄．所謂死者，無有所以知，復其未生也．所謂迫生者，六欲莫得其宜也，皆獲其所甚惡者，復是者，辱是也．辱莫大於不義，故不義，迫生也，而迫生非獨不義也，故曰迫生不若死．奚以知其然也？耳聞所惡，不若無聞；目見所惡，不若無見．故雷則掩耳，電則掩目，此其比也．凡六欲者，皆知其所甚惡，而必不得免，不若無有所以知，無有所以知者，死之謂也，故迫生不若死．嗜肉者，非腐鼠之謂也；嗜酒者，非敗酒之謂也；尊生者，非迫生之謂也．

thư viết: 'Hễ tay trái nắm thì chặt tay phải của ngài, hễ tay phải nắm thì chặt tay trái ngài. Hễ có nắm thì mới có thiên hạ.' Ngài sẽ nắm tay chăng? Chịu chặt tay chăng?" Chiêu Ly Hầu đáp: "Quả nhân không nắm tay." Tử Hoa Tử nói: "Tốt lắm. Từ đó mà xem, hai tay quan trọng hơn thiên hạ, thân lại quan trọng hơn hai tay. Hàn không quan trọng bằng thiên hạ; cái mà ngài tranh giành hiện nay lại không quan trọng bằng Hàn. Nay ngài buồn rầu hại thân mà vẫn không có được nó." [...] Trung Sơn Công Tử Mâu nói với Chiêm Tử: "Thân tự tại ở sông biển mà tâm bị giam hãm nơi cung điện, như vậy thì sao? Chiêm Tử nói: "Xem trọng sự sống. Trọng sự sống thì khinh lợi." Trung Sơn Công Tử Mậu nói: "Tuy biết thế mà không thể tự thắng mình [trước ham muốn vật chất]." Chiêm Tử nói: "Không thể tự thắng mình thì buông thả, tinh thần có bị hại đâu. Không thể tự thắng mình mà cố bám, đó gọi là bị thương gấp đôi. Người bị thương gấp đôi thì không sống lâu.»[25]

Lời của Tử Hoa Tử nói với Chiêu Ly Hầu là thuyết *trọng sinh tắc khinh lợi* 重生則輕利 (trọng sự sống thì khinh lợi). Các nhà chú giải như Cao Dụ 高誘, Tư Mã Bưu 司馬彪, Dương Kính 楊倞 nói Trung Sơn Công Tử Mâu là Ngụy Mâu 魏牟. Tuân Tử nói về Ngụy Mâu rằng: «Có những kẻ phóng túng tình cảm và bản tính, an tâm buông thả, hành động như cầm thú. Họ không hợp với nền cai trị có văn hoá và đạo đức.

---

[25] *Lã Thị Xuân Thu* (Thẩm Vi): «Hàn, Ngụy tương dữ tranh xâm địa. Tử Hoa Tử kiến Chiêu Ly Hầu. Chiêu Ly Hầu hữu ưu sắc. Tử Hoa Tử viết: "Kim sử thiên hạ thư minh ư quân chi tiền, thư chi viết: "Tả thủ quặc chi tắc hữu thủ phế, hữu thủ quặc chi tắc tả thủ phế, nhiên nhi quặc chi tất hữu thiên hạ." Quân tương quặc chi hồ? Vong kỳ bất dữ?" Chiêu Ly Hầu viết: "Quả nhân bất quặc dã." Tử Hoa Tử viết: "Thậm thiện. Tự thị quan chi, lưỡng tỳ trọng ư thiên hạ dã, thân hựu trọng ư lưỡng tỳ. Hàn chi khinh ư thiên hạ viễn, kim chi sở tranh giả, kỳ khinh ư Hàn hựu viễn, quân cố sầu thân thương sinh dĩ ưu chi, thích bất đắc dã." [...] Trung Sơn Công Tử Mâu vị Chiêm Tử viết: "Thân tại giang hải chi thượng, tâm cư hồ nguỵ khuyết chi hạ, nại hà?" Chiêm Tử viết: "Trọng sinh. Trọng sinh tắc khinh lợi." Trung Sơn Công Tử Mâu viết: "Tuy trí chi, do bất năng tự thắng dã." Chiêm Tử viết: "Bất năng tự thắng tắc túng chi, thần vô ác hồ. Bất năng tự thắng nhi cưỡng bất túng giả, thử chi vị trùng thương. Trùng thương chi nhân vô thọ loại hĩ."» 韓魏相與爭侵地，子華子見昭釐侯，昭釐侯有憂色。子華子曰："今使天下書銘於君之前，書之曰："左手攫之則右手廢，右手攫之則左手廢，然而攫之必有天下。君相攫之乎？亡其不與？"昭釐侯曰："寡人不攫也。"子華子曰："甚善。自是觀之，兩臂重於，身又重於兩臂。韓之輕於天下遠，今之所爭者，其輕於韓又遠，君固愁身傷生以憂之，臧不得也。"[...] 中山公子牟謂詹子曰："身在江海之上，心居乎魏闕之下，奈何？"詹子曰："重生。重生則輕利。"中山公子曰："雖知之，猶不能自勝也。"詹子曰："不能自勝則縱之，神無惡乎，不能自勝而強不縱者，此之謂重傷。重傷之人無壽類矣。"

Tuy nhiên quan điểm của họ có nguyên do, lời nói của họ có lý lẽ, đủ để lừa đối và mị dân. Đó là bọn Tha Hiêu và Nguỵ Mâu vậy.»[26]

Theo đó, dường như Nguỵ Mâu theo chủ nghĩa phóng túng tình dục cực đoan mà thiên Dương Chu của sách *Liệt Tử* nói. Cho nên Chiêm Tử mới trả lời rằng hễ trọng sự sống thì khinh lợi. Công Tử Mâu nói rằng biết thế nhưng làm không được. Chiêm Tử bảo rằng nếu làm không được thì cứ tuỳ tiện. Môn phái của Dương Chu, tuy chủ trương tiết dục, mà đồng thời cũng xem sự đầy đủ ham muốn là ý nghĩa của nhân sinh, và quý sự sống chứ không quý cái chết.

Lão Tử Đạo Đức Kinh có nhiều chỗ nói đến «quý sống thì khinh lợi», như:

– «Ai quý thân mình hơn thiên hạ, thì [người ta] có thể giao phó thiên hạ cho hắn. Ai yêu thân mình hơn thiên hạ, thì [người ta] có thể gửi gắm thiên hạ cho hắn.»[27]

– «Danh với thân cái nào quý hơn? Thân với của nả, cái nào trọng hơn?»[28]

Quý thân mình hơn thiên hạ thì không vì cái lợi lớn của thiên hạ mà nhổ sợi lông chân. Đó là ý nghĩa khinh vật chất mà trọng sự sống vậy.

Trong *Trang Tử* cũng có nhiều chỗ đề cập thuyết «giữ vẹn hình, bảo toàn chân tính, không để vật làm lụy hình». Chẳng hạn như:

– Thiên Nhân Gian Thế nói đến cây sồi cực lớn ở nền xã tế thổ thần. Một người thợ chê cây to nhưng vô dụng, nhờ thế mà sống lâu, cao lớn. Đến đêm, người thợ nằm mộng thấy cây ấy nói rằng: «Các loại cây như: tra, lê, quất, bưởi có trái chín thì bị hái; bị hái thì khổ thân. Cành lớn bị gãy, cành nhỏ bị trụi lá. Vì chúng hữu dụng nên khổ thân; không hưởng trọn tuổi trời mà nửa đường phải chết non. Sự vật chẳng gì mà không giống thế. Ta bấy lâu mong mình vô dụng. Mấy lần suýt chết nay

---

[26] ***Tuân Tử*** **(Phi Thập Nhị Tử): «Túng tình tính, an thứ tuỳ, cầm thú hành, bất túc dĩ hợp văn thông trị; nhiên nhi kỳ trì chi hữu cố, kỳ ngôn chi thành lý, túc dĩ khi hoặc ngu chúng, thị Tha Hiêu, Nguỵ Mâu dã.»** 縱情性，安恣睢，禽獸行，不足以合文通治；然而其持之有故，其言之成理，足以欺惑愚衆，是它囂，魏牟也.

[27] ***Đạo Đức Kinh*** **(chương 13): «Quý dĩ thân vi thiên hạ, nhược khả ký thiên hạ. Ái dĩ thân vi thiên hạ, nhược khả thác thiên hạ.»** 貴以身爲天下，若可寄天下，愛以身爲天下，若可託天下.

[28] ***Đạo Đức Kinh*** **(chương 44): «Danh dữ thân thục thân? thân dữ hóa thục đa?»** 名與身孰親?身與貨孰多？

Cây này nhờ bất tài vô dụng mà an hưởng trọn tuổi trời.
(*Thử mộc dĩ bất tài đắc chung kỳ thiên niên.*)
此木以不材得終其天年

mới được như vầy; nó là cái dụng lớn của ta. Nếu ta cũng hữu dụng [như mấy loại cây kia] liệu ta có được lớn mạnh như nay không?»[29]

– Lại nói: «Có kẻ tên là Chi Li Sơ [ngụ ý hình thù kỳ quái], cằm ẩn vào rốn, vai nhô khỏi đỉnh đầu, búi tóc trên đầu chĩa thẳng lên trời, ngũ tạng trồi lên phía trên, hai đùi nhỏ ốm như xương sườn. Hắn giặt thuê và khâu vá thuê mà đủ ăn; chà gạo và đãi cám thuê cũng nuôi nổi gia đình 10 miệng ăn. Khi triều đình bắt dân đi lính, Chi Li vén tay áo, để tay trần đi nhởn nhơ trong đám đông. Khi triều đình bắt dân lao dịch, thì Chi Li được miễn vì tàn tật. Khi triều đình phát chẩn cho người bệnh tật, hắn được lãnh 3 chung lúa và 10 bó củi. Kẻ tên Chi Li hình dạng kỳ quặi mà

---

[29] *Trang Tử* (Nhân Gian Thế): «Phù tra lê quất du dữu quả loã chi thuộc, thực thục tắc bác, bác tắc nhục. Đại chi chiết, tiểu chi tiết. Thử dĩ kỳ năng khổ kỳ sinh giả dã. Cố bất chung kỳ thiên niên nhi trung đạo yểu, tự phẫu kích vu thế tục giả dã. Vật mạc bất nhược thị. Thả dư cầu vô sở khả dụng cửu hĩ. Kỷ tử, nãi kim đắc chi, vi dư đại dụng. Sử dư dã nhi hữu dụng, thả đắc hữu thử đại dã da?» 夫楂梨橘柚果蓏之屬,實熟則剝,剝則辱.大枝折,小枝泄.此以其能苦其生者也.故不終其天年而中道夭,自掊擊于世俗者也.物莫不若是.且予求無所可用久矣.幾死乃今得之,爲予大用.使予也而有用,且得有此大也邪?

còn có thể tự túc nuôi thân và sống trọn tuổi trời, huống hồ kẻ có đức giống như Chi Li?»[30]

– Lại nói: «Khi Khổng Tử đến nước Sở, một người điên của nước Sở tên là Tiếp Dư chơi trước cửa nhà Khổng Tử trú ngụ, hát: "Chim phượng ơi, chim phượng ơi! Sao đức lại suy thế! Kỳ vọng chi ở đời sau, cứu vãn chi ở đời trước? Thiên hạ có đạo, thánh nhân thành tựu sự nghiệp; thiên hạ vô đạo, thánh nhân chỉ mong giữ được thân. Đời nay chỉ mong tránh được hình phạt. Phúc nhẹ như lông hồng mà không ai biết mang; hoạ nặng như đất mà không ai biết tránh. Thôi đi! Thôi đừng đem đạo đức đến với người đời! Nguy rồi! Nguy vì tự vẽ một vòng tròn trên mặt đất và chạy lẩn quẩn trong đó. Gai góc, gai góc! Ta đi, đừng làm ta đau. Đường ta đi khúc khuỷu, đừng làm chân ta đau!" [Vì có ích nên] cây trên núi tự khiến nó bị đốn; [vì cháy được nên] mỡ tự khiến nó bị đốt sạch. Quế ăn được nên cây quế bị đốn. Cây sơn có ích nên thân bị khắc rạch [để lấy nhựa]. Ai cũng biết lợi thế của sự hữu dụng; mấy ai biết lợi thế của sự vô dụng.»[31]

---

[30] ***Trang Tử* (Nhân Gian Thế): «Chi Li Sơ giả, dĩ ẩn vu tề, kiên cao vu đỉnh, hội toát chỉ thiên, ngũ quản tại thượng, lưỡng bễ vi hiệp. Toả châm trị giải, túc dĩ hồ khẩu; cổ giáp bá tinh, túc dĩ tự thập nhân. Thượng chinh vũ sĩ, tắc Chi Li nhương tý nhi du vu kỳ gian; thượng hữu đại dịch, tắc Chi Li dĩ hữu thường tật bất thụ công; thượng dữ bệnh giả túc, tắc thụ chi tam chung dữ thập thúc tân. Phù Chi Li giả kỳ hình giả, do túc dĩ dưỡng kỳ thân, chung kỳ thiên niên, hựu huống Chi Li kỳ đức giả hồ?»** 支離疏者，頤隱于臍，肩高于頂，會撮指天，五管在上，兩髀爲脅，挫針治繲，足以餬口；鼓莢播精，足以食十人。上征武士，則支離攘臂而游其間；上有大役，則支離以有常疾不受功；上與病者粟，則受之三鍾與十束薪。夫支離者其形者，猶足以養其身，終其天年，又況支離其德者乎。**– LAM chú: Trong đoạn chữ Hán mà Phùng Hữu Lan trích dẫn, ba chữ Chi Li Sơ 支離疏 được gạch dưới, tức là tên riêng. *Trung Hoa Đạo Học Thông Điển* (trang 126) chú: «Chi Li Sơ là tên nhân vật hư cấu, ngụ ý là thân thể bất toàn, các bộ phận thân thể nằm trái vị trí thông thường.» Derk Bodde dịch *«there was a deformed man called Su»* (có người dị dạng tên Sơ). James Legge dịch *«there was the deformed object Shu»* (có đối tượng dị dạng tên Sơ). James Ware dịch *«hunchback Su»* (người lưng gù tên Sơ). Nguyễn Hiến Lê dịch «xưa có một người hình thù kỳ quái».**

[31] ***Trang Tử* (Nhân Gian Thế): «Khổng Tử thích Sở, Sở cuồng Tiếp Dư du kỳ môn viết: "Phượng hề phượng hề, hà như đức chi suy dã. Lai thế bất khả đãi, vãng thế bất khả truy dã. Thiên hạ hữu đạo thánh nhân thành yên; thiên hạ vô đạo, thánh nhân sinh yên. Phương kim chi thời, cận miễn hình yên! Phúc khinh hồ vũ, mạc chi tri tải; hoạ trọng hồ địa, mạc chi tri tị. Dĩ hồ, dĩ hồ! Lâm nhân dĩ đức. Đãi hồ, đãi hồ ! Hoạ địa nhi xu. Mê dương mê dương, vô thương ngô hành. Ngô hành vi khích khúc, vô thương ngô túc." Sơn mộc, tự khẩu dã; cao hoả, tự tiển dã. Quế khả thực, cố phạt chi; tất khả dụng, cố cát chi. Nhân giai tri hữu dụng chi dụng, nhi mạc tri vô dụng chi dụng dã.»** 孔子適楚，楚狂接輿游其門曰："鳳兮鳳兮，何如德之衰也。來世不可待，往世不可追也。天下有道聖人成焉；天下無道聖人生焉。方今之時，僅免刑焉！福輕乎羽，莫知之載；禍重乎地，莫知之避。已乎已乎！臨人以德。殆乎殆乎！畫地而趨。迷陽迷陽，無傷吾行。吾行郤曲

Những đoạn dẫn trên đều có ý nghĩa «quý kỷ» 貴己 (quý bản thân) và «trọng sinh» 重生 (xem trọng sự sống).

Có thể thấy trong *Đạo Đức Kinh* và *Nam Hoa Kinh* cũng chép nhiều lời lẽ của Dương Chu nhưng đó không phải là ý nghĩa tối cao của Lão và Trang. Điều Dương Chu nói là cái đạo để chúng ta không tự làm hại sinh mạng của ta. Sống trong cuộc đời này, dù ta không tự làm hại sinh mạng của mình, nhưng cũng thường có ngoại vật và kẻ khác sẵn sàng làm hại sinh mạng của chúng ta. Chúng ta không những phải tránh tự hại sinh mạng mình mà còn phải đối phó với ngoại vật và kẻ khác làm hại sinh mạng ta. Về phương diện này, Dương Chu chỉ có một biện pháp là tránh né, giống như sự lánh đời của các ẩn sĩ. Tuy nhiên sự đời biến hoá khôn cùng, dù biết nguy hại nhưng có tránh cũng không nổi. Triết học của Lão Tử nhằm phát hiện những quy luật ẩn tàng trong các biến hoá của sự vật trong vũ trụ. Người biết các quy luật đó có thể tuỳ theo hoàn cảnh mà ứng dụng, và có thể hi vọng trọn đời không nguy. Thiên Nhân Gian Thế của *Trang Tử* cũng nghiên cứu xem chúng ta khi bước vào cõi đời này thì nên làm thế nào để khỏi bị hại. Tuy nhiên, các phương pháp đó không bảo vệ chúng ta được vẹn toàn; bởi vì trong sự đời biến hoá khôn cùng có quá nhiều nhân tố mà chúng ta không thể thấy được. Vì thế Lão Tử mới nói sâu sắc: «Sở dĩ ta phải lo âu nhiều bởi vì ta có thân. Nếu không có thân, ta đâu có lo lắng gì.»[32] Quả thực là lời đại giác ngộ vậy. Trang Tử theo đó mà nói «tề tử sinh, đồng nhân ngã» 齊死生同人我 (sống chết như nhau, ta và người như nhau). Nếu ta không xem cái hại là hại, thì quả thực cái hại không làm thương tổn ta được. Thế nên, triết học của Lão Tử tiến hơn triết học của Dương Chu một bậc, còn triết học của Trang Tử lại tiến hơn triết học của Dương Chu đến hai bậc.

,無傷吾足." 山木,自寇也.膏火自煎也.桂可食,故伐之.漆可用故割之.人皆知有用之用,而莫知無用之用也.

[32] ***Đạo Đức Kinh*** **(chương 13): «Ngô sở dĩ hữu đại hoạn giả, vi ngô hữu thân. Cập ngô vô thân, ngô hữu hà hoạn?»** 吾所以有大患者,爲吾有身,及吾無身,吾有何患.

2. Trần Trọng Tử

Trần Trọng Tử 陳仲子 cũng là một kẻ sĩ độc lập thời này. Mạnh Tử nói: «Trong số các kẻ sĩ của nước Tề, theo ta thì Trọng Tử là tay cự phách. [...] Trọng Tử thuộc dòng thế gia của nước Tề. Anh là Tải, hưởng lộc vạn chung thóc. Trọng Tử xem lộc của anh là lộc bất nghĩa nên không ăn cơm của anh; xem nhà của anh là nhà bất nghĩa nên không ở nhà của anh; lìa anh rời mẹ, ra Ư Lăng mà ở.»[33]

Tuân Tử nói: «Có những kẻ đè nén tình cảm và bản tính, mưu lợi sâu cho bản thân. Họ lầm tưởng rằng sự khác biệt của họ với kẻ khác khiến họ cao thượng hơn mọi người. Họ không đủ tài năng để hợp nhất mọi người và cũng không thể hiện rõ bổn phận cơ bản mình. Tuy nhiên quan điểm của họ có nguyên do, lời nói của họ có lý lẽ, đủ để lừa đối và mị dân. Đó là bọn Trọng Tử và Sử Thu vậy.»[34]

Chiến Quốc Sách chép việc Triệu Uy Hậu 趙威后 (hoàng hậu Uy, tức vợ vua Triệu Huệ Văn, 298-266) hỏi sứ nước Tề: «Trọng Tử ở Ư Lăng vẫn còn sống sao? Người ấy không làm bề tôi của vua, không quản lý gia đình mình, cũng không giao thiệp với chư hầu. Hạng người ấy dẫn dắt dân chúng đến chỗ vô dụng. Đến nay sao chưa giết hắn đi?»[35]

Trần Trọng Tử từ bỏ phú quý, ra ở gò Ư Lăng, tự đan dép, vợ bện dây gai. Trọng Tử xem nhà và lộc của anh mình là bất nghĩa. Nay tuy chúng ta không biết tại sao ông đã xem các thứ ấy là bất nghĩa, nhưng «quan điểm của họ có nguyên do, lời nói của họ có lý lẽ, đủ để lừa đối và mị dân» (như Tuân Tử đã nói) và họ nổi tiếng trong các nước chư hầu, nhưng bị giai cấp thống trị rất ghét, như thế ông ta cũng là danh nhân một thời vậy.

---

[33] ***Mạnh Tử*** **(Đằng Văn Công - hạ): «Ư Tề quốc chi sĩ, ngô tất dĩ Trọng Tử vi cự phách yên. [...] Trọng Tử, Tề chi thế gia dã. Huynh Tải, cái lộc vạn chung, dĩ huynh chi lộc vi bất nghĩa chi lộc nhi bất thực dã, dĩ huynh chi thất vi bất nghĩa chi thất nhi bất cư dã; tị huynh ly mẫu, xử vu Ư Lăng.»** 於齊國之士，吾必以仲子爲巨擘焉 [...] 仲子，齊之世家也．兄戴，蓋祿萬鍾，以兄之祿爲不義之祿而不食也，以兄之室爲不義之室而不居也；避兄離母，處于於陵．

[34] **«Nhẫn tình tính, kỳ hoạt lợi kỳ, cẩu dĩ phân dị nhân vi cao, bất túc dĩ hợp đại chúng minh đại phân; nhiên nhi kỳ trì chi hữu cố, kỳ ngôn chi thành lý, túc dĩ khi hoặc ngu chúng, thị Trần Trọng, Sử Thu dã.»** 忍情性，綦溪利跂，苟以分異人爲高，不足以合大衆明大分；然而其持之有故，其言之成理，足以欺惑愚衆，是陳仲，史鰌也．

[35] ***Chiến Quốc Sách*** **(Tề sách): «Ư Lăng Trọng Tử thượng tồn hồ? Thị kỳ vi nhân dã, thượng bất thần vu vương, hạ bất trị kỳ gia, trung bất sách giao chư hầu. Thử suất dân nhi xuất vu vô dụng giả, hà vi chí kim bất sát hồ?»** 於陵仲子尚存乎？是其爲人也，上不臣于王，下不治其家，中不索交諸侯．此率民而出于無用者，何爲至今不殺乎？

3. Hứa Hành và Trần Tương

Hán Thư Nghệ Văn Chí xem Hứa Hành 許行 và Trần Tương 陳相 thuộc Nông gia. Mạnh Tử nói: «Có kẻ tên Hứa Hành làm theo lời Thần Nông, từ nước Sở sang nước Đằng, nói với Đằng Văn Công rằng: "Tôi là kẻ phương xa, nghe vua thi hành đạo nhân chính, xin được làm dân của vua." Văn Công cấp cho chỗ ở. Cả bọn Hứa Hành chừng vài mươi người, đều mặc áo lông, đan dép, dệt chiếu để kiếm sống. Rồi đệ tử Trần Lương là Trần Tương cùng em là Tân, vác cày bừa đi từ Tống sang Đằng, nói: "Nghe bệ hạ thi hành chính sách thánh nhân, thì bệ hạ cũng như thánh nhân, xin được làm dân của thánh nhân." Trần Tương gặp Hứa Hành, thích chí, bèn bỏ cái học của mình mà theo học Hứa Hành. Trần Tương gặp Mạnh Tử, kể lại lời của Hứa Hành rằng: "Vua Đằng thật là người hiền, dù rằng chưa hề nghe đạo. Vua hiền cùng dân cày ruộng, tự nấu cơm sáng cơm chiều, cùng lúc cai trị đất nước. Nhưng nay vua nước Đằng có đầy kho lẫm và ngân khố, tức là làm khổ dân để nuôi vua. Thế sao gọi là vua hiền?" [...] Theo lý thuyết của Hứa Tử, ở chợ không có hai giá [cho cùng một sản phẩm], trong nước không có việc gian lận. Dù sai một đứa trẻ đi chợ thì nó cũng không bị lừa. Vải gai vải lụa cùng chiều dài thì cùng một giá. Dây gai, chỉ vải, sợi tơ mịn, sợi tơ thô cùng trọng lượng thì

---

[16] *Mạnh Tử* (Đằng Văn Công - thượng): «Hữu vi Thần Nông chi ngôn giả Hứa Hành, tự Sở chi Đằng, chủng môn nhi cáo Văn Công viết: "Viễn phương chi nhân, văn quân hành nhân chính, nguyện thụ nhất triền nhi vi manh." Văn Công dữ chi xử. Kỳ đồ sổ thập nhân, giai ý hạt, khổn lũ chức tịch dĩ vi thực. Trần Lương chi đồ Trần Tương, dữ kỳ đệ Tân, phụ lỗi tỷ nhi tự Tống chi Đằng, viết: "Văn quân hành thánh nhân chi chính, thị diệc thánh nhân dã, nguyện vi thánh nhân manh." Trần Tương kiến Hứa Hành nhi đại duyệt, tận khí kỳ học nhi học yên. Trần Tương kiến Mạnh Tử, đạo Hứa Hành chi ngôn viết: "Đằng quân, tắc thành hiền quân dã. Tuy nhiên, vị văn đạo dã. Hiền giả dữ dân tịnh canh nhi thực, ung sôn nhi trị. Kim dã Đằng hữu thương lẫm phủ khố, tắc thị lệ dân nhi dĩ tự dưỡng dã. Ô đắc hiền." [...] "Tòng Hứa Tử chi đạo, tắc thị giá bất nhị, quốc trung vô ngụy; tuy sử ngũ xích chi đồng thích thị mạc chi hoặc khi. Bố bạch trường đoản đồng, tắc giá tương nhược; ma lũ ti nhứ khinh trọng đồng, tắc giá tương nhược; ngũ cốc đa quả đồng, tắc giá tương nhược; lũ đại tiểu đồng, tắc giá tương nhược."» 有爲神農之言者許行，自楚之滕，踵門而告文公曰：“遠方之人，聞君行仁政，願受一廛而爲氓。”文公與之處。其徒數十人，皆衣褐，捆屨織席以爲食。陳良之徒陳相，與其弟辛，負耒耜而自宋之滕，曰：“聞君行聖人之政，是亦聖人也，願爲聖人氓。”陳相見許行而大悅，盡棄其學而學焉。陳相見孟子，道許行之言曰：“滕君，則誠賢君也。雖然，未聞道也。賢者與民并耕而食，饔飧而治。今也滕有倉廩府庫，則是厲民而以自養也。惡得賢。[...] 從許子之道，則市賈(價)不貳，中國無僞；雖使五尺之童適市，莫之或欺。布帛長短同，則賈相若；麻縷絲絮輕重同，則賈相若；五穀多寡同，則賈相若；屨大小同，則賈相若。”

cùng một giá. Ngũ cốc khối lượng như nhau thì cùng một giá. Giày dép cùng cỡ thì cùng một giá.»[36]

Hán Thư Nghệ Văn Chí nói bọn Nông gia «không phụng sự thánh vương, muốn vua và bề tôi cùng cày ruộng, làm loạn thứ tự trên dưới».[37] Phái học giả này đều có lý tưởng và chính sách rất mới đối với chính trị và xã hội. Tuy lời nói của họ không được truyền lại nhiều, nhưng căn cứ lời Mạnh Tử nói ở trên, chúng ta cũng có thể hiểu đại khái.[38]

4. Cáo Tử và những nhà biện luận về nhân tính

Khổng Tử nói: «Bản tính người ta vốn gần nhau, nhưng do tập nhiễm hoàn cảnh khác nhau nên xa nhau.»[39] Mạnh Tử nói «tính thiện». Do đó, quan hệ giữa nhân tính và đạo đức trở thành một vấn đề đương thời. Bấy giờ, trong số những nhà tranh luận với Mạnh Tử về vấn đề này và có ý kiến bất đồng với Mạnh Tử, thì nổi bật nhất là Cáo Tử 告子. Sách *Mạnh Tử* chép:

– «Cáo Tử nói: Bản tính con người giống như cây kỷ liễu; điều nghĩa giống như cái chén cái bát bằng gỗ. Xem bản tính con người là điều nhân nghĩa, giống như xem cây kỷ liễu là chén bát.»[40]

– «Cáo Tử nói: Tính con người giống như nước chảy, khơi giòng về hướng đông thì nó chảy về đông, khơi giòng về hướng tây thì nó chảy về tây. Tính con người không phân biệt thiện hay bất thiện, cũng giống như nước không phân biệt đông hay tây.»[41]

– «Cáo Tử nói: Cái có lúc sinh ra gọi là tính.»[42]

---

[37] **«Vô sở sự thánh vương, dục sử quân thần tịnh canh, bột thượng hạ chi tự.»** 無所事聖王,欲使君臣并耕,誖上下之序.

[38] **Tiền Mục 錢穆 nơi chương 3 trong quyển *Mặc Tử* của ông viết, nói rằng Hứa Hành tức là Hứa Phạm 許犯, là đệ tử đời thứ hai của Mặc Tử; ông cũng nói rằng Nông gia bắt nguồn từ Mặc gia.**

[39] ***Luận Ngữ* (Dương Hoá): «Tính tương cận dã, tập tương viễn dã.»** 性相近也,習相遠也.

[40] ***Mạnh Tử* (Cáo Tử - thượng): «Cáo Tử viết: Tính, do kỷ liễu dã; nghĩa, do bôi khuyên dã. Dĩ nhân tính vi nhân nghĩa, do dĩ kỷ liễu vi bôi khuyên.»** 告子曰:性,猶杞柳也;義,猶杯棬也.以人性爲仁義,猶以杞柳爲杯棬.

[41] ***Mạnh Tử* (Cáo Tử - thượng): «Cáo Tử viết: Tính do thoan thuỷ dã, quyết chư đông phương tắc đông lưu, quyết chư tây phương tắc tây lưu. Nhân tính chi vô phân ư thiện bất thiện dã, do thuỷ chi vô phân ư đông tây dã.»** 告子曰:性猶湍水也,決諸東方則東流,決諸西方則西流.人性之無分於善不善也,猶水之無分於東西也.

[42] ***Mạnh Tử* (Cáo Tử - thượng): «Cáo Tử viết: Sinh chi vị tính.»** 告子曰:生之謂性.

«Cáo Tử nói: Thích ăn ngon và ưa sắc đẹp là bản tính người ta. Lòng nhân ở trong ta chứ không ở ngoài ta; điều nghĩa ở ngoài ta chứ không ở trong ta. [...] Khi có người lớn tuổi hơn tôi thì tôi phải kính trọng người đó, bởi vì người lớn tuổi phải được kính trọng chứ chẳng phải sự kính trọng có ở trong tôi. Cũng như có vật màu trắng, thì tôi gọi nó là trắng; như vậy màu trắng của nó ở bên ngoài tôi. Cho nên tôi nói điều nghĩa ở bên ngoài ta. [...] Em tôi thì tôi thương, em của người nước Tần thì tôi không thương. Tình thương ấy là do tôi quyết định. Cho nên tôi nói lòng nhân ở bên trong ta. Tôi kính trọng người lớn tuổi hơn tôi ở trong nước cũng như ở nước Sở, bởi vì người lớn tuổi hơn cần được kính trọng. Cho nên tôi nói điều nghĩa ở bên ngoài ta.»[43]

-- «Mạnh Quý Tử hỏi Công Đô Tử: "Tại sao nói điều nghĩa ở trong ta?" Công Đô Tử nói: "Tôi thực hành sự kính trọng theo tôi cảm thấy, cho nên nói điều nghĩa ở trong ta." Quý Tử hỏi: "Nếu người làng hơn anh mình một tuổi thì kính ai?" Công Đô Tử nói: "Kính anh mình." Quý Tử hỏi: "Nếu rót rượu thì rót cho ai trước?" Công Đô Tử nói: "Rót cho người làng trước." Quý Tử nói: "Lòng kính thì ở anh mình mà sự tôn trọng thì ở người làng, như thế điều nghĩa ở bên ngoài, chẳng phải ở bên trong ta." Công Đô Tử không trả lời được bèn hỏi Mạnh Tử. Mạnh Tử nói: "Ông hãy hỏi Quý Tử như vầy: 'Ông kính em ông hay kính chú ông?' Quý Tử sẽ trả lời là kính chú. Ông hỏi nữa: 'Nếu em ông đóng vai thần linh trong buổi tế lễ thì ông kính ai?' Quý Tử sẽ trả lời rằng kính em. Ông hỏi nữa: 'Vậy lòng kính trọng chú ở đâu?' Quý Tử sẽ nói là do địa vị. Ông sẽ trả lời rằng ngày thường thì kính anh, nhưng có lúc cũng phải kính người làng hơn." Quý Tử nghe thấy nói: "Lúc thì kính chú, lúc thì kính em, quả thực [điều nghĩa] ở bên ngoài chứ chẳng ở bên trong ta."»[44]

---

[43] ***Mạnh Tử*** **(Cáo Tử - thượng): «Cáo Tử viết: Thực sắc, tính dã. Nhân, nội dã, phi ngoại dã; nghĩa, ngoại dã, phi nội dã. [...] Bỉ trưởng nhi ngã trưởng chi, phi hữu trưởng ư ngã dã; do bỉ bạch nhi ngã bạch chi, tòng kỳ bạch ư ngoại dã, cố vị chi ngoại dã. [...] Ngã đệ tắc ái chi, Tần nhân chi đệ tắc bất ái dã, thị dĩ ngã vi duyệt giả dã, cố vị chi nội. Trưởng Sở nhân chi trưởng, diệc trưởng ngô chi trưởng, thị dĩ trưởng vi duyệt giả dã, cố vị chi ngoại dã.»** 告子曰：食色性也。仁內也，非外也。義外也非內也。[...] 彼長而我長之，非有長於我也；猶彼白而我白之，從其白於外也，故謂之外也。[...] 吾弟則愛之，秦人之弟則不愛也，是以我爲悅者也，故謂之內。長楚人之長，亦長吾之長，是以長爲悅者也，故謂之外也。

[44] ***Mạnh Tử*** **(Cáo Tử - thượng): «Mạnh Quý Tử vấn Công Đô Tử viết: "Hà dĩ vị nghĩa nội dã?" Viết: "Hành ngô kính, cố vị chi nội dã." "Hương nhân trưởng ư bá huynh nhất thuế, tắc thuỳ kính?" Viết: "Kính huynh." "Chước tắc thuỳ tiên?" Viết: "Tiên chước hương nhân." "Sở kính tại thử, sở trưởng tại bỉ, quả tại ngoại, phi do nội dã." Công Đô Tử bất năng đáp, dĩ cáo**

– «Cáo Tử nói: Tính không thiện, cũng không bất thiện.»[45]

Ông cho rằng bản tính người ta khi sinh ra vốn đã thế, nên nói: «Cái có lúc sinh ra gọi là tính.» Tính là sản phẩm thiên nhiên, cũng như nước và cây kỷ liễu. Không có chỗ nào gọi là thiện, cũng không có chỗ nào gọi là bất thiện. Sự thiện hay ác của bản tính về sau là kết quả của giáo dục và tập quán, cũng như cây kỷ liễu chế ra cái chén cái bát mà cũng có thể chế ra vật dụng khác, cũng như nước nếu khơi giòng phía đông thì chảy sang đông, khơi giòng phía tây thì chảy sang tây. Lòng nhân ở trong ta; điều nghĩa ở ngoài ta. Cáo Tử cho rằng khi ta yêu người thì chính ta yêu; do đó cái tình yêu ấy là do ta quyết định chứ không do người mà ta yêu; và như thế tình yêu ấy là chủ quan, là ở trong ta. Còn điều nghĩa ở bên ngoài ta, bởi vì khi có người lớn tuổi hơn ta, do sự lớn tuổi của họ mà ta kính họ. Cũng như khi có vật màu trắng, bởi nó có màu trắng mà ta cho nó là trắng. Sự lớn tuổi hơn là ở người đó chứ không phải ở ta, như thế là khách quan, là ở bên ngoài ta.

Cáo Tử đã sai lầm khi làm lẫn lộn tuổi cao của người già với sự kính trọng người già. Tuổi cao của người già vốn là tính chất của người ấy, tại nơi người ấy chứ không phải tại nơi ta, nhưng ta theo đó mà kính trọng họ thì chính là do ta. Cho nên Mạnh Tử nói: «Vậy thì người lớn tuổi là nghĩa hay sự tôn kính người lớn tuổi là nghĩa?»[46] Ý nói: điều nghĩa không phải ở nơi người lớn tuổi. Hơn nữa, xem người ấy lớn tuổi hơn là ngầm có ý tôn kính, so với trường hợp vì vật màu trắng mà ta cho là trắng thì không giống nhau. Vì thế Công Đô Tử nói: «Tôi thực hành sự kính trọng theo tôi cảm thấy, cho nên nói điều nghĩa ở trong ta.» Lý

Mạnh Tử. Mạnh Tử viết: "Kính thúc phụ hồ? Kính đệ hồ? Bỉ tương viết "kính thúc phụ". Viết: "Đệ vi thi, tắc thuỳ kính?" Bỉ tương viết "kính đệ". Tử viết: "Ô tại kỳ kính thúc phụ dã?" Bỉ tương viết: "Tại vị cố dã." Tử diệc viết: "Tại vị cố dã." "Dung kính tại huynh, tư tu chi kính tại hương nhân." Quý Tử văn chi viết: "Kính thúc phụ tắc kính, kính đệ tắc kính, quả tại ngoại, phi do nội dã."» 孟季子問公都子曰: "何以謂義內也?"曰: "行吾敬，故謂之內也." "鄉人長於伯兄一歲，則誰敬?"曰: "敬兄." "酌則誰先?"曰: "先酌鄉人." "所敬在此，所長在彼，果在外非由內也." 公都子不能答，以告孟子. 孟子曰: "敬叔父乎?彼將曰: '敬叔父.' 曰: '弟爲尸，則誰敬?' 彼將曰: '敬弟.' 子曰: "惡在其敬叔父也?" 彼將曰: "在位故也. 庸敬在兄，斯須之敬在鄉人." 季子聞之曰: "敬叔父則敬，敬弟則敬，果在外，非由內也.

[45] ***Mạnh Tử* (Cáo Tử - thượng): «Cáo Tử viết: Tính vô thiện vô bất thiện dã.»** 告子曰: 性無善無不善也.

[46] ***Mạnh Tử* (Cáo Tử - thượng): «Thả vị trưởng giả nghĩa hồ? Trưởng chi giả nghĩa hồ?»** 且謂長者義乎?長之者義乎?

thuyết «lòng nhân ở trong ta» xung đột với lý thuyết «xem nhân tính là nhân nghĩa giống như xem cây kỷ liễu là chén bát». Tuy nhiên, học thuyết của Cáo Tử chúng ta chỉ biết những điều vụn vặt thôi, cho nên chúng ta không rõ Cáo Tử còn có giải thích nào khác về điểm đó hay không.

Mạnh Tử nói: «Cáo Tử bất động tâm, trước cả ta. [...] Cáo Tử nói: Chẳng được ở lời thì chớ cầu ở tâm. Chẳng được ở tâm thì chớ cầu ở khí.»[47] Mạnh Tử dựa vào điểm này mà chỉ ra rằng sự bất động tâm của Cáo Tử khác với sự bất động tâm của mình. Nói chung, sự bất động tâm của Cáo Tử là cưỡng ép cho tâm không động, còn sự bất động tâm của Mạnh Tử là kết quả của sự hàm dưỡng, do tích luỹ việc nghĩa mà sinh ra sự bất động một cách tự nhiên. Cáo Tử chủ trương điều nghĩa ở bên ngoài, nên ông không hiểu ý của Mạnh Tử trong câu nói «tập nghĩa sở sinh» 集義所生 (do tích luỹ việc nghĩa mà sinh ra). Cho nên Mạnh Tử nói: «Do đó ta nói Cáo Tử chưa từng biết nghĩa, vì ông ta cho rằng nghĩa ở bên ngoài ông ta.»[48]

Mạnh Tử lại nói: «Có kẻ nói: "Bản tính con người có thể thiện, có thể ác. Cho nên vua Văn, vua Vũ nổi lên thì dân thích điều thiện. Vua U, vua Lệ nổi lên thì dân thích điều hung bạo." Có kẻ nói: "Có tính thiện, có tính ác. Cho nên Nghiêu là vua hiền mà có bầy tôi bạo ngược là Tượng. Cổ Tẩu hung ác mà có con hiền là vua Thuấn. Trụ hung bạo (là con của người anh nên làm vua) mà có hiền thần là Vi Tử Khải và Vương Tử Tỉ Can."»[49]

Hai thuyết trên – «bản tính con người có thể thiện, có thể ác» và «có tính thiện, có tính ác» – và thuyết «tính không thiện, không ác» của Cáo Tử đều được nêu ra trong cùng một thiên của sách *Mạnh Tử*. Nó cho thấy đương thời có ba thuyết nói về tính. Vương Sung 王充 (27-97) viết

---

[47] ***Mạnh Tử*** **(Công Tôn Sửu - thượng): «Cáo Tử tiên ngã bất động tâm. [...] Cáo Tử viết: Bất đắc ư ngôn, vật cầu ư tâm; bất đắc ư tâm, vật cầu ư khí.»** 告子先我不動心[...] 告子曰:不得於言勿求於心;不得於心勿求於氣.

[48] ***Mạnh Tử*** **(Công Tôn Sửu - thượng): «Ngã cố viết: Cáo Tử vị thường tri nghĩa, dĩ kỳ ngoại chi dã.»** 我故曰:告子未嘗知義,以其外之也.

[49] ***Mạnh Tử*** **(Cáo Tử - thượng): «Hoặc viết: "Tính khả dĩ vi thiện, khả dĩ vi bất thiện; thị cố Văn Vũ hưng, tắc dân hiếu thiện; U Lệ hưng, tắc dân hiếu bạo." Hoặc viết: "Hữu tính thiện, hữu tính bất thiện; thị cố dĩ Nghiêu vi quân nhi hữu Tượng, dĩ Cổ Tẩu vi phụ nhi hữu Thuấn; dĩ Trụ vi huynh chi tử thả dĩ vi quân, nhi hữu Vi Tử Khải, Vương Tử Tỉ Can."»** 或曰:性可以爲善,可以爲不善;是故文武興則民好善;幽厲興則民好暴.或曰:有性善有性不善;是故以堯爲君而有象,以瞽瞍爲父而有舜;以紂爲兄之子且以爲君,而有微子啓,王子比干.

trong *Luận Hành* 論衡 rằng: «[Một trong số 70 đệ tử của Khổng Tử là] Thế Thạc đời Chu cho rằng tính người có thiện có ác. Tính thiện của một người được nuôi dưỡng thì bản chất thiện của hắn sẽ tăng. Tính ác của một người được nuôi dưỡng thì bản chất ác của hắn sẽ tăng... Thế Thạc [theo đó mà] viết một thiên tên là *Dưỡng Thư* 養書 (nay đã mất). Bọn [đệ tử của Khổng Tử là] Phục Tử Tiện 宓子賤, Tất Điêu Khai 漆雕開, Công Tôn Ni Tử 公孫尼子 cũng bàn luận về tính tình, có chỗ giống và có chỗ khác với thuyết của Thế Thạc.»[50]

Thuyết thứ nhất («bản tính con người có thể thiện, có thể ác») phải chăng là của Thế Thạc? Thuyết thứ hai («có tính thiện, có tính ác») cho rằng tính người hoặc là thiện, hoặc là ác, tức là cố định, không dời đổi. Phải chăng đó là thuyết của bọn Phục Tử Tiện?

Chú: Thực tế, thuyết thứ nhất cơ hồ không khác lắm với thuyết của Mạnh Tử, nhưng theo lô-gíc mà nói thì khác nhau, bởi vì Mạnh Tử nói cụ thể rằng cái phần trong nhân tính vốn giống với bản tính cầm thú (tức là *tiểu thể* 小體, cũng có thể là cái ác) thông thường bị gọi là nhân tính. Do đó nó không thể được xem là nhân tính thực sự.

5. Doãn Văn và Tống Khanh

Trang Tử chép: «Không luỵ vì thế tục, không làm dáng vì ngoại vật, không cẩu thả với người, không đố kỵ với người, mong cho thiên hạ thái bình, sinh sống yên lành, mình và người đủ ăn thì thôi; lấy quan niệm đó mà biểu lộ tâm chí; đạo thuật đời xưa cũng có quan niệm đó. Tống Khanh và Doãn Văn nghe phong khí đó thì thích, rồi làm loại mũ Hoa Sơn đội để tỏ ra khác người. Họ giao tiếp vạn vật thì trước tiên không thành kiến. Họ nói về sự bao dung của tâm và gọi nó là hành động của tâm. Họ tìm kiếm sự điều hoà niềm vui để điều hoà thiên hạ. Họ mong thiết lập những điều ấy thành chủ trương của họ. "Bị khinh, chẳng nhục" là lời họ dùng để ngăn người ta đánh nhau. "Cấm chinh phạt, cấm dùng binh" là lời họ dùng để cứu đời khỏi bị chiến tranh. Họ đi khắp thiên hạ, phổ biến thuyết đó từ vua đến thứ dân. Tuy thiên hạ không

---

[50] **Vương Sung, *Luận Hành* (Bản Tính 本性): «Chu nhân Thế Thạc dĩ vi nhân tính hữu thiện hữu ác. Cử nhân chi thiện tính dưỡng nhi trí chi tắc thiện; ác tính dưỡng nhi trí chi tắc ác trưởng. [...] Cố Thế Tử tác *Dưỡng Thư* nhất thiên. Phục Tử Tiện, Tất Điêu Khai, Công Tôn Ni Tử chi đồ diệc luận tính tình, dữ Thế Tử tương xuất nhập.»** 周人世碩以爲人性有善有惡. 舉人之善性養而致之則善; 舉性養而致之則惡長 [...] 故世子作養書一篇. 宓子賤, 漆雕開, 公孫尼子之徒, 亦論性情, 與世子相出入.

theo, họ vẫn gắng sức không bỏ cuộc. Cho nên nói rằng: "Người trên kẻ dưới đều ngán, không muốn tiếp họ; nhưng họ cứ cố xin gặp mặt." Tuy nhiên, họ lo cho người nhiều quá và lo cho mình ít quá. Họ nói: "Xin cho chúng tôi năm thăng cơm là đủ rồi." Như thế e rằng hai thầy Doãn và Tống không đủ no. Nhưng dù học trò đói, họ cũng chẳng quên vấn đề của thiên hạ; ngày đêm không ngơi nghỉ, nói: "Chúng ta cần phải sống!" Ôi đáng quý thay những kẻ sĩ mưu tính cứu đời nay! Họ nói: "Bậc quân tử không hà khắc với người khác. Không để thân lụy vì ngoại vật." Họ cho rằng cái gì vô ích cho đời thì chớ tìm hiểu làm chi; bỏ nó đi thì tốt hơn. Bề ngoài, họ cấm chinh phạt và cấm dùng binh; bề trong, họ tiết chế tình cảm và ham muốn. Học thuyết của họ bao quát những điều lớn nhỏ, tinh thô. Họ thực hành đến khi nào đạt được những điều đó mới thôi.»[51]

Mạnh Tử nói: «Tống Khanh sắp sang Sở. Mạnh Tử gặp Tống Khanh ở Thạch Khâu, bèn hỏi: "Tiên sinh sắp đi đâu?" Tống Khanh nói: "Ta nghe Sở và Tần dấy binh. Ta sang thuyết vua Sở bãi binh, nhưng vua Sở không nghe. Ta sẽ sang thuyết vua Tần bãi binh, trong hai ông vua tất có một ông hợp ý." Mạnh Tử hỏi: "Kha này không dám hỏi chi tiết, xin cho biết đại ý muốn thuyết vua Tần và vua Sở thế nào?" Trả lời: "Bảo rằng

---

[51] *Trang Tử* (Thiên Hạ): «Bất luỵ ư tục, bất sức ư vật, bất cẩu ư nhân, bất kỷ ư chúng, nguyện thiên hạ chi an ninh dĩ hoạt dân mệnh, nhân ngã chi dưỡng, tất túc nhi chỉ, dĩ thử bạch tâm. Cố chi đạo thuật hữu tại ư thị giả, Tống Khanh, Doãn Văn văn kỳ phong nhi duyệt chi. Tác vi Hoa Sơn chi quan dĩ tự biểu, tiếp vạn vật dĩ biệt hữu vi thuỷ. Ngữ tâm chi dung, mệnh chi viết "Tâm chi hành". Dĩ nhi hợp hoan, dĩ điều hải nội. Thỉnh dục trí chi dĩ vi chủ. Kiến vũ bất nhục, cứu dân chi dấu, cấm công tẩm binh, cứu thế chi chiến. Dĩ thử chu hành thiên hạ, thượng thuyết hạ giáo. Tuy thiên hạ bất thủ, cưỡng quát nhi bất xả giả dã. Cố viết: "Thượng hạ kiến yếm nhi cưỡng kiến dã. Tuy nhiên, kỳ vi nhân thái đa, kỳ tự vi thái thiểu, viết: "Thỉnh dục cố trí ngũ thăng chi phạn túc hĩ." Tiên sinh khẳng bất đắc bão, đệ tử tuy cơ, bất vong thiên hạ, nhật đạ bất hưu. Viết: "Ngã tất đắc hoạt tai!" Đổ ngao hồ cứu thế chi sĩ tai! Viết: "Quân tử bất vi hà sát, bất dĩ thân giả vật." Dĩ vi vô ích ư thiên hạ giả, minh chi bất như dĩ dã. Dĩ cấm công tẩm binh vi ngoại, dĩ tình dục quả thiển vi nội. Kỳ tiểu đại tinh thô, kỳ hành thích chi thị nhi chỉ.» 不累於俗，不飾於物，不苟於人，不忮於衆，願天下之安寧以活民命，人我之養，畢足而止，以此白心。古之道術有在於是者，宋鈃尹文聞其風而悅之。作爲華山之冠以自表，接萬物以別有爲始。語心之容，命之曰心之行。以聏合驩，以調海內。請欲置之以爲主。見侮不辱，救民之斗，禁攻寢兵救世之戰。以此周行天下，上說下教。雖天下不取，強聒而不舍者也。故曰：上下見厭而強見也。雖然其爲人太多，其自爲太少，曰：請欲固置五升之飯足矣。先生恐不得飽，弟子雖飢，不亡天下，日夜不休。曰：我必得活哉。圖傲乎救世之士哉。曰：君子不爲苟察，不以身假物。以爲無益於天下者，明之不如已也。以禁攻寢兵爲外，以情欲寡淺爲內。其小大精粗，其行適至是而止。

làm thế là không có lợi."»[52]

Trang Tử nói: «Có người mà tài trí của họ đủ để giữ một chức quan; có người mà hành vi của họ sẽ bảo đảm sự hợp nhất của một làng; có người mà đức của họ thích hợp để làm vua; có người mà tài cán của họ được cả nước tin cậy. Sự tự đắc của họ giống như thái độ ấy [của con chim cút trong đầm lầy]. Nhưng Tống Vinh Tử cười chê họ. Dù cả thiên hạ khen ông, ông cũng không lừng; dù cả thiên hạ chê ông, ông cũng không nản. Bởi vì ông biết phân biệt ngoài và trong, vinh và nhục. Đó là cái hay nhất của ông. Trên đời, người như thế thật hiếm, tuy nhiên còn có những thứ mà ông ta chưa thiết lập được.»[53]

Tuân Tử chép các đoạn sau:

– «Tống Tử chỉ thấy cái ít mà không thấy cái nhiều.»[54]

– «Tống Tử nói: Nói rõ việc bị xúc phạm mà không cảm thấy nhục để dân khỏi đánh nhau. Mọi người đều xem việc bị xúc phạm là nhục nên mới đánh nhau. Nếu bị xúc phạm mà không cảm thấy nhục thì sẽ không đánh nhau.»[55]

– «Tử Tống Tử nói: "Tình dục con người thì ít nhưng họ đều cho

---

[52] ***Mạnh Tử*** **(Cáo Tử - hạ): «Tống Khanh tương chi Sở, Mạnh Tử ngộ ư Thạch Khẩu. Viết: "Tiên sinh tương hà chỉ?" Viết: "Ngô văn Tần Sở cấu binh, ngã tương kiến Sở vương thuyết nhi bãi chi. Sở vương bất duyệt, ngã tương kiến Tần vương thuyết nhi bãi chi, nhị vương ngã tương hữu sở ngộ yên." Viết: "Kha dã thỉnh vô vấn kỳ tường, nguyện văn kỳ chỉ. Thuyết chi tương hà như?" Viết: "Ngã tương ngôn kỳ bất lợi dã."»** 宋牼將之楚，孟子遇於石丘曰：先生將何之？曰：吾聞秦楚構兵，我將見楚王說而罷之。楚王不悅，我將見秦王說而罷之，二王我將有所遇焉。曰：軻也請無問其詳，願聞其指。說之將何如？曰：我將言其不利也。

[53] ***Trang Tử*** **(Tiêu Dao Du): «Cố phù tri hiệu nhất quan, hành tỷ nhất hương, đức hợp nhất quân, nhi trưng nhất quốc giả, kỳ tự thị dã, diệc nhược thử hĩ. Nhi Tống Vinh Tử do nhiên tiếu chi. Thả cử thế nhi dự chi nhi bất gia khuyến, cử thế nhi phi chi nhi bất gia trở, định hồ nội ngoại chi phân, biện hồ vinh nhục chi cảnh, tư đĩ hĩ. Bỉ kỳ vụ thế, vị sổ sổ nhiên dã. Tuy nhiên, do hữu vị thụ dã.»** 故夫知效一官，行比一鄉，德合一君，而徵一國者，其自視也，亦若此矣。而宋榮子猶然笑之。且舉世譽之而不加勸，舉世而非之而不加沮，定乎內外之分，辯乎榮辱之境，斯已矣。彼其于世，未數數然也。雖然，猶有未樹也。

[54] ***Tuân Tử***, Thiên Luận 天論: **«Tống Tử hữu kiến ư thiểu, vô kiến ư đa.»** 宋子有見於少，無見於多。

[55] ***Tuân Tử*** **(Chính Luận 正論): «Tử Tống Tử viết: Minh kiến vũ chi bất nhục, sử nhân bất đấu. Nhân giai dĩ kiến vũ vi nhục, cố đấu dã. Tri kiến vũ chi vi bất nhục, tắc vô đấu dã.»** 子宋子曰：明見侮之不辱，使人不斗。人皆以見侮爲辱，故斗也。知見侮之爲不辱，則無斗也。

rằng tình dục của họ nhiều, thế là lầm lỗi vậy." Cho nên ông dạy môn đệ phải phân tích và biện bác làm rõ các thí dụ, để mọi người hiểu rằng tình dục của họ ít.»[56]

«Tống Tử bị vấn đề 'ham muốn' che lấp nên không thấy cái được.»[57]

Hàn Phi Tử chép: «Tất Điêu chủ trương rằng người ta không nên để sắc diện mình thay đổi vì sợ hãi, cũng không nên để mất mình lộ vẻ nhớn nhác. Nếu ta hành động sai thì thậm chí gặp kẻ nô lệ ta cũng phải tránh; nếu ta hành động đúng thì đối với bậc chư hầu ta cũng dám nổi giận. Các vua trên đời xem Tất Điêu là người liêm khiết nên kính trọng ông ta. Còn Tống Vinh Tử chủ trương rằng không nên đấu tranh, chớ gây thù địch, dù ở tù cũng không xấu hổ, dù bị xúc phạm cũng không xem là nhục. Các vua trên đời xem Tống Vinh Tử là người khoan thứ nên kính trọng ông ta. Nếu cho cái liêm khiết của Tất Điêu là đúng, ắt sẽ xem cái khoan thứ của Tống Vinh Tử là sai. Nếu cho cái khoan thứ của Tống Vinh Tử là đúng, ắt sẽ xem cái mạnh bạo của Tất Điêu là sai.»[58]

Lưu Hướng nói: «[Doãn Văn Tử] và Tống Kiên đều sang Tắc Hạ.»[59] Tống Kiên (Hình) 宋鈃, Tống Khanh 宋牼, Tống Vinh 宋榮 cùng là một người. Hiện nay, về Doãn Văn và Tống Khanh chúng ta chỉ biết có bấy nhiêu thôi.

Tuân Tử (thiên Phi thập nhị tử) cho rằng Tống Khanh và Mặc Địch thuộc cùng một phái, có lẽ vì Tống Khanh chủ trương «cấm chinh phạt,

---

[56] ***Tuân Tử*** **(Chính Luận 正論): «Tử Tống Tử viết: "Nhân chi tình dục quả nhi giai dĩ kỷ chi tình dục vi đa, thị quá dã." Cố suất kỳ quần đồ, biện kỳ đàm thuyết, minh kỳ thí xướng, tương sử nhân tri tình dục chi quả dã.»** 子宋子曰：人之情欲寡而皆以己之情欲爲多，是過也．故率其群徒，辨其談說，明其譬稱，將使人知情欲之寡也．

[57] ***Tuân Tử*** **(Giải Tế 解蔽): «Tống Tử tế ư dục nhi bất tri đắc.»** 宋子蔽於欲而不知得．

[58] ***Hàn Phi Tử*** **(Hiển Học 顯學): «Tất Điêu chi nghị, bất sắc não, bất mục đào, hành khúc tắc vi ư tang hoạch, hành trực tắc nộ ư chư hầu, thế chủ dĩ vi liêm nhi lễ chi. Tống Vinh Tử chi nghị, thiết bất đấu tranh, thủ bất tuỳ cữu, bất tu lĩnh ngữ, kiến vũ bất nhục, thế chủ dĩ vi khoan nhi lễ chi. Phù thị Tất Điêu chi liêm, tương phi Tống Vinh chi thứ dã; thị Tống Vinh chi khoan, tương phi Tất Điêu chi bạo dã.»** 漆雕之議，不色撓，不目逃，行曲則違於臧獲，行直則怒於諸侯，世主以爲廉而禮之．宋榮子之議，設不鬥爭，取不隨仇，不羞囹圄，見侮不辱，世主以爲寬而禮之．夫是漆雕之廉，將非宋榮之恕也；是宋榮之寬，將非漆雕之暴也．

[59] ***Hán Thư Nghệ Văn Chí*** **(Doãn Văn Tử): «[Doãn Văn Tử] dữ Tống Kiên câu du Tắc Hạ.»** [尹文子]與宋鈃俱遊稷下．– LAM chú: ***Khang Hi*** **phiên thiết chữ 鈃 là *hình*** **(hồ kinh thiết âm hình 乎經切音形) và *kiên*** **(kinh thiên thiết âm kiên 經天切音堅).**

cấm dùng binh», «làm cho người nhiều, làm cho mình ít». Lý thuyết và thực hành của Tống Khanh đều có chỗ tương đồng với Mặc học. Trang Tử nói: «Bề ngoài, họ cấm chinh phạt và cấm dùng binh; bề trong, họ tiết chế tình cảm và ham muốn.» «Cấm chinh phạt, cấm dùng binh» là một phương diện trong học thuyết của Doãn Văn và Tống Khanh. «Tiết chế tình cảm và ham muốn» là phương diện mà Mặc học chưa nói tới; có lẽ nó chịu ảnh hưởng của Dương Chu. Do đó ta có thể nói rằng học thuyết của Doãn Văn và Tống Khanh gồm có cả Dương học và Mặc học [60] và lại lấy tâm lý học làm cơ sở.[61]

Theo thiên Thiên Hạ của *Trang Tử Nam Hoa Kinh* và các trích dẫn trên đây, học thuyết của Doãn Văn và Tống Khanh có 6 điểm quan trọng:

1- Giao tiếp với vạn vật, trước tiên phải phân biệt các thành kiến.

2- Khi nói về sự bao dung của tâm, họ gọi nó là hành động của tâm.

3- Tình dục con người thì ít.

4- Bị khinh không xem là nhục, để cứu dân khỏi đánh nhau.

5- Cấm chinh phạt và cấm dụng binh, để cứu đời khỏi chiến tranh.

6- Mong cho thiên hạ thái bình, sinh sống yên lành, mình và người đủ ăn thì thôi.

Điểm thứ sáu là mục đích tối hậu của Doãn Văn và Tống Khanh. Họ đi khắp thiên hạ, phổ biến thuyết đó từ vua đến thứ dân. «Mong cho thiên hạ thái bình, sinh sống yên lành» tức là theo Mặc học. «Mình và người đủ ăn thì thôi» tức là theo Dương học. Thiên hạ sở dĩ không thái bình là vì dân đánh nhau và đời có chiến tranh. Muốn đời thôi chiến tranh thì phải cấm chinh phạt, cấm dụng binh. Đó hoàn toàn là chủ trương của Mặc gia. Doãn Văn và Tống Khanh kế thừa và thi hành nó. Theo *Mạnh Tử* chép, Tống Khanh sang Sở và Tần thuyết bãi binh với lý do là «chiến tranh không có lợi». Đó cũng là thuyết của Mặc gia.

Để tránh cho dân đánh nhau, Doãn Văn và Tống Khanh xướng lên thuyết «kiến vũ bất nhục» 見侮不辱(bị khinh, chẳng nhục). Đó là tiêu ngữ trọng yếu của phái Doãn Văn và Tống Khanh, cho nên *Trang Tử, Hàn Phi Tử, Tuân Tử, Lã Thị Xuân Thu* đều nhắc tới bốn chữ này. *Tuân Tử*

---

[60] **Điểm này là do Cố Hiệt Cương nói. [Xem: *Sử Học Niên Báo* 史學年報, kỳ 4, bài: *Tòng Lã Thị Xuân Thu suy trắc Lão Tử thành thư niên đại* 從呂氏春秋推測老子成書年代 (từ Lã Thị Xuân Thu mà suy ra thời gian hình thành tác phẩm Lão Tử)]**

[61] **Điểm này là do Tiền Mục nói trong quyển *Mặc Tử* của ông; tuy nhiên ông nói rằng chỉ có Tống Khanh (chứ không có Doãn Văn) đã thêm cơ sở tâm lý học cho Mặc học.**

(thiên Chính Luận) có bài bác thuyết «kiến vũ bất nhục» để người ta khỏi đánh nhau. Tuân Tử cho rằng khi bị xúc phạm thì người ta đánh nhau, bởi vì họ ghét bị xúc phạm chứ không phải vì xem bị xúc phạm là nhục. Do đó, dù tin rằng bị xúc phạm không phải là nhục, nhưng bởi không thích bị xúc phạm nên họ cứ đánh nhau. Lời bài bác này thật mạnh mẽ, nhưng thuyết «bị khinh, chẳng nhục» của Tống Tử không phải là không có lý do, bởi vì «ghét» chỉ là sự không thích của một cá nhân, mà «nhục» thì liên quan vấn đề gọi là «thể diện». Nhiều người đánh nhau thực tế chẳng phải vì không vui mà vì muốn bảo vệ thể diện. Do đó, sự tuyên truyền «bị khinh, chẳng nhục» nói chung cũng là nhằm giúp dân khỏi đánh nhau. Hơn nữa, ý nghĩa «sự khoan dung của tâm» (tâm chi dung 心之容) mà Doãn Văn và Tống Khanh đã nói cũng có thể trả lời cho sự bài bác của Tuân Tử trên đây.

Doãn Văn và Tống Khanh nói «sự bao dung của tâm là hành động của tâm». Tuân Tử nói Tống Khanh xem «nhịn nhục và bao dung vốn có ở bản thân ta» (truất dung vi kỷ 詘容爲己). Chữ «dung» (mà Tống Khanh dùng trong «tâm chi dung» 心之容) có nghĩa là «truất dung» 詘容 (nhịn nhục và bao dung). Doãn Văn và Tống Khanh cho rằng tranh cường và hiếu thắng không phải là xu hướng tự nhiên của nhân tâm. Nhịn nhục và bao dung thì mới là xu hướng tự nhiên; cho nên nói «sự bao dung của tâm là hành động của tâm». «Hành động của tâm» (tâm chi hành 心之行) tức là xu hướng tự nhiên của nhân tâm. Hàn Phi Tử nói «sự tha thứ của Tống Vinh» (Tống Vinh chi thứ 宋榮之恕) và «sự khoan dung của Tống Vinh» (Tống Vinh chi khoan 宋榮之寬) tức là ám chỉ điều ấy.[62] Nếu biết vậy, người ta sẽ không ghét bị làm nhục, rồi người ta sẽ không đánh nhau nữa, các nước sẽ không có chiến tranh nữa. Ở đây Doãn Văn và Tống Khanh đã cung cấp một cơ sở tâm lý cho phương diện này của Mặc học.

Tuân Tử (thiên Chính Luận) nói «tình dục vi đa» 情欲爲多 (tình cảm và ham muốn thì nhiều) và «tình dục chi quả» 情欲之寡 (sự ít ỏi của tình cảm và ham muốn), nhưng theo đoạn văn ở sau thì nên nói là «tình vi dục đa» 情爲欲多 (tình muốn được nhiều) và «tình chi dục quả» 情之欲寡 (tình muốn được ít). Chữ «dục» ở đây là động từ. «Tình dục quả thiển» 情欲寡淺 (tình cảm muốn được ít ỏi, nông cạn) ý nói bản tính người ta là muốn ít chứ không muốn nhiều. Tuy con người mắt thích sắc, tai thích âm thanh, miệng thích vị, nhưng một người trong một lúc chỉ có thể hưởng dụng một lượng rất hữu hạn. Trang Tử nói: «Chim

[62] Điểm này là do Tiền Mục nói trong quyển *Mặc Tử* của ông.

tiêu liêu làm tổ trong rừng sâu cũng chỉ trên một cành cây; con yển thử uống nước sông cũng chỉ đầy một bụng».[63] Hơn nữa, «năm màu khiến người mù mắt, năm giọng khiến người điếc tai, năm mùi khiến người tê lưỡi».[64] Hưởng quá nhiều càng thêm vô ích, trái lại còn có hại nữa. Nếu ai cũng biết cái lý đó thì ắt họ không muốn có nhiều.

Doãn Văn và Tống Khanh nói lòng người vốn muốn ít thì không hợp sự thật, nhưng bản ý của họ là muốn mọi người hễ hưởng dụng vừa đủ thì thôi, không cầu dư thừa, tức là «mình và người đủ ăn thì thôi». Dương học dạy người ta tiết dục, tức là nói lòng người vốn muốn ít. Nếu ai cũng biết thế thì họ tự có thể tiết dục. Điểm này, Doãn Văn và Tống Khanh đã cung cấp cơ sở tâm lý cho Dương học.

«Giao tiếp với vạn vật, trước tiên phải phân biệt (và khử bỏ) các thành kiến.» Về việc khử bỏ các thành kiến, *Lã Thị Xuân Thu* chép: «Có người có cây ngô đồng chết khô. Cha người hàng xóm của người đó nói cây khô ấy không tốt. Người ấy bèn đốn đi. Cha người hàng xóm xin cây bị đốn về làm củi. Người ấy không vui, nói: "Hàng xóm mà nham hiểm như vậy, sao gọi là hàng xóm cho được?" Ở đây có sự thành kiến che lấp rồi. Dù có xin cây làm củi hay không thì không thể lấy thế mà chê cây ngô đồng chết khô ấy tốt hay không tốt. Có người nọ của nước Tề muốn được vàng, sáng sớm đội mũ mặc áo vào tiệm vàng. Thấy người ta đang rèn vàng bèn cướp lấy mà chạy. Người ta bắt hắn lại, tra hỏi: "Ai cũng có mặt ở đó, sao dám cướp vàng?" Đáp: "Khi tới tôi chỉ thấy vàng, không thấy người." Ở đây có sự thành kiến che lấp ghê gớm lắm rồi. Người bị thành kiến che lấp thì lấy ngày làm đêm, lấy trắng làm đen, lấy Nghiêu làm Kiệt, thành kiến tai hại lắm vậy. Phải chăng vua của nước bị mất đều bị thành kiến che lấp nhiều lắm? Cho nên người ta trước hết phải phân biệt các thành kiến mới có thể hiểu biết đúng, và giữ vẹn được cái thiên phú.»[65]

---

[63] *Trang Tử* (Tiêu Dao Du): «Tiêu liêu sào ư thâm lâm bất quá nhất chi, yển thử ẩm hà bất quá mãn phúc.» 鷦鷯巢於深林不過一枝;偃鼠飲河不過滿腹.– LAM chú: Chim *tiêu liêu* là loại chim rất nhỏ hót rất hay, tên khoa học là *Napothera*, tiếng Anh là *wren* (hồng tước). Yển thử là chuột chũi, tiếng Anh là *mole*. Từ điển *Mathews* dịch *tiêu liêu* (= xảo phụ điểu 巧婦鳥) là *tailor bird* và *yển thử* là *tapir*.

[64] *Đạo Đức Kinh* (chương 12): «Ngũ sắc lịnh nhân mục manh, ngũ âm lịnh nhân nhĩ lung, ngũ vị lịnh nhân khẩu sảng.» 五色令人目盲,五音令人耳聾,五味令人口爽.

[65] *Lã Thị Xuân Thu* (Khứ Hựu): «Lân phụ hữu dữ nhân lân giả, hữu khô ngô thụ. Kỳ lân chi phụ ngôn ngô thụ chi bất thiện dã, lân nhân cự phạt chi. Lân phụ nhân thỉnh nhi dĩ vi tân. Kỳ nhân bất duyệt viết: "Lân giả nhược thử kỳ hiểm dã, khởi khả vi chi lân tai?" Thử hữu sở hựu dã. Phù thỉnh dĩ vi tân dữ phất thỉnh, thử bất khả dĩ nghi khô ngô thụ chi thiện dữ bất thiện dã. Tề

«Ở đây có sự thành kiến che lấp rồi» (Thử hữu sở hựu dã 此有所宥也). Tất Nguyên 畢沅 nghi chữ *hựu* 宥 dùng thông với chữ *hữu* 囿; ý nói người ta khi bị câu thúc và ngăn trở thì kiến thức không rộng. Xem đoạn văn ở dưới thì thấy ý nghĩa của chữ *hữu* 囿 giống như *tế* 蔽 (che lấp).[66] Nó cùng nghĩa với cách nói «câu ư hư» 拘於虛 (bị hạn chế bởi khoảng không), «đốc ư thời» 篤於時 (bị hạn chế bởi thời gian), và «thúc ư giáo» 束於教 (bị ràng buộc bởi lễ giáo) trong thiên Thu Thuỷ của sách *Trang Tử*.[67]

«Người ta trước hết phải khử bỏ thành kiến mới có thể hiểu biết đúng» ý nói người ta phải biết thấu suốt [và từ bỏ] những thành kiến của mình. Những thành kiến đó được tạo thành bởi môi trường địa lý, thời đại, chính trị, giáo dục, phong tục, và bởi những nguyên nhân khác. Có từ bỏ thành kiến, ta mới hiểu biết được chân tướng của sự vật. Doãn Văn và Tống Khanh cho rằng việc người ta xem bị xúc phạm là nhục và tình cảm muốn nhiều đều là do phong tục tập quán tạo nên, chứ không phải bản tính con người vốn thế. Họ sở dĩ như thế chỉ vì bị thành kiến che lấp. Nếu họ có thể phân biệt sự che lấp của thành kiến, thì họ sẽ không cho bị khinh là nhục; và tình cảm vốn không muốn có nhiều. Hễ mọi người đều

nhân hữu dục đắc kim giả, thanh đán, bị y quan, văng dục kim giả chi sở, kiến nhân thao kim, quặc nhi đoạt chi. Lại bác nhi thúc phọc chi, vấn viết: "Nhân giai tại yên, tử quặc nhân chi kim, hà cố?" Đối lại viết: "Thù bất kiến nhân, đồ kiến kim nhĩ." Thử chân đại hữu sở hựu dã. Phù nhân hữu sở hựu giả, cố dĩ trú vi hôn, dĩ bạch vi hắc, dĩ Nghiêu vi Kiệt, hựu chi vi bại diệc đại hĩ. Vong quốc chi chủ, kỳ giai thậm hữu sở hựu da? Cố phàm nhân tất biệt hựu nhiên hậu tri, biệt hựu tắc năng toàn kỳ thiên hĩ.» 鄰父有與人鄰者，有枯梧樹．其鄰之父言梧樹之不善也，鄰人遽伐之．鄰父因請而以爲薪．其人不說曰："鄰者若此其險也．豈可爲之鄰哉？"此有所宥也．夫請以爲薪與弗請，此不可以疑枯梧樹之善與不善也．齊人有欲得金者，清旦，被衣冠，往鬻金者之所，見人操金，攫而奪之．吏搏而束縛之，問曰："人皆在焉，子攫人之金，何故？"對吏曰："殊不見人，徒見金耳．"此眞大所宥也．夫人有所宥者，固以晝爲昏，以白爲黑，以堯爲桀，宥之爲敗亦大矣亡國之主，其皆甚有所宥邪？故凡人必別宥然後知，別宥則能全其天矣．

66 **LAM chú: Chữ *hựu* 宥 nguyên nghĩa là «khoan dung, khoan thứ», ở đây dùng thông với chữ *hữu* 囿 nghĩa là «câu nệ, bị hạn chế, bị ràng buộc». Xem: *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển*, Thương Vụ Ấn Thư Quán, Bắc Kinh, 2000, tr.1908.**

67 **LAM chú: Ba cụm từ này xuất hiện trong câu: «Bắc Hải nhược viết: "Tỉnh oa bất khả dĩ ngữ ư hải giả, *câu ư hư* dã; hạ trùng bất khả dĩ ngữ ư băng giả, *đốc ư thời* dã; khúc sĩ bất khả dĩ ngữ ư đạo giả, *thúc ư giáo* dã."»** 北海若曰：井蛙不可以語於海者，拘於虛也；夏虫不可以語於冰者，篤於時也；曲士不可以語於道者，束於教也．= **«Thần Bắc Hải nói: "Không thể nói với ếch ở giếng về biển vì [kiến thức của] nó bị hạn chế trong khoảng trống [nhỏ bé ở giếng]. Không thể nói với côn trùng mùa hè về băng, vì [quãng đời] nó bị hạn chế trong thời gian [mùa hè]. Không thể nói với kẻ sĩ hủ lậu về đạo, vì họ bị trói buộc trong lễ giáo.» [*Trang Tử*, Thu Thuỷ].**

biết thế, thì tự thân họ sẽ không cạnh tranh chiến đấu, thiên hạ sẽ thái bình, dân có thể sinh sống yên lành, mình và người cũng có thể đủ ăn thì thôi. Đó là nhờ «giao tiếp với vạn vật, trước tiên phải phân biệt (và khử bỏ) các thành kiến.»[68]

6. Điền Biền, Bành Mông, và Thận Đáo

Sách Trang Tử chép: «Công chính nhưng không đảng phái, giản dị nhưng không tư lợi, quyết đoán nhưng không chủ kiến, tuỳ theo ngoại vật nhưng không phân biệt ta với người, không tư lự, không mưu trí, không chọn lựa sự vật, mà thuận theo tự nhiên cùng với chúng. Đạo thuật cổ nhân có chủ trương ấy. Bành Mông, Điền Biền, và Thận Đáo nghe thuyết này thì thích chí. Họ xem vạn vật như nhau, nên nói: "Trời che muôn vật nhưng không chở chúng; đất chở muôn vật nhưng không che chúng. Đại đạo bao trùm muôn vật nhưng không biện biệt chúng." Họ biết muôn vật có chỗ khả thi và có chỗ bất khả thi. Cho nên nói: "Hễ chọn lựa thì không dùng hết, hễ dạy thì có chỗ không đạt, hễ theo Đạo thì không bỏ sót cái gì hết." Vì thế Thận Đáo bỏ tri thức, bỏ bản thân, thuận theo điều không thể tránh, lãnh đạm với ngoại vật, xem đó là đạo lý. Ông nói tri thức không phải để biết. Ông là người khinh miệt tri thức và còn muốn làm hại nó.[69] Tự cho không phù hợp nên ông không lãnh trách nhiệm gì, lại còn cười thiên hạ tôn trọng người hiền. Ông phóng túng, không làm gì cả, nhưng chê bai bậc đại thánh trong thiên hạ. Ông đập bỏ những góc cạnh và chặt đứt các ràng buộc, uyển chuyển theo sự vật, dứt bỏ thị và phi, để tránh các phiền phức. Ông không để tri thức và tư tưởng dẫn dắt mình, ông không màng quá khứ và tương lai, cứ trơ trơ lãnh đạm như thế mà thôi. Đẩy thì ông mới đi, lôi thì ông mới tới, Ông như sự trở ngược của cơn gió, như sự xoay tròn của chiếc lông vũ, như sự xoay vòng của cối xay. Ông ta hoàn bị mà không sái quấy; dù động hay tĩnh cũng không lầm lỗi; chưa hề có tội. Tại sao như thế? Bởi vì vật vô tri sẽ không gây tai hoạ cho chính nó, không bị hệ luỵ do tri thức, động hay tĩnh đều không rời lý, cho nên trọn đời không được khen ngợi. Vì thế ông nói: "Cứ hãy như loài vô tri; không dùng hiền thánh. Cục đất (tức vật vô tri) không

---

[68] Đây là ý kiến của Đường Việt 唐鉞. Xin đọc bài viết *«Doãn Văn cập Doãn Văn Tử»* 尹文及尹文子 (Doãn Văn và Doãn Văn Tử) của ông in trong *Thanh Hoa Học Báo*, kỳ 1, quyển 4. Về bản *Doãn Văn Tử* hiện hành là do hậu nhân giả mạo. Điểm này được nói rõ trong bài viết của Đường Việt.

[69] LAM chú: Tôi dịch theo Derk Bodde: *«He said: 'Knowledge is not to know.' He was one who despised knowledge and would destroy it.»*

mất Đạo." Bọn hào kiệt đương thời chê Thận Đáo rằng: "Đạo của Thận Đáo không thi hành cho người sống được, mà nó là lý lẽ cho kẻ chết. Nó chỉ làm cho người ta kinh ngạc thôi." Điền Biền cũng vậy, học nơi Bành Mông và đạt được thuật *không dạy [bằng lời]*. Thầy của Bành Mông nói: "Đạo nhân ngày xưa đạt tới chỗ mà không ai cho rằng đúng và không ai cho rằng sai là được rồi. Thuyết của họ như một trận gió, làm sao mà giảng được." Thuyết của họ trái với quan điểm thông thường của thiên hạ nên chẳng ai quan tâm. Họ không tránh khỏi bị xem là đập bỏ những góc cạnh và chặt đứt các ràng buộc, uyển chuyển theo sự vật. Cái mà họ gọi là Đạo thì không phải là Đạo. Cái mà họ cho là đúng thì không tránh khỏi bị xem là sai. Bành Mông, Điền Biền, Thận Đáo không biết Đạo, tuy nhiên họ cũng nghe đại khái về nó.»[70]

---

[70] ***Trang Tử* (Thiên Hạ): «Công nhi bất đảng, dị nhi vô tư, quyết nhiên vô chủ, thú vật nhi bất lưỡng, bất cố vu lự, bất mưu vu tri, vu vật vô trạch, dữ chi câu vãng. Cổ chi đạo thuật hữu tại vu thị giả, Bành Mông, Điền Biền, Thận Đáo văn kỳ phong nhi duyệt chi. Tề vạn vật dĩ vi thủ, viết: "Thiên năng phúc chi nhi bất năng tải chi, địa năng tải chi nhi bất năng phúc chi, đại đạo năng bao chi nhi bất năng biện chi." Tri vạn vật giai hữu sở khả, hữu sở bất khả. Cố viết: "Tuyển tắc bất biến, giáo tắc bất chí, đạo tắc vô di giả hĩ." Thị cố Thận Đáo khí tri khử kỷ, nhi duyên bất đắc dĩ. Linh thải vu vật, dĩ vi đạo lý. Viết: "Tri bất tri, tương bạc tri nhi hậu lân thương chi giả dã." Hề khoả vô nhiệm, nhi tiểu thiên hạ chi thượng hiền dã; túng thoát vô hành, nhi phi thiên hạ chi đại thánh; thôi phách ngoạn đoạn, dữ vật uyển chuyển; xả thị dữ phi, cẩu khả dĩ miễn. Bất sư tri lự, bất tri tiền hậu, ngụy nhiên nhi dĩ hĩ. Thôi nhi hậu hành, duệ nhi hậu vãng. Nhược phiêu phong chi hoàn, nhược vũ chi tuyền, nhược ma thạch chi toại, toàn nhi vô phi, động tĩnh vô quá, vị thường hữu tội. Thị hà cố? Phù vô tri chi vật, vô kiến kỷ chi hoạn, vô dụng tri chi lụy, động tĩnh bất ly vu lý, thị dĩ chung thân vô dự. Cố viết: "Chí vu nhược vô tri chi vật nhi dĩ, vô dụng hiền thánh. Phù khối bất thất đạo." Hào kiệt tương dữ tiếu chi viết: "Thận Đáo chi đạo, phi sinh nhân chi hành, nhi chí tử nhân chi lý. Thích đắc quái yên." Điền Biền diệc nhiên, học vu Bành Mông, đắc bất giáo yên. Bành Mông chi sư viết: "Cổ chi đạo nhân, chí vu mạc chi thị, mạc chi phi nhi dĩ hĩ. Kỳ phong vực nhiên, ố khả nhi ngôn." Thường phản nhân, bất kiến quan, nhi bất miễn vu ngoạn đoán. Kỳ sở vị đạo phi đạo, nhi sở ngôn chi vị bất miễn vu phi. Bành Mông, Điền Biền, Thận Đáo bất tri đạo. Tuy nhiên, khái hồ giai thường hữu văn giả dã.»** 公而不黨，易而無私，決然無主，趣物而不兩，不顧于慮不謀于知，于物無擇，與之俱往。古之道術有在于是也，彭蒙，田駢，愼到聞其風而說之。齊萬物以爲首，曰："天能覆之而不能載之，地能載之而不能覆之，大道能包之而不能辯之。"知萬物皆有所可有所不可。故曰："選則不遍，教則不至，道則不遺者矣。"是故愼到棄知去己，而緣不得已。泠汰于物，以爲道理。曰："知不知，將薄知而後鄰傷之者也。"謑髁無任而笑天下之尚賢也；縱脫無行，而非天下之大聖；推拍輓斷，與物宛轉；舍是與非，苟可以免。不師知慮，不知前後，魏然而已矣。推而後行，曳而後往。若飄風之還，若羽之旋，若磨石之隧，全而無非，動靜無過，未嘗有罪。是何故？夫無知之物，無建己之患，無用知之累，動靜不離于理，是以終身無譽。故曰："至于若無知之物而已，無用賢聖。夫塊不失道。"豪傑相與笑之曰："愼到之道，非生人之行，而至死人之理。"適得

Tuân Tử nói: «Có những kẻ trọng phép tắc mà lại không có phép tắc gì. Ở dưới tu sửa mà thích làm; ở trên thì nghe theo bậc bề trên; ở dưới thì tuân theo thói tục, trọn ngày nói thành lời lẽ như kinh điển, nhưng nếu tra xét lại thì lời lẽ họ lỏng lẻo, không có ý tưởng trọng tâm, không thể dùng để trị nước định phận. Tuy nhiên quan điểm của họ có nguyên do, lời nói của họ có lý lẽ, đủ để lừa đối và mị dân. Đó là bọn Thận Đáo và Điền Biền vậy.»[71]

Tuân Tử lại nói: «Thận Tử có cái thấy ở sau, không có cái thấy ở trước.»[72]

Lã Thị Xuân Thu chép: «Điền Biền lấy đạo thuật thuyết vua Tề. Vua nói: "Cái mà quả nhân có là nước Tề. Khó lấy Đạo thuật của ngài mà trừ bỏ lo âu được. Xin ngài nói cho nghe về chính trị nước Tề." Điền Biền nói: "Tuy lời tôi không nói tới chính trị nhưng qua đó có thể đạt được chính trị, cũng như rừng cây tuy không có gỗ làm sẵn, nhưng từ nó có thể có chế biến được gỗ. [...] Tôi chỉ nói lời nông cạn, nếu nói rộng thì há chỉ mỗi chính trị của nước Tề mà thôi đâu? Biến hoá ứng cầu mà đều có phép tắc. Noi theo tính và tuỳ theo vật thì chẳng gì mà không thích đáng. Bởi đó, Bành Tổ thọ, Tam Đại thịnh, Ngũ Đế sáng, Thần Nông lớn."»[73]

怪焉.田駢亦然,學于彭蒙,得不教焉.彭蒙之師曰: "古之道人,至于莫之是,莫之非而已矣.其風窢然,惡可而言." 常反人,不見觀,而不免于軼斷.其所謂道非道,而所言之韙不免于非.彭蒙,田駢,愼到不知道.雖然概乎皆嘗有聞者也.

71 ***Tuân Tử*** **(Phi thập nhị tử): «Thượng pháp nhi vô pháp, hạ tu nhi hiếu tác, thượng tắc thủ thính ư thượng, hạ tắc thủ tòng ư tục, chung nhật ngôn thành văn điển, tuần sát chi, tắc thích nhiên vô sở quy túc, bất khả dĩ kính quốc định phận. Nhiên nhi kỳ trì chi hữu cố, kỳ ngôn chi thành lý, túc dĩ khi hoặc ngu chúng, thị Thận Đáo, Điền Biền dã.»** 尚法而無法,下修而好作,上則取聽於上,下則取從於俗,終日言成文典,細察之,則倜然無所歸宿,不可以經國定分,然而其持之有故,其言之成理,足以欺惑愚衆,是愼到田駢也.

72 ***Tuân Tử*** **(Thiên Luận): «Thận Tử hữu kiến ư hậu, vô kiến ư tiền.»** 愼子有見於後,無見於先.

73 **Điền Biền dĩ đạo thuật thuyết Tề vương. Vương ứng chi viết: "Quả nhân sở hữu giả Tề quốc dã, nguyện văn Tề quốc chi chính." Điền Biền đối viết: "Thần chi ngôn, vô chính nhi khả dĩ đắc chính. Thí chi nhược lâm mộc, vô tài nhi khả dĩ đắc tài.... Biền do thiển ngôn chi dã, bác ngôn chi, khởi độc Tề quốc chi chính tai? Biến hoá ứng lai nhi giai hữu chương, nhân tính nhiệm vật nhi mạc bất nghi đương, Bành Tổ dĩ thọ, Tam Đại dĩ xương, Ngũ Đế dĩ chiêu, Thần Nông dĩ hồng."** 田駢以道術說齊王.王應之曰: "寡人所有者齊國也,願聞齊國之政." 田駢對曰: "臣之言,無政而可以得政.譬之若林木,無材而可以得材.[...] 駢淺言之也,博言之,豈獨齊國之政哉?變化應來而皆有章,因性任物而莫不宜當,彭祖以壽,三代以昌,五帝以昭,神農以鴻."

Một tác phẩm được viết về sau và gán tên Thận Đáo là *Thận Tử* nói: «Chim bay trên không, cá lội dưới vực sâu, không phải nhờ thuật, mà chỉ vì nó là chim là cá vậy. Chúng cũng không thể tự biết mình có khả năng bay và lội nữa. Giả sử chúng biết thế và rắp tâm làm thế, thì chim ắt rớt, cá ắt chìm. Cũng giống như ở con người: chân chạy, tay nắm, tai nghe, mắt thấy. Đang lúc chạy, nắm, nghe, thấy, thì thuận theo tự nhiên mà làm, đâu có đợi suy nghĩ rồi mới làm. Nếu đợi suy nghĩ rồi mới làm thì sẽ mệt. Hễ theo tự nhiên thì tồn tại lâu dài; hễ đạt được lẽ thường thì tốt.»[74]

Theo thiên Thiên Hạ trong sách *Trang Tử*, học thuyết của bọn Bành Mông có năm điểm quan trọng:

1- Trước tiên xem vạn vật như nhau (Tề vạn vật dĩ vi thủ 齊萬物以爲首).

2- Công chính nhưng không đảng phái, giản dị nhưng không tư lợi, quyết đoán nhưng không chủ kiến 公而不黨,易而無私,决然無主).

3- Bỏ tri thức, bỏ bản thân, thuận theo điều không thể tránh (Khí tri khử kỷ, nhi duyên bất đắc dĩ 棄知去己,而緣不得已).

4- Không dùng hiền thánh (Vô dụng hiền thánh 無用賢聖).

5- Cục đất không mất Đạo (Khối bất thất Đạo 塊不失道).

«Trước tiên xem vạn vật như nhau» tức là xem vạn vật như nhau là ý nghĩa thứ nhất trong học thuyết. Vì «vạn vật có chỗ khả thi và có chỗ bất khả thi» cho nên tuy vạn vật khác nhau, nhưng về phương diện đó mà nói thì chẳng vật gì là không bằng nhau. Về quan điểm Đại đạo mà nói, vạn vật bình đẳng, không có sự phân biệt sang hèn tốt xấu. Nên nói: «Đại đạo bao trùm muôn vật nhưng không biện biệt chúng.» Sự biện biệt như vậy nghĩa là tạo ra thêm vô số khu biệt cho sự vật. Nó dẫn đến việc chọn cái này bỏ cái kia, quan tâm cái này và lờ đi cái kia, được một đầu

---

[74] ***Thận Tử*** **(bản của Thủ Sơn các tùng thư): «Điểu phi ư không, ngư du ư uyên, phi thuật dã. Cố vi điểu vi ngư giả, diệc bất tự tri kỳ năng phi năng du. Cẩu tri chi, lập tâm dĩ vi chi, tắc tất truỵ tất nịch. Do nhân chi túc trì, thủ tróc, nhĩ thính, mục thị, đương kỳ trì tróc thính thị chi tế, ứng cơ tự chí, hựu bất dãi tư nhi thi chi dã. Cẩu tu tư chi nhi hậu khả thi chi, tắc bì hĩ. Thị dĩ nhiệm tự nhiên giả cửu, đắc kỳ thường giả tế.»** 鳥飛於空,魚游於淵,非術也.故爲鳥爲魚者,亦不自知其能飛能游.苟知之,立心以爲之,則必墜必溺.猶人之足馳,手捉,耳聽,目視,當其馳捉聽視之際,應機自至,又不待思而施之也.苟須思之而後可施之,則疲矣.是以任自然者久,得其常者濟.

mối mà mất đi toàn thể. Do đó mới nói «hễ chọn lựa thì không dùng hết, hễ dạy thì có chỗ không đạt». Bởi vì khi đã chọn cái gì thì có cái không chọn, khi đã dạy điều gì thì có điều không dạy. Diễn đạt ý này, Trang Tử nói: «Có thành có bại, nên Chiêu Văn chơi đàn; không thành không bại, nên Chiêu Văn không chơi đàn.»[75] Đại Đạo xem vạn vật bình đẳng như một, bao quát hết thảy mà không biện biệt chúng, cho nên nói: «Đạo không bỏ sót cái gì cả.»

Lấy lý lẽ này ứng dụng vào nhân sinh nghĩa là trong xử lý sự vật chúng ta phải thuận theo tự nhiên, phải «bỏ tri thức, bỏ bản thân, thuận theo điều không thể tránh». Bởi vì khi mọi sự vật đều bình đẳng như nhau, thì sẽ không có sự khu biệt quý tiện, tốt xấu nữa. Chúng ta đối với chúng đương nhiên sẽ không có sự lựa chọn gì hết. Đã không chọn lựa thì cùng đi với nó. Trang Tử nói: «Nếu tạo hoá muốn biến cánh tay trái tôi thành gà trống thì tôi nhân đó mà gáy sáng; nếu biến cánh tay phải tôi thành cây cung thì tôi nhân đó mà bắn con chim hào; nếu biến mông đít tôi thành bánh xe và tinh thần tôi thành ngựa thì tôi nhân đó mà đánh xe cưỡi ngựa.»[76] Đó là ý nghĩa: «Đã không chọn lựa thì cùng đi với nó»; tức là «công chính nhưng không đảng phái, giản dị nhưng không tư lợi, quyết đoán nhưng không chủ kiến»; tức là «noi theo tính và tuỳ theo vật thì chẳng gì mà không thích đáng»; cũng tức là «hễ theo tự nhiên thì tồn tại lâu dài» vậy.

Muốn đạt cảnh giới đó, ắt phải «bỏ tri thức, bỏ bản thân, thuận theo điều không thể tránh». Bởi vì tri thức nhằm phân biệt sự vật, bỏ tri thức đi thì không phân biệt sự vật nữa, và không chọn lựa sự vật nữa. Một khi *cái ta* (kỷ 己) đã chấp sự vật như là *cái ta*, thì chúng ta không còn có thể «quyết đoán nhưng không chủ kiến». Hễ bỏ bản thân (bỏ cái ta = khử kỷ) thì có thể tuỳ thuận theo vạn vật, và «cùng đi với vạn vật». Vô tri thức, vô kỷ, lãnh đạm với ngoại vật, xem đó là đạo lý, tức là «thuận theo điều không thể tránh».

«Ông nói tri thức không phải để biết. Ông là người khinh miệt tri

---

[75] ***Trang Tử* (Tề Vật Luận): «Hữu thành dữ khuy, cố Chiêu Thị chi cổ cầm dã; vô thành dữ khuy, cố Chiêu Thị chi bất cổ cầm dã.»** 有成與虧,故昭氏之鼓琴也;無成與虧,故昭氏之不鼓琴也.

[76] ***Trang Tử* (Đại Tông Sư): «Tẩm giả nhi hoá dư chi tả tý dĩ vi kê, dư nhân dĩ cầu thời dạ; tẩm giả nhi hoá dư chi hữu tý dĩ vi đàn, dư nhân dĩ cầu hào chích? tẩm giả nhi hoá dư chi khao dĩ vi luân, dĩ thần vi mã, dư nhân dĩ thừa chi, khởi cánh giá tai.»** 浸假而化予之左臂以爲雞,予因以求時夜;浸假而化予之右臂以爲彈,予因以求鴞炙;浸假而化予之尻以爲輪,以神爲馬,予因以乘之,豈更駕哉.

thức và còn muốn làm hại nó.» Chúng ta biết *bất tri* (không biết), tức là đi tới cảnh giới *vô tri* (không tri thức). Bởi vì người có tri thức thì bị câu thúc trong sự phân biệt. Trang Tử nói: «Phân biệt vua với mục đồng thật cố chấp thay!»[77] Cái phân biệt cố chấp ấy thực đáng xem thường và đáng trừ bỏ nhưng chính những người có tri thức lại được thế tục gọi là thánh hiền. Con người càng có nhiều tri thức thì thế tục càng xem là thánh hiền. «Tri thức không phải để biết» nên «tự cho không phù hợp và không lãnh trách nhiệm gì, lại còn cười thiên hạ tôn trọng người hiền», «phóng túng, không làm gì cả, nhưng chê bai bậc đại thánh trong thiên hạ».

Khi đạt tới cảnh giới này, ta «sẽ không gây tai hoạ cho chính mình, không bị hệ luỵ do tri thức» và thành một vật vô tri vậy. Hành động của vật vô tri «không để tri thức và tư tưởng dẫn dắt mình, không màng quá khứ và tương lai, cứ trơ trơ lãnh đạm như thế mà thôi. Đẩy thì mới đi, lôi thì mới tới; nó như sự trở ngược của cơn gió, như sự xoay tròn của chiếc lông vũ, như sự xoay vòng của cối xay.» Nó hoàn toàn «thuận theo điều không thể tránh» và cùng đi với vạn vật. Đó quả là hành động của vật vô tri. Cho nên nói «cục đất không mất Đạo». «Cục đất» chính là vật vô tri.

Học thuyết của bọn Bành Mông là thế. Học thuyết này và học thuyết Lão-Trang – nhất là tôn chỉ của thiên Tề Vật Luận của *Trang Tử* – có điểm rất tương đồng. Chỗ khác nhau là «cục đất không mất Đạo». Lão Tử nói: «Biết đực, giữ lấy cái; [...] biết trắng, giữ lấy đen; [...] biết vinh, giữ lấy nhục.»[78] Tông chỉ của Trang Tử trong *Tề Vật Luận* là ở: «Được cái trung tâm của vòng tròn để ứng với các biến đổi vô cùng»;[79] «Dung hoà đúng sai mà theo luật quân bình tự nhiên»;[80] «quên năm tháng, quên nghĩa đúng sai, gửi niềm vui trong cảnh vô cùng, và gửi thân mình trong đó».[81] Ý nghĩa những câu này tôi sẽ giảng rõ ở hai chương 8 và 10 về Lão Trang.

Lão Trang tuy cũng coi thường tri thức và muốn vất bỏ nó, tuy cũng

---

[77] ***Trang Tử*** **(Tề Vật Luận): «Quân hồ! Mục hồ! Cố tai!»** 君乎牧乎固哉.

[78] ***Đạo Đức Kinh*** **(chương 28): «Tri kỳ hùng, thủ kỳ thư, [...] Tri kỳ bạch, thủ kỳ hắc, [...] Tri kỳ vinh, thủ kỳ nhục.»** 知其雄,守其雌[...] 知其白,守其黑[...] 知其榮,守其辱.

[79] ***Trang Tử*** **(Tề Vật Luận): «Đắc kỳ hoàn trung dĩ ứng vô cùng.»** 得其環中以應無窮.

[80] ***Trang Tử*** **(Tề Vật Luận): «Hoà chi dĩ thị phi nhi hưu hồ thiên quân.»** 和之以是非而休乎天鈞.

[81] ***Trang Tử*** **(Tề Vật Luận): «Vong niên vong nghĩa, chấn vu vô cánh, cố ngụ chư vô cánh.»** 忘年忘義,振于無竟,故寓諸無竟.

giảng tri thức không phải để biết; nhưng cái *không biết* của Lão Trang không phải là cái *vô tri* của một vật vô tri thực sự. Lão Tử thường nói đến trẻ nít (anh nhi). Trẻ nít tuy không có *tri thức của bậc trí thức* (intellectual knowledge) nhưng không phải là vật vô tri thực sự. «Biết đực, giữ lấy cái; ... biết trắng, giữ lấy đen» thì không phải là hoàn toàn vô tri.

Trong thế giới kinh nghiệm thuần tuý được nói trong Tề Vật Luận, tuy không có *tri thức của bậc trí thức*, nhưng vẫn có kinh nghiệm. Hễ vật có kinh nghiệm thì không phải là vật hoàn toàn vô tri nữa. Trang Tử nói «quên năm tháng, quên nghĩa đúng sai», chữ *quên* ấy rất đáng chú ý. Quên không có nghĩa là không có gì hết, mà là quên đi cái đã có. Nhân cách lý tưởng theo Lão Trang khác với cục đất. Thiên Thiên Hạ phê bình Thận Đáo rằng: «Đạo của Thận Đáo không thi hành cho người sống được, mà nó là lý lẽ cho kẻ chết. Nó chỉ làm cho người ta kinh ngạc thôi.» Khiến cho người ta thành vật vô tri thật sự tức là khiến người đạt tới lý lẽ của kẻ chết. Thiên Thiên Hạ hết sức tán dương hai phái Lão và Trang, nhưng chỉ công kích Thận Đáo về điểm đó. Cứ theo quan điểm của Lão Trang thì: «Cái mà nhóm Bành Mông gọi là Đạo thì không phải là Đạo. Cái mà họ cho là đúng thì không tránh khỏi bị xem là sai. Bành Mông, Điền Biền, Thận Đáo không biết Đạo.» Nhưng học thuyết của nhóm Bành Mông có nhiều điểm giống với học thuyết của Lão Trang, cho nên thiên Thiên Hạ mới nói: «Tuy nhiên họ cũng nghe đại khái về nó.» Theo đời nay mà xét thì ta thấy cái học của Lão Trang tiến hơn bọn Bành Mông một bước.[82]

Sách của Thận Đáo hiện nay không còn. *Hán Thư Nghệ Văn Chí* cho ông ta thuộc Pháp gia và nói rằng: «Thân Bất Hại và Hàn Phi Tử thường nói về họ.» *Tuân Tử* (thiên Phi Thập Nhị Tử) bảo bọn Điền Biền và Thận Đáo là «ở trên thì nghe theo bậc bề trên; ở dưới thì tuân theo thói tục» tức là ý nghĩa «cùng vật uyển chuyển» vậy. Lại bảo rằng «có những kẻ trọng phép tắc mà lại không có phép tắc gì», «bị che bởi phép tắc mà không thấy người hiền». Như thế Thận Đáo quả thật có thuyết

---

[82] **«Tri thức» có nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Theo nghĩa rộng, tri thức có cùng phạm vi rộng như kinh nghiệm. Theo nghĩa hẹp, tri thức là tri thức của bậc trí thức. Như cái tri thức được giảng trong tri thức luận chính là tri thức theo nghĩa rộng; còn cái tri thức được nói trong lô-gíc chính là tri thức theo nghĩa hẹp. Cái *vô tri* mà Lão Trang nói ngụ ý không có cái tri thức theo nghĩa hẹp. Còn cái vô tri mà bọn Thận Đáo nói ngụ ý không có cái tri thức theo nghĩa rộng; do đó nó «là lý lẽ cho kẻ chết». Trang Tử nói «tuy nhiên họ cũng nghe đại khái về nó» là có ý khen ngợi, bởi vì trong thiên Thiên Hạ, Mặc Tử được xem là nhân tài còn Doãn Văn và Tống Khanh được xem là kẻ sĩ cứu đời, chẳng ai trong bọn họ đã nghe về Đạo.**

thượng pháp 尚法 (trọng phép tắc) vậy. *Hàn Phi Tử* (thiên Nan Thế) có dẫn lời Thận Tử nói về *thế* 勢. Nhưng giữa thuyết *tề vật* và thuyết *thượng pháp* có quan hệ lô-gíc như thế nào thì hiện nay sách vở không có, nên không thể miễn cưỡng trích dẫn phụ vào. Những luận bàn trên đây tôi chủ yếu dựa vào thiên Thiên Hạ trong *Trang Tử* và những sách khác cũng nói giống như thiên Thiên Hạ. Còn như Thận Tử bàn về *thế* ra sao thì ở chương 13 về Hàn Phi Tử tôi sẽ nói rõ.

7. Trâu Diễn và các nhà Âm Dương ngũ hành

Ở chương 3 tôi đã nói các môn trong thuật số cổ đại như thiên văn, lịch phổ, ngũ hành đều chú trọng đến cái gọi là «thiên nhân chi tế» 天人之際 (quan hệ giữa trời và người), cho rằng giữa thiên đạo và nhân sự có ảnh hưởng lẫn nhau. Đến thời Chiến Quốc, người ta lại suy diễn và lý luận hoá cái tư tưởng tôn giáo đó thành một vũ trụ quan xuyên suốt. Họ còn tưởng tượng thêm mà suy đoán cõi thiên nhiên và cõi nhân sự. Hạng người đó đời Hán gọi là Âm Dương gia. Phái này cuối thời Chiến Quốc có thủ lĩnh là Trâu Diễn 騶衍. *Sử Ký Tư Mã Thiên* chép: «Nước Tề có ba nhà gọi là Trâu Tử 騶子. Trước tiên là Trâu Kỵ 騶忌, đánh đàn cầm mà can Uy Vương 威王 (357-320), nhân đó được dự vào chính sự, được phong làm Thành Hầu 成侯, và nhận ấn tướng quốc. Ông sống trước Mạnh Tử. Người kế là Trâu Diễn, sinh sau Mạnh Tử. Trâu Diễn thấy vua chúa ngày càng dâm dật xa xỉ, không trọng đức như Đại Nhã [trong *Kinh Thi*] dạy để tu chỉnh bản thân rồi ban bố đức ấy đến dân. Ông xem kỹ hiện tượng tiêu diệt và sinh trưởng của Âm Dương rồi viết khoảng mười vạn chữ về những biến đổi lạ lùng ấy trong thiên Đại Thánh. Lời lẽ rất rộng khác thường. Trước thì nghiệm ở vật nhỏ, sau suy diễn ở vật lớn, cho đến vô hạn. Trước thì thuật đời nay, rồi tuần tự ngược lên tới thời Hoàng Đế, gồm những điều mà các học giả đã nói. Ông còn theo sự thịnh suy của thời thế, chép cả những điềm lành điềm dữ và các chế độ. Ông suy rộng ra đến lúc trời đất chưa sinh, đến lúc mờ mịt không thể khảo cứu đến cùng được. Trước tiên ông kể các danh sơn, sông lớn, hang hố, cầm thú, các sản vật quý do thuỷ thổ sinh ra ở Trung Quốc; nhân đó suy ra đến cái ở ngoài biển mà người ta chưa từng thấy. Ông nói từ lúc trời đất mới tách rời cho đến nay, năm đức (tức ngũ hành) đổi dời, việc chính trị tuỳ thời mà khác nhưng đều phù hợp với sự đổi dời ấy. Ông cho rằng cái mà Nho gia gọi là Trung Quốc chỉ là một trong 81 phần của thiên hạ. Trung Quốc có tên là Xích Huyện Thần Châu 赤縣神州. Trong Xích Huyện Thần Châu vốn có Cửu Châu, tức là 9 châu mà vua Vũ đã đặt ra [sau 9 năm trị thuỷ]. Nhưng chúng không được tính vào số châu thực sự. Ngoài Trung Quốc còn có các châu tương tự như

Xích Huyện Thần Châu, cả thảy có 9 châu (kể cả Trung Quốc), chúng mới gọi là 9 châu thực sự. Mỗi châu có biển nhỏ bao bọc, nên dân chúng và cầm thú chẳng thể qua lại từ châu này sang châu kia. Chín châu là một khu, và tạo thành một châu lớn. Có 9 châu lớn như thế, xung quanh có biển lớn bao bọc, đó là chỗ trời đất giáp nhau. Thuật của Trâu Diễn đại loại như thế, nhưng tóm lại là cốt ở nhân, nghĩa, tiết kiệm, thi hành lễ vua tôi, tôn ti trên dưới, lục thân (tức là: cha, mẹ, anh, em, vợ, con). Đó mới chỉ là khởi đầu học thuyết của ông thôi. Các vương công và đại nhân thoạt thấy thuật đó, bèn kinh sợ và muốn thay đổi theo, nhưng rồi sau cũng không làm được. Chính bởi thế mà Trâu Tử được trọng ở Tề; sang nước Lương, Lương Huệ Vương 梁惠王 (370-319) ra ngoài thành mà đón, dùng lễ chủ-khách mà đãi; sang nước Triệu, Bình Nguyên Quân 平原君 đi men theo vệ đường [chứ không dám đi giữa đường], tự quét chiếu ngồi cho ông ta; sang nước Yên, Yên Chiêu Vương 燕昭王 (311-279) cầm chổi quét đất dẫn đường, và xin ngồi vào hàng đệ tử của ông ta để nghe dạy; vua xây cung điện bằng đá cho Trâu Diễn tại Hạt Thạch 碣石 rồi tự mình sang bái sư. Trâu Diễn có làm sách *Chủ Vận* 主運 (nay đã mất). Khi ông chu du chư hầu thì đều được trọng vọng như thế. [...] Trâu Thích là một trong các học giả họ Trâu ở nước Tề. Ông đã chọn lọc những điều trong học thuật của Trâu Diễn để chép thành văn. [...] Học thuật của Trâu Diễn vu khoát, mênh mang, nói suông; Trâu Thích có tài văn học nhưng ý tưởng của ông khó thi hành. [...] Cho nên người Tề truyền tụng rằng: "Trâu Diễn nói chuyện trên trời; Trâu Thích văn chương trau chuốt."»[83]

Về cái gọi là «năm đức đổi dời, việc chính trị tuỳ thời mà khác nhưng đều phù hợp với sự đổi dời ấy», *Lã Thị Xuân Thu* chép: «Phàm đế

[83] *Sử Ký* (Mạnh Tử Tuân Khanh Liệt Truyện): «Tề hữu tam Trâu Tử, kỳ tiền Trâu Kỵ, đi cổ cầm can Uy Vương, nhân cập quốc chính, phong vi Thành Hầu, nhi thụ tướng ấn, tiên Mạnh Tử. Kỳ thứ Trâu Diễn, hậu Mạnh Tử, Trâu Diễn đổ hữu quốc giả ích dâm xỉ, bất năng thượng đức, nhược Đại Nhã chỉnh chỉ ư thân, thi cập lê thứ hĩ. Nãi thâm quan Âm Dương tiêu tức, nhi tác quái vu chi biến, chung thuỷ Đại Thánh chi thiên, thập vạn dư ngôn. Kỳ ngữ hoằng đại bất kinh, tất tiên nghiệm tiểu vật, suy nhi đại chi, chí ư vô ngân. Tiên tự kim đĩ thượng chí Hoàng Đế, học giả sở cộng thuật, đại tịnh thế thịnh suy, nhân tái kỳ cơ tường độ chế, suy nhi viễn chi, chí thiên địa vị sinh, yếu minh bất khả khảo nhi nguyên dã. Tiên liệt Trung Quốc danh sơn, đại xuyên, thông cốc, cầm thú, thuỷ thổ sở thực, vật loại sở trân, nhân nhi suy chi, cập hải ngoại nhân chi sở bất năng đổ. Xưng dẫn thiên địa phẫu phán dĩ lai, ngũ đức chuyển di, trị các hữu nghi, nhi phù ứng nhược từ. Dĩ vi Nho giả sở vị Trung Quốc giả, ư thiên hạ nãi bát thập nhất phần cư kỳ nhất phần nhĩ. Trung Quốc danh viết Xích Huyện Thần Châu. Xích Huyện Thần Châu nội, tự hữu Cửu Châu, Vũ chi tự Cửu Châu thị dã, bất đắc vi châu số. Trung Quốc ngoại như Xích Huyện Thần Châu giả cửu, nãi sở vị Cửu Châu dã. Ư thị hữu tỳ hải hoàn chi, nhân dân cầm thú mạc năng tương thông giả; như nhất khu trung giả, nãi vi nhất châu. Như thử giả cửu, nãi hữu đại doanh hải hoàn kỳ ngoại, thiên địa chi tế yên. Kỳ thuật giai thử loại dã. Nhiên yếu

vương sắp hưng thì trời cho dân thấy trước điềm lành. Thời Hoàng Đế, trời cho thấy vô số trùng đất và cào cào châu chấu. Hoàng Đế nói: "Khí đất bay lên." Khí đất bay lên nên Hoàng Đế lấy màu vàng làm màu của mình, còn sự việc lấy thổ làm mẫu. Thời vua Vũ [sáng lập nhà Hạ] trời cho dân thấy trước cây cối đều không chết trong mùa thu và mùa đông. Vua Vũ nói: "Khí mộc bay lên." Khí mộc bay lên nên vua Vũ lấy màu xanh làm màu của mình, còn sự việc lấy mộc làm mẫu. Đến thời vua Thang [sáng lập nhà Thương], trời cho dân thấy trước một số lưỡi dao xuất hiện ở sông. Vua Thang nói: "Khí kim bay lên." Khí kim bay lên nên vua Thang lấy màu trắng làm màu của mình, còn sự việc lấy kim làm mẫu. Đến thời Văn Vương [sáng lập nhà Chu], trời cho dân thấy trước lửa cháy, cùng lúc đó chim lông đỏ ngậm sách đỏ bay đậu ở đền thờ thần Xã của nhà Chu. Văn Vương nói: "Khí hoả bay lên." Khí hoả bay lên nên Văn Vương lấy màu đỏ làm màu của mình, còn sự việc thì lấy hoả làm mẫu. Thay thế hoả ắt là thuỷ. Trời cũng cho thấy là khí thuỷ bay lên. Khí thuỷ bay lên nên màu đen được xem là màu của nó, sự việc lấy thuỷ làm mẫu. Nếu khí thuỷ đến mà không ai biết, thì hoạt động của

---

kỳ quy tất chỉ hồ nhân nghĩa tiết kiệm, quân thần thượng hạ lục thân chi thì, thuỷ đã lạm nhĩ. Vương công đại nhân, sơ kiến kỳ thuật, cụ nhiên cố hoá, kỳ hậu bất năng hành chi. Thị dĩ Trâu Tử trọng ư Tề. Thích Lương, Lương Huệ Vương giao nghinh chấp tân chủ chi lễ. Thích Triệu, Bình Nguyên Quân trắc hành biết tịch. Như yên, Chiêu Vương ủng tuệ tiên khu, thỉnh liệt đệ tử chi toạ nhi thụ nghiệp. Trúc Hạt Thạch cung, thân thân vãng sư chi, tác *Chử Vận*, kỳ du chư hầu kiến tôn lễ như thử... Trâu Thích giả, Tề chư Trâu Tử, diệc phả thái Trâu Diễn chi thuật dĩ kỷ văn.... Trâu Diễn chi thuật, vu đại nhi hoằng biện. Thích đã văn cụ nan thi.... Cố Tề nhân tụng viết: "Đàm thiên Diễn, điêu long Thích."» 齊有三騶子，其前騶忌，以鼓琴干威王，因及國政，封爲成侯，而受相印，先孟子．其次騶衍，後孟子．騶衍睹有國者益淫侈，不能尚德，若大雅整之於身，施及黎庶矣．乃深觀陰陽消息，而作怪迂之變，終始大聖之篇，十萬餘言．其語閎大不經，必先驗小物，推而大之，至於無垠．先序今以上至黃帝，學者所共術，大並世盛衰，因載其機祥度制，推而遠之，至天地未生，窈冥不可考而原也．先列中國名山，大川，通谷，禽獸，水土所殖，物類所珍，因而推之，及海外人之所不能睹．稱引天地剖判以來，五德轉移，治各有宜，符應若茲，以爲儒者所謂中國者，於天下乃八十一分居其一分耳．中國名曰赤縣神州．赤縣神州內，自有九州，禹之序九州是也，不得爲州數．中國外如赤縣神州者九，乃所謂九州也．於是有裨海環之，人民禽獸莫能相通者；如一區中者，乃爲一州．如此者九，乃有大瀛海環其外，天地之際焉．其術皆此類也．然要其歸必止乎仁義節儉，君臣上下六親之施，始也濫耳．王公大人初見其術，懼然顧化，其後不能行之．是以騶子重於齊．適梁，梁惠王郊迎執賓主之禮．適趙，平原君側行，襒席．如燕，昭王擁彗先驅，請列弟子之座而受業．築碣石宮，身親往師之，作主運，其遊諸侯見尊禮如此[...]騶奭者，齊諸騶子，亦頗采騶衍之術以紀文....騶衍之術迂大而閎辯．奭也文具難施[...] 故齊人頌曰："談天衍，雕龍奭."

nó khi chu kỳ đã đủ sẽ tái hồi về thổ.»[84]

Đoạn văn trên tuy *Lã Thị Xuân Thu* không nói là thuyết của Trâu Diễn, nhưng Lý Thiện 李善 (mất năm 689 CN) trích dẫn *Thất Lược* 七略 rằng: «Trong chu kỳ ngũ đức của Trâu Tử, đức này theo sau cái đức mà nó không thắng được. Như mộc tiếp theo thổ, kim tiếp theo mộc, hoả tiếp theo kim, thuỷ tiếp theo hoả.»[85]

Lý Thiện lại trích dẫn sách *Trâu Tử* (hiện không còn) rằng: «Trong ngũ đức, đức này theo sau cái đức mà nó không thắng được. Đức của nhà Ngu là thổ, đức của nhà Hạ là mộc. Đức của nhà Ân là kim. Đức của nhà Chu là hoả.»[86]

Lời chú của Lý Thiện tương hợp với trích dẫn từ *Lã Thị Xuân Thu*, cho nên có thể thấy đó là thuyết của Trâu Diễn. Thuyết này lấy ngũ hành làm năm loại thế lực thiên nhiên, gọi là ngũ đức. Mỗi thế lực này có lúc thịnh lúc suy. Khi nó thịnh thì thiên đạo và nhân sự đều bị nó chi phối. Khi nó suy, thì cái thế lực khắc nó sẽ thịnh lên. Mộc khắc thổ, kim khắc mộc, hoả khắc kim, thuỷ khắc hoả, thổ khắc thuỷ. Sự tuần hoàn này liên tục không ngừng, nên mới nói «từ lúc trời đất mới tách rời cho đến nay, năm đức (tức ngũ hành) đổi dời, việc chính trị tuỳ thời mà khác

---

[84] *Lã Thị Xuân Thu* (Ứng Đồng): «Phàm đế vương giả chi tương hưng dã, thiên tất tiên kiến tường hồ hạ dân. Hoàng Đế chi thời, thiên tiên kiến đại dẫn đại lâu, Hoàng Đế viết "thổ khí thắng", thổ khí thắng, cố kỳ sắc thượng hoàng, kỳ sự tắc thổ. Cập Vũ chi thời, thiên tiên kiến thảo mộc thu đông bất sát, Vũ viết "mộc khí thắng", mộc khí thắng, cố kỳ sắc thượng thanh, kỳ sự tắc mộc. Cập Thang chi thời, thiên tiên kiến kim nhận sinh ư thuỷ, Thang viết "kim khí thắng", kim khí thắng, cố kỳ sắc thượng bạch, kỳ sự tắc kim. Cập Văn Vương chi thời, thiên tiên kiến hoả, xích ô hàm đan thư tập ư Chu xã, Văn Vương viết "hoả khí thắng", hoả khí thắng, cố kỳ sắc thượng xích, kỳ sự tắc hoả. Đại hoả giả tất tương thuỷ, thiên thả tiên kiến thuỷ khí thắng, thuỷ khí thắng, cố kỳ sắc thượng hắc, kỳ sự tắc thuỷ. Thuỷ khí chí nhi bất tri, số bị, tương tỷ ư thổ.» 凡帝王者之將興也，天必先見祥乎下民．黃帝之時，天先見大螾大蝦，黃帝曰："土氣勝．"土氣勝，故其色尚黃，其事則土．及禹之時，天先見草木秋冬不殺，禹曰："木氣勝．"木氣勝，故其色尚青，其事則木．及湯之時，天先見金刃生於水，湯曰："金氣勝．"金氣勝，故其色尚白，其事則金．及文王之時，天先見火，赤鳥銜丹書集於周社，文王曰："火氣勝．"火氣勝，故其色尚赤，其事則火．代火者必將水，天且先見水氣勝，水氣勝，水氣勝故其色尚黑，其事則水．水氣至而不知，數備，將徙於土．

[85] *Văn Tuyển* (Nguỵ Đô Phú). – Lý Thiện trích dẫn *Thất Lược*: «Trâu Tử chung thuỷ ngũ đức, tòng sở bất thắng, mộc đức kế chi, kim đức thứ chi, hoả đức thứ chi, thuỷ đức thứ chi.» 騶子終始五德，從所不勝，木德繼之，金德次之，火德次之，水德次之．

[86] *Văn Tuyển* (Thẩm Hữu Văn, Cố An Lục Chiêu Vương Bi Văn). – Lý Thiện chú dẫn: «Ngũ đức tòng sở bất thắng, Ngu thổ, Hạ mộc, Ân kim, Chu hoả.» 五德從所不勝，虞土，夏木，殷金，周火．

nhưng đều phù hợp với sự đổi dời ấy». Các biến chuyển của lịch sử con người đều là sự biểu hiện của các thế lực thiên nhiên đó. Mỗi triều đại được đại biểu bằng một đức, màu sắc y phục và các chế độ của triều đại ấy đều bị đức đó chi phối. Theo quan điểm này thì thiên đạo và nhân sự hợp làm một và lịch sử chỉ là «hài kịch thần linh» (divine comedy). Các triết học về lịch sử của người đời Hán đều dựa trên quan điểm này.[87]

Ý kiến của Trâu Diễn đối với lịch sử là như thế còn đối với địa lý thì ông có thuyết Cửu Châu, đều là những điều tưởng tượng.

Chúng ta không rõ ai là tác giả của thiên Hồng Phạm 洪範 trong *Thư Kinh* và ai là tác giả của thiên Nguyệt Lệnh 月令 trong cả *Lễ Ký* lẫn *Lã Thị Xuân Thu*. Có lẽ chúng là sản phẩm của các nhà Âm Dương ngũ hành thời Chiến Quốc. Trong Hồng Phạm, tác giả mượn lời Cơ Tử 箕子 nói rằng: «Tôi nghe ngày xưa ông Cổn làm tắc đường nước lụt nên làm đảo lộn tính chất của ngũ hành. Trời giận dữ không ban cho ông ta chín trù của Hồng Phạm; luân thường do đó mà bại hoại. Ông Cổn bị đày mà chết. Ông Vũ [là con ông Cổn] nối tiếp việc trị thuỷ và thành công. Trời ban cho ông Vũ chín trù của Hồng Phạm; luân thường do đó mà có trật tự. Trù một là ngũ hành; trù hai là sử dụng kính cẩn năm việc; trù ba là sử dụng mạnh mẽ tám quy định chính trị; trù bốn là sử dụng hài hoà năm quy định về thời gian; trù năm là thiết lập chuẩn mực làm vua; trù sáu là sử dụng thứ tự ba đức tốt; trù bảy là sử dụng sáng suốt việc bói toán; trù tám là cân nhắc tuân theo những điềm báo; trù chín là khen thưởng năm điều tốt và trừng phạt sáu điều xấu.»[88]

---

[87] Theo Tần Thuỷ Hoàng Bản Kỷ trong *Sử Ký*, Tần Thuỷ Hoàng xem nhà Tần được đức thuỷ cho nên vua sửa đổi ngày đầu năm, ngày chúc tụng, và ngày triều cống là mồng một tháng 10. Màu đen được chọn là màu của y phục, cờ xí. Vua lấy số 6 làm chuẩn: Tín phù (hổ phù) và mũ quan dài 6 thốn; trục xe ngựa dài 6 thước; 6 thước là một bộ; một cỗ xe có 6 ngựa; đổi tên sông Hoàng Hà là Đức Thuỷ bởi cho rằng nó ghi dấu sự khởi đầu của đức thuỷ. Vua áp dụng biện pháp cứng rắn, sự việc gì cũng quyết định theo pháp luật, không theo nhân và nghĩa, như vậy mới hợp số của ngũ đức.

[88] *Thư Kinh* (Chu Thư - Hồng Phạm): «Ngã văn tại tích, Cổn nhân hồng thuỷ, mịch trần kỳ ngũ hành, đế nãi chấn nộ, bất tỷ Hồng Phạm Cửu Trù, di luân đu địch. Cổn tắc cức tử, Vũ nãi tự hưng, thiên nãi tích Vũ Hồng Phạm Cửu Trù, di luân đu tự. Sơ nhất viết ngũ hành; thứ nhị viết kính dụng ngũ sự; thứ tam viết nông dụng bát chính; thứ tứ viết hiệp dụng ngũ kỷ; thứ ngũ viết kiến dụng hoàng cực; thứ lục viết nghệ dụng tam đức; thứ thất viết minh dụng kê nghi; thứ bát viết niệm dụng thứ trưng; thứ cửu viết hướng dụng ngũ phúc, uy dụng lục cực.» 我聞在昔，鯀堙洪水，汩陳其五行，帝乃震怒，不畀洪範九疇，彝倫攸斁．鯀則殛死，禹乃嗣興，天乃錫洪範九疇，彝倫攸敘．初一曰五行；次二曰敬用五事；次三曰農用八政；次四曰協用五紀；次五曰建用皇極；次六曰乂用三德；次七曰明用稽疑；次八曰念用庶徵；庶九曰嚮用五福，威用六極．

Thiên Hồng Phạm giải thích ngũ hành như sau: «Một là thuỷ, hai là hoả, ba là mộc, bốn là kim, năm là thổ. Thuỷ thấm xuống, lửa nóng bốc lên, mộc cong hay thẳng, kim biến dạng, thổ được trồng trọt gặt hái. Thuỷ thấm xuống sinh mặn, hoả nóng bốc lên sinh đắng, mộc cong hoặc thẳng sinh chua, kim biến dạng sinh cay, thổ được trồng trọt gặt hái sinh ngọt.»[89]

Thiên Hồng Phạm giải thích *ngũ sự* 五事 như sau: «Một là dung mạo, hai là lời nói, ba là trông nhìn, bốn là nghe ngóng, năm là nghĩ ngợi. Dung mạo cung kính, lời nói hợp lý, trông nhìn sáng suốt, nghe ngóng tinh tế, nghĩ ngợi thấu triệt. Cung kính tạo nghiêm trang, hợp lý tạo trật tự, sáng suốt tạo khôn ngoan, tinh tế tạo mưu lược, thấu triệt tạo thánh thiện.»[90]

Thiên Hồng Phạm giải thích *thứ trưng* 庶徵 như sau: «Các điềm: mưa, nắng, nóng, rét, gió, đúng thời. Quá nhiều thì không hay, quá ít cũng không tốt. Các điềm lành là: Vua nghiêm trang thì mưa sẽ thuận thời; vua khôn ngoan thì nắng sẽ thuận thời; vua mưu trí thì lạnh sẽ thuận thời; vua thánh thiện thì gió sẽ thuận thời. Các điềm dữ là: Vua cuồng bạo thì mưa tầm tã; vua lầm lỗi thì nắng hạn; vua lười biếng thì trời nóng gay gắt; vua hấp tấp thì trời rét nhiều; vua ngu tối thì gió nhiều.»[91]

---

89 ***Thư Kinh*** **(Chu Thư - Hồng Phạm): «Nhất viết thuỷ, nhị viết hoả, tam viết mộc, tứ viết kim, ngũ viết thổ. Thuỷ viết nhuận hạ, hoả viết viêm thượng, mộc viết khúc trực, kim viết tòng cách, thổ viết giá sắc. Nhuận hạ tác hàm, viêm thượng tác khổ, khúc trực tác toan, tòng cách tác tân, giá sắc tác cam.»** 一曰水，二曰火，三曰木，四曰金，五曰土．水曰潤下，火曰炎上，木曰曲直，金曰從革，土曰稼穡．潤下作鹹，炎上作苦，曲直作酸，從革作辛，稼穡作甘．

90 ***Thư Kinh*** **(Chu Thư - Hồng Phạm): «Nhất viết mạo, nhị viết ngôn, tam viết thị, tứ viết thính, ngũ viết tư. Mạo viết cung, ngôn viết tòng, thị viết minh, thính viết thông, tư viết duệ. Cung tác túc, tòng tác nghệ, minh tác triết, thông tác mưu, duệ tác thánh.»** 一曰貌，二曰言，三曰視，四曰聽，五曰思．貌曰恭，言曰從，視曰明，聽曰聰，思曰睿．恭作肅，從作乂，明作哲，聰作謀，睿作聖．

91 ***Thư Kinh*** **(Chu Thư - Hồng Phạm): «Viết vũ, viết dương, viết úc, viết hàn, viết phong, viết thời. Ngũ giả lai bị các dĩ kỳ tự. Thứ thảo phồn vũ. Nhất cực bị hung, nhất cực vô hung. Viết hữu trưng, viết túc thời vũ nhược, viết nghệ thời dương nhược, viết triết thời úc nhược, viết mưu thời hàn nhược, viết thánh thời phong nhược, viết cữu trưng, viết cuồng hằng vũ nhược, viết tiếm hằng dương nhược, viết dự hằng úc nhược, viết cấp hằng hàn nhược, viết mông hằng phong nhược.»** 曰雨曰暘曰燠曰寒曰風曰時．五者來備各以其敘，庶草蕃廡．一極備凶，一極無凶．曰休徵，曰肅時雨若曰乂時暘若，曰哲時燠若，曰謀時寒若，曰聖時風若，曰咎徵，曰狂恆雨若，曰僭恆暘若，曰豫恆燠若，曰急恆寒若，曰蒙恆風若．

92 **Hồng Phạm là tác phẩm của thời Chiến Quốc chứ không có sớm hơn. Lưu Tiết 劉節 đã nói rõ điều đó trong bài *Hồng Phạm Sớ Chứng* 洪範疏證, in trong *Đông Phương Tạp Chí*, số 2, quyển 25.**

Do đó mọi cử động của vua, nếu thái quá hay không phù hợp, sẽ ảnh hưởng đến thiên thời. Đó là cái mà lịch sử gọi là «hài kịch thần linh» (divine comedy) vậy.[92]

Tác giả của Nguyệt Lệnh cũng không rõ là ai. Theo Nguyệt Lệnh, về cái gọi là *ngũ đức*, trong bốn mùa của một năm mỗi đức đều có một thời hưng thịnh. Như mùa xuân thì đức thịnh là mộc, mùa hạ thì đức thịnh là hoả, mùa thu đức thịnh là kim, mùa đông đức thịnh là thuỷ. Thiên tử mỗi tháng phải có chỗ ở nhất định, y phục phải có màu nhất định, món ăn phải có vị nhất định, việc hành chính phải nhất định. Do đó mới gọi là «nguyệt lệnh» (mệnh lệnh theo từng tháng). Nếu vua không thi hành đúng nguyệt lệnh, thì việc ấy sẽ ảnh hưởng đến thiên thời và gây ra những hiện tượng bất thường. Thí dụ như: «Đầu xuân, nếu vua hành động theo mùa hạ, thì mưa sẽ thất thường, thảo mộc héo hon, trong nước không yên. Nếu vua hành động theo mùa thu, thì dân bị bệnh dịch, cuồng phong mưa lớn xảy ra, cỏ dại mọc tràn lan. Nếu vua hành động theo mùa đông, thì lụt lội xảy ra, tuyết sương đổ nhiều, mùa màng thất bát.»[93]

Ở đây cũng nói mối quan hệ mật thiết giữa hành vi của vua và thiên thời. Tuy nhiên Hồng Phạm nói đến Thượng Đế, có thể giận dữ và thưởng phạt; còn Nguyệt Lệnh thì nói rằng mỗi tháng có một đế và một thần, như tháng Mạnh Xuân có đế là Thái Hạo 太皞, có thần là Cú Mang 句芒. Phải chăng những biến động của thiên thời do ảnh hưởng của nhân sự được sinh ra và nhận lãnh một cách máy móc? Hay chúng là những biểu hiện để thị uy của một đấng Thượng Đế nổi giận vì thấy nhà vua hành động trái lẽ? Thuyết trước ắt là một vũ trụ quan theo cơ giới luận. Thuyết sau ắt là một vũ trụ quan theo mục đích luận. Các nhà Âm Dương ngũ hành không hề thấy rằng hai quan điểm ấy là bất tương dung, nên họ đã lưng chừng, lúc thì dựa vào quan điểm này lúc thì dựa vào quan điểm kia.[94]

Thiên Tứ Thời của Quản Tử nói: «Cho nên Âm Dương là nguyên lý lớn của trời đất; tứ thời là con đường lớn của Âm Dương. Thưởng phạt

[93] Nguyệt Lệnh: «Mạnh xuân hành hạ lệnh tắc vũ thuỷ bất thời, thảo mộc tạo lạc, quốc thời hữu khủng. Hành thu lệnh tắc kỳ dân đại dịch, tiêu phong bạo vũ tổng chí, lê dửu bồng hao tịnh hưng. Hành đông lệnh tắc thuỷ lạo vi bại, tuyết sương đại chí, thủ chủng bất nhập.» 孟春行夏令則雨水不時，草木蚤落，國時有恐．行秋令則其民大疫，疾風淫雨總至，藜莠蓬蒿並興．行冬令則水潦爲敗，雪霜大摯，首種不入．

[94] Nguyệt Lệnh không nói đức thổ thịnh vào thời gian nào. Bởi vì một năm chỉ có bốn mùa, nên trong ngũ đức ắt có một đức không thể phối hợp với thời nào. Tuy nhiên, thiên Thời Tắc Huấn của *Hoài Nam Tử* cho rằng đức thổ thịnh vào quý hạ (tháng thứ 3 của mùa hè). Đây là sự bổ sung của các Âm Dương gia về sau.

là sự hoà hợp của tứ thời. Thưởng phạt hợp với tứ thời thì sinh ra phúc; khinh thường chúng thì sinh ra tai hoạ. Nhưng vua sẽ hành động thế nào trong bốn mùa xuân hạ thu đông? Ở hướng đông là các sao, mùa của nó là xuân, khí của nó là gió. Gió sinh ra gỗ và xương. Đức của nó thì vui vẻ, dư thừa, phát triển đều đặn. Việc của nó là theo hiệu lệnh, trừ bỏ vị trí thần linh, kính cẩn dùng lễ vật cầu đảo, coi trọng Dương, sửa chữa đê điều, canh tác trồng trọt, sửa chữa cầu cống, sửa chữa kênh lạch, nhà cửa, sông ngòi, giải oan tha tội, lưu thông bốn phương. Như vậy gió dịu mưa ngọt sẽ đến, trăm họ sống lâu, sâu bọ nhiều. Đấy là đức của các sao. [...] Ở hướng nam là mặt trời, mùa của nó là hạ, khí của nó là Dương. Dương sinh hoả và khí. Đức của nó là cho tặng và vui vẻ. [...] Đấy là đức của mặt trời. Ở trung ương là thổ. Đức của thổ hoạt động tới lui để phụ giúp bốn mùa. Gió mưa tăng thêm sức mạnh cho thổ. Thổ sinh da và bắp thịt. Đức của nó thì hài hoà và quân bình, trung chính không thiên vị, phụ giúp bốn mùa, xuân tạo sinh, hạ nuôi dưỡng lớn, thu gom nhận, đông bế tàng. [...] Đấy là đức của năm. [...] Ở hướng tây là các sao, mùa của chúng là thu, khí của nó là Âm. Âm sinh kim và móng vẩy. Đức của nó là lo buồn, điềm tĩnh, đoan chính, trang nghiêm, thuận tòng; chiếm nó người ta không dám dâm dật. [...] Đấy là đức của sao. [...] Ở hướng bắc là mặt trăng, mùa của nó là đông, khí của nó lạnh. Lạnh sinh ra nước và huyết. Đức của nó tinh ròng, giận mà ôn hoà, chu đáo cẩn mật. [...] Đấy là đức của mặt trăng. [...] Cho nên, đông hiu hắt, thu sum xuê, đông có sấm, hạ có sương tuyết, chúng là những thứ khí gây nguy hại vậy. Khen thưởng trách phạt không có nguyên tắc thì thứ khí gây nguy hại đến mau. Khí gây nguy hại đến mau, thì quốc gia bị tai ương. Cho nên thánh vương theo thiên thời mà cai trị, giáo hoá cùng với quân sự, cúng tế để bày tỏ đức. Ba điều ấy, thánh vương thực hành để hoà hợp với trời đất.»[95]

[95] *Quản Tử* (Tứ Thời): «Thị cố Âm Dương giả, thiên địa chi đại lý dã, tứ thời giả, Âm Dương chi đại kinh dã. Hình đức giả, tứ thời chi hợp dã. Hình đức hợp ư thời, tắc sinh phúc; quỹ tắc sinh hoạ. Nhiên tắc xuân hạ thu đông tương hà hành? Đông phương viết tính, kỳ thời viết xuân. Kỳ khí viết phong. Phong sinh mộc dữ cốt, kỳ đức hỉ doanh, nhi phát xuất tiết thời, kỳ sự hiệu lệnh, tu trừ thần vị, cẩn đảo tệ ngạnh, tông chính dương, trị đê phòng, canh vân thụ nghệ, chính tân lương, tu cầu độc, trứu ốc hành thuỷ, giải oán xá tội, thông tứ phương. Nhiên tắc như phong cam vũ nãi chí. bách tính nãi thọ, bách trùng nãi phồn, thử vị tính đức. [...] Nam phương viết nhật, kỳ thời viết hạ, kỳ khí viết dương, dương sinh hoả dữ khí, kỳ đức thi xả tu lạc. [...] Thử vị nhật đức. Trung ương viết thổ, thổ đức thực phụ tứ thời nhập xuất, đĩ phong vũ tiết thổ ích lực, thổ sinh bì cơ phu. kỳ đức hoà bình dụng quân, trung chính vô tư. Thực phụ tứ thời, xuân doanh dục, hạ dưỡng trưởng, thu tụ thu, đông bế tàng. [...] Thử vị tuế đức. [...] Tây phương viết thần, kỳ thời viết thu, kỳ khí viết âm, âm sinh kim dữ giáp, kỳ đức ưu ai, tĩnh chính, nghiêm thuận, cư bất cảm dâm dật. [...] Thử vị thần đức. [...] Bắc phương viết nguyệt, kỳ thời viết đông, kỳ khí viết hàn, hàn sinh thuỷ dữ huyết, kỳ đức thuần việt ôn nộ chu mật. [...] Thử vị nguyệt đức. [...] Thị cố xuân điêu thu vinh, đông lôi hạ hữu sương tuyết, thử giai khí chi tặc dã. Hình đức dịch tiết thất thứ, tắc tặc khí

Chính trị được «thực hành để hoà hợp với trời đất», đó cũng là lời lẽ của Âm Dương gia.

Thiên Thuỷ Địa của Quản Tử nói: «Đất là bản nguyên của vạn vật, là gốc của sinh vật, là cái sinh ra những kẻ tốt xấu, hiền lành, hư hỏng, ngu dại, tài tuấn. Nước là khí huyết của đất, lưu thông trong đất giống như lưu thông trong gân mạch của đất. Cho nên nói nước có đủ tài nguyên. [...] Nó được tích tụ trong trời đất, được ẩn trong vạn vật, sinh ra vàng đá, và có trong các sinh vật. Đó là thần của nước. Nó được tích tụ trong cây cỏ, thân cây hút một lượng nước nhất định, hoa có số lượng nhất định, quả có số lượng nhất định. Chim và thú có nước, hình thể phổng phao, lông lá rậm rạp, văn vẻ rõ ràng. Vạn vật đều có nước nên sự phát triển không trái bình thường. Đó là lượng nước bên trong chúng thích hợp. [...] Con người vốn là nước. Khi dương tinh và âm khí của nam nữ hợp lại thì nước thành hình. [...] Do đó khi nước tích tụ ở ngọc mà chín đức xuất hiện. Khi nước ngưng kết thì người có chín khiếu và ngũ tạng xuất hiện. Đó là tinh của nước. [...] Vậy cái có đầy đủ là gì? Đó là nước. Vạn vật chẳng thứ nào là không sinh ra từ nước. Chỉ ai biết dựa vào nước thì mới hành động đúng đắn. [...] Sông nước của Tề chảy xiết và thay đổi, nên dân Tề tham lam, cẩu thả, và hiếu dũng. Sông nước của Sở hiền hoà trong xanh nên dân Sở nhẹ dạ, giảo hoạt. Sông nước của Việt chảy lờ đờ, nên dân Việt ngu tối, ganh tỵ, bẩn thỉu. Sông nước của Tần ngưng trệ, nên dân Tần tham lam, thích cãi cọ, lọc lừa, thích gây sự. [...] Cho nên để chuyển hoá cuộc đời, thánh nhân giải quyết vấn đề nước. Khi nước không ô nhiễm thì lòng người đoan chính. Khi nước trong trẻo thì lòng người thoải mái, không ham muốn điều xấu, không làm chuyện tà vạy. Cho nên khi thánh nhân

tốc chí, tặc khí tốc chí, tắc quốc đa tai ương, thị cố thánh vương vụ thời nhi ký chính yên. Tác giáo nhi ký vũ, tác tự nhi ký đức yên, thử tam giả thánh vương sở dĩ hợp ư thiên địa chi hành dã.» 是故陰陽者,天地之大理也,四時者,陰陽之大經也.刑德者四時之合也.刑德合於時,則生福,詭則生禍.然則春夏秋冬將何行?東方曰星,其時曰春.其氣曰風.風生木與骨,其德喜嬴,而發出節時,其事號令,修除神位,謹禱祭祠,宗正陽,治隄防,耕芸樹藝.正津梁,修溝瀆,鬄屋行水,解怨赦罪,通四方.然則柔風甘雨乃至.百姓乃壽,百蟲乃蕃,此謂星德.[...]南方曰日,其時曰夏,其氣曰陽,陽生火與氣,其施令修樂[...]此謂日德.中央曰土,土德實輔四時入出,以風雨節土益力,土生皮肌膚,其德和平用均,中正無私.實輔四時,春嬴育,夏養長,秋聚收,冬閉藏.[...]此謂歲德[...]西方曰辰,其時曰秋,其氣曰陰,陰生金與甲,其德憂哀,靜正,嚴順,居不敢淫佚[...]此謂辰德[...]北方曰月,其時曰冬,其氣曰寒,寒生水與血,其德淳越溫怒周密[...]此謂月德[...]是故春凋秋榮,冬雷夏有霜雪,此皆氣之賊也刑德易節失次,則賊氣速至,賊氣速至則國家災殃,是故聖王務時而寄政焉.作教而寄武,作祀而寄德焉,此三者聖王所以合於天地之行也.

cai trị thế gian, thì ngài chẳng phải bảo ban từng người, chẳng phải dạy bảo từng nhà, mà chỉ giải quyết vấn đề cốt lõi là nước.»[96]

Ở đây nước được xem là nguồn cội của vạn vật. Việc giải quyết vấn đề nước lại được xem là then chốt của việc cai trị thế gian. Muốn cai trị thế gian thì trước tiên phải cải thiện lòng người, muốn cải thiện lòng người thì trước hết phải cải thiện nước nôi. Lập thuyết này rất lạ lùng, dường như cũng là lời lẽ của Âm Dương gia.

Thiên Hữu Thuỷ của *Lã Thị Xuân Thu* nói: «Trời có 9 vùng (cửu dã), đất có 9 châu (cửu châu). Đất có 9 núi, núi có 9 quan ải. Có 9 loại ao đầm, 8 loại gió, 6 loại sông ngòi.»[97]

Lại nói: «Vùng đất trong bốn biển, chiều đông tây dài 28.000 dặm, chiều nam bắc dài 26.000 dặm. Thuỷ đạo dài 8.000 dặm. Những con sông tiếp nhận thuỷ đạo này cũng dài 8.000 dặm. Chúng thông với 6 thung lũng,

[96] *Quản Tử* (Thuỷ Địa): «Địa giả, vạn vật chi bản nguyên, chư sinh chi căn uyển dã. Mỹ ác biển bất tiểu ngu tuấn chi sở sinh dã. Thuỷ giả, địa chi huyết khí, như cân mạch chi thông lưu giả dã. Cố viết thuỷ cụ tài dã. [...] Tập ư thiên địa, nhi tàng ư vạn vật, sản ư kim thạch, tập ư chư sinh, cố viết thuỷ thần. Tập ư thảo mộc, căn đắc kỳ độ, hoa đắc kỳ số, thực đắc kỳ lượng. Điểu thú đắc chi, hình thể phì đại, vũ mao phong mậu, văn lý minh trứ. Vạn vật mạc bất tận kỳ cơ, phản kỳ thường giả. Thuỷ chi nội độ thích dã. [...] Nhân, thuỷ dã. Nam nữ tinh khí hợp, nhi thuỷ lưu hình. [...] Thị dĩ thuỷ tập ư ngọc, nhi cửu đức xuất yên. Ngưng kiển nhi vi nhân, nhi cửu khiếu ngũ lự xuất yên. Thử nãi kỳ tinh dã. [...] Thị cố cụ giả hà dã, thuỷ thị dã, vạn vật mạc bất dĩ sinh. Duy trì kỳ thác giả năng vi chi chính, [...] Phù Tề chi thuỷ đạo thao nhi phục, cố kỳ dân tham thô nhi hiếu dũng. Sở chi thuỷ, náo nhược nhi thanh, cố kỳ dân khinh quả nhi tặc. Việt chi thuỷ, lậu trọng nhi tự, cố kỳ dân ngu tật nhi cấu. Tần chi thuỷ cam tối nhi kê, ứ trệ nhi tạp, cố kỳ dân tham lệ, võng nhi hiếu sự. [...] Thị dĩ thánh nhân chi hoá thế dã, kỳ giải tại thuỷ. Cố thuỷ nhất tắc nhân tâm chính, thuỷ thanh tắc dân tâm dị, nhất tắc dục bất ô, dân tâm dị tắc hành vô tà. Thị dĩ thánh nhân chi trị ư thế dã. Bất nhân cáo dã, bất hộ thuyết dã, kỳ xu tại thuỷ.» 地者，萬物之本原，諸生之根菀也.美惡賢不肖愚俊之所生也.水者，地之血氣，如筋脈之通流者也.故曰水具材也 [...]集於天地而藏於萬物.產於金石，集於諸生，故曰水神.集於草木，根得其度，華得其數，實得其量，鳥獸得之，形體肥大，羽毛豐茂，文理明著，萬物莫不盡其幾，反其常者.水之內度適也[...]人水也.男女精氣合，而水流形 [...]是以水集於玉，而九德出焉.凝蹇而爲人，而九竅五慮出焉.此乃其精也.[...]是故具者何也.水是也.萬物莫不以生.唯知其託者能爲之正 [...]夫齊之水道躁而復，故其民貪戾而好勇.楚之水，淖弱而清，故其民輕果而賊，越之水，濕重而泊，故其民愚疾而垢.秦之水，沍最而稽，淤滯而雜，故其民貪戾，罔而好事 [...]是以聖人之化世也，其解在水.故水一則人心正，水清則民心易，一則欲不污，民心易則行無邪.是以聖人之治於世也.不人告也，不戶說也，其樞在水.

[97] *Lã Thị Xuân Thu* (Hữu Thuỷ): «Thiên hữu cửu dã, địa hữu cửu châu, thổ hữu cửu sơn, sơn hữu cửu tái, trạch hữu cửu tẩu, phong hữu bát đẳng, thuỷ hữu lục xuyên.» 天有九野，地有九州，土有九山，山有九塞，澤有九藪，風有八等，水有六川.

600 sông nổi tiếng, 3.000 ngòi, và mấy vạn lạch nhỏ. Phạm vi trong *tứ cực* 四極 (bốn hướng) thì chiều đông tây dài 597.000 dặm, chiều nam bắc cũng dài 597.000 dặm. Những ngôi sao di chuyển cùng với bầu trời nhưng *thiên cực* 天極 (trục trời) thì cố định. Vào đông chí mặt trời đi đường xa và di chuyển quanh tứ cực. Nó gọi là *huyền minh* 玄明 (ánh sáng huyền diệu). Vào hạ chí mặt trời đi đường gần, và ngay ở phía trên. Bên dưới trục trời thì không có ngày đêm. Ở phía nam của nước dân da trắng, dưới gốc cây thẳng đứng không có bóng mặt trời, người ta gào to cũng không có tiếng dội, bởi vì đó là trung tâm của trời đất. Trời đất và vạn vật giống như thân thể của một người, đó gọi là *đại đồng* 大同. Các tai mắt mũi miệng, các loại ngũ cốc và nóng lạnh, được gọi là *chúng dị* 衆異(khác biệt nhiều). Như thế vạn vật đều hoàn bị. Trời khiến cho vạn vật sinh sôi, thánh nhân xem chúng để thấy chủng loại của chúng. Thánh nhân có thể giải thích về hình thể của trời đất, sự phát sinh sấm chớp, cái tinh của mọi vật do âm dương tạo thành, sự yên bình của dân chúng và cầm thú.»[98]

Trên đây ta lại thấy một thuyết tương tự thuyết về *đại cửu châu* (9 châu lớn) của Trâu Diễn. Dường như đây cũng là lời lẽ của Âm Dương gia.

Các nhà Âm Dương và ngũ hành đều lấy nước Tề làm căn cứ địa. Nước Tề (nay là tỉnh Sơn Đông) giáp biển; người Tề có nhiều kiến văn mới lạ và giỏi nói chuyện hoang đường. Chư tử thời Chiến Quốc hễ nói

---

[98] *Lã Thị Xuân Thu* (Hữu Thuỷ): «Phàm tứ hải chi nội, đông tây nhị vạn bát thiên lý, nam bắc nhị vạn lục thiên lý, thuỷ đạo bát thiên lý, thụ thuỷ giả diệc bát thiên lý, thông cốc lục, danh xuyên lục bách, lục chú tam thiên, tiểu thuỷ vạn số. Phàm tứ cực chi nội, đông tây ngũ ức hữu cửu vạn thất thiên lý, nam bắc diệc ngũ ức hữu cửu vạn thất thiên lý. Cực tinh dữ thiên câu du, nhi thiên cực bất di. Đông chí nhật hành viễn đạo, chu hành tứ cực, mệnh viết huyền minh. Hạ chí nhật hành cận đạo, nãi tham ư thượng. Đương xu chi hạ vô trú dạ. Bạch dân chi nam, kiến mộc chi hạ, nhật trung vô ảnh, hô nhi vô hưởng, cái thiên địa chi trung dã. Thiên địa vạn vật, nhất nhân chi thân dã, thử chi vị đại đồng. Chúng nhĩ mục tỵ khẩu dã, chúng ngũ cốc hàn thử dã, thử chi vị chúng dị. Tắc vạn vật bị dã. Thiên châm vạn vật, thánh nhân lãm yên, dĩ quan kỳ loại. Giải tại hồ thiên địa chi sở dĩ hình, lôi điện chi sở dĩ sinh, âm dương tài vật chi tinh, nhân dân cầm thú chi sở an bình.» 凡四海之內，東西二萬八千里，南北二萬八千里，水道八千里，受水者亦八千里，通谷六，名川六百，陸注三千，小水萬數．凡四極之內，東西五億有九萬七千里，南北亦五億有九萬七千里．極星與天俱游，而天極不移．冬至日行遠道，周行四極，命曰玄明．夏至日行近道，乃參於上．當樞之下無晝夜．白民之南，建木之下，日中無影，呼而無響，蓋天地之中也．天地萬物一人之身也，此之謂大同．衆耳目鼻口也，衆五穀寒暑也．此之謂衆異．則萬物備也．天斟萬物，聖人覽焉，以觀其類．解在乎天地之所以形，雷電之所以生，陰陽材物之精，人民禽獸之所安平．

đến chuyện hoang đường ai cũng nói là thuyết của người Tề. Hàm Khâu Mông 咸丘蒙 nói: «Thuấn đứng ngó về hướng nam; vua Nghiêu dẫn chư hầu ngó về hướng bắc mà triều kiến.» Mạnh Tử đáp: «Đấy là lời lẽ của bọn nhà quê ở miền đông nước Tề.»[99] Thiên Tiêu Dao Du của Trang Tử nói: «Quyển *Hài* 諧 của nước Tề ghi chép chuyện quái lạ.» (Tề Hài giả, chí quái giả dã 齊諧者志怪者也). Người thời bấy giờ đã biết rõ cái ngu của người Tống và cái khoa trương của người Tề.

Hán Thư - Địa Lý Chí chép: «Đất Tề được phân vùng dưới sao Hư và sao Nguy. [...] Đến nay, dân nước này thích kinh sách và học thuật, kiêu căng về công danh, thoải mái phóng khoáng nhưng mưu trí. Khuyết điểm của họ là khoác lác xa xỉ và thói bè đảng, lời nói và hành động trái ngược nhau. Họ giả trá và không theo thực tế.»[100]

Đến đời Hán, người Tề vẫn còn có tiếng là khoác lác và thích chuyện hoang đường, cho nên học thuyết của Trâu Diễn mới phát xuất từ nước Tề. *Sử Ký* chép: «Kể từ đời vua Uy (357-320) và vua Tuyên (319-301) của nước Tề, các đệ tử của Trâu Tử đã bàn luận và viết về sự chuyển vận của ngũ đức (ngũ hành). Đến đời vua Tần, người Tề dâng vua các thuyết ấy. Cho nên Thuỷ Hoàng bèn trọng dụng họ. Bọn Tống Vô Kỵ, Chính Bá Kiều, Sung Thượng, Tiện Môn Tử Cao vốn là người Yên, tu luyện Phương Tiên Đạo [để khi đắc đạo thì] thoát khỏi nhục thể và thành tiên biến hoá, thờ cúng quỷ thần. Trâu Diễn viết thiên *Chủ Vận* bàn về Âm Dương, nổi danh khắp chư hầu. Bọn phương sĩ vùng duyên hải nước Yên và nước Tề truyền bá thuật của Trâu Diễn tuy chẳng hiểu gì về nó. Từ đó một bọn tạp nham giỏi chuyện quái dị và a dua lừa bịp nổi

---

[99] ***Mạnh Tử*** **(Vạn Chương - thượng): «Hàm Khâu Mông vấn viết: "Thuấn nam diện nhi lập, Nghiêu soái chư hầu bắc diện nhi triều chi." Mạnh Tử viết: "Thử Tề đông dã nhân chi ngữ dã."»** 咸丘蒙問曰：舜南面而立，堯帥諸侯北面朝之，孟子曰：此齊東野人之語也.

[100] ***Hán Thư*** **(Địa Lý Chí): «Tề địa Hư Nguy chi phân dã dã. [...] Chí kim kỳ thổ hiếu kinh thuật, căng công danh, thư hoãn khoát đạt nhi túc trí; kỳ thất khoa xa bằng đảng, ngôn dữ hành mậu, hư trá bất tình.»** 齊地虛危之分野也... 至今其土好經術，矜功名，舒緩闊達而足智；其失誇奢朋黨，言與行謬，虛詐不情.

lên vô số kể.»[101]

Sử Ký nói Trâu Diễn đi sang nước Yên, được tôn trọng vô cùng, bởi vì thuyết Âm Dương ngũ hành từ nước Tề truyền sang nước Yên. Từ đó về sau bọn giỏi chuyện quái dị nổi lên vô số kể và bầu không khí Âm Dương ngũ hành lan toả khắp đời Tần và đời Hán.

---

[101] *Sử Ký* (Phong Thiện Thư): «Tự Tề Uy Tuyên chi thời, Trâu Tử chi đồ, luận trứ chung thuỷ ngũ đức chi vận. Cập Tần đế nhi Tề nhân tấu chi. Cố Thuỷ Hoàng thái dụng chi, nhi Tống Vô Kỵ, Chính Bá Kiều, Sung Thượng, Tiện Môn Tử Cao, tối hậu giai Yên nhân, vi Phương Tiên Đạo, hình giải tiêu hoá, y ư quỷ thần chi sự. Trâu Diễn dĩ Âm Dương Chủ Vận, hiển ư chư hầu. Nhi Yên Tề hải thượng chi phương sĩ, truyền kỳ thuật, bất năng thông. Nhiên tắc quái vu a du cẩu hợp chi đồ tự thử hưng, bất khả thắng số dã.» 自齊威宣之時，騶衍之徒，論著終始五德之運．及秦帝而齊人奏之．故始皇采用之，而宋毋忌，正伯僑，充尚，羨門高，最後皆燕人，爲方僊道，形解銷化，依於鬼神之事．騶衍以陰陽主運，顯於諸侯．而燕齊海上之方士，傳其術，不能通．然則怪迂阿諛苟合之徒自此興，不可勝數也．

CHƯƠNG 8

LÃO TỬ VÀ LÃO HỌC TRONG ĐẠO GIA

1. Lão Đam và Lý Nhĩ

Sách *Lão Tử* (tức *Đạo Đức Kinh*) tương truyền là tác phẩm của Lão Đam 老聃, người lớn tuổi hơn Khổng Tử. Sách ấy hoàn thành trước đời Khổng Tử. Nhưng ngày nay *Lão Tử* được xem là tác phẩm của người thời Chiến Quốc. Các chứng cứ liên quan vấn đề này các học giả tiền bối đã viết rõ; cho nên ở đây không cần nói chi tiết.[1] Những gì tôi đã trình bày trong mấy chương trước về tình hình học thuật ở thời thượng cổ đã chứng minh rằng *Lão Tử* chính là tác phẩm thời Chiến Quốc; bởi vì: (1) Trước đời Khổng Tử, tư nhân không viết sách, cho nên *Lão Tử* không thể xuất hiện sớm hơn *Luận Ngữ*. (2) Văn thể của *Lão Tử* không phải là thể văn vấn đáp, do đó sách này phải xuất hiện sau *Luận Ngữ* và *Mạnh Tử*. (3) Văn phong của *Lão Tử* viết theo thể *kinh* 經, nên có thể thấy sách này là tác phẩm thời Chiến Quốc.[2] Ba điểm này cùng với các chứng cứ mà các học giả tiền bối đã nêu ra, nếu ta chỉ chọn lấy một thôi, ắt khó tránh khỏi bị phạm cái lỗi mà lô-gíc gọi là «cái từ» 丐詞 (begging the question= lấy vấn đề chưa giải quyết làm luận cứ). Tuy nhiên, gộp chúng lại mà xét, thì văn thể và học thuyết của *Lão Tử* cùng các chứng cứ phụ của các phương diện khác đều cho thấy rõ sách này là tác phẩm thời Chiến Quốc. Điều ấy ắt chẳng phải là ngẫu nhiên vậy.

Lão Tử

Tư Mã Đàm nói: «Đạo gia khiến cho tinh thần người ta chuyên nhất, mọi hành động đều phải hoà hợp với cái vô hình, với sự phóng khoáng đối với vạn vật. Họ theo thuyết *đại thuận* (tuỳ thuận theo cõi tự

1 Xem: *Chu Tử Khảo Tín Lục* 洙泗考信錄 của Thôi Đông Bích 崔東壁 (1740-1816), *Lão Tử Khảo Dị* 老子考異 của Uông Trung 汪中 (1744-1794), *Bình Hồ Thích chi Trung Quốc Triết Học Sử Đại Cương* 評胡適之中國哲學史大綱 của Lương Khải Siêu 梁啓超 (1873-1929).

2 Xin xem lại chương 5, tiết 2.

nhiên) của Âm Dương gia, chọn lấy cái hay của Nho gia và Mặc gia, thâu tóm các điểm quan trọng của Danh gia và Pháp gia. Họ theo sự thay đổi của thời tiết và ứng với sự vật mà biến hoá. Họ hành động ở đời chẳng có điểm nào mà không thích nghi. Ý chỉ của họ thì giản dị và dễ thực hành. Họ hành động ít nhưng thành tựu nhiều.»[3]

Như thế đã nói rõ rằng Đạo gia khởi lên sau Nho gia, Mặc gia, Danh gia, và Pháp gia, cho nên mới rút tỉa được những điểm hay của họ. Nhưng hậu thế lại cho rằng các phái ấy đều phát xuất từ Đạo gia, đó là vì họ chưa đọc kỹ bài *Luận Lục Gia Yếu Chỉ* 論六家要旨 của Tư Mã Đàm 司馬談 (mất khoảng năm 110 TCN).[4]

Hậu thế có cái sai lầm đó bởi vì *Sử Ký* của Tư Mã Thiên đã nhận lầm Lý Nhĩ 李耳 và Lão Đam 老聃 trong truyền thuyết cùng là một người. Thực ra, thủ lĩnh của Lão học (tức là học thuyết trong quyển *Lão Tử Đạo Đức Kinh)* là Lý Nhĩ, một nhân vật thời Chiến Quốc. Còn vị «chân nhân quảng đại thời xưa» mà truyền thuyết nói, chính là Lão Đam. Lão Đam có phải là một nhân vật có thật lịch sử hay không thì không ai biết, nhưng thế gia và tịch quán của Lý Nhĩ thì Tư Mã Thiên viết rất rõ: «Lão Tử người nước Sở, huyện Khổ, làng Lệ, xóm Khúc Nhân. Tên là Nhĩ, tự là Đam, họ là Lý. [...] Lão Tử tu Đạo Đức, cái học chú trọng tự ẩn và vô danh. [...] Lão Tử là bậc quân tử ở ẩn, có con tên là Tông. Tông làm tướng nước Ngụy, được phong đất Đoạn Can. Con Tông là Chú. Con Chú là Cung. Chắt của Cung là Giả, làm quan đời vua Hiếu Văn Đế nhà Hán. Con Giả là Giải, làm thái phó cho Giao Tây Vương Ngang, vì thế gia đình ở đất Tề.»[5]

---

[3] ***Sử Ký*** **(Thái Sử Công Tự Tự** 太史公自序**): «Đạo gia sử nhân tinh thần chuyên nhất, động hợp vô hình, thiệm túc vạn vật. Kỳ vi thuật dã, nhân Âm Dương chi đại thuận, thái Nho Mặc chi thiện, toát Danh Pháp chi yếu. Dữ thời suy di, ứng vật biến hoá. Lập tục thi sự, vô sở bất nghi. Chỉ ước nhi dị thao, sự thiểu nhi công đa.»** 道家使人精神專一，動合無形，贍足萬物．其爲術也，因陰陽之大順，采儒墨之善，撮名法之要．與時推移，應物變化．立俗施事，無所不宜．指約而易操，事少而功多

[4] **Hồ Thích cho rằng Đạo gia được đề cập trong đoạn văn trên chính là Đạo gia đầu đời Hán, tức là phái mà *Hán Thư Nghệ Văn Chí* gọi là Tạp gia, chứ không phải là phái Lão Trang. Tuy nhiên *Hán Thư Nghệ Văn Chí* đều liệt kê Tạp gia lẫn Đạo gia, cho nên Tạp gia ắt không bao gồm phái Lão Trang. Đạo gia mà Tư Mã Đàm đề cập ắt bao gồm cả phái Lão Trang.**

[5] ***Sử Ký*** **(Lão Trang Thân Hàn Liệt Truyện): «Lão Tử giả, Sở, Khổ huyện, Lệ hương, Khúc Nhân lý nhân dã. Danh Nhĩ, tự Đam, tính Lý thị. [...] Lão Tử tu Đạo Đức, kỳ học dĩ tự ẩn vô danh vi vụ. [...] Lão Tử ẩn quân tử dã. Lão Tử chi tử danh Tông, Tông vi Ngụy tướng, phong ư Đoạn Can. Tông tử Chú, Chú tử Cung. Cung huyền tôn Giả, sĩ ư Hán Hiếu Văn Đế. Nhi Giả chi tử Giải, vi Giao Tây Vương ngang thái phó, nhân gia ư Tề yên.»** 老子者，楚苦縣，厲鄉，曲仁里人也．名耳，字聃，姓李氏[...]老子修道德，其學以自隱無名爲務[...]老子隱君子也．老子之子名宗，宗爲魏將，封於段干．宗子注，注子宮．宮玄孫假，仕於漢孝文帝．而假之子解，爲膠西王卬太傅，因家於齊焉．

Căn cứ vào đó, quả Lý Nhĩ là người có thật, nhưng Tư Mã Thiên lầm Lý Nhĩ với nhân vật truyền thuyết Lão Đam. Cho nên trong truyện của Lý Nhĩ mới có nhiều lời lẽ mập mờ: «Về Lão Tử, không ai biết kết cuộc thế nào. Có người nói Lão Lai Tử cũng là người nước Sở. [...] Lão Tử sống hơn 160 tuổi; có người nói hơn hai trăm tuổi. [...] Sau khi Khổng Tử mất được 129 năm, quan thái sử nhà Chu là Đam 儋 yết kiến Tần Hiến Công 秦獻公(384-362). [...] Có người nói Đam là Lão Tử; có người bảo là không phải. Đời chẳng ai biết đúng hay sai.»[6] Cho nên, truyện Lão Tử này có đoạn đầu và đoạn chót là mang tính chất lịch sử, còn đoạn giữa thì mang tính chất thần thoại, như thể Lão Đam là một vị thần đội nón và mang giày dép con người.[7]

Tuy nhiên, Tư Mã Thiên lầm lẫn chẳng phải là vô cớ. Lý Nhĩ vốn là «quân tử ở ẩn», «cái học chú trọng tự ẩn và vô danh»; cho nên khi giảng dạy thì không nêu danh của mình. Thời bấy giờ có một nhân vật truyền thuyết Lão Đam được gọi là «chân nhân quảng đại thời xưa». Lý Nhĩ mới mượn danh Lão Đam gán cho học thuyết của mình, như vậy vừa ẩn danh của mình, vừa làm cho lời lẽ thêm trọng lượng. Cho nên *Tuân Tử, Lã Thị Xuân Thu,* và *Trang Tử* (thiên Thiên Hạ) đều xem Lão học là học thuyết của Lão Đam. Tư Mã Thiên biết Lý Nhĩ là thủ lĩnh của Lão học nhưng ông lại theo cái thuyết phổ thông của người đời cho rằng Lão học là của Lão Đam; nên ông mới nhận lầm Lý Nhĩ và Lão Đam là một người. Nay theo Tư Mã Thiên, chúng ta nhận Lý Nhĩ là thủ lĩnh của Lão học thời Chiến Quốc và nhận Lý Nhĩ là nhân vật lịch sử còn Lão Đam chỉ là nhân vật truyền thuyết. Đó là hai người khác nhau.

Tuy nhiên, có lẽ sách *Lão Tử* hiện tồn đã qua sự chỉnh lý nhiều lần của người đời Hán, nên không thể nói tác giả là một người. Do đó với nhan đề chương này là *Lão Tử*, tôi xem tác phẩm *Lão Tử* là bản vị (tức là luận bàn tư tưởng trong *Lão Tử* như một tổng thể chứ không phân biệt tư tưởng của riêng cá nhân nào).

---

[6] **«Lão Tử [...] mạc tri kỳ sở chung. Hoặc viết, Lão Lai Tử diệc Sở nhân dã. [...] Cái Lão Tử bách hữu lục thập dư tuế, hoặc ngôn nhị bách dư tuế. [...] Tự Khổng Tử tử chi hậu, bách nhị thập cửu niên, nhi *Sử Ký* Chu thái sử Đam kiến Tần Hiến Công. [...] Hoặc viết Đam tức Lão Tử; hoặc viết phi dã. Thế mạc tri kỳ nhiên phủ.»** 老子[...]莫知其所終.或曰老萊子亦楚人也 [...]蓋老子百有六十餘歲,或言二百餘歲[...]自孔子死之後,百二十九年,而史記周太史儋見秦獻公[...] 或曰儋即老子;或曰非也.世莫知其然否.

[7] **Ý tưởng đoạn này tôi theo *Chu Tần Chư Tử Khảo* 周秦諸子考 của Lưu Nhữ Lâm** 劉汝霖.

2. Lão học và Trang học

Lão học được phê bình trong *Tuân Tử*, được khen ngợi trong *Trang Tử* (thiên Thiên Hạ), được giải thích và nêu thí dụ trong *Hàn Phi Tử*, và đều được các kẻ sĩ du thuyết dẫn dụng trong *Chiến Quốc Sách*;[8] có thể thấy Lão học đã trở thành *hiển học* 顯學 (học thuyết rất thịnh hành) thời Chiến Quốc vậy.

Trước đời Hán chưa có tên gọi «Đạo gia», và học thuyết của Lão Tử cũng khác học thuyết của Trang Tử. Ở chương trước tôi đã nói học thuyết của Lão Tử tiến hơn học thuyết của Dương Chu một bậc, còn học thuyết của Trang Tử lại tiến hơn học thuyết của Dương Chu đến hai bậc. Thiên Thiên Hạ trong *Trang Tử* vốn gộp các nhà có tư tưởng tương tự làm một phái (như Doãn Văn và Tống Khanh thuộc một phái) nhưng phân biệt Lão Đam và Trang Chu là hai phái: «Xem gốc là tinh, xem vật là thô, xem tích chứa là không đủ, một mình lặng lẽ ở với thần minh. Đó là đạo thuật thời xưa. Quan Doãn và Lão Đam nghe phong cách ấy thì rất thích; bèn xây dựng học thuyết trên nguyên lý *thường vô* và *thường hữu*, trọng tâm của nó là Thái Nhất. Bề ngoài họ tỏ ra mềm yếu và khiêm hạ; bên trong họ trống rỗng và không huỷ hoại vạn vật. Quan Doãn nói: "Chớ thiết lập gì ở bản thân; sự vật có sao thì để vậy; hành động như nước; yên tĩnh như gương soi; đáp ứng như tiếng dội; mịt mờ như mất; lặng lẽ như trong trẻo. Hễ đồng ý thì hài hoà; hễ được thì mất. Chớ đi trước người khác; hãy đi sau họ." Lão Đam nói: "Biết trống, giữ mái, trở thành giòng suối cho thiên hạ. Biết trắng, chịu nhục, trở thành thung lũng cho thiên hạ." Ai cũng giành đứng trước, riêng ông đứng sau, nên ông nói: "Nhận lấy cái mà thiên hạ vất đi." Ai cũng giành lấy cái thiết thực, riêng ông nhận cái trống rỗng, nên ông nói: "Không tàng trữ mà có dư." Vì thế mà ông có dư. Hành động của ông không gắng sức và không phí công. Ông vô vi và chê cười bọn khéo léo. Ai cũng cầu hạnh phúc, riêng ông muốn uốn mình để được an toàn; ông nói: "Chỉ cầu tránh được tai hoạ." Ông xem tinh thâm là căn bản, xem sơ sài là phép tắc; ông nói: "Cứng thì bị gãy; sắc bén thì bị cùn." Ông thường khoan dung với vạn vật và không làm hại ai. Tuy Quan Doãn và Lão Đam chưa đạt tới tột đỉnh của Đạo, nhưng hai

---

[8] Thí dụ trong Tề Sách (của Chiến Quốc Sách), Nhan Xúc 顏斶 nói: «Lão Tử viết: Tuy quý tất dĩ tiện vi bản; tuy cao tất dĩ hạ vi cơ. Thị dĩ hầu vương xưng cô quả bất cốc.» 雖貴必以賤爲本；雖高必以下爲基. 是以侯王稱孤寡不穀 (Lão Tử nói: Tuy quý nhưng tất lấy tiện làm gốc; tuy cao nhưng tất lấy thấp làm nền. Cho nên các bậc hầu và vua đều tự xưng là côi cút, ít đức, không tốt.) [xem *Đạo Đức Kinh*, chương 39]

ông đều là chân nhân quảng đại thời xưa vậy.»[9]

Rồi Trang Tử nói về mình: «Lặng lẽ, không hình dáng, biến hoá, vô thường. Chết là gì? Sống là gì? Trời đất hợp thành một ư? Thần minh đi ư? Biến mất ở đâu? Hốt nhiên đi đâu? Vạn vật vốn thế, không cái nào hơn cái nào. Chúng là đạo thuật thời xưa vậy. Trang Chu nghe phong khí ấy thì thích, bèn dùng lý thuyết viển vông kỳ dị, lời lẽ hoang đường, câu chữ chẳng đầu đuôi, những ý tưởng phóng túng không thiên lệch, và không cho mình là kỳ dị. Ông thấy đời chìm đắm trong ô trọc, không thể dùng lời trang nghiêm được, nên ông dùng lời lẽ mơ hồ để diễn đạt ý tưởng, gán lời lẽ ấy cho người khác để chúng có giá trị và minh hoạ lời lẽ ấy bằng nhiều câu chuyện khác nhau. Ông một mình vãng lai với tinh thần của trời đất nhưng không xem mình cao trỗi hơn vạn vật. Ông không khen chê đúng sai, nên hoà đồng với người bình thường. Sách ông viết tuy có bút pháp mới lạ, nhưng không trái ngược sự vật nên vô hại. Từ ngữ ông dùng tuy biến hoá kỳ dị nhưng lôi cuốn dí dỏm. Ý tưởng ông dồi dào không cạn kiệt. Trên thì ngao du với đấng tạo hoá, dưới thì kết bạn với những bậc thoát khỏi sinh tử, vượt ra khỏi khởi đầu và kết thúc. Đối với Gốc (tức Đạo), ông hiểu sâu rộng; đối với Tông (cũng là Đạo), ông hài hoà và đạt tới cảnh giới tối cao. Ông thuận ứng theo sự biến hoá của vạn vật mà giải thích nguyên lý của chúng, nhưng lý lẽ của ông chưa nói ra hết và không bắt nguồn từ những người đi trước. Chúng mênh mang tối

---

[9] *Trang Tử* (Thiên Hạ): «Dĩ bản vi tinh, dĩ vật vi thô, dĩ hữu tích vi bất túc, đạm nhiên độc dữ thần minh cư. Cổ chi đạo thuật hữu tại vu thị giả, Quan Doãn, Lão Đam văn kỳ phong nhi duyệt chi. Kiến chi dĩ thường vô hữu, chủ chi dĩ Thái Nhất. Dĩ nhu nhược khiêm hạ vi biểu, dĩ không hư bất huỷ vạn vật vi thực. Quan Doãn viết: "Tại kỷ vô cư, hình vật tự trước. Kỳ động nhược thuỷ, kỳ tĩnh nhược kính, kỳ ứng nhược hưởng. Vật hồ nhược vong, tịch hồ nhược thanh. Đồng yên giả hoà, đắc yên giả thất. Vị thường tiên nhân nhi thường tuỳ nhân." Lão Đam viết: "Tri kỳ hùng, thủ kỳ thư, vi thiên hạ khê; tri kỳ bạch, thủ kỳ nhục, vi thiên hạ cốc." Nhân giai thủ tiên, kỷ độc thủ hậu. Viết: "Thụ thiên hạ chi cấu." Nhân giai thủ thực, kỷ độc thủ hư. "Vô tàng dã cố hữu dư". Vị nhiên nhi hữu dư. Kỳ hành thân dã, từ nhi bất phí, vô vi dã nhi tiếu xảo. Nhân giai cầu phúc, kỷ độc khúc toàn. Viết: "Cẩu miễn vu cữu." Dĩ thâm vi căn, dĩ ước vi kỷ. Viết: "Kiên tắc huỷ hĩ, nhuệ tắc toả hĩ." Thường khoan dung vu vật, bất tước vu nhân. Tuy vị chí vu cực, Quan Doãn, Lão Đam hồ, cổ chi bác đại chân nhân tai.» 以本爲精，以物爲粗，以有積爲不足，澹然獨與神明居。古之道術有在于是者。關尹、老聃聞其風而悅之。建之以常無有，主之以太一。以濡弱謙下爲表，以空虛不毀萬物爲實。關尹曰："在己無居，形物自著。其動若水，其靜若鏡，其應若響。芴乎若亡，寂乎若清。同焉者和，得焉者失。未嘗先人而常隨人。"老聃曰："知其雄，守其雌，爲天下溪；知其白，守其辱，爲天下谷。"人皆取先，己獨取後，曰："受天下之垢。"人皆取實，己獨取虛。"無藏也故有餘。"豁然而有餘。其行身也，徐而不費，無爲也而笑巧。人皆求福，己獨曲全，曰："苟免于咎。"以深爲根，以約爲紀，曰："堅則毀矣，銳則挫矣。"萬寬容于物，不削于人。雖未至于極，關尹老聃乎，古之博大眞人哉。

tăm, không giải thích sao cho hết được.»[10]

Theo hai đoạn văn trên, ta có thể thấy rõ Lão học và Trang học khác nhau. Trong đó «một mình lặng lẽ ở với thần minh» (đạm nhiên độc dữ thần minh cư 澹然獨與神明居) và «một mình vãng lai với tinh thần của trời đất» (độc dữ thiên địa tinh thần vãng lai 獨與天地精神往來) có ý nghĩa tương đồng mà thôi. Ngoài ra, chúng ta thấy Lão học dường như chú ý sự phân biệt trong từng cặp đối đãi: «tiên-hậu» (*trước sau*), «thư-hùng» (trống mái), «vinh-nhục», «hư-thực», v.v... Biết rằng «cứng thì bị gãy; sắc bén thì bị cùn» nên Lão học chú ý thuật tránh được tai hoạ; còn Trang học thì nhắm vào «vượt ra ngoài sinh tử, vô thuỷ vô chung». Tức là điều mà Lão học chú ý thì Trang học lại cho rằng không cần chú ý.

Sau thời Chiến Quốc, Lão học thịnh hành đầu đời Hán, còn Trang học thịnh hành cuối đời Hán. Trần Lễ 陳澧 (1810-1882) viết: «Hồng Trĩ Tồn 洪稚存 nói cái học Hoàng Lão (tức Hoàng Đế và Lão Tử) thịnh hành từ khi triều Hán nổi lên. Hán Văn Đế (tại vị 179-157) và Hán Cảnh Đế (tại vị 156-141) dùng học thuật ấy để cai trị. Đến cuối đời Hán, sự huyền bí và hư huyễn được coi trọng, cho nên từ ngữ Hoàng Lão bắt đầu bị thay thế bằng từ ngữ Lão Trang. Trong *Ngụy Chí - Vương Xán Truyện* 魏志王粲傳, Trần Thọ 陳壽 nói rằng Kê Khang 稽康 thích nói về Lão Trang. Lão và Trang được ghép chung một tên để luận bàn thực sự bắt đầu từ đấy. Các nhà chú giải Lão Tử như họ Lân

---

[10] ***Trang Tử*** **(Thiên Hạ): «Tịch mịch vô hình, biến hoá vô thường, tử dữ? Sinh dữ? Thiên địa tinh dữ? Thần minh vãng dữ? Mang hồ hà chí? Hốt hồ hà thích? Vạn vật tất la, mạc túc dĩ quy. Cổ chi đạo thuật hữu tại ư thị giả, Trang Chu văn kỳ phong nhi duyệt chi. Dĩ mậu du chi thuyết, hoang đường chi ngôn, vô đoan nhai chi từ, thời thứ túng nhi thẳng, bất kỳ kiến chi dã. Dĩ thiên hạ vi trầm trọc, bất khả dữ trang ngữ. Dĩ chi ngôn vi mạn diễn, dĩ trọng ngôn vi chân, dĩ ngụ ngôn vi quảng. Độc dữ thiên địa tinh thần vãng lai, nhi bất ngạo nghễ vu vạn vật. Bất khiển thị phi, dĩ dữ thế tục xử. Kỳ thư tuy côi vĩ, nhi liên phiên vô thương dã. Kỳ từ tuy sâm si, nhi xúc quỷ khả quan. Bỉ kỳ sung thực, bất khả dĩ đĩ. Thượng dữ tạo vật giả du, nhi hạ dữ ngoại tử sinh, vô chung thuỷ giả vi hữu. Kỳ vu bản dã, hoằng đại nhi tích, thâm hoằng nhi tứ; kỳ vu tông dã, khả vị trù thích nhi thượng toại hĩ. Tuy nhiên, kỳ ứng vu hoá nhi giải vu vật dã, kỳ lý bất kiệt, kỳ lai bất thuế, mang hồ muội hồ, vị chi tận giả.»** 寂寞無形,變化無常,死與?生與?天地並與?神明往與?芒乎何之?忽乎何適?萬物畢羅,莫足以歸.古之道術有在於是者,莊周聞其風而悅之.以謬悠之說,荒唐之言,無端崖之辭,時恣縱而儻,不觭見之也.以天下沈濁,不可與莊語.以卮言曼衍,以重言爲眞,以寓言爲廣.獨與天地精神往來,而不敖倪於萬物.不譴是非,以與世俗處.其書雖瑰瑋,而連狘無傷也.其辭雖參差,而諔詭可觀.彼其充實,不可以已.上與造物者游,而下與外死生,無終始者爲友.其于本也,弘大而辟,深閎而肆;其于宗也,可謂稠適而上遂矣.雖然,其應于化而解于物也,其理不竭,其來不蜕,芒乎昧乎,未之盡者.

鄰, họ Phó 傅, họ Từ 徐, Hà Thượng Công 河上公, Lưu Hướng 劉向, Vô Khâu Vọng Chi 毋丘望之, Nghiêm Tuân 嚴遵, v.v... đều là người trước đời Tây Hán; họ chẳng có lời nào đề cập Trang Tử. Các nhà chú giải *Trang Tử* bắt đầu từ đời Tấn, như Thanh Hà 清河, Thôi Tuyển 崔譔, Hướng Tú 向秀, Tư Mã Bưu 司馬彪, Quách Tượng 郭象, Lý Di 李頤, v.v...»[11]

Tư Mã Đàm nói về Đạo gia rằng: «Họ theo sự thay đổi của thời tiết và ứng với sự vật mà biến hoá. Họ hành động ở đời chẳng có điểm nào mà không thích nghi. Ý chỉ của họ thì giản dị và dễ thực hành. Họ hành động ít nhưng thành tựu nhiều.»[12] *Hán Thư Nghệ Văn Chí* gọi Đạo gia là «quân nhân nam diện chi thuật» 君人南面之術 (thuật cai trị của vua). Nói chung, thuật ngữ «Đạo gia» mà người đời Hán gọi chính là Lão học vậy. Lão học trình bày phương pháp đối phó với cuộc đời, còn Trang học thì vượt lên cả vấn đề nhân sự. Như Trần Lễ nói, «cái học Hoàng Lão thịnh hành từ khi triều Hán nổi lên», chủ yếu lấy thanh tĩnh vô vi mà cai trị; đó là Lão học. «Đến cuối đời Hán, sự huyền bí và hư huyễn (*huyền hư* 玄虛) được coi trọng», Lão Tử cũng được giải thích theo tinh thần của Trang Tử nên cùng được gọi chung một tên là «Lão Trang». Kỳ thực, ngay từ đầu, triết học của hai nhà vốn khác nhau: Lão là Lão, mà Trang là Trang.

Danh từ «Đạo gia» bắt đầu do người đời Hán đặt ra để gọi chung Lão và Trang. Tuy cái học của hai nhà khác nhau, nhưng họ được xem là cùng một phái vì phản đối mọi chế độ tư tưởng truyền thống bấy giờ. Ngoài ra, hai quan niệm căn bản về Đạo và Đức trong Lão học và Trang học cũng tương đồng, nên người đời Hán gọi họ bằng một tên chung là Đạo gia. Tư Mã Đàm gọi Đạo gia là «Đạo Đức gia», có thể thấy rằng ông cũng xem Đạo và Đức là hai khái niệm căn bản của Đạo gia.

3. Tinh thần của người nước Sở

Lý Nhĩ 李耳 là người nước Sở.[13] *Luận Ngữ* gọi những người như ông là «ẩn giả» 隱者 (kẻ ở ẩn). Theo *Sử Ký*, chính tại nước Sở, Khổng Tử đã gặp những ẩn giả ấy. Người Sở vốn là dân tộc phi Hán (non-

---

[11] Trần Lễ 陳澧, *Đông Thục Độc Thư Ký* 東塾讀書記.

[12] *Sử Ký* (Thái Sử Công Tự Tự 太史公自序): «Dữ thời suy di, ứng vật biến hoá. Lập tục thi sự, vô sở bất nghi. Chỉ ước nhi dị thao, sự thiểu nhi công đa.» 與時推移, 應物變化. 立俗施事, 無所不宜. 指約而易操, 事少而功多.

[13] Derk Bodde chú: Sở là nước lớn ở miền nam Trung Quốc cổ đại, cát cứ nơi mà nay là vùng Hà Nam, Hồ Nam, Hồ Bắc, An Huy.

Chinese) mới khởi lập, nền văn hoá không cao. Mạnh Tử nói: «Kẻ man di ở miền nam miệng lưỡi khó hiểu ấy (tức Hứa Hành) chẳng theo đạo của tiên vương (tức Nghiêu Thuấn).»[14] Lại nói: «Trần Lương là người nước Sở; thích cái học của Chu Công và Trọng Ni, nên du học ở miền bắc Trung Quốc. Trong số các học giả miền bắc, chẳng ai giỏi hơn ông.»[15] Có thể thấy người nước Sở hâm mộ văn hoá nhà Chu, phải du học ở miền bắc thì mới thu hoạch được nó.

Tuy nhiên người Sở không thấm nhuần lợi ích của văn hoá nhà Chu, nên họ không bị nền văn hoá nhà Chu câu thúc. Do đó họ có nhiều tư tưởng rất mới mẻ. *Hán Thư* - Địa Lý Chí viết: «Nước Sở dồi dào tài nguyên từ sông Dương Tử, sông Hán, các sông ngòi, ao đầm, rừng núi. Dân thường có đủ thực phẩm, nên lười nhác, không màng tích chứa; ăn uống đầy đủ, không lo sợ đói lạnh, cũng chẳng cần thành nhà giàu đến ngàn lượng vàng. Họ tin quỷ thần và đồng cốt, thích thờ cúng trọng thể.»[16] Tuy nhiên, trong *Ly Tao* 離騷, Khuất Nguyên 屈原 (người nước Sở) viễn du do quỷ thần lôi kéo. Thái độ của ông đối với quỷ thần mang tính thi ca chứ không phải tôn giáo. Trong bài Thiên Vấn 天問, ông đưa ra những chất vấn đối với các truyền thuyết về người và thần; đồng thời nêu các vấn đề như sự phát sinh vũ trụ, sự vận hành của mặt trời mặt trăng. Có lẽ vì người Sở nói chung «cả tin quỷ thần và đồng cốt, thích thờ cúng trọng thể» nên một số phần tử trí thức có tư tưởng tiến bộ đã nổi lên chống lại.

Những kẻ ở ẩn đều có thái độ chống lại nền chính trị đương thời. Như bọn Hứa Hành, không những chống lại nền chính trị đương thời mà còn chống lại các chế độ xã hội chính trị truyền thống nữa. Những kẻ gọi là Đạo gia về sau, giữa đời Chu và đời Tần, cũng đều chống lại mọi chế độ tư tưởng truyền thống. Hai quyển *Lão Tử* và *Trang Tử* chính là hai đại

---

[14] *Mạnh Tử* (Đằng Văn Công - thượng): «Nam man quyết thiệt chi nhân, phi tiên vương chi đạo.» 南蠻鴃舌之人，非先王之道.

[15] *Mạnh Tử* (Đằng Văn Công - thượng): «Trần Lương, Sở sản dã. Duyệt Chu Công Trọng Ni chi đạo, bắc học ư Trung Quốc. Bắc phương chi học giả, vị năng hoặc chi tiên dã.» 陳良，楚產也. 悅周公仲尼之道，北學於中國. 北方之學者，未能或之先也.

[16] *Hán Thư* (Địa Lý Chí): «Sở hữu Giang Hán xuyên trạch sơn lâm chi nhiêu, dân [...] thực vật thường túc. Cố tử dũ thâu sinh, nhi vong tích tụ. Ẩm thực hoàn cấp, bất ưu đống cơ, diệc vong thiên kim chi gia. Tín vu quỷ, trọng dâm tự.» 楚有江漢川澤山林之饒，民[...] 食物常足. 故皆偷媮生，而亡積聚. 飲食還給，不憂凍饑，亦亡千金之家. 信巫鬼，重淫祀.

biểu quan trọng của họ.[17]

4. Đạo và Đức

Danh từ *Thiên* 天 thời xưa chính là đấng chủ tể mà ta gọi là Ông Trời. Sự tin tưởng vào Ông Trời như vậy được Khổng Tử nhìn nhận và được Mặc Tử đề xướng. Tuy nhiên, Mạnh Tử có lúc sử dụng danh từ *Thiên* với ý nghĩa duy tâm đạo đức, tức là nó không còn ám chỉ một đấng Thượng Đế mang hình dáng con người đặt ra những quy luật đạo đức. Lão Tử khi nói «Thiên địa bất nhân» 天地不仁 (chương 5) là đã thủ tiêu ý nghĩa duy tâm và đạo đức của *Thiên* rồi vậy. Danh từ *Đạo* thời xưa đều hàm ý «nhân đạo» (đạo làm người); đến khi quyển *Lão Tử* ra đời, danh từ *Đạo* mới mang ý nghĩa siêu hình. Lão Tử cho rằng trời đất và vạn vật đều sinh ra từ một «nguyên lý chung» (tổng nguyên lý 總原理); và nguyên lý chung đó được gọi là «Đạo». Cho nên Hàn Phi Tử nói: «Đạo là cái khiến vạn vật hiện hữu như thế, và là cái mà các nguyên lý đều tương hợp. Lý là văn vẻ của vạn vật đã thành tựu; Đạo là cái khiến vạn vật thành tựu. Cho nên nói: "Đạo là cái tạo ra các nguyên lý." Hễ vật đã có nguyên lý thì chúng không xâm phạm nhau (tức là cái nào ra cái đó). [...] Mỗi vật đều có lý riêng của nó. Mỗi vật đều có lý riêng của nó mà Đạo thì tương hợp với các lý ấy. Vì tương hợp với các lý khác nhau ấy nên Đạo luôn biến hoá. Luôn biến hoá nên nó vô thường.»[18]

Mỗi vật đều có nguyên lý riêng của nó, mà cái «nguyên lý chung» (tổng nguyên lý 總原理) sinh ra vạn vật tức là Đạo vậy. Lão Tử nói: «Có một vật hỗn độn mà nên, sinh trước trời đất; yên lặng, trống không; đứng một mình mà chẳng thay; đi khắp nơi mà không mỏi. Có thể làm mẹ thiên

---

[17] **Học giả Nhật Koyanagi Koshita (Tiểu Liễu Tư Khí Thái 小柳司氣太) đã liệt kê rất nhiều ẩn giả nước Sở. Họ được đề cập trong *Tiền Hán Thư, Luận Ngữ, Hàn Phi Tử, Lã Thị Xuân Thu,* v.v... Rồi ông nêu ra những ý tưởng giống nhau trong bài Viễn Du và Ngư Phủ của Khuất Nguyên, những ý giống nhau trong *Lão Tử* và *Trang Tử*. Xem bài viết bằng tiếng Nhật của ông nhan đề «*Văn hoá sử thượng sở kiến chi cổ đại Sở quốc*» (Nước Sở cổ đại trong văn hoá sử), in trong *Toho Gakuho* (Đông Phương Học Báo), Tokyo, số 1, tháng 3 năm 1931, tr.196-228.**

[18] ***Hàn Phi Tử* (Giải Lão): «Đạo giả, vạn vật chi sở nhiên dã, vạn lý chi sở kê dã. Lý giả, thành vật chi văn dã; đạo giả, vạn vật chi sở dĩ thành dã. Cố viết: "Đạo, lý chi giả dã." Vật hữu lý bất khả dĩ tương bạc. [...] vạn vật các dị lý, vạn vật các dị lý nhi đạo tận. Kê vạn vật chi lý, cố bất đắc bất hoá; bất đắc bất hoá, cố vô thường thao.»** 道者，萬物之所然也，萬理之所稽也．理者，成物之文也；道者，萬物之所以成也．故曰："道，理之者也．"物有理不可以相薄 [...] 萬物各異理，萬物各異理而道盡．稽萬物之理，故不得不化；不得不化，故無常操．

hạ. Ta không biết tên, đặt tên chữ đó là Đạo; gượng gọi tên đó là Lớn.»[19]

Lại nói: «Đại Đạo tràn lan bên phải, bên trái. Vạn vật nhờ nó mà sinh, nhưng nó không nói gì. Hoàn thành việc rồi nhưng nó không xưng là có. Thương yêu nuôi dưỡng muôn loài mà nó không làm chủ.»[20]

Tác dụng của Đạo hoàn toàn không có ý chí, chỉ là theo tự nhiên mà thôi; cho nên Lão Tử nói: «Người bắt chước Đất, Đất bắt chước Trời; Trời bắt chước Đạo; Đạo bắt chước tự nhiên.»[21]

Đạo là «nguyên lý chung» sinh ra vạn vật, tác dụng của Đạo cũng là tác dụng của vạn vật, nhưng vạn vật sở dĩ thành vạn vật cũng là do ở Đạo. Cho nên nói: «Đạo thường không làm gì, nhưng qua nó cái gì cũng được làm.»[22]

Do đó có thể nói: Đạo là nguyên lý sinh ra vạn vật nhưng nó khác với sự vật mà nó sinh ra. Sự vật có thể gọi tên thì gọi là Hữu, nhưng Đạo không phải là sự vật, nên chỉ có thể gọi là Vô; nhưng Đạo có thể sinh ra trời đất và vạn vật, nên Đạo cũng có thể gọi là Hữu. Vậy có thể nói Đạo vừa Hữu vừa Vô. Vô là ám chỉ cái thể của Đạo; Hữu là ám chỉ cái dụng của Đạo. Lão Tử nói: «Hễ Đạo mà có thể gọi được, thì nó không phải là Đạo bất biến. Hễ tên mà có thể gọi được, thì nó không phải là tên bất biến. Không tên là gốc của trời đất, có tên là mẹ của muôn vật. Cho nên, về cái Vô bất biến, ta muốn thấy chỗ vi diệu của nó. Về cái Hữu bất biến, ta muốn thấy chỗ giới hạn của nó. Hai cái đó cùng một nguồn gốc, nhưng tên khác nhau, đều gọi là Huyền. Huyền rồi càng huyền, nó chính là cửa nẻo sinh ra mọi điều huyền diệu.»[23]

---

[19] ***Lão Tử*** **(chương 25): «Hữu vật hỗn thành, tiên thiên địa sinh. Tịch hề, liêu hề, độc lập nhi bất cải. Chu hành nhi bất đãi. Khả dĩ vi thiên hạ mẫu. Ngô bất tri kỳ danh; tự chi viết Đạo, cưỡng vi chi danh viết Đại.»** 有物混成,先天地生.寂兮寥兮,獨立而不改,周行而不殆,可以爲天下母.吾不知其名,字之曰道,強爲之名曰大.

[20] ***Lão Tử*** **(chương 34): «Đại Đạo phiếm hề, kỳ khả tả hữu. Vạn vật thị chi nhi sinh nhi bất từ. Công thành bất danh hữu. Ái dưỡng vạn vật nhi bất vi chủ.»** 大道氾兮,其可左右.萬物恃之而生而不死.功成不名有.愛養萬物而不爲主.

[21] ***Lão Tử*** **(chương 25): «Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp Đạo, Đạo pháp tự nhiên.»** 人法地,地法天,天法道,道法自然.

[22] ***Lão Tử*** **(chương 37): «Đạo thường vô vi nhi vô bất vi.»** 道常無爲而無不爲.

[23] ***Lão Tử*** **(chương 1): «Đạo khả đạo phi thường Đạo. Danh khả danh phi thường danh. Vô danh thiên địa chi thủy. Hữu danh vạn vật chi mẫu. Cố thường vô, dục dĩ quan kỳ diệu. Thường hữu, dục dĩ quan kỳ kiếu. Thử lưỡng giả, đồng xuất nhi dị danh. Đồng vị chi huyền. Huyền chi hựu huyền. Chúng diệu chi môn.»** 道可道,非常道.名可名,非常名.無名天地之始;有名萬物之母.故常無,欲以觀其妙.常有,欲以觀其徼.此兩者,同

«Hai cái đó» tức là Hữu và Vô. Hữu và Vô cùng xuất ra từ Đạo; nên chúng là hai phương diện của Đạo. Lão Tử lại nói: «Đạo sinh Một, một sinh Hai, Hai sinh Ba, Ba sinh vạn vật. Vạn vật đều cõng Âm, ôm Dương, và là sự dung hoà của hai khí Âm Dương.»[24]

Lại nói: «Thiên địa vạn vật sinh ra từ Hữu, Hữu sinh ra từ Vô.»[25]

Trang Tử nói: «[Quan Doãn và Lão Đam] xây dựng học thuyết trên nguyên lý *thường vô* và *thường hữu*, trọng tâm của nó là Thái Nhất.»[26] *Thường vô* và *thường hữu* là hai phương diện của Đạo vậy. Thái Nhất là Nhất trong câu «Đạo sinh Nhất». «Thiên địa vạn vật sinh ra từ Hữu», vậy Hữu phải chăng là Thái Nhất? Nhị là thiên địa. Tam là khí Âm, khí Dương, và khí dung hoà (hoà khí). Diễn ra ý đó, Trang Tử nói: «Khí cực Âm thì rất tĩnh, khí cực Dương thì rất động. Cái tĩnh phát xuất từ đất, cái động phát xuất từ trời. Hai khí ấy giao hoà, rồi vạn vật được sinh ra.»[27]

Tôi đã nói Đạo tức là Vô, nhưng cái Vô này là đối với cái Hữu của sự vật cụ thể mà nói, chứ chẳng phải là số không. Đạo là «nguyên lý chung» (tổng nguyên lý) sinh ra vạn vật, sao có thể nói «Đạo bằng không» cho được? Lão Tử nói: «Đạo sinh ra muôn vật, hoảng hoảng hốt hốt nhưng trong vẫn có *tượng* (=hình ảnh của Đạo). Hoảng hoảng hốt hốt nhưng trong vẫn có *vật* (=bản thể của Đạo). Mờ mịt nhưng trong vẫn có

出而異名.同謂之玄.玄之又玄.衆妙之門.– **LAM chú: Chương này ngắt câu ý như bản chép của Phùng Hữu Lan, và tôi dịch nương theo bản tiếng Anh của Derk Bodde. Ngắt câu khác, ý nghĩa sẽ khác. Trương Vĩnh Minh 張榮明 đã đưa ra 7 cách giải thích chương này, nơi bài *«Lão Tử Thứ Chương Thất Giải»* 老子各章七解 (7 cách giải chương 1 của quyển *Lão Tử*) in trong tập *Đạo-Phật-Nho Tư Tưởng Dữ Trung Quốc Truyền Thống Văn Hoá* 道佛儒思想與中國傳統文化 (tư tưởng Tam Giáo và văn hoá truyền thống của Trung Quốc), Thượng Hải Nhân Dân xbx, 1994, tr.51-68.**

[24] ***Lão Tử* (chương 42): «Đạo sinh Nhất, Nhất sinh Nhị, Nhị sinh Tam, Tam sinh vạn vật. Vạn vật phụ Âm nhi bão Dương, xung khí dĩ vi hòa.»** 道生一,一生二,二生三,三生萬物.萬物負陰而抱陽,沖氣以爲和.

[25] ***Lão Tử* (chương 40): «Thiên địa vạn vật sinh ư Hữu, Hữu sinh ư Vô.»** 天地萬物生於有,有生於無.

[26] ***Trang Tử* (Thiên Hạ): «Kiến chi dĩ thường vô hữu, chủ chi dĩ Thái Nhất.»** 建之以常無有,主之以太一.

[27] ***Trang Tử* (Điền Tử Phương): «Chí Âm túc túc, chí Dương hách hách. Túc túc xuất hồ thiên, hách hách phát hồ địa. Lưỡng giả giao thông thành hoà nhi vật sinh yên.»** 至陰肅肅,至陽赫赫.肅肅出乎天,赫赫發乎地.兩者交通成和之萬物生焉. **Phùng Hữu Lan chú: «Hai chữ *thiên* và *địa* ngờ rằng phải hoán vị với nhau.»**

tinh (=tinh hoa của Đạo). Tinh ấy rất chân thực; bên trong lại có tín.»[28]

«Hoảng, hốt» ngụ ý nó không có sự hiện hữu như sự vật cụ thể. «Có tượng, có vật, có tinh» ngụ ý nó chẳng phải là không có gì hết. Lão Tử (chương 14) nói «Hình trạng không có hình trạng; hình tượng không có vật» (Vô trạng chi trạng, vô vật chi tượng 無狀之狀,無物之象). Vương Bật 王弼 (226-249) chú: «Ta muốn nói nó là Vô nhưng sự vật đã hình thành từ nó; muốn nói nó là Hữu nhưng ta không thấy hình dáng của nó.» (Dục ngôn Vô da, nhi vật do dĩ thành; dục ngôn Hữu da, nhi bất kiến kỳ hình 欲言無耶而物由以成;欲言有耶而不見其形).

Đạo là «nguyên lý chung» (tổng nguyên lý) sinh ra vạn vật, chứ không phải là sự vật cụ thể. Cho nên ta khó chỉ nó ra như một vật cụ thể, hoặc hình dung nó với một cái tên như tên của sự vật cụ thể. Đó là vì mỗi cái tên đều có một sức mạnh hạn chế và quyết định nó. Gọi cái này là cái này, tức là đã quyết định nó là cái này chứ không là cái kia. Đạo thì chu lưu không ngừng (chu hành nhi bất đãi 周行而不殆), nó ở đây mà cũng ở kia, nó là cái này mà cũng là cái kia. Cho nên Lão Tử nói: «Đạo thường vô danh.» 道常無名 (chương 32). Lại nói: «Đạo ẩn vô danh.» 道隱無名 (chương 41). Hàn Phi Tử nói: «Mỗi vật đều có lý riêng của nó mà Đạo thì tương hợp với các lý ấy. Vì tương hợp với các lý khác nhau ấy nên Đạo luôn biến hoá. Luôn biến hoá nên nó vô thường.»[29] Về cơ bản, ta không thể lấy tên mà đặt tên cho nó, cho nên «đặt tên chữ đó là Đạo» (tự chi viết Đạo 字之曰道) cũng là miễn cưỡng mà thôi.

Đạo là «nguyên lý chung» (tổng nguyên lý) sinh ra vạn vật. Đức là nguyên lý sinh ra một vật, tức là cái lý mà Hàn Phi Tử nói: «Mỗi vật đều có lý riêng của nó.» Lão Tử nói: «Hình dạng của Đức lớn chỉ tuân theo Đạo.»[30] Lại nói: «Đạo sinh, Đức dưỡng, vật chất cho hình, hoàn cảnh tác thành vạn vật. Cho nên vạn vật đều tôn Đạo, quí Đức. Sự cao trọng của Đạo và Đức chẳng nhờ ai ban, vì Đạo và Đức tự nhiên vốn đã cao trọng.»[31]

---

[28] ***Lão Tử*** **(chương 21): «Đạo chi vi vật, duy hoảng duy hốt. Hốt hề, hoảng hề, kỳ trung hữu tượng. Hoảng hề, hốt hề kỳ trung hữu vật. Yểu hề minh hề, kỳ trung hữu tinh. Kỳ tinh thậm chân, kỳ trung hữu tín.»** 道之爲物,惟恍惟惚.惚兮恍兮,其中有象.恍兮惚兮,其中有物.窈兮冥兮,其中有精.其精甚眞,其中有信.

[29] ***Hàn Phi Tử*** **(Giải Lão): «Vạn vật các dị lý nhi đạo tận. Kê vạn vật chi lý, cố bất đắc bất hoá; bất đắc bất hoá, cố vô thường thao.»** 萬物各異理而道盡.稽萬物之理,故不得不化;不得不化,故無常操.

[30] ***Lão Tử*** **(chương 21): «Khổng đức chi dung, duy Đạo thị tùng.»** 孔德之容,惟道是從.

[31] ***Lão Tử*** **(chương 51): «Đạo sinh chi, đức súc chi, vật hình chi, thế thành chi. Thị dĩ vạn vật mạc bất tôn Đạo nhi quí Đức. Đạo chi tôn, Đức chi quí, phù mạc chi mệnh, nhi thường tự nhiên.»** 道生之,德畜之,物形之,勢成之.是以萬物莫不尊道而貴德.道之尊,德之貴,夫莫之命而常自然.

Quản Tử nói: «Đức là chỗ ở của Đạo, vật có được Đức mới sinh ra. Sinh vật có được Đức mới hoạt động. Nó là cái tinh của Đạo. Cho nên Đức 德 là *đắc* 得 (có được), tức là hễ có được Đức thì một vật mới là chính nó. Vô vi thì gọi là Đạo, chỗ ở của Đạo là Đức. Cho nên Đạo và Đức không ngăn cách, hễ ai nói về chúng thì không phân biệt chúng.»[32]

«Đức là chỗ ở của Đạo» (Đức giả Đạo chi xá 德者道之舍). Đức là Đạo cư ngụ trong vạn vật; nói cách khác, Đức là cái mà vật có được từ Đạo để cho vật là chính nó. Cách giải thích về mối quan hệ giữa Đạo và Đức rất tinh tế. Khi Lão Tử nói «Đạo sinh, Đức dưỡng», thì mối quan hệ giữa Đạo và Đức dường như cũng có ý nghĩa đó. Tuy nhiên, không chỗ nào trong quyển *Lão Tử* giải thích thật rõ ràng về nó.

Lã Cát Phủ 呂吉甫 (thế kỷ 11 CN) bình câu «vật hình chi, thế thành chi» 物形之，勢成之 rằng: «Khi chúng trở thành vật, thì chúng chỉ có một hình dạng đặc thù. [...] Khi có hình rồi, loài nào phải loã lồ thì loã lồ, loài nào phải có vẩy, có lông thì có vẩy, có lông; phải trải qua trẻ, lớn, già, chết thì trẻ, lớn, già, chết. Cái thế của chúng tất nhiên phải như vậy.»[33] «Vật hình chi» tức là sự cụ thể hoá một vật. Vật phải trở thành thứ mà cái thế lực khiến nó phải như thế; đó là tác dụng của Đạo và Đức, và nó là điều tự nhiên. Cho nên nói: «Sự cao trọng của Đạo và Đức chẳng nhờ ai ban, vì Đạo và Đức tự nhiên vốn đã cao trọng.» (Đạo chi tôn, Đức chi quí, phù mạc chi mệnh, nhi thường tự nhiên 道之尊，德之貴，夫莫之命而常自然).

5. Quan sát sự vật

Lão Tử cho rằng trong vũ trụ sự biến hoá của sự vật tuân theo quy luật gọi là «thường» 常. Hàn Phi Tử nói: «Hễ sự vật có còn có mất, có tử có sinh, lúc đầu thịnh sau đó suy thì không gọi là *thường*. Chỉ khi nào nó cùng sinh lúc trời đất mới phân và đến khi trời đất tiêu tan mà cũng không suy bại tử vong thì đó mới gọi là *thường*.»[34]

---

[32] ***Quản Tử*** **(Tâm Thuật - thượng): «Đức giả Đạo chi xá, vật đắc dĩ sinh. Sinh tri đắc dĩ chức Đạo chi tinh. Cố Đức giả đắc dã, đắc dã giả, kỳ vị sở đắc dĩ nhiên dã, dĩ vô vi chi vị Đạo, xá chi chi vị Đức. Cố đạo chi dữ Đức vô gián. Cố ngôn chi giả bất biệt dã.»** 德者道之舍，物得以生．生知得以職道之精．故德者得也，得也者，其謂所得以然也，以無爲之謂道，舍之之謂德．故道之與德無間．故言之者不別也．

[33] **Được trích dẫn bởi Tiêu Hoằng 焦竑 (1541-1620) trong *Lão Tử Dực* 老子翼, quyển 5, tr.2.**

[34] ***Hàn Phi Tử*** **(Giải Lão): «Phù vật chi nhất tồn nhất vong, sạ tử sạ sinh, sơ thịnh nhi hậu suy giả, bất khả vị thường. Duy phù dữ thiên địa chi phẫu phán dã cụ sinh, chí thiên địa chi tiêu tán dã bất tử bất suy giả vị thường.»** 夫物之一存一亡，乍死乍生，初盛而後衰者，不可謂常．唯夫與天地之剖判也具生，至天地之消散也不死不衰者謂常．

Chữ «thường» 常 có ý nghĩa phổ biến và vĩnh cửu, nên Đạo được gọi là «thường Đạo» (Đạo hằng cửu). Còn cái Đạo nào mà có thể diễn đạt được bằng lời nói thì không phải là «thường Đạo» (Đạo khả đạo phi thường Đạo 道可道非常道). Từ trong Đạo phát xuất ra Đức, gọi là «thường Đức»: «*Thường Đức* không bị làm sai thì ta trở về vô cực. [...] *Thường Đức* đầy đủ thì ta trở về mộc mạc.»[35]

Đạo là Vô thì gọi là «thường Vô». Đạo là Hữu thì gọi là «thường Hữu».

Đạo không thể hình dung được nên gọi là «Đạo thường vô danh» 道常無名 (chương 32).

Về công dụng của Đạo thì nói: «Đạo thường không làm gì, nhưng qua nó cái gì cũng được làm.»[36]

Về sự tôn quý của Đạo và Đức thì nói: «Sự cao trọng của Đạo và Đức chẳng nhờ ai ban, vì Đạo và Đức tự nhiên vốn đã cao trọng.»[37]

Về quy luật có thể phát hiện ở nhân sự thì nói:

– «Muốn được thiên hạ phải dùng vô vi.» (Thủ thiên hạ thường dĩ vô sự 取天下常以無事. Chương 48).

– «Người dân làm việc, thường thất bại lúc sắp thành công.» (Dân chi tùng sự, thường ư cơ thành nhi bại chi 民之從事, 常於幾成而敗之. Chương 64).

– «Luôn có đấng Tư Sát (quản lý việc giết chóc) để giết hại.» (Thường hữu tư sát giả sát 常有司殺者殺. Chương 74).

– «Thiên đạo không thân ai, mà thường gia ân cho người lành.» (Thiên đạo vô thân, thường dữ thiện nhân 天道無親, 常與善人. Chương 79).

Hễ là những quy luật chung thì vĩnh viễn bất biến. Biết được các quy luật đó thì đáng quý, nó gọi là «minh» 明 (sáng suốt). Lão Tử nói: «Vạn vật trùng trùng đều trở về cội. Trở về cội là tĩnh; tĩnh là phục mệnh. Phục

---

[35] ***Lão Tử* (chương 28): «Thường Đức bất thắc, phục quy ư vô cực. [...] Thường Đức nãi túc, phục quy ư phác.»** 常德不忒, 復歸無極 [...] 常德乃足, 復歸於朴.

[36] ***Lão Tử* (chương 37): «Đạo thường vô vi nhi vô bất vi.»** 道常無爲而無不爲.

[37] ***Lão Tử* (chương 51): «Đạo chi tôn, Đức chi quí, phù mạc chi mệnh, nhi thường tự nhiên.»** 道之尊, 德之貴, 夫莫之命而常自然.

mệnh tức là *thường* (trường cửu), biết *thường* mới là sáng suốt.»[38]

Lão Tử nhiều lần nói đến «tri thường viết minh» (biết *thường* mới là sáng suốt), do đó ta có thể biết cái đáng quý của *minh*: «*Biết thường* (tức là *minh*) sẽ khoan dung. Khoan dung là công bình. Công bình thì bao quát. Bao quát là lớn. Lớn là Đạo. Đạo thì trường cửu. Dù thân có mất cũng chẳng hại gì.»[39]

Chữ «dung» 容 ở đây là chữ «dung» trong câu «thường khoan dung ư vật» 常寬容於物 (thường khoan dung đối với mọi vật) mà Trang Tử nói về Lão Tử (ở thiên Thiên Hạ). Người *tri thường* thì noi theo *lẽ thường* mà hành động, không cẩu thả làm theo ý riêng, do đó mà công bình. Đạo chu lưu không ngừng và gượng gọi là Lớn.[40] Người *tri thường* thì noi theo *lẽ thường* mà hành động, cũng có thể gọi là chu lưu không ngừng. Cho nên nói: «Công bình thì bao quát. Bao quát là lớn. Lớn là Đạo. Đạo thì trường cửu. Dù thân có mất cũng chẳng hại gì.» «Tri thường» thì noi theo lẽ thường mà hành động, đó gọi là «tập minh» 襲明 (luyện tập sự sáng; hai chữ *tập* 襲 và 習 xưa dùng thông nhau): «Cho nên thánh nhân thường khéo cứu người, nên không có ai bị bỏ; thường khéo cứu vật, nên không có vật nào bị bỏ. Thế gọi là luyện tập sự sáng.»[41]

«Tập minh» 襲明 cũng gọi là «tập thường» 習常 (tập theo lẽ thường): «Thấy được cái tế vi mới là sáng, giữ được sự mềm yếu mới là mạnh. [...] Thân không sợ tai ương, đó là tập theo lẽ thường.»[42]

Hễ không biết quy luật chung của những biến hoá của sự vật trong vũ trụ và cứ tuỳ ý mà hành động, chúng ta ắt gặp hậu quả bất lợi: «Không biết thường sẽ làm càn và gây hung họa.»[43]

---

[38] ***Lão Tử*** **(chương 16): «Phù vật vân vân, các qui kỳ căn. Qui căn viết tĩnh, tĩnh viết phục mạng. Phục mạng viết thường, tri thường viết minh.»** 夫物芸芸,各歸其根.歸根曰靜,靜曰復命.復命曰常,知常曰明.

[39] ***Lão Tử*** **(chương 16): «Tri thường, dung. Dung nãi công. Công nãi vương. Vương nãi thiên. Thiên nãi Đạo. Đạo nãi cửu. Một thân bất đãi.»** 知常,容.容乃公.公乃王.王乃天.天乃道.道乃久.没身不殆. – **Mã Dĩ Sơ** 馬夷初 **trong** ***Lão Tử Hạch Hổ*** 老子覈詁 **cho rằng chữ** ***vương*** 王 **là chép lầm chữ** ***chu*** 周, **chữ** ***thiên*** 天 **là chép lầm chữ** ***đại*** 大.

[40] ***Lão Tử*** **(chương 25): «Chu hành nhi bất đãi. [...] Cưỡng vi chi danh viết Đại.»** 周行而不殆 [...] 強爲之名曰大.

[41] ***Lão Tử*** **(chương 27): «Thị dĩ thánh nhân, thường thiện cứu nhân, cố vô khí nhân; thường thiện cứu vật cố vô khí vật. Thị vị tập minh.»** 是以聖人常善救人,故無棄人;常善救物,故無棄物.是謂襲明.

[42] ***Lão Tử*** **(chương 52): «Kiến tiểu viết minh, thủ nhu viết cường. [...] Vô di thân ương, thị vi tập thường.»** 見小曰明,守柔曰強 [...] 無遺身殃,是爲習常.

[43] ***Lão Tử*** **(chương 16): «Bất tri thường, vọng tác, hung.»** 不知常,妄作,凶.

Quy luật lớn nhất trong các quy luật chung ấy là: Khi sự vật phát triển đến cực điểm thì nó phản ngược lại. Đó gọi là «phản» 反 hay «phục» 復:

– «Trở về là cái động của Đạo.»[44]

– «[Ta không biết tên, đặt tên nó là Đạo; gượng gọi là Lớn.] Lớn là đi, đi là xa, xa là trở lại.»[45]

– «Vạn vật cùng hành động, ta nhân đó xem chúng trở về.»[46]

«Phản» 反 là cái động của Đạo. Cho nên:

– «Họa là nơi phúc dựa; phúc là nơi họa nấp. [...] Chính trở lại thành tà, thiện trở lại thành ác.»[47]

«Khiếm khuyết sẽ toàn vẹn. Cong sẽ ngay. Trũng sẽ đầy. Cũ sẽ mới. Ít sẽ được. Nhiều sẽ u mê.»[48]

– «Gió lốc không suốt buổi sáng, mưa rào không suốt cả ngày.»[49]

– «Ai lấy Đạo giúp thiên tử thì không dùng binh mà cưỡng ép thiên hạ, vì chiến tranh có vay có trả.»[50]

– «Đạo Trời phải chăng như giương cung? Cao thì ép xuống, thấp thì nâng lên, thừa thì bớt đi, không đủ thì bù vào.»[51]

– «Cái mềm nhất trong trời đất chi phối được cái cứng nhất trong trời đất.»[52]

---

[44] ***Lão Tử*** **(chương 40): «Phản giả Đạo chi động.»** 反者道之動.

[45] ***Lão Tử*** **(chương 25): «Đại viết thệ, thệ viết viễn, viễn viết phản.»** 大曰逝,逝曰遠,遠曰反.

[46] ***Lão Tử*** **(chương 16): «Vạn vật tịnh tác, ngô dĩ quan kỳ phục.»** 萬物並作,吾以觀其復.

[47] ***Lão Tử*** **(chương 58): «Họa hề phúc chi sở ỷ; phúc hề họa chi sở phục. [...] Chính phục vi kỳ, thiện phục vi yêu.»** 禍兮,福之所倚;福兮,禍之所伏[...] 正復爲奇,善復爲妖.

[48] ***Lão Tử*** **(chương 22): «Khúc tắc toàn; uổng tắc trực; bóa tắc doanh; tệ tắc tân; thiểu tắc đắc; đa tắc hoặc.»** 曲則全,枉則直,窪則盈,敝則新,少則得,多則惑.

[49] ***Lão Tử*** **(chương 23): «Phiêu phong bất chung triêu, sậu vũ bất chung nhật.»** 飄風不終朝,驟雨不終日.

[50] ***Lão Tử*** **(chương 30): «Dĩ Đạo tá nhân chủ giả, bất dĩ binh cưỡng thiên hạ, kỳ sự hiếu hoàn.»** 以道佐人主者,不以兵強天下,其事好還.

[51] ***Lão Tử*** **(chương 77): «Thiên chi Đạo, kỳ do trương cung dư? Cao giả ức chi, hạ giả cử chi, hữu dư giả tổn chi, bất túc giả bổ chi.»** 天之道,其猶張弓歟?高者抑之,下者舉之,有餘者損之,不足者補之.

[52] ***Lão Tử*** **(chương 43): «Thiên hạ chi chí nhu, trì sính thiên hạ chi chí kiên.»** 天下之至柔,馳騁天下之至堅.

– «Trong thiên hạ không gì mềm yếu hơn nước; thế mà nó lại công phá được tất cả những gì cứng rắn. Chẳng chi hơn nó.»[53]

– «Sự đời bớt là thêm, thêm là bớt.»[54]

Những câu trích dẫn trên cho thấy những quy luật tự nhiên của sự vật. Lão Tử đặc biệt phát hiện ra chúng và thuật lại, chứ không hề cố ý tạo ra luận thuyết dị kỳ, mặc dù người bình thường thấy chúng vô cùng kỳ quái. Cho nên:

– «Lời ngay nghe chướng tai.»[55]

– «Kẻ sĩ thấp kém nghe Đạo thì cả cười. Nếu không bị cười, Đạo không đủ xem là Đạo.»[56]

6. Cách xử thế

Sự biến hoá của sự vật trong vũ trụ có những quy luật như thế, thì kẻ «tri thường viết minh» khi xử thế tiếp vật ắt phải có một phương pháp nhất định. Chúng ta muốn ra sao thì trước tiên phải làm trái ngược:

– «Muốn làm cho chùng, thì hãy giương ra cho thẳng. Muốn làm cho suy yếu, thì hãy giúp cho mạnh thêm. Muốn vất bỏ, thì hãy làm hưng vượng. Muốn muốn cướp lấy, thì hãy trao tặng.»[57]

– «Yêu nhiều ắt tổn nhiều; chứa nhiều ắt mất nhiều.»[58]

Đó chẳng phải Lão Tử trọng âm mưu, mà chỉ thuật lại những gì mình phát hiện thôi. Làm ngược lại, tức là muốn làm cho chùng, thì giương ra cho thẳng; muốn làm cho suy yếu, thì giúp cho mạnh thêm. Cho nên:

– «Thánh nhân để thân ra sau mà thân ở trước; để thân ra ngoài mà

---

[53] ***Lão Tử*** **(chương 78): «Thiên hạ mạc nhu nhược ư thủy, nhi công kiên cường giả, mạc chi năng thắng.»** 天下莫柔弱於水，而功堅強者，莫之能勝.

[54] ***Lão Tử*** **(chương 42): «Vật hoặc tổn chi nhi ích, hoặc ích chi nhi tổn.»** 物或損之而益，或益之而損.

[55] ***Lão Tử*** **(chương 78): «Chính ngôn nhược phản.»** 正言若反.

[56] ***Lão Tử*** **(chương 41): «Hạ sĩ văn Đạo, đại tiếu chi. Bất tiếu, bất túc dĩ vi Đạo.»**下士聞道，大笑之.不笑，不足以爲道.

[57] ***Lão Tử*** **(chương 36): «Tương dục hấp chi, tất cố trương chi. Tương dục nhược chi, tất cố cường chi. Tương dục phế chi, tất cố hưng chi. Tương dục đoạt chi, tất cố dữ chi.»** 將欲歙之，必故張之；將欲弱之，必故強之；將欲廢之，必故興之；將欲奪之，必故與之.

[58] ***Lão Tử*** **(chương 44): «Thậm ái tất thậm phí; đa tàng tất hậu vong.»** 甚愛必甚費，多藏必厚亡.

thân còn. Phải chăng vì không riêng tư, nên vẫn thành được cái riêng tư?»[59]

– «Không phô trương nên sáng; không tự cho mình là phải nên hiển dương; không kể công nên có công; không khoe mình nên hơn người; vì không tranh với ai nên không ai tranh với mình.»[60]

– «Thánh nhân suốt đời không cho mình là lớn, cho nên thành tựu việc lớn.»[61]

– «Sang lấy hèn làm gốc, cao lấy thấp làm nền. Vì thế bậc vương hầu xưng mình là côi cút, ít đức.»[62]

– «Hễ nước lớn mà hạ mình trước nước nhỏ, thì sẽ thu phục được nước nhỏ; hễ nước nhỏ mà hạ mình trước nước lớn thì sẽ được lòng nước lớn.»[63]

«Cho nên muốn ngồi trên dân, ắt phải lấy lời mà hạ mình; muốn đứng trước dân, ắt phải để thân mình ra sau. [...] Vì không tranh với ai, nên không ai tranh với mình.»[64]

– «Khoan từ nên hùng dũng; tiết kiệm nên rộng rãi; không dám ở trước thiên hạ nên thành bậc lãnh đạo thiên hạ.»[65]

– «Xem bệnh là bệnh nên không bệnh.»[66]

Đấy là cách thức xử thế của kẻ «tri thường viết minh». Một sự vật khi phát triển đến cực điểm thì biến thành phản diện của nó. Hễ ai muốn duy trì sự phát triển đừng biến thành phản diện, thì trước tiên phải khống chế phần tử phản diện hàm chứa trong đó, để sự phát triển không đạt

[59] ***Lão Tử*** **(chương 7): «Thánh nhân hậu kỳ thân nhi thân tiên, ngoại kỳ thân nhi thân tồn. Phi dĩ kỳ vô tư da? Cố năng thành kỳ tư.»** 聖人后其身而身先,外其身而身存.非以其無私耶?故能成其私.

[60] ***Lão Tử*** **(chương 22): «Bất tự hiện cố minh, bất tự thị cố chương; bất tự phạt cố hữu công, bất tự căng cố trưởng; phù duy bất tranh cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh.»** 不自見故明,不自是故彰;不自伐故有功,不自矜故長;夫唯不爭故天下莫能與之爭.

[61] ***Lão Tử*** **(chương 34): «Thánh nhân chung bất tự vi đại, cố năng thành kỳ đại.»** 聖人終不自爲大,故能成其大.

[62] ***Lão Tử*** **(chương 39): «Quí dĩ tiện vi bản, cao dĩ hạ vi cơ. Thị dĩ hầu vương tự vị cô quả, bất cốc.»** 貴以賤爲本,高以下爲基.是以侯王自謂孤寡,不穀.

[63] ***Lão Tử*** **(chương 61): «Đại quốc dĩ hạ tiểu quốc, tắc thủ tiểu quốc; tiểu quốc dĩ hạ đại quốc, tắc thủ đại quốc.»** 大國以下小國,則取小國;小國以下大國,則取大國.

[64] ***Lão Tử*** **(chương 66): «Thị dĩ dục thượng dân tất dĩ ngôn hạ chi. Dục tiên dân tất dĩ thân hậu chi. [...] Dĩ kỳ bất tranh, cố thiên hạ mạc năng dữ chi tranh.»** 是以欲上民必以言下之.欲先民必以身後之.[...]以其不爭,故天下莫能與之爭.

[65] ***Lão Tử*** **(chương 67): «Từ cố năng dũng; kiệm cố năng quảng; bất cảm vi thiên hạ tiên cố năng thành khí trưởng.»** 慈故能勇;儉故能廣;不敢爲天下先故能成器長.

[66] ***Lão Tử*** **(chương 71): «Phù duy bệnh bệnh, thị dĩ bất bệnh.»** 夫唯病病,是以不病.

được cực điểm. Cho nên:

-- «Sáng về Đạo dường như tăm tối; tiến về Đạo nhường như thụt lùi; ngang với Đạo đường như cục cằn; đức cao đường như hang suối; thật trong trắng dường như bợn nhơ; đức dồi dào dường như không đủ; đức vững chắc dường như cẩu thả; chất thực dường như biến đổi; hình vuông lớn không góc.»[67]

– «Viên mãn mà như bất toàn, nhưng dùng không bao giờ hỏng. Thực đầy mà như vơi, nhưng dùng không bao giờ hết. Thẳng băng mà như cong. Rất khéo mà như vụng về. Rất hùng biện mà như ấp úng.»[68]

Kẻ «tri thường viết minh» biết chân tướng sự vật là thế, cho nên: «Biết trống, giữ mái, làm khe lạch cho thiên hạ. [...] Biết trắng, giữ đen, làm phép tắc cho thiên hạ. [...] Biết vinh, giữ nhục, làm hang sâu cho thiên hạ.»[69]

Nói tóm lại: «Thánh nhân vất bỏ sự vượt trội, sự xa xỉ, sự thái quá.»[70] Sở dĩ thế vì e rằng sự vật phát triển thái quá thì sẽ phản ngược. Cho nên:

– «Giữ cho đầy mãi, chẳng bằng dừng lại. Mài cho nhọn bén, chẳng giữ được lâu. Vàng ngọc đầy nhà, chẳng thể giữ được. Giàu sang mà kiêu, tự vời tai họa. Công thành danh toại, thì nên thoái lui. Đó là đạo trời.»[71]

· «Kẻ giữ Đạo thì không muốn đầy.»[72]

Hegel cho rằng sự tiến hoá của lịch sử luôn trải qua ba giai đoạn: *chính* 正 (thesis), *phản* 反 (antithesis), *hợp* 合 (synthesis). Sự vật từ cực

---

[67] ***Lão Tử*** **(chương 41): «Minh Đạo nhược muội; tiến Đạo nhược thoái; di Đạo nhược lỗi; thượng đức nhược cốc; đại bạch nhược nhục; quảng đức nhược bất túc; kiến đức nhược thâu; chất chân nhược du; đại phương vô ngung.»** 明道若昧；進道若退；夷道若類；上德若谷；大白若辱；廣德若不足；建德若偷；質眞若渝；大方無隅.

[68] ***Lão Tử*** **(chương 45): «Đại thành nhược khuyết, kỳ dụng bất tệ. Đại doanh nhược xung, kỳ dụng bất cùng. Đại trực nhược khuất. Đại xảo nhược chuyết. Đại biện nhược nột.»** 大成若缺，其用不弊．大盈若沖，其用不窮．大直若屈，大巧若拙，大辯若訥

[69] ***Lão Tử*** **(chương 28): «Tri kỳ hùng, thủ kỳ thư, vi thiên hạ khê. [...] Tri kỳ bạch, thủ kỳ hắc, vi thiên hạ thức. [...] Tri kỳ vinh, thủ kỳ nhục, vi thiên hạ cốc.»** 知其雄，守其雌，爲天下溪[...]知其白，守其黑，爲天下式[...]知其榮，守其辱，爲天下谷．

[70] ***Lão Tử*** **(chương 29): «Thánh nhân khử thậm, khử xa, khử thái.»** 聖人去甚，去奢，去泰.

[71] ***Lão Tử*** **(chương 9): «Trì nhi doanh chi, bất như kỳ đĩ. Sủy nhi nhuệ chi, bất khả trường bảo. Kim ngọc mãn đường, mạc chi năng thủ. Phú quí nhi kiêu, tự di kỳ cữu. Công thành, danh toại, thân thoái, thiên chi đạo.»** 持而盈之，不如其已．揣而銳之，不可長保．金玉滿堂，莫之能守．富貴而驕，自遺其咎．功成名遂身退，天之道.

[72] ***Lão Tử*** **(chương 15): «Bảo thử Đạo giả bất dục doanh.»** 保此道者不欲盈.

đoan này tiến sang cực đoan kia, tức là từ *chính* tiến sang *phản*. «Thẳng băng mà như cong; rất khéo mà như vụng.» Nếu chỉ thẳng băng, ắt biến thành cong; nếu chỉ khéo léo, ắt thành vụng về. Chỉ khi thẳng bao hàm cong, khéo bao hàm vụng, thì mới gọi «thẳng băng» (đại trực) và «rất khéo» (đại xảo), tức là cái *hợp* của *chính* và *phản* vậy. Vì thế, thẳng băng thì không cong (nó chỉ có vẻ như cong); rất khéo thì không vụng (nó chỉ có vẻ như vụng). Kẻ «tri thường viết minh» thì biết trống giữ mái, luôn ở giai đoạn *hợp* (của *chính* và *phản*), nên suốt đời không bị tai hoạ.[73]

7. Triết học về chính trị và xã hội

Cái quy luật «vật cực tắc phản» 物極則反 (sự vật tiến đến cực điểm thì trở ngược) nói trên đây ở phương diện nào cũng đúng cả. Chẳng hạn: Năm màu làm vui mắt nhưng hễ thái quá thì làm mù mắt; năm âm làm vui tai nhưng hễ thái quá thì làm điếc tai.[74]

Suy rộng nguyên lý ấy, ta thấy rằng các chế độ chính trị và xã hội thường gây ra hậu quả trái ngược với mục đích ban đầu của chúng. Lão Tử nói: «Thiên hạ càng nhiều kỵ húy, dân càng nghèo. Dân càng lắm lợi khí, quốc gia càng tối tăm. Dân càng tài khéo, vật lạ càng nẩy sinh. Pháp lệnh càng rõ rệt, trộm cướp càng nhiều.»[75]

Pháp lệnh vốn để phòng trộm cướp, nhưng pháp lệnh càng rõ rệt, trộm cướp càng nhiều. Cũng thế, người cai trị thiên hạ vốn muốn làm được điều gì đó, nhưng nếu lấy cái hữu vi mà cầu mong, rốt cuộc sẽ không làm được gì cả. Cho nên:

– «Thiên hạ là đồ vật linh thiêng, không thể làm (theo ý mình). Hễ làm thì hỏng; hễ giữ thì mất.»[76]

---

[73] **Trình tự phát sinh của các bộ phận trong một hệ thống triết học không nhất thiết phải tương đồng với trình tự lô-gíc. Chương này trình bày triết học của Lão Tử, chú trọng trình tự lô-gíc; cho nên trước tiên giải thích Đạo và Đức, rồi giảng tính chất *phản* và *phục* của Đạo. Tuy nhiên cũng có thể giảng trình tự phát sinh triết học của Lão Tử hoặc tác giả của sách *Lão Tử*. Trước tiên ta có cái sự thực của *phản* và *phục* được thấy trong các câu đại loại như «pháp lệnh tư chương, đạo tặc đa hữu» 法令滋彰,盜賊多有 (pháp lệnh càng rõ rệt, trộm cướp càng sinh ra nhiều), rồi quy nạp chúng thành lý luận về *phản* và *phục*.**

[74] *Lão Tử* (chương 12): «Ngũ sắc lệnh nhân mục manh; ngũ âm lệnh nhân nhĩ lung.» 五色令人目盲;五音令人耳聾.

[75] *Lão Tử* (chương 57): «Thiên hạ đa kỵ húy nhi dân di bần. Dân đa lợi khí, quốc gia tư hôn. Nhân đa kỹ xảo, kỳ vật tư khởi. Pháp lệnh tư chương, đạo tặc đa hữu.» 天下多忌諱而民彌貧.民多利器,國家滋昏.人多伎巧,奇物滋起.法令滋彰,盜賊多有.

[76] *Lão Tử* (chương 29): «Thiên hạ thần khí, bất khả vi dã. Vi giả bại chi; chấp giả thất chi.» 天下神器,不可爲也.爲者敗之;執者失之.

– «Dân khó trị. Bởi người trên bày vẽ lôi thôi, nên dân khó trị.»[77]

Hơn nữa, dân mong sống thái quá thì mong sống hoá ra mong chết. Lão Tử nói:

– «Con người sinh ra đời liền bị 13 nguyên do đưa vào cõi chết. Tại sao? Vì con người muốn sống cho hết mức.»[78]

– «Quá ham sống thì hại.»[79]

– «Dân khinh cái chết, chính là vì muốn sống cho sung túc hậu hĩ, nên mới khinh cái chết.»[80]

Vì thế thánh nhân khi cai trị thiên hạ thì chú trọng việc thủ tiêu mọi nguyên do dẫn đến loạn. Ngài bài trừ pháp lệnh và nhân nghĩa; lấy *vô vi* mà làm; lấy *bất trị* mà trị. *Vô vi* sẽ phản ngược thành *vô bất vi* (gì cũng được làm); *bất trị* sẽ phản ngược thành *vô bất trị* (gì cũng được trị). Lão Tử nói: «Ta vô vi mà dân tự khai hóa. Ta ưa tĩnh mà dân tự chân chính. Ta không bày vẽ mà dân tự giàu có. Ta không ham muốn mà dân tự chất phác.»[81]

Cũng thế, thánh nhân nuôi dưỡng sự sống đều lấy *bất dưỡng* để nuôi dưỡng nó: «Ai không ham sống thì sống tốt hơn kẻ ham sống.»[82]

«Người bắt chước Đất, Đất bắt chước Trời; Trời bắt chước Đạo; Đạo bắt chước tự nhiên.»[83] Tức là người cũng bắt chước tự nhiên. Những điều đã nói trên đây cũng tương hợp với lý lẽ con người bắt chước tự nhiên.

Tuy nhiên, con người trong cõi trời đất nếu muốn duy trì sự sống cũng không thể không tạo tác, nhất là không thể để sự sống phát triển đến cực điểm kẻo nó sinh ra hậu quả trái ngược:

---

77 ***Lão Tử*** **(chương 75): «Dân chi nan trị, dĩ kỳ thượng chi hữu vi, thị dĩ nan trị.»** 民之難治,以其上之有爲,是以難治.

78 ***Lão Tử*** **(chương 50): «Nhân chi sinh, động chi tử địa diệc thập hữu tam. Phù hà cố? Dĩ kỳ sinh sinh chi hậu.»** 人之生,動之死地亦十有三.夫何故?以其生生之厚.

79 ***Lão Tử*** **(chương 55): «Ích sinh viết tường.»** 益生曰祥.– **LAM chú: Các bản chú giải đều nói chữ *tường*** 祥 **bao gồm cả điềm lành lẫn điềm dữ, ở đây, nó nghĩa là tai hoạ, là bất tường.**

80 ***Lão Tử*** **(chương 75): «Dân chi khinh tử, dĩ kỳ cầu sinh chi hậu, thị dĩ khinh tử.»** 民之輕死,以其求生之厚,是以輕死.

81 ***Lão Tử*** **(chương 57): «Ngã vô vi nhi dân tự hóa. Ngã hiếu tĩnh nhi dân tự chính. Ngã vô sự nhi dân tự phú. Ngã vô dục nhi dân tự phác.»** 我無爲而民自化;我好靜而民自正;我無事而民自富;我無欲而民自樸.

82 ***Lão Tử*** **(chương 75): «Phù duy vô dĩ sinh vi giả, thị hiền ư quý sinh.»** 夫惟無以生爲者,是賢於貴生.

83 ***Lão Tử*** **(chương 25): «Nhân pháp địa, địa pháp thiên, thiên pháp Đạo, Đạo pháp tự nhiên.»** 人法地,地法天,天法道,道法自然.

– «Khi chất phác tán ra, nó thành đồ dùng. Thánh nhân dùng nó thì đứng đầu các quan.»[84]

«Đạo thường không tên. Sự chất phác tuy nhỏ, nhưng nó lớn hơn mọi thứ trong thiên hạ. [...] Bắt đầu có quy chế, mới có tên. Đã có tên phải biết dừng. Biết dừng mới không bị hại.»[85]

Trong vũ trụ, Đạo thì không tên, còn vạn vật thì có tên. Xã hội con người ban đầu vốn không tên, mà Lão Tử gọi là «chất phác». Khi các định chế xã hội phát triển, thì mới có tên, như Lão Tử nói: «Khi chất phác tán ra, nó thành đồ dùng. Thánh nhân dùng nó thì đứng đầu các quan.» «Đã có tên phải biết dừng. Biết dừng mới không bị hại.» Tức là chớ để các định chế ấy trở nên quá nhiều kẻo sinh ra hậu quả tai hại.

8. Thái độ của Lão Tử đối với *dục* và *tri*

Lão Tử thường nói đến *dục* 欲 (ham muốn). Người ta chào đời vốn đã có dục, lại nghĩ ra biết bao cách thức để thoả dục. Càng có nhiều cách thoả dục thì càng không thoả mãn hết dục, mà con người càng bị hại. Đó gọi là «quá ham sống thì hại» (ích sinh viết tường 益生曰祥), «sự đời thêm là bớt» (Vật hoặc ích chi nhi tổn 物或益之而損). Như thế đặt ra nhiều cách thoả dục chẳng bằng *quả dục* 寡欲 (bớt dục). Dục càng giảm bớt thì càng dễ thoả mãn, mà con người cũng càng được lợi. Đó gọi là «sự đời bớt là thêm» (vật hoặc tổn chi nhi ích 物或損之而益), «ai không ham sống thì sống tốt hơn kẻ ham sống» (phù duy vô dĩ sinh vi giả, thị hiền ư quý sinh 夫惟無以生爲者,是賢於貴生). Cách quả dục là giảm bớt đối tượng được ham muốn. Lão Tử nói:

– «Không sùng thượng hiền tài, để cho dân không tranh. Không quí của khó được, để cho dân không trộm cướp. Không phô trương những gì kích thích lòng ham muốn, để cho lòng dân không loạn. Vì vậy phép trị nước của thánh nhân là làm cho dân: Trống lòng; No bụng; Yếu chí; Mạnh xương. Thường khiến cho dân không biết, không ham.»[86]

---

[84] *Lão Tử* (chương 75): «Phác tán tắc vi khí; thánh nhân dụng chi, tắc vi quan trưởng.» 樸散則爲器,聖人用之,則爲官長.

[85] *Lão Tử* (chương 32): «Đạo thường vô danh. Phác tuy tiểu, thiên hạ mạc năng thần dã. [...] Thủy chế hữu danh, danh diệc ký hữu, phù diệc tương tri chỉ. Tri chỉ khả bất đãi.» 道常無名.樸雖小,天下莫能臣也.[...]始制有名,名亦既有,夫亦將知止.知止可以不殆.

[86] *Lão Tử* (chương 3): «Bất thượng hiền, sử dân bất tranh. Bất quí nan đắc chi hóa, sử dân bất vi đạo. Bất kiến khả dục, sử dân tâm bất loạn. Thị dĩ thánh nhân chi trị, hư kỳ tâm, thực kỳ phúc, nhược kỳ chí, cường kỳ cốt. Thường sử dân vô tri vô dục.» 不尚賢,使民不爭.不貴難得之貨,使民不爲盜.不見可欲,使民心不亂.是以聖人之治,虛其心,實其腹,弱其志,強其骨.常使民無知無欲.

– «Dứt thánh bỏ trí, dân lợi gấp trăm. Dứt nhân bỏ nghĩa dân trở lại hiếu từ. Dứt khéo bỏ lợi, không có trộm cướp. Ba điều đó hào nhoáng bên ngoài, chẳng đủ vào đâu. Phải chú trọng điều này: Giữ tinh anh, ôm chất phác, ít riêng tư, ít ham muốn.»[87]

«Chuyển hóa mà muốn tạo tác bày vẽ, ta sẽ trấn tĩnh bằng cái mộc mạc không tên. Mộc mạc không tên ắt không ham muốn. Không ham muốn để được yên tĩnh, do đó thiên hạ sẽ tự ổn định.»[88]

Các đoạn trích dẫn trên đều nói đến vô dục. Nhưng vô dục chính là quả dục, bởi vì Lão Tử muốn cho dân «no bụng, mạnh xương». Con người không thể vô dục tuyệt đối được, trừ phi muốn tuyệt diệt sự sống tận gốc như nhà Phật. Cho nên cái xã hội lý tưởng của Lão Tử xem trọng «ăn ngon, mặc đẹp, ở yên, sống sướng»[89] tức là người dân không tuyệt đối phải vô dục; ý của Lão Tử chỉ muốn dân bỏ sự thái quá và xa xỉ mà thôi (khử thậm, khử xa, khử thái). Nguyên do là vì:

– «Biết đủ thì không nhục; biết dừng thì không nguy; có thể trường cửu.»[90]

«Không họa nào lớn bằng không biết đủ; không hại nào lớn bằng muốn được của. Cho nên tự biết đủ, thì luôn đủ.»[91]

Lão Tử nói: «Trị người và thờ trời, không gì bằng tiết độ.»[92] Quả dục cũng tức là tiết độ.

Muốn quả dục, Lão Tử phản đối tri thức, bởi vì: (1) Bản thân tri thức là một đối tượng mà ta ham muốn; (2) Tri thức có thể khiến ta biết

---

87 *Lão Tử* (chương 19): «Tuyệt thánh khí trí, dân lợi bách bội. Tuyệt nhân khí nghĩa, dân phục hiếu từ. Tuyệt xảo khí lợi, đạo tặc vô hữu. Thử tam giả dĩ vi văn, bất túc. Cố lệnh hữu sở thuộc. Kiến tố bão phác. Thiểu tư quả dục.» 絕聖棄智,民利百倍.絕仁棄義,民復孝慈.絕巧棄利,盜賊無有.此三者以爲文,不足.故令有所屬.見素抱樸.少思寡欲.

88 *Lão Tử* (chương 37): «Hóa nhi dục tác, ngô tương trấn chi dĩ vô danh chi phác. Vô danh chi phác, diệc tương vô dục. Bất dục dĩ tĩnh, thiên hạ tương tự định.» 化而欲作,吾將鎮之以無名之樸.無名之樸,亦將不欲.不欲以靜,天下將自定.

89 *Lão Tử* (chương 80): «Cam kỳ thực, mỹ kỳ phục, an kỳ cư, lạc kỳ tục.» 甘其食,美其服,安其居,樂其俗.

90 *Lão Tử* (chương 44): «Tri túc bất nhục, tri chỉ bất đãi, khả dĩ trường cửu.» 知足不辱,知止不殆,可以長久.

91 *Lão Tử* (chương 46): «Họa mạc đại ư bất tri túc; cữu mạc đại ư dục đắc. Cố tri túc chi túc, thường túc hĩ.» 禍莫大於不知足;咎莫大於欲得.故知足之足,常足矣.

92 *Lão Tử* (chương 59): «Trị nhân sự Thiên mạc nhược sắc.» 治人事天莫若嗇.

thêm nhiều đối tượng để mà ham muốn nữa, như thế khiến ta không biết đủ (bất tri túc); (3) Tri thức có thể giúp ta gắng sức đạt được đối tượng mà ta ham muốn, như thế khiến ta không biết dừng (bất tri chỉ). Đó gọi là «vì học mà ngày càng thêm ham muốn.»[93] Lão Tử nói: «Trí tuệ sinh,

Lão Tử và tiểu đồng gặp quan lệnh Doãn Hỉ tại Hàm Cốc quan

nên có dối trá lớn.»[94] Lại nói: «Dân mà khó trị chính là vì nhiều trí mưu. Cho nên dùng trí trị nước chính là phá nước; không dùng trí trị nước tức là phúc cho nước.»[95]

«Không dùng trí trị nước tức là phúc cho nước», cho nên «dứt thánh bỏ trí, dân lợi gấp trăm» và «dứt tuyệt học vấn thì khỏi lo nghĩ» (tuyệt học vô ưu 絕學無憂). Lão Tử nói: «Cho nên thánh nhân muốn cái mà không ai muốn; không chuộng những của cải khó tìm; học cái mà không ai học; cải thiện lỗi lầm của chúng dân.»[96]

---

93 *Lão Tử* (chương 48): «Vi học nhật ích.» 爲學日益.

94 *Lão Tử* (chương 18): «Trí tuệ xuất, hữu đại ngụy.» 智慧出,有大僞.

95 *Lão Tử* (chương 65): «Dân chi nan trị, dĩ kỳ trí đa. Cố dĩ trí trị quốc, quốc chi tặc. Bất dĩ trí trị quốc, quốc chi phúc.» 民之難治,以其智多.故以智治國,國之賊.不以智治國,國之福.

96 *Lão Tử* (chương 64): «Thị dĩ thánh nhân dục bất dục; bất quý nan đắc chi hoá; học bất học; phục chúng nhân chi sở quá.» 是以聖人欲不欲;不貴難得之貨;學不學;復衆人之所過.

«Muốn cái mà không ai muốn» (dục bất dục) tức là muốn đạt tới chỗ *vô dục* hoặc *quả dục*, nghĩa là xem *bất dục* là đối tượng của ham muốn. «Học cái mà không ai học» (học bất học) tức là muốn đạt tới chỗ *vô tri*, nghĩa là xem *bất học* là đối tượng của ham muốn. Người đời sai lầm khi xem học vấn là cái đáng học. Thánh nhân dạy ta học cái mà không ai học.

9. Nhân cách lý tưởng và xã hội lý tưởng

Sự ham muốn và hiểu biết của trẻ thơ vô cùng giản đơn. Cho nên khi Lão Tử nói đến một bậc có tu dưỡng thì thường lấy trẻ thơ để so sánh:

– «Riêng ta lặng lẽ, chẳng chút phô trương, y như trẻ thơ, chưa biết mỉm cười.»[97]

– «Khiến thiên hạ không lìa *thường đức* để trở về trạng thái trẻ thơ.»[98]

– «Có thể giữ cho nguyên khí không tán loạn, giữ vẹn thiên chân, hoàn toàn theo được đạo Trời như trẻ thơ chăng?»[99]

– «Kẻ đức dày, giống như trẻ thơ đỏ hỏn.»[100]

Thánh nhân trị thiên hạ cũng mong cho dân chúng đều như trẻ thơ (anh nhi): «Thánh nhân ở trong thiên hạ mà lòng luôn hồn nhiên, không có thiên tư, thiên kiến. Mọi người đều để tai mắt vào ngài mà ngài xem mọi người như trẻ thơ.»[101]

Lão Tử cũng thường nói đến vẻ ngu muội để hình dung một bậc có tu dưỡng, bởi vì ham muốn và hiểu biết của kẻ ngu cũng giản đơn: «Lòng ta ngu dốt thay, mù mịt tay. Người đời sáng chói, riêng ta mịt mù. Vắng lặng như biển khơi, vi vu như gió thổi. Mọi người đều có chỗ dùng, riêng ta ngu xuẩn, thô kệch.»[102]

---

[97] ***Lão Tử*** **(chương 20): «Ngã độc bạc hề kỳ vị triệu, như anh nhi chi vị hài.»** 我獨泊兮其未兆，如嬰兒之未孩.

[98] ***Lão Tử,*** **ch.28: «Thường đức bất ly, phục qui ư anh nhi.»** 常德不離，復歸於嬰兒.

[99] ***Lão Tử*** **(chương 10): «Chuyên khí trí nhu, năng anh nhi hồ?»** 專氣致柔，能如嬰兒乎.

[100] ***Lão Tử*** **(chương 55): «Hàm đức chi hậu, tỷ ư xích tử.»** 含德之厚，比於赤子.

[101] ***Lão Tử*** **(chương 49): «Thánh nhân tại thiên hạ, hấp hấp vi thiên hạ hồn kỳ tâm. Bách tính giai chú kỳ nhĩ mục, thánh nhân giai hài chi.»** 聖人在天下，歙歙爲天下渾其心. 百姓皆注其耳目，聖人皆孩之.

[102] ***Lão Tử*** **(chương 20): «Ngã ngu nhân chi tâm đã tai. Độn độn hề, chúng nhân chiêu chiêu, ngã độc hôn hôn. Chúng nhân sát sát, ngã độc muộn muộn. Đạm hề kỳ nhược hải. Liêu hề nhược vô chỉ. Chúng nhân giai hữu dĩ nhi ngã độc ngoan tự bỉ.»** 我愚人之心也哉. 沌沌兮，俗人昭昭，我獨昏昏. 俗人察察，我獨悶悶. 澹兮其若海. 飂兮若無止. 衆人皆有以而我獨頑似鄙.

Thánh nhân trị thiên hạ đều muốn dân chúng như thế, cho nên: «Thuở xưa, kẻ giỏi hành đạo thì không làm cho dân sáng, mà làm cho dân ngu.»[103]

«Không lấy trí để trị nước» tức là muốn làm cho dân ngu. Nhưng cái ngu của thánh nhân là kết quả của sự tu dưỡng, tức là cái ngu trong câu nói «đại trí dường như ngu» (đại trí nhược ngu 大智若愚), là sự hợp nhất của ngu dốt và trí tuệ; và nó khác với cái ngu bẩm sinh. Lão Tử nói «phép trị nước của thánh nhân là làm cho dân: trống lòng; no bụng; yếu chí; mạnh xương. Thường khiến cho dân không biết, không ham.» Như thế Lão Tử khiến dân an ổn với cái ngu bẩm sinh. Đó là sự khác biệt giữa dân thường và thánh nhân.

«Theo Đạo thì ngày một bớt»; nếu khiến cho *tri* (hiểu biết) và *dục* (ham muốn) của dân «đã bớt rồi lại bớt nữa, cho đến mức vô vi»[104] thì cái xã hội lý tưởng của Lão Tử đã thành tựu: «Nước nhỏ, dân ít. Dù có ít nhiều bầy tôi giỏi, cũng chưa cần đến. Dạy dân sợ chết, đừng đi xa. Tuy có xe thuyền nhưng chẳng dùng. Tuy có giáp binh nhưng chẳng phô trương. Khiến dân trở lại thắt nút dây mà dùng. Ăn ngon, mặc đẹp, ở yên, sống sướng. Nước gần, thấy nhau, gà kêu chó sủa đều nghe. Dân đến già chết chẳng lui tới nhau.»[105]

Đó là cái xã hội lý tưởng của Lão Tử. Nó chẳng phải là một xã hội dã man thời nguyên thuỷ mà bao gồm cả dã man lẫn văn minh. Dù có xe thuyền nhưng chẳng khi dùng; dù có giáp binh nhưng chẳng phô trương. Ăn ngon, mặc đẹp, ở yên, sống sướng. Một xã hội nguyên thuỷ có được thế chăng? Ta có thể nhại lời Lão Tử rằng: «Rất văn minh mà dường như dã man.» (đại văn minh nhược dã man 大文明若野蠻). Cái văn minh dường như dã man đó mới là nền văn minh lâu bền nhất.

---

[103] ***Lão Tử* (chương 65): «Cổ chi thiện vi đạo giả, phi dĩ minh dân, tương dĩ ngu chi.»** 古之善爲道者,非以明民,將以愚之.

[104] ***Lão Tử* (chương 48): «Vi Đạo nhật tổn; tổn chi hựu tổn dĩ chí ư vô vi.»** 爲道日損;損之又損,以至於無爲.

[105] ***Lão Tử* (chương 80): «Tiểu quốc quả dân, sử hữu thập bá chi khí nhi bất dụng. Sử dân trọng tử nhi bất viễn tỉ. Tuy hữu chu dư vô sở thừa chi. Tuy hữu giáp binh, vô sở trần chi. Sử dân phục kết thằng nhi dụng chi. Cam kỳ thực, mỹ kỳ phục, an kỳ cư, lạc kỳ tục. Lân quốc tương vọng. Kê khuyển chi thanh tương văn. Dân chí lão tử, bất tương vãng lai.»** 小國寡民,使有什伯之器而不用.使民重死而不遠徙.雖有舟輿無所乘之.雖有甲兵無所陳之.使民復結繩而用之.甘其食,美其服,安其居,樂其俗.鄰國相望,雞犬之聲相聞.民至老死,不相往來.

CHƯƠNG 9

HUỆ THI, CÔNG TÔN LONG, VÀ CÁC BIỆN GIẢ KHÁC

1. Khuynh hướng chung trong các học thuyết của các biện giả

Đời Hán gọi họ là «Danh gia» 名家, thời Chiến Quốc gọi họ là «Hình danh gia»[1] 刑名家 hoặc «Biện giả» 辯者 (nhà biện luận). Trang Tử nói: «Các biện giả nói: "Tách rời [thuộc tính] cứng và trắng [của phiến đá] khác nào treo riêng hai thứ ấy ra."»[2] Lại nói: «Huệ Thi 惠施 xem những lời ấy là nhất thiên hạ, nên dạy cho các biện giả. Biện giả trong thiên hạ đều vui thích. [...] Hoàn Đoàn 桓團 và Công Tôn Long 公孫龍 thuộc bọn biện giả.»[3] Có thể thấy cái học của biện giả là «hiển học» 顯學 (cái học thịnh hành) thời đó; và «biện giả» là danh từ thông dụng của phái này bấy giờ.

Trang Tử và Huệ Thi

Sách của các biện giả đều mất cả, chỉ còn sót lại tác phẩm *Công Tôn Long Tử* 公孫龍子. Nay những gì ta biết về học thuyết của Huệ Thi và các biện giả khác hầu hết là hơn mười câu nghịch lý chép ở thiên Thiên Hạ trong *Trang Tử*. Tuy nhiên, phần được nêu ra ở thiên Thiên Hạ chỉ là cái kết quả biện luận của họ thôi, còn cái tiền đề đưa đến các kết quả ấy thì

---

1 *Chiến Quốc Sách* (Triệu Sách). *Hình danh* 刑名 tức là 形名, xem Vương Minh Thịnh 王鳴盛 (1722-1797), *Thập Thất Sử Thương Xác* 十七史商榷, quyển 5.

2 *Trang Tử* (Thiên Địa): «Biện giả hữu ngôn viết: Ly kiên bạch, nhược huyền ngụ.» 辯者有言曰：離堅白，若縣寓.

3 *Trang Tử* (Thiên Hạ): «Huệ Thi dĩ thử vi đại quan ư thiên hạ, nhi hiểu biện giả. Thiên hạ chi biện giả, tương dữ lạc chi. [...] Hoàn Đoàn, Công Tôn Long, biện giả chi đồ.» 惠施以此爲大觀於天下，而曉辯者. 天下之辯者，相與樂之 [...] 桓團，公孫龍，辯者之徒.

không được nêu ra. Về lô-gíc mà nói, một kết luận đồng nhất có thể phát xuất từ các tiền đề khác nhau. Nếu ta biết một tiền đề biện luận thì ắt suy ra kết luận của nó. Nhưng nếu biết một kết luận thì không thể xác định được cái tiền đề của nó, vì có thể có nhiều tiền đề đưa đến cùng một kết luận ấy. Do đó, nói nghiêm túc, hơn mười câu nghịch lý của Huệ Thi và các biện giả khác chép ở thiên Thiên Hạ không đủ để làm một nghiên cứu lịch sử, bởi vì chúng ta có thể từ các kết luận ấy mà tuỳ ý nêu ra những tiền đề khác nhau cũng được; các nhà chú thích có thể tuỳ ý giải thích; và ta không dễ đoán định cái nào hợp với học thuyết của Huệ Thi và các biện giả khác. Tuy nhiên, trong lịch sử triết học Trung Quốc có rất ít học thuyết quan tâm đến thuần lý luận. Nếu vì lý do không rõ các tiền đề nêu trên mà không nói về phái biện giả thì nền triết học sử của Trung Quốc trở nên phiến diện. Nhưng nếu ta muốn giải thích hơn mười câu nghịch lý ấy thì trước tiên ta phải hiểu rõ các khuynh hướng tổng quát trong các học thuyết của các biện giả. Muốn hiểu các khuynh hướng tổng quát ấy, trước tiên ta phải xem các sách xưa đã trình bày và phê bình học thuyết của các biện giả như thế nào.

Trang Tử (thiên Thiên Địa) nói: «Khổng Tử hỏi Lão Đam rằng: "Có kẻ tu đạo mà làm trái ngược đạo; cái có thể thì nói là không thể; cái đúng thì nói là không đúng. Các biện giả nói: 'Tách rời [thuộc tính] cứng và trắng [của phiến đá] khác nào treo riêng hai thứ ấy ra.' Hạng người đó có thể gọi là thánh nhân chăng?"»[4]

Trang Tử (thiên Thu Thuỷ) nói: «Công Tôn Long hỏi Nguỵ Mâu: "Tôi hồi nhỏ học đạo của tiên vương, lớn lên thì hiểu được sự thực hành nhân và nghĩa. Tôi hợp cái giống và cái khác, tách rời [thuộc tính] cứng và trắng [của phiến đá], cái đúng nói là không đúng, cái có thể nói là không thể. Như thế, tôi làm hoang mang trí tuệ của các triết gia, khiến mọi người

---

[4] *Trang Tử* (Thiên Địa): «Phu Tử vấn ư Lão Đam viết: "Hữu nhân trị đạo nhược tương phóng, khả bất khả, nhiên bất nhiên. Biện giả hữu ngôn viết: 'Ly kiên bạch, nhược huyền ngụ.' Nhược thị tắc khả vị thánh nhân hồ?"» 夫子問於老聃曰："有人治道若相放，可不可，然不然．辯者有言曰：'離堅白，若縣寓．'若是則可謂聖人乎？"

cứng họng không đối đáp nổi. Tôi tự xem mình trí tuệ tột đỉnh rồi.»[5]

Trang Tử (thiên Thiên Hạ) nói: «Bọn biện giả như Hoàn Đoàn và Công Tôn Long [lấy nguỵ biện] mê hoặc lòng người và thay đổi ý nghĩ của họ; [nhưng biện giả] chỉ có thể khiến người ta không cãi lại được chứ không chinh phục lòng họ. Đó là chỗ hạn chế của bọn biện giả. [...] Nhưng Huệ Thi tự xem tài biện luận của mình là cực giỏi. [...] Ông nói trái ngược với mọi người mà lại muốn được cái danh tiếng thắng người; do đó ông không thích hợp với ai cả.»[6]

Tuân Tử (thiên Phi Thập Nhị Tử) nói: «Họ chẳng theo tiên vương, chẳng trọng lễ nghĩa, thích nói năng quái lạ và đùa bỡn lời kỳ dị, xét kỹ mà vô ích, lý luận mà vô dụng, lắm việc mà công ít. Họ không thể được xem là người giữ kỷ cương. Nhưng họ tin có cớ, lời nói của họ thành lý, đủ để lừa bọn ngu. Họ là Huệ Thi và Đặng Tích.»[7]

Tuân Tử (thiên Giải Tế) nói: «Huệ Tử bị từ ngữ che lấp mà không biết thực tế. [...] Dựa từ ngữ mà nói đạo, chỉ là lý luận hình thức thôi.»[8]

---

[5] *Trang Tử* (Thu Thuỷ): «Công Tôn Long vấn ư Nguỵ Mâu viết: "Long thiếu học tiên vương chi đạo, trưởng nhi minh nhân nghĩa chi hành; hợp đồng dị, ly kiên bạch; nhiên bất nhiên, khả bất khả; khốn bách gia chi tri, cùng chúng khẩu chi biện: Ngô tự dĩ vi chí đạt dĩ."» 公孫龍問於魏牟曰："龍少學先王之道，長而明仁義之行；合同異，離堅白；然不然，可不可；困百家之知，窮衆口之辯：吾自以爲至達已．" – LAM chú: Chỗ này không phải Công Tôn Long tự cao khoe khoang, vì các tác giả của *Trang Tử* bắt Công Tôn Long khuất phục Trang Tử, cho ông nói tiếp: «Nhưng giờ nghe lời của Trang Tử, tôi hoang mang kinh dị, không biết tôi lý luận chưa tới nơi hay trí tuệ tôi kém ông ấy. Nay tôi không mở mồm đối đáp nổi. Xin hỏi ông tại sao thế?» (Kim ngô văn Trang Tử chi ngôn, mang nhiên dị chi. Bất tri luận chi bất cập dư? Trí chi phất nhược dư? Kim ngô vô sở khai ngô uế, cẩm vấn kỳ phương? 今吾聞莊子之言，茫然異之．不知論之不及?知之弗若與?今吾無所開吾喙，敢問其方?)

[6] *Trang Tử* (Thiên Hạ): «Hoàn Đoàn, Công Tôn Long biện giả chi đồ, sức nhân chi tâm, dịch nhân chi ý, năng thắng nhân chi khẩu, bất năng phục nhân chi tâm, biện giả chi hữu dã. [...] Nhiên Huệ Thi chi khẩu đàm, tự dĩ vi tối hiền. [...] Dĩ phản nhân vi thực, nhi dục dĩ thắng nhân vi danh, thị dĩ dữ chúng bất thích dã.» 桓團，公孫龍辯者之徒，飾人之心，易人之意，能勝人之口，不能服人之心，辯者之囿也 [...]然惠施之口談，自以爲最賢 [...]以反人爲實，而欲以勝人爲名，是以與衆不適也

[7] *Tuân Tử* (Phi Thập Nhị Tử): «Bất pháp tiên vương, bất thị lễ nghĩa, nhi hiếu trị quái thuyết, ngoạn kỳ từ, thậm sát nhi bất huệ, biện nhi vô dụng, đa sự nhi quả công, bất khả dĩ vi trị cương kỷ; nhiên nhi kỳ trì chi hữu cố, kỳ ngôn chi thành lý, túc dĩ khi hoặc ngu chúng; thị Huệ Thi, Đặng Tích dã.» 不法先王，不是禮義，而好治怪說，玩琦辭，甚察而不惠，辯而無用，多事而寡功，不可以爲治綱紀；然而其持之有故，其言之成理，足以欺惑愚衆；是惠施鄧析也．

[8] *Tuân Tử* (Giải Tế): «Huệ Tử tế ư từ nhi bất tri thực. [...] Do từ vị chi đạo, tận luận hĩ.» 惠子蔽於辭而不知實 [...]由辭謂之道，盡論矣．

Tư Mã Đàm nói: «Danh gia xét kỹ những điều vặt vãnh trong các lời nói cầu kỳ phức tạp, khiến người ta không thể phản bác ý kiến của họ. Họ chuyên vào danh mà mất tình người. Do đó nói: Họ khiến người ta tiết kiệm lời mà dễ mất chân lý. Buộc *danh* phải diễn đạt đúng *thực*, so sánh và kiểm nghiệm kẻo lầm lỗi; điều đó không thể không xem xét.»[9]

Hán Thư (Nghệ Văn Chí) nói: «Cái học của Danh gia phát xuất từ bộ Lễ. Ngày xưa danh và địa vị bất đồng; lễ cũng khác. Khổng Tử nói: "Cần phải chính danh chăng? Danh không đúng thì lời không thuận, lời không thuận thì việc không thành." Đó là sở trường của Danh gia. Khi những kẻ thích tranh biện vận dụng học thuyết ấy, thì họ cãi nhau kịch liệt, gây ra chia rẽ và rối loạn.»[10]

Trên đây là những truyền thuyết và lời phê bình của người đương thời (và người sau thời đó một chút) về học thuyết của biện giả. Tuy những lời phê bình ấy chưa đúng hẳn và truyền thuyết (như Khổng Tử gặp Lão Đam) chưa đáng tin hẳn, nhưng trong đó ta thấy khuynh hướng tổng quát trong học thuyết của các biện giả. Nói cách khác, những truyền thuyết và lời phê bình ấy có thể chỉ dẫn cho chúng ta suy ra phương hướng của học thuyết ấy. Ở đây tôi nêu ra những tài liệu còn sót lại liên quan đến học thuyết của biện giả nhằm giải thích chúng. Có lẽ giải thích này cũng không sai lạc sự thực lắm.

Sách *Trang Tử*, ngoài thiên Thiên Hạ, thì ngụ ngôn và hai chuyện đã trích dẫn trên đây (từ thiên Thiên Địa và thiên Thu Thuỷ) cố nhiên không thể đoán định là có thực hay không. Tuy nhiên, lời nói và hành vi của các nhân vật lịch sử được thuật trong *Trang Tử* dù không chắc là đúng nhưng cũng cùng một loại với lời nói và hành vi chân thực của họ. Thí dụ sách *Trang Tử* thuật lại lời của Khổng Tử, tức là lời giảng về lễ nghĩa và kinh điển. Những lời ấy tuy không chắc là do Khổng Tử thực sự nói, nhưng ít nhất chúng cũng toát yếu chủ trương của Khổng Tử. Do đó, cố nhiên ta

[9] ***Sử Ký* (Thái Sử Công Tự Tự): «Danh gia hà sát kiểu nhiễu, sử nhân bất đắc phản kỳ ý, chuyên quyết ư danh, nhi thất nhân tình. Cố viết: Sử nhân kiệm nhi thiện thất chân. Nhược phù khổng danh trách thực, tam ngũ bất thất, thử bất khả bất sát dã.»** 名家苛察繳繞，使人不得反其意，專決於名，而失人情。故曰：使人儉而善失眞。若夫控名責實，參伍不失，此不可不察也。

[10] ***Hán Thư* (Nghệ Văn Chí): «Danh gia giả lưu, cái xuất ư lễ quan. Cổ giả danh vị bất đồng, lễ diệc dị số. Khổng Tử viết: "Tất dã chính danh hồ? Danh bất chính tắc ngôn bất thuận, ngôn bất thuận tắc sự bất thành." Thử kỳ sở trường dã. Cập kiểu giả vi chi, tắc cẩu câu phách tích loạn nhi dĩ.»** 名家者流，蓋出於禮官。古者名位不同，禮亦異數。孔子曰："必也正名乎？名不正則言不順，言不順則事不成。"此其所長也。及警者爲之，則苟鉤鈲析亂而已。" – **LAM chú: Chữ 鈲 đúng ra là 鈚 (Nhan Sư Cổ chú âm: *phổ cách phản* 普革反, tức là *phách*; nghĩa là *phá* 破). Xem: *Khang Hi tự điển*, mục từ 鈚.**

không thể nhìn nhận rằng lời nói và hành vi của các nhân vật lịch sử được thuật trong *Trang Tử* là chân thực. Nhưng ta có thể nhìn nhận rằng chúng biểu thị khuynh hướng tổng quát trong lời nói và hành vi của họ.

Từ những đoạn trích dẫn ở trên về biện giả, ta có thể thấy rằng học thuyết của họ hoàn toàn căn cứ trên cái gọi là danh và lý, như Tư Mã Đàm nói «họ chuyên vào danh» (chuyên quyết ư danh 專決於名). Cho nên người đời Hán gọi họ là Danh gia. Ngày nay khi giải thích học thuyết của họ, ta cần chú ý phương diện này trước hết.

2. Huệ Thi và Trang Tử

Tuân Tử đề cập Huệ Thi và Đặng Tích cùng một lượt, nhưng căn cứ *Lã Thị Xuân Thu*, Đặng Tích chỉ là người giúp dân giải quyết việc kiện tụng, ngày xưa gọi là *tụng sư* 訟師.[11] Có lẽ Đặng Tích nhờ «quỷ biện» 詭辯 (biện luận trí trá bất chấp thị phi) mà nổi danh, nên đời sau nói đến biện giả thì nhắc đến ông. Kỳ thực, biện giả coi trọng biện luận nhưng không nhất thiết coi trọng sự trí trá.

Huệ Thi họ là Huệ 惠, tên là Thi 施, tương truyền là người nước Tống[12] và là bạn của Trang Tử. *Trang Tử* (thiên Từ Vô Quỷ) chép việc Trang Tử đến viếng tang Huệ Thi, tức là tuổi tác hai ông suýt soát nhau. *Lã Thị Xuân Thu* (quyển 25, thiên Ái Loại) nói Huệ Thi chủ trương «Khử Tôn» 去尊 (bỏ địa vị tôn quý). *Hàn Phi Tử* (thiên Nội Trữ Thuyết, thượng) nói Huệ Thi «muốn hai nước Tề và Kinh bãi bỏ việc binh đao» (dục dĩ Tề, Kinh yển binh 欲以齊荊偃兵). *Trang Tử* (thiên Thiên Hạ) nói Huệ Thi «yêu khắp vạn vật, xem trời đất là một thể» (phiếm ái vạn vật thiên địa nhất thể dã 汎愛無爲而無不爲天地一體也). Như vậy Huệ Thi cũng chủ trương kiêm ái và phản đối chiến tranh giống như Mặc gia. Cho nên Hồ Thích đã xếp Huệ Thi vào phái Biệt Mặc (môn đồ về sau của Mặc Tử). Nhưng *Trang Tử* (thiên Thiên Hạ) không xem Huệ Thi là Mặc gia, bởi vì Mặc gia là một đoàn thể có tổ chức. Ai gia nhập đoàn thể đó để được

---

[11] **LAM chú: Derk Bodde dịch *tụng sư* là *lawyer* (luật sư), và nói Đặng Tích sống thế kỷ VI TCN, trước Huệ Thi rất lâu.**

[12] **Nguyên văn: «Huệ Thi tính Huệ, danh Thi, tương truyền vi Tống nhân.» 惠施姓惠名施相傳爲宋人. Phùng Hữu Lan chú: Đây là lời chú của Cao Dụ 高誘 nơi thiên Dâm Từ 淫辭 của *Lã Thị Xuân Thu*.– LAM chú: Theo *Từ Hải*, Cao Dụ là người quận Trác 涿, đời Đông Hán, làm quan Tư Không những năm Kiến An 建安 196-219 (đời vua Hiến Đế 獻帝), soạn *Hiếu Kinh Giải*, và chú thích các quyển *Chiến Quốc Sách*, *Lã Thị Xuân Thu*, *Hoài Nam Tử*, v.v...**

xem là Mặc gia thì phải: «Xem *cự tử* là thánh nhân, đều muốn *cự tử* là lãnh đạo, và mong được nối nghiệp *cự tử*».[13] Không thể tuỳ tiện thấy Huệ Thi nói kiêm ái và chống chiến tranh thì gọi ông là Mặc gia. Hơn nữa, Huệ Thi chủ trương «Khử Tôn» (bỏ địa vị tôn quý), dù ta không rõ chi tiết thế nào, nhưng thuyết «Khử Tôn» trái ngược với thuyết «Thượng Đồng» 尚同[14] của Mặc gia. Nói chung, trong thời Chiến Quốc, chiến tranh xảy ra liên miên và dữ dội, nên thuyết chống chiến tranh rất thịnh hành. Mạnh Tử phản đối chiến tranh, Công Tôn Long chủ trương bãi bỏ việc binh đao. Đó là một trào lưu phổ thông bấy giờ. Vậy Huệ Thi và Công Tôn Long không phải nổi tiếng vì chống chiến tranh.

Trang Tử (thiên Thiên Hạ) tuy chưa hề nói rõ Huệ Thi là biện giả, nhưng nói: «Huệ Thi xem những lời ấy là nhất thiên hạ, nên dạy cho các biện giả. Biện giả trong thiên hạ đều vui thích.»[15] Lại nói: «Huệ Thi ngày ngày đem trí tuệ của mình biện bác với người, đặc biệt gây khó khăn cho bọn biện giả trong thiên hạ.»[16] Và nói: «Huệ Thi tự xem tài biện luận của mình là cực giỏi.»[17] Như thế có thể thấy Huệ Thi quả thực là một biện giả. Cho nên trong thiên Đức Sung Phù, Trang Tử nói với Huệ Thi rằng: «Nay ông hướng tinh thần vào ngoại vật, làm lao khổ tinh lực mình; dựa cây mà ngâm nga, ôm đàn mà ngủ. Trời đã chọn cho ông tấm hình hài, thế mà ông cứ tranh tranh cãi cãi nào là *kiên* với *bạch*.»[18]

---

[13] ***Trang Tử*** **(Thiên Hạ): «Dĩ Cự tử vi thánh nhân, giai nguyện vi chi thi, kỳ đắc vi kỳ hậu thế.»** 以巨子爲聖人，皆願爲之尸，冀得其後世.– **LAM chú: Các môn đồ của Mặc Tử lập thành từng nhóm, đứng đầu là Cự tử. Ở tiết 3 của chương 5, Phùng Hữu Lan đã nói Mặc gia là đoàn thể có tổ chức.**

[14] **LAM chú: Thuyết Thượng Đồng được giảng ở tiết 8 của chương 5.**

[15] ***Trang Tử*** **(Thiên Hạ): «Huệ Thi dĩ thử vi đại quan ư thiên hạ, nhi hiểu biện giả. Thiên hạ chi biện giả, tương dữ lạc chi.»** 惠施以此爲大觀於天下，而曉辯者．天下之辯者，相與樂之．

[16] ***Trang Tử*** **(Thiên Hạ): «Huệ Thi nhật dĩ kỳ tri dữ nhân chi biện, đặc dữ thiên hạ chi biện giả vi quái.»** 惠施日以其知與人之辯，特與天下之辯者爲怪．

[17] ***Trang Tử*** **(Thiên Hạ): «Huệ Thi chi khẩu đàm, tự dĩ vi tối hiền.»** 惠施之口談，自以爲最賢．

[18] ***Trang Tử*** **(Đức Sung Phù): «Kim tử ngoại hồ tử chi thần, lao hồ tử chi tinh. Ỷ thụ nhi ngâm, cứ cảo ngô nhi minh. Thiên tuyển tử chi hình, tử dĩ kiên bạch minh.»** 今子外乎子之神，勞乎子之精．倚樹而吟，據槁梧而瞑，天選子之形，子以堅白鳴.– **LAM chú: Từ điển *Từ Hải* giảng *cảo ngô* là *cầm* 琴 (đàn bằng gỗ ngô đồng có 7 dây, vua Thuấn chế 5 dây, đến đời Chu thêm 2 dây nữa); «cứ cảo ngô nhi minh»** 據槁梧而瞑 **là «cứ cầm nhi thuỵ»** 據琴而睡 **(ôm đàn cầm mà ngủ).** ***Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển*** **(Thương Vụ Ấn Thư Quán, Bắc Kinh, 2000, tr.456) giảng là *cầm* 琴 và nói có một thuyết khác giảng là *cái ghế thấp* (ải kỷ 矮几). Nguyễn Hiến Lê dịch là *cái án*; Derk Bodde dịch là *table* (cái bàn), James Ware dịch là *tabouret* (ghế đẩu nhỏ), James Legge dịch là *the stump of a rotten dryandra tree* (thân cây ngô đồng mục nát [đã bị đẵn]).**

Thiên Tề Vật Luận cũng nói: «Huệ Tử dựa cây ngô đồng mà biện thuyết, [...] Cho nên ông trọn đời bị các tranh biện về kiên bạch ám mà không giác ngộ được.»[19] *Tuân Tử* (thiên Giải Tế) nói: «Huệ Tử bị từ ngữ che lấp mà không biết thực tế.» Thiên Thiên Hạ nói: «Huệ Thi hết đời chỉ có danh tiếng là giỏi biện luận thôi.»[20]

Thiên Thiên Hạ lại nói: «Phương nam có dị nhân, tên là Hoàng Liễu, hỏi Huệ Thi tại sao trời không sập đất không sụt, và tại sao có mưa gió sấm chớp. Huệ Thi không từ chối, bèn trả lời ngay không suy nghĩ. Ông nói về khắp cả muôn vật, nói mãi không ngưng, nói nhiều không thôi. Như thế ông còn cho là nói ít, muốn tăng thêm các chuyện quái gở nữa.»[21]

Nay ta không thể biết học thuyết của Huệ Thi về vạn vật ra sao, mà chỉ có thể khảo được mười câu nghịch lý chép ở thiên Thiên Hạ của *Trang Tử*. Mười câu nghịch lý ấy, các nhà chú giải không ai giải thích giống ai. Theo ý kiến tôi, học thuyết của Trang Tử chịu ảnh hưởng của Huệ Thi rất lớn.

Thiên Tề Vật Luận nói: «Vừa sống vừa chết, vừa chết vừa sống.» (Phương sinh phương tử, phương tử phương sinh 方生方死, 方死方生). Lời này tương đồng với một câu nghịch lý của Huệ Thi: «Mặt trời vừa chính ngọ vừa xế; vật vừa sống vừa chết.» (Nhật phương trung phương nghễ, vật phương sinh phương tử 日方中方睨, 物方生方死).

Thiên Tề Vật Luận lại nói: «Thiên hạ không có gì lớn bằng cái đầu chiếc lông của chim và thú vào mùa thu; còn núi Thái thì nhỏ.» (Thiên hạ mạc đại ư thu hào chi mạt, nhi Thái Sơn vi tiểu 天下莫大於秋毫之末, 而泰山爲小). Lời này tương đồng với lời của Huệ Thi: «Trời và đất cùng thấp, núi và ao đầm ngang bằng.» (Thiên dữ địa ti, sơn dữ trạch bình 天與地卑, 山與澤平)

Thiên Tề Vật Luận lại nói: «Trời đất với ta cùng sống; vạn vật với ta là một.» (Thiên địa dữ ngã tịnh sinh, vạn vật dữ ngã vi nhất 天地與我並生, 萬物與我爲一). Lời này tương đồng với lời của Huệ Thi:

---

[19] *Trang Tử* (Tề Vật Luận): «Huệ Tử chi cứ ngô đã. [...] Cố dĩ kiên bạch chi muội chung.» 惠子之據梧也 [...] 故以堅白昧終.

[20] *Trang Tử* (Thiên Hạ): «Huệ Thi tốt dĩ thiện biện vi danh.» 惠施卒以善辯爲名.

[21] *Trang Tử* (Thiên Hạ): «Nam phương hữu ỷ nhân yên, viết Hoàng Liêu, vấn thiên địa sở dĩ bất truỵ bất hãm, phong vũ lôi đình chi cố. Huệ Thi bất tư nhi ứng, bất lự nhi đối, biến vi vạn vật thuyết. Thuyết nhi bất hưu, đa nhi vô dĩ, do dĩ vi quả, ích chi dĩ quái.» 南方有倚人焉, 曰黃繚, 問天地所以不墜不陷, 風雨雷霆之故. 惠施不辭而應, 不慮而對, 遍爲萬物說. 說而不休, 多而無已, 猶以爲寡, 益之以怪.

«Yêu khắp vạn vật, trời đất cùng một thể.» (Phiếm ái vạn vật, thiên địa nhất thể dã 汎愛萬物，天地一體也)

Thiên Từ Vô Quỷ nói Trang Tử đau lòng trước cái chết của Huệ Thi: «Đầu mũi một người đất Dĩnh dính cục đất sét trắng lớn bằng cánh con ruồi. Người ấy bảo thợ mộc Tượng Thạch lấy rìu vạt nó đi. Tượng Thạch múa búa thành gió, nghe tiếng gió mà vạt nó nhưng đầu mũi không bị thương, người đất Dĩnh cũng không biến sắc. Tống Nguyên Quân nghe thấy chuyện đó, vời Tượng Thạch đến, và nói: "Làm thử chuyện ấy với quả nhân nhé." Tượng Thạch nói: "Thần tất làm được việc ấy. Tuy nhiên, cái chất của thần đã chết lâu rồi." [Trang Tử nói:] Từ khi phu tử (tức Huệ Tử) chết rồi, ta không còn ai làm chất, ta không còn ai để đàm luận nữa.»[22]

Những ngụ ngôn trong sách *Trang Tử* không thể xem là do chính Trang Tử nói. Sách cũng chép nhiều đoạn đối đáp giữa Trang Tử và Huệ Thi, nhưng ta không thể xem đó là sự thật trong lịch sử. Tuy nhiên, tư tưởng Trang Tử có nhiều điểm khớp với tư tưởng Huệ Thi (như ba chỗ trích dẫn từ thiên Tề Vật Luận trên đây) và những việc [giữa hai ông] được chép trong *Trang Tử* cũng có thể xem là có thể xảy ra, do đó chúng có thể được trích dẫn như là chứng cứ phụ. Một khi có mấu chốt như vậy rồi, chúng ta biết muốn hiểu được 10 câu nghịch lý của Huệ Thi chép trong thiên Thiên Hạ, thì không gì bằng việc tìm kiếm giải thích trong *Trang Tử*. Có lẽ theo cách này chúng ta sẽ không sai lầm lắm.

3. Mười câu nghịch lý của Huệ Thi

Trang Tử (thiên Thiên Hạ) chép mười câu nghịch lý của Huệ Thi.[23]

---

[22] ***Trang Tử*** **(Từ Vô Quỷ): «Dĩnh nhân ác mạn kỳ tỷ đoan nhược đăng dực, sử Tượng Thạch trác chi. Tượng Thạch vận cân thành phong, thính nhi trác chi, tận ác nhi tỷ bất thương, Dĩnh nhân lập bất thất dung. Tống Nguyên Quân văn chi, triệu Tượng Thạch viết: "Thường thí vi quả nhân vi chi." Tượng Thạch viết: "Thần tắc thường năng trác chi. Tuy nhiên, thần chi chất tử cửu hĩ." Tự phu tử chi tử dã, ngô vô dĩ vi chất hĩ, ngô vô dữ ngôn chi hĩ.»** 鄧人堊慢其鼻端若蠅翼，使匠石斲之。匠石運斤成風，聽而斲之，盡堊而鼻不傷，鄧人立不失容。宋元君聞之，召匠石曰："嘗試爲寡人爲之。"匠石曰："臣則嘗能斲之。雖然，臣之質死久矣。"自夫子之死也，吾無以爲質矣，吾無與言之矣。

[23] **LAM chú: So sánh các cách dịch 10 câu của Huệ Thi:**

Câu 1**: «Chí đại vô ngoại, vị chi đại nhất; chí tiểu vô nội, vị chi tiểu nhất.»** 至大無外，謂之大一；至小無內，謂之小一。**– Derk Bodde dịch: *«The greatest has nothing beyond itself, and is called the Great Unit; the smallest has nothing within itself, and is called the Little Unit.»* (Cái lớn nhất không có gì ở ngoài nó, và được gọi là Đại Nhất; cái nhỏ nhất không có**

gì ở trong nó, và được gọi là Tiểu Nhất). James Legge dịch: «*That which is so great that there is nothing outside it may be called the Great One; and that which is so small that there is nothing inside it may be called the Small One.*» (Cái lớn đến nỗi không có gì ở ngoài nó được gọi là Đại Nhất; và cái nhỏ đến nỗi không có gì ở trong nó được gọi là Tiểu Nhất). James Ware dịch: «*Greatness in its highest form has nothing beyond itself and is infinite. Smallness in its highest form has nothing within itself and is infinitesimal.*» (Lớn tột cùng không có gì ở ngoài nó và là cực đại. Nhỏ tột cùng không có gì ở trong nó và là cực tiểu). Nguyễn Hiến Lê dịch: «Cái cực lớn thì không có cái gì bao vây nó ở ngoài, gọi nó là cái "đại nhất"; cái cực nhỏ thì không có cái gì ở trong, gọi nó là cái "tiểu nhất".» Nguyễn Đăng Thục dịch: «Lớn đến cùng thì không còn có ngoài nữa gọi là thái nhất. Bé hết sức không có bên trong nữa gọi là tiểu nhất.»

Câu 2: «Vô hậu bất khả tích dã, kỳ đại thiên lý.» 無厚不可積也，其大千里.– Derk Bodde dịch: «*That which has no thickness cannot be increased in thickness, yet in extent it may cover a thousand miles.*» (Cái không có bề dày thì không thể tăng bề dày, nhưng nó có thể bao quát một ngàn dặm). James Legge dịch: «*What has no thickness and will not admit of being repeated is one thousand li in size.*» (Cái không có bề dày và sẽ không chịu chồng lên thì lớn một ngàn dặm). James Ware dịch: «*What lacks thickness cannot be heaped up, yet its breadth is measurable in thousands of miles.*» (Cái thiếu bề dày không thể được chồng lên, nhưng bề rộng của nó đo được đến hằng ngàn dặm). Nguyễn Hiến Lê dịch: «Cái không có chiều dày thì không chồng chất lên được, vậy mà nó lớn tới ngàn dặm.» Nguyễn Đăng Thục dịch: «Cái gì không sâu dầy là không có thể tích chứa vậy, bề lớn của nó đến ngàn dặm được.»

Câu 3: «Thiên dữ địa ti, sơn dữ trạch bình.» 天與地卑，山與澤平.– Derk Bodde dịch: «*The heavens are as low as the earth; mountains are on the same level as marshes.*» (Các tầng trời thấp ngang với đất; những ngọn núi ngang bằng với các đầm). James Legge dịch: «*Heaven may be as low as the earth. A mountain may be as level as a marsh.*» (Trời thấp ngang với đất. Núi ngang bằng với đầm). James Ware dịch: «*Sky is as low as Earth and mountains are on a level with the waters.*» (Trời thấp ngang với đất và núi non ngang bằng với sông biển). Nguyễn Hiến Lê dịch: «Trời với đất đều thấp như nhau, núi và chằm đều bằng nhau (ở một mực ngang nhau).» Nguyễn Đăng Thục dịch: «Trời với đất cùng thấp, núi với đầm bằng nhau.»

Câu 4: «Nhật phương trung phương nghễ; vật phương sinh phương tử.» 日方中方睨；物方生方死.– Derk Bodde dịch: «*The sun at noon is the sun declining; the creature born is the creature dying.*» (Mặt trời ở chính ngọ là mặt trời đang xế; sinh vật được sinh là sinh vật đang chết). James Legge dịch: «*The sun in the meridian may be the sun declining. A creature may be born to life and may die at the same time.*» (Mặt trời ở chính ngọ là mặt trời đang xế. Một sinh vật được sinh ra đời thì đồng thời cũng đang chết). James Ware dịch: «*The moment the sun reaches the meridian, it is setting; the moment something is born, it is dying.*» (Ngay lúc mặt trời chính ngọ thì nó xế; ngay lúc vật gì được sinh ra là nó đang chết). Nguyễn Hiến Lê dịch: «Mặt trời vừa lên tới đỉnh thì đã bắt đầu xế rồi; vật vừa mới sinh ra thì đã bắt đầu tiến tới chỗ chết rồi.» Nguyễn Đăng Thục dịch: «Mặt trời vừa đứng bóng vừa xế chiều. Vật vừa sống vừa chết.»

Câu 5: «Đại đồng nhi dữ tiểu đồng dị, thử chi vị tiểu đồng dị. Vạn vật tất đồng tất dị, thử chi vị đại đồng dị.» 大同而與小同異，此之謂小同異．萬物畢同畢異，此之謂大同異.– Derk Bodde dịch: «*A great similarity differs from a little similarity. This is called the little similarity-and-difference* (hsiao t'ung i 小同異). *All things are in one way all similar, in another way all different. This is called the great similarity-and-difference* (ta t'ung i 大同異).» (Một sự giống nhau lớn khác với một sự giống nhau nhỏ. Nó gọi là *tiểu đồng dị*. Mọi vật ở phương diện này thì giống nhau, ở phương diện khác thì khác nhau. Nó gọi là *đại đồng dị*). James Legge dịch: «*When it is said that things greatly alike are different from things a little alike,*

this is what is called making little agreements and differences; when it is said that all things are entirely alike or entirely different; this is what is called making much of agreements and differences.» (Khi nói rằng những vật giống nhau nhiều khác với những vật giống nhau ít, đó là cái được gọi là tạo ra ít giống nhau và khác nhau. Khi nói rằng mọi vật hoàn toàn giống nhau hay hoàn toàn khác nhau, đó là cái được gọi là tạo ra nhiều giống nhau và khác nhau). James Ware dịch: «*The difference between maximal und minimal similarity is the minimal differential; the complete similarity and complete differentiation found throughout all creation is the maximal differential.*» (Sự khác nhau giữa giống nhau nhiều và giống nhau ít là cái khác biệt nhỏ nhất; sự giống nhau hoàn toàn và sự khu biệt hoàn toàn có khắp ở các sinh vật là cái khác biệt lớn nhất). Nguyễn Hiến Lê dịch: «Xét chỗ giống nhau lớn với chỗ giống nhau nhỏ thì hai chỗ giống nhau đó có khác nhau, đó là những chỗ giống nhau, khác nhau nhỏ; vạn vật hoàn toàn giống nhau và hoàn toàn khác nhau, đó là những chỗ giống nhau, khác nhau lớn.» Nguyễn Đăng Thục dịch: «Cái giống nhau lớn mà khác cái giống nhau nhỏ. Vạn vật ở một phương diện đều giống nhau, ở một phương diện đều khác nhau, đấy gọi là giống nhau và khác nhau lớn.»

Câu 6: «Nam phương vô cùng nhi hữu cùng.» 南方有窮而無窮.– Derk Bodde dịch: «*The South has no limit and has a limit.*» (Phương Nam không có giới hạn và có giới hạn). James Legge dịch: «*The south is unlimited and yet has a limit.*» (Phương Nam thì vô hạn nhưng lại hữu hạn). James Ware dịch: «*The direction south is infinite, but limits are set to it.*» (Hướng nam thì vô cùng, nhưng các giới hạn được định cho nó). Nguyễn Hiến Lê dịch: «Phương Nam vô cùng mà lại hữu cùng (có giới hạn).» Nguyễn Đăng Thục dịch: «Phương Nam không giới hạn mà có hạn.»

Câu 7: «Kim nhật thích Việt nhi tích lai.» 今日適越而昔來.– Derk Bodde dịch: «*I go to the state of Yüeh today and arrived there yesterday.*» (Hôm nay tôi đến nước Việt và đã tới đó hôm qua). James Legge dịch: «*I proceed to Yüeh today and came to it yesterday.*» (Hôm nay tôi đến nước Việt và đã tới đó hôm qua). James Ware dịch: «*Today I go to Yüeh, but I reached there long, long ago.*» (Hôm nay tôi đến nước Việt, nhưng đã tới đó từ lâu lắm rồi). Nguyễn Hiến Lê dịch: «Hôm nay tôi tới nước Việt mà tôi đã tới từ hôm qua rồi.» Nguyễn Đăng Thục dịch: «Hôm nay đi sang Việt mà tới từ hôm trước rồi.»

Câu 8: «Liên hoàn khả giải dã.» 連環可解也.– Derk Bodde dịch: «*Connected rings can be separated.*» (Những vòng liên kết nhau có thể tách rời). James Legge dịch: «*Things which are joined together can be separated.*» (Những vật hợp lại có thể tách ra). James Ware dịch: «*Intertwined rings are separable.*» (Những vòng móc vào thì có thể tách rời). Nguyễn Hiến Lê dịch: «Những vòng móc liền vào nhau (như dây chuyền) có thể gỡ ra được.» Nguyễn Đăng Thục dịch: «Vòng liên hoàn có thể cởi.»

Câu 9: «Ngã tri thiên hạ trung ương, Yên chi Bắc, Việt chi Nam thị dã.» 我知天下中央,燕之北,越之南是也.– Derk Bodde dịch: «*I know the center of the world; it is north of Yen and south of Yüeh.*» (Tôi biết trung tâm của thế giới; nó ở bắc nước Yên và ở nam nước Việt). James Legge dịch: «*I know the center of the world: it is north of Yen or south of Yüeh.*» (Tôi biết trung tâm của thế giới; nó ở bắc nước Yên và ở nam nước Việt). James Ware dịch: «*I know the center of our world; it is north from Yen and south from Yüeh.*» (Tôi biết trung tâm của thế giới của chúng ta; nó ở bắc nước Yên và ở nam nước Việt). Nguyễn Hiến Lê dịch: «Tôi biết trung tâm của thiên hạ, nó ở phía Bắc nước Yên và phía Nam nước Việt.» Nguyễn Đăng Thục dịch: «Ta biết chỗ giữa của thế giới, ở phía Bắc nước Yên, ở phía Nam nước Việt vậy.»

Câu 10: «Phiếm ái vạn vật, thiên địa nhất thể dã.» 汎愛萬物,天地一體也.– Derk Bodde dịch: «*Love all things equally; the universe is one.*» (Hãy yêu muôn vật như nhau; vũ trụ là một). James Legge dịch: «*If all things are regarded with love, heaven and earth are of one body with me.*» (Nếu mọi vật được đối xử bằng yêu thương, thì trời đất cùng một thể với ta). James

Câu nghịch lý thứ nhất của Huệ Thi: «Huệ Thi [...] xem xét ý nghĩa của sự vật và nói: Cái cực lớn và không có gì ở ngoài nó thì gọi là Đại Nhất. Cái cực nhỏ và không có gì ở trong nó thì gọi là Tiểu Nhất.»[24]

Thiên Thu Thuỷ nói: «Vậy tôi có thể xem trời đất là lớn và đầu sợi lông là nhỏ, được chăng?" Bắc Hải Nhược đáp: "Không. [...] Đối với người ta, cái họ biết không bằng cái họ không biết; lúc sống không bằng lúc chưa sống; lấy cái cực nhỏ mà mong xét khắp cõi cực lớn, cho nên mê loạn mà không đạt được mục đích. Do đấy mà xét, sao biết đầu sợi lông đủ để xác định là cỡ cực nhỏ? sao biết trời đất đủ để xét khắp cõi cực lớn?" Hà Bá nói: "Kẻ nghị luận ở đời đều nói: 'Cái rất tinh thì vô hình, cái rất lớn thì không thể vây bọc được.' Có đúng vậy chăng?"»[25] Thiên Tắc Dương nói: «Tinh tế đến mức không thể nhận biết được, lớn lao đến mức không thể vây bọc được.»[26] Câu này cùng ý nghĩa với câu «Cái rất tinh thì vô hình, cái rất lớn thì không thể vây bọc được». «Kẻ nghị luận ở đời» là ám chỉ Huệ Thi. Người bình thường đều xem trời đất là lớn, đầu sợi lông là nhỏ; nhưng theo lô-gíc mà suy, ắt phải có cái «vô ngoại» (không có gì ở ngoài nó) thì mới có thể gọi là cực lớn, phải có cái «vô nội» (không có gì ở trong nó) thì mới có thể gọi là cực nhỏ. Do đấy

---

Ware dịch: «*Let your love flow in streams for all creation, for all nature is one.*» (Hãy để tình yêu của anh tuôn tràn cho muôn vật, vì toàn cõi tự nhiên là một). Nguyễn Hiến Lê dịch: «Phải yêu khắp thiên hạ vì vũ trụ là một.» Nguyễn Đăng Thục dịch: «Rộng yêu muôn vật, trời đất là một thể vậy.»

Nguồn: Nguyễn Hiến Lê, *Trang Tử*, Nxb Văn Hoá, 1994; Nguyễn Đăng Thục, *Lịch Sử Triết Học Đông Phương*, tập 2, Saigon, 1963; James R. Ware, *The Sayings of Chuang Chou*, Mentor Classics, 1963; James Legge, *Chuang Tzu: Genius of the Absurd*, (arranged by Clae Waltham), Ace Books, New York, 1971.

[24] *Trang Tử* (Thiên Hạ): «Huệ Thi [...] lịch vật chi ý viết: Chí đại vô ngoại, vị chi đại nhất; chí tiểu vô nội, vị chi tiểu nhất.» 惠施[...]歷物之意曰：至大無外，謂之大一；至小無內，謂之小一.

[25] *Trang Tử* (Thu Thuỷ): «Hà Bá viết: "Nhiên tắc ngô đại thiên địa nhi tiểu hào mạt, khả hồ?" Bắc Hải Nhược viết: "Phủ. [...] Kế nhân chi sở tri, bất nhược kỳ sở bất tri; kỳ sinh chi thời, bất nhược vị sinh chi thời; dĩ kỳ chí tiểu, cầu cùng kỳ chí đại chi vực, thị cố mê loạn nhi bất năng tự đắc dã. Do thử quan chi, hựu hà dĩ tri hào mạt chi túc dĩ định chi tế chi nghê, hựu hà dĩ tri thiên địa chi túc dĩ cùng chí đại chi vực?" Hà Bá viết: "Thế chi nghị giả giai viết: 'Chí tinh vô hình, chí đại bất khả vi.' Thị tín tình hồ?"» 河伯曰："然則吾大天地而小毫末可乎？"北海若曰："否．[...] 計人之所知，不若其所不知；其生之時，不若未生之時；以其至小，求窮其至大之域，是故迷亂而不能自得也．由此觀之，又何以知天地之足以窮至大之域？"河伯曰："世之議者皆曰：'至精無形，至大不可圍．'是信情乎？"

[26] *Trang Tử* (Tắc Dương): «Tinh chí ư vô luân, đại chí ư bất khả vi.» 精至於無倫，大至於不可圍．

mà xét, đầu sợi lông không đủ xác định là một cỡ cực nhỏ, và trời đất không đủ để xét khắp cõi cực lớn vậy.

Câu nghịch lý thứ hai của Huệ Thi: «Cái không dày thì không thể tích chứa, nhưng độ lớn của nó đến ngàn dặm.» (Vô hậu bất khả tích dã, kỳ đại thiên lý 無厚不可積也,其大千里).

Thiên Dưỡng Sinh Chủ nói: «Lưỡi của con dao thì không dày.» (Đao nhẫn giả vô hậu 刀刃者無厚). Cái không có bề dày thì cực mỏng; cực mỏng đến mức không có bề dày, giống như khái niệm «mặt phẳng» của hình học (tức là chỉ có hai chiều). Cái không có bề dày thì không có thể tích (tức là không có ba chiều), nhưng có thể có diện tích, cho nên «độ lớn của nó đến ngàn dặm».

Câu nghịch lý thứ ba của Huệ Thi: «Trời và đất thấp như nhau; núi và ao đầm ngang bằng nhau.» (Thiên dữ địa ti, sơn dữ trạch bình 天與地卑,山與澤平).

Thiên Thu Thuỷ nói: «Nếu lấy sự sai biệt mà xét sự vật, nhân cái lớn của chúng mà xem chúng là lớn, như vậy thì vạn vật chẳng cái nào mà không lớn; nhân cái nhỏ của chúng mà xem chúng là nhỏ, như vậy thì vạn vật chẳng cái nào mà không nhỏ. Nếu biết trời đất là hạt kê mà đầu sợi lông là đồi núi, tức là hiểu sự tương đối rồi.»[27]

Khi ta xem cái mà không có gì ở ngoài nó là cái lớn nhất và so sánh trời đất với cái lớn nhất, thì «nhân cái nhỏ của chúng mà xem chúng là nhỏ», tức trời đất là hạt kê. Tương tự thế, khi ta xem cái mà không có gì ở trong nó là cái nhỏ nhất và so sánh đầu sợi lông với cái nhỏ nhất, thì «nhân cái lớn của chúng mà xem chúng là lớn», tức đầu sợi lông là đồi núi. Suy luận từ nguyên lý ấy, nhân cái cao của vật mà xem nó cao thì vạn vật chẳng cái nào mà không cao; nhân cái thấp của vật mà xem nó thấp thì vạn vật chẳng cái nào mà không thấp. Do đó Huệ Thi nói trời và đất thấp như nhau; núi và ao đầm ngang bằng nhau.

Câu nghịch lý thứ tư của Huệ Thi: «Mặt trời vừa chính ngọ vừa xế; vật vừa sinh ra vừa chết đi.» (Nhật phương trung phương nghễ; vật phương sinh phương tử 日方中方睨;物方生方死).

---

[27] *Trang Tử* (Thu Thuỷ): «Dĩ sai quan chi, nhân kỳ sở đại nhi đại chi, tắc vạn vật mạc bất đại; nhân kỳ sở tiểu nhi tiểu chi, tắc vạn vật mạc bất tiểu. Tri thiên địa chi vi đề mễ dã, tri hào mạt chi vi khâu sơn dã, tắc sai số đổ hĩ.» 以差觀之,因其所大而大之,則萬物莫不大;因其所小而小之,則萬物莫不小.知天地之爲稊米也,知毫末之爲丘山也,則差數睹矣.

Quách Tượng 郭象 (mất khoảng năm 312 CN) chú thiên Đại Tông Sư rằng: «Trong cái lực không có sức lực, không có gì lớn bằng cái biến hoá. Nó mang trời đất đến cái mới và đem núi non khỏi cái cũ. Cái cũ không tạm dừng mà bỗng nhiên chuyển sang cái mới rồi. Do đó trời đất và vạn vật chẳng lúc nào mà không di chuyển.»[28] «Trời đất và vạn vật chẳng lúc nào mà không di chuyển» cho nên «mặt trời vừa chính ngọ vừa xế; vật vừa sinh ra vừa chết đi».

Câu nghịch lý thứ năm của Huệ Thi: «Giống nhau lớn khác với giống nhau nhỏ, đó gọi là sự giống và khác nhỏ. Vạn vật đều có chỗ giống nhau và đều có chỗ khác nhau, đó gọi là sự giống và khác lớn.» (Đại đồng nhi dữ tiểu đồng dị, thử chi vị tiểu đồng dị. Vạn vật tất đồng tất dị, thử chi vị đại đồng dị 大同而與小同異，此之謂小同異. 萬物畢同畢異，此之謂大同異).

Thiên Đức Sung Phù nói: «Từ chỗ khác nhau mà xét, thì gan và mật xa nhau như nước Sở với nước Việt; từ chỗ giống nhau mà xét, thì vạn vật đều là một.»[29] Quách Tượng chú: «Nhân sự khác nhau của chúng mà xem chúng khác nhau thì trời đất chẳng gì mà không khác. [...] Nhân sự giống nhau của chúng mà xem chúng giống nhau thì vạn vật chẳng gì mà không giống nhau.»[30] Quan điểm này đã được nói trong thiên Thu Thuỷ. Nếu ta xem sự vật trong trời đất giống nhau, thì chúng đều có chỗ giống nhau; vậy nói vạn vật giống nhau cũng được. Nếu ta xem sự vật trong trời đất khác nhau, thì chúng đều có chỗ khác nhau; vậy nói vạn vật khác nhau cũng được. Về cái mà người thế tục gọi là giống nhau và khác nhau thì chỉ là sự giống nhau và khác nhau giữa một vật cụ thể này với một vật cụ thể khác, tức là sự giống và khác nhỏ (tiểu đồng dị) chứ không phải là sự giống và khác lớn (đại đồng dị).

Câu nghịch lý thứ sáu của Huệ Thi: «Phương Nam có giới hạn mà cũng không có giới hạn.» (Nam phương vô cùng nhi hữu cùng 南方有窮而無窮).

---

[28] *Trang Tử* (Đại Tông Sư), Quách Tượng chú: «Phù vô lực chi lực, mạc đại ư biến hoá giả dã. Cố năi yết thiên địa dĩ xu tân, phụ sơn nhạc dĩ xả cố; cố bất tạm đình, hốt dĩ thiệp tân; tắc thiên địa vạn vật, vô thời nhi bất di dã.» 夫無力之力，莫大於變化者也. 故乃揭天地以趨新，負山岳以舍故. 故不暫停，忽已涉新；則天地萬物，無時而不移也.

[29] *Trang Tử* (Đức Sung Phù): «Tự kỳ dị giả thị chi, can đảm Sở Việt dã; tự kỳ đồng giả thị chi, vạn vật giai nhất dã.» 自其異者視之，肝膽楚越也；自其同者視之，萬物皆一也.

[30] *Trang Tử* (Đức Sung Phù) Quách Tượng chú: «Nhân kỳ sở dị nhi dị chi, tắc thiên địa mạc bất dị. [...] Nhân kỳ sở đồng nhi đồng chi, tắc vạn vật mạc bất đồng.» (因其所異而異之，則天地莫不異 [...]因其所同而同之，則萬物莫不同)

Thiên Thu Thuỷ nói: «Đối với ếch ở giếng, ta không thể nói với nó về biển, vì nó bị hoàn cảnh hạn chế.»[31] Những chỗ mà người bình thường đến được thì hữu hạn, do đó họ nghĩ rằng phương Nam vô hạn (hay vô cùng). Nhưng đó là cái nhìn của con ếch ở đáy giếng. Nếu lấy quan điểm «cái cực lớn không có gì ở ngoài nó» mà xét, thì cái tưởng chừng vô hạn của phương Nam kỳ thực là có giới hạn.

Câu nghịch lý thứ bảy của Huệ Thi: «Hôm nay tôi đến nước Việt và đã tới đó hôm qua.» (Kim nhật thích Việt nhi tích lai 今日適越而昔來).

Thiên Thu Thuỷ nói: «Đối với côn trùng mùa hè, ta không thể nói với nó về băng giá, vì nó bị bốn mùa hạn chế.»[32] Quách Tượng đã nói: «Cái cũ không tạm dừng mà bỗng nhiên chuyển sang cái mới rồi. Do đó trời đất và vạn vật chẳng lúc nào mà không di chuyển.» Giả sử «hôm nay tôi đến nước Việt», thì ngày mai tôi đến nước Việt. Nhưng cái bây giờ ta gọi là «ngày mai» đến ngày mai đã trở thành quá khứ rồi. Nên Huệ Thi nói: «Hôm nay tôi đến nước Việt và đã tới đó hôm qua.» Điều này thuộc về nguỵ biện. Tuy cái mà ta gọi là «nay» và «xưa» không có tiêu chuẩn nhất định, nhưng trong phạm vi của một biện luận thì «nay» và «xưa» phải có tiêu chuẩn đồng nhất. Mặc dù cái «hôm qua» trong «tôi đã đến đó hôm qua» có thể gọi là hôm qua, nhưng nó hiển nhiên không phải là cái «hôm qua» đi kèm với cái «hôm nay» trong «hôm nay tôi đến nước Việt». Trang Tử cũng cho câu nói này của Huệ Thi là sai, nên trong thiên Tề Vật Luận ông nói: «Chưa có ý kiến mà có phân biệt đúng sai, tức là hôm nay đến nước Việt mà ngày hôm qua đã tới rồi. Đó là lấy không có làm có. Không có mà là có, thì dù thần minh như vua Vũ cũng không thể hiểu nổi, huống hồ ta.»[33]

Câu nghịch lý thứ tám của Huệ Thi: «Những vòng liên kết có thể tách rời.» (Liên hoàn khả giải dã 連環可解也).

Thiên Tề Vật Luận nói: «Phân chia là thành tựu; thành tựu là phá

---

[31] *Trang Tử* (Thu Thuỷ): «Tỉnh oa bất khả dĩ ngữ ư hải giả, câu ư hư dã.» 井蛙不可以語於海者，拘於虛也.

[32] *Trang Tử* (Thu Thuỷ): «Hạ trùng bất khả dĩ ngữ ư băng dã, đốc ư thời dã.» 夏蟲不可以語於冰也，篤於時也.

[33] *Trang Tử* (Tề Vật Luận): «Vị thành hồ tâm nhi hữu thị phi, thị kim nhật thích Việt nhi tích chí dã. Thị dĩ vô hữu vi hữu. Vô hữu vi hữu, tuy hữu thần Vũ thả bất năng tri, ngô độc thả nại hà tai.» 未成乎心而有是非，是今日適越而昔日至也. 是以無有爲有. 無有爲有，雖有神禹且不能知，吾獨且奈何哉.

huỷ.»[34] Bởi «mặt trời vừa chính ngọ vừa xế; vật vừa sinh ra vừa chết đi» nên những vòng liên kết vừa hoàn thành vừa bị phá huỷ. Bây giờ là liên kết, hốt nhiên đã không còn liên kết nữa. Nên Huệ Thi nói: «Những vòng liên kết có thể tách rời.»

Câu nghịch lý thứ chín của Huệ Thi: «Tôi biết trung tâm của thiên hạ; nó ở phía Bắc của nước Yên và phía Nam của nước Việt.» (Ngã tri thiên hạ trung ương, Yên chi Bắc, Việt chi Nam thị dã 我知天下中央,燕之北,越之南是也).

Thiên Thu Thuỷ nói: «Bốn biển ở trong khoảng trời đất khác gì hốc nhỏ trong cái đầm lớn? Trung Quốc ở trong bốn biển khác gì hạt kê trong kho lớn?»[35] Nhưng người xưa cứ tưởng Trung Quốc là trung tâm của thế giới và họ tin rằng trung tâm của Trung Quốc nằm đâu đấy phía Nam nước Yên và phía Bắc nước Việt, đối với họ nó trở thành trung tâm của thế giới. Đó quả là cái nhìn của con ếch ở đáy giếng. Nếu ta có thể nhìn sự vật theo quan điểm «cái cực lớn không có gì ở ngoài nó» thì «thiên hạ không có phương hướng, chỗ nào ta đứng thì đó là trung tâm; vòng tròn không có điểm khởi đầu, chỗ nào ta đứng thì đó là điểm khởi đầu».[36]

Câu nghịch lý thứ mười của Huệ Thi: «Yêu khắp vạn vật, xem trời đất là một thể.» (Phiếm ái vạn vật, thiên địa nhất thể dã 汎愛萬物,天地一體也).

«Từ chỗ khác nhau mà xét, thì gan và mật xa nhau như nước Sở với nước Việt; từ chỗ giống nhau mà xét, thì vạn vật đều là một.» Câu nghịch lý thứ mười của Huệ Thi chính là từ chỗ giống nhau của sự vật mà xét. Thiên Tề Vật Luận nói: «Trong thiên hạ không gì lớn bằng đầu sợi lông vào mùa thu, còn núi Thái Sơn thì nhỏ; không ai sống lâu bằng đứa trẻ chết yểu, còn Bành Tổ thì chết yểu. Trời đất với ta cùng sống, vạn vật với ta là một.»[37] Câu này cũng diễn tả cùng ý đó.

---

[34] *Trang Tử* (Tề Vật Luận): «Kỳ phân dã, thành dã; kỳ thành dã, huỷ dã.» 其分也,成也;其成也,毀也.

[35] *Trang Tử* (Thu Thuỷ): «Kế tứ hải chi tại thiên địa chi gian dã, bất tự lỗi không chi tại đại trạch hồ? Kế Trung Quốc chi tại hải nội bất tự đề mễ chi tại đại thương hồ?» 計四海之在天地之間也,不似礨空之在大澤乎?計中國之在海內不似稊米之在大倉乎?

[36] Lời bình của Tư Mã Bưu (mất năm 306 CN) được Lục Đức Minh (mất năm 627 CN) chép lại trong *Kinh Điển Thích Văn*.

[37] *Trang Tử* (Tề Vật Luận): «Thiên hạ mạc đại ư thu hào chi mạt, nhi Thái Sơn vi tiểu; mạc thọ ư thương tử, nhi Bành Tổ vi yểu. Thiên địa dữ ngã tịnh sinh, nhi vạn vật dữ ngã vi nhất.» 天下莫大於秋毫之末,而泰山爲小;莫壽於殤子,而彭祖爲夭.天地與我並生,而萬物與我爲一.

4. Điểm khác nhau giữa Huệ Thi và Trang Tử

Theo giải thích trên đây, mười câu nghịch lý của Huệ Thi luôn dựa trên quan điểm «vật cực lớn không có gì ở ngoài nó» (chí đại vô ngoại 至大無外) mà nói rằng mọi vật đều tương đối và hữu hạn. Điều đó rất gần với những ý tưởng được trình bày trong hai thiên Tề Vật Luận và Thu Thuỷ của *Trang Tử*. Thiên Tề Vật Luận nói: «Trời đất với ta cùng sống, vạn vật với ta là một.» Nhưng ngay sau đó lại nói: «Nếu vạn vật đã là một, còn chỗ nào cho lời nói?» (Ký dĩ vi nhất hĩ, thả đắc hữu ngôn hồ? 既已爲一，且得有言乎). Đây là chỗ khác nhau giữa Trang Tử và Huệ Thi. Huệ Thi chỉ dùng tri thức để chứng minh «mọi vật ở phương diện này thì giống nhau, ở phương diện khác thì khác nhau» và «trời đất là một thể». Nhưng ông không nói cách thức cho chúng ta có thể trải nghiệm thực tế cái trạng thái «trời đất là một thể». Trái lại, Trang Tử đứng ngoài ngôn ngữ, lại nói «vô ngôn»; đứng ngoài tri thức, lại nói «bất tri». Ông xuất phát từ cái gọi là «tâm trai» 心齋 (chay lòng) và «tọa vong» 坐忘 (ngồi quên) để thực sự đạt tới trạng thái quên người quên ta, sống chết như nhau, vạn vật một thể, tiêu dao tuyệt đối. Cho nên thiên Thiên Hạ nói Trang Tử «trên thì rong chơi với Tạo Hoá, dưới thì làm bạn với cái ngoài tử sinh và vô chung thuỷ». Còn Huệ Thi thì «yếu về đức mà mạnh về vật, đường đi của ông chật hẹp và tăm tối». Do đấy mà xét, cái học của Trang tử cao hơn cái học của Huệ Thi một bậc. Cho nên trên đây tuy dùng các câu trong *Trang Tử* để giải thích mười câu nghịch lý của Huệ Thi, nhưng Huệ Thi rốt cuộc vẫn là Huệ Thi, Trang Tử rốt cuộc vẫn là Trang Tử.

Trang Tử (thiên Thu Thuỷ) chép lời Công Tử Mâu nói với Công Tôn Long: «Kẻ nào trí tuệ chưa đạt tới cõi bên ngoài đúng sai mà đòi xem xét lời của Trang Tử, khác nào sai muỗi cõng núi, bảo cuốn chiếu lội sông, tất không xong việc. Kẻ nào trí tuệ chưa biết bàn luận lời cực huyền diệu mà chỉ tìm cái lợi nhất thời, khác nào con ếch ở giếng cạn. Trang Tử chân đạp suối vàng mà bay lên trời xanh, không Nam không Bắc, tứ tán không trở ngại, lặn vào cõi không cùng, không Đông không Tây, bắt đầu từ huyền minh trở về Đại Thông (Đạo). Nay ông định phân tích học thuyết của Trang Tử, dùng biện luận để hiểu, khác nào lấy ống để nhìn trời, lấy dùi chọc đất. Như vậy chẳng nhỏ mọn ư?»[38] Ở đây lấy

[38] *Trang Tử* (Thu Thuỷ): «Thả phù tri bất tri thị phi chi cảnh, nhi do dục quan ư Trang Tử chi ngôn, thị do sử văn phụ sơn, thương cự trì hà dã, tất bất thắng nhiệm hĩ. Thả phù tri bất tri luận cực diệu chi ngôn, nhi tự thích nhất thời chi lợi giả, thị phi khảm tỉnh chi oa dư? Thả bỉ phương thư hoàng tuyền nhi đăng đại hoàng, vô nam vô bắc, thích nhiên tứ giải, luân ư bất trắc. Vô đông vô tây, thuỷ ư huyền minh, phản ư đại thông. Tử nãi qui qui nhiên nhi cầu chi dĩ

quan điểm của học thuyết của Trang Tử để phê bình các biện giả, tuy không hoàn toàn đúng hẳn, nhưng học thuyết của Trang quả thực bắt đầu từ ngôn ngữ mà kết thúc ở vô ngôn, bắt đầu từ biện luận mà kết thúc ở vô biện, siêu vượt trên cõi thị phi mà trở về Đại Thông (tức Đạo). Như vậy nó khác với học thuyết của biện giả, tức là nó bắt đầu và kết thúc ở phân tích và biện luận. Cho nên thiên Thiên Hạ khi phê bình Huệ Thi thì chú trọng đến thói ham biện luận của ông. «Ông nói trái ngược với mọi người mà lại muốn được cái danh tiếng thắng người» và «đặc biệt gây khó khăn cho bọn biện giả trong thiên hạ». Còn thiên Thiên Hạ khi thuật lại học thuyết của Trang Tử thì chú trọng tính cách không ham biện luận của ông: «Trang Chu [...] dùng lý thuyết viển vông kỳ dị, lời lẽ hoang đường, câu chữ chẳng đầu đuôi, những ý tưởng phóng túng không thiên lệch, và không cho mình là kỳ dị. [...] Ông dùng lời lẽ mơ hồ để diễn đạt ý tưởng, gán lời lẽ ấy cho người khác để chúng có giá trị và minh hoạ lời lẽ ấy bằng nhiều câu chuyện khác nhau. Ông một mình vãng lai với tinh thần của trời đất nhưng không xem mình cao trỗi hơn vạn vật. Ông không khen chê đúng sai, nên hoà đồng với người bình thường. Sách ông viết tuy có bút pháp mới lạ, nhưng không trái ngược sự vật nên vô hại. Từ ngữ ông dùng tuy biến hoá kỳ dị nhưng lôi cuốn dí dỏm. »[39]

Tính cách «không cho mình là kỳ dị», «không khen chê đúng sai, nên hoà đồng với người bình thường», «nhưng không trái ngược sự vật nên vô hại» của Trang Tử hoàn toàn trái ngược với tính cách «nói trái ngược với mọi người mà lại muốn được cái danh tiếng thắng người; do đó không thích hợp với ai cả» của Huệ Thi. Thiên Thiên Hạ dùng khoảng 200 chữ nói về học thuyết của Trang Tử, mà hơn phân nửa số chữ ấy lại được dùng để mô tả phương pháp diễn đạt của ông, như thể muốn phân biệt Trang Tử với Huệ Thi ở điểm này. *Hàn Phi Tử* chép: «Huệ Tử 惠子

---

sát, sách chi dĩ biện, thị trực dụng quản khuy thiên, dụng chuỳ chỉ địa dã, bất diệc tiểu hồ?» 且夫知不知是非之竟，而猶欲觀於莊子之言，是猶使蚊負山，商蚷馳河也，必不勝任矣．且夫知不知論極妙之言，而自適一時之利者，是非埳井之蛙與？且彼方跐黃泉而登大皇，無南無北，奭然四解，淪於不測．無東無西，始於玄冥，反於大通．子乃規規然而求之以察，索之以辯，是直用管窺天，用錐指地也，不亦小乎？

[39] ***Trang Tử* (Thiên Hạ): «Trang Chu [...] Dĩ mậu du chi thuyết, hoang đường chi ngôn, vô đoan nhai chi từ, thời thứ túng nhi thảng, bất kỳ kiến chi dã. [...] Dĩ chi ngôn vi mạn diễn, dĩ trọng ngôn vi chân, dĩ ngụ ngôn vi quảng. Độc dữ thiên địa tinh thần vãng lai, nhi bất ngạo nghễ vu vạn vật. Bất khiển thị phi, dĩ dữ thế tục xử. Kỳ thư tuy côi vĩ, nhi liên phiên vô thương dã. Kỳ từ tuy sâm si, nhi xúc quỷ khả quan.»** 莊周[...]以謬悠之說，荒唐之言，無端崖之辭，時恣縱而儻，不觭見之也．以天下沈濁，不可與莊語．以卮言曼衍，以重言爲眞，以寓言爲廣．獨與天地精神往來，而不敖倪於萬物．不譴是非，以與世俗處．其書雖瑰瑋，而連 犴無傷也．其辭雖參差，而諔詭可觀．

(tức Huệ Thi 惠施) nói: "Kẻ điên chạy hướng Đông, kẻ truy đuổi cũng chạy hướng Đông. Việc chạy hướng Đông thì như nhau, mà mục đích (hay động cơ) chạy hướng Đông thì khác nhau. Do đó, tôi nói: Chúng ta không thể không xét kỹ những người làm việc giống nhau."»[40] Sự khác biệt giữa Trang Tử và Huệ Thi cũng giống như thế.

Tuy nhiên, học thuyết của Trang Tử và học thuyết của Huệ Thi ở phương diện «ngôn» 言 (lời) và «tri» 知 (tri thức) thì có sự khế hợp. Cho nên khi Huệ Thi chết, Trang Tử than thở rằng không còn ai để ông có thể trò chuyện được. Thiên Thiên Hạ chép: «Phát triển đầy đủ một phương diện thì cũng được, càng quý lời nói (tức nói ít) thì càng gần với Đạo. Huệ Thi không bằng lòng với điều đó mà cứ phân tán năng lực vào vạn vật không biết chán, rốt cuộc chỉ được cái danh biện luận giỏi. Đáng tiếc thật! Tài năng của Huệ Thi buông thả mà không đạt được gì, truy đuổi vạn vật mãi mà không quay về với Đạo, khác gì gào lên để ngăn tiếng vang, chạy đua với cái bóng của mình. Đáng buồn thay!»[41]

Trên đây ý nói cái học của Huệ Thi chỉ gần với Đạo, nhưng Huệ Thi không biết tự yên ổn, cứ phân tán tinh thần vào ngoại vật mà không biết quay về, rốt cuộc chỉ được cái danh biện luận giỏi, nên Trang Tử tán thán «Đáng buồn thay!». Từ quan điểm của học thuyết của Trang Tử mà xét, cái học của Huệ Thi có thể gọi là chưa đạt chính Đạo, mà lạc qua lối rẽ khác.[42]

---

[40] ***Hàn Phi Tử*** **(Thuyết Lâm, thượng): «Huệ Tử viết: "Cuồng giả đông tẩu, trục giả diệc đông tẩu, kỳ đông tẩu tắc đồng, kỳ sở dĩ đông tẩu chi vi tắc dị. Cố viết: Đồng sự chi nhân, bất khả bất thẩm sát dã."» "狂者東走,逐者亦東走,其東走則同,其所以東走之爲則異.故曰:同事之人,不可不審察也." - LAM chú: Hai chữ 慧 và 惠 (Huệ) trong cổ văn dùng thông với nhau. Chỗ này nguyên bản chữ Hán của Phùng Hữu Lan in sai chữ 狂 «cuồng» (điên) thành 往 «vãng» (đi), nên Derk Bodde dịch sai theo: «*The person who flees, runs eastward, ...*» (Người đào tẩu chạy về hướng đông, ...) Tôi căn cứ bản *Hàn Phi Tử Toàn Dịch* 韓非子全譯 (Trương Giác 張覺 dịch chú), Quý Châu Nhân Dân xuất bản xã, tập thượng, 1992, tr.389, chỉnh lại như trên.**

[41] ***Trang Tử*** **(Thiên Hạ): «Phù sung nhất thượng khả, viết dũ quý, đạo cơ hĩ. Huệ Thi bất năng dĩ thử tự ninh, tản ư vạn vật nhi bất yếm, tốt dĩ thiện biện vi danh. Tích hồ! Huệ Thi chi tài, đài đãng nhi bất đắc, trục vạn vật nhi bất phản, thị cùng hưởng dĩ thanh, hình dữ ảnh cạnh tẩu dã, bi phù!» 夫充一尚可,曰愈貴,道幾矣.惠施不能以此自寧,散於萬物而不厭,卒以善辯爲名.惜乎!惠施之才,駘蕩而不得,逐萬物而不反,是窮響以聲,形與影競走也,悲夫!**

[42] **Trong Thiên Thiên Hạ của *Trang Tử*, Mặc Tử được khen là «kẻ sĩ có tài»; Doãn Văn và Tống Khanh được khen là «kẻ sĩ cứu đời». Tuy là lời khen nhưng mức độ chưa nhiều lắm. Đến Thận Đáo và Điền Biền được khen là «đã nghe về Đạo». Còn Huệ Thi thì được khen là «càng quý lời nói thì càng gần với Đạo». Sở dĩ được khen nhiều như thế vì phái Thận Đáo và phái Huệ Thi có điểm tương đồng với học thuyết của Trang Tử. Trang Tử nói «ngôn» lại nói «vô ngôn», nói «tri» lại nói «vô tri». Còn Thận Đáo chú trọng «bất tri», sở đắc là «cục đất không mất**

5. «Bạch mã luận» của Công Tôn Long

Theo *Sử Ký* (Mạnh Tử Tuân Khanh Liệt Truyện), Công Tôn Long 公孫龍 là người nước Triệu 趙. *Trang Tử* (thiên Thiên Hạ) nói: «Các biện giả lấy chuyện ấy ra đối đáp với Huệ Thi, suốt đời không hết. Hoàn Đoàn và Công Tôn Long thuộc bọn biện giả.»[43] Căn cứ lời này, Công Tôn Long sống sau Huệ Thi một chút, nhưng Trang Tử đã biện luận những chủ đề của Công Tôn Long (như *bạch mã* 白馬, *chỉ* 指, *sự* 事) tức là Công Tôn Long cũng sống cùng thời với Trang Tử. *Lã Thị Xuân Thu* (thiên Thẩm Ứng) chép việc Công Tôn Long từng thuyết Yên Chiêu Vương 燕昭王 (311-279) và Triệu Huệ Vương 趙惠王 (298-265) nghỉ binh ngưng chiến: «Ý nghĩa của nghỉ binh ngưng chiến là lòng yêu khắp thiên hạ vậy.» (Yển binh chi ý, kiêm ái thiên hạ chi tâm dã 偃兵之意,兼愛天下之心也). Tuy nhiên nghỉ binh ngưng chiến là ý kiến chung của mọi người thời ấy, không phải vì thế mà Công Tôn Long trở thành thủ lĩnh của một phái. *Công Tôn Long Tử* (thiên Tích Phủ) nói: «Công Tôn Long là biện sĩ thời sáu nước (tức Chiến Quốc). Ông ghét sự tán loạn của danh với thực, nên lấy cái sở trường của mình mà luận về giữ cái trắng; ông mượn sự vật làm thí dụ mà luận về giữ cái trắng. [...] Ông muốn suy rộng cách biện luận ấy để sửa đúng quan hệ giữa danh với thực và làm thay đổi thiên hạ.»[44] Lại nói: «Long sở dĩ nên danh là lấy chủ đề ngựa trắng ra biện luận. Nay bảo Long bỏ nó đi, thì còn lấy gì mà dạy ai nữa.»[45]

Trang Tử (thiên Thiên Hạ) nói: «Bọn biện giả như Hoàn Đoàn và Công Tôn Long [lấy nguỵ biện] mê hoặc lòng người và thay đổi ý nghĩ của họ; [nhưng biện giả] chỉ có thể khiến người ta không cãi lại được chứ không chinh phục lòng họ. Đó là chỗ hạn chế của bọn biện giả.»[46]

Đạo»; Huệ Thi chú trọng «ngôn», sở đắc là «chỉ được cái danh biện luận giỏi». Hai phái ấy chỉ nắm được một phương diện của học thuyết của Trang Tử mà thôi.

[43] ***Trang Tử* (Thiên Hạ): «Biện giả dĩ thử dữ Huệ Thi tương ứng, chung thân vô cùng. Hoàn Đoàn, Công Tôn Long, biện giả chi đồ.»** 辯者以此與惠施相應,終身無窮.桓團,公孫龍,辯者之徒.

[44] ***Công Tôn Long Tử* (Tích Phủ): «Công Tôn Long, lục quốc thời biện sĩ dã. Tật danh thực chi tán loạn, nhân tự tài chi sở trường, vi thủ bạch chi luận. Giả vật thủ thí, dĩ thủ bạch biện. [...] Dục suy thị biện dĩ chính danh thực, nhi hoá thiên hạ yên.»** 公孫龍,六國時辯士也.疾名實之散亂,因資材之所長,爲守白之論.假物取譬,以守白辯 [...] 欲推是辯以正名實,而化天下焉.

[45] ***Công Tôn Long Tử* (Tích Phủ): «Long chi sở dĩ vi danh giả, nãi dĩ bạch mã chi luận nhĩ. Kim sử Long khử chi, tắc vô dĩ giáo yên.»** 龍之所以爲名者,乃以白馬之論耳 今使龍去之,則無以教焉.

[46] ***Trang Tử* (Thiên Hạ): «Hoàn Đoàn, Công Tôn Long biện giả chi đồ, sức nhân chi tâm, dịch nhân chi ý, năng thắng nhân chi khẩu, bất năng phục nhân chi tâm, biện giả chi hữu dã.»** 桓團,公孫龍辯者之徒,飾人之心,易人之意,能勝人之口,不能服人之心,辯者之囿也.

Công Tôn Long nổi tiếng nhờ biện luận, cho nên đương thời mới gọi ông là biện sĩ hay biện giả. Biện luận của ông về ngựa trắng rất nổi tiếng. *Công Tôn Long Tử* (Bạch Mã Luận) nói: «Ngựa trắng không phải ngựa. [...] Ngựa là để gọi hình; trắng là để gọi màu sắc. Gọi màu sắc tức là không gọi hình. Cho nên nói: Ngựa trắng không phải ngựa. [...] Khi ta cần ngựa, thì ngựa vàng và ngựa ô đều có thể mang đến. Khi ta cần ngựa trắng thì ngựa vàng và ngựa ô đều không thể mang đến. [...] Cho nên ngựa vàng và ngựa ô cùng là một loài động vật, nên có thể đáp ứng nhu cầu cần ngựa, nhưng không thể đáp ứng nhu cầu cần ngựa trắng. Vậy rõ ràng ngựa trắng không phải là ngựa. [...] Ngựa tất phải có màu sắc, nên có ngựa trắng. Nếu khiến cho ngựa không có màu sắc, tức là chỉ có ngựa thôi. Vậy làm sao có được ngựa trắng? Cho nên màu trắng không phải là ngựa. Ngựa trắng nghĩa là ngựa với trắng; ngựa với trắng không phải là ngựa. Cho nên nói ngựa trắng không phải là ngựa. [...] Từ *trắng* không phải chỉ định cái gì trắng, nên ta quên nó đi cũng được. Nhưng nói ngựa trắng tức đã định cái gì trắng rồi. Màu trắng được định thì không phải là trắng. Ngựa không khử bỏ hay nhận lấy màu, nên màu vàng và màu đen đều thích ứng với nó được. Còn ngựa trắng có sự khử bỏ hay nhận lấy màu; ngựa vàng và ngựa ô đều bị loại trừ vì màu của chúng; do đó chỉ có ngựa trắng là có thể thích ứng. Cái không loại trừ và cái có loại trừ không phải là một. Nên nói: ngựa trắng không phải là ngựa.»[47]

«Ngựa» là cái danh chỉ chung cho toàn thể ngựa chứ không chỉ định màu sắc của nó. Nhưng hễ nói ngựa trắng tức là đã chỉ định màu sắc rồi. Cho nên cái mà danh «ngựa» ám chỉ và cái mà danh «ngựa trắng» ám chỉ

[47] ***Công Tôn Long Tử* (Bạch Mã Luận): «Bạch mã phi mã. [...] Mã giả, sở dĩ mệnh hình dã; bạch giả, sở dĩ mệnh sắc dã; mệnh sắc giả, phi mệnh hình dã, cố viết bạch mã phi mã. [...] Cầu mã, hoàng, hắc mã giai khả trí; cầu bạch mã, hoàng, hắc mã bất khả trí. [...] Cố hoàng, hắc mã nhất dã, nhi khả dĩ ứng hữu mã, nhi bất khả dĩ ứng hữu bạch mã, thị bạch mã chi phi mã thẩm hĩ. [...] Mã cố hữu sắc, cố hữu bạch mã. Sử mã vô sắc, hữu mã như dĩ nhĩ, an thủ bạch mã? Cố bạch giả phi mã dã. Bạch mã giả, mã dữ bạch dã; mã dữ bạch mã dã, cố viết: bạch mã phi mã dã. [...] Bạch giả bất định sở bạch, vong chi nhi khả dã. Bạch mã giả, ngôn định sở bạch dã. Định sở bạch giả, phi bạch dã. Mã giả vô khứ thủ ư sắc, cố hoàng, hắc giai sở dĩ ứng; bạch mã giả, hữu khứ thủ ư sắc, hoàng, hắc mã giai sở dĩ sắc khứ, cố duy bạch mã độc khả dĩ ứng nhĩ. Vô khứ giả phi hữu khứ dã; cố viết: bạch mã phi mã.»** 白馬非馬[...] 馬者,所以命形也;白者,所以命色也;命色者,非命形也,故曰:白馬非馬[...]求馬,黃,黑馬皆可致;求白馬,黃,黑馬不可致[...]故黃,黑馬一也,而可以應有馬,而不可以應有白馬,是白馬之非馬審矣[...] 馬固有色,故有白馬.使馬無色,有馬如已耳,安取白馬?故白馬非馬也.白馬者,馬與白也;馬與白馬也,故曰:白馬非馬也[...]白者不定所白,忘之而可也.白馬者,言定所白也.定所白者,非白也.馬者無去取於色,故黃,黑馬皆所以色去,故惟白馬獨可以應耳.無去者非有去也;故曰:白馬非馬.

thì khác nhau. «Trắng» không phải là màu trắng chung chung, mà là màu trắng của con ngựa trắng, nên nói «ngựa trắng» tức là màu trắng đã định. Hễ màu trắng đã định thì nó không phải là màu trắng chung chung. Cái mà danh «ngựa trắng» ám chỉ và cái mà danh «trắng» ám chỉ cũng khác nhau.

6. Ý nghĩa khái niệm «chỉ» 指 của Công Tôn Long

Cái mà các danh như *ngựa, trắng,* và *ngựa trắng* trỏ vào tức là cái mà *Công Tôn Long Tử* (Chỉ Vật Luận) gọi là «chỉ» 指 . «Chỉ» 指 (khái niệm phổ quát) khác với «vật» 物 (sự vật cụ thể). *Công Tôn Long Tử* (Danh Thực Luận) nói: «Trời đất cùng những thứ do trời đất tạo ra thì gọi là «vật» 物 . Mỗi vật là cái vốn như thế và không nhiều hơn nữa, nó gọi là «thực» 實 . Mỗi cái thực chiếm [một khoảng không gian và thời gian] mà nó phải chiếm và không ít hơn nữa, nó gọi là «vị» 位 . [...] Chỉnh đốn cái trỏ vào cái thực thì gọi là chỉnh đốn cái «danh» 名 của cái thực. [...] Danh là để gọi cái thực. Nếu ta biết rằng *cái này* không phải là *cái này,* và *cái này* không ở tại *cái này*, thế thì nó không được mệnh danh. Nếu ta biết rằng *cái kia* không phải là *cái kia,* và *cái kia* không ở tại *cái kia*, thế thì nó cũng không được mệnh danh.»[48]

Theo đoạn văn trên, một «vật» là cái chiếm một vị trí trong không gian và thời gian. Triết học hiện đại gọi nó là một «cá thể cụ thể» (a concrete particular). Thí dụ như: ngựa này, ngựa kia, ngựa trắng này, ngựa trắng kia.

Tuy nhiên, ngoài những «cá thể cụ thể» (tức là «vật»), Công Tôn Long còn nói đến «chỉ», là cái đứng phía sau «vật» như nó vốn phải thế. «Chỉ» tương đương với thuật ngữ «universal» (cộng tướng 共相) của Tây phương. Sự diễn giải này có thể đạt được theo hai cách:

(1) Từ «chỉ» 指 (nghĩa đen là: ngón tay; chỉ trỏ vào) trong *Công Tôn Long Tử* có nghĩa là «cái được trỏ vào», tức là «cái được trỏ bằng danh». Vậy danh có hai mục đích: ① Một danh trỏ một cá thể tương ứng của nó; nên đoạn văn trên nói «danh là để gọi cái thực». ② Một danh đồng thời cũng trỏ cái «cộng tướng» (universal) ẩn phía sau cái cá thể ấy.

---

[48] ***Công Tôn Long Tử* (Danh Thực Luận): «Thiên địa dữ kỳ sở sản yên, vật dã. Vật dĩ vật kỳ sở vật nhi bất quá yên, thực dã. Thực dĩ thực kỳ sở thực nhi bất khoáng yên, vị dã. [...] Chính kỳ sở thực giả, chính kỳ danh dã. [...] Phù danh, thực vị dã. Tri thử chi phi thử dã, tri thử chi bất tại thử dã, tắc bất vị dã. Tri bỉ chi phi bỉ dã, tri bỉ chi bất tại bỉ dã, tắc bất vị dã.»** 天地與其所產焉，物也．物以物其所物而不過焉，實也．實以實其所實而不曠焉，位也[...]正其所實者，正其名也[...] 夫名，實謂也．知此之非此也，知此之不在此也，則不謂也．知彼之非彼也，知彼之不在彼也，則不謂也

Do đó ngoài *ngựa này, ngựa kia* còn có *ngựa* như một khái niệm; ngoài *cái trắng này, cái trắng kia* còn có *trắng* như một khái niệm chung chung chứ không trỏ vào một vật cụ thể màu trắng. Khái niệm «ngựa» và «trắng» ấy trong triết học hiện đại gọi là «cộng tướng» 共相 (universal = khái niệm hay ý niệm tổng quát: a general notion or idea) hay «yếu tố» 要素. Và một danh không những trỏ một cá thể cụ thể mà còn trỏ một khái niệm tổng quát nữa. Công Tôn Long đặt «chỉ» và «vật» tương ứng nhau; ta có thể thấy cái «chỉ» là cộng tướng (tức khái niệm tổng quát) mà danh trỏ vào.[49]

(2) Theo cách diễn giải thứ hai, chữ 指(chỉ) dùng trong *Công Tôn Long Tử* tương đương chữ 旨(chỉ) nghĩa là *ý niệm* (idea) hay *khái niệm* (concept). Hai chữ này trong cổ văn dùng thông với nhau. Do đó, chữ 指 (chỉ) Công Tôn Long dùng đã không còn ý nghĩa ban đầu là *ngón tay, chỉ, trỏ* nữa mà có nghĩa là *ý niệm* (idea) hay *khái niệm* (concept). Với ý nghĩa này, Công Tôn Long dùng nó để trỏ cộng tướng, giống như Plato dùng thuật ngữ «idea» (ý niệm) để trỏ cộng tướng vậy.

7. «Kiên bạch luận» của Công Tôn Long

Bạch mã luận của Công Tôn Long nêu ra ba cộng tướng độc lập và tách biệt: *ngựa, trắng, ngựa trắng*. *Trang Tử* (Thu Thuỷ) nói Công Tôn Long «tách rời cứng và trắng» (ly kiên bạch 離堅白); ý nói cứng và trắng là hai cộng tướng riêng biệt.

Công Tôn Long Tử (Kiên Bạch Luận) nói: «"Cứng, trắng, đá, là ba thứ, được chăng?" Đáp: "Không được." Hỏi: "Là hai chăng?" Đáp: "Được." Hỏi: "Tại sao?" Đáp: "Khi không có cứng, ta thấy trắng; đó là có hai. Khi không có trắng, ta thấy cứng; đó là có hai. [...] Nhìn không thấy cứng mà thấy trắng, tức là không có cứng. Sờ không thấy trắng mà thấy cứng. Thấy cứng tức là không có trắng. [...] Thấy được màu trắng của đá hay thấy được tính chất cứng của đá; đó là nhìn thấy và không nhìn thấy (tức sờ mó).

---

[49] **Nói nghiêm cách, *danh* phân làm *danh trừu tượng* và *danh cụ thể*. Danh trừu tượng chuyên chỉ cộng tướng, danh cụ thể chỉ cá thể và bao hàm cộng tướng. Cá thể là *ngoại diên* (denotation), cộng tướng là *nội hàm* (connotation). Trong ngôn ngữ biến cách của Tây phương ta dễ dàng phân biệt cụ thể (như *white* [trắng] và *horse* [con ngựa]) với trừu tượng (như *whiteness* [tính chất trắng] và *horseness* [tính ngựa]). Tuy nhiên trong văn tự Trung Quốc, trên mặt chữ không có sự phân biệt về cụ thể và trừu tượng. Cho nên chữ 馬(mã) có thể trỏ một con ngựa (cá thể) đồng thời trỏ khái niệm ngựa (cộng tướng). Chữ 白(bạch) vừa trỏ cái màu trắng của vật màu trắng, vừa trỏ tính chất trắng. Như vậy, 馬(mã) và 白(bạch) cùng lúc chỉ cái cộng tướng trừu tượng và cái cá thể cụ thể; tức là cùng lúc có hai loại công dụng.**

Nhìn thấy và không nhìn thấy tách rời nhau. Chúng không chứa nhau, cho nên chúng tách rời nhau. Tách rời nhau là tàng ẩn vậy."»[50]

Ở đây, «không cứng» và «không trắng» đều nói về tính chất cứng và trắng của hòn đá cụ thể. Khi ta nhìn hòn đá ta nhận thấy nó trắng chứ không cảm thấy nó cứng; không cảm thấy cứng tức là cứng tách rời trắng. Khi ta sờ hòn đá ta cảm thấy nó cứng chứ không nhận thấy nó trắng; không nhận thấy trắng tức là trắng tách rời cứng. Do đó cứng và trắng không trùm lên nhau, tức là cái này không ở trong cái kia. Theo tri thức luận, nó chứng minh rằng cứng và trắng là hai cộng tướng tách rời nhau.

Tiếp sau đó, thiên Kiên Bạch Luận có lời phản bác ý trên rằng: «Mắt không thể cảm thấy cứng, tay không thể nhìn thấy trắng. Không thể nói là không có cứng; không thể nói là không có trắng. Các giác quan có nhiệm vụ khác nhau và không thay cho nhau. Cứng và trắng đều có trong hòn đá, sao có thể tách rời nhau được?»[51]

Ở đây nói tay và mắt có nhiệm vụ khác nhau, nên không thay thế cho nhau. Do đó mắt nhìn thấy hòn đá trắng mà không cảm thấy nó cứng; tay sờ thấy hòn đá cứng mà không nhìn thấy nó trắng. Tuy mắt không cảm thấy hòn đá cứng và tay không nhìn thấy hòn đá trắng, nhưng kỳ thực cứng và trắng đều ở trong hòn đá. Vậy, sao cứng và trắng có thể tách rời nhau được? Công Tôn Long đáp: «Vật màu trắng nhưng khái niệm trắng không trỏ riêng một vật trắng nào. Vật thì cứng nhưng khái niệm cứng không trỏ riêng một vật cứng nào. Cả hai không trỏ riêng một vật nào, mà nói chung chung, vậy sao chúng có thể ở trong đá?»[52]

---

[50] ***Công Tôn Long Tử*** **(Kiên Bạch Luận): «"Kiên, bạch, thạch, tam, khả hồ?" Viết: "Bất khả." Viết: "Nhị khả hồ?" Viết: "Khả." Viết: "Hà tai?" Viết: "Vô kiên đắc bạch, kỳ cử dã nhị; vô bạch đắc kiên, kỳ cử dã nhị. [...] Thị bất đắc kỳ sở kiên, nhi đắc kỳ sở bạch giả, vô kiên dã. Phụ bất đắc kỳ sở bạch, nhi đắc kỳ sở kiên. Đắc kỳ kiên dã, vô bạch dã. [...] Đắc kỳ bạch, đắc kỳ kiên, kiến dữ bất kiến. Kiến dữ bất kiến ly, nhất nhất bất tương doanh, cố ly. Ly dã giả, tàng dã."»** 堅，白，石，三，可乎？曰："不可。"曰："二可乎？"曰："可。"曰："何哉？"曰："無堅得白，其舉也二；無白得堅，其舉也二。[...] 視不得其所堅，而得其所白者，無堅也。拊不得其所白，而得其所堅。得其堅也，無白也。[...] 得其白，得其堅，見與不見。見與不見離，一一不相盈，故離。離也者，藏也。"

[51] ***Công Tôn Long Tử*** **(Kiên Bạch Luận): «Mục bất năng kiên, thủ bất năng bạch. Bất khả vị vô kiên, bất khả vị vô bạch. Kỳ dị nhiệm dã, kỳ vô dĩ đại dã. Kiên bạch vực ư thạch, ô hồ ly?»** 目不能堅，手不能白。不可謂無堅，不可謂無白。其異任也，其無以代也。堅白域於石，惡乎離？

[52] ***Công Tôn Long Tử*** **(Kiên Bạch Luận): «Vật bạch yên, bất định kỳ sở bạch. Vật kiên yên, bất định kỳ sở kiên. Bất định giả kiêm, ô hồ kỳ thạch dã.»** 物白焉，不定其所白。物堅焉，不定其所堅。不定者兼，惡乎其石也。

Tạ Hi Thâm 謝希深(960-1279) đời Tống nói: «Vạn vật thông thường cũng có tính chất trắng, không nhất định chỉ có tính chất trắng ở đá. Cứng và trắng phải chăng không trỏ riêng đá mà thôi? Chúng quả thực không trỏ riêng một vật nào. Nếu chúng không trỏ riêng một vật nào, vậy sao chúng có thể cùng một thể với đá?»[53]

Khái niệm trắng không trỏ riêng một vật trắng nào; khái niệm cứng không trỏ riêng một vật cứng nào. Vậy sao có thể nói cứng và trắng cùng ở trong đá? Trong thiên hạ có một số vật cứng nhưng không trắng; cũng có một số vật trắng nhưng không cứng. Có thể thấy cứng và trắng là hai cộng tướng rời nhau. Đó là chứng minh theo siêu hình học về sự tách rời giữa cứng và trắng.

Công Tôn Long Tử (Kiên Bạch Luận) lại nói: «Tính chất cứng không hề tồn tại riêng với đá, mà nó cũng tồn tại ở khắp các vật khác. Không phải tính chất cứng do tồn tại riêng với một vật nào mà thành tính chất cứng. Tự bản thân nó là tính chất cứng. Nếu tính chất cứng không do bởi đá và vật, mà tự thân nó là tính chất cứng, vậy trong thiên hạ không xuất hiện tính chất cứng, tức là tính chất cứng ẩn giấu. Nếu tính chất trắng thực sự không phải là tự thân nó trắng, làm sao tính chất trắng có thể do bởi đá và vật được? Nếu tính chất trắng là do tự thân nó trắng, tức là nó không trắng do bởi vật. Tính chất vàng và đen cũng vậy. Khi tính chất cứng và trắng có thể tồn tại không liên quan đến đá, làm sao ta có thể nói về một hòn đá cứng trắng? Vậy các tính chất này rời nhau. Chúng rời nhau là bởi lý do đó.»[54]

Tạ Hi Thâm bình chú đoạn trên rằng: «Tính chất cứng đâu phải chỉ có ở đá; vạn vật cũng có tính chất cứng. Nên Công Tôn Long nói: "Tính chất cứng không hề tồn tại riêng với đá, mà nó cũng tồn tại ở khắp các vật khác." Thậm chí khi tính chất cứng không tồn tại ở vật, thì tự bản thân nó là tính chất cứng. Nên Công Tôn Long nói: "Không phải tính chất cứng do

[53] **Tạ Hi Thâm: «Vạn vật thông hữu bạch, thị bất định bạch ư thạch dã. Phù kiên bạch khởi duy bất định ư thạch hồ? Diệc kiêm bất định ư vạn vật hĩ. Vạn vật thả do bất năng định, an năng độc dữ thạch đồng thể hồ?»** 萬物通有白，是不定白於石也．夫堅白豈惟不定於石乎？亦兼不定於萬物矣．萬物且猶不能定，安能獨與石同體乎？

[54] ***Công Tôn Long Tử* (Kiên Bạch Luận): «Kiên vị dữ thạch vi kiên nhi vật kiêm. Vị dữ vi kiên nhi kiên tất kiên. Kỳ bất kiên thạch vật nhi kiên. Thiên hạ vị hữu nhược kiên nhi kiên tàng. Bạch cố bất năng tự bạch, ô năng bạch thạch vật hồ? Nhược bạch giả tất bạch, tắc bất bạch vật nhi bạch yên. Hoàng hắc dữ chi nhiên. Thạch kỳ vô hữu, ô thủ kiên bạch thạch hồ? Cố ly dã, ly dã giả nhân thị.»** 堅未與石爲堅而物兼．未與爲堅而堅必堅．其不堅石物而堅．天下未有若堅而堅藏．白固不能自白，惡能白石物乎？若白者必白，則不白物而白焉．黃黑與之然．石其無有，惡取堅白石乎？故離也，離也者因是．

tồn tại riêng với một vật nào mà thành tính chất cứng. Tự bản thân nó là tính chất cứng." Trong thiên hạ chưa hề thấy tính chất cứng tồn tại độc lập, nhưng không vì thế mà ta nói rằng không có tính chất cứng. Nên Công Tôn Long nói: "Tính chất cứng ẩn giấu."»[55]

Tuy tính chất trắng tồn tại độc lập và không thể thấy trên đời, nhưng tính chất trắng ấy là tự nó trắng. Giả sử tự nó không trắng, thì nó không làm cho đá và vật thành trắng. Nếu tự nó trắng, thì nó tự tồn tại mà không nương vào vật khác. Các màu vàng hay đen thì cũng thế. Trắng có thể tồn tại không cần có đá. Trắng không có đá thì không có đá cứng trắng. Do đó ta thấy cứng và trắng có thể tách rời mà tồn tại. Vậy từ quan điểm siêu hình học mà nói, cộng tướng cứng và cộng tướng trắng đều có sự tồn tại tiềm ẩn và độc lập. Cộng tướng cứng và cộng tướng trắng tuy có thể độc lập tự cứng và tự trắng, nhưng giác quan của con người bị giới hạn ở sự biểu hiện của cứng và trắng nơi vật cụ thể; tức là con người chỉ có thể cảm thấy tính chất cứng ở vật và nhận thấy tính chất trắng ở vật. Nhưng dù cứng và trắng không biểu hiện ở vật, thì không có nghĩa là chúng không tồn tại, chẳng qua là chúng khiến người ta không cảm giác được chúng thôi. Điều đó Công Tôn Long gọi là «tàng» (ẩn giấu). «Tàng» ngụ ý «tự tàng» (tự ẩn giấu) chứ không bị cái gì hay ai che giấu. Cho nên Công Tôn Long nói: «Chúng tự ẩn giấu chứ không phải bị che giấu mà ẩn giấu.» (Hữu tự tàng dã, phi tàng nhi tàng dã 有自藏也,非藏而藏也).

Plato cũng có cùng ý kiến như trên khi nói rằng cá thể (particulars) thì có thể nhìn thấy chứ không thể tư duy, còn khái niệm (ideas) thì có thể tư duy chứ không thể nhìn thấy. Vậy rõ ràng là cứng và trắng tách rời nhau. Không chỉ thế, tất cả cộng tướng đều tách rời nhau và có sự tồn tại độc lập. Cho nên thiên Kiên Bạch Luận nói: «Tách rời nhau, chúng độc lập, và đó là chính đạo của thiên hạ.» (Ly dã giả, thiên hạ cố độc nhi chính 離也者,天下故獨而正).

---

[55] **Tạ Hi Thâm: «Kiên giả bất độc kiên ư thạch, nhi diệc kiên ư vạn vật, cố viết: "Vị dữ thạch vi kiên nhi vật kiêm." dã. Diệc bất dữ vạn vật vi kiên nhi cố đương tự vi kiên, cố viết: "Vị dữ vật vi kiên nhi kiên tất kiên dã." Thiên hạ vị hữu nhược thử độc lập chi kiên nhi khả kiến, nhiên diệc bất khả vị chi vô kiên, cố viết: "Nhi kiên tàng dã."»** 堅者不獨堅於石,而亦堅於萬物,故曰："未與石爲堅而物兼." 也.亦不與萬物爲堅而固當自爲堅,故曰："未與物爲堅而堅必堅也." 天下未有若此獨立之堅而可見,然亦不可謂之無堅,故曰："而堅藏也."

8. «Chỉ vật luận» của Công Tôn Long

Các nhà tân thực tại luận (neo-realists) hiện nay cho rằng cá thể thì *tồn tại* 存在 (exist) còn cộng tướng thì *tiềm tồn* 潛存 (subsist: tồn tại một cách tiềm ẩn), tức là cộng tướng không chiếm vị trí trong không gian và thời gian. Thí dụ cứng là cứng dù cho nó không biểu hiện nơi vật, nhưng chúng ta không thể vì không cảm thấy nó mà nói rằng nó không tồn tại. Diễn tả ý đó, Công Tôn Long nói «cứng ẩn giấu» (kiên tàng 堅藏), tức là tính chất cứng *tiềm tồn*. Ý nghĩa «cứng ẩn giấu» được giải thích rõ ở thiên Chỉ Vật Luận (bàn về *chỉ* 指 và *vật* 物) trong *Công Tôn Long Tử*: «Không có *vật* nào không phải là *chỉ*, nhưng các *chỉ* này không phải là *chỉ*. Nếu thiên hạ không có *chỉ*, *vật* không thể là *vật*. Nếu không có *chỉ*, thì thiên hạ không có *vật*; người ta có thể nói đến *chỉ* được không? *Chỉ* là cái không có trong thiên hạ; *vật* là cái có trong thiên hạ. Xem cái có trong thiên hạ là cái không có trong thiên hạ, điều đó là không thể. Thiên hạ không có *chỉ*, mà *vật* không thể gọi là *chỉ*. Cái không thể gọi là *chỉ* thì không phải là *chỉ*. Chúng không phải là *chỉ*, [nhưng ở trên đã nói rằng] không có *vật* nào không phải là *chỉ*. Thiên hạ không có *chỉ* và *vật* không thể gọi là *chỉ*, điều ấy không có nghĩa là *chỉ* không tồn tại. *Chỉ* tồn tại, vì không có *vật* nào không phải là *chỉ*. Không có *vật* nào không phải là *chỉ*, nhưng những *chỉ* này không phải là *chỉ*. Thiên hạ không có *chỉ*, điều đó phát sinh từ việc mỗi *vật* đều có tên riêng, mà chính các tên riêng ấy không phải là *chỉ*. Nó không phải là *chỉ* mà gọi nó là *chỉ*, tức là lấy *chỉ* để trỏ cái không phải là *chỉ*. Xem cái không phải *chỉ* là *chỉ*, điều đó là không thể. Hơn nữa, *chỉ* là cái chung chung trong thiên hạ. Trong thiên hạ không có *chỉ*, nhưng ta không thể nói *vật* không có *chỉ*. Ta không thể nói *vật* không có *chỉ*, nghĩa là không có cái gì không phải là *chỉ*. Không có cái gì không phải là *chỉ*, không có *vật* nào không phải là *chỉ*. *Chỉ* không phải là *phi chỉ*. *Chỉ* ở cùng với *vật* là *phi chỉ*. Giả sử không có *vật-chỉ* trong thiên hạ, ai có thể nói trực tiếp về *phi chỉ*? Giả sử thiên hạ không có *vật*, ai có thể nói trực tiếp về *chỉ*? Giả sử thiên hạ có *chỉ* và không có *vật-chỉ*, ai có thể nói trực tiếp về *phi chỉ*? Ai có thể nói trực tiếp rằng không *vật* nào mà không là *chỉ*? Hơn nữa, *chỉ* tự nó trở nên *phi chỉ*; làm thế nào *chỉ* phụ thuộc vào *vật* và như thế nó là *chỉ* khi ở cùng với *vật*?»[56]

[56] ***Công Tôn Long Tử*** **(Chỉ Vật Luận): «Vật mạc phi chỉ, nhi chỉ phi chỉ. Thiên hạ vô chỉ, vật vô khả dĩ vị vật. Phi chỉ giả, thiên hạ vô vật, khả vị chỉ hồ? Chỉ dã giả, thiên hạ chi sở vô dã. Vật dã giả, thiên hạ chi sở hữu dã. Dĩ thiên hạ chi sở hữu, vi thiên hạ chi sở vô, vị khả. Thiên hạ vô chỉ, nhi vật bất khả vị chỉ dã. Bất khả vị chỉ giả, phi chỉ dã. Phi chỉ giả, vật mạc phi chỉ dã. Thiên hạ vô chỉ, nhi vật bất khả vị chỉ giả, phi hữu phi chỉ dã. Phi hữu phi chỉ giả, vật mạc phi chỉ dã. Vật mạc phi chỉ giả, nhi chỉ phi chỉ dã. Thiên hạ vô chỉ giả, sinh ư vật chi các hữu danh, bất vi chỉ dã. Bất vi chỉ nhi vị chi chỉ, thị kiêm bất vi chỉ. Dĩ hữu bất vi chỉ chi vô bất vi chỉ, vị**

Nếu ta phân tích sự vật trên đời, ta thấy rằng chúng đơn thuần được cấu thành do nhiều cộng tướng (Công Tôn Long gọi là *chỉ* = khái niệm tổng quát) khác nhau. Nhưng tự thân các cộng tướng này không thể phân tích thành các cộng tướng khác được nữa; nên Công Tôn Long nói: «Không có *vật* nào không phải là *chỉ*, nhưng các *chỉ* này không phải là *chỉ*. Nếu thiên hạ không có *chỉ*, *vật* không thể là *vật*.» Cộng tướng phải có cái để nó chỉ định và gửi vào; tức là cộng tướng phải biểu thị ở vật; có thế thì cộng tướng mới chiếm được một vị trí trong thời gian và không gian để cho chúng ta có thể cảm giác nó. Nếu nó không chiếm được một vị trí trong thời gian và không gian thì chúng ta không thể cảm giác được nó; nên Công Tôn Long nói: «Thiên hạ không có *vật*; người ta có thể nói đến *chỉ* được không?» Ông lại nói: «*Chỉ* là cái không có trong thiên hạ; *vật* là cái có trong thiên hạ.» Nếu cộng tướng không có cái để nó chỉ định và gửi vào, thì nó không chiếm một vị trí trong thời gian và không gian, tức là nó «ẩn giấu» (*tàng* 藏), cho nên nó là cái «không có trong thiên hạ». *Vật* tồn tại trong thời gian và không gian, cho nên nó là cái «có trong thiên hạ».

Vật tuy có thể phân tích thành nhiều cộng tướng khác nhau, nhưng bản thân nó không phải là *chỉ*. Do đó Công Tôn Long một mặt thì nói «không có *vật* nào không phải là *chỉ*» (vật mạc phi chỉ); mặt khác thì nói «*vật* không thể gọi là *chỉ*» (vật bất khả vị chỉ). Công Tôn Long nói «thiên hạ không có *chỉ*» (thiên hạ vô chỉ) là ông muốn nói tự thân của cộng tướng không tồn tại trong không gian và thời gian.

Tuy nhiên, vật trong thiên hạ đều có *danh* (tên riêng). «*Danh* là cái để trỏ *thực*.» *Thực* là cá thể; *danh* thì đại biểu cho cộng tướng. Tuy *danh* đại biểu cho cộng tướng, nhưng *danh* không phải là cộng tướng. Trong

khả. Thả chỉ giả, thiên hạ chi sở kiêm. Thiên hạ vô chỉ giả, vật bất khả vị vô chỉ dã. Bất khả vị vô chỉ giả, phi hữu phi chỉ dã. Phi hữu phi chỉ giả, vật mạc phi chỉ, chỉ phi phi chỉ dã. Chỉ dữ vật, phi chỉ dã. Sử thiên hạ vô vật chỉ, thuỳ kính vị phi chỉ? Thiên hạ vô vật, thuỳ kính vị chỉ? Thiên hạ hữu chỉ, vô vật chỉ, thuỳ kính vị phi chỉ? Kính vị vô vật phi chỉ? Thả phù chỉ cố tự vi phi chỉ, hề đãi ư vật, nhi nãi dữ vi chỉ?» 物莫非指，而指非指. 天下無指，物無可以謂物. 非指者，天下無物，可謂指乎?指也者，天下之所無也. 物也者，天下之所有也. 以天下之所有，爲天下之所無，未可. 天下無指，而物不可謂指也. 不可謂指者，非指也. 非指者，物莫非指也. 天下無指，而物不可謂指者，非有非指也. 非有非指也，物莫非指也. 物莫非指者，而指非指也. 天下無指者，生於物之各有名，不爲指也. 不爲指而謂之指，是兼不爲指. 以有不爲指之無不爲指，未可. 且指者，天下之所兼. 天下無指者，物不可謂無指也. 不可謂無指者，非有非指也. 非有非指者，物莫非指，指非非指也. 指與物，非指也. 使天下無物指，誰徑謂非指？天下無物，誰徑謂指?天下有指，無物指，誰徑謂非指？徑謂無物非指?且夫指固自爲非指，奚待於物，而乃與爲指？

thiên hạ, *danh* thì có nhưng cộng tướng thì không có; nên Công Tôn Long nói: «Thiên hạ không có *chỉ*, điều đó phát sinh từ việc mỗi *vật* đều có tên riêng (*danh*), mà chính các tên riêng ấy không phải là *chỉ*.» *Danh* không phải là *chỉ*, thì không thể gọi nó là *chỉ*; nên Công Tôn Long nói: «Xem cái không phải *chỉ* là *chỉ*, điều đó là không thể.»

Một cộng tướng (= khái niệm) là cái chung cho mọi vật trong loại của chúng. Thí dụ cộng tướng «ngựa» là cái chung cho mọi con ngựa trong loài ngựa; cộng tướng «trắng» là cái chung cho mọi phần tử trong tập hợp các vật trắng. Do đó ta nói trong thiên hạ không có *chỉ*, chứ không nói *vật* trong thiên hạ không có *chỉ*. Công Tôn Long nói: «Hơn nữa, *chỉ* là cái chung chung trong thiên hạ. Trong thiên hạ không có *chỉ*, nhưng ta không thể nói *vật* không có *chỉ*.» Một mặt, không *vật* nào mà không có *chỉ*, vì *vật* cụ thể đều là tập hợp các cộng tướng và chiếm một vị trí trong không gian và thời gian. Mặt khác, *vật* không phải là *chỉ*, vì cái chiếm một vị trí trong không gian và thời gian phải là cá thể chứ không phải là cộng tướng. Cho nên Công Tôn Long một mặt nói: «Ta không thể nói *vật* không có *chỉ*, nghĩa là không có cái gì không phải là *chỉ*. Không có cái gì không phải là *chỉ*, không có *vật* nào không phải là *chỉ*.» Mặt khác lại nói: «*Chỉ* không phải là *phi chỉ*. *Chỉ* ở cùng với *vật* là *phi chỉ*.» Câu «*chỉ* ở cùng với *vật* là *phi chỉ*» nghĩa là khi nhiều cộng tướng liên hợp nhau và biểu hiện ở một vị trí trong không gian và thời gian thì chúng trở thành *vật*. Cái *chỉ* hiện ra ở *vật* tức là «*chỉ* ở cùng với *vật*» hay là «*vật-chỉ*». Giả sử không có *chỉ*, thì không thể có *vật*. Giả sử không có *vật-chỉ*, thì cũng không thể có *vật*.

Giả sử có *chỉ* mà không có *vật*, thì cộng tướng ẩn giấu chứ không biểu hiện, và người nói đến *vật* và *chỉ* cũng không tồn tại. Cho nên Công Tôn Long nói: «Giả sử không có *vật-chỉ* trong thiên hạ, ai có thể nói trực tiếp về *phi chỉ*? Giả sử thiên hạ không có *vật*, ai có thể nói trực tiếp về *chỉ*? Giả sử thiên hạ có *chỉ* và không có *vật-chỉ*, ai có thể nói trực tiếp về *phi chỉ*? Ai có thể nói trực tiếp rằng không *vật* nào mà không là *chỉ*?» Tuy nhiên, sự liên hợp các cộng tướng và sự biểu hiện chúng ở một vị trí trong không gian và thời gian để thành *vật* vốn là tiến trình tự nhiên chứ không phải do bên ngoài gây ra. Cho nên Công Tôn Long nói: «Hơn nữa, *chỉ* tự nó trở nên *phi chỉ*; làm thế nào *chỉ* phụ thuộc vào *vật* và như thế nó là *chỉ* khi ở cùng với *vật*?» Cái *phi chỉ* ở đây tức là *vật* cụ thể.

9. «Thông biến luận» của Công Tôn Long

Cộng tướng là cái bất biến; cá thể là cái thường biến, hoặc biến, hoặc bất biến. *Công Tôn Long Tử* (Thông Biến Luận) bàn về vấn đề này như sau: «Hỏi: "Hai có một không?" Đáp: "Hai không có một." Hỏi:

"Hai có bên phải không?" Đáp: "Hai không có bên phải." Hỏi: "Hai có bên trái không?" Đáp: "Hai không có bên trái." Hỏi: "Bên phải có thể gọi là hai không?" Đáp: "Không thể." Hỏi: "Bên trái có thể gọi là hai không?" Đáp: "Không thể." Hỏi: "Bên trái và bên phải có thể gọi là hai không?" Đáp: "Có thể."»[57]

Cộng tướng «hai» chỉ là *hai*, ngoài ra không có gì khác. Do đó nó không phải là *một*, không phải là *bên trái*, không phải là *bên phải*. Nhưng *bên trái* với *bên phải* thì thành số *hai*. Cho nên Công Tôn Long nói bên trái và bên phải có thể gọi là hai.

Công Tôn Long Tử (Thông Biến Luận) nói tiếp: «Hỏi: "Nói biến không phải là bất biến, được chăng?" Đáp: "Được chứ." Hỏi: "*Bên phải* có sự *cùng với* [một vật gì đấy] có thể gọi là biến được chăng?" Đáp: "Được chứ." Hỏi: "Cái gì biến?" Đáp: "Bên phải."»[58]

Cộng tướng thì bất biến, cá thể thì thường biến. Biến không phải là bất biến. Chữ «dữ»與(cùng với) trong «hữu hữu dữ» 右有與(*bên phải* có sự *cùng với*) tức là chữ «dữ» 與trong «kiên vị dữ thạch vi kiên» 堅未與石爲堅(*cứng* chưa đi *cùng với* đá là *cứng*) mà Kiên Bạch Luận đã nói. Tự thân cộng tướng thì bất biến nhưng cộng tướng biểu hiện ở cá thể thì cố nhiên là biến. Cho nên cộng tướng «hữu» (bên phải) thì bất biến, nhưng khi nó đi cùng với vật nào đó, tức là nó biến rồi. Thí dụ vật A ở bên phải vật B có thể biến thành vật A ở bên trái vật B. Trong đoạn trích dẫn trên có câu hỏi: «Cái gì biến?» Câu đáp là: «*Bên phải* biến.» Nhưng cái *bên phải* này không phải là cộng tướng «bên phải», mà nó trỏ cái bên phải của sự vật cụ thể (tức là cộng tướng *bên phải* đi cùng với vật).[59]

Thông Biến Luận lại nói: «Hỏi: "Nếu *bên phải* biến, sao có thể gọi là *bên phải* được? Nếu nó *bất biến*, sao có thể gọi là *biến* được?" Hỏi: "Nếu cả hai không là *bên trái* cũng không là *bên phải*, thì làm sao nói

[57] ***Công Tôn Long Tử*** **(Thông Biến Luận): «Viết: "Nhị hữu nhất hồ?" Viết: "Nhị vô nhất." Viết: "Nhị hữu hữu hồ?" Viết: "Nhị vô hữu." Viết: "Nhị hữu tả hồ?" Viết: "Nhị vô tả." Viết: "Hữu khả vị nhị hồ?" Viết: "Bất khả." Viết: "Tả khả vị nhị hồ?" Viết: "Bất khả." Viết: "Tả dữ hữu khả vị nhị hồ?" Viết: "Khả."» 曰: "二有一乎?" 曰: "二無一." 曰: "二有右乎?" 曰: "二無右." 曰: "二有左乎?" 曰: "二無左." 曰: "右可謂二乎?" 曰: "不可." 曰: "左可謂二乎?" 曰: "不可." 曰: "左與右可謂二乎?" 曰: "可."**

[58] ***Công Tôn Long Tử*** **(Thông Biến Luận): «Viết: "Vị biến phi bất biến, khả hồ?" Viết: "Khả." Viết: "Hữu hữu dữ, khả vị biến hồ?" Viết: "Khả." Viết: "Biến *hề*?" [PHL chú: Nguyên văn là *chích* 隻, học giả Du Việt chỉnh sửa là *hề* 奚] Viết: "Hữu."» 曰: "謂變非不變, 可乎?" 曰: "可." 曰: "右有與, 可謂變乎?" 曰: "可." 曰: "變隻(奚)?" 曰: "右."**

[59] **Điểm này tôi được Giáo sư Kim Nhạc Lâm 金岳林 chỉ giáo.**

bên trái với *bên phải* là hai được?"»[60] Người nêu câu hỏi không hiểu rằng cái *bên phải* biến đổi chính là cái *bên phải* ở sự vật cụ thể. Cái *bên phải* này biến, nhưng cái cộng tướng «bên phải» thì bất biến. Cho nên người ấy mới hỏi: «Nếu *bên phải* biến, sao có thể gọi là *bên phải* được? Nếu nó *bất biến*, sao có thể gọi là *biến* được?» Người ấy cũng không hiểu *bên trái* với *bên phải* tạo thành số hai, nên gọi là hai. Do đó người ấy hỏi: «Nếu cả hai không là *bên trái* cũng không là *bên phải*, thì làm sao nói *bên trái* với *bên phải* là hai được?»

Thông Biến Luận lại nói: «Dê với trâu không phải là ngựa, trâu với dê không phải là gà.»[61] Ở đây nói *bên trái* với *bên phải* tạo thành số hai, nên gọi là hai; chứ không nói cộng tướng «bên trái» với cộng tướng «bên phải» hợp làm một mà tạo thành số hai. Cộng tướng «bên trái» với cộng tướng «bên phải» không thể nào hợp lại mà thành hai; giống như cộng tướng «dê» với cộng tướng «trâu» không thể nào hợp lại mà thành ngựa; cộng tướng «trâu» với cộng tướng «dê» không thể nào hợp lại mà thành gà.

Thông Biến Luận lại nói: «Dê với trâu vốn khác nhau. Vì dê có răng, trâu không có răng, nhưng ta chưa thể nói rằng trâu không là dê, dê không là trâu. Cả hai đều khác nhau về răng và về chủng loại. Vì dê có sừng, trâu có sừng, nhưng ta chưa thể nói rằng trâu là dê, dê là trâu. Cả hai đều có sừng nhưng khác nhau về chủng loại. Dê và trâu có sừng, nhưng ngựa không có sừng; ngựa có đuôi, nhưng dê và trâu không có đuôi. Cho nên tôi nói: "Dê với trâu không là ngựa." Không là ngựa tức là không có ngựa. Không có ngựa thì dê không là hai, trâu không là hai, nhưng dê với trâu là hai. Do đó dê và trâu không là ngựa. Nếu chúng được xem là hai, là vì chủng loại khác nhau; giống như trường hợp *bên trái* và *bên phải*.»[62]

---

[60] *Công Tôn Long Tử* (Thông Biến Luận): «Viết: "Hữu cẩu biến, an khả vị hữu? Cẩu bất biến, an khả vị biến?" Viết: "Nhị cẩu vô tả hựu vô hữu, nhị giả tả dữ hữu nại hà?"» 曰："右苟變，安可謂右？苟不變，安可謂變？" 曰："二苟無左又無右，二者左與右奈何？"

[61] *Công Tôn Long Tử* (Thông Biến Luận): «Dương hợp ngưu phi mã, ngưu hợp dương phi kê.» 羊合牛非馬，牛合羊非雞.

[62] *Công Tôn Long Tử* (Thông Biến Luận): «Dương dữ ngưu duy dị, dương hữu xỉ, ngưu vô xỉ, *nhi ngưu chi phi dương dã, dương chi phi ngưu dã* (*), vị khả. Thị bất câu hữu, nhi hoặc loại yên. Dương hữu giác, ngưu hữu giác, ngưu chi nhi dương dã; dương chi nhi ngưu dã, vị khả. Thị câu hữu, nhi loại chi bất đồng dã. Dương ngưu hữu giác, mã vô giác; mã hữu vĩ, dương ngưu vô vĩ. Cố viết: "Dương hợp ngưu phi mã dã." Phi mã giả, vô mã dã. Vô mã giả, dương bất nhị, ngưu bất nhị, nhi dương ngưu nhị. Thị nhi dương nhi ngưu, phi mã khả dã. Nhược cử nhi dĩ thị, do loại chi bất đồng. Nhược tả hữu, do thị cử.» 羊與牛唯異；羊有齒，牛無齒，而牛之非

Ở đây ba cộng tướng «trâu», «dê», «ngựa» hoàn toàn khác nhau. Cho nên cộng tướng «dê» và cộng tướng «trâu» không thể hợp thành ngựa. Tuy chúng không thể kết hợp, nhưng chúng là hai. Do đó ở trên nói: «Dê không là hai, trâu không là hai, nhưng dê với trâu là hai.» Dê và trâu tuy không một loại, nhưng chúng được đếm là hai thì cũng không hại gì. Nó giống như trường hợp bên trái và bên phải là hai. Do đó ở trên nói: «Nếu chúng được xem là hai, là vì chủng loại khác nhau; giống như trường hợp *bên trái* và *bên phải*.»

Thông Biến Luận lại nói: «Trâu và dê có lông mao, gà có lông vũ. Nói chân gà là một. Đếm số chân là hai. Hai với một là ba. Nói chân trâu chân dê là một. Đếm số chân là bốn. Bốn với một là năm. Chân trâu hay chân dê là năm, chân gà là ba. Nên tôi nói: Trâu với dê không là gà. Chẳng phải có cái không là gà. Nếu chọn ngựa hay gà [để so với trâu và dê], thà chọn ngựa. Cái có đặc tính và cái không có đặc tính không thể cho vào một loại được. Cách nêu ra như thế là làm loạn danh, và gọi là nêu ra điên khùng.»[63]

Ở đây nói trâu và dê càng khác với gà. Cộng tướng «chân gà» là một; hợp với hai chân gà thực tế nên thành ba. Cộng tướng «chân trâu» (hoặc «chân dê») là một; hợp với bốn chân trâu (hoặc chân dê) thực tế nên thành năm.[64] Cho nên cộng tướng «trâu» và cộng tướng «dê» không thể hợp thành gà. Nhưng nếu nói cộng tướng «trâu» và cộng tướng «dê» có thể hợp thành gà, thì chẳng bằng nói chúng hợp thành ngựa, bởi vì so

---

羊也，羊之非牛也(*)，未可．是不俱有，而或類焉．羊有角，牛有角，牛之而羊也，羊之而牛也，未可．是俱有，而類之不同也．羊牛有角，馬無角；馬有尾，羊牛無尾．故曰："羊合牛非馬也．" 非馬者，無馬也．無馬者，羊不二，牛不二，而羊牛二．是而羊而牛，非馬可也．若舉而以是，猶類之不同．右左右，猶是舉．— **Phùng Hữu Lan chú: (*) Nguyên văn là *«nhi ngưu dương chi phi dương dã, chi phi ngưu dã»* 而牛羊之非羊也，之非牛也, tôi theo hiệu đính của Tôn Di Nhượng.**

[63] ***Công Tôn Long Tử* (Thông Biến Luận): «Ngưu dương hữu mao, kê hữu vũ. Vị kê túc nhất. Sổ túc nhị. Nhị nhi nhất, cố tam. Vị ngưu dương túc nhất. Sổ túc tứ. Tứ nhi nhất, cố ngũ. Ngưu, dương túc ngũ, kê túc tam. Cố viết: Ngưu hợp dương phi kê. Phi hữu dĩ phi kê dã. Dữ mã dĩ kê, ninh mã. Tài bất tài, kỳ vô dĩ loại thẩm hĩ. Cử thị loạn danh, thị vị cuồng cử.»** 牛羊有毛，雞有羽．謂雞足一．數足二．二而一，故三．謂牛羊足一．數足四．四而一，故五．牛羊足五，雞足三．故曰：牛合羊非雞．非有以非雞也．與馬以雞，寧馬．材不材，其無以類審矣．舉是亂名，足謂狂舉．

[64] **Kỳ thực, cộng tướng «chân gà» không thể gộp vào hai chân gà thực tế được. Nhưng các biện giả của phái Công Tôn Long lại có thuyết này, cho nên *Trang Tử* (Thiên Hạ) mới chép các câu như: «Gà ba chân.» (Kê tam túc 雞三足), «Ngựa vàng và trâu đen là ba.» (Hoàng mã ly ngưu tam 黃馬驪牛三).**

với gà thì ngựa tương cận với trâu và dê hơn. Cho nên ở trên nói: «Nếu chọn ngựa hay gà [để so với trâu và dê], thà chọn ngựa.» Nếu nói dê với trâu có thể là gà, tức là làm loạn danh, là mệnh danh một cách điên khùng.

Đoạn văn cuối thiên Thông Biến Luận không được rõ ràng lắm, nhưng đại ý của nó nói rằng: xanh lá cây với trắng không thể là vàng; trắng với xanh lá cây không thể là xanh biếc; giống như nói: «Dê với trâu không phải là ngựa, trâu với dê không phải là gà.» Do đó, *vàng* ứng với *ngựa*, *xanh biếc* ứng với gà. Đấy chỉ là những thí dụ khác để giải thích ý nghĩa của đoạn văn ở trên mà thôi.

10. «Hợp đồng dị» và «Ly kiên bạch»

Trang Tử (Đức Sung Phù) nói: «Từ chỗ khác nhau mà xét, thì gan và mật xa nhau như nước Sở với nước Việt; từ chỗ giống nhau mà xét, thì vạn vật đều là một.»[65] Bởi vì, từ chỗ khác nhau của vật mà lập luận thì thấy vạn vật đều khác nhau; còn từ chỗ giống nhau của vật mà lập luận thì thấy vạn vật đều giống nhau. Tuy nhiên đó là nói về vật cá thể. Mỗi cá thể vốn có nhiều tính chất, mà các tính chất ấy đều không là tuyệt đối. Cho nên núi Thái có thể gọi là nhỏ mà đầu sợi lông [của loài vật trong mùa thu] có thể gọi là lớn. Nhưng đối với cộng tướng thì không phải vậy. Cộng tướng chỉ là cộng tướng, tính chất của nó là tuyệt đối. Thí dụ cộng tướng «lớn» chỉ là lớn, cộng tướng «nhỏ» chỉ là nhỏ. Quan điểm của Huệ Thi chú ý vào vật cá thể, nên ông nói «Vạn vật đều có chỗ giống nhau và đều có chỗ khác nhau» (vạn vật tất đồng tất dị 萬物畢同畢異) rồi quy kết ở «yêu khắp vạn vật, xem trời đất là một thể» (phiếm ái vạn vật thiên địa nhất thể dã 汎愛無爲而無不爲天地一體也). Quan điểm của Công Tôn Long thì chú trọng cộng tướng, cho nên ông tách rời cứng trắng rồi quy kết ở «đó là chính đạo của thiên hạ» (thiên hạ cố độc nhi chính 天下故獨而正). Quan điểm hai phái khác nhau, nên hai học thuyết hoàn toàn bất đồng. Thời Chiến Quốc, khi đề cập cái học của các biện giả, người ta nói chung chung là «hợp đồng dị, ly kiên bạch» 合同異離堅白 (hợp giống với khác, tách cứng khỏi trắng), hoặc nói «kiên bạch đồng dị chi biện» 堅白同異之辯 (bàn về cứng với trắng và giống với khác). Nhưng đó là cách nói gộp chung, kỳ thực các biện giả chia làm hai phái: một phái là «hợp đồng dị» với thủ lĩnh là Huệ Thi; một phái là «ly kiên bạch» với thủ lĩnh là Công Tôn Long.

[65] *Trang Tử* (Đức Sung Phù): «Tự kỳ dị giả thị chi, can đảm Sở Việt dã; tự kỳ đồng giả thị chi, vạn vật giai nhất dã.» 自其異者視之，肝膽楚越也；自其同者視之，萬物皆一也.

Học thuyết của Trang Tử có một phần khế hợp với học thuyết của Huệ Thi, nên ông tán thành «hợp đồng dị» chứ không tán thành «ly kiên bạch».

Trang Tử (Tề Vật Luận) nói: «Lấy *chỉ* để minh hoạ rằng *chỉ* là *phi chỉ*, chẳng bằng lấy *phi chỉ* để minh họa rằng *chỉ* là *phi chỉ*. Lấy *ngựa* để minh hoạ rằng *ngựa* là *không ngựa*, chẳng bằng lấy *không ngựa* để minh hoạ rằng *ngựa* là *không ngựa*. Trời đất là một *chỉ*; vạn vật là một ngựa.» [66]

Công Tôn Long nói «không có *vật* nào không phải là *chỉ*, nhưng các *chỉ* này không phải là *chỉ*» tức là «lấy *chỉ* để minh hoạ rằng *chỉ* là *phi chỉ*». Công Tôn Long nói «ngựa trắng không phải là ngựa» tức là «lấy *ngựa* để minh hoạ rằng *ngựa* là *không ngựa*». Tuy nhiên nếu «từ chỗ giống nhau của chúng mà xét» thì *chỉ* tương đồng với *vạn vật không là chỉ*, mà *chỉ* không là *chỉ*; và *ngựa* tương đồng với *vạn vật không là ngựa*, mà *ngựa* không là *ngựa*. Nếu vậy, «trời đất là một *chỉ*, vạn vật là một ngựa», tức là «trời đất với ta cùng sống, vạn vật với ta là một» (Thiên địa dữ ngã tịnh sinh, vạn vật dữ ngã vi nhất 天地與我並生,萬物與我爲一).

11. Các nghịch lý của biện giả trong *Trang Tử* (Thiên Hạ)

Trang Tử (Thiên Hạ) chép 21 nghịch lý của «bọn biện giả trong thiên hạ», trong đó cái thì lập luận theo quan điểm Huệ Thi, cái thì lập luận theo quan điểm Công Tôn Long. Dưới đây phân 21 nghịch lý ấy làm hai nhóm «Hợp đồng dị» và «Ly kiên bạch»:

**** Nhóm «Hợp đồng dị»:***

– «Trứng có lông mao.» (Noãn hữu mao 卵有毛).

– «Dĩnh (kinh đô nước Sở) có thiên hạ.» (Dĩnh hữu thiên hạ 郢有天下).

– «Chó có thể là dê.» (Khuyển khả dĩ vi dương 犬可以爲羊).

– «Ngựa có trứng.» (Mã hữu noãn 馬有卵).

– «Ếch có đuôi.» (Đinh tử hữu vĩ 丁子有尾).

---

[66] *Trang Tử* (Tề Vật Luận): «Dĩ chỉ dụ chỉ chi phi chỉ, bất nhược dĩ phi chỉ dụ chỉ chi phi chỉ dã. Dĩ mã dụ mã chi phi mã, bất nhược dĩ phi mã dụ mã chi phi mã dã. Thiên địa nhất chỉ dã, vạn vật nhất mã dã.» 以指喻指之非指,而若以非指喻指之非指也.以馬喻馬之非馬,不若以非馬喻馬之非馬也.天地一指也,萬物一馬也

– «Núi có miệng.» (Sơn xuất khẩu 山出口).[67]

– «Rùa dài hơn rắn.» (Quy trường ư xà 龜長於蛇).

– «Chó trắng thì đen.» (Bạch cẩu hắc 白狗黑).

Tuân Tử (thiên Bất Cẩu) nói: «*"Núi và vực bằng nhau", "trời với đất ngang nhau", "nước Tề và nước Tần kế nhau", "vào lỗ tai ra lỗ miệng", "cái móc có râu", "trứng có lông"*, đều là những thuyết khó đứng vững, nhưng Huệ Thi và Đặng Tích biện luận được.»[68] Có thể thấy những thuyết này đều của phái Huệ Thi.

Loài chim có lông vũ, loài thú có lông mao, vậy mà họ nói «trứng có lông mao» tức là trứng có thể cho ra một vật có lông mao. Chó không phải là dê, vậy mà họ nói «chó có thể là dê». Ngựa là loài mang thai đẻ con (thai sinh), vậy mà họ nói «ngựa có trứng», tức ngựa là loài đẻ trứng nở ra con (noãn sinh). Thành Huyền Anh[69] chú trong *Trang Tử Sớ* rằng: «Người nước Sở gọi con ếch là "đinh tử".» (Sở nhân hô hà mô vi đinh tử 楚人呼蝦蟆爲丁子). Ếch vốn không có đuôi, vậy mà họ nói «ếch có đuôi», tức là có thể xem ếch là vật có đuôi. Núi không có miệng, vậy mà họ nói «núi có miệng», tức là có thể xem núi là vật có miệng. *Tuân Tử* (thiên Bất Cẩu) chép: «Vào lỗ tai ra lỗ miệng.» (nhập hồ nhĩ, xuất hồ khẩu 入乎耳出乎口). Dương Lượng 楊倞 chú: «Có người nói câu này giống câu *sơn xuất khẩu*, nghĩa là núi có miệng và tai.»[70] *Tuân Tử* (thiên Bất Cẩu) chép: «Cái

---

[67] **LAM chú: Câu «Sơn xuất khẩu», Derk Bodde dịch là: «*Mountains produce mouths.*» (Các núi tạo ra các miệng). James Ware dịch: «*Mountains emit from a mouth.*» (Các núi xuất ra từ một cái miệng). James Legge dịch: «*A mountain gives forth a voice.*» (Một ngọn núi xuất ra một giọng nói). Nguyễn Hiến Lê dịch: «Núi từ trong miệng mà ra.»**

[68] ***Tuân Tử* (Bất Cẩu): «*"Sơn uyên bình", "thiên địa tỷ", "Tề Tần tập", "nhập hồ nhĩ, xuất hồ khẩu", "câu hữu tu", "noãn hữu mao"*, thị thuyết chi nan trì giả dã, nhi Huệ Thi Đặng Tích năng chi.» "山淵平", "天地比", "齊秦襲", "入乎耳出乎口", "鉤有須", "卵有毛", 是說之難持者也, 而惠施鄧析能之.– LAM chú: Nguyên bản chép «câu hữu tu» 鉤有須. Chữ *tu* 須 trong cổ văn vốn là râu, ngày nay dùng thông với chữ *tu* 鬚 (râu). Còn chữ *câu* 鉤, Phùng Hữu Lan đã dẫn Du Việt (học giả đời Thanh) rằng 鉤 (*câu*) là giả tá của 狗 (*hú* = bà già; đàn bà nói chung).**

[69] **LAM chú: Thành Huyền Anh 成玄英 tự là Tử Thực 子實, quê quán Thiểm Châu 陝州 (nay là huyện Thiểm 陝 của tỉnh Hà Nam 河南); ông là một đạo sĩ sống ở đời Đường, cũng là một học giả về Đạo giáo; ẩn cư ở Đông Hải 東海 (nay thuộc Giang Tô 江蘇). Năm 637 (Trinh Quán thứ 5) ông được triều đình ban hiệu Tây Hoa Pháp Sư 西華法師. Tác phẩm: *Lão Tử Đạo Đức Kinh chú, Độ Nhân Kinh chú, Nam Hoa Chân Kinh chú sớ,* v.v... (Xem: Trương Chí Triết, *Đạo Giáo Văn Hoá Từ Điển*, Giang Tô Cổ Tịch xuất bản xã, 1994, tr.199)**

[70] **«Hoặc viết, tức sơn xuất khẩu dã, ngôn sơn hữu khẩu nhĩ dã.» 或曰, 即山出口也, 言山有口耳也.– LAM chú: Dương Lượng 楊倞 (sống khoảng 818 CN). Chữ 倞 có hai âm: (1) *lượng* /liàng/, vốn là dị thể của *lượng* 亮 (sáng); (2) *cạnh* /jìng/ = mạnh mẽ. Derk Bodde phiên âm là *Yang Liang*, nên tôi chọn âm *Lượng*.**

móc có râu.» (câu hữu tu 鉤有須). Du Việt 俞樾 (1821-1906) nói chữ *câu* 鉤(cái móc) này ngờ là giả tá của chữ *hú* 姁(đàn bà; bà già). Vậy câu ấy là «đàn bà có râu» (hú hữu tu 姁有鬚). Tất cả lập luận này đều dựa trên chỗ giống nhau của vật. Quách Tượng nói: «Nhân sự giống nhau của chúng mà xem chúng giống nhau thì vạn vật chẳng gì mà không giống nhau.» Cho nên vật này có thể gọi là vật kia, vật kia có thể gọi là vật này.

Huệ Thi nói: «Trời và đất cùng thấp.» và «Tôi biết trung tâm của thiên hạ; nó ở phía Bắc của nước Yên và phía Nam của nước Việt.» Cũng cùng lý lẽ ấy, có thể nói: «Dĩnh (kinh đô nước Sở) có thiên hạ.» và «Nước Tề và nước Tần kế nhau.»

Tục ngữ Trung Quốc có câu: «Thước có chỗ ngắn, thốn có chỗ dài.» (Xích hữu sở đoản, thốn hữu sở trường 尺有所短,寸有所長). Nếu nhân chỗ dài của vật mà cho rằng nó dài thì rùa có thể dài hơn rắn. *Kinh Điển Thích Văn* dẫn lời Tư Mã Bưu 司馬彪 (mất khoảng năm 306 CN) rằng: «Con chó trắng có mắt đen cũng có thể gọi là chó đen.» Nói chó trắng trắng là nhân cái lông trắng của nó; tức là nhân cái trắng của nó mà nói nó trắng. Nếu nhân cái đen của nó mà nói, thì «chó trắng đen».

* ***Nhóm «Ly kiên bạch»:***

– «Gà ba chân.» (Kê tam túc 雞三足).

– «Lửa không nóng.» (Hoả bất nhiệt 火不熱).

– «Bánh xe không bám mặt đất.» (Luân bất triển địa 輪不輾地).

– «Mắt không thấy.» (Mục bất kiến 目不見).

– «Chỉ không tới, vật không dứt.» (Chỉ bất chí, vật bất tuyệt 指不至,物不絕).

– «Thước vuông (ê-ke) không vuông, thước tròn (com-pa) không thể tròn.» (Củ bất phương, quy bất khả dĩ vi viên 矩不方,規不可以爲圓).

– «Lỗ mộng không ôm cái mộng.» (Tạc bất vi nhuế 鑿不圍枘).[71]

[71] **LAM chú: Derk Bodde, James Ware, James Legge dường như đều nhầm chữ *nhuế* 枘(cái mộng: tenon) với chữ *bính* 柄(cái cán: handle), nên đều dịch là «handle». Câu này Derk Bodde dịch là: *«Chisels do not surround their handles.»* (Những cái đục không bao lấy cái cán của chúng); James Ware dịch: *«The chisels do not surround its handle.» và Legge dịch: «A chisels do not surround its handle.»* Ý nghĩa cũng vậy. Kỳ thực, *nhuế tạc* 枘鑿 là cái mộng và cái lỗ mộng. Người Trung Quốc nói *phương nhuế viên tạc* 方枘圓鑿(cái mộng vuông đi với lỗ mộng tròn) ngụ ý sự không thích hợp; tiếng Anh có câu tương đương: *«A square peg in a round hole.»* Nguyễn Hiến Lê dịch «Tạc bất vi nhuế» chính xác là: «Cái lỗ mộng không ôm được cái mộng.» (*Sđd.*, tr.546)**

– «Bóng chim bay chưa hề động.» (Phi điểu chi ảnh vị thường động dã 飛鳥之影未嘗動也).

– «Mũi tên bay nhanh, có lúc không đi không dừng.» (Thốc thỉ chi tật, nhi hữu bất hành bất chỉ chi thời 鏃矢之疾而有不行不止之時).

– «Chó con không phải là con chó.» (Cẩu phi khuyển 狗非犬).

– «Ngựa vàng và trâu đen là ba.» (Hoàng mã ly ngưu tam 黃馬驪牛三).

– «Con ngựa mồ côi chưa từng có mẹ.» (Cô câu vị thường hữu mẫu 孤駒未嘗有母).

– «Cây gậy một thước, mỗi ngày chặt đi phân nửa, muôn đời cũng không chặt hết.» (Nhất xích chi chuỳ, nhật thủ kỳ bán, vạn thế bất kiệt 一尺之捶日取其半,萬世不竭).

Về «Gà ba chân» và «Ngựa vàng và trâu đen là ba», *Công Tôn Long Tử* (Thông Biến Luận) nói: «Nói chân gà là một. Đếm số chân là hai. Hai với một là ba. Nói chân trâu chân dê là một. Đếm số chân là bốn. Bốn với một là năm.» *Trang Tử* (Tề Vật Luận) nói: «Một với lời nói là hai.» (Nhất dữ ngôn vi nhị 一與言爲二). «Nói chân gà» (vị kê túc 謂雞足) là *lời nói* (ngôn 言). Cộng tướng «chân gà» hoặc lời nói «nói chân gà» là một, cộng thêm hai chân gà, tức là ba. Cùng lý lẽ ấy, *lời nói* «ngựa vàng và trâu đen» là một; một con ngựa vàng và một con trâu đen là hai. Cộng tướng «ngựa vàng và trâu đen» hoặc lời nói «ngựa vàng và trâu đen» là một, cộng với một con ngựa vàng và một con trâu đen, nên là ba.

Ta biết thuyết Ly Kiên Bạch của Công Tôn Long lập luận trên tri thức luận (epistemology) và siêu hình học (metaphysics). Về câu «lửa không nóng», nếu lập luận theo siêu hình học, thì cộng tướng «lửa» là lửa, cộng tướng «nóng» là nóng. Cả hai thì tuyệt đối và không phải là một. Ngọn lửa cụ thể tuy có tính chất nóng, nhưng cộng tướng «lửa» thì không nóng. Nếu lập luận theo tri thức luận, cái nóng của lửa là do chúng ta cảm giác; cái nóng ấy mang tính chủ quan, do ở chúng ta chứ không do lửa.

Câu «bánh xe không bám mặt đất» có thể giải thích rằng: Cái mà bánh xe chạm vào là một phần nhỏ của đất chứ không phải là toàn bộ mặt đất, giống như «ngựa trắng không phải là ngựa». Hoặc ta cũng có thể giải thích rằng: Cái bánh xe chạm đất là vật cụ thể, mặt đất mà bánh xe bám vào cũng là vật cụ thể. Nhưng cộng tướng «bánh xe» thì không bám mặt đất, và cộng tướng «đất» cũng không phải là cái mà

bánh xe bám vào.

Công Tôn Long Tử (Kiên Bạch Luận) giải thích câu «mắt không thấy» rằng: «Trắng là do mắt nhìn, mắt nhờ ánh lửa [soi sáng] mà thấy [vật có màu] trắng, nhưng lửa không thấy. Vậy lửa và mắt không thấy mà thần kinh thấy. Nhưng thần kinh không thấy, nên *thấy* là cái tách rời.»[72] Khả năng nhìn thấy của chúng ta cần phải có: mắt, ánh sáng, và tác dụng của thần kinh. Có ba yếu tố đó thì chúng ta mới nhìn thấy. Nếu chỉ có mắt thôi thì ta không thể nhìn thấy. Đây là giải thích theo tri thức luận. Nếu lập luận theo siêu hình học, cộng tướng «mắt» là mắt, cộng tướng «lửa» là lửa, cộng tướng «thần kinh» là thần kinh, cộng tướng «thấy» là thấy. Bốn cộng tướng này tách rời nhau, không thể gộp làm một.

«Chỉ không tới, vật không dứt.» (Chỉ bất chí, vật bất tuyệt 指不至,物不絕).[73] Bản *Trang Tử* hiện nay chép: «Chỉ bất chí, chí bất tuyệt.» 指不至,至不絕. *Liệt Tử* (thiên Trọng Ni) dẫn lời Công Tôn Long là: «Hữu chỉ bất chí, hữu vật bất tuyệt.» 有指不至,有物不絕. Vậy «chí bất tuyệt» 至不絕 phải là «vật bất tuyệt» 物不絕, bởi vì phải Công Tôn Long nêu ra «chỉ» 指 và «vật» 物 đối ứng với nhau, như trong thiên Chỉ Vật Luận đã nói. Plato nói khái niệm thì có thể nhận biết nhưng không thể nhìn thấy. Cái mà chúng ta cảm giác được là cá thể, còn cộng tướng thì chúng ta có thể nhận biết chứ không cảm giác được. Nên Công Tôn Long nói: «Chỉ bất chí» (chỉ không tới = khái niệm [hay cộng tướng] thì ta không cảm giác được). Cộng tướng thì không thể cảm giác được, còn khi cộng tướng biểu hiện ở vật trong thời gian và không gian thì sự biểu hiện này là liên tục có mãi, nên Công Tôn Long nói: «Vật bất tuyệt.» (vật không dứt).

Về câu «thước vuông (ê-ke) không vuông, thước tròn (com-pa) không thể tròn»: Vuông tuyệt đối là cộng tướng «vuông»; tròn tuyệt đối là cộng tướng «tròn». Thực tế thì vật vuông cá thể thì không tuyệt đối vuông;

---

[72] ***Công Tôn Long Tử* (Kiên Bạch Luận): «Bạch dĩ mục kiến, mục dĩ hoả kiến, nhi hoả bất kiến. Tắc hoả dữ mục bất kiến nhi thần kiến. Thần bất kiến, nhi kiến ly.»** 白以目見,目以火見,而火不見.則火與目不見而神見.神不見而見離.

[73] **LAM chú: Chữ *chỉ* 指 ở đây là thuật ngữ, nên Derk Bodde chỉ phiên âm. Câu này ông dịch: «*Chih do not reach; things never come to an end.*» (*Chỉ* không đạt tới; vật không bao giờ chấm dứt). James Ware dịch: «*Universals do not say all.*» (Các khái niệm không nói hết). *Chỉ* nghĩa đen là ngón tay, nên James Legge dịch «Chỉ bất chí, chí bất tuyệt» là: «*The finger indicates, but need not touch, the object. Where you come to may not be the end.*» (Ngón tay chỉ trỏ nhưng không cần chạm vào đối tượng. Nơi bạn tới có lẽ không phải là chỗ cuối). Nguyễn Hiến Lê dịch: «Ý không đạt được vật, nếu đạt được thì nó không bao giờ ngừng.» (*Sđd.*, tr.546).**

vật tròn cá thể thì không tuyệt đối tròn. Tức là thước vuông không tuyệt đối vuông, thước tròn không tuyệt đối tròn. Cho nên nếu so với cộng tướng «vuông» và cộng tướng «tròn» thì «thước vuông không vuông, thước tròn không thể tròn».

Về câu «lỗ mộng không ôm cái mộng»: Cái ôm lấy cái mộng trong thực tế là cái lỗ mộng cá thể, còn cộng tướng «lỗ mộng» thì không ôm cái mộng.

Về câu «bóng chim bay chưa hề động» và câu «mũi tên bay nhanh, có lúc không đi không dừng»: *Kinh Điển Thích Văn* dẫn lời Tư Mã Bưu rằng: «Cái hình thì dừng, cái thế thì động. Khi cái hình rõ ràng thì có sự chuyển động chậm, khi cái thế rõ ràng thì có sự chuyển động nhanh.»[74]

Nói cái bóng chim bay động và mũi tên bay không dừng, tức là nói về cái thế của chúng. Nói cái bóng chim bay bất động và mũi tên bay không bay, tức là nói về cái hình của chúng. Nói «mũi tên bay nhanh, có lúc không đi không dừng» tức là cùng lúc nói về cái hình và cái thế của chúng.

Chúng ta cũng có thể nói rằng: Trên thực tế, cái động và lúc đi lúc dừng là mũi tên bay cá thể và cái bóng chim bay cá thể. Còn cộng tướng «mũi tên bay» và cộng tướng «bóng chim bay» thì bất động và không đi không dừng, giống như mọi cộng tướng khác.

Chúng ta cũng có thể nói rằng: Một vật ở hai điểm trong một khoảng thời gian là động. Một vật ở một điểm trong hai khoảng thời gian là dừng. Một vật ở một điểm trong một khoảng thời gian là không động và không dừng. Khi nói «bóng chim bay chưa hề động», tức là nói bóng chim bay không ở hai điểm trong một khoảng thời gian. Khi nói «mũi tên bay nhanh, có lúc không đi không dừng», tức là nói mũi tên bay ở một điểm trong một khoảng thời gian. Ở đây cũng chỉ cái bóng chim bay trong tư tưởng chúng ta và cái mũi tên bay trong tư tưởng chúng ta; nó tương tự trường hợp của «cái gậy một thước» vậy.[75]

Về câu «chó con không phải là con chó» (cẩu phi khuyển): *Nhĩ Nhã* giải: «Chó chưa có lông dài mịn thì gọi là *cẩu*.» (Khuyển vị thành hào viết cẩu 犬未成豪曰狗).[76] Vậy, *cẩu* là chó con (tiểu khuyển). Cũng giống

[74] **Tư Mã Bưu: «Hình phần chỉ, thế phần hành. Hình phần minh giả hành trì, thế phần minh giả hành tật.»** 形分止，勢分行．形分明者行遲，勢分明者行疾．

[75] **Cuối tiết này, về «cẩu phi khuyển», «cô câu vị thường hữu mẫu», và «nhất xích chi chuỳ», tôi giải thích theo Giáo sư Kim Nhạc Lâm.**

[76] **LAM chú: Trong cổ văn, hai chữ *hào* 豪 và 毫 dùng thông với nhau, nghĩa là *lông dài và nhuyễn của động vật* (động vật trường nhi tế đích mao 動物長而細的毛).**

câu «ngựa trắng không phải là ngựa», «chó con không phải là con chó».

Về câu «con ngựa mồ côi chưa từng có mẹ»: *Kinh Điển Thích Văn* dẫn lời Lý Di 李頤 (đời Tấn) rằng: «Con ngựa khi sinh ra thì có mẹ. Nói mồ côi, tức là không có mẹ. Một khi gọi là "mồ côi", tức là tên gọi "mẹ" bị bỏ đi. Mẹ là mẹ của con ngựa con, nên con ngựa mồ côi chưa từng có mẹ.»[77] Ở đây cũng chính là nói cộng tướng «con ngựa mồ côi». Ý nghĩa «con ngựa mồ côi» là con ngựa không có mẹ. Cho nên con ngựa mồ côi không có mẹ. Nhưng thực tế, con ngựa mồ côi cá thể ắt đã từng có mẹ; nên không được nói nó chưa từng có mẹ.

Về câu «cây gậy một thước, mỗi ngày chặt đi phân nửa, muôn đời cũng không chặt hết»:[78] Ở đây nói vật chất có thể phân cắt đến vô hạn. Cái gậy một thước, hôm nay ta cắt đi một nửa, rồi ngày mai cắt đi một nửa của một nửa đó, rồi ngày mốt cắt đi một nửa của một nửa của một nửa đó, v.v... Như vậy việc làm «cắt đi một nửa» muôn đời cũng không xong. Tuy nhiên việc làm đó chỉ xảy ra trong tư tưởng của ta, còn trong thực tế thì cây gậy cụ thể ắt không thể nào cứ lần lượt bị cắt đi một nửa mà còn hoài; bởi vì sự phân cắt sự vật cụ thể trong thực tế thì hữu hạn.

12. Cảm giác và lý trí

Các tiết trên đây cho thấy quan điểm của Huệ Thi chú trọng cá thể. Cá thể thì thường biến, nên triết học của Huệ Thi có thể gọi là «triết học

---

[77] **Lý Di: «Câu sinh hữu mẫu, ngôn cô tắc vô mẫu, cô xứng lập tắc mẫu danh khứ dã. Mẫu thường vi câu chi mẫu, cố cô câu vị thường hữu mẫu dã.» 駒生有母，言孤則無母，孤稱立則母名去也．母嘗爲駒之母，故孤駒未嘗有母也．**

[78] **LAM chú: Nguyên văn: «Nhất xích chi chuỳ, nhật thủ kỳ bán, vạn thế bất kiệt.» 一尺之捶日取其半，萬世不竭. Chữ *chuỳ* 捶 này trong cổ văn có mấy nghĩa: ❶ Dùng như động từ, nghĩa là *đánh bằng gậy hay bằng nắm tay* (bổng đả 棒打, quyền kích 拳擊); ❷ Dùng như danh từ, thông với chữ *chuỳ* 箠 (棰), nghĩa là *cây roi* (tiên tử 鞭子), *cây gậy gỗ* (mộc côn 木棍); ❸ Dùng thông với chữ *chuỳ* 錐, nghĩa là *cái chuỳ* (chuỳ tử 錐子). Xem: *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển*, Thương Vụ Ấn Thư Quán, Bắc Kinh, 2000, tr.234. Trong ngữ cảnh đang xét, chữ *chuỳ* nghĩa là cây roi hoặc cây gậy gỗ. Derk Bodde dịch: *«If a rod one foot in length is cut short every day by one half of its length, it will still have something left even after ten thousand generations.»* (Nếu một cây roi dài một bộ mỗi ngày bị cắt ngắn phân nửa thì nó sẽ vẫn còn một chút thậm chí sau mười ngàn đời nữa); James Ware dịch: *«If a stick a foot long is halved daily, the task will not end in eons.»* (Nếu một cây gậy dài một bộ mỗi ngày bị cắt ngắn phân nửa thì việc làm này muôn đời cũng không xong); James Legge dịch: *«If from a stick a foot long you every day take the half of it, in a myriad ages it will not be exhausted.»* (Nếu bạn mỗi ngày tước đi phân nửa cây gậy dài một bộ thì muôn đời cây gậy vẫn còn); Nguyễn Hiến Lê dịch: «Cái gậy dài một thước, mỗi ngày chặt lấy một nửa, vạn đời cũng không hết.» Riêng Nguyễn Đăng Thục hiểu *chuỳ* là "cái giây" (sợi dây): «Cái giây một thước, mỗi ngày lấy đi một nửa, muôn đời không hết.»**

về biến dịch». Quan điểm của Công Tôn Long chú trọng cộng tướng. Cộng tướng thì bất biến, nên triết học của Công Tôn Long có thể gọi là «triết học về bất biến». Học thuyết của hai ông tuy bất đồng, nhưng đều là kết quả của việc sử dụng lý trí để quan sát thế giới. Lý luận của các biện giả đều không phù hợp với những gì mà chúng ta cảm giác được. Bởi vì biện giả dùng lý trí để quan sát thế giới, cái thế giới mà họ thấy cố nhiên không phù hợp với cái thế giới mà chúng ta nhận biết bằng cảm giác.

Sự hiểu biết thông thường của ta đều đặt căn bản trên những tri thức mà ta sở đắc do cảm giác. Từ quan điểm theo sự hiểu biết thông thường ấy, lời nói của các biện giả thì «đúng mà không đúng, có thể mà không thể» (nhiên bất nhiên, khả bất khả). Sự hiểu biết thông thường của ta cho là *sai* (hoặc *không thể*) thì họ cho là *đúng* (hoặc *có thể*), và ngược lại. Cho nên *Trang Tử* (Thiên Hạ) mới bảo họ «nói trái ngược với mọi người mà lại muốn được cái danh tiếng thắng người» (phản nhân vi thực, nhi dục dĩ thắng nhân vi danh 反人爲實,而欲以勝人爲名). Tư Mã Đàm thì nói: «Danh gia xét kỹ những điều vặt vãnh trong các lời nói cầu kỳ phức tạp, khiến người ta không thể phản bác ý kiến của họ. Họ chuyên vào danh mà mất tình người.»[79] Còn *Hán Thư* (Nghệ Văn Chí) thì chê họ là «câu phách tích loạn» 鉤鈲析亂 (gây ra chia rẽ và rối loạn). Công Tôn Long «làm hoang mang trí tuệ của các triết gia, khiến mọi người cứng họng không đối đáp nổi.»[80] Bách gia phê bình lời nói của các biện giả đều hoàn toàn lập luận trên quan điểm theo sự hiểu biết thông thường của chúng ta. Cho dù họ «nói năng quái lạ và đùa bỡn lời kỳ dị» (trị quái thuyết, ngoạn kỳ từ» 治怪說玩琦辭) [như Tuân Tử đã nói] hay họ «nói trái ngược với mọi người mà lại muốn được cái danh tiếng thắng người» [như Trang Tử đã nói] hay họ đã phát hiện ra chân lý gì đó, thì điều ấy chúng ta không biết. Giá trị của một học thuyết cố nhiên không quan hệ với động cơ của người lập ra học thuyết ấy.

---

[79] ***Sử Ký* (Thái Sử Công Tự Tự): «Danh gia hà sát kiểu nhiễu, sử nhân bất đắc phản kỳ ý, chuyên quyết ư danh, nhi thất nhân tình.»** 名家苛察繞繳,使人不得反其意,專決於名,而失人情.

[80] ***Trang Tử* (Thu Thuỷ): «Khốn bách gia chi tri, cùng chúng khẩu chi biện.»** 困百家之知,窮衆口之辯.

CHƯƠNG 10

TRANG TỬ VÀ TRANG HỌC TRONG ĐẠO GIA

1. Trang Tử và tinh thần của người nước Sở

Sử Ký chép tiểu sử Trang Tử rằng: «Trang Tử người đất Mông (nay là Hồ Nam), tên là Chu, từng giữ chức lại ở Tất Viên thuộc đất Mông, sống cùng thời với Lương Huệ Vương (370-319) và Tề Tuyên Vương (319-301). Học vấn của ông bao quát tất cả nhưng học thuyết chủ yếu của ông dựa trên cơ sở là lời lẽ của Lão Tử. Ông viết sách hơn mười vạn chữ, phần lớn theo lối ngụ ngôn. [...] Ông khéo ghép các đoạn văn, tách lời lẽ để nêu sự việc, xét rành sự tình, nhằm phê phán Nho gia và Mặc gia. Các bậc túc học đương thời cũng không thể biện bạch nổi với ông. Lời ông mông lung phóng khoáng để thoả ý riêng, cho nên từ vương công và đại nhân trở xuống đều không biết áp dụng cái học của ông. Sở Uy Vương nghe nói Trang Chu là bậc hiền tài bèn sai sứ giả đem tiền bạc hậu hĩnh nghinh đón, hứa hẹn ban cho chức tể tướng. Trang Chu cười, nói với sứ giả của nước Sở rằng: "Ngàn vàng là lợi lớn; khanh tướng là địa vị tôn quý. Ông chẳng thấy con trâu dùng cho lễ tế giao sao? Người ta vỗ béo nó mấy năm rồi mặc vải vóc thêu cho nó và đưa nó vào nhà thái miếu. Đến lúc ấy, dù nó có muốn như con lợn cô độc liệu có được chăng? Ông xéo ngay đi, chớ làm bẩn ta. Ta thà chơi đùa trong cái lạch nước bẩn mà vui sướng, chứ không để kẻ làm vua trói buộc lấy ta. Ta suốt đời không làm quan để thoả chí mình."»[1]

Đất Mông thuộc nước Tống, nên Trang Tử là người Tống. Nhưng tư

[1] *Sử Ký* (Lão Trang Thân Hàn Liệt Truyện): Trang Tử giả, Mông nhân dã. Danh Chu. Chu thường vi Mông Tất Viên lại, dữ Lương Huệ Vương, Tề Tuyên Vương đồng thời. Kỳ học vô sở bất khuy, nhiên kỳ yếu bản quy ư Lão Tử chi ngôn. Kỳ trứ thư thập dư vạn ngôn, đại để suất ngụ ngôn dã. [...] Thiện thuộc thư ly từ, chỉ sự loại tình, dụng phiêu bác Nho, Mặc; tuy đương thế túc học, bất năng tự giải miễn dã. Kỳ ngôn quang dương tự thử dĩ thích dĩ, cố tự vương công đại nhân bất năng khí chi. Sở Uy Vương văn Trang Chu hiền, sử sứ hậu tệ nghinh chi, hứa dĩ vi tướng. Trang Chu tiếu vị Sở sứ giả viết: "Thiên kim, trọng lợi; khanh tướng, tôn vị dã. Tử độc bất kiến giao tế chi hi ngưu hồ? Dưỡng thực chi số tuế, y dĩ văn tú, dĩ nhập thái miếu;

Trang Tử

tưởng của ông kỳ thực lại gần với người Sở. *Sử Ký* nói về Khuất Nguyên (tự trầm khoảng năm 288 TCN) qua tác phẩm *Ly Tao* rằng: «Ông thoát khỏi thế giới bùn lầy như ve sầu thoát xác khỏi chốn ô uế, để phiêu bồng ra ngoài cõi trần ai, chẳng để đời làm vấy bẩn mình. Thật là ở trong bùn mà chẳng bị hôi tanh mùi bùn vậy.»[2] Lời lẽ của người Sở đều có sự tưởng tượng phong phú, tình cảm và tư tưởng phiêu dật. Nền văn học như thế khác biệt với cách chuyên ca vịnh người và sự vật trong 300 bài *Kinh Thi*.

Cũng giống như thế, tư tưởng và văn thể trong sách *Trang Tử* vô cùng khoáng đạt. Thiên Thiên Vận nói: «"Trời vận chuyển ư? Đất đứng yên ư? Mặt trời mặt trăng tranh chỗ nhau ư? Ai làm chủ việc ấy? Ai duy trì việc ấy? Ai vô sự mà đẩy chúng cho chúng chạy? Hay là có cái máy bí mật hoạt động bất đắc dĩ? Hay là sự vận chuyển ấy không thể tự dừng lại? Mây thành mưa ư? Mưa thành mây ư? Ai làm mưa rơi nhiều? Ai vô sự mà vui sướng gây ra việc đó? Gió nổi hướng bắc, lúc qua tây, lúc qua đông, lúc cuốn lên cao không chừng, ai hít thở mà gây ra thế? Ai vô sự mà tạo ra chiều gió và khiến nó dừng? Xin hỏi tại sao?" Vu Hàm Thiệu đáp: "Lại đây ta nói cho mi biết, ..."»[3]

đương thị chi thời, tuy dục vi cô đồn, khởi khả đắc hồ? Tử cức khứ, vô ô ngã. Ngã ninh du hí ô đậu chi trung tự khoái, vô vi hữu quốc giả sở ky. Chung thân bất sĩ, dĩ khoái ngô chí yên."» 莊子者，蒙人也．名周．周嘗爲蒙漆園吏，與梁惠王，齊宣王同時．其學無所不窺，然其要本歸於老子之言．其著書十餘萬言，大抵率寓言也．[...] 善屬書離辭，指事類情，用剽剝儒墨；雖當世宿學，不能自解免也．其言洸洋自恣以適己，故自王公大人不能器之．楚威王聞莊周賢，使使厚幣迎之，許以爲相．莊周笑謂楚使者曰："千金重利；卿相尊位也．子獨不見郊祭之犧牛乎？養食之數歲，衣以文繡，以入太廟；當是之時，雖欲爲孤豚，豈可得乎？子亟去，無汚我．我寧游戲汚瀆之中自快，無爲國者所羈．終身不仕，以快吾志焉．"

2 *Sử Ký* (Khuất Nguyên Liệt Truyện): «Trạc náo ô nê chi trung, thiền thuế ư trọc uế, dĩ phù du trần ai chi ngoại, bất hoạch thế chi tư cấu, tước nhiên nê nhi bất tễ giả dã.» 濯淖汙泥之中，蟬蛻於濁穢，以浮遊塵埃之外，不獲世之滋垢，皭然泥之不滓者也．

3 *Trang Tử* (Thiên Vận): «"Thiên kỳ vận hồ? Địa kỳ xứ hồ? Nhật nguyệt kỳ tranh ư sở hồ? Thục chủ trương thị? Thục duy cương thị? Thục cư vô sự suy nhi hành thị? Ý giả kỳ hữu cơ giam nhi bất đắc dĩ da? Ý giả kỳ vận chuyển nhi bất năng tự chỉ da? Vân giả vi vũ hồ? Vũ giả vi vân hồ? Thục long thi thị? Thục cư vô sự dâm lạc nhi khuyến thị? Phong khởi bắc phương, nhất tây nhất đông, hữu thượng bàng hoàng, thục hư hấp thị? Thục cư vô sự nhi phi phất thị? Cảm vấn hà cố?" Vu Hàm Thiệu viết: "Lai, ngô ngữ nhữ ..."» "天其運乎？地其處乎？日月其爭

Hình thức và nội dung đoạn văn trên nhất trí với bài Thiên Vấn 天問 trong *Sở Từ* của Khuất Nguyên. Đoạn văn trên không nhất thiết do Trang Tử tự viết, nhưng nó cho thấy Trang học có liên quan với người Sở. Đối với các chế độ tư tưởng truyền thống, Trang Tử đều có thái độ chống lại. Ông phê phán Nho gia và Mặc gia, mà chỉ tôn sùng Lão Đam. Thiên Thiên Hạ tuy không xem Lão Đam và Trang Chu cùng một phái, nhưng có thái độ rất tôn sùng Lão Đam. Nước Tống gần nước Sở, Trang Tử một mặt chịu ảnh hưởng tư tưởng của người Sở, một mặt chịu ảnh hưởng tư tưởng của các biện giả. Do đó, ông có thể dùng biện luận của các biện giả mà thuật các tư tưởng bay bổng khoáng đạt của mình, lập thành một hệ thống riêng.

Theo *Sử Ký*, Trang Tử sống cùng thời với Lương Huệ Vương 梁惠王(370-319) và Tề Tuyên Vương 齊宣王 (319-301); có lẽ cũng cùng thời với Mạnh Tử. Mã Di Sơ 馬夷初 (tức Mã Tự Luân 馬敘倫, sinh năm 1884) viết *Trang Tử Niên Biểu*, đã ấn định quãng đời của Trang Tử từ Chu Liệt Vương 周烈王 năm thứ 7 (tức 369 TCN) đến Chu Noãn Vương 周赧王 năm 29 (tức năm 286 TCN). Trang Tử và Mạnh Tử sống cùng thời nhưng có lẽ hai ông chưa từng biện bác với nhau; việc này rất đáng ngờ. Tuy nhiên cái học của Trang Tử tiến hơn cái học của Dương Chu một bước; thế thì theo quan điểm của Mạnh Tử mà nói, Trang Tử và Dương Chu là đồng bọn. Trang Tử xem Mạnh Tử cũng là đồng bọn với Khổng Tử. Mạnh Tử chống Dương Chu và Mặc Tử thì cũng như chống Trang Tử. Trang Tử phê phán Nho gia và Mặc gia thì cũng như phê phán Mạnh Tử. Tuy Mạnh Tử chỉ đề cập Dương Chu và Trang Tử chỉ đề cập Khổng Tử, nhưng Mạnh Tử và Trang Tử không phải là không biết nhau.

2. Đạo, Đức, Trời

Triết học Trang Tử và triết học Lão Tử khác nhau, nhưng cái mà ông gọi là Đạo và Đức thì giống như Lão Tử gọi. Ở đây ta xem Trang Tử nói về Đạo như thế nào. Thiên Trí Bắc Du nói: «Đông Quách Tử hỏi Trang Tử: "Cái ông gọi là Đạo thì ở đâu?" Trang Tử đáp: "Ở khắp nơi." Đông Quách Tử nói: "Phải chỉ định cụ thể thì mới được." Trang Tử đáp: "Ở con kiến." Hỏi: "Sao thấp vậy?" Đáp: "Ở cọng cỏ." Hỏi: "Lại thấp hơn nữa à?" Đáp: "Ở mảnh sành." Hỏi: "Lại càng thấp hơn nữa à?" Đáp: "Ở trong cục phân." Đông Quách Tử làm thinh. Trang Tử nói: "Các câu hỏi của ông không

於所乎?孰主張是?孰維綱是?孰居無事推而行是?意者其有機緘而不得已耶?意者其運轉而不能自止耶?雲者爲雨乎?雨者爲雲乎?孰隆施是?孰居無事淫樂而勸是?風起北方,一西一東,有上彷徨,孰噓吸是?孰居無事而披拂是?敢問何故?" 巫咸招曰:"來,吾語汝..."

chạm tới cái bản chất của Đạo. Như viên thanh tra hỏi người quản lý chợ về cách đạp lên lưng con heo để biết nó mập không; hễ chân càng lún trên mình heo là biết nó càng mập. Ông đừng chỉ định cụ thể một thứ gì, thì sẽ không bỏ sót. Đạo tối cao là thế, lời lẽ lớn lao cũng thế. Ba từ *chu* 周(đầy đủ), *biến* 遍(khắp nơi), *hàm* 咸(toàn thể) tuy khác *danh* mà cùng *thực*, chúng ám chỉ Một (tức là Đạo).»[4]

Đạo là tổng nguyên lý sinh ra trời đất và vạn vật; hễ có vật thì có Đạo, nên Đạo ở khắp nơi (vô sở bất tại 無所不在). Thiên Đại Tông Sư nói: «Đạo có thực và thành tín; vô vi và vô hình. Người ta có thể truyền nó nhưng không thể nhận nó; có thể đạt được nó nhưng không thể thấy nó. Tự nó là gốc của nó. Lúc chưa có trời đất thì nó đã tồn tại. Nó sinh quỷ thần, thượng đế, và sinh trời đất. Nó ở trước ngôi Thái Cực mà không là cao; nó ở dưới lục cực (tức trời đất và bốn hướng) mà không là sâu; nó có trước khi trời đất được tạo sinh mà không là lâu dài, nó xưa hơn đời thượng cổ mà không là già.»[5]

Đạo là tổng nguyên lý sinh ra trời đất và vạn vật, nên «tự nó là gốc của nó», tồn tại vĩnh viễn mà không có đầu và cuối. Vạn vật trong trời đất cứ y theo Đạo mà sinh hoá không ngừng.

Tác dụng của Đạo cũng có tính chất tự nhiên, nên Trang Tử nói: «Kỹ năng gắn với sự việc, sự việc gắn với điều nghĩa 義, điều nghĩa gắn

---

[4] *Trang Tử* (Trí Bắc Du): **«Đông Quách Tử vấn ư Trang Tử viết: "Sở vị đạo, ô hồ tại?" Trang Tử viết: "Vô sở bất tại." Đông Quách Tử viết: "Kỳ nhi hậu khả." Trang Tử viết: "Tại tiểu nghĩ." Viết: "Hà kỳ hạ da?" Viết: "Tại đề bại." Viết: "Hà kỳ dũ hạ da?" Viết: "Tại ngoã tịch." Viết: "Hà kỳ dũ thậm da?" Viết: "Tại thỉ nịch." Đông Quách Tử bất ứng. Trang Tử viết: "Phù tử chi vấn dã, cố bất cập chất. Chính hoạch chi vấn ư giám thị lý hi dã, mỗi hạ dũ hoảng. Nhữ duy mạc tất, vô hồ đào vật. Chí đạo nhược thị, đại ngôn diệc nhiên. Chu biến hàm tam giả, dị danh đồng thực, kỳ chỉ nhất dã."»** 東郭子問於莊子曰："所謂道惡乎在？"莊子曰："無所不在。"東郭子曰："期而後可。"莊子曰："在螻蟻。"曰："何其下邪？"曰："在稊稗。"曰："何期愈下邪？"曰："在瓦甓。"曰："何其愈甚邪？"曰："在屎溺。"東郭子不應。莊子曰："夫子之問也，固不及質。正獲之問於監市履狶也，每下愈況。汝唯莫必，無乎逃物。至道若是，大言亦然。周遍咸三者，異名同實，其指一也。

[5] *Trang Tử* (Đại Tông Sư): **«Phù Đạo hữu tình hữu tín, vô vi vô hình; khả truyền nhi bất khả thụ, khả đắc nhi bất khả kiến. Tự bản tự căn, vị hữu thiên địa, tự cổ dĩ cố tồn; thần quỷ thần đế, sinh thiên sinh địa. Tại Thái Cực chi tiên nhi bất vi cao, tại lục cực chi hạ nhi bất vi thâm, tiên thiên địa sinh nhi bất vi cửu, trường ư thượng cổ nhi bất vi lão.»** 夫道有情有信，無爲無形；可傳而不可受，可得而不可見。自本自根，未有天地，自古以固存；神鬼神帝，生天生地。在太極之先而不爲高，在六極之下而不爲深，先天地生而不爲久，長於上古而不爲老。

với Đức 德, Đức gắn với Đạo 道, Đạo gắn với *thiên* 天.»[6] «Thiên» ở đây có ý nghĩa là «tự nhiên» (spontaneous). Cho nên Trang Tử nói: «Vô vi mà làm gọi là *thiên*.» (Vô vi vi chi vị thiên 無爲爲之謂天). Trang Tử lại nói: «*Thiên* (sự tự nhiên) thì ở trong, *nhân* (sự nhân tạo) thì ở ngoài. [...] Trâu hoặc ngựa có bốn chân, đó là tự nhiên; cột dây vào đầu ngựa và xỏ dây vào mũi trâu, đó là nhân tạo.»[7]

Câu «Đạo gắn với thiên» (Đạo kiêm ư thiên 道兼於天) của Trang Tử có ý nghĩa như câu «Đạo bắt chước tự nhiên» (Đạo pháp tự nhiên 道法自然) của Lão Tử. Đạo là tổng nguyên lý sinh ra trời đất và vạn vật. Nguyên lý này biểu hiện trong vạn vật. Trang Tử nói: «Thầy tôi ơi! Thầy tôi ơi! Thầy (tức Đạo) huỷ diệt vạn vật mà không tự xem mình tàn bạo; thầy ban ân huệ cho muôn đời mà không tự xem mình nhân từ; thầy sống lâu hơn đời thượng cổ mà không tự xem mình thọ; thầy che phủ trời, vận chuyển đất, tạc đẽo hình hài vạn vật mà không tự xem mình khéo léo; đó gọi là niềm vui tự nhiên (thiên lạc).»[8]

Vì sao lại thế? Đạo biểu hiện trong vạn vật, nên vạn vật tự sinh tự trưởng, tự huỷ tự diệt. Một mặt có thể nói là Đạo làm; một mặt có thể nói là vạn vật tự làm. Do đó *Trang Tử* (Thu Thuỷ) nói: «Ta làm gì? Ta không làm gì? Vạn vật tự chuyển hoá mà thôi!» (Ngô hà vi hồ? Hà bất vi hồ? Phù cố tương tự hoá 吾何爲乎?何不爲乎?夫固將自化).

---

[6] ***Trang Tử*** **(Thiên Địa): «Kỹ kiêm ư sự, sự kiêm ư nghĩa, nghĩa kiêm ư Đức, Đức kiêm ư Đạo, Đạo kiêm ư thiên.»** 技兼於事，事兼於義，義兼於德，德兼於道，道兼於天.

[7] ***Trang Tử*** **(Thu Thuỷ): «Thiên tại nội, nhân tại ngoại. [...] Ngưu mã tứ túc, thị vị thiên; lạc mã thủ, xuyên ngưu tỵ, thị vị nhân.»** 天在內，人在外[...]牛馬四足，是謂天；落(絡)馬首，穿牛鼻，是謂人.

[8] ***Trang Tử*** **(Thiên Đạo): «Ngô sư hồ! Ngô sư hồ! *Tê* vạn vật nhi bất vi *lệ*, trạch cập vạn thế nhi bất vi nhân, trường ư thượng cổ nhi bất vi *thọ*, phúc tải thiên địa, khắc điêu chúng hình nhi bất vi xảo; thử chi vị thiên lạc.»** 吾師乎！吾師乎！齏萬物而不爲戾，澤及萬世而不爲仁，長於上古而不爲壽，覆載天地，刻雕衆形而不爲巧；此之謂天樂.– **LAM chú: Thiên Đại Tông Sư chép: «Ngô sư hồ! Ngô sư hồ! *Tê* vạn vật nhi bất vi *nghĩa* 義, trạch cập vạn thế nhi bất vi nhân, trường ư thượng cổ nhi bất vi *lão* 老, phúc tải thiên địa, khắc điêu chúng hình nhi bất vi xảo.» Như vậy khác hai chỗ *nghĩa/lệ* và *lão/thọ*. *Trung Hoa Đạo Học Thông Diễn* (Ngô Phong chủ biên, tr.150) nêu ra sự khác nhau này và bảo nên đọc thống nhất là «*Tê* vạn vật nhi bất vi *nghĩa* 義». *Đạo Giáo Thập Tam Kinh* (Ninh Chí Tân chủ biên, Hà Bắc Nhân Dân xbx, quyển Thượng, 1994, tr.173) cũng chủ trương như vậy, và dịch: «Điều hoà vạn vật khước bất tự dĩ vi nghĩa» 调和万物却不自以为义 (điều hoà vạn vật mà không tự cho là nghĩa). Derk Bodde, James Ware, James Legge, và Nguyễn Hiến Lê giữ nguyên «Tê vạn vật nhi bất vi lệ». *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển* (tr.697) giảng *tê* 齏 là (1) *toái* 碎 (phá nát), nghĩa này thích hợp với chữ *lệ* 戾; (2) *điều hoà* 調和, nghĩa này thích hợp với chữ *nghĩa* 義. Ngô sư = Đại tông sư = Đạo. Derk Bodde (dựa theo H.A. Giles, *Chuang Tzŭ*, Shanghai, 1926) dịch: «*Thou who destroyest all things and dost not account it cruelty.*» (Ngài huỷ**

Trang Tử nói: «Khi gió thổi, âm thanh phát ra từ muôn vật chẳng hề giống nhau; khi gió lặng, âm thanh cũng im. Hai việc này đều do gió và muôn vật mà ra. Kẻ kích động chúng là ai?»[9]

Vạn vật sở dĩ như thế này là đều do chúng tự chuyển hoá. Cho nên *Lão Tử* (chương 37) nói: «Đạo thường không làm gì, nhưng qua nó không cái gì mà chẳng được làm.» (Đạo thường vô vi nhi vô bất vi 道常無爲而無不爲).

Đạo không phải là sự vật, nên nó có thể gọi là «vô». Trang Tử nói: «Thái Sơ có "VÔ", cái Vô này không có tên. Vô sinh ra Nhất (Một). Có Nhất nhưng chưa có hình. Vạn vật có được nó (tức Đạo) để sinh trưởng, thì [sự có được nó] gọi là Đức. Cái chưa có hình có thể phân chia, tuy sự phân chia ấy không rõ ràng, [cái chưa có hình] gọi là Mệnh. Mệnh lưu thông chuyển động mà sinh ra mọi vật. Vật được sinh từ nguyên lý đó, [vật] được gọi là có hình thể. Hình thể bảo vệ thần, mỗi thứ có nguyên tắc riêng, nó được gọi là Tính.»[10]

Thái Sơ[11] có «Vô», cái Vô này tức là Đạo. Lão Tử nói: «Đạo sinh Một» (Đạo sinh Nhất 道生一), Trang Tử cũng xem Đạo là khởi đầu của Một. Chữ Đức 德 tức là «đắc» 得 (có được): «Vạn vật có được nó (tức Đạo) để sinh trưởng, thì [sự có được nó] gọi là Đức.» Do đó, cái tổng nguyên lý sinh ra trời đất và vạn vật tức là cái mang tên «Đạo»; còn cái nguyên lý sinh ra các vật cá thể thì gọi là «Đức». Cho nên Trang Tử nói: «Hình mà không có Đạo thì không sinh ra; sinh ra mà không có Đức thì

---

diệt vạn vật mà không xem việc ấy là tàn bạo); James Ware dịch: «*Thou dost provide a veritable potpourri in the variety of creation without violence.*» (Ngài làm vạn vật tạp loạn mà không bạo hành chúng); James Legge dịch: «*He shall hash and blend all things in mass without being cruel.*» (Ngài làm hỗn loạn vạn vật mà không phải là tàn bạo); Nguyễn Hiến Lê dịch: «Người làm cho mọi vật điêu tàn mà không phải là tàn nhẫn.»

9 *Trang Tử* (Tề Vật Luận): «Phù xuy vạn bất đồng, nhi sử kỳ tự đi dã, hàm kỳ tự thủ, nộ giả kỳ thuỳ tà?» 夫吹萬不同，而使其自已也，咸其自取，怒者其誰邪？.

10 *Trang Tử* (Thiên Địa): «Thái sơ hữu "VÔ", Vô hữu vô danh. Nhất chi sở khởi, hữu nhất nhi vị hình. Vật đắc dĩ sinh vị chi đức. Vị hình giả hữu phân, thả nhiên vô gián vị chi mệnh. Lưu động nhi sinh vật, vật sinh thành lý vị chi hình. Hình thể bảo thần, các hữu nghi tắc, vị chi tính.» 泰初有"无"，无有無名．一之所起，有一而未形．物得以生謂之德．未形者有分，且然無間謂之命．流動而生物，物生成理謂之形．形體保神，各有儀則，謂之性．

11 LAM chú: Đạo gia cho rằng Thái Sơ 泰初 (太初) là nguyên khí lúc trời đất và vạn vật chưa hình thành. *Liệt Tử* (Thiên Thuỵ) nói: «Thái Sơ là khởi đầu của Khí.» (Thái Sơ giả, Khí chi thuỷ dã 太初者氣之始也). Đạo gia cũng cho rằng Thái Sơ là bản nguyên của Đạo. *Trang Tử* (Trí Bắc Du) nói: «Nếu thế, ngoài thì không thấy được vũ trụ, trong thì không biết được bản nguyên của Đạo.» (Nhược thị giả, ngoại bất quan hồ vũ trụ, nội bất tri hồ Thái Sơ 若是者，外不觀乎宇宙，內不知乎太初).

không hiện sáng.»[12]

Bởi Đạo và Đức đều là nguyên lý sinh ra vạn vật cho nên trong sách *Lão Tử* và sách *Trang Tử* hai từ Đạo và Đức thường được đề cập chung với nhau. Nhà bình chú Giang Mậu 江𧮾 nói: «Đạo và Đức cùng thực chất mà khác danh xưng. [...] Cái chẳng nơi nào mà không có thì gọi là Đạo. Cái tự có được Đạo gọi là Đức. Đạo là cái mà ai ai cũng theo. Đức là cái mà mỗi người có được từ Đạo. Lấy nước làm thí dụ. Sự tích chứa của hồ và biển tất nhiên khác với sự tích chứa của ao và vũng; nhưng nước được chứa trong chúng có khác nhau đâu? Cái tuôn rót từ sông biển và cái trôi chảy từ ngòi lạch đều là nước như nhau. Cho nên Đạo và Đức cùng thực chất mà khác danh xưng; nói thế không đúng sao?»[13]

Giang Mậu nói «Đạo là cái mà ai ai cũng theo. Đức là cái mà mỗi người có được từ Đạo», tức là thuyết minh chỗ giống nhau và chỗ khác nhau giữa Đạo với Đức. Nhưng theo Trang học, ắt phải nói rằng: «Đạo là cái mà người và vật cùng theo. Đức là cái mà mỗi người mỗi vật có được từ Đạo.» Cái khiến vật sinh ra từ vô hình đến hữu hình thì gọi là Mệnh. Khi đã thành vật rồi, thì vật có hình thể nhất định. Cái hình thể và tinh thần của nó đều sự cấu tạo và quy luật nhất định, nên Trang Tử nói «mỗi thứ có nguyên tắc riêng», nó được gọi là Tính.

3. Triết học về sự biến hoá

Hình thể của vật không phải hễ thành hình rồi thì bất biến. Theo Trang học, vạn vật trong trời đất không lúc nào mà không biến hoá. Trang Tử nói: «Một khi chúng ta nhận lãnh cái hình hài rồi, thì chúng ta mang nó tới chết. Nó xung đột mãi với ngoại vật như ngựa chạy hoài không nghỉ. Như vậy chẳng đáng buồn sao?»[14]

---

[12] ***Trang Tử* (Thiên Địa): «Hình phi Đạo bất sinh, sinh phi Đức bất minh.»** 形非道不生，生非德不明.

[13] **Tiêu Hoằng 焦竑 (1541-1620), *Lão Tử Dực* 老子翼, quyển 7, trích dẫn lời bình của Giang Mậu 江𧮾 rằng: «Đạo Đức thực đồng nhi danh dị. [...] Vô sở bất tại chi vị Đạo, tự kỳ sở đắc chi vị Đức. Đạo giả, nhân chi sở cộng do; Đức giả, nhân chi sở tự đắc dã. Thí dĩ thuỷ vi dụ. Phù hồ hải chi hàm tẩm, dữ ao đường chi sở súc, cố bất đồng dã; kỳ vi thuỷ hữu dị hồ? Giang hải chi lưu chú, dữ câu khoái chi thoan kích, tự kỳ sở đắc như thị dã. Vị chi thực đồng danh dị, cự bất tín nhiên?»** 道德實同名異.[...] 無所不在之謂道，自其所得之謂德.道者，人之所共由；德者，人之所自得也.試以水爲喻.夫湖海之涵浸，與坳堂之所畜，故不同也；其爲水有異乎？江海之流注，與溝瀆之滿激，自其所得如是也.謂之實同名異，詎不信然.

[14] ***Trang Tử* (Tề Vật Luận): «Nhất thụ kỳ thành hình, bất vong dĩ đãi tận. Dữ vật tương nhận tương mỵ, kỳ hành tận như trì nhi mạc chi năng chỉ, bất diệc bi hồ ?»** 一受其成形，不亡以待盡.與物相刃相靡，其行盡如馳而莫能止，不亦悲乎？

Trang Tử nói: «Sự sống của mọi vật tiến triển như ngựa chạy. Không chuyển động nào mà nó không biến đổi, không lúc nào mà nó không di chuyển.»[15] Rồi lại nói: «Vạn vật đều có chủng loại riêng, rồi lấy sự bất đồng hình dáng mà thay đổi nhau. Sự bắt đầu và chấm dứt của chúng như trên vòng tròn, không biết đầu mối ở đâu; đó gọi là *thiên quân* (sự tiến hoá của tự nhiên). *Thiên quân* là *thiên nghê* (sự hài hoà tự nhiên).»[16]

Thiên quân 天均 (cũng viết là 天鈞) ý nói sự tiến hoá ấy vận hành mãi, không ngưng nghỉ. Ở trên tôi đã nói rằng triết học của Huệ Thi là triết học về sự biến hoá; triết học của Trang Tử cũng giống như vậy.

4. Làm sao để hạnh phúc

Vạn vật đều phát xuất từ Đạo; mỗi vật đều có được cái Đức riêng của mình. Mỗi vật đều có cái tính tự nhiên. Nếu vạn vật thuận theo tính tự nhiên ấy thì chúng sẽ hạnh phúc, chứ không cần phải tìm cầu ở bên ngoài. *Trang Tử* (Tiêu Dao Du) kể về các vật cực lớn và cực nhỏ. Cá côn và chim bằng là sinh vật cực lớn; ve sầu và chim cưu là sinh vật cực nhỏ. «Khi chim bằng [từ biển Bắc] dời về biển Nam, nó đập nước và lướt trên mặt nước đài ba ngàn dặm, rồi vừa bay lên vừa xoay giống như một cơn gió lốc, lên cao chín vạn dặm; bay mất sáu tháng mới đến biển Nam, rồi nó nghỉ.»[17] «Ve sầu và chim cưu chê cười chim bằng và nói nhau rằng:

---

[15] *Trang Tử* (Thu Thuỷ): «Vật chi sinh dã, nhược sậu nhược trì. Vô động nhi bất biến, vô thời nhi bất di.» 物之生也，若驟若馳．無動而不變，無時而不移．

[16] *Trang Tử* (Ngụ Ngôn): «Vạn vật giai chủng dã, dĩ bất đồng hình tương thiền, thuỷ tốt nhược hoàn, mạc đắc kỳ luân, thị vị thiên quân. Thiên quân giả, thiên nghê dã.» 萬物皆種也，以不同形相禪，始卒若環，莫得其倫是謂天均．天均者，天倪也．

[17] *Trang Tử* (Tiêu Dao Du): «Bằng chi tỷ ư Nam minh dã, thuỷ kích tam thiên lý, đoàn phù dao nhi thượng giả cửu vạn lý, khứ dĩ lục nguyệt tức giả dã.» 鵬之徙於南冥也，水擊三千里，摶扶搖而上者九萬里，去以六月息者也．– LAM chú: Nguyễn Hiến Lê dịch khác: «[...] chim bằng dời xuống biển Nam, nó đập nước tung toé lên ba ngàn dặm rồi nương gió lốc cuốn lên cao chín vạn dặm. Nó xuống biển Nam vào tháng sáu, lúc gió nổi lên.» (*sđd.*, tr.148). Chim bằng ở biển Bắc, là do cá côn biến thành, trước khi nó bay về biển Nam thì nó đập nước lướt đi ba ngàn dặm. Tôi dịch theo lời giảng của *Trung Hoa Đạo Học Thông Điển* (*sđd.*, tr.111): «Khi chim bằng lớn bắt đầu dời về biển nam, nó lấy cánh đập nước và lướt đi ba ngàn dặm. Chim bằng lớn chỉ làm như thế thì mới có thể bay lên cao. Nó vừa bay lên vừa xoay giống như một cơn gió lốc; nó bay lên cao chín vạn dặm. Chim bằng lớn từ đó mà bay đi, bay suốt sáu tháng mới đến biển Nam, rồi nó nghỉ ngơi.» (Đại bằng thuỷ hướng Nam hải thiên tỷ chi thời, dĩ dực phách kích hải thuỷ hành tam thiên lý. Đại bằng chỉ hữu như thử phương năng hướng thượng phi khởi. Tuyền chuyển hướng thượng phi khởi tượng nhất cổ tuyền phong, trực đạt đáo cửu vạn lý cao không. Đại bằng tự thử phi khứ, kinh qua lục cá nguyệt, tài đáo đạt Nam hải, chỉ yết hạ lai. 大鵬始向南海遷徙之時，以翼拍擊海水行三千里．大鵬只有如此方能向上飛起．旋轉向上飛起像一股旋風，直達到九萬里高空．大鵬自此飛去，經過六個月，才到達南海，止歇下來）.

Bọn mình cố sức bay, thì chỉ bay tới mấy cây du, cây phương; có khi bay chưa tới thì rơi xuống đất. Tại sao hắn phải bay cao chín vạn dặm rồi mới đi về phương Nam nhỉ?»[18] Quách Tượng 郭象 (mất khoảng năm 307-312) bình đoạn này rằng: «Trang kể chuyện về cái cực lớn và cái cực nhỏ để làm rõ sự thích ứng của bản tính của sự vật. [...] Nếu có sự mãn túc ở bản tính, thì chim bằng tuy lớn nhưng không tự xem mình quý hơn chim nhỏ; còn chim nhỏ thì không ham muốn ở ao trời mà ước nguyện sung sướng thì có thừa. Cho nên vật tuy lớn nhỏ khác nhau mà niềm hạnh phúc thì như nhau.»[19]

Vật như thế thì người cũng vậy. Trang Tử nói: «Có người tài trí đủ làm một chức quan; có người hành vi làm gương cho một làng; có người đạo đức đáng làm vua và được cả nước tín nhiệm; nhưng khi họ tự xét mình thì họ cũng [cảm thấy an vui] như thế.»[20]

Descartes nói tương tự: «Lương tri là cái được phân phối đồng đều nhất trên đời: ai cũng nghĩ mình có đầy đủ lương tri, nên những kẻ khó làm vừa lòng nhất trong mọi điều khác, cũng không ước mong có nhiều lương tri hơn họ đang có.»[21] Có nghĩa là con người đều quá vừa lòng đối với cái mà họ có được từ tự nhiên (*thiên* 天). Trang Tử nói: «Dân có bản tính bất biến. Họ tự dệt vải để mặc, tự cày cấy để ăn. Đức của họ giống

---

[18] *Trang Tử* (Tiêu Dao Du): «Điều dữ học cưu tiếu chi viết: Ngã quyết khởi nhi phi, thường du phương, thời tắc bất chí nhi khống ư địa nhi dĩ hĩ, hề dĩ giá cửu vạn lý nhi nam vi.» 蜩與學鳩笑之曰:我決起而飛,搶榆枋,時則不至而控於地而已矣,奚以適九萬里而南爲.

[19] Quách Tượng, *Chú Trang Tử*: «Cố cực tiểu đại chi trí, dĩ mình tính phận chi thích. [...] Cẩu túc ư kỳ tính, tắc tuy đại bằng vô dĩ tự quý ư tiểu điểu, tiểu điểu vô tiện ư thiên trì, nhi vinh nguyện hữu dư hĩ. Cố tiểu đại tuy thù, tiêu dao nhất dã.» 故極小大之致,以明性分之適[...]苟足於其性,則雖大鵬無以自貴於小鳥,小鳥無羨於大池,而榮願有餘矣.故小大雖殊,逍遊一也.

[20] *Trang Tử* (Tiêu Dao Du): «Cố phù trí hiệu nhất quan, hành tỷ nhất hương, đức hợp nhất quân, nhi trưng nhất quốc giả, kỳ tự thị dã, diệc nhược thử hĩ.» 故夫知效一官,行比一鄉,德合一君,而徵一國者,其自視也,亦若此矣.

[21] Descartes, *Discours de la Méthode*.– LAM chú: Bản Pháp văn (Éditions Sociales, Paris, 1950, p.39) chép: «Le bon sens est la chose du mond la mieux partagé: car chacun pense en être si bien pourvu que ceux même qui sont les plus difficiles à contenter en toute autre chose n'ont point coutume d'en désirer plus qu'ils en ont.» Derk Bodde dịch: «*Good sense is, of all things among men, the most equally distributed; for every one thinks himself so abundantly provided with it, that those even who are the most difficult to satisfy in everything else, do not usually desire a larger measure of this quality than they already possess.*» (Trong mọi vật giữa con người, *lương tri* [Phùng Hữu Lan dùng từ *thông minh*] được phân phối đồng đều nhất; bởi vì ai cũng nghĩ rằng mình được phú bẩm lương tri quá nhiều rồi, nên thậm chí những kẻ khó chìu nhất với mọi vật, cũng thường không mong ước một lượng lương tri nhiều hơn mình đã có.)

nhau. Họ thống nhất, mà không kéo bè kết đảng. Đó gọi là tuân theo tự nhiên. Trong thời chí đức, ai cũng đi thong thả ung dung, mắt nhìn thẳng phía trước. Thời ấy, trên núi không có đường mòn; trên ao đầm không có thuyền và cầu; vạn vật sống thành bầy; người sống thành làng gần gũi nhau; cầm thú sống thành bầy đông đúc; thảo mộc phát triển sum suê. Người ta có thể dắt cầm thú đi chơi, có thể leo lên cây nhìn vào tổ chim [quạ] hay tổ chim khách. Trong thời chí đức, loài người sống lẫn với cầm thú, đồng đẳng với vạn vật như một nhà, nào có phân biệt quân tử với tiểu nhân? Vạn vật vô tri như nhau, không rời bỏ đức tính tự nhiên của mình; họ cùng vô dục như nhau, nên gọi là chất phác. Chất phác tức là bản tính của dân chúng còn giữ được.»[22]

Trang Tử (Thiên Đạo) chép lời Lão Đam nói với Khổng Tử rằng: «Ông muốn cho thiên hạ không mất đi sự dưỡng dục à? Trời đất có quy tắc vốn thế; mặt trời mặt trăng có sự sáng vốn thế; tinh tú la liệt vốn thế; cầm thú sống thành bầy vốn thế; cây cối có chỗ sinh trưởng vốn thế. Ông cứ thuận theo Đức mà làm, cứ theo Đạo mà đi, thì mới được. Sao ông lại cứ đề cao nhân với nghĩa, giống như đánh trống tìm trẻ lạc thế! Ôi, ông đã làm loạn bản tính của con người mất rồi.»[23]

---

[22] ***Trang Tử*** **(Mã Đề): «Bỉ dân hữu thường tính, chức nhi y, canh nhi thực, thị vị đồng đức. Nhất nhi bất đảng, mệnh viết thiên phóng. Cố chí đức chi thế, kỳ hành điên điên, kỳ thị điên điên. Đương thị thời dã, sơn vô khê toại, trạch vô chu lương; vạn vật quần sinh, liên thuộc kỳ hương; cầm thú thành quần, thảo mộc toại trưởng. Thị cố cầm thú khả hệ kỳ nhi du, điểu thước chi sào khả phan viện nhi khuy. Phù chí đức chi thế, đồng dữ cầm thú cư, tộc dữ vạn vật tịnh, ô hồ tri quân tử tiểu nhân tai! Đồng hồ vô tri, kỳ đức bất ly; đồng hồ vô dục, thị vị tố phác. Tố phác nhi dân tính đắc hĩ.»** 彼民有常性，織而衣，耕而食，是謂同德．一而不黨，命曰天放．故至德之世，其行填填，其視顛顛．當是時也，山無蹊隧，澤無舟梁；萬物群生，連屬其鄉；禽獸成群，草木遂長．是故禽獸可係羈而游，鳥鵲之巢可攀援而窺．夫至德之世，同與禽獸居，族與萬物并，惡乎知君子小人哉！同乎無知，其德不離；同乎無欲，是以素朴．素朴而民性得矣．

[23] ***Trang Tử*** **(Thiên Đạo): «Phu tử nhược dục sử thiên hạ vô thất kỳ mục hồ? Tắc thiên địa cố hữu thường hĩ, nhật nguyệt cố hữu minh hĩ, tinh thần cố hữu liệt hĩ, cầm thú cố hữu quần hĩ, thụ mộc cố hữu lập hĩ. Phu tử diệc phóng Đức nhi hành, tuần Đạo nhi xu, dĩ chí hĩ! Hựu hà kệ kệ hồ yết nhân nghĩa, nhược kích cổ nhi cầu vong tử yên! Ý, phu tử loạn nhân chi tính dã.»** 夫子若欲使天下無失其牧乎？則天地固有常矣，日月固有明矣，星辰固有列矣，禽獸固有群矣，樹木固有立矣．夫子亦放德而行，循道而趨，已至矣！又何偈偈乎揭仁義，若擊鼓而求亡子焉！意，夫子亂人之性也．– LAM chú: ***Trung Hoa Đạo Học Thông Điển*** **(*sđd*., tr.151) giảng: *mục*** 牧 **= dưỡng dục** 養育**; *Phóng*** 放 **= phỏng** 仿 **= phỏngbiệu** 仿效 **(bắt chước), tuân tuần** 遵循 **(noi theo). Câu «Phu tử diệc phóng Đức nhi hành, tuần Đạo nhi xu, dĩ chí hĩ!» Derk Bodde hiểu *phóng* là *giải phóng*, nên dịch: «*You, Sir, first liberate your instincts* (*te* 德) *and follow Tao. That is all.*» (Ngài trước hết cứ giải phóng các bản năng [Đức] của mình rồi theo Đạo. Có thế thôi). Nguyễn Hiến Lê dịch: «Ông chỉ nên để cho mỗi loài thuận theo cái đức của mình mà phát triển hợp với đạo trời, như vậy sẽ hoàn thiện.» (*sđd*., tr.294).**

Trời đất có quy tắc vốn thế, mặt trời mặt trăng có sự sáng vốn thế, tinh tú la liệt vốn thế, cầm thú sống thành bầy vốn thế, cây cối có chỗ sinh trưởng vốn thế; đó tức là tự nhiên, là thiên nhiên, là «Thiên». Thuận theo Đức mà làm, theo Đạo mà đi; tức là tuỳ thuận bản tính của người và vật. Trang Tử nói: «Hiểu rõ các tính chất của trời đất; đó gọi là gốc lớn (đại bản), nguồn lớn (đại tông); đó là cùng hoà hợp với tự nhiên. [...] Hoà hợp với tự nhiên gọi là cùng vui với tự nhiên (thiên lạc).»[24]

Tuỳ thuận bản tính của người và vật tức là hoà hợp với tự nhiên, là cùng vui với tự nhiên (thiên lạc).

Xét từ quan điểm của Trang học, các thứ chế độ về chính trị và xã hội chỉ làm cho con người thêm thống khổ. Bởi vì bản tính của mọi vật rất khác nhau; mỗi vật nhận xét cái tốt theo cách riêng khác nhau, ta không cần ép cho chúng giống nhau, mà cũng không thể ép cho chúng giống nhau. Vật không như nhau thì cứ để y như thế. Đừng thấy chúng không như nhau mà cưỡng ép cho như nhau. Mọi chế độ chính trị xã hội đều ấn định một cái tốt để làm tiêu chuẩn cho hành vi, khiến mọi người tuân theo. Đó là cưỡng ép cái không như nhau phải như nhau; tưởng thế là yêu người hoá ra là hại người.

Trang Tử nói: «Xưa có con chim biển đáp ở ngoại thành nước Lỗ. Lỗ Hầu đi rước nó đem về Thái Miếu, tấu nhạc Cửu Thiều cho nó vui, làm thịt bò dê heo (thái lao) đãi nó ăn. Chim dáo dác và sợ sệt, không dám ăn một miếng thịt, không dám uống một cốc rượu; được ba ngày thì nó chết. Đó là lấy cách nuôi mình mà nuôi chim, chứ không phải lấy cách nuôi chim mà nuôi nó. Lấy cách nuôi chim mà nuôi nó, tức là cho nó đậu trong rừng sâu, cho nó rong chơi trên bãi cát, cho nó bềnh bồng trên sông hồ, cho nó ăn lươn trạch và cá nhỏ, cho nó đi theo bầy, sống tự do tự tại. Chim vốn ghét nghe tiếng người huống hồ tiếng nhạc ồn ào. Nhạc Hàm Trì và Cửu Thiều nếu tấu ở cánh đồng Động Đình thì chim nghe ắt bay mất, thú nghe ắt bỏ chạy mất, cá nghe ắt lặn sâu mất, nhưng con người thì xúm lại mà nghe. Cá ở trong nước thì sống; người ở mãi trong nước thì chết. Cái này khác cái kia, nên ưa ghét khác nhau. Cho nên tiên thánh không khiến mọi người có năng lực giống nhau, không buộc họ làm công việc giống nhau; danh phải đi với thực; sự lý phải đi

---

[24] *Trang Tử* (Thiên Đạo): «Phù minh bạch ư thiên địa chi đức giả, thử chi vị đại bản đại tông, dữ thiên hoà giả dã. [...] Dữ thiên hoà giả, vị chi thiên lạc.» 夫明白於天地之德者，此之謂大本大宗，與天和者也[...]與天和者，謂之天樂.

với sự thích hợp; đó gọi là thông sướng và hạnh phúc.»[25]

«Không khiến mọi người có năng lực giống nhau, không buộc họ làm công việc giống nhau; danh phải đi với thực; sự lý phải đi với sự thích hợp.» Do đó không cần phải đặt ra các chuẩn mực và quy củ nhất định để buộc mọi người tuân theo. Thánh nhân đặt ra các chuẩn mực và quy củ nhất định, và thiết lập các thứ chế độ chính trị xã hội, khiến mọi người trong thiên hạ phải phục tùng. Dụng ý của thánh nhân không phải không tốt, dụng tâm các ngài không phải không yêu người, nhưng hậu quả thì giống như Lỗ Hầu yêu chim biển. Yêu nó lắm, hại nó nhiều. Cho nên Trang Tử phản đối việc lấy chính trị để làm thiên hạ thịnh trị. Ông cho rằng muốn cho thiên hạ thịnh trị, chẳng gì bằng lấy sự không cai trị để trị thiên hạ.

Trang Tử nói: «Anh hãy dẫn tâm vào vô vi và hợp khí với hư tĩnh. Cứ thuận theo sự tự nhiên của vật và không có chút riêng tư thành kiến, như vậy thiên hạ sẽ thịnh trị.»[26]

Lại nói: «Chỉ nghe nói phải để cho thiên hạ an nhiên tự tại, chứ không nghe nói phải cai trị thiên hạ. Để cho thiên hạ an nhiên tự tại, chính là vì sợ bản tính của thiên hạ bị loạn. Để cho thiên hạ ung dung thư thái, chính là vì sợ cái đức của thiên hạ bị biến đổi. Nếu thiên hạ không loạn

---

[25] *Trang Tử* (Chí Lạc): «Tích giả hải điểu chỉ ư Lỗ giao. Lỗ Hầu ngự nhi thương chi ư miếu, tấu Cửu Thiều dĩ vi lạc, cụ thái lao dĩ vi thiện. Điểu nãi huyễn thị ưu bi, bất cảm thực nhất luyến, bất cảm ẩm nhất bôi, tam nhật nhi tử. Thử dĩ kỷ dưỡng dưỡng điểu dã, phi dĩ điểu dưỡng dưỡng điểu dã. Phù dĩ điểu dưỡng dưỡng điểu giả, nghi thê chi thâm lâm, du chi đàn lục, phù chi giang hồ, thực chi thu điều, tuỳ hành liệt nhi chỉ, uỷ xà nhi xử. Bỉ duy nhân ngôn chi ố văn, hề dĩ phù nao nao vi hồ! Hàm Trì Cửu Thiều chi nhạc, trương chi Động Đình chi dã, điểu văn chi nhi phi, thú văn chi nhi tẩu, ngư văn chi nhi hạ nhập, nhân tốt văn chi, tương dữ hoàn nhi quan chi. Ngư xử thuỷ nhi sinh, nhân xử thuỷ nhi tử. Bỉ tất tương dữ dị, kỳ hiếu ố cố dị dã. Cố tiên thánh bất nhất kỳ năng, bất đồng kỳ sự. Danh chỉ ư thực, nghĩa chỉ ư thích, thị chi vị điều đạt nhi phúc trì.» 昔者海鳥止於魯郊．魯侯御而觴之於廟，奏九韶以爲樂，具太牢以爲膳．鳥乃眩視憂悲，不敢食一臠，不敢飲一杯，三日而死．此以己養養鳥也，非以鳥養養鳥也．夫以鳥養養鳥者，宜栖之深林，游之壇陸，浮之江湖，食之鰌鱮，隨行列而止，委蛇而處．彼唯人言之惡聞，奚以夫譊譊爲乎？咸池九韶之樂，張之洞庭之野，鳥聞之而飛，獸聞之而走，魚聞之而下入，人卒聞之，相與還而觀之．魚處水而生，人處水而死．彼必相與異，其好惡故異也．故先聖不一其能，不同其事，名止於實，義止於適，是之謂條達而福持．

[26] *Trang Tử* (Ứng Đế Vương): «Nhữ du tâm ư đạm, hợp khí ư mạc, thuận vật tự nhiên nhi vô dung tư yên, nhi thiên hạ trị hĩ.» 汝游心於淡，合氣於漠，順物自然而無容私焉，而天下治矣．– LAM chú: *Trung Hoa Đạo Học Thông Điển* (*sđd.*, tr.135) giảng hai chữ *đạm* 淡 và *mạc* 漠 diễn tả cảnh giới vô vi hư tĩnh 無爲虛靜.

tính và không thay đổi đức, thì cần chi đến nền cai trị nữa?»[27]

Sở dĩ không trị thiên hạ mà thiên hạ tự trị là vì tuy thị hiếu dân chúng khác nhau nhưng ai cũng mong ước sự thịnh trị. Cho nên: «Vạn vật trên đời đều khao khát thanh bình. Tại sao cần phải có những kẻ lao tâm gắng sức cai trị thiên hạ?»[28] Lại nói: «Thiên hạ đều mong ước thịnh trị, sao còn toan đưa họ Hữu Ngu (tức vua Thuấn) ra xem xét làm gì?»[29]

Bởi vì thiên hạ đều mong ước thịnh trị, nên người ta chỉ cần để sự vật thuận theo sự tự nhiên, như thế tự nhiên sẽ có thịnh trị. Trang học cũng chủ trương «lấy không trị mà trị thiên hạ» (dĩ bất trị trị thiên hạ 以不治治天下), nhưng căn cứ lập luận thì khác Lão học.

Nếu ta không thuận theo bản tính con người, mà cứ cưỡng ép dùng các thứ chế độ để cai trị họ, khác nào «cột dây vào đầu ngựa và xỏ dây

---

[27] *Trang Tử* (Tại Hựu): «Văn tại hựu thiên hạ, bất văn trị thiên hạ dã. Tại chi dã giả, khủng thiên hạ chi dâm kỳ tính dã; hựu chi dã giả, khủng thiên hạ chi thiên kỳ đức dã. Thiên hạ bất dâm kỳ tính, bất thiên kỳ đức, hữu trị thiên hạ giả tai.» 聞在宥天下，不聞治天下也。在之也者，恐天下之淫其性也；宥之也者，恐天下之遷其德也。天下不淫其性，不遷其德，有治天下者哉。

[28] *Trang Tử* (Tiêu Dao Du): «Dĩ vi nhất thế kỳ hồ loạn, (trị dã) thục tệ tệ yên dĩ thiên hạ vi sự?» 以爲一世蕲乎亂，(治也)孰弊弊焉以天下爲事。- LAM chú: Đây là một câu trích bị cắt xén, thêm thắt, làm sai lạc nguyên ý. Phùng Hữu Lan cố ý bỏ mất dấu ngắt câu sau chữ *nhất*, rồi thêm hai chữ *trị dã* 治也 vào. Derk Bodde dịch: «*Everything in the world longs for peace. Why should there be some who address themselves laboriously to govern the empire?*» (Vạn vật trên đời đều khao khát thanh bình. Tại sao cần phải có những kẻ lao tâm gắng sức cai trị thiên hạ?). Nguyên văn là lời của Liên Thúc 連叔 nói về những thần nhân trên núi Cô Xạ 姑射. Họ xinh đẹp, da trắng, mềm mại như trinh nữ, không ăn ngũ cốc, chỉ hít gió uống sương, cưỡi rồng và mây mà ngao du bốn bể; họ định thần làm cho vạn vật khoẻ mạnh, mùa màng phong nhiêu. Liên Thúc nói: «[...] Chi nhân dã, chi đức dã, tương bàng bạc vạn vật dĩ vi nhất. Thế kỳ hồ loạn, thục tệ tệ yên dĩ thiên hạ vi sự?» 之人也，之德也，將旁礴萬物以爲一。世蕲乎亂，孰弊弊焉以天下爲事。*Trung Hoa Đạo Học Thông Điển* (tr.112) dịch: «Những thần nhân như thế mới có đức hạnh như thế. Thần nhân hoà đồng với vạn vật thành một thể. Người đời đều hi vọng thiên hạ phân loạn. Có ai lao khổ lấy việc cai trị thiên hạ làm việc riêng của mình?» (Giá dạng đích thần nhân tài hữu giá dạng đích đức hạnh. Tha tương hỗn đồng vu vạn vật nhi vi nhất thể. Thế nhân đô hi vọng thiên hạ phân loạn. Hữu thuỳ lao lao lục lục đi trị lý thiên hạ vi kỷ sự ni? 這樣的神人才有這樣的德行。他將混同于萬物而爲一體。世人都希望天下紛亂。有誰勞勞碌碌以治理天下爲己事呢). Nguyễn Hiến Lê (*sđd.*, tr.153) dịch khác: «Những thần nhân đó có đức hạnh cao nên hoà đồng được với vạn vật. Người đời có cầu họ trị nước họ cũng không thèm chịu khó nhọc về việc cõi tục này.» Như thế, cái ý «thiên hạ đều khao khát thanh bình» là của riêng Phùng Hữu Lan gượng ép đưa vào; ở chính văn tôi cũng nương theo dụng tâm của ông mà dịch.

[29] *Trang Tử* (Thiên Địa): «Thiên hạ quân trị chi vi nguyện, nhi hà kế dĩ Hữu Ngu thị vi?» 天下均治之爲願，而何計以有虞氏爲。- LAM chú: *Hữu Ngu thị* 有虞氏 là vua Thuấn 舜 (Xem từ điển *Từ Hải*, tr.657).

vào mũi trâu», lấy sự nhân tạo cải đổi thiên nhiên. Hậu quả chỉ là thống khổ; đó là cái tệ hại thông thường của mọi người. Trang Tử nói: «Cho nên, chân vịt tuy ngắn nhưng nếu ta nối dài thêm thì nó khổ; chân hạc tuy dài nhưng nếu ta chặt ngắn đi thì nó sầu. Vậy, bản tính dài thì chớ làm ngắn lại; bản tính ngắn thì chớ nối dài thêm.»[30]

Mục đích của sự nhân tạo là «cắt cái dài, nối thêm cái ngắn», tức cải tạo thiên nhiên. Ngay khi có sự nhân tạo, thì người ta đánh mất niềm hạnh phúc sống thuận theo tự nhiên. Đã không hạnh phúc, lại còn mất đi lạc thú ở đời. Nơi thiên Ứng Đế Vương, Trang Tử kể câu chuyện ngụ ngôn về vua Trung Ương tức Hỗn Độn. Một hôm vua Nam Hải là Mau Lẹ gặp vua Bắc Hải là Thình Lình tại xứ sở của vua Hỗn Độn và được Hỗn Độn tiếp đãi trọng hậu. Đáp lại thịnh tình, Mau Lẹ và Thình Lình bàn nhau: «Ai cũng có bảy lỗ (hai mắt, hai tai, hai lỗ mũi, miệng) để thấy, nghe, thở, ăn; vậy mà anh Hỗn Độn không có lỗ nào. Bọn mình thử đục lỗ cho anh ta vậy.» Mỗi ngày họ đục một lỗ; đến ngày thứ bảy thì Hỗn Độn chết.

Trang Tử (Thu Thuỷ) nói: «Đừng lấy sự nhân tạo mà tiêu diệt sự tự nhiên; đừng lấy sự việc mà tiêu diệt số mệnh.» (Vô dĩ nhân diệt thiên, vô dĩ cố diệt mệnh 無以人滅天, 無以故滅命). Lấy sự nhân tạo cải tạo sự tự nhiên tức là lấy sự nhân tạo mà tiêu diệt sự tự nhiên và lấy sự việc mà tiêu diệt số mệnh.

5. Tự do và bình đẳng

Những gì được trình bày trên đây cho ta thấy triết học chính trị xã hội trong Trang học chủ trương sự tự do tuyệt đối. Bởi theo Trang Tử, chỉ khi nào người ta có sự tự do tuyệt đối thì họ mới có thể thuận theo bản tính tự nhiên của mình và có được hạnh phúc. Tuy nhiên người chủ trương tự do tuyệt đối tất phải chủ trương bình đẳng tuyệt đối; bởi vì nếu trong các mối quan hệ giữa người với người và giữa vật với vật mà ta thừa nhận cái này tốt hơn cái kia, hoặc cái kia tốt hơn cái này, thì cái tốt hơn sẽ phải cải tạo cái không tốt để cho nó trở nên tốt. Như thế thì cũng không còn sự tự do tuyệt đối nữa. Trang học cho rằng người và vật phải có sự tự do tuyệt đối, cho nên cũng cho rằng vật trong thiên hạ đều tốt và ý kiến của thiên hạ đều đúng. Đó là chỗ khác nhau căn bản giữa Trang học và Phật học. Phật học cho rằng vật trong thiên hạ đều không tốt, ý kiến của thiên hạ đều không đúng. *Trang Tử* (Tề Vật Luận) nói: «Giờ tôi

[30] *Trang Tử* (Biển Mẫu): «Thị cố phù hĩnh tuy đoản, tục chi tắc ưu; hạc hĩnh tuy trường, đoạn chi tắc bi. Cố tính trường phi sở đoạn, tính đoản phi sở tục.» 是故鳧脛雖短, 續之則憂; 鶴脛雖長, 斷之則悲. 故性長非所斷, 性短非所續.

muốn hỏi ông mấy câu. Có người nằm nơi ẩm thấp, thì thắt lưng ắt đau, nửa người sắp chết; nhưng con lươn có như thế đâu? Người ấy ở trên cây thì run rẩy sợ hãi; nhưng con khỉ có như thế đâu? Chỗ ở của người, lươn, khỉ; biết chỗ nào là đúng? Người ăn thịt súc vật, hươu nai ăn cỏ, rết thích ăn rắn con, cú mèo và quạ thích ăn chuột. Bốn loài đó, loài nào có khẩu vị đúng? Con vượn xem một loài vượn tương cận là bạn tình, hươu giao phối với nai, lươn và cá chơi với nhau. Mao Tường và Lệ Cơ được người đời xem là mỹ nhân; nhưng cá thấy họ thì lặn sâu, chim thấy họ thì bay cao, hươu nai thấy họ thì chạy gấp. Trong bốn loài đó, loài nào biết được cái đẹp chuẩn của thiên hạ?»[31]

Nếu chấp nhất một cái đẹp chuẩn thì chỉ một trong bốn loài ấy có sự thẩm mỹ đúng. Nhưng nếu không chấp nhất, thì cả bốn loài đều có sự thẩm mỹ đúng. Điều này cũng giống như trường hợp của con chim biển thích trôi nổi trên sông hồ và ăn lươn trạch, thế mà Lỗ Hầu lại tấu nhạc Cửu Thiều cho nó nghe, dọn thịt «thái lao» chuyên để cúng tế cho nó ăn. Tuy hai cách nuôi dưỡng hoàn toàn khác nhau, nhưng đều là hai cách nuôi dưỡng đúng của thiên hạ.

Ý kiến của người ta khác nhau như vạn âm thanh gào thét do gió tạo ra khi thổi vào vạn hang lỗ (mà đầu thiên Tề Vật Luận mô tả). Rốt cuộc ý kiến nào đúng, ý kiến nào sai? Liệu cái gọi là «biện luận» của các biện giả cùng thời với Trang Tử có thể làm rõ được đúng sai chăng? Trang Tử nói: «Giả sử anh tranh luận với tôi. Nếu anh thắng (thay vì tôi thắng), vậy nhất định là anh đúng, tôi sai chăng? Hoặc nếu tôi thắng (thay vì anh thắng), vậy nhất định là tôi đúng, anh sai chăng? Ai trong hai ta đúng? Ai trong hai ta sai? Hay là cùng đúng? Hay là cùng sai? Tôi với anh chẳng hiểu nhau được, thì kẻ khác càng mù tịt. Tôi tìm ai làm trọng tài đây? Tôi có thể tìm

[31] ***Trang Tử* (Tề Vật Luận): «Thả ngô thường thí vấn hồ nhữ. Dân thấp tẩm tắc yêu tật thiên tử, thu nhiên hồ tai? Mộc xử tắc suỷ lật huyễn cụ, viên hầu nhiên hồ tai? Tam giả thục tri chính xứ? Dân thực sô hoạn, mi lộc thực tiến, tức thư thả cam đái, si nha kỳ thử, tứ giả thục tri chính vị? Viên biên thư dĩ vi thư, mi dữ lộc giao, thu dữ ngư đu. Mao Tường, Lệ Cơ, nhân chi sở mỹ dã; ngư kiến chi thâm nhập, điểu kiến chi cao phi, mi lộc kiến chi quyết sậu, tứ giả thục tri thiên hạ chi chính sắc tai.»** 且吾嘗試問乎女(汝).民濕寢則腰疾偏死,鰌然乎哉?木處則惴慄恂懼,猿猴然乎哉?三者孰知正處?民食芻豢,麋鹿食荐,蝍蛆甘帶,鴟鴉耆鼠,四者孰知正味?猿猵狙以爲雌,麋與鹿交,鰌與魚游.毛嬙,麗姬,人之所美也;魚見之深入,鳥見之高飛,麋鹿見之決驟,四者孰知天下之正色哉?- **LAM chú: *Trung Hoa Đạo Học Thông Điển* (tr.118) giảng: *Tức thư* 蝍蛆 = *ngô công* 蜈蚣 (con rết); *đái* 帶(蠈) = *xà* 蛇(rắn); *cam đái* 甘蠈 = *hỉ ngật xà* 喜吃蛇(thích ăn rắn); *biên thư* 猵狙 = *viên chi nhất chủng* 猿之一種(một loại vượn); *viên biên thư dĩ vi thư* 猿猵狙以爲雌 = *viên dĩ biên thư vi phối ngẫu* 猿以猵狙爲配偶(vượn xem loài vượn kia là bạn tình). *Đạo Giáo Thập Tam Kinh* (quyển thượng, tr.76) chép Tây Thi 西施 thay vì Lệ Cơ 麗姬.**

hỏi kẻ đồng ý với anh, nhưng vì hắn đồng ý với anh, làm sao hắn xử đúng được? Tôi có thể tìm hỏi kẻ đồng ý với tôi, nhưng vì hắn đồng ý với tôi, làm sao hắn xử đúng được? Tôi có thể tìm hỏi kẻ khác ý với cả anh và tôi, nhưng vì hắn khác ý với cả anh và tôi, làm sao hắn xử đúng được? Tôi có thể tìm hỏi kẻ đồng ý với cả anh và tôi, nhưng vì hắn đồng ý với cả anh và tôi, làm sao hắn xử đúng được? Vậy, tôi, anh, và hắn đều không thể hiểu nhau. Có nên chờ tìm một kẻ khác nữa chăng?»[32]

Ở đây nói biện luận không thể xác định được đúng sai. Nếu chọn một cái là đúng, thì trong các ý kiến của thiên hạ ý kiến nào đúng? Điều này cũng không thể; giống như trên đây đã nói rằng ta không thể quyết định như thế nào mới là chỗ ở đúng, khẩu vị đúng, thẩm mỹ đúng. Nếu không chọn một cái là đúng, thì trong các ý kiến của thiên hạ ý kiến nào cũng đúng hết. Nếu tất cả đều đúng, thì chúng ta ai nấy cứ theo ý kiến của mình, khỏi cần biện luận làm gì. Trang Tử nói: «Về cái đúng và không đúng, cái phải và không phải: Nếu cái đúng mà là đúng, thì nó ắt khác với cái không đúng, nên khỏi cần phân biệt nữa. Nếu cái phải mà là phải, thì nó ắt khác với cái không phải, nên khỏi cần phân biệt nữa. Lời lẽ đúng sai đối đãi nhau cũng giống như không đối đãi nhau. [Thánh nhân] lấy nguyên tắc hài hoà tự nhiên để điều hoà đúng sai, tuỳ theo vạn vật biến hoá mà biến hoá. Đó là cách sống trọn tuổi đời. Hãy quên tuổi đời (tức quên sinh tử), quên sự phân biệt đúng sai. Hãy ngao du trong cõi vô cùng tận và gửi mình trong đó.»[33]

---

[32] *Trang Tử* (Tề Vật Luận): «Kỳ sử ngã dữ nhược biện hĩ, nhược thắng ngã, ngã bất nhược thắng, nhược quả thị dã, ngã quả phi dã da? Ngã thắng nhược, nhược bất ngô thắng, ngã quả thị dã, nhược quả phi dã da? Kỳ hoặc thị dã, kỳ hoặc phi dã da? Kỳ câu thị dã, kỳ câu phi dã da? Ngã dữ nhược bất năng tương tri dã, tắc nhân cố thụ kỳ đảm ám, ngô thuỳ sử chính chi? Sử đồng hồ nhược giả chính chi, ký dữ nhược đồng hĩ, ô năng chính chi? Sử đồng hồ ngã giả chính chi, ký đồng hồ ngã hĩ, ô năng chính chi? Sử dị hồ ngã dữ nhược giả chính chi, ký dị hồ ngã dữ nhược hĩ, ô năng chính chi? Sử đồng hồ ngã dữ nhược giả chính chi, ký đồng hồ ngã dữ nhược hĩ, ô năng chính chi? Nhiên tắc ngã dữ nhược dữ nhân, câu bất năng tương tri dã, nhi đãi bỉ dã da?» 既使我與若辯矣，若勝我，我不若勝，若果是也，我果非也邪？我勝若，若不吾勝，我果是也，若果非也邪？其或是也，其或非也邪？其俱是也，其俱非也邪？我與若不能相知也，則人固受其黮闇，吾誰使正之？使同乎若者正之，既與若同矣，惡能正之？使同乎我者正之，既同乎我矣，惡能正之？使異乎我與若者正之，既異乎我與若矣，惡能正之？使同乎我與若者正之，既同乎我與若矣，惡能正之？然則我與若與人，俱不能相知也，而待彼也邪？

[33] *Trang Tử* (Tề Vật Luận): «Thị bất thị, nhiên bất nhiên. Thị nhược quả thị dã, tắc thị chi dị hồ bất thị dã, diệc vô biện; nhiên nhược quả nhiên dã, tắc nhiên chi dị hồ bất nhiên dã, diệc vô biện. Hoá thanh chi tương đãi, nhược kỳ bất tương đãi. Hoà chi dĩ thiên nghê, nhân chi dĩ mạn diễn, sở dĩ cùng niên dã. Vong niên vong nghĩa, chấn ư vô cánh, cố ngụ chư vô cánh.» 是不

Xem ý kiến của thiên hạ như «âm thanh biến hoá tự nhiên» (tức tiếng gió hú qua các hang lỗ trên mặt đất), giống như «tiếng chim non chiêm chiếp» mà thiên Tề Vật Luận đề cập. Chưa hề nghe nói có người muốn tranh luận đúng sai về tiếng chim kêu, gió hú. Vậy tại sao ta cứ bình luận lời lẽ của ai kia là đúng, là sai? Sao không mặc kệ họ? Trang Tử nói: «Nói không phải là bật hơi ra thành tiếng. Nói là diễn đạt. Cái được diễn đạt chưa chắc được trọn ý. Vậy có lời nói trọn ý không? Hay chưa từng có lời nói trọn ý? Lời nói khác tiếng chim non chiêm chiếp. Vậy cũng có sự khác biệt giữa hai cái đó, hay là không có khác biệt gì? Đạo bị che lấp nơi đâu, khiến có chân và ngụy? Lời bị che lấp nơi đâu, khiến có đúng và sai? Đạo đi đâu khiến nó không còn nữa? Lời ở đâu khiến nó không sao hiểu được? Đạo bị sự vụn vặt che lấp. Lời bị sự hoa mỹ sáo rỗng che lấp. Cho nên Nho gia và Mặc gia tranh luận nhau. Cái mà Nho gia cho là đúng thì Mặc gia cho là sai, và ngược lại. Muốn thấy cái đúng trong cái bị cho là sai và muốn thấy cái sai trong cái được xem là đúng, thì phải dùng cái *minh* 明 (thông minh, trực giác) của mình. Vật nào cũng vừa là vật khác vừa là chính nó. Phân biệt tách bạch ta với vật thì không thấy được lẽ đó. Hoà đồng với vật thì thấy được. Do đó nói cái kia là do cái này mà ra; cái này là nguyên nhân của cái kia. Cái này và cái kia là thuyết về *phương sinh* 方生 (vừa thế này vừa thế kia). Bất cứ vật gì đang sống tức là đang chết, đang chết tức là đang sống; có thể tức

---

是，然不然。是若果是也，則是之異乎不是也，亦無辯；然若果然也，則然之異乎不然也，亦無辯。化聲之相待，若其不相待。和之以天倪，因之以曼衍，所以窮年也。忘年忘義，振於無竟，故寓諸無竟。– **LAM chú:** ***Trung Hoa Đạo Học Thông Điển*** **(tr.119) giảng:** ***Biện*** **辯 thông với** ***biện*** **辨 (phân biệt);** ***hoá thanh*** **化聲:** ***thị phi bất đồng ngôn luận*** **是非不同言論 (lời lẽ đúng sai khác nhau);** ***cánh*** **竟:** ***cảnh*** **境 (cảnh giới, cõi);** ***chấn*** **振:** ***sướng*** **暢 (vui sướng);** ***thiên nghê*** **天倪 (như** ***thiên quân*** **天鈞):** ***hài hoà tự nhiên*** **諧和自然. Derk Bodde dịch «*Hoá thanh chi tương đãi, nhược kỳ bất tương đãi. Hoà chi dĩ thiên nghê, nhân chi dĩ mạn diễn*» là: «*Regardless whether the changing sounds are relative to one another or not, let us harmonize them within the Boundary of Nature, and leave them alone in the process of natural evolution.*» (Các âm thanh đang biến đổi có liên quan nhau hay không thì cũng vậy. Hãy để chúng hài hoà với *thiên nghê* [giới hạn của tự nhiên] và cứ để mặc chúng trong quy trình tiến hoá tự nhiên). Nguyễn Hiến Lê hiểu *nghê* là «tiêu chuẩn để định phải trái», *hoà hợp với thiên nghê* là «phán đoán hợp với lý tự nhiên; chấp nhận ý kiến của người». Với câu «*Hoá thanh chi tương đãi, nhược kỳ bất tương đãi*», ông nói: «Câu này như ở đâu đi lạc vào đây. Phải chăng Trang Tử muốn đưa một thí dụ tỏ rằng có những sự kiện tựa như phải mà không phải.» Ông dịch: «Một chuyển động và một thanh âm tuỳ thuộc nhau mà cơ hồ như không tuỳ thuộc nhau.» (*sđd.*, tr.174). Câu «*Hoà chi dĩ thiên nghê, nhân chi dĩ mạn diễn*» tôi dịch theo *Trung Hoa Đạo Học Thông Điển*: «Thánh nhân lấy nguyên tắc hài hoà tự nhiên để điều hoà đúng sai, tuỳ theo vạn vật biến hoá mà biến hoá.» (Thánh nhân tắc dĩ tự nhiên hài hoà đích nguyên tắc lai điều hoà thị phi, tuỳ vạn vật biến hoá nhi biến hoá 聖人則以自然諧和的原則來調和是非，隨萬物變化而變化)

là không thể, không thể tức là có thể. Nguyên do đúng tức là nguyên do sai, nguyên do sai tức là nguyên do đúng. Do đó, thánh nhân không câu chấp những điều ấy, mà nhìn sự vật theo quan điểm tự nhiên. Cái này cũng là cái kia; cái kia cũng là cái này. Cái này cũng có cái đúng cái sai riêng. Cái kia cũng có cái đúng cái sai riêng. Vậy thực sự có sự phân biệt giữa cái này và cái kia ư? Hay là không có sự phân biệt giữa cái này và cái kia? Đừng xem cái này cái kia là một đôi tương phản, đó là then chốt của Đạo. Cái then chốt ấy nằm ở giữa vạn sự nên ứng biến vô cùng. Cái đúng biến hoá vô cùng, cái sai cũng biến hoá vô cùng. Cho nên nói: phải dùng cái *minh* (thông minh, trực giác) của mình.»[34]

Cái gọi là «cái này cái kia» dường như nhằm bài bác thuyết của Công Tôn Long. Trong Danh Thực Luận, Công Tôn Long nói cái này chỉ là cái này, cái kia chỉ là cái kia. (Xin xem lại tiết 6 của chương 9). Trang học xem cái này cái kia chỉ là tương đối, nên nói: «Cái kia là do cái này mà ra; cái này là nguyên nhân của cái kia. Cái này và cái kia là thuyết về *phương sinh*.» Cái này và cái kia căn cứ qua lại giữa chúng mà gọi là «này, kia». Sự tranh luận đúng sai giữa Nho gia và Mặc gia cũng giống như thế. Mỗi phái chấp nhất vào một cái mà họ cho là đúng; tức là: «Cái này cũng có cái đúng cái sai riêng. Cái kia cũng có cái đúng cái sai riêng.» Điều đó giống như vòng tròn, không đầu mối, không cùng tận.

[34] ***Trang Tử*** **(Tề Vật Luận): «Phù ngôn phi xuy dã, ngôn giả hữu ngôn. Kỳ sở ngôn giả đặc vị định dã. Quả hữu ngôn da? Kỳ vị thường hữu ngôn da? Kỳ dĩ vi dị ư cấu âm, diệc hữu biện hồ? Kỳ vô biện hồ? Đạo ô hồ ẩn nhi hữu chân ngụy? Ngôn ô hồ ẩn nhi hữu thị phi? Đạo ô hồ vãng nhi bất tồn? Ngôn ô hồ tồn nhi bất khả? Đạo ẩn ư tiểu thành, ngôn ẩn ư vinh hoa. Cố hữu Nho Mặc chi thị phi, dĩ thị kỳ sở phi nhi phi kỳ sở thị. Dục thị kỳ sở phi nhi phi kỳ sở thị, tắc mạc nhược dĩ minh. Vật vô phi bỉ, vật vô phi thị. Tự bỉ tắc bất kiến, tự tri tắc tri chi. Cố viết: Bỉ xuất ư thị, thị diệc nhân bỉ. Bỉ thị phương sinh chi thuyết dã. Tuy nhiên, phương sinh phương tử, phương tử phương sinh; phương khả phương bất khả, phương bất khả phương khả; nhân thị nhân phi, nhân phi nhân thị. Thị dĩ thánh nhân bất do nhi chiếu chi ư thiên, diệc nhân thị dã. Thị diệc bỉ dã, bỉ diệc thị dã. Bỉ diệc nhất thị phi, thử diệc nhất thị phi, quả thả hữu bỉ thị hồ tai? Quả thả vô bỉ thị hồ tai? Bỉ thị mạc đắc kỳ ngẫu, vị chi đạo xu. Xu thuỷ đắc kỳ hoàn trung, dĩ ứng vô cùng. Thị diệc nhất vô cùng, phi diệc nhất vô cùng dã. Cố viết: Mạc nhược dĩ minh.»**
夫言非吹也，言者有言。其所言者特未定也。果有言邪？其未嘗有言邪？其以爲異於鷇音，亦有辯乎？其無辯乎？道惡乎隱而有眞僞？言惡乎隱而有是非？道惡乎往而不存？言惡乎存而不可？道隱於小成，言隱於榮華。故有儒墨之是非，以是其所非而非其所是。欲是其所非而非其所是，則莫若以明。物無非彼，物無非是。自彼則不見，自知則知之。故曰：彼出於是，是亦因彼。彼是方生之說也。雖然，方生方死，方死方生；方可方不可，方不可方可；因是因非，因非因是。是以聖人不由而照之於天，亦因是也。是亦彼也，彼亦是也。彼亦一是非，果且有彼是乎哉？果且無彼是乎哉？彼是莫得其偶，謂之道樞。樞始得其環中，以應無窮。是亦一無窮，非亦一無窮也。故曰：莫若以明。

Nếu biết «Đạo đi đâu khiến nó không còn nữa? Lời ở đâu khiến nó không sao hiểu được?» thì thấy sự tranh luận đúng sai giữa Nho gia và Mặc gia chẳng qua là «âm thanh biến hoá tự nhiên» (tức tiếng gió hú qua các hang lỗ trên mặt đất) và «tiếng chim non chiêm chiếp» mà thôi. Cho nên cứ mặc kệ họ: «Do đó, thánh nhân không câu chấp những điều ấy, mà nhìn sự vật theo quan điểm tự nhiên.» Đó gọi là «dùng cái *minh*» (thông minh; trực giác).

Hễ nói có cái đúng, tức là có cái sai. Hễ nói có cái sai, tức là có cái đúng. Do đó đúng và sai là tương đối, và tạo thành một đôi tương phản. Cái này và cái kia cũng thế. Nếu ta để mặc chúng, không màng xem chúng đúng hay sai, này hay kia; thì chúng không tạo thành đôi tương phản. Do đó Trang Tử nói: «Đừng xem cái này cái kia là một đôi tương phản, đó là then chốt của Đạo.» Cái này và cái kia thì đúng sai qua lại đối với nhau. Cái đúng biến hoá vô cùng, cái sai cũng biến hoá vô cùng, như một vòng tròn. Người ta không nên tranh luận lòng vòng mãi với kẻ chỉ cố chấp đúng hoặc sai, mà hãy đứng chính giữa vòng tròn và để mặc chúng đúng hay sai; nên Trang Tử nói: «Cái then chốt của Đạo nằm ở giữa vạn sự nên ứng biến vô cùng.» Lại nói: «Cho nên thánh nhân hoà với đúng sai và nghỉ ngơi ở *thiên quân* (hài hoà tự nhiên); đó gọi là *lưỡng hành* (đi đôi).»[35]

Từ «thiên quân» 天鈞 này ở thiên Ngụ Ngôn gọi là «thiên quân» 天均 hay «thiên nghê» 大倪; nó đều ám chỉ sự biến hoá tự nhiên. «Nghỉ ngơi ở thiên quân» (hưu hồ thiên quân 休乎天鈞) nghĩa là cứ mặc kệ cho vạn vật tự nhiên như thế. Đối với cái đúng sai tương đối của vật, thánh nhân cứ mặc kệ. Thái độ ấy không phải là vất bỏ sự phân biệt đúng sai, mà là vượt trên sự đúng sai, đó gọi là «đi đôi» (lưỡng hành 兩行).

Dùng quan điểm ấy mà quan sát vật, tức là lấy quan điểm của Đạo mà quan sát vật. Trang Tử nói: «Theo phương diện Đạo mà xét, vật chẳng sang chẳng hèn. Từ bản thân của vật mà xét, mỗi vật tự cho mình sang và coi vật khác là hèn. Từ quan điểm thế tục mà xét, quý và tiện không nằm tại bản thân sự vật. Từ sự khác biệt của vật mà xét, do tầm cỡ lớn mà cho rằng chúng lớn thì vạn vật chẳng thứ nào mà không lớn; do tầm cỡ nhỏ mà cho rằng chúng nhỏ thì vạn vật chẳng thứ nào mà không nhỏ. Biết trời đất nhỏ bằng hạt kê và đầu sợi lông to bằng đồi núi, tức là biết sự tương đối rồi. Từ quan điểm công năng mà xét sự tồn tại của một vật, nếu vì nó có công năng mà ta nói nó tồn tại, thì vật nào

[35] *Trang Tử* (Tề Vật Luận): «Thị dĩ thánh nhân hoà chi dĩ thị phi nhi hưu hồ thiên quân. Thị chi vị lưỡng hành.» 是以聖人和之以是非而休乎天鈞.是之謂兩行.

cũng tồn tại; nếu vì nó không có công năng mà ta nói nó không tồn tại, thì vật nào cũng không tồn tại. Biết đông tây trái ngược nhau và biết cái này không thể thiếu cái kia, tức là biết phân định công năng của vật. Lấy thiên kiến mà xét một vật, nếu vì nó đúng mà ta nói nó đúng, thì vật nào cũng đúng; nếu vì nó sai mà ta nói nó sai, thì vật nào cũng sai. Biết Nghiêu và Kiệt đều tốt và đều xấu từ quan điểm tương phản của họ, tức là thấy được thiên kiến của họ rồi. [...] Lấy Đạo mà xét, cái gì quý? Cái gì tiện? Đó gọi là trái ngược tương đối. Đừng có câu chấp, vì câu chấp thì trái Đạo. Cái gì ít? Cái gì nhiều? Chúng chỉ là tạm thời. Đừng chấp nhất hành vi, vì nó trái Đạo. Hãy trang nghiêm như ông vua một nước, không chút vị kỷ. Hãy bình thản như thần xã được cúng tế, không ban phúc cho riêng ai. Hãy khoáng đạt rộng rãi như bốn phương vô cùng, không có giới hạn. Hãy ôm cả vạn vật vào lòng, thì ai sẽ rời bỏ mình? Đó gọi là không thiên lệch. Vạn vật đều như một, có gì là ngắn, có gì là dài? Đạo không đầu cuối, vật có sống chết, chớ ỷ vào sự thành tựu. Hễ vơi thì đầy, vật không có hình dáng cố định. Tuổi tác qua đi không trở lại, thời gian không đứng yên. Phát triển rồi suy thoái, đầy rồi lại vơi, kết thúc này là khởi đầu mới. Đấy là nói về các phương diện của Đạo và luận bàn các nguyên lý của vạn vật.»[36]

Người đời lấy giai cấp chính trị xã hội để phân biệt sang hèn, đó gọi là «sang hèn không do bản thân mình» mà do người đời đánh giá mình. Nhưng «từ bản thân của vật mà xét, mỗi vật tự cho mình sang và coi vật khác là hèn», giống như con chim nhỏ cười con chim bằng lớn (mà thiên Tề Vật Luận đã kể). Tuy nhiên tất cả chúng đều nương vào một quan điểm hữu hạn để quan sát vật. Nếu ta có thể vượt lên trên sự hữu hạn, tức là từ quan điểm vô hạn mà quan sát vật, thì đó gọi là «lấy

[36] *Trang Tử* (Thu Thủy): «Dĩ đạo quan chi, vật vô quý tiện; dĩ vật quan chi, tự quý nhi tương tiện; dĩ tục quan chi, quý tiện bất tại kỷ. Dĩ sai quan chi, nhân kỳ sở đại nhi đại chi, tắc vạn vật mạc bất đại; nhân kỳ sở tiểu nhi tiểu chi, tắc vạn vật mạc bất tiểu. Tri thiên địa chi vi đế mễ dã, tri hào mạt chi vi khâu sơn dã, tắc sai số đẳng hĩ. Dĩ công quan chi, nhân kỳ sở hữu nhi hữu chi, tắc vạn vật mạc bất hữu; nhân kỳ sở vô nhi vô chi, tắc vạn vật mạc bất vô. Tri đông tây chi tương phản nhi bất khả dĩ tương vô, tắc công phân định hĩ. Dĩ thú quan chi, nhân kỳ sở nhiên nhi nhiên chi, tắc vạn vật mạc bất nhiên; nhân kỳ sở phi nhi phi chi, tắc vạn vật mạc bất phi. Tri Nghiêu, Kiệt chi tự nhiên nhi tương phi, tắc thú thao đổ hĩ. [...] Dĩ đạo quan chi, hà quý hà tiện, thị vị phản diễn; vô câu nhi chí, dữ đạo đại kiển. Hà thiểu hà đa, thị vị tạ thi. Vô nhất nhi hành, dữ đạo tham sai. Nghiêm hồ nhược quốc chi hữu quân, kỳ vô tư đức; dao dao hồ nhược tế chi hữu xã, kỳ vô tư phúc. Phiếm phiếm hồ kỳ nhược tứ phương chi vô cùng, kỳ vô sở chẩn vực. Kiêm hoài vạn vật, kỳ thục thừa dực? Thị vị vô phương. Vạn vật nhất tề, thục đoản thục trường? Đạo vô chung thuỷ, vật hữu tử sinh, bất thị kỳ thành. Nhất hư nhất mãn, bất vị hồ kỳ hình. Niên bất khả cử, thời bất khả chỉ. Tiêu tức doanh hư, chung tắc hữu thuỷ. Thị sở dĩ ngữ đại nghĩa chi phương, luận vạn vật chi lý dã.» 以道觀之，物無貴賤；以物觀之，自

Đạo mà quan sát vật» (dĩ Đạo quan chi 以道觀之). Lấy quan điểm Đạo mà quan sát vật thì ta thấy mọi vật đều như nhau. Hơn nữa, nếu ta có thể hợp nhất với Đạo, thì sẽ không còn phân biệt gì nữa, mà đạt tới cảnh giới «vạn vật với ta là một» (vạn vật dữ ngã vi nhất 萬物與我爲一). Điểm này dưới đây tôi sẽ nói rõ.

Có người nói: Trang Tử xem «đi đôi» (lưỡng hành 兩行) là đúng; vậy ông vẫn còn phân biệt đúng sai. Điểm này cũng đã được đề cập trong thiên Tề Vật Luận: «Bây giờ tôi nói điều này, không biết điều tôi sắp nói có cùng loại với điều mà kẻ khác nói không? Hay nó khác loại với điều mà kẻ khác nói? Không có gì khác biệt giữa điều tôi nói và điều kẻ khác nói. [...] Nay tôi vừa nói một điều, nhưng tôi không biết điều tôi vừa nói thực sự đúng là cái được nói không? Hay thực sự không đúng là cái được nói? Thiên hạ không có gì lớn bằng cái đầu chiếc lông của chim và thú vào mùa thu; còn núi Thái thì nhỏ. Không có gì sống lâu bằng đứa trẻ chết non; còn ông Bành Tổ thì chết yểu. Trời đất với ta cùng sống; vạn vật với ta là một. Bởi trời đất vạn vật đã là một, còn chỗ nào dành cho lời nói nữa? Nhưng vì tôi đã nói đến một, đó không phải là một lời nói sao? Một và một lời nói là hai; hai với cái một (ban đầu) là ba. Từ đấy mà tính tiếp, dù người tính toán giỏi nhất cũng chịu thua, huống hồ kẻ bình thường. Vậy, từ «vô» (không) đi đến «hữu» (có) mà đã đạt tới «tam» (ba ý) rồi, huống hồ từ «hữu» (có) đi đến «hữu» (có) thì sẽ đạt tới bao nhiêu ý nữa? Thôi đừng đi đến đâu cả (tức đừng suy luận gì hết); cứ ở yên đó.»[37]

貴而相賤；以俗觀之，貴賤不在己．以差觀之，因其所大而大之，則萬物莫不大；因其所小而小之，則萬物莫不小．知天地之爲稊米也，知毫末之爲丘山也，則差數等矣．以功觀之，因其所有而有之，則萬物莫不有；因其所無而無之，則萬物莫不無．知東西之相反而不可以相無，則功分定矣．以趣觀之，因其所然而然之，則萬物莫不然；因其所非而非之，則萬物莫不非．知堯桀之自然而相«D,«h%Ø ,@ ¨O .[...]以道觀之，何貴何賤，是謂反衍；無拘而志，與道大蹇．何少何多，是謂謝施．無一而行，與道參差．嚴乎若國之有君，其無私德；繇繇乎若祭之有社，其無私福．泛泛乎其若四方之無窮，其無所畛域．兼懷萬物，其孰承翼？是謂無方．萬物一齊，孰短孰長？道無終始，物有死生，不恃其成．一虛一滿，不位乎其形．年不可舉，時不可止．消息盈虛，終則有始．是所以語大義之方，論萬物之理也．

[37] ***Trang Tử* (Tề Vật Luận): «Kim thả hữu ngôn ư thử, bất tri kỳ dữ thị loại hồ? Kỳ dữ thị bất loại hồ? Loại dữ bất loại, tương dữ vi loại, tắc dữ bỉ vô đĩ dị hĩ. [...] Kim ngã tắc dĩ hữu hữu vị hĩ, nhi vị tri ngô sở vị chi kỳ quả hữu vị hồ? Kỳ quả vô vị hồ? Thiên hạ mạc đại ư thu hào chi mạt, nhi thái sơn vi tiểu; mạc thọ ư thương tử, nhi bành tổ vi yểu. Thiên địa dữ ngã tịnh sinh, nhi vạn vật dữ ngã vi nhất. Kỳ dĩ vi nhất hĩ, thả đắc hữu ngôn hồ? Kỳ dĩ vị chi nhất hĩ, thả đắc vô ngôn hồ? Nhất dữ ngôn vi nhị, nhị dữ nhất vi tam. Tự thử dĩ vãng, xảo lịch bất năng đắc, nhi huống**

Trang Tử xem «đi đôi» (lưỡng hành 兩行) là đúng; vậy ông vẫn còn phân biệt đúng sai, cũng như người khác phân biệt đúng sai thôi. Nhưng khi xem «đi đôi» là đúng, ông muốn vượt lên cả đúng và sai, như thế ông không còn giống với những kẻ bình thường có sự phân biệt đúng sai thông thường nữa. Do đó ông nói: «Nay tôi vừa nói một điều, nhưng tôi không biết điều tôi vừa nói thực sự đúng là cái được nói không? Hay thực sự không đúng là cái được nói?» Khi cho rằng «vượt lên cả đúng và sai» là đúng, Trang Tử vẫn không tránh khỏi nhược điểm là vẫn còn phân biệt đúng sai, huống hồ những kẻ bình thường có sự phân biệt đúng sai thông thường. Do đó ông nói: «Từ «vô» (không) đi đến «hữu» (có) mà đã đạt tới «tam» (ba ý) rồi, huống hồ từ «hữu» (có) đi đến «hữu» (có) thì sẽ đạt tới bao nhiêu ý nữa? Thôi đừng đi đến đâu cả (tức đừng suy luận gì hết); cứ ở yên đó.»

6. Cái chết và sự bất tử

Không vật nào mà không tốt; không ý kiến nào mà không đúng. Đó là tông chỉ của thiên Tề Vật Luận. Từ đó suy ra, không có hình thức tồn tại nào mà không tốt. Cái mà ta gọi là «chết» chẳng qua là một hình thức tồn tại của chúng ta chuyển sang một hình thức tồn tại khác. Nếu ta xem cái hình thức tồn tại của ta hiện nay (tức là cuộc sống) là đáng vui sướng, thì cái hình thức mới mẻ mà ta nhận được sau khi ta chết cũng chưa thể nói là không đáng vui sướng. Trang Tử nói: «Mới được cái hình thể con người mà ta đã vui sướng đến thế rồi. Nếu cái hình thể con người thiên biến vạn hoá không cùng, thì ta còn vui sướng đến đâu nữa?»[38]

Trang Tử nói: «Làm sao tôi biết ham sống chẳng phải là mê lầm? Làm sao tôi biết ghét chết chẳng phải là tâm trạng của đứa trẻ đang trở về nhà mà cứ tưởng mình bị lạc đường? Nàng Lệ Cơ – con gái quan trấn biên cương đất Ngải (của nước Lệ Nhung) mà vua Tấn Hiến Công cướp

---

kỳ phàm hồ! Cố tự vô thích hữu, dĩ chí ư tam, nhi huống tự hữu thích hữu hồ! Vô thích yên, nhân thị dĩ!» 今且有言於此,不知其與是類乎?其與是不類乎?類與不類,相與爲類,則與彼無以異矣[...] 今我則已有有謂矣,而未知吾所謂之其果有謂乎?其果無謂乎?天下莫大於秋毫之末,而泰山爲小;莫壽於殤子,而彭祖爲夭.天地與我並生,而萬物與我爲一.既已爲一矣,且得有言乎?既已謂之一矣,且得無言乎?一與言爲二,二與一爲三.自此以往,巧歷不能得,而況其凡乎!故自無適有,以至於三,而況自有適有乎!無適焉,因是已!

[38] *Trang Tử* (Đại Tông Sư): «Đặc phạm (=phùng) nhân chi hình nhi do hỉ chi. Nhược nhân chi hình giả, vạn hoá nhi vị thuỷ hữu cực dã, kỳ vi lạc khả thắng kể tà?» 特犯(逢)人之形而猶喜之.若人之形者,萬化而未始有極也,其爲樂可勝計邪?

về làm thiếp – đã khóc ướt đẫm vạt áo. Đến khi về cung vua, cùng vua vui hưởng giường êm chiếu ấm và các món thịt thà ngon béo, bấy giờ nàng mới tiếc cho những giọt lệ ngày trước. Làm sao tôi biết kẻ chết không hối tiếc trước kia đã từng ham sống? Có kẻ nằm mộng thấy mình ăn nhậu, đến sáng tỉnh dậy [tiếc bữa nhậu mà] khóc lóc. Có kẻ nằm mộng thấy mình khóc lóc, đến sáng tỉnh dậy thì [vui như] đi săn. Khi họ nằm mộng, họ đâu biết mình nằm mộng. Trong giấc mộng, thậm chí họ còn giải đoán mộng cho người khác. Đến khi tỉnh dậy, họ mới biết mình đã nằm mộng. Chừng nào họ *thức tỉnh lớn* (đại giác = giác ngộ lớn) thì họ mới biết mình đã trải qua một *giấc mộng lớn* (đại mộng).»[39]

Ở thiên Thu Thuỷ, Trang Tử nói: «Đạo không đầu cuối, vật có sống chết.» (Đạo vô chung thuỷ, vật hữu tử sinh 道無終始,物有死生). Quách Tượng chú: «Sống và chết là sự biến hoá bất tận, không có khởi đầu và không có kết thúc.» (Tử sinh giả, vô cùng chi biến nhĩ, phi chung thuỷ dã 死生者,無窮之變耳,非終始也). Hễ ta hiểu được lẽ ấy, thì sẽ xem sống chết như nhau. Trang Tử nói: «Giả sử cánh tay trái tôi hoá thành con gà trống, thì tôi nhân đó mà gáy sáng. Giả sử cánh tay phải tôi hoá thành cây nỏ bắn đạn, thì tôi nhân đó mà bắn con chim hào đem về rán ăn. Giả sử cái xương cùng tôi hoá thành bánh xe (ý nói chiếc xe), còn tinh thần hoá thành con ngựa, thì tôi nhân đó mà đánh xe, cần chi đến con ngựa nào khác. Hơn nữa, *sống* tức là gặp thời mà đến; *chết* tức là tuỳ thuận sự ứng hoá tự nhiên mà đi. Nếu gặp thời mà đến, tuỳ thuận mà đi, thì đau buồn và vui sướng không xâm nhập được mình, cái đó người xưa gọi là *huyền giải* 懸

---

[39] ***Trang Tử* (Tề Vật Luận): «Dư ô hồ tri duyệt sinh chi phi hoặc da! Dư ô hồ tri ố tử chi phi nhược tàng nhi bất tri qui giả da! Lệ chi cơ, ngải phọng nhân chi tử dã. Tấn quốc thủy đắc chi dã, thế khấp triêm khâm. Cập kỳ chí vu vương sở, dữ vương đồng khuông sàng, thực sô hoạn, nhi hậu hối kỳ khấp dã. Dư ô hồ tri phù tử giả bất hối kỳ thủy chi kỳ sinh hồ? Mộng ẩm tửu giả, đán nhi khốc khấp; mộng khốc khấp giả, đán nhi điền liệp. Phương kỳ mộng dã, bất tri kỳ mộng dã. Mộng chi trung hựu chiêm kỳ mộng yên, giác nhi hậu tri kỳ mộng dã. Thả hữu đại giác nhi hậu tri thử kỳ đại mộng dã.»** 予惡乎知說生之非惑邪!予惡乎知惡死之非弱喪而不知歸者邪!麗之姬艾封人之子也.晉國始得之也,涕泣沾襟.及其至于王所,與王同筐床,食芻豢,而後悔其泣也.予惡乎知夫死者不悔其始之蘄生乎?夢飲酒者,旦而哭泣;夢哭泣者,旦而田獵.方其夢也,不知其夢也.夢之中又占其夢焉,覺而後知其夢也.且有大覺而後知此其大夢也.

解 (giải thoát sự thống khổ bị treo ngược).»[40]

«Đau buồn và vui sướng không xâm nhập được ta», tức là dùng lý trí chuyển hoá tình cảm. Spinoza xem tình cảm là những ràng buộc của kiếp người (human bondage). Người có tri thức, biết chân tướng của vũ trụ, biết sự phát sinh của sự vật là tất nhiên, thế thì khi gặp sự cố, hắn sẽ không động tâm, không bị ràng buộc, nghĩa là đạt được sự tự do của con người (human freedom). Thí dụ như gió thổi làm mảnh ngói rơi trúng đầu một em bé và trúng đầu một người trưởng thành. Em bé ắt giận dữ và oán hận mảnh ngói ấy; nhưng tình cảm của người trưởng thành thì không bị khuấy động, và vì lẽ đó cái đau đớn của anh ta cũng trở nên nhẹ đi. Đó là vì người trưởng thành hiểu được chân tướng của mảnh ngói rơi, nên «đau buồn và vui sướng không xâm nhập được mình». Thiên Dưỡng Sinh Chủ chép lời Tần Dật 秦佚 phê bình những người khóc Lão Đam mất: «Cách gào khóc điếu tang của họ là trái thiên tính và ngược chân tình, quên đi cái đạo lý mà ta nhận lãnh từ tự nhiên. Thời xưa gọi sự gào

---

[40] ***Trang Tử*** **(Đại Tông Sư): «Tẩm giả nhi hoá dư chi tả tỷ dĩ vi kê, dư nhân dĩ cầu thời dạ; tẩm giả nhi hoá dư chi hữu tỷ dĩ vi đạn, dư nhân dĩ cầu hào chích; tẩm giả nhi hoá dư chi khao dĩ vi luân, dĩ thần vi mã, dư nhân dĩ thừa chi, khởi cánh giá tai! Thả phù đắc giả, thời dã; thất giả, thuận dã. An thời nhi xử thuận, ai lạc bất năng nhập dã, thử cổ chi sở vị huyền giải dã.»** 浸假而化予之左臂以爲雞，予因以求時夜；浸假而化予之右臂以爲彈，予因以求鴞炙；浸假而化予之尻以爲輪，以神爲馬，予因以乘之，豈更駕哉！且夫得者，時也；失者，順也。安時而處順，哀樂不能入也，此古之所謂懸解也。**– LAM chú:** ***Trung Hoa Đạo Học Thông Điển*** **(tr.132) giảng:** ***Đắc*** 得**:** ***sinh*** 生**;** ***thời*** 時**:** ***thích thời*** 適時 **(gặp thời);** ***thất*** 失**:** ***tử*** 死**;** ***thuận*** 順**:** ***thuận ứng biến hoá*** 順應變化**;** ***huyền giải*** 懸解**:** ***giải trừ đảo huyền chi khổ*** 解除倒懸之苦 **(trừ bỏ cái khổ bị treo ngược). Đoạn sau, Nguyễn Hiến Lê (*sđd.*, tr.221) dịch khác: «Với lại *đắc* là nhờ thời cơ, *thất* là do thuận ứng. Ai an thời xử thuận, thì vui buồn không xâm nhập vào tâm hồn được. Người xưa gọi như vậy là *huyền giải* (bị treo lên mà bây giờ được cởi dây cho).» Derk Bodde dịch khác: «*When we come, it is because we have the occasion to be born. When we go, we simply follow the natural course. Those who are quiet at the proper occasion and follow the course of nature, cannot be affected by sorrow or joy. These men were considered by the ancients as people who are released from bondage.*» (Khi ta đến, đó là vì ta có dịp được sinh ra. Khi ta đi, ta chỉ thuận theo dòng tự nhiên. Ai tĩnh lặng đúng thời và thuận theo dòng tự nhiên thì không thể bị vui buồn tác động. Người xưa xem họ là những kẻ được giải thoát khỏi sự ràng buộc).**

khóc ấy là hình phạt do làm trái ngược tự nhiên.»[41]

Chết là kết quả tự nhiên của sống; nếu đau đớn sầu khổ trước cái chết tức là «trái thiên tính và ngược chân tình». Ai làm trái ngược tự nhiên (độn thiên 遁天) thì phải chịu hình phạt, tức là nỗi thống khổ lúc bi ai. Nếu biết sống tức là gặp thời mà đến; chết tức là tuỳ thuận sự ứng hoá tự nhiên mà đi. Nếu gặp thời mà đến, tuỳ thuận mà đi, thì đau buồn và vui sướng không xâm nhập được mình. Như vậy ta sẽ không chịu hình phạt do làm trái ngược tự nhiên, và giải thoát khỏi sự đau khổ do bị ràng buộc. Ai có thể làm được như thế tức là dùng lý trí chuyển hoá tình cảm. Thiên Chí Lạc chép chuyện Trang Tử gõ bồn hát khi vợ chết, bạn ông là Huệ Thi đến điếu, thấy thế trách, ông đáp: «Thoạt đầu, lúc vợ tôi mất, làm sao tôi không đau xót? Nhưng rồi xem xét vấn đề, thấy lúc ban đầu bà ấy không có sinh mệnh. Đã không có sinh mệnh lại còn vô hình. Đã vô hình lại còn vô khí. Ở giữa cõi hỗn độn mịt mờ rồi biến hoá mà có khí; khí biến hoá mà có hình; hình biến hoá mà có sinh mệnh. Nay lại biến hoá mà chết. Điều đó giống như bốn mùa vận hành. Nay bà ấy đang ngủ trong cái nhà lớn (tức vũ trụ). Nếu tôi kêu gào khóc lóc hoá ra tôi

---

[41] *Trang Tử* (Dưỡng Sinh Chủ): «Thị độn thiên bội tình, vong kỳ sở thụ, cổ giả vị chi độn thiên chi hình.» 是遁天倍情，忘其所受，古者謂之遁天之刑.- LAM chú: Tần Dật 秦佚(nguyên bản chép là *Tần Thất* 秦失, *Thất* là giả tá của *Dật*) là bạn thân của Lão Đam. Khi Lão Đam chết, Tần Dật đến điếu, gào ba tiếng rồi đi ra. Đệ tử Lão Đam bắt lỗi. Tần Dật bèn phê bình cách gào khóc điếu tang của những người khác. Derk Bodde dịch: «*This is to violate the principle of Nature and to increase the emotion of man, forgetting what we have received [from Nature]. This was called by the ancients the penalty of violating the principle of Nature.*» (Đó là vi phạm nguyên lý tự nhiên và làm tăng tình cảm con người, và quên đi cái mà ta nhận được từ tự nhiên. Người xưa gọi đó là hình phạt về việc vi phạm nguyên lý tự nhiên). Nguyễn Hiến Lê (*sđd*., tr.186) dịch: «[...] như vậy là họ trốn đạo trời, trái chân tính, quên cái bản chân của ông ấy; cổ nhân bảo thế là bị hình phạt của trời.» Chữ *độn* 遁 vừa có nghĩa là chạy trốn vừa có nghĩa là làm trái ngược. *Trung Hoa Đạo Học Thông Điển* (tr.120) giảng chữ *hình* 刑 ở đây là *phép tắc* (Phùng Hữu Lan hiểu là *hình phạt*), và dịch: «Cách làm ấy là trái thiên tính và ngược chân tình, quên đi cái đạo lý mà ta nhận lãnh từ tự nhiên. Thời xưa gọi cách làm ấy là làm trái ngược với phép tắc tự nhiên.» (Giả dạng tố pháp thị vi phản thiên tính, bối nghịch chân tình, vong kỷ liễu thụ mệnh vu thiên đích đạo lý. Cổ thời xưng giả chủng tố pháp thị vi bối tự nhiên đích pháp tắc 這樣做法是違反天性，背逆眞情，忘記了受命于天的道理.古時稱這種做法是違背自然的法則). Câu chót dịch như *Trung Hoa Đạo Học Thông Điển* là thông suốt, nhưng Phùng Hữu Lan giải thích khác, tôi cũng nương theo ông mà dịch cho phù hợp với mạch văn ở đoạn kế tiếp.

chẳng thông hiểu mệnh hay sao; nên tôi không khóc.»[42]

Trang Tử lúc đầu cũng bị động tâm, nhưng sau nhờ xem xét vấn đề ngay từ khởi thuỷ, nên đã lấy lý trí chuyển hoá tình cảm, tức là «đau buồn và vui sướng không xâm nhập được mình» vậy.

Từ một phương diện mà nói, chúng ta không những có thể xem sống chết như nhau, mà còn có thể đạt tới cảnh giới vô sinh tử nữa. Trang Tử nói: «Từ chỗ khác nhau mà xét, thì gan và mật xa nhau như nước Sở với nước Việt; từ chỗ giống nhau mà xét, thì vạn vật đều là một.»[43] Lại nói: «Loài thú ăn cỏ không ghét thay đổi đồng cỏ; côn trùng sống trong nước không ghét thay đổi nước. Những thay đổi nhỏ ấy không mất đi cái bất biến lớn (đại thường) của chúng. [...] Vũ trụ là một với vạn vật. Đạt được cái Một ấy và hoà đồng với nó, thì tứ chi và trăm bộ phận của thân thể khác gì bụi bặm cặn nhơ, và tử sinh chung thuỷ khác gì ngày đêm xoay vần; chúng không khuấy động được tâm ta, huống hồ chuyện được mất và hoạ phúc!»[44]

Thiên Đại Tông Sư nói: «Giấu thuyền trong hang; giấu núi trong cái đầm; vậy là ổn thoả. Nhưng đến nửa đêm có kẻ khoẻ mạnh vác nó trên lưng và chạy mất thì người đang ngủ không biết được. Cất giấu cái lớn và cái nhỏ đúng đắn mà còn bị mất. Nếu giấu thiên hạ trong thiên hạ thì sẽ không còn chỗ nào hở để nó mất. Đó là chân lý lớn của mọi vật. [...] Cho nên thánh nhân lãng du trong cái không thể mất của vật mà cùng tồn tại. Ai biết chấp nhận thọ như yểu, đầu như cuối, thì được người

---

[42] *Trang Tử* (Chí Lạc): «Thị kỳ thuỷ tử dã, ngã độc hà năng vô khái! Nhiên sát kỳ thuỷ nhi bản vô sinh. Phi đố vô sinh dã, nhi bản vô hình. Phi đố vô hình dã, nhi bản vô khí. Tạp hồ mang vật chi gian, biến nhi hữu khí; khí biến nhi hữu hình; hình biến nhi hữu sinh. Kim hựu biến nhi chi tử. Thị tương dữ vi xuân thu đông hạ tứ thời hành dã. Nhân thả yển nhiên tẩm ư cự thất, nhi ngã khiếu khiếu nhiên tuỳ nhi khốc chi, tự dĩ vi bất thông hồ mệnh, cố chỉ dã.» 是其始死也，我獨何能無慨！然察其始而本無生，非徒無生也，而本無形，非徒無形也，而本無氣，雜乎芒芴之間，變而有氣；氣變而有形；形變而有生，今又變而之死，是相與爲春秋冬夏四時行也，人且偃然寢於巨室，而我嗷嗷然隨而哭之，自以爲不通乎命，故止也。

[43] *Trang Tử* (Đức Sung Phù): «Tự kỳ dị giả thị chi, can đảm Sở Việt dã; tự kỳ đồng giả thị chi, vạn vật giai nhất dã.» 自其異者視之，肝膽楚越也；自其同者視之，萬物皆一也。

[44] *Trang Tử* (Điền Tử Phương): «Thảo thực chi thú, bất tật dịch tẩu; thuỷ sinh chi trùng, bất tật dịch thuỷ, hành tiểu biến nhi bất thất kỳ đại thường dã. [...] Phù thiên hạ dã giả, vạn vật chi sở nhất dã. Đắc kỳ sở nhất nhi đồng yên, tắc tứ chi bách thể tương vi trần cấu, nhi tử sinh chung thuỷ tương vi trú dạ, nhi mạc chi năng hoạt, nhi huống đắc táng hoạ phúc chi sở giới hồ?» 草食之獸，不疾易藪；水生之蟲，不疾易水，行小變而不失其大常也。[...] 夫天下也者，萬物之所一也。得其所一而同焉，則四肢百體將爲塵垢，而死生終始將爲晝夜，而莫之能滑，而況得喪禍福之所介乎？

ta bắt chước; huống hồ [Đạo là] cái liên hệ với vạn vật và mọi biến hoá lệ thuộc vào nó?»[45]

Vật trong vũ trụ, bất kể ta giấu chúng ra sao thì rốt cuộc chúng đều có khả năng bị mất. Nhưng nếu cả vũ trụ giấu ở cả vũ trụ, tức là khiến cho không có chỗ để vật mất. Cho nên nếu cá thể của ta có thể hợp nhất với vũ trụ thì ta sẽ không có khởi đầu và kết thúc, bởi vì vũ trụ không có khởi đầu và kết thúc. Vũ trụ vĩnh cửu thì ta cũng vĩnh cửu. Đó gọi là «lãng du trong cái không thể mất của vật mà cùng tồn tại».

Trang Tử nói: «Tôi kiên trì dạy ông ta rằng: Sau ba ngày, ông ta có thể quên đi thiên hạ. Sau khi ông ta làm được như thế rồi, tôi lại kiên trì dạy ông ta nữa. Sau bảy ngày, ông ta có thể quên đi mọi vật. Sau khi ông ta làm được như thế rồi, tôi lại kiên trì dạy ông ta nữa. Sau chín ngày, ông ta có thể quên đi sự sống. Làm được như thế rồi, thì ông ta có thể giác ngộ (triêu triệt 朝徹). Giác ngộ rồi thì ông ta thấy [vạn vật] là một (kiến độc 見獨). Thấy [vạn vật] là một rồi thì ông ta vượt trên thời gian (không phân biệt xưa và nay). Vượt trên thời gian rồi thì ông ta có thể nhập vào cõi bất tử bất sinh. Ông ta hễ quên sự sống thì sẽ bất tử, hễ không quên sự sống (tức ham sống) thì sẽ không sống. Ông ta có thể tuỳ theo vạn vật: vật gì cũng đưa tiễn, vật gì cũng nghinh đón, vật gì cũng huỷ diệt, vật gì cũng thành tựu. Đó gọi là *anh ninh* 攖寧 (điềm tĩnh trong rối loạn). *Anh ninh*

---

[45] ***Trang Tử*** **(Đại Tông Sư): «Phù tàng chu ư hác, tàng sơn ư trạch, vị chi cố hĩ. Nhiên nhi dạ bán hữu lực giả phụ chi nhi tẩu, muội giả bất tri dã. Tàng đại tiểu hữu nghi, do hữu sở độn, nhược phù tàng thiên hạ ư thiên hạ, nhi bất đắc sở độn, thị hằng vật chi đại tình dã. [...] Cố thánh nhân tương du ư vật chi sở bất đắc độn nhi giai tồn. Thiện yểu thiện lão, thiện thuỷ thiện chung, nhân do hiệu chi, nhi huống vạn vật chi sở hệ nhi nhất hoá chi sở đãi hồ?»** 夫藏舟於壑，藏山於澤，謂之固矣．然而夜半有力者負之而走，昧者不知也．藏大小有宜，猶有所遯，若夫藏天下於天下，而不得所遯，是恆物之大情也．[...] 故聖人將遊於物之所不得遯而皆存．善夭善老，善始善終，人猶效之，而況萬物之所係而一化之所待乎?- **LAM chú: Ở câu đầu, chúng ta không hiểu làm sao có thể giấu núi vào cái đầm mà ổn thoả được. Derk Bodde (dựa theo H.A. Giles,** ***Chuang Tzŭ*****, Shanghai, 1926) sửa lại và dịch: «*** ***A boat may be hidden in a creek; a net may be hidden in a lake.*** **» (Một cái thuyền có thể giấu ở cái lạch; một cái lưới có thể giấu ở cái hồ).** ***Trung Hoa Đạo Học Thông Điển*** **(tr.131) giảng:** ***cố*** 固**:** ***ổn thoả*** 穩妥**;** ***muội*** 昧 **(bản Phùng Hữu Lan chép là** 眛**):** ***mị*** 寐 **(ngủ);** ***muội giả*** 昧者**:** ***thuỵ trước dích nhân*** 睡著的人 **(kẻ đang ngủ);** ***độn*** 遯**:** ***thất*** 失 **(mất).**

nghĩa là lúc đầu rối loạn, sau thì thành điềm tĩnh.»[46]

Ở nguyên tác Hán ngữ của đoạn văn trên, các chữ *ngoại* 外 trong mấy câu «tam nhật nhi hậu năng *ngoại* thiên hạ» 三日而後能外天下, v.v... được Thành Huyền Anh 成玄英 chú: «*Ngoại* là quên đi.» (Ngoại, di vong dã 外, 遺忘也). Trước tiên là quên thiên hạ, rồi quên mọi vật, rồi quên sự sống của mình. Bấy giờ, ta sẽ ở một cõi mà mọi thứ đều mới mẻ, giống như kinh nghiệm trong buổi sớm mai, đó gọi là *triêu triệt* 朝徹 (giác ngộ). Khi ấy, ta chỉ thấy vạn vật là một, đó gọi là *kiến độc* 見獨. Đã thấy vạn vật là một thì không còn phân biệt xưa với nay, và nhập vào cõi bất tử bất sinh, tức là vượt trên thời gian mà tồn tại mãi mãi. Thế mới biết, «hễ quên sự sống thì sẽ bất tử, hễ không quên sự sống (tức ham sống) thì sẽ không sống» (sát sinh giả bất tử, sinh sinh giả bất sinh 殺生者不死, 生生者不生). Kẻ đạt tới cảnh giới này thì không có sự phân biệt gì cả; do đó «vật gì cũng đưa tiễn, vật gì cũng nghinh đón». Cái kinh nghiệm mà ta có được trong tình cảnh này tức là kinh nghiệm thuần tuý.

7. Thế giới của kinh nghiệm thuần tuý

Từ những gì đã nói ở trên, chúng ta thấy rằng: trong kinh nghiệm thuần tuý, cá thể có thể hợp nhất với vũ trụ. Cái kinh nghiệm thuần túy (pure experience) này tức là kinh nghiệm vô tri thức. Trong cõi miền có kinh nghiệm thuần tuý, kẻ kinh nghiệm đối với cái được kinh nghiệm thì chỉ cảm giác được «cái ấy» (William James gọi là «that») mà không biết nó là «cái gì» (William James gọi là «what»). William James gọi cái kinh nghiệm thuần túy ấy là «giá trị bề mặt» (face value) của kinh

---

[46] ***Trang Tử*** **(Đại Tông Sư): «Ngô do thủ nhi cáo chi, tam nhật nhi hậu năng ngoại thiên hạ. Dĩ ngoại thiên hạ hĩ, ngô hựu thủ chi, thất nhật nhi hậu năng ngoại vật. Dĩ ngoại vật hĩ, ngô hựu thủ chi, cửu nhật nhi hậu năng ngoại sinh. Dĩ ngoại sinh hĩ, nhi hậu năng triêu triệt. Triêu triệt nhi hậu năng kiến độc. Kiến độc nhi hậu năng vô cổ kim. Vô cổ kim nhi hậu năng nhập ư bất tử bất sinh. Sát sinh giả bất tử, sinh sinh giả bất sinh. Kỳ vi vật vô bất tương dã, vô bất nghinh dã, vô bất huỷ dã, vô bất thành dã. Kỳ danh vi anh ninh. Anh ninh dã giả, anh nhi hậu thành giả dã.»** 吾猶守而告之, 三日而後能外天下; 已外天下矣, 吾又守之, 七日而後能外物. 已外物矣, 吾又守之, 九日而後能外生. 已外生矣, 而後能朝徹. 朝徹而後能見獨. 見獨而後能無古今. 無古今而後能入於不死不生. 殺生者不死, 生生者不生. 其爲物無不將也, 無不迎也, 無不毀也, 無不成也. 其名爲攖寧, 攖寧也者, 攖而後成者也.– **LAM chú: Đoạn** ***«Sát sinh giả bất tử, [...] anh nhi hậu thành giả dã.»*** **Derk Bodde dịch:** ***«Then, to him, the destruction of life did not mean death, nor the prolongation of life an addition to the duration of his existence. He would follow anything; he would receive anything. To him, everything was in destruction, everything was in construction. This is called tranquility in disturbance. Tranquility in disturbance means perfection.»***

nghiệm. Ông nói: «Ta chỉ nhận lấy *cái ấy* ở giá trị bề mặt, không hơn không kém; và việc nhận lấy nó ở giá trị bề mặt có nghĩa là thoạt đầu ta nhận lấy nó như ta cảm thấy, và ta không lẫn lộn chính ta với đàm luận trừu tượng về nó»[47] Cái mà Phật gia gọi là *hiện lượng* 現量 có vẻ tương tự với nó. Cái kinh nghiệm của các *chân nhân* 眞人 theo Trang học chính là loại kinh nghiệm này. Thế giới mà chân nhân sống chính là thế giới của kinh nghiệm thuần tuý. Trang Tử nói: «Tri thức của người xưa thật hoàn bị. Hoàn bị như thế nào? Thoạt đầu họ không biết rằng có sự vật. Đó là tri thức hoàn bị nhất, không thể thêm gì vào được nữa. Rồi họ biết rằng có sự vật, nhưng không phân biệt chúng. Rồi họ phân biệt chúng, nhưng không phán xét chúng đúng hay sai. Khi có sự phán xét đúng sai thì Đạo bị tổn hại. Đạo bị tổn thương, thì người ta có lòng yêu thích thiên vị. Quả thực có tạo thành và tổn hại ư? Quả thực không có tạo thành và tổn hại ư? Có tạo thành và tổn hại, nên Chiêu Văn đánh đàn; không có tạo thành và tổn hại, nên Chiêu Văn không đánh đàn.»[48]

(Thế thì, đối với ông ta, sự huỷ diệt cuộc sống không phải là cái chết, sự kéo dài cuộc sống không phải là cộng thêm vào quãng thời gian tồn tại. Ông ta theo bất cứ gì, đón nhận bất cứ gì. đối với ông, mọi thứ đã huỷ hiệt, mọi thứ đã xây dựng. Đó gọi là điềm tĩnh trong rối loạn. Điềm tĩnh trong rối loạn nghĩa là hoàn hảo). Nguyễn Hiến Lê (*sđd.*, tr.220) dịch: «Bậc chủ tể giết sinh mệnh thì không chết, bậc đó sinh ra sinh mệnh mà cũng lại không sinh. Bậc đó có thể dưới hết, và tiếp nhận hết vạn vật, huỷ hoại được hết, dựng lên được hết. Như vậy gọi là "lúc nào cũng bình thản"; lúc nào cũng bình thản thì trong những biến hoá nhiễu loạn nào lòng cũng thanh tĩnh.» *Trung Hoa Đạo Học Thông Điển* (tr.132) giảng: *Triêu triệt* 朝徹: *tâm cảnh như triêu dương nhất dạng hoát nhiên minh triệt* 心境如朝陽一樣豁然明徹 (tâm trạng bỗng sáng suốt như sớm mai); *kiến độc* 見獨: *chỉ vạn vật câu vong, tâm cảnh hư không ngưng tịch, vô sở trệ ngại, tựu khả lãnh ngộ đáo Đạo liễu* 指萬物俱忘，心境虛空凝寂，無所滯礙，就可領悟到道了 (chỉ vạn vật đều quên, tâm trạng trống rỗng vắng lặng, không chỗ vướng ngại, có thể ngộ Đạo); *sát* 殺: *mẫn diệt* 泯滅 (tiêu diệt), *di vong* 遺忘 (quên đi); *sinh sinh* 生生: *chỉ quyến luyến nhân thế, doanh cầu sinh tồn* 指眷戀人世，營求生存 (quyến luyến cõi đời, tham cầu cuộc sống); *tương* 將: *tống* 送 (đưa tiễn); *Kỳ vi vật vô bất tương dã, vô bất nghinh dã* 其爲物無不將也，無不迎也: *giá chủng tâm cảnh đối vạn vật một hữu thập ma bất tống dã một hữu thập ma bất nghinh, tức vô sở vị tống nghinh, nhiệm vật lai khứ* 這種心境對萬物沒有什么不送也沒有什么不迎，即無所謂送迎，任物來去 (tâm trạng này đối với vạn vật không có gì đưa tiễn, cũng không có gì nghinh đón; tức là không có cái gọi là đưa đón, mặc cho vật muốn đến hay đi cũng được).

47 William James, *Essays in Radical Empiricism*, p. 48: «We simply take the *that* at its face value, neither more nor less; and taking it at its face value means, first of all, to take it just as we feel it, and not to confuse ourselves with abstract talk about it.»

48 *Trang Tử* (Tề Vật Luận): «Cổ chi nhân, kỳ tri hữu sở chí hĩ. Ô hồ chí? Hữu dĩ vi vị thuỷ hữu vật giả, chí hĩ tận hĩ, bất khả dĩ gia hĩ. Kỳ thứ dĩ vi hữu vật hĩ, nhi vị thuỷ hữu phong dã. Kỳ thứ dĩ vi hữu phong hĩ, nhi vị thuỷ hữu thị phi dã. Thị phi chi chương dã, đạo chi sở dĩ khuy dã. Đạo chi sở dĩ khuy, ái chi sở dĩ thành. Quả thả hữu thành dữ khuy hồ tai? Quả thả vô thành dữ khuy hồ tai? Hữu thành dữ khuy, cố Chiêu thị chi cổ cầm dã; vô thành dữ khuy, cố Chiêu thị chi bất cổ cầm dã.» 古之人

Có kinh nghiệm nhưng không biết có vật, không biết có phân biệt, không biết có thị phi; hễ càng không biết thì kinh nghiệm càng thuần tuý. Khi ta có kinh nghiệm thuần tuý, thì vật được kinh nghiệm là cụ thể, còn cái được chỉ định bằng *danh* (tên gọi) thì trừu tượng. Do đó cái được chỉ định bằng *danh* thực sự chỉ tạo thành một phần của kinh nghiệm. Thí dụ, cái được chỉ định bằng *danh* «người» chỉ gồm tính chất chung của con người, chứ không bao quát được đặc điểm và cá tính của mỗi người cụ thể. Do đó ngay khi có *danh* thì có sự tạo thành nhưng kỳ thực lại là sự tổn hại. Quách Tượng chú đoạn văn trên rằng: «Nói chung, âm thanh không thể đưa ra hết. Do đó, khi thổi sáo đánh đàn, dù có nhiều tay chơi, nhưng cũng còn bỏ sót nhiều âm thanh. Chơi nhạc là muốn thể hiện rõ âm thanh. Thể hiện rõ âm thanh thì còn có âm thanh bị bỏ sót; không thể hiện rõ âm thanh thì âm thanh còn trọn vẹn. Cho nên, tạo thành một cái gì mà làm tổn hại nó, tức là việc Chiêu Văn chơi đàn vậy. Không tạo thành một cái gì và không làm tổn hại nó, tức là việc Chiêu Văn không chơi đàn vậy.»[49]

Mọi sự phân biệt về *danh* đều như thế, cho nên chúng ta chỉ nên lấy giá trị bề mặt của kinh nghiệm, và đừng khiến mình rối loạn bởi sự khu biệt của các *danh*. Trang Tử nói: «Cái có thể thì có thể; cái không thể thì không thể. Đường đi là do người ta đi nhiều mà thành. Vật là do người ta gọi lắm mà thành tên. Làm sao nói vật là như thế? Vì nó như thế nên nói nó như thế. Làm sao nói vật không là như thế? Vì nó không như thế nên nói nó không như thế. Vật vốn có cái như thế; và vật vốn có cái có thể.

其知有所至矣.惡乎至?有以爲未始有物者,至矣盡矣,不可以加矣.其次以爲有物矣,而未始有封也.其次以爲有封矣,而未始有是非也.是非之彰也,道之所以虧也.道之所以虧,愛之所以成.果且有成與虧乎哉?果且無成與虧乎哉?有成與虧,故昭氏之鼓琴也;無成與虧,故昭氏之不鼓琴也.– **LAM chú: Nguyễn Hiến Lê (*sđd.*, tr.166) dịch khác: «Cổ nhân có người tri thức đạt tới cực điểm. Cực điểm đó ở đâu? Ở chỗ cho rằng thời sơ khởi vũ trụ chưa có vật; đó là điểm cực xa, cực cao mà tri thức đạt được, không thể thêm gì được nữa. Hạng người thấp hơn cho rằng thời sơ khởi đã có cái gì đó, nhưng cái đó không nhất định. Hạng thấp hơn cho rằng cái đó đã nhất định nhưng bảo không có thị phi (phải trái, xấu tốt). Từ khi có quan niệm thị phi, ý niệm về Đạo mới suy. Ý niệm về Đạo suy rồi mới có lòng tự ái (lòng yêu ích kỷ). Thực ra có gì là thành và hại không? Hay là không có? Như trường hợp Chiêu Văn chơi đàn cầm, chẳng là có thành và hại; Chiêu Văn không chơi đàn cầm thì không chứng được là có thành có hại.»**

[49] **Quách Tượng, *Chú Trang Tử*: «Phù thanh bất khả mai cử. Cố xuy quản thao huyền, tuy hữu phồn thủ, di thanh đa hĩ. Nhi chấp dược minh huyền giả, dục dĩ chương thanh dã. Chương thanh nhi thanh di, bất chương thanh nhi thanh toàn. Cố hữu thành nhi khuy chi giả, Chiêu Văn chi cổ cầm dã. Bất thành nhi vô khuy giả, Chiêu Văn chi bất cổ cầm dã.»** 夫聲不可枚舉.故吹管操絃,雖有繁手,遺聲多矣.而執籥鳴絃者,欲以彰聲也.彰聲而聲遺,不彰聲而聲全.故有成而虧之者,昭文之鼓琴也.不成而無虧者,昭文之不鼓琴.

Không vật nào mà không có cái như thế. Không vật nào mà không có cái có thể. Cho nên một cọng cỏ với một cái cột nhà, gái xấu xí với Tây Thi, cùng sự vĩ đại, tồi tệ, dối trá, quái dị, đều quán thông làm một. Hễ cái Một ấy phân ly thì vạn vật tạo thành; hễ có tạo thành thì có huỷ diệt. Nhưng vạn vật vốn không có tạo thành và không có huỷ diệt, vì chúng trở lại quán thông làm một. Chỉ có người đạt Đạo mới hiểu cái sự quán thông làm một đó; nên họ không có sự phân biệt, mà họ cư ngụ trong *dung* 庸 (bình thường). *Dung* là *dụng* 用 (y theo tính tự nhiên của vật mà dùng); *dụng* là *thông* 通 (thông suốt làm một); *thông* là *đắc* 得 (được tính tự nhiên). Có thể khiến cho vạn vật hợp với tính tự nhiên gần với Đạo. Đó là để mặc cho tính tự nhiên như thế, không tự biết vì sao nó lại thế, đó gọi là Đạo.»[50]

Nói chung, vật có thể tức là có thể, như thế tức là như thế; chẳng cần chúng ta có ý thức xem nó là có thể hay xem nó là như thế. Cọng cỏ là cọng cỏ; cột nhà là cột nhà; gái xấu xí là gái xấu xí; Tây Thi là Tây Thi; chẳng cần chúng ta có ý thức phân biệt chúng làm gì. Có sự phân biệt về *danh* là có sự hình thành; có hình thành thì có huỷ diệt. Trong

---

[50] *Trang Tử* (Tề Vật Luận): «Khả hồ khả, bất khả hồ bất khả. Đạo hành chi nhi thành, vật vị chi nhi nhiên. Ô hồ nhiên? Nhiên ư nhiên. Ô hồ bất nhiên? Bất nhiên ư bất nhiên. Vật cố hữu sở nhiên, vật cố hữu sở khả. Vô vật bất nhiên, vô vật bất khả. Cố vì thị cử đình dữ doanh, lệ dữ Tây Thi, khôi quỷ quyệt quái, đạo thông vi nhất. Kỳ phân dã, thành dã. Kỳ thành dã, huỷ dã. Phàm vật vô thành dữ huỷ, phục thông vi nhất. Duy đạt giả tri thông vi nhất, vi thị bất dụng nhi ngụ chư dung. Dung dã giả, dụng dã; dụng dã giả, thông dã; thông dã giả, đắc dã. Thích đắc nhi cơ hĩ. Nhân thị dĩ, dĩ nhi bất tri kỳ nhiên vị chi Đạo.» 可乎可,不可乎不可.道行之而成,物謂之而然.惡乎然?然於然.惡乎不然?不然於不然.物固有所然,物固有所可.無物不然,無物不大.故爲是舉莛與楹,厲與西施,恢詭譎怪,道通爲一.其分也,成也.其成也,毀也.凡物無成與毀,復通爲一.唯達者知通爲一,爲是不用而寓諸庸.庸也者,用也;用也者,通也;通也者,得也.適得而幾矣.因是已,已而不知其然謂之道. – LAM chú: *Trung Hoa Đạo Học Thông Điển* (tr.116) nói rằng: «*Khả hồ khả, bất khả hồ bất khả*» sợ là do suy diễn mà chép thêm vào, nó đồng nghĩa với «*Vật cố hữu sở nhiên, vật cố hữu sở khả. Vô vật bất nhiên, vô vật bất khả.*» lẽ ra phải chúng đặt cùng một chỗ. Lại nói: 20 chữ «*Dung dã giả, dụng dã; dụng dã giả, thông dã; thông dã giả, đắc dã. Thích đắc nhi cơ hĩ.*» là lời chú thích chữ *dung* 庸 bị chép lẫn vào nguyên văn. Đoạn văn này tôi dịch theo chú giải của *Trung Hoa Đạo Học Thông Điển*. Còn mấy câu cuối, mỗi nhà dịch một cách. Derk Bodde (dựa theo H.A.Giles) dịch: «*Only the truly intelligent know the unity of things, but follow the common and the ordinary. The common and the ordinary are the natural functions of all things, which express the common nature of the whole. Following the common nature of the whole, they are happy. Being happy, they are near perfection. For them, perfection is to stop. They stop, yet they do not know that they stop. This is Tao.*» (Chỉ những ai thật sự thông minh mới hiểu sự thống nhất của vạn vật mà tuân theo cái bình thường. Cái bình thường là công dụng tự nhiên của vạn vật mà công dụng ấy thể hiện tính chất chung của toàn thể. Tuân theo tính chất chung của toàn thể thì họ hạnh phúc. Hạnh phúc thì

kinh nghiệm thuần tuý, không có hình thành và không có huỷ diệt. Cho nên người đạt Đạo không dùng sự phân biệt, mà dừng lại ở kinh nghiệm thuần tuý, như thế thì may ra. Tuy dừng ở cảnh giới tối cao ấy nhưng lại không biết là mình dừng lại. Như thế về mặt hiện tượng thì vạn vật khác nhau vô vàn nhưng về mặt nhận thức của ta thì không có sự phân biệt nào cả đối với vạn vật. Đến mức ấy, quả thực ta có thể cảm nhận «trời đất với ta cùng sống, vạn vật với ta là một» (thiên địa dữ ngã tịnh sinh, vạn vật dữ ngã vi nhất 天地與我並生，萬物與我爲一).

Trong sách Trang Tử nói «tâm trai» 心齋 (chay lòng) và «toạ vong» 坐忘 (ngồi quên), tức là ám chỉ cảnh giới ấy. Trang Tử chép lời Trọng Ni giảng cho Nhan Hồi nghe về «tâm trai» 心齋 rằng: «Anh hãy tập trung ý chí, không nghe bằng tai mà nghe tâm; rồi không nghe bằng tâm mà nghe bằng khí. Chức năng của tai dừng ở việc nghe; chức năng của tâm dừng ở phù hiệu (hay ý tưởng). Khí hư vô nên tiếp nhận được

---

họ gần sự hoàn hảo. Đối với họ, hoàn hảo là dừng lại. Họ dừng lại nhưng không biết rằng họ dừng. Đó là Đạo). James Legge dịch: *«It is only the far-reaching in thought who know how to comprehend them in this unity. This being so, let us give up our devotion to our own views and occupy ourselves with the ordinary views. These ordinary views are grounded on the use of things. The study of that use leads to comprehensive judgment, and that judgment secures the success of the inquiry. That success gained, we are near to the object of our search and there we stop. When we stop, and yet we do not know how it is so, we have what is called the Tao.»* (Chỉ những ai vươn tới xa trong tư tưởng mới biết cách hiểu chúng trong sự thống nhất. Vì lẽ đó, ta hãy thôi dụng tâm vào các quan niệm riêng của ta, mà hãy chuyên vào các quan niệm bình thường. Các quan niệm bình thường này dựa trên sự công dụng của vật. Sự học hỏi công dụng ấy đưa đến sự phán đoán toàn diện, và sự phán đoán ấy bảo đảm sự thành công của việc tìm hiểu. Thành công rồi thì ta gần với đối tượng mà ta tìm kiếm và ta dừng ở đó. Khi dừng lại mà ta không biết làm sao nó lại thế thì ta có được cái gọi là Đạo). James Ware dịch: *«Only the wise man understand this, so he does not use these distinctions, but lodges them in God (The Constant), the useful. The useful is the penetrating, which is also the attaining. And when one happens to attain, it is practically the end. Therefore our reasoning has been correct. Whatever is not understood at the end is called God.»* (Chỉ có người minh triết mới hiểu điều này, cho nên ông ta không dùng các phân biệt ấy, mà ký thác chúng vào Đạo [cái Thường Hằng], tức là cái có ích. Cái có ích là cái xuyên suốt, cũng là cái đạt được. Và khi người ta bỗng đạt được, thì nó là kết thúc về mặt thực tế. Do đó suy luận của ta đã đúng. Bất cứ cái gì không được hiểu thì rốt cuộc được gọi là Đạo.) [James Ware luôn luôn dịch *Đạo* là *God*: Thượng Đế]. Nguyễn Hiến Lê (*sđd.*, tr.165) dịch: «Chỉ hạng đạt Đạo mới hiểu được sự hợp nhất đó mà bỏ thành kiến đi để theo lẽ trung dung (bình thường). Trung dung thì thực hành được, thực hành được thì thông [có kết quả, không tắc nghẽn], thông thì "được việc" [thành công]. Được việc là gần tới Đạo [vì phải hiểu Đạo rồi mới được việc]. Phải xác nhận sự kiện. Thực hiện mà không hiểu tại sao, đó là Đạo.»

mọi vật. Đạo ở trong hư vô. Hư vô là chay lòng.»[51]

Trang Tử chép cuộc vấn đáp giữa thầy trò Trọng Ni và Nhan Hồi về «tọa vong» 坐忘: «Nhan Hồi nói: "Con có tiến bộ." Trọng Ni hỏi: "Vậy là sao?" Đáp: "Con quên nhân nghĩa rồi." Đáp: "Được, nhưng chưa đủ." Hôm khác Nhan Hồi đến gặp thầy, nói: "Con có tiến bộ." Hỏi: "Vậy là sao?" Đáp: "Con quên lễ nhạc rồi." Đáp: "Được, nhưng chưa đủ." Hôm khác Nhan Hồi đến gặp thầy, nói: Con có tiến bộ." Hỏi: "Vậy là sao?" Đáp: "Con đã toạ vong rồi." Trọng Ni ngạc nhiên hỏi: "Sao gọi là toạ vong?" Nhan Hồi đáp: "Rời bỏ thân thể, vất bỏ thông minh, lìa hình thể khử tri thức, rồi hợp nhất với *đại thông* 大通 (tức Đạo), đó gọi là toạ vong."»[52]

Cái gọi là «trai tâm» và «toạ vong» chủ yếu là trừ khử tư lự và tri thức, khiến cho tâm trống rỗng mà hợp nhất với *đại thông*. Trong tình trạng ấy, cái kinh nghiệm mà ta có tức là kinh nghiệm thuần tuý. Cách nói «quên thiên hạ» (ngoại thiên hạ 外天下) và «quên vật» 外物 (*ngoại* ở đây là *vong* 忘: quên) được đề cập ở cuối tiết 6 trên đây cũng có cùng ý nghĩa ấy. Trang Tử nói: «Khi tu *tính*, ta trở về *đức*. Khi trở về *đức* rồi, ta đồng nhất với nguyên sơ. Đồng nhất rồi thì hư vô; hư vô là lớn. Bấy giờ ta như chim ngậm mỏ mà kêu. Như ngậm mỏ kêu, ta hợp nhất với trời đất. Hợp nhất với trời đất một cách vô tri, ta dường như ngu tối, đó gọi là huyền đức, và đồng nhất với *đại thuận* (trạng thái nguyên sơ tự

---

[51] **Trang Tử (Nhân Gian Thế): «Nhược nhất chí, vô thính chi dĩ nhĩ nhi thính chi dĩ tâm; vô thính chi dĩ tâm nhi thính chi dĩ khí. *Nhĩ chỉ ư thính* (*), tâm chỉ ư phù. Khí dã giả, hư nhi đãi vật giả dã. Duy Đạo tập hư. Hư giả, tâm trai dã.»** 若一志，無聽之以耳而聽之以心；無聽之以心而聽之以氣．耳止於聽，心止於符．氣也者，虛而待物者也．唯道集虛．虛者，心齋也．**– Phùng Hữu Lan chú: (*) Câu *«nhĩ chỉ ư thính»*** 耳止於聽 **nguyên bản chép là *«thính chỉ ư nhĩ»*** 聽止於耳，**tôi sửa theo hiệu đính của Du Việt.**

[52] ***Trang Tử* (Đại Tông Sư): «Nhan Hồi viết: "Hồi ích hĩ." Trọng Ni viết: "Hà vị dã?" Viết: "Hồi vong nhân nghĩa hĩ." Viết: "Khả hĩ, do vị dã." Tha nhật phục kiến, viết: "Hồi ích hĩ." Viết: "Hà vị dã?" Viết: "Hồi vong lễ nhạc hĩ!" Viết: "Khả hĩ, do vị dã." Tha nhật phục kiến, viết: "Hồi ích hĩ!" Viết: "Hà vị dã?" Viết: "Hồi toạ vong hĩ." Trọng Ni xúc nhiên viết: "Hà vị toạ vong?" Nhan Hồi viết: "Đoạ chi thể, truất thông minh, ly hình khử tri [trí], đồng ư đại** thoâg, thöûvòtoaïvong!"» 顏回曰："回益矣．"仲尼曰："何謂也？"曰："回忘仁義矣．"曰："可矣，猶未也．"他日復見，曰："回益矣．"曰："何謂也？"曰："回忘禮樂矣！"曰："可矣，猶未也．"他日復見，曰："回益矣！"曰："何謂也？"曰："回坐忘矣．"仲尼蹴然曰："何謂坐忘？"顏回曰："墮肢體，黜聰明，離形去知，同於大通，此謂坐忘．"

nhiên).»[53]

Cái gọi là «huyền đức» cũng tức là trạng thái của chân nhân trong kinh nghiệm thuần tuý. Trong thiên Đại Tông Sư có nói cảnh giới mà chân nhân sống cũng giống như thế: «Chân nhân ngày xưa, nằm ngủ không mộng, lúc thức không âu lo, không ăn thức ngon, hơi thở sâu. [...] Chân nhân ngày xưa, không biết ham sống, không biết ghét chết. Sống không cảm thấy vui; chết không cự tuyệt. Hốt nhiên đi, hốt nhiên đến, chỉ thế thôi. Không quên khởi đầu của mình, không cầu mong kết cuộc của mình. Vật đến thì vui tiếp đón, nó mất thì xem là nó trở về tự nhiên. Đó gọi là không lấy tâm làm hại Đạo; không dùng người giúp tự nhiên. Thế gọi là chân nhân.»[54]

Chân nhân không có tư lự và tri thức, tâm trống rỗng và đồng nhất với *đại thông*, do đó mà nằm ngủ không mộng, lúc thức không âu lo, không ăn thức ngon, hơi thở sâu, v.v... Ở tiết 6 trên đây có nói «vật gì cũng đưa tiễn, vật gì cũng nghinh đón», cũng cùng ý nghĩa.[55]

---

[53] *Trang Tử* (Thiên Địa): «Tính tu phản đức, đức chí đồng ư sơ. Đồng nãi hư, hư nãi đại. Hợp uế minh. Uế minh hợp, dữ thiên địa vi hợp. Kỳ hợp mân mân, nhược ngu nhược hôn, thị vị huyền đức, đồng hồ đại thuận.» 性修反德，德至同於初．同乃虛，虛乃大．合喙鳴．喙鳴合，與天地爲合．其合緡緡，若愚若昏，是謂玄德，同乎大順．– Quách Tượng chú «hợp uế minh»: «Nói tự nhiên một cách vô tâm, giống như chim ngậm mỏ mà kêu.» (Vô tâm ư ngôn nhi tự ngôn giả, hợp uế minh 無心於言而自言者，合喙鳴).– LAM chú: *Trung Hoa Đạo Học Thông Điển* (tr.147) giảng: *uế* 喙: *điểu khẩu* 鳥口 (mỏ chim); *mân mân* 緡緡: *hôn nhiên vô tri dạng tử* 昏然無知樣子 (dáng vẻ ngờ nghệch vô tri); *đại thuận* 大順: *tự nhiên thái sơ chi trạng thái* 自然太初之狀態 (trạng thái nguyên sơ tự nhiên).

[54] *Trang Tử* (Đại Tông Sư): «Cổ chi chân nhân, kỳ tẩm bất mộng, kỳ giác vô ưu, kỳ thực bất cam, kỳ tức thâm thâm. [...] Cổ chi chân nhân, bất tri duyệt sinh, bất tri ố tử. Kỳ xuất bất hân, kỳ nhập bất cự. Tiêu nhiên nhi vãng, tiêu nhiên nhi lai nhi dĩ hĩ. Bất vong kỳ sở thuỷ, bất cầu kỳ sở chung. Thụ nhi hỉ chi, vong nhi phục chi. Thị chi vị bất dĩ tâm quyên đạo, bất dĩ nhân trợ thiên, thị chi vị chân nhân.» 古之眞人，其寢不夢，其覺不憂，其食不甘，其息深深．[...] 古之眞人，不知悅生，不知惡死．其出不訢，其入不距．翛然而往，翛然而來而已矣．不忘其所始，不求其所終．受而喜之，忘而復之．是之謂不以心捐道，不以人助天，是之謂眞人．

[55] Tiết 4 của chương 9 có nói: Trang Tử đứng ngoài ngôn ngữ, lại nói «vô ngôn»; đứng ngoài tri thức, lại nói «bất tri». Điều ấy có thể thấy rõ ở đây. Cái *vô tri* mà Trang học nói là một trạng thái xảy ra sau khi ta đã có tri thức. Nó thực sự là sự hợp nhất giữa tri thức với sự vô tri nguyên thuỷ. Và như vậy nó khác với sự vô tri nguyên thuỷ. Đối với kinh nghiệm thuần tuý, ta cũng phải có phân biệt. Thí dụ, một hài nhi sơ sinh có kinh nghiệm chứ không có tri thức. Kinh nghiệm của nó là kinh nghiệm thuần tuý, vốn là là kinh nghiệm thuần tuý nguyên thuỷ. Nhưng nếu ai đã thông qua tình trạng tri thức, lại có thêm kinh nghiệm thuần tuý nữa, thì cái kinh nghiệm có thêm này cao hơn kinh nghiệm thuần tuý nguyên thuỷ một bậc. «Huyền đức», «nhược ngu», «nhược hôn» không phải là ngu độn và tối tăm thật mà chỉ có vẻ là ngu độn và tối tăm thôi. Tuy nhiên ở điểm này, Trang học cũng chưa hoàn toàn rõ ràng lắm.

8. Tiêu dao tuyệt đối

Chỉ khi nào đạt tới cảnh giới kinh nghiệm thuần tuý thì người ta bắt đầu có sự tiêu dao tuyệt đối (hay tự do tuyệt đối). Mỗi vật nếu thuận theo bản tính tự nhiên của mình thì đều có thể tiêu dao (tự do hạnh phúc), nhưng hoạt động của nó vẫn còn tuỳ thuộc vào một cái gì đó mà Trang Tử gọi là «đãi» 待(cậy nhờ): «Liệt Tử cưỡi gió mà đi, nhẹ nhàng khéo léo, sau 15 ngày thì trở về. Người có phúc như ông ta thực hiếm có trên đời. Tuy ông ta không phải đi bằng chân, nhưng còn có cái phải cậy nhờ (tức nương theo gió mới đi được).»[56]

Liệt Tử (tức Liệt Ngự Khấu 列御寇) cưỡi gió mà đi; nếu không có gió thì không đi được. Cho nên sự tiêu dao của ông còn cậy nhờ gió. Suy rộng ra, mọi người trên đời tất phải có cái gì đó để nương vào thì mới thấy hạnh phúc. Cái họ nương vào chẳng hạn như là phú quý, danh vọng, tình ái. Có cái gì nương vào rồi họ mới có tiêu dao. Sự tiêu dao của họ do đó bị hạn chế bởi cái mà họ nương vào, nên không phải là sự tiêu dao tuyệt đối. Đối với người biết tâm trai và toạ vong, vốn biết «xem tử sinh là một, xem cái có thể và cái không thể là một», thì sự tiêu dao của người đó không có cái nương cậy, không có cái hạn chế, tức là sự tiêu dao tuyệt đối.

Thiên Tiêu Dao Du nói: «Nếu ai cưỡi (tức thuận ứng) cái tính tự nhiên của trời đất, cưỡi (tức thuận ứng) sự biến hoá của *lục khí* (âm, dương, gió, mưa, tối, sáng) để ngao du đến cõi vô cùng, thì kẻ ấy có gì phải nương cậy! Thế mới nói: Chí nhân *vô kỷ*, thần nhân *vô công*, thánh nhân *vô danh*.»[57] Thuận ứng cái tính tự nhiên của trời đất, và thuận ứng sự biến hoá của lục khí để ngao du đến cõi vô cùng, tức là hợp nhất với vũ trụ. Ai đạt được cảnh giới ấy là bởi vì đã vô kỷ, vô công, vô danh; nhất là vì vô kỷ.

Người như thế gọi là *chí nhân* 至人. Trang Tử nói: «Chí nhân là thần! Hồ lớn sôi bỏng cũng không làm ông ta nóng; Hoàng Hà và Hán

---

[56] ***Trang Tử*** **(Tiêu Dao Du): «Liệt Tử ngự phong nhi hành, linh nhiên thiện dã, tuần hữu ngũ nhật nhi phản. Bỉ ư trí phúc giả, vị sổ sổ nhiên dã. Thử tuy miễn hồ hành, do hữu sở đãi giả dã.»** 列子御風而行，泠然善也，旬有五日而反．彼於致福者，未數數然也．此雖免乎行，猶有所待者也．

[57] ***Trang Tử*** **(Tiêu Dao Du): «Nhược phù thừa thiên địa chi chính, nhi ngự lục khí chi biện, dĩ du vô cùng giả, bỉ thả ô hồ đãi tai! Cố viết: Chí nhân vô kỷ, thần nhân vô công, thánh nhân vô danh.»** 若夫乘天地之正，而御六氣之辨，以游無窮者，彼且惡乎待哉！故曰：至人無己，神人無功，聖人無名．– **LAM chú:** ***Trung Hoa Đạo Học Thông Điển*** **(tr.112) giảng:** ***thừa*** **乘 =** ***ngự*** **御:** ***giá ngự*** **駕馭(cưỡi),** ***thuận ứng*** **順應;** ***chính*** **正:** ***tự nhiên chi tính*** **自然之性(tính tự nhiên);** ***biện*** **辨:** ***biến*** **變(biến hoá);** ***lục khí*** **六氣:** ***âm, dương, phong, vũ, hối, minh*** **陰陽風雨晦明(âm, dương, gió, mưa, tối, sáng).**

Thuỷ có đóng băng cũng không làm ông ta lạnh; sét đánh tan núi và gió chấn động biển cũng không làm ông ta sợ. Như thế họ cưỡi khí mây, cưỡi mặt trời và mặt trăng, và ngao du ngoài bốn biển, sống chết không làm họ biến đổi, huống hồ đầu mối của lợi và hại?»[58]

Chí nhân ở nơi nào cũng thong dong tự tại, đó là tiêu dao tuyệt đối. Đó là chủ nghĩa thần bí trong Trang học. Ý nghĩa của nó đã được trình bày rõ nơi chương 6. Nơi chương ấy tôi nói nếu trong triết học của Mạnh Tử có chủ nghĩa thần bí, thì cái phương pháp được dùng để đạt tới cảnh giới của chủ nghĩa thần bí ấy là «cố gắng làm theo đạo *thứ*» (cưỡng thứ 強恕) và «mong điều *nhân*» (cầu nhân 求仁) để đạt tới cảnh giới «vạn vật đều có đủ trong ta; tự xét bản thân mà thấy mình chân thành, thì không có gì vui bằng».[59] Còn phương pháp mà Trang học sử dụng là trên phương diện tri thức phải thủ tiêu hết mọi phân biệt để đạt tới cảnh giới «trời đất với ta cùng sống, vạn vật với ta là một» (thiên địa dữ ngã tịnh sinh, vạn vật dữ ngã vi nhất 天地與我並生，萬物與我爲一). Hai phương pháp này thành hai dòng chảy cùng nổi bật trong triết học sử Trung Quốc. Tuy nhiên phương pháp của Trang học từ đời Nguỵ (220-265) và đời Tấn (265-420) về sau không còn ai nói đến; trong khi phương pháp của Mạnh Tử thì được các triết gia đời Tống (960-1279) và đời Minh (1368-1644) phát huy và đề xướng.[60] Điều đáng lạ của Trang học là cái chủ nghĩa thần bí của Trang Tử không cần đến một vũ trụ theo duy

---

[58] ***Trang Tử*** **(Tề Vật Luận): «Chí nhân thần hĩ! Đại trạch phần nhi bất năng nhiệt, Hà Hán hổ nhi bất năng hàn, tật lôi phá sơn, phong chấn hải, nhi bất năng kinh. Nhược nhiên giả, thừa vân khí, kỵ nhật nguyệt, nhi du hồ tứ hải chi ngoại, tử sinh vô biến ư kỷ, nhi huống lợi hại chi đoan hồ?»** 至人神矣！大澤焚而不能熱，河漢沍而不能寒，疾雷破山，風振海而不能驚．若然者，乘雲氣，騎日月，而游乎四海之外，死生無變於己，而況利害之端乎．– **LAM chú:** ***phần*** 焚 **là đốt cháy. Hổ lớn có thể đốt cháy (hay bốc cháy) được chăng? Derk Bodde dịch: «*Were the great lakes burned up, he would not feel hot.*» (Giả sử các hồ lớn có bốc cháy, ông ta cũng không cảm thấy nóng). Nguyễn Hiến Lê (*sđd.*, tr.171) dịch lách đi: «Đồng cỏ có cháy cũng không làm cho họ thấy nóng.» James Ware cũng vậy: «*A big prairie afire could not make him hot.*» (Một thảo nguyên lớn bốc cháy cũng không làm ông ta nóng). Ở sau nói sông đóng băng thì ở trước hổ có thể sôi nóng lên. James Legge dịch: «*Great lakes might be boiling about him and he would not feel their heat.*» (Các hồ lớn có sôi nóng tới ông ta, ông ta cũng không cảm thấy nóng).**

[59] ***Mạnh Tử*** **(Tận Tâm - thượng): «Vạn vật giai bị ư ngã hĩ. Phản thân nhi thành, lạc mạc đại yên. Cưỡng thứ nhi hành; cầu nhân mạc cận yên.»** 萬物皆備於我矣．反身而誠，樂莫大焉．強恕而行；求仁莫近焉．

[60] **Xem chi tiết vấn đề này trong: Phùng Hữu Lan, *Trung Quốc Triết Học Sử Chi Thần Bí Chủ Nghĩa* 中國哲學史之神秘主義 (Chủ nghĩa thần bí trong lịch sử triết học Trung Quốc), in trong *Yên Kinh Học Báo* số 1.**

tâm luận. Ở điểm này, Trang học tương đồng với triết học của Spinoza.

9. So sánh học thuyết Trang Tử với học thuyết của Dương Chu

Như trước đây đã nói, bọn ẩn giả và Dương Chu có cái tệ là câu chấp vào việc ẩn cư trốn đời làm phương pháp bảo toàn sinh mạng và chân tính. Trang Tử nói: «Trang Tử [và đệ tử] đi trong núi, thấy một cây lớn, cành lá sum xuê. Người đốn cây đứng bên cạnh nó nhưng không đốn nó. Trang Tử hỏi tại sao, hắn trả lời: "Cây này chẳng dùng được vào việc gì." Trang Tử bảo [đệ tử]: "Cây đó nhờ vô dụng mà an hưởng trọn tuổi trời." Ra khỏi núi, Trang Tử ghé nhà một bạn cũ. Người bạn mừng rỡ, sai đứa ở giết ngỗng nấu đãi khách. Đứa ở hỏi: "Có con kêu, có con không biết kêu. Bẩm ông, giết con nào?" Chủ nhà trả lời: "Con nào không biết quang quác thì giết." Hôm sau, đệ tử hỏi Trang Tử: "Hôm qua, cây trên núi nhờ vô dụng mà hưởng trọn tuổi trời. Nay con ngỗng của chủ nhà này vì không biết quang quác mà bị làm thịt. Thầy muốn ở hoàn cảnh nào?" Trang Tử cười đáp: "Chu này muốn ở chỗ trung dung giữa hữu dụng và vô dụng (giữa tài và bất tài). Nhưng chỗ trung dung đó cũng chưa phải gần với đạo, nên vẫn chưa tránh khỏi hệ lụy. Nếu ai cỡi trên đạo đức mà tiêu dao thì sẽ không như vậy. Họ sẽ vượt khỏi sự khen ngợi hay chê bai; có thể vùng lên như rồng hay lẩn tránh như rắn; tùy thời biến hóa, mà không khẳng định mình chuyên vào một thứ gì; địa vị dù lên cao hay xuống thấp, họ đều lấy sự hài hòa mà độ lượng mọi việc xung quanh. Họ phiêu bồng nơi tổ tiên của vạn vật (tức Đạo), đối đãi sự vật như sự vật vốn có nhưng không xem mình thuộc bọn chúng; như vậy thì làm sao mà bị hệ lụy cho được? Đó là phép tắc của Thần Nông và Hoàng Đế vậy. Còn như cái tình của vạn vật và truyền thống của nhân luân thì lại khác: hợp rồi tan, thành công rồi thất bại, liêm khiết bị dè bỉu, tôn quý bị dị nghị, hành vi tích cực bị tổn hại, hiền tài bị mưu hại, bất tài bị khinh rẻ. Các tình huống đó có chi là chắc chắn? Đáng buồn thật! Các ngươi hãy ghi nhớ: chỉ có cảnh giới của đạo và đức là tốt đẹp thôi."»[61]

---

[61] *Trang Tử* (Sơn Mộc): «Trang Tử hành ư sơn trung, kiến đại mộc, chi diệp thịnh mậu. Phạt mộc giả chỉ kỳ bàng nhi bất thủ dã. Vấn kỳ cố, viết: "Vô sở khả dụng." Trang Tử viết: "Thử mộc dĩ bất tài đắc chung kỳ thiên niên." Phu tử xuất ư sơn, xá ư cố nhân chi gia. Cố nhân hỉ, mệnh thụ tử sát nhạn nhi phanh chi. Thụ tử thỉnh viết: "Kỳ nhất năng minh, kỳ nhất bất năng minh, thỉnh hề sát?" Chủ nhân viết: "Sát bất năng minh giả." Minh nhật, đệ tử vấn ư Trang Tử viết: "Tạc nhật sơn trung chi mộc, dĩ bất tài đắc chung kỳ thiên niên; kim chủ nhân chi nhạn, dĩ bất tài tử. Tiên sinh tương hà xử?" Trang Tử tiếu viết: "Chu tương xử hồ tài dữ bất tài chi gian. Tài dữ bất tài chi gian, tự chi nhi phi dã, cố vị miễn hồ lụy. Nhược phù thừa đạo đức nhi phù du tắc bất nhiên, vô dự vô tỷ, nhất long nhất xà, dữ thời câu hóa, nhi vô khẳng chuyên vi. Nhất

Vậy, nếu ta không thể «xem sống chết là một, xem cái có thể và cái không thể là một», thế thì trong cõi nhân gian này, dù cho ta có giỏi trốn đời cỡ nào, rốt cuộc ta cũng không thể tránh khỏi bị luỵ thân. «Còn như cái tình của vạn vật và truyền thống của nhân luân thì lại khác: hợp rồi tan, thành công rồi thất bại, liêm khiết bị dè bỉu, tôn quý bị đị nghị, hành vi tích cực bị tổn hại, hiền tài bị mưu hại, bất tài bị khinh rẻ. Các tình huống đó có chi là chắc chắn?» Dù cho có tài hay bất tài, ta cũng không thể chỉ hưởng phúc mà không bị hoạ. Trái lại, đối với bậc chí nhân, «sống chết không làm họ biến đổi, huống hồ đầu mối của lợi và hại?» Không xem lợi hại là lợi hại, thì lợi hại không làm hại thân và quả

---

thượng nhất bạ, dĩ hòa vi lượng, phù du hồ vạn vật chi tổ. Vật vật nhi bất vật ư vật, tắc hồ khả đắc nhi lụy da? Thử Thần Nông, Hoàng Đế chi pháp tắc dã. Nhược phù vạn vật chi tình, nhân luân chi truyền tắc bất nhiên: hợp tắc ly, thành tắc hủy, liêm tắc toã, tôn tắc nghị, hữu vi tắc khuy, hiền tắc mưu, bất tiếu tắc khi. Hồ khả đắc nhi tất hồ tai! Bi phù, đệ tử chí chi, kỳ duy đạo đức chi hương hồ!» 莊子行於山中，見大木，枝葉盛茂．伐木者止其旁而不取也．問其故，曰："無所可用，"莊子曰："此木以不材得終其天年．"夫子出於山，舍於故人之家．故人喜，命豎子殺雁而烹之．豎子請曰："其一能鳴，其一不能鳴，請奚殺？"主人曰："殺不能鳴者．"明日，弟子問於莊子曰："昨日山中之木，以不材得終其天年；今主人之雁，以不材死．先生將何處？"莊子笑曰："周將處乎材與不材之間．材與不材之間，似之而非也，故未免乎累．若夫乘道德而浮游則不然，無譽無訾，一龍一蛇，與時俱化，而無肯專爲．一上一下，以和爲量，浮游乎萬物之祖．物物而不物於物，則胡可得而累邪！此神農，黃帝之法則也．若夫萬物之情，人倫之傳則不然：合則離，成則毀，廉則挫，尊則議，有爲則虧，賢則謀，不肖則欺．胡可得而必乎哉！悲夫，弟子志之，其唯道德其鄉乎！– **LAM chú: *Xá*** 舍: nghỉ ngơi, tạm trú; nơi tạm trú. ***Xá nhân*** 舍人: ***môn khách*** 門客. Quân đội hành quân cứ mỗi 30 dặm gọi là một *xá* 舍, và lưu trú bên ngoài như vậy được một đêm gọi là *xá* 舍, hai đêm gọi là *tín* 信, ba đêm trở lên gọi là *thứ* 次.– ***Thụ tử*** 豎子: thằng bé giúp việc (*đồng bộc* 童僕). Tầng lớp nô lệ phục dịch kẻ khác gọi là ***bộc*** 僕; nam gọi là ***nô*** 奴, nữ gọi là ***tỳ*** 婢. Phụ nữ ngày xưa tự khiêm xưng là ***nô gia*** 奴家; nam nhân cũng tự khiêm xưng là ***nô*** 奴.– ***Nhạn*** 雁: tức ***đại nhạn*** 大雁 (ngỗng trời); con mái gọi là ***nhạn*** 雁, con đực gọi là ***hồng*** 鴻.– ***Tự chi nhi phi dã*** 似之而非也: giống nó [tức Đạo] mà không phải nó.– ***Vật vật nhi bất vật ư vật*** 物物而不物於物: James Legge dịch: «***He treats things as things and is not a thing to them.***» (Hắn đối đãi sự vật như sự vật vốn có, và hắn không là một phần tử trong bọn chúng); James Ware dịch: «***He passes from thing to thing but does not particularize among them.***» ([Phiêu bồng với đạo], hắn lướt qua từng sự vật nhưng không phân biệt mình với chúng); Nguyễn Hiến Lê dịch: «Sai khiến vạn vật mà không bị vạn vật sai khiến.» – Mấy câu chót James Legge dịch: «***Where is the possibility of unchangeableness in any of these conditions? Remember this, my disciples. Let your abode be here, in the Tao and its attributes.***» (Ở đâu mà có được sự bất biến trong bất kỳ các hoàn cảnh này? Các đệ tử hãy nhớ lấy: Hãy để nơi cư trú của các ngươi ở đây, tức là đạo và đức); James Ware dịch: «***There is nothing of which one can be sure! Isn't it sad? Keep all this in mind and let only God and perfect, natural behavior be your abode!***» (Chẳng có cái nào trong chúng mà người ta có thể chắc chắn! Thế chẳng buồn ư? Hãy nhớ lấy và chỉ để cho đạo và đức là nơi cư trú của các ngươi mà thôi).

thực có thể tránh được mọi hệ luỵ ở đời. Ai cưỡi trên Đạo và Đức mà tiêu dao thì có thể «đối đãi sự vật như sự vật vốn có nhưng không xem mình thuộc bọn chúng». Đối với mọi vật, kẻ như thế sẽ trở nên chủ động chứ không bị động.

CHƯƠNG 11

MẶC KINH VÀ CÁC MẶC GIA VỀ SAU

1. Tình hình Mặc gia thời Chiến Quốc

Hàn Phi Tử (Hiển Học) nói: «Sau khi Mặc Tử qua đời, các Mặc gia có Tương Lý 相里, Tương Phu 相夫, Đặng Lăng 鄧陵.»[1]

Trang Tử (Thiên Hạ) nói: «Đệ tử của Tương Lý Cần 相里勤, môn đồ của Ngũ Hầu 五侯, và bọn Mặc giả ở phương Nam như Khổ Hoạch 苦獲, Dĩ Xỉ 已齒, Đặng Lăng Tử 鄧陵子, tất cả họ đều tụng *Mặc Kinh* 墨經. Nhưng họ nói trái với học thuyết của Mặc Tử, lại có quan điểm khác nhau, và gọi nhau là Biệt Mặc 別墨. Họ lấy lý luận "cứng-trắng" và "đồng-dị" để kích bác nhau, lấy lời nói "chẳn-lẻ khác nhau" để đối đáp nhau. Họ xem cự tử là thánh nhân, đều muốn cự tử là lãnh đạo, và mong được nối nghiệp cự tử. Đến nay, các bất đồng của họ vẫn chưa giải quyết được.»[2]

---

[1] *Hàn Phi Tử* (Hiển Học): «Tự Mặc Tử chi tử dã, hữu Tương Lý thị chi Mặc, hữu Tương Phu thị chi Mặc, hữu Đặng Lăng thị chi Mặc.» 自墨子之死也，有相里氏之墨，有相夫氏之墨，有鄧陵氏之墨.

[2] *Trang Tử* (Thiên Hạ): «Tương Lý Cần chi đệ tử, Ngũ Hầu chi đồ, nam phương chi Mặc giả Khổ Hoạch, Dĩ Xỉ, Đặng Lăng Tử chi thuộc, câu tụng Mặc Kinh. Nhi bội quyệt bất đồng, tương vị Biệt Mặc. Dĩ kiên bạch đồng dị chi biện tương tỷ, dĩ cơ ngẫu bất ngỗ chi từ tương ứng, dĩ cự tử vi thánh nhân. Giai nguyện vi chi thí, ký đắc vi kỳ hậu thế, chí kim bất quyết.» 相里勤之弟子，五侯之徒，南方之墨者苦獲，已齒，鄧陵子之屬，俱誦墨經，而倍譎不同，相謂別墨.以堅白同異之辯相訾，以觭偶不仵之辭相應，以巨子爲聖人，皆願爲之尸，冀得其後世，至今不決.– LAM chú: *Trung Hoa Đạo Học Thông Điển* (tr. 211) giảng: «Tương Lý Cần 相里勤 họ kép là Tương Lý 相里, tên là Cần 勤, là nhân vật đại biểu của một phái Mặc gia ở phương Nam. Ngũ Hầu 五侯 họ là Ngũ 五, tên là Hầu 侯, là một nhân vật của Mặc gia. Nhược Hoạch 若獲, Dĩ Xỉ 已齒, Đặng Lăng Tử 鄧陵子 đều là những nhân vật nổi tiếng của Mặc gia về sau. *Bội quyệt* 倍譎: trái với học thuyết của Mặc Tử. *Cơ* 觭 thông với *cơ* 奇 (lẻ). *Bất ngỗ* 不忤: bất đồng.» Derk Bodde dịch Ngũ Hầu là «the Five Princes» (5 Chư Hầu). Phùng Hữu Lan chép là Khổ Hoạch 苦獲 thay vì Nhược Hoạch 若獲. Câu «*cơ ngẫu bất ngỗ*» (lẻ và chẳn *khác* nhau), Nguyễn Hiến Lê (sđd., tr.537) dịch là «lẻ và chẳn *giống* nhau». Derk Bodde dịch «*cơ ngẫu bất ngỗ chi từ*» là «irregular and strange statements» (những câu nói lạ lùng và khác thường).

Đấy là tình hình Mặc gia thời Chiến Quốc. Thời ấy có *Mặc Kinh*. *Mặc Kinh* cũng chống lại bọn biện giả, vì lý luận của biện giả trái ngược với sự hiểu biết thông thường của chúng ta. Nho học và Mặc học đều chú trọng sự thực dụng, đối với những kiến giải về vũ trụ họ căn cứ trên sự hiểu biết thông thường. Tuy nhiên, những lập luận của biện giả đều dựa trên *danh lý* 名理 (lô-gíc) khiến cho kẻ bài bác biện giả là Nho gia và Mặc gia cũng phải lập luận trên *danh lý*. Do đó Mặc gia có *Mặc Kinh*, còn Nho gia có thiên Chính Danh trong sách *Tuân Tử*. Tất cả bọn họ đều ủng hộ sự hiểu biết thông thường mà bài bác thuyết của biện giả. Nho gia và Mặc gia bất đồng, mà khi chống lại biện giả thì lại có cùng quan điểm. Nho gia và Mặc gia đều lấy quan điểm cảm giác mà giải thích vũ trụ; còn biện giả thì lấy quan điểm lý trí mà giải thích vũ trụ.

Mặt khác, Nho gia và Mặc gia đều chịu ảnh hưởng của biện giả, do đó khi phát huy học thuyết của riêng họ, lập luận của họ đã tinh xác hơn các bậc tiền bối trong môn phái mình. Thử lấy sáu thiên trong *Mặc Tử* được phân tích sau đây so sánh với các thiên còn lại trong *Mặc Tử*, và so sánh sách *Tuân Tử* với *Luận Ngữ* và *Mạnh Tử*, ta sẽ thấy rõ điều ấy.

So với thiên Chính Danh trong *Tuân Tử*, thành tựu của *Mặc Kinh* cao hơn, bởi vì ngay từ đầu Mặc gia đã trọng biện luận hơn Nho gia. *Mặc Tử* nói: «Lấy lời họ mà phản bác lời ta, khác nào lấy trứng chọi đá. Dù họ lấy hết trứng trong thiên hạ mà chọi, đá cứ vẫn thế, sao mà vỡ được.»[3] Lại nói: «Lời nói thì chú trọng trí tuệ chứ không chú trọng nhiều, chú trọng xem xét tỉ mỉ chứ không chú trọng văn vẻ.»[4] Lời nói phải có ba tiêu chuẩn: *bản* 本 (nền tảng), *nguyên* 原 (chứng thực), và *dụng* 用 (vận dụng). Chúng đều chú trọng trí tuệ và xem xét tỉ mỉ.

Mặc Tử (Quý Nghĩa) chép: «Tử Mặc Tử đi về phương Nam làm sứ giả đến nước Vệ, chở theo nhiều rất nhiều sách.»[5] *Mặc Tử* (Canh Trụ) chép: «Công Mạnh Tử nói: "Quân tử không sáng tác, mà chỉ thuật lại thôi." Tử Mặc Tử nói: "Không đúng. [...] Ta cho rằng cái tốt của ngày xưa cần phải thuật lại; cái tốt của ngày nay cần phải sáng tác, để cho cái

---

[3] *Mặc Tử* (Quý Nghĩa): «Dĩ kỳ ngôn phi ngô ngôn giả, thị do dĩ noãn đầu thạch dã. Tận thiên hạ chi noãn, kỳ thạch do thị dã, bất khả huỷ dã.» 以其言非吾言者，是猶以卵投石也．盡天下之卵，其石猶是也，不可毀也．

[4] *Mặc Tử* (Tu Thân): «Ngôn vô vụ vi đa nhi vụ vi trí, vô vụ vi văn nhi vụ vi sát.» 言無務爲多而務爲智，無務爲文而務爲察．

[5] *Mặc Tử* (Quý Nghĩa): «Tử Mặc Tử nam du sứ Vệ, quan trung tải thư thậm đa.» 子墨子南遊使衛，關中載書甚多．

tốt càng tăng thêm nhiều."»[6]

Trang Tử (Thiên Hạ) nói Mặc Tử «hiếu học và bác học, không lập dị, không cùng ý kiến với các vua đời xưa.»[7] Trong *Mặc Kinh* ta cũng có thể thấy tính cách hiếu học và bác học của các Mặc gia về sau.

Uông Trung 汪中 (1744-1794) viết trong lời tựa sách *Mặc Tử* rằng: «Người đương thời gọi sáu thiên từ Kinh Thượng 經上 đến Tiểu Thủ 小取 là *Mặc Kinh*. Trang Tử nói đệ tử của Tương Lý Cần 相里勤, môn đồ của Ngũ Hầu 五侯, và bọn Mặc giả ở phương Nam như Khổ Hoạch 苦獲, Dĩ Xỉ 已齒, Đặng Lăng Tử 鄧陵子 lấy lý luận "cứng-trắng" và "đồng-dị" để kích bác nhau, lấy lời nói "chẳn-lẻ khác nhau" để đối đáp nhau.»[8] Tuy thuyết này không có chứng cứ nào khác nữa, nhưng hai thiên Đại Thủ và Tiểu Thủ cũng là tác phẩm thời Chiến Quốc, nội dung của chúng rất tương đồng với hai thiên Kinh và Kinh Thuyết, nên ở đây tôi cũng lấy chúng phụ vào *Mặc Kinh*.

Một người đời Tấn 晉 là Lỗ Thắng 魯勝 (sống khoảng năm 291 CN) gọi các thiên Kinh (thượng, hạ) và Kinh Thuyết (thượng, hạ) là *Mặc Biện* 墨辯, và ông viết *Mặc Biện Chú Tự* 墨辯注敘. Hồ Thích nhân đó, gọi các thiên Kinh (thượng, hạ), Kinh Thuyết (thượng, hạ), Đại Thủ, Tiểu Thủ là *Mặc Biện* 墨辯, lại còn xem những người viết *Mặc Biện* là

---

[6] ***Mặc Tử*** **(Canh Trụ): «Công Mạnh Tử viết: "Quân tử bất tác. Thuật nhi dĩ." Tử Mặc Tử viết: "Bất nhiên. [...] Ngô dĩ vi cổ chi thiện giả tắc tru chi; kim chi thiện giả tắc tác chi. Dục thiện chi ích đa dã."»** 公孟子曰："君子不作，術(述)而已．"子墨子曰："不然[...] 吾以爲古之善者則誅(述)之；今之善者則作之，欲善之益多也．"

[7] ***Trang Tử*** **(Thiên Hạ): «Hiếu học nhi bác, bất dị, bất dữ tiên vương đồng.»** 好學而博，不異，不與先王同．**– LAM chú:** ***Trung Hoa Đạo Học Thông Diễn*** **(tr.211) giảng:** ***bất dị*** 不異: ***bất hữu ý tiêu tân lập dị*** 不有意標新立異 **(không có ý nêu ra cái mới để khác người). Derk Bodde dịch: «*** ***Mo Tzŭ was fond of study and had wide learning. Some points in his teachings were not different from those of others, while on other points he did not agree with the early kings.*** **»** **(Mặc Tử hiếu học và có học vấn rộng. Một số điểm trong lời giảng dạy của ông không khác với lời giảng dạy của các nhà khác, còn về một số điểm khác thì ông không đồng ý với các vua ngày trước). Nguyễn Hiến Lê (sđd., tr.536) dịch: «Ông hiếu học, biết rộng, không chấp nhận những ý kiến khác mình. Ông không đồng ý với thánh vương đời xưa.»**

[8] **Uông Trung** 汪中, ***Mặc Tử Tự*** 墨子序: **«Kinh Thượng chí Tiểu Thủ lục thiên, đương thời vị chi *Mặc Kinh*. Trang Chu xưng Tương Lý Cần chi đệ tử, Ngũ Hầu chi đồ, nam phương chi Mặc giả, Khổ Hoạch, Dĩ Xỉ, Đặng Lăng Tử chi thuộc, dĩ kiên bạch đồng dị chi biện tương tỷ, dĩ cơ ngẫu bất ngộ chi từ tương ứng giả dã.»** 經上至小取六篇，當時謂之墨經．莊周稱相里勤之弟子，五侯之徒，南方之墨者苦獲，已齒，鄧陵子之屬，俱誦墨經，而倍譎不同，相謂別墨．以堅白同異之辯相訾，以觭偶不仵之辭相應者也．**– LAM chú: Ở đây Uông Trung chép lại mấy câu trong thiên Thiên Hạ (có sửa chữa vài chữ). Xin xem lại nhận xét về một số chữ liên quan đến câu trích dẫn này ở chú thích 2 cùng chương này.**

Biệt Mặc 別墨. Mặc dù *Mặc Kinh* cũng có «lý luận *cứng-trắng* và *đồng-dị*» và «lời nói *chẵn-lẻ khác nhau*», nhưng mục đích chủ yếu của nó vẫn là giảng giải rõ ràng Mặc học và phản bác các biện giả. Danh từ «Mặc Biện» không xuất hiện trước thời của Lỗ Thắng. Các phái Mặc gia «nói trái với học thuyết của Mặc Tử, lại có quan điểm khác nhau, và gọi nhau là Biệt Mặc» chứng tỏ phái này chỉ trích phái kia không phải là Mặc học chính thống, chứ mỗi phái không tự xưng là Biệt Mặc. Tuy nhiên, «họ xem cự tử là thánh nhân, đều muốn cự tử là lãnh đạo, và mong được nối nghiệp cự tử». Tức là trong sự rối loạn họ vẫn còn một điểm thống nhất, bởi vì tổ chức cứng rắn như thép của Mặc gia vẫn chưa bị sụp đổ.

2. Chủ nghĩa công lợi trong *Mặc Kinh*

Chủ nghĩa công lợi là căn bản của triết học Mặc Tử. Mặc Tử tuy chú trọng lợi, nhưng chưa hề nói vì sao phải trọng lợi. Tiến xa hơn một bước, *Mặc Kinh* đã cung cấp một căn cứ tâm lý cho chủ nghĩa công lợi.

Kinh Thượng nói: «Lợi là cái ta có được mà ta vui.» Kinh Thuyết nói: «Có được nó mà vui, nó là cái lợi; còn cái hại thì không thế.» Kinh Thuyết nói: «Hại là cái ta có được mà ta ghét.» Kinh Thuyết nói: «Có được nó mà ghét, nó là cái hại; còn cái lợi thì không thế.»[9]

Cái khiến ta vui là cái lợi; cái khiến ta ghét là cái hại. Cho nên chạy theo lợi mà tránh né hại là sự tự nhiên của nhân tính. Do đó chủ nghĩa công lợi là tiêu chuẩn chính đáng của hành vi chúng ta. Jeremy Bentham nói: «Thiên nhiên đã đặt nhân loại dưới sự thống trị của hai uy quyền tối cao, đó là *đau khổ* và *khoái lạc*. Riêng hai uy quyền ấy đã chỉ ra cho ta biết ta phải làm gì... Nguyên tắc công lợi thừa nhận việc con người phục tòng hai uy quyền ấy và xem sự phục tòng ấy là cơ sở của hệ thống ấy [tức nguyên tắc công lợi], mà mục đích của hệ thống này là duy trì hạnh phúc bằng đôi tay của lý tính và pháp luật.»[10]

---

[9] **Kinh Thượng: «Lợi, sở đắc nhi hỉ dã.»** 利，所得而喜也.– **Kinh Thuyết: «Đắc thị nhi hỉ, tắc thị lợi dã; kỳ hại dã, phi thị dã.»** 得是而喜，則是利也；其害也，非是也.– **Kinh Thuyết: «Hại, sở đắc nhi ố dã.»** 害，所得而惡也.– **Kinh Thuyết: «Đắc thị nhi ố, tắc thị hại dã; kỳ lợi dã, phi thị dã.»** 得是而惡，則是害也；其利也，非是也.

[10] **Jeremy Bentham, *Introduction to the Principles of Morals and Legislature* (Dẫn nhập các nguyên lý của đạo đức và lập pháp), Oxford, 1907, page 1: «Nature has placed mankind under the governance of two sovereign masters, *pain* and *pleasure*. It is for them alone to point out what we ought to do... The principle of utility recognises this subjection, and assumes it for the foundation of that system, the object of which is to rear the fabric of felicity by the hands of reason and law.»**

Mặc Kinh quả thực có chủ trương như thế. Cái mà Bentham gọi là «khoái lạc» (pleasure) và «đau khổ» (pain) thì *Mặc Kinh* gọi là «lợi» và «hại», mà do bởi lợi hay hại thì ta sẽ vui sướng hay đau khổ. Bentham gọi là «lý tính» (reason) thì *Mặc Kinh* gọi là «trí» 智. Dục vọng thì mù quáng, nên ta phải lấy lý trí mà vạch đường chỉ lối thì mới đạt được cái lợi và tránh được cái hại trong tương lai. Kinh Thuyết Thượng nói: «Giả sử có người muốn chặt ngón tay mình. Nếu lý trí của hắn không thấy trước cái hại của việc mất ngón tay, thì đó là cái tội của lý trí. Nhưng nếu lý trí của hắn cảnh giác cái hại đó mà hắn cứ muốn chặt ngón tay, thì hắn phải chịu hậu quả. Việc này cũng giống như ăn miếng thịt khô mà chưa biết nó sẽ ngon hay dở. Ngay cả khi thịt dở mà hắn cứ muốn ăn, thì nó có nghĩa là hắn không để cho điều hắn biết mơ hồ ngăn cấm lòng dục của hắn. Giả sử có cái lợi hoặc cái hại ở bên ngoài vách tường mà hắn không biết. Ngay khi ra ngoài thì nhặt được tiền mà hắn không đi ra, thì nó có nghĩa là hắn để cho điều hắn biết mơ hồ ngăn cấm lòng dục của hắn.»[11]

Công dụng của lý trí là thấy trước kết quả của hành vi hiện tại. Thấy trước kết quả, thì lý trí có thể dẫn dắt ta đi theo lợi và tránh hại; thậm chí khiến ta bỏ qua cái lợi nhỏ trước mắt để tránh cái hại lớn về sau; hoặc chấp nhận cái hại nhỏ trước mắt để đạt được cái lợi lớn về sau. Cái đó gọi là «quyền» 權(cân nhắc). Thiên Đại Thủ nói: «Cân nhắc vật thể nặng hay nhẹ thì gọi là *quyền* (cân nhắc). Cân nhắc không phải là đúng, không phải là sai, mà để chứng minh đúng hay sai. Cắt ngón tay để bảo tồn cổ tay là chọn cái lợi lớn và cái hại nhỏ. Chọn cái hại nhỏ không phải là chọn cái hại mà là chọn cái lợi. Cái mà ta chọn là do tình thế bắt buộc phải thế. Nếu gặp kẻ cướp, phải cắt ngón tay để bảo toàn mạng sống thì đó là lợi; còn việc gặp kẻ cướp là hại. [...] Chọn cái lợi lớn không phải là bất đắc dĩ. Chọn cái hại nhỏ là bất đắc dĩ. Chưa có nó mà chọn nó, đó là chọn cái lợi

---

[11] **Kinh Thuyết Thượng: «Vi dục trước chỉ, trí bất tri kỳ hại, thị trí chi tội dã. Nhược trí chi thận chi dã, vô đi ư kỳ hại dã, nhi do dục trước chi, tắc ly chi. Thị do thực bô dã, tao chi lợi hại, vị khả tri dã; dục nhi tao thị bất đĩ sở nghi chỉ sở dục dã. Tường ngoại chi lợi hại, vị khả tri dã; xu chi nhi đắc đao, tắc phất xu dã, thị đĩ sở nghi chỉ sở dục dã.»** 爲欲薪(a)指，智不知其害，是智之罪也.若智之慎之(b)也，無遺於其害也，而猶欲薪之，則離之.是猶食脯也，騷之利害，未可知也；欲而騷是不以所疑止所欲也.牆外之利害，未可知也；趨之而得刀(c)，則弗趨也，是以所疑止所欲也.– **Phùng Hữu Lan chú: (a)** ***Trước*** 薪: ***chước*** 斫(chặt bỏ) **[hiệu đính của Tôn Di Nhượng (1848-1908)]; (b) Nguyên tác chép** ***thận văn*** 慎文**[hiệu đính của Tôn Di Nhượng]; (c) Nguyên tác chép là** ***lực*** 力**[hiệu đính của Tôn Di Nhượng].– LAM chú: Chữ** ***đao*** 刀**là** ***đao tiền*** 刀錢**, tiền thời xưa có hình dáng giống con dao. Xem: Sử Đông,** ***Giản Minh Cổ Hán Ngữ Từ Điển*****, Văn Nam Nhân Dân xuất bản xã, 1999, tr.84.**

lớn. Đã có nó mà vất bỏ nó, đó là chọn cái hại nhỏ.»[12]

Kinh Thượng nói: «Đã cân nhắc đúng mà ham muốn, thì ham muốn là lợi; đã cân nhắc đúng mà ghét, thì ghét là hại.» Kinh Thuyết nói: «Cân nhắc thì có hai lẽ, không thiên vị bên nào.»[13]

Cân nhắc là xem vật nặng hay nhẹ, và không thiên vị bên nào. Triết học công lợi cho rằng cái lợi mà ta chọn và phải chọn không phải là cái lợi nhỏ trước mắt mà là cái lợi lớn về sau. Cái hại mà ta tránh và phải tránh không phải là cái hại nhỏ trước mắt mà là cái hại lớn về sau. Cho nên cái đáng muốn không nhất thiết phải là lợi. Cái đáng muốn đã được cân nhắc đúng mới là lợi thật sự. Cái đáng ghét không nhất thiết

---

[12] **Đại Thủ: «Ư sở thể chi trung nhi quyền khinh trọng vị chi quyền. Quyền phi vi thị dã, diệc phi vi phi dã; quyền, chính dã. Đoạn chỉ dĩ tồn uyển, lợi chi trung thủ đại, hại chi trung thủ tiểu dã. Hại chi trung thủ tiểu dã, phi thủ hại dã, thủ lợi dã; kỳ sở thủ giả, nhân chi sở chấp dã. Ngộ đạo nhân nhi đoạn chỉ dĩ miễn thân, lợi dã; kỳ ngộ đạo nhân, hại dã. [...] Lợi chi trung thủ đại, phi bất đắc dĩ dã. Hại chi trung thủ tiểu, bất đắc dĩ dã. Sở vị hữu nhi thủ yên, thị lợi chi trung thủ đại dã. Ư sở ký hữu nhi khí yên, thị hại chi trung thủ tiểu dã.»** 於所體之中而權輕重謂之權.權非爲是也,亦非爲非也;權,正也.斷指以存腕,利之中取大,害之中取小也.害之中取小也,非取害也,取利也;其所取者,人之所執也.遇盜人而斷指以免身,利也;其遇盜人,害也.[...] 利之中取大,非不得已也.害之中取小,不得以也.所未有而取焉,是利之中取大也.於所既有而棄焉,是害之中取小也.**– LAM chú: Derk Bodde (theo Alfred Forke) dịch «Quyền phi vi thị dã, diệc phi vi phi dã; quyền, chính dã.» là: «*This weighing does not consists in finding out the right or wrong of things. It consists in balancing them correctly.*» (Việc cân nhắc này không phải để tìm cái đúng, cũng không phải để tìm cái sai của sự vật. Nó là cân nhắc chúng chính xác). Ở đây tôi dịch theo lời giảng của Trương Thuần Nhất 張純一, *Mặc Tử Tập Giải* 墨子集解, Đài Bắc, 1971, tr.504: «Trong các vật thể, cân nhắc sự nặng nhẹ của chúng để bỏ hoặc lấy chúng, đó gọi là *quyền* (cân nhắc). Nặng hay nhẹ là ở vật chứ không ở việc cân nhắc. Cân nhắc biết vật nặng hay nhẹ, chứ bản thân việc cân nhắc không thể là nặng hay nhẹ. Cho nên nói *cân nhắc không phải là đúng, không phải là sai, mà để chứng minh đúng hay sai.* Chữ *chính* này giống như *chứng*, ý nói cân nhắc để chứng minh đúng sai.» (Sở thể chi trung, quyền kỳ khinh trọng đi vi khử thủ, thị chí vị quyền. Khinh trọng tại vật, bất tại ư quyền, quyền năng trì khinh trọng, nhi bất năng vi khinh trọng. Cố viết *quyền phi vi thị dã, diệc phi vi phi dã; quyền, chính dã.* Chính, do chứng dã, ngôn dĩ quyền chứng minh thị phi dã** 所體之中,權其輕重以爲去取,是之謂權.輕重在物,不在於權,權能知輕重,故曰權非爲是也,亦非爲非也;權,正也.正猶證也,言以權證明是非也).

[13] **Kinh Thượng: «Dục chính quyền lợi, ố chính quyền hại.»** 欲正權利,惡正權害. **Kinh Thuyết: «Quyền giả, lưỡng nhi vô thiên.»** 權者,兩而無偏. **– Phùng Hữu Lan chú: Nguyên tác chép «... , *thả* ố chính quyền hại»** 且惡正權害 **và «Trượng giả, lưỡng nhi vô thiên»** 仗者兩而無偏. **Ở đây tôi sửa theo hiệu đính của Tôn Di Nhượng.**

phải là hại. Cái đáng ghét đã được cân nhắc đúng mới là hại thật sự.[14]

Về quan điểm ấy, *Mặc Kinh* đưa ra định nghĩa cho mọi đạo đức, và nói rằng cái yếu tố của mọi đạo đức là «lợi».

Kinh Thượng nói: «Nghĩa là làm điều lợi.» Kinh Thuyết nói: «Nghĩa là tâm chí xem thiên hạ đáng yêu và có thể làm lợi và tốt cho thiên hạ, dù thiên hạ không cần ta làm điều nghĩa.»[15]

Kinh Thượng nói: «Trung là làm lợi cho vua.» Kinh Thuyết nói: «Trung là xem vua mạnh mẽ và có thể làm lợi và tốt cho vua, dù vua

---

[14] Tuân Tử cũng diễn tả cùng một ý như vậy nơi thiên Bất Cẩu: «Cân nhắc cái muốn, cái ghét, cái lấy, cái bỏ. Thấy cái đáng ham thì phải suy xét trước sau để thấy chỗ đáng ghét của nó. Thấy cái lợi thì phải suy xét trước sau để thấy chỗ hại của nó. Cân nhắc hai mặt, tính toán chúng, rồi mới xác định cái muốn, cái ghét, cái lấy, cái bỏ. Có như vậy thì mới không thường gặp tai hoạ. Nói chung, hoạn nạn của con người là do suy xét thiên lệch một mặt mà ra. Thấy cái đáng muốn nhưng không xét chỗ đáng ghét của nó. Thấy cái lợi nhưng không xét chỗ hại của nó. Vì thế cử động thì bị hoạ, hành động thì bị nhục. Đó là cái hoạn nạn của con người do suy xét thiên lệch một mặt.» (Dục ố thủ xả chi quyền, kiến kỳ khả dục dã, tắc tất tiền hậu lự kỳ khả ố dã giả; kiến kỳ khả lợi dã, tắc tất tiền hậu lự kỳ khả hại dã giả; nhi kiêm quyền chi, thục kế chi, nhiên hậu định kỳ dục ố thủ xả. Như thị tắc thường bất thất hãm hĩ. Phàm nhân chi hoạn, thiên thương chi dã. Kiến kỳ khả dục dã, tắc bất lự kỳ khả ố dã giả; kiến kỳ khả lợi dã, tắc bất cố kỳ khả hại dã giả. Thị dĩ động tắc tất hãm, vi tắc tất nhục; thị thiên thương chi hoạn dã. 欲惡取舍之權,見其可欲也,則必前後慮其可惡也者;見其可利也,則必前後慮可害也;而兼權之,孰計之,然後定其欲惡取舍.如是則常不失陷矣.凡人之患,偏傷之也.見其可欲也,則不慮其可惡也者;見其可利也,則不顧其可害也者.是以動則必陷,爲則必辱;是偏傷之患也.)

[15] Kinh Thượng: «Nghĩa, lợi dã.» 義,利也. Kinh Thuyết: «Nghĩa, chí dĩ thiên hạ vi *phân (ái)*, nhi năng năng lợi chi, bất tất dụng.» 義,志以天下爲芬(愛),而能能利之,不必用.– LAM chú: Nguyên tác là *phân* 芬, Phùng Hữu Lan theo hiệu đính của Tôn Di Nhượng sửa là *ái* 愛. Tôn Di Nhượng giảng «năng năng lợi» 能能利 là «năng thiện lợi chi dã» 能善利之也(có thể làm lợi và tốt cho thiên hạ). Derk Bodde (theo Alfred Forke) dịch: *«Righteousness consists in having one's mind set upon loving the world, and being able skilfully to benefit it (the world), even though (one's righteousness) may not necessarily be made use of.»* (Nghĩa là tâm chí nhắm vào yêu thiên hạ và có thể khéo làm lợi cho thiên hạ, dù thiên hạ không nhất thiết dùng việc nghĩa của ta). Trương Thuần Nhất (tr.374) vẫn giữ chữ *phân* 芬 và giảng *phân* là *cái đẹp của hương thơm* (phân hương chi mỹ 芬香之美): «Ở đây nói nghĩa là đức tính đẹp trong thiên hạ. Làm việc nghĩa có thể khiến thiên hạ hoà điệu, không khác gì vẻ đẹp của hương thơm. Cho nên làm lợi cho thiên hạ là làm việc nghĩa. Có thể khiến thiên hạ làm lợi lẫn nhau. Có thể lấy cái tốt và lợi làm lợi cho thiên hạ là việc làm to tát, không nhất thiết mình được thiên hạ dùng. Tào Kính Sơ 曹鏡初 chú: *Phân* là vẻ đẹp của hương thơm; xem thiên hạ là thơm tho, không thấy cái đáng ghét của con người; hai chữ *năng năng* là tận lực mà làm; đó gọi là mòn trán lỏng gót để làm lợi thiên hạ. Chữ *dụng* là được thiên hạ dùng. *Bất tất dụng* là không nhất thiết phải ở địa vị cao, cứ tuỳ theo thân phận của mình mà làm lợi

không cần dung nạp ta.»[16]

Kinh Thượng nói: «Hiếu là làm lợi cho cha mẹ.» Kinh Thuyết nói: «Hiếu là yêu cha mẹ và có thể làm lợi cho cha mẹ, dù không đúng ý cha

---

thiên hạ.» (Thử ngôn nghĩa tại thiên hạ vi mỹ đức. Vi nghĩa khả sử thiên hạ hoà diệu. Vô dị phân hương chi mỹ. Cố vi lợi thiên hạ nhi vi nghĩa. Năng sử thiên hạ giao tương lợi. Thị năng dĩ mỹ lợi lợi thiên hạ giả đại. Bất tất dụng thiên hạ. Tào tiên: Phân, hương mỹ dã, dĩ thiên hạ vi phân hương, bất kiến nhân chi khả ố dã, năng năng giả, kiệt tận kỳ lực chi sở năng. Sở vị ma đỉnh phóng chủng lợi thiên hạ vi chi dã. Dụng giả, kiến dụng ư thế dã. Bất tất dụng giả, bất tất tại thượng vị, tuỳ phận nhi năng lợi nhân dã 此言義在天下爲美德.爲義可使天下和調.無異芬香之美.故爲利天下而爲義.能使天下交相利.是能以美利利天下者大.不必用天下.曹箋:芬,香美也,以天下爲芬香,不見人之可惡也,能能者,竭盡其力之所能.所謂摩頂放踵利天下爲之也.用者,見用於世也,不必用者,不必在上位,隨分而能利人也).

[16] Kinh Thượng: «Trung, lợi quân dã.» 忠,利君也. Kinh Thuyết: «Trung, dĩ quân vi cường, nhi năng năng lợi quân, bất tất dung.» 忠,以君爲強,而能能利君,不必容.– LAM chú: Nguyên tác ở Kinh Thượng là: «Trung, dĩ vi lợi nhi cường đê dã.» 忠,以爲利而強低也. Trương Thuần Nhất (tr.377) so sánh định nghĩa về hiếu và sửa lại là: «Trung, lợi quân dã.» 忠,利君也. Phùng Hữu Lan cũng theo Trương Thuần Nhất. Nguyên tác ở Kinh Thuyết là: «Trung, bất lợi nhược tử hợi túc tương nhập chỉ dung.» 忠,不利弱子亥足將入止容. Trương Thuần Nhất (tr.377) so sánh giải thích về *hiếu* và sửa lại là: «Trung, dĩ quân vi *phân, tại* năng năng lợi quân, bất tất dung.» 忠,以君爲芬,在能能利君,不必容. Nhưng ông nói: «Nay tôi sửa như vậy, chưa biết có thích hợp không. Không dám ức đoán.» (Kim hiệu như thử, vị tri hợp phủ. Bất cảm ức đoán 今校如此未知合否不敢臆斷). Phùng Hữu Lan cũng theo Trương Thuần Nhất, rồi sửa thêm chữ *phân* 芬 thành *cường* 強, chữ *tại* 在 thành *nhi* 而. Derk Bodde dịch câu đã sửa của Phùng Hữu Lan là: «*Loyalty consists in exerting oneself for one's ruler and being able skilfully to benefit him, even though one does not thereby gain his favor.*» (Trung là tận lực cho vua của mình và có thể khéo làm lợi cho vua, dù qua việc làm đó mình không nhất thiết nhận được ân huệ của vua). Lẽ ra Derk Bodde nên hiểu «dĩ quân vi cường» 以君爲強 là «xem vua là mạnh» mới đúng. Trương Thuần Nhất giảng: «*Trung là xem vua thơm tho*, tức là ý nghĩa mà thiên Lỗ Vấn nói: ta có điều tốt thì trình bày với vua mà không dám cho người khác biết, đó là làm tốt đẹp cho vua. *Có thể làm tốt đẹp cho vua*, tức là ý nghĩa mà thiên Công Thâu nói: biết [là việc quấy] mà không can vua thì không thể gọi là trung; can mà không được thì không thể gọi là giỏi. *Không nhất thiết được dung nạp*, tức là ý nghĩa mà thiên Đại Lược của Tuân Tử nói: Tỉ Can và Tử Tư là trung thần mà vua không dùng.» (Trung dĩ quân vi phân giả, tức Lỗ Vấn thiên sở vị kỷ hữu thiện tắc phỏng chi thượng, nhi vô cảm dĩ cáo. Thị dĩ mỹ thiện tại thượng nghĩa. Nhi năng năng lợi quân giả, tức Công Thâu thiên sở vị trí nhi bất tranh bất khả vị trung. Tranh nhi bất đắc bất khả vị cường nghĩa. Bất tất dung giả, tức Tuân Tử Đại Lược thiên sở vị Tỉ Can Tử Tư trung nhi quân bất dụng nghĩa 忠以君爲芬者,即魯問篇所謂己有善則訪之上,而無敢告.是以美善在上義.而能能利君者,即公輸篇所謂知而不爭不可謂忠.爭而不得不可謂強義.不必容者,即荀子大略篇所謂比干子胥忠而君不用義).

mẹ.»[17]

Kinh Thượng nói: «Công (công lao) là làm lợi cho dân.» Kinh Thuyết nói: «Công lao không chờ đợi một thời gian cụ thể mới làm, [nhưng luôn sẵn sàng] giống như áo ấm [cho mùa đông].»[18]

Những trích dẫn trên cho thấy lợi được xem là yếu tố của mọi đạo đức.

3. Luận về tri thức

Mặc Kinh muốn bênh vực tri thức thông thường và chống lại các biện giả, nên về phương diện Tri thức luận (epistemology) *Mặc Kinh* đặc biệt chú trọng tính chất và khởi nguyên của tri thức.

Kinh Thượng nói: «Biết (*tri* 知) là tài năng (*tài* 材).» Kinh Thuyết nói: «Biết là tài năng. Sự biết này là cái mà qua đó ta biết, nhưng bản thân nó không nhất thiết biết, giống như ánh sáng.»[19]

---

[17] **Kinh Thượng: «Hiếu, lợi thân dã.»** 孝, 利親也. **Kinh Thuyết: «Hiếu, dĩ thân vi *phân* (*ái*), nhi năng năng lợi thân, bất tất đắc.»** 孝, 以親爲芬(愛), 而能能利親, 不必得.– **LAM chú: Nguyên tác chép là *phân* 芬, Phùng Hữu Lan theo hiệu đính của Tôn Di Nhượng sửa là *ái* 愛. Tôn Di Nhượng giảng «năng năng lợi»** 能能利 **là «năng thiện lợi chi dã»** 能善利之也 **(có thể làm lợi và tốt cho cha mẹ), «bất tất đắc»** 不必得 **là «bất tất trúng thân chi ý»** 不必中親之意 **(không nhất thiết phải đúng ý cha mẹ). Derk Bodde dịch: «*Filial piety consists in holding love toward one's parents, and being able skilfully to benefit them, without thereby necessarily profiting.*» (Hiếu là yêu thương cha mẹ, và có thể khéo làm lợi cho cha mẹ, mà không nhất thiết ta có lợi qua việc làm đó). Trương Thuần Nhất (tr.377) giảng: «Tào Kính Sơ chú: Làm lợi cho cha mẹ là *hiếu* giống như làm lợi cho người là *nghĩa*. *Năng năng* tức là gắng hết sức mình cho cha mẹ. [...] *Bất tất đắc* là không nhất thiết thấy được ý cha mẹ.» (Tào tiên: Lợi ư thân vi hiếu do lợi ư nhân vi nghĩa dã. Năng năng giả, năng kiệt kỳ lực dã. [...] Bất tất đắc giả, bất tất kiến đắc ư thân ý dã** 曹箋:利於親爲孝猶利於人爲義也.能能者, 能竭其力也 [...]不必得者, 不必見得於親意也).

[18] **Kinh Thượng: «Công, lợi dân dã.»** 功, 利民也. **Kinh Thuyết: «Công bất đãi thời, nhược y cầu.»** 功不待時, 若衣裘.– **Phùng Hữu Lan chú: «*Trang Tử* (Thiên Hạ) nói: "Đạo của Mặc gia trái với lòng của thiên hạ." Mặc giả tự biết thế. *Công bất đãi thời*: Thiên Công Mạnh nói: "Lúc loạn mới làm cho trị an, giống như khát rồi mới đào giếng, chết rồi mới cầu thầy lang." Lúc loạn mới làm cho trị an, tức là *công chờ thời*. Nó không bằng *công không chờ thời*. Cái lợi của *công không chờ thời* càng lớn.» – LAM chú: *Thuyết Văn* giảng *công*** 功 **là lao nhọc làm yên nước (dĩ lao định quốc** 以勞定國), **ngụ ý công lao, công trạng cho đời, tức là làm lợi cho dân. Đại ý ở đây là phụng sự cho đời thì phải dự tính xa, không đợi nước đến chân mới nhảy. Cái công lao làm lợi cho dân như thế sẽ lớn.**

[19] **Kinh Thượng: «Trí, tài dã.»** 知, 材也. **Kinh Thuyết: «Tri tài, tri dã giả, sở dĩ tri dã, *nhi bất tất tri*, nhược minh.»** 知材, 知也者, 所以知也, 而不必知, 若明.– **Phùng Hữu Lan chú: Nguyên bản chép «*nhi tất tri*», ở đây chép «*nhi bất tất tri*» là theo hiệu đính của Hồ Thích.– LAM chú: Trương Thuần Nhất (tr.371) trích dẫn các nhà chú giải, nói chữ *tri* 知 này

Cái biết này là cái tài năng khiến ta biết. Có tài năng đó chưa chắc đã có tri thức. Như mắt có thể nhìn thấy vật, đó là «sự sáng» (minh 明) của mắt. Nhưng mắt có sự sáng đó, chưa hẳn là có cái thấy, bởi vì mắt mà có thể thấy là cần có cái được thấy thì mới có cái thấy. Cũng thế, cái biết cần có cái được biết thì mới có cái biết.[20]

Kinh Thượng nói: «Nhận biết là tiếp xúc.» Kinh Thuyết nói: «Nhận biết là do quan năng nhận biết tiếp xúc ngoại vật mà có thể nhận dạng vật, giống như trông thấy.»[21]

Sự nhận biết là do quan năng nhận biết tiếp xúc vật cần biết khiến sinh ra tri thức. Quan năng nhận biết của con người gặp gỡ ngoại vật và có thể cảm giác hình trạng của vật. Thí dụ mắt có thể nhìn thấy; mắt tiếp xúc một vật cần nhìn, và như thế có cái tri thức do nhìn thấy.

Kinh Thượng nói: «Trí tuệ là sáng suốt.» Kinh Thuyết nói: «Trí tuệ là lấy cái đã biết mà suy luận sự vật để cho cái biết về vật trở nên rõ ràng, giống như sáng suốt.»[22]

---

phải đọc là *trí* 智. Chữ *tài* 材 tức là *trí chi thể* 智之體 (thể của trí tuệ, của tri thức); có thuyết giảng *tài* 材 là *bản năng* 本能. *Nhược minh* 若明 là lấy cái sáng của mắt mà thí dụ; *minh* 明 là tinh anh của mắt (mục tinh 目精); ở đây nói *trí tài* 智材 là bản năng của biết, tiếp xúc ngoại vật thì biết, như tinh anh của mắt là bản năng của thấy, tiếp xúc ngoại vật thì thấy.– Tôi dịch theo Derk Bodde: «*Canon I*: Knowing (*chih* 知) is a faculty (*ts'ai* 材). *Exposition*: Knowing is a faculty. This knowing is that by means of which one knows, but which of itself does not necessarily know, as in the case of light.» (*Kinh I*: Biết là một tài năng. Kinh thuyết: Biết là một tài năng. Sự biết này là cái mà qua đó ta biết, nhưng bản thân nó không nhất thiết biết, giống như trường hợp ánh sáng).

[20] **LAM chú: Ý nói sự nhìn thấy và sự nhận biết phải có một đối tượng để hướng vào. Sở dĩ ta nhìn thấy vật A và biết vật A, là vì có sự tồn tại của vật A. Nếu vật A không tồn tại, thì mắt chỉ là một giác quan (sense) và sự nhận biết chỉ là một quan năng (faculty); tức là không có cái thấy vật A và không có sự nhận biết vật A.**

[21] **Kinh Thượng: «Tri, tiếp dã.» 知，接也. Kinh Thuyết: «Tri, tri dã giả, dĩ kỳ tri ngộ vật nhi năng mạo chi, nhược kiến.» 知，知也者，以其知遇物而能貌之，若見.– Phùng Hữu Lan chú: Nguyên tác chép «tri quá vật» 知過物, ở đây tôi sửa là «tri ngộ vật» 知遇物 theo hiệu đính của Tôn Di Nhượng.– LAM chú: Derk Bodde dịch: «*Canon I*: Knowledge (*chih* 知) is a meeting. *Exposition*: Knowledge is that in which the knowing (faculty) meets the object and is able to apprehend its form and shape, as in seeing.» (*Kinh I*: Tri thức là gặp gỡ. Kinh thuyết: Tri thức là cái mà trong đó [quan năng] nhận biết gặp gỡ vật và có thể nhận dạng vật như sự trông thấy).**

[22] **Kinh Thượng: «Trí, minh dã.» 智，明也. Kinh Thuyết: «Trí, trí dã giả, dĩ kỳ tri luận vật nhi kỳ tri chi dã trứ, nhược minh.» 智，智也者，以其知論物而其知之也著，若明.– LAM chú: Chữ *trí* 智 này nguyên tác viết là 恕(知+心), vốn là dị thể của 智. (Xem: Dương Tông Nghĩa 楊宗義 chủ biên, *Nan Tự Đại Tự Điển* 難字大字典, Tây Nam Sư Phạm Đại Học xuất bản xã, 1995, tr.241). Derk Bodde chú: «This word *chih* 恕, composed of 'knowledge'**

Khi quan năng nhận biết của chúng ta gặp gỡ ngoại vật (tức cái cần biết), nó không những có thể cảm giác được hình trạng của vật mà còn có thể biết vật đó là gì. Thí dụ, mắt nhìn cái cây, không những mắt cảm giác được hình trạng của cây mà nó còn có thể biết vật đó là cái cây. Biết nó là cái cây, tức là lấy một vật cá thể liệt vào loại cây trong kinh nghiệm của ta. Đó gọi là «lấy cái đã biết mà suy luận sự vật» (dĩ tri luận vật 以知論物). Như vậy, nói chung, cây vốn có một số tính chất. Tuy ta chưa từng thấy cái cây ấy có các tính chất ấy, nhưng ta cũng dám phán đoán là nó ắt có. Do đó cái tri thức của ta đối với một vật cá thể thì rõ ràng và chính xác, nên Kinh Thuyết nói «cái biết về vật trở nên rõ ràng» (kỳ tri chi dã trứ 其知之也著).

Ngoài ra, có một loại tri thức mà chúng ta không có được từ cảm giác (ngũ quan).

Kinh Hạ nói: «Có thứ tri thức không nhờ năm nẻo, mà nhờ sự hiểu biết lâu dài.» Kinh Thuyết nói: «Nhận biết do mắt mà thấy, mắt do lửa (tức ánh sáng) mà thấy chứ lửa thì không thấy. Chỉ nhờ năm nẻo mà nhận biết. Cái tri thức lâu đời không phải do mắt mà thấy, nó giống như

(*chih* 知) and 'mind' (*hsin* 心), is not now found in any dictionary, indicating the long neglect from which these Mohist texts have suffered.» (Chữ *chih* 恕 này, gồm chữ 'tri thức' (*tri* 知) và chữ 'lòng' (*tâm* 心), *hiện nay* không tìm thấy trong bất kỳ quyển từ điển nào. Việc này cho thấy một sự lãng quên lâu dài mà *Mặc Kinh* phải chịu). Từ «hiện nay» của ông ám chỉ thập niên 1930 (bản dịch tiếng Anh quyển I của ông in lần đầu năm 1937 tại Bắc Bình). Do đó ông phải đoán và dịch: «*Canon I*: Mind-knowledge (*chih* 恕) is an understanding (*ming* 明). *Exposition*: Mind-knowledge is that in which the knowing [faculty] 'discusses' (*lun* 論) the object and its knowing of it becomes clear, as in understanding.» (*Kinh I*: Tâm-trí là hiểu biết. Kinh thuyết: Tâm-trí là cái mà trong đó [quan năng] nhận biết luận bàn về vật và cái biết về vật trở nên rõ ràng, như hiểu biết). Trương Thuần Nhất (tr.373) nói các bản xưa chép lầm chữ *trí* 恕 này ra chữ *thứ* 恕; Tôn Di Nhượng theo một bản chép trong *Đạo Tạng* và sửa lại là chữ *trí* 智(trí tuệ). Trương Thuần Nhất giảng: «Người trí có thể thấy cái mà người khác không thấy. Thiên Bình Lược Huấn trong *Hoài Nam Tử* nói: Thấy cái mà người khác không thấy thì gọi là sáng.» (Trí giả, năng kiến nhân sở bất kiến. Hoài Nam Bình Lược Huấn vân kiến nhân sở bất kiến vị chi minh 智者,能見人所不見.淮南兵略訓云見人所不見謂之明). Về Kinh Thuyết, ông giảng: «Ở đây nói đã có trí tuệ thì không khó phân biệt rõ cái lý lẽ của vạn vật. Luận vật tức là chỉnh lý các quan niệm cũ, ý nói thành lập khái niệm mới rất rõ ràng và chính xác; giống như phán đoán và suy luận trong tâm lý học, cũng giống diễn dịch và quy nạp trong lô-gíc học.» (Ngôn ký cụ trí tuệ vô nan minh biện vạn vật chi lý. Luận vật tức chỉnh lý cựu hữu quan niệm. Cực thành minh xác khái niệm chi vị, do tâm lý học chi phán đoán dữ suy lý, la tập chi diễn dịch dữ quy nạp 言既具智慧無難明辯萬物之理.論物即整理舊有觀念.極成明確概念之謂,猶心理學之判斷與推理,邏輯之演繹與歸納).

do lửa (ánh sáng) mà thấy.»[23]

Ngũ lộ (năm nẻo) tức là ngũ quan (năm giác quan: mắt, tai, mũi, lưỡi, thân). Ngũ quan được gọi là năm lối nẻo, ý nói năm cảm giác (thị giác, thính giác, khứu giác, vị giác, xúc giác) phải đi qua các lối nẻo đó. Cái tri thức của con người phần lớn là dựa vào ngũ quan. Tuân Tử gọi đó là «duyên thiên quan» 緣天官 (theo ngũ quan). Thí dụ sự hình thành cái thấy (*kiến* 見) phải có mắt và lửa (tức ánh sáng). Nếu không có mắt tất không thể thành cái thấy, nên mới nói «chỉ lấy năm nẻo ấy mà biết» (duy dĩ ngũ lộ tri 惟以五路知). Tuy nhiên cũng có thể không lấy năm nẻo ấy mà vẫn có được tri thức, thí dụ như đối với tri thức lâu đời.

Về cái lâu đời này, Kinh Thượng nói: «Lâu (*cửu* 久) là khắp cả thời gian khác nhau.» Kinh Thuyết nói: «Lâu là xưa hợp với nay, sáng sớm hợp với chiều tối.»[24]

Kinh Thượng nói: «Không gian (*vũ* 宇) là khắp cả các nơi khác nhau.» Kinh Thuyết nói: «Không gian là bao trùm cả đông, tây, nam, bắc.»[25]

---

[23] **Kinh Hạ: «Tri nhi bất dĩ ngũ lộ, thuyết tại cửu.» 知而不以五路，說在久. Kinh Thuyết: «Tri, dĩ mục kiến, nhi mục dĩ hoả kiến, nhi hoả bất kiến, duy dĩ ngũ lộ tri. Cửu, bất đương dĩ mục kiến, nhược dĩ hoả kiến.» 知，以目見，而目以火見，而火不見，惟以五路知. 久，不當以目見，若以火見.– LAM chú: Derk Bodde dịch: «*Canon II*: There is knowledge (*chih* 知) which does not come through the five roads. The reason is given under 'duration'. *Exposition*: The knowing [faculty] sees through the eyes, which see because of fire [i.e., light], but the fire does not see, [the object] being known only through the five roads. But in durational [knowledge] there is no seeing with the eyes, or with fire.» (*Kinh Hạ*: Có loại tri thức không thông qua năm nẻo. Lý do là 'sự lâu dài'. Kinh thuyết: [Quan năng] nhận biết nhìn bằng mắt, mà mắt nhìn thấy nhờ lửa [tức ánh sáng], nhưng lửa thì không nhìn thấy, [vật] được nhận biết chỉ thông qua năm nẻo. Nhưng trong [tri thức] lâu dài, không có cái thấy bằng mắt hay lửa).**

[24] **Kinh Thượng: «Cửu, di dị thời dã.» 久，彌異時也. Kinh Thuyết: «Cửu, hợp cổ kim đán mạc.» 久，合古今旦莫.– Phùng Hữu Lan chú: Ở Kinh Thuyết, nguyên tác chép «Kim cửu cổ kim thả mạc» 今久古今且莫; ở đây tôi sửa theo hiệu đính của Hồ Thích. Còn chữ *mạc* 莫 nghĩa là *mộ* 暮 (chiều tối).– LAM chú: Chữ *di* 彌 là *biến* 遍 (khắp cả). Derk Bodde dịch: «*Canon I*: Duration is what reaches to different times. *Exposition*: Duration is what unites past and present, morning and evening.» (*Kinh Thượng*: Sự lâu dài là cái vươn tới những thời gian khác nhau. Kinh thuyết: Sự lâu dài là cái hợp nhất xưa và nay, sáng và chiều tối).**

[25] **Kinh Thượng: «Vũ, di dị sở dã.» 宇，彌異所也. Kinh Thuyết: «Vũ, trùng đông tây nam bắc.» 宇，冢東西南北.– Phùng Hữu Lan chú: Ở Kinh Thuyết, nguyên tác chép «Vũ, đông tây gia nam bắc» 宇，東西家南北; ở đây tôi sửa theo hiệu đính của Hồ Thích. Còn chữ *trủng* 冢 nghĩa là *mông* 蒙 (bao trùm).– LAM chú: Derk Bodde không dịch điều này. Điều trên nói về thời gian (*cửu* 久 ứng với *trụ* 宙), còn điều này nói về không gian (*vũ* 宇). *Hoài Nam Tử* (Tề Tục Huấn 齊俗訓) nói: «Từ xưa đến nay gọi là *trụ* (thời gian); bốn phương (đông, tây, nam, bắc) và trên dưới gọi là *vũ* (không gian).» (Vãng cổ lai kim vị chi trụ, tứ phương thượng hạ vị chi vũ 往古來今謂之宙，四方上下謂之宇). Do đó, từ *vũ trụ* 宇宙 (cosmos) bao gồm cả không gian lẫn thời gian.**

Cửu 久 tức là thời gian. *Vũ* 宇 tức là không gian. Tri thức của chúng ta đối với thời gian cố nhiên không phải do ngũ quan (năm giác quan) mà có.

Kinh Thượng nói: «Tư lự (*lự* 慮) là tìm cầu.» Kinh Thuyết nói: «Tư lự là lấy tri thức về nó để tìm cầu nó, mà không nhất thiết có được nó, giống như liếc nhìn.»[26]

Điều này nói đến hoạt động của tri thức có mục đích. Chúng ta vận dụng tri thức để mong đạt được một mục đích. Hoạt động của tri thức này gọi là *lự* 慮 (tư lự, suy nghĩ, trầm tư), tức là «tri thức về nó có sự tìm cầu» (tri chi hữu cầu). *Nghễ* 睨 tức là liếc nhìn (mục chi tà thị 目之斜視). Căng mắt mà nhìn không nhất thiết có mục đích. Nếu liếc nhìn thì ắt có mục đích. Nhưng thứ tri thức này không nhất thiết đạt được cái mà nó mong tìm, nên nói «không nhất thiết có được nó» (nhi bất tất đắc chi 而不必得之).

Về tài năng nhận biết của con người, *Mặc Kinh* thừa nhận nó là yếu tố của sinh mệnh.

Kinh Thượng nói: «Sinh mệnh (*sinh* 生) là hình thể hợp với tri thức.» Kinh Thuyết nói: «Sinh mệnh là sự sống của hình thể, thường không thể chắc chắn.»[27]

Kinh Thượng lại nói: «Khi ta nằm ngủ, tri giác không biết.» (Ngoạ, tri vô tri dã 臥, 知無知也).

Hình thể có tri giác thì sống, không có thì chết. Trạng thái có tri giác mà không biết gì hết, tức là khi ta nằm ngủ. Trạng thái không có tri giác và không biết gì hết, tức là chết.

---

[26] **Kinh Thượng: «Lự, cầu dã.» 慮, 求也. Kinh Thuyết: «Lự dã giả, dĩ kỳ tri hữu cầu dã, nhi bất tất đắc chi, nhược nghễ.» 慮也者, 以其知有求也, 而不必得之, 若睨.– LAM chú: Derk Bodde dịch: «*Canon I*: Cogitation (*lü* 慮) is a seeking for. *Exposition*: There is cogitation when there is seeking for something on the part of that which knows. But it need not obtain [what is seeking for], as in gazing sideways [at something].» (*Kinh I*: Tư lự [*lự* 慮] là tìm cầu. Kinh thuyết: Có tư lự khi có tìm cầu cái gì về phần của cái biết, nhưng không cần có [cái đang tìm], giống như khi liếc nhìn [vào vật gì]).**

[27] **Kinh Thượng: «Sinh, hình dữ tri xử dã.» 生, 形[1]與知處也. Kinh Thuyết: «Sinh, hình chi sinh, thường bất khả tất dã.» 生, 形[1]之生, 常[2]不可必也.– Phùng Hữu Lan chú: (a) *Hình* 形 tức là *hình* 形; (b) Chữ *hình* 形 nguyên tác là *doanh* 榮, tôi sửa theo Tất Nguyên; (c) Chữ *thường* 常 nguyên tác là *thương* 商, tôi sửa theo Tôn Di Nhượng. – LAM chú: Derk Bodde dịch: «*Canon I*: Life (*sheng* 生) is the body plus the knowing [faculty]. *Exposition*: Life: the life of bodies is ever something uncertain.» (*Kinh I*: Sinh mệnh là hình thể cộng với tri giác. Kinh thuyết: Sinh mệnh: sinh mệnh của các hình thể là một thứ không chắc chắn).**

Ngoài những định nghĩa trên, về phương diện lô-gíc, *Mặc Kinh* còn luận về khởi nguyên của tri thức và các loại tri thức.

Kinh Thượng nói: «Tri thức (*tri* 知) [có ba nguồn gốc] là: nghe (*văn* 聞), suy luận (*duyệt* 說), và kinh nghiệm cá nhân (*thân* 親); [tri thức có bốn loại là] *danh* 名, *thực* 實, *hợp* 合, và *vi* 爲.» Kinh Thuyết nói: «Loại tri thức do truyền thụ là nghe (*văn*). Loại tri thức không bị chướng ngại do thời gian và không gian là suy luận (*duyệt*). Loại tri thức do bản thân quan sát là kinh nghiệm cá nhân (*thân*). Cái dùng gọi tên vật là *danh*. Vật được gọi tên là *thực*. Danh và thực đi đôi nhau, gọi là *hợp*. Ý chí và hành vi, là làm (*vi*).»[28]

Văn, duyệt, thân là ba nguồn gốc của tri thức của chúng ta; *danh, thực, hợp, vi* là bốn chủng loại tri thức của chúng ta. Chúng được trình bày lần lượt sau đây.

Văn (nghe) ý nói chúng ta do được truyền thụ mà có tri thức. Về phương diện lịch sử, tri thức mà ta có thì thuộc loại này.

Duyệt (suy luận) ý nói chúng ta suy luận mà có được tri thức.

---

[28] **Kinh Thượng: «Tri, văn, duyệt, thân, danh, thực, hợp, vi.»** 知,聞,說,親,名,實,合,爲. **Kinh Thuyết: «Tri, truyền thụ chi, văn dã. Phương bất chướng, duyệt dã. Thân quan yên, thân dã. Sở dĩ vị, danh dã. Sở vị, thực dã. Danh thực ngẫu, hợp dã. Chí hành, vi dã.»** 知,傳受之,聞也.方不障,說也.身觀焉,親也.所以謂,名也.所謂,實也.名實耦,合也.志行,爲也.– **LAM chú: Derk Bodde dịch: «*Canon I*: Knowledge (*chih* 知) comprises hearing (*wen* 聞), inference (*shuo* 說), and personal experience (*ch'in* 親); there is that of names (*ming* 名), of actualities (*shih* 實), of correspondence (*ho* 合), and of action (*wei* 爲). *Exposition*: Knowledge: That which has been received through transmission is hearing; that which is not hindered by distance is inference; what is personally observed is personal experience. What designate are names; what are designated are actualities; when names and actualities pair with each other, this is correspondence; will (*chih* 志) and movement (*hsing* 行) constitute action.» (*Kinh I*: Tri thức (*tri* 知) gồm: nghe (*văn* 聞), suy luận (*thuyết* 說), và kinh nghiệm cá nhân (*thân* 親); có tri thức về danh (*danh* 名), về thực (*thực* 實), về hợp (*hợp* 合), và về hành động (*vi* 爲). Kinh thuyết: Tri thức: Cái được nhận thông qua sự truyền thụ là nghe; cái không bị cản trở do khoảng cách là suy luận; cái được đích thân quan sát là kinh nghiệm cá nhân. Cái gọi vật là danh; vật được gọi là thực; khi danh và thực đi đôi với nhau, đó là hợp; ý chí (*chí* 志) và di chuyển (*hành* 行) tạo ra hành động). Phùng Hữu Lan cho rằng ở đây đề cập ba nguồn gốc của tri thức (*văn, duyệt, thân*) và bốn loại tri thức (*danh, thực, hợp, vi*). Nguyễn Hiến Lê (sđd., tr.323-324) cho rằng ở đây đề cập ba loại tri thức (*văn, duyệt, thân*) và bốn yếu tố của tri thức (*danh, thực, hợp, vi*). Chữ 說 ông theo Cao Hanh đọc là *duyệt* 閱 (xem xét). Derk Bodde phiên âm *shuo* (tức là *thuyết*). Nguyễn Hiến Lê giảng *chí* 志 là mục đích, *hành* 行 là hành động, và *vi* 爲 là thực tiễn: «*Chí* phát ở trong lòng mình; *hành* phát ra ở ngoài. *Chí* là giai đoạn đầu; *hành* là giai đoạn sau. Biết mà không thực tiễn, không đưa tới hành động thì chưa đủ gọi là biết. Tri thức mà chỉ có tính cách viển vông, không thực tiễn ứng dụng được thì không thực là tri thức.»

Kinh Hạ nói: «[Khi ta] nghe cái chưa biết giống như cái đã biết, tức là [ta] biết cả hai.» Kinh Thuyết nói: «Cái ở bên ngoài [phòng] đã biết. Có người nói: "Màu của cái ở bên trong [phòng] giống màu của cái ở bên ngoài." Tức là cái chưa biết giống cái đã biết. Giữa đen và trắng, cái nào đúng? Cái [bên trong] có màu giống [cái bên ngoài]. Nếu [cái bên ngoài] trắng, thì [cái bên trong] ắt trắng. Nay ta biết màu nó là trắng, thì biết nó trắng. Danh là lấy cái đã hiểu rõ mà hiểu đúng cái chưa biết, chứ không lấy cái chưa biết mà suy ra cái đã hiểu rõ. Nó cũng giống như việc lấy thước mà đo một độ dài chưa biết. Về cái ở bên ngoài là tri thức do kinh nghiệm cá nhân (thân tri 親知); về cái bên trong phòng là tri thức do suy luận (duyệt tri 說知).»[29]

Chúng ta nhìn thấy vật màu trắng ở ngoài phòng, nhưng không biết vật ở trong phòng có màu gì. Có người nói: «Màu của vật ở trong phòng giống màu của vật ở ngoài phòng.» Vậy chúng ta biết màu của vật ở trong phòng là trắng chứ không phải đen. Bởi vì vật màu trắng trong thiên hạ thì nhiều vô cùng, nên tất cả chúng đều có thể được gộp lại thành một loại có danh là «vật màu trắng». Vậy một khi chúng ta biết rằng một vật nào đó được gọi là «vật màu trắng», thì chúng ta không cần chính mắt nhìn thấy nó để biết màu của nó như thế nào.

Đó gọi là tri thức «không bị chướng ngại do thời gian và không gian» (phương bất chướng 方不障). Tức là tri thức của chúng ta không thể bị thời gian và không gian hạn chế. Danh có thể giúp ta từ cái đã biết suy ra cái chưa biết, nên nói: «Danh là lấy cái đã hiểu rõ mà hiểu đúng cái chưa biết, chứ không lấy cái chưa biết mà suy ra cái đã hiểu rõ.»

Thân (kinh nghiệm cá nhân) ý nói chúng ta đích thân trải nghiệm mà có được tri thức. Tức là cái tài năng nhận biết của chúng ta tiếp xúc với sự vật cần biết mà ta có được tri thức. Mọi tri thức nếu truy tận nguồn gốc thì đều là tri thức do kinh nghiệm cá nhân (thân tri 親知). Thí dụ, ở phương

---

[29] **Kinh Hạ: «Văn sở bất tri nhược sở tri, tắc lưỡng tri chi.»** D所不知若所知，則兩知之. **Kinh Thuyết: «Văn tại ngoại giả sở (bất) tri dã. Hoặc viết: "Tại thất giả chi sắc, nhược thị kỳ sắc." Thị sở bất tri nhược sở tri dã. Do bạch nhược hắc dã, thuỳ thắng? Thị nhược kỳ sắc dã, nhược bạch giả tất bạch. Kim dã tri kỳ sắc chi nhược bạch dã, cố tri kỳ bạch dã. Phù danh dĩ sở minh chính sở bất tri, bất dĩ sở bất tri nghi sở minh. Nhược dĩ xích độ sở bất tri trường. Ngoại, thân tri dã; thất trung, duyệt tri dã.»** 聞在外所(不)[a]知也.或曰："在室者知色，若是其色."是所不知若所知也.猶白若黑也，誰勝?是若其色也，若白者必白.今也知其色之若白也，故知其白也.夫名以所明正所不知，不以所不知疑[b]所明.若尺度所不知長.外，親知也；室中，說知也.– **Phùng Hữu Lan chú: (a) Đặng Cao Kính 鄧高鏡 nói chữ *bất* 不 này là bị thêm vào. (b) Chữ *nghi* 疑 nghĩa là *nghĩ* 擬 (suy ra).**

diện lịch sử, khi chúng ta có tri thức do nghe (văn tri 聞知) về những sự kiện lịch sử, thì những người đầu tiên truyền đạt tri thức này hẳn đã có kinh nghiệm cá nhân về chúng. Tương tự thế, tuy ta chưa thấy một vật nhưng nếu ta biết danh của nó thì ta có thể suy ra mà biết đại khái tính chất và hình trạng của nó thế nào. Nhưng để có được tri thức này thì ta trước tiên đã có tri thức do kinh nghiệm cá nhân về các cá thể của vật được chỉ định bằng danh ấy. Cái tri thức mà bộ môn tri thức luận (epistemology) bàn luận chính là loại tri thức này.

Về chủng loại, tri thức của chúng ta có bốn loại:

Danh (tên) ý nói tri thức đối với danh. Danh là để chỉ *thực* (sự vật).

Kinh Thượng nói: «Danh [có ba loại]: *đạt* 達, *loại* 類, *tư* 私.» Kinh Thuyết nói: «Danh: vật là danh chung (*đạt* 達). Mọi cái thực phải mang danh này. Gọi nó là "ngựa", thì "ngựa" là danh chỉ loài (*loại* 類). Mọi cái thực thuộc loại ấy phải mang danh ấy. Gọi tên người đó là "Tang", thì "Tang" là danh riêng (*tư* 私). Cái danh này bị hạn chế bởi cái thực. Hễ âm thanh phát ra khỏi miệng thì đều có danh, giống như họ người là "Lệ".»[30]

Danh «vật» chỉ tất cả vật, là danh của loại tối cao (summun genus), tức là «đạt danh» 達名 (danh tổng quát). Hễ có cá thể, ắt dùng danh này, nên nói «mọi cái thực phải mang danh này» (hữu thực tất đãi chi danh dã 有實必待之名也). Danh «ngựa» chỉ một loại vật, tức là «loại danh» 類名. Cá thể thuộc loại này đều dùng danh này, nên nói «mọi cái thực thuộc loại ấy phải mang danh ấy» (nhược thực dã giả, tất dĩ thị danh dã 若實也者, 必以是名也). «Tang» là cái tên cố hữu của một người, tức là «tư danh» 私名 (danh riêng). Cái danh này chỉ một cá thể là có thể dùng, nên nói «cái danh này bị hạn chế bởi cái thực» (thị danh dã, chỉ ư thị thực dã 是名也, 止於是實也).[31]

---

[30] **Kinh Thượng: «Danh, đạt, loại, tư.» 名, 達, 類, 私. Kinh Thuyết: «Danh, vật, đạt dã. Hữu thực tất đãi chi danh dã. Mệnh chi mã, loại dã. Nhược thực dã giả, tất dĩ thị danh dã. Mệnh chi tang, tư dã. Thị danh dã, chỉ ư thị thực dã. Thanh xuất khẩu câu hữu danh, nhược tính tự Lệ.»** 名, 物, 達也. 有實必待之 [a]名 [b]也. 命之馬, 類也. 若實也者, 必以是名也. 命之臧, 私也. 是名也, 止於是實也. 聲出口俱有名, 若姓字麗 [c].– **Phùng Hữu Lan chú: (a) *Chi* 之 nguyên tác là *văn* 文, tôi sửa theo Tôn Di Nhượng; (b) *Danh* 名 nguyên tác là *đa* 名, tôi sửa theo Tôn Di Nhượng; (c) *Lệ* 麗 nguyên tác là *sái* 灑, tôi sửa theo Lương Khải Siêu.– LAM chú: Bản của Trương Thuần Nhất (tr.414) không có chữ *lệ* 麗.**

[31] **Thiên Đại Thủ nói rằng danh có thứ lấy hình trạng mà gọi (như *núi, gò, nhà, miếu*), có thứ lấy nơi chốn mà gọi (như *làng, xóm, Tề, Kinh*), có thứ lấy số lượng mà gọi. Loại sau không thấy cho thí dụ, nhưng nếu căn cứ câu văn có thể đoán là các tên về đơn vị đo lường, số đếm, v.v... Sự phân loại này không hoàn bị, e rằng một phần văn bản đã bị mất.**

Thực (vật) ý nói tri thức đối với thực. Thực là cái mà danh dùng để gọi nó, tức là cái cá thể được chỉ bằng danh.

Hợp (hợp nhau) ý nói tri thức đối với sự tương hợp của thực và danh; tức là tri thức đối với «danh và thực đi đôi nhau» (danh thực ngẫu 名實偶). Theo *Mặc Kinh*, có ba loại lấy danh gọi thực: *di* 移, *cử* 舉, *gia* 加.

Kinh Thượng nói: «Gọi tên [có ba loại]: *di* 移, *cử* 舉, *gia* 加.» Kinh Thuyết nói: «Gọi tên: Gọi chó con là "chó", đó là *di* (dời tên từ cụ thể đến tổng quát). Gọi một con vật là "chó con" và "chó", đó là *cử* (gọi đúng tên). Quát một con chó là "Chó!", đó là *gia* (gọi tên trực tiếp).»[32]

Cẩu là chó con chưa mọc lông dài mịn, tức là một loại chó. Gọi chó con là «chó» cũng như gọi ngựa trắng là «ngựa». Đó gọi là *di* (dời tên).

Kinh Thượng nói: «*Cử* (gọi đúng tên) là mô tả cái thực.» Kinh Thuyết nói: «Gọi đúng tên là nói đến một vật bằng cách lấy cái danh để nêu đúng cái thực.»[33] Nêu cái *danh* «chó con» và «chó» là chỉ tổng quát các *thực* là chó con và chó; nên gọi là *cử* (gọi đúng tên).

Để chỉ một con chó cụ thể và ta quát nó là «Chó!» (ý nói «chó đấy») tức là thêm cái danh «chó» vào cá thể ấy; nên gọi là *gia* (gọi tên trực tiếp).

Khi ta nói: «Chó con là chó.» tức là đã có nghi vấn: Chó con có phải là chó hay không? Khi ta nói: «Đây là chó con.» tức là đã có nghi vấn: Đây có phải là chó con hay không? Nói cách khác, ta phải chú ý xem cái danh mà ta dùng có hợp với cái thực không. Cái tri thức xem cái danh được dùng có tương hợp cái thực không tức là tri thức đối với sự tương hợp của thực và danh; nên gọi là *hợp* (hợp nhau).

Vi (làm) ý nói tri thức mà qua đó ta biết cách làm một sự việc. «Ý chí và hành vi, là làm» (Chí, hành, vi đã 志,行,爲也). Ta làm một sự

---

[32] **Kinh Thượng: «Vị: di, cử, gia.» 謂:移, 舉, 加. Kinh Thuyết: «Vị: mệnh cẩu, khuyển, di dã. Cẩu khuyển, cử dã. Sất cẩu, gia dã.» 謂:命狗, 犬, 移也. 狗犬, 舉也. 叱狗, 加也.– LAM chú: *Cẩu* là chó con, *khuyển* là chó nói chung. Khi gọi chó con (hay chó cha, chó mẹ, chó mực, chó cò, v.v...) là «chó», tức là từ cái cụ thể chuyển sang cái tổng quát; nên gọi là *di* (dời). Vật gì thì gọi đúng tên nó, đó là *cử*, như gọi chó con là «chó con», gọi con chó là «chó», gọi người là «người». Gặp một con chó, ta quát «Chó!», gặp một người tên Hùng, ta gọi «Hùng!», đó là *gia* (gọi tên trực tiếp).**

[33] **Kinh Thượng: «Cử nghĩ thực dã.» 舉擬實也. Kinh Thuyết: «Cử cáo dĩ chi danh cử bỉ thực dã.» 舉告以之名舉彼實也.– LAM chú: Phùng Hữu Lan giảng *cử* là *phiếm chỉ* 汎指 (chỉ tổng quát, chỉ chung) một *thực*. Derk Bodde dịch *cử* là «general appellation» (gọi tên chung).**

việc, tất phải có mục đích và có hành vi. Mục đích gọi là «chí», hành vi gọi là «hành». Hợp «chí» với «hành», gọi chung là «vi» (làm). *Vi* 爲 có sáu loại: *tồn* 存, *vong* 亡, *dịch* 易, *đãng* 蕩, *trị* 治, *hoá* 化.

Kinh Thượng nói: «Vi 爲 (làm) [có sáu loại]: *tồn* 存, *vong* 亡, *dịch* 易, *đãng* 蕩, *trị* 治, *hoá* 化.» Kinh Thuyết nói: «Làm [có sáu loại]: Làm áo giáp và xây cái đài là làm cho còn (*tồn*). Bệnh, là làm cho mất (*vong*). Mua và bán là giao dịch (*dịch*). Tiêu diệt hết là trừ hại (*đãng*). Phát triển là tăng trưởng (*trị*). Ếch nhái và chuột [biến thành chim cút], đó là chuyển hoá (*hoá*).»[34]

Ở đây phân loại hành động theo mục đích (tức là «chí» 志) khác nhau. Kinh Thượng nói: «Cái đã làm có thể làm cho thành hay làm cho mất.» (Dĩ, thành, vong 已, 成, 亡). Kinh Thuyết nói: «Cái đã làm: May áo là là làm cho thành; trị bệnh là làm cho hết bệnh.» (Dĩ: vi y, thành dã; trị bệnh, vong dã 已:爲衣, 成也;治病, 亡也). Ý nói may áo là làm cho thành cái áo thì thôi; trị bệnh thì làm cho hết bệnh thì thôi. Chế tạo cái áo giáp và xây cái đài là lấy sự tồn tại của chúng làm mục đích; cho nên làm cho còn (*tồn*) là làm (*vi*). Mua bán lấy giao dịch tức đổi chác làm mục đích; cho nên giao dịch (*dịch*) là làm (*vi*). Tiêu diệt và trừ sạch gọi là *đãng* (trừ hại). Trong công việc có khi chúng ta muốn diệt trừ sạch sẽ cái gì đó; cho nên trừ hại (*đãng*) là làm (*vi*). Thuận theo sự nuôi lớn gọi là *trị*. Trong công việc có khi chúng ta muốn phát triển cái gì đó; cho nên phát triển (*trị*) là làm (*vi*). Kinh Thượng nói: «Hoá là sự biến đổi có thể nhận biết.» (Hoá, trưng dịch dã 化, 徵易也). Kinh Thuyết nói: «Hoá, giống như ếch nhái biến thành chim cút.» (Hoá, nhược

---

[34] **Kinh Thượng: «Vi: Tồn, vong, dịch, đãng, trị, hoá.»** 爲: 存, 亡, 易, 蕩, 治, 化. **Kinh Thuyết: «Vi: Giáp đài, tồn dã. Bệnh, vong dã. Mãi dục, dịch dã. Tiêu tận, đãng dã. Thuận trưởng, trị dã. Oa thử, hoá dã.»** 爲: 甲[a]臺, 存也. 病, 亡也. 買鬻, 易也. 消[b]盡, 蕩也. 順長, 治也. 鼃(主+黽)鼠[c], 化也. – **Phùng Hữu Lan chú: (a)** 甲 **nguyên tác chép là** *tảo* 早; **(b)** 消 **nguyên tác chép là** *tiêu* 霄; **(c)** 鼠 **nguyên tác chép là** *mãi* 買. **Ba chữ ấy, tôi sửa theo hiệu đính của Tôn Di Nhượng. – LAM chú:** *Oa* 鼃(主+黽) **cũng viết** 鼆, **là** *thanh oa* 青蛙 **(con nhái). Chữ** 鬻 **có hai âm:** *chúc* /zhou/ **(tức là** *chúc* 粥: **cháo) và** *dục* /yù/ **(bán; nấu chín; khoe khoang; mù; họ Chúc). Xem:** *Nan Tự Đại Tự Điển*, **tr.468, 495. Vậy** *mãi dục* 買鬻 **là** *mãi mại* 買賣: **mua bán;** *giáp đài* 甲臺: **làm áo giáp, xây cái đài;** *đãng* 蕩: **trừ hại. Theo** *Liệt Tử*, **ếch nhái và chuột đồng có thể hoá thành chim cút. Derk Bodde dịch: «***Canon I***: Action consists in preservation, destruction, exchange, diminution, accretion, and transformation.** ***Exposition***: **Action: Fortifying a terrace is preservation; sickness is destruction; buying and selling are exchange; emptying is diminution; growth is accretion; frogs and rats are [cases of] transformation.» (***Kinh I***: Hành động là bảo tồn, diệt vong, giao dịch, giảm bớt, tăng trưởng, và chuyển hoá.** ***Thuyết***: Hành động: Làm kiên cố một cái đài là bảo tồn; bệnh là diệt vong; mua bán là giao dịch; làm trống rỗng là giảm bớt; phát triển là tăng trưởng; ếch nhái và chuột là [các trường hợp của] chuyển hoá).**

oa vi thuần 化，若蛙爲鶉). *Liệt Tử* (Thiên Thuỵ) nói: «Chuột đồng biến thành chim cút.» (Điền thử chi vi thuần 田鼠之爲鶉). Theo truyền thuyết, ếch nhái và chuột đồng có thể biến thành chim cút. Trong công việc có khi chúng ta muốn cái gì đó chuyển hoá dần dần; cho nên chuyển hoá (*hoá*) là làm (*vi*). Để đạt được mục đích, chúng ta tất phải có hành vi tương ứng. Tri thức mà qua đó chúng ta biết phải có hành vi thế nào cũng được gọi tên là *vi* (làm).

Mặc Tử chú trọng quan niệm thực dụng. *Mặc Kinh* cũng bảo tồn quan niệm ấy.

Kinh Hạ nói: «Ta biết cái mà ta không biết; lý do là ở sự chọn danh.» Kinh Thuyết nói: «[Thử ai xem có biết không]: Hãy để lẫn lộn cái hắn đã biết chung với cái hắn chưa biết, rồi hỏi hắn. Hắn ắt phải nói: "Cái này tôi biết." hoặc "Cái này tôi không biết." Nếu hắn có thể chọn hay bỏ, tức là hắn biết cả hai.»[35]

Mặc Tử nói: «[Kẻ mù nói:] "Cái trắng thì trắng. Cái đen thì đen." Dẫu người mắt sáng cũng không cãi được hắn. Nếu để cái đen chung với cái trắng và bảo kẻ mù đó chọn, thì hắn không biết. Cho nên ta nói: Kẻ mù không biết đen hay trắng; điều ấy không phải ở cái danh, mà ở sự chọn lấy.»[36]

Có thể lấy danh mà chọn vật, tức là có thể lấy tri thức ứng dụng vào hành vi.[37]

---

[35] **Kinh Hạ: «Tri kỳ sở dĩ bất tri, thuyết tại dĩ danh thủ.»** 知其所以不知，說在以名取. **Kinh Thuyết: «Tri, tạp sở tri dữ sở bất tri nhi vấn chi. Tắc tất viết, thị sở tri dã, thị sở bất tri dã. Thủ khử câu năng chi, thị lưỡng tri chi dã.»** 知，雜所知與所不知而問之，則必曰，是所知也，是所不知也．取去俱能之，是兩知之也．

[36] ***Mặc Tử* (Quý Nghĩa): «Cự giả, bạch dã. Kiểm giả, hắc dã. Tuy minh mục giả vô dĩ dịch chi. Kiêm bạch hắc sử cổ thủ yên, bất năng tri dã. Cố ngã viết: Cổ bất tri bạch hắc giả, phi dĩ kỳ danh dã, dĩ kỳ thủ dã.»** 鉅者，白也．黔者，黑也．雖明目者無以易之．兼白黑使瞽取焉，不能知也．故我曰：瞽不知白黑者，非以其名也，以其取也．- **Phùng Hữu Lan chú: Chữ *cự* 鉅 này Du Việt nói lẽ ra là *khởi* 豈, là giả tá của *ngại* 皚 (trắng sạch).**

[37] **LAM chú: Tóm tắt về tri thức luận của *Mặc Kinh* (theo giảng giải của Phùng Hữu Lan):**

* ***Tri thức có thể thông qua giác quan, hoặc không*: Loại tri thức thông qua giác quan có bốn điều kiện: (1) Bản năng hay tài năng (*tài* 材) hay ngũ quan còn đủ; thông qua «năm nẻo» đó ta có được tri thức; (2) Giác quan tiếp xúc (*tiếp* 接) ngoại vật; (3) Suy luận (*luận* 論) về đối tượng; (4) Có mục đích, tức tư lự (*lự* 慮) để tìm cầu một điều gì. Cũng có loại tri thức**

4. Luận về sự biện luận

Tri thức của chúng ta được diễn đạt bằng ngôn ngữ, gọi là lời nói (*ngôn* 言).

Kinh Thượng nói: «Lời nói (*ngôn*) là xuất ra sự đề cập. [...] Lời nói là cái lợi của miệng. [...] Bằng cái được nói mà ý của ta được người khác hiểu, đó là sự biện luận của tâm.» Kinh Thuyết nói: «Cho nên lời nói là cái mà miệng nào cũng làm được, và là cái xuất ra các danh. Danh [là để chỉ thực], giống như vẽ cọp. Lời nói phải vững chắc như đá.»[38]

Mặc Tử nói: «Lấy lời họ mà phản bác lời ta, khác nào lấy trứng chọi đá.»[39] Lại nói: «Lời nói thì chú trọng trí tuệ chứ không chú trọng nhiều, chú trọng xem xét tỉ mỉ chứ không chú trọng văn vẻ.»[40] Do đó, «lời nói phải vững chắc như đá» (ngôn do thạch trí 言猶石致). Muốn đạt được mục đích ấy, thì lời nói của chúng ta phải tuân thủ một số phép tắc nhất định; thiên Tiểu Thủ gọi đó là «phép tắc của biện luận». Chữ «biện» 辯 (biện luận) có nghĩa rộng và nghĩa hẹp. Kinh Thượng và Kinh

không thông qua giác quan, thí dụ như tri thức lâu đời.

* ***Khởi nguyên của tri thức và các loại tri thức***: Tri thức có ba nguồn gốc là: nghe (*văn* 聞), suy luận (*duyệt* 說), kinh nghiệm cá nhân (*thân* 親); và có bốn loại là: *danh* 名, *thực* 實, *hợp* 合, *vi* 爲.

(a)- *Danh* (tên) ý nói tri thức đối với danh. Danh là để chỉ *thực* (sự vật). Danh có ba loại: *đạt* 達 (danh chung), *loại* 類 (danh chỉ loài), *tư* 私 (danh riêng).

(b)- *Thực* (vật) ý nói tri thức đối với *thực*. Ta dùng cái tên để gọi một vật (tức là lấy *danh* chỉ *thực*).

(c)- *Hợp* (hợp nhau) ý nói tri thức đối với sự tương hợp của *thực* và *danh*. Có ba loại tương hợp giữa *danh* và *thực*: *di* 移 (dời tên từ cụ thể đến tổng quát), *cử* 舉 (gọi đúng tên), *gia* 加 (gọi tên trực tiếp).

(d)- *Vi* (làm) ý nói tri thức mà qua đó ta biết cách làm một sự việc. *Vi* có sáu loại (theo mục đích): *tồn* 存 (làm cho còn), *vong* 亡 (làm cho mất), *dịch* 易 (giao dịch), *đãng* 蕩 (trừ hại), *trị* 治 (tăng trưởng), *hoá* 化 (chuyển hoá).

* ***Tính chất thực tế của tri thức***: Theo Mặc học, ta cần lấy tri thức ứng dụng vào hành vi. Tri thức có vận dụng được vào đời sống thực tế thì mới thực là tri thức.

[38] **Kinh Thượng: «Ngôn, xuất cử dã. [...] Ngôn, khẩu chi lợi dã. [...] Chấp sở ngôn nhi ý đắc kiến, tâm chi biện dã.»** 言，出舉也.[...]言，口之利也.[...]執所言而意得見，心之辯也. **Kinh Thuyết: «Cố ngôn dã giả, chư khẩu năng chi, xuất danh giả dã. Danh, nhược hoạ hổ dã. Ngôn dã, vị ngôn do thạch trí dã.»** 故言也者，諸口能之，出名[a]者也. 名[b]，若畫虎也. 言也，謂言猶石致也.– **Phùng Hữu Lan chú: (a) và (b) Hai chữ *danh* 名 nguyên tác đều chép là *dân* 民, tôi sửa theo Tôn Di Nhượng.**

[39] ***Mặc Tử*** **(Quý Nghĩa): «Dĩ kỳ ngôn phi ngô ngôn giả, thị do dĩ noãn đầu thạch dã.»** 以其言非吾言者，是猶以卵投石也.

[40] ***Mặc Tử*** **(Tu Thân): «Ngôn vô vụ vi đa nhi vụ vi trí, vô vụ vi văn nhi vụ vi sát.»** 言無務爲多而務爲智，無務爲文而務爲察.

Thuyết nói chữ «biện» 辯 với nghĩa hẹp, và nó khác với chữ «thuyết» 說 mà Kinh Thượng và Kinh Thuyết nói.

Kinh Thượng nói: «Thuyết là để nói rõ. [...] Nếu điều ấy không thể đúng, thì hai bên không thể xem là đúng. [...] Biện là tranh biện về cái gì. Hễ tranh biện, ai thắng là đúng.» Kinh Thuyết nói: «Về cái đó: Que xỏ giàm trâu (*ngưu xu*) không phải là trâu. Nếu hai bên đồng ý, thì sẽ không có tranh luận. Còn như tranh luận thì có người bảo nó là trâu; có người bảo nó không phải là trâu; tức là tranh luận về cái đó. Không thể hai bên cùng đúng. Vì hai bên không cùng đúng, tất có một bên sai, thí dụ bên sai nói nó là chó.»[41]

Kinh Thuyết Hạ nói: «Khi tranh biện, có người nói đúng; có người nói sai. Ai đúng thì thắng.» (Biện dã giả, hoặc vị chi thị, hoặc vị chi phi; đương giả thắng dã 辯也者,或謂之是,或謂之非;當者勝也).

Ở đây xem «biện» là sự tranh biện giữa hai bên. Nếu chỉ có một thuyết, bên này có thể khẳng định, bên kia cũng có thể khẳng định. Hoặc là, bên này không thể khẳng định, bên kia cũng không thể khẳng định. Thí dụ, bên này nói *ngưu xu* không phải là trâu, và bên kia cũng nói thế; tức là không có tranh luận. Nếu bên này nói *ngưu xu* là trâu nhưng bên kia nói không phải, tức là có tranh luận. Hễ tranh luận, ai đúng thì thắng.

Trên đây nói «biện» theo nghĩa hẹp là tranh luận. Ở thiên Tiểu Thủ, ý nghĩa chữ «biện» có phạm vi rộng hơn: «*Biện* (biện thuyết) là làm rõ sự phân biệt đúng sai, xét manh mối của trị loạn, làm rõ chỗ giống và khác, xét cái lý của danh và thực, xử lý lợi và hại, giải quyết hiềm nghi. *Biện* là mô tả hình thức của vạn vật, luận bàn để tìm cách so sánh những lời lẽ khác nhau. Lấy danh để nêu ra cái thực, lấy từ để diễn ý, lấy thuyết để đưa ra nguyên nhân, theo loại mà lấy, theo loại mà cho. Hễ mình có thì đừng

---

[41] **Kinh Thượng: «Thuyết, sở dĩ minh dã. [...] Du bất khả, lưỡng bất khả dã. [...] Biện, tranh bỉ dã. Biện, thắng đương dã.»** 說,所以明也 [...] 攸不可,兩不可也 [...] 辯,爭彼也.辯,勝當也. **Kinh Thuyết: «Bỉ, phàm ngưu xu phi ngưu, lưỡng dã, vô dĩ phi dã. Biện, hoặc vị chi ngưu, hoặc vị chi phi ngưu, thị tranh bỉ dã. Thị bất câu đương, bất câu đương, tất hoặc bất đương, bất đương nhược khuyển.»** 彼,凡牛樞非牛,兩也,無以非也.辯,或謂之牛,或謂之非牛,是爭彼也.是不俱當,不俱當,必或不當,不當若犬.– **LAM chú: Trương Thuần Nhất (tr.410) sửa «*du bất khả*»** 攸不可 **thành «*bỉ bất khả*»** 彼不可. **Tôn Di Nhượng nghi «*ngưu xu*»** 牛樞 **là tên một loài cây (nghi mộc danh** 疑木名**), nên Derk Bodde dịch theo là «ox-trees». Còn Trương Thuần Nhất (tr.410) nghi «*ngưu xu*» là que xỏ giàm trâu: «Nghi là que gỗ xỏ ngang mũi trâu mẹ để khống chế sự đi đứng của nó.» (Nghi vi hoành mẫu ngưu tị, chế ngưu hành chỉ chi mộc** 疑爲橫母牛鼻制牛行止之木).

chê người có. Hễ mình không có, thì đừng đòi hỏi người có.»[42]

Ở đây nói sáu công dụng của *biện* (biện thuyết): (1) *Minh thị phi* 明是非 (làm rõ đúng sai); (2) *Thẩm trị loạn* 審治亂 (xét trị loạn); (3) *Minh đồng dị* 明同異 (làm rõ chỗ giống và khác); (4) *Sát danh thực* 察名實 (xét danh và thực); (5) *Xử lợi hại* 處利害 (xử lý lợi và hại); (6) *Quyết hiềm nghi* 決嫌疑 (giải quyết hiềm nghi).

Còn phương pháp biện thuyết là: «Lấy danh để nêu ra cái thực, lấy từ để diễn ý, lấy thuyết để đưa ra nguyên nhân.» (Dĩ danh cử thực, dĩ từ trữ ý, dĩ thuyết xuất cố 以名舉實,以辭抒意,以說出故). Ở trên tôi đã giải thích rõ «dĩ danh cử thực» (lấy danh để nêu ra cái thực) rồi. Trong «dĩ từ trữ ý» (lấy từ để diễn ý), chữ «từ» 辭 tức là cái mà nay chúng ta gọi là «mệnh đề» 命題. Hợp hai cái danh để biểu đạt một ý thì gọi là «từ»; nên nói «lấy từ để diễn ý». *Tuân Tử* (Chính Danh) cũng nói như thế: «Kết hợp các danh của các cái thực khác nhau để luận một ý.» (Kiêm dị thực chi danh dĩ luận nhất ý 兼異實之名之論一意).

Kinh Thượng nói: «Nguyên nhân (*cố* 故) là cái mà hễ cái gì có được nó thì sau sẽ thành.» Kinh Thuyết nói: «Về nguyên nhân (*cố* 故): *Tiểu cố* (nguyên nhân nhỏ) là nguyên nhân mà hễ có nó thì [kết quả] không nhất thiết phải như vậy, hễ không có nó thì [một sự việc] không hề như vậy; thí dụ một điểm trên một đường. *Đại cố* (nguyên nhân lớn) là nguyên nhân mà hễ có nó thì [kết quả] phải như vậy, hễ không có nó thì [một sự việc] không hề như vậy; thí dụ hễ nhìn vật gì thì [kết quả là]

---

[42] **Tiểu Thủ: «Phù biện giả, tương dĩ minh thị phi chi phân, thẩm trị loạn chi kỷ, minh đồng dị chi xứ, sát danh thực chi lý, xử lợi hại, quyết hiềm nghi. Yên mô lược vạn vật chi nhiên, luận cầu quần ngôn chi tỷ. Dĩ danh cử thực, dĩ từ trữ ý, dĩ thuyết xuất cố, dĩ loại thủ, dĩ loại dữ. Hữu chư kỷ, bất phi chư nhân; vô chư kỷ, bất cầu chư nhân.»** 夫辯者,將以明是非之分,審治亂之紀,明同異之處,察名實之理,處利害,決嫌疑.焉摹略萬物之然,論求群言之比.以名舉實,以辭抒意,以說出故,以類取,以類予,有諸己,不非諸人;無諸己,不求諸人.**– LAM chú: Nguyễn Hiến Lê (*sđd.*, tr.334) dịch: «Biện là để làm sáng tỏ điều phải trái; xét cho ra mối manh trị loạn; làm cho rõ chỗ *dị đồng*[*]; xét cái lí của "danh" và "thực"; biết đâu là lợi hại; giải quyết sự hiềm nghi. Biện là để mô tả hình dung, tóm thâu ý nghĩa của muôn vật; bàn bạc suy tìm cái hay của các lời nói. Lấy "danh" để biểu thị cái "thực", lấy "từ" để giải bày ý, lấy "thuyết" để nói rõ lí do (*cớ*), lấy điều đã biết để loại suy điều chưa biết; hễ có ở nơi mình thì đừng chê ở nơi người; hễ không có ở nơi mình thì đừng đòi hỏi ở nơi người.» – [*] Trong sách in là *bị động* do khâu biên tập sai, vì phần phiên âm Hán Việt tương ứng chép rõ là «minh dị đồng chi xứ»; tôi sửa lại là *dị đồng*. Hai câu chót, Nguyễn Hiến Lê (tr.336) giảng: «Sau cùng là hai chuẩn tắc của một biện luận để tránh mâu thuẫn: 1- Hễ có ở nơi mình thì đừng chê ở nơi người, nghĩa là điều gì mình đã thừa nhận thì không được chối bỏ, bắt bẻ nơi người. 2- Hễ không có ở nơi mình thì đừng đòi hỏi ở nơi người, nghĩa là điều gì mình đã không thừa nhận thì không được bắt người khác phải thừa nhận.»**

có cái thấy về vật đó.»[43]

Kinh Thượng nói: «Điểm (*đoan*) là cái có trước tiên và không có bề dày của đường (*thể*).» (Đoan, thể chi vô hậu nhi tối tiền giả dã 端，體之無厚而最前者也). Có điểm (*đoan*) thì không nhất thiết thành đường (*thể*). Cho nên nói: «Hễ có nó thì [kết quả] không nhất thiết phải như vậy, hễ không có nó thì [một sự việc] không hề như vậy.» (hữu chi bất tất nhiên, vô chi tất bất nhiên 有之不必然，無之必不然). Ở đây, cái gọi là «tiểu cố» tức là cái mà ngày nay môn lô-gíc gọi là «nguyên nhân tất yếu» (nguyên nhân ắt có: necessary cause); còn cái gọi là «đại cố» tức là cái mà ngày nay môn lô-gíc gọi là «nguyên nhân tất yếu và đủ» (nguyên nhân ắt có và đủ: sufficient and necessary cause). Về cái mà ngày nay môn lô-gíc gọi là «nguyên nhân đủ» (sufficient cause) – tức là «hễ có nó thì [kết quả] phải như vậy, hễ không có nó thì [một sự việc] có thể như vậy hoặc không như vậy» (hữu chi tất nhiên, vô chi bất tất bất nhiên) – thì *Mặc Kinh* không nhắc đến. *Cố* 故 là nguyên nhân của một sự việc. «Dĩ thuyết xuất cố» 以說出故 tức là lấy ngôn ngữ để nói ra nguyên nhân, cũng tức là lấy ngôn ngữ để thuyết minh lý do của một «từ» 辭 (mệnh đề) mà chúng ta đưa ra. Cho nên Kinh Thượng nói:

---

[43] **Kinh Thượng: «Cố, *sở đắc nhi hậu thành dã*.»** 故，所得而後成也. **Kinh Thuyết: «Cố, tiểu cố hữu chi bất tất nhiên, vô chi tất bất nhiên. Thể dã, nhược hữu đoan. Đại cố hữu chi tất nhiên, vô chi tất bất nhiên, nhược kiến chi thành kiến dã.»** 故，小故有之不必然，無之必不然. 體也，若有端. 大故有之必然，無之必不然，若見之成見也. **– Phùng Hữu Lan chú: Ở sau *đại cố* 大故 tôi theo hiệu đính của Tôn Di Nhượng. – LAM chú: Bản Trương Thuần Nhất (tr.370) chép «thể dã giả, hữu đoan»** 體也者，有端, **và nói bản cũ chép năm chữ này trước hai chữ *đại cố*, nhưng Trương Huệ Ngôn (*Mặc Tử* Kinh thuyết *Giải*) tách năm chữ này ra, và xếp sau câu «Thể: phân ư kiêm dã»** 體：分於兼也. **Trương Thuần Nhất giảng: «Cái mà Mặc Kinh gọi là *xích* đều là đường trong môn hình học; cái mà Mặc Kinh gọi là *đoan* tức là điểm trên một đường. *Thể* giống như điểm trên một đường, ý nói điểm là một *thể* (bộ phận) của đường.» (Phàm Mặc Kinh sở vị xích giai đương kỷ hà học chi tuyến; sở vị đoan đương kỳ điểm. Thể nhược xích chi đoan giả, vị điểm vi tuyến chi nhất thể** 凡墨經所謂尺皆當幾何學之線；所謂端當其點. 體若尺之端者，謂點爲線之一體). **Derk Bodde dịch «Thể dã, nhược hữu đoan» là «*For example, a point in a line.*» (Thí dụ, một điểm trên một đường). Derk Bodde hiểu *thể* là đường, vì ông ghi chú: «*Literally 'body' (t'i* 體*), a word which in these texts means line.*» (Theo nghĩa đen, *thể*, một từ trong các bản văn này có nghĩa là đường). Nhưng chữ *thể* này là chữ *thể* trong Kinh Thượng: «Thể: phân ư kiêm dã»** 體：分於兼也. **Cao Hanh (*Mặc Kinh Hiệu Thuyên*) giảng *kiêm* là tổng thể của vật và *thể* là bộ phận của vật. Bộ phận đo tổng thể (toàn thể) chia ra. (Xem: Nguyễn Hiến Lê, *sđd.*, tr.271). Cho nên Trương Huệ Ngôn xử lý năm chữ «thể dã giả, hữu đoan» là có lý. Ở đây Phùng Hữu Lan (cũng như Cao Hanh) giữ ý «thể giả, nhược hữu đoan» trước *đại cố*. Năm chữ này tôi tạm dịch theo Derk Bodde (vì dường như Phùng Hữu Lan cũng hiểu như thế). Lẽ ra nên hiểu là «Thể giả, nhược *xích* hữu đoan»** 體者若尺有端 **(Bộ phận giống như một đường có nhiều điểm) hay là «Thể giả, nhược *xích chi* đoan»** 體者若尺之端 **(Bộ phận giống như một điểm của một đường).**

«Thuyết là để nói rõ.» (Thuyết, sở dĩ minh dã 說，所以明也)

Có bảy phương pháp lập thuyết: *Hoặc* 或(có thể), *giả* 假(giả thiết), *hiệu* 效(noi theo), *thí* 辟(譬 ví dụ), *mâu* 侔(so sánh), *viện* 援(viện dẫn sự tương tự), *suy* 推(suy ra).

Thiên Tiểu Thủ nói: «*Hoặc* 或(có thể) là không hết. *Giả* 假(giả thiết) là nay không như thế. *Hiệu* 效(noi theo) là bắt chước. Cái được bắt chước là cái được xem là mẫu (*pháp*). Nguyên nhân trúng với *hiệu* thì đúng, không trúng *hiệu* thì sai. Đó gọi là sự noi theo hay bắt chước (*hiệu*). *Thí* 辟(譬 thí dụ) là nêu vật khác để làm rõ vấn đề. *Mâu* 侔(so sánh) là so sánh hai mệnh đề (*từ* 辭) để chúng cùng đi. «Viện» 援(viện dẫn sự tương tự), như nói: *Anh có thể nói như thế; sao tôi không thể nói như thế?* Suy 推 (suy ra) là khi cái chưa được nhận giống với cái đã được nhận, thì cái chưa được nhận sẽ được nhận; như nói: *Cái kia giống, cớ sao tôi phải nói cái kia khác?*»[44]

«Hoặc» 或(có thể) là không hết (bất tận 不盡). Kinh Thượng nói: «*Tận* là không gì mà không như thế.» (Tận, mạc bất nhiên dã 盡，莫不然也). Một loại sự vật đối với một tính chất, có khi không phải như thế. Thí dụ, ngựa không bắt buộc phải là trắng cả. Ở đây chúng ta chỉ có thể nói: «Có con ngựa màu trắng.» chứ không thể nói: «Ngựa thì trắng.» Đôi khi tri thức của chúng ta đối với một sự vật thì không hoàn toàn, tức là đối với sự vật ấy chúng ta cũng chỉ có thể phỏng đoán thôi. Thí dụ con ngựa kia màu trắng, nhưng chúng ta không biết quả thực các con ngựa thì trắng hay không, nên ta chỉ có thể nói: «Con ngựa kia thì trắng.»

«Giả» 假(giả thiết) là nay không như thế. Đối với sự vật, chúng ta có thể tưởng tượng một điều kiện rồi đoán một tình hình sẽ ra sao với điều kiện ấy. Thí dụ Khổng Tử nói: «Giả sử có ai dùng ta [làm việc

---

[44] **Tiểu Thủ: «Hoặc dã giả, bất tận dã. Giả dã giả, kim bất nhiên dã. Hiệu dã giả, vi chi pháp dã. Sở hiệu giả, sở dĩ vi chi pháp dã. Cố trúng hiệu tắc thị dã, bất trúng hiệu tắc phi dã. Thử hiệu dã. Thí (a) dã giả, cử dã (b) vật nhi dĩ minh chi dã. Mâu dã giả, tỉ từ nhi câu hành dã. Viện dã giả, viết: Tử nhiên, ngã hề độc bất khả dĩ nhiên dã. Suy dã giả, dĩ kỳ sở bất thủ chi đồng ư kỳ sở thủ giả dữ chi dã. Thị do vị dã (c) giả đồng dã, ngộ khởi vị dã (c) giả dị dã.»** 或也者，不盡也．假也者，今不然也．效也者，爲之法也．所效者，所以爲之法也．故中效則是也，不中效則非也．此效也．辟(譬)(a)也者，舉也(他)(b)物而以明之也．侔也者，比辭而俱行也．援也者，曰：子然，我奚獨不可以然也．推也者，以其所不取之同於其所取者予之也．是猶謂也(他)(c)者同也．吾豈謂也(他)(c)者異也．– **LAM chú: (a) Tất Nguyên bảo chữ *tịch* 辟 tức là chữ *thí* 譬 (thí dụ); (b) Bản xưa chép là *dã* 也, Tào Kính Sơ chép là *tha* 他. Xem: Trương Thuần Nhất (*sđd*., tr.544). (c) Hai chữ *dã* 也 này Phùng Hữu Lan nói phải đọc là *tha* 他.**

nước], thì sau 12 tháng việc sẽ khá, và sau 3 năm việc sẽ hoàn thành.»[45] «Giả sử có ai dùng ta» không phải là một sự thực lúc Khổng Tử đang nói, mà ông giả định một điều kiện. Cho nên nói: «Giả thiết là nay không như thế.»

«Hiệu» 效 là bắt chước (*pháp* 法). Về chữ *pháp*, Kinh Thượng nói: «*Pháp* là cái noi theo đó mà làm như thế.» Kinh Thuyết nói: «*Pháp*: ý niệm (về đường tròn), com-pa, đường tròn; ba thứ đó đều có thể noi theo (mà vẽ đường tròn).»[46] Kinh Hạ nói: «Sự tương tự của các vật có cùng một *pháp* khai triển cho tất cả các vật trong một loại; thí dụ sự tương hợp của các hình vuông; lý do là vì chúng vuông.» Kinh Thuyết nói: «Mọi vật thuộc loại hình vuông thì đều có cùng một *pháp* tuy chúng có chỗ khác nhau, như bằng gỗ hay bằng đá, nhưng điều ấy không hại sự tương hợp của tính chất vuông của chúng. Tất cả chúng cùng một loại hình vuông.

---

[45] **LAM chú: Phùng Hữu Lan chép: «*Như* hữu dụng ngã giả, cơ nguyệt nhi dĩ khả hĩ; tam niên hữu thành.» 如有用我，期月而以可矣；三年有成. Kỳ thực, nguyên văn là: «*Cẩu* hữu dụng ngã giả, cơ nguyệt nhi dĩ khả hĩ; tam niên hữu thành.» 苟有用我，期月而以可矣；三年有成. Chữ *kỳ* 期 /qi/ ở đây đọc là *cơ* /ji/ (cổ văn viết chữ *nguyệt* 月 ở dưới chữ *kỳ* 其). *Cơ nguyệt* có hai nghĩa: 1- trọn một tháng; 2- trọn một năm. Hầu hết các từ điển và sách chú giải *Luận Ngữ* giảng *cơ nguyệt* ở câu này là trọn một năm. Xem: *Từ Hải* (tr.662); *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển* (Thương Vụ Ấn Thư Quán, Bắc Kinh 2000, tr.1185); *Luận Ngữ Dịch Chú* (Dương Bá Tuấn 楊伯峻, Trung Hoa Thư Cục, Bắc Kinh 1998, tr.137); *Tứ Thư Độc Bản* (Hoàng Tất Đĩnh 黃必耕 hiệu đính, Chính Văn Thư Cục, Đài Bắc, tr.156). James Legge dịch: «*The Master said, "If there were (any of the princes) who would employ me, in the course of twelve months, I should have done something considerable. In three years, the government would be perfected."*» (Khổng Tử nói: "Giả sử có bậc hầu nào dùng ta, trong vòng 12 tháng ta sẽ làm xong một việc gì đấy đáng kể. Trong ba năm, chính quyền sẽ được hoàn thiện.") Derk Bodde dịch: «*Were any prince to employ me, in a twelvemonth something could be done, but in three years the work could be completed.*» (Phải chi có bậc hầu nào dùng ta, trong 12 tháng một việc gì đấy sẽ được làm xong. Trong ba năm, công việc sẽ được hoàn thành). Dương Bá Tuấn dịch: «Giả nhược hữu dụng ngã chủ trì quốc gia chính sự đích, nhất niên tiện sai bất đa liễu, tam niên tiện hội ngận hữu thành tích.» 假若有用我主持國家政事的，一年便差不多了，三年便會很有成績 (Giả mà [có ai] dùng ta nắm giữ việc chính trị của quốc gia, thì sau một năm việc hầu như xong, sau ba năm việc sẽ rất có thành tích). Khổng Tử suốt đời chu du nhiều nước, nhưng chẳng được trọng dụng vì các vua chỉ chuộng bá đạo hơn vương đạo; nên câu nói của ông là *câu điều kiện không có thực ở hiện tại và tương lai* diễn tả mơ ước hay nguyện vọng. Legge và Bodde dùng «unreal condition in present and future» trong tiếng Anh như thế là chính xác. Phùng Hữu Lan trích dẫn câu này cũng với dụng ý đó.**

[46] **Kinh Thượng: «Pháp, sở nhược nhi nhiên dã.» 法，所若而然也. Kinh Thuyết: «Pháp, ý, qui, viên, tam dã, câu khả dĩ vi pháp.» 法，意，規，圓，三也，俱可以爲法.**

Mọi vật đều như thế.»[47]

Pháp là công thức, là công thức đối với một loại sự vật, có thể vận dụng thích hợp với bất kỳ cá thể nào cùng một loại. Thí dụ như loại vật hình vuông có miếng gỗ vuông, phiến đá vuông; gỗ và đá khác nhau, nhưng điều ấy không hại tính chất vuông của chúng. Suy rộng ra, hễ ta bắt chước một vật mà có thể thành ra một vật khác cũng cùng loại, thì vật mẫu để bắt chước gọi là *pháp* còn vật được tạo thành do bắt chước gọi là *hiệu*. Thí dụ như đường tròn. Cái *pháp* để vẽ ra đường tròn có thể là ý niệm đường tròn, hoặc cái compa để vẽ đường tròn, hoặc một đường tròn có sẵn. Hễ *pháp* (vật mẫu) ấy đã định thì mọi vật bắt chước theo nó đều tròn. Chữ *cố* trong «cố trúng hiệu» 故中效 tức là chữ *cố* trong «dĩ thuyết xuất cố» 以說出故 (lấy thuyết để đưa ra nguyên nhân). *Cố* là nguyên nhân tạo thành việc, là lý do để lập thuyết. Nếu ta muốn biết cái nguyên nhân được đưa ra có đúng hay không – tức muốn biết phải chăng nguyên nhân đó «hễ có nó thì [kết quả] phải như vậy, hễ không có nó thì [một sự việc] không hề như vậy» – thế thì cách tốt nhất là lấy *cố* (nguyên nhân) làm *pháp* (mẫu) rồi hãy xem nó có trúng với cái bắt chước (*trúng hiệu*) không; tức là xem nó có tạo ra hiệu quả mà ta mong đợi không. «Trúng hiệu» là bắt chước theo nó mà cũng ra như thế. Ta phải chứng minh rằng cái *cố* (nguyên nhân) tương đương với *pháp*, rồi sau ta mới biết nó là nguyên nhân mà «có nó thì sau mới thành». Cho nên thiên Tiểu Thủ nói: «Nguyên nhân (cố) trúng với *hiệu* (cái bắt chước) thì đúng, không trúng *hiệu* thì sai.» (Cố trúng hiệu tắc thị dã, bất trúng hiệu tắc phi dã 故中效則是也,不中效則非也).[48] Mặc Tử nói: «Lời nói có

---

[47] **Kinh Hạ: «Nhất pháp giả chi tương dữ dã tận loại, nhược phương chi tương hợp dã, thuyết tại phương.»** 一法者之相與也盡類,若方之相合也,說在方. **Kinh Thuyết: «Nhất phương tận loại, câu hữu pháp nhi dị, hoặc mộc hoặc thạch, bất hại kỳ phương chi tương hợp dã. Tận loại do phương dã. Vật câu nhiên.»** 一方盡類,俱有法而異,或木或石,不害其方之相合也.盡類猶方也.物俱然.

[48] **Phùng Hữu Lan chú: Từ chỗ «*Suy rộng ra, ...*» đến đây, tôi theo: Hồ Thích 胡適, *Tiểu Thủ Thiên Tân Hỗ (Cổ)* 小取篇新詁.– LAM chú: Chữ 詁 này lẽ ra phải đọc là *cổ* (*Từ Hải* phiên thiết là: cô ngũ thiết, âm cổ 姑五切音古) hoặc *cố* (*Từ Hải* cũng phiên thiết là: cổ ngộ thiết, âm cố 古誤切音顧); âm Bắc Kinh hiện nay là /gù/. Thuật ngữ *huấn cổ* 訓詁 (thường bị đọc sai là *huấn hỗ*) hay *huấn cố* 訓故 được *Từ Hải* (tr.1238) giảng rằng: «*Huấn cổ* cũng viết là *cổ huấn*. Chữ *cổ* 詁 vốn viết là *cố* 故. Nói về hình trạng của vật cho người khác biết gọi là *huấn*, giải thích lời nói khác nhau giữa xưa và nay gọi là *cổ*. [...] Lục Đức Minh nói: "Đa số sách xưa viết *huấn cổ* là *huấn cố*." Đời Hán, cái học huấn cổ cực thịnh một thời...» (*Huấn cổ* diệc tác *cổ huấn*. *Cổ* bản tác *cố*. Đạo vật chi mạo dĩ cáo nhân viết *huấn*, thích cổ kim chi dị ngôn viết *cổ*. [...] Lục Đức Minh viết: "*Huấn cổ* cựu bản đa tác *huấn cố*." Hán thời huấn cổ chi học cực thịnh nhất thời... 訓詁亦作詁訓.詁本作故.道物之貌以告人曰訓,釋古今之異言曰詁[...]陸德明曰："訓詁舊本多作訓故." 漢時訓詁之學極盛一時).**

ba *biểu* 表(chuẩn để đánh giá).» (Ngôn hữu tam biểu 言有三表).[49] Việc xem nó có tạo ra hiệu quả mà ta mong đợi không (*trúng hiệu*) tương tự cái biểu thứ ba (tức là *dụng*) mà Mặc Tử nói, nhưng ở đây không chuyên nói về các lý luận thuộc lĩnh vực xã hội và chính trị.

«Thí» 辟(譬 thí dụ) là nêu vật khác để làm rõ vấn đề (Thí dã giả, cử *dã* vật nhi dĩ minh chi dã 辟(譬)也者,舉也(他)物而以明之也). Tôn Di Nhượng 孫詒讓 nói: «Vương Phù 王符 (76-157) bảo: Chữ *dã* 也 và *tha* 他 đồng. Nêu ra vật khác để làm rõ vật này gọi là *thí* (thí dụ).»[50] Thiên Thích Nan trong *Tiềm Phu Luận* 潛夫論 của Vương Phù nói: «Thí dụ phát sinh do việc nói thẳng vấn đề mà không ai hiểu, nên mượn sự đúng sai của vật mà minh họa cho rõ.»[51] *Tuân Tử* (Phi Tướng) nói: «Trong thuật bàn luận, lấy phân biệt để thí dụ, lấy thí dụ để làm rõ.»[52]

«Mâu» 侔(so sánh) là so sánh hai mệnh đề (*từ* 辭) để chúng cùng đi. *Thí* là lấy vật này để thuyết minh vật kia; *mâu* là lấy *từ* này để so

---

[49] **LAM chú:** ***Tam biểu*** **(ba chuẩn để đánh giá một lý thuyết hay học thuyết) được đề cập trong** ***Mặc Tử*** **(Phi Mệnh, Thượng): «Cố ngôn tất hữu tam biểu. Hà vị tam biểu? Tử Mặc Tử ngôn viết: Hữu** ***bản*** **chi giả, hữu** ***nguyên*** **chi giả, hữu** ***dụng*** **chi giả. Ư hà bản chi? Thượng bản chi ư cổ giả thánh vương chi sự. Ư hà nguyên chi? Hạ nguyên sát bách tính nhĩ mục chi thực. Ư hà dụng chi? Phế (phát) dĩ vi hình chính, quan kỳ trung quốc gia bách tính nhân dân chi lợi, thử** ***sở vị*** **ngôn hữu tam biểu dã.» 故言必有三表.何謂三表?子墨子言曰:有本之者,有原之者,有用之者.於何本之?上本之於古者聖王之事.於何原之?下原察百姓耳目之實.於何用之?廢(發)以爲刑政,觀其中國家百姓人民之利,此所謂言有三表也(Do đó lời nói phải có ba** ***biểu*** **[=ba chuẩn]. Thế nào là ba** ***biểu*****? Tử Mặc Tử nói: Ba** ***biểu*** **là** ***bản, nguyên, dụng.*** **Xét** ***bản*** **[gốc] ở đâu? Trên thì xét công việc của thánh vương ngày xưa. Xét** ***nguyên*** **[sự chính xác] ở đâu? Dưới thì xét tình hình tai nghe mắt thấy của dân chúng. Xét** ***dụng*** **[vận dụng] ở đâu? Xét nó ở việc cai trị, xem nó có lợi cho dân cho nước không. Đó gọi là lời nói phải có ba** ***biểu*** **[=ba chuẩn]). Thiên Phi Mệnh Hạ cũng chép đoạn văn tương tự như trên, nhưng dùng thuật ngữ** ***tam pháp*** **thay vì** ***tam biểu. Tam pháp*** **三法 là** ***khảo*** **考 (khảo sát),** ***nguyên*** **原 (sự chính xác),** ***dụng*** **用 (vận dụng). Biểu thứ ba mà Phùng Hữu Lan nhắc tới tức là** ***dụng.*** **Nguyễn Hiến Lê (*sđd.*, tr.146-147) dịch:** ***tam biểu*** **= ba biểu chuẩn,** ***bản*** **= bản thuỷ,** ***nguyên*** **= sự cố,** ***dụng*** **= kết quả ứng dụng. Nguyễn Đăng Thục (*Lịch Sử Triết Học Đông Phương*, tập I, Saigon, 1961, tr.254-256) dịch:** ***tam biểu*** **= ba biểu,** ***bản*** **= gốc,** ***nguyên*** **= nguồn,** ***dụng*** **= dụng. Burton Watson (*Mo Tzu Basic Writings*, Columbia University Press, 1963, tr.118) dịch:** ***tam biểu*** **= three tests (ba kiểm tra),** ***bản*** **= origin (gốc),** ***nguyên*** **= validity (tính hữu hiệu, tính chính xác),** ***dụng*** **= applicability (sự thích dụng).**

[50] **Tôn Di Nhượng: «Vương vân: Dã dữ tha đồng. Cử tha vật dĩ minh thử vật vị chi thí.» 王云:也與他同.舉他物以明此物謂之譬.**

[51] **Vương Phù 王符,** ***Tiềm Phu Luận*** **潛夫論 (Thích Nan 釋難): «Phù thí dụ dã giả, sinh ư trực cáo chi bất minh, cố giả vật chi nhiên phủ dĩ chương chi.» 夫譬喻也者,生於直告之不明,故假物之然否以彰之.**

[52] ***Tuân Tử*** **(Phi Tướng): «Đàm thuyết chi thuật, phân biệt dĩ dụ chi, thí xứng dĩ minh chi.» 談說之術,分別以喻之,譬稱以明之.**

sánh *từ* kia. Thí dụ như lời Công Tôn Long đáp Khổng Xuyên 孔穿, chép trong thiên Tích Phủ 跡府: «Long nghe nói vua Sở [...] mất cung, tả hữu xin đi tìm cung, vua nói: "Thôi! Vua Sở mất cung, thì người Sở được cung, tìm mà chi?" Trọng Ni nghe thế, nói: "Vua Sở nhân nghĩa chưa được. Cứ nói '*kẻ này mất thì người khác được*' là đủ rồi, cần gì phải là người Sở!" Như vậy, Trọng Ni xem *người Sở* khác với *người*. Trọng Ni xem *người Sở* khác với *người* mà ông [tức Khổng Xuyên] cho rằng đúng; còn Long xem *ngựa trắng* khác với *ngựa* mà ông cho rằng sai, vậy là ông sai.»[53] Đó là «so sánh hai mệnh đề (*từ* 辭) để chúng cùng đi».

«Viện» 援 (viện dẫn sự tương tự), như nói: «Anh có thể nói như thế; sao tôi không thể nói như thế?» (Tử nhiên, ngã hề độc bất khả dĩ nhiên dã 子然,我奚獨不可以然也). *Viện* tức là cái mà ngày nay chúng ta gọi là «viện lệ» 援例 (*dẫn dụng quán lệ hoặc tiên lệ* 引用慣例或先例: viện dẫn một trường hợp đã thành thói quen hoặc một trường hợp có trước). Trong lời của Công Tôn Long trên đây, phương pháp «viện» đã được dùng chung với «mâu».

«Suy» 推 (suy ra) là khi cái chưa được nhận giống với cái đã được nhận, thì cái chưa được nhận sẽ được nhận; như nói: «*Cái kia giống, có sao tôi phải nói cái kia khác?*» Thí dụ như ta nói: «Con người ai cũng phải chết.» Nếu ai hỏi vì sao ta nói thế, ta phải trả lời: Bởi vì tôi thấy con người trong quá khứ đều đã chết; con người hiện tại và con người tương lai cũng đồng loại với con người trong quá khứ. Do đó, có thể suy ra, con người hiện tại và con người tương lai cũng phải chết. Chúng ta quan sát một số sự vật cá thể, biết chúng như vậy, bèn cho rằng những gì cùng loại với các sự vật mà ta đã quan sát thì cũng đều như thế. *Các sự vật mà ta đã quan sát* tức là «cái đã được nhận» (kỳ sở thủ giả 其所取者); *những gì cùng loại với các sự vật mà ta đã quan sát* tức là «cái chưa được nhận» (kỳ sở bất thủ giả 其所不取者). Vì cái chưa được nhận và cái được nhận tương đồng, nên ta có thể suy đoán rằng mọi vật trong cùng loại ấy đều giống nhau. Cho nên Tiểu Thủ gọi nó là «theo loại mà

---

[53] *Công Tôn Long Tử* (Tích Phủ): «Long văn Sở Vương [...] táng kỳ cung, tả hữu thỉnh cầu chi, vương viết: "Chỉ! Sở Vương di cung, Sở nhân đắc chi, hựu hà cầu yên?" Trọng Ni văn chi viết: "Sở Vương nhân nghĩa nhi vị toại dã. Diệc viết '*Nhân vong chi, nhân đắc chi*' nhi dĩ, hà tất Sở!" Nhược thử, Trọng Ni dị *Sở nhân* ư sở vị *nhân*. Phù thị Trọng Ni dị *Sở nhân* ư sở vị *nhân*, nhi phi Long dị *bạch mã* ư sở vị *mã*, bội.» 龍聞楚王 [...] 喪其弓，左右請求之，王曰："止！楚王遺弓，楚人得之，又何求焉？" 仲尼聞之曰："楚王仁義而未遂也，亦曰'人亡之，人得之'而已，何必楚！" 若此，仲尼異楚人於所謂人，夫是仲尼異楚人於所謂人，而非龍異白馬於馬，悖.

lấy, theo loại mà cho» (dĩ loại thủ, dĩ loại dữ 以類取, 以類予).[54]

Thiên Đại Thủ có đề cập *ngữ kinh* 語經, mà Tôn Di Nhượng giảng là «qui luật của ngôn ngữ» (ngôn ngữ chi thường kinh 言語之常經). Thiên Đại Thủ nói: «Theo qui luật của ngôn ngữ, [...] phải có đủ ba vật thì sau đó lời nói mới đủ sinh ra. [...] *Từ* (mệnh đề) sinh ra từ *cố* (nguyên nhân), theo lý lẽ mà phát triển, theo loại mà tiến hành. Nếu thành lập *từ* mà không rõ chỗ phát sinh ra nó (tức là *cố*), như thế là sai lầm. Ngày nay người ta không có đường sá thì không đi đâu được. Dù có tứ chi khoẻ mạnh mà không biết rõ đường đi, thì cũng gặp khó khăn đợi sẵn. Cũng thế, *từ* (mệnh đề) theo loại mà tiến hành. Nếu thành lập *từ* mà không rõ loại của nó, tất sẽ gặp khó khăn.»[55]

Ý trên đây tương đồng với đại ý được nói ở thiên Tiểu Thủ; đáng tiếc chương Đại Thủ không giảng rõ chi tiết.

5. *Mặc Kinh* luận về «đồng dị»

Bốn phương pháp *thí, mâu, viện, suy* đều nhắm vào điểm giống nhau giữa các vật, giúp ta có tri thức từ vật đã biết đến vật chưa biết. Nhưng sự giống nhau giữa các vật thì có nhiều loại. Cho nên những luận đoán này dễ mắc sai lầm. Thiên Tiểu Thủ nói:

Tiểu Thủ: «Vật có điểm giống nhau mà không cần dẫn ra sự giống nhau. Phép so sánh (*mâu*) hai mệnh đề (*từ*) đưa đến một điểm dừng. Mọi vật vốn thế và có lý do tại sao chúng lại như thế. Mọi vật có chỗ giống nhau và có lý do tại sao chúng không nhất thiết phải giống nhau. Mọi vật được chấp nhận và có lý do tại sao chúng lại được chấp nhận. Chúng giống nhau bởi vì chúng được chấp nhận, nhưng lý do tại sao chúng được chấp nhận thì không nhất thiết phải giống nhau. Do đó các mệnh đề dùng phương pháp *thí, mâu, viện, suy* có thể dẫn đến sự khác nhau và chuyển thành sự khó khăn, và tiến xa hơn nữa là mắc lỗi. Các phương pháp này lỏng lẻo và xa lìa gốc, nên không thể không xét kỹ và không thể thường dùng. Do đó lời nói có nhiều phương diện, nhiều loại, nhiều nguyên do,

---

[54] **Phùng Hữu Lan chú:** Ba đoạn giải thích về «mâu», «viện», «suy» này, tôi theo Hồ Thích, *Tiểu Thủ Thiên Tân Hỗ (Cổ)* 小取篇新詁.

[55] **Đại Thủ:** «Ngữ kinh [...] tam vật tất cụ, nhiên hậu túc dĩ sinh. [...] Phù từ dĩ cố sinh, dĩ lý trưởng, dĩ loại hành giả dã. Lập từ nhi bất minh ư kỳ sở sinh, vọng dã. Kim nhân phi đạo vô sở hành, duy hữu cường cổ quăng nhi bất minh ư đạo, kỳ khốn đã khả lập nhi đãi dã. Phù từ dĩ loại hành giả dã. Lập từ nhi bất minh ư kỳ loại, tắc tất khốn hĩ.» 語經[...] 三物必具, 然後足以生 [...] 夫辭以故生, 以理長, 以類行也. 立辭而不明於其所生, 妄也. 今人非道無所行, 唯有強股肱而不明於道, 其困也可立而待也. 夫辭以類行者也. 立辭而不明於其類, 則必困矣.

nên ta không thể xem xét khắp cả.»[56]

Sự khác nhau giữa các vật cũng có nhiều loại. *Mặc Kinh* nói rõ về đồng và dị như sau:

Kinh Thượng nói: «Đồng (giống nhau) là hai cái khác nhau có một điểm chung.» Kinh Thuyết nói: «Đồng (giống nhau): như hai người cùng thấy một cây cột nhà.»[57]

Kinh Thượng nói: «*Đồng* 同 (giống nhau) có bốn loại: *trùng* 重 (trùng nhau), *thể* 體 (cùng thể), *hợp* 合 (cùng tồn tại), *loại* 類 (cùng loại).» Kinh Thuyết nói: «*Đồng* (giống nhau): Hai danh cùng chỉ một thực, gọi là *trùng đồng* 重同 (trùng nhau). Bộ phận không ra ngoài toàn thể, gọi là *thể đồng* 體同 (cùng thể). Cùng ở chung một nhà, gọi là *hợp đồng* 合同 (cùng tồn tại). Có điểm giống nhau, gọi là *loại đồng* 類同 (cùng loại).»[58]

Kinh Thượng nói: «*Dị* 異 (khác nhau) có bốn loại: *Nhị* 二 (hai), *bất thể* 不體 (không cùng thể), *bất hợp* 不合 (không cùng tồn tại), *bất loại* 不類 (không cùng loại).» Kinh Thuyết nói: «*Dị* (khác nhau): Hai ắt là khác nhau, gọi là *nhị*. Các vật không liên quan, gọi là *bất thể*. Các vật không cùng một nơi, gọi là *bất hợp*. Các vật không có điểm giống nhau, gọi là *bất loại*.»[59]

---

[56] **Tiểu Thủ: «Phù vật hữu dĩ đồng nhi bất suất toại đồng. Từ chi mâu dã, hữu sở chí nhi chính(a). Kỳ nhiên dã, hữu sở dĩ nhiên dã; kỳ nhiên dã đồng, kỳ sở dĩ nhiên bất tất đồng. Kỳ thủ chi dã, hữu sở dĩ thủ chi; kỳ thủ chi dã đồng, kỳ sở dĩ thủ chi bất tất đồng. Thị cố thí, mâu, viện, suy chi từ, hành nhi dị, chuyển nhi nguy, viễn nhi thất, lưu nhi ly bản, tắc bất khả bất thẩm dã, bất khả thường dụng dã. Cố ngôn đa phương, thù loại, dị cố, tắc bất khả thiên(b) quan dã.»** 夫物有以同而不率遂同.辭之侔也,有所至而正(*). 其然也,有所以然也;其然也同,其所以然不必同.其取之也,有所以取之;其取之也同,其所以取之不必同.是故辟,侔,援,推之辭,行而異,轉而危,遠而失,流而離本,則不可不審也,不可常用也.故言多方,殊類,異故,則不可偏(b)觀也.» **– Phùng Hữu Lan chú: (a) Tôn Di Nhượng nghi *chính* 正 là *chỉ* 止 (dừng lại). (b) Tôn Di Nhượng nói *thiên* 偏 như *biến* 遍 (khắp nơi).**

[57] **Kinh Thượng: «Đồng, dị nhi câu ư chi nhất dã.»** 同,異而俱於一也. **Kinh Thuyết: «Đồng(*), nhị nhân nhi câu kiến thị doanh dã.»** 同(*),二人而俱見是楹也. **– Phùng Hữu Lan chú: (*) Chữ *đồng* 同 nguyên tác chép là *đồng* 侗.**

[58] **Kinh Thượng: «Đồng: trùng, thể, hợp, loại.»** 同:重,體,合,類. **Kinh Thuyết: «Đồng: nhị danh nhất thực, trùng đồng dã. Bất ngoại ư kiêm, thể đồng dã. Câu xử ư thất, hợp đồng dã. Hữu dĩ đồng, loại đồng dã.»** 同:二名一實,重同也.不外於兼,體同也.俱處於室,合同也.有以同,類同也.

[59] **Kinh Thượng: «Dị: Nhị, bất thể, bất hợp, bất loại.»** 異:二,不體,不合,不類. **Kinh Thuyết: «Dị: Nhị tất dị, nhị dã. Bất liên thuộc, bất thể dã. Bất đồng sở, bất hợp dã. Bất hữu đồng, bất loại dã.»** 異:二必異,二也.不連屬,不體也.不同所,不合也.不有同,不類也.

Kinh Thượng nói: «Đồng dị cùng được xét chung, thì nảy ra có và không.» Kinh Thuyết nói: «Đồng dị cùng được xét chung: nhà giàu đo lường tri thức, là có và không. So sánh và đo lường, là nhiều và ít. Rắn và giun bò ngoằn ngoèo, là đi hoặc lưu lại. Tượng người bằng gỗ ngô đồng, là cứng và mềm. Kiếm và binh khí, là sống và chết. Gái trinh và mẹ đứa trẻ, là trẻ và già. Hai cái đối chọi, là trắng và đen. Trung ương và bên cạnh. Luận thuyết, hành vi, học vấn, danh thực, thì có đúng và sai. Khó khăn sớm, là chưa thành. Một người vừa là anh vừa là em. Thân xác ở đây mà tâm chí đi nơi khác, là còn và mất. Hoặc là một họ, điều đó đã lâu đời. Giá trị đúng, là sang và hèn.»[60]

Đoạn văn trên chỉ ra cái gọi là «đồng» (giống nhau) và «dị» (khác nhau). «Đồng» có bốn loại. Cho nên nói cái này với cái kia *đồng*; cái kia với cái này *đồng*. Cái *đồng* của chúng thì giống nhau mà lý do khiến chúng *đồng* thì không nhất thiết phải giống nhau. Thí dụ: Mặc Địch và Mặc Tử là hai cái danh cùng chỉ một cái thực, đó là *trùng đồng*. Những cái liên thuộc nhau như tay, chân, đầu, mắt thì cùng thuộc về một thể của

[60] **Kinh Thượng: «Đồng dị giao đắc, phóng hữu vô.»** 同異交得,放有無. **Kinh Thuyết: «Đồng dị giao đắc, ư phúc gia lương thứ, hữu vô dã. Tỉ độ, đa thiểu dã. Miễn dẫn**(a) **hoàn viên**(b)**, khứ tựu dã. Điểu chiết dụng đồng, kiên nhu dã. Kiếm vưu tảo**(c)**, tử sinh dã. Xử thất tử, tử mẫu, trưởng thiếu dã. Lưỡng tuyệt thắng, bạch hắc dã. Trung ương, bàng dã. Luận hành hành hành học thực, thị phi dã. Nan túc, thành vị dã. Huynh đệ câu thích dã. Thân xử chí vãng, tồn vong dã. Hoặc vi tính, cố dã. Giá nghi, quý tiện dã.»** 同異交得,於福家良恕(a),有無也.比度,多少也.免蚓(虫+刃)(b)還圜(c),去就也.鳥折用桐(d),堅柔也.劍尤早(e),死生也.處室子(f),子母,長少也.兩絕勝,白黑也.中央,旁也.論行行行學實(g),是非也.難宿(h),成未也.兄弟俱適也.身處志往,存亡也.霍爲姓,故也.賈(價)宜,貴賤也.– **LAM chú: Đoạn này quá tối nghĩa. Ngay Phùng Hữu Lan cũng không hiểu rõ nên giảng đại khái vài câu và đoán đại ý đoạn này nói về tính chất tương phản của sự vật. Derk Bodde cũng dịch lõm bõm câu được câu mất. Tôi gượng dịch theo chú thích của Trương Thuần Nhất (tr.421) nhưng không chắc là đúng: (a)** ***Phúc*** 福 **là** ***phú*** 富**(giàu);** ***lương*** 良 **là** ***lượng*** 量 **(đo lường);** ***thứ*** 恕 **là** ***trí*** 智 **(=** ***trí*** 知**: biết) bị chép lầm. (b)** ***Mặc Tử Nhàn Cổ*** **bảo** ***miễn*** 免 **phải viết là** 它**, tức là chính thể của** ***xà*** 蛇**(rắn); chữ** 蚓(虫+刃) **ngờ là chữ** ***dẫn*** 螾**(giun đất). (c)** ***Viên*** 圜 **ngờ là** ***viên*** 圓**(tròn) bị chép lầm.** ***Hoàn*** 還 **nghĩa như** ***tuyền*** 旋**(xoay tròn). Theo đó, «miễn dẫn hoàn viên» nên hiểu là «rắn và giun đất bò ngoằn ngoèo» (xà dẫn uyển diên khuất khúc nhi hành** 蛇螾婉蜒屈曲而行**). (d)** ***Mặc Tử Nhàn Cổ*** **bảo cụm từ** 鳥折用桐 **ý nghĩa khó thông, và nghi** ***điểu chiết*** 鳥折 **là** ***tượng ngạnh*** 象梗 **bị chép lầm.** ***Tượng*** **tức là** ***ngẫu nhân*** 偶人**(tượng người) mà** ***Thuyết Văn*** **giải thích** ***ngẫu*** 偶 **là** ***đồng nhân*** 桐人**(tượng người bằng gỗ ngô đồng).** ***Ngạnh*** **là** ***mộc ngạnh*** 木梗 **cũng là tượng gỗ.** ***Sử Ký*** **(Mạnh Thường Quân Truyện) có chữ** ***đào ngạnh*** 桃梗 **và được giải thích là** ***mộc ngẫu nhân*** 木偶人**(tượng người bằng gỗ [cây đào]). Tóm lại, ở đây** 鳥折用桐 **nên hiểu là tượng người làm bằng gỗ ngô đồng. (e)** ***Vưu tảo*** 尤早 **vốn là** ***qua giáp*** 戈甲**(cái mác và áo giáp, tức binh khí nói chung) bị chép lầm. (f)** ***Xử thất tử*** 處室子 **là** ***xử nữ*** 處女**(gái trinh). (g) Cụm** 論行行行學實 **chép dư hai chữ** ***hành.*** ***Luận hành học thực*** 論行學實**: luận thuyết, hành vi, học vấn, danh thực. (h)** ***Túc*** 宿 **là** ***túc*** 夙**(=** ***tảo*** 早**: sớm) bị chép lầm.**

người, đó là *thể đồng*. Những cái cùng chung một chỗ, một nơi chốn, thí dụ như những người ở chung một nhà, đó gọi là *hợp đồng*. Các vật cùng một loại đều có tính chất giống nhau, đó gọi là *loại đồng*. «Dị» cũng có bốn loại. Trước hết chúng ta phải biết cái *đồng* của các vật giống nhau thuộc loại nào và cái *dị* của các vật khác nhau thuộc loại nào, thì sau đó chúng ta mới có thể suy luận về chúng mà không vướng phải sai lầm.

Ngoài ra, các vật không cùng loại đôi khi cũng có thể được gọi bằng một danh giống nhau. Điều này chúng ta phải chú ý. Kinh Hạ nói: «Khác loại thì không so sánh được; lý do là ở *lượng* (đo lường).» Kinh Thuyết nói: «Khác nhau: Gỗ với đêm, cái nào dài hơn? Trí tuệ và gạo, cái nào nhiều hơn? Chức tước, cha mẹ, đức hạnh, giá trị; trong bốn cái đó cái nào quý?»[61]

Gỗ với đêm khác loại nhưng ta đều có thể gọi chúng là dài hay ngắn; trí tuệ và gạo khác loại nhưng ta đều có thể gọi chúng là nhiều hay ít. Nếu căn cứ vào sự đo lường (dài ngắn, nhiều ít, v.v...) mà nói chúng cùng loại, tức là «phải gặp khó khăn» (tắc tất khốn hĩ 則必困矣).

Mặc Kinh đã luận về «đồng dị» như trên. Luận về «đồng dị» của *Mặc Kinh* và luận về «đồng dị» của các biện giả thuộc phái «hợp đồng dị» có tông chỉ khác hẳn nhau. Luận về «đồng dị» của *Mặc Kinh* được phát triển không nhất thiết nhằm phản bác thuyết của các biện giả ấy, nhưng theo quan điểm của *Mặc Kinh* thì thuyết «hợp đồng dị» của Huệ Thi và Trang Tử quả thực là sai lầm. Huệ Thi nói: «Vạn vật vừa giống nhau cả vừa khác nhau cả.» (Vạn vật tất đồng tất dị 萬物畢同畢異). Huệ Thi nói vậy là vì tuy vạn vật khác nhau nhưng cũng có điểm giống nhau; tuy chúng giống nhau nhưng cũng có điểm khác nhau. Vạn vật có điểm khác nhau thì có thể gọi là *loại đồng*. Nhưng nhân đó mà nói «vạn vật một thể», tức là xem *loại đồng* là *thể đồng*, thì đó là lầm lẫn rất lớn. *Dị* cũng có bốn loại. Nếu nói «vạn vật khác nhau cả» (vạn vật tất dị), thì phải chỉ ra cái *dị* ấy là loại *dị* nào, chứ không thể nói lẫn lộn được.

Về «đồng dị cùng được xét chung» (đồng dị giao đắc), Kinh Thuyết không nói rõ lắm. Đại khái hình như nói rằng mọi sự vật đều có thể có tính chất trái ngược nhau, thí dụ như có-không, nhiều-ít, đi-đến, cứng-mềm, sống-chết, lớn-nhỏ, trắng-đen, giữa-bên, đúng-sai, còn-mất, sang-hèn, v.v... Và phải xem chúng ta quan sát chúng từ phương diện nào. Thí

---

[61] **Kinh Hạ: «Dị loại bất tỉ, thuyết tại lượng.»** 異類不比，說在量. **Kinh Thuyết: «Dị: Mộc dữ dạ thục trường; trí dữ túc thục đa; tước, thân, hạnh, giá tứ giả thục quý.»** 異：木與夜孰長；智與粟孰多；爵，親，行，價四者孰貴.

dụ lúc đầu là gái chưa chồng về sau là gái có con, tức là cũng một người mà vừa trẻ vừa già. Một người là anh của em mình, và là em của anh mình, tức là cũng một người mà vừa là anh vừa là em. Một người có thể thân xác ở đây mà tâm chí ở chỗ khác, tức là cũng một người mà vừa còn vừa mất. Các biện giả của phái «hợp đồng dị» lợi dụng điểm ấy mà nói rằng «chó trắng đen» và «rùa dài hơn rắn». Thực tế thì chó trắng có thể gọi là đen, rùa có thể gọi là dài, rắn có thể gọi là ngắn. Tuy chúng không có tiêu chuẩn nhất định, nhưng trong phạm vi của một biện luận, cái gọi là «đen, trắng, dài, ngắn» phải dùng một tiêu chuẩn đồng nhất. Thí dụ, rùa cố nhiên cũng có gọi là dài, nhưng đối với một con rắn thông thường thì rốt cuộc lại ngắn. Cái học của Huệ Thi và Trang Tử tuy có cơ sở lô-gic khác, nhưng những biện luận của họ dựa trên «hợp đồng dị» kỳ thực có thể bị công kích như đã nói trên đây.

6. *Mặc Kinh* luận về «kiên bạch»

Biện giả nói «hợp đồng dị» và «ly kiên bạch», nhưng *Mặc Kinh* thì chủ trương «ly đồng dị» và «hợp kiên bạch». Thuyết «ly đồng dị» (tách rời giống và khác) vừa được nói ở trên. Về thuyết «hợp kiên bạch» (hợp nhất cứng với trắng), *Mặc Kinh* nói như sau:

Kinh Thượng nói: «Cứng và trắng không ở ngoài nhau.» Kinh Thuyết nói: «Giả sử có hai thứ là cứng và trắng. Nếu chúng ở hai nơi khác nhau thì chúng không chứa nhau. Vì loại trừ nhau, nên chúng ở ngoài nhau.»[62]

Kinh Hạ nói: «Về cứng và trắng: lý do là ở "sự lệ thuộc lẫn nhau" (*nhân* 因: cái này nhân cái kia mà có).» Kinh Thuyết nói: «Cứng được trắng, thì ắt chứa nhau (*tương doanh* 相盈: làm đầy nhau).»[63]

Kinh Hạ nói: «Chúng ở trong một [hòn đá], một cái thì biết, một cái thì không biết; lý do là ở sự tồn tại.» Kinh Thuyết nói: «Khi ở trong đá, cứng và trắng là hai, tuy vẫn ở trong đá; cho nên một cái thì biết, một cái thì không biết. Điều ấy có thể lắm.»[64]

---

[62] **Kinh Thượng: «Kiên bạch bất tương ngoại dã.»** 堅白不相外也. **Kinh Thuyết: «Đắc nhị, kiên bạch, dị xứ bất tương doanh, tương phi, thị tương ngoại dã.»** 得二, 堅白, 異處不相盈, 相非, 是相外也.

[63] **Kinh Hạ: «Kiên bạch, thuyết tại nhân.»** 堅白, 說在因. **Kinh Thuyết: «Kiên đắc bạch, tất tương doanh dã.»** 堅得白, 必相盈也.

[64] **Kinh Hạ: «Ư nhất, hữu tri yên hữu bất tri yên, thuyết tại tồn.»** 於一, 有知焉有不知焉, 說在存. **Kinh Thuyết: «Ư thạch nhất dã, kiên bạch nhị dã, nhi tại thạch, cố hữu tri yên hữu bất tri yên. Khả.»** 於石一也, 堅白二也, 而在石, 故有智焉有不智焉. 可. – **LAM chú: Trong cổ văn, *trí* 智 và *tri* 知 dùng thông nhau.**

Kinh Hạ nói: «Khi có hai, ta không thể thiên vị mà bỏ một; lý do là ở "thấy và cùng" (*kiến dữ câu*), "một và hai", "rộng và dài".» Kinh Thuyết nói: «Vì cái thấy và cái không thấy rời nhau, nên một và hai không chứa nhau; rộng và dài, cứng và trắng.»[65]

Ở đây chủ trương hợp nhất cứng và trắng, tức là «cứng và trắng không loại trừ nhau» (kiên bạch bất tương ngoại), để bác thuyết «ly kiên bạch» (cứng và trắng rời nhau) của Công Tôn Long.

Kiên Bạch Luận của Công Tôn Long nói: «Nhìn nó thì không thấy cứng, mà thấy trắng; tức là không có cứng. Sờ nó thì không thấy trắng, mà thấy cứng; tức là có cứng, không có trắng. [...] Lúc thì có trắng, lúc thì có cứng, [là bởi vì] cái thấy và cái không thấy rời nhau. Cái thấy và cái không thấy rời nhau; chúng đều không chứa nhau, cho nên rời nhau.»[66]

Ở đây, về mặt tri thức luận, Công Tôn Long chứng minh rằng cứng và trắng là hai cộng tướng (tức khái niệm) độc lập, mà ở chương 8 tôi đã nói rõ.

Kiên Bạch Luận có chép lời của một người phản bác: «Mắt không thể biết nó cứng, tay không thể biết nó trắng; nhưng không thể nói là không có cứng hay không có trắng. [...] Cứng và trắng cùng ở nơi hòn đá, sao nói là rời nhau?»[67] Và nói: «Cái trắng của đá, cái cứng của đá, cái thấy và cái không thấy; hai [cái đó] và [hòn đá là] ba. Chúng giống như rộng và dài mà chứa nhau. Đó chẳng phải là bằng cớ sao?»[68]

Mặc Kinh cũng nói giống như lời người phản bác ấy; tức là cho rằng: cứng và trắng chứa nhau, chúng không loại trừ nhau, và cùng tồn tại ở hòn đá. *Mặc Kinh* gọi là «tồn» 存. Ta nhìn hòn đá, thấy nó trắng

---

[65] **Kinh Hạ: «Bất khả thiên khử nhi nhị, thuyết tại kiến dữ câu, nhất dữ nhị, quảng dữ tu.»** 不可偏去而二，說在見與俱，一與二，廣與修. **Kinh Thuyết: «Kiến bất kiến ly, nhất nhị bất tương doanh, quảng tu kiên bạch.»** 見不見離，一二不相盈，廣修堅白.– **LAM chú:** ***tu*** **修 là** ***trường*** **長 (dài). Xem: Sử Đông,** ***Giản Minh Cổ Hán Ngữ Từ Điển*****, Văn Nam Nhân Dân xbx, 1999, tr.539;** ***Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển*****, Thương Vụ Ấn Thư Quán, Bắc Kinh, 2000, tr.1758.**

[66] ***Công Tôn Long Tử*** **(Kiên Bạch Luận): «Thị bất đắc kỳ sở kiên, nhi đắc kỳ sở bạch giả, vô kiên dã. Phụ bất đắc kỳ sở bạch, nhi đắc kỳ sở kiên. Đắc kỳ kiên dã, vô bạch dã. [...] Đắc kỳ bạch, đắc kỳ kiên, kiến dữ bất kiến ly. Kiến bất kiến ly, nhất nhất bất tương doanh, cố ly.»** 視不得其所堅，而得其所白者，無堅也. 拊不得其所白，而得其所堅. 得其堅也，無白也. [...] 得其白，得其堅，見與不見離. 見不見離，一一不相盈，故離.

[67] ***Công Tôn Long Tử*** **(Kiên Bạch Luận): «Mục bất năng kiên, thủ bất năng bạch. Bất khả vị vô kiên, bất khả vị vô bạch. [...] Kiên bạch vực ư thạch, ô hồ ly?»** 目不能堅，手不能白. 不可謂無堅，不可謂無白. [...] 堅白域於石惡乎離？

[68] ***Công Tôn Long Tử*** **(Kiên Bạch Luận): «Thạch chi bạch, thạch chi kiên, kiến dữ bất kiến, nhị dữ tam, nhược quảng tu nhi tương doanh dã, kỳ phi cử hồ?»** 石之白，石之堅，見與不見，二與三，若廣修而相盈也，其非舉乎?

nhưng không biết nó cứng; ta sờ nó thì thấy nó cứng nhưng không biết nó trắng. Tuy nhiên đó là vấn đề biết hay không biết, chứ không liên quan đến sự tồn tại hay không tồn tại của cứng và trắng ở hòn đá. Cứng là một, trắng là hai. Vì cái thấy và cái không thấy rời nhau, nên nói «một và hai không chứa nhau» (nhất nhị bất tương doanh 一二不相盈). Tuy nhiên, cái thấy và cái không thấy thì không liên quan đến sự tồn tại hay không tồn tại của cứng và trắng ở hòn đá. Cứng và trắng tồn tại ở hòn đá, giống như chiều rộng và chiều dài bao hàm lẫn nhau; nên nói «không thể thiên vị mà bỏ một» (bất khả thiên khử nhi nhị 不可偏去而二). Ở đây phản bác thuyết «cứng trắng là hai» mà Công Tôn Long đã chứng minh về mặt tri thức luận. Nếu cứng và trắng không tồn tại ở một chỗ (thí dụ như cái trắng của mây trắng và cái cứng của đá cứng), thì chúng «khác chỗ nên không chứa nhau» (dị xứ bất tương doanh 異處不相盈). Cứng loại trừ trắng, trắng cũng loại trừ cứng; nên gọi là «loại trừ nhau» (tương phi 相非 hay tương ngoại 相外). Tuy nhiên, nếu đó là vấn đề một hòn đá cứng và trắng, thì cứng và trắng đều tồn tại ở hòn đá, hợp lại mà đồng thể, vậy thì trong cứng có trắng, trong trắng có cứng. Kinh Thuyết Thượng nói đó là «cứng trắng chạm nhau thì cùng hết» (kiên bạch chi anh tương tận 堅白之攖相盡). Kinh Thuyết nói «cứng mà có trắng thì chúng ắt chứa nhau» tức là «cứng và trắng không loại trừ nhau». Điều này phản bác thuyết «cứng trắng là hai» mà Công Tôn Long đã chứng minh về mặt tri thức luận.[69]

Kinh Hạ nói: «Cái được *chỉ* 指 là hai, thì cả hai không thể chạy thoát, lý do là cả hai đều can dự vào nhau.» Kinh Thuyết nói: «Giả sử có cái được chỉ. Nếu anh biết nó và cũng biết cái tôi chưa nêu ra; đấy gọi là *trùng* 重 (trùng lặp). Có khi anh biết nó nhưng không biết cái tôi chưa nêu ra. Khi gọi một danh: có cái được biết, có cái không được biết; có thể như thế. Nếu nó là cái cần biết, thì phải chỉ ra cái biết ấy để cho tôi biết; như thế, tôi mới biết nó. Cùng chỉ (*kiêm chỉ* 兼指) thì có hai. [...] Nếu nói: nó chỉ cái tôi nêu ra thôi, chứ không chỉ cái tôi không nêu ra, thì cái đó không thể được chỉ một mình. Nếu cái ta muốn chỉ không được truyền, thì ý nghĩa dường như chưa đủ. Hơn nữa, khi cái ta biết là nó và cái ta không biết cũng là nó, tức là ta biết cái mà ta không biết. Sao có thể nói rằng: khi gọi một

[69] **Phùng Hữu Lan chú: Kinh Hạ nói: «Không có cứng và trắng; lý do là không có thời gian và không gian.» (Vô kiên bạch, thuyết tại vô cửu dữ vũ 無堅白，說在無久與宇). Kinh Thuyết không nói về «vô cửu dữ vũ» 無久與宇 (không có thời gian và không gian), nhưng chúng ta có thể suy đoán rằng: nếu không có thời gian và không gian, thì cũng không có cứng và trắng. Ở đây hình như nhằm phản bác thuyết mà Công Tôn Long nói: «Trong thiên hạ không xuất hiện tính chất cứng, tức là tính chất cứng ẩn giấu.» (Thiên hạ vị hữu nhược kiên nhi kiên tàng 天下未有若堅而堅藏).**

danh, có cái được biết, có cái không được biết?»[70]

Kinh Hạ nói: «Cái được chỉ mà không thể chỉ ra được, lý do là ở ngu xuẩn.» Kinh Thuyết nói: «Đó là sự ngu xuẩn. Cái mà nó nắm vốn không thể được chỉ ra.»[71]

Ở đây dường như là sự biện luận về cái mà Công Tôn Long gọi là *chỉ* 指. Cái mà Công Tôn Long gọi là *chỉ* 指 là cái cộng tướng mà danh trỏ vào. (Xem lại chương 8). Nhưng danh một mặt thì chỉ cộng tướng, một mặt thì chỉ cá thể; thí dụ như danh «cứng» một mặt thì chỉ cộng tướng «cứng», một mặt thì chỉ «mọi vật cứng»; nên gọi là «cái được chỉ là hai, thì cả hai không thể chạy thoát» (hữu chỉ ư nhị nhi bất khả đào 有指於二而不可逃) hay là «cùng chỉ thì có hai» (kiêm chỉ chi, dĩ nhị 兼指之，以二). Phái Công Tôn Long nói: «Khi gọi một danh: có cái được biết, có cái không được biết; có thể như thế.» (nhất vị, hữu trí yên, hữu bất trí yên, khả 一謂，有智焉，有不智焉，可). «Nhất vị» 一謂 tức là một danh. Khi ta dùng một danh để nói đến cộng tướng, chúng ta chỉ biết cái cộng tướng mà danh chỉ vào, chứ không biết cái cá thể được chỉ của nó; nên nói «nó chỉ cái tôi nêu ra thôi, chứ không chỉ cái tôi không nêu ra» (tất độc chỉ ngô sở cử, vật chỉ ngô sở bất cử 必獨指吾所舉，毋指吾所不舉). Tuy nhiên, *Mặc Kinh* xem cộng tướng thì nằm trong cá thể, cộng tướng không thể chỉ là cái mà danh chỉ vào. Danh mà chuyên chỉ cộng tướng thôi thì ý nghĩa không đủ; nên nói «cái đó không thể được chỉ một mình; nếu cái ta muốn chỉ không được truyền, thì ý nghĩa dường như chưa đủ» (giả [= thử]

---

[70] **Kinh Hạ: «Hữu chỉ ư nhị nhi bất khả đào, thuyết tại dĩ nhị luỵ.»** 有指於二而不可逃，說在以二累[a]. **Kinh Thuyết: «Hữu chỉ, tử trí thị, hữu trí thị ngô sở vô cử, trùng. Tắc tử trí thị nhi bất trí ngô sở vô cử dã, thị nhất vị, hữu trí yên, hữu bất trí yên, khả. Nhược trí chi, tắc đương chỉ chi trí cáo ngã, tắc ngã trí chi. Kiêm chỉ chi, dĩ nhị dã. [...] Nhược viết, tất độc chỉ ngô sở cử, vô chỉ ngô sở bất cử. Tắc giả [= thử] cố bất năng độc chỉ. Sở dục chỉ bất truyền, ý nhược vị hiệu. Thả kỳ sở trí thị dã, sở bất trí thị dã. Tắc thị trí thị chi bất trí dã. Ô đắc vi nhất vị, nhi hữu trí yên, hữu bất trí yên?»** 有指，子智[b]是，有智是吾所无舉，重．則子智是而不智吾所无舉也，是一謂，有智焉，有不智焉，可．若智之，則當指之智告我，則我智之．兼指之，以二也．[...][c]若曰，必獨指吾所舉，毋指吾所不舉．則者（此）固不能獨指．所欲指不傳，意若未佼．且其所智是也，所不智是也．則是智是之不智也．惡得爲一謂，而有智焉，有不智焉？ – **LAM chú: (a) Nguyên tác chép là** 絫 **(3厶+糸) Phùng Hữu Lan chép là *luỵ* 累, Trương Thuần Nhất (tr.463) sửa là *tham* 參 (tham gia, can dự). (b) Trong cổ văn, *trí* 智 và *tri* 知 (biết) dùng thông với nhau. Các chữ *trí* ở đoạn này nên hiểu là *tri*. (c) Chỗ [...] là *«hành chỉ chi, tham trực chi* 衡指之，參直之». Derk Bodde không dịch 6 chữ này; tôi cũng vậy. Phùng Hữu Lan chú: Điều này của Kinh Hạ có câu không giải thích nổi; như *tham trực* 參直 cũng là một danh từ chuyên môn trong *Mặc Kinh*. Kinh Thượng có nói *«trực tham dã»* 直參也, nhưng đáng tiếc là không được thuyết minh gì hết; giá mà có, thì ý nghĩa điều này sẽ rõ ràng hơn.**

[71] **Kinh Hạ: «Sở trí nhi phất năng chỉ, thuyết tại xuân dã.»** 所知而弗能指，說在春也．**Kinh Thuyết: «Sở, xuân dã, kỳ chấp cố bất khả chỉ dã.»** 所，春也，其執固不可指也．

cố bất năng độc chỉ. Sở dục chỉ bất truyền, ý nhược vị hiệu 者[此]固不能獨指.所欲指不傳,意若未恔). Do đó: «Sao có thể nói rằng: khi gọi một danh, có cái được biết, có cái không được biết?» (Ô đắc vi nhất vị, nhi hữu trí yên, hữu bất trí yên? 惡得爲一謂,而有智焉,有不智焉). Hơn nữa, cái cộng tướng mà danh chuyên chỉ, có thể chỉ ra cho người ta biết nó không? Nếu quả thực cứng và trắng không can dự nhau (như các biện giả thuộc phái Công Tôn Long nói) thì phải chỉ ra cho người ta biết. Cho nên nói: «Nếu nó là cái cần biết, thì phải chỉ ra cái biết ấy để cho tôi biết; như thế, tôi mới biết nó.» (Nhược trí chi, tắc đương chỉ chi trí cáo ngã, tắc ngã trí chi 若智之,則當指之智告我,則我智之). Tuy nhiên, cá thể có thể được chỉ ra cho người ta biết, còn cộng tướng vốn không thể thấy được nên không thể được chỉ ra cho người ta biết. Do đó, *Mặc Kinh* công kích điểm ấy rằng: «Cái được chỉ mà không thể chỉ ra được, lý do là ở ngu xuẩn.» (Sở tri nhi phất năng chỉ, thuyết tại xuân [xuẩn] dã 所知而弗能指,說在春[蠢]也). Cái cộng tướng mà Công Tôn Long nói vốn không thể chỉ ra để người ta thấy; nên nói «cái mà nó nắm ắt hẳn không thể được chỉ ra» (kỳ chấp cố bất khả chỉ dã 其執固不可指也). Học thuyết của phái Công Tôn Long về cộng tướng chính là cái mà triết học Tây phương cổ đại gọi là «thực tại luận» 實在論 (realism), còn học thuyết của *Mặc Kinh* thì gần với «duy danh luận» 唯名論 (nominalism).

Kinh Hạ nói: «Trâu và ngựa không là trâu; bảo có thể là trâu, tức là chúng giống nhau. Lý do là ở *kiêm* (bao gồm).» Kinh Thuyết nói: «Cho nên chưa thể nói: "Trâu ngựa không là trâu." Cũng chưa thể nói: "Trâu ngựa là trâu." Vậy hoặc có thể, hoặc không thể. Chưa thể và cũng không thể nói: "Trâu ngựa là trâu." Hơn nữa, trâu không là hai, ngựa không là hai, nhưng trâu ngựa là hai. Vậy đâu có khó gì: trâu chẳng qua là trâu, ngựa chẳng qua là ngựa; nhưng trâu ngựa không là trâu, cũng không là ngựa.»[72]

Ở đây «trâu ngựa» được xem là một từ, nên không thể nói «trâu ngựa là trâu». «Trâu» trong «trâu ngựa» hẳn là trâu, «ngựa» trong «trâu ngựa» ắt không phải là trâu. Nhưng cũng không thể nói «trâu ngựa không là trâu», bởi vì trong «trâu ngựa» vốn có «trâu» rồi. Tuy nhiên, «trâu không là hai, ngựa không là hai, nhưng trâu ngựa là hai», do đó không thể nói «trâu không là trâu, ngựa không là ngựa», mà có thể nói «trâu ngựa không

[72] **Kinh Hạ: «Ngưu mã chi phi ngưu, dữ khả chi, đồng; thuyết tại kiêm.»** 牛馬之非牛,與可之,同;說在兼. **Kinh Thuyết: «Cố viết, ngưu mã, phi ngưu dã, vị khả. Ngưu mã, ngưu dã, vị khả. Tắc hoặc khả hoặc bất khả. Nhi viết ngưu mã, ngưu dã, vị khả diệc bất khả. Thả ngưu bất nhị, mã bất nhị, nhi ngưu mã nhị. Tắc ngưu bất phi ngưu, mã bất phi mã, nhi ngưu mã phi ngưu phi mã vô nan.»** 故曰,牛馬,非牛也,未可.牛馬,牛也,未可.則或可或不可.而曰牛馬,牛也,未可亦不可.且牛不二,馬不二,而牛馬二.則牛不非牛,馬不非馬,而牛馬非牛非馬無難.

là trâu; trâu ngựa không là ngựa». Điều được nói ở đây có chỗ giống thuyết «bạch mã phi mã» (ngựa trắng không phải là ngựa) của Công Tôn Long. Công Tôn Long nói «ngựa trắng không phải là ngựa» còn ở đây nói «trâu ngựa»; tức là ở một phương diện nào đó, ta không thể nói «trâu ngựa không phải là trâu». Công Tôn Long lập luận theo cộng tướng (tức là *nội hàm* của danh), còn ở đây lập luận theo cá thể (tức là *ngoại diên* của danh). Quan điểm của hai phái này cơ bản là khác nhau.

Mặc Kinh và các biện giả thuộc phái Công Tôn Long tuy có ý kiến khác nhau đối với vấn đề cộng tướng, nhưng đối với «chính danh thực» thì có chủ trương giống nhau. *Mặc Kinh* (Kinh Hạ) có điều «Cuồng cử bất khả dĩ tri dị» 狂舉不可知異 (nêu ra bậy thì không thể biết sự khác nhau), nó tương hợp với ý nghĩa «cuồng cử» 狂舉 được nói trong *Công Tôn Long Tử* (Thông Biến Luận).

Kinh Hạ nói: «Cái kia và cái này: *Cái kia và cái này* thì đồng với *cái kia và cái này*; lý do là ở sự khác nhau.» Kinh Thuyết nói: «Điều ấy liên quan sự chính danh: cái kia và cái này. Cái kia và cái này có thể [đúng] khi *kia* của cái kia thì dừng ở *kia* và *này* của cái này thì dừng ở *này*. Cái kia và cái này không thể [đúng] khi cái kia lại là cái này và cái này cũng lại là cái kia. Cái này và cái kia cũng có thể [đúng] khi cái này và cái kia dừng ở cái này và cái kia. Như thế, chúng là cái này và cái kia; tức là cái kia cũng là cái này, cái này cũng là cái kia.»[73]

Ở đây là chủ trương của *Mặc Kinh* về chính danh; nó tương hợp với chủ trương của Công Tôn Long. Đại ý đoạn văn này nhất trí với *Công Tôn Long Tử* (Danh Thực Luận). Nếu cái kia chỉ là cái kia và nếu cái này chỉ là cái này, vậy thì *chính* (chính xác); nên nói «cái kia và cái này có thể» (bỉ thử khả). Nếu ý nghĩa của cái kia và cái này không định, thì ý nghĩa của cái kia có khi là cái này, ý nghĩa của cái này có khi là cái kia, vậy thì *bất chính* (không chính xác); nên nói «cái kia và cái này không thể» (bỉ thử bất khả). Sau khi chính danh, ý nghĩa của cái kia và cái này tuy định, nhưng các vật được chỉ bằng các danh «cái kia» và «cái

[73] **Kinh Hạ: «Bỉ[a] thử; bỉ thử, dữ bỉ thử đồng, thuyết tại dị.»** 彼[a]此；彼此，與彼此同，說在異. **Kinh Thuyết: «Bỉ, chính danh giả, bỉ thử. Bỉ thử khả, bỉ bỉ chỉ ư bỉ, thử thử chỉ ư thử. *Bỉ thử bất khả, bỉ thả thử dã*[b]. Bỉ thử diệc khả, bỉ thử chỉ ư bỉ thử, nhược thị nhi bỉ thử dã, *tắc bỉ diệc thả thử thử dã*[c].»** 彼，正名者，彼此. 彼此可，彼彼止於彼，此此止於此. 彼此不可，彼且此也[b]. 彼此亦可，彼此止於彼此，若是而彼此也，則彼亦且此此也[c].– **Phùng Hữu Lan chú: (a) *Bỉ* 彼 nguyên tác chép là *tuẫn* 循. (b) Tôn Di Nhượng nghi *«Bỉ thử bất khả, bỉ thả thử dã»* phải chép là *«Bỉ thả thử dã, thử diệc thả bỉ dã»* 彼且此也，此亦且彼也. (c) Tôn Di Nhượng nghi *«tắc bỉ diệc thả thử thử dã»* phải chép là *«tắc bỉ diệc thả thử, thử diệc thả bỉ dã»* 則彼亦且此，此亦且彼也.

này» không nhất thiết phải cố định. Từ một phương diện mà quan sát thì vật này là cái kia; từ một phương diện khác mà quan sát thì vật kia là cái này. Cái này xem cái kia là kia; cái kia cũng xem cái này là này; bởi vì «này» và «kia» vốn là các danh đối đãi nhau. Cho nên nói «cái này và cái kia cũng có thể» (bỉ thử diệc khả). *Trang Tử* (Tề Vật Luận) nói về «cái kia và cái này» (bỉ thị 彼是) cũng là noi theo điểm này mà lập luận: «Vật nào cũng là cái kia; vật nào cũng là cái này. [...] Cho nên nói: cái kia xuất từ cái này, cái này cũng xuất từ cái kia. Đấy là thuyết "*cái kia và cái này sinh ra nhau.*"»[74] Chuyên lấy cá thể của vật mà nói, thì các vật đều là «này-kia» lẫn nhau. «Cái này» và «cái kia» của chúng cố nhiên là không nhất định. Nhưng cộng tướng «cái này» và «cái kia» cố nhiên là xác định và không dời đổi. Ý nghĩa của các danh «cái này» và «cái kia» cũng có thể được làm cho xác định và không dời đổi; đó tức là việc *chính danh*.

7. *Mặc Kinh* biện luận đối với các biện giả khác

Kinh Hạ nói: «Lửa nóng; lý do là ở "nhìn".» Kinh Thuyết nói: «Lửa: Khi tôi nói lửa nóng, thì không có nghĩa rằng tôi có cái nóng của lửa. Trường hợp này cũng giống như khi nhìn cái trắng.»[75]

Ở đây hình như nhằm phản bác thuyết «lửa không nóng» (hoả bất nhiệt 火不熱) của các biện giả thời đó. Thuyết «lửa không nóng» cũng có thể có một luận cứ về mặt tri thức luận; nó cho rằng sức nóng của lửa là do cảm giác của ta. «Nóng» là cái chủ quan, nó ở tại ta chứ không ở tại lửa. Còn *Mặc Kinh* nói lửa nóng, tức là sức nóng của lửa; sức nóng đó ở tại lửa chứ không ở tại ta. Giống như nhìn cái trắng, trắng ở tại vật trắng chứ không ở tại ta.

---

[74] ***Trang Tử*** **(Tề Vật Luận): «Vật vô phi bỉ; vật vô phi thị. [...] Cố viết: bỉ xuất ư thị, thị diệc nhân bỉ. Bỉ thị phương sinh chi thuyết dã.»** 物无非彼;物无非是 [...] 故曰:彼出於是,是亦因彼.彼是方生之說也.

[75] **Kinh Hạ: «Hoả[a] nhiệt, thuyết tại đốn.»** 火[a]熱,說在頓. **Kinh Thuyết: «Hoả: vị hoả nhiệt dã, phi dĩ hoả chi nhiệt ngã hữu. Nhược thị bạch[b].»** 火:謂火熱也,非以火之熱我有.若視白[b].– **Phùng Hữu Lan chú: (a)** ***Hoả*** 火 **nguyên tác viết là** ***tất*** 必**; tôi sửa theo hiệu đính của Tôn Di Nhượng. (b)** ***Bạch*** 白 **nguyên tác viết là** ***viết*** 曰**; tôi sửa theo hiệu đính của Lương Khải Siêu.– LAM chú: Trương Thuần Nhất (tr.471) chép: «Hoả** ***bất*** **nhiệt, thuyết tại đốn.»** 火不熱,說在頓. **Công Tôn Long có thuyết «Hoả bất nhiệt» (lửa không nóng). Phùng Hữu Lan không chép chữ** ***bất*** 不. **Nguyễn Hiến Lê (tr.313), theo Cao Hanh, cũng chép «Hoả nhiệt, thuyết tại đốn». Derk Bodde dịch: «Fire is hot. The reason is given under '*** ***looking*** **'.» (Lửa nóng; lý do là ở '** ***nhìn*** **'). Tào Kính Sơ chú: «*** ***Đốn*** 頓 **là** ***cự*** 遽 **(khoảnh khắc), ý nói thời gian chốc lát.» (Đốn, cự dã; vị nga khoảnh chi thời dã** 頓,遽也;謂俄頃之時也). **Tôn Di Nhượng nghi chữ** ***đốn*** **là** ***đổ*** 睹 **(nhìn), nên Derk Bodde mới dịch là «looking» (nhìn).**

Kinh Hạ nói: «Nếu cắt đôi mà không cắt được nữa thì không có động tác cắt; lý do là ở *đoan* (điểm).» Kinh Thuyết nói: «Khi cắt đôi [cây gậy], cái đến trước (tức nửa đầu cây gậy) được chọn. Đối với cái đến trước, thì trung điểm [của cây gậy] không cắt đôi được nữa, vì đó là điểm (tức một đầu của phân nửa cây gậy). Nếu lấy nửa trước và nửa sau [của cây gậy] thì cái còn lại là một điểm tức là trung điểm [của cây gậy] (mà điểm thì bất khả phân). Cắt đôi thì thành hai nửa; nếu không thành hai nửa thì không thể cắt đôi được.»[76]

Ở đây hình như nhằm phản bác thuyết «cây gậy một thước, mỗi ngày chặt đi phân nửa, muôn đời cũng không chặt hết» (nhất xích chi chuỳ, nhật thủ kỳ bán, vạn thế bất kiệt 一尺之棰日取其半,萬世不竭) của các biện giả thời đó. «Đoan» là điểm. Kinh Thượng nói: «Điểm (*đoan*) là cái có trước tiên và không có bề dày của đường (*thể*).» (Đoan, thể chi vô hậu nhi tối tiền giả dã 端,體之無厚而最前者也). Kinh Thuyết nói: «Điểm (*đoan*) là cái không có gì trong nó.» (Đoan, thị vô gian dã 端,是無間也). Ý nói điểm (*đoan*) là cái nhỏ nhất, cái cực tiểu; cho nên nó không thể phân cắt được. Nhưng nếu ta cứ mỗi ngày chặt đi phân nửa cây gậy, rốt cuộc sẽ còn lại một điểm bất khả phân, và ta không thể chặt nó đi phân nửa được nữa. Bất kỳ vật gì, hễ cắt đôi được thì phải có khả năng bị cắt đôi. Tuy nhiên một điểm vì bất khả phân nên không thể bị cắt đôi. Ở đây *Mặc Kinh* cũng lập luận dựa trên cá thể (tức vật) cụ thể.

Kinh Hạ nói: «Có thể có cái không (*vô* 無). Nhưng cái đã tồn tại (*hữu* 有) rồi thì không thể khử bỏ; lý do là ở *thường nhiên* 嘗然 (từng như thế).» Kinh Thuyết nói: «Có thể có cái không (*vô* 無). Nhưng cái vừa như thế thì đã từng như thế, nên không thể là cái không (*vô* 無).»[77]

Ở đây nói rằng sự vật trong thiên hạ nếu chúng chưa tồn tại thì cũng có thể xem là không có. Nhưng nếu sự vật đã tồn tại thì mãi mãi

[76] **Kinh Hạ: «Phi bán bất trước tắc bất động, thuyết tại đoan.»** 非半不斮(著+斤)則不動,說在端. **Kinh Thuyết: «Phi, trước bán, tiến tiền thủ dã. Tiền, tắc trung vô vi bán, do đoan dã. Tiền hậu thủ, tắc đoan trung dã. Trước tất bán, vô dữ phi bán, bất khả trước dã.»** 非,斮半,進前取也.前則中無爲半,猶端也.前後取,則端中也.斮必半,毋與非半,不可斮也.– **LAM chú: Ở đây vấn đề bị hiểu khác. *Mặc Kinh* hiểu là chặt đôi cây gậy ban đầu thôi, nên chặt một lần rồi thì không còn chặt được nữa. Còn ý của Công Tôn Long là trước tiên chặt đôi cây gậy, rồi chặt đôi phân nửa còn lại, rồi chặt đôi phân nửa của phân nửa còn lại, v.v... cứ thế thì mãi mãi không bao giờ chặt hết.**

[77] **Kinh Hạ: «Khả vô dã, hữu chi nhi bất khả khử, thuyết tại thường nhiên.»** 可無也,有之而不可去,說在嘗然. **Kinh Thuyết: «Khả vô dã, dĩ *nhiên*[a] tắc *thường nhiên*[b], bất khả vô dã.»** 可無也,已然[a]則嘗然[b],不可無也.– **Phùng Hữu Lan chú: (a) *Nhiên* 然 nguyên tác chép là *cấp* 給; tôi sửa theo hiệu đính của Tôn Di Nhượng. (b) *Thường nhiên* 嘗然 nguyên tác chép là *đương cấp* 當給; tôi sửa theo hiệu đính của Tôn Di Nhượng.**

tồn tại, nên không thể bị khử bỏ.

Điều này hình như không nhằm phản bác thuyết «con nghé mồ côi chưa từng có mẹ» (cô độc vị thường hữu mẫu 孤犢未嘗有母)[78] của các biện giả thời đó, nhưng kỳ thực ta cũng có thể lấy nó để tham khảo. Lấy cá thể «con nghé mồ côi» mà nói, nếu ngay từ đầu nó chưa từng có mẹ thì cái cá thể này từ đâu mà có? Nếu ngày xưa nó đã có mẹ, tuy nay mẹ nó không còn nữa, nhưng cũng không thể nói rằng nó chưa từng có mẹ.

Kinh Hạ nói: «Đi xa thì lâu; lý do là ở trước sau.» Kinh Thuyết nói: «Khi đi, thì trước là ở gần rồi sau thì ở xa. Xa gần là không gian. Trước sau là thời gian. Dân đi xa thì phải lâu.»[79]

Ở đây nói đi xa thì ắt trải qua thời gian. Ta có thể dùng để tham khảo thuyết «hôm nay tôi đến nước Việt và đã tới đó hôm qua» (kim nhật thích Việt nhi tích lai 今日適越而昔來) của Huệ Thi.

Kinh Hạ nói: «Ảnh (cái bóng) không dời; lý do là ở *cải vi* (thay đổi).» Kinh Thuyết nói: «Ảnh (cái bóng): khi ánh sáng đến thì ảnh mất. Nếu ảnh còn, thì nó sẽ còn ở đó mãi.»[80]

Ở đây nói giống ý của câu được chép trong *Trang Tử* (Thiên Hạ): «Bóng chim bay chưa hề động.» (Phi điểu chi ảnh vị thường động dã 飛鳥之影未嘗動也). Kỳ thực, điểm khác nhau là: nghịch lý trên nói về «cái bóng của con chim bay», còn *Mặc Kinh* chỉ nói về «cái bóng». Nói «bóng chim bay chưa hề động» là nói trái với tri thức thông thường; nhưng nói «cái bóng không dời» thì không trái với tri thức thông thường.

---

[78] **LAM chú: Thuyết của Công Tôn Long là: «Con ngựa mồ côi chưa từng có mẹ.» (Cô câu vị thường hữu mẫu 孤駒未嘗有母). Ở đây Phùng Hữu Lan chép là: «Con nghé mồ côi chưa từng có mẹ.» (Cô độc vị thường hữu mẫu 孤犢未嘗有母). *Độc* 犢: *tiểu ngưu* 小牛 (bê hoặc nghé).**

[79] **Kinh Hạ: «Hành *tu*(*) dĩ cửu, thuyết tại tiên hậu.» 行修(*)以久，說在先後. Kinh Thuyết: «Hành giả, hành giả tất tiên cận nhi hậu viễn. Viễn cận, tu dã. Tiên hậu, cửu dã. Dân hành tu, tất dĩ cửu dã.» 行者，行者必先近而後遠．遠近，修也．先後，久也．民行修，必以久也.– Phùng Hữu Lan chú: (*) Chữ *tu* 修 nguyên tác chép là *tuần* 循; tôi sửa theo hiệu đính của Trương Huệ Ngôn.– LAM chú: Từ điển điện tử *Kim Sơn Từ Bá* 金山詞霸 (Ciba 2000) của Đại học Bắc Kinh cho một nghĩa của *tu* 修 là: «Xa xôi, thí dụ như *tu trở* (đường xa xôi cách trở)» (Viễn [xa xôi] như: *tu trở* = lộ đồ dao viễn nhi trở cách 遠 [distant] 如：修阻＝路途遙遠而阻隔). *Tu* 修 còn có nghĩa là *trường* 長 (dài). Xem: *Kim Sơn Từ Bá 2000*; Sử Đông, *Giản Minh Cổ Hán Ngữ Từ Điển*, Vân Nam Nhân Dân xbx, 1999, tr.539; *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển*, Thương Vụ Ấn Thư Quán, Bắc Kinh, 2000, tr.1758. Ở đây *tu* đi với *cửu*, nên *tu* chỉ về không gian, *cửu* chỉ về thời gian.**

[80] **Kinh Hạ: «*Cảnh* bất tỷ, thuyết tại cải vi.» 景不徙，說在改爲. Kinh Thuyết: «*Cảnh*, quang chí *cảnh* vong. Nhược tại, tận cổ tức.» 景，光至景亡．若在，盡古息.– LAM chú: Các chữ *cảnh* 景 ở đây đọc là *ảnh* 影 (ảnh, cái bóng).**

Thí dụ như cái bóng mà đồng hồ mặt trời (sundial: *nhật quy* 日規 hay *nhật quỹ* 日晷) chỉ vào đúng giờ ngọ thì khác với cái bóng mà nó chỉ vào thời điểm trước đó (thí dụ lúc 11 giờ). Tại sao? Cây kim tạo ra cái bóng thì bất động, nên bóng của nó cũng bất động. Cái bóng lúc 11 giờ do ánh sáng đến nên đi mất, còn cái bóng lúc giờ ngọ là cái bóng mới sinh ra. Tuy nhiên, nếu cái bóng lúc 11 giờ không đi mất, thì nó vẫn còn đó, bởi vì nó vốn là cái bóng bất động. Nhưng «bóng chim bay» vốn là cái bóng di động, cho nên nó hoàn toàn khác với cái bóng kia.

8. *Mặc Kinh* biện hộ thuyết kiêm ái

Biệt Mặc đã nghiên cứu kỹ các phương pháp biện luận, nên dùng các phương pháp này để chống lại những ai phê bình thuyết kiêm ái. Lấy *Mặc Kinh* và thiên Tiểu Thủ mà xét, vào thời đó có hai loại phê bình thuyết kiêm ái. Một loại là «vô cùng hại kiêm» 無窮害兼 (sự vô cùng làm hại sự đều khắp) ý nói người trong thiên hạ thì vô cùng, làm sao có thể yêu hết họ được? Còn loại kia là «sát đạo tức sát nhân» 殺盜即殺人 (giết kẻ trộm là giết người), ý nói nếu Mặc gia đã chủ trương kiêm ái, tại sao còn chủ trương trừng phạt kẻ có tội? Đối với hai loại phê bình này, Mặc gia đều có sự biện hộ.

Kinh Hạ nói: «Sự vô cùng không hại sự đều khắp (*kiêm*); lý do là ở "có đầy hay không" (*doanh phủ*).» Kinh Thuyết nói: «Vô cùng: [Lời phản bác:] Nếu phương Nam có giới hạn thì nó có thể cùng tận; nếu nó không có giới hạn thì nó không thể cùng tận. Ta không thể biết nó có giới hạn hay không, nên không thể biết nó cùng tận hay không cùng tận. Vì ta không thể biết người ta có đầy thiên hạ không, nên cũng không thể biết người ta cùng tận hay không cùng tận. Vì lẽ đó, thật là sai trái khi cho rằng có thể yêu khắp mọi người. [Đáp:] Nếu người ta không làm đầy cái vô cùng, thì họ có một giới hạn. Bao gồm hết cái có giới hạn thì không khó gì. Nếu họ làm đầy cái có giới hạn, thì cái vô cùng sẽ cùng tận. Bao gồm hết cái có giới hạn thì không khó gì.»[81]

[81] **Kinh Hạ: «Vô cùng bất hại kiêm, thuyết tại doanh phủ.»** 無窮不害兼，說在盈否. **Kinh Thuyết: «Vô, nam giả hữu cùng tắc khả tận, vô cùng tắc bất khả tận, hữu cùng vô cùng vị khả tri, tắc khả tận bất khả tận *bất khả tận*[a] vị khả tri. Nhân chi doanh chi phủ vị khả tri, nhi tất nhân khả tận bất khả tận diệc vị khả tri, nhi tất nhân chi khả tận ái dã, bội. Nhân nhược bất doanh vô[b] cùng, tắc nhân hữu cùng dã. Tận hữu cùng vô nan. Doanh hữu cùng, tắc vô cùng tận dã. Tận hữu cùng, vô nan.»** 無，南者有窮則可盡，無窮則不可盡，有窮無窮未可知，則可盡不可盡不可盡[a]未可知．人之盈之否未可知，而必人可盡不可盡亦未可知，而必人之可盡愛也，悖．人若不盈无[b]窮，則人有窮也．盡有窮無難．盈有窮，則無窮盡也．盡有窮，無難．– **Phùng Hữu Lan chú: (a) Tất Nguyên nói ba chữ *bất khả tận* 不可盡 là bị chép dư. (b) *Vô* 无 nguyên tác chép là *tiên* 先; tôi sửa theo hiệu đính của Tôn dị Nhượng.**

Kinh Hạ nói: «Không biết số lượng của họ mà biết yêu khắp họ; lý do là ở "hỏi" (*vấn* 問).» Kinh Thuyết nói: «Nếu không biết số lượng của họ, làm sao biết yêu khắp họ? Nếu sót ai, thì xin hỏi [hãy nêu ra], hỏi cho hết người ta tức là yêu khắp người được hỏi. Nếu không biết số lượng của họ mà biết yêu khắp họ, điều đó đâu khó gì.»[82]

Kinh Hạ nói: «Khi tôi tớ hay chó má chạy mất, người chủ [mất chúng] tuy không biết chúng ở đâu, nhưng vẫn cứ yêu chúng; lý do là ở "đứa trẻ lạc".» Kinh Thuyết nói: «Tôi tớ chạy trốn, ta không biết chỗ của chúng; chó má chạy mất, ta không biết tên chúng. Người bị mất (tức chủ) dù khéo léo cũng không thể hợp hai cái lại.»[83]

Những điều trên nhằm trả lời thuyết «vô cùng hại kiêm» (sự vô cùng làm hại sự đều khắp). Người bắt bẻ hỏi: «Nếu phương Nam có giới hạn thì nó có thể cùng tận; nếu nó không có giới hạn thì nó không thể cùng tận. Ta không thể biết nó có giới hạn hay không, nên không thể biết nó cùng tận hay không cùng tận. Nay ông nói có thể yêu khắp mọi người, thế chẳng phải là sai lầm sao?» Đáp: «Cái phương Nam vô cùng ấy, người ta không thể làm đầy khắp. Tức là số lượng người ta có giới hạn. Người ta có số lượng giới hạn, yêu khắp họ thì đâu khó gì? Nếu người ta rốt cuộc có thể làm đầy phương nam vô cùng ấy, tức là cái vô cùng có khi cùng tận. Đất đai là có giới hạn, yêu khắp mọi người thì đâu khó gì?» Người bắt bẻ hỏi: «Ông không biết số lượng người ta, làm sao ông biết là yêu hết bọn họ?» Đáp: «Nếu có kẻ nghi hoặc, hãy bảo hắn hỏi người ta khắp nơi và bảo hắn yêu hết những người mà hắn hỏi. Cho dù hắn bỏ sót số người được hỏi, thì có hại chi?» Người bắt bẻ lại hỏi: «Không biết

[82] **Kinh Hạ: «Bất tri kỳ số nhi tri kỳ tận dã, thuyết tại *vấn*[a] dã.»** 不智其數而智其盡也，說在問[a]. **Kinh Thuyết: «Bất, *bất*[b] tri kỳ số, ô tri ái dân chi tận *chi*[c] dã? Hoặc giả di hồ kỳ vấn dã, tận vấn nhân tắc tận ái kỳ sở vấn. Nhược bất tri kỳ số nhi tri ái chi tận chi dã, vô nan.»** 不，不[b]智其數，惡智愛民之盡之[c]也？或者遺乎其問也，盡問人則盡愛其所問．若不智其數而智愛之盡之也，無難．– **Phùng Hữu Lan chú: (a) *Vấn* 問 nguyên tác chép là *minh* 明; tôi sửa theo hiệu đính của Tôn Di Nhượng. (b) Chữ *bất* 不 này Đặng Cao Kính nói bản xưa chép là *nhị* 二, tức là chữ *bất* 不. (c) *Chi* 之, bản xưa chép là *văn* 文.– LAM chú: Tất cả các chữ *trí* 智 ở đây thông với *tri* 知 (biết). Nguyễn Hiến Lê (*sđd.*, tr.287) dịch thoát *«Hoặc giả di hồ kỳ vấn dã, tận vấn nhân tắc tận ái kỳ sở vấn»* là: «Nếu còn sót người nào thì xin người bắt bẻ ta cứ chỉ cho chúng ta, chúng ta cũng sẽ yêu thêm cho hết; nếu họ không chỉ được thì tức là chúng ta đã yêu hết rồi.»**

[83] **Kinh Hạ: «Đào thần cẩu khuyển, *di*[*] giả bất tri kỳ sở xứ, bất hại ái chi, thuyết tại táng tử giả.»** 逃臣狗犬，遺[*]者不知其所處，不害愛之，說在喪子者．**Kinh Thuyết: «Đào thần bất *trí* kỳ xứ, cẩu khuyển bất *trí* kỳ danh dã, di giả xảo, phất năng lưỡng dã.»** 逃臣不智其處，狗犬不智其名也，遺者巧，弗能兩也．– **Phùng Hữu Lan chú: (*) Chữ *di* 遺 nguyên tác chép là *quý* 貴; tôi sửa theo hiệu đính của Tôn Di Nhượng.– LAM chú: Hai chữ *trí* 智 ở đây tức là *tri* 知 (biết).**

hết nơi chốn của người ta, sao có thể yêu hết họ?» Đáp: «Không biết hết nơi chốn của họ cũng không làm hại lòng thương họ. Thí dụ như tôi tớ hay chó má chạy mất, người chủ đã không biết chỗ của chúng lại còn không biết hiện nay chúng đổi tên là gì, dù mướn kẻ giỏi đi tìm cũng không thể hợp hai cái lại. Đây cũng y trường hợp đứa con thất lạc; người cha tuy không biết con mình ở đâu, nhưng ông vẫn yêu nó.»[84]

Thiên Tiểu Thủ nói: «Ngựa trắng là ngựa. Cưỡi ngựa trắng là cưỡi ngựa. Ngựa ô là ngựa. Cưỡi ngựa ô là cưỡi ngựa. *Hoạch* là người. Yêu *Hoạch* là yêu người. *Tang* là người. Yêu *Tang* là yêu người. Điều ấy như thế là đúng. [Tuy nhiên] cha mẹ *Hoạch* là người. *Hoạch* thờ cha mẹ, đâu phải là thờ mọi người. Em của *Hoạch* đẹp trai. *Hoạch* yêu em, đâu phải là yêu mọi người đẹp trai. Xe thì bằng gỗ. Đi xe, đâu phải là ngồi trên gỗ. Thuyền bằng gỗ. Đi thuyền, đâu phải là chui vào gỗ. Kẻ trộm là người. Nhiều kẻ trộm đâu phải là nhiều người. Không có kẻ trộm đâu phải là không có người. Giải thích điều đó thế nào? Ghét bọn trộm, đâu phải là ghét mọi người. Muốn không có kẻ trộm, đâu phải là muốn không có người. Người đời đều cho thế là đúng. Tuy kẻ trộm là người, nhưng yêu kẻ trộm đâu phải là yêu người; không yêu kẻ trộm đâu phải là không yêu người; giết kẻ trộm đâu phải là giết người. Điều ấy đâu có gì khó hiểu. Cái này và cái kia đồng loại, người đời có cái kia mà không tự cho mình sai. Mặc giả có cái này mà xem nó sai, đâu có lý do nào khác. Đó gọi là bên trong kiên cố bên ngoài bế tắc mà không thể cởi mở được. Điều ấy như thế là không đúng.»[85]

---

[84] **Phùng Hữu Lan chú: Nguyên đoạn này tôi theo giải thích của Đặng Cao Kính 鄧高鏡, *Mặc Kinh Tân Thích* 墨經新釋, Thượng Hải, 1931.**

[85] **Tiểu Thủ: «Bạch mã, mã dã. Thừa bạch mã, thừa mã dã. Ly mã, mã dã. Thừa ly mã, thừa mã dã. Hoạch, nhân dã. Ái Hoạch, ái nhân dã. Tang, nhân dã. Ái Tang, ái nhân dã. Thử nãi thị nhi nhiên giả dã. Hoạch chi thân, nhân dã. Hoạch sự kỳ thân, phi sự nhân dã. Kỳ đệ, mỹ nhân dã. Ái đệ, phi ái mỹ nhân dã. Xa, mộc dã. Thừa xa phi thừa mộc dã. Thuyền, mộc dã. Nhập thuyền phi nhập mộc dã. Đạo nhân, nhân dã. Đa đạo, phi đa nhân dã. Vô đạo, phi vô nhân dã. Hề dĩ minh chi? Ố đa đạo, phất ố đa nhân dã. Dục vô đạo, phi dục vô nhân dã. Thế tương dữ cộng thị chi, nhược nhược thị, tắc tuy đạo nhân, nhân dã; ái đạo phi ái nhân dã; bất ái đạo, phi bất ái nhân dã; sát đạo nhân, phi sát nhân dã; vô nan hĩ. Thử dữ bỉ đồng loại, thế hữu bỉ nhi bất tự phi dã. Mặc giả hữu thử nhi phi chi, vô dã (tha) cố yên. Sở vị nội *giao*(a) ngoại bế [*dữ. Tâm vô không hồ nội, giao*](b) nhi bất giải dã. Thử nãi thị nhi bất nhiên giả dã.»** 白馬，馬也．乘白馬，乘馬也．驪馬，馬也．乘驪馬，乘馬也．獲，人也．愛獲，愛人也．臧，人也．愛臧，愛人也．此乃是而然者也．獲之親，人也．獲事其親，非事人也．其弟，美人也．愛弟，非愛人也．車，木也．乘車非乘木也．船，木也．入船非入木也．盜人，人也．多盜，非多人也．無盜，非無人也．奚以明之？惡多盜，弗惡多人也．欲無盜，非欲無人也．世相與共是之，若若是，則雖盜人，人也；愛盜非愛人也；不愛盜非不愛人也；殺盜人，非殺人也；無難矣．此與彼同類，世有彼而不自非也

Ở đây chứng minh giết kẻ trộm không phải là giết người; nên giết kẻ trộm thì không làm hại lòng kiêm ái. Thời bấy giờ cũng có lời công kích thuyết «phi mệnh» 非命 (chống số mệnh) của Mặc gia. Cuối thiên Tiểu Thủ cũng có lời phản bác, ở đây tôi không dẫn ra.

9. Công kích các nhà khác thời đó

Ngoài ra, *Mặc Kinh* cũng có nhiều luận chứng mà Mặc gia hình như dùng chúng để công kích các nhà khác thời đó. Tôi sẽ trình bày lần lượt sau đây.

Kinh Hạ nói: «Cái ở một thời điểm thì như thế nhưng nó sẽ không mãi như thế. Lý do là ở suy cái này ra cái kia.» Kinh Thuyết nói: «Nói Nghiêu cai trị giỏi, là ta suy từ nay đến xưa; nếu suy từ xưa đến nay thì Nghiêu không thể cai trị giỏi.»[86]

Kinh Hạ nói: «Sự tốt đẹp của Nghiêu: cái danh ở ngày nay mà cái thực ở ngày xưa, tức thời gian khác nhau. Lý do là *sự tốt đẹp có hai*.» Kinh Thuyết nói: «Nghiêu và Hoắc: hoặc lấy danh chỉ người, hoặc lấy thực chỉ người. Nói một người bạn là phú thương, tức là lấy danh chỉ người. Còn trỏ vào người tên Hoắc tức là lấy thực chỉ người. Sự tốt đẹp của Nghiêu: cái danh ở ngày nay mà cái thực ở ngày xưa.»[87]

Ở đây phản bác thuyết Nho gia tôn thờ và noi theo Nghiêu Thuấn.

墨者有此而非之，無也（他）故焉．所謂內膠外閉與，心無空乎內，膠而不解也．此乃是而不然者也．– **LAM chú: (a) Trương Thuần Nhất (tr.548) nói:** ***Mặc Kinh Nhàn Cố dẫn Nhĩ Nhã, giảng giao*** **膠 là** ***cố*** **固 (chắc chắn, kiên cố), ý nói** ***nội giao cố nhi ngoại bế tắc*** **內膠外閉 (bên trong kiên cố, bên ngoài bế tắc). (b) Trương Thuần Nhất cho rằng bảy chữ «*dữ. Tâm vô không hồ nội, giao*» là được chép thêm do suy diễn, nên ông bỏ đi. Derk Bodde không dịch «*Sở vị nội giao... bất nhiên giả dã*». Phùng Hữu Lan cũng không giải thích chỗ này. Ở đây tôi dịch theo Trương Thuần Nhất.**

[86] **Kinh Hạ: «Tại chư kỳ sở nhiên vị** ***giả***[(a)] **nhiên, thuyết tại ư thị suy chi.»** 在諸其所然未者[(a)]然，說在於是推之．**Kinh Thuyết: «Tại Nghiêu thiện trị, tự kim tại chư cổ dã; tự cổ tại** ***chi***[(b)] **kim, tắc Nghiêu bất năng trị dã.»** 在堯善治，自今在諸古也，自古在之[(b)]今，則堯不能治也．– **Phùng Hữu Lan chú: (a) và (b)** ***giả*** **者 và** ***chi*** **之 đồng với** ***chư*** **諸.**

[87] **Kinh Hạ: «Nghiêu chi nghĩa dã,** ***sinh***[(*)] **ư kim nhi xử ư cổ nhi dị thời. Thuyết tại sở nghĩa nhị.»** 堯之義也，生[(*)]於今而處於古而異時．說在所義二．**Kinh Thuyết: «Nghiêu Hoắc, hoặc dĩ danh thị nhân, hoặc dĩ thực thị nhân. Cử hữu phú thương dã, thị dĩ danh thị nhân dã. Chỉ thị Hoắc dã, thị dĩ thực thị nhân dã. Nghiêu chi nghĩa dã, thị** ***thanh***[(*)] **dã ư kim; sở nghĩa chi thực xử ư cổ.»** 堯霍，或以名視（示）人，或以實視（示）人．舉友富商也，是以名視（示）人也．指足霍也，是以實視（示）人也．堯之義也，是聲[(*)]也於今；所義之實處於古．– **LAM chú: Trương Thuần Nhất (tr.475) so sánh hai chỗ này (*) rồi sửa** ***sinh*** **生 thành** ***thanh*** **聲. Derk Bodde lầm** ***thanh*** **là** ***thanh danh*** **(reputation); kỳ thực** ***thanh*** **ở đây là** ***danh*** **đi đối với** ***thực***. ***Nghĩa*** **義 ở đây là** ***thiện mỹ*** **善美 (tốt đẹp). Xem: Từ điển điện tử** ***Từ Bá 2000***; ***Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển*****, Thương Vụ Ấn Thư Quán, Bắc Kinh, 2000, tr.1851.**

Như nói Nghiêu giỏi trị thiên hạ tức là sống đời nay mà nói chuyện đời xưa. Nếu sống đời xưa mà nói chuyện đời nay, thì Nghiêu chưa chắc giỏi trị thiên hạ; bởi vì việc cai trị thiên hạ xưa và nay bất đồng.[88]

Kinh Hạ nói: «Vật sở dĩ như thế; sở dĩ biết nó; sở dĩ khiến người ta biết nó. Ba điều ấy không nhất thiết giống nhau. Lý do là ở *bệnh*.» Kinh Thuyết nói: «Có người làm vật hư hỏng, là sự việc như thế. Thấy sự việc đó, là biết. Nói ra sự việc đó, là khiến cho người ta biết.»[89]

Nho gia nói Nghiêu trị thiên hạ sở dĩ như thế, đó chỉ là cái mà họ biết, chắc gì Nghiêu quả thực đã trị thiên hạ như thế. Chữ *nghĩa* trong «Nghiêu chi *nghĩa*» 堯之義 là *thiện* 善 (tốt đẹp). Cái danh «tốt đẹp» thì ở ngày nay. Cái thực «tốt đẹp» thì ở ngày xưa. Xưa và nay thời gian khác nhau. Cái danh «tốt đẹp» và cái thực «tốt đẹp» là hai thứ khác nhau. Cũng như khi ta gọi một người bạn là phú thương, tức là lấy danh để chỉ người. Nhưng nếu ta trỏ tay vào người tên Hoắc chẳng hạn, tức là lấy thực để chỉ người. Cái danh «tốt đẹp» của Nghiêu thì ở ngày nay, còn cái thực «tốt đẹp» của Nghiêu thì ở ngày xưa. Danh ấy và thực ấy sao có thể là một? Do đó, cái danh «tốt đẹp» mà Nho gia xưng tụng Nghiêu chưa chắc đã phù hợp với cái thực «tốt đẹp» của Nghiêu.[90]

Kinh Hạ nói: «Xem nhân ở trong và nghĩa ở ngoài, là sai; lý do là ở sự ngược ngạo.» Kinh Thuyết nói: «Nhân là nhân ái. Nghĩa là lợi. Yêu ai và làm lợi ai là ở kẻ này; được yêu và được làm lợi là ở kẻ kia. Yêu ai không ở trong và làm lợi ai không ở ngoài; được yêu không ở ngoài và được làm lợi không ở trong. Ai xem nhân ở trong và nghĩa ở ngoài, tức là nêu ra việc yêu ai cùng với việc được làm lợi. Đó là nêu ra bậy (*cuồng cử*), giống như mắt trái nhìn ra, mắt phải nhìn vào.»[91]

---

88 **Phùng Hữu Lan chú: Giải thích này tôi theo Đặng Cao Kính.**

89 **Kinh Hạ: «Vật chi sở dĩ nhiên, dữ sở dĩ tri chi, dữ sở dĩ sử nhân tri chi, bất tất đồng. Thuyết tại bệnh.»** 物之所以然，與所以知之，與所以使人知之，不必同．說在病．**Kinh Thuyết: «Vật hoặc thương chi, nhiên dã. Kiến chi, trí dã. Cáo chi, sử trí dã.»** 不或傷之，然也．見之，智也．告之，使智也．

90 **Phùng Hữu Lan chú: Ở đây tôi cũng theo giải thích của Đặng Cao Kính.**

91 **Kinh Hạ: «Nhân nghĩa chi vi ngoại nội dã, *phi*[a]; thuyết tại ngỗ *nhan*[b]»** 仁義之爲外內也，非[a]；說在忤顏[b]．**Kinh Thuyết: «Nhân, nhân ái dã. Nghĩa, lợi dã. Ái lợi, thử dã. Sở ái sở lợi, bỉ dã. Ái lợi bất tương vi nội ngoại; sở ái lợi diệc bất tương vi ngoại nội. Kỳ vi nhân nội dã, nghĩa ngoại dã, cử ái dữ sở lợi dã, thị cuồng cử dã. Nhược tả mục xuất, hữu mục nhập.»** 仁，仁愛也．義，利也．愛利，此也．所愛所利，彼也．愛利不相爲內外；所愛利亦不相爲外內．其爲仁內也，義外也，舉愛與所利也，是狂舉也．若左目出，右目入．– **Phùng Hữu Lan chú: (a) *Phi* 非, nguyên tác chép là *nội* 內; tôi sửa theo hiệu đính của Tôn dị Nhượng. (b) Chữ *nhan* 顏 sai. Tôn Dị Nhượng nói: «Nên chép là *hiệt* 頡. *Lã Thị Xuân Thu* (Minh Lý) nói: "Kỳ dân hiệt ngỗ."** 其民頡悟．**Cao thị chú: *hiệt* là *đại* 大, *ngỗ* là *nghịch* 逆.»**

Nhân ở trong, nghĩa ở ngoài là thuyết của phái Cáo Tử. (Xem lại chương 7). *Quản Tử* (Giới) cũng nói: «Nhân phát xuất từ trong; nghĩa tác dụng từ ngoài.» (Nhân tòng trung xuất, nghĩa tòng ngoại tác 仁從中出, 義從外作). *Mặc Kinh* nói chính ta là kẻ có thể yêu và làm lợi cho người khác; còn người khác chính là kẻ được yêu và được làm lợi. Khả năng yêu ai và làm lợi ai đều ở bên trong. Không thể nói khả năng yêu ai là ở bên trong, khả năng làm lợi ai là ở bên ngoài. Khả năng được yêu và được làm lợi đều ở bên ngoài. Cũng không thể nói khả năng được yêu là ở bên trong, khả năng được làm lợi là ở bên ngoài. Nay nói nhân bên trong, nghĩa bên ngoài, tức là đối với yêu thì nêu ra kẻ yêu người, còn đối với lợi thì nêu ra kẻ được làm lợi. Điều ấy khác nào nói mất trái nhìn ra, mất phải nhìn vào. Nếu không phải là nêu ra bậy thì là gì?[92]

Kinh Hạ nói: «Ngũ hành không luôn luôn khắc chế nhau (*thường thắng*). Lý do là ở nhiều (*đa*).» Kinh Thuyết nói: «Ngũ hành là kim, thuỷ, thổ, hoả, mộc. Tuỳ theo tự nhiên: Hoả làm tan chảy kim là do hoả nhiều, kim làm tan nát lửa than (=hoả) là do kim nhiều. Kim phụ thuộc mộc [là do mộc nhiều], mộc lệ thuộc hoả [là do hoả nhiều].»[93]

---

[92] **Phùng Hữu Lan chú: Ở đây tôi theo giải thích của Đặng Cao Kính.**

[93] **Kinh Hạ: «Ngũ hành vô thường thắng, thuyết tại *nghi*[a].»** 五行毋常勝, 說在宜[a]. **Kinh Thuyết: «Ngũ: *kim*[b], thuỷ, thổ, hoả, mộc. *Ly nhiên*[c] hoả *thước*[d] kim hoả đa dã. Kim *mị thán*[e], kim đa dã. *Kim chi phủ mộc*[f], mộc ly hoả.»** 五：金[b], 水, 土, 火, 木. 離然[c]火鑠[d]金火多也. 金靡炭[e], 金多也. 金之府木[f], 木離火. – **LAM chú: (a) Trương Thuần Nhất (tr.468) chép là *đa* 多, và nói trong cổ văn chữ *nghi* 宜 và *đa* 多 bị dùng lẫn, vì tự dạng xưa của *nghi* là 宐 (宀+多+一), thường bị lầm với *đa* 多. (b) Chữ *kim* 金 nguyên tác chép lầm là *hợp* 合. (c) Bản xưa chép *hoả ly nhiên* 火離然. Phùng Hữu Lan theo Đặng Cao Kính nên bỏ chữ *hoả*, Trương Thuần Nhất giữ lại. (d) *Thước* 鑠: làm tan chảy. (e) *Nhàn Cổ* nói chữ *mị* 靡 là giả tá của *ma* 礳 (石+靡: Tự điển *Khang Hi* giảng nó là dị thể của *ma* 磨: mài, chà xát). (f) Trương Thuần Nhất chép: «*Hợp chi phủ thuỷ, mộc ly mộc, nhược thức mi dữ ngư chi số, duy sở lợi.*»** 合之府水, 木離木, 若識麋與魚之數惟所利. **Về *hợp chi phủ thuỷ* 合之府水, Tất Nguyên nghi chữ *phủ* 府 là *hủ* 腐 (làm rục nát). *Nhàn Cổ* nói nên viết: *hợp chi thành thuỷ* 合之成水; ý nói kim gặp nhiệt thì tan chảy thành nước. Về *mộc ly mộc*, *Nhàn Cổ* nói nên viết: *mộc ly thổ* 木離土. *Ly* 離 là *lệ* 麗 (lệ thuộc). Đại ý: «Kim gặp nhiệt thì tan thành nước, cây lệ thuộc đất, cũng như số lượng nai và cá vô định, tuỳ theo cần dùng nhiều ít mà lấy, chứ không nói nai và cá khắc nhau.» Ở đây Phùng Hữu Lan theo bản hiệu đính của Đặng Cao Kính. Derk Bodde dịch: «*Canon II*: The Five Elements do not constantly overcome one another. The reason is given under 'quantity'. *Exposition*: The five are metal, water, earth, fire and wood. Quite separate (from any cycle), fire may melt metal. This is because of the greater amount of fire. Or metal may reduce (fire) to cinders. This is because of the greater amount of metal. Metal may spoil wood. Wood may scatter water.» (*Kinh Hạ*: Ngũ Hành không luôn khắc nhau. Lý do là ở số lượng. Kinh thuyết: Năm [hành] là kim, thuỷ, thổ, hoả, mộc. Hoàn toàn tách rời [bất cứ chu kỳ nào], hoả có thể làm tan chảy kim. Đó là vì có nhiều hoả. Hoặc kim có thể giảm thiểu [lửa] thành than. Đó là vì có nhiều kim. Kim có thể làm hư mộc. Mộc có thể làm phân tán**

Ở đây phản bác thuyết Âm Dương ngũ hành của bọn Trâu Diễn. Kim, mộc, thuỷ, hoả vốn là nhiều thắng ít; sao lại có sự *thường thắng* (luôn khắc chế) ở chúng? Ở đây cũng là lấy cái kim, mộc, thuỷ, hoả, thổ cụ thể mà nói.

Kinh Hạ nói: «Học thì có ích. Lý do là ở kẻ phê bình (*phỉ giả* 誹者).» Kinh Thuyết nói: «Về sự học: Xem "không biết nên học" là vô ích, nên mới bảo cho thiên hạ biết. Nhưng khiến cho thiên hạ biết "học là vô ích", thì đó là lời dạy cho thiên hạ học. Vậy nói "học là vô ích" thì trái với lời dạy ấy.»[94]

Kinh Hạ nói: «*Vô* (không) không nhất thiết phải đối đãi với *hữu* (có). Lý do là ở cái được nói.» Kinh Thuyết nói: «Vô: như nói "vô mã" (không có ngựa), tức là *đã có* (hữu) ngựa, nên bây giờ mới nói là *không có* (vô) ngựa. Còn nói "vô thiên hãm" (không có trời sập), tức là *đã không có* (vô) trời sập nên bây giờ nói là *không có* (vô) trời sập.»[95]

Ở đây phản bác lời Lão Tử. *Lão Tử* (chương 20) nói «dứt học vấn thì khỏi âu lo» (tuyệt học vô ưu 絕學無憂), tức là xem cái học là vô ích. Nhưng đã xem cái học là vô ích, sao còn đem lý lẽ ấy mà dạy người. Có dạy ắt có học, tức là cái học ấy hoá ra lại có ích. *Lão Tử* (chương 2) lại nói «*có* và *không* sinh ra nhau» (hữu vô tương sinh 有無相生). Còn *Mặc Kinh* nói «*không* không nhất thiết phải đối đãi với *có*» (vô bất tất đãi hữu 無不

---

thuỷ). Tôi cho rằng dịch như vậy cũng gượng. Do nguyên tác đã bị chép sai lạc, dù các học giả cận đại có cố gắng hiệu đính, nhưng văn cú của phần Kinh Thuyết có chỗ không thông. Tôi cho rằng đại ý ở đây là phản bác thuyết ngũ hành tương khắc (kim khắc mộc, mộc khắc thổ, thổ khắc thuỷ, thuỷ khắc hoả, hoả khắc kim). Theo *Mặc Kinh*, sự khắc nhau (tương thắng, tương khắc) không phải là định luật, cho nên bề hành nào trội hơn thì khắc hành kia, như hoả khắc kim thì cũng có thể kim khắc hoả, tuỳ theo hành nào trội hơn. Do đó, «*Ly nhiên, hoả thước kim hoả đa dã. Kim mị thán, kim đa dã*» đã rõ nghĩa hơn: «Tuỳ theo tự nhiên: hoả làm tan chảy kim là do hoả nhiều, kim làm tan nát lửa than [=hoả] là do kim nhiều.» *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển* (*sđd.*, tr.954, 1056, 1521), giảng: *Ly* 離: *lệ* 麗 (lệ thuộc); *mị* 靡: *mị lạn* 糜爛, *phá toái* 破碎 (làm tan nát); *thán* 炭: *thán hoả* 炭火 (lửa than). Về *kim chi phủ mộc, mộc ly hoả* 金之府木, 木離火 tôi ngờ rằng bị chép thiếu *mộc đa dã và hoả đa dã*. Đây là cấu trúc song song (parallelism), nên chữ *phủ* 府 là *phụ* 附 (phụ thuộc), ứng với *ly* 離 là *lệ* 麗 (lệ thuộc). Câu này tức là: *Kim chi phủ mộc [mộc đa dã], mộc ly hoả [hoả đa dã]*= Kim phụ thuộc mộc [là do mộc nhiều], mộc lệ thuộc hoả [là do hoả nhiều].

[94] Kinh Hạ: «Học chi ích dã, thuyết tại phỉ giả.» 學之益也, 說在誹者. Kinh Thuyết: «Học dã, đĩ vi bất tri học chi vô ích dã, cố cáo chi dã. Thị sử trí học chi vô ích dã, thị giáo dã. Dĩ học vi vô ích dã, giáo bội.» 學也, 以爲不知學之無益也, 故告之也. 是使智學之無益也, 是教也. 以學爲無益也, 教誖.

[95] Kinh Hạ: «Vô bất tất đãi hữu, thuyết tại sở vị.» 無不必待有, 說在所謂. Kinh Thuyết: «Vô, nhược vô mã, tắc hữu chi nhi hậu vô. Vô thiên hãm, tắc vô chi nhi vô.» 無, 若無馬, 則有之而后無. 無天陷, 則無之而無.

必待有). Thí dụ nói «vô mã» 無馬 (không có ngựa) thì chữ *vô* (không) ấy đối đãi với *hữu* (có), bởi vì trên đời vốn có ngựa, nên sau này ta mới có thể nói rằng không có ngựa. Nếu nói «vô thiên hãm» 無天陷(không có việc trời sập) thì chữ *vô* (không) ấy không đối đãi với *hữu* (có), bởi vì không nhất thiết phải có việc trời sập trước để sau này ta có thể nói rằng không có việc trời sập.

Kinh Hạ nói: «Cho rằng khi tranh biện thì không có kẻ thắng; nói thế là không đúng. Lý do là ở tranh biện.» Kinh Thuyết nói: «Trong lúc nói năng, khi cái được nói không *đồng* (=đồng ý kiến), như vậy là *dị* (=khác ý kiến). *Đồng* (=đồng ý kiến) tức là một người bảo một con vật là "chó con" (*cẩu*) thì người khác bảo nó là "con chó" (*khuyển*). *Dị* (=khác ý kiến) tức là một người bảo một con vật là "trâu" thì người khác bảo nó là "ngựa". Khi cả hai cùng thắng thì không có tranh biện. Tranh biện tức là có người nói đúng và có người nói sai. Ai nói đúng thì thắng.»[96]

Kinh Hạ nói: «Xem mọi lời nói đều sai cả; nói vậy là sai. Lý do là ở lời nói của mình.» Kinh Thuyết nói: «Xem mọi lời nói là sai, thì không thể được. Nếu lời nói của người nêu thuyết này là có thể được, thì lời ấy không sai, bởi vì nó có thể được. Nếu lời nói của người ấy là không thể được, thì bảo lời ấy đúng, vậy là sai.»[97]

Kinh Hạ nói: «Biết nó hay không biết nó thì cũng như nhau; nói vậy là sai. Lý do là ở *vô dĩ* (không lấy).» Kinh Thuyết nói: «Biết, nên mới luận bàn, không biết, lấy gì mà luận bàn?»[98]

Kinh Hạ nói: «Kẻ xem phê bình là sai, thì hắn cũng sai luôn. Lý do là ở "không xem là sai" (*phất phi*).» Kinh Thuyết nói: «Xem phê bình là sai, có nghĩa là xem sự phê bình của mình sai luôn. Nếu ta không xem nó sai, thì không có cái bị xem là sai. Khi ta không thể xem nó sai, có nghĩa

---

[96] **Kinh Hạ: «Vị biện vô thắng, tất bất đáng. Thuyết tại biện.»** 謂辯無勝, 必不當. 說在辯. **Kinh Thuyết: «Vị, sở vị, phi đồng dã, tắc dị dã. Đồng tắc hoặc vị chi cẩu, kỳ hoặc vị chi khuyển dã. Dị tắc hoặc vị chi ngưu, ngưu hoặc vị chi mã dã. Câu vô thắng, thị bất biện dã. Biện dã giả, hoặc vị chi thị, hoặc vị chi phi. Đáng giả, thắng dã.»** 謂, 所謂, 非同也, 則異也. 同則或謂之狗, 其或謂之犬也. 異則或謂之牛, 牛或謂之馬也. 俱無勝, 是不辯也. 辯也者, 或謂之是, 或謂之非. 當者, 勝也.

[97] **Kinh Hạ: «Dĩ ngôn vi tận bội, bội. Thuyết tại kỳ ngôn.»** 以言爲盡誖, 誖. 說在其言. **Kinh Thuyết: «Dĩ bội, bất khả dã. Chi nhân chi ngôn khả, thị bất bội, tắc thị hữu khả dã. Chi nhân chi ngôn bất khả, dĩ đáng, tất bất thẩm.»** 以誖, 不可也. 之人之言可, 是不誖, 則是有可也. 之人之言不可, 以當, 必不審.

[98] **Kinh Hạ: «Tri tri chi phủ chi thị đồng dã, bội. Thuyết tại vô dĩ dã.»** 知知之否之是同也, 誖. 說在無以也. **Kinh Thuyết: «Trí, luận chi, phi trí vô dĩ dã.»** 智, 論之, 非智無以也.

là không xem phê bình là sai.»[99]

Ở đây phản bác lời của Trang Tử. Học thuyết của Trang Tử cho rằng mọi sự vật và ý kiến của người ta đều khác nhau. Nếu chấp một cái là đúng, thì rốt cuộc lấy cái gì để xem là đúng? Nếu không chấp một cái nào là đúng, thì mọi cái đều đúng. Nên Trang Tử nói: «Lấy nguyên tắc hài hoà tự nhiên để điều hoà đúng sai, tuỳ theo vạn vật biến hoá mà biến hoá. Đó là cách sống trọn tuổi đời. Hãy quên tuổi đời (tức quên sinh tử), quên sự phân biệt đúng sai. Hãy ngao du trong cõi vô cùng tận và gửi mình trong đó.»[100] Từ mặt tích cực mà xét, thuyết này chủ trương không phế bỏ đúng sai, mà vượt lên trên đúng sai. Từ mặt tiêu cực mà xét, thuyết này không chấp cái gì là đúng và chủ trương «biện vô thắng» 辯無勝 (khi biện luận thì không ai thắng) và «tri chi phủ chi thị đồng» 知之否之是同 (biết nó hay không biết nó thì cũng như nhau). Tề Vật Luận nói: «Biện dã giả, hữu bất kiến dã» 辯也者有而見也 (khi biện luận thì có cái không thấy); «Đại biện bất ngôn» 大辯不言 (biện luận lớn thì không nói); «Ngôn biện nhi bất cập» 言辯而不及 (lời tranh biện thì không đạt mục đích). Nếu xét hết những chỗ này, ta thấy Trang Tử xem «lời nói đều là sai cả» (ngôn vi tận bội 言爲盡誖), tức là xem sự phê bình lẫn nhau của con người đều sai cả, nên gọi là «phi phỉ» 非誹. *Mặc Kinh* chủ trương rằng sự đúng sai của con người thì bất đồng, nên ắt có biện luận. Hễ biện luận, ai đúng thì thắng. Điểm này đã được trình bày rõ ở trên rồi. *Mặc Kinh* xem «lời nói đều là sai cả» (ngôn vi tận bội 言爲盡誖) là sai. Nếu lời ấy đúng, tức là ít nhất nó không sai, vậy sao nói «lời nói đều là sai cả»? Nếu lời ấy sai, tức là lời nói đều không sai cả, vậy sao nói «lời nói đều là sai cả»? Lời nói «Biết nó hay không biết nó thì cũng như nhau» cũng sai luôn. Lời này thể hiện một sự hiểu biết, và nó khác với sự không biết. Có biết nên mới luận bàn được; không biết thì không thể bàn luận được. Tương tự, xem lời nói là lời nói sai, thì đó là một lời phê bình. Người xem lời phê bình ấy là sai, tức là cũng xem chính mình sai luôn. Nếu không xem lời phê bình của mình là sai, thì lời phê bình không thể bị phê bình.

---

[99] **Kinh Hạ: «Phi phỉ giả bội. Thuyết tại phất phi.»** 非誹者誖.說在弗非. **Kinh Thuyết: «Phi phỉ, phi kỷ chi phi dã. Bất phi phỉ, phi khả phi dã. Bất khả phi dã, thị bất phi phỉ dã.»** 非誹,非己之非也.不非誹,非可非也.不可非也,是不非誹也.

[100] ***Trang Tử* (Tề Vật Luận): «Hoà chi dĩ thiên nghê, nhân chi dĩ mạn diễn, sở dĩ cùng niên dã. Vong niên vong nghĩa, chấn ư vô cánh, cố ngụ chư vô cánh.»** 和之以天倪,因之以曼衍,所以窮年也.忘年忘義,振於無竟,故寓諸無竟.

CHƯƠNG 12

TUÂN TỬ VÀ TUÂN HỌC TRONG NHO GIA

1. Tuân Tử

Tuân Tử 荀子 tên là Huống 況, tự là Khanh 卿. *Sử Ký* chép: «Tuân Khanh là người nước Triệu. Khi 50 tuổi mới bắt đầu sang nước Tề dạy học. [...] Thời Tề Tương Vương (283-265), bọn Điền Biền đều chết cả, cho nên Tuân Khanh là bậc thầy già nhất. Nước Tề khuyết chức "liệt đại phu", nên Tuân Khanh ba lần giữ chức tế tửu. Nước Tề có người gièm pha Tuân Khanh, ông bèn đi sang nước Sở, ở đó Xuân Thân Quân cho ông làm huyện lệnh ở Lan Lăng (ở miền nam Sơn Đông). Khi Xuân Thân Quân chết (năm 238 TCN), Tuân Khanh bị phế, nhân đó làm nhà ở Lan Lăng. Lý Tư là thừa tướng nước Tần, đã từng là đệ tử Tuân Khanh. Tuân Khanh ghét nền chính trị của đời ô trọc, ghét bọn vua hôn loạn mất nước không theo đại đạo, mà chỉ chăm lo cúng tế, đồng cốt, tin vào may rủi. Bọn Nho gia thì câu nệ tiểu tiết, còn những kẻ như Trang Chu lại có lời lẽ hoạt kê làm loạn phong tục. Cho nên ông xét sự hưng thịnh và bại hoại của việc thi hành đạo đức theo Nho và theo Mặc, rồi sắp xếp thứ tự, viết sách vài vạn chữ; sau đó chết, an táng ở Lan Lăng.»[1]

Tuân Tử

Thời bấy giờ, ai cũng «chăm lo cúng tế, đồng cốt, tin vào may rủi», nên học thuyết của Âm Dương gia trở nên thịnh hành. Kể từ Mạnh Tử về

[1] *Sử Ký* (Mạnh Tử Tuân Khanh Liệt Truyện): «Tuân Khanh, Triệu nhân, niên ngũ thập, thuỷ lai du học ư Tề. [...] Điền Biền chi thuộc giai dĩ tử, Tề Tương Vương thời, nhi Tuân Khanh tối vi lão sư. Tề thượng tu liệt đại phu chi khuyết, nhi Tuân Khanh tam vi tế tửu yên. Tề nhân hoặc sàm Tuân Khanh, Tuân Khanh nãi thích Sở, nhi Xuân Thân Quân dĩ vi Lan Lăng lệnh. Xuân Thân Quân tử nhi Tuân Khanh phế, nhân gia Lan Lăng. Lý Tư thường vi đệ tử, dĩ nhi tướng Tần. Tuân Khanh tật trọc thế chi chính, vong quốc loạn quân tương thuộc, bất toại đại đạo, nhi doanh ư vu chúc, tín cơ tường. Bỉ Nho tiểu câu, như Trang Chu đẳng, hựu hoạt kê loạn tục.

sau, trong Nho gia không có bậc kiệt xuất. Đến khi Tuân Khanh xuất hiện, tường vách thành lũy của Nho gia mới có sắc thái mới mẻ. Trong số các triết gia của Trung Quốc, Tuân Khanh cực giỏi về phê bình triết học. Các bậc thầy giảng kinh đời Tây Hán (tức Tiền Hán, 206 TCN - 25 CN) phần nhiều cũng được Tuân Khanh truyền dạy, bởi Tuân Khanh học rất chuyên cần và học vấn rất uyên bác.

Ở thiên Khuyến Học, ông nói: «Bắn trăm phát mà trật một, chưa đủ gọi là người bắn giỏi. Đi ngàn dặm mà còn nửa bước chưa tới, chưa đủ gọi là người đánh xe giỏi. Không thông hiểu nhân luân, không chuyên nhất vào nhân nghĩa, chưa đủ gọi là người học giỏi. Học thì phải chuyên nhất vào một mục tiêu. [...] Chỉ khi nào học cho đến nơi đến chốn mới gọi là học. Người quân tử biết rằng khi kiến thức không hoàn toàn và không thuần tuý thì chưa đủ xem là đẹp. Cho nên phải tụng kinh điển từng câu để nó trở thành một phần của mình, suy xét để thông suốt nó, thực hành điều đã học và sống đạo đức.»[2]

Đó là cách Tuân Tử dạy người, và nó cũng cho thấy tinh thần của Tuân học.

Uông Trung 汪中 viết *Tuân Khanh Tử Niên Biểu*, phỏng chừng

Ư thị suy Nho Mặc đạo đức chi hành sự hưng hoại, tự liệt trứ sổ vạn ngôn nhi tốt, nhân táng Lan Lăng.» 荀卿，趙人，年五十，始來遊學於齊[...]田駢之屬皆已死，齊襄王時，而荀卿最爲老師.齊尚修列大夫之缺，而荀卿三爲祭酒焉.齊人或讒荀卿，荀卿乃適楚，而春申君以爲蘭陵令.春申君死而荀卿廢，因家蘭陵.李斯嘗爲弟子，已而相秦.荀卿嫉濁世之政，亡國亂君相屬，不遂大道，而營於巫祝，信機祥.鄙儒小拘，如莊周等，又滑稽亂俗.於是推儒墨道德之行事興壞，自列著數萬言而卒，因葬蘭陵.» – **LAM chú: Từ «du học» ở đây được hiểu là đi truyền bá học thuật, đi dạy học. Derk Bodde dịch là: «When he was fifty, he first came to spread his teachings abroad in Ch'i.» (Khi ông 50 tuổi, ông bắt đầu sang nước Tề dạy học.) Bản *Selections from Records of the Historian (Sử Ký Tuyển)*, Ngoại Văn xuất bản xã, Bắc Kinh, 1979, trang 74, dịch giả Yang Hsien-yi và Gladys Yang dịch là: «Hsun Ching was a native of Chao who went to Chi when he was fifty to spread his teachings.» (Tuân Khanh là người nước Triệu; lúc 50 tuổi đã đi sang nước Tề dạy học.) – Derk Bodde chú: (1) Liệt đại phu là chức danh ở trung tâm Tắc Hạ của nước Tề. (2) Chính nhờ Lý Tư mà Tần Thuỷ Hoàng mới thống nhất Trung Quốc thành công năm 221 TCN. Lý Tư cũng trực tiếp chịu trách nhiệm về việc đốt sách năm 213 TCN.**

[2] ***Tuân Tử* (Khuyến Học): «Bách phát thất nhất, bất túc vị thiện xạ; thiên lý khuể bộ bất chí, bất túc vị thiện ngự. Luân loại bất thông, nhân nghĩa bất nhất, bất túc vị thiện học. Học dã giả, cố học nhất chi dã. [...] Toàn chi tận chi, nhiên hậu học giả dã. Quân tử tri phù bất toàn bất tuý chi bất túc dĩ vi mỹ dã, cố tụng sổ dĩ quán chi, tư sách dĩ thông chi, vi kỳ nhân dĩ xử chi.»** 百發失一，不足謂善射；千里蹞步不至，不足謂善御.倫類不通，仁義不一，不足謂善學.學也者，固學一之也[...]全之盡之，然後學者也.君子知夫不全不粹之不足以爲美也，故誦數以貫之，思索以通之，爲其人以處之.

Tuân Tử sống 60 năm từ Triệu Huệ Văn Vương 趙惠文王 nguyên niên (tức năm 298 TCN) đến Triệu Điệu Tương Vương 趙悼襄王 năm thứ 7 (tức năm 238 TCN). Năm sinh và năm mất của Tuân Tử vẫn chưa thể khảo được, nhưng hoạt động trọng yếu của đời ông đại khái trong khoảng 60 năm đó.

2. Ý kiến của Tuân Tử đối với Khổng Tử và Mạnh Tử

Mạnh Tử tôn kính Khổng Tử, Tuân Tử cũng tôn kính Khổng Tử. Tuân Tử cho rằng Khổng Tử là bậc đạt được «toàn, tận, túy» 全, 盡, 粹 (hoàn toàn, tận cùng, tinh tuý). Tuân Tử nói: «Có bọn thống nhất các hệ thống khác nhau, làm cho lời nói và hành động ngang nhau, thống nhất các loại khác nhau, quy tụ các anh tài tuấn kiệt trong thiên hạ, để nói về điều rất xưa và dạy họ điều chí thuần. Trong góc phòng và trên chiếu ngồi của họ đầy rẫy văn chương của vua thánh và phong tục của đời thanh bình. [...] Đó là thầy trò Trọng Ni và Tử Cung vậy.»[3]

Ở thiên Giải Tế, ông nói: «Đạo có bản thể thường hằng nhưng [ứng dụng] thì luôn biến đổi. Biết một góc thì không đủ gọi là biết. Kẻ thiên kiến chỉ thấy một góc của Đạo chưa thể xem là biết được. Nhưng hắn tự cho mình biết hết, còn tô điểm vẽ vời cho cái biết của mình, thế là bên trong thì loạn mình còn bên ngoài thì gạt người, trên che lấp dưới, dưới bưng bít trên, đó là cái họa của che lấp. Khổng Tử đã nhân lại trí, và không bị che lấp, nên học phương pháp trị loạn, đủ sánh với tiên vương. Ông học được đạo nhà Chu, đem ra vận dụng, và không bị thành tích che lấp. Cho nên đức của ông sánh với Chu Công, danh của ông sánh với Tam Vương. Đó là cái phúc do không bị che lấp vậy.»[4]

---

[3] ***Tuân Tử*** **(Phi Thập Nhị Tử): «Nhược phù tổng phương lược, tề ngôn hành, nhất thống loại, nhi quần thiên hạ chi anh kiệt, nhi cáo chi dĩ đại cổ, giáo chi dĩ chí thuần. Áo yếu chi gian, điểm tịch chi thượng, liễm nhiên thánh vương chi văn chương cụ yên, phật nhiên bình thế chi tục khởi yên. [...] Trọng Ni, Tử Cung thị dã.»** 若夫總方略，齊言行，壹統類，而群天下之英傑，而告之以大古，教之以至順．奧窔之閒，簟席之上，斂然聖王之文章具焉，佛然平世之俗起焉[...]仲尼子弓是也．

[4] ***Tuân Tử*** **(Giải Tế): «Phù đạo giả, thể thường nhi tận biến, nhất ngung bất túc dĩ cử chi. Khúc tri chi nhân, quan ư đạo chi nhất ngung, nhi vị chi năng thức dã, cố dĩ vi túc nhi sức chi, nội dĩ tự loạn, ngoại dĩ hoặc nhân, thượng dĩ tế hạ, hạ dĩ tế thượng, thử tế tắc chi hoạ dã. Khổng Tử nhân trí thả bất tế, cố học loạn thuật, túc dĩ vi tiên vương giả dã. Nhất gia đắc Chu đạo, cử nhi dụng chi, bất tế ư thành tích dã. Cố đức dữ Chu Công tề, danh dữ tam vương tịnh, thử bất tế chi phúc dã.»** 夫道者，體常而盡變，一隅不足以舉之．曲知之人，觀於道之一隅，而未之能識也，故以爲足而飾之，內以自亂，外以惑人，上以蔽下，下以蔽上，此蔽塞之禍也．孔子仁智且不蔽，故學亂術，足以爲先王者也．一家得周道，舉而用之，不蔽於成積也．故德與周公齊，名與三王並，此不蔽之福也．

Tuân Tử cho rằng những triết gia bấy giờ cũng có kiến giải riêng, nhưng đồng thời họ cũng bị che lấp, bởi vì họ đều không *toàn, tận, tuý*. Khổng Tử đã nhân và trí lại không bị che lấp, nên biết toàn thể của Đạo, do đó Khổng Tử khác với những kẻ thiên kiến, tức là kẻ chỉ thấy một góc của Đạo. Mạnh Tử nói Khổng Tử là người «tập đại thành». Tuân Tử cũng có ý kiến đó. Nhưng Mạnh Tử khá chú trọng đạo đức của Khổng Tử, còn Tuân Tử khá chú trọng học vấn của Khổng Tử.

Tuân Tử tôn trọng Khổng Tử, nhưng lại công kích Mạnh Tử. Ông nói: «Có bọn về đại thể thì bắt chước tiên vương mà không biết giềng mối chính. Nhưng họ có tài lớn, chí lớn, kiến thức rộng và đa diện. Họ theo xưa mà tạo học thuyết gọi là ngũ hành. Quan điểm của họ mâu thuẫn và không có chuẩn mực, u ẩn mà không thuyết minh được, khép kín mà không giải thích được. Họ trau chuốt lời lẽ, tự mình bái phục mình, còn nói đấy đích thực là lời lẽ của quân tử đời xưa. Tử Tư đề xướng nó, Mạnh Kha phụ hoạ vào. Một bọn hủ Nho ngu dốt nhí nhố ở đời, không biết đó là sai, cứ chấp nhận nó và truyền lại cho đời; còn nói đó là lời Trọng Ni và Tử Du, rất ích lợi cho đời sau. Đó là tội lỗi của Tử Tư và Mạnh Kha vậy.»[5]

Người Tây phương thường nói: người ta sinh ra đời, hoặc là Plato hoặc là Aristotle. Còn William James trong tác phẩm *A Pluralistic Universe* (Vũ trụ đa nguyên) của ông, cho rằng tuỳ theo khí chất của các triết gia mà có thể phân họ thành hai phái: «tâm mềm» (*nhuyễn tâm* 軟心: tender-minded) và «tâm cứng» (*ngạnh tâm* 硬心: tough-minded). Mạnh Tử thuộc phái tâm mềm, vì triết học của ông có khuynh hướng duy tâm. Tuân Tử thuộc phái tâm cứng, vì triết học của ông có khuynh hướng duy vật. Nay bản *Trung Dung* được truyền lại vị tất hoàn toàn là do Tử Tư viết. Theo Mạnh Tử mà xét, nếu *tận tính* 盡性 thì biết Trời, rồi thì vạn vật đều có đủ nơi ta. Từ quan điểm bán duy vật (semi-materialism) của Tuân Tử mà xét, *thành* 誠 thì «mâu thuẫn và không có chuẩn mực, u ẩn mà không thuyết minh được, khép kín mà không giải thích được». Tuân Tử công kích Mạnh Tử vì khí chất và học thuyết của hai ông khác nhau. Sự tranh luận

---

5 ***Tuân Tử* (Phi Thập Nhị Tử): «Lược pháp tiên vương nhi bất tri kỳ thống, nhiên nhi do tài kịch chí đại, văn kiến tạp bác. Án vãng cựu tạo thuyết, vị chi ngũ hành, thậm tịch vi nhi vô loại, u ẩn nhi vô thuyết, bế ước nhi vô giải. Án sức kỳ từ nhi chi kính chi viết: Thử chân tiên vương quân tử chi ngôn dã. Tử Tư xướng chi, Mạnh Kha hoạ chi, thế tục chi câu do mậu Nho, hoan hoan nhiên hất tri kỳ sở phi dã, toại thụ nhi truyền chi, dĩ vi Trọng Ni, Tử Du vi tư hậu ư hậu thế, thị tắc Tử Tư, Mạnh Kha chi tội dã.»** 略法先王而不知其統，然而猶材劇志大，聞見雜博，案往舊造說，謂之五行，甚僻違而無類，幽隱而無說，閉約而無解，案飾其辭而祗敬之曰：此眞先王君子之言也，子思唱之，孟軻和之，世俗之溝猶瞀儒，嚾嚾然不知其所非也，遂受而傳之，以爲仲尼，子游爲茲厚於後世，是則子思，孟軻之罪也．

của hai phái Tuân Tử và Mạnh Tử trong thời Chiến Quốc cũng giống như sự tranh luận của phái Trình Di 程頤(1033-1107) - Chu Hi 朱熹(1130-1200) và phái Lục Cửu Uyên 陸九淵(1139-1192) - Vương Dương Minh 王陽明 (1473-1529) giữa hai đời Tống và Minh vậy.

3. Ý kiến của Tuân Tử đối với chế độ đời Chu

Đối với chế độ đời Chu, từ một phương diện mà nói, Tuân Tử cũng giữ thái độ ủng hộ. Trong thiên Vương Chế, ông nói: «Chế độ của bậc vương không nên khởi đầu từ chế độ của tam đại (Hạ, Thương, Chu), còn phép tắc thì không nên khác với phép tắc của các vua đời sau. Nguyên tắc khác với nguyên tắc của tam đại thì lỏng lẻo; phép tắc khác với phép tắc của các vua đời sau thì không đúng. Y phục có kiểu mẫu, cung thất có quy tắc, quan và lính có định số, vật dùng cho tang tế đều có đẳng cấp. Âm nhạc không nhã và đúng đắn thì phế bỏ; màu sắc nào xưa chưa hề có thì bỏ hết; vật dùng nào xưa chưa hề có thì bỏ hết. Đó gọi là phục cổ, là chế độ của bậc vương vậy.»[6]

Phép tắc của vua đời sau tức là đạo của đời Chu. Thiên Phi Tướng nói: «Đạo người thì chẳng gì mà không biện biệt; biện biệt thì không gì lớn bằng thân phận xã hội; thân phận thì không gì lớn bằng lễ; lễ thì không gì lớn bằng thánh vương. Thánh vương có cả trăm, ta nên bắt chước ai? Cho nên nói: Lễ lâu đời thì hình thức mất, nhạc lâu đời thì chi tiết mất. Các quan phụ trách lễ nhạc đã không giữ lấy hình thức và chi tiết khi lễ nhạc trở nên quá xưa. Cho nên nói: Muốn xem dấu tích của thánh vương, thì hãy nhìn nơi nào còn rõ nhất, tức là nhìn vào các vua đời sau vậy. Các vua đời sau ấy là vua của thiên hạ. Bỏ các vua sau mà bắt chước thời thượng cổ, khác nào bỏ vua mình mà đi phụng sự vua của người khác. Cho nên nói: Muốn xem nghìn năm thì hãy xem xét ngày nay; muốn biết ức vạn thì hãy xét một hai; muốn biết đời trước thì hãy xem xét đạo của đời Chu; muốn biết đạo của đời Chu thì hãy xem xét

---

[6] *Tuân Tử* (Vương Chế): «Vương giả chi chế, đạo bất quá tam đại, pháp bất nhị hậu vương. Đạo quá tam đại vị chi đăng, pháp nhị hậu vương vị chi bất nhã. Y phục hữu chế, cung thất hữu độ, nhân đồ hữu số, tang tế giới dụng, giai hữu đẳng nghi. Thanh tắc phàm phi nhã thanh giả cử phế; sắc tắc phàm phi cựu văn giả cử tức; giới dụng tắc phàm phi cựu khí giả cử huỷ. Phù thị chi vị phục cổ, thị vương giả chi chế dã.» 王者之制,道不過三代,法不貳後王.道過三代謂之蕩,法貳後王謂之不雅.衣服有制,宮室有度,人徒有數,喪祭械用皆有等宜.聲則凡非雅聲者舉廢;色則凡非舊文者舉息;械用則凡非舊器者舉毀.夫是之謂復古.是王者之制也.

đúng người, đó là bậc quân tử được quý trọng (tức Khổng Tử).»[7]

Mạnh Tử và Tuân Tử đều tôn sùng Khổng Tử. Từ một phương diện mà xét, hai ông cũng đều ủng hộ chế độ đời Chu. Tuân Tử nói bắt chước các vua đời sau, còn Mạnh Tử nói bắt chước các vua đời trước. Kỳ thực là một.

Tuân Tử xem đạo của đời Chu là phép tắc của các vua đời sau. Như ở trên tôi đã nói, ở thời Xuân Thu Chiến Quốc các chế độ cũ ngày càng băng hoại. Các bậc hiền triết bấy giờ có người ủng hộ các chế độ cũ, có người phê bình hoặc phản đối các chế độ cũ, có người muốn lập các chế độ mới để thay thế các chế độ cũ. (Xin xem lại tiết 2 của chương 2). Những hiền triết này khi phát biểu chủ trương của mình, lời lẽ của họ một mặt có nguyên do và lý luận, một mặt lại mượn danh của thánh hiền xưa để lời nói của mình có sức nặng. Trang Tử gọi phong cách ấy là *trọng ngôn* 重言.[8] Khổng Tử ủng hộ các chế độ đời Chu, nên thường nói đến Văn Vương và Chu Công. Mặc Tử nổi lên sau Khổng Tử, chủ trương khá xưa hơn nữa là bắt chước đời Hạ chứ không bắt chước đời Chu; đem vua Vũ của đời Hạ mà trấn áp Văn Vương và Chu Công. Mạnh Tử nổi lên sau Mặc Tử, chủ trương càng xưa hơn nữa, lấy Nghiêu và Thuấn trấn áp Hạ Vũ. Bọn đệ tử Lão Trang nổi lên sau Mạnh Tử lại lấy các nhân vật truyền thuyết trước cả Nghiêu và Thuấn để trấn áp Nghiêu và Thuấn. Trong thời của Mạnh Tử, Văn Vương và Chu Công được xem là «tiên vương» (các vua đời trước), các nguyên tắc của đời Chu được xem là «phép tắc của tiên vương». Đến thời của Tuân Tử, Văn Vương và Chu Công được xem là «hậu vương» (các vua đời sau), các nguyên tắc của đời Chu được xem là «phép tắc của hậu vương».

Bọn đệ tử Lão Trang bấy giờ cho rằng thời thế xưa nay rất khác

---

[7] ***Tuân Tử*** **(Phi Tướng): «Nhân đạo mạc bất hữu biện, biện mạc đại ư phận, phận mạc đại ư lễ, lễ mạc đại ư thánh vương. Thánh vương hữu bách, ngô thục pháp yên? Cố viết: Văn cửu nhi tức, tiết tộc cửu nhi tuyệt, thủ pháp số chi hữu tư cực lễ nhi trì. Cố viết: Dục quan thánh vương chi tích, tắc ư kỳ xán nhiên giả hĩ, hậu vương thị dã. Bỉ hậu vương giả, thiên hạ chi quân dã, xả hậu vương nhi đạo thượng cổ. Thí chi thị do xả kỷ chi quân nhi sự nhân chi quân dã. Cố viết: Dục quan thiên tuế, tắc số kim nhật; dục tri ức vạn, tắc thẩm nhất nhị; dục tri thượng thế, tắc thẩm Chu đạo; dục tri Chu đạo, tắc thẩm kỳ nhân, sở quý quân tử.»** 人道莫不有辨，辨莫大於分，分莫大於禮，禮莫大於聖王．聖王有百，吾孰法焉？故曰：文久而息，節族久而絕，守法數之有司極禮而褫．故曰：欲觀聖王之跡，則於其粲然者矣，後王是也．彼後王者，天下之君也，舍後王而道上古，譬之是猶舍己之君而事人之君也．故曰：欲觀千歲，則數今日；欲知億萬，則審一二；欲知上世則審周道；欲知周道則審其人，所貴君子．

[8] **LAM chú:** ***Trọng ngôn*****: làm cho lời có trọng lượng; thường bị đọc lầm là** ***trùng ngôn*****.**

nhau, cho nên không thể trở lại dùng các chế độ của đời Chu. Trang Tử nói: «Đi trên sông nước chẳng gì bằng thuyền; đi trên đất liền chẳng gì bằng xe. Lấy thuyền (là thứ vốn chỉ đi trên nước) mà đẩy nó đi trên đất liền, thì trọn đời cũng không thể đi được. Xưa nay chẳng phải là sông nước và đất liền sao? Chu và Lỗ chẳng phải là thuyền và xe sao? Nay đem nguyên tắc đời Chu áp dụng vào nước Lỗ, tức là đẩy thuyền trên đất liền vậy. Đã lao nhọc mà chẳng nên công, thân ắt gặp tai hoạ.»[9]

Tuân Tử nói: «Tình cảm của con người, dù của ngàn người hay vạn người, cũng như một. Trời đất ngày xưa cũng như trời đất ngày nay. Đạo của trăm vua đời xưa cũng là đạo của các vua đời nay. Quân tử khảo sát đạo của các vua đời nay mà luận chuyện xảy ra trước trăm vua đời xưa. Suy rộng từ giềng mối của lễ nghĩa, phân biệt đúng sai, tóm lấy sự trọng yếu của thiên hạ, cai trị dân chúng trong bốn biển, giống như sử dụng một người. Cho nên nói: Nắm lấy cái giản ước mà thành tựu càng lớn. Cái thước vuông (ê-ke) năm tấc mà đo hết diện tích trong thiên hạ. Cho nên quân tử không ra khỏi nhà mà tình hình trong bốn biển đều biết rõ. Đó là nhờ thuật nắm lấy cái giản ước vậy.»[10]

Tuân Tử lại nói: «Người ngu nói: "Tình thế xưa và nay khác thì phép trị loạn cũng khác." Những người bình thường bởi nghe lời ấy mà lầm. Những người tầm thường ấy, ngu dại không biết ăn nói, bỉ lậu vô cùng. Việc sờ sờ trước mặt mà còn bị lừa, huống hồ những gì truyền lại từ ngàn đời trước. Sự việc từ cửa ra tới sân mà bọn ngu ấy còn bị lừa, huống hồ những điều từ ngàn đời trước. Tại sao thánh nhân không bị lừa? Đáp: "Thánh nhân lấy mình mà suy ra người." Cho nên lấy người suy ra người, lấy tình

---

[9] ***Trang Tử*** **(Thiên Vận): «Phù thuỷ hành mạc như dụng chu, nhi lục hành mạc như dụng xa. Dĩ chu chi khả hành ư thuỷ dã, nhi cầu thôi chi ư lục, tắc một thế bất hành tầm thường. Cổ kim phi thuỷ lục dư? Chu Lỗ phi chu xa dư? Kim kỳ hành Chu ư Lỗ, thị do thôi chu ư lục dã! Lao nhi vô công, thân tất hữu ương.»** 夫水行莫如用舟，而陸行莫如用車．以舟之可行於水也，而求推之於陸，則沒世不行尋常．古今非水陸與？周魯非舟車與？今蘄行周於魯，是猶推舟於陸也！勞而無功，身必有殃．

[10] ***Tuân Tử*** **(Bất Cẩu): «Cố thiên nhân vạn nhân chi tình, nhất nhân chi tình thị dã. Thiên địa thuỷ giả, kim nhật thị dã. Bách vương chi đạo, hậu vương thị dã. Quân tử thẩm hậu vương chi đạo nhi luận ư bách vương chi tiền, nhược đoan bái nhi nghị. Suy lễ nghĩa chi thống, phân thị phi chi phân, tổng thiên hạ chi yếu, trị hải nội chi chúng, nhược sử nhất nhân, cố thao di ước nhi sự di đại. Ngũ thốn chi củ, tận thiên hạ chi phương dã. Cố quân tử bất hạ thất đường nhi hải nội chi tình cử tích thử giả, tắc thao thuật nhiên dã.»** 故千人萬人之情，一人之情是也．天地始者，今日是也．百王之道，後王是也．君子審後王之道而論於百王之前，若端拜而議．推禮義之統，分是非之分，總天下之要，治海內之衆，若使一人，故操彌約而事彌大．五寸之矩，盡天下之方也．故君子不下室堂而海內之情舉積此者，則操術然也

hình suy ra tình hình, lấy loại suy ra loại, lấy lời nói suy ra công trạng, lấy Đạo quán xét đến tận cùng. Xưa và nay cũng là một, chỉ suy ra là biết. Thứ loại không đổi, tuy lâu đời nhưng nguyên lý cũng vậy. Cho nên muốn xét đoán những tà thuyết mà không bị nó làm mê muội, muốn xem xét những sự tạp nhạp mà không bị lầm, thì có thể dùng phép loại suy ấy.»[11]

Bọn ngu mà Tuân Tử ám chỉ tức là tác giả của thiên Thiên Vận trong sách *Trang Tử*. Tuân Tử cho rằng trời đất ngày nay cũng như trời đất ngày xưa, con người ngày nay cũng như con người ngày xưa. Thứ loại không đổi, tuy lâu đời nhưng nguyên lý cũng vậy. Thế thì tại sao chế độ đời Chu không thể thi hành trở lại?

4. Trời và Tính

Theo Khổng Tử, «Thiên» là ông Trời như một đấng chủ tể. Theo Mạnh Tử, «Thiên» có khi là một đấng chủ tể, có khi là số mệnh, có khi là nghĩa lý (đạo đức). Theo Tuân Tử, «Thiên» là cõi tự nhiên, bởi vì ông chịu ảnh hưởng của Lão Trang. Trong thiên Thiên Vận, Trang Tử nói rằng sự vận hành của trời đất và mặt trời mặt trăng theo một sắp đặt có tính máy móc không thể tránh được, và sự chuyển vận của chúng không thể dừng được. Tức là căn cứ theo vũ trụ quan của chủ nghĩa tự nhiên mà nói. Vũ trụ quan của Tuân Tử cũng theo chủ nghĩa tự nhiên. Ông nói: «Trời vận hành có qui luật thường hằng, không vì Nghiêu mà tồn tại, không vì Kiệt mà mất. Người ứng theo luật ấy mà yên trị thì tốt; hễ ứng theo luật ấy rối loạn thì xấu. [...] Cho nên ai hiểu rõ sự phân biệt giữa trời và người mới gọi là bậc chí nhân. Không làm mà thành tựu, không cầu mong mà được, đó gọi là chức vụ của trời (thiên chức). Như vậy, đạo trời tuy thâm sâu nhưng người không suy tư về nó, tuy lớn nhưng người không góp thêm khả năng của mình vào đó, tuy tinh vi nhưng người không giám sát nó. Đó gọi là không tranh chức vụ của trời. Trời có bốn mùa, đất có tài nguyên, người có sự cai trị. Như vậy người với trời đất tạo thành bộ

[11] ***Tuân Tử* (Phi Tướng): «Phù vọng nhân viết: Cổ kim dị tình, kỳ dĩ trị loạn giả dị đạo. Nhi chúng nhân hoặc yên. Bỉ chúng nhân giả, ngu nhi vô thuyết, lậu nhi vô độ giả dã. Kỳ sở kiến yên, do khả khi dã, nhi huống ư thiên thế chi truyền dã! Vọng nhân giả, môn đình chi văn, do khả vu khi dã, nhi huống ư thiên thế chi thượng hồ! Thánh nhân hà dĩ bất khi? Viết: Thánh nhân giả, dĩ kỷ độ giả dã. Cố dĩ nhân độ nhân, dĩ tình độ tình, dĩ loại độ loại, dĩ thuyết độ công, dĩ đạo quan tận. Cổ kim nhất độ dã, loại bất bội, tuy cửu đồng lý. Cố hương hồ tà khúc nhi bất mê, quan hồ tạp vật nhi bất hoặc, dĩ thử độ dã.»** 夫妄人曰：古今異情，其以治亂者異道．而衆人惑焉．彼衆人者，愚而無說，陋而無度者也．其所見焉，猶可欺也，而況於千世之傳也！妄人者，門庭之閒，猶可誣欺也，而況於千世之上乎！聖人何以不欺？曰：聖人者，以己度者也．故以人度人，以情度情，以類度類，以說度功，以道觀盡．古今一度也，類不悖，雖久同理．故鄉乎邪曲而不迷，觀乎雜物而不惑，以此度也

tam (tam tài). Bỏ cái khiến người đứng ngang với Trời đất, mà lại mong cùng với trời đất trở thành bộ tam, thế là sai lầm! Các sao đi vòng, mặt trời mặt trăng thay nhau soi sáng, tứ thời luân chuyển, Âm Dương biến hoá, gió mưa khắp chốn, vạn vật mỗi thứ đều được sự hài hoà ấy mà sinh sôi, mỗi thứ đều được nuôi dưỡng mà thành. Không ai thấy việc trời làm, mà chỉ thấy kết quả thôi. Đó gọi là thần diệu. Ai cũng biết thành quả biến đổi của vạn vật, nhưng không ai thấy nguồn gốc vô hình của chúng. Đó gọi là trời. Chỉ có thánh nhân không mong biết trời.»[12]

«Các sao đi vòng, mặt trời mặt trăng thay nhau soi sáng», đó là sự vận hành tự nhiên. Thánh nhân không mong biết cái nguyên do khiến chúng như thế, mà chỉ cố hết sức tự cầu mình có nhiều phúc. Cố hết sức tự cầu mình có nhiều phúc, có thể điều khiển được bốn mùa của trời (thiên thời) và tài nguyên của đất (địa tài), và sử dụng chúng. Như thế con người có thể đứng ngang hàng với trời đất.[13]

Do đó Tuân Tử nói: «Tôn trọng và nghĩ đến trời sao bằng súc tích tài vật và lợi dụng chúng. Tuân theo và tán tụng trời sao bằng thích ứng mệnh trời và lợi dụng nó. Hy vọng và chờ thời sao bằng thích ứng thời thế mà xoay chuyển nó. Trông cậy vật tự gia tăng sao bằng dùng tài ba của mình mà phát triển nó. Mong vật sinh ra sao bằng có được cái khiến vật trưởng thành. Cho nên, nếu bỏ qua cái mình có thể làm mà chỉ nghĩ

---

[12] *Tuân Tử* (Thiên Luận): «Thiên hành hữu thường, bất vi Nghiêu tồn, bất vi Kiệt vong. Ứng chi dĩ trị tắc cát, ứng chi dĩ loạn tắc hung. [...] Cố minh ư thiên nhân chi phân, tắc khả vị chí nhân hĩ. Bất vi nhi thành, bất cầu nhi đắc, phù thị chi vị thiên chức. Như thị giả, tuy thâm, kỳ nhân bất gia lự yên; tuy đại, bất gia năng yên; tuy tinh, bất gia sát yên; phù thị chi vị bất dữ thiên tranh chức. Thiên hữu kỳ thời, địa hữu kỳ tài, nhân hữu kỳ trị, phù thị chi vị năng tham. Xả kỳ sở dĩ tham, nhi nguyện kỳ sở tham, tắc hoặc hĩ! Liệt tinh tuỳ tuyền, nhật nguyệt đệ chiếu, tứ thời đại ngự, âm dương đại hoá, phong vũ bác thi, vạn vật các đắc kỳ hoà dĩ sinh, các đắc kỳ dưỡng dĩ thành, bất kiến kỳ sự nhi kiến kỳ công, phù thị chi vị thần. Giai tri kỳ sở dĩ thành, mạc tri kỳ vô hình, phù thị chi vị thiên. Duy thánh nhân vi bất cầu tri thiên.» 天行有常，不爲堯存，不爲桀亡，應之以治則吉，應之以亂則凶[...]故明於天人之分，則可謂至人矣。不爲而成，不求而得，夫是之謂天職。如是者，雖深，其人不加慮焉；雖大，不加能焉；雖精不加察焉；夫是之謂不與天爭職。天有其時，地有其財，人有其治，夫是之謂能參。舍其所以參，而願其所參，則惑矣。列星隨旋，日月遞炤，四時大御，陰陽大化，風雨博施，萬物各得其和以生，各得其養以成，不見其事而見其功，夫是之謂神。皆知其所以成，莫知其無形，夫是之謂天。唯聖人爲不求知天。

[13] Dựa theo lời bình của Dương Lượng 楊倞 (năm 818 CN) về đoạn văn trên.

đến trời thôi, thì sẽ không hiểu được bản chất của vạn vật.»[14] Đó gọi là «điều khiển được bốn mùa của trời (thiên thời) và tài nguyên của đất (địa tài), và sử dụng chúng».

Mạnh Tử nói đến Trời với tính chất nghĩa lý (tức đạo đức), và cho rằng nhân tính là một phần của Trời. Đó là cơ sở siêu hình học của Mạnh học về tính thiện. Tuân Tử xem trời là cõi tự nhiên, trong đó không hề có nguyên lý đạo đức. Trời của Mạnh Tử khác với trời của Tuân Tử. Cũng thế, hai ông quan niệm về nhân tính trái ngược nhau. Tuân Tử nói: «Bản tính con người vốn ác; cái thiện của họ là do tạo tác.»[15]

Về *nhân tính* (tính 性) và *tạo tác* (nguỵ 僞), ông nói: «Cái ở trong con người nhưng không thể học, không thể làm, thì gọi là tính. Cái ở trong con người có thể học mà thành kỹ năng, có thể làm mà thành tựu, thì gọi là tạo tác (nguỵ). Đó là sự phân biệt giữa tính và tạo tác vậy.»[16]

Tuân Tử lại nói: «Tính là chất liệu chất phác ban đầu; tạo tác là làm vững mạnh nhờ văn và lễ. Không có tính thì tạo tác không có cái để thêm vào; không có tạo tác thì tính không thể trở nên tốt đẹp.»[17]

«Cái vốn thế từ lúc ta chào đời thì gọi là tính», tính thuộc về trời (= cõi tự nhiên). Trời (= cõi tự nhiên) tự có qui tắc thường hằng của nó, trong đó không có lý tưởng, không có nguyên lý đạo đức; thế thì trong tính cũng không thể có nguyên lý đạo đức. Đạo đức là do con người tạo tác. Tuân Tử nói: «Bản tính con người là hám lợi. Sinh ra là đã hám lợi rồi. Thuận theo sự hám lợi thì tranh đoạt nhau chứ không nhường nhịn nhau. Sinh ra là đã ganh ghét rồi. Thuận theo sự ganh ghét thì làm hại

---

[14] ***Tuân Tử*** **(Thiên Luận): «Đại thiên nhi tư chi, thục dữ vật súc nhi chế chi. Tòng thiên nhi tụng chi, thục dữ chế thiên mệnh nhi dụng chi. Vọng thời nhi đãi chi, thục dữ ứng thời nhi sử chi. Nhân vật nhi đa chi, thục dữ lý vật nhi vật thất chi. Nguyện tư vật chi sở dĩ sinh, thục dữ hữu vật chi sở dĩ thành. Cố thác nhân nhi tư thiên, tắc thất vạn vật chi tình.»** 大天而思之，孰與物畜而制之．從天而頌之，孰與制天命而用之．望時而待之，孰與應時而使之．因物而多之，孰與理物而勿失之．願於物之所以生，孰與有物之所以成．故錯人而思天，則失萬物之情．

[15] ***Tuân Tử*** **(Tính Ác): «Nhân chi tính ác, kỳ thiện giả nguỵ.»** 人之性惡，其善者僞．– **LAM chú: Chữ *nguỵ* 僞 ở đây có nghĩa là do người tạo tác (nhân vi** 人爲**; kiểu sức** 矯飾**).**

[16] ***Tuân Tử*** **(Tính Ác): «Bất khả học, bất khả sự, nhi tại nhân giả vị chi tính. Khả học nhi năng, khả sự nhi thành chi tại nhân giả, vị chi nguỵ. Thị tính nguỵ chi phân dã.»** 不可學、不可事而在人者謂之性．可學而能，可事而成之在人者，謂之僞．是性僞之分也．

[17] ***Tuân Tử*** **(Lễ Luận): «Tính giả, bản thuỷ tài phác dã; nguỵ giả, văn lễ long thịnh dã. Vô tính tắc nguỵ chi vô sở gia, vô nguỵ tắc tính bất năng tự mỹ.»** 性者，本始材朴也；僞者，文禮隆盛也．無性則僞之無所加，無僞則性不能自美．

nhau chứ không trung tín với nhau. Sinh ra là đã tai ham mắt muốn rồi, tức ham muốn thanh sắc. Thuận theo lòng dục ấy thì sinh ra dâm loạn sinh chứ không có lễ nghĩa và văn lý. Vậy nếu xuôi theo tính và thuận theo tình, tất sinh ra tranh đoạt, xâm phạm chức phận nhau, làm loạn đạo lý, và trở nên hung bạo. Do đó cần có thầy và phép tắc để cải hoá nhân tính, lấy lễ nghĩa dẫn dắt nó, rồi người ta mới có lòng nhường nhịn, hợp với văn lý, và trở nên yên trị. Xét điều đó thì biết rõ bản tính con người vốn ác; cái thiện của họ là do tạo tác vậy.»[18]

Bản tính con người tuy ác, nhưng ai cũng có thể trở nên thiện. Tuân Tử nói: «Người đi đường (tức kẻ bình thường) cũng có thể là vua Vũ. Nói thế nghĩa là sao? Đáp: Vũ sở dĩ thành Vũ là do ngài đã thi hành nhân, nghĩa, luật pháp, công chính. Vậy nhân, nghĩa, luật pháp, công chính có cái lý có thể biết và thi hành. Người đi đường đều có tư chất có thể biết nhân, nghĩa, luật pháp, công chính; đều có công cụ có thể thi hành nhân, nghĩa, luật pháp, công chính. Như thế rõ ràng là người đi đường có thể thành vua Vũ. [...] Nay khiến người đi đường cố học tập, chuyên tâm nhất chí, suy tư, xét kỹ, lâu ngày chày tháng, không ngừng tích chứa điều thiện, như vậy hắn sẽ giao thông với thần minh, đứng ngang với trời đất. Cho nên thánh

---

[18] ***Tuân Tử*** **(Tính Ác): «Kim nhân chi tính, sinh nhi hữu hiếu lợi yên, thuận thị cố tranh đoạt sinh, nhi từ nhượng vong yên. Sinh nhi hữu tật ố yên, thuận thị cố tàn tặc sinh, nhi trung tín vong yên. Sinh nhi hữu nhĩ mục chi dục, hữu hiếu thanh sắc yên, thuận thị cố dâm loạn sinh nhi lễ nghĩa văn lý vong yên. Nhiên tắc tòng nhân chi tính, thuận nhân chi tình, tất xuất ư tranh đoạt, hợp ư phạm phận loạn lý, nhi quy ư bạo. Cố tất tương hữu sư pháp chi hoá, lễ nghĩa chi đạo, nhiên hậu xuất ư từ nhượng, hợp ư văn lý, nhi quy ư trị. Dụng thử quan chi, nhiên tắc nhân chi tính ác minh hĩ, kỳ thiện giả ngụy dã.»** 今人之性，生而有好利焉，順是故爭奪生，而辭讓亡焉. 生而有疾惡焉，順是故殘賊生，而忠信亡焉. 生而有耳目之欲，有好聲色焉，順是故淫亂生而禮義文理亡焉. 然則從人之性，順人之情，必出於爭奪，合於犯分亂理，而歸於暴. 故必將有師法之化，禮義之道，然後出於辭讓，合於文理，而歸於治. 用此觀之，然則人之性惡明矣，其善者僞也.– **LAM chú:** ***Văn lý*** 文理= nghi tiết 儀節.– **Derk Bodde chú:** ***Nghĩa*** **義 là một từ mà chúng ta thường dịch là «sự đúng đắn» (righteousness), và hay đi kèm với đức** ***nhân*** **仁 (human-heartedness). Tuy nhiên khi Tuân Tử dùng** ***nghĩa*** **kèm với** ***lễ*****, thì từ này mất ý nghĩa là «sự đúng đắn do cá nhân thực hiện» và nó có ý nghĩa bao quát hơn và không liên hệ đến cá nhân; nó là một thứ mà xã hội sở hữu. Do đó** ***lễ*** **(rules of proper conduct= qui tắc về phẩm hạnh đúng đắn) là những nghi lễ cổ truyền được tích luỹ thành, và xã hội áp đặt nó vào cá nhân. Cũng thế,** ***nghĩa*** **dường như là qui tắc về điều công bằng chính đáng, do xã hội nắm giữ chứ không phải cá nhân nắm giữ. Vì thế** ***nghĩa*** **không còn là đức tính của cá nhân (giống như đức** ***nhân***) **nữa. Cho nên, khi** ***nghĩa*** **đi kèm với** ***lễ*** **thì chúng tôi dịch là «standards of justice» (những chuẩn mực công chính). Đó là ý nghĩa đặc biệt của** ***nghĩa*** **mà ở thiên Vương Chế, Tuân Tử cho rằng xã hội con người đặt nền tảng trên** ***tri thức*** **và** ***nghĩa*****. (Xem đoạn trích dẫn liên quan, ở tiết 6 của chương 12 này, nói về khởi nguyên của quốc gia và xã hội).**

nhân vốn là người bình thường nhờ tu dưỡng và tích thiện mà thành.»[19]

Trần Lễ 陳澧(1810-1882) viết: «Đái Đông Nguyên 戴東原(1723-1777) nói: "Lời nói trên và thuyết tính thiện không những không trái nhau mà dường như còn phát minh cho nhau." Tôi nói người đi đường có thể thành vua Vũ, cũng giống như Mạnh Tử nói ai cũng có thể thành Nghiêu, Thuấn. Chỉ đổi tên Nghiêu, Thuấn thành Vũ, mà tôi tự lập được học thuyết sao?»[20]

Tuy nhiên, Mạnh Tử khi nói tính thiện, có ý rằng trong bản tính của con người vốn có *thiện đoan* 善端 (đầu mối thiện). Nếu con người biết phát triển cho thiện đoan ấy lớn mạnh thì sẽ trở thành Nghiêu, thành Thuấn. Tuân Tử khi nói tính ác, có ý rằng trong bản tính của con người đã không có thiện đoan, mà thậm chí còn có *ác đoan* 惡端 (đầu mối ác). Tuy con người không có thiện đoan, nhưng lại có thông minh và tài lực. Nếu được chỉ bảo về tình nghĩa cha con và quan hệ chân chính giữa vua và bầy tôi, thì người ta cũng có thể học tập mà thực hành được. Học tập súc tích lâu ngày chày tháng sẽ thành thói quen. Thánh nhân chính là người đã có công phu súc tích rất nhiều vậy. Tuân Tử nói: «Người đi đường (tức trăm họ) nhờ tích thiện mà trọn vẹn cả, và gọi là thánh nhân. Trước phải cầu sau mới được, trước phải làm sau mới thành, trước phải tích lũy sau mới cao, trước phải hoàn toàn sau mới thành thánh. Cho nên thánh nhân là người đã tích chứa nhiều. Người tích chứa việc cày cấy là nông phu, tích chứa việc chặt đẽo là thợ thuyền, tích chứa hàng hoá là thương buôn, tích chứa lễ nghĩa là quân tử.»[21]

---

[19] ***Tuân Tử*** **(Tính Ác): «Đồ chi nhân khả dĩ vi Vũ, hạt vị dã? Viết: Phàm Vũ chi sở dĩ vi Vũ giả, dĩ kỳ vi nhân nghĩa pháp chính dã. Nhiên tắc nhân nghĩa pháp chính, hữu khả tri khả năng chi lý. Nhiên nhi đồ chi nhân dã, giai hữu khả dĩ tri nhân nghĩa pháp chính chi chất, giai hữu khả dĩ năng nhân nghĩa pháp chính chi cụ, nhiên tắc kỳ khả dĩ vi Vũ minh hĩ. [...] Kim sử đồ chi nhân, phục thuật vi học, chuyên tâm nhất chí, tư sách thục sát, gia nhật huyện cửu, tích thiện nhi bất tức, tắc thông ư thần minh, tham ư thiên địa hĩ. Cố thánh nhân giả, nhân chi sở tích nhi trí hĩ.»** 塗之人可以爲禹，曷謂也？曰：凡禹之所以爲禹者，以其爲仁義法正也，然則仁義法正，有可知可能之理，然而塗之人也，皆有可以知仁義法正之質，皆有可以能仁義法正之具，然則其可以爲禹明矣。[...]今使塗之人，伏術爲學，專心一志，思索熟察，加日縣久，積善而不息，則通於神明，參於天地矣。故聖人者，人之所積而致矣。

[20] **Trần Lễ 陳澧,** ***Đông Thục Độc Thư Ký*** **東塾讀書記, quyển 3, trang 2.**

[21] ***Tuân Tử*** **(Nho Hiệu): «Đồ chi nhân bách tính, tích thiện nhi toàn tận, vị chi thánh nhân. Bỉ cầu chi nhi hậu đắc, vi chi nhi hậu thành, tích chi nhi hậu cao, tận chi nhi hậu thánh. Cố thánh nhân dã giả, nhân chi sở tích dã. Nhân tích nậu canh nhi vi nông phu, tích trác tước nhi vi công tượng, tích phẩn hoá nhi vi thương cổ, tích lễ nghĩa nhi vi quân tử.»** 塗之人百姓，積善而全盡，謂之聖人。彼求之而後得，爲之而後成，積之而後高，盡之而後聖。故聖人也者，人之所積也。人積耨耕而爲農夫，積斲削而爲工匠，積反貨而爲商賈，積禮義而爲君子。

«Người đi đường đều có tư chất có thể biết nhân, nghĩa, luật pháp, công chính; đều có công cụ có thể thi hành nhân, nghĩa, luật pháp, công chính.» Đó là nói khía cạnh thông minh tài lực của con người, chứ không nói con người vốn có tính chất đạo đức. Con người tích chứa lễ nghĩa thì thành quân tử; giống như tích chứa việc cày cấy thì thành nông phu. Đó đều là vấn đề tri thức và thói quen. Mạnh Tử nói con người sở dĩ khác với cầm thú là vì con người có thiện đoan, thí dụ cái tâm phân biệt đúng sai.[22] Tuân Tử nói con người sở dĩ khác với cầm thú là vì con người có tài ba thông minh ưu tú. Cho nên thuyết tính ác của Tuân Tử quả thực khác với thuyết tính thiện của Mạnh Tử.

5. Tâm lý học của Tuân Tử

Những gì được trình bày ở tiết trên sẽ trở nên rõ hơn khi chúng ta xét tâm lý học của Tuân Tử. Ông viết: «Cái khi sinh ra vốn thế thì gọi là tính. Tính cũng là cái được sinh do sự hài hoà của sự sống, tinh tuý và đáp ứng với kích thích bên ngoài; cũng là cái không làm mà tự nhiên như thế. Các trạng thái yêu, ghét, mừng, giận, buồn, vui của tính thì gọi là *tình*. Tình như thế mà tâm lựa chọn thì gọi là *lự* (suy nghĩ, tư lự). Tâm tư lự và có thể theo đó hành động thì gọi là *ngụy* (tạo tác). Tư lự nhiều, tập luyện thành kỹ năng, rồi sau thành tựu, thì cũng gọi là *ngụy* (tạo tác). Hành động vì cái lợi chính đáng thì gọi là *sự* (sự nghiệp). Hành động vì chính nghĩa thì gọi là *hạnh* (đức hạnh tốt). Cái ở trong con người và có khả năng nhận biết thì gọi là *tri* (tri giác). Tri giác hợp với ngoại vật thì gọi là *trí* (kiến thức). Cái ở trong con người mà nhờ nó người ta có thể làm được công việc thì gọi là *năng* (khả năng). Khả năng hợp với ngoại vật thì gọi là *năng* (tài năng). Tính bị thương thì gọi là *bệnh*. Cái mà ta tình cờ gặp phải thì gọi là *mệnh*.»[23]

---

[22] **LAM chú: Mạnh Tử nói con người có *tứ đoan* 四端 (bốn đầu mối): nhân, nghĩa, lễ, trí. Cái tâm phân biệt đúng sai tức là trí.**

[23] ***Tuân Tử* (Chính Danh): «Sinh chi sở dĩ nhiên giả vị chi tính. *Tính* (*) chi hoà sở sinh, tinh hợp cảm ứng, bất sự nhi tự nhiên vị chi tính. Tính chi hiếu, ố, hỉ, nộ, ai, lạc vị chi tình. Tình nhiên nhi tâm vi chi trạch vị chi lự. Tâm lự nhi năng vi chi động vị chi ngụy. Lự tích yên, năng tập yên, nhi hậu thành vị chi ngụy. Chính lợi nhi vi vị chi sự. Chính nghĩa nhi vi vị chi hạnh. Sở dĩ tri chi tại nhân giả vị chi tri. Tri hữu sở hợp vị chi trí. Sở dĩ năng chi tại nhân giả vị chi năng. Năng hữu sở hợp vị chi năng. Tính thương vị chi bệnh. Tiết ngộ vị chi mệnh.»** 生之所以然者謂之性.性(*)之和所生,精合感應,不事而自然謂之性.性之好,惡,喜,怒,哀,樂謂之情.情然而心爲之擇謂之慮.心慮而能爲之動謂之僞.慮積焉,能習焉,而後成謂之僞.正利而爲謂之事.正義而爲謂之行.所以知之在人者謂之知.知有所合謂之智.所以能之在人者謂之能.能有所合謂之能.性傷謂之病.節遇謂之命.– **Phùng Hữu Lan chú: Vương Tiên Khiêm nói chữ *tính* 性 này lẽ ra là chữ *sinh* 生.**

Tuân Tử nói tiếp: «Nói đến cai trị mà đợi *khử dục* (trừ bỏ ham muốn) thì không thể dẫn dắt lòng dục, lại còn bị khốn vì có ham muốn. Nói đến cai trị mà đợi *quả dục* (giảm bớt ham muốn) thì không thể tiết dục, lại còn bị khốn vì có nhiều ham muốn. [...] Ham muốn thì bất chấp khả năng đạt được hay không. Tìm kiếm thì chỉ theo cái khả thi. Ham muốn bất chấp khả năng đạt được, đó là nhận lãnh từ trời. Tìm kiếm chỉ theo cái khả thi, đó là nhận lãnh từ tâm. *Tính trời có ham muốn, còn tâm thì tiết chế ham muốn.*[...] Con người ham muốn sự sống nhất và ghét cái chết nhất. Nhưng có những kẻ bám lấy sự sống mà thành ra chết; chẳng phải vì họ chán sống và muốn chết, mà vì họ không thể sống và có thể chết. Cho nên ham muốn thái quá mà hành động bất cập, là vì tâm ngăn nó. [...] Ham muốn bất cập mà hành động thái quá, là vì tâm sai khiến nó. [...] Tính là cái trời sinh ra; tình là thể chất của tính; ham muốn là phản ứng của tình. Cái được ham muốn có thể tìm kiếm và đạt được; đó là điều không thể tránh được của tình. Lấy cái khả thi và hướng dẫn nó; đó là sự thể hiện tất nhiên của tri giác. [...] Cái mà ta nhận lấy không hoàn toàn đúng như ý ta muốn; cái mà ta bỏ không hoàn toàn đúng như ý ta ghét. Cho nên người ta không bao giờ hành động mà không lấy nguyên tắc của cái cân làm chuẩn mực. Đòn cân lệch bên dài bên ngắn, thì vật nặng treo ở bên đòn ngắn bị xem là nhẹ, vật nhẹ treo ở bên đòn dài bị xem là nặng. Do đó người ta xét lầm sự nặng nhẹ. Quả cân không đúng (tức tiêu chuẩn bị sai), thì tai hoạ lẫn trong cái được ham muốn, nhưng người ta lại xem đó là phúc; phúc lẫn trong cái bị ghét, nhưng người ta lại xem đó là tai hoạ. Do đó người ta xét lầm hoạ và phúc. Đạo là quả cân chính xác (tức tiêu chuẩn đúng đắn) từ xưa đến nay. Rời bỏ Đạo mà tự mình chọn lựa, thì không biết hoạ phúc nằm chỗ nào. Khi trao đổi hàng hoá, nếu đổi một lấy một, thì người ta nói chẳng lời chẳng lỗ; đổi một lấy hai, thì nói chẳng lỗ mà lời; đổi hai lấy một, thì nói chẳng lời mà bị lỗ. Kẻ tính toán thì muốn lấy cho thật nhiều; kẻ khôn thì chỉ lấy cái mình được phép lấy. Chẳng ai lấy hai đổi một, vì họ biết rõ số lượng nhiều ít. Theo Đạo mà hành động, giống như đổi một lấy hai, sao gọi là lỗ? Rời bỏ Đạo mà tự mình lựa chọn, giống như đổi hai lấy một, sao gọi là lời?»[24]

[24] ***Tuân Tử* (Chính Danh): «Phàm ngữ trị nhi đãi khử dục giả, vô dĩ đạo dục nhi khốn ư hữu dục giả dã. Phàm ngữ trị nhi đãi quả dục giả, vô dĩ tiết dục nhi khốn ư đa dục giả dã. [...] Dục bất đãi khả đắc, nhi cầu giả tòng sở khả. Dục bất đãi khả đắc, sở thụ hồ thiên dã; cầu giả tòng sở khả, thụ hồ tâm dã. *Thiên tính hữu dục, tâm vi chi chế tiết* (*). [...] Nhân chi sở dục sinh thậm hĩ, nhân chi ố tử thậm hĩ. Nhiên nhi nhân hữu tòng sinh thành tử giả, phi bất dục sinh nhi dục tử dã, bất khả dĩ sinh nhi khả dĩ tử dã. Cố dục quá chi nhi động bất cập, tâm chỉ chi dã. [...] Dục bất cập nhi động quá chi, tâm sử chi dã. [...] Tính giả, thiên chi tựu dã; tình giả, tính chi chất dã; dục giả, tình chi ứng dã. Dĩ sở dục vi khả đắc nhi cầu chi, tình chi sở tất bất miễn dã. Dĩ vi khả nhi đạo chi, tri sở tất xuất dã. [...] Phàm nhân chi thủ dã, sở dục vị thường tuỳ nhi lại dã; kỳ khử dã, sở ố vị thường tuỳ nhi vãng dã. Cố nhân vô động nhi bất khả dĩ bất dữ quyền cầu.**

Người ta có tình cảm, ham muốn, và cũng có tâm. Ham muốn không nhất thiết phải trừ bỏ, chỉ cần lấy tâm tiết chế nó là được (tức là không cần *khử dục*, chỉ cần *tiết dục*). Tâm có thể suy xét (*lự* 慮) và nhận biết (*tri* 知). Sở dĩ tâm có thể tiết dục, vì nó biết rằng nếu lòng dục bị buông thả thì ắt sẽ nhận lấy một hậu quả mà ta không hề muốn. Cái mà ta muốn và cái mà ta ghét luôn có liên quan. «Cái mà ta nhận lấy không hoàn toàn đúng như ý ta muốn; cái mà ta bỏ không hoàn toàn đúng như ý ta ghét.» Cho nên khi nhận lấy hay từ bỏ điều gì, ta phải cần sự suy xét và nhận biết của tâm, phải cân nhắc sự lợi hại của mỗi phương diện, kẻo xét lầm hoạ và phúc. Đạo là tiêu chuẩn đúng đắn từ xưa đến nay. Theo Tuân Tử, cái Đạo ấy không phải là đạo của trời, không phải là đạo của đất, mà là đạo do con người đặt ra. Đó là lễ nghi và văn lý; là nhân, nghĩa, pháp luật, và công chính. Tất cả thứ ấy khiến con người có thể sinh tồn và thoả được lòng ham muốn.

Tuân Tử nói: «Thánh nhân biết mối lo của tâm thuật, thấy cái hoạ do bị che lấp, cho nên ngài không có thành kiến, tức là: không ưa không ghét, không đầu không cuối, không gần không xa, không rộng không cạn, không xưa không nay. Ngài xem vạn vật đồng đều như nhau, và giữ cán

---

Hành bất chính, tắc trọng huyện ư ngưỡng, nhi nhân dĩ vi khinh; khinh huyện ư miễn, nhi nhân dĩ vi trọng; thử nhân sở dĩ hoặc ư khinh trọng dã. Quyền bất chính, tắc hoạ thác ư dục, nhi nhân dĩ vi phúc; phúc thác ư ố, nhi nhân dĩ vi hoạ; thử diệc nhân sở dĩ hoặc ư hoạ phúc dã. Đạo giả, cổ kim chi chính quyền dã; ly đạo nhi nội tự trạch, tắc bất tri hoạ phúc chi sở thác. Dịch giả, dĩ nhất dịch nhất, nhân viết: Vô đắc diệc vô táng dã, dĩ nhất dịch lưỡng, nhân viết: Vô táng nhi hữu đắc dã. Dĩ lưỡng dịch nhất, nhân viết: Vô đắc nhi hữu táng dã. Kế giả thủ sở đa, mưu giả tòng sở khả. Dĩ lưỡng dịch nhất, nhân mạc chi vi, minh kỳ số dã. Tòng đạo nhi xuất, do dĩ nhất dịch lưỡng dã, hề táng! Ly đạo nhi nội tự trạch, thị do dĩ lưỡng dịch nhất dã, hề đắc.»

凡語治而待去欲者，無以道欲而困於有欲[*]者也。凡語治而待寡欲者，無以節欲而困於多欲者也[...]欲不待可得，而求者從所可。欲不待可得，所受乎天也；求者從所可，受乎心也。天性有欲，心爲之制節(*)[...]人之所欲生甚矣，人之惡死甚矣。然而人有從生成死者，非不欲生而欲死也，不可以生而可以死也。故欲過之而動不及，心止之也[...]欲不及而動過之，心使之也[...]性者，天之就也；情者，性之質也；欲者，情之應也。以所欲爲可得而求之，情之所必不免也。以爲可而道之，知所必出也[...]凡人之取也，所欲未嘗粹而來也；其去也，所惡未嘗粹而往也。故人無動而不可以不與權俱。衡不正，則重縣於仰，而人以爲輕；輕縣於俛，而人以爲重；此人所以惑於輕重也。權不正，則禍托於欲，而人以爲福；福托於惡，而人以爲禍；此亦人所以惑於禍福也。道者，古今之正權也；離道而內自擇，則不知禍福之所托。易者，以一易一，人曰：無得亦無喪也，以一易兩，人曰：無喪而有得者。以兩易一，人曰：無得而有喪也。計者取所多，謀者從所可。以兩易一，人莫之爲，明其數也。從道而出，猶以一易兩也，奚喪！離道而內自擇，是猶以兩易一也，奚得。

–Phùng Hữu Lan chú: (*) 9 chữ «*Thiên tính hữu dục, tâm vi chi chế tiết*» được thêm vào đây theo Cửu Bảo Ái đã dựa vào một bản đời Tống.

cân ngang bằng. Do đó những thứ khác nhau không thể che lấp nhau mà làm rối loạn luân lý. Cán cân ấy là gì? Đó là Đạo. [...] Con người làm thế nào mà biết Đạo? Đó là nhờ Tâm. Tâm tại sao lại biết được Đạo? Là bởi *hư* (trống rỗng), *nhất* (chuyên nhất), và *tĩnh*. Tâm chưa từng không chất chứa, nhưng có thể ở trạng thái gọi là *hư* (trống rỗng). Tâm chưa từng không có hai, nhưng có thể ở trạng thái gọi là *nhất* (chuyên nhất). Tâm chưa từng không động, nhưng có thể ở trạng thái gọi là *tĩnh*. Con người lúc chào đời thì có khả năng nhận biết sự vật (*tri* 知). Nhận biết và có trí nhớ (*chí* 志). Trí nhớ ấy tức là cái được chất chứa trong tâm. Tuy nhiên tâm cũng có trạng thái gọi là *hư* 虛 (trống rỗng). Không lấy cái đã chất chứa làm hại cái mình sắp tiếp nhận, đó gọi là *hư*. Tâm [của con người] lúc chào đời thì có khả năng nhận biết sự vật (*tri* 知). Trong sự nhận biết ấy có những thứ khác nhau. Khác nhau nghĩa là cùng lúc biết được nhiều thứ. Cùng lúc biết được nhiều thứ, tức là tâm có nhiều hơn hai thứ. Tuy nhiên tâm cũng có trạng thái gọi là *nhất* (chuyên nhất). Không lấy cái này hại cái kia, thì gọi là chuyên nhất. Khi ta ngủ thì tâm mộng mị; khi ta buông thả nó thì nó lung tung; khi ta sai khiến nó thì nó suy nghĩ. Cho nên tâm chưa hề bất động. Nhưng nó có thể có trạng thái gọi là *tĩnh*. Không để mộng mị (tức điều không thực tế) và chuyện rắc rối làm loạn sự nhận biết thì gọi là *tĩnh*. Người chưa đắc Đạo mà cầu Đạo, thì gọi là *hư, nhất,* và *tĩnh*. Tức là lấy trống rỗng, chuyên nhất, và tĩnh lặng làm quy tắc cầu Đạo: Người tu Đạo phải hư tâm, có hư tâm thì nhập Đạo. Người hành Đạo phải chuyên nhất, tâm chuyên nhất thì quán triệt hết mọi sự. Người suy tư về Đạo phải tĩnh lặng, tâm tĩnh lặng thì thấy rõ được Đạo. Biết Đạo và thấy rõ nó; biết Đạo và thi hành nó; đó là thể hiện Đạo. Trống rỗng, chuyên nhất, và tĩnh lặng gọi là *đại thanh minh* 大清明 (trong sáng lớn; rất sáng suốt). Trong vạn vật, thứ nào có hình thì ta đều thấy rõ; thứ nào ta đã thấy rõ thì có thể luận bàn; thứ nào có thể luận bàn thì không trật. [...] Người như thế sao gọi là bị che lấp?»[25]

[25] ***Tuân Tử*** **(Giải Tế): «Thánh nhân tri tâm thuật chi hoạn, kiến tế tắc chi hoạ, cố vô dục, vô ố, vô thuỷ, vô chung, vô cận, vô viễn, vô bác, vô thiển, vô cổ, vô kim, kiêm trần vạn vật nhi trung huyền hành yên. Thị cố chúng dị hất đắc tương tế dĩ loạn kỳ luân dã. Hà vị hành? Viết: Đạo. [...] Nhân hà dĩ tri đạo? Viết: Tâm. Tâm hà dĩ tri? Viết: Hư nhất nhi tĩnh. Tâm vị thường bất tang dã, nhiên nhi hữu sở vị hư. Tâm vị thường bất lưỡng dã, nhiên nhi hữu sở vị nhất. Tâm vị thường bất động dã, nhiên nhi hữu sở vị tĩnh. Nhân sinh nhi hữu tri, tri nhi hữu chí; chí dã giả, tang dã; nhiên nhi hữu sở vị hư. Bất dĩ sở dĩ tang hại sở tương thụ, vị chi hư. Tâm sinh nhi hữu tri, tri nhi hữu dị; dị dã giả, đồng thời kiêm tri chi; đồng thời kiêm tri chi, lưỡng dã; nhiên nhi hữu sở vị nhất. Bất dĩ phù nhất hại thử nhất vị chi nhất. Tâm ngoạ tắc mộng, thâu tắc tự hành, sử chi tắc mưu; cố tâm vị thường bất động dã; nhiên nhi hữu sở vị tĩnh. Bất dĩ mộng kịch loạn tri vị chi tĩnh. *Vị đắc đạo nhi cầu đạo giả, vị chi hư nhất nhi tĩnh. Tác chi tắc. Tương tu đạo giả hư chi, hư tắc nhập. Tương sự đạo giả, nhất chi, nhất tắc tận. Tương tư đạo giả, tĩnh chi, tĩnh tắc***

Xét chung những đoạn trích dẫn trên, ta có thể thấy trong tâm lý học của Tuân Tử, không chỉ có cái tâm năng tri năng lự mà còn có tình cảm và ham muốn. Tình cảm và ham muốn ấy có sự tìm cầu và cần được mãn nguyện. Tâm tiết chế tình cảm và ham muốn; tâm có sự cân nhắc để rồi «trong cái lợi thì thu lấy nhiều, trong cái hại thì nhận lấy ít». Ở phương diện này học thuyết của Tuân Tử hoàn toàn tương đồng với chủ nghĩa công lợi của Mặc gia.[26] Trong đoạn trích trên, Tuân Tử nói: «Tâm tại sao lại biết được Đạo? Là bởi *hư* (trống rỗng), *nhất* (chuyên nhất), và *tĩnh*.» *Hư tĩnh* là thuật ngữ thường dụng của Lão Trang. Lão Tử nói: «Đạt tới cực điểm của hư vô và giữ lấy trạng thái hết sức thanh tĩnh.»[27] Trang Tử nói: «Thánh nhân tĩnh lặng không phải vì cho rằng tĩnh lặng là thiện, nên tĩnh lặng; mà vì vạn vật không đủ sức làm náo động tâm mình, nên tĩnh lặng. Thuỷ tĩnh lặng thì ta soi được râu và chân mày. Mực nước phẳng lặng có thể làm chuẩn cho thợ xây cất. Nước tĩnh lặng giống như gương phản chiếu ánh sáng huống hồ là tinh thần! Tâm của thánh nhân tĩnh lặng thay! Nó là gương soi của trời đất và vạn vật. Hư tĩnh, điềm đạm, tịch mịch, vô vi, là chuẩn mực của trời đất và là mức tối cao của đạo đức. Cho nên đế vương và thánh nhân nghỉ ngơi. Nghỉ ngơi thì hư không; hư không thì đầy; đầy thì trật tự. Hư không thì tĩnh, tĩnh thì động, động thì đạt được. Tĩnh thì vô vi, người cai trị mà vô vi thì người nhận nhiệm vụ sẽ có trách

---

sát(*). **Tri đạo sát, tri đạo hành, thể đạo giả dã. Hư nhất nhi tĩnh, vị chi đại thanh minh. Vạn vật mạc hình nhi bất kiến, mạc kiến nhi bất luận, mạc luận nhi thất vị. [...] Phù ố hữu tế hĩ tai!»** 聖人知心術之患,見蔽塞之禍,故無欲,無惡,無始,無終,無近,無遠,無博,無淺,無古,無今,兼陳萬物而中縣衡焉.是故衆異不得相蔽以亂其倫也.何謂衡?曰:道[...]人何以知道?曰:心.心何以知?曰:虛壹而靜.心未嘗不臧也,然而有所謂虛.心未嘗不兩也,然而有所謂一.心未嘗不動也,然而有所謂靜.人生而有知,知而有志;志也者,臧也;然而有所謂虛.不以所已臧害所將受,謂之虛.心生而有知,知而有異;異也者,同時兼知之;同時兼知之,兩也;然而有所謂一.不以夫一害此一謂之壹.心臥則夢,偷則自行,使之則謀;故心未嘗不動也;然而有所謂靜.不以夢劇亂知謂之靜.未得道而求道者,謂之虛壹而靜.作之則.將修道者虛,虛則入.將事道者,壹之,壹則盡.將思道者,靜之,靜則察.知道察,知道行,體道者也.虛壹而靜,謂之大清明.萬物莫衡而不見,莫見而不論,莫論而失位[...]夫惡有蔽矣哉.– **Phùng Hữu Lan chú: (*) Đoạn in nghiêng này là theo hiệu đính của Hồ Thích.**

[26] **Trong triết học của Tuân Tử cũng có chủ nghĩa công lợi. Do đó khi phê bình Mặc Tử, Tuân Tử đã dùng chủ nghĩa công lợi trong lập luận của mình. Xem hai thiên Phú Quốc và Lễ Luận của *Tuân Tử* thì rõ. Đây cũng là một điểm khác biệt nữa giữa Tuân Tử và Mạnh Tử.**

[27] ***Lão Tử*** **(chương 16): «Trí hư cực, thủ tĩnh đốc.»** 致虛極,守靜篤.

nhiệm. Vô vi thì thoải mái. Người thoải mái thì không lo buồn và sống lâu.»[28]

Tuân Tử cũng giảng về *hư* và *tĩnh*, nhưng cái trống rỗng của tâm tức là «không lấy cái đã chất chứa làm hại cái mình sắp tiếp nhận», còn cái tĩnh lặng của tâm tức là «không để mộng mị (tức điều không thực tế) và chuyện rắc rối làm loạn sự nhận biết». Công dụng chủ yếu của tâm là nhận biết (*tri* 知) và suy tư (*lự* 慮). Ta sai khiến tâm thì nó suy tư; buông thả nó thì nó lung tung, tuỳ tiện tơ tưởng vớ vẩn. Không để cho ý nghĩ lung tung vớ vẩn ấy làm trở ngại sự nhận biết, tức là tĩnh lặng. Do đó, tuy Tuân Tử cũng giảng về *hư* và *tĩnh*, nhưng đó không phải là trạng thái hư tĩnh của tâm theo cách nói của Trang Tử «bậc chí nhân dụng tâm như chiếc gương soi».[29] Như vậy Tuân Tử vay mượn thuật ngữ của Lão Trang nhưng đã cải biên thêm.

Tuân Tử cũng nói đến *thành* 誠 (chân thành). Trong thiên Bất Cẩu, ông nói: «Quân tử dưỡng tâm chẳng gì tốt bằng chân thành. Đạt được chân thành thì chẳng còn việc gì khác. Cứ giữ lấy điều nhân và thi hành điều nghĩa. Thành tâm giữ lấy điều nhân thì chân thành hiện ra ngoài; hiện ra ngoài thì thần diệu; thần diệu thì có thể cảm hoá mọi người. Thành tâm thi hành điều nghĩa thì đạt lý; đạt lý thì sáng; sáng thì có thể tự sửa đổi mình. Luân phiên tự sửa đổi mình và cảm hoá người, gọi là có đức của trời (thiên đức). Trời không nói gì mà con người biết trời cao. Đất không nói gì mà con người biết đất dày. Bốn mùa không nói gì mà trăm họ biết kỳ hạn của từng mùa. Đó là đạt được chí thành nhờ có sự thường hằng. Người quân tử chí đức, chưa nói mà ai cũng hiểu, chưa thi thố tài năng mà ai cũng thân cận, không giận dữ mà ai cũng sợ uy. Thuận

---

[28] ***Trang Tử*** **(Thiên Vận): «Thánh nhân chi tĩnh dã, phi viết tĩnh dã thiện, cố tĩnh dã. Vạn vật vô túc dĩ não tâm giả, cố tĩnh dã. Thuỷ tĩnh tắc minh chúc tu mi, bình trung chuẩn, đại tượng thủ pháp yên. Thuỷ tĩnh do minh, nhi huống tinh thần! Thánh nhân chi tâm tĩnh hồ! Thiên địa chi giám dã, vạn vật chi kính dã. Phù hư tĩnh điềm đạm tịch mạc vô vi giả, thiên địa chi bình nhi đạo đức chi chí dã. Cố đế vương thánh nhân hưu yên. Hưu tắc hư, hư tắc thực, thực tắc luận hĩ. Hư tắc tĩnh, tĩnh tắc động, động tắc đắc hĩ. Tĩnh tắc vô vi, vô vi dã, tắc nhiệm sự giả trách hĩ. Vô vi tắc du du. Du du giả, ưu hoạn bất năng xử, niên thọ trường hĩ.»** 聖人之靜也，非曰靜也善，故靜也。萬物無足以撓心者，故靜也。水靜則明燭鬚眉，平中準，大匠取法焉。水靜猶明，而況精神！聖人之心靜乎！天地之鑑也，萬物之鏡也。夫虛靜恬淡寂漠無爲者，天地之平而道德之至也。故帝王聖人休焉。休則虛，虛則實，實則倫矣。虛則靜，靜則動，動則得矣。靜則無爲，無爲也，則任事者責矣。無爲則俞俞，俞俞者，憂患不能處，年壽長矣。

[29] **LAM chú: Câu này ở cuối chương Ứng Đế Vương của *Trang Tử*: «Chí nhân chi dụng tâm nhược kính, bất tương bất nghinh, ứng nhi bất tàng.»** 至人之用心若鏡，不將不迎，應而不藏 **(Bậc chí nhân dùng tâm như chiếc gương soi, không từ chối cũng không nghinh đón ngoại vật soi vào, đáp ứng với ngoại vật nhưng không tàng chứa hình ảnh của chúng).**

mệnh trời là thận trọng sự chuyên nhất của mình. Người giỏi hành đạo, không chí thành thì không chuyên nhất; không chuyên nhất thì không thể hiện đạo đức ra ngoài. Đạo đức không thể hiện ra ngoài thì dù lòng nghĩ, nét mặt lộ tâm tư, nói thành lời, dân chúng cũng chưa theo. Dù có theo nhưng lòng họ vẫn hoài nghi. Trời đất lớn, nếu không chân thành thì không hoá dục được vạn vật. Thánh nhân sáng suốt, nếu không chân thành thì không cảm hoá được vạn dân. Cha con thân thiết, nếu không chân thành thì sẽ lợt lạt. Vua tôn quý, nếu không chân thành thì trở nên hèn hạ. Chân thành là cái mà quân tử giữ lấy và là gốc của nền cai trị. Ở đâu có chân thành thì người chân thành kéo đến. Nắm giữ sự chân thành thì nó còn, buông nó ra thì nó mất. Nắm giữ được sự chân thành thì nhẹ nhàng. Nhẹ nhàng thì dễ chuyên nhất. Chuyên nhất và không buông bỏ thì hoàn thành. Hoàn thành và phát triển cùng tận mọi khả năng, rồi tiến mãi chứ không trở về bản tính ban sơ (tức bản tính ác), như thế là được chuyển hoá rồi.»[30]

Chữ *thành* 誠 ngụ ý chân thật; chữ *độc* 獨 ngụ ý chuyên nhất. Nếu ta có thể chân thành tìm cầu sự vật thì ta có thể chuyên nhất tìm cầu nó. Nếu ta có thể thành tâm giữ điều nhân và thành tâm thi hành điều nghĩa, thì ta «chỉ giữ điều nhân mà thôi, chỉ thi hành điều nghĩa mà thôi». Đó

---

[30] *Tuân Tử* (Bất Cẩu): «Quân tử dưỡng tâm mạc thiện ư thành, trí thành tắc vô tha sự hĩ. Duy nhân chi vi thủ, duy nghĩa chi vi hành. Thành tâm thủ nhân tắc hình, hình tắc thần, thần tắc năng hoá hĩ. Thành tâm hành nghĩa tắc lý, lý tắc minh, minh tắc năng biến hĩ. Biến hoá đại hưng, vị chi thiên đức. Thiên bất ngôn nhi nhân suy kỳ cao yên, địa bất ngôn nhi nhân suy kỳ hậu yên, tứ thời bất ngôn nhi bách tính kỳ yên. Phù thử hữu thường, dĩ chí kỳ thành giả dã. Quân tử chí đức, mặc nhiên nhi dụ, vị thì nhi thân, bất nộ nhi uy: Phù thử thuận mệnh, dĩ thận kỳ độc giả dã. Thiện chi vi đạo giả, bất thành tắc bất độc, bất độc tắc bất hình, bất hình tắc tuy tác ư tâm, kiến ư sắc, xuất ư ngôn, dân do nhược vị tòng dã; tuy tòng tất nghi. Thiên địa vi đại hĩ, bất thành tắc bất năng hoá vạn vật; thánh nhân vi tri hĩ, bất thành tắc bất năng hoá vạn dân; phụ tử vi thân hĩ, bất thành tắc sơ; quân thượng vi tôn hĩ, bất thành tắc ti. Phù thành giả, quân tử chi sở thủ dã, nhi chính sự chi bản dã, duy sở cư dĩ kỳ loại chí. Thao chi tắc đắc chi, xả chi tắc thất chi. Thao nhi đắc chi tắc khinh, khinh tắc độc hành, độc hành nhi bất xả, tắc tế hĩ. Tế nhi tài tận, trường thiên nhi bất phản kỳ sơ, tắc hoá hĩ.» 君子養心莫善於誠，致誠則無它事矣。唯仁之爲守，唯義之爲行。誠心守仁則形，形則神，神則能化矣。誠心行義則理，理則明，明則能變矣。變化代興，謂之天德。天不言而人推其高焉，地不言而人推其厚焉，四時不言而百姓期焉。夫此有常，以至其誠者也。君子至德，嘿然而喻，未施而親，不怒而威：夫此順命，以愼其獨者也。善之爲道者，不誠則不獨，不獨則不形，不形則雖作於心，見於色，出於言，民猶若未從也；雖從必疑。天地爲大矣，不誠則不能化萬物；聖人爲知矣，不誠則不能化萬民；父子爲親矣，不誠則疏；君上爲尊矣，不誠則卑。夫誠者，君子之所守也，而政事之本也，唯所居以其類至。操之則得之，舍之則失之。操而得之則輕，輕則獨行，獨行而不舍，則濟矣。濟而材盡，長遷而不反其初，則化矣。

gọi là «đạt được chân thành thì chẳng còn việc gì khác». Như thế tự mình có kết quả rõ ràng. Cái gọi là *hình* 形 (hiện ra ngoài), *thần* 神 (thần diệu), *hoá* 化 (cảm hoá mọi người), *lý* 理 (đạt lý), *minh* 明 (sáng), *biến* 變 (tự sửa đổi mình), đều là sự biểu hiện kết quả của «thủ nhân, hành nghĩa» (giữ điều nhân và thi hành điều nghĩa).

Tuy nhiên, nếu ta không thể chân thành tìm cầu sự vật thì ta cũng không thể chuyên nhất tìm cầu nó. Nếu không thể chuyên nhất tìm cầu nó, thì tự ta sẽ không có được kết quả rõ ràng. Đó gọi là «không chân thành thì không chuyên nhất, không chuyên nhất thì không hiện ra ngoài» (bất thành tắc bất độc, bất độc tắc bất hình 不誠則不獨, 不獨則不形). Đối với nhân nghĩa, con người phải «chuyên nhất và không buông bỏ» có thể mới hoàn thành. Bởi vì đạo đức nhân nghĩa vốn không có trong bản tính con người. Sự học của con người là nhằm chuyển hoá bản tính ấy [để có đạo đức nhân nghĩa], giống như thuyền đi ngược giòng. Cho nên nếu không cố hết sức thì sẽ không chuyển hoá bản tính trở nên đạo đức nhân nghĩa được. Khi sự chuyển hoá bản tính ấy trở thành tập quán, thì đạo đức nhân nghĩa trở thành thiên tính thứ hai của con người. Đó gọi là «tiến mãi chứ không trở về bản tính ban sơ (tức bản tính ác), như thế là được chuyển hoá». Kẻ chủ trương tính thiện dạy người ta phải trở về bản tính ban sơ của mình; kẻ chủ trương tính thiện dạy người ta phải «tiến mãi chứ không trở về bản tính ban sơ». Đó là chỗ khác nhau của Mạnh Tử và Tuân Tử.

6. Khởi nguyên của quốc gia và xã hội

Tuân Tử nói: «Con người muốn làm điều thiện, bởi vì bản tính ác.»[31] Hoàng Bách Gia 黃百家 (sống khoảng 1681 CN) trong *Tống*

[31] **LAM chú: Nguyên văn câu này trong thiên Tính Ác là: «Nhân chi dục vi thiện giả, *vị* tính ác dã.»** 人之欲爲善者, 爲性惡也. **Phùng Hữu Lan chép là: «Nhân chi dục thiện giả, *kỳ* tính ác dã.»** 人之欲善者, 其性惡也.

Nguyên Học Án, bắt bẻ rằng: «Nếu bản tính con người là ác, vậy sao họ có lòng ham muốn làm thiện?» Xem những điều đã được trình bày ở trên, ta thấy lời của Hoàng Bách Gia không đủ để bắt bẻ Tuân Tử. Cái thiện theo Tuân Tử là lễ nghi, văn lý; là nhân, nghĩa, pháp luật, công chính. Người ta vốn không muốn các thứ ấy, nhưng rồi cũng đành phải muốn. Tuân Tử nói: «Vạn vật cùng ở trong vũ trụ mà khác hình thể. Bản thân chúng không có sự thích nghi đặc biệt, nhưng vẫn hữu dụng cho người. Đó là *số* 數 (cách thức). Các hạng người ở cùng chỗ, nhu cầu giống nhau nhưng cách thoả mãn nhu cầu khác nhau, ham muốn giống nhau nhưng trình độ hiểu biết khác nhau. Đó là *sinh* 生 (bản chất). Kẻ trí và kẻ ngu đều có một số khả năng nào đó, nhưng đối với một khả năng cụ thể thì kẻ trí và kẻ ngu khác nhau. Nếu họ có hoàn cảnh giống nhau mà hiểu biết khác nhau, nếu họ hành động ích kỷ mà không bị hoạ, nếu họ buông thả lòng dục vô tận, thì họ sẽ sinh lòng tranh giành mãi không thôi. [...] Nếu không có vua để chế ngự bầy tôi, nếu không có người trên để chế ngự kẻ dưới, thì thiên hạ sẽ nguy hại do lòng dục được buông thả. Người ta ưa ghét giống nhau đối với sự vật. Ham muốn thì nhiều mà vật lại ít. Vật ít thì họ tranh giành. Cho nên thành quả của trăm thợ là để nuôi dưỡng một người; thế mà một kẻ giỏi giang không thể làm được nhiều nghề, một người không thể kiêm nhiệm nhiều chức quan. Nếu người ta sống tách biệt và không phục vụ nhau, thì khốn cùng. Chung sống mà không phân biệt nhau thì sẽ tranh giành. Khốn cùng là mối lo, tranh giành là mối hoạ. Muốn hết lo và trừ hoạ, không gì bằng phân biệt rõ ràng để chung sống. Mạnh hiếp yếu, khôn doạ ngu, dân chúng chống vua quan, người nhỏ xúc phạm trưởng thượng, không dùng đạo đức để cai trị. Nếu thế, người già sẽ có mối lo không được phụng dưỡng và trai tráng sẽ có mối hoạ tranh giành. Công việc thì ghét, lợi nhuận thì ham, nghề nghiệp thì không phân biệt. Nếu thế, người ta sẽ có mối lo không làm xong việc và có mối hoạ tranh giành lợi nhuận. Nam nữ kết hợp, duyên phận vợ chồng, đám hỏi, đám cưới, rước dâu không theo lễ. Nếu thế, người ta sẽ có mối lo mất kẻ hôn phối và mối hoạ tranh giành sắc dục. Cho nên người hiểu biết đã tạo ra sự phân biệt trong xã hội.»[32]

Ở đây Tuân Tử dùng chủ nghĩa công lợi để thuyết minh khởi nguyên

[32] ***Tuân Tử*** **(Phú Quốc): «Vạn vật đồng vũ nhi dị thể, vô nghi nhi hữu dụng vi nhân, số dã. Nhân luân tịnh xử, đồng cầu nhi dị đạo, đồng dục nhi dị trí, sinh dã. Giai hữu khả dã, trí ngu đồng. Sở khả dị dã, trí ngu phân. Thế đồng nhi trí dị, hành tư nhi vô hoạ, túng dục nhi bất cùng, tắc dân tâm phấn nhi bất khả duyệt dã. [...] Vô quân dĩ chế thần, vô thượng dĩ chế hạ, thiên hạ hại sinh túng dục. Dục ố đồng vật, dục đa nhi vật quả, quả tắc tất tranh hĩ. Cố bách kỹ sở thành, sở dĩ dưỡng nhất nhân dã. Nhi năng bất năng kiêm kỹ, nhân bất năng kiêm quan. Ly cư**

của quốc gia và xã hội, nêu ra cơ sở lý luận cho mọi chế độ lễ giáo. Điều này tương đồng với thuyết của Mặc Tử nói trong thiên Thượng Đồng. Con người thì thông minh tài trí, và họ biết rằng nếu không chung sống thì họ sẽ không thể tồn tại; họ cũng biết rằng không có các chế độ đạo đức thì họ không thể chung sống với nhau. Do đó người hiểu biết đã đặt ra các chế độ đạo đức và mọi người chấp nhận chúng; vì vậy Tuân Tử mới nói: «Người hiểu biết đã tạo ra sự phân biệt trong xã hội.» Danh từ «người hiểu biết» (tri giả 知者) này rất đáng chú ý, bởi vì người ta làm được như thế là nhờ tri thức chứ không phải nhờ bản tính vốn có đạo đức.

Tuân Tử nói: «Nước và lửa có khí mà không có sự sống; thảo mộc có sự sống mà vô tri giác; cầm thú có tri giác mà không có nghĩa; còn con người đã có khí, sự sống, tri giác, lại còn có nghĩa nữa; cho nên con người là quý nhất trong thiên hạ. Sức không khoẻ bằng trâu bò, chạy không nhanh bằng ngựa, thế mà con người sử dụng được trâu bò ngựa, tại sao thế? Đáp: Vì con người có thể hợp quần (tức sống thành cộng đồng), còn loài vật kia không biết hợp quần. Tại sao con người có thể hợp quần? Đáp: Vì sự phân biệt thân phận. Sự phân biệt ấy vì sao thực hiện được? Đáp: Nhờ nghĩa (tức sự công chính). Cho nên lấy nghĩa để phân biệt thân phận thì hoà, hoà thì hợp nhất, hợp nhất thì có nhiều sức, có nhiều sức thì mạnh, mạnh thì thắng loài vật, và có nhà cửa cung điện để ở. Cho nên họ có thể sắp đặt thứ tự công việc theo bốn mùa, kiểm soát vạn vật, và làm lợi thiên hạ. Được như thế, chẳng qua là nhờ sự phân biệt thân phận và điều nghĩa. Cho nên nhân loại không thể không hợp quần. Hợp quần mà

---

bất tương đãi tắc cùng, quần cư nhi vô phân tắc tranh. Cùng giả hoạn dã, tranh giả hoạ dã. Cứu hoạn trừ hoạ, tắc mạc nhược minh phân sử quần hĩ. Cường hiếp nhược dã, trí cụ ngu dã, dân hạ vi thượng, thiếu lãng trưởng, bất dĩ đức vi chính; như thị, tắc lão nhược hữu thất dưỡng chi ưu, nhi tráng giả hữu phân tranh chi hoạ hĩ. Sự nghiệp sở ố dã, công lợi sở hiếu dã, chức nghiệp vô phân; như thị, tắc nhân hữu thụ sự chi hoạn, nhi hữu tranh công chi hoạ hĩ. Nam nữ chi hợp, phu phụ chi phận, hôn nhân sính nội, tống nghịch vô lễ; như thị, tắc nhân hữu thất hợp chi ưu, nhi hữu tranh sắc chi hoạ hĩ. Cố tri giả vi chi phân dã.» 萬物同宇而異體，無宜而有用爲人，數也．人倫並處，同求而異道，同欲而異知，生也．皆有可也，知愚同．所可異也，知愚分．勢同而知異，行私而無禍，縱欲而不窮，則民心奮而不可說也[...]無君以制臣，無上以制下，天下害生縱欲．欲惡同物，欲多而物寡，寡則必爭矣．故百技所成，所以養一人也．而能不能兼技，人不能兼官．離居不相待則窮，群居而無分則爭．窮者患也，爭者禍也．救患儲禍，則莫若明分使群矣．強脅弱也，知懼愚也，民下違上，少陵長，不以德爲政；如是，則老弱有失養之憂，而壯者有分爭之禍矣．事業所惡也，功利所好也，職業無分；書是，則人有樹事之患，而有爭功之禍矣．男女之合，夫婦之分，婚姻娉內，送逆無禮；如是，則人有失合之憂，而有爭色之禍矣．故知者爲之分也．

không có phân biệt thân phận thì tranh giành, tranh giành thì loạn, loạn thì ly tán, ly tán thì suy yếu, suy yếu thì không thể thắng được loài vật, và không thể có được nhà cửa cung điện để ở. Thế nghĩa là người ta không thể bỏ lễ nghĩa trong một khoảnh khắc nào.»[33]

Lời trên đường như cho rằng hễ con người có nghĩa (sự công chính) thì khác với cầm thú; và điều ấy là lập luận chứng minh sự tất yếu của sự phân biệt thân phận và điều nghĩa. Tuy nhiên Tuân Tử nói «hoà thì hợp nhất, hợp nhất thì có nhiều sức, có nhiều sức thì mạnh, mạnh thì thắng loài vật, và có nhà cửa cung điện để ở» thì đó là lập luận theo chủ nghĩa công lợi.

Tuân Tử lại nói: «Người ta sở dĩ là người, tại sao? Đáp: Là vì có phân biệt. Đói muốn ăn, lạnh muốn ấm, lao nhọc muốn nghỉ ngơi, ham lợi ghét hại, những điều đó người ta sinh ra thì đã biết, không phải đợi học rồi mới biết. Đó là chỗ giống nhau giữa vua Vũ và vua Kiệt. Nhưng người ta sở dĩ là người, chẳng phải vì chỉ có hai chân và mặt không lông, mà vì có phân biệt. Nay hình trạng con đười ươi cũng có hai chân và mặt không lông, nhưng quân tử húp canh nấu thịt nó, và ăn thịt nó. Cho nên người ta sở dĩ là người, chẳng phải vì chỉ có hai chân và mặt không lông, mà vì có phân biệt. Loài cầm thú cũng có cha con, nhưng không có tình thân giữa cha con; cũng có đực cái nhưng không có sự cách biệt nam nữ. Cho nên đạo làm người phải có sự phân biệt. Phân biệt thì không gì bằng phân biệt thân phận xã hội; phân biệt thân phận xã hội thì không gì bằng

---

[33] ***Tuân Tử*** **(Vương Chế): «Thuỷ hoả hữu khí nhi vô sinh, thảo mộc hữu sinh nhi vô tri, cầm thú hữu tri nhi vô nghĩa, nhân hữu khí, hữu sinh, hữu tri, diệc thả hữu nghĩa, cố tối vi thiên hạ quý dã. Lực bất nhược ngưu, tẩu bất nhược mã, nhi ngưu mã vi dụng, hà dã? Viết: Nhân năng quần, bỉ bất năng quần dã. Nhân hà dĩ năng quần? Viết: Phân. Phân hà dĩ năng hành? Viết: Nghĩa. Cố nghĩa dĩ phân tắc hoà, hoà tắc nhất, nhất tắc đa lực, đa lực tắc cường, cường tắc thắng vật; cố cung thất khả đắc nhi cư dã. Cố tự tứ thời, tài vạn vật, kiêm lợi thiên hạ, vô tha cố yên, đắc chi phân nghĩa dã. Cố nhân sinh bất năng vô quần, quần nhi vô phân tắc tranh, tranh tắc loạn, loạn tắc ly, ly tắc nhược, nhược tắc bất năng thắng vật; cố cung thất bất khả đắc nhi cư dã, bất khả thiểu khoảnh xả lễ nghĩa chi vị dã.»** 水火有氣而無生，草木有生而無知，禽獸有知而無義，人有氣有生有知亦且有義，故最爲天下貴也．力不若牛，走不若馬，而牛馬爲用，何也？曰：人能群，彼不能群也．人何以能群？曰：分．分何以能行？曰：義．故義以分則和，和則一，一則多力，多力則強，強則勝物；故宮室可得而居也．故序四時，裁萬物，兼利天下，無它故焉，得之分義也．故人生不能無群，群而無分則爭，爭則亂，亂則離，離則弱，弱則不能勝物；故宮室不可得而居也，不可少頃舍禮義之謂也．

lễ; [đặt ra] lễ thì không ai bằng thánh vương.»[34]

Như vậy, lập luận «người ta sở dĩ là người» chứng minh sự tất yếu của lễ. Ở điểm này, Tuân Tử giống Mạnh Tử; nhưng ông khác với Mạnh Tử khi bảo rằng người ta sinh ra thì đã biết «đói muốn ăn, lạnh muốn ấm, lao nhọc muốn nghỉ ngơi, ham lợi ghét hại».

7. Luận về lễ và nhạc

Tuân Tử cũng luận về khởi nguyên của lễ: «Lễ bắt đầu từ đâu? Đáp: Người ta có lòng dục (ham muốn). Ham muốn mà chẳng được thì không thể không mong cầu. Mong cầu mà không có chừng mực thì không thể không tranh giành; tranh giành thì loạn, loạn thì khốn cùng. Các vua ngày xưa ghét loạn nên chế ra lễ nghĩa để phân định giới hạn, để thoả mãn lòng dục của con người và cung cấp cho con người cái họ cần; khiến cho lòng dục của con người không quá giới hạn, và vật chất không bị cạn kiệt do lòng dục của con người. Hai cái ấy (lòng dục và vật chất) giúp nhau mà cùng tồn tại lâu dài. Đó là khởi nguyên của lễ.»[35]

Như thế, lễ phân định giới hạn để tiết chế lòng dục của con người. Khổng Tử khi giảng học thì chú trọng sự tự do của tính tình của cá nhân,

---

[34] *Tuân Tử* (Phi Tướng): «Nhân chi sở dĩ vi nhân giả, hà dĩ dã? Viết: Dĩ kỳ hữu biện dã. Cơ nhi dục thực, hàn nhi dục noãn, lao nhi dục tức, hiếu lợi nhi ố hại, thị nhân chi sở sinh nhi hữu dã, thị vô đãi nhi nhiên giả dã, thị Vũ Kiệt chi sở đồng dã. Nhiên tắc nhân chi sở dĩ vi nhân giả, phi đặc dĩ nhị túc nhi vô mao dã, dĩ kỳ hữu biện dã. Kim phù tính tình hình trạng diệc nhị túc nhi vô mao dã, nhiên nhi quân tử xuyết kỳ canh, thực kỳ chí. Cố nhân chi sở dĩ vi nhân giả, phi đặc dĩ kỳ nhị túc nhi vô mao dã, dĩ kỳ hữu biện dã. Phù cầm thú hữu phụ tử, nhi vô phụ tử chi thân, hữu tẫn mẫu nhi vô nam nữ chi biệt. Cố nhân đạo mạc bất hữu biện. Biện mạc đại ư phân, phân mạc đại ư lễ, lễ mạc đại ư thánh vương.» 人之所以爲人者,何已也?曰:以其有辨也.飢而欲食,寒而欲暖,勞而欲息,好利而惡害,是人之所生而有也,是無待而然者也,是禹桀之所同也.然則人之所以爲人者,非特以二足而無毛也,以其有辨也.今夫狌狌形狀亦二足而無毛也,然而君子啜其羹,食其胾.故人之所以爲人者,非特以其二足而無毛也,以其有辨也.夫禽獸有父子,而無父子之親,有牝牡而無男女之別.故人道莫不有辨.辨莫大於分,分莫大於禮,禮莫大於聖王.

[35] *Tuân Tử* (Lễ Luận): «Lễ khởi ư hà dã? Viết: Nhân sinh nhi hữu dục, dục nhi bất đắc, tắc bất năng vô cầu. Cầu nhi vô độ lượng phân giới, tắc bất năng bất tranh; tranh tắc loạn, loạn tắc cùng. Tiên vương ố kỳ loạn dã, cố chế lễ nghĩa dĩ phân chi, dĩ dưỡng nhân chi dục, cấp nhân chi cầu. Sử dục tất bất cùng ư vật, vật tất bất khuất ư dục. Lưỡng giả tương trì nhi trưởng, thị lễ chi sở khởi dã.» 禮起於何也?曰:人生而有欲,欲而不得,則不能無求.求而無度量分界,則不能不爭;爭則亂,亂則窮.先王惡其亂也,故制禮義以分之,以養人之欲,給人之求.使欲必不窮於物,物必不屈於欲.兩者相持而長,是禮之所起也.

đồng thời cũng chú trọng quy phạm từ ngoài đối với hành vi của cá nhân. (Xem tiết 5 của chương 4). Mạnh Tử khá chú trọng sự tự do của tính tình của cá nhân, bởi vì ông chủ trương thuyết tính thiện, đương nhiên ông cũng xem trọng sự phán đoán đạo đức của cá nhân. (Xem tiết 5 của chương 6). Còn Tuân Tử khá chú trọng quy phạm từ ngoài đối với hành vi của cá nhân, và khá chú trọng lễ. Tuân Tử nói: «Học bắt đầu ở đâu và chấm dứt ở đâu? Đáp: Phương pháp ấy là bắt đầu ở việc đọc kinh điển và chấm dứt ở việc học lễ.»[36]

Ông lại nói: «Khi dùng khí huyết, ý chí, trí lự, nếu theo lễ thì hanh thông, nếu không theo lễ thì sái quấy, rối loạn, cẩu thả, và lười nhác. Về ăn uống, y phục, cư xử, động tĩnh, nếu theo lễ thì điều hoà tiết độ, nếu không theo lễ thì gặp nguy hại. Về dung mạo, thái độ, tiến thoái, xu thế tiến hành, nếu theo lễ thì trang nhã, nếu không theo lễ thì quê mùa, thô tục, tầm thường. Cho nên người không có lễ thì không sống tốt, sự việc không có lễ thì không thành, quốc gia không có lễ thì không an ninh. *Kinh Thi* nói: "Lễ nghi phải có mức độ, cười nói phải có chừng mực." Ý nghĩa là thế đấy.»[37]

Tuân Tử cho rằng bản tính con người vốn ác, cái thiện của họ là do họ tạo tác; cho nên không thể không chú trọng đến lễ để uốn nắn bản tính con người.

Công dụng của lễ, ngoài việc ấn định giới hạn để tiết chế nhân dục, còn lấy *văn* 文 (văn hoá) để làm đẹp tình cảm của con người. Ở phương diện này, Tuân Tử nói rất kỹ. Ông cũng trọng công lợi như Mặc Tử, nhưng đối với tình cảm thì thái độ của ông khác với thái độ của Mặc Tử rất nhiều. Quan điểm theo chủ nghĩa công lợi cực đoan của Mặc Tử cho rằng tình cảm của con người là vô dụng, vô ý nghĩa, và họ cần phải đè nén nó. Do đó mà Tuân Tử phê bình Mặc Tử là «bị cái dụng che lấp

---

[36] *Tuân Tử* (Khuyến Học): «Học ô hồ thuỷ, ô hồ chung? Viết: Kỳ số tắc thuỷ hồ tụng kinh, chung hồ độc lễ.» 學惡乎始?惡乎終?曰:其數則始乎誦經,終乎讀禮.

[37] *Tuân Tử* (Tu Thân): «Phàm dụng huyết khí, chí ý, tri lự, do lễ tắc trị thông, bất do lễ tắc bột loạn đề mạn. Thực ẩm, y phục, cư xử, động tĩnh, do lễ tắc hoà tiết, bất do lễ tắc xúc hãm sinh tật. Dung mạo, thái độ, tiến thoái, xu hành, do lễ tắc nhã, bất do lễ tắc di cố, tịch vi, dung chúng nhi dã. Cố nhân vô lễ tắc bất sinh, sự vô lễ tắc bất thành, quốc gia vô lễ tắc bất ninh. Thi viết: "Lễ nghi tốt độ, tiếu ngữ tốt hoạch." Thử chi vị dã.» 凡用血氣志意知慮,由禮則治通,不由禮則勃亂提優.食飲,衣服,居處,動靜,由禮則和節,不由禮則觸陷生疾.容貌,態度進退趨行,由禮則雅,不由禮則夷固,僻違,庸眾而野.故人無禮則不生,事無禮則不成,國家無禮則不寧.詩曰:禮儀卒度,笑語卒獲.此之謂也.

mà chẳng biết đến văn» (tế ư dụng nhi bất tri văn 蔽於用而不知文). Tuân Tử tuy cũng chủ trương công lợi, nhưng không cực đoan như Mặc Tử. Do đó Tuân Tử trọng tình cảm, trọng sự hữu dụng, và trọng văn vẻ. Điều ấy có thể thấy trong sự luận bàn của Tuân Tử về tang lễ và tế lễ. Tang lễ và tế lễ bắt đầu từ sự mê tín, nhưng Tuân Tử đã lấy triết học theo chủ nghĩa tự nhiên của ông mà gán cho tang lễ và tế lễ một ý nghĩa mới mẻ. Đó là một cống hiến lớn của Tuân Tử. Ông nói đến nhạc cũng có nhiều ý nghĩa sâu sắc. Mấy thiên trong *Lễ Ký* nói về tang lễ, tế lễ, và nhạc, phần nhiều cũng được nói trong quyển *Tuân Tử*. Đại khái nếu không phải do đệ tử Tuân Tử thì là do hậu nhân chép vào *Lễ Ký*. Để thuận tiện, hai thiên Lễ Luận và Nhạc Luận trong *Tuân Tử* không được luận riêng ở chương này, mà sẽ được luận chung với *Lễ Ký* ở chương 14.

8. Vương và bá

Theo Tuân Tử, đạo làm người phải có sự phân biệt. Phân biệt thì không gì bằng phân biệt thân phận xã hội; phân biệt thân phận xã hội thì không gì bằng lễ; đặt ra lễ thì không ai bằng thánh vương. Ông nói: «Thánh là bậc làm tròn các bổn phận trong các quan hệ tự nhiên. Vua là bậc làm tròn các lý tưởng cai trị. Làm tròn hai điều ấy thì đủ là bậc tối cao trong thiên hạ.»[38]

Triết học chính trị của Tuân Tử cũng cho rằng thánh nhân làm vua thì quốc gia và xã hội trở nên tốt đẹp nhất. Ông nói: «Cho nên làm thiên tử phải là người chân chính. Thiên hạ vô cùng quan trọng, nếu không là người rất mạnh thì không thể gánh vác nổi. Thiên hạ vô cùng lớn, nếu không là người có óc phân biệt rất tinh tế thì không thể phân biệt đúng. Thiên hạ vô cùng đông đúc, nếu không là người rất sáng suốt thì không thể làm cho họ hoà đồng. Ba cái vô cùng đó, chỉ thánh nhân mới có thể làm tròn hết. Cho nên nếu ai không là thánh nhân thì không thể làm vua.»[39]

Thánh nhân làm vua, thì nền chính trị do ngài thực hiện gọi là *vương chính* 王政 (cai trị theo vương đạo). Tuân Tử phân biệt vương và

---

[38] ***Tuân Tử*** **(Giải Tế): «Thánh dã giả, tận luân giả dã. Vương dã giả, tận chế giả dã. Lưỡng tận giả túc dĩ vi thiên hạ cực hĩ.»** 聖也者，盡倫者也．王也者，盡制者也．兩盡者足以爲天下極矣．

[39] ***Tuân Tử*** **(Chính Luận): «Cố thiên tử duy kỳ nhân. Thiên hạ giả, chí trọng dã, phi chí cường mạc chi năng nhiệm. Chí đại dã, phi chí biện mạc chi năng phân. Chí chúng dã, phi chí minh mạc chi năng hoà. Thử tam chí giả, phi thánh nhân mạc chi năng tận, cố phi thánh nhân mạc chi năng vương.»** 故天子唯其人．天下者，至重也，非至強莫之能任．至大也，非至辨莫之能分．至衆也，非至明莫之能和．此三至者，非聖人莫之能盡，故聖人莫之能王．

bá như sau: «Học trò của Trọng Ni, ngay cả đứa trẻ cao khoảng một mét (tức 5 thước Trung Quốc), cũng phát ngượng khi nói tới ngũ bá, tại sao thế? Đáp: Bởi vì họ không có lý thuyết cai trị đúng, không có đạo đức cao, không có văn lý, không thu phục được lòng người. Hành động của họ được tính toán kỹ. Họ xét kỹ người lao động và người lười nhác. Họ tích trữ tài lực, chuẩn bị chiến tranh, làm điên đảo kẻ địch. Họ trí trá để chiến thắng, vờ nhượng bộ để tranh giành, giả nhân từ để trục lợi. Đó là sự xuất sắc của kẻ tiểu nhân. Họ sao có thể đáng gọi là hạng đại quân tử cho được! Bậc vương thì không thế. Họ rất hiền mà cứu được kẻ hư hỏng, rất mạnh mà khoan dung được kẻ yếu. Trong chiến tranh hẳn họ có thể đánh bại kẻ địch, nhưng họ ít khi đánh địch. Họ ung dung thanh nhã để thiên hạ trông vào, mà các nước hung bạo trở nên yên lành và tự chuyển hoá. Nếu có kẻ nguy hiểm hung ác thì họ mới trừng phạt. Cho nên thánh vương ít khi trừng phạt.»[40]

Nếu thánh nhân làm vua, nền chính trị do ngài thực hiện gọi là *vương chính*. Nếu vua không phải là thánh nhân, nền cai trị ấy nếu không là *loạn chính* 亂政 (cai trị rối loạn), thì cũng là *bá chính* 霸政 (cai trị theo bá đạo). Như vậy, Tuân Tử và Mạnh Tử có sự phân biệt giống nhau về vương và bá. Tuy nhiên, lập luận của Mạnh Tử nhấn mạnh động cơ của nhà cai trị. Nền vương chính của bậc vương phát xuất từ «tấm lòng không nỡ nhìn dân khổ» của ông. Còn Tuân Tử không chủ trương tính thiện, nên không lấy điểm đó để phân biệt vương và bá.

Tuân Tử thuật tình hình của dân chúng sống dưới nền vương chính như sau: «Phép tắc của bậc vương: Thuế khoá chia thành nhiều bậc; chỉnh đốn dân sự; chế tài vạn vật để nuôi vạn dân. Thuế ruộng bằng một phần mười sản lượng. Tại quan ải và nơi thị tứ thì tra xét kẻ ra vào chứ không đánh thuế. Việc khai thác núi rừng và ao đầm thì tuỳ mùa mà cho phép,

[40] ***Tuân Tử*** **(Trọng Ni): «Nhiên nhi Trọng Ni chi môn nhân, ngũ xích chi thụ tử, ngôn tu xưng ngũ bá, thị hà dã? Viết: Nhiên, bỉ phi bản chính giáo dã, phi trí long cao dã, phi kỳ văn lý dã, phi phục nhân chi tâm dã. Hương phương lược, thẩm lao dật, súc tích tu đấu, nhi năng điên đảo kỳ địch giả dã. Trá tâm dĩ thắng hĩ. Bỉ dĩ nhượng sức tranh, y hồ nhân nhi đạo lợi giả dã, tiểu nhân chi kiệt dã, bỉ cố bạt túc xưng hồ đại quân tử chi môn tai! Bỉ vương giả tắc bất nhiên. Trí hiền nhi năng dĩ cứu bất tiếu, trí cường nhi năng dĩ khoan nhược. Chiến tất năng đãi chi, nhi tu dữ chi đấu. Uỷ nhiên thành văn, dĩ thị chi thiên hạ, nhi bạo quốc an tự hoá hĩ. Hữu tai mậu giả, nhiên hậu tru chi. Cố thánh vương chi tru dã kỳ tỉnh hĩ.»** 然而重尼之門人，五尺之豎子，言羞稱五伯．是何也？曰：然，彼非本政教也，非致隆高也，非綦文理也，非服人之心也．鄉方略，審勞佚，畜積修鬥，而能顛倒其敵者也．詐心以勝矣．彼以讓飾爭，依乎仁而蹈利者也，小人之傑也，彼固曷足稱乎大君子之門哉！彼王者則不然．致賢而能以救不肖，致強而能以寬弱．戰必能待之，而羞與之鬥．委然成文，以示之天下，而暴國安自化矣．有災繆者，然後誅之．故聖王之誅也綦省矣．

nhưng không đánh thuế. Xem lại đất đai mà định thuế. Xét đường gần xa mà qui định tiến cống. Phải lưu thông hàng hoá và gạo thóc, không được để ứ đọng. Phải vận chuyển và bán hàng hoá và gạo thóc cho mọi người trong bốn biển như chung một nhà. Cho nên kẻ ở gần không giấu tài năng, kẻ ở xa chẳng phải vất vả đi tìm. Các nước xa xôi hẻo lánh, chẳng nước nào là không vui lòng để bậc vương sai khiến. Bậc vương ấy là thầy của nhân dân (nhân sư). Đấy là phép tắc của bậc vương vậy.»[41]

Tuân Tử lại nói: «Vua là người giỏi điều khiển sự hợp quần [tức là giỏi tổ chức xã hội]. Nếu đạo hợp quần đúng thì vạn vật đều thích nghi, lục súc đều được nuôi lớn, mọi sinh vật đều làm tròn số phận của mình. Cho nên nuôi dưỡng đúng thời thì lục súc phát triển; đốn chặt đúng mùa thì thảo mộc sinh sôi; chính lệnh đúng thời thì trăm họ thống nhất và người hiền lương khâm phục. Đó là phép tắc của thánh vương. Thảo mộc đang lúc tươi tốt thì dân không được vác búa vào rừng núi, không được làm chúng chết yểu và không được dứt tuyệt sự phát triển của chúng. Lúc ba ba, kỳ đà, cá, rùa, lươn, trạch đang mùa sinh sản, thì dân không được đem lưới và thuốc độc xuống ao đầm, không được làm chúng chết yểu và không được dứt tuyệt sự phát triển của chúng. Mùa xuân cày, mùa hè làm cỏ, mùa thu gặt, mùa đông cất trữ. Bốn việc ấy không làm trái thời, thì ngũ cốc có hoài không dứt, và trăm họ dư ăn. Ao, đầm, vực, sông ngòi, thận trọng ngăn cấm theo mùa thì cá và ba ba có nhiều và ngon, và trăm họ dư dùng. Đốn chặt và dưỡng trưởng cây cối đúng thời thì rừng núi không trơ trụi, và trăm họ có dư gỗ dùng.»[42]

Lời lẽ trên cũng giống Mạnh Tử nói, nhưng chưa đề cập chế độ tỉnh điền.

Tuân Tử luận về thuyết Thang và Vũ chinh phạt Kiệt và Trụ như sau: «Người đời nói rằng: "Kiệt và Trụ có thiên hạ, nhưng Thang và Vũ

---

[41] ***Tuân Tử*** **(Vương Chế): «Vương giả chi pháp: Đẳng phú, chính sự, tài vạn vật, sở dĩ dưỡng vạn dân dã. Điền dã thập nhất, quan thị kỷ nhi bất chinh, sơn lâm trạch lương, dĩ thời cấm phát nhi bất thuế. Tương địa nhi suy chính. Lý đạo chi viễn cận nhi trí cống. Thông lưu tài vật túc mễ, vô hữu trệ lưu, sử tương quy dĩ dã, tứ hải chi nội nhược nhất gia. Cố cận giả bất ẩn kỳ năng, viễn giả bất tật kỳ lao, vô u nhàn ẩn tịch chi quốc, mạc bất xu sử nhi an lạc chi. Phù thị chi vi nhân sư. Thị vương giả chi pháp dã.»** 王者之法：等賦，政事，財萬物，所以養萬民也．田也什一，關市幾而征，山林澤梁，以時禁發而不稅．相地而衰政．理道之遠近而致貢．通流財物粟米，無有滯留，使相歸移也，四海之內若一家．故近者不隱其能，遠者不疾其勞，無幽閑隱僻之國，莫不趨使而安樂之．夫是之爲人師．是王者之法也．

[42] ***Tuân Tử*** **(Vương Chế): «Quân giả, thiện quần dã. Quần đạo đương, tắc vạn vật giai đắc kỳ nghi, lục súc giai đắc kỳ trưởng, quần sinh giai đắc kỳ mệnh. Cố dưỡng trưởng thời, tắc lục súc**

soán đoạt." Nói vậy là sai. [...] Thang và Vũ không giữ lấy thiên hạ. Hai ông ấy tu sửa đạo lý, thi hành điều nghĩa, làm hưng cái lợi chung của thiên hạ và trừ cái hại chung của thiên hạ nên thiên hạ quy phục hai ông. Kiệt và Trụ không bỏ thiên hạ. Hai vua ấy trái ngược đức của Vũ và Thang, làm loạn sự phân biệt giữa lễ và nghĩa. Hành động như cầm thú của họ tích chứa hung bạo, hoàn toàn độc ác, nên thiên hạ trừ khử họ. Thiên hạ quy phục ai thì người đó là vương; trừ khử ai thì người đó mất. Cho nên Kiệt và Trụ không có thiên hạ, còn Thang và Vũ không giết vua; điều ấy đã rõ.»[43]

Tuân Tử luận về việc Nghiêu Thuấn *thiện nhượng* (truyền ngôi cho người hiền chứ không truyền cho con) như sau: «Người đời nói rằng: "Nghiêu và Thuấn thiện nhượng." Nói vậy là sai. [...] Thánh vương đã mất, thiên hạ không còn thánh nhân, như thế sẽ không ai có đủ đạo đức để được nhường thiên hạ. Nếu thiên hạ có thánh nhân và ngài là con vua, thì thiên hạ không rời gia tộc ấy, triều đình không đổi ngôi, nước không sửa chế độ. Thiên hạ vẫn vậy, không có gì thay đổi. Nếu lấy Nghiêu kế vị Nghiêu, thì có biến đổi gì đâu. Nếu thánh nhân không là con vua mà thuộc hàng tam công, thì thiên hạ quy về, giống như hồi phục và chấn

dục; sát sinh thời, tắc thảo mộc thực; chính lệnh thời, tắc bách tính nhất, hiển lương phục. Thánh vương chi chế dã. Thảo mộc vinh hoa tư thạc chi thời, tắc phủ cân bất nhập sơn lâm, bất yểu kỳ sinh, bất tuyệt kỳ trưởng dã. Nguyên đà ngư miết thu chiên dựng biệt chi thời, võng cổ độc dược bất nhập trạch, bất yểu kỳ sinh, bất tuyệt kỳ trưởng dã. Xuân canh, hạ vân, thu thu, đông tàng, tứ giả bất thất thời, cố ngũ cốc bất tuyệt, nhi bách tính hữu dư thực dã. Ô trì uyên chiểu xuyên trạch, cấm kỳ thời cấm, cố ngư miết ưu đa, nhi bách tính hữu dư dụng dã. Trảm phạt dưỡng trưởng bất thất kỳ thời, cố sơn lâm bất đống, nhi bách tính hữu dư tài dã.» 君者，善群也．群道當，則萬物皆得其宜，六畜皆得其長，群生皆得其命．故養長時，則六畜育；殺生時，則草木殖；政令時，則百姓一，賢良服．聖王之制也：草木榮華滋碩之時，則斧斤不入山林，不夭其生，不絕其長也．黿鼉魚鱉鰌鱣孕別之時，罔罟毒藥不入澤，不夭其生，不絕其長也．春耕夏耘秋收冬藏，四者不失時，故五谷不絕，而百姓有餘食也．汚池淵沼川澤，謹其時禁，故魚鱉優多，而百姓有餘用也．斬伐養長不失其時，故山林不童，而百姓有餘材也．

[43] *Tuân Tử* (Chính Luận): «Thế tục chi vi thuyết giả viết: "Kiệt Trụ hữu thiên hạ, Thang Vũ soán nhi đoạt chi." Thị bất nhiên. [...] Thang Vũ phi thủ thiên hạ dã, tu kỳ đạo, hành kỳ nghĩa, hưng thiên hạ chi đồng lợi, trừ thiên hạ chi đồng hại, nhi thiên hạ quy chi dã. Kiệt Trụ phi khử thiên hạ dã, phản Vũ Thang chi đức, loạn lễ nghĩa chi phân, cầm thú chi hành, tích kỳ hung, toàn kỳ ác, nhi thiên hạ khử chi dã. Thiên hạ quy chi chi vị vương, thiên hạ khử chi chi vị vong. Cố Kiệt Trụ vô thiên hạ, Thang Vũ bất thí quân, dụ thử hiệu chi dã.» 世俗之爲說者曰："桀紂有天下，湯禹篡而奪之．" 是不然[...]湯禹非取天下也，修其道，行其義，興天下之同利，除天下之同害，而天下歸之也．桀紂非去天下也，反禹湯之德，亂禮義之分，禽獸之行，積其凶，全其惡，而天下去之也．天下歸之之謂王，天下去之之謂亡．故桀紂無天下，湯禹不弒君，由此效之也．

hưng. Thiên hạ vẫn vậy, không có gì thay đổi. Nếu lấy Nghiêu kế vị Nghiêu, thì có biến đổi gì đâu. Chỉ có sự thay đổi triều đại và cải cách chế độ là khó khăn. Cho nên khi thiên tử còn sống thì thiên hạ phấn khởi, rất thuận tòng và yên trị, xét đức hạnh mà định ngôi thứ. Khi thiên tử chết thì người có khả năng gánh vác thiên hạ ắt sẽ kế vị. Sự phân biệt lễ và nghĩa đã trọn vẹn. Cần gì phải thiện nhượng.»[44]

Trên đây, Tuân Tử nói hai điểm: (1) Thang và Vũ làm vua thì thiên hạ tự động quy phục. (2) Nghiêu Và Thuấn không cần phải thiện nhượng, bởi vì khi thánh vương chết, nếu con vua cũng là thánh nhân thì đương nhiên sẽ nối ngôi. Nếu thánh nhân không có trong số con vua mà có ở hàng tam công, thì thiên hạ sẽ quy phục tam công. Tóm lại, khi thánh vương chết, hễ ai có khả năng gánh vác thiên hạ thì sẽ nối ngôi. Cái lý tưởng của Tuân Tử về một nền chính trị thánh vương này tương đồng với lý tưởng của Mạnh Tử, tuy nhiên Mạnh Tử nêu thêm một chữ *Thiên* (tức vấn đề thiên mệnh), còn lập luận của Tuân Tử chuyên về nhân sự.

Triết học chính trị của Tuân Tử và Mạnh Tử còn có điểm khác nhau. Tuân Tử cho rằng con người có tính ác nên ông không chú trọng sự tự do của tình cảm cá nhân, do đó ông nghĩ rằng uy quyền của thánh vương phải là tuyệt đối. Ông nói: «Thiên tử là bậc chí tôn ở đời, là người vô địch trong thiên hạ. [...] Thiên tử là bậc có đạo đức thuần lương và hoàn bị, trí huệ vô cùng sáng suốt; ngài ngồi ngó về hướng Nam mà cai trị thiên hạ. Dân chúng ai cũng cảm động, thuận tòng, và được cảm hoá. Thiên hạ không còn kẻ lánh đời ở ẩn, không còn người tài giỏi bị bỏ sót chẳng dùng. Cái gì

---

[44] ***Tuân Tử*** **(Chính Luận): «Thế tục chi vi thuyết giả viết: "Nghiêu Thuấn thiện nhượng." Thị bất nhiên. [...] Thánh vương dĩ một, thiên hạ vô thánh, tắc cố mạc túc dĩ thiện thiên hạ hĩ. Thiên hạ hữu thánh, nhi tại hậu tử giả, tắc thiên hạ bất ly, triều bất dịch vị, quốc bất canh chế, thiên hạ yếm nhiên, dữ hương vô dĩ dị dã; dĩ Nghiêu kế Nghiêu, phù hựu hà biến chi hữu hĩ. Thánh bất tại hậu tử nhi tại tam công, tắc thiên hạ như quy, đo phục nhi chấn chi hĩ. Thiên hạ yếm nhiên, dữ hương vô dĩ dị dã; dĩ Nghiêu kế Nghiêu, phù hựu hà biến chi hữu hĩ. Duy kỳ tỷ triều cải chế vi nan. Cố thiên tử sinh tắc thiên hạ nhất long, trí thuận nhi trị, luận đức nhi định thứ, tử tắc năng nhiệm thiên hạ giả tất hữu chi hĩ. Phù lễ nghĩa chi phân tận hĩ, thiện nhượng ô dụng hĩ tai! »** 世俗之爲說者曰: "堯舜擅(禪)讓." 是不然[...]聖王以沒,天下無聖,則固莫足以擅天下矣.天下有聖,而在後子者,則天下不離,朝不易位,國不更制,天下厭然,與鄉無以異也;以堯繼堯,夫又何變之有矣.聖不在後子而在三公,則天下如歸,猶復而振之矣.天下厭然,與鄉無以異也;以堯繼堯,夫又何變之有矣.唯其徙朝改制爲難.故天子生則天下一隆,致順而治,論德而定次,死則能任天下者必有之矣.夫禮義之分盡矣,擅讓惡用矣哉.

theo ý thiên tử thì đúng, điều gì trái ý thiên tử thì sai.»[45]

9. Chính danh

Khổng Tử nói chính danh là muốn «vua ra vua, bầy tôi ra bầy tôi, cha ra cha, con ra con». Mạnh Tử nói «không cha, không vua, ấy là cầm thú». Khi bài bác bọn không kính cha thờ vua, Mạnh Tử đã theo chủ nghĩa chính danh. Nhưng Khổng Tử và Mạnh Tử suy nghĩ sự chính danh theo đạo đức. Cho nên chủ nghĩa chính danh của Khổng Mạnh chỉ chú trọng mặt luân lý chứ không chú trọng mặt lô-gic. Giống như trong triết học Tây phương, Socrates khi đi tìm định nghĩa bằng phương pháp quy nạp, ông cũng chỉ quan tâm đến mặt luân lý. Còn Plato khi giảng khái niệm, ông cũng quan tâm luân lý nhiều hơn là lô-gic. Đến Aristotle mới bắt đầu có trứ tác về thuần lô-gic (pure logic). Tuân Tử sống trong một thời đại cực thịnh của những nhà biện luận, cho nên khi ông giảng chính danh thì ông quan tâm đến lô-gic rất nhiều.

Ở tiết 1 của chương 11, tôi đã nói *Mặc Kinh* và thiên Chính Danh của *Tuân Tử* đều bài bác lời lẽ của các nhà biện luận. Quan điểm căn bản của tri thức luận và lô-gic được giảng trong thiên Chính Danh của *Tuân Tử* thì tương đồng với quan điểm của *Mặc Kinh*. Ở đây tôi sẽ so sánh nó với *Mặc Kinh* mà luận bàn.

Trong tâm lý học của Tuân Tử, con người có cái tâm có thể nhận biết và suy tư, cũng có tình cảm và ham muốn tìm kiếm sự thoả mãn. Về sự nhận biết (*tri* 知), Tuân Tử nói: «Cái ở nơi người mà nhờ nó con người nhận biết thì gọi là "tri" 知(nhận biết); tri hợp với ngoại vật thì gọi là "trí" 智(kiến thức). [...] Hình thể và màu sắc phân biệt bằng mắt; thanh âm trong đục, trầm bổng, phân biệt bằng tai; các vị ngọt, đắng, mặn, lạt, cay, chua, phân biệt bằng miệng; các mùi thơm, thối, thum thủm, hôi tanh, phân biệt bằng mũi; đau, ngứa, lạnh, nóng, trơn, nhám, nhẹ, nặng, phân biệt bằng hình thể; ưa, chán, mừng, giận, buồn, vui, yêu, ghét, phân biệt bằng tâm. Tâm có *trưng tri* 徵知(gán ý nghĩa cho các ấn tượng). Nhờ có *trưng tri*, do tai mà nhận biết âm thanh, do mắt mà nhận biết hình dáng. Tác dụng *trưng tri*, tất phải đợi ngũ quan phân loại các cảm giác cụ thể, rồi sau mới nhận biết được. Khi ngũ quan nhận biết một thứ gì nhưng không

---

[45] ***Tuân Tử* (Chính Luận): «Thiên tử giả, thế vị chí tôn, vô địch ư thiên hạ. [...] Đạo đức thuần bị, trí huệ thậm minh, nam diện nhi thính thiên hạ, sinh dân chi thuộc mạc bất chấn động tòng phục dĩ hoá thuận chi. Thiên hạ vô ẩn sĩ, vô di thiện, đồng yên giả thị dã, dị yên giả phi dã.»** 天子者，勢位至尊，無敵於天下[...]道德純備，智惠甚明．南面而聽天下，生民之屬，莫不振動從服，以化順之．天下無隱士，無遺善，同焉者是也，異焉者非也．

phân loại nó được, thì tâm cố nhận dạng nó nhưng không thể gán cho nó ý nghĩa, như thế người ta đành phải nói là không biết.»[46]

Mặc Kinh nói: «Nhận biết là một khả năng.» (Tri tài dã 知材也). Người ta đều có khả năng nhận biết, nên Tuân Tử mới nói nó là «cái ở nơi người mà nhờ nó con người nhận biết.» *Mặc Kinh* nói: «Nhận biết tức là tiếp xúc ngoại vật.» (Tri, tiếp dã 知接也). Cái khả năng nhận biết ấy gặp gỡ sự vật mà nó nhận biết, tức là có tri thức (kiến thức), nên Tuân Tử mới nói «nhận biết hợp với ngoại vật thì gọi là "trí" 智(kiến thức)». Khả năng nhận biết kết hợp với sự vật mà nó nhận biết tức là kiến thức, nhưng kiến thức ấy chỉ là cảm giác. Nói nghiêm túc, nếu chúng ta chỉ cảm giác về một vật, thì không thể gọi là "biết" nó được. Ngoài hai định nghĩa «Nhận biết là một khả năng» (Tri tài dã 知材也) và «Nhận biết tức là tiếp xúc ngoại vật» (Tri, tiếp dã 知接也), *Mặc Kinh* còn nói: «Trí là sáng.» (Trí, minh dã 智,明也).[47] Chữ *trí* ở đây tương đương với *trưng tri* mà Tuân Tử nói. Khi cái khả năng nhận biết của ta gặp gỡ sự vật mà nó nhận biết thì ta cảm giác được diện mạo của sự vật; cho nên *Mặc Kinh* nói: «Lấy sự nhận biết tiếp xúc với vật thì có thể thấy được diện mạo của vật.» (Dĩ kỳ tri ngộ vật nhi năng mạo chi 以其知遇物而能貌之). Sự vật được nhận biết thì nhiều, lại còn khác nhau. Hình thể, màu sắc, v.v... tạo thành diện mạo của sự vật mà các giác quan của ta có thể nhận biết. Các giác quan đó Tuân Tử gọi là *thiên quan* 天官, ông nói: «Tai, mắt, mũi, miệng, và thân thể, mỗi cái có sự tiếp xúc riêng với ngoại cảnh, không thể hoán đổi chức năng cho nhau;

---

[46] ***Tuân Tử* (Chính Danh): «Sở dĩ tri chi tại nhân giả vị chi tri, tri hữu sở hợp vị chi trí. [...] Hình thể, sắc lý dĩ mục dị; thanh âm thanh trọc, điều vu, kỳ thanh dĩ nhĩ dị; cam, khổ, hàm, đạm, tân, toan, kỳ vị dĩ khẩu dị; hương, xú, phân, úc, tinh, táo, lậu, dậu, kỳ xú dĩ tỵ dị; tật, dương, sương, nhiệt, hoạt, bì, khinh, trọng dĩ hình thể dị; duyệt, cố, bỉ, nộ, ai, lạc, ái, ố, dục dĩ tâm dị. Tâm hữu trưng tri. Trưng tri, tắc duyên nhĩ nhi tri thanh khả dã, duyên mục nhi tri hình khả dã. Nhiên nhi trưng tri tất tương đãi thiên quan chi đương bạc kỳ loại, nhiên hậu khả dã. Ngũ quan bạc chi nhi bất tri, tâm trưng tri nhi vô duyệt, tắc nhân mạc bất nhiên vị chi bất tri.»** 所以知之在人者謂之知,知有所合謂之智[...]形體,色理以目異;聲音清濁,調竽,奇聲以耳異;甘苦咸淡辛酸,奇味以口異;香臭芬鬱腥臊漏庾,奇臭以鼻異;疾癢冷熱滑鈹輕重,以形體異.說故喜怒哀樂愛惡欲以心異.心有徵知.徵知,則緣耳而知聲可也,緣目而知形可也.然而徵知必將待天官之當薄其類,然後可也.五官薄之而不知,心徵知而無說,則人莫不然謂之不知.

[47] **LAM chú: Chữ *trí* 智 này trong *Mặc Kinh* viết là 恕 (*tri* 知 ở trên, *tâm* 心 ở dưới). *Từ Hải* và *Khang Hi* không chép chữ này. *Nan Tự Đại Tự Điển* 難字大字典(Dương Tông Nghĩa 楊宗義 chủ biên, Tây Nam Sư Phạm Đại Học xuất bản xã, 1999, tr.241) giảng là chữ *trí* 智 /zhì/. Derk Bodde dịch «Trí, minh dã» là «*mind-knowledge is an understanding*» (kiến thức của tâm là một sự hiểu biết).**

chúng gọi là thiên quan.»[48]

Khi khả năng nhận biết của ta tiếp xúc với ngoại vật, ta không những cảm giác được diện mạo của sự vật mà còn biết được sự vật ấy là cái gì. Thí dụ thấy một cái cây, ta cảm giác được hình dáng của cái cây lại còn biết nó là cái cây. Sở dĩ như vậy, vì trong khả năng nhận biết của chúng ta bao hàm cái tâm. Tuân Tử nói: «Tâm ở giữa, hư không, để cai trị ngũ quan; nên gọi là thiên quân.»[49] Tâm có *trưng tri*, chữ *trưng* này Hồ Thích giảng là "chứng minh". Khi mắt ta nhìn thấy cái cây, thì ta cảm giác hình dáng của cái cây; còn tâm của ta biết nó là cái cây. Đó là tác dụng của *trưng tri*. Tâm có *trưng tri*, thì «do tai mà nhận biết âm thanh, do mắt mà nhận biết hình dáng». Nếu không có *trưng tri*, ngũ quan (tức thiên quan) chỉ cảm giác được hình dáng sự vật chứ không biết nó là cái gì. Khi ta biết cái cây là cây, tức là tâm của ta lấy cái cây riêng lẻ ấy xếp vào chủng loại cây mà ta đã biết. Cho nên Tuân Tử nói: «Tác dụng *trưng tri*, tất phải đợi ngũ quan phân loại các cảm giác cụ thể, rồi sau mới nhận biết được.» Thí dụ trong kinh nghiệm của chúng ta vốn không có chủng loại cây, thì ta không biết cái vật riêng lẻ ấy là cây; nên Tuân Tử nói: «Khi ngũ quan nhận biết một thứ gì nhưng không phân loại nó được, thì tâm cố nhận dạng nó nhưng không thể gán cho nó ý nghĩa, như thế người ta đành phải nói là không biết.»

Về khởi nguyên của danh và công dụng của danh, Tuân Tử nói: «Chế *danh* 名 (đặt tên) để chỉ *thực* 實 (sự vật), trước là làm rõ sang và hèn, sau là phân biệt giống và khác. Hễ sang và hèn đã rõ, giống và khác đã phân biệt, thì không có mối lo bị hiểu lầm và không có mối hoạ sự việc bị khó khăn hay bỏ phế. Đó là lý do phải chế danh. Nhưng làm sao phân biệt được giống và khác? Đáp: Nhờ thiên quan (tức ngũ quan). Con người cùng loại và cùng tình cảm, do đó sự nhận biết của thiên quan đối với sự vật thì giống nhau. Khi sự vật được so sánh và một số sự vật được thấy là giống nhau, thì chúng được gán chung một *danh* như một quy ước để sau này khi ta nói cái *danh* đó thì hiểu nó trỏ vào vật gì. Hình thể và màu sắc phân biệt bằng mắt; thanh âm trong đục, trầm bổng, phân biệt

---

[48] ***Tuân Tử*** **(Thiên Luận): «Nhĩ mục tỵ khẩu *hình năng* các hữu tiếp nhi bất tương năng dã, phù thị chi vị thiên quan.»** 耳目鼻口形能各有接而不相能也，夫是之天官.– **Phùng Hữu Lan chú: Vương Niệm Tôn nói *hình năng* 形能 đọc là *hình thái* 形態.– LAM chú: *Hình thái* ở đây là thân thể con người. Tuân Tử muốn nói đến ngũ quan: thính giác, thị giác, khứu giác, vị giác, xúc giác.**

[49] ***Tuân Tử*** **(Thiên Luận): «Tâm cư trung hư, dĩ trị ngũ quan, phù thị chi vị thiên quân.»** 心居中虛，以治五官，夫是之謂天君.

bằng tai. [...] Căn cứ vào đó mà phân biệt được giống và khác. Sau đó gán tên cho chúng. Cùng loại thì cùng *danh*, khác loại thì khác *danh*. *Đơn danh* (tên đơn) đủ hiểu thì dùng đơn danh; không đủ hiểu thì dùng *kiêm danh* (tên ghép). Nếu đơn danh và kiêm danh không trái nhau thì dùng *cộng danh* (tên chung), tuy chung nhưng chúng không hại ý nghĩa của nhau. Ta biết *thực* (sự vật) khác nhau thì *danh* (tên) phải khác nhau, do đó hễ *thực* mà khác nhau thì không thể không gán cho chúng cái *danh* khác nhau, có thế mới không rối loạn. Tương tự, hễ *thực* mà giống nhau thì không thể không gán cho chúng cái *danh* giống nhau. Cho nên dù vạn vật vô số kể, có lúc ta muốn đề cập chúng thì ta gọi chung là «vật». «Vật» là một *đại cộng danh* (tên chung lớn). Suy ngược lên, nhiều cộng danh sẽ có chung một cộng danh khác, cứ lần lượt gọi gộp chung như thế đến lúc không thể gọi gộp chung được nữa thì thôi. Có lúc ta muốn đề cập riêng, thì ta gọi «điểu thú» (chim muông) chẳng hạn. «Điểu thú» là *đại biệt danh* (tên riêng lớn). Suy xuôi xuống mà gọi tách ra, một *biệt danh* sẽ có nhiều biệt danh khác, cứ lần lượt gọi tách biệt như thế đến lúc không thể gọi tách biệt được nữa thì thôi. Cái *danh* không đúng sẵn, nó được đặt ra là do quy ước. Quy ước như vậy rồi, dùng lâu thành thói quen, cái *danh* ấy trở nên đúng; hễ khác với quy ước thì nó không đúng. Cái *danh* không tương ứng sẵn với cái *thực* (sự vật), nó được đặt ra là do quy ước. Quy ước như vậy rồi, dùng lâu thành thói quen, gọi là *thực danh* (tên cụ thể gán cho một sự vật cụ thể). Có những *danh* rất hay, vì chúng gọn gàng, trỏ ngay vào sự vật, dễ hiểu, không gây lầm lẫn; chúng được gọi là *thiện danh* (tên hay).»[50]

[50] ***Tuân Tử*** **(Chính Danh): «Chế danh dĩ chỉ thực, thượng dĩ minh quý tiện, hạ dĩ biện đồng dị. Quý tiện minh, đồng dị biệt, như thị tắc chí vô bất dụ chí hoạn, sự vô khốn phế chí hoạ, thử sở vi hữu danh dã. Nhiên tắc hà duyên nhi dĩ đồng dị? Viết: Duyên thiên quan. Phàm đồng loại đồng tình giả, kỳ thiên quan chí ý vật dã đồng, cố tỷ phương chí nghĩ tự nhi thông, thị sở dĩ cộng kỳ ước danh dĩ tương kỳ dã. Hình thể sắc lý dĩ mục dị. Thanh âm thanh trọc, điều vu, kỳ thanh dĩ nhĩ dị. [...] Thử sở duyên nhi dĩ đồng dị dã. Nhiên hậu tuỳ nhi mệnh chí, đồng tắc đồng chí, dị tắc dị chí. Đan túc dĩ dụ tắc đan, đan bất túc dĩ dụ tắc kiêm. Đan dữ kiêm vô sở tương tỵ tắc cộng, tuy cộng bất vi hại hĩ. Trí dị thực giả chí dị danh dã, cố sử dị thực giả mạc bất dị danh dã, bất khả loạn dã. Do sử đồng thực giả mạc bất đồng danh dã. Cố vạn vật tuy chúng, hữu thời nhi dục vô cử chí, cố vị chí vật. Vật dã giả, đại cộng danh dã. Suy nhi cộng chí, cộng tắc hữu cộng, chí ư vô cộng, nhiên hậu chỉ. Hữu thời nhi dục thiên cử chí, cố vị chí điểu thú. Điểu thú dã giả, đại biệt danh dã. Suy nhi biệt chí, biệt tắc hữu biệt, chí ư vô biệt, nhiên hậu chỉ. Danh vô cố nghi, ước chí dĩ mệnh. Ước định tục thành vị chí nghi, dị ư ước tắc vị chí bất nghi. Danh vô cố thực, ước chí dĩ mệnh thực, ước định tục thành, vị chí thực danh. Danh hữu cố thiện, kính dị nhi bất phất, vị chí thiện danh.»** 制名以指實，上以明貴賤，下以辨同異．貴賤明，同異別，如是則志無不喻之患，事無困廢之禍，此所爲有名也．然則何緣而以同異？曰：緣天官．凡同類同情者，其天官之意物也同，故比方之疑似而通，是所以共其約名以相期也．形體，色理以目異；聲音清濁，調竽，奇聲以耳異[...]此所緣而

«Con người cùng loại và cùng tình cảm, do đó sự nhận biết của thiên quan đối với sự vật thì giống nhau.» Chúng ta cùng là loài người, có cảm giác và ngũ quan giống nhau, cho nên chúng ta có sự hiểu biết giống nhau đối với ngoại vật. Do đó chúng ta chế *danh* để chỉ *thực*, nhằm truyền đạt ý tưởng với nhau. *Thực* là một sự vật cụ thể, và *danh* không thể hoàn toàn ám chỉ các tính chất của một sự vật cụ thể. Do đó sự vật được so sánh và một số sự vật được thấy là giống nhau, thì chúng được gán chung một *danh*. Bởi vì *danh* để chỉ *thực*, nên cái mà nó chỉ (tức là sự vật, là *thực*) phải xác định. Sự vật cùng loại thì lấy cùng một *danh* để chỉ chúng; khác loại thì lấy *danh* khác nhau để chỉ chúng. Hễ *thực* mà khác nhau thì không thể không gán cho chúng cái *danh* khác nhau; hễ *thực* mà giống nhau thì không thể không gán cho chúng cái *danh* giống nhau. Được như thế, *danh* có thể dùng để phân biệt giống và khác. Sự phân biệt giữa *cộng danh* và *biệt danh* có thể minh hoạ bằng biểu đồ hình cây của Porphyry mà các sách lô-gic phổ thông thường nói.
(Hình vẽ)

Biểu đồ hình cây này do nhà lô-gic học tên là Porphyry của Tây phương cổ đại vẽ ra để phân biệt mối quan hệ giữa *chủng* và *loại* của vạn vật.

So với thuật ngữ của Tuân Tử, «bản thể» (substantia) là *đại cộng danh*, là tên chung lớn nhất vì trở lên nữa thì không có gì hết; «nhân loại» (homo) là *tiểu biệt danh*, là tên riêng nhỏ nhất, vì dưới nó thì không có gì hết. Còn «vật chất» (corpus), «sinh vật» (vivens), «động vật» (animal), đối với trên chúng là *biệt danh*, đối với dưới chúng là *cộng danh*.

Danh để chỉ *thực* (sự vật), nhằm phân biệt giống và khác. Đối với các mối quan hệ của con người trong xã hội, *danh* nhằm phân biệt sang hèn, trên dưới. Thí dụ các *danh* như vua, bầy tôi, cha, con, v.v... đều nêu ra mối quan hệ giữa người với người. Khổng Tử khi nói *chính danh*, là muốn làm cho các *danh* ấy đúng với *thực*; tức là vua ra vua, bầy tôi ra bầy tôi, cha ra cha, con ra con. Tuân Tử kế thừa tinh thần truyền thống của Nho gia, cho nên cái *chính danh* mà ông giảng, ngoài ý nghĩa lô-gic

---

以同異也.然後隨而命之,同則同之,異則異之.單足以喻則單,單不足以喻則兼.單與兼無所相避則共,雖共不爲害矣.知異實者之異名也,故使異實者莫不異名也,不可亂也.猶使同實者莫不同名也.故萬物雖衆,有時而欲無舉之,故謂之物.物也者,大共名也.推而共之,共則有共,至於無共,然後止.有時而欲偏舉之,故謂之鳥獸.鳥獸也者,大別名也.推而別之,別則有別,至於無別,然後止.名無固宜,約之以命,約定俗成謂之宜,異於約則謂之不宜.名無固實,約之以命實,約定俗成謂之實名.名有固善,徑易而不拂,謂之善名.

cũng còn có ý nghĩa luân lý. Do đó ông nói: «Trước là làm rõ sang và hèn, sau là phân biệt giống và khác.»

«Cái danh không đúng sẵn» ý nói lúc đầu mới chế danh, người ta lấy cái danh nọ gán cho cái thực nọ, đó là tuỳ ý mà ước định thôi. Thí dụ người ta gọi con chó là «chó». Ngay từ đầu người ta cũng có thể gọi con ngựa là «chó»; tức là cái danh không đúng sẵn. Cái danh không tương ứng sẵn với cái thực, nó được đặt ra là do quy ước. Quy ước như vậy rồi, dùng lâu thành thói quen, cái danh ấy trở nên đúng, và người ta không thể tuỳ tiện sửa đổi lung tung. Lúc đầu mới chế danh, dù danh không đúng sẵn và không tương ứng sẵn với cái thực, nhưng nó phải là danh hay, tức là phải xuôi thuận, dễ gọi.

Danh tất phải có một ý nghĩa nhất định, để người ta «không có mối lo bị hiểu lầm và không có mối hoạ sự việc bị khó khăn hay bỏ phế». Để danh được thống nhất, tất cả danh đều phải do chính phủ chế định. Chế định rồi thì về sau nhân dân không được tuỳ tiện sửa đổi. Tuân Tử nói: «Cho nên khi vua chế danh, khi danh đã định và thực phân biệt rõ, và khi các nguyên tắc của vua được thi hành và ý chí của vua được dân thông suốt, thì vua cẩn thận dẫn dắt dân nhất trí. Do đó việc vặn vẹo chữ nghĩa, tạo ra danh mới làm loạn các danh đúng, khiến dân nghi hoặc sinh ra tranh biện và kiện tụng, thì gọi là đại gian. Tội ấy giống như tội làm phù tiết giả và tội đo lường sai. Do đó dân không dám tuỳ tiện đặt ra lời khác thường để làm loạn những danh đúng. Vì vậy dân trung thực; trung thực thì dễ sai khiến; dễ sai khiến thì được việc. Bởi dân không dám tuỳ tiện đặt ra lời khác thường để làm loạn những danh đúng, nên họ nhất trí về đạo đức và pháp luật và cẩn thận tuân theo mệnh lệnh. Vậy thì sự nghiệp của vua phát triển. Sự nghiệp phát triển và kết quả thành tựu, đó là sự cực thịnh của nền cai trị, nhờ bởi việc cẩn thận gìn giữ những danh đã ước định. [...] Nếu có một vị vua mới, thì vua ắt sẽ tuân theo các danh cũ, và sẽ chế danh mới [khi cần thiết].»[51]

---

[51] ***Tuân Tử* (Chính Danh): «Cố vương giả chi chế danh, danh định nhi thực biện, đạo hành nhi chí thông, tắc thận suất dân nhi nhất yên. Cố tích từ thiện tác danh, dĩ loạn chính danh, sử dân nghi hoặc, nhân đa biện tụng, tắc vị chi đại gian. Kỳ tội do vi phù tiết độ lượng chi tội dã. Cố kỳ dân mạc cảm thác vi kỳ từ dĩ loạn chính danh, cố kỳ dân xác; xác tắc dị sử, dị sử tắc công. Kỳ dân mạc cảm thác vi kỳ từ dĩ loạn chính danh, cố nhất ư đạo pháp, nhi cẩn ư tuần lệnh hĩ. Như thị tắc kỳ tích trưởng hĩ. Tích trưởng công thành, trị chi cực dã. Thị cẩn ư thủ danh ước chi công dã. [...] Nhược hữu vương giả khởi, tất tương hữu tuần ư cựu danh, hữu tác ư tân danh.»** 故王者之制名，名定而實辨，道行而志通，則愼率民而一焉。故析辭擅作名，以亂正名，使民疑惑，人多辨訟，則謂之大奸。其罪猶爲符節度量之罪也。故其民莫敢托爲奇辭以亂正名，故其民慤；慤則易使，易使則公。其民莫敢托爲奇辭以亂正名，故壹於道法而謹於循令

Tri thức của con người gia tăng, thì số lượng danh cũng tăng theo. Hễ danh đã có rồi, thì người ta có thể dùng danh để nói năng, biện luận, và truyền đạt ý nghĩ trong tâm mình. Tuân Tử nói: «Nghe cái danh thì ta biết cái thực tương ứng, đó là công dụng của danh. Ghép nhiều danh thành lời văn, đó là sự kết hợp của danh. Hễ công dụng và kết hợp đều đạt được thì gọi là biết danh (tri danh). Danh là cái liên kết các thực. Từ (lời) là sự kết hợp các danh của các thực khác nhau để diễn đạt một ý. Biện thuyết là không làm khác đi sự tương ứng giữa thực và danh để hiểu các mặt khác nhau của chúng. Mệnh danh cho thực là cái dụng của biện thuyết. Biện thuyết là lấy tâm mô tả đạo. Tâm là người thợ bậc thầy của đạo. Đạo là những nguyên tắc thường hằng và thiết yếu của nền cai trị. Hễ tâm hợp với đạo, hễ biện thuyết hợp với tâm, hễ lời hợp với biện thuyết, hễ chính danh và chỉ đúng cái thực, hễ danh được lập trên thực, hễ phân biệt những dị biệt mà không sai, hễ phân loại mà không lỗi, thế thì có thể lắng nghe bàn luận và nói nó có hợp với văn không, và có thể biện luận đến hết mọi lý lẽ. Lấy chính đạo mà phân biệt lời gian, giống như cầm dây nẩy mực mà xác định cong ngay. Cho nên tà thuyết không thể gây loạn, trăm triết gia không làm rối. [...] Đó là biện thuyết của thánh nhân.»[52]

«*Từ* 辭 (lời) là sự kết hợp các danh của các thực khác nhau để diễn đạt một ý.» Thí dụ ta nói: Người là động vật. «Từ» ở đây là chữ «từ» mà *Mặc Tử* (thiên Tiểu Thủ) đã nói: «Lấy lời để diễn đạt ý.» (Dĩ từ trữ ý 以辭抒意). Biện thuyết là thảo luận tỉ mỉ rõ ràng một sự vật nào đó. Thí dụ như thiên Lễ Luận trong *Tuân Tử* thảo luận tỉ mỉ rõ ràng về lễ; tức là

矣.如是則其跡長矣.跡長功成,治之極也.是謹於守名約之功也[...]若有王者起,必將有循於舊名,有作於新名.

[52] ***Tuân Tử* (Chính Danh): «Danh văn nhi thực dụ, danh chi dụng dã. Luỵ nhi thành văn, danh chi lệ dã. Dụng lệ câu đắc, vị chi tri danh. Danh dã giả, sở dĩ kỳ luỵ thực dã. Từ dã giả, kiêm dị thực chi danh dĩ *luận* (PHL chú: Vương Niệm Tôn nói chữ *luận* 論 này vốn là chữ *dụ* 諭 bị chép lầm) nhất ý dã. Biện thuyết dã giả, bất dị thực danh dĩ dụ động tĩnh chi đạo dã. Kỳ mệnh dã giả, biện thuyết chi dụng dã. Biện thuyết dã giả, tâm chi tượng đạo dã. Tâm dã giả, đạo chi công tể dã. Đạo dã giả, trị chi kinh lý dã. Tâm hợp ư đạo, thuyết hợp ư tâm, từ hợp ư thuyết. Chính danh nhi kỳ, chất *thỉnh* (PHL chú: Vương Niệm Tôn nói chữ *thỉnh* 請 đọc là *tình* 情; *tình* là *thực* 實) nhi dụ, biện dị nhi bất quá, suy loại nhi bất bội. Thính tắc hợp văn, biện tắc tận cố. Dĩ chính đạo nhi biện gian, do dẫn thằng dĩ trì khúc trực. Thị cố tà thuyết bất năng loạn, bách gia vô sở thoán. [...] Thị dĩ thánh nhân chi biện thuyết dã.»** 名聞而實喻,名之用也.累而成文,名之麗也.用麗俱得,謂之知名.名也者,所以期累實也.辭也者,兼異實之名以論一意也.辨說也者,不異實名以喻動靜之道也.期命也者,辨說之用也.辨說也者,心之像道也.心也者,道之工宰也.道也者,治之經理也.心合於道,說合於心,辭合於說.正名而期,質請而喻,辨異而不過,推類而不悖.聽則合文,辨則盡故.以正道而辨奸,猶引繩以持曲直.是故邪說不能亂,百家無所竄[...]是以聖人之辨說也.

«không làm khác đi sự tương ứng giữa thực và danh để hiểu các mặt khác nhau của chúng». «Chỉ đúng cái thực» ý nói khi biện thuyết, cái danh được dùng mà đúng thì cái thực được nêu ra sẽ được hiểu. «Hễ phân biệt những dị biệt mà không sai, hễ phân loại mà không lỗi, thế thì có thể lắng nghe bàn luận và nói nó có hợp với văn không, và có thể biện luận đến hết mọi lý lẽ.» Được vậy thì «lấy chính đạo mà phân biệt lời gian, giống như cầm dây nẩy mực mà xác định cong ngay». Hai điểm «phân loại mà không lỗi» và «biện luận đến hết mọi lý lẽ» thì thiên Tiểu Thủ của *Mặc Tử* đã nói rõ, còn *Tuân Tử* chỉ nêu chúng ra mà thôi.

Các học thuyết của các triết gia bấy giờ đều bị Tuân Tử phản bác. Trong thiên Chính Danh, ông lấy quan điểm chính danh vạch ra ba loại lầm lẫn trong các học thuyết đang lưu hành bấy giờ.

Loại lầm lẫn thứ nhất là *dùng danh làm loạn danh*: «Những câu như *"bị khinh, chẳng nhục", "thánh nhân không yêu mình", "giết kẻ trộm không phải là giết người"* là sai lầm, vì dùng danh làm loạn danh. Cứ nghiệm lại lý do tại sao mà có danh, và xem loại danh gì đang dùng, thì có thể ngăn được cái sai lầm ấy.»[53]

«Bị khinh, chẳng nhục» là học thuyết của Tống Khanh. (Xem tiết 5 của chương 7). «Thánh nhân không yêu mình» và «giết kẻ trộm không phải là giết người» là học thuyết của Mặc gia. *Mặc Tử* (thiên Đại Thủ) nói: «Yêu người thì không loại trừ bản thân mình. Mình ở trong số người được yêu. Nếu mình ở trong số người được yêu, thì tình yêu người bao hàm cả mình. Vậy yêu mình là cách thức đúng đắn để yêu người.»[54] Yêu mình tức là yêu người, cho nên thánh nhân [yêu người mà] không [nói chi đến] yêu mình. Tuy nhiên, nội hàm của «bị khinh» bao gồm ý nghĩa «bị nhục»; nội hàm của «kẻ trộm» bao gồm ý nghĩa «người». Hai danh «mình» và «người», mỗi cái có nội hàm (connotation) và ngoại diên (denotation) khác nhau. Nay nói *"bị khinh, chẳng nhục", "thánh nhân không yêu mình", "giết kẻ trộm không phải là giết người"* tức là lấy danh làm loạn danh. Thử xem các danh ấy vì sao mà thành, và xem nội hàm của «bị khinh» có bao gồm ý nghĩa «bị nhục» hay không; xem nội hàm

---

[53] ***Tuân Tử* (Chính Danh): «"Kiến vũ bất nhục", "thánh nhân bất ái kỷ", "sát đạo phi sát nhân dã", thử hoặc ư dụng danh dĩ loạn danh giả dã. Nghiệm chi sở vì hữu danh, nhi quan kỳ thực hành, tắc năng cấm chi hĩ.»** 見侮不辱，聖人不愛己，殺盜非殺人也；此惑於用名以亂名者也．驗之所爲有名，而觀其孰行，則能禁之矣．

[54] ***Mặc Tử* (Đại Thủ): «Ái nhân bất ngoại kỷ, kỷ tại sở ái chi trung. Kỷ tại sở ái, ái gia ư kỷ, luân liệt chi ái kỷ, ái nhân dã.»** 愛人不外己，己在所愛之中．己在所愛，愛加於己，倫列之愛己，愛人也．

của «kẻ trộm» có bao gồm ý nghĩa «người» hay không; rồi lại so sánh nội hàm và ngoại diên của «mình» và «người», thì ắt sẽ biết những câu nói ấy có sai lầm hay không.

Loại lầm lẫn thứ hai là *dùng thực làm loạn danh*: «Những câu như *"núi ngang bằng với vực sâu", "tình muốn ít", "thịt súc vật ăn cỏ và ăn thóc không làm ngon miệng", "chuông lớn không làm vui tai"* là sai lầm, vì dùng thực làm loạn danh. Cứ nghiệm lại lý do tại sao mà có giống và khác, và xem cái gì ứng với thực, thì có thể ngăn được cái sai lầm ấy.»[55]

«Núi ngang bằng với vực sâu» là học thuyết của Huệ Thi;[56] «Tình muốn ít» là học thuyết của Tống Khanh; «Thịt súc vật ăn cỏ và ăn thóc không làm ngon miệng, chuông lớn không làm vui tai» là học thuyết của Mặc gia, nhằm ủng hộ thuyết tiết dụng và phi nhạc. Về phương diện cá thể của cái *thực* mà nói, núi đôi khi cũng có thể gọi là thấp, vực đôi khi cũng có thể gọi là cao. Có khi vực ở chỗ cao, núi ở chỗ thấp, thì quả thực đáy vực ngang bằng với đỉnh núi. Tình của một số người có khi cũng muốn ít; thịt súc vật ăn cỏ và ăn thóc đôi khi không làm cho một số người ngon miệng; chuông lớn đôi khi không làm cho một số người vui tai. Nhưng nhân đó mà nói rằng «*núi ngang bằng với vực sâu, tình cảm con người đều muốn ít, thịt súc vật ăn cỏ và ăn thóc không làm cho mọi người ngon miệng, chuông lớn không làm cho mọi người vui tai*», tức là lấy một tình hình đặc thù đôi khi xảy ra của một cái *thực* cá thể để làm tình hình chung của mọi vật cùng một loại mà cái *danh* chỉ vào. Đó gọi là lấy thực làm loạn danh. Thử lấy thiên quan của chúng ta trực tiếp quan sát, xem có phải núi với vực đều ngang bằng với nhau chăng; thử lấy kinh nghiệm của chúng ta mà xét, có phải tình cảm người ta đều muốn ít chăng, có phải thịt súc vật ăn cỏ và ăn thóc không làm ngon miệng chăng, có phải chuông lớn không làm vui tai chăng; xét rồi sẽ biết những câu nói ấy có sai lầm hay không.

Loại lầm lẫn thứ ba là *dùng danh làm loạn thực*: «Những câu như *"ngay cả anh không đi xem thì cột nhà vẫn ở đấy", "một con bò và một con ngựa không phải là ngựa"* là sai lầm, vì dùng danh làm loạn thực. Cứ nghiệm lại sự ước định của danh, cứ lấy cái mà sự ước định này chấp nhận và bỏ đi cái mà sự ước định này từ chối, thì có thể ngăn được cái sai

---

[55] ***Tuân Tử* (Chính Danh): «*"Sơn uyên bình", "tình dục quả", "sô hoạn bất gia cam, đại chung bất gia lạc"*, thử hoặc ư dụng thực dĩ loạn danh giả dã. Nghiệm chi sở duyên dĩ đồng dị, nhi quan kỳ thực điều, tắc năng cấm chi hĩ.»** 山淵平，情欲寡，鬲簴不加甘，大鐘不加樂；此惑於用實以亂名者也．驗之所緣以同異，而觀其孰調，則能禁之矣．

[56] **Thật ra nguyên văn của Huệ Thi là «sơn dữ trạch bình»** 山與澤平**(núi ngang bằng với ao đầm).**

lầm ấy.»[57]

Hai câu «ngay cả anh không đi xem thì cột nhà vẫn ở đấy» (phi nhi yết doanh) và «một con bò và một con ngựa không phải là ngựa» đều nằm trong *Mặc Kinh*. Câu «phi nhi yết doanh» chưa rõ nghĩa.[58] Ở câu sau, cái danh «một con bò và một con ngựa» là bao quát cả bò lẫn ngựa, cho nên nói «không là bò, không là ngựa» cũng được. Điều này tôi đã nói rõ ở chương 11. Tuân Tử cho rằng trong «một con bò và một con ngựa» thì có ngựa rồi, cho nên nếu ai nói «một con bò và một con ngựa không phải là ngựa» tức là lấy danh làm loạn thực. Thử xét sự ước định ban đầu của danh, có phải xem ngựa là ngựa chăng. Nếu như xem ngựa là ngựa, thì sẽ biết những câu nói ấy có sai lầm hay không.

Ở chương 11 tôi đã nói rằng câu «một con bò và một con ngựa không phải là ngựa» cho thấy sự khác biệt căn bản giữa quan điểm của Công Tôn Long và quan điểm của *Mặc Kinh*. *Mặc Kinh* nói mặc dù một mặt «một con bò và một con ngựa không phải là bò» nhưng mặt khác, ta không được nói «một con bò và một con ngựa không phải là bò». Thuyết này rất gần với thường thức hơn là thuyết «ngựa trắng không phải là ngựa» của Công Tôn Long. Khi bác bỏ lời nói thuộc loại lầm lẫn thứ ba, Tuân Tử hoàn toàn theo thường thức mà lập luận.

Đối với các học thuyết mà ông xem là sai này, Tuân Tử dường như đã có một biện pháp trực tiếp hơn. Ông nói: «Các tà thuyết và lời quái lạ xa lìa chính đạo và được tuỳ tiện lập, thì không thể không xếp vào ba loại sai lầm này. Vua sáng (minh quân) biết phân biệt chúng thuộc loại

---

[57] *Tuân Tử* (Chính Danh): «*"Phi nhi yết doanh", "hữu ngưu mã phi mã dã"*, thử hoặc ư dụng danh dĩ loạn thực giả dã. Nghiệm chi danh ước, dĩ kỳ sở thụ, bội kỳ sở từ, tắc năng cấm chi hĩ.» 非而謁楹，有牛馬非馬也；此惑於用名以亂實者也．驗之名約，以其所受，悖其所辭，則能禁之矣．

[58] LAM chú: Câu đó là «phi nhi yết doanh» 非而謁楹. Phùng Hữu Lan tồn nghi ý nghĩa câu này. Tôi dịch theo bản tiếng Anh của Derk Bodde: «Even if you do not go and see, the center pillar exists.» Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê tham khảo Phương Hiếu Bác (*Tuân Tử Tuyển Chú*, Hương Cảng, 1973) nói: «Các nhà chú thích – trừ Phương Hiếu Bác – đều nói: "Bốn chữ *phi nhi yết doanh* chưa hiểu nghĩa là gì." Phương Hiếu Bác nói: "*Yết* 謁 là do chữ *vị* 謂 (là bảo), chữ *doanh* 楹 nghĩa như 盈 (cũng đọc *doanh*) nghĩa là 'đầy', là 'chứa'. *Phi* 非 là 'bài xích, phi bác lẫn nhau'; và *phi nhi yết doanh* là lời Mặc gia phê bình thuyết 'Ly kiên bạch' của Công Tôn Long. Trắng và rắn đều là thuộc tính của đá, đều hiện hữu đủ trong đá, nghĩa là cùng chứa lẫn nhau trong đá, thế mà Công Tôn Long lại nói "vô kiên đắc bạch, vô bạch đắc kiên" (không có rắn thì được trắng, không có trắng thì được rắn) nghĩa là khẳng định rằng hai thuộc tính rắn và trắng của đá "tương phi" nhau thay vì "tương doanh" nhau.» (Xem: Giản Chi và Nguyễn Hiến Lê, *Tuân Tử*, Nxb Văn Hoá, Hà Nội, 1994, tr.174).

sai lầm nào nên không tranh biện. Dân dễ thống nhất bằng đạo, nhưng không thể nói mọi nguyên do với họ. Cho nên vua sáng lấy uy thế mà đối xử họ, lấy đạo dẫn dắt họ, lấy mệnh lệnh sai họ, lấy lời xưa soi sáng họ, lấy hình phạt ngăn cấm họ. Cho nên dân được đạo cảm hoá như thần. Vua cần biện thuyết làm gì? Nay thánh vương mất, thiên hạ loạn, lời gian nổi lên. Quân tử không có uy thế để xử họ, không có hình phạt để cấm họ, nên phải biện thuyết. Hễ cái thực không ai hiểu thì cái danh được lập. Hễ cái danh không ai hiểu thì hình trạng nó được mô tả. Hễ hình trạng nó không ai hiểu thì thuyết minh. Hễ thuyết minh mà không ai hiểu thì biện luận. Cho nên chế danh, tả hình trạng, thuyết minh, biện luận có tác dụng văn hoá lớn lao và là khởi đầu của sự nghiệp cai trị.»[59]

Tuân Tử nói: «Dân dễ thống nhất bằng đạo, nhưng không thể nói mọi nguyên do với họ.» Khổng Tử cũng nói như vậy: «Có thể khiến họ làm theo nó, nhưng không thể khiến họ hiểu nó.»[60] Lý Tư là đệ tử của Tuân Tử, (về sau Lý Tư trở thành thừa tướng của Tần Thuỷ Hoàng, góp phần thống nhất Trung Quốc năm 221 TCN). Chúng ta xem lời ấy của Tuân Tử có thể thấy căn cứ lý luận của chính sách thống nhất tư tưởng của Tần Thuỷ Hoàng và Lý Tư, (dẫn đến việc đốt sách vào năm 213 TCN).

---

[59] ***Tuân Tử*** **(Chính Danh): «Phàm tà thuyết tịch ngôn chi ly chính đạo nhi thiện tác giả, vô bất loại ư tam hoặc giả hĩ. Cố minh quân tri kỳ phân nhi bất dữ biện dã. Phù dân dị nhất dĩ đạo, nhi bất khả dữ cộng cố. Cố minh quân lâm chi dĩ thế, đạo chi dĩ đạo, thân chi dĩ mệnh, chương chi dĩ luận, cấm chi dĩ hình. Cố dân chi hoá đạo dã như thần, biện thuyết ô dụng hĩ tai! Kim thánh vương một, thiên hạ loạn, gian ngôn khởi, quân tử vô thế dĩ lâm chi, vô hình dĩ cấm chi, cố biện thuyết dã. Thực bất dụ, nhiên hậu mệnh, mệnh bất dụ, nhiên hậu kỳ, kỳ bất dụ, nhiên hậu thuyết, thuyết bất dụ, nhiên hậu biện. Cố kỳ mệnh biện thuyết dã giả, dụng chi đại văn dã, nhi vương nghiệp chi thuỷ dã.»** 凡邪說辟言之離正道而擅作者，無不類於三惑者矣.故明君知其分而不與辨也.夫民易一以道，而不可與共故.故明君臨之以勢，道之以道，申之以命，章之以論，禁之以刑.故民之化道也如神，辨說惡用矣哉!今聖王沒，天下亂，姦言起，君子無勢以臨之，無刑以禁之，故辨說也.實不喻，然後命，命不喻，然後期，期不喻，然後說，說不喻，然後辨.故期命辨說也者，用之大文也，而王業之始也.

[60] ***Luận Ngữ*** **(Thái Bá): «Dân khả sử do chi, bất khả sử tri chi.»** 民可使由之，不可使知之.

CHƯƠNG 13

HÀN PHI TỬ VÀ CÁC PHÁP GIA KHÁC

1. Học thuyết của Pháp gia và xu thế kinh tế chính trị xã hội trong thời đại của họ

Nho, Mặc, Lão, Trang đều có tư tưởng chính trị riêng của họ. Các nhà này tuy tư tưởng bất đồng, nhưng giống nhau ở quan điểm lấy nhân dân làm cơ sở để luận bàn chính trị. Nhưng còn có một nhóm tư tưởng gia chuyên lấy vua hay quốc gia làm cơ sở để luận bàn chính trị. Người đương thời gọi họ là «Pháp thuật chi sĩ» 法術之士(các nhà pháp thuật) mà thiên Cô Phẫn trong *Hàn Phi Tử* có nhắc đến; còn người đời Hán gọi họ là Pháp gia 法家. Học thuyết Pháp gia thịnh hành tại nước Tề và Tam Tấn (Hàn, Ngụy, Triệu).[1] Bởi Tề Hoàn Công 齊桓公 (685-643) và Tấn Văn Công 晉文公 (635-628) đều là bá chủ một thời, nên sự tiến bộ và cải cách chính trị của hai nước này cũng có thành tích đáng kể. Cho nên nhờ xu thế hiện thực chính trị và lý luận hoá bấy giờ mà hình thành một phái tư tưởng chính trị, trong đó người Tề và người Tấn là đông hơn cả.

Hàn Phi Tử

Thời Xuân Thu Chiến Quốc, sự sụp đổ chính trị do quý tộc nắm giữ dẫn đến sự giải phóng quần chúng bình dân và chế độ quân chủ tập quyền. Nền chính trị bấy giờ đi từ chính trị quý tộc đến chính trị quân chủ chuyên chế; từ nhân trị và lễ trị đi đến pháp trị. Dưới chế độ chính trị phong kiến ngày xưa, một nước vốn có diện tích rất hẹp, mà bên trong một nước lại chia ra làm nhiều «gia» (nhà). Trong một nước, giới quý tộc cai trị nhà và nước bằng lễ, còn nông nô chỉ biết phục tòng mệnh lệnh chủ nhân, phục dịch cho họ mà thôi. Quý tộc bấy giờ rất chú trọng

[1] **LAM chú: Đầu thời Chiến Quốc, nước Tấn chia làm ba (sau năm 403 TCN) là Hàn, Ngụy, Triệu (gọi chung là Tam Tấn). Hàn, Ngụy, Triệu cùng các nước Tề, Yên, Sở, Tần tranh hùng, sử gọi bảy nước này là Thất Hùng 七雄. Cuối cùng Tần diệt sáu nước, thống nhất Trung Quốc.**

cái uy nghi cá nhân để gây ấn tượng cho kẻ dưới quyền. Trong *Tả Truyện*, Tương Công 襄公 năm 31 (tức 542 TCN), Vệ Bắc Cung Văn Tử 衛北宮文子 nói: «*Kinh Thi* nói: "Hãy kính trọng và cẩn thận uy nghi, để làm phép tắc cho dân." [...] Có uy đáng sợ mới gọi là uy; có nghi đáng bắt chước mới gọi là nghi. Vua có uy nghi của vua, bầy tôi sợ mà yêu vua, nên bắt chước. Vua như vậy mới có quốc gia, khiến cho danh tiếng để đời. Bầy tôi có uy nghi của bầy tôi, thuộc hạ sợ mà yêu. Cho nên bầy tôi mới giữ được quan chức, bảo vệ được gia tộc. Thuận như thế từ trên xuống dưới; cho nên trên dưới làm vững bền cho nhau.»[2]

Thành Công 成公 năm 13 (tức 578 TCN), Lưu Định Công 劉定公 nói: «Tôi nghe nói người dân nhận lĩnh một thứ trong trời đất mà sinh ra, thứ đó gọi là mệnh. Cho nên có phép tắc về động tác, lễ, nghĩa, uy nghi để xác định mệnh. Người có khả năng nuôi dưỡng các phép tắc ấy thì được phúc. Kẻ bất tài làm hỏng các phép tắc ấy thì mang hoạ. Cho nên quân tử chuyên cần về lễ, tiểu nhân thì tận lực. Chuyên cần về lễ chẳng gì bằng hết sức tôn kính; tận lực chẳng gì bằng chân thành. Tôn kính để dưỡng thần, chân thành ở tại làm tròn bổn phận.»[3]

Cái gọi là quốc gia xã hội bấy giờ có phạm vi quá nhỏ, tổ chức lại đơn giản. Cho nên quan hệ giữa người với người, bất kể là giữa vua với tôi hay giữa địa chủ với nông nô, đều là quan hệ trực tiếp. Vì thế quý tộc đối với quý tộc dùng lễ để duy trì quan hệ cần có; còn quý tộc đối với nông nô thì chỉ cần thị uy cho họ sợ, giống như gió thổi thì cỏ rạp xuống. Đến khi nền chính trị do quý tộc nắm giữ dần đổ nát, thì quân quyền dần được xem trọng, nên các vua cũ của các nước hoặc một hai quý tộc dần tập trung chính quyền vào trung ương của một nước. Mặt khác, nhân dân

---

[2] ***Tả Truyện*: «Thi vân: "Kính thận uy nghi, duy dân chi tắc." [...] Hữu uy nhi khả úy vị chi uy; hữu nghi khả tượng vị chi nghi. Quân hữu quân chi uy nghi, kỳ thần úy nhi ái chi, tắc nhi tượng chi, cố năng hữu kỳ quốc gia, lệnh văn trường thế. Thần hữu thần chi uy nghi, kỳ hạ úy nhi ái chi, cố năng thủ kỳ quan chức, bảo tộc nghi gia. Thuận thị dĩ hạ giai như thị; thị dĩ thượng hạ năng tương cố dã.»** 施云："敬慎威儀，維民之則。"[...]有威儀可畏謂之威；有儀可象謂之儀。君有君之威儀，其臣畏而愛之，則象之，故能有其國家，令聞長世。臣有臣之威儀，其下畏而愛之，故能守其官職，保族宜家。順是以下皆如是；是以上下能相固也。

[3] ***Tả Truyện*: «Ngô văn chi dân thụ thiên địa chi trung dĩ sinh, sở vị mệnh dã. Thị dĩ hữu động tác lễ nghĩa uy nghi chi tắc, dĩ định mệnh dã. Năng giả dưỡng dĩ thủ phúc, bất năng giả bại dĩ thủ hoạ. Thị cố quân tử cần lễ, tiểu nhân tận lực. Cần lễ mạc như trí kính; tận lực mạc như đôn dốc. Kính dĩ dưỡng thần, đốc tại thủ nghiệp.»** 吾聞之民受天地之中以生，所謂命也。是以有動作禮義威儀之則，以定命也。能者養以取福，不能者敗以取禍。是故君子勤禮，小人盡力。勤禮莫如致敬；盡力莫如敦篤。敬以養神，篤在取業。

dần được độc lập tự do, phạm vi quốc gia xã hội dần được nới rộng, tổ chức ngày càng phức tạp, quan hệ giữa người và người cũng trở nên xa cách lạnh nhạt. Do đó phương pháp «lấy người trị người» ngày trước tự nó có khó khăn rắc rối. Vì thế các nước bấy giờ dần dần ban bố pháp luật. Thí dụ như Tử Sản 子產 của nước Trịnh viết bộ sách hình luật (hình thư 刑書) vào năm Tương Công 襄公 30 (tức 543 TCN); nước Tấn khắc hình luật trên đỉnh đồng (hình đỉnh 刑鼎) căn cứ bộ sách hình luật do Phạm Tuyên Tử 范宣子 viết năm Chiêu Công 昭公 29 (tức 513 TCN), v.v... đều là biểu hiện xu thế đó. Chiêu Công 昭公 năm thứ 6 (tức 536 TCN), Thúc Hướng 叔向 gửi thư cho Tử Sản 子產, phản đối việc Tử Sản viết hình thư. (Xin xem lại tiết 5 chương 3). Tử Sản trả lời: «Ta cứu đời đấy.» (Ngô vi cứu thế dã 吾爲救世也). Tức là Tử Sản xem việc viết hình thư là cần thiết. Nước Tấn lập hình đỉnh, Khổng Tử phê bình rằng: «Nước Tấn e rằng phải diệt vong! Họ đã đánh mất pháp độ quốc gia rồi. Nước Tấn lẽ ra phải tuân thủ pháp độ vốn dĩ được truyền xuống từ Đường Thúc, để làm kỷ cương cho dân chúng. Khanh đại phu căn cứ ngôi thứ của mình mà tuân thủ nó. Dân chúng nhân đó mà tôn trọng người quý. Người quý nhờ đó mà có thể bảo vệ gia nghiệp. Người quý và người tiện không có gì sai lầm, đó gọi là pháp độ. [...] Nay phế bỏ pháp độ ấy mà đúc tạo hình đỉnh, dân chúng đều nhìn chữ khắc trên đỉnh, làm sao để họ tôn trọng người quý? Người quý làm sao bảo vệ gia nghiệp? Quý và tiện không có thứ tự, làm sao mà trị nước?»[4]

Lời của Thúc Hướng và Khổng Tử đại biểu cho ý kiến của những kẻ khá thủ cựu bấy giờ. Tuy nhiên, những ý kiến thủ cựu đó không thể thay đổi được xu thế chính trị thực tế bấy giờ, bởi vì xu thế ấy là kết quả của sự thay đổi tổ chức kinh tế và xã hội. Xu thế ấy không thể vì ý kiến của một nhóm người mà dừng lại được.

Ý kiến Khổng Tử đối với nền chính trị bấy giờ tuy là thủ cựu, nhưng ở một phương diện khác, Khổng Tử là một nhân vật mới mẻ bấy giờ. Từ khi Khổng Tử mở ra phong trào du thuyết dạy học, ngày càng có

---

[4] ***Tả Truyện* (Chiêu Công 29): «Tấn kỳ vong hồ! Thất kỳ độ hĩ. Phù Tấn quốc tương thủ Đường Thúc chi sở thụ pháp độ, dĩ kinh vĩ kỳ dân, khanh đại phu dĩ tự thủ chi. Dân thị dĩ năng tôn kỳ quý, quý thị dĩ năng thủ kỳ nghiệp. Quý tiện bất khiên, sở vị độ dã. [...] Kim khí thị độ dã, nhi vi hình đỉnh, dân tại đỉnh hĩ, hà dĩ tôn quý? Quý hà nghiệp chi thủ? Quý tiện vô tự, hà dĩ vi quốc?»** 晉其亡乎!失其度矣.夫晉國將守唐叔之所受法度,以經緯其民,卿大夫以序守之.民是以能尊其貴;貴是以能守其業.貴賤不愆,所謂度也[...]今棄是度也,而爲刑鼎,民在鼎矣,何以尊貴?貴何業之守?貴賤無序,何以爲國?

nhiều kẻ không lo lao động sản xuất mà chỉ lấy du thuyết dạy học để mưu sinh. Như ở trung tâm Tắc Hạ của nước Tề có hằng trăm hằng ngàn người; ngoài ra còn có Mạnh Thường Quân 孟嘗君, Tín Lăng Quân 信陵君 và các công tử, khanh, tướng, mỗi người nuôi hàng ngàn kẻ sĩ làm môn khách. Trong số đó kẻ trà trộn làm môn khách cũng rất nhiều. Bởi giai cấp quý độc đã sụp đổ mà giai cấp kẻ sĩ nổi lên, và đó cũng là kết quả do Nho và Mặc đề xướng việc xem trọng người hiền. Xét từ quan điểm quân chủ hay quốc gia, tầng lớp trí thức thích nghị luận và vô trách nhiệm ấy thật đáng ghét. Trong nhân dân bình thường cũng có kẻ thích gia nhập tầng lớp tân quý tộc không sản xuất mà chỉ tiêu phí. Ai không gia nhập được thì sinh lòng đố kỵ. Cho nên Lão Tử mới nói: «Không trọng người hiền để dân khỏi tranh nhau.» (Bất thượng hiền, sử dân bất tranh 不尚賢使民不爭). Tuân Tử cũng phản đối các cuộc tranh biện giữa các nhà; ông muốn: «Lấy uy thế đối xử với họ, lấy Đạo để dẫn dắt họ, lấy mệnh để ước thúc họ, lấy nghị luận để làm sáng họ, lấy hình phạt để cấm họ.»[5] Lời Lão Tử và lời Tuân Tử tuy có tiền đề riêng, nhưng cả hai đều nêu ra cái tệ nạn của thời đại bấy giờ.

Thương Quân Thư 商君書 nói: «Sau khi trời đất thành lập rồi, dân chúng được sinh ra. Thời bấy giờ, người dân chỉ biết mẹ mà không biết cha. Lối sống của họ là thân thiết với người thân thuộc và yêu thích những gì riêng tư. Thân thiết với người thân thuộc thì cách biệt với người khác, yêu thích những gì riêng tư thì sâu hiểm. Dân chúng trọng cách biệt và sâu hiểm, thì loạn. Thời bấy giờ, dân chúng trọng sự hơn người và lấy bạo lực để khuất phục người. Trọng sự hơn người nên tranh cãi, lấy bạo lực để khuất phục người nên kiện tụng. Kiện tụng mà không có công chính, thì chẳng bên nào hài lòng. Cho nên người tài thiết lập sự trung chính và vô tư, mà dân vui với điều nhân. Thời bấy giờ, sự thân thiết với người thân thuộc bị phế bỏ, sự tôn trọng người tài được thành lập. Kẻ nhân xem tình cảm là trọng, còn người tài xem cạnh tranh nhau là đạo. Dân chúng không bị kiềm chế, còn cạnh tranh nhau lâu ngày, nên loạn. Cho nên thánh nhân dựa theo đó mà tạo sự phân biệt về đất đai, tài sản, nam nữ. Phân định mà không có giới hạn thì không được, nên thiết lập điều cấm. Thiết lập điều cấm rồi mà không có ai quản lý nó thì không được, nên lập ra quan chức. Quan chức được thiết lập rồi mà không có ai thống nhất họ thì không được, nên lập ra vua. Vua đã lập rồi thì sự trọng người tài bị phế bỏ mà sự quý trọng kẻ quý tộc được lập. Do đó, thời thượng cổ dân chúng thân ái người thân thuộc và yêu quý những thứ

[5] *Tuân Tử* (Chính Danh): «Lâm chi dĩ thế, đạo chi dĩ Đạo, thân chi dĩ mệnh, chương chi dĩ luận, cấm chi dĩ hình.» 臨之以勢，道之以道，中之以命，章之以論，禁之以刑

riêng tư, thời trung cổ họ trọng người tài mà vui thích điều nhân, thời gần đây họ quý kẻ quý tộc và tôn trọng quan chức. Trọng người tài thì cạnh tranh nhau; còn lập ra vua thì khiến người tài vô dụng. Thân ái với người thân thuộc thì xem sự riêng tư là đạo; còn trung chính thì khiến sự riêng tư không thi hành. Ba điều ấy không trái ngược nhau. Khi nguyên tắc của dân không phù hợp hoàn cảnh, thì các chuẩn mực giá trị phải đổi; việc đời biến đổi thì nguyên tắc thi hành cũng khác.»[6]

Mặc dù sự phân chia ba thời kỳ trên đây không đúng theo quan điểm nhân loại học và xã hội học, nhưng nó lại đúng với với thời Xuân Thu Chiến Quốc. Đầu thời Xuân Thu là thời kỳ chính trị quý tộc, tức là «thời thượng cổ dân chúng thân ái người thân thuộc và yêu quý những thứ riêng tư». Rồi sau giai cấp bình dân đắc thế, Nho và Mặc xem trọng và sử dụng người tài năng, tức là «thời trung cổ họ trọng người tài mà vui thích điều nhân». Vua hoặc một hai nhà quý tộc trong nước nhờ trọng người tài mà được người tài giúp, nên tước bỏ quyền lực của phe đối lập mà định ngôi vị độc tôn của mình. Nhưng bọn người tài ấy lại tranh hơn thua tài trí với nhau, lâu ngày sinh ra loạn, do đó vua ghét mà hạn chế họ. Cuối thời Chiến Quốc, «họ quý kẻ quý tộc và tôn trọng quan chức». Họ «lập ra vua thì khiến người tài vô dụng», đó là sự phản động của thói quý trọng người tài. Nền chính trị cuối thời Chiến Quốc cứ theo xu thế

[6] ***Thương Quân Thư*** **(Khai Tắc): «Thiên địa thiết nhi dân sinh chi. Đương thử chi thời dã, dân tri kỳ mẫu nhi bất tri kỳ phụ. Kỳ đạo thân thân nhi ái tư. Thân thân tắc biệt, ái tư tắc hiểm, dân chúng nhi dĩ biệt hiểm vi vụ, tắc dân loạn. Đương thử thời dã, dân vụ thắng nhi lực chinh. Vụ thắng tắc tranh, lực chinh tắc tụng, tụng nhi vô chính, tắc mạc đắc kỳ tính dã. Cố hiền giả lập trung chính, thiết vô tư, nhi dân duyệt nhân. Đương thử thời dã, thân thân phế, thượng hiền lập hĩ. Phàm nhân giả dĩ ái vi vụ, nhi hiền giả dĩ tương xuất vi đạo. Dân chúng nhi vô chế, cửu nhi tương xuất vi đạo, tắc hữu loạn. Cố thánh nhân thừa chi, tác vi thổ địa hoá tài nam nữ chi phân. Phân định nhi vô chế, bất khả, cố lập cấm. Cấm lập nhi mạc chi tư, bất khả, cố lập quan. Quan thiết nhi mạc chi nhất, bất khả, cố lập quân. Ký lập quân, tắc thượng hiền phế nhi quý quý lập hĩ. Nhiên tắc thượng thế thân thân nhi ái tư, trung thế thượng hiền nhi duyệt nhân, hạ thế quý quý nhi tôn quan. Thượng hiền giả, dĩ đạo tương xuất dã; nhi lập quân giả, sử hiền vô dụng dã. Thân thân giả, dĩ tư vi đạo dã; nhi trung chính giả, sử tư vô hành dã. Thử tam giả, phi sự tương phản dã. Dân đạo tệ nhi sở trọng dịch dã; thế sự biến nhi hành đạo dị dã.»** 天地設而民生之。當此之時也，民知其母而不知其父。其道親親而愛私。親親則別，愛私則險，民衆而以別險爲務，則民亂。當此時也，民務勝而力征。務勝則爭，力征則訟，訟而無正，則莫得其性也。故賢者立中正，設無私，而民說仁。當此時也，親親廢，上賢立矣。凡仁者以愛爲務，而賢者以相出爲道。民衆而無制，久而相出爲道，則有亂。故聖人承之，作爲土地貨財男女之分。分定而無制，不可，故立禁。禁立而莫之司，不可，故立官。官設而莫之一，不可，故立君。既立君，則上賢廢而貴貴立矣。然則上世親親而愛私，中世上賢而說人，下世貴貴而尊官。上賢者，以道相出也；而立君者，使賢無用也。親親者，以私爲道也；而中正者，使私無行也。此三者，非事相反也，民道弊而所重易也；世事變而行道異也。

đó mà tiến hành.

Do đó, tôn trọng quân quyền và pháp trị, cấm cái học tư nhân trở thành xu thế tự nhiên của nền chính trị thực tế bấy giờ. Cái học của Pháp gia chẳng qua là góp thêm phần lý luận hoá xu thế đó mà thôi. Sự sụp đổ của nền chính trị quý tộc dẫn đến sự tự do cạnh tranh của nhân dân trên lĩnh vực nông nghiệp và thương nghiệp, nên tầng lớp phú hào nổi lên. Đó cũng là xu thế tự nhiên của kinh tế và xã hội đương thời, và Pháp gia cũng dùng lý luận để ủng hộ nó.

2. Quan niệm lịch sử của Pháp gia

Lời lẽ của Pháp gia đều ứng hợp với xu thế kinh tế chính trị xã hội bấy giờ. Xu thế bấy giờ là biến đổi cái cũ, Pháp gia cũng ủng hộ việc biến đổi cái cũ. Lập luận của Pháp gia là quét sạch thói quen vin vào chế độ xưa để lập ngôn, một thói có từ Khổng Tử cho đến các triết gia về sau. *Thương Quân Thư* viết: «Đời xưa với đời nay không cùng giáo lý, bắt chước xưa mà làm gì? Đế vương không sao chép nhau, theo lễ mà làm gì? Phục Hi, Thần Nông giáo hoá mà không trừng phạt. Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn trừng phạt mà không giận dữ. Cho đến Văn Vương và Vũ Vương mỗi thời mỗi lập pháp; tuỳ sự việc mà đặt ra lễ. Lễ pháp tuỳ thời mà xác định; mệnh lệnh thuận theo lẽ phải. Vũ khí, áo giáp, dụng cụ trang bị tuỳ theo sự tiện dụng thực tế. Cho nên hạ thần xin thưa rằng: Phép cai trị đời đâu phải chỉ có một cách, do đó cai trị quốc không cần bắt chước xưa. Thang và Vũ làm vua, không theo xưa mà nước hưng thịnh. Thương và Hạ diệt vong, không thay đổi lễ mà mất nước. Cho nên kẻ không theo xưa chắc gì đã sai; kẻ theo lễ chắc gì đã đúng.»[7]

Hàn Phi Tử nói: «Nay nếu có kẻ ở thời Hạ Hậu mà bắt chước cách lấy cây làm tổ và dùi cây lấy lửa của đời trước thì ắt bị ông Cổn và ông Vũ chê cười; kẻ ở đời Ân đời Chu mà bắt chước cách đào sông của đời trước thì ắt bị vua Thang và vua Vũ chê cười. Vậy có kẻ đang ở đời nay

[7] *Thương Quân Thư* (Canh Pháp): «Tiền thế bất đồng giáo, hà cổ chi pháp? Đế vương bất tương phục, hà lễ chi tuẫn? Phục Hi, Thần Nông giáo nhi bất trừ. Hoàng Đế, Nghiêu, Thuấn trừ nhi bất nộ. Cập chí Văn, Vũ các đương thời nhi lập pháp, nhân sự nhi chế lễ. Lễ pháp dĩ thời nhi định, chế lệnh các thuận kỳ nghi. Binh giáp khí bị, các tiện kỳ dụng. Thần cố viết: trị thế bất nhất đạo. Tiện quốc bất tất pháp cổ. Thang Vũ chi vương dã, bất tuẫn cổ nhi hưng. Thương Hạ chi diệt dã, bất dịch lễ nhi vong. Nhiên tắc phản cổ giả vị tất khả phi, tuẫn lễ giả vị túc đa thị dã.» 前世不同教，何古之法？帝王不相復，何禮之循？伏羲神農教而不誅，黃帝堯舜誅而不怒。及至文武各當時而立法，因事而制禮。禮法以時而定，制令各順其宜。兵甲器備，各便用。臣故曰：治世不一道，便國不必法古。湯武之王也，不循古而興。商夏之滅也，不易禮而亡。然則反古者未必可非，循禮者未足多是也。

mà khen đạo của Nghiêu, Thuấn, Thang, Vũ, Vũ thì ắt bị thánh nhân mới mẻ của đời nay chê cười. Cho nên thánh nhân không mong tu sửa theo xưa, không bắt chước phép tắc bất biến, luận bàn thế sự thì dựa vào tình hình cụ thể của đời mình mà chuẩn bị thi hành. Có một người nước Tống làm ruộng, giữa ruộng có một thân cây. Có một con thỏ chạy đến húc vào thân cây gãy cổ chết. Anh ta bèn quăng cày, ôm lấy thân cây, mong lại có một con thỏ khác húc vào thân cây nữa. Đã không bắt được thỏ nữa, mà anh ta còn bị người nước Tống chê cười. Ngày nay những kẻ muốn lấy chính sách của các vua đời xưa mà cai trị dân chúng đời nay, thì khác nào kẻ ôm cây đợi thỏ ấy. [...] Cho nên luận sự việc phải dựa vào đời nay, và sự chuẩn bị biện pháp phải thích hợp với sự việc.»[8]

Thời thế thường biến đổi, các chế độ chính trị và xã hội cũng phải tuỳ theo đó mà thay đổi. Lý lẽ ấy, một số Đạo gia cũng từng nói đến, nhưng Pháp gia vì xu thế chính trị cụ thể bấy giờ mà cung cấp thêm một cơ sở lý luận. Họ phản bác luận điệu của những kẻ thủ cựu bấy giờ, và phần nhiều đã căn cứ vào quan niệm lịch sử đó.

3. Ba phái Pháp gia

Pháp gia có ba phái: *Trọng thế* 重勢; *trọng thuật* 重術; *trọng pháp* 重法. Thận Đáo 愼到 trọng thế. Hàn Phi Tử đã dẫn lời Thận Đáo rằng: «Rồng bay cưỡi mây, rắn lượn trong sương mù. Mây tan, mù tạnh, thì rồng và rắn khác gì con sâu cái kiến vì mất thế dựa. Người hiền bị kẻ hư hỏng khuất phục, là do quyền mình ít và địa vị mình thấp. Kẻ hư hỏng mà khuất phục được người hiền, là do quyền nó nhiều và địa vị nó cao. Nghiêu là kẻ thất phu thì không thể trị nổi ba người, mà Kiệt là thiên tử thì có thể làm loạn thiên hạ. Tôi từ đó biết rằng quyền thế và địa vị đủ để trông cậy, còn hiền tài và mưu trí thì không đủ để ái mộ. Cái cung nỏ

---

[8] *Hàn Phi Tử* (Ngũ Đố): «Kim hữu cấu mộc toàn toại ư Hạ Hậu thị chi thế giả, tất vi Cổn, Vũ tiếu hĩ. Hữu quyết độc ư Ân, Chu chi thế giả, tất vi Thang, Vũ tiếu hĩ. Nhiên tắc kim hữu mỹ Nghiêu, Thuấn, Thang, Vũ, Vũ chi đạo ư đương kim chi thế giả, tất vi tân thánh tiếu hĩ. Thị đĩ thánh nhân bất kỳ tu cổ, bất pháp thường khả, luận thế chi sự, nhân vi chi bị. Tống nhân hữu canh điền giả, điền trung hữu chu, thố tẩu, xúc chu chiết cảnh nhi tử, nhân thích kỳ lỗi nhi thủ chu, ký phục đắc thố, thố bất khả phục đắc, nhi thân vi Tống quốc tiếu. Kim dục dĩ tiên vương chi chính, trị đương thế chi dân, giai thủ chu chi loại dã. [...] Cố sự nhân ư thế, nhi bị thích ư sự.» 今有構木鑽燧於夏后氏之世者，必爲鯀禹笑矣．有決瀆於殷周之世者，必爲湯武笑之．然則今有美堯舜湯武禹之道於當今之世者，必爲新聖笑矣．是以聖人不期修古，不法常可，論世之事，因爲之備．宋人有耕田者，田中有株，兔走，觸株折頸而死．因釋其耒而守株，既復得兔，兔不可復得，而身爲宋國笑．今欲以先王之正，治當世之民，皆守株之類也[...]故事因於世，而備適於事．

yếu mà mũi tên bay cao là nhờ sức gió tác động vào. Thân ta hư hỏng nhưng mệnh lệnh của ta được thi hành là nhờ đám đông giúp. Khi Nghiêu còn là thuộc hạ, ông dạy dân thì dân không nghe; đến khi ông ngoảnh mặt hướng nam làm vua thiên hạ, hễ ban lệnh thì dân thi hành, hễ cấm thì dân ngưng. Do đấy mà xét, hiền tài và mưu trí chưa đủ khuất phục dân chúng, nhưng quyền thế và địa vị thì đủ để khuất phục người hiền.»[9]

Quản Tử nói: «Nếu có vua thông minh ở ngôi cao là bậc có quyền thế cai trị, ắt quần thần không dám làm quấy. Cho nên quần thần không dám lừa vua, chẳng phải là yêu vua, mà là sợ uy thế của vua. Trăm họ tranh nhau phục vụ vua, chẳng phải là yêu vua, mà là sợ pháp lệnh của vua. Cho nên vua thông minh nắm được sự tất thắng, đem ra cai trị thì dân phục vụ, đem ra cư xử thì uy thế được tôn trọng, đem ra ấn định chính sách thì quần thần tuân phục. Vì thế hễ ra lệnh thì thần dân thi hành, hễ cấm thì thần dân ngưng; tức vua tôn quý và thần dân hèn mọn. Do đó thiên Minh Pháp (của sách *Quản Tử*) nói: "Vua tôn quý và thần dân hèn mọn; vua không mưu tính để thân với dân, mà dùng quyền thế để thắng họ."»[10]

Lời ấy trong *Quản Tử*, cho dù không phải là thuyết của Thận Đáo, thì cũng nói lên sự trọng thế. Như thế nó cũng cùng quan điểm của phái Thận Đáo, cho rằng vua một nước phải có uy thế thì mới có thể sai khiến

---

[9] ***Hàn Phi Tử*** **(Nan Thế): «Phi long thừa vân, đằng xà du vụ. Vân bãi vụ tễ, nhi long xà dữ dẫn nghĩ đồng hĩ, tắc thất kỳ sở thừa dã. Hiền nhân nhi truất ư bất tiếu giả, tắc quyền khinh vị ti dã. Bất tiếu nhi năng phục ư hiền giả, tắc quyền trọng vị tôn dã. Nghiêu vi thất phu, bất năng trị tam nhân. Nhi Kiệt vi thiên tử, năng loạn thiên hạ. Ngô dĩ thử tri thế vị chi túc thị, nhi hiền trí chi bất túc mộ dã. Phù nỗ nhược nhi thỉ cao giả, kích ư phong dã. Thân bất tiếu nhi lệnh hành giả, đắc trợ ư chúng dã. Nghiêu giáo ư lệ thuộc nhi dân bất thính; chí ư nam diện nhi vương thiên hạ, lệnh tắc hành, cấm tắc chỉ. Do thử quan chi, hiền trí vị túc dĩ phục chúng, nhi thế vị túc dĩ truất hiền giả dã.»** 飛龍乘雲騰蛇遊霧.雲罷霧霽,而龍蛇與螾蟻同矣,則失其所乘也.賢人而詘於不肖者,則權輕位卑也.不肖而能服於賢者,則權重位尊也.堯爲匹夫,不能治三人.而桀爲天子,能亂天下.吾以此知勢位之足恃,而賢智之不足慕也.夫弩弱而矢高者,激於風也.身不肖而令行者,得助於衆也.堯教於隸屬而民不聽;至於南面而王天下,令則行,禁則止.由此觀之,賢智未足以服衆,而勢位足以詘賢者也.

[10] ***Quản Tử*** **(Minh Pháp Giải): «Minh chủ tại thượng vị, hữu tất trị chi thế, tắc quần thần bất cảm vi phi. Thị cố quần thần chi bất cảm khi chủ giả, phi dĩ ái chủ dã, dĩ uý chủ chi uy thế dã. Bách tính chi tranh dụng, phi dĩ ái chủ dã, dĩ uý chủ chi pháp lệnh dã. Cố minh chủ thao tất thắng chi số, dĩ trị tất dụng chi dân; xử tất tôn chi thế, dĩ chế tất phục chi thần. Cố lệnh hành cấm chỉ, chủ tôn nhi thần ti. Cố Minh Pháp viết: "Tôn quân ti thần, phi kế thân dã, dĩ thế thắng dã."»** 明主在上位,有必治之勢,則群臣不敢爲非.是故群臣之不敢欺主者,非以愛主也,以畏主之威勢也.百姓之爭用,非以愛主者,以畏主之法令也.故明主操必勝之數,以治必用之民;處必尊之勢,以制必服之臣.故令行禁止,主尊而臣卑.故明法曰:"尊君卑臣,非計親也,以勢勝也".

được dân.

Thủ lĩnh phái *trọng thuật* (xem trọng thuật cai trị) là Thân Bất Hại 申不害 (làm tướng nước Hàn năm 351 TCN, mất năm 337 TCN). Thủ lĩnh phái *trọng pháp* (xem trọng pháp luật) là Thương Ưởng 商鞅 (mất năm 338 TCN).[11] Hàn Phi Tử nói: «Có người hỏi: "Giữa Thân Bất Hại và Công Tôn Ưởng, lời của ai cần gấp cho nước hơn?" Đáp: "Không thể nói được. Người không ăn thì mười ngày sẽ chết. Trời rét lớn, không mặc áo thì cũng chết. Hỏi ăn và mặc cái nào cần hơn, thì không thể thiếu một trong hai, vì chúng đều là thứ nuôi sống. Nay Thân Bất Hại nói thuật cai trị, Công Tôn Ưởng nói pháp luật. Thuật cai trị là căn cứ trách nhiệm mà giao chức quan, tuỳ tên gọi mà yêu cầu sự thực, nắm quyền sinh sát, hiểu rõ năng lực của bầy tôi. Đó là điều vua nắm lấy. Pháp luật là mệnh lệnh ban bố rõ nơi cửa quan, hình phạt tất ở lòng dân, thưởng kẻ cẩn thận giữ pháp luật, phạt kẻ làm trái lệnh. Đó là điều bầy tôi noi theo. Vua không có thuật cai trị tức là hư nát ở trên, bầy tôi không có pháp luật tức là loạn ở dưới. Thuật và pháp không thể thiếu một; chúng đều là công cụ

[11] **LAM chú: Theo *Sử Ký* (Lão Trang Thân Hàn Liệt Truyện), Thân Bất Hại là người đất Kinh 京, nguyên là một quan nhỏ của nước Trịnh, được Hàn Chiêu Hầu 韓昭侯 trọng dụng làm tướng quốc. Thân Bất Hại làm tướng của nước Hàn suốt 15 năm cho đến khi mất, giúp nước này hùng cường và yên bình, không nước nào dám xâm lược. Cũng theo *Sử Ký* (Thương Quân Ưởng Liệt Truyện), Thương Ưởng vốn là một công tử của nước Vệ, họ là Công Tôn, tên là Ưởng. Ông vốn thích pháp luật, đi theo tướng Công Thúc Toa 公叔痤 của nước Ngụy. Trước khi mất, Công Thúc Toa biết Ưởng là nhân tài nên tiến cử Ưởng với Ngụy Huệ Vương 魏惠王 và dặn nếu không dùng thì giết đi, nhưng Huệ Vương xem thường Ưởng, không dùng mà cũng không giết Ưởng (về sau Huệ Vương hối hận về việc này). Công Thúc Toa mất, bấy giờ ở Tần Hiếu Công 秦孝公 chiêu hiền đãi sĩ để nối nghiệp bá của Tần Mục [Mậu] Công 秦繆公 ngày trước. Công Tôn Ưởng bèn đi sang nước Tần, nhờ Cảnh Giám 景監 giới thiệu với Hiếu Công. Ưởng thuyết đế đạo và vương đạo thì Hiếu Công chán, đến khi thuyết bá đạo thì Hiếu Công thích chí, nên dùng Ưởng làm tướng. Ưởng 10 năm làm tướng cho Tần Hiếu Công, ấn định chính sách làm nước giàu mạnh trên cơ sở pháp lệnh nghiêm minh. Sau khi Ưởng đánh thắng quân Ngụy, được phong 15 ấp ở đất Ư 於 và đất Thương 商, hiệu là Thương Quân 商君. Pháp lệnh Thương Ưởng ban hành quá nghiêm khiến giới quý tộc và đại thần oán hận. Sau khi Tần Hiếu Công mất, Thương Ưởng bị Tần Huệ Vương 秦惠王 giết, ngũ mã phân thây (năm 338 TCN).**

của đế vương vậy.»[12]

Thuật là cách vua dùng để chế ngự bầy tôi; pháp là lệnh mà bầy tôi phải tuân theo. Lời của Thân Bất Hại và Thương Ưởng có sự chú trọng khác nhau.

4. Ba phái Pháp gia và Hàn Phi

Người tổng hợp ba phái Pháp gia, rồi thêm Lão học và Tuân học làm căn cứ, để lập nên học thuyết của một nhà, đó là Hàn Phi. Ông mất vào năm Tần Thuỷ Hoàng thứ 14 (tức năm 233 TCN) tại nước Tần. *Sử Ký* chép: «Hàn Phi là công tử nước Hàn, thích cái học hình danh và pháp thuật, nhưng gốc của học thuyết là ở Hoàng Đế và Lão Tử. Phi nói ngọng, không thể giảng thuyết, nhưng giỏi viết sách. Phi và Lý Tư cùng học ở Tuân Khanh. Lý Tư tự cho mình kém Hàn Phi. Phi thấy nước Hàn suy yếu, mấy lần dâng thư can gián vua Hàn. Vua Hàn không dùng. Do đó Hàn Phi ghét kẻ trị quốc không chăm tu sửa cho pháp chế rõ ràng, mà cứ dùng uy thế của mình để chế ngự bầy tôi; không làm cho nước giàu binh mạnh bằng cách tìm dùng hiền tài, mà trái lại cứ dùng bọn sâu mọt dâm loạn và tham nhũng, đặt chúng ở địa vị cao hơn người có công lao và thực tài. [...] Hàn Phi xem xét sự biến đổi được mất của các nước trong quá khứ mà viết các thiên Cô Phẫn, Ngũ Đố, Nội Ngoại Trữ Thuyết, Thuyết

---

[12] ***Hàn Phi Tử* (Định Pháp): «Vấn giả viết: "Thân Bất Hại, Công Tôn Ưởng, thử nhị gia chi ngôn thục cấp ư quốc?" Ưng chi viết: "Thị bất khả trình dã. Nhân bất thực, thập nhật tắc tử. Đại hàn chi long, bất ý diệc tử. Vị chi y thực thục cấp ư nhân, tắc thị bất khả nhất vô dã, giai dưỡng sinh chi cụ dã. Kim Thân Bất Hại ngôn thuật, nhi Công Tôn Ưởng vi pháp. Thuật giả, nhân nhiệm nhi thụ quan, tuần danh nhi trách thực, thao sát sinh chi bính, khoá quần thần chi năng giả dã. Thử nhân chủ chi sở chấp dã. Pháp giả, hiến lệnh trứ ư quan phủ, hình phạt tất ư dân tâm, thưởng tồn hồ thận pháp, nhi phạt gia hồ gian lệnh giả dã. Thử thần chi sở sư dã. Quân vô thuật tắc tệ ư thượng, thần vô pháp tắc loạn ư hạ. Thử bất khả nhất vô, giai đế vương chi cụ dã."»** 問者曰："申不害，公孫鞅，此二家之言孰急於國？"應之曰："是不可程也．人不食，十日則死．大寒之隆，不衣亦死．謂之衣食孰急於人，則是不可一無也，皆養生之具也．今申不害言術而公孫鞅爲法．術者，因任而授官，循名而責實，操殺生之柄，課群臣之能者也．此人主之所執也．法者，憲令著於官府，刑罰必於民心，賞存乎愼法，而罰加乎姦令者也．此臣之所師也．君無術則弊於上，臣無法則亂於下．此不可一無，皆帝王之具也".

Lâm, Thuyết Nan, cả thảy hơn mười vạn chữ.»[13]

Hàn Phi xem *thế, thuật, pháp* đều là công cụ của đế vương, không thể bỏ đi cái nào, nên nói: «Uy thế là cái để thắng mọi người. [...] Cho nên bậc vua sáng suốt thi hành pháp chế thì tài như trời, và dùng người thì giỏi như quỷ. Trời ắt không sai trái, quỷ ắt không nguy khốn. Uy thế được thi hành và giáo hoá nghiêm, thì dù ai có nghĩ ngược lại cũng không vi phạm. [...] Sau đó mới thi hành pháp luật một cách thống nhất được.»[14]

«Bậc vua sáng suốt thi hành pháp chế thì tài như trời» ý nói cứ theo pháp luật mà thi hành. chí công vô tư. «Dùng người thì giỏi như quỷ» ý nói chế ngự người thì có thuật, sâu kín không thể dò, lấy uy thưởng phạt, thi hành pháp luật một cách thống nhất. Cùng sử dụng *thế, thuật, pháp* thì nước ắt phải yên bình.

5. Sự trọng yếu của pháp luật

Từ thời Xuân Thu đến thời Chiến Quốc, người ta càng ngày càng cần đến pháp luật, mà nguyên nhân thì ở trên tôi đã nói rõ. Pháp gia lại góp thêm lý luận để thuyết minh sự trọng yếu của pháp luật. Quản Tử nói: «Bậc minh chủ phải thống nhất hệ thống đo lường, lập các tiêu chuẩn, và giữ vững chúng. Do đó, hễ lệnh ban ra thì dân theo. Luật pháp là khuôn mẫu của thiên hạ, là chuẩn mực của muôn sự. Quan lại là những kẻ mà dân treo sinh mệnh của họ vào (tức quan lại có quyền sinh sát đối với dân). Cho nên khi minh chủ cai trị, hễ ai làm theo pháp luật thì được thưởng, hễ ai phạm pháp thì bị trừng trị. Vì thế, căn cứ pháp luật

---

[13] *Sử Ký* (Lão Trang Thân Hàn Liệt Truyện): «Hàn Phi giả, Hàn chi chư công tử dã. Hĩ hình danh pháp thuật chi học, nhi kỳ quy bản ư Hoàng Lão. Phi vi nhân khẩu ngật, bất năng đạo thuyết, nhi thiện trứ thư. Dữ Lý Tư câu sự Tuân Khanh, Tư tự dĩ vi bất như Phi. Phi kiến Hàn chi tước nhược, sổ dĩ thư gián Hàn Vương. Hàn Vương bất năng dụng. Ư thị Hàn Phi tật trị quốc bất vụ tu minh kỳ pháp chế, chấp thế dĩ dĩ ngự kỳ thần hạ, phú quốc cường binh, nhi dĩ cầu nhân nhiệm hiền, phản cử phù đâm chi đố, nhi gia chi ư công thực chi thượng. [...] Quan văng giả đắc thất chi biến, cố tác Cô Phẫn, Ngũ Đố, Nội Ngoại Trữ Thuyết, Thuyết Lâm, Thuyết Nan, thập dư vạn ngôn.» 韓非者，韓之諸公子也．喜刑名法術之學而其歸本於黃老．非爲人口吃不能道說而善著書．與李斯俱事荀卿，斯自以爲不如非．非見韓之削弱數以書諫韓王．韓王不能用．於是韓非疾治國不務修明其法制，執勢以御其臣下，富國強兵，而以求人任賢，反舉浮淫之蠹而加之於功實之上[...] 觀往者得失之變，故作孤憤，五蠹，內外儲說，說林，說難，十餘萬言．

[14] *Hàn Phi Tử* (Bát Kinh): «Thế giả, thắng chúng chi tư dã. [...] Cố minh chủ chi hành chế dã thiên, kỳ dụng nhân dã quỷ. Thiên tắc bất phi, quỷ tắc bất khốn, thế hành giáo nghiêm, nghịch nhi bất vi. [...] Nhiên hậu nhất hành kỳ pháp.» 勢者，勝衆之資也[...] 故明主之行制也天，其用人也鬼．天則不非，鬼則不困，勢行教嚴，逆而不違[...] 然後一行其法．

mà trừng trị thì dân bị tội chết cũng không oán; căn cứ pháp luật mà xem xét công trạng thì dân được thưởng nhưng họ không tự xem mình có đức. Đó là căn cứ vào pháp luật mà thưởng công. Cho nên thiên Minh Pháp (trong *Quản Tử*) nói: "Lấy pháp luật trị nước, mọi việc cứ theo đó mà làm." Bậc minh chủ có qui định về pháp độ, thì bầy tôi sẽ làm việc nghiêm túc, không dám càn quấy. Trăm họ biết vua căn cứ pháp luật mà hành sự, nên khi quan lại dùng pháp luật mà sai khiến dân thì dân theo; nếu quan lại không dùng luật pháp, thì dân không theo. Dân căn cứ pháp luật để giám sát quan lại; kẻ dưới căn cứ pháp luật để cùng làm việc với người trên. Cho nên kẻ gian xảo không lừa được chủ; kẻ ganh ghét đố kỵ không thực hiện được tâm địa độc ác; kẻ dua nịnh không thi thố được mưu xảo; nơi xa xôi ngoài ngàn dặm không ai dám càn quấy. Cho nên thiên Minh Pháp nói: "Hễ có các qui chế dựa trên pháp luật và tiêu chuẩn, không ai có thể xảo quyệt mà lừa đảo.»[15]

Hàn Phi Tử nói: «Bỏ pháp luật và thuật cai trị mà lấy tâm để cai trị thì Nghiêu không thể chỉnh đốn một nước. Bỏ qui củ (ê-ke và com-pa) mà tuỳ ý đo lường thì Hề Trọng (quan chế tạo xe của Hạ Vũ) không thể làm xong một bánh xe. Bỏ thước tấc mà làm sai lệch dài ngắn thì [thợ giỏi] Vương Nhĩ không thể đo trúng được phân nửa. Nếu một ông vua tài cán trung bình nắm giữ pháp luật và thuật cai trị; và nếu một người khợ vụng nắm giữ qui củ và thước tấc, ắt muôn việc sẽ không sai sót. Kẻ làm

---

[15] ***Quản Tử* (Minh Pháp Giải): «Minh chủ giả, nhất độ lượng, lập biểu nghi, nhi kiên thủ chi. Cố lệnh hạ nhi dân tòng. Pháp giả, thiên hạ chi trình thức dã, vạn sự chi nghi biểu dã. Lại giả, dân chi sở huyền mệnh dã. Cố minh chủ chi trị dã, đương ư pháp giả thưởng chi, vi ư pháp giả tru chi. Cố dĩ pháp tru tội, tắc dân tựu tử nhi bất oán. Dĩ pháp lượng công, tắc dân thụ thưởng nhi vô đức dã. Thử dĩ pháp cử thác chi công dã. Cố Minh Pháp viết: "Dĩ pháp trị quốc, tắc cử thác nhi đĩ." Minh chủ giả, hữu pháp độ chi chế, cố quần thần giai xuất ư phương chính chi trị, nhi bất cảm vi gian. Bách tính tri chủ chi tòng sự ư pháp dã, cố lại chi sở sử giả hữu pháp, tắc dân tòng chi; vô pháp, tắc chỉ. Dân dĩ pháp dữ lại tương cự, hạ dĩ pháp dữ thượng tòng sự. Cố trá ngụy chi nhân bất đắc khi kỳ chủ, tật đố chi nhân bất đắc dụng kỳ tặc tâm, sàm du chi nhân bất đắc thi kỳ xảo, thiên lý chi ngoại, bất cảm thiện vi phi. Cố Minh Pháp viết: "Hữu pháp độ chi chế giả, bất khả xảo đĩ trá ngụy."»** 明主者一度量立表儀而堅守之.故令下而民從.法者天下之程式也,萬事之儀表也.吏者民之所懸命也.故明主之治也當於法者賞之,違於法者誅之.故以法誅罪,則民就死而不怨.以法量功,則民受賞而無德也.此以法舉錯之功也.故明法曰:"以法治國則舉錯而已."明主者有法度之制,故群臣皆出於方正之治而不敢爲姦.百姓知主之從事於法也,故吏之所使者有法則民從之;無法則止.民以法與吏相距,下以法與上從事.故詐僞之人不得欺其主,嫉妒之人不得用其賊心,讒諛之人不得施其巧,千里之外,不敢擅爲非.故明法曰:"有法度之制者不可巧以詐僞."

vua thiên hạ nếu có thể vất bỏ cái mà thợ giỏi không làm được và giữ cái mà thợ vụng có thể làm được, thì nhân lực sẽ được dùng hết và công danh sẽ được tạo lập.»[16]

Hàn Phi Tử lại nói: «Pháp luật được biên soạn ở sách vở, bày ra nơi cửa quan, và ban bố cho trăm họ.»[17]

Bậc vua sáng (minh chủ) đặt ra pháp luật để trị nước, hễ pháp luật hoàn thành thì công bố nó, khiến người trong nước đều phải tuân giữ. Còn bậc vua sáng có hành động gì cũng phải lấy pháp luật làm qui củ mực thước. Có qui củ mực thước rồi, về sau một ông vua kế vị dù tầm thường nhưng cứ noi theo qui củ mực thước ấy thì cũng đủ làm cho nước thịnh trị.

Pháp luật đã thành lập, thì vua và bầy tôi trên dưới đều phải tuân giữ, không thể lấy ý riêng mà sửa đổi nó. Quản Tử nói: «Hễ pháp luật của một nước mà không thống nhất, thì kẻ có nước (tức nhà vua) sẽ bị điều dữ. [...] Cho nên nói: pháp luật không thể không cố định. Nước còn, mất, yên, loạn đều từ đó mà ra; vua thánh dùng nó như là tiêu chuẩn lớn của thiên hạ. [...] Vạn vật và trăm việc nếu không nằm trong phạm vi của pháp luật thì không thể hoạt động được. Cho nên pháp luật là nguyên tắc tối cao của thiên hạ, là sự vận dụng thực tế của vua thánh. [...] Có ba thứ: tạo ra pháp luật, nắm giữ pháp luật, và tuân theo pháp luật. Vua tạo ra pháp luật; quan lại nắm giữ pháp luật, và dân chúng tuân theo pháp luật. Vua và bầy tôi, trên dưới, quý tiện, đều noi theo pháp luật thì đó

---

[16] ***Hàn Phi Tử*** **(Dụng Nhân): «Thích pháp thuật nhi tâm trị, Nghiêu bất năng chính nhất quốc. Khử qui củ nhi vọng ý độ, Hề Trọng bất năng thành nhất luân. Phế xích thốn nhi sai đoản trường, Vương Nhĩ bất năng bán trúng. Sử trung chủ thủ pháp thuật, chuyết tượng thủ qui củ xích thốn, tắc vạn bất thất hĩ. Quân nhân giả, năng khử hiền xảo chi sở bất năng, thủ trung chuyết chi sở vạn bất thất, tắc nhân lực tận nhi công danh lập.»** 釋法術而心治,堯不能正一國.去規矩而妄意度奚仲不能成一輪.廢尺寸而差短長,王爾不能半中.使中主守法術,拙匠守規矩尺寸,則萬不失矣.君人者能去賢巧之所不能,守中拙之所萬不失,則人力盡而功名立.

[17] ***Hàn Phi Tử*** **(Nan Tam): «Pháp giả, biên trứ chi đồ tịch, thiết chi ư quan phủ, nhi bố chi ư bách tính giả dã.»** 法者編著之圖籍,設之於官府,而布之於百姓者也.

gọi là *đại trị* (vô cùng bình yên).»[18]

Hàn Phi Tử nói: «Cho nên bậc vua sáng khiến cho bầy tôi không theo ý riêng mà vượt ra ngoài khuôn khổ của pháp luật, không thi hành ân huệ trong phạm vi của pháp luật, và không hành động phi pháp.»[19]

Hàn Phi Tử lại nói: «Tuy vua sử dụng người nhưng cũng phải đánh giá họ theo tiêu chuẩn, và lấy pháp luật để tham khảo. Nếu sự việc phù hợp pháp luật thì tiến hành, nếu trái pháp luật thì ngưng.»[20]

«Vua và bầy tôi, trên dưới, quý tiện, đều noi theo pháp luật thì đó gọi là *đại trị*.» Đó là lý tưởng tối cao của Pháp gia, nhưng trong lịch sử Trung Quốc nó chưa từng được thực hiện.

Pháp luật đã thành lập rồi thì «vua và bầy tôi, trên dưới, quý tiện, đều noi theo pháp luật». Mọi học thuyết của tư nhân đều không được phép nghị luận pháp lệnh, tức là phải cấm chỉ họ. Hàn Phi Tử nói: «Có người hỏi: "Biện luận từ đâu sinh ra?" Đáp: "Do người trên không sáng suốt mà sinh ra." Vấn giả viết: "Tại sao do người trên không sáng suốt mà sinh ra?" Đáp: "Trong nước của bậc vua sáng thì mệnh lệnh là lời nói quý nhất; còn pháp luật là cái thích hợp nhất. Hai lời trái nghịch

---

[18] *Quản Tử* (Nhiệm Pháp): «Quốc pháp bất nhất, tắc hữu quốc giả bất tường. [...] Cố viết: pháp giả, bất khả [bất] hằng dã. Tồn vong trị loạn chi sở tòng xuất, thánh quân sở dĩ vi thiên hạ đại nghi dã. [...] Vạn vật bách sự phi tại pháp chi trung giả bất năng động dã; cố pháp giả thiên hạ chi chí đạo dã, thánh quân chi thực dụng dã. [...] Hữu sinh pháp, hữu thủ pháp, hữu pháp ư pháp. Phù sinh pháp giả quân dã, thủ pháp giả thần dã, pháp ư pháp giả dân dã, quân thần thượng hạ quý tiện giai tòng pháp, thử vị vi đại trị.» 國法不一則有國者不祥[...]故曰:法者不可(不)恆也,存亡治亂之所從出,聖君所以爲天下大儀也[...]萬物百事非在法之中者不能動也;故法者天下之至道也,聖君之實用也[...]有生法,有守法,有法於法.夫生法者君也,守法者臣也,法於法者民也,君臣上下貴賤皆從法,此謂爲大治.- Phùng Hữu Lan chú: «An Tĩnh Hành 安井衡 nói: Trước chữ *hằng* 恆 bị mất chữ *bất* 不.» - LAM chú: Tôi chèn thêm chữ *bất* 不 vào nguyên văn và đặt trong dấu ngoặc (不). Phùng Hữu Lan trích dẫn không có chữ *quốc* 國: «Pháp bất nhất, tắc hữu quốc giả bất tường.» Nhưng trong nguyên bản *Quản Tử*, câu này là: «Chu Thư viết: Quốc pháp bất nhất, tắc hữu quốc giả bất tường.» 周書曰:國法不一則有國者不祥. Cho nên tôi chép thêm chữ *quốc*.

[19] *Hàn Phi Tử* (Hữu Độ): «Cố minh chủ sử kỳ quần thần bất du ý ư pháp chi ngoại, bất vi huệ ư pháp chi nội, động vô phi pháp.» 故明主使其群臣不遊意於法之外,不爲惠於法之內,動無非法.

[20] *Hàn Phi Tử* (Nan Nhị): «Nhân chủ tuy sử nhân tất dĩ độ lượng chuẩn chi, dĩ hình danh tham chi. Dĩ sự ngộ ư pháp tắc hành, bất ngộ ư pháp tắc chỉ.» 人主雖使人必以度量準之,以刑名參之.以事遇於法則行,不遇於法則止.

không thể cùng quý; hai điều luật trái ngược không thể cùng thích hợp. Vì thế hễ lời nói và hành vi không theo pháp lệnh thì phải cấm. Nếu có kẻ nào bất chấp pháp lệnh mà xảo trá ứng biến hoàn cảnh để kiếm lợi, thì người cai trị phải buộc kẻ ấy chịu trách nhiệm về lời nói của hắn. Nếu hắn nói đúng thì được thưởng, nếu hắn nói bậy thì phải bị phạt tội nặng. Như vậy bọn ngu dốt sợ tội mà không dám nói linh tinh, còn kẻ trí thức sẽ không tranh cãi gì cả. Đó là cách trừ bỏ nguyên nhân sinh ra biện luận. Nhưng đời loạn thì không như thế. Hễ vua ban lệnh thì dân chúng dùng văn học để chê bai. Cửa quan có pháp luật mà dân chúng cứ hành động theo ý riêng. Vua xem nhẹ pháp lệnh của mình mà tôn trọng tài trí của bọn học giả. Do đó đời có nhiều kẻ đua đòi văn học. [...] Vì vậy bọn Nho sĩ và bọn mang kiếm thì nhiều, mà người cày cấy và chiến sĩ thì ít. Khi xuất hiện lời lẽ "cứng-trắng" (kiên bạch) và "không dày" (vô hậu) [của bọn ngụy biện] thì luật pháp và mệnh lệnh chấm dứt. Cho nên nói: Kẻ ở trên không sáng suốt thì dân chúng sinh ra biện luận.»[21]

Pháp luật là tiêu chuẩn tối cao cho ngôn luận và hành vi của dân chúng trong nước, cho nên ngôn luận và hành vi nào không theo đúng pháp lệnh thì phải cấm. Hàn Phi Tử nói: «Cho nên hễ nước có vua sáng thì không có văn chương chép trên bạch thư và trúc giản, mà chỉ có pháp luật để dạy dân; không có lời lẽ của các vua ngày xưa, mà chỉ có quan lại được xem là thầy.»[22]

[21] ***Hàn Phi Tử*** **(Vấn Biện): «Hoặc vấn viết: "Biện an sinh hồ?" Đối viết: "Sinh ư thượng chi bất minh dã." Vấn giả viết: "Thượng chi bất minh nhân sinh biện dã hà tai?" Đối viết: "Minh chủ chi quốc, lệnh giả, ngôn tối quý giả dã. Pháp giả, sự tối thích giả dã. Ngôn vô nhị quý, pháp bất lưỡng thích, cố ngôn hành nhi bất quỹ ư pháp lệnh giả tất cấm. Nhược kỳ vô pháp lệnh nhi khả dĩ tiếp trá ứng biến sinh lợi suỷ sự giả, thượng tất thái kỳ ngôn nhi trách kỳ thực, ngôn đáng tắc hữu đại lợi, bất đáng tắc hữu trọng tội. Thị dĩ ngu giả uý tội nhi bất cảm ngôn, trí giả vô dĩ tụng. Thử sở dĩ vô biện chi cố dã. Loạn thế tắc bất nhiên. Chủ thượng hữu lệnh nhi dân dĩ văn học phi chi, quan phủ hữu pháp dân dĩ tư hành kiểu chi. Nhân chủ cố tiệm kỳ pháp lệnh, nhi tôn học giả chi trí hạnh. Thử thế chi sở dĩ đa văn học dã. [...] Thị dĩ Nho phục đái kiếm giả chúng, nhi canh chiến chi sĩ quả. Kiên bạch vô hậu chi từ chương, nhi hiến lệnh chi pháp tức. Cố viết: Thượng bất minh, tắc biện sinh yên.»** 或問曰："辯安生乎?" 對曰："生於上之不明也." 問者曰："上之不明因生辯也何哉?" 對曰："明主之國，令者，言最貴者也，法者，事最適者也．言無二貴，法不兩適，故言行而不軌於法令者必禁．若其無法令而可以接詐應變生利揣事者，上必采其言而責其實，言當則有大利，不當則有重罪．是以愚者畏罪而不敢言，智者無以訟．此所以無辯之故也．亂世則不然．主上有令而民以文學非之，官府有法民以私行矯之．人主顧漸其法令而尊學者之智行．此世之所以多文學也[...]是以儒服帶劍者衆而耕戰之士寡．堅白無厚之詞章，而憲令之法息．故曰：上不明，則辯生焉．

[22] ***Hàn Phi Tử*** **(Ngũ Đố): «Cố minh chủ chi quốc, vô thư giản chi văn, dĩ pháp vi giáo; vô tiên vương chi ngữ, dĩ lại vi sư.»** 故明主之國，無書簡之文，以法爲教；無先王之語，以吏爲師．

6. Chính danh và thực

Thuật 術 mà Pháp gia giảng chính là những cách thức vua dùng để chế ngự bầy tôi. Trong đó, có một cách thức mang tính triết học khá nhiều, gọi là «tổng hợp *danh xưng* với *thực tế* và khảo sát chúng» (tổng hạch danh thực 綜核名實). Đó là lý luận của các biện giả về *chính danh và thực* được ứng dụng vào nền chính trị thực tế. Quản Tử nói: «Danh xưng đúng với thực tế và pháp luật hoàn bị thì thánh nhân chẳng có việc gì phải bận lòng.»[23] Lại nói: «Đặt ra danh xưng thì xem xét thực tế; căn cứ thực tế mà xác định danh xưng. Danh xưng và thực tế sinh ra nhau. Sự tương tác ấy là bản chất của chúng. Hễ danh xưng và thực tế thích đáng thì yên, không thích đáng thì loạn.»[24]

Hàn Phi Tử nói: «Khi dùng cách duy trì sự thống nhất thì lấy danh xưng làm đầu. Danh xưng có đúng thì sự vật mới xác định; hễ danh xưng lệch lạc thì sự vật dời đổi. Cho nên thánh nhân nắm sự thống nhất và giữ yên tĩnh, khiến danh xưng tự ra lệnh, khiến sự vật tự xác định. Kẻ ở dưới dù không thấy bóng dáng của thánh nhân cũng tỏ ra chất phác và chính trực. Vua nhân đó mà dùng họ, khiến cho họ tự chọn việc; nhân đó mà giao quyền cho họ, để họ tự đề cử nhau. Bởi mọi việc thì đúng đắn và đúng chỗ, nên chúng tự xác định; kẻ ở trên lấy danh xưng để cử họ. Nếu không biết danh xưng, thì xem xét thực tế. Hễ thực tế và danh xưng phù hợp nhau, thì dùng kết quả của chúng. Hễ thực tế và danh xưng trung thực với nhau, thì kẻ ở dưới bộc lộ bản chất của họ. [...] Vua nắm lấy danh xưng, bầy tôi thực hiện theo danh xưng. Thực tế và danh xưng phù hợp nhau, thì kẻ trên và người dưới hoà điệu nhau.»[25]

---

[23] *Quản Tử* (Bạch Tâm): «Danh chính pháp bị, tắc thánh nhân vô sự.» 名正法備則聖人無事.

[24] *Quản Tử* (Nhập Quốc): «Tu danh nhi đốc thực, án thực nhi định danh. Danh thực tương sinh, phản tương vi tình. Danh thực đáng tắc trị, bất đáng tắc loạn.» 修名而督實,按實而定名.名實相生,反相爲情.名實當則治,不當則亂.

[25] *Hàn Phi Tử* (Dương Quyền): «Dụng nhất chi đạo, dĩ danh vi thủ. Danh chính vật định, danh ỷ vật tỷ. Cố thánh nhân chấp nhất dĩ tĩnh, sử danh tự mệnh, lệnh sự tự định. Bất kiến kỳ thái, hạ cố tố chính. Nhân nhi nhiệm chi, sử tự sự chi. Nhân nhi dữ chi, bỉ tương tự cử chi. Chính dĩ xử chi, sử giai tự định chi, thượng dĩ danh cử chi. Bất tri kỳ danh, phục tu kỳ hình. Hình danh tham đồng, dụng kỳ sở sinh. Nhị giả thành tín, hạ nãi cống tình [...] Quân thao kỳ danh, thần hiệu kỳ hình. Hình danh tham đồng, thượng hạ hoà điệu dã.» 用一之道,以名爲首.名正物定,名倚物徙.故聖人執一以靜,使名自命,令事自定.不見其采,下故素正.因而任之,使自事之.因而予之,彼將自舉之.正與處之,使皆自定之,上以名舉之.不知其名,復修其形.形名參同,用其所生.二者誠信,下乃貢情[...] 君操其名,臣效其形.形名參同,上下和調也.

Hàn Phi Tử lại nói: «Vua muốn cấm điều gian thì phải xem xét thực tế và danh xưng có hợp không, lời nói và việc làm có hợp không. Khi bầy tôi trình bày lời lẽ, thì vua căn cứ lời nói của họ để giao việc, nhưng buộc họ chịu trách nhiệm về kết quả tương ứng với việc. Hễ công trạng xứng đáng với việc làm và việc làm xứng đáng với lời nói, thì thưởng. Hễ công trạng không xứng đáng với việc làm và việc làm không xứng đáng với lời nói, thì phạt. Cho nên hễ bầy tôi khoác lác mà công trạng nhỏ thì phạt. Chẳng phải phạt vì công trạng nhỏ, mà phạt vì công trạng không xứng đáng với danh xưng. Hễ bầy tôi nói ít mà công trạng lớn thì cũng phạt. Chẳng phải vua không vui với công trạng lớn, mà phạt vì công trạng không xứng đáng với danh xưng. Cái hại còn nhiều hơn là có công trạng lớn nữa, do đó phải phạt.»[26]

Khổng Tử rao giảng chính danh, vì muốn các hạng người trong xã hội đều đúng với thực chất của họ. Pháp gia rao giảng chính danh, vì muốn nêu ra phương pháp cho vua chế ngự thần dân. Các biện giả rao giảng chính danh, vì muốn cẩn thận với cái được gọi, để cho danh xưng đúng với thực tế của nó.

Chính danh của Pháp gia là nhằm xem xét sự phù hợp giữa danh xưng với thực tế, để cho hễ có danh xưng ấy thì ắt phải có sự thực ấy. Thí dụ như vua ban cho ai một chức vị, thì phải buộc hắn chịu trách nhiệm về hiệu quả của công việc tương ứng với danh xưng của công việc. Chịu trách nhiệm về hiệu quả của công việc tức là khiến cho sự thực phải khớp với danh xưng của nó. «Khi bầy tôi trình bày lời lẽ, thì vua căn cứ lời nói của họ để giao việc, nhưng buộc họ chịu trách nhiệm về kết quả tương ứng với việc.» Chịu trách nhiệm về kết quả tương ứng với việc tức là khiến cho sự thực phải khớp với danh xưng của nó. Như thế, khi bầy tôi nhận lĩnh công việc thì đều tự nhiên cố gắng cho xứng với chức danh. Và nhà vua chỉ cần căn cứ vào chức danh ấy để xem xét thành tích của bầy tôi. Đó gọi là «vua nắm lấy danh xưng, bầy tôi thực hiện theo danh

---

[26] *Hàn Phi Tử* (Nhị Bính): «Nhân chủ tương dục cấm gian, tắc thẩm hợp hình danh giả, ngôn dữ sự dã. Vi nhân thần giả trần nhi ngôn, quân dĩ kỳ ngôn thụ chi sự, chuyên dĩ kỳ sự trách kỳ công. Công đáng kỳ sự, sự đáng kỳ ngôn, tắc thưởng; công bất đáng kỳ sự, sự bất đáng kỳ ngôn, tắc phạt. Cố quần thần kỳ ngôn đại nhi công tiểu giả tắc phạt, phi phạt tiểu công dã, phạt công bất đáng danh dã. Quần thần kỳ ngôn tiểu nhi công đại giả diệc phạt, phi bất duyệt ư đại công dã, dĩ vi bất đáng danh dã. Hại thậm ư hữu đại công, cố phạt.» 人主將欲禁姦，則審合形名者。言與事也。爲人臣者陳而言，君以其言授之事，專以其事責其功。功當其事，事當其言，則賞；功不當其事，事不當其言，則罰。故群臣其言大而功小者則罰，非罰小功也，罰功不當名也。群臣其言小而功大者亦罰，非不說於大功也，以爲不當名也。害甚於有大功，故罰。

xưng». Đó là thuật lấy giản dị chế ngự phức tạp, lấy một chế ngự vạn; vì thế mà nói: «Thánh nhân nắm sự thống nhất và giữ yên tĩnh, khiến danh xưng tự ra lệnh, khiến sự vật tự xác định.»

7. Thưởng phạt nghiêm minh

Theo các tiết trên mà xét, ta thấy pháp luật (*pháp*) và thuật cai trị (*thuật*) đều không thể thiếu được đối với bậc vua chúa. Cho nên *Hàn Phi Tử* (Định Pháp) nói: «Hai cái ấy (tức *pháp* và *thuật*) không thể thiếu một, vì chúng là công cụ của đế vương.» (Thử bất khả nhất vô, giai đế vương chi cụ dã 此不可一無，皆帝王之具也). Nhưng chỉ có *pháp* và *thuật* mà không có *thế* (quyền thế, uy thế) thì vua không thể chế ngự bầy tôi. Chỉ trông cậy vào *thế*, tất nhiên vua cũng không thể trị được dân; nhưng không có *thế* thì vua cũng không thể tiến hành được *pháp* và *thuật* của mình được. Hàn Phi Tử nói: «Nếu có tài mà không có thế, thì người hiền cũng không chế ngự được kẻ hư hỏng. Cho nên khúc cây một thước dựng trên núi cao, từ đó nhìn xuống thấy được thung lũng sâu ngàn *nhận* (khoảng tám ngàn thước), đó không phải do cây dài, mà do vị trí nó cao. Kiệt làm thiên tử, có thể chế ngự thiên hạ, đó không phải do Kiệt hiền, mà do cái thế của Kiệt nặng. Nghiêu là thất phu, thì không thể chỉnh đốn ba gia đình, đó không phải do Nghiêu hư hỏng, mà do vị thế của Nghiêu thấp. Ba mươi ngàn cân được đặt trên thuyền thì nổi, tám lạng không có thuyền thì chìm. Đó không phải 30 ngàn cân nhẹ còn tám lạng nặng, mà là do có thế và không có thế. Cho nên cây ngắn ở trên cao được là do vị trí, kẻ hư hỏng khống chế được người hiền là do quyền thế.»[27]

Hàn Phi Tử lại nói: «Ngựa có thể chở nặng và kéo xe đến nơi xa là nhờ gân sức. Bậc thiên tử có vạn cỗ xe và nhà vua có ngàn cỗ xe, sở dĩ khống chế được thiên hạ và chinh phục được chư hầu là do uy thế. Uy thế

[27] ***Hàn Phi Tử*** **(Công Danh): «Phù hữu tài nhi vô thế, tuy hiền bất năng chế bất tiếu. Cố lập xích tài ư cao sơn chi thượng, hạ lâm thiên nhận chi khê, tài phi trường dã, vị cao dã. Kiệt vi thiên tử, năng chế thiên hạ, phi hiền dã, thế trọng dã. Nghiêu vi thất phu, bất năng chính tam gia, phi bất tiếu dã, vị ti dã. Thiên quân dắc thuyền tắc phù, tri thù thất thuyền tắc trầm. Phi thiên quân khinh tri thù trọng dã, hữu thế chi dữ vô thế dã. Cố đoản chi lâm cao dã dĩ vị, bất tiếu chi chế hiền dã dĩ thế.»** 夫有材而無勢，雖賢不能制不肖. 故立尺材於高山之上，下臨千仞之谿，材非長也，位高也. 桀爲天子，能制天下，非賢也，勢重也. 堯爲匹夫，不能正三家，非不肖也，位卑也. 千鈞得船則浮，錙銖失船則沉. 非千鈞輕錙銖重也，有勢之與無勢也. 故短之臨高也以位，不肖之制賢也以勢.– **LAM chú: Các đơn vị đo lường cổ đại này có nhiều thuyết, đại khái thì một *nhận* = 8 thước; một *quân* = 30 cân; một *tri* = 8 lạng; một *thù* = $^1/_{24}$ lạng. *Thiên quân* chỉ chung cái gì thật nặng, *tri thù* chỉ chung cái gì thật nhẹ. Xem: *Hàn Phi Tử Toàn Dịch* 韓非子全譯(Trương Giác 張覺 dịch chú), Quý Châu Nhân Dân xuất bản xã, 1992, chú thích ở các trang 195, 374, 460.**

chính là gân sức của vua chúa vậy.»[28]

Uy thế của nhà vua được biểu hiện dưới hình thức thưởng phạt. Thưởng và phạt là hai cái cán (nhị bính 二柄) của nhà vua. Hàn Phi Tử nói: «Bậc vua sáng có thể dẫn dắt và khống chế bầy tôi, là nhờ hai cái cán mà thôi. Hai cái cán ấy là hình và đức. Hình và đức là gì? Đáp: giết phạt gọi là hình; khen thưởng gọi là đức. Phận bầy tôi sợ trừng phạt mà xem khen thưởng là có lợi. Cho nên nhà vua tự dùng hình và đức, thì bầy tôi sợ uy của vua mà trở về cái lợi của họ.»[29]

Ai mà chẳng sợ trừng phạt và chẳng thích khen thưởng? Cho nên nhà vua lợi dụng tâm lý này của con người để thi hành uy thế của mình. Hàn Phi Tử nói: «Hễ cai trị thiên hạ, ắt phải dựa vào tình cảm con người. Tình cảm con người có ưa và ghét, do đó kẻ cai trị có thể dùng cách thưởng phạt. Dùng được cách thưởng phạt, thì có thể đặt ra lệnh cấm để đạo trị nước đầy đủ. Vua nắm quyền bính để giữ uy thế, do đó hễ ban lệnh thì dân thi hành hễ cấm thì dân ngưng. Quyền bính là cái khống chế sự sống chết của dân; uy thế là công cụ để chế ngự dân.»[30]

Bởi tình cảm con người có ưa và ghét nên dùng cách thưởng phạt, tức là thuận theo lòng người mà trị người. Cho nên Hàn Phi Tử nói: «Hễ trái lòng người, dù ta là Mạnh Bôn hay Hạ Dục cũng không thể khiến người khác tận lực với mình. [...] Được lòng người, thì ta không thúc hối mà người khác vẫn tự giác hăng hái làm cho mình.»[31]

---

[28] ***Hàn Phi Tử*** **(Nhân Chủ): «Phù mã chi sở dĩ năng nhiệm trọng dẫn xa trí viễn đạo giả, dĩ cân lực dã. Vạn thặng chi chủ, thiên thặng chi quân sở dĩ chế thiên hạ nhi chinh chư hầu giả, dĩ kỳ uy thế dã. Uy thế giả, nhân chủ chi cân lực dã.»** 夫馬之所以能任重引車致遠道者，以筋力也．萬乘之主，千乘之君所以制天下而征諸侯者，以其威勢也．威勢者，人主之筋力也．

[29] ***Hàn Phi Tử*** **(Nhị Bính): «Minh chủ chi sở đạo chế kỳ thần giả, nhị bính nhi dĩ hĩ. Nhị bính giả, hình, đức dã. Hà vị hình đức? Viết: sát lục chi vị hình; khánh thưởng chi vị đức. Vi nhân thần giả, uý tru phạt nhi lợi khánh thưởng. Cố nhân chủ tự dụng kỳ hình đức, tắc quần thần uý kỳ uy nhi quy kỳ lợi hĩ.»** 明主之所導制其臣者，二柄而已矣．二柄者，刑德也．何謂刑德？曰：殺戮之謂刑；慶賞之謂德．爲人臣者，畏誅罰而利慶賞．故人主自用其刑德，則群臣畏其威而歸其利矣．

[30] ***Hàn Phi Tử*** **(Bát Kinh): «Phàm trị thiên hạ, tất nhân nhân tình. Nhân tình giả, hữu hiếu ố, cố thưởng phạt khả dụng; thưởng phạt khả dụng tắc cấm lệnh khả lập nhi trị đạo cụ hĩ. Quân chấp bính dĩ xử thế, cố lệnh hành cấm chỉ. Bính giả, sát sinh chi chế dã; thế giả, thắng chúng chi tư dã.»** 凡治天下必因人情．人情者，有好惡，故賞罰可用；賞罰可用則禁令可立而治道具矣．君執柄以處勢，故令行禁止．柄者，殺生之制也；勢者，勝衆之資也．

[31] ***Hàn Phi Tử*** **(Công Danh): «Nghịch nhân tâm tuy Bôn, Dục bất năng tận nhân lực. [...] Đắc nhân tâm tắc bất thú nhi tự khuyến.»** 逆人心雖賁育不能盡人力[...]得人心則不趣而自勸．– LAM chú: Bôn, Dục là Mạnh Bôn 孟賁 và Hạ Dục 夏育 (hai lực sĩ nước Vệ).

8. Tính ác

Theo Hàn Phi, tình cảm con người có ưa và ghét, do đó kẻ cai trị có thể dùng cách thưởng phạt. Bởi bản tính con người biết chạy theo điều lợi và tránh điều hại, cho nên chỉ có lợi và hại là có thể sai khiến được họ. Pháp gia phần lớn xem bản tính con người là ác. Hàn Phi là đệ tử của Tuân Tử, đối với điểm này ắt có chủ trương rõ ràng. Hàn Phi Tử nói:

– «Hoàng Đế nói: "Vua và bầy tôi mỗi ngày xung đột nhau trăm lần." Bầy tôi che giấu lòng riêng của mình để thăm dò vua. Vua nắm các pháp độ để chế tài bầy tôi.»[32]

– «Khi thuê thợ gieo mạ và cày ruộng, người chủ sẽ cho thợ ăn ngon, tốn kém, trả công bằng tiền và vải. Đó đâu phải vì thương thợ cày. Người chủ nói: "Như vậy, thợ sẽ cày sâu bừa kỹ hơn." Thợ cày tận lực cày sâu cuốc bẫm và khéo léo sửa sang bờ ruộng. Đó đâu phải vì thương chủ. Thợ cày nói: "Như vậy, cơm canh sẽ ngon, vải và tiền sẽ khá hơn." Người chủ nuôi thợ như thể có ân huệ giữa cha con. Lòng lo cho công việc nhưng mỗi bên chỉ nghĩ đến lợi riêng. Cho nên nếu người ta làm việc với nhau mà có lòng làm lợi cho nhau thì thậm chí làm với [người dị tộc là] người Việt cũng dễ hoà hợp nhau. Còn như có lòng hại nhau, thì dù là cha con cũng sẽ phải chia lìa và oán nhau.»[33]

---

[32] ***Hàn Phi Tử*** **(Dương Quyền): «Hoàng Đế hữu ngôn viết: "Thượng hạ nhất nhật bách chiến." Hạ nặc kỳ tư, dụng thí kỳ thượng; thượng thao độ lượng, dĩ cát kỳ hạ.»** 黃帝有言曰: "上下一日百戰"下匿其私,用試其上;上操度量,以割其下.– **LAM chú: Derk Bodde dịch khác: «*Inferiors conceal their selfishness, with which to take advantage of their superiors.*» (Kẻ dưới che giấu lòng riêng, và qua đó lợi dụng người trên.) Tôi dịch theo bản *Hàn Phi Tử Toàn Dịch* do Trương Giác dịch chú.**

[33] ***Hàn Phi Tử*** **(Ngoại Trữ Thuyết Tả Thượng): «Phù mại dung nhi bá canh giả, chủ nhân phí gia nhi mỹ thực, điều bố nhi cẩu dị tiền giả, phi ái dung khách dã. Viết: Như thị, canh giả thả thâm nậu giả thục vân dã. Dung khách trí lực nhi tật vân canh giả, tận xảo nhi chính huề mạch huề trĩ giả, phi ái chủ nhân dã. Viết: Như thị, canh thả mỹ tiền bố thả dị vân dã. Thử kỳ dưỡng công lực, hữu phụ tử chi trạch hĩ. Nhi tâm điều ư dụng giả, giai hiệp tự vi tâm dã. Cố nhân hành sự thi dư, dĩ lợi chi vi tâm, tắc việt nhân dịch hoà; dĩ hại chi vi tâm, tắc phụ tử ly thả oán.»** 夫賈庸而播耕者,主人費家而美食,調布而易錢者,非愛庸客也.曰:如是,耕者且深耨者熟耘也.庸客致力而疾耘耕者,盡巧而正畦陌畦畤者,非愛主人也.曰:如是,耕者且美錢布且易云也.此其養功力,有父子之澤矣.而心調於用者,皆挾自爲心也.故人行事施予,以利之爲心,則越人易和;以害之爲心,則父子離且怨.– **LAM chú: Từ *mại dung* 賈庸 lẽ ra là *mãi dung* 買庸 (thuê thợ) như thiên Ngũ Đố có cụm từ «mãi dung nhi quyết đậu» 買庸而決竇 (thuê thợ đào mương lấy nước). Derk Bodde chú nước Việt là một man quốc (barbarian state) ở phía nam Trung Quốc, ở chỗ hiện nay là Chiết Giang. Trương Giác (*sđd.*, tr.398) chú người nước Việt có tập tục khác với Trung Nguyên, nên bị xem là dị tộc. Do đó ở đây từ «người Việt» ngụ ý người xa lạ.**

– «Hơn nữa, cha mẹ đối với con cái, nếu sinh con trai thì chúc mừng nhau, nếu sinh con gái thì giết đi. Con trai hay con gái đều từ bụng mẹ sinh ra, nhưng trai thì được chúc mừng còn gái thì bị giết. Đó là cha mẹ nghĩ cái tiện lợi lâu dài về sau. Cho nên cha mẹ đối với con cái mà còn có bụng tính toán như thế để đối đãi nhau, huống hồ quan hệ giữa những kẻ không có ân tình cha con với nhau?»[34]

Hàn Phi cho rằng người trong thiên hạ đều tự tư tự lợi, đều tính toán trục lợi để đối đãi nhau. Quả đúng như thế thì cách thưởng phạt có thể dùng được.

Ở phương diện kinh tế, Hàn Phi cho rằng vì con người vốn trục lợi, nên cứ để họ cạnh tranh tự do với nhau. Do đó Hàn Phi phản đối chủ trương của Nho gia về bình quân ruộng đất. Ông nói: «Khi bàn vấn đề trị nước, đa số các học giả đời nay đều nói rằng: "Cho người nghèo ruộng đất tức là giúp người vô sản khá lên." Nay giả sử mọi người có hoàn cảnh như nhau và họ không được mùa cũng không có nguồn lợi khác từ bên ngoài, mà chỉ thuần tuý tự cung tự cấp. Như vậy, nếu họ không cố sức làm việc thì phải tiết kiệm. Giả sử mọi người có hoàn cảnh như nhau và họ không bị đói kém, bệnh tật, tai họa. Nếu có kẻ bần cùng, thì hẳn ắt là xa xỉ hoặc là lười nhác. Kẻ xa xỉ và lười nhác thì nghèo; còn kẻ cố làm lụng và tiết kiệm thì giàu. Nay nhà vua đánh thuế người giàu để trợ cấp người nghèo; đó là cướp đoạt của người giàu để ban cho kẻ xa xỉ và lười nhác. Như thế mà muốn dân siêng làm lụng và tiết kiệm thì không thể được.»[35]

Cứ để dân chúng tự do cạnh tranh thì ai cũng tích cực làm lụng và tiết kiệm, rồi sản xuất sẽ tăng thêm.

[34] ***Hàn Phi Tử*** **(Lục Phản): «Thả phụ mẫu chi ư tử dã, sản nam tắc tương hạ, sản nữ tắc sát chi. Thử câu xuất phụ mẫu chi hoài nhẫm, nhiên nam tử thụ hạ, nữ tử sát chi giả, lự kỳ hậu tiện, kế chi trưởng lợi dã. Cố phụ mẫu chi ư tử dã, do dụng kế toán chi tâm dĩ tương đãi dã, nhi huống vô phụ tử chi trạch hồ?»** 且父母之於子也，產男則相賀，產女則殺之．此俱出父母之懷衽，然男子受賀，女子殺之者，慮其後便，計之長利也．故父母之於子也，猶用計算之心以相待也，而況無父子之澤乎．

[35] ***Hàn Phi Tử*** **(Hiển Học): «Kim thế chi học sĩ ngữ trị giả, đa viết: "Dữ bần cùng địa, dĩ thực vô tư." Kim phù dữ nhân tương nhược dã, vô phong niên bàng nhập chi lợi, nhi độc dĩ hoàn cấp giả, phi lực tắc kiệm dã. Dữ nhân tương nhược dã, vô cơ cẩn tật cửu hoạ tội chi ương, độc dĩ bần cùng giả, phi xỉ tắc đoạ dã. Xỉ nhi đoạ giả bần, nhi lực nhi kiệm giả phú. Kim thượng trưng liễm ư phú nhân dĩ bố thí ư bần gia, thị đoạt lực kiệm nhi dữ xỉ đoạ dã. Nhi dục sách dân chi tật tác nhi tiết dụng, bất khả đắc dã.»** 今世之學士語治者，多曰："與貧窮地，以實無資．" 今夫與人相若也，無豐年旁入之利，而獨以完給者，非力則儉也．與人相若也，無饑饉疾疚禍罪之殃，獨以貧窮也，非侈則惰也．侈而惰者貧，而力而儉者富．今上徵斂於富人以布施於貧家，是奪力儉而與侈惰也．而欲索民之疾作而節用，不可得也．

Nho gia cho rằng đời xưa phong tục thuần hậu và có nhiều thánh nhân hơn đời nay. Hàn Phi nhìn nhận rằng điều ấy cũng không hoàn toàn sai thực tế, nên nói: «Ngày xưa đàn ông không phải cày ruộng, vì rau quả cây trái đủ ăn; còn phụ nữ không phải dệt vải, vì da thú đủ mặc. Họ không phải lao lực mà vẫn đủ nuôi sống. Dân ít mà tài nguyên dư, nên dân không tranh giành nhau. Do đó không ban thưởng nhiều và không phạt nặng mà dân tự sống yên ổn. Nay, người có năm con không xem là nhiều. Mỗi đứa con lại sinh ra năm đứa nữa. Cha già chưa chết mà đã có 25 con cháu. Cho nên dân đông mà tài nguyên ít. Làm việc lao lực mà không đủ nuôi thân, do đó dân tranh giành nhau. Tuy thưởng nhiều và phạt nặng mà vẫn không tránh khỏi loạn. Nghiêu làm vua thiên hạ, mái tranh không xén, cột kèo không đẽo, ăn cơm hẩm và canh rau dại, mùa đông mặc áo da nai, mùa hè mặc áo vải thô. Ngay đến lính giữ cửa thành cũng không ăn mặc tệ như thế. Vũ làm vua thiên hạ, đích thân cày bừa để làm gương cho dân, bắp đùi teo lại, bắp chân chẳng mọc lông. Ngay đến kẻ nô lệ cũng không khổ như thế. Theo lời lẽ ấy, người xưa nhường ngôi thiên tử tức là bỏ kiếp sống của lính giữ cửa thành và thoát cái khổ của kẻ nô lệ. Cho nên việc nhường ngôi cho kẻ khác có gì đáng khen đâu. Quan huyện ngày nay, một ngày lăn ra chết thì con cháu vẫn còn ngồi xe mấy đời, nên dân xem trọng chức quan huyện. Vì thế, đối với việc nhường ngôi vị, người xưa xem nhẹ việc từ bỏ ngôi thiên tử, nhưng người nay khó bỏ chức quan huyện, bởi vì thực tế lợi ích mỗi bên ít nhiều khác nhau. Dân sống trên núi lấy nước từ thung lũng, đến ngày lễ cúng chư thần (tháng chạp) và ngày lễ cúng ẩm thực (tháng hai) thì gánh nước tặng nhau; nhưng dân sống ở đầm lầy khổ vì thiếu nước thì thuê thợ đào mương lấy nước. Mùa xuân của năm đói, em nhỏ cũng không có ăn, nhưng mùa thu của năm được mùa thì khách lạ cũng được đãi ăn. Đó không phải là lạnh nhạt tình cốt nhục và yêu mến khách qua đường, mà bởi vì thực tế thức ăn ít nhiều khác nhau. Cho nên người xưa khinh của cải chẳng phải vì họ nhân ái, mà vì của cải dồi dào. Người nay tranh giành cướp giật, chẳng phải vì họ hèn hạ, mà vì của cải ít ỏi. Xem nhẹ việc từ bỏ ngôi thiên tử, không phải vì họ cao thượng, mà vì quyền thế ít. Tranh làm quan, không phải vì họ hèn hạ, mà vì quyền thế nhiều. Cho nên thánh nhân bàn luận của cải và quyền thế nhiều hay ít để làm chính trị. Vì vậy phạt nhẹ không phải là nhân từ, phạt nặng không phải là tàn bạo. Cứ tuỳ

tình hình thực tế mà thi hành.»[36]

Hành vi của người xưa và người nay khác nhau vì hoàn cảnh của họ khác nhau, chứ không phải bản tính của họ khác nhau. Có thể nói người xưa phong tục thuần hậu, nhưng không thể nhân đó mà nói bản tính con người là thiện.

Bởi con người có tính ác, cho nên phải lấy chính trị để dẫn dắt họ và lấy hình phạt để sửa chữa họ. Có thế thì thiên hạ mới yên ổn. Nếu theo Khổng Tử và Mạnh Tử, tức là lấy đạo đức để dẫn dắt họ và lấy lễ để sửa chữa họ, thì ắt sẽ không có hiệu quả như thế. Hàn Phi Tử nói: «Gia đình khiêm khắc thì không có đầy tớ hung hãn, nhưng bà mẹ hiền

---

[36] *Hàn Phi Tử* (Ngũ Đố): «Cổ giả trượng phu bất canh. Thảo mộc chi thực túc thực dã. Phụ nhân bất chức, cầm thú chi bì túc y dã. Bất sự lực nhi dưỡng túc, nhân dân thiểu nhi tài hữu dư, cố dân bất tranh. Thị dĩ hậu thưởng bất hành, trọng phạt bất dụng nhi dân tự trị. Kim nhân hữu ngũ tử bất vi đa, tử hựu hữu ngũ tử, đại phụ vị tử nhi hữu nhị thập ngũ tôn. Thị dĩ nhân dân chúng nhi hoá tài quả, sự lực lao nhi cung dưỡng bạc, cố dân tranh. Tuy bội thưởng luỹ phạt nhi bất miễn ư loạn. Nghiêu chi vương thiên hạ dã, mao tỳ bất tiễn, thái duyên bất trác, lệ tư chi thực, lê hoắc chi canh, đông nhật nghê cừu, hạ nhật cát y. Tuy giám môn chi phục dưỡng, bất khuy ư thử hĩ. Vũ chi vương thiên hạ dã, thân chấp lỗi tráp dĩ vi dân tiên, cổ vô bạt, hĩnh bất sinh mao. Tuy thần lỗ chi lao bất khổ ư thử hĩ. Dĩ thị ngôn chi, phù cổ chi nhượng thiên tử giả, thị khứ giám môn chi dưỡng nhi ly thần lỗ chi lao dã. Cổ truyền thiên hạ nhi bất túc đa dã. Kim chi huyện lệnh, nhất nhật thân tử, tử tôn luỹ thế kiết giả, cố nhân trọng chi. Thị dĩ nhân chi ư nhượng dã, khinh từ cổ chi thiên tử, nan khứ kim chi huyện lệnh giả, bạc hậu chi thực dị dã. Phù sơn cư nhi cốc cấp giả, lâu lạp nhi tương dĩ đĩ thuỷ. Trạch cư khổ thuỷ giả, mãi dung nhi quyết đậu. Cố cơ tuế chi xuân, ấu đệ bất hướng. Nhương tuế chi thu, sơ khách tất thực; phi sơ cốt nhục ái quá khách dã, đa thiểu chi thực dị dã. Thị dĩ cổ chi dịch tài, phi nhân dã, tài đa dã. Kim chi tranh đoạt, phi bỉ dã, tài quả dã. Khinh từ thiên tử, phi cao dã, thế bạc dã. Tranh thổ thác, phi hạ dã, quyền trọng dã. Cố thánh nhân nghị đa thiểu, luận bạc hậu, vi chi chính. Cố phạt bạc bất vi tứ, tru nghiêm bất vi lệ, xưng tục nhi hành dã.» 古者丈夫不耕，草木之實足食也，婦人不織，禽獸之皮足衣也，不事力而養足，人民少而財有餘，故民不爭，是以厚賞不行，重罰不用而民自治。今人有五子不爲多，子又有五子，大父未死而有二十五孫，是以人民衆而貨財寡，事力勞而供養薄，故民爭，雖倍賞累罰而不免於亂。堯之王天下也，茅茨不翦，采椽不斲，糲粢之食，藜藿之羹，冬日麑裘，夏日葛衣，雖監門之服養，不虧於此矣。禹之王天下也，身執耒臿以爲民先，股無胈，脛不生毛，雖臣虜之勞不苦於此矣。以是言之，夫古之讓天子者，是去監門之養而離臣虜之勞也，古傳天下而不足多也，今之縣令，一日身死，子孫累世絜駕，故人重之，是以人之於讓也，輕辭古之天子，難去今之縣令者，薄厚之實異也。夫山居而谷汲者，腰�lll而相遺以水，澤居苦水者，買庸而決竇，故饑歲之春，幼弟不饟，穰歲之秋，疏客必食；非疏骨肉愛過客也，多少之實異也。是以古之易財，非仁也，財多也，今之爭奪，非鄙也，財寡也，輕辭天子，非高也，勢薄也，爭土橐，非下也，權重也，故聖人議多少，論薄厚，爲之正，故罰薄不爲慈，誅嚴不爲戾，稱俗而行也，

lại có đứa con hư. Ta thấy đó thì biết uy thế có thể ngăn cấm hung bạo, nhưng đức dày không đủ để chấm dứt loạn. Khi thánh nhân trị quốc thì không cậy dân làm điều tốt cho ngài, mà chỉ khiến dân đừng làm bậy. Trông cậy dân làm điều tốt cho thánh nhân thì trong nước không có quá mười người, nhưng khiến dân đừng làm bậy thì cả một nước được ổn định. Bậc cai trị dùng số đông, không dùng số ít, cho nên không trọng đức mà trọng pháp. Cứ trông cậy mũi tên tự nó thẳng thì trăm đời cũng không có mũi tên; cứ trông cậy cây gỗ tự nó tròn thì ngàn đời cũng không có bánh xe. Mũi tên tự nó thẳng, cây gỗ tự nó tròn, trăm đời cũng không có một. Vậy thì sao đời luôn có kẻ ngồi xe và bắn chim? Đó là nhờ dùng cái thuật duỗi thẳng và bẻ cong vậy. Tuy không duỗi thẳng và bẻ cong, mà cũng có thể có mũi tên tự nó thẳng và cây gỗ tự nó tròn, nhưng người thợ giỏi không quý chúng. Tại sao? Bởi vì kẻ ngồi xe đâu chỉ có một người, kẻ bắn chim đâu chỉ bắn một phát. Không cậy vào thưởng phạt mà chỉ cậy dân tự lương thiện, thì bậc vua sáng không quý điều ấy. Tại sao? Bởi vì quốc pháp không thể mất, và kẻ bị cai trị đâu phải chỉ có một người. Cho nên nhà vua có thuật cai trị thì không tuỳ theo sự lương thiện ngẫu nhiên của dân, mà phải thi hành đạo tất nhiên.»[37]

Dùng *pháp* 法 (pháp luật), *thuật* 術 (thuật cai trị), và *thế* 勢 (uy thế) thì đất nước thịnh trị, đó là «tất nhiên chi đạo» 必然之道 (đạo tất nhiên; nguyên tắc bắt buộc phải như thế).

---

[37] ***Hàn Phi Tử* (HiểnHọc): «Phù nghiêm gia vô hãn lỗ, nhi từ mẫu hữu bại tử. Ngô dĩ thử tri uy thế chi khả dĩ cấm bạo, nhi đức hậu chi bất túc dĩ chỉ loạn dã. Phù thánh nhân chi trị quốc, bất thị nhân chi vi ngô thiện dã, nhi dụng kỳ bất đắc vi phi dã. Thị nhân chi vi ngô thiện dã, cảnh nội bất thập số. Dụng nhân bất đắc vi phi, nhất quốc khả sử tề. Vi trị giả dụng chúng nhi xả quả, cố bất vụ đức nhi vụ pháp. Phù tất thị tự trực chi tiễn, bách thế vô thỉ; thị tự viên chi mộc, thiên thế vô luân hĩ. Tự trực chi tiễn, tự viên chi mộc, bách thế vô hữu nhất, nhiên nhi thế giai thừa xa xạ cầm giả hà dã? Ẩn quát chi đạo dụng dã. Tuy hữu bất thị ẩn quát nhi hữu tự trực chi tiễn, tự viên chi mộc, hương công phất quý dã, hà tắc? Thừa giả phi nhất nhân, xạ giả phi nhất phát dã. Bất thị thưởng phạt nhi thị tự thiện chi dân, minh chủ phất quý dã, hà tắc? Quốc pháp bất khả thất, nhi sở trị phi nhất nhân dã. Cố hữu thuật chi quân, bất tuỳ thích nhiên chi thiện, nhi hành tất nhiên chi đạo.»** 夫嚴家無悍虜，而慈母敗子.吾以此知威勢之可以禁暴，而德厚之不足以止亂也.夫聖人之治國，不恃人之爲吾善也，而用其不得爲非也.恃人之爲吾善也，境內不什數.用人不得爲非，一國可使齊.爲治者用衆而舍寡，故不務德而務法.夫必恃自直之箭，百世無矢；恃自圜之木，千世無輪矣.自直之箭，自圜之木，百世無有一，然而世皆乘車射禽者何也?隱括之道用也.雖有不恃隱括，而有自直之箭，自圜之木，良工弗貴也，何則?乘者非一人，射者非一發也.不恃賞罰而恃自善之民，明主弗貴也，何則?國法不可失，而所治非一人也.故有術之君，不隨適然之善，而行必然之道.

9. Vô vi

Nếu vua dùng đạo tất nhiên đã nói ở trên, thì có thể «vô vi nhi trị» 無爲而治(cai trị bằng vô vi). Hàn Phi Tử nói: «Sự việc ở bốn phương nhưng cái chủ yếu thì ở trung ương. Thánh nhân nắm cái chủ yếu, thì bốn tứ phương bất chước theo. Thánh nhân lấy hư tâm đối xử với dân chúng, họ sẽ tự thi hành. Thiên hạ đã tàng chứa trong ngực (tức thâu tóm được) rồi thì thánh nhân có thể ở nơi tối quan sát sự việc nơi sáng. Tả quan và hữu quan đã lập, thì vua mở cửa đón họ. Họ không thay không đổi, cùng thi hành với *hình* và *danh*. Thi hành không ngừng, gọi là hành động theo lý. Vật có sự thích nghi, tài nguyên có chỗ dùng. Ai cũng ở đúng chỗ của mình thì người trên kẻ dưới đều vô vi. Khiến cho gà giữ đêm và chồn bắt chuột. Ai cũng được dùng đúng năng lực của mình thì người trên kẻ dưới đều vô sự. Khi người trên có sở trường thì sự việc sẽ không còn ổn nữa. Người trên khoe khoang và thích trổ tài thì bị kẻ dưới lừa dối. Người trên thích biện luận để ra vẻ thông minh, thì kẻ dưới sẽ lợi dụng tài năng ấy. Vai trò người trên và kẻ dưới bị đảo lộn, nên quốc gia không yên ổn.»[38]

Lại nói: «Người xưa chỉ nắm cái chính yếu của sự vật, xem trời đất, nhìn sông biển, và sử dụng núi với thung lũng. Như mặt trời mặt trăng chiếu sáng, như bốn mùa vận hành, như gió động mây tan, không lấy trí tuệ làm luỵ tâm, không lấy riêng tư làm luỵ thân. Gửi gắm việc trị loạn ở pháp luật và thuật cai trị, phó thác chuyện đúng sai ở thưởng phạt, để mặc sự nặng nhẹ cho cái cân. Không nghịch thiên lý, không hàm

---

[38] ***Hàn Phi Tử* (Dương Quyền): «Sự tại tứ phương, yếu tại trung ương. Thánh nhân chấp yếu, tứ phương lai hiệu. Hư nhi đãi chi, bỉ tự dĩ chi. Tứ hải ký tàng, đạo Âm kiến Dương. Tả hữu ký lập, khai môn nhi đương. Vật biến vật dịch, dữ nhị câu hành, hành chi bất dĩ, thị vị lý lý dã. Phù vật giả hữu sở nghi, tài giả hữu sở thi, các xử kỳ nghi, cố thượng hạ vô vi. Sử kê tư dạ, lệnh ly chấp thử, giai dụng kỳ năng, thượng nãi vô sự. Thượng hữu sở trường, sự nãi bất phương. Căng nhi hiếu năng, hạ chi sở khi. Biện huệ hiếu-sinh, hạ nhân kỳ tài. Thượng hạ dị dụng, quốc cố bất trị.»** 事在四方，要在中央，聖人執要，四方來效，虛而待之，彼自以之。四海既藏，道陰見陽，左右既立，開門而當。勿變勿易，與二俱行，行之不已，是謂履理也。夫物者有所宜，材者有所施，各處其宜，故上下無爲。使雞司夜，令狸執鼠，皆用其能，上乃無事。上有所長，事乃不方。矜而好能，下之所欺。辯惠好生，下因其材，上下易用，國故不治。– **LAM chú: Trương Giác (*sđd.*, tr.90-92) chú rằng: *Tứ hải* là *tứ phương; Tứ hải ký tàng*: sự việc mà tứ phương bất chước làm thì đã tàng chứa trong ngực của vua (Tứ phương lai hiệu chi sự dĩ tàng ư quân tâm dã 四方來效已藏於君心也). Chữ *huệ* 惠 tức là *tuệ* 慧 (trí tuệ). *Hiếu sinh* 好生: *hiếu phát* 好發 (thích phát sinh). *Biện huệ hiếu sinh* 辯惠好生: ý nói thích nghị luận để tỏ ra mình thông minh. Derk Bodde hiểu *huệ* là ân huệ, nên dịch là: «*When he likes to bring forth arguments and kindliness, his inferiors take advantage of his abilities.*» (Khi kẻ trên thích nêu luận cứ và tỏ ân huệ thì thuộc hạ sẽ lợi dụng khả năng của ông ta.)**

hại tình cảm và bản tính. Không thổi lông tìm vết nhỏ, không tẩy rửa vết dơ bẩn để xét cái khó biết. Không ra ngoài phạm vi pháp luật, không do dự ở trong phạm vi pháp luật. Không gấp gáp ra ngoài phạm vi pháp luật, không chậm trễ ở trong phạm vi pháp luật. Giữ lấy cái lý lẽ đã thành, nương theo sự tự nhiên. Hoạ phúc do đạo lý và luật pháp mà ra, chứ không phải do yêu ghét. Vinh nhục là do bản thân tạo ra, chứ không phải do người khác.»[39]

Vua để cho bầy tôi tự hành động, nhưng ngài nắm hai cái cán để thưởng hay phạt hiệu quả công việc của họ. Chức trách của vua giống như chức trách của thuyền trưởng lèo lái một con thuyền lớn. Ở trên cao, thuyền trưởng chỉ làm một cử chỉ nhỏ, thuyền sẽ theo ý của ông ta mà chuyển động. Đó là đạo lấy một để chế ngự vạn, lấy tĩnh để chế ngự động.

Một số Đạo gia cũng có học thuyết như thế. Trang Tử nói: «Đức của đế vương lấy trời đất làm gốc, lấy đạo đức làm chủ, lấy vô vi làm lẽ thường. Vô vi thì dùng thiên hạ mà còn dư sức, còn hữu vi thì bị thiên hạ dùng mà không đủ sức. Cho nên người xưa quý vô vi. Người trên vô vi, kẻ dưới cũng vô vi, tức là dưới và trên cùng đức. Hễ dưới và trên cùng đức thì họ không còn là bầy tôi nữa. Kẻ dưới hữu vi, người trên cũng hữu vi, tức là trên và dưới cùng đạo. Hễ trên và dưới cùng đạo thì người trên không còn là chủ nữa. Người trên phải vô vi mà dùng kẻ dưới, kẻ dưới phải hữu vi để được thiên hạ dùng. Đó là qui luật bất biến. Cho nên người xưa làm vua thiên hạ, trí tuệ tuy bao trùm trời đất nhưng chẳng tư lự. Biện luận tuy giỏi hơn vạn vật nhưng chẳng nói năng. Tài cán vượt hẳn mọi người trong bốn biển nhưng chẳng thi thố. Trời không sinh sản mà vạn vật tự biến hoá, đất không nuôi lớn mà vạn vật tự lớn, đế vương vô vi mà thiên hạ thành công. Cho nên nói: không gì thần diệu bằng trời, không gì giàu bằng đất, không gì lớn bằng đế vương. Nên nói: Đức của

---

[39] *Hàn Phi Tử* (Đại Thể): «Cổ chi toàn đại thể giả, vọng thiên địa, quan giang hải, nhân sơn cốc. Nhật nguyệt sở chiếu, tứ thời sở hành, vân bố phong động, bất dĩ trí lụy tâm, bất dĩ tư lụy kỷ. Ký trị loạn ư pháp thuật, thác thị phi ư thưởng phạt, thuộc khinh trọng ư quyền hành. Bất nghịch thiên lý, bất thương tình tính. Bất xuy mao nhi cầu tiểu tỳ, bất tẩy cấu nhi sát nan tri. Bất dẫn thằng chi ngoại, bất suy thằng chi nội. Bất cấp pháp chi ngoại, bất hoãn pháp chi nội. Thủ thành lý, nhân tự nhiên. Hoạ phúc sinh hồ đạo pháp, nhi bất xuất hồ ái ố, vinh nhục chi trách, tại hồ kỷ, nhi bất tại hồ nhân.» 古之全大體者，望天地，觀江海，因山谷．日月所照，四時所行，雲布風動，不以智累心，不以私累己．寄治亂於法術，託是非於賞罰，屬輕重於權衡．不逆大理，不傷情性．不吹毛而求小疵，不洗垢而察難知．不引繩之外，不推繩之內．不急法之外，不緩法之內．守成理，因自然．禍福生乎道法，而不出乎愛惡，榮辱之責，在乎己，而不在乎人．

đế vương phối hợp với trời đất. Đó là cái đạo cưỡi trời đất, đuổi vạn vật, sử dụng con người. [...] Cho nên người xưa muốn làm rõ đại đạo, thì trước phải làm làm rõ lẽ trời rồi mới tới đạo đức; đạo đức đã rõ rồi mới tới nhân nghĩa; nhân nghĩa đã rõ rồi mới tới chức vụ; chức vụ đã rõ rồi mới tới hình danh (thực tế và danh xưng); hình danh đã rõ rồi mới tới giao nhiệm vụ; nhiệm vụ đã rõ rồi mới tới giám sát; giám sát đã rõ rồi mới tới xét đúng sai; đúng sai đã rõ rồi mới tới thưởng phạt; thưởng phạt đã rõ rồi mới bố trí kẻ ngu người trí đúng chỗ; đặt người sang kẻ hèn đúng vị trí, cho người giỏi kẻ dở làm theo khả năng. Phải phân công theo khả năng, tuỳ khả năng mà định danh phận. Theo cách đó mà phục vụ người trên, nuôi dưỡng kẻ dưới, đối phó sự vật, và tu thân. Không dùng mưu trí mà cứ theo lẽ tự nhiên. Đó gọi là thái bình, thịnh trị. Cho nên *Kinh Thư* nói: "Có hình thì có danh." Hình danh thì người xưa đã có phân biệt nhưng không xem là quan trọng. Khi nói đến đại đạo, người xưa xếp hình danh ở hàng thứ năm, xếp thưởng phạt ở hàng thứ chín.»[40]

Sự việc trong thiên hạ thì rất nhiều, nếu vua đích thân giải quyết, thì ngay cả hạng vua tài ba vạn năng cũng không làm nổi, nói gì hạng vua bất tài. Hễ ngó cái này thì mất cái kia, hễ ngó cái kia thì mất cái này. Tinh lực và thời gian của một người thì hữu hạn, mà sự việc trong

---

[40] *Trang Tử* (Thiên Đạo): «Phù đế vương chi đức, dĩ thiên địa vi tông, dĩ đạo đức vi chủ, dĩ vô vi vi thường. Vô vi dã, tắc dụng thiên hạ nhi hữu dư. Hữu vi dã, tắc vi thiên hạ dụng nhi bất túc. Cố cổ chi nhân quý phù vô vi dã. Thượng vô vi dã, hạ diệc vô vi dã, thị hạ dữ thượng đồng đức. Hạ dữ thượng đồng đức tắc bất thần. Hạ hữu vi dã, thượng diệc hữu vi dã, thị thượng dữ hạ đồng đạo. Thượng dữ hạ đồng đạo tắc bất chủ. Thượng tất vô vi nhi dụng hạ, hạ tất hữu vi vi thiên hạ dụng. Thử bất dịch chi đạo dã. Cố cổ chi vương thiên hạ giả, trí tuy lạc thiên địa, bất tự lự dã. Biện tuy điêu vạn vật, bất tự thuyết dã. Năng tuy cùng hải nội, bất tự vi dã. Thiên bất sản nhi vạn vật hoá, địa bất trưởng nhi vạn vật dục, đế vương vô vi nhi thiên hạ công. Cố viết: mạc thần ư thiên, mạc phú ư địa, mạc đại ư đế vương. Cố viết: Đế vương chi đức phối thiên địa. Thử thừa thiên địa, trì vạn vật, nhi dụng nhân quần chi đạo dã. [...] Thị cố cổ chi minh đại đạo giả, tiên minh thiên nhi đạo đức thứ chi, đạo đức dĩ minh nhi nhân nghĩa thứ chi, nhân nghĩa dĩ minh nhi phân thủ thứ chi, phân thủ dĩ minh nhi hình danh thứ chi, hình danh dĩ minh nhi nhân nhiệm thứ chi, nhân nhiệm dĩ minh nhi nguyên tỉnh thứ chi, nguyên tỉnh dĩ minh nhi thị phi thứ chi, thị phi dĩ minh nhi thưởng phạt thứ chi, thưởng phạt dĩ minh nhi ngu trí xử nghi, quý tiện lý vị, nhân hiền bất tiếu tập tình, tất phân kỳ năng, tất do kỳ danh. Dĩ thử sự thượng, dĩ thử súc hạ, dĩ thử trị vật, dĩ thử tu thân, trí mưu bất dụng, tất quy kỳ thiên. Thử chi vị đại bình, trị chi chí dã. Cố Thư viết: "Hữu hình hữu danh." Hình danh giả, cổ nhân hữu chi, nhi phi sở dĩ tiên dã. Cổ chi ngữ đại đạo giả, ngũ biến nhi hình danh khả cử, cửu biến nhi thưởng phạt khả ngôn dã.» 夫帝王之德，以天地爲宗，以道德爲主，以無爲爲常．無爲也，則用天下而有餘．有爲也，則爲天下用而不足．故古之人貴夫無爲也．上無爲也，下亦無爲也，是下與上同德則不臣．下有爲也，上亦有爲也，是上與下同道．上與下同道則不主上必無爲而用下，下必有

thiên hạ thì vô cùng; cho nên hễ hữu vi thì bị thiên hạ dùng mà không đủ sức. Vì thế người xưa làm vua thiên hạ, tài cán vượt hẳn mọi người trong bốn biển nhưng chẳng thi thố gì. Đức của đế vương xem vô vi là lẽ thường. Mọi việc cứ để cho người ta làm thì họ sẽ trổ hết tài mà không bỏ việc. Cho nên nói hễ vô vi thì dùng được thiên hạ mà có dư sức. Đó là đạo dùng người của đế vương vậy.

Phương pháp tỉ mỉ thi hành đạo dùng người của đế vương (như Trang Tử đã nói) có chín bước: [Sau khi làm rõ *thiên lý*, *đạo đức*, và *nhân nghĩa*, thì thi hành] *phân thủ* 分守 (tức là lập ra chức quan, phân chia chức trách, định rõ công việc). Làm rõ các chức vụ rồi thì mới xét dùng ai giữ chức gì. Người được chọn dùng tức là *hình* (thực tế, đối tượng), chức vụ tức là *danh*. Chọn dùng được người xong rồi, tức là làm rõ *hình danh* rồi, thì cứ để người đó tự làm việc, vua chớ có can thiệp, đó gọi là *nhân nhiệm* 因任. Vua không can thiệp công việc trong chức phận của người ấy nhưng phải giám sát theo dõi kết quả việc làm của anh ta, đó gọi là *nguyên tỉnh* 原省. Sau khi giám sát theo dõi kết quả việc làm một cách rõ ràng rồi, hễ kết quả tốt tức là đúng, hễ xấu tức là sai; đó gọi là *thị phi* 是非 (đúng sai). Đúng sai đã rõ ràng thì thưởng hay phạt người ấy; đó là *thưởng phạt* 賞罰. Có như thế, những kẻ ngu, trí, hiền, hư hỏng ai cũng có địa vị thích đáng, nên thiên hạ thịnh trị.

Trang Tử lại nói: «Tầm thường nhưng không thể không chấp nhận là vật. Thấp thỏi nhưng không thể không dùng là dân. Ẩn giấu nhưng không thể không làm là việc. Thô nhưng không thể không nêu ra là pháp. Xa xôi nhưng không thể không giữ là nghĩa. Thân thiết nhưng không thể không mở rộng là nhân. Tiết chế nhưng không thể không tích trữ là

爲爲天下用.此不易之道也.故古之王天下者知(智)雖落天地,不自慮也.辯雖雕萬物,不自說也.能雖窮海內,不自爲也.天不產而萬物化,地不長而萬物育,帝王無爲而天下功.故曰:莫神於天,莫富於地,莫大於帝王.故曰:帝王之德配天地.此乘天地,馳萬物,而用人群之道也.[...]是故古之明大道者,先明天而道德次之,道德已明而仁義次之,仁義已明而分守次之,分守已明而形名次之,形名已明而因任次之,因任已明而原省次之,原省已明而是非次之,是非已明而賞罰次之,賞罰已明而愚知(智)處宜,貴賤履位,仁賢不肖襲情.必分其能,必由其名.以此事上,以此畜下,以此治物,以此修身,知(智)謀不用,必歸其天.此之謂大(太)平,治之至也.故書曰:有形有名.形名者,古人有之,而非所以先也.古之語大道者,五變而形名可舉,九變而賞罰可言也.– **LAM chú: Cổ nhân làm rõ đại đạo (minh đại đạo 明大道) bằng cách làm rõ ý nghĩa từng bước một theo thứ tự: 1- *Thiên* 天(lẽ trời), 2- *Đạo đức* 道德; 3- *Nhân nghĩa* 仁義, 4- *Phân thủ* 分守(phân chia chức vụ), 5 - *Hình danh* 形名(thực tế và danh xưng), 6- *Nhân nhiệm* 因任(giao nhiệm vụ), 7- *Nguyên tỉnh* 原省(giám sát), 8- *Thị phi* 是非(đúng sai), 9- *Thưởng phạt* 賞罰. (Theo đó, *hình danh* là bước thứ 5; *thưởng phạt* là bước thứ 9).**

lễ. Ở giữa nhưng không thể không cao là đức. Duy nhất nhưng không thể không biến dịch là đạo. Thần bí nhưng không thể không làm là thiên nhiên. Cho nên thánh nhân quan sát thiên nhiên chứ không trợ giúp nó, thành tựu đức của mình chứ không luỵ vì nó, hành xử theo đạo chứ không mưu kế, có lòng nhân chứ không cậy nhờ nó, có lòng nghĩa chứ không tích trữ nó, thích ứng với lễ chứ không kiêng nó, tiếp đón sự việc chứ không từ chối nó, theo pháp luật chứ không gây loạn, trông cậy dân chứ không khinh họ, thích ứng với vật chứ không bỏ nó. Sự việc dù không đáng làm nhưng không thể không làm. Hễ không hiểu rõ thiên lý thì đức sẽ không thuần; hễ không hiểu đạo tự mình không làm gì nổi. Không hiểu đạo thì đáng thương thay! Đạo là gì? Có đạo trời, có đạo người. Vô vi mà được tôn kính, đó là đạo trời. Hữu vi mà bị luỵ thân, đó là đạo người. Làm vua là đạo trời, làm bầy tôi là đạo người. Đạo trời và đạo người khác xa nhau, không thể không xét kỹ vậy.»[41]

Tư Mã Thiên nói Hàn Phi «thích cái học hình danh và pháp thuật, nhưng gốc của học thuyết là ở Hoàng Đế và Lão Tử», bởi vì cái học của Pháp gia quả thực chịu ảnh hưởng của Đạo gia rất lớn. Đạo gia nói Đạo để cho vạn vật tự làm. Cho nên thông qua vô vi mà không gì không được làm. Suy ra ở lĩnh vực triết học chính trị, vua chúa chỉ cần ngồi yên ở trên cao, cứ để dân chúng tự làm. Cho nên Trang Tử nói: «Vô vi mà được tôn kính, đó là đạo trời. Hữu vi mà bị luỵ thân, đó là đạo người. Làm vua

---

[41] ***Trang Tử*** **(Tại Hựu): «Tiện nhi bất khả bất nhiệm giả, vật dã. Tì nhi bất khả bất nhân giả, dân dã. Nặc nhi bất khả bất vi giả, sự dã. Thô nhi bất khả bất trần giả, pháp dã. Viễn nhi bất khả bất cư giả, nghĩa dã. Thân nhi bất khả bất quảng giả, nhân dã. Tiết nhi bất khả bất tích giả, lễ dã. Trung nhi bất khả bất cao giả, đức dã. Nhất nhi bất khả bất dịch giả, đạo dã. Thần nhi bất khả bất vi giả, thiên dã. Cố thánh nhân quan ư thiên nhi bất trợ, thành ư đức nhi bất luỵ, xuất ư đạo nhi bất mưu, hội ư nhân nhi bất thị, bạc ư nghĩa nhi bất tích, ứng ư lễ nhi bất huỷ, tiếp ư sự nhi bất từ, tề ư pháp nhi bất loạn, thị ư dân nhi bất khinh, nhân ư vật nhi bất khứ. Vật giả mạc túc vi dã, nhi bất khả bất vi. Bất minh ư thiên giả, bất thuần ư đức; bất thông ư đạo giả, vô tự nhi khả. Bất minh ư đạo giả, bi phù! Hà vị đạo? Hữu thiên đạo, hữu nhân đạo. Vô vi nhi tôn giả, thiên đạo dã, hữu vi nhi luỵ giả, nhân đạo dã. Chủ giả, thiên đạo dã, thần giả, nhân đạo dã. Thiên đạo chi dữ nhân đạo dã, tương khứ viễn hĩ, bất khả bất sát dã.»** 賤而不可不任者,物也.卑而不可不因者,民也.置不可不爲者,事也.飄而不可不陳者,法也.遠而不可不居者,義也.親而不可不廣者,仁也.節而不可不積者,禮也.中而不可不高者,德也.一而不可不易者,道也.神而不可不爲者,天也.故聖人觀於天而不助,成於德而不累,出於道而不謀,會於仁而不恃,薄於義而不積,應於禮而不諱,接於事而不辭,齊於法而不亂,恃於民而不輕,因於物而不去.物者莫足爲也,而不可不爲.不明於天者,不純於德,不通於道者,無自而可.不明於道者,悲夫!何謂道?有天道,有人道.無爲而尊者,天道也,有爲而累者,人道也.上者,天道也,臣者,人道也.天道之與人道也,相去遠矣,不可不察也.

là đạo trời, làm bầy tôi là đạo người.»

Tuy nhiên, nếu dân chúng ai cũng tự làm theo ý riêng, thì họ sẽ hài hoà với nhau chăng? Một số Đạo gia lý tưởng hoá thiên nhiên thì cho rằng nếu ta dựa vào sự tự nhiên của nhân tính thì mọi sự sẽ đúng. Đó là kiến giải chính tông của Trang học, mà Tuân Tử phê bình là «bị tự nhiên che lấp mà không biết đến người» (tế ư thiên nhi bất tri nhân 蔽於天而不知人). Còn một số Đạo gia khác biết rằng sự vật dù không đáng làm nhưng không thể không làm, sự việc dù ẩn giấu nhưng không thể không làm, pháp dù thô nhưng không thể không nêu ra. Do đó mà giảng *phân thủ, hình danh, nhân nhiệm, nguyên tỉnh, thị phi, thưởng phạt* để cho dân chúng theo pháp luật chứ không gây loạn. Nhóm Đạo gia này cũng nhận được ám thị của xu thế chính trị thực tế bấy giờ, nên khác biệt với nhóm Đạo gia kia, vốn là bọn chuyên nói về những điều không tưởng (utopias). Pháp gia lại phát huy triệt để quan điểm của nhóm Đạo gia thực tế ấy. Ngày nay trong *Quản Tử* có hai thiên Nội Nghiệp và Bạch Tâm, còn *Hàn Phi Tử* có hai thiên Giải Lão và Dụ Lão. Tuy các sách ấy đều do người đời sau biên tập, nhưng ta có thể thấy trong các phái Pháp gia thời kỳ ban đầu cũng đều giảng thêm học thuyết của Đạo gia. Nhóm Đạo gia giảng hình danh và thưởng phạt ấy, tuy giảng hình danh và thưởng phạt nhưng không cho chúng là quan trọng; tuy giảng pháp luật nhưng lại xem nó là thô; tuy xem sự vật là không thể không làm nhưng xem nó là không đáng làm. Như vậy là chưa hoàn toàn thoát ly quan điểm của Đạo gia, nên rốt cuộc họ khác biệt với Pháp gia.

10. Pháp gia và quý tộc đương thời

Cái xu thế chính trị thực tế thời Chiến Quốc là từ nền chính trị do quý tộc nắm giữ tiến tới nền chính trị quân chủ chuyên chế. Pháp gia đã cung cấp cho xu thế ấy một cơ sở lý luận, đồng thời họ đem tài trí và học lực của mình ra giúp các vua chúa thực hiện những cải cách triệt để. Cho nên bọn quý tộc và đại thần bấy giờ rất ghét Pháp gia. Hàn Phi Tử nói: «Kẻ sĩ có thuật cai trị tất nhìn xa và xét rõ. Nếu không xét rõ thì không thể khám phá được âm mưu quỷ kế. Kẻ sĩ giỏi pháp luật tất cương nghị và chính trực. Nếu không chính trực thì không thể diệt kẻ gian tà. [...] Kẻ sĩ có thuật cai trị và biết xét rõ, nếu được vua dùng, sẽ vạch trần tim đen của những kẻ thế lực. Kẻ sĩ giỏi pháp luật và chính trực, nếu được vua dùng, sẽ diệt hành vi gian tà của những kẻ thế lực. Cho nên nếu kẻ sĩ có thuật cai trị và giỏi pháp luật được vua dùng thì bọn bầy tôi được vua quý trọng ắt bị gạt ra ngoài. Do đó kẻ sĩ giỏi pháp luật và bọn nắm chức quan cao vốn là những kẻ thù không đội trời chung. [...] Đã ở cái thế không

thắng lại còn không đội trời chung với bọn nắm chức quan cao, thì kẻ sĩ có thuật trị nước và giỏi pháp luật làm sao tránh được nguy tai? Nếu kẻ sĩ bị vu cáo một tội nào đấy, hắn sẽ bị phép công xử tử. Nếu không khép được hắn vào tội gì thì sai người lén đâm chết hắn. Vậy những kẻ sĩ giỏi pháp và thuật mà nghịch với chúa thượng, nếu không bị quan lại giết thì cũng bị ám sát bằng lưỡi kiếm bí mật.»[42]

Lại nói: «Đường Khê Công bảo Hàn Phi Tử rằng: "Tôi nghe nói theo lễ và nhường nhịn là thuật bảo toàn thân. Tu dưỡng phẩm đức hạnh và che giấu tài trí là đạo làm nổi danh. Nay tiên sinh lập pháp luật và thuật cai trị, đặt chuẩn mực. Tôi thiết nghĩ tiên sinh sẽ gặp nguy. [...] Bỏ đạo bảo toàn thân và nổi danh mà làm việc nguy hiểm, tôi thiết nghĩ tiên sinh chớ nên làm." Hàn Phi Tử đáp: "Tôi hiểu lời tiên sinh. Nắm cái cán để trị thiên hạ và dùng pháp độ để chỉnh đốn dân chúng, thật không phải dễ. Nhưng sở dĩ tôi bỏ lễ giáo của tiên vương mà thi hành sự chọn lựa của tôi là vì tôi nghĩ rằng lập pháp luật và thuật cai trị và đặt chuẩn mực là đạo làm tiện lợi cho dân chúng. Cho nên tôi không sợ mối hoạ do chủ loạn và vua hôn ám, mà chỉ nghĩ đến cái lợi của việc chỉnh đốn dân chúng và hành động của bậc nhân trí. Sợ mối hoạ do chủ loạn và vua hôn ám mà tránh cái hại bị giết; biết rõ cái lợi bản thân mà không thấy cái lợi của dân chúng, đó là hành vi tham lam bỉ ổi. Tôi không đành làm chuyện tham lam bỉ ổi, không dám có hành vi làm hại nhân trí. Tiên

---

[42] *Hàn Phi Tử* (Cô Phẫn): «Trí thuật chi sĩ, tất viễn kiến nhi minh sát, bất minh sát, bất năng chúc tư. Năng pháp chi sĩ, tất cường nghị nhi kính trực, bất kính trực bất năng kiểu gian. [...] Trí thuật chi sĩ, minh sát thính dụng, thả chúc trọng nhân chi âm tình. Năng pháp chi sĩ, kính trực thính dụng, thả kiểu trọng nhân chi gian hành. Cố trí thuật năng pháp chi sĩ dụng, tắc quý trọng chi thần tất tại thằng chi ngoại hĩ. Thị trí pháp chi sĩ, dữ đương đồ chi nhân, bất khả lưỡng tồn chi cừu dã. [...] Cố tư tất bất thắng, nhi thế bất lưỡng tồn, pháp thuật chi sĩ, yên đắc bất nguy. Kỳ khả dĩ tội quá vu giả, dĩ công pháp nhi tru chi. Kỳ bất khả bị dĩ tội quá giả, dĩ tư kiếm nhi cùng chi. Thị minh pháp thuật nhi nghịch chủ thượng giả, bất lục ư lại tru, tất tử ư tư kiếm hĩ.» 智術之士必遠見而明察，不明察，不能燭私．能法之士必強毅而勁直，不勁直不能矯姦[...]智術之士明察聽用，且燭重人之陰情．能法之士，勁直聽用，且矯重人之姦行．故智術能法之士用，則貴重之臣必在繩之外矣．是智法之士，與當塗之人，不可兩存之仇也[...]故資必不勝，而勢不兩存，法術之士，焉得不危．其可以罪過誣者，以公法而誅之．其不可被罪過者，以私劍而窮之．是明法術而逆主上者，不僇於吏誅，必死於私劍矣．

sinh có lòng thương mến tôi, nhưng lại làm tổn thương tôi nhiều lắm.»[43]

Bởi phạm vi xã hội và quốc gia bấy giờ ngày càng trở nên rộng lớn hơn, tổ chức ngày càng phức tạp hơn, vì thế phương pháp cai trị ngày xưa không còn thích dụng nữa, nên cần có phương pháp mới. Bọn Hàn Phi xem việc lập pháp thuật và đặt chuẩn mực là làm tiện lợi cho dân chúng. Họ không sợ cái hoạ tử vong, mà cứ cổ xuý cho một thuật cai trị mới mẻ. Quả là những kẻ sĩ cứu đời một cách tích cực vậy.

---

[43] ***Hàn Phi Tử*** **(Vấn Điền): «Đường Khê Công vị Hàn Tử viết: "Thần văn phục lễ từ nhượng, toàn chi thuật dã. Tu hành thoái trí, toại chi đạo dã. Kim tiên sinh lập pháp thuật, thiết độ số, thần thiết dĩ vi nguy ư thân nhi đãi ư khu. [...] Phù xả hồ toàn toại chi đạo, nhi tứ hồ nguy đãi chi hành, thiết vi tiên sinh vô thủ yên." Hàn Tử viết: "Thần minh tiên sinh chi ngôn hĩ. Phù trị thiên hạ chi bính, tể dân manh chi độ, thậm vị dị xử dã. Nhiên sở dĩ phế tiên vương chi giáo, nhi hành tiện thần chi sở thủ giả, thiết dĩ vi lập pháp thuật, thiết độ số, sở dĩ lợi dân manh, tiện chúng thứ chi đạo dã. Cố bất đạn loạn chủ ám thượng chi hoạn hoạ, nhi tất tư dĩ tể dân manh chi tư lợi giả, nhân trí chi hành dã. Đạn loạn chủ ám thượng chi hoạn hoạ, nhi tị hồ tử vong chi hại, tri minh phù thân nhi bất kiến dân manh chi tư lợi giả, tham bỉ chi vi dã. Thần bất nhẫn hưởng tham bỉ chi vi, bất cảm thương nhân trí chi hành. Tiên sinh hữu hạnh thần chi ý, nhiên hữu đại thương thần chi thực."»** 堂谿公謂韓子曰: "臣聞服禮辭讓, 全之術也. 修行退智, 遂之道也. 今先生立法術, 設度數, 臣竊以爲危於身而殆於軀[...]夫舍乎全遂之道, 而肆乎危殆之行, 竊爲先生無取焉." 韓子曰: "臣明先生之言矣. 夫治天下之柄, 齊民萌之度, 甚未易處也. 然所以廢先王之教, 而行賤臣之所取者, 竊以爲立法術, 竊度數, 所以利民萌, 便衆庶之道也. 故不憚亂主闇上之患禍, 而必思以齊民萌之資利者, 仁智之行也. 憚亂主闇上之患禍, 而避乎死亡之害, 知明夫身而不見民萌之資利者, 貪鄙之爲也. 臣不忍嚮貪鄙之爲, 不敢傷仁智之行. 先生有幸臣之意, 然有大傷臣之實."

CHƯƠNG 14

NHO GIA ĐỜI TẦN VÀ ĐỜI HÁN

Hàn Phi Tử nói về Nho gia rằng: «Sau khi Khổng Tử mất, các phái Nho gia hậu bối có: Tử Trương, Tử Tư, Nhan Hồi, Mạnh Tử, Tất Điêu, Trọng Lương, Tuân Tử, Nhạc Chính.»[1]

Đó là các phái Nho gia cuối thời Chiến Quốc. Trứ tác của các Nho gia cuối thời Chiến Quốc và đầu đời Hán được Đái Đức 戴德 (đời gọi là Đại Đái 大戴) biên tập thành một bộ sách 85 thiên; rồi cháu của ông là Đái Thánh 戴聖 (đời gọi là Tiểu Đái 小戴) rút gọn lại còn 46 thiên, và bộ sách này có tên là *Lễ Ký* 禮記. Bộ trước có tên là *Đại Đái Lễ Ký*, bộ sau có tên *Tiểu Đái Lễ Ký*.[2] Ngoài hai bộ *Lễ Ký* ấy còn có bộ *Hiếu Kinh*, tương truyền do Khổng Tử viết, nhưng trong *Luận Ngữ* thì không hề nhắc đến *Hiếu Kinh*. Bởi được nhắc đến đầu tiên trong thiên Sát Vi 察微 của *Lã Thị Xuân Thu*, nên *Hiếu Kinh* được xem là trứ tác của Nho gia xuất hiện cuối thời Chiến Quốc. Nơi chương này, tôi luận về *Lễ Ký* và *Hiếu Kinh*.

---

1 ***Hàn Phi Tử*, Hiển Học: «Tự Khổng Tử chi tử dã, hữu Tử Trương chi nho, hữu Tử Tư chi nho, hựu Nhan thị chi nho, hữu Mạnh thị chi nho, hữu Tất Điêu thị chi nho, hữu Trọng Lương thị chi nho, hữu Tôn thị chi nho, hữu Nhạc Chính thị chi nho.»** 自孔子之死也，有子張之儒，有子思之儒，有顏氏之儒，有孟氏之儒，有漆雕氏之儒，有仲良氏之儒，有孫氏之儒，有樂正氏之儒.

2 **LAM chú: Chỗ này tôi dịch theo Derk Bodde, trong bản chữ Hán chỉ nói gọn là «Đại Tiểu Đái Lễ Ký». Tôi xin ghi chú thêm: Sách về lễ xưa đến đời Hán được gọi là *Tam Lễ* 三禮, bao gồm *Chu Lễ* 周禮, *Nghi Lễ* 儀禮, và *Lễ Ký* 禮記. Về tác giả và sự biên tập có nhiều thuyết khác nhau. Đại khái, đa số cho rằng *Chu Lễ* và *Nghi Lễ* là do Chu Công viết. Đời Tây Hán, Đái Đức 戴德 san định sách lễ xưa (trong đó có cả *Nghi Lễ*) thành 85 thiên gọi là *Đại Đái Lễ* 大戴禮; Đái Thánh 戴聖 san định còn 49 thiên gọi là *Tiểu Đái Lễ* 小戴禮. Có hai thuyết chính: (1) Đái Thánh san định sách của Đái Đức, (2) cả Đái Đức và Đái Thánh đều sử dụng một nguồn tư liệu và san định thành hai tác phẩm riêng. Đến đời Đông Hán, Mã Dung 馬融 và Lô Thực 盧植 dựa trên *Tiểu Đái Lễ* hiệu chính lại sự dị đồng của chư gia mà thành quyển *Lễ Ký* thông hành đến nay. Quyển *Lễ Ký* hiện nay tuy có 49 thiên, thực chất là 46 thiên vì có 3 thiên kép (thượng, hạ): Đàn Cung 檀弓, Khúc Lễ 曲禮, Tạp Ký 雜記. Đến đời Tống các Nho gia mới tách 2 thiên trong *Lễ Ký* là *Đại Học* 大學 và *Trung Dung* 中庸 nhập với *Luận Ngữ* 論語 và *Mạnh Tử* 孟子 thành *Tứ Thư* 四書. (Xem: Trần Khắc Minh 陳克明, *Quần Kinh Yếu Nghĩa* 群經要義, Đông Phương xuất bản xã, Bắc Kinh, 1996, tr.160–167).**

1. Lý luận chung về Lễ

Ở tiết 5 của chương 4, tôi đã nói Khổng Tử đề cập *trực* 直 (thẳng thắn) và *lễ* 禮. Nói đến *thẳng thắn* tức là chú trọng sự tự do của tính tình cá nhân; nói đến *lễ* là chú trọng sự ràng buộc của các ước lệ xã hội đối với cá nhân. Khổng Tử chú trọng lễ nhưng ông chưa hề có một lý luận chung để thuyết minh tính chất của lễ và mối quan hệ của nó đối với nhân sinh. Nho gia lấy *thuật* làm *tác*. Trong lời của Khổng Tử, thành tố *thuật* thì nhiều mà thành tố *tác* thì khá ít.

Các Nho gia cuối thời Chiến Quốc và đầu đời Hán đã bắt đầu có một lý luận chung về lễ, thuyết minh tính chất của lễ và mối quan hệ của nó đối với nhân sinh. Tuân Tử đã lý luận về lễ như thế nào, ở chương 12 tôi đã nói rồi. Dưới đây tôi xin trích dẫn vài đoạn của các Nho gia khác.

Lễ Ký (Đàn Cung) chép: «Tăng Tử nói với Tử Tư rằng: "Cấp à, ta chịu tang cha mẹ, suốt bảy ngày ta không uống nước hay nước giải khát." Tử Tư nói: "Về việc lễ do tiên vương qui định, ai vượt quá mức thì bớt lại; ai chưa làm tới thì gắng làm tới mức. Cho nên quân tử chịu tang cha mẹ, ba ngày không uống nước hay nước giải khát, thì có thể chống gậy mà đứng lên được rồi."»[3]

Lại nói: «Tử Hạ dứt tang cha mẹ, diện kiến Khổng Tử. Được trao cây đàn, Tử Hạ cố lên dây mà không xong, đàn cũng không ra tiếng; rồi nói: "Đau buồn chưa hết. Việc lễ do tiên vương qui định, tôi không dám vượt qua." Tử Trương dứt tang cha mẹ, diện kiến Khổng Tử. Được trao cây đàn, Tử Trương lên dây thì được, đàn thì ra tiếng; rồi nói: "Việc lễ do tiên vương qui định, tôi không dám không theo sát."»[4]

Lễ Ký (Lễ Vận) chép: «Chuyện ăn uống và sinh hoạt tính dục giữa

---

[3] ***Lễ Ký* (Đàn Cung): «Tăng Tử vị Tử Tư viết: "Cấp, ngô chấp thân chi tang dã, thuỷ tương bất nhập ư khẩu giả thất nhật." Tử Tư viết: "Tiên vương chi chế lễ dã, quá chi giả phủ nhi tựu chi. Bất chí yên giả, kỳ nhi cập chi. Cố quân tử chi chấp thân chi tang dã, thuỷ tương bất nhập ư khẩu giả tam nhật, trượng nhi hậu năng khởi."»** 曾子謂子思曰："伋，吾執親之喪也，水漿不入於口者七日．"子思曰："先王之制禮也，過之者俯而就之．不至焉者，跂而及之，故君子之執親之喪也，水漿不入於口者三日，杖而后能起．"

[4] ***Lễ Ký* (Đàn Cung 檀弓): «Tử Hạ ký trừ tang nhi kiến. Dữ chi cầm, hoà chi nhi bất hoà, đàn chi nhi bất thành thanh. Tác nhi viết: "Ai vị vong dã, tiên vương chế lễ nhi phất cảm quá dã." Tử Trương ký trừ tang nhi kiến. Dữ chi cầm, hoạ chi nhi hoạ, đàn chi nhi thành thanh. Tác nhi viết: "Tiên vương chế lễ, bất cảm bất chí yên."»** 子夏既除喪而見．予之琴，和之而不和，彈之而不成聲．作而曰："哀未忘也，先王制禮而弗敢過也．"子張既除喪而見．予之琴，和之而和，彈之而成聲．作而曰："先王制禮，不敢不至焉．"

trai gái là thứ con người thích nhất. Chết chóc và nghèo khổ là thứ con người ghét nhất. Cho nên cái thích hay ghét là đầu mối trong tâm. Người ta giấu nó trong tâm nhưng không thăm dò được nó. Cái tốt cái xấu đều chìm trong tâm mà không hiện ra ngoài. Muốn có một thứ để hiểu hết chúng, nếu chẳng phải lễ thì là gì?»[5]

Lễ Ký (Trọng Ni Yên Cư) chép: «Khổng Tử ở yên trong nhà, Tử Trương, Tử Cống, Ngôn Du đứng hầu. [...] Khổng Tử nói: "Sư à, ngươi lầm lỗi quá, còn Thương thì làm không đến nơi. Tử Sản giống như bà mẹ của thiên hạ, chỉ biết cho ăn chứ không dạy được." Tử Cống bước đến chỗ ngồi của Khổng Tử, nói: "Con xin hỏi Thầy: làm sao để được mức trung dung?" Khổng Tử đáp: "Đó là lễ. Chính nhờ lễ mà người ta giữ được mức trung dung."»[6]

Lễ Ký (Phường Ký) chép: «Lễ theo tình người mà tiết chế và làm đẹp tình người, cũng nhằm ràng buộc con người vậy.»[7]

Như vậy tác dụng của lễ có hai phương diện: «tiết chế tình người» và «làm đẹp tình người». Sự bộc lộ tình cảm và ham muốn của con người cần phải có một giới hạn thích đáng. Hợp với cái giới hạn đó tức là hợp với *trung* 中. Cái *trung* đó tức là điểm thích hợp cho sự bộc lộ tình cảm và ham muốn của con người. Hễ sự bộc lộ vượt quá mức trung bình, ắt sẽ xảy ra xung đột giữa mình với người khác, hoặc giữa mình với một phương diện khác của chính mình. Lễ tức là một quy phạm bên ngoài áp đặt vào con người giúp con người đạt được cái chuẩn mực trung dung đó. Khổng Tử chú trọng sự bộc lộ tình cảm chân thực nhưng đồng thời cũng nói phải lấy lễ để tiết chế sự bộc lộ đó. Ý là như vậy, nhưng Khổng Tử chưa hề nói rõ ra.

---

[5] *Lễ Ký* (Lễ Vận 禮運): «Ẩm thực nam nữ, nhân chi đại dục tồn yên. Tử vong bần khổ, nhân chi đại ố tồn yên. Cố dục ố giả, tâm chi đại đoan dã. Nhân tàng kỳ tâm, bất khả trắc độ dã. Mỹ ác giai tại kỳ tâm, bất hiện kỳ sắc dã. Dục nhất dĩ cùng chi, xả lễ hà dĩ tai?» 飲食男女,人之大欲存焉.死亡貧苦,人之大惡存焉.故欲惡者,心之大端也.人藏其心,不可測度也.美惡皆在其心,不見其色也.欲一以窮之,舍禮何以哉.

[6] *Lễ Ký* (Trọng Ni Yên Cư 仲尼燕居): «Trọng Ni yên cư, Tử Trương, Tử Cống, Ngôn Du thị. [...] Tử viết: "Sư, nhĩ quá, nhi Thương dã bất cập. Tử Sản do chúng nhân chi mẫu dã, năng tự chi, bất năng giáo dã." Tử Cống việt tịch nhi đối viết: "Cảm vấn tương hà dĩ vi thử trung giả dã?" Tử viết: "Lễ hồ lễ, phù lễ sở dĩ chế trung dã."» 仲尼燕居,子張,子貢,言游侍[...]子曰:"師,爾過,而商也不及.子產猶衆人之母也,能食之,不能教也."子貢越席而對曰:"敢問將何以爲此中者也?"子曰:"禮乎禮.夫禮所以制中也".

[7] *Lễ Ký* (Phường Ký 坊記): «Lễ giả, nhân nhân chi tình nhi vi chi tiết văn, dĩ vi dân phường giả dã.» 禮者,因人之情而爲之節文,以爲民坊者也.

Mạnh Tử nói: «Bản chất của lòng nhân là phụng thờ cha mẹ. Bản chất của nghĩa là vâng lời anh. Bản chất của trí là biết hai điều ấy không được bỏ qua. Bản chất của lễ là tiết chế và làm đẹp hai điều ấy.»[8] Như vậy Mạnh Tử cũng nói «tiết chế và làm đẹp» là công dụng của lễ. Nhưng Mạnh Tử cho rằng con người khi sinh ra vốn đã có lòng từ nhượng (từ nhượng chi tâm 辭讓之心), vậy thì đối với ông lễ chẳng gì khác hơn là sự biểu hiện cụ thể của lòng từ nhượng. Cho nên đối với lý luận về lễ, Mạnh Tử cũng chưa nói nhiều.

Trái lại, Tuân Tử cho rằng bản tính con người là ác, mà ai ai cũng có lòng ham muốn, nếu không tiết chế thì người người sẽ xung đột nhau làm loạn cả lên. Cho nên ông nói: «Tiên vương tiết chế lễ và nghĩa để phân định giới hạn.»[9] Nhưng Tuân Tử phần nhiều cho rằng lễ nhằm tránh sự xung đột giữa người với người; còn như lễ có thể điều hoà sự xung đột tình cảm và ham muốn của chính bản thân một cá nhân thì Tuân Tử chưa hề nói đến. Như thiên Đàn Cung của *Lễ Ký* đã nói thì lễ có thể điều hoà sự xung đột tình cảm và ham muốn của chính bản thân một cá nhân. Cái tình tưởng nhớ cha mẹ quá cố và sự ham muốn ẩm thực cần tuân theo một quy phạm tiêu chuẩn thì chúng mới không tự xung đột nhau. Đối với lý luận về lễ, Tuân Tử đã nói cũng rõ; còn mấy đoạn trích *Lễ Ký* trên đây cho thấy Nho gia đã bắt đầu hoàn thành một lý luận chung về lễ rồi vậy.

Lễ Ký cũng cho rằng lễ còn nhằm qui định các sai biệt trong xã hội. Thiên Khúc Lễ nói: «Lễ là để phân định kẻ thân người lạ, giải quyết hiềm nghi, phân biệt giống nhau hay khác lạ, làm rõ đúng sai.»[10] Thiên Ai Công Vấn nói: «Trong cuộc sống con người thì lễ là lớn nhất. Không lễ lấy gì tiết chế sự thờ cúng thần của trời đất. Không lễ lấy gì phân biệt vai vế vua-tôi, trên-dưới, già-trẻ. Không lễ lấy gì phân biệt quan hệ nam-nữ, cha-con,

---

8 ***Mạnh Tử*, Ly Lâu (thượng): «Nhân chi thực, sự thân thị dã. Nghĩa chi thực, tòng huynh thị dã. Trí chi thực, tri tư nhị giả phất khứ thị dã. Lễ chi thực, tiết văn tư nhị giả thị dã.»** 仁之實,事親是也.義之實,從兄是也.智之實,知斯二者弗去是也.禮之實,節文斯二者是也.

9 ***Tuân Tử*, Lễ Luận 禮論: «Tiên vương chế lễ nghĩa dĩ phân chi.»** 先王制禮義以分之.

10 **Lễ Ký (Khúc Lễ 曲禮): «Phù lễ giả, sở dĩ định thân sơ, quyết hiềm nghi, biệt đồng dị, minh thị phi dã.»** 夫禮者,所以定親疏,決嫌疑,別同異,明是非也.

anh-em; lấy gì phân biệt hôn nhân, quan hệ thân-sơ, xa-gần.»[11]

Như vậy lễ qui định các sai biệt trong xã hội. Những sai biệt này rất cần thiết để tránh sự xung đột giữa người với người.

Hễ chúng ta hiểu được nguyên lý của lễ, thì hiểu rằng sự biểu hiện cụ thể của lễ có thể biến đổi theo thời thế và hoàn cảnh, chứ lễ không bao giờ bất biến. Thiên Lễ Vận nói: «Cho nên thánh vương tu sửa cái cốt cán của nghĩa và cái trật tự lễ để khống chế tình cảm con người. Tình cảm con người là thửa ruộng của thánh vương; tu sửa lễ để cày ruộng; bộc lộ nghĩa để gieo hạt; giảng học để trừ cỏ dại; lấy nhân làm gốc để tụ tập trái quả; dùng nhạc để an vui. Cho nên lễ là thực chất của nghĩa, là sự hợp lại các điều đúng đắn; giả sử tiên vương chưa đặt ra lễ, thì người ta có thể dựa theo nghĩa mà hành động.»[12]

Thiên Lễ Khí nói: «Đối với lễ, thời là lớn. [...] Nghiêu truyền ngôi cho Thuấn; Thuấn truyền ngôi cho Vũ; Thang lật đổ Kiệt; Vũ Vương đánh Trụ; đó là thời vậy.»[13]

Thiên Nhạc Ký nói: «Thời của Ngũ Đế (Thái Hạo, Viêm Đế, Hoàng Đế, Thiếu Hạo, Chuyên Húc) khác nhau nên mỗi Đế không theo nhạc của thời trước. Đời của Tam Vương (Nghiêu, Thuấn, Vũ) khác nhau nên mỗi Vương không theo lễ của đời trước.»[14]

Thiên Giao Đặc Sinh nói: «Tôn trọng lễ là tôn trọng cái nghĩa trong nó. Mất nghĩa rồi, sự phô bày số lượng sự việc là công việc của

---

[11] ***Lễ Ký* (Ai Công Vấn 哀公問): «Dân chi sở do sinh, lễ vi đại. Phi lễ vô dĩ tiết sự thiên địa chi thần dã. Phi lễ vô dĩ biện quân thần thượng hạ trường ấu chi vị dã. Phi lễ vô dĩ biệt nam nữ phụ tử huynh đệ chi thân, hôn nhân sơ sổ chi giao dã.»** 民之所由生，禮爲大．非禮無以節事天地之神也．非禮無以辨君臣上下長幼之位也．非禮無以別男女父子兄弟之親，婚姻疏數之交也．**(I.AM chú: *sơ sổ* 疏數 / shucù/= sơ mật, viễn cận, thân sơ. Xem: *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển*, Thương Vụ Ấn Thư Quán, Bắc Kinh 2000, tr.1456)**

[12] ***Lễ Ký* (Lễ Vận 禮運): «Cố thánh vương tu nghĩa chi bính, lễ chi tự, dĩ trị nhân tình. Cố nhân tình giả, thánh vương chi điền dã. Tu lễ dĩ canh chi, trần nghĩa dĩ chủng chi, giảng học dĩ nậu chi, bản nhân dĩ tụ chi, bá nhạc dĩ an chi. Cố lễ dã giả, nghĩa chi thực dã, hiệp chư nghĩa nhi hiệp, tắc lễ tuy tiên vương vị chi hữu, khả dĩ nghĩa khởi dã.»** 故聖王修義之柄，禮之序，以治人情．故人情者，聖王之田也．修禮以耕之，陳義以種之，講學以耨之，本仁以聚之，播樂以安之．故禮也者，義之實也，協諸義而協，則禮雖先王未之有，可以義起也．

[13] ***Lễ Ký* (Lễ Khí 禮器): «Lễ, thời vi đại. [...] Nghiêu thụ Thuấn; Thuấn thụ Vũ; Thang phóng Kiệt; Vũ Vương phạt Trụ; thời dã.»** 禮，時爲大．[...] 堯授舜；舜授禹；湯放桀；武王伐紂；時也．

[14] ***Lễ Ký* (Nhạc Ký 樂記): «Ngũ Đế thù thời, bất tương duyên nhạc. Tam Vương dị thế, bất tương tập lễ.»** 五帝殊時，不相沿樂．三王異世，不相襲禮．

quan chép sử. Cho nên số lượng sự việc có thể phô bày mà nghĩa thì khó biết. Biết nghĩa và tôn kính gìn giữ nó, đó là cái mà thiên tử dùng để cai trị thiên hạ.»[15]

Cái nghĩa của lễ tức là cái nguyên lý chung của lễ. Biết cái nghĩa ấy thì nhân theo đó mà có thể tiết chế và làm đẹp tình cảm của con người, tức là có thể đặt ra lễ. Cái nghĩa của lễ thì bất biến, còn cái số lượng của sự việc (tức là sự biểu hiện cụ thể của lễ) thì tuỳ thời mà biến đổi.

Thiên Lễ Sát của *Đại Đái Lễ Ký* so sánh lễ với pháp như sau: «Sự hiểu biết của con người có thể thấy việc đã qua mà không thấy việc sắp đến. Lễ nhằm ngăn ngừa sự việc trước khi nó xảy ra, còn pháp nhằm cấm chỉ sự việc sau khi nó đã xảy ra. Cho nên tác dụng của pháp thì dễ thấy, còn cái mà lễ mang đến thì khó thấy. Khi khen thưởng để khuyến khích việc thiện và trừng phạt để ngăn ngừa việc ác, tiên vương đã nắm sự đúng đắn của lễ, kiên quyết như vàng đá; thi hành sự trung thực của lễ, thuận như bốn mùa; ở trong công trạng của lễ, vô tư như trời đất. Sao lại cho rằng lễ vô dụng? Nói đến lễ, cái đáng quý là nó dứt tuyệt mầm mống của cái ác, làm cho người ta trọng những điều nhỏ nhặt, khiến họ tự động làm thiện và xa lánh tội lỗi. Khổng Tử nói: "Xử kiện thì ta cũng làm được. Nhưng làm cho dân chẳng kiện tụng có phải hay hơn không?" Tức là ý đó. [...] Bậc lấy lễ nghĩa mà cai trị thì tích chứa lễ nghĩa; kẻ lấy

[15] *Lễ Ký* (Giao Đặc Sinh 郊特牲) nói: «Lễ chi sở tôn, tôn kỳ nghĩa dã. Thất kỳ nghĩa, trần kỳ số, chúc sử chi sự dã. Cố kỳ số khả trần dã, kỳ nghĩa nan tri dã. Tri kỳ nghĩa nhi kính thủ chi, thiên tử chi sở dĩ trị thiên hạ dã.» 禮之所尊，尊其義也。失其義，陳其數，祝史之事也。故其數可陳也，其義難知也。知其義而敬守之，天子之所以治天下也。– LAM chú: Trong bản dịch tiếng Anh, Derk Bodde dựa theo bản dịch *Lễ Ký* của James Legge. Trong ngữ cảnh này, Legge hiểu *nghĩa* là *ý tưởng (idea)* và dịch: «That which is most important in ceremonies is to understand the idea intended in them. While the idea is missed, the number of things and observances in them may be correctly exhibited, as that is the business of the officers of prayer and the recorders. Hence that may all be exhibited, but it is difficult to know the idea. The knowledge of that idea, and the reverent maintenance of it was the way by which the sons of Heaven secured the good government of the kingdom.» Derk Bodde hiểu *nghĩa* là *ý nghĩa (meaning)* và sửa lại như sau: «That which is most important in ceremonies (*li*) is to understand the *meaning behind* them. While *missing the meaning*, the number of things and observances in them may *still* be correctly exhibited, *for this* is the business of the officers of prayer and *recording*. Hence *these* may all be exhibited, *while the meaning remains* difficult to know. The knowledge of *their meaning* and the reverent maintenance of it *is* the way *whereby* the *Son* of Heaven *secures* good government *for the empire*.» (Điều quan trọng nhất trong lễ là hiểu được cái ý nghĩa ẩn sau lễ. Khi mất ý nghĩa, số lượng sự việc và sự tuân thủ trong lễ vẫn có thể phô bày đúng đắn, vì đây là việc của quan bói toán và quan chép sử. Vì vậy chúng có thể được phô bày, trong khi ý nghĩa vẫn còn khó hiểu. Sự hiểu biết ý nghĩa của lễ và sự kính cẩn tuân thủ là cách thức thiên tử dùng để giữ yên nền chính trị tốt của vương quốc.) [Những chỗ Derk Bodde sửa lại, tôi in chữ nghiêng.]

hình phạt cai trị thì tích chứa hình phạt. Tích chứa hình phạt thì dân oán hận gấp bội; tích chứa lễ nghĩa thì dân hiền hoà thân ái. Cho nên những kẻ làm chủ thiên hạ đều muốn dân lương thiện mà cách thức họ làm cho dân lương thiện thì khác nhau. Có người dùng sự giáo dục đạo đức để dẫn dắt dân; có người dùng pháp lệnh để ép buộc dân. Lấy đức dục để dẫn dắt dân, thì sự giáo dục đạo đức được thi hành và dân khang lạc. Lấy pháp lệnh để cưỡng ép dân, thì pháp lệnh đè nén quá mức sẽ làm dân lo sợ. Lo sợ hay khang lạc ắt sẽ gây ra hậu quả hoạ hay phúc.»[16]

Đoạn văn trên trong *Lễ Ký* vốn chép từ bài *Luận Thời Chính Sớ* 論時政疏 của Giả Nghị 賈誼 (201-169 TCN). Lễ không phải lúc nào cũng ngăn ngừa sự việc trước khi nó xảy ra; còn pháp không phải lúc nào cũng cấm chỉ sự việc sau khi nó đã xảy ra. Cái mà lễ qui định phần nhiều là tích cực; còn cái mà pháp qui định phần nhiều là tiêu cực. Hơn nữa, pháp có sự thưởng phạt của quốc gia làm hậu thuẫn, còn lễ thì không cần có sự hậu thuẫn đó.

2. Lý luận chung về Nhạc

Khổng Tử rất chú trọng nhạc, nhưng ông chưa hề có một lý luận chung về nhạc, chẳng hạn như khởi nguyên của nhạc hay quan hệ của nhạc đối với đời sống con người. Những điểm này được thảo luận chi tiết trong thiên Nhạc Luận của *Tuân Tử* và thiên Nhạc Ký của *Lễ Ký*. Tuân

[16] *Đại Đái Lễ Ký* (Lễ Sát 禮察): «Phàm nhân chi trí, năng kiến dĩ nhiên, bất năng kiến tương nhiên. Lễ giả, cấm ư tương nhiên chi tiền nhi pháp giả cấm ư dĩ nhiên chi hậu. Thị cố pháp chi dụng dị kiến, nhi lễ chi sở vi sinh nan tri dã. Nhược phù khánh thưởng dĩ khuyến thiện, hình phạt dĩ trừng ác, tiên vương chấp thử chi chính, kiên như kim thạch, hành thử chi tín, thuận như tứ thời, xử thử chi công, vô tư như thiên địa nhĩ. Khởi cố bất dụng tai? Nhiên như viết lễ vân lễ vân, quý tuyệt ác ư vị manh, nhi khởi kính ư vi miểu, sử dân nhật tỷ thiện viễn tội, nhi bất tự tri dã. Khổng Tử viết: "Thính tụng ngô do nhân dã, tất dã sử vô tụng hồ?" Thử chi vị dã. [...] Dĩ lễ nghĩa trị chi giả tích lễ nghĩa; dĩ hình phạt trị chi giả tích hình phạt. Hình phạt tích nhi dân oán bội; lễ nghĩa tích nhi dân hoà thân. Cố thế chủ dục dân chi thiện đồng, nhi sở dĩ sử dân chi thiện giả dị. Hoặc đạo chi dĩ đức giáo, hoặc âu chi dĩ pháp lệnh. Đạo chi dĩ đức giáo giả, đức giáo hành nhi dân khang lạc. Âu chi dĩ pháp lệnh giả, pháp lệnh cực nhi dân ai thích. Ai lạc chi cảm, hoạ phúc chi ứng dã.» 凡人之知，能見已然，不能見將然。禮者，禁於將然之前而法者禁於已然之後。是故法之用易見而禮之所爲生難知也。若夫慶賞以勸善，刑罰以懲惡，先王執此之正，堅如金石，行此之信，順如四時，處此之功，無私如天地爾。豈顧不用哉？然如曰禮云禮云，貴絕惡於未萌，而起敬於微眇，使民日徙善遠罪，而不自知也。孔子曰："聽訟吾猶人也，必也使使無訟乎？"此之謂也[...] 以禮義治之者積禮義；以刑罰治之而積刑罰。刑罰積而民怨倍；禮義積而民和親。故世主欲民之善同，而所以使民之善者異。或導之以德教，或歐之以法令。導之以德教者，德教行而民康樂。歐之以法令者，法令極而民哀戚。哀樂之感，禍福之應也。»

Tử nói: «Nhạc tức là lạc (vui vẻ). Đó là thứ tình cảm mà con người không thể tránh được. Vì thế con người không thể không vui. Niềm vui thể hiện ở âm thanh và động tĩnh. Ở con người, âm thanh và cử chỉ động tĩnh đều là sự biểu hiện của những thay đổi tính khí. Vì thế con người không thể không vui, mà niềm vui ắt phải thể hiện cụ thể. Nếu sự biểu hiện ấy không đúng đạo lý, ắt sinh ra loạn. Tiên vương ghét loạn, nên đặt ra Nhã và Tụng (trong *Thi Kinh*) để dẫn dắt dân; khiến âm thanh đủ gây vui vẻ nhưng không gây sa đoạ; khiến cái đẹp được rõ ràng chứ không hạn chế nó; khiến cong, ngay, phức tạp, đơn giản, nhịp nhàng đủ để cảm động cái tâm thiện lương của con người; khiến cho khí tà ác dơ bẩn không có lý do mà tiếp xúc với con người. Đó là cách đạt ra nhạc của tiên vương vậy.»[17]

Lễ Ký (Nhạc Ký) nói: «Âm thanh phát ra là từ lòng người. Cái động trong lòng người là do ngoại vật tác động vào. Xúc cảm ở ngoại vật mà động lòng, rồi thể hiện bằng âm thanh. [...] Cho nên khi xúc cảm buồn bã thì âm thanh sắc và nhạt dần; khi xúc cảm vui vẻ thì âm thanh thong thả; khi xúc cảm mừng rỡ thì âm thanh phát tán; khi xúc cảm giận dữ thì âm thanh thô kệch chát chúa; khi xúc cảm kính cẩn thì âm thanh chính trực khiêm tốn; khi xúc cảm yêu thương thì âm thanh hài hoà êm dịu. Sáu thứ âm thanh ấy chẳng phải do bản tính con người, mà do tâm xúc cảm với ngoại vật rồi mới sinh ra. Cho nên tiên vương thận trọng với

---

[17] ***Tuân Tử*** **(Nhạc Luận): «Phù nhạc giả, lạc dã. Nhân tình chi sở tất bất miễn dã. Cố nhân bất năng vô lạc, lạc tắc tất phát ư thanh âm, hình ư động tĩnh. Nhi nhân chi đạo, thanh âm động tĩnh, tình thuật chi biến tận thị hĩ. Cố nhân bất năng bất lạc, lạc tắc bất năng vô hình. Hình nhi bất vi đạo, tắc bất năng vô loạn. Tiên vương ố kỳ loạn dã, cố chế nhã tụng chi thanh dĩ đạo chi. Sử kỳ thanh túc dĩ lạc nhi bất lưu, sử kỳ văn túc dĩ biện nhi bất tức, sử kỳ khúc trực phồn tỉnh, liêm nhục tiết tấu, túc dĩ cảm động nhân chi thiện tâm. Sử phù tà ô chi khí, vô do đắc tiếp yên, thị tiên vương lập nhạc chi phương dã.»** 夫樂者，樂也．人情之所必不免也．故人不能無樂，樂則必發於聲音，形於動靜．而人之道聲音動靜，性術之變盡是矣．故人不能不樂，樂則不能無形．形而不爲道，則不能無亂．先王惡其亂也．故制雅頌之聲以道之．使其聲足以樂不流，使其文足以辨而不息，使其曲直繁省，廉肉節奏，足以感動人之善心．使夫邪汙之氣，無由得接焉，是先王立樂之方也．**(LAM chú: Chữ 樂 có hai âm đọc: *nhạc /yuè/* = âm nhạc, và *lạc /lè/* = vui vẻ.)**

ngoại vật gây xúc cảm.»[18]

Theo trên, công dụng của nhạc là để tiết chế tình cảm con người, khiến tình cảm được thể hiện hợp «đạo», tức là đạt được trung dung (*đắc trung* 得中). Lễ tiết chế ham muốn, nhạc tiết chế tình cảm. Mục đích của lễ và nhạc đều nhằm tiết chế con người, giúp họ đạt được trung dung. Thiên Nhạc Ký nói: «Cho nên tiên vương đặt ra lễ nhạc đâu phải nhằm sướng tai mắt và thoả miệng bụng của dân, mà để dạy họ biết kiềm chế lòng hiếu ác, giúp họ trở về sự chân chính của đạo làm người. Đời mà yên tĩnh, đó là tính của trời; còn xúc cảm ngoại vật mà động tâm, đó là lòng dục của tính. [...] Hễ ngoại vật làm xúc động con người vô hạn và con người không kiềm chế được lòng hiếu ác, thì họ rốt cuộc sẽ bị ngoại vật biến đổi thành vật. Hễ người biến thành vật, cái lẽ trời (thiên lý) tiềm ẩn trong họ bị tiêu diệt và họ cứ mãi đuổi theo dục vọng. Thế rồi họ nảy sinh lòng phản bội, gian trá, dâm dật, và gây ra việc rối loạn. [...] Đó là con đường dẫn đến đại loạn vậy. Cho nên tiên vương đặt ra lễ nhạc để kiềm chế con người.»[19]

Về công hiệu của lễ nhạc, thiên Nhạc Ký nói: «Lễ để tiết chế lòng dân; nhạc để hài hoà tiếng dân; chính trị để thi hành chúng; hình phạt để phòng ngừa chúng. Bốn thứ *lễ, nhạc, hình, chính*, nếu đạt yêu cầu đó thì nước không loạn, vương đạo ắt hoàn bị. Nhạc khiến người ta hoà đồng; lễ

---

[18] *Lễ Ký* (Nhạc Ký 樂記): **«Phàm âm chi khởi, do nhân tâm sinh dã. Nhân tâm chi động, vật sử chi nhiên dã. Cảm ư vật nhi động. Cố hình ư thanh. [...] Thị cố kỳ ai tâm cảm giả, kỳ thanh tiêu dĩ sát. Kỳ lạc tâm cảm giả, kỳ thanh thản dĩ hoãn. Kỳ hỉ tâm cảm giả, kỳ thanh phát dĩ tán. Kỳ nộ tâm cảm giả, kỳ thanh thô dĩ lệ. Kỳ kính tâm cảm giả, kỳ thanh trực dĩ liêm. Kỳ ái tâm cảm giả, kỳ thanh hoà dĩ nhu. Lục giả phi tính dã. Cảm ư vật nhi hậu động. Thị cố tiên vương thận sở dĩ cảm chi giả.»** 凡音之起，由人心生也。人心之動，物使之然也。感於物而動，故形於聲 [...] 是故其哀心感者，其聲焦以殺。其樂心感者，其聲嘽以緩。其喜心感者，其聲發以散。其怒心感者，其聲粗以厲。其敬心感者，其聲直以廉。其愛心感者，其聲和以柔。六者非性也，感於物而後動，是故先王慎所以感之者。

[19] *Lễ Ký* (Nhạc Ký 樂記): **«Thị cố tiên vương chi chế lễ nhạc dã, phi dĩ cực khẩu phúc nhĩ mục chi dục dã. Tương dĩ giáo dân bình hiếu ác nhi phản nhân đạo chi chính dã. Nhân sinh nhi tĩnh, thiên chi tính dã. Cảm ư vật nhi động, tính chi dục dã. [...] Phù vật chi cảm nhân vô cùng, nhi nhân chi hiếu ác vô tiết, tắc thị vật chí nhi nhân hoá vật dã. Nhân hoá vật dã giả, diệt thiên lý nhi cùng nhân dục giả dã. Ư thị hữu bội nghịch trá ngụy chi tâm, hữu dâm dật tác loạn chi sự. [...] Thử đại loạn chi đạo dã. Thị cố tiên vương chi chế lễ nhạc, nhân vi chi tiết.»** 是故先王之制禮樂也，非以極口腹耳目之欲也，將以教民平好惡而反人道之正也。人生之靜，天之性也。感於物而動，性之欲也 [...] 夫物之感人無窮，而人好惡無節，則是物至而人化物也。人化物也者，滅天理而窮人欲者也。於是有悖逆詐僞之心，有淫佚作亂之事 [...] 此大亂之道也。是故先王之制禮樂，人爲之節。

khiến người ta dị biệt. Hoà đồng thì thân ái nhau; dị biệt thì kính trọng nhau. Nhạc trội hơn lễ thì dân lờn mặt nhau; lễ trội hơn nhạc thì dân xa cách nhau. Làm cho hợp tình và làm đẹp dáng vẻ, đó là việc của lễ nhạc. [...] Nhạc từ trong phát ra; lễ từ ngoài tác động vào. Nhạc từ trong phát ra nên tĩnh; lễ từ ngoài tác động vào nên văn vẻ. Đại nhạc ắt dễ dàng; đại lễ ắt đơn giản. Nhạc đạt hết mức thì dân không oán; lễ đạt hết mức thì dân không tranh. Chấp tay cung kính mà trị thiên hạ; ý nói là do lễ nhạc vậy.»[20]

Nho gia chủ yếu lấy lễ nhạc cai trị thiên hạ; cho đến chính trị và hình pháp cũng chẳng qua là để thi hành và duy trì lễ nhạc thôi. Thiên Nhạc Ký cho rằng lễ nhạc có cơ sở siêu hình: «Trời cao đất thấp, vạn vật phân tán và khác nhau; lễ được đặt ra phù hợp với chúng. Chúng lưu hành không ngừng, cùng phối hợp mà biến hoá; nhạc khởi lên từ đó. Xuân tạo tác, hạ tăng trưởng, đó là nhân. Thu gặt hái, đông tàng trữ, đó là nghĩa. Nhân gần nhạc; nghĩa gần lễ. [...] Trời cao, đất thấp; nên vua và bầy tôi xác định. Cao và thấp đã phô bày, thì địa vị quý và tiện được xác lập. Sự vật luôn có động và tĩnh; theo đó, có sự khác biệt lớn nhỏ. Người tụ tập theo loại; vật phân chia theo bầy; nên tính và mệnh khác nhau. Trên trời các hiện tượng thành lập, dưới đất các hình thể thành lập. Như thế lễ là sự phân biệt trời đất. Địa khí đi lên, thiên khí hạ xuống, Âm Dương chà xát nhau, trời đất tác động và kích thích nhau. Sấm chớp cổ vũ chúng, mưa gió làm chúng kích thích, bốn mùa làm chúng chuyển động, mặt trời mặt trăng làm chúng ấm áp, và các biến hoá xảy ra. Như thế nhạc là sự hài hoà của trời đất. Biến hoá không đúng thời thì không sản sinh gì cả; nam nữ không phân biệt thì sinh loạn. Đó là tình của trời đất. Lễ nhạc lên tới trời, bao trùm đất, thi hành Âm Dương, giao tiếp quỷ thần, lên tối cao lan rất xa và thăm dò sâu dày. Nhạc có từ ban sơ (Thái Thuỷ), mà lễ có sau khi sự vật đã thành. Cái tự thể hiện không ngừng là trời; cái tự thể hiện mà không gây biến động là lễ. Một động một tĩnh là khoảng giữa trời đất. Cho nên thánh nhân nói

---

[20] ***Lễ Ký* (Nhạc Ký): «Lễ tiết dân tâm; nhạc hoà dân thanh; chính dĩ hành chi; hình dĩ phòng chi. Lễ nhạc hình chính, tứ đạt nhi bất bội, tắc vương đạo bị hĩ. Nhạc giả vi đồng; lễ giả vi dị. Đồng tắc tương thân; dị tắc tương kính. Nhạc thắng tắc lưu; lễ thắng tắc ly. Hợp tình sức mạo giả, lễ nhạc chi sự dã. [...] Nhạc do trung xuất; lễ tự ngoại tác. Nhạc do trung xuất cố tĩnh; lễ tự ngoại tác cố văn. Đại nhạc tất dị; đại lễ tất giản. Nhạc chí tắc vô oán; lễ chí tắc bất tranh. Ấp thượng nhi trị thiên hạ giả, lễ nhạc chi vị dã.»** 禮節民心；樂和民聲；政以行之；刑以防之．禮樂刑政，四達而不悖，則王道備矣．樂者爲同，禮者爲異．同則相親，異則相敬．樂勝則流；禮勝則離．合情飾貌者，禮樂之事也．[...]樂由中出；禮由外作．樂由中出故靜；禮自外作故文．大樂必易；大禮必簡．樂至則無怨；禮至則不爭．揖讓而治天下者，禮樂之謂也．

đến lễ nhạc vậy.»[21]

Theo trên, vũ trụ vốn có một trật tự thiên nhiên, tức một sự điều hoà lớn, mà lễ nhạc là sự minh chứng cụ thể cho cái trật tự hay sự điều hoà đó.

3. Lý luận về Tang Lễ

Ở tiết 7 của chương 12, tôi đã nói: Tuân Tử cho rằng lễ tiết chế lòng dục của con người (tiết nhân chi dục 節人之欲) và làm đẹp tình cảm con người (sức nhân chi tình 飾人之情). Đồng thời cũng nói rằng công dụng của lễ là tiết chế tình cảm con người (tiết nhân chi tình 節人之情) và làm đẹp tình cảm con người (văn nhân chi tình 文人之情). Công dụng làm đẹp tình cảm con người có thể thấy rõ nhất trong tang lễ, như *Lễ Ký* và *Tuân Tử* đã nói.

Tâm của chúng ta có hai mặt: tình cảm và lý trí. Giả sử khi có người thân qua đời, xét từ quan điểm thuộc lý trí, ta biết người đã mất không thể sống lại, mà lý thuyết linh hồn tiếp tục tồn tại thì không thể chứng minh được, nên nó mơ hồ và khó tin. Tuy nhiên, tình cảm của chúng ta thì hết sức hi vọng người ấy có thể sống lại và linh hồn người ấy tiếp tục tồn tại. Ở điểm này, nếu ta theo lý trí, ta sẽ có một thái độ giống như thái độ của Dương Chu trong *Liệt Tử*: «Xác của ta sẽ bị thiêu, ngâm

[21] *Lễ Ký* (Nhạc Ký): «Thiên cao địa hạ, vạn vật tán thù, nhi lễ chế hành hĩ. Lưu nhi bất tức, hợp đồng nhi hoá, nhi nhạc hưng yên. Xuân tác hạ trưởng, nhân dã. Thu liễm đông tàng, nghĩa dã. Nhân cận ư nhạc; nghĩa cận ư lễ. [...] Thiên tôn địa ti, quân thần định hĩ. Ti cao dĩ trần, quý tiện vị hĩ. Động tĩnh hữu thường, tiểu đại thù hĩ. Phương dĩ loại tụ, vật dĩ quần phân, tắc tính mệnh bất đồng hĩ. Tại thiên thành tượng, tại địa thành hình. Như thử tắc lễ giả, thiên địa chi biệt dã. Địa khí thượng tề, thiên khí hạ giáng, Âm Dương tương ma, thiên địa tương đãng. Cổ chi dĩ lôi đình, phấn chi dĩ phong vũ, động chi dĩ tứ thời, noãn chi dĩ nhật nguyệt, nhi bách hoá hưng yên. Như thử tắc nhạc giả thiên địa chi hoà dã. Hoá bất thời tắc bất sinh, nam nữ vô biện tắc loạn thăng, thiên địa chi tình dã. Cập phù lễ nhạc chi cực hồ thiên nhi bàn hồ địa, hành hồ Âm Dương nhi thông hồ quỷ thần, cùng cao cực viễn nhi trắc thâm hậu. Nhạc trứ đại thuỷ, nhi lễ cư thành vật. Trứ bất tức giả thiên dã. Trứ bất động giả địa dã. Nhất động nhất tĩnh giả, thiên địa chi gian dã. Cố thánh nhân viết lễ nhạc vân.» 天高地下，萬物散殊，而禮制行矣．流而不息，合同而化，而樂興焉．春作夏長，仁也．秋斂冬藏，義也．仁近於樂；義近於禮[...] 天尊地卑，君臣定矣．卑高已陳，貴賤位矣．動靜有常，小大殊矣．方以類聚，物以群分，則性命不同矣．在天成象，在地成形．如此則禮者，天地之別也．地氣上齊，天氣下降，陰陽相摩，天地相蕩．鼓之以雷霆，奮之以風雨，動之以四時，暖之以日月，而百化興焉．如此則樂者，天地之和也．化不時則不生，男女無辨則亂升，天地之情也．及夫禮樂之極乎天而蟠乎地，行乎陰陽而通乎鬼神，窮高極遠而測深厚．樂著大始，而禮居成物．著不息者天也．著不動者地也．一動一靜者，天地之間也．故聖人曰禮樂云．

nước, chôn, phơi, hay bó chiếu rồi ném xuống lạch nước: ai muốn làm chi cũng được cả.»[22] Từ quan điểm thuần lý trí mà xét, tất cả nghi lễ tiễn đưa người quá cố đều vô nghĩa. Trái lại, nếu ta dựa vào tình cảm, tất sẽ cho các loại nghi thức mê tín đều đúng đắn, và phủ nhận sự phán đoán của lý trí. Các tôn giáo đều cho những tưởng tượng phù hợp với tình cảm con người là đúng, và phủ nhận sự phán đoán của lý trí.

Đối với người quá cố, nếu ta thuần lý trí thì tình cảm sẽ không chấp nhận; nếu thuần tình cảm thì nó khiến ta trôi theo sự mê tín và cản trở sự tiến bộ. Đối với người quá cố, Tuân Tử chọn thái độ dung hoà giữa hai phương diện lý trí và tình cảm. Theo giải thích và lý luận của *Tuân Tử* và *Lễ Ký*, tang lễ và tế lễ đều là thơ ca và nghệ thuật chứ không phải là tôn giáo.[23]

Gần đây George Santayana chủ trương rằng tôn giáo cũng nên vất bỏ sự mê tín và độc đoán thì nó mới sánh được với thi ca. Nhưng theo sự lý luận và giải thích về tang lễ và tế lễ mà *Tuân Tử* và *Lễ Ký* ủng hộ, thì *Tuân Tử* và *Lễ Ký* đã sớm lấy tôn giáo thời xưa mà sửa chữa thành thi ca. Thời xưa đã có tang lễ và tế lễ, nhưng chúng là nghi thức tôn giáo và hàm chứa không ít điều mê tín và độc đoán. Nhưng *Tuân Tử* và *Lễ Ký* đã lấy thuật làm tác, nên thanh lọc chúng và gán cho chúng ý nghĩa mới, khiến chúng từ tôn giáo biến thành thơ ca. Thí dụ, thời xưa người ta chôn theo người chết một số vật dụng (gọi là *minh khí* 明器) vì cho rằng linh hồn người chết tiếp tục tồn tại và có thể sử dụng các vật ấy. Nhưng về sau Nho gia đã gán cho *minh khí* một ý nghĩa mới mẻ. *Lễ Ký* (Đàn Cung) nói: «Khổng Tử nói: Nếu ta đối xử người chết như là chết thật rồi, đó là bất nhân; nên không thể làm thế. Nếu ta đối xử người chết như là còn sống, đó là thiếu sáng suốt; nên cũng không thể làm thế. Vì vậy, các thứ tuỳ táng như giỏ tre,

---

[22] *Liệt Tử* (Dương Chu): «Phần chi diệc khả, trầm chi diệc khả, ế chi diệc khả, lộ chi diệc khả, y tân nhi khí chư câu hác diệc khả.» 焚之亦可,沈之亦可,瘞之亦可,露之亦可,衣薪而棄諸溝壑亦可.

[23] Phùng Hữu Lan chú: Đối với vũ trụ và các sự vật trong vũ trụ, thi ca đều có thể tuỳ lúc và tuỳ nơi, dựa theo tình cảm con người mà suy diễn và giải thích. Nó có thể tương hợp với sự tưởng tượng của tình cảm con người mà cho là chân thật; cũng có thể dựa theo tình cảm con người mà thốt lời dối mình và gạt người. Đó là điểm khác biệt cơ bản giữa thi ca và văn xuôi, giữa nghệ thuật và khoa học. Nhưng dù thi ca và nghệ thuật biểu hiện cái không chân thực thì thi ca và nghệ thuật cũng thừa nhận tự mình biểu hiện cái không chân thực; cho nên tuy tách rời lý trí và thuần theo tình cảm nhưng thi ca và nghệ thuật cũng không xung đột với lý trí. Thi ca và nghệ thuật thì rất không khoa học nhưng chúng vẫn song hành với khoa học mà không gây rối loạn. Chúng ta có thể tìm được sự an ủi tình cảm nơi thi ca và nghệ thuật nhưng đồng thời vẫn không cản trở sự phát triển của lý trí. Tôn giáo cũng là sự biểu hiện tình cảm của con người. Tôn giáo khác biệt với thi ca và nghệ thuật ở chỗ: tôn giáo đều cho những tưởng tượng phù hợp với tình cảm con người là đúng, và phủ nhận sự phán đoán của lý trí, do đó nó trở nên độc đoán (dogma).

chậu sành, gỗ, đàn, sáo, chuông, khánh chỉ có hình thức hoàn chỉnh chứ không thể sử dụng được giống y như đồ thật. Chúng được gọi là *minh khí*, tức là người chết được xem như thần minh vậy.»[24] Lại nói: «Khổng Tử nói người chế tạo minh khí biết rõ nguyên tắc của tang chế: vật tuỳ táng được làm có dáng vẻ hoàn chỉnh nhưng không thể sử dụng được.»[25]

Cứ một mực theo lý trí mà xem người chết là vô tri vô giác, thế là bất nhân. Cứ một mực theo tình cảm mà xem người chết là vẫn còn tri giác, thế là không có lý trí. Dung hoà hai thái độ này, người ta chế tạo vật tuỳ táng chỉ có dáng vẻ hoàn chỉnh nhưng không thể sử dụng được. Minh khí «có dáng vẻ hoàn chỉnh» cho thấy ta mong người chết sử dụng chúng; điều đó thoả mãn sự kỳ vọng tình cảm của ta. Minh khí «không thể sử dụng được» cho thấy lý trí của ta biết rõ người chết không thể sử dụng chúng. *Tuân Tử* và *Lễ Ký* lý luận về tang lễ và tế lễ đều lập luận theo tình cảm chủ quan, bởi vì lý trí chúng ta đều biết rõ người chết là chết hẳn rồi, và về mặt đối tượng khách quan ta không cần nói thêm về người chết nữa. Sau đây tôi trích dẫn *Lễ Ký* và *Tuân Tử* để thấy ý đó. *Lễ Ký* (Đàn Cung) nói: «Tang lễ là sự thể hiện đau buồn tột độ. Quân tử qui định sự đau buồn tuỳ theo biến đổi của thời gian và tình cảm là để tưởng niệm đấng sinh thành. Triệu hồn người quá cố là bày tỏ tình yêu sâu sắc và có lòng cúng tế. [...] Cho gạo và tiền (vỏ sò) vào miệng người quá cố là vì không nỡ thấy miệng ấy trống rỗng. Đó không phải là cho người quá cố ăn, mà là làm đẹp cho người ấy thôi. E rằng người quá cố sẽ không còn được nhớ nữa, nên việc ghi tên người chết trên tấm minh tinh là để con cái giữ lấy mà tưởng nhớ. Vì yêu thương người quá cố mà con cái ghi chép lại. Sự tôn kính người quá cố được con cái thể hiện hết lòng. [...] Lúc chưa chôn, lễ vật cúng được đặt trong chậu trơn không hoa văn, là tỏ lòng đơn sơ đau đớn của người sống. Khi cúng tế, tang chủ tỏ ra hết

---

[24] ***Lễ Ký* (Đàn Cung): «Khổng Tử viết: "Chi tử nhi trí tử chi, bất nhân nhi bất khả vi đã. Chi tử nhi trí sinh chi, bất trí nhi bất khả vi đã. Thị cố trúc bất thành dụng, ngoã bất thành vị, mộc bất thành trác, cầm sắt trương nhi bất bình, vu sinh bị nhi bất hoà, hữu chung khánh nhi vô toản cử. Kỳ viết minh khí, thần minh chi đã."»** 孔子曰：之死而致死之，不仁而不可爲也．之死而致生之，不智而不可爲也．是故竹不成用，瓦不成味，木不成斲，琴瑟張而不平，竽笙備而不和，有鐘磬而無簨虡．其曰明器，神明之也．

[25] ***Lễ Ký* (Đàn Cung): «Khổng Tử vị vi minh khí giả, tri tang đạo hĩ, bị vật nhi bất khả dụng đã.»** 孔子謂爲明器者，知喪道矣，備物而不可用也．

lòng vì thành kính, không cần biết thần minh có hưởng lễ vật hay không.»[26]

Tang chủ tỏ ra hết lòng để được sự an ủi tình cảm, không cần biết thần minh có hưởng lễ vật hay không, tức là không lấy tình cảm lừa gạt lý trí.

Cha mẹ mất, sau ba ngày mới liệm. *Lễ Ký* nói: «Có người hỏi: "Tại sao sau ba ngày mới liệm?" Đáp: "Người con hiếu khi cha mẹ mất thì cực kỳ đau buồn và tâm trí rối bời; cho nên bò lăn ra gào khóc như thể cha mẹ sẽ sống lại. Như vậy sao nỡ giành lấy đi thể mà liệm đi? Cho nên nói: Cha mẹ mất, sau ba ngày mới liệm, để người con chờ xem cha mẹ có sống lại chăng. Sau ba ngày mà không sống lại, tức là chết thật rồi. Lòng người con chí hiếu càng thêm tan nát. Hơn nữa, việc nhà phải toan tính, tang phục phải lo liệu, họ hàng thân thích từ xa đến. Vì thế thánh nhân đã quyết định lễ chế là sau ba ngày mới liệm."»[27]

Cha mẹ mất, sau ba tháng mới chôn. *Lễ Ký* nói: «Tử Tư nói: Sau ba ngày thì tẫn liệm; khi xác được cho vào quan tài, người con phải hết sức thành tín, để sau này khỏi ân hận. Sau ba tháng thì mai táng; khi quan tài hạ huyệt, người con phải hết sức thành tín, để sau này khỏi ân hận.»[28]

---

[26] *Lễ Ký* (Đàn Cung): «Tang lễ, ai thích chi chí dã, tiết ai, thuận biến dã, quân tử niệm thuỷ chi giả dã. Phục, tận ái chi đạo dã. Hữu đảo từ chi tâm yên. [...] Phạn dụng mễ bối, phất nhẫn hư dã, bất dĩ tự đạo, dụng mỹ yên nhĩ. Minh, minh tinh dã. Dĩ tử giả vi bất khả biệt dĩ, cố dĩ kỳ kỳ thức chi. Ái chi tư lục chi hĩ, kính chi tư tận kỳ đạo yên nhĩ. [...] Điện dĩ tố khí, dĩ sinh giả hữu ai tố chi tâm dã. Duy tế tự chi lễ, chủ nhân tự tận yên nhĩ, khởi tri thần chi sở hưởng? Diệc dĩ chủ nhân hữu tề kính chi tâm dã.» 喪禮,哀戚之至也,節哀,順變也,君子念始之者也.復,盡愛之道也.有司筮祠之心焉 [...] 飯用米貝,弗忍虛也,不以食道,用美焉耳.銘,明旌也.以死者爲不可別已,故以其旗識之.愛之斯錄之矣,敬之斯盡其道焉耳 [...] 奠以素器,以生者有哀素之心也.惟祭祀之禮,主人自盡焉耳,豈知神之所饗?亦以主人有齊敬之心也.

[27] *Lễ Ký* (Vấn Tang): «Hoặc vấn viết: Tử tam nhật nhi hậu liễm giả hà dã? Viết: hiếu tử thân tử, bi ai chí muộn. Cố bồ bặc nhi khốc chi, nhược tương phục sinh nhiên, an khả đắc đoạt nhi liễm chi dã. Cố viết: Tam nhật nhi hậu liễm giả, dĩ sĩ kỳ sinh dã. Tam nhật nhi bất sinh, diệc bất sinh hĩ. Hiếu tử chi tâm, diệc ích suy hĩ. Gia thất chi kế, y phục chi cụ, diệc khả dĩ thành hĩ. Thân thích chi viễn giả, diệc khả dĩ chí hĩ. Thị cố thánh nhân vi chi đoán quyết, dĩ tam nhật vi chi lễ chế dã.» 或問曰:死三日而後斂者何也?曰:孝子親死,悲哀志懣.故匍匐而哭之.若將復生然,安可得奪而斂之也.故曰:三日而後斂者,以俟其生也.三日而不生,亦不可生矣.孝子之心,亦益衰矣.家室之計,衣服之具,亦可以成矣.親戚之遠者,亦可以至矣.是故聖人爲之斷決,以三日爲之禮制也.

[28] *Lễ Ký* (Đàn Cung): «Tử Tư viết: Tang tam nhật nhi tẫn, phàm phụ ư thân giả, tất thành tất tín, vật chi hữu hối yên nhĩ hĩ. Tam nguyệt nhi táng, phàm phụ ư quan giả, tất thành tất tín, vật chi hữu hối yên nhĩ hĩ.» 子思曰:喪三日而殯,凡附於身者,必誠必信,勿之有悔焉耳矣.三月而葬,凡附於棺者,必誠必信,勿之有悔焉耳矣.

Tuân Tử nói: «Quàng quan tài chớ lâu hơn 70 ngày và chớ ít hơn 50 ngày. Tại sao vậy? Đáp: Có vậy, người ở xa mới đủ thời gian đến viếng; trăm điều cần thiết mới đạt được; trăm việc mới đủ thời gian để làm xong. Như thế, lòng thành của con cái mới thể hiện hết mức; lễ tiết mới lớn; bề ngoài mới đầy đủ. Rồi mồng một xem bói chọn ngày tốt và cuối tháng xem bói chọn cuộc đất tốt; sau đó mới an táng.»[29]

Về việc an táng xong thân nhân người quá cố trở về nhà khóc lóc, *Lễ Ký* nói: «Đưa tiễn [quan tài] người quá cố đi đến huyệt; rồi đón vong người ấy về nhà. Khi đưa tiễn, thân nhân người quá cố mong ngóng phía trước như đuổi theo người ấy nhưng không kịp; khi trở về nhà thì họ khóc lóc ngơ ngác như thể mong người ấy trở về nhưng không thấy. Cho nên khi đưa tiễn quan tài đến huyệt thì quyến luyến, lúc đón vong về thì bối rối. Họ mong người ấy trở về nhưng không được, bước vào cửa mà không thấy, bước vào phòng khách cũng không thấy, bước vào phòng riêng người ấy cũng không thấy. Người ấy mất rồi, chết thật rồi, không bao giờ gặp lại nữa. Cho nên họ khóc lóc thảm thiết, đấm ngực dậm chân, đau đớn cực độ rồi mới thôi. Họ thất vọng, buồn rầu, hoảng hốt, thở dài ngao ngán. Lòng họ chẳng còn tha thiết gì nữa, chỉ có buồn thảm mà thôi. Họ cúng vong người ấy ở từ đường để vong ấy hưởng, và hi vọng may ra vong ấy trở về.»[30]

«Họ cúng vong người ấy ở từ đường để vong ấy hưởng» tức là tình cảm hi vọng người quá cố trở về. Nói «hi vọng may ra người quá cố trở

---

[29] ***Tuân Tử* (Lễ Luận): «Tẫn cửu bất quá thất thập nhật, tốc bất tổn ngũ thập nhật. Thị hà dã? Viết: Viễn giả khả dĩ chí hĩ. Bách cầu khả dĩ đắc hĩ. Bách sự khả dĩ thành hĩ. Kỳ trung chí hĩ. Kỳ tiết đại hĩ. Kỳ văn bị hĩ. Nhiên hậu nguyệt triêu bốc nhật, nguyệt tịch bốc trạch, nhiên hậu táng dã.»** 殯久不過七十日，速不損五十日．是何也？曰：遠者可以至矣，百求可以得矣，百事可以成矣．其忠至矣，其節大矣，其文備矣．然後月朝卜日，月夕卜宅，然後葬也．– **LAM chú: *nguyệt triêu* 月朝 = nguyệt sơ 月初 (đầu tháng âm lịch); *nguyệt tịch* 月夕 = nguyệt mạt 月末 (cuối tháng âm lịch). Xem: *Cổ Đại Hán Ngữ Từ Điển*, Thương Vụ Ấn Thư Quán, Bắc Kinh 2000, tr.1956.**

[30] ***Lễ Ký* (Vấn Tang): «Tống hình nhi vãng. Nghênh tinh nhi phản dã. Kỳ vãng tống dã, vọng vọng nhiên, cấp cấp nhiên, như hữu truy nhi phất cập dã. Kỳ phản khốc dã. Hoàng hoàng nhiên như hữu cầu nhi phục đắc dã. Cố kỳ vãng tống dã như một, kỳ phản dã như nghi. Cầu nhi vô sở đắc chi dã, nhập môn nhi phất kiến dã, thượng đường hựu phất kiến dã, nhập thất hựu phất kiến dã. Vong hĩ, tang hĩ, bất khả phục kiến dĩ hĩ. Cố khốc khấp tịch dũng. Tận ai nhi chỉ hĩ. Tâm trường yên, sảng yên, hốt yên, khái yên, tâm tuyệt chí bi nhi dĩ hĩ. Tế chi tông miếu, dĩ quỷ hưởng chi. Kiểu hạnh phục phản dã.»** 送形而往，迎精而反也．其往送也，望望然，汲汲然，如有追而弗及也．其反哭也，皇皇然若有求而弗得也．故其往送也如慕，其反也如疑．求而無所得之也，入門而弗見也，上堂又弗見也，入室又弗見也．亡矣喪矣，不可復見已矣．故哭泣辟踊．盡哀而止矣．心悵焉愴焉惚焉懘焉，心絕志悲而已矣，祭之宗廟，以鬼饗之．徼倖復反也．

về» tức là không lấy tình cảm lừa dối lý trí vậy.

Về việc con cái để tang cha mẹ ba năm, *Lễ Ký* nói: «Các loài sinh ra giữa trời đất, hễ có khí huyết, ắt có tri giác. Loài có tri giác không loài nào không yêu thương đồng loại. Chẳng hạn loài chim lớn và thú lớn, khi một con lẻ bạn, sau một tháng hay một mùa nó quay về lảng vảng chỗ cũ, bay lượn kêu gào, lúc đi lúc dừng, ngơ ngơ ngác ngác, rồi mới bỏ đi. Thậm chí loài nhỏ bé như chim yến chim sẻ, còn biết kêu chiêm chiếp một hồi rồi mới bay đi. Trong những loài có khí huyết, chẳng loài nào có tri giác như loài người. Vì vậy lúc cha mẹ mất, họ đau đớn tưởng chết đi. Nhưng những kẻ tà dâm thì khác, cha mẹ mất buổi sáng thì buổi tối chúng quên luôn. Cư xử như thế còn tệ hơn cả cầm thú nữa. Muốn chung sống bầy đoàn và không loạn thì làm sao? Như bậc quân tử tu dưỡng đạo đức, thọ tang ba năm, tức sau 25 tháng thì xong; vậy mà họ còn xem thời gian thọ tang ấy mau như ngựa tứ chạy ngang qua khe cửa; phải lâu hơn nữa thì mới chịu. Cho nên tiên vương lập ra quy chế chịu tang cha mẹ vừa phải, khiến đầy đủ tình lý thì thôi.»[31]

Các trích dẫn trên đều lập luận theo tình cảm chủ quan, bởi vì ý nghĩa cơ bản của tang lễ chỉ nhằm an ủi tình cảm con người.

Tuân Tử tổng luận về tang lễ như sau: «Lễ thận trọng đối với vấn đề sinh tử. Sinh là khởi đầu của đời người; tử là kết thúc của đời người. Khởi đầu và kết thúc đều tốt đẹp thì nhân đạo trọn vẹn. Cho nên quân tử kính cẩn sự khởi đầu và thận trọng sự kết thúc. Khởi đầu và kết thúc đều

[31] *Lễ Ký* (Tam Niên Vấn): «Phàm sinh thiên địa chi gian giả, hữu huyết khí chi thuộc, tất hữu tri; hữu tri chi thuộc, mạc bất tri ái kỳ loại. Kim phù đại điểu thú, tắc thất tang kỳ quần thất, việt nguyệt du thời yên, tắc tất phản tuần quá kỳ cố hương, tường hồi yên, minh hào yên, dịch thục yên, trì trừ yên, nhiên hậu nãi năng khử chi. Tiểu giả chí ư yến tước, do hữu chu tiêu chi khoảnh yên, nhiên hậu nãi năng khử chi. Cố hữu huyết khí chi thuộc giả, mạc tri ư nhân. Cố nhân ư kỳ thân dã, chí tử bất cùng. Tương do phù hoạn tà dâm chi nhân dữ, tắc bỉ triêu tử nhi tịch vong chi. Nhiên nhi tòng chi, tắc thị cầm điểu thú chi bất nhược dã. Phù yên năng tương dữ quần cư nhi bất loạn hồ? Tương do phù tu sức chi quân tử dữ, tắc tam niên chi tang, nhị thập ngũ nguyệt nhi tất, nhược tứ chi quá khích. Nhiên nhi toại chi, tắc thị vô cùng dã. Thị cố tiên vương vi chi lập trung chế tiết, nhất sử tức dĩ thành văn lý, tắc thích chi hĩ.» 凡生天地之間者，有血氣之屬，必有知；有知之屬，莫不知愛其類。今夫大鳥獸，則失喪其群匹，越月踰時焉，則必反巡過其故鄉，翔回焉，鳴號焉，躊躇焉，踟躕焉，然後乃能去之。小者至於燕雀，猶有啁噍之頃焉，然後乃能去之。故有血氣之屬者，莫知於人。故人於其親也，至死不窮。將由夫患邪淫之人與，則彼朝死而夕亡之，然而從之，則是曾鳥獸之不若也。夫焉能相與群居而不亂乎？將由夫修飾之君子與，則三年之喪，二十五月而畢，若駟之過隙。然而遂之，則是無窮也。是故先王焉之立中制節，壹使足以成文理，則釋之矣。– Derk Bodde chú: Thời gian thọ tang thực tế chấm dứt vào cuối tháng đầu tiên của năm thứ ba, tức tròn 25 tháng.

trọn vẹn như nhau, đó là đạo của quân tử và là nét đẹp của lễ nghĩa vậy. Coi trọng người sống mà xem nhẹ người chết tức là kính trọng sự hữu tri của họ mà khinh mạn sự vô tri của họ. [...] Cho nên đạo của sự chết là: hễ ai chết rồi thì người ấy không thể sống lại được. Vì biết thế mà bầy tôi tận trung với vua, con cái chí hiếu với cha mẹ, lúc vua và cha mẹ còn sống. [...] Tang lễ là nghi thức mà người sống làm đẹp cho người chết, đưa tiễn họ như thể họ vẫn còn sống vậy. Do đó phụng sự người chết như thể người ấy còn sống; phụng sự người đã mất như thể người ấy vẫn còn; trước sau như một. [...] Những đồ vật mà người ấy lúc còn sống thường dùng được mang theo xuống mồ, như thể đây chỉ là sự dọn nhà sang nơi ở mới mà thôi. Các vật dụng ấy chỉ mang theo đại khái, không mang theo hết, vì đây là sự tượng trưng chứ không phải để dùng thật sự. [...] Vì không để dùng thật sự, các vật tuỳ táng gọi là *minh khí* ấy chỉ cần hình dáng đẹp mà thôi. [...] Cho nên tang lễ không gì khác hơn là để làm rõ ý nghĩa của sống và chết, để tiễn biệt với lòng tôn kính và đau xót, và để chôn cất chu đáo vậy. [...] Phụng sự người sống là làm đẹp khởi đầu. Tiễn biệt người chết là làm đẹp kết thúc. Hễ khởi đầu và kết thúc trọn vẹn, thì đạo của con hiếu đã xong và đạo của thánh nhân đã đầy đủ. Xem nhẹ người chết mà trọng người sống đó là đạo của Mặc Tử; xem nhẹ người sống mà trọng người chết đó là u mê; chôn người sống theo người chết đó là sát nhân. Cách thức theo lễ nghĩa là đưa tiễn người chết như thể người ấy còn sống, khiến cho việc sống và chết cũng như khởi đầu và kết thúc, không có gì mà không xứng đáng và tốt lành. Nho gia là như thế.»[32]

Y phục, vải liệm, và quan quách đều nhằm «đưa tiễn người chết

---

[32] ***Tuân Tử*** **(Lễ Luận): «Lễ giả, cẩn ư trị sinh tử giả dã. Sinh, nhân chi thuỷ dã; tử, nhân chi chung dã. Chung thuỷ câu thiện, nhân đạo tất hĩ. Cố quân tử kính thuỷ nhi thận chung, chung thuỷ như nhất, thị quân tử chi đạo, lễ nghĩa chi văn dã. Phù hậu kỳ sinh nhi bạc kỳ tử, thị kính kỳ hữu tri nhi mạn kỳ vô tri dã. [...] Cố tử chi vi đạo dã, nhất nhi bất khả đắc tái phục dã, thần chi sở dĩ trí trọng kỳ quân, tử chi sở dĩ trí trọng kỳ thân, ư thị tận hĩ. [...] Tang lễ giả, dĩ sinh giả sức tử giả dã, đại tượng kỳ sinh dĩ tống kỳ tử dã. Cố sự tử như sinh, sự vong như tồn, chung thuỷ nhất dã. [...] Cụ sinh khí dĩ thích mộ, tượng tỷ chi đạo dã. Lược nhi bất tận, mạo nhi bất công. [...] Cố sinh khí văn nhi bất công, minh khí mạo nhi bất dụng. [...] Cố tang lễ giả, vô tha yên, minh tử sinh chi nghĩa, tống dĩ ai kính, nhi chung chu tàng dã. [...] Sự sinh, sức thuỷ dã. Tống tử, sức chung dã. Chung thuỷ cụ nhi hiếu tử chi sự tất, thánh nhân chi đạo bị hĩ. Khắc tử nhi phụ sinh vị chi Mặc, khắc sinh nhi phụ tử vị chi hoặc, sát sinh nhi tống tử vị chi tặc. Đại tượng kỳ sinh, dĩ tống kỳ tử, sử tử sinh chung thuỷ, mạc bất xứng nghi nhi hảo thiện, thị lễ nghĩa chi pháp thức dã, Nho giả thị hĩ.»** 禮者，謹於治生死者也。生，人之始也；死，人之終也。終始俱善，人道畢矣。故君子敬始而慎終，終始如一，是君子之道，禮義之文也。夫厚其生而薄其死，是敬其有知而慢其無知也[...] 故死之爲道也，一而不可再復也，臣之所以致重其君，子之所以致重其親，於是盡矣[...] 喪禮者，以生者飾死者也，大象其生以送其死也。故事死如

như thể người ấy còn sống». Lý trí chúng ta biết rõ người chết là chết hẳn rồi, nhưng tình cảm chúng ta lại mong người chết như còn sống. Như vậy, nếu thuần theo lý trí thì bất nhân; nếu thuần theo tình cảm thì bất trí; do đó «đưa tiễn người chết như thể người ấy còn sống» tức là lý trí dung hoà tình cảm, đó là đạo vừa nhân vừa trí. Nhưng thánh nhân đặt ra chế độ đó cũng chẳng phải là vô đoán. *Lễ Ký* nói: «Đó là tấm lòng của con hiếu, là thực tế của tình người, là lẽ thường hằng của lễ nghĩa. Nó chẳng từ trời xuống, cũng chẳng từ đất xuất ra, mà chỉ là sự bày tỏ của tình người thôi.»[33]

4. Lý luận về Tế Lễ

Ở trên là lý luận về tang lễ được trình bày trong *Tuân Tử* và *Lễ Ký*. Còn lý luận về tế lễ trong hai bộ sách này cũng hoàn toàn dựa trên tình cảm chủ quan. Ý nghĩa cơ bản của tế lễ, xét theo quan điểm của *Tuân Tử* và *Lễ Ký*, cũng chỉ là cầu mong sự an ủi tình cảm. *Lễ Ký* nói: «Đạo đối xử với con người, chẳng gì quan trọng bằng lễ. Lễ có năm loại, trong đó quan trọng nhất là cúng tế. Cúng tế không phải là việc xuất phát từ bên ngoài, mà tự trong lòng phát ra. Lòng xót xa mà cúng tế để thi lễ với người chết. Cho nên chỉ có người hiền mới hiểu hết ý nghĩa của cúng tế. Sự cúng tế của người hiền ắt được phúc. Nó không phải là cái phúc theo cách gọi của người đời, mà phúc có nghĩa là hoàn bị. Hoàn bị là tên gọi cho trăm việc xuôi thuận. Gì cũng thuận nên gọi là hoàn bị, ý nói bên trong thì hoàn thành mọi việc cần làm, còn bên ngoài thì thuận theo đạo. [...] Cho nên người hiền khi cúng tế thì hết sức thành tín, hết lòng và tôn kính, dâng cúng lễ vật, làm theo nghi lễ, dùng nhạc để yên vui, thực hiện theo thời, cúng cho người chết thế thôi chứ không cầu xin gì cả, đấy là tấm lòng của người con hiếu vậy. [...] Hễ vật gì trời sinh đất dưỡng đều có thể dâng cúng, bày ra hết mọi thứ. Bên ngoài thì bày ra hết mọi thứ; bên trong thì làm hết chí

生，事亡如存，終始一也[...]具生器以適墓，象徙之道也。略而不盡，貌而不功[...]故生器文而不功，明器貌而不用[...]故喪禮者，無它焉，明死生之義，送以哀敬，而終周藏也[...]事生，飾始也。送死，飾終也。終始具而孝子之事畢，聖人之道備矣。刻死而附生謂之墨，刻生而附死謂之惑，殺生而送死謂之賊。大象其生，以送其死，使死生終始，莫不稱宜而好善，是禮義之法式也，儒者是矣。

[33] *Lễ Ký* (Vấn Tang): «Thử hiếu tử chi chí dã, nhân tình chi thực dã, lễ nghĩa chi kinh dã. Phi tòng thiên giáng dã, phi tòng địa xuất dã, nhân tình nhi dĩ hĩ.» 此孝子之志也，人情之實也，禮義之經也。非從天降也，非從地出也，人情之已矣。

nguyện. Đó là tấm lòng cúng tế người đã khuất.»[34]

«Bên ngoài thì bày ra hết mọi thứ; bên trong thì làm hết chí nguyện» và «không cầu xin gì cả» nghĩa là chỉ xem trọng lễ cúng chứ không xem trọng đối tượng cúng tế. Tuân Tử nói: «Cúng tế là cách bày tỏ tư tưởng, tình cảm, ý chí của con người. Họ thể hiện cực độ lòng trung, tín, ái, kính, và thể hiện các nghi lễ long trọng. Nếu chẳng là thánh nhân thì sẽ không hiểu được điều đó. Thánh nhân giúp người ta hiểu việc cúng tế; kẻ sĩ và quân tử thì thi hành theo, quan lại tuân thủ nó, dân chúng xem nó là phong tục. Quân tử xem nó là [sự thực hành] đạo làm người, dân chúng xem nó là việc phụng sự quỷ thần. [...] Coi bói chọn ngày tốt, trai giới; làm sạch sẽ nơi thờ cúng; đọn bàn trải chiếu; dâng cúng tam sinh và ngũ cốc; khấn vái như thể người quá cố đang về hưởng lễ vật; chọn lựa vật dâng cúng như thể người quá cố có thể nếm được chúng; dâng lên cốc rượu ba chân mà không rửa nó; chủ tế cầm bình rượu như thể sẵn sàng châm thêm rượu cho người quá cố. Khi khách khứa ra về, chủ tế vái chào tiễn khách, rồi trở vào thay y phục, ngồi vào chỗ của mình và khóc lóc như thể vong linh người quá cố đã đi mất. Vô cùng đau xót và kính cẩn thay! Phụng sự người chết như thể người ấy còn sống, phụng sự người đã mất như thể người ấy vẫn còn, hình trạng người ấy tuy không thấy nhưng vẫn xem như có.»[35]

---

[34] ***Lễ Ký*** **(Tế Thống): «Phàm trị nhân chi đạo, mạc cấp ư lễ. Lễ hữu ngũ kinh, mạc trọng ư tế. Phù tế giả, phi vật tự ngoại chí giả dã, tự trung xuất sinh ư tâm dã. Tâm truật nhi phụng chi dĩ lễ, thị cố duy hiền giả năng tận tế chi nghĩa. Hiền giả chi tế dã, tất thụ kỳ phúc. Phi thế sở vị phúc dã, phúc giả bị dã; bị giả bách thuận chi danh dã. Vô sở bất thuận giả vị chi bị, ngôn nội tận ư kỷ nhi ngoại thuận ư đạo dã. [...] Thị cố hiền giả chi tế dã, trí kỳ thành tín, dữ kỳ trung kính, phụng chi dĩ vật, đạo chi dĩ lễ, an chi dĩ nhạc, tham chi dĩ thời, minh tiến chi nhi dĩ hĩ. Bất cầu kỳ vi, thử hiếu tử chi tâm dã. [...] Phàm thiên chi sở sinh, địa chi sở trưởng, cẩu khả tiến giả, mạc bất hàm tại, thị tận vật dã. Ngoại tắc tận vật, nội tắc tận chí, thử tế chi tâm dã.»** 凡治人之道，莫急於禮。禮有五經，莫重於祭。夫祭者，非物自外至者也，自中出生於心也。心怵而奉之以禮，是故唯賢者能盡祭之義。賢者之祭也，必受其福。非世所謂福也，福者備也；備者百順之名也。無所不順者謂之備，言內盡於己而外順於道也[...] 是故賢者之祭也，致其誠信，與其忠敬，奉之以物，道之以禮，安之以樂，參之以時，明薦之而已矣。不求其爲，此孝子之心也[...]凡天之所生，地之所長，苟可薦者，莫不咸在，示盡物也。外則盡物，內則盡志，此祭之心也。

[35] ***Tuân Tử*** **(Lễ Luận): «Tế giả, chí ý tư mộ chi tình dã. Trung tín ái kính chi chí hĩ, lễ tiết văn mạo chi thịnh hĩ, cẩu phi thánh nhân, mạc chi năng tri dã. Thánh nhân minh tri chi, sĩ quân tử an hành chi, quan nhân dĩ vi thủ, bách tính dĩ thành tục; kỳ tại quân tử dĩ vi nhân đạo dã, kỳ tại bách tính dĩ vi quỷ sự dã. [...] Bốc phệ thị nhật, trai giới, tu đồ, kỷ diên, quỹ tiến, cáo chúc, như hoặc hưởng chi. Vật thủ nhi giai tế chi, như hoặc thường chi. Vô lợi cử tước, chủ nhân hữu tôn, như hoặc thương chi. Tân xuất, chủ nhân bái tống, phản dịch phục, tức vị nhi khốc, như hoặc khứ chi. Ai phù! Kính phù! Sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn, trạng hồ vô hình, ảnh nhiên nhi thành văn.»** 祭者，志意思慕之情也。忠信愛敬之至矣，禮節文貌之盛矣。苟非聖人，莫之能知也。聖人明知之，士君子安行之，官人以爲守，百姓以成俗；其

Về phương diện chủ quan, bởi chủ tế có tư tưởng, tình cảm, ý chí nên mới cúng tế. Nhưng đối tượng của sự cúng tế đó thì vô hình vô ảnh, nên nghi thức cúng tế diễn ra như thể người quá cố đang hưởng lễ vật, đang nếm rượu cúng. Chủ tế một mặt thì trịnh trọng cúng tế, một mặt lại hiểu rằng «hình trạng người quá cố tuy không thấy nhưng vẫn xem như có». Ở điểm này, cúng tế mang tính chất thi ca.

Lễ Ký miêu tả trạng thái tâm lý của chủ tế trong lúc cúng tế cha mẹ như sau: «Trong lòng trai khiết vô cùng nhưng bề ngoài lôi thôi xốc xếch. Ngày trai giới, tưởng nhớ cha (mẹ) vừa mất, nhớ những hành vi cư xử, nói cười, ý chí, niềm vui, sở thích của người. Sau ba ngày trai giới thì chủ tế (là hiếu tử) sẽ nhận thức được ý nghĩa của việc tưởng nhớ này. Ngày cúng vong, chủ tế bước vào từ đường và dường như trông thấy cha (mẹ) ở chỗ bài vị. Cúng bái chu đáo rồi ra khỏi cửa. Chủ tế nghe thấy âm thanh các động tác của mình; ra khỏi cửa, lắng nghe tiếng thở dài của mình. [...] Chỉ thánh nhân mới cúng tế thượng đế; còn hiếu tử thì cúng tế cha mẹ. Cúng tế là hướng đến người quá cố. Hướng đến người ấy rồi mới dâng cúng lễ vật. [...] Chỉnh tề, kính cẩn, thành tâm, mong người quá cố về hưởng. [...] Trang nghiêm, chăm chú vào việc mình làm mà dường như làm không nổi, như làm hỏng nó. Đấy là lòng chí hiếu chí kính của người con vậy. [...] Cho nên hiếu tử thể hiện tâm ý của mình, hoảng hoảng hốt hốt, giao tiếp với vong linh cha (mẹ) như thể cha (mẹ) đang về hưởng. Xem cha (mẹ) như đang

---

在君子以爲人道也；其在百姓以爲鬼事也.[...]卜筮視日，齋戒，修涂，儿筵，饋爵告祝，如或饗之.物取而皆祭之，如或嘗之.毋利舉爵，主人有尊，如或酳之.賓出，主人拜送，反易服，即位而哭，如或去之.哀夫！敬夫！事死如事生，事亡如事存，狀乎無形，影然而成文.

[36] ***Lễ Ký*** **(Tế Nghĩa): «Trí tề (trai) ư nội, tán tề (trai) ư ngoại. Tề (trai) chi nhật, tư kỳ cư xử, tư kỳ tiếu ngữ, tư kỳ chí ý, tư kỳ sở lạc, tư kỳ sở thị, tề (trai) tam nhật nãi kiến kỳ sở vị tề (trai) giả. Tế chi nhật, ái nhiên tất hữu kiến hồ kỳ vị, chu hoàn xuất hộ, túc nhiên tất hữu văn hồ kỳ dung thanh; xuất hộ nhi thính, khái nhiên tất hữu văn hồ kỳ thán tức chi thanh. [...] Duy thánh nhân vi năng hưởng đế, hiếu tử vi năng hưởng thân. Hưởng giả hương dã, hương chi nhiên hậu năng hưởng yên. [...] Tề tề hồ kỳ kính dã, du du hồ kỳ trung dã, vật vật chư kỳ dục kỳ hưởng chi dã. [...] Đồng đồng hồ, thuộc thuộc hồ, như phất thắng, như tương thất chi, kỳ hiếu kính chi tâm chí dã dư. [...] Ư thị dụ kỳ chí ý, dĩ kỳ hoảng hốt, dĩ dữ thần minh giao, thử hoặc hưởng chi; thử hoặc hưởng chi, hiếu tử chi chí dã.»** 致齋(齋)於內，散齋(齋)於外.齊(齋)之日，思其居處，思其笑語，思其至意，思其所樂，思其所嗜，齊(齋)三日乃見其所爲(謂)齊(齋)者.祭之日，愾然必有見乎其位，周還出戶，肅然以有聞乎其容聲；出戶而聽，愾然必有聞乎其嘆息之聲.[...]惟聖人爲能饗帝，孝子爲能饗親.饗者鄉也，鄉之然後能饗焉.[...]齊齊乎其敬也，愉愉乎其忠也，勿勿諸其欲其饗其也[...]洞洞乎，屬屬乎，如弗勝，如將失之，其孝敬之心至也與[...]於是論其志意，以其恍惚，以與神明交，庶或饗之；庶或饗之，孝子之志也.– **LAM chú: 齊(齋) = nguyên bản chép *tề* (nhưng chú âm là *trai*), Phùng Hữu Lan chép luôn là *trai*. Chữ 爲(謂) cũng vậy.**

hưởng lễ vật, đó là lòng của hiếu tử vậy.»[36]

Ngày nay có người nghĩ rằng việc trông ma thấy quỷ là do tác dụng của tâm lý. Theo đoạn văn trên, người chủ tế nên lợi dụng cái tác dụng tâm lý đó, hướng đến người quá cố rồi tưởng tượng ra người ấy, hoảng hoảng hốt hốt trông thấy vong linh người ấy. «Hoảng hoảng hốt hốt, giao tiếp với vong linh cha (mẹ) như thể cha (mẹ) đang về hưởng.» Điều ấy chẳng qua là nhằm an ủi tư tưởng, tình cảm, ý chí của hiếu tử vậy. Cho nên quân tử xem việc cúng tế là thực hành đạo làm người, còn dân chúng xem việc cúng tế là phụng sự quỷ thần.

Tuân Tử có thái độ mang tính thi ca đó không chỉ đối với việc cúng tế tổ tông mà còn đối với mọi loại cúng tế nữa: «Cúng cầu mưa mà được mưa; tại sao? Đáp: Chẳng lý do gì cả. Dù không cúng cũng có mưa. Khi nhật thực hay nguyệt thực thì người ta cúng để giải cứu nó; hạn hán thì cúng cầu mưa; những việc lớn thì xem bói rồi quyết định. Họ chẳng phải cho rằng cầu được ước thấy, mà chỉ nhằm tạo ra văn vẻ thôi. Cho nên quân tử xem đó là văn vẻ, còn dân chúng xem đó là thần thánh. Xem là văn vẻ thì cát, xem là thần thánh thì hung.»[37]

«Hạn hán thì cúng cầu mưa», đó là biểu thị sự lo lắng. «Những việc lớn thì xem bói rồi quyết định», đó là biểu thị ý trịnh trọng. Vì thế quân tử mới xem cúng tế có tính chất văn vẻ. Nếu xem nó có tính chất thần thánh, ắt là mê tín và sẽ gặp hậu quả tai hại.

Ta cúng tế tổ tông bởi vì ta có tư tưởng, tình cảm, ý chí; mặt khác, ta phải báo ân cha mẹ. Tuân Tử nói: «Lễ có ba gốc: trời đất là gốc sự sống của ta; tổ tiên là gốc giòng dõi ta; vua và thầy là gốc sửa trị ta. Không có trời đất, sao có sự sống của ta? Không có tổ tiên, sao có giòng dõi ta? Không có vua và thầy, ai sửa trị ta? Ba gốc ấy mất đi, con người không yên. Cho nên lễ là thờ trời, thờ đất, tôn kính tổ tiên, và làm vững bền vua và thầy. Đó là ba gốc của lễ.»[38]

---

[37] ***Tuân Tử* (Thiên Luận): «Vu nhi vũ, hà dã? Viết: Vô hà dã, do bất vu nhi vũ dã. Nhật nguyệt thực nhi cứu chi, thiên hạn nhi vu, bốc phệ nhiên hậu quyết đại sự, phi dĩ vi đắc cầu dã, đĩ văn chi dã. Cố quân tử dĩ vi văn, nhi bách tính dĩ vi thần. Dĩ vi văn tắc cát, dĩ vi thần tắc hung dã.»** 雩而雨，何也？曰：無何也，猶不雩而雨也。日月食而救之，天旱而雩，卜筮然後決大事，非以爲得求也，以文之也。故君子以爲文而百姓以爲神。以爲文則吉，以爲神則凶也。

[38] ***Tuân Tử* (Lễ Luận): «Lễ hữu tam bản: thiên địa giả, sinh chi bản dã; tiên tổ giả, loại chi bản dã; quân sư giả, trị chi bản dã. Vô thiên địa ô sinh? Vô tiên tổ ô xuất? Vô quân sư ô trị? Tam giả thiên vong, yên vô an nhân. Cố lễ, thượng sự thiên, hạ sự địa, tôn tiên tổ, nhi long quân sư. Thị lễ chi tam bản dã.»** 禮有三本：天地者生之本也；先祖者類之本也；君師者治之本也。無天地惡生？無先祖惡出？無君師惡治？三者偏亡，焉無安人。故禮，上事天，下事地，尊先祖而隆君師。是禮之三本也。

Lễ Ký nói: «Vạn vật có gốc từ trời; người có gốc từ tổ tiên. Nên cúng tế để phối hợp với Thượng Đế. Lễ tế Giao (cúng tế trời) là sự báo đáp lớn lao đối với gốc gác của mình, là trở về nguồn cội vậy.»[39]

Ngoài cúng tế tổ tông, người ta còn cúng tế chư thần, cũng là để báo đáp gốc gác và trở về nguồn cội. *Lễ Ký* nói: «Lễ Sạ 蜡 cúng lớn vào tháng chạp của thiên tử gồm có tám lễ. [...] Sạ 蜡 có nghĩa là tìm kiếm. Mỗi năm vào tháng 12, người ta gom tất cả các thứ nông sản thu hoạch được và tìm kiếm chư thần nào ban cho chúng mà dâng cúng. Trong lễ cúng Sạ, chủ yếu là cúng tế vị thần mùa màng là Tiên Sắc (Thần Nông) và Tư Sắc (Hậu Tắc); dâng cúng trăm loại [nông sản] để tạ ơn thần về mùa màng tươi tốt. Cúng thần Nông (thần ruộng, tức Điền Tuấn) và thần Bưu Biểu Chuyết (thần trông coi chòi ruộng, lối đi giữa ruộng, ranh giới ruộng), và cúng cả cầm thú nữa; đó là ý nghĩa sâu sắc của lòng nhân ái. Các bậc quân tử thời xưa, hễ có sử dụng thì có báo đáp. Nghinh đón thần mèo, vì thần sẽ ăn chuột đồng phá mùa màng. Nghinh đón thần hổ, vì thần sẽ ăn heo rừng phá mùa màng. Hễ nghinh đón thì cúng tế. Ngoài ra còn cúng tế thần đê điều và thần kênh đào giúp ích đồng áng. Khấn rằng: "Đất trở về nhà, nước về kênh rạch, côn trùng không phá hoại, thảo mộc thấm ướt trở lại." [...] Lễ cúng Sạ là sự thể hiện sự chí nhân và chí nghĩa vậy.»[40]

Lễ Ký lại nói: «Khi thánh vương đặt ra các lễ cúng tế, các ngài qui định phải cúng tế những bậc như: những vị lập ra phép tắc cho dân, những vị lao nhọc cho dân mà chết, những vị vất vả giúp cho nước được bình yên, những vị giải trừ được tai ách lớn của nước, những vị gánh vác hoạn nạn lớn của dân. Cho nên khi Lệ Sơn có được thiên hạ, con của ngài là

---

[39] *Lễ Ký* (Giao Đặc Sinh): «Vạn vật bản hồ thiên, nhân bản hồ tổ. Thử sở dĩ phối Thượng Đế dã. Giao chi tế dã, đại báo bản phản thuỷ dã.» 萬物本乎天，人本乎祖．此所以配上帝也．郊之祭也，大報本反始也．– LAM chú: Phân biệt Giao 郊 và Xã 社: ngày đông chí cúng trời ở nam giao (vùng ngoại thành ở phía nam) gọi là Giao; ngày hạ chí cúng đất ở bắc giao gọi là Xã.

[40] *Lễ Ký* (Giao Đặc Sinh): «Thiên tử đại sạ bát [...] Sạ dã giả, sách dã. Tuế thập nhị nguyệt hợp tụ vạn vật nhi sách hưởng chi dã. Chạp chi tế dã, chủ Tiên Sắc nhi tế Tư Sắc dã, tế bách chủng dĩ báo sắc dã. Hưởng Nông cập Bưu Biểu Chuyết, cầm thú, nhân chi chí nghĩa chi tận dã. Cổ chi quân tử, sử chi tất báo chi. Nghinh miêu, vi kỳ thực điền thử dã. Nghinh hổ, vi kỳ thực điền thỉ dã. Nghinh nhi tế chi dã. Tế phường dữ thuỷ dung, sự dã. Viết: "Thổ phản kỳ trạch, thuỷ quy kỳ hác, côn trùng vô tác, thảo mộc quy kỳ trạch." [...] Sạ chi tế, nhân chi chí, nghĩa chi tận dã.» 天子大蜡八 [...] 蜡也者，索也．歲十二月合聚萬物而索饗之也．蜡之祭也，主先嗇而祭司嗇也．祭百種以報嗇也．饗農及郵表畷，禽獸，仁之至義之盡也．古之君子，使之必報之．迎貓爲其食田鼠也；迎虎爲其食田豕也；迎而祭之也．祭坊與水庸，事也．曰："土反其宅，水歸其壑，昆蟲無作，草木歸其澤．" [...]蜡之祭，仁之至，義之盡也．– LAM chú: Chữ 蜡 có các âm *lạp*

Nông có khả năng trồng trăm thứ cốc. Nhà Hạ suy, ông Khí của nhà Chu kế tục, sau được thờ cúng là thần Tắc. Khi Cộng Công làm bá chủ Cửu Châu, con của ngài là Hậu Thổ, đã bình định Cửu Châu, sau được thờ cúng là thần Xã. [...] Vua Thang lấy khoan dung trị dân và trừ bạo ngược, Văn Vương dùng văn mà cai trị, Vũ Vương dùng võ bị mà trừ khử tai hoạ cho dân; những bậc ấy đều có công hiển hách đối với dân. Cho đến mặt trời, mặt trăng, ngôi sao mà dân thường chiêm ngưỡng cũng được thờ cúng. Còn phải thờ cúng rừng, núi, sông, hang, gò mà nhờ đó dân chúng có nguồn tài nguyên sử dụng. Nếu không đúng các đối tượng ấy, thì không ghi nhớ để cúng tế.»[41]

Dân cúng tế những bậc có công đức để nhớ ơn họ, đó là cái mà Comte gọi là "tôn giáo của người" (*nhân chi tôn giáo* 人之宗教: the religion of humanity). Trong xã hội cũ của Trung Quốc, mỗi ngành nghề đều thờ cúng vị thần của mình, thí dụ nghề mộc thờ cúng Lỗ Ban 魯班, nghề làm rượu thờ cúng Cát Tiên 葛仙. Mỗi nghề thủ công đều có

[là], *sạ* [zhà]. Theo tự điển *Khang Hi* và từ điển *Từ Hải* (trích dẫn *Quảng Nhã*), đây là lễ cúng vạn vật tổ chức vào tháng chạp (trước đời Tần, tổ chức vào tháng 10 âm lịch); đời Hạ gọi nó là Thanh Tự 清祀, đời Ân gọi là Gia Bình 嘉平, đời Chu gọi là Sạ 蜡 (hay Đại Sạ 大蜡), đời Tần gọi là Lạp 臘. Lễ Sạ 蜡 [zhà] cúng tám thần: 1- *Tiên Sắc* 先嗇 (Thần Nông 神農), 2- *Tư Sắc* 司嗇 (Hậu Tắc 后稷), 3- Nông (thần ruộng: Điền Tuấn 田畯), 4- *Bưu Biểu Chuyết* 郵表畷 (Bưu là thần giữ chòi ruộng, Biểu là thần giữ lối đi giữa ruộng, Chuyết là thần giữ ranh giới ruộng), 5- *Miêu Hổ* 貓虎 (thần mèo và thần hổ), 6- Phường 坊 (thần giữ đê điều), 7- *Thuỷ Dung* 水庸 (thần giữ gìn kênh đào, ngòi nước vào ruộng), 8- *Côn Trùng* 昆蟲 (côn trùng được xem như thần, được dân cúng vái để mùa màng không bị phá hoại).

41 *Lễ Ký* (Tế Pháp): «Phù thánh vương chi chế tế tự dã, pháp thi ư dân tắc tự chi, dĩ tử cần sự tắc tự chi, dĩ lao định quốc tắc tự chi, năng ngự đại tai tắc tự chi, năng hãn đại hoạn tắc tự chi. Thị cố Lệ Sơn thị chi hữu thiên hạ dã, kỳ tử viết Nông, năng thực bách cốc. Hạ chi suy dã, Chu Khí kế chi, cố tự dĩ vi Tắc. Cộng Công thị chi bá Cửu Châu dã, kỳ tử viết Hậu Thổ, năng bình Cửu Châu, cố tự dĩ vi Xã. [...] Thang dĩ khoan trị dân nhi trừ kỳ ngược, Văn Vương dĩ văn trị, Vũ Vương dĩ vũ công, khử dân chi tai; thử giai hữu công liệt ư dân giả dã. Cập phù nhật nguyệt tinh thần dân chi sở chiêm ngưỡng dã. Sơn lâm xuyên cốc khâu lăng dân sở thủ tài dụng dã. Phi thử tộc dã, bất tại tự điển.» 夫聖王之制祀也，法施於民則祀之，以死勤事則祀之，以勞定國則祀之，能禦大災則祀之，能捍大患則祀之。是故鯀[illegible]氏之有天下也，其子曰農，能殖百穀。夏之衰也，周棄繼之，故祀以爲稷。共工氏之霸九州也，其子曰后土，能平九州，故祀以爲社。[...]湯以寬治民，而除其虐；文王以文治，武王以武功，去民之災；此皆有功烈於民者也及夫日月星辰民之所瞻仰也。山林川谷丘陵，民所取財用也。非此族也，不在祀典。– LAM chú: Những lễ cúng tế của cả nước thì có mấy loại: đế 禘 (vua cúng tổ tiên), giao 郊 (vua cúng trời vào Đông Chí), tổ 祖 (cúng người có công), tông 宗 (cúng người có đức), báo 報 (cúng để nhớ ơn), Xã 社 (thần đất đai; vua cúng đất vào Hạ Chí), Tắc 稷 (thần ngũ cốc); ngoài ra còn cúng các thần sông, thần núi, và tất cả những bậc có công trạng hiển hách giúp ích cho dân.

người phát minh ra nó, người sau nhờ cái nghề ấy mà sống. Uống nước nhớ nguồn, để báo đáp công đức, họ xem vị tổ của ngành nghề như thần minh mà thờ cúng. Thậm chí đối với trời, đất, mặt trời, mặt trăng, sao, chim chóc, thú vật, cây cỏ họ cũng lấy ý nghĩa báo đáp công đức mà cúng bái. Tập tục này có lẽ bắt nguồn từ *bái vật giáo* (animism) trong xã hội nguyên thuỷ, nhưng theo ý nghĩa mà Nho gia đã giảng giải, thì nó có tính chất thi ca hơn là tôn giáo.

Có một phái Nho gia hết sức đề xướng ý nghĩa về nguồn để báo đáp ân đức, bởi họ cho rằng như thế đạo đức dân chúng sẽ tăng thêm. Tăng Tử nói: «Hễ dân thận trọng với tang lễ cha mẹ và biết cúng kiến người đã khuất, thì đạo đức của họ sẽ dầy thêm.»[42]

Đại Đái Lễ Ký nói: «Tang tế là để dạy dân nhân ái. Hễ yêu thương vô cùng thì tang tế sẽ hết sức tươm tất. Mùa xuân và mùa thu cúng bái không dứt là bày tỏ lòng yêu thương tưởng nhớ cha mẹ đã khuất. Cúng tế chủ yếu ở lễ vật dâng cúng. Cha mẹ đã khuất mà còn được yêu thương tưởng nhớ và cúng tế tươm tất như vậy, huống hồ cha mẹ còn sống! Cho nên nói: Hễ dân hiểu được ý nghĩa của tang tế thì họ sẽ có hiếu với cha mẹ.»[43]

Đối với người chết vô tri giác mà người ta còn biết tưởng nhớ công đức mà báo đáp, huống hồ người còn sống và có tri giác. Hễ người người trong xã hội đều báo đáp nhau và không tranh đấu nhau, thì xã hội ấy thái bình. Tuy nhiên, cái chủ nghĩa công lợi ấy đa số Nho gia không ủng hộ.

Sự cúng tế công cộng cũng là một cơ hội cho dân chúng vui chơi giải trí. *Lễ Ký* luận về lễ Sạ như sau: «Người cúng tế mặc áo vàng đội mũ đỏ; đó là lúc nông phu nghỉ ngơi. [...] Khi có lễ Sạ, vụ mùa đã thu hoạch xong, dân chúng nghỉ ngơi. Sau lễ Sạ, quân tử không khởi sự làm việc mới.»[44]

Lễ Ký lại nói: «Tử Cống đi xem lễ Sạ về, Khổng Tử hỏi: "Tứ à, có vui không?" Tử Cống đáp: "Dân cả nước vui như điên, nhưng Tứ chưa

---

[42] *Luận Ngữ* (Học Nhi): «Thận chung truy viễn, dân đức quy hậu hĩ.» 愼終追遠，民德歸厚.

[43] *Đại Đái Lễ Ký* (Thịnh Đức): «Tang tế chi lễ, sở dĩ giáo nhân ái dã, trí ái cố năng trí tang tế. xuân thu tế tự chi bất tuyệt, trí tư mộ chi tâm dã. Phù tế tự, trí quỹ dưỡng chi đạo dã. Tử thả tư mộ quỹ dưỡng, huống ư sinh nhi tồn hồ? Cố viết: Tang tế chi lễ minh, tắc dân hiếu hĩ.» 喪祭之禮，所以教仁愛也，致愛故能致喪祭，春秋祭祀之不絕，致思慕之心也．夫祭祀，致饋養之道也．死且思慕饋養，況於生而存乎?故曰：喪祭之禮明，則民孝矣．

[44] *Lễ Ký* (Giao Đặc Sinh): «Hoàng y hoàng quan nhi tế, tức điển phu hĩ. [...] Ký sạ nhi thu, dân tức dĩ. Cố ký sạ, quân tử bất hưng công.» 黃衣黃冠而祭，息田夫矣[...]既蜡而收，民息矣．故既蜡，君子不興功．

biết lễ Sạ vui chỗ nào." Khổng Tử nói: "Sau cả trăm ngày lao động, dân mới có một ngày lễ. Ngươi sao hiểu được điều đó. Nếu trương cung hoài mà không buông, ngay đến vua Văn và vua Vũ cũng không làm nổi. Nếu buông cung mãi mà không trương lên, ngay đến vua Văn và vua Vũ cũng chẳng làm được gì cả. Khi trương khi buông, đó là đạo của vua Văn và vua Vũ vậy."»[45]

Xét từ quan điểm này, việc cúng tế càng có tính chất nghệ thuật hơn là tôn giáo.

5. Lý luận về Hôn Lễ

Trong các tiết trên tôi đã trình bày các lý luận về tang lễ và tế lễ theo *Tuân Tử* và *Lễ Ký*. Ngoài ra còn có một vấn đề, tuy *Lễ Ký* chưa nói rõ, nhưng trong các lý luận về tang lễ và tế lễ có hàm chứa ý nghĩa đó.

Những trích dẫn ở trên cho thấy ít nhất có một số Nho gia không tin vào sự bất tử của linh hồn sau khi người ta chết. Tuy lý trí không thừa nhận thuyết linh hồn bất tử, nhưng thực tế cái chết không thể xem là hoàn toàn tuyệt diệt, bởi vì con cháu của người chết là một phần thân thể của người chết vẫn còn tiếp tục sống. Cho nên ai có con cháu tức là bất tử. Sinh vật đều như thế cả, không cần phải chứng minh. Mặt khác, một cá nhân sống vào một thời gian và địa điểm nào đó chính là một sự thật cố định trong vũ trụ; bất luận thế nào, người ta không thể phủi sạch đi sự thật đó. Bất cứ cái gì đã tồn tại thì không thể bị khiến cho không tồn tại. Ở phương diện này, ta không thể nói rằng một người bình thường sống vào thời Khổng Tử thì không tồn tại như Khổng Tử. Sự khác biệt là: Khổng Tử thì được người ta biết đến, còn người bình thường ấy thì không ai biết đến. Con người ngày nay cũng vậy, họ được xem là lớn hay nhỏ tuỳ theo danh tiếng của họ nhiều hay ít. Ngay đến một kẻ vô danh tiểu tốt, chúng ta không thể nói là hắn không tồn tại. Sự tồn tại hay không tồn tại của hắn không liên quan đến việc người ta biết hay không biết hắn. Ở phương diện này, ta có thể nói con người đều bất tử. Cái bất tử này khác với sự bất tử theo sinh vật học, và ta có thể gọi là sự bất tử lý tưởng hay sự bất hủ.

---

[45] ***Lễ Ký* (Tạp Ký): «Tử Cống quan ư sạ, Khổng Tử viết: "Tứ dã lạc hồ?" Đối viết: "Nhất quốc chi nhân giai nhược cuồng, Tứ vị tri kỳ lạc dã." Tử viết: "Bách nhật chi sạ, nhất nhật chi trạch, phi nhĩ sở tri dã. Trương nhi bất trì, Văn Vũ phất năng dã; trì nhi bất trương, Văn Vũ phất vi dã; nhất trương nhất trì, Văn Vũ chi đạo dã."»** 子貢觀於蜡，孔子曰："賜也樂乎？"對曰："一國之人皆若狂，賜未知其樂也。"子曰："百日之蜡，一日之澤，非爾所知也。張而不弛，文武弗能也；弛而不張，文武弗爲也；一張一弛，文武之道也。"– **LAM chú: *Trương* 張 (trương cung) và *trì* 弛 (buông cung) ngụ ý lao động và nghỉ ngơi.**

Nhưng cái bất hủ mà đời không ai biết thì thông thường bị xem là vô giá trị. Cho nên hai chữ *bất hủ* 不朽 này thói thường được lấy để gọi đại nhân vật nào từng tồn tại và được đời biết đến. Có ba điều khiến con người bất hủ: *lập đức* 立德, *lập công* 立功, *lập ngôn* 立言. Tuỳ theo ta đã lập thành cái gì, đời sẽ biết đến ta, nhớ đến ta, tức là ta bất tử (hay bất hủ). Nhưng nếu chỉ giới hạn trong *tam bất hủ* (lập đức, lập công, lập ngôn) mới được đời biết đến, thì người bất hủ trên đời này hẳn ít lắm vậy. Hầu hết con người đều bình thường, không có gì đặc biệt, nên không thể khiến cho xã hội nhớ đến. Người có thể nhớ đến họ chính là con cháu họ và gia tộc của họ. Nho gia đặc biệt chú trọng cúng tế tổ tiên tức là muốn người đã khuất có được sự bất hủ trong ký ức của con cháu họ. Đấy là hàm nghĩa trong tang lễ và tế lễ mà Nho gia đã lý luận hoá.

Về sau, sự chú trọng của Nho gia đối với vấn đề bất tử có thể nhận thấy trong lý luận về hôn lễ. Ý kiến của Nho gia đối với hôn nhân hoàn toàn nhắm vào công dụng theo sinh vật học. *Lễ Ký* nói:

– «Hôn lễ nhằm hợp lại cái [nòi giống] tốt của hai họ; đối với trên là để phụng sự tông miếu, đối với dưới là để nối tiếp đời sau.»[46]

– «Trời đất không giao hợp thì vạn vật không sinh sôi. Nhờ hôn lễ lớn mà có sự nối dõi vạn đời. Sao ngài nói hôn lễ này quá lớn?»[47]

– «Cha mẹ chú rể đi xuống từ bậc thềm phía tây; cô dâu đi xuống từ bậc thềm phía đông; tức là nhà cửa được trao cho cô dâu. [...] Hôn lễ không cần chúc mừng, vì là sự nối dõi vậy.»[48]

---

[46] *Lễ Ký* (Hôn Nghĩa 昏義): «Hôn lễ giả, tương hợp nhị tính chi hảo, thượng dĩ sự tông miếu, hạ dĩ kế hậu thế dã. Cố quân tử trọng chi.» 昏禮者,將合二姓之好,上以事宗廟,下以繼後世也.故君子重之.– LAM chú: Chữ *hôn* (trong *hôn nhân, hôn lễ*) ngày nay viết là 婚 nhưng ngày xưa nó được dùng lẫn với chữ *hôn* 昏 (trong *hoàng hôn, hôn ám*). Derk Bodde (chép lại James Legge) hiểu chữ *hảo* 好 là tình yêu nên dịch: «*The ceremony of marriage is intended to be a bond of love between two families of different names.*» (Hôn lễ nhằm trở thành một ràng buộc tình yêu giữa hai gia đình khác họ.) Trong xã hội Trung Quốc cổ đại, hôn nhân không chủ yếu dựa trên tình yêu. Phùng Hữu Lan nói: «Nho gia đối với hôn nhân hoàn toàn nhắm vào công dụng theo sinh vật học.» Ở đoạn sau ông nói: «Mục đích chân chính của việc nam nữ giao hợp tức là sinh con. Nếu do việc ấy mà có ái tình và khoái cảm, thì đó chỉ là tình trạng tâm lý phụ thuộc.» Vì thế chữ *hảo* này ngụ ý nòi giống tốt, để nối dõi tông đường.

[47] *Lễ Ký* (Ai Công Vấn): «Thiên địa bất hợp, vạn vật bất sinh. Đại hôn, vạn thế chi tự dã, quân hà vị dĩ trọng yên?» 天地不合,萬物不生.大昏,萬世之嗣也,君何謂已重焉.

[48] *Lễ Ký* (Giao Đặc Sinh): «Cữu cô giáng tự tây giai, phụ giáng tự tộ giai, thụ chi thất dã. [...] Hôn lễ bất hạ, nhân chi tự dã.» 舅姑降自西階,婦降自阼階,授之室也 [...]昏禮不賀,人之序也.–DB chú: Thềm tây là của khách, thềm đông là của chủ.

«Gia đình nhà gái ba đêm không tắt đuốc vì nghĩ sắp chia tay với con gái. Gia đình nhà trai ba ngày không cử nhạc vì nghĩ đến việc nối dõi.»[49]

Mạnh Tử nói: «Bất hiếu có ba điều, trong đó việc không có con là đại bất hiếu. Ông Thuấn tự ý lấy vợ mà không báo cho cha mẹ biết, vì ông sợ tội đại bất hiếu.»[50]

Cứ theo các trích dẫn trên thì thấy Nho gia xem công dụng của hôn nhân là để có người nối dõi. Kết hôn rồi sinh con là tạo ra «cái tôi mới» để thay cho «cái tôi cũ», khiến con người được sự bất tử theo sinh vật học. Từ quan điểm này, chuẩn bị kết hôn và sinh con cũng đáng buồn như chuẩn bị quan tài. Nếu người ta không phải chết thì đâu cần phải kết hôn và sinh con. Mục đích chân chính của việc nam nữ giao hợp tức là sinh con. Nếu do việc ấy mà có ái tình và khoái cảm, thì đó chỉ là tình trạng tâm lý phụ thuộc. Xét theo sinh vật học, ái tình và khoái cảm không phải là hệ quả quan trọng, cho nên Nho gia cũng không xem trọng. Khi nói đến quan hệ vợ chồng, Nho gia nói «nam nữ hữu biệt» (nam nữ phải có sự phân biệt) chứ không hề nói «nam nữ hữu ái» (nam nữ phải có yêu đương).

Con người đều phải chết, mà hầu hết họ đều sợ chết. Vì thế phát sinh vô số mê tín, và nhiều tôn giáo đều lấy thuyết linh hồn bất tử để hô hào tín đồ. Nho gia – tối thiểu là một số Nho gia – không chủ trương thuyết linh hồn bất tử, mà chỉ chú trọng làm sao để con người được sự bất tử theo sinh vật học, đạt sự bất tử lý tưởng. Trong xã hội Trung Quốc ngày xưa, một người đến tuổi xế chiều, sau khi đã cưới vợ cho con trai và có cháu bồng, thì cho rằng mình đã gửi gắm sinh mệnh của mình vào đấy rồi, nên an nhiên chờ chết và không băn khoăn sau khi chết linh hồn của mình còn hay mất. Tinh thần ấy là do tư tưởng Nho gia nuôi dưỡng thành.

---

[49] ***Lễ Ký*** **(Tăng Tử Vấn): «Giá nữ chi gia, tam dạ bất tức chúc, tư tương ly dã. Thú phụ chi gia, tam nhật bất cử nhạc, tư tự thân dã.»** 嫁女之家，三夜不息燭，思相離也．取婦之家，三日不舉樂，思嗣親也.

[50] ***Mạnh Tử*** **- Ly Lâu (thượng): «Bất hiếu hữu tam, vô hậu vi đại, Thuấn bất cáo nhi thú, vi vô hậu dã.»** 不孝有三，無後爲大，舜不告而娶，爲無後也.– **LAM chú: Ba điều bất hiếu là: 1- Làm việc sái quấy khiến cha mẹ mang nhục, 2- Nhà nghèo, cha mẹ già yếu, nhưng không làm lụng nuôi cha mẹ, 3- Không sinh con để nối dõi tông đường. Trường hợp ông Thuấn, cha đần độn, mẹ ghẻ ác độc; nếu xin cha mẹ lấy vợ ắt là không được, tức là sẽ mang tội *vô hậu* (không con nối dõi), cho nên ông tự ý kết hôn với con gái của vua Nghiêu.**

6. Lý luận về Hiếu

Nho gia xem công dụng của hôn nhân là tạo ra «cái tôi mới» để thay cho «cái tôi cũ». Niềm hi vọng của «cái tôi cũ» là muốn «cái tôi mới» có thể kéo dài sinh mệnh và sự nghiệp của «cái tôi cũ» cho đến vạn đời sau. Nếu «cái tôi mới» thực hiện được sự kỳ vọng ấy, thì đó là hiếu tử. Đạo hiếu có hai mặt: nhục thể và tinh thần. Về mặt nhục thể, đạo hiếu có ba điều:

1- Phải nuôi dưỡng cha mẹ;

2- Phải nghĩ rằng thân thể của mình là do tinh cha huyết mẹ lưu lại, nên phải bảo vệ, không được huỷ hoại;

3- Phải tạo ra «cái tôi mới» khác nữa (tức phải lấy vợ sinh con) để nối tiếp sinh mệnh của cha mẹ.

Lễ Ký nói: «Nhạc Chính Tử Xuân xuống phòng khách, bị thương ở chân, mấy tháng không ra khỏi nhà, nét mặt buồn bã. Các đệ tử hỏi: "Chân thầy đã đỡ hơn nhiều, nhưng vẻ mặt còn buồn rầu, tại sao vậy?" Nhạc Chính Tử Xuân nói: "Tốt thay câu hỏi của các trò! Tốt thay câu hỏi của các trò! Ta nghe ở Tăng Tử, còn Tăng Tử thì nghe ở Khổng Phu Tử rằng: 'Trong các thứ trời sanh đất dưỡng, chẳng thứ nào lớn bằng con người. Cha mẹ sinh con lành lặn; con chết lành lặn; đó có thể gọi là hiếu vậy. Không làm suy yếu thân thể, không làm ô nhục tấm thân; đó có thể gọi là toàn vẹn vậy. Cho nên quân tử mỗi khi cất bước đều không dám quên hiếu.' Nay ta đã quên đạo hiếu, nên ta có nét mặt buồn bã. Khi cất bước không dám quên cha mẹ; khi nói năng không dám quên cha mẹ. Khi cất bước không dám quên cha mẹ, nên đi đường lớn chứ không đi đường tắt và đi thuyền chứ không bơi qua sông, vì không dám huỷ hoại di thể của cha mẹ ở trong ta. Khi nói năng không dám quên cha mẹ, nên không mở miệng nói lời ác, và lời phẫn nộ không trở ngược vào mình, nó không làm nhục mình, không làm xấu hổ cha mẹ; đó có thể gọi là hiếu vậy."»[51]

Cha mẹ sinh con lành lặn, con phải giữ thân thể lành lặn cho đến khi chết; đó mới là hiếu. *Luận Ngữ* chép: «Tăng Tử bệnh nặng, gọi môn đệ đến, nói: "Dở chân ta ra xem, dở tay ta ra xem. *Kinh Thi* nói: 'Phải nơm

---

[51] *Lễ Ký* (Tế Nghĩa): «Nhạc Chính Tử Xuân hạ đường nhi thương kỳ túc, sổ nguyệt bất xuất, do hữu ưu sắc. Môn đệ tử viết: "Phu tử chi túc sưu hĩ, sổ nguyệt bất xuất, do hữu ưu sắc, hà dã? Nhạc Chính Tử Xuân viết: "Thiện như nhĩ chi vấn dã! Thiện như nhĩ chi vấn dã! Ngô văn chư Tăng Tử. Tăng Tử văn chư Phu Tử viết: 'Thiên chi sở sinh, địa chi sở dưỡng, vô nhân vi đại. Phụ mẫu toàn nhi sinh chi, tử toàn nhi quy chi, khả vị hiếu hĩ. Bất khuy kỳ thể, bất nhục kỳ thân, khả vị toàn hĩ. Cố quân tử khoảnh bộ nhi phất cảm vong hiếu dã.' Kim dư vong hiếu chi đạo,

nớp lo sợ như đi xuống vực sâu, như đi trên băng mỏng.' Từ nay ta biết mình tránh được tội để thân thể bị huỷ thương đó các trò."»[52] Tăng Tử mừng vì đã giữ thân thể lành lặn cho đến khi chết. Tuy nhiên, nếu chỉ giữ cho thân lành lặn cho đến lúc chết mà cái sinh mệnh của cha mẹ không được «cái tôi mới» kế tục thì cũng là bất hiếu. Mạnh Tử nói «vô hậu» (không con nối dõi) là tội lớn nhất trong ba tội bất hiếu, bởi vì nếu không con nối dõi, sự di truyền nòi giống vạn đời từ tổ tiên xuống đến đấy là chấm dứt hoặc mất đi một chi. Cho nên vô hậu là đại bất hiếu vậy.

Về phương diện tinh thần, khi cha mẹ còn sống, con cái phải thuận theo ý chí của cha mẹ chứ không chỉ biết nuôi dưỡng vật chất mà thôi. Nếu cha mẹ có sai lầm thì con cái phải khuyên lơn cha mẹ sửa chữa. Sau khi cha mẹ qua đời, con cái phải cúng tế và tôn kính tưởng nhớ để cha mẹ trở nên bất hủ trong tâm trí của mình. Điểm này đã nói rõ ở tiết bên trên. Mặt khác, con cái phải nối tiếp sự nghiệp của cha mẹ, hoàn thành chí hướng còn dang dở của cha mẹ; hoặc bản thân người con có những tạo tác và những thành tựu khiến mình nổi danh, nhờ đó mà cha mẹ được tiếng thơm, đạt được sự bất hủ trong ký ức và mến mộ của mọi người. *Trung Dung* nói: «Khổng Tử nói: Hiếu của vua Thuấn lớn thay! Ngài có đức làm thánh nhân, được tôn kính làm thiên tử, giàu có trong bốn biển. Ngài được cúng tế ở tông miếu, con cháu ngài gìn giữ hương khói.»[53]

---

dư thị dĩ hữu ưu sắc dã. Nhất cử túc nhi bất cảm vong phụ mẫu, nhất xuất ngôn nhi bất cảm vong phụ mẫu. Nhất cử túc nhi bất cảm vong phụ mẫu, thị cố đạo nhi bất kính, chu nhi bất đu, bất cảm dĩ tiên phụ mẫu chi di thể hành đãi. Nhất xuất ngôn nhi bất cảm vong phụ mẫu, thị cố ác ngôn bất xuất vu khẩu, phẫn ngôn bất phản vu thân, bất nhục kỳ thân, bất tu kỳ thân, khả vị hiếu hĩ."» 樂正子春下堂而傷其足，數月不出，猶有憂色.門弟子曰: "夫子之足瘳矣，數月不出，猶有憂色，何也?" 樂正子春曰: "善如爾之問也!善如爾之問也!吾聞諸曾子，曾子聞諸夫子曰: '天之所生，地之所養，無人爲大.父母全而生之，子全而歸之，可謂孝矣.不虧其體，不辱其身，可謂全矣.故君子頃步而弗敢忘孝也.' 今予忘孝之道，予是以有憂色也.壹舉足而不敢忘父母，壹出言而不敢忘父母.壹舉足而不敢忘父母，是故道而不徑，舟而不游，不敢以先父母之遺體行殆.壹出言而不敢忘父母，是故惡言不出于口，忿言不反于身，不辱其身，不羞其親，可謂孝矣."

[52] ***Luận Ngữ*** **(Thái Bá): «Tăng Tử hữu tật, triệu môn đệ tử viết: "Khải dư túc, khải dư thủ.** ***Thi*** **vân: 'Chiến chiến căng căng như lâm thâm uyên, như lý bạc băng.' Nhi kim nhi hậu, ngô tri miễn phù, tiểu tử."»** 曾子有疾，召門弟子曰: "啓予足，啓予手.詩云: '戰戰兢兢如臨深淵，如履薄冰'而今而後，吾知免夫，小子."

[53] ***Trung Dung*** **- chương 17: «Tử viết: Thuấn kỳ đại hiếu dã dư! Đức vi thánh nhân, tôn vi thiên tử, phú hữu tứ hải chi nội. Tông miếu hưởng chi, tử tôn bảo chi.»** 子曰: 舜其大孝也與.德爲聖人，尊爲天子，富有四海之內.宗廟饗之，子孫保之.

Lại nói: «Khổng Tử nói: Vũ Vương, Chu Công đạt được hiếu rồi! Con hiếu thì giỏi nối chí tổ tiên và giỏi thuật lại sự nghiệp tổ tiên. Mùa xuân và mùa thu thì tu bổ tổ miếu, bày đồ tế tự, bày biện y phục tổ tiên, dâng cúng thức ăn theo mùa. [...] Ngồi vào chỗ của tổ tiên, hành lễ, tấu nhạc, kính điều mà tổ tiên kính, yêu người mà tổ tiên yêu, phụng sự lúc chết y như lúc còn sống, phụng sự lúc mất y như lúc còn; đó là chí hiếu vậy.»[54]

Hiếu về phương diện tinh thần như vậy là đại hiếu, chí hiếu; và nó quan trọng hơn hiếu về phương diện nhục thể. *Lễ Ký* nói: «Tăng Tử nói: "Hiếu có ba bậc: đại hiếu là tôn kính cha mẹ, kế đến là không làm cha mẹ mang nhục, thấp nhất là nuôi dưỡng cha mẹ." Công Minh Nghi hỏi Tăng Tử: "Ngài đáng gọi là có hiếu chưa?" Tăng Tử viết: "Sao nói thế! Sao nói thế! Hiếu của quân tử chính là đón trước ý muốn cha mẹ và kế thừa chí hướng của cha mẹ, rồi dẫn dắt cha mẹ theo đạo. Sâm chỉ mới nuôi dưỡng được cha mẹ thôi, sao gọi là có hiếu được?"»[55] Đó tức là đạo hiếu xem trọng phương diện tinh thần.

Di thể của cha mẹ có ở nơi con, nên hiếu tử phải giữ gìn toàn vẹn cho đến chết, phải làm cho thân thể bất hủ, và chớ làm bẩn thân mang nhục. «Đại hiếu là tôn kính cha mẹ, kế đến là không làm cha mẹ mang nhục.» Tôn kính cha mẹ nghĩa là tích cực làm việc tốt để cha mẹ thơm lây; không làm cha mẹ mang nhục nghĩa là không làm điều ác để cha mẹ khỏi mang tiếng ác. Hễ ai giữ được cái tâm ấy thì tự mình cố gắng trau dồi đạo đức. Cho nên *Hiếu Kinh* và mấy thiên trong *Lễ Ký* đã xem hiếu là căn bản của mọi đức hạnh. *Lễ Ký* nói: «Tăng Tử nói: "Tấm thân ta là di thể của cha mẹ. Vận hành di thể của cha mẹ, dám không tôn kính ư? Cư xử không trang nghiêm, chẳng phải là hiếu. Thờ vua bất trung,

---

[54] *Trung Dung* (chương 19): «Tử viết: Vũ Vương, Chu Công kỳ đạt hiếu hĩ hồ! Phù hiếu giả, thiện kế nhân chi chí, thiện thuật nhân chi sự giả dã. Xuân thu tu kỳ tổ miếu, trần kỳ tông khí, thiết kỳ thường y, tiến kỳ thời thực. [...] Tiễn kỳ vị, hành kỳ lễ, tấu kỳ nhạc, kính kỳ sở tôn, ái kỳ sở thân, sự tử như sự sinh, sự vong như sự tồn, hiếu chi chí dã.» 子曰：武王，周公，其達孝矣乎。夫孝者，善繼人之志，善述人之事者也。春秋，修其祖廟，陳其宗器，設其裳衣，荐其時食。[...] 踐其位，行其禮，奏其樂，敬其所尊，愛其所親，事死如事生，事亡如事存，孝之至也。

[55] *Lễ Ký* (Tế Nghĩa): «Tăng Tử viết: "Hiếu hữu tam: đại hiếu tôn thân, kỳ thứ phất nhục, kỳ hạ năng dưỡng." Công Minh Nghi vấn ư Tăng Tử viết: "Phù tử khả dĩ vi hiếu hồ?" Tăng Tử viết: "Thị hà ngôn dư! Thị hà ngôn dư! Quân tử chi sở vi hiếu giả, tiên ý thừa chí, dụ phụ mẫu ư đạo. Sâm trực dưỡng giả dã, an năng vi hiếu hồ?"» 曾子曰："孝有三：大孝尊親，其次弗辱，其下能養。" 公明儀問於曾子曰："夫子可以爲孝乎？"曾子曰："是何言與！是何言與！君子之所爲孝者，先意承志，諭父母於道。參直養者也，安能爲孝乎？".

chẳng phải là hiếu. Làm quan không được dân kính, chẳng phải là hiếu. Bạn bè chẳng tin nhau, chẳng phải là hiếu. Chiến trận không dũng cảm, chẳng phải là hiếu. Năm điều ấy chẳng trọn, hoạ lây đến cha mẹ, dám không tôn kính ư? Thức ngon vật lạ thường dâng cho cha mẹ, chẳng phải là hiếu, mà là nuôi dưỡng thôi. Quân tử được gọi là hiếu chừng nào người trong nước đều khen: '*Ai có phước lắm mới được người con như thế.*' Như vậy mới gọi là có hiếu. Bài học cơ bản cho mọi người là hiếu, thực hành đạo hiếu là nuôi dưỡng cha mẹ. Nuôi dưỡng cha mẹ có thể làm được, cái khó là tôn kính cha mẹ. Tôn kính cha mẹ có thể làm được, cái khó là làm cho cha mẹ an lòng. Có thể làm cho cha mẹ an lòng, cái khó là duy trì nó đến lúc cha mẹ qua đời. Cha mẹ mất rồi thì phải thận trọng hành vi của mình, chớ để lây tiếng ác cho cha mẹ, như vậy có thể gọi là hiếu trọn đời. Nhân là yêu đạo hiếu; lễ là làm đạo hiếu; nghĩa là xem đạo hiếu là đúng; tín là tin vào đạo hiếu; cường là làm mạnh thêm đạo hiếu. Niềm vui phát sinh do thuận đạo hiếu; hình phạt phát sinh do nghịch đạo hiếu." Tăng Tử nói: "Khiến đạo hiếu lấp đầy trời đất, phổ biến nó lan ra bốn biển, thi hành nó cho đời sau, tuân giữ nó suốt ngày đêm, khiến đạo hiếu thành chuẩn mực ở đông hải, tây hải, nam hải, và bắc hải. *Kinh Thi* nói: 'Từ đông sang tây, từ nam chí bắc, không ai không phục. Đó là nói đạo hiếu vậy.'"»[56]

Hiếu Kinh nói: «Hiếu là gốc của đức, từ đó sinh ra giáo hoá. [...] Thân thể da tóc là nhận lãnh từ mẹ cha, không dám huỷ thương, đó là bắt đầu của hiếu. Lập thân hành đạo, nêu danh hậu thế, để rạng rỡ mẹ cha, đó là cuối cùng của hiếu. Nói chung, hiếu bắt đầu là phụng sự cha mẹ,

---

[56] ***Lễ Ký*** **(Tế Nghĩa): «Tăng Tử viết: "Thân dã giả, phụ mẫu chi di thể dã. Hành phụ mẫu chi di thể, cảm bất kính hồ! Cư xử bất trang, phi hiếu dã. Sự quân bất trung, phi hiếu dã. Lỵ quan bất kính, phi hiếu dã. Bằng hữu bất tín, phi hiếu dã. Chiến trần vô dũng, phi hiếu dã. Ngũ giả bất toại, tai cập ư thân, cảm bất kính hồ! Phanh thục chiên hương, thường nhi tiến chi, phi hiếu dã, dưỡng dã. Quân tử chi sở vị hiếu dã giả, quốc nhân tụng nguyện nhiên viết: *Hạnh tai hữu tử như thử*, sở vị hiếu dã dĩ. Chúng chi bản giáo viết hiếu, kỳ hành viết dưỡng. Dưỡng khả năng dã, kính vi nan. Kính khả năng dã, an vi nan. An khả năng dã, tốt vi nan. Phụ mẫu ký một thận hành kỳ thân, bất di phụ mẫu ác danh, khả vị năng chung hĩ. Nhân giả nhân thử giả dã. Lễ giả lý thử giả dã. Nghĩa giả nghi thử giả dã. Tín giả tín thử giả dã. Cường giả cường thử giả dã. Lạc tự thuận thử sinh; hình tự phản thử tác." Tăng Tử viết: "Phù hiếu trí chi nhi tắc hồ thiên địa, phổ chi nhi hoành hồ tứ hải. Thi chư hậu thế nhi vô triêu tịch. Suy nhi phóng chư đông hải nhi chuẩn, suy nhi phóng chư tây hải nhi chuẩn, suy nhi phóng chư nam hải nhi chuẩn, suy nhi phóng chư bắc hải nhi chuẩn. *Thi* vân: 'Tự tây tự đông, tự nam tự bắc, vô tư bất phục. Thử chi vị dã.'"»** 曾子曰: "身也者，父母之遺體也。行父母之遺體，敢不敬乎？居處不莊非孝也。事君不忠非孝也。蒞官不敬非孝也。朋友不信非孝也戰陳無勇非孝也。五者不遂災及於親，敢不敬乎！烹孰膻薌，嘗而薦之，非孝也。君子之所謂孝也者，國人稱願然曰：幸哉有子如此，所謂孝也已。衆之本

giữa là phụng sự vua, và sau chót là lập thân. *Đại Nhã* nói: "Giữ gìn tổ tiên trong tâm, hãy trau dồi đạo đức." [...] Đạo hiếu là *thiên kinh địa nghĩa* (chân lý bất biến của trời đất), là sự thực hành của dân chúng. Đã là chân lý của trời đất thì dân phải noi theo.»[57]

Theo đó mà nói, hễ có hiếu hạnh thì ắt có mọi đức hạnh. Cho nên hiếu là căn bản của đạo đức. Vào đời Hán, học thuyết này ảnh hưởng rất mạnh. Hễ ai hiếu để thì được trọng thưởng. Thuỵ hiệu của các vua đời Hán đều có chữ Hiếu.[58] Như vậy có thể thấy hiếu rất được xem trọng vào thời đó.

PHỤ CHÚ (của Phùng Hữu Lan):

* Lý thuyết «hiếu là căn bản của mọi đức hạnh» xuất hiện về sau. *Luận Ngữ* chép lời Khổng Tử nói về hiếu rất nhiều. Thí dụ: «Hữu Tử

教曰孝，其行曰養。養可能也敬爲難，安可能也卒爲難。父母既沒愼行其身，不遺父母惡名，可謂能終矣。仁者仁此者也，禮者履此者也，義者宜此者也，信者信此者也，強者強此者也，樂自順此生，刑自反此作。" 曾子曰："夫孝置之而塞乎天地，溥之而橫乎四海，施諸後世而無朝夕，推而放諸東海而準，推而放諸西海而準，推而放諸南海而準，推而放諸北海而準。詩云：'自西自東，自南自北，無思不服。'此之謂也。'"

[57] ***Hiếu Kinh:*** **«Phù hiếu, đức chi bản dã, giáo chi sở do sinh dã. [...] Thân thể phát phu, thụ chi phụ mẫu, bất cảm huỷ thương, hiếu chí thuỷ dã. Lập thân hành đạo, dương danh ư hậu thế, dĩ hiển phụ mẫu, hiếu chi chung dã. Phù hiếu, thuỷ ư sự thân, trung ư sự quân, chung ư lập thân.** ***Đại Nhã*** **viết: "Vô niệm nhĩ tổ, duật tu quyết đức." [...] Phù hiếu, thiên chi kinh dã, địa chi nghĩa dã, dân chi hành dã. Thiên địa chi kinh nhi dân thị tắc chi.»** 夫孝，德之本也，教之所由生也 [...] 身體髮膚，受之父母，不敢毀傷，孝之始也；立身行道，揚名於世，以顯父母，孝之終也。夫孝，始於事親，中於事君，終於立身。大雅曰："無念爾祖，聿修厥德。" [...] 夫孝，天之經也，地之義也，民之行也。天地之經而民是則之。

[58] **LAM chú: Các vua Hán thường lót thêm chữ hiếu vào tên của mình. Xem ra đạo *hiếu* của Nho giáo rất mạnh vào thời Hán. Thí dụ: Đời Tây Hán có Hiếu Huệ Đế 孝惠帝 (Lưu Doanh 劉盈), Hiếu Văn Đế 孝文帝 (Lưu Hằng 劉恒), Hiếu Cảnh Đế 孝景帝 (Lưu Khải 劉啓), Hiếu Vũ Đế 孝武帝 (Lưu Triệt 劉徹), Hiếu Chiêu Đế 孝昭帝 (Lưu Phất Lăng 劉弗陵), Hiếu Tuyên Đế 孝宣帝 (Lưu Tuấn 劉詢), Hiếu Nguyên Đế 孝元帝 (Lưu Thức 劉奭), Hiếu Thành Đế 孝成帝 (Lưu Ngao 劉驁), Hiếu Ai Đế 孝哀帝 (Lưu Hân 劉欣), Hiếu Bình Đế 孝平帝 (Lưu Khản 劉衎). Đời Đông Hán có: Hiếu Minh Đế 孝明帝 (Lưu Trang 劉莊), Hiếu Chương Đế 孝章帝 (Lưu Đát 劉炟), Hiếu Hòa Đế 孝和帝 (Lưu Triệu 劉肇), Hiếu Thương Đế 孝殤帝 (Lưu Long 劉隆), Hiếu An Đế 孝安帝 (Lưu Hỗ 劉祜), Hiếu Thuận Đế 孝順帝 (Lưu Bảo 劉保), Hiếu Xung Đế 孝沖帝 (Lưu Bính 劉炳), Hiếu Chất Đế 孝質帝 (Lưu Toản 劉纘), Hiếu Hoàn Đế 孝桓帝 (Lưu Chí 劉志), Hiếu Linh Đế 孝靈帝 (Lưu Hoành 劉宏), Hiếu Hiến Đế 孝獻帝 (Lưu Hiệp 劉協). Xem: Ninh Nghiệp Cao 寧業高, Ninh Nghiệp Tuyền 寧業泉, Ninh Nghiệp Long 寧業龍,** ***Trung Quốc hiếu văn hóa mạn đàm*** **中國孝文化漫談, Trung Ương Dân Tộc Đại Học xbx, Bắc Kinh, 1995, tr.137.**

nói: [...] quân tử chú trọng gốc, gốc đã lập thì đạo sinh. Hiếu đễ là gốc của nhân ái.»[59] Nói hiếu là yếu tố của nhân ái, là suy bụng ta ra bụng người. Quan hệ giữa ta và cha mẹ ta là thân thiết nhất. Nếu cha mẹ ta mà ta không thương thì sao thương được cha mẹ người khác, và thương được mọi người? Do đó mới nói «hiếu đễ là gốc của nhân ái». Khổng Tử và Mạnh Tử đều chú trọng hiếu, nhưng chưa hề nói hiếu là căn bản của mọi đức hạnh. Căn bản của đạo đức chính là lòng nhân, mà người nhân ái thì tự nhiên có hiếu. Cho nên Mạnh Tử nói: «Chưa hề có người nhân ái nào bỏ bê cha mẹ cả.»[60]

* Tác giả mấy thiên của *Lễ Ký* đều cho những lời thuật lại trong đó là của Tăng Tử. Quyển *Hiếu Kinh* cũng nêu rõ là lời Khổng Tử đối đáp Tăng Tử, vì Tăng Tử đương thời có tiếng là hiếu. Cho nên Mạnh Tử mấy lần nói: «Phụng sự cha mẹ phải như Tăng Tử mới được.» Tăng Tử tuy hiếu hạnh, nhưng chúng ta khó đoán định lý thuyết «hiếu là căn bản của mọi đức hạnh» có phải là chủ trương của Tăng Tử hay không. *Mạnh Tử* và *Tuân Tử* đều không đề cập điều ấy, mà trong *Lễ Ký* hay thuật lại người này nói thế này, người kia nói thế kia rất nhiều, rốt cuộc ta không biết thật sự ai là người nói đích thực.

7. Đại Học

Hai thiên *Đại Học* và *Trung Dung* trong *Tiểu Đái Lễ Ký* có ảnh hưởng rất lớn trong triết học Trung Quốc sau này. Chu Hi 朱熹 (1130-1200) xem *Đại Học* là của Tăng Tử 曾子, còn Vương Bách 王柏 (1197-1274) xem nó là của Tử Tư 子思 (cháu nội Khổng Tử).[61] *Đại Học* nói: «Đạo của Đại Học là làm sáng thêm cái đức sáng, đổi mới dân chúng, và dừng ở chí thiện. Biết dừng thì sẽ định, định rồi sẽ tĩnh, tĩnh rồi sẽ an, an rồi sẽ suy nghĩ, suy nghĩ rồi sẽ đắc. Vật có gốc ngọn, việc có đầu cuối, biết thứ tự trước sau thì gần với đạo. Người xưa muốn làm sáng thêm đức sáng của mọi người thì phải *trị quốc* (làm cho nước bình yên) trước.

---

[59] ***Luận Ngữ*** **- Học Nhi: «Hữu Tử viết: [...] quân tử vụ bản, bản lập nhi đạo sinh. Hiếu đễ dã giả, kỳ vi nhân chi bản dư.»** 有子曰: [...]君子務本, 本立而道生. 孝弟也者, 其爲仁之本歟.

[60] ***Mạnh Tử*** **(Lương Huệ Vương - thượng): «Vị hữu nhân nhi di kỳ thân giả dã.»** 未有仁而遺其親者也.

[61] **LAM chú: Tử Tư 子思 (483-402 TCN) tức Khổng Cấp 孔伋, cháu nội Khổng Tử. *Sử Ký* (Khổng Tử Thế Gia) chép: «Khổng Tử sinh ra Lý 鯉, tự là Bá Ngư 伯魚. Bá Ngư sinh ra Cấp 伋, tự là Tử Tư 子思.» Tương truyền Tử Tư là học trò của Tăng Sâm 曾參 và là thầy của Lỗ Mục [Mậu] Công 魯繆公. Đời Bắc Tống, vua Huy Tông 徽宗 truy phong Tử Tư là Cẩn Thuỷ Hầu 沂水侯; đời Nguyên, vua Văn Tông 文宗 truy phong Tử Tư là Thuật Thánh Công 述聖公, đời sau gọi là Thuật Thánh 述聖.**

Muốn trị quốc thì phải *tề gia* (chỉnh đốn gia đạo) trước. Muốn tề gia thì phải *tu thân* (sửa mình) trước. Muốn tu thân thì phải *chính tâm* (làm cho tâm đúng đắn) trước. Muốn chính tâm thì phải *thành ý* (làm cho ý chí trở nên thành thực) trước. Muốn thành ý thì phải *trí tri* (biết tới chốn) trước. Trí tri ở *cách vật* (phân tích suy xét sự vật). Vật cách thì tri chí. Tri chí thì ý thành. Ý thành thì tâm chính. Tâm chính thì thân tu. Thân tu thì gia tề. Gia tề thì quốc trị. Quốc trị thì thiên hạ bình. Từ thiên tử cho đến dân chúng, tất cả đều lấy tu thân làm gốc. Gốc loạn mà ngọn trị thì không hề có. Cái dầy dặn mà xem mỏng manh, cái mỏng manh mà xem dầy dặn thì chưa hề có. Đó gọi là biết gốc, là biết tới nơi tới chốn.»[62]

Đoạn trên đây là ý tứ chủ yếu của *Đại Học*, vốn gọi là *tam cương lĩnh* và *bát điều mục* của *Đại Học*. *Tam cương lĩnh* là: minh đức, tân dân, chỉ ư chí thiện. *Bát điều mục* là: cách vật, trí tri, thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ.

Ý nghĩa đoạn văn trên nói chung là rất minh bạch, không cần phải giải thích. Có điều, *trí tri cách vật* 致知格物 thì ở sau không nói rõ, khiến các học giả đời sau giải thích rất khác nhau. Đấy là điểm tranh luận chủ yếu giữa phái Trình-Chu (Trình Di, Chu Hi) và phái Lục-Vương (Lục Cửu Uyên, Vương Dương Minh) giữa đời Tống đời Minh, bởi lẽ họ có sự giải thích khác nhau đối với *trí tri cách vật*. Bốn chữ này rất quan trọng trong triết học Trung Quốc, nên không thể không giải thích. Nhưng muốn giải thích nó, thì các học giả về sau ai là người giải thích đúng với

---

62 **«Đại học chi đạo, tại minh minh đức, tại tân dân, tại chỉ ư chí thiện. Tri chỉ nhi hậu hữu định, định nhi hậu năng tĩnh, tĩnh nhi hậu năng an, an nhi hậu năng lự, lự nhi hậu năng đắc. Vật hữu bản mạt, sự hữu chung thuỷ, tri sở tiên hậu, tắc cận đạo hĩ. Cổ chi dục minh minh đức ư thiên hạ giả, tiên trị kỳ quốc. Dục trị kỳ quốc giả, tiên tề kỳ gia. Dục tề kỳ gia giả, tiên tu kỳ thân. Dục tu kỳ thân giả, tiên chính kỳ tâm. Dục chính kỳ tâm giả, tiên thành kỳ ý. Dục thành kỳ ý giả, tiên trí kỳ tri. Trí tri tại cách vật. Vật cách nhi hậu tri chí. Tri chí nhi hậu ý thành. Ý thành nhi hậu tâm chính. Tâm chính nhi hậu thân tu. Thân tu nhi hậu gia tề. Gia tề nhi hậu quốc trị. Quốc trị nhi hậu thiên hạ bình. Tự thiên tử dĩ chí ư thứ nhân, nhất thị giai dĩ tu thân vi bản. Kỳ bản loạn nhi mạt trị giả phủ hĩ. Kỳ sở hậu giả bạc, nhi kỳ sở bạc giả hậu, vị chi hữu dã. Thử vị tri bản, thử vị tri chi chí dã.»** 大學之道，在明明德，在親(新)民，在止於至善．知止而後有定，定而後能安，安而後能慮，慮而後能得．物有本末，事有終始，知所先後，則近道矣．古之欲明明德於天下者，先治其國．欲治其國者，先齊其家．欲齊其家者，先修其身．欲修其身者，先正其心．欲正其心者，先誠其意．欲誠其意者，先致其知．致知在格物．物格而後知至．知至而後意誠．意誠而後心正．心正而後身修．身修而後家齊．家齊而後國治．國治而後天下平．自天子至於庶人，壹是皆以修身爲本．其本亂而末治者否矣．其所厚者薄，而其所薄者厚，未之有也，此謂知本，此謂知之至也．

nguyên ý của *Đại Học*? Tuân Tử là đại sư của Nho gia cuối thời Chiến Quốc, đa số Nho gia đời sau đều xuất thân từ môn phái này. Tuân Tử lại nói nhiều đến lễ, nên nhiều thiên trong *Đại Dái* và *Tiểu Dái Lễ Ký* cũng đa phần dựa trên quan điểm của Tuân Tử mà nói về lễ. Xét mấy chỗ lý luận ở các tiết trên của chương này thì có thể thấy điều đó. Nói về giáo dục thì *Đại Dái Lễ Ký* chép thẳng thiên Khuyến Học trong *Tuân Tử;* còn thiên Học Ký trong *Tiểu Dái Lễ Ký* cũng là lập lại quan điểm của Tuân Tử về giáo dục. Rõ ràng học thuyết của Tuân Tử có ảnh hưởng rất lớn vào đời Tần và đời Hán; lớn hơn nhiều so với mức độ mà học giả đời sau tưởng tượng.

Thiên Học Ký chép: «Hệ thống giáo dục thời xưa như sau: lớp học ở gia đình gọi là *thục* 塾, trường làng gọi là *tường* 庠, trường huyện gọi là *tự* 序, trường tại kinh đô gọi là *học* 學. Mỗi năm đều có tuyển sinh vào trường tại kinh đô. Cứ mỗi hai năm thì có một kỳ khảo sát. Năm thứ nhất, xét xem học sinh có đọc hiểu và giải thích được kinh điển không. Năm thứ ba, xét xem học sinh có chú tâm học hành và hoà đồng với tập thể không. Năm thứ năm, xét xem học sinh có học rộng thêm và thân cận với thầy không. Năm thứ bảy, xét xem học sinh thảo luận điều đã học và kết bạn thế nào; đó gọi là *tiểu thành* (thành tựu nhỏ). Năm thứ chín, học sinh đã hiểu biết các môn học khác nhau và đạt được vốn tri thức khá rồi, có thể đứng vững vàng mà không thối chí; đó gọi là *đại thành* (thành tựu lớn). Sau đó, học vấn của họ đủ để giáo hoá dân chúng và thay đổi hủ tục, khiến cho người ở gần vui dạ khâm phục, còn người ở xa thì hâm mộ hoài mong. Đó là cái đạo của đại học vậy.»[63]

«Có thể đứng vững vàng mà không thối chí» (cường lập nhi bất phản 強立而不反) chính là ý «đi mãi mà không trở lại khởi đầu, tức là chuyển hoá» (trường thiên nhi bất phản kỳ sơ tắc hoá hĩ 長遷而不反其初則化矣) được nói trong thiên Bất Cẩu của *Tuân Tử*. Ở tiết 5 của chương 12 tôi đã nói rõ ý nghĩa của nó. Học Ký xem cái đạo của đại học là khiến học sinh «hiểu biết các môn học khác nhau và đạt được vốn tri thức khá rồi, có thể đứng vững vàng mà không thối chí, [...] học vấn của họ đủ

[63] *Lễ Ký* (Học Ký):«Cổ chi giáo giả, gia hữu thục, đảng hữu tường, thuật hữu tự, quốc hữu học. Tỷ niên nhập học, trung niên khảo hiệu. Nhất niên thị ly kinh biện chí, tam niên thị kính nghiệp lạc quần. Ngũ niên thị bác tập thân sư. Thất niên thị luận học thủ hữu, vị chi tiểu thành. Cửu niên tri loại thông đạt, cường lập nhi bất phản, vị chi đại thành. Phù nhiên hậu túc dĩ hoá dân dịch tục, cận giả duyệt phục, nhi viễn giả hoài chi, thử đại học chi đạo dã.» 古之教者，家有塾，黨有庠，術有序，國有學．比年入學，中年考校．一年視離經辨志．三年視敬業樂群．五年視博習親師．七年視論學取友，謂之小成．九年知類通達，強立人不反，謂之大成．夫然後足以化民易俗，近者悅服而遠者懷之，此大學之道也．

để giáo hoá dân chúng và thay đổi hủ tục, khiến cho người ở gần vui dạ khâm phục, còn người ở xa thì hâm mộ hoài mong». *Đại Học* thì xem cái đạo của đại học là «cách vật, trí tri, thành ý, chính tâm, tu thân, tề gia, trị quốc, bình thiên hạ». Ý tứ chính yếu của cả hai thì tương đồng. Cái gọi là «đạo của đại học» (đại học chi đạo 大學之道) được nói trong *Đại Học* cũng chính là lấy quan điểm của Tuân Tử mà giải thích.

Thiên Giải Tế của Tuân Tử nói: «Cái nhận biết là tính người, cái có thể được nhận biết là lý của sự vật. Nếu ta lấy nhân tính (có thể nhận biết) để cầu cái lý sự vật (có thể được nhận biết) mà không có gì trở ngại, thì tàn đời hết kiếp cũng không biết hết. Dù ta đã thông suốt lý lẽ sự vật đến muôn vạn cũng không đủ để bao quát hết sự biến đổi của vạn vật. Rốt cuộc ta với kẻ ngu cũng như nhau. Dù ta học tới già và tới lúc con ta trưởng thành thì ta với kẻ ngu cũng như nhau; không biết lỗi lầm, tức là kẻ mê vọng. Cho nên người đi học phải biết dừng. Nhưng dừng ở đâu? Đáp: dừng ở chỗ *chí túc* 至足 (rất đầy đủ). Cái gì gọi là *chí túc*? Đáp: đó là đức của thánh nhân.»[64]

Đại Học cũng dạy rằng người học phải biết dừng. Dừng ở đâu? Tuân Tử nói dừng ở chỗ *chí túc* (rất đầy đủ), còn *Đại Học* nói dừng ở chỗ *chí thiện* (rất tốt lành). Ý nghĩa của chúng như nhau. *Đại Học* chép: «*Kinh Thi* nói: "Kinh đô vuông ngàn dặm là nơi dân dừng lại ở." *Kinh Thi* lại nói: "Chim vàng hót ríu rít, đến đậu ở gò đất." Khổng Tử nói: "Khi dừng thì biết dừng ở chỗ phải dừng. Lẽ nào người lại chẳng bằng chim sao?" *Kinh Thi* nói: "Văn Vương sâu sắc thay, luôn làm sáng đạo đức của mình, và kính cẩn ở chỗ mình dừng lại." Khi ngài làm vua thì dừng ở nhân ái; khi làm bề tôi thì dừng ở tôn kính; khi làm con thì dừng ở hiếu; khi làm cha thì dừng ở hiền từ; khi giao thiệp với người trong

---

[64] ***Tuân Tử* (Giải Tế): «Phàm dĩ tri, nhân chi tính dã. Khả dĩ tri, vật chi lý dã. Dĩ khả dĩ tri nhân chi tính, cầu khả dĩ tri vật chi lý, nhi vô sở nghi chỉ chi, tắc một thế cùng niên, bất năng biến dã. Kỳ sở dĩ quán lý yên tuy ức vạn, dĩ bất túc dĩ tiếp vạn vật chi biến. Dữ ngu giả nhược nhất. Học, lão thân trưởng tử, nhi dữ ngu giả nhược nhất, do bất tri thác, phù thị chi vị vọng nhân. Cố học dã giả, cố học chỉ chi dã. Ô hồ chỉ chi? Viết: chỉ ư chí túc. Hạt vị chí túc? Viết: thánh dã.»** 凡以知，人之性也．可以知，物之理也．以可以知人之性，求可以知物之理，而無所疑止之，則沒世窮年不能遍也．其所以貫理焉雖億萬，已不足以浹萬物之變．與愚者若一．學，老身長子，而與愚者若一，猶不知錯，夫是之謂妄人．故學也者，固學止之也．惡乎止之？曰止於至足．曷謂至足？曰聖也．

nước thì dừng ở thành tín»[65]

Tuân Tử xem bậc thánh là người có đức rất đầy đủ (chí túc), và nói: «Thánh nhân là người làm trọn hết mọi bổn phận con người.» (Thánh dã giả, tận luân giả dã 聖也者盡倫者也). Ý nghĩa «làm vua thì dừng ở nhân ái, làm bề tôi thì dừng ở tôn kính, làm con thì dừng ở hiếu, làm cha thì dừng ở hiền từ, giao thiệp với người trong nước thì dừng ở thành tín» mà *Đại Học* nói tức là làm trọn vẹn hết mọi bổn phận con người vậy.

Hễ con người biết dừng, ắt sẽ hướng đến một mục đích nhất định mà tiến hành. Lòng không lông bông trôi nổi thì định; hễ định thì sẽ tĩnh; hễ tĩnh thì sẽ yên; hễ yên thì sẽ suy tư; hễ suy tư thì sẽ đạt mục đích.

Mạnh Tử nói: «Người ta luôn nói: "Thiên hạ, nước, nhà." Gốc của thiên hạ là nước; gốc của nước là nhà; gốc của nhà là cá nhân.»[66]

Như vậy, cá nhân là gốc của gia đình, quốc gia, xã hội. *Đại Học* nói: «Người xưa muốn làm sáng thêm đức sáng của mọi người thì phải *trị quốc* (làm cho nước bình yên) trước. Muốn trị quốc thì phải *tề gia* (chỉnh đốn gia đạo) trước. Muốn tề gia thì phải *tu thân* (sửa mình) trước.» Có lẽ câu ấy dựa theo ý của Mạnh Tử. Tuy nhiên Tuân Tử cũng nói: «Xin hỏi làm việc nước thế nào? Đáp: Ta nghe nói tu thân chứ chưa hề nghe nói làm việc nước. Vua là khuôn mẫu, dân là cái đổ vào khuôn. Khuôn mẫu mà đúng thì cái đổ vào khuôn sẽ đúng. Vua là cái mâm, dân là nước; mâm hình tròn nên nước có hình tròn. Vua là cái chậu, chậu hình vuông nên nước có hình vuông. Vua thích bắn cung thì bầy tôi cũng bắt chước làm theo. Sở Trang Vương thích eo nhỏ, nên triều đình có người phải đói [vì nhịn ăn để có eo nhỏ]. Cho nên nói: Ta nghe nói tu

---

[65] ***Lễ Ký* (Đại Học): «Thi vân: "Bang kỳ thiên lý, duy dân sở chỉ." Thi vân: "Mân man hoàng điểu, chỉ ư khâu ngung." Tử viết: "Ư chỉ tri kỳ sở chỉ, khả dĩ nhân nhi bất như điểu hồ?" Thi vân: "Mục mục Văn Vương, ư tập hi kính chỉ." Vi nhân quân chỉ ư nhân. Vi nhân thần chỉ ư kính. Vi nhân tử chỉ ư hiếu. Vi nhân phụ chỉ ư từ. Dữ quốc nhân giao chỉ ư tín.»** 詩云: "邦畿千里,惟民所止." 詩云: "緡蠻黃鳥,止於丘隅." 子曰: "於止知其所止,可以人而不如鳥乎?" 詩云: "穆穆文王,於緝熙敬止." 爲人君止於仁,爲人臣止於敬,爲人子止於孝,爲人父止於慈,與國人交止於信.

[66] ***Mạnh Tử* - LyLâu (thượng): «Nhân hữu hằng ngôn, giai viết: "Thiên hạ quốc gia." Thiên hạ chi bản tại quốc, quốc chi bản tại gia, gia chi bản tại thân.»** 人有恆言,皆曰: "天下國家." 天下之本在國,國之本在家,家之本在身.

thân chứ chưa hề nghe nói làm việc nước.»[67]

Vua là khuôn mẫu của một nước, cho nên hễ vua tu thân thì người cả nước và thiên hạ đều phải tu thân, thế là nước yên và thiên hạ thái bình. *Đại Học* nói: «Nghiêu Thuấn lấy nhân ái lãnh đạo thiên hạ mà dân theo. Kiệt Trụ lấy hung bạo lãnh đạo thiên hạ mà dân theo. Khi lệnh vua trái với sở thích của vua, thì dân không theo lệnh ấy. Cho nên quân tử đòi hỏi điều tốt ở mình rồi mới đòi hỏi điều tốt ở người; chừng nào mình không lỗi thì mới trách người. Bản thân mình vô đạo mà đi dạy người đạo đức, xưa nay chưa hề có. Cho nên việc trị nước vốn ở tề gia. *Kinh Thi* nói: "Cây đào yểu điệu, lá nó sum xuê; gái kia về nhà chồng, ăn ở đúng đắn với người trong nhà." [Quân tử] ăn ở đúng đắn với người trong nhà, sau mới dạy được dân trong nước. *Kinh Thi* nói: "Anh ra anh, em ra em." [Quân tử] ăn ở anh ra anh em ra em, sau mới dạy được dân trong nước. *Kinh Thi* nói: "Vua mà ăn ở không lỗi lầm thì mới khiến dân bốn phương ngay chính." Quân tử hễ đúng đắn trong quan hệ cha-con, anh-em, thì dân mới bắt chước.»[68]

Bởi thế, tu thân là gốc của tề gia, trị quốc, và bình thiên hạ. Hơn nữa, việc trị nước là lấy người trị người. Lấy người trị người để không xa

---

[67] ***Tuân Tử*** **(Quân Đạo): «Thỉnh vấn vi quốc? Viết: văn tu thân, vị thường văn vi quốc dã. Quân giả, nghi dã; dân giả cảnh dã, nghi chính nhi cảnh chính. Quân giả, bàn dã; dân giả thuỷ dã, bàn viên nhi thuỷ viên. Quân giả vu dã, vu phương nhi thuỷ phương. Quân xạ tắc thần quyết. Sở Trang Vương hiếu tế yêu, cố triều hữu ngạ nhân. Cố viết: Văn tu thân, vị thường văn vi quốc dã.»** 請問爲國?曰:聞修身,未嘗聞爲國也.君者儀也;民者景也.儀正而景正.君者槃也;民者水也,槃圓而水圓.君者盂也,盂方而水方.君射則臣決.楚莊王好細腰,故朝有餓人.故曰:聞修身,未嘗聞爲國也.– **LAM chú: Bản chữ Hán của Phùng Hữu Lan chép thiếu «dân giả cảnh dã» và «dân giả thuỷ dã», tôi đã bổ sung.**

[68] ***Lễ Ký*** **(Đại Học): «Nghiêu Thuấn suất thiên hạ dĩ nhân, nhi dân tòng chi. Kiệt Trụ suất thiên hạ dĩ bạo, nhi dân tòng chi. Kỳ sở lệnh phản kỳ sở hiếu, nhi dân bất tòng. Thị cố quân tử hữu chư kỷ nhi hậu cầu chư nhân, vô chư kỷ nhi hậu phi chư nhân. Sở tàng hồ thân bất thứ, nhi năng dụ chư nhân giả, vị chi hữu dã. Cố trị quốc tại tề kỳ gia. Thi vân: "Đào chi yêu yêu, kỳ diệp trăn trăn, chi tử vu quy, nghi kỳ gia nhân." Nghi kỳ gia nhân, nhi hậu khả dĩ giáo quốc nhân. Thi vân: "Nghi huynh nghi đệ." Nghi huynh nghi đệ, nhi hậu khả dĩ giáo quốc nhân. Thi vân: "Kỳ nghi bất thắc, chính thị tứ quốc." Kỳ vi phụ tử huynh đệ túc pháp, nhi hậu dân pháp chi dã.»** 堯舜率天下以仁而人從之.桀紂率天下以暴而民從之.其所令反其所好而民不從.是故君子有諸己而後求諸人,無諸己而後非諸人.所藏乎身不恕而能喻諸人者,未之有也.故治國在齊其家.詩云:"桃之夭夭,其葉蓁蓁,之子于歸,宜其家人."宜其家人而後可以教國人.詩云:"宜兄宜弟."宜兄宜弟而後可以教國人.詩云:"其儀不忒正是四國."其爲父子兄弟足法而後民法之也.

khuôn mẫu. Đấy là lời của *Trung Dung*. Tương tự, Tuân Tử nói: «Thánh nhân lấy bản thân để đo lường sự vật; cho nên lấy bản thân để đo lường người khác, lấy tình cảm của mình để đo lường tình cảm của người.» Lại nói: «Cây thước vuông (ê-ke) 5 tấc làm chuẩn mực cho cả thiên hạ.»[69] Hễ ai đã trau dồi đạo đức (tu thân) ắt sẽ biết «lấy bản thân để đo lường người khác, lấy tình cảm của mình để đo lường tình cảm của người» và trở thành cây thước vuông làm chuẩn mực cho thiên hạ. *Đại Học* nói: «Nói "làm thiên hạ thái bình là do ở trị yên nước" (bình thiên hạ tại trị kỳ quốc) có nghĩa là khi vua kính trọng người già thì dân trở nên hiếu, kính trọng anh thì dân trở nên đễ, thương xót người cô quả thì dân không bội bạc. Cho nên quân tử có đạo *hiệt củ* (suy ta ra người). Đạo *hiệt củ* có nghĩa là: hễ mình ghét điều gì ở bậc trưởng thượng thì chớ làm điều đó cho kẻ dưới; hễ mình ghét điều gì ở kẻ dưới thì chớ làm điều đó cho bậc trưởng thượng; hễ mình ghét điều gì ở người trước thì chớ làm điều đó cho người sau; hễ mình ghét điều gì ở người sau thì chớ làm điều đó cho người trước; hễ mình ghét điều gì ở người bên mặt thì chớ làm điều đó cho người bên trái; hễ mình ghét điều gì ở người bên trái thì chớ làm điều đó cho người bên mặt.»[70]

Đạo hiệt củ tức là «lấy cây thước vuông 5 tấc làm chuẩn mực cho cả thiên hạ».

Muốn tu thân thì trước phải chính tâm (làm cho tâm chính trực), bởi vì bậc thánh thì phải biết Đạo, mà tâm có «hư, nhất, tĩnh» (trống rỗng, tinh nhất, yên tĩnh) thì mới có thể biết Đạo. Tuân Tử nói: «Cho nên nhân tâm ví như nước trong chậu. Đặt chậu ngay ngắn và không động vào nó thì cặn cáu lắng xuống và phần nước ở trên thì trong trẻo,

---

[69] ***Tuân Tử*** **(Phi Tướng): «Thánh nhân giả, dĩ kỷ đạc giả dã. Cố dĩ nhân đạc nhân, dĩ tình đạc tình.»** 聖人者以己度者也.故以人度人,以情度情.– ***Tuân Tử*** **(Bất Cẩu): «Ngũ thốn chi củ, tận thiên hạ chi phương dã.»** 五寸之矩,盡天下之方也.

[70] ***Lễ Ký*** **(Đại Học): «Sở vị bình thiên hạ tại trị kỳ quốc giả, thượng lão lão nhi dân hưng hiếu, thượng trưởng trưởng nhi dân hưng đễ, thượng tuất cô nhi dân bất bội. Thị dĩ quân tử hữu hiệt củ chi đạo dã. Sở ố ư thượng, vô dĩ sử hạ, sở ố ư hạ, vô dĩ sự thượng; sở ố ư tiền, vô dĩ tiên hậu, sở ố ư hậu, vô dĩ tòng tiền; sở ố ư hữu, vô dĩ giao ư tả, sở ố ư tả, vô dĩ giao ư hữu; thử chi vị hiệt củ chi đạo.»** 所謂平天下在治其國者,上老老而民興孝,上長長而民興弟,上恤孤而民不倍.是以君子有絜矩之道也.所惡於上毋以使下,所惡於下毋以事上;所惡於前,毋以先後,所惡於後,毋以從前;所惡於右,毋以交於左,所惡於左,毋以交於右;此之謂絜矩之道.– **LAM chú: *Hiệt* là đo lường, *củ* là cây thước vuông (ê-ke), hiểu rộng là chuẩn mực hay phép tắc đo lường. Đạo hiệt củ (hay nguyên tắc hiệt củ) có thể tóm gọn bằng câu nói: «Kỷ sở bất dục vật thi ư nhân.»** 己所不欲勿施於人 **(Cái gì mình không muốn kẻ khác gây cho mình thì mình đừng làm điều đó cho họ.) [*Luận Ngữ* - Vệ Linh Công]**

đủ để soi mặt mày râu ria được. Một cơn gió nhẹ thoảng qua, cặn cáu đáy chậu bị động, phần nước trong trẻo ở trên bị loạn, khiến ta không thể soi được hình ảnh đích thực của mình. Tâm ta cũng như thế. Cho nên nếu tâm được dẫn dắt bằng đạo lý và được nuôi dưỡng bằng sự trong sạch thì chẳng có gì khuynh đảo được nó. Có thế, tâm xác định được đúng sai và giải quyết được điều nghi ngờ.»[71]

Đại Học nói: «Nói "tu sửa bản thân là do ở làm cho tâm chính trực" (tu thân tại chính kỳ tâm) có nghĩa là hễ giận dữ thì tâm không chính. Hễ sợ hãi thì tâm không chính. Hễ ham khoái lạc thì tâm không chính. Hễ lo buồn thì tâm không chính.»[72]

Tâm có những trạng thái đó khác nào một cơn gió nhẹ thoảng qua làm cặn cáu ở đáy chậu bị động, phần nước trong trẻo ở trên bị loạn, khiến ta không thể soi được hình ảnh đích thực của mình. Nếu tâm như nước trong cái chậu được đặt ngay ngắn và không bị tác động thì nó sẽ xác định được đúng sai và giải quyết được điều nghi ngờ.

Tuân Tử nói tiếp: «Nếu tâm bị việc nhỏ nhặt dẫn đi, thì sự chính trực bị thay đổi và nội tâm bị chao đảo, như vậy sẽ ta không thể giải quyết được các việc thông thường. Cho nên người thích viết chữ thì nhiều nhưng chỉ có Thương Hiệt là truyền lại, đó là do tâm chuyên nhất vậy; người thích lúa má thì nhiều nhưng chỉ có Hậu Tắc là truyền lại, đó là do chuyên nhất vậy; người thích âm nhạc thì nhiều nhưng chỉ có Quỳ là truyền lại, đó là do chuyên nhất vậy; người thích điều nghĩa thì nhiều nhưng chỉ có Thuấn là truyền lại, đó là do chuyên nhất vậy. Thùy chế tạo cây cung, Phù Du chế tạo mũi tên, còn Nghệ giỏi bắn cung. Hề Trọng chế tạo xe, Đỗ nghĩ cách mắc ngựa vào xe, còn Tạo Phụ giỏi đánh xe. Từ xưa đến nay, chưa từng có

---

[71] ***Tuân Tử*** **(Giải Tế): «Cố nhân tâm thí như bàn thuỷ, chính thác nhi vật động, tắc trạm trọc tại hạ, nhi thanh minh tại thượng, tắc túc dĩ kiến tu mi nhi sát lý hĩ. Vi phong quá chi, trạm trọc động hồ hạ, thanh minh loạn ư thượng, tắc bất khả dĩ đắc đại hình chi chính dã. Tâm diệc như thị hĩ. Cố đạo chi dĩ lý, dưỡng chi dĩ thanh, vật mạc chi khuynh, tắc túc dĩ định thị phi quyết hiểm nghi hĩ.»** 故人心譬如槃水，正錯而勿動，則湛濁在下，而清明在上，則足以見鬚眉而察理矣．微風過之，湛濁動乎下，清明亂於上，則不可以得大形之正也．心亦如是矣．故導之以理，養之以清，物莫之傾，則足以定是非決嫌疑矣．

[72] ***Lễ Ký*** **(Đại Học): «Sở vị tu thân tại chính kỳ tâm giả, tâm hữu sở phẫn chí, tắc bất đắc kỳ chính. Hữu sở khủng cụ, tắc bất đắc kỳ chính. Hữu sở hiếu lạc, tắc bất đắc kỳ chính. Hữu sở ưu hoạn, tắc bất đắc kỳ chính.»** 所謂修身在正其心者，心有所忿懥，則不得其正．有所恐懼，則不得其正．有所好樂，則不得其正．有所憂患，則不得其正．

ai ôm đồm mà giỏi cả.»[73]

Tức là nếu tâm không chuyên nhất thì tâm sẽ loạn và bất chính. *Đại Học* nói: «Tâm loạn thì ta nhìn không thấy, nghe không được ăn không ngon.»[74] Đó là cái lỗi do tâm không chuyên nhất. Muốn không vướng phải lỗi đó, đối với một sự vật, ta phải thành thực tìm cầu nó. *Đại Học* nói: «Khang Cáo nói: "Hãy giống như bảo vệ đứa trẻ sơ sinh." Lấy lòng thành thực mà cầu sự vật, tuy không trúng, nhưng sai không xa. Chưa từng có kẻ học nuôi con rồi mới lấy chồng.»[75] Tấm lòng mẹ hiền bảo vệ đứa con còn đỏ hỏn là một thí dụ cụ thể về sự thành tâm vậy. *Đại Học* nói: «Nói "làm thành thực cái ý của mình" (thành kỳ ý) có nghĩa là không tự lừa mình. Như ghét mùi thối, thích sắc đẹp, đó gọi là khiêm tốn với chính mình. Cho nên quân tử phải thận trọng khi ở một mình. Tiểu nhân khi nhàn rỗi thì làm việc quấy, chuyện gì cũng dám làm. Khi gặp người khác thì kẻ tiểu nhân che giấu cái ác của nó và vờ tỏ ra lương thiện. Nhưng quân tử nhìn thấu gan phổi nó, dù nó che giấu cũng vô ích. Đó là vì hễ trong lòng thành thực thì sự thành thực hiện ra mặt. Cho nên

---

[73] ***Tuân Tử*** **(Giải Tế): «Tiểu vật dẫn chi, tắc kỳ chính ngoại dịch, kỳ tâm nội khuynh, tắc bất túc dĩ quyết thử lý hĩ. Cố hiếu thư giả chúng hĩ, nhi Thương Hiệt độc truyền giả, nhất dã; hiếu giá giả chúng hĩ, nhi Hậu Tắc độc truyền giả, nhất dã. Hiếu nhạc giả chúng hĩ, nhi Quỳ độc truyền giả, nhất dã; hiếu nghĩa giả chúng hĩ, nhi Thuấn độc truyền giả, nhất dã. Thùy tác cung, Phù Dư tác thỉ, nhi Nghệ tinh ư xạ. Hề Trọng tác xa thặng, Đổ tác thặng mã, nhi Tạo Phụ tinh ư ngự. Tự cổ cập kim, vị thường hữu lưỡng nhi năng tinh giả dã.»** 小物引之，則其正外易，其心內傾，則不足以決庶理矣．故好書者衆矣而倉頡獨傳者，壹也；好稼者衆矣，而后稷獨傳者，壹也．好樂者衆矣，而夔獨傳者，壹也；好義者衆矣，而舜獨傳者，壹也．倕作弓，浮游作矢，而羿精於射．奚仲作車乘，杜作乘馬，而造父精於御．自古及今，未嘗有兩而能精也．

[74] ***Lễ Ký*** **(Đại Học): «Tâm bất tại yên, thị nhi bất kiến, thính nhi bất văn, thực nhi bất tri kỳ vị.»** 心不在焉，視而不見，聽而不聞，食而不知其味．

[75] ***Lễ Ký*** **(Đại Học): «Khang Cáo viết: "Như bảo xích tử." Tâm thành cầu chi, tuy bất trúng, bất viễn hĩ. Vị hữu học dưỡng tử nhi hậu giá giả dã.»** 康誥曰：如保赤子．心誠求之，雖不中，不遠矣．未有學養子而後嫁者也．

[76] ***Lễ Ký*** **(Đại Học): «Sở vị thành kỳ ý giả, vô tự khi dã. Như ố ác xú, như hiếu hảo sắc, thử chi vị tự khiêm. Cố quân tử tất thận kỳ độc dã. Tiểu nhân nhàn cư vi bất thiện, vô sở bất chí, kiến quân tử nhi hậu yểm nhiên, yểm kỳ bất thiện nhi trứ kỳ thiện, nhân chi thị kỷ như kiến kỳ phế can nhiên, tắc hà ích hĩ. Thử vị thành ư trung, hình ư ngoại. Cố quân tử tất thận kỳ độc dã. Tăng Tử viết: "Thập mục sở thị, thập thủ sở chỉ, kỳ nghiêm hồ!" Phú nhuận ốc, đức nhuận thân, tâm quảng thể bàn. Cố quân tử tất thành kỳ ý.»** 所謂誠其意者，毋自欺也．如惡惡臭，如好好色，此之謂自謙．故君子必愼其獨也，小人閒居爲不善，無所不至，見君子而後厭然，揜其不善而著其善，人之視己，如見其肺肝然，則何益矣．此謂誠於中，形於外．故君子必愼其獨也．曾子曰："十目所視，十手所指，其嚴乎！" 富潤屋，德潤身，心廣體胖．故君子必誠其意．

quân tử phải thận trọng khi ở một mình. Tăng Tử nói: "Mười mắt nhìn vào, mười tay trỏ vào. Nghiêm trọng thay!" Giàu có thấm mát nhà cửa, đạo đức thấm mát bản thân, tâm quảng đại thì cốt cách quang minh chính đại. Cho nên quân tử phải làm thành thực cái ý của mình.»[76]

Con người thấy mùi thối thì ghét, là thành thực ghét; thấy sắc đẹp thì thích, là thành thực thích. Đó là một thí dụ cụ thể về sự thành thực vậy. *Đại Học* nói «trong lòng thành thực thì sự thành thực hiện ra mặt» (thành ư trung hình ư ngoại) và «thận trọng khi ở một mình» (thận độc), đều giống với ý của Tuân Tử. Nhưng cái gọi là «một mình» (độc) thì Tuân Tử gọi là «chuyên nhất». Đối với một sự vật, hễ ta chân thực cầu nó, thì tự ta có thể chuyên nhất mà cầu nó. Tuy nhiên, *Đại Học* khi nói «quân tử thận kỳ độc» là ngụ ý nội tâm và ngoại diện phải nhất trí với nhau, đó là một khác biệt nhỏ với ý của Tuân Tử.

Tâm của chúng ta phải có sự thành thực tìm cầu thì tâm mới không loạn và sẽ trở nên chính trực, tức là «biết dừng thì sẽ định» (tri chỉ nhi hậu hữu định), v.v... Đó là lý do tại sao «kẻ muốn cho tâm chính trực thì trước phải làm thành thực cái ý của mình» (dục chính kỳ tâm giả, tiên thành kỳ ý). Cái thành ý đó là do biết dừng (tri chỉ) mà có. Cho nên «muốn thành ý thì phải *trí tri* (biết tới chốn) trước». «Vật có gốc ngọn, việc có đầu cuối, biết thứ tự trước sau thì gần với đạo.» Biết tới chốn (trí tri) tức là biết điều ấy. Cho nên nói: «Từ thiên tử cho đến dân chúng, tất cả đều lấy tu thân làm gốc. Gốc loạn mà ngọn trị thì không hề có. Cái dầy dặn mà xem mỏng manh, cái mỏng manh mà xem dầy dặn thì chưa hề có. Đó gọi là biết gốc, là biết tới nơi tới chốn.»[77] Biết gốc (tri bản) tức là biết tới chốn. Biết tu thân là gốc, mà lại chuyên nhất và thành thực tu thân, tức là «biết tới chốn thì ý thành thực». *Đại Học* lại nói: «Đức là gốc, tiền tài là ngọn. Nếu kẻ cai trị lấy ngoại vật làm gốc và lấy nội tâm làm ngọn, tức là tranh giành với dân và dạy họ cướp đoạt nhau.»[78] Biết đức là gốc mà lại chuyên nhất và thành thực «làm sáng thêm cái đức sáng sẵn có ở thiên hạ» (minh minh đức ư thiên hạ 明明德於天下) cũng tức là «biết tới chốn thì ý thành thực».

Tuy nhiên, nếu ta muốn biết gốc ngọn và đầu cuối của sự vật, thì đối với bất kỳ sự vật gì trước tiên ta phải có một số hiểu biết chính xác

---

[77] **Phùng Hữu Lan chú: Hai nhà Nho đời Tống là Xa Ngọc Phong 車玉峰 (sống khoảng 1274 CN) và Vương Bách 王柏 (1197-1274) cho rằng đoạn văn này nhằm giải thích bốn chữ «trí tri cách vật» 致知格物. Xem *Lỗ Trai Tập* 魯齋集, quyển 2.**

[78] ***Lễ Ký* (Đại Học): «Đức giả bản dã, tài giả mạt dã. Ngoại bản nội mạt, tranh dân thi đoạt.» 德者本也,財者末也.外本内末,爭民施奪.**

về chúng. Nếu không, cái mà ta gọi là gốc (hay đầu) ắt không phải là gốc (hay đầu), cái mà ta gọi là ngọn (hay cuối) ắt không phải là ngọn (hay cuối). Bước khởi đầu mà lầm lẫn thì bước tiếp theo sau cũng lầm lẫn luôn. Tuân Tử nói: «Hễ quan sát sự vật mà mà hồ nghi và trong lòng không yên định, thì ta không nhận rõ ngoại vật. Hễ tư tưởng ta không rõ ràng thì ta không thể xác định đúng sai. Đi trong tối tăm thì thấy tảng đá là cọp nằm; thấy đám cây mới trồng là bọn người đang đứng. Đó là mù mịt tối tăm che lấp sáng suốt của mình. Kẻ say rượu đi qua cái mương rộng trăm bước tưởng là cái rãnh rộng nửa bước; rồi cúi người đi qua cổng thành vì tưởng nó là cái cửa nhỏ ở khuê phòng. Đó là rượu làm loạn tinh thần của hắn. Che bớt mắt mà nhìn thì thấy một thành hai, bịt tai lại thì âm thanh nhỏ nghe ra tiếng ù ù. Đó là tư thế làm loạn giác quan. Cho nên trên núi nhìn xuống thấy con trâu thành con dê, nhưng ai tìm dê thì không đi xuống dắt nó đi. Đó là độ xa che lấp độ lớn. Từ chân núi nhìn lên thấy cây cao mười thước như thể đũa ăn cơm, nhưng ai đũa chắc không lên núi mà bẻ. Đó là độ cao che lấp độ dài. Nước bị động thì ảnh phản chiếu trên mặt nước cũng dao động, người ta soi bóng trên mặt nước sẽ không biết mình đẹp hay xấu. Đó là tình trạng của nước làm rối loạn. Kẻ mù ngước mặt nhìn trời thì không thấy tinh tú, nhưng người ta không căn cứ vào đó để xác định là có tinh tú hay không. Đấy là cái mù che lấp người mù. Ai theo tình trạng bị che lấp đó mà xác định sự vật, đó là kẻ ngu nhất trên đời. Sự xác định sự vật của kẻ ngu ấy là lấy nghi ngờ giải quyết nghi ngờ, như thế sự phán đoán ắt phải sai. Nếu sai, sao tránh khỏi lỗi lầm?»[79]

[79] *Tuân Tử* (Giải Tế): «Phàm quan vật hữu nghi, trung tâm bất định, tắc ngoại vật bất thanh. Ngô lự bất thanh, vị khả định nhiên phủ dã. Minh minh nhi hành giả, kiến tẩm thạch dĩ vi phục hổ dã, kiến thực lâm dĩ vi *hậu (lập)* nhân dã. Minh minh tế kỳ minh dã. Tuý giả việt bách bộ chi cừ, dĩ vi khuể bộ chi quái dã; phủ nhi xuất thành môn, dĩ vi tiểu chi khuê dã; tửu loạn kỳ thần dã. Yểm mục nhi thị giả, thị nhất vi lưỡng; yểm nhĩ nhi thính giả, thính mạc mạc nhi dĩ vi hung hung thế loạn kỳ quan dã. Cố tòng sơn thượng vọng ngưu giả nhược dương, nhi cầu dương giả bất hạ khiên dã; viễn tế kỳ đại dã. Tòng sơn hạ vọng mộc giả, thập nhẫn chi mộc nhược trợ, nhi cầu trợ giả bất thượng chiết dã; cao tế kỳ trường dã. Thuỷ động nhi cảnh dao, nhân bất dĩ định mỹ ố; thuỷ thế huyễn dã. Cổ giả ngưỡng thị nhi bất kiến tinh, nhân bất dĩ định hữu vô; dụng tinh hoặc dã. Hữu nhân yên, dĩ thử thời định vật, tắc thế chi ngu giả dã. Bỉ ngu giả chi định vật, dĩ nghi quyết nghi, quyết tất bất đương. Phù cẩu bất đương, an năng vô quá hồ?» 凡觀物有疑，中心不定，則外物不清．吾慮不清，未可定然否也．冥冥而行者，見寢石以爲伏虎也，見植人以爲後（立）人也．冥冥蔽其明也．醉者越百步之溝，以爲跬步之澮也；俯而出城門，以爲小之閨也；酒亂其神也．厭目而視者，視一爲兩；掩耳而聽者，聽漠漠而以爲雷雷；勢亂其官也．故從山上望牛者若羊，而求羊者不下牽也；遠蔽其大也．從山下望木者，十仞之木若箸，而求箸者不上折也；高蔽其長也．水動而景搖，人不以定美惡；水勢玄也．瞽者仰視而不見星，人不以定有無；用精惑也．有人焉，以此時定

Nếu quan sát sự vật mà bị che lấp thì ta sẽ không có hiểu biết chính xác về sự vật đó. Cho nên sự hiểu biết tới nơi tới chốn là nhờ ở phân tích suy xét sự vật (trí tri tại cách vật 致知在格物). *Quảng Nhã - Thích Hỗ* giảng «cách» 格 là tới (cách giả chí dã 格者至也), tức là nhìn xuyên thấu hiện tượng của vật để thấy bản lai diện mục của nó, thấy chân tướng của nó. Nếu không, «lấy nghi ngờ giải quyết nghi ngờ, như thế sự phán đoán ắt phải sai». Nhưng muốn thấy chân tướng sự vật thì trước tiên ta chớ để cho tâm bất định. Bởi vì *trí tri* và *cách vật* đều là hoạt động của tâm, cho nên chúng có quan hệ nhân quả với *chính tâm*.

8. Trung Dung

Thiên *Trung Dung* trong *Tiểu Đái Lễ Ký* tương truyền là sáng tác của Tử Tư, cháu nội của Khổng Tử. Cho nên thiên *Khổng Tử Thế Gia* trong *Sử Ký* nói: «Tử Tư viết *Trung Dung*.» Thiên Phi Thập Nhị Tử trong *Tuân Tử* xem Tử Tư và Mạnh Tử là một phái. Ngoài ra, những nghĩa lý được nói trong *Trung Dung* và *Mạnh Tử* thì tương đồng. Như vậy *Trung Dung* có lẽ do Tử Tư viết. Tuy nhiên, trong *Trung Dung* có câu: «Nay trong thiên hạ các xe có trục bánh xe dài bằng nhau, chữ viết thống nhất một kiểu, đức hạnh theo cùng một thứ luân lý.» (Kim thiên hạ, xa đồng quỹ, thư đồng văn, hạnh đồng luân 今天下,車同軌,書同文,行同倫). Đó là bối cảnh Trung Quốc sau khi thống nhất ở đời Tần và đời Hán. Trong *Trung Dung* còn có câu: «[Quả đất] chở núi Hoa và núi Nhạc mà không thấy nặng.» (Tải Hoa Nhạc nhi bất trọng 載華嶽而不重). Dường như đó không phải là câu nói của người nước Lỗ.[80] Ngoài ra trong *Trung Dung* còn có các khái niệm *tính* 性, *mệnh* 命, *thành* 誠, *minh* 明 được giảng rõ ràng hơn trong *Mạnh Tử*, dường như đây là học thuyết của Mạnh Tử được phát huy thêm. Do đó *Trung Dung* là sáng tác của phái Mạnh Tử sống vào đời Tần và đời Hán. Vương Bách (1194-1270) nói: «*Trung Dung* là sáng tác của Tử Tư. [...] Theo ngu ý, văn cú không mạch

---

物,則世之愚者也.彼愚者之定物,以疑決疑,決必不當.夫苟不當,安能無過乎?- **Phùng Hữu Lan chú: Học giả Du Việt 俞樾 nghi chữ *hậu* 後 (trong «kiến thực lâm dĩ vi *hậu* nhân dã») vốn là chữ *lập* 立 trong nguyên bản.**

[80] **LAM chú: Chỗ này Derk Bodde vừa dịch vừa giảng: «*This is a reference to the sacred mountain of Hua Shan in Shensi, whereas it would be natural to expect such a man as Tzŭ Ssŭ, who was a native of the state of Lu (occupying what is now Shantung), to refer in such a case to Shantung's sacred mountain, T'ai Shan.*» (Đây liên hệ đến núi thiêng Hoa Sơn ở Thiểm Tây, trong khi người ta mong rằng lẽ ra một người như Tử Tư vốn là dân nước Lỗ [nay là Sơn Đông] sẽ liên hệ đến núi thiêng Thái Sơn ở Sơn Đông). Từ điển *Từ Hải* ở mục từ Hoa Nhạc, cũng trích dẫn câu «Tải Hoa Nhạc nhi bất trọng» và giải thích Hoa Nhạc là hai ngọn núi Hoa Sơn và Nhạc Sơn cùng ở Thiểm Tây.**

Tử Tư

lạc. Ngày nọ đọc *Tây Hán Nghệ Văn Chí* thấy chép: *Trung Dung Thuyết* có hai thiên. [...] Lòng bỗng nghi ngờ, rồi biết thời của Ban Cố ban đầu có hai thiên; hợp lại gây lộn xộn, phải chăng do bàn tay của Tiểu Đái?»[81] Lại nói: «Nay tác giả lấy *Trung Dung* làm nhan đề của thiên, mà ta không thấy hai chữ Trung Dung ở đầu chương, là tại sao? Chương một nói: Đạo không phải là cái đạo nào khác, không phải là cái đạo có thể rời xa được; đó là đạo Trung Dung vậy. [...] Nhưng chương hai bỗng nói "quân tử Trung Dung", vậy là không phù hợp chương một, e rằng nó không phải là văn chương của Tử Tư. Sự không mạch lạc này chắc là có nguyên nhân.»[82]

Vương Bách đề xuất hai vấn đề, có thể nói là rất hiểu biết; tiếc rằng đối với đáp án cho vấn đề thứ nhất, ông lấy đoạn sau của *Trung Dung* phân thành một thiên đặt tên là «Thành Minh» 誠明, rất vô căn cứ. Còn vấn đề thứ hai, ông lại bắt bẻ từ ngữ. Tuy nhiên, những đề xuất của ông đã gợi mở không ít cho chúng ta. Đọc kỹ nghĩa lý của *Trung Dung*, ta thấy đoạn đầu (từ «Thiên mệnh chi vị tính» đến «Thiên địa vi yên, vạn vật dục yên») và đoạn cuối (từ «Tại hạ vị bất hoạch hồ thượng» đến «Vô thanh vô xú, chí hĩ») phần lớn nói về quan hệ giữa con người với vũ trụ, dường như đó là khuynh hướng của chủ nghĩa thần bí trong triết học Mạnh Tử được phát huy thêm. Còn văn thể của nó đại khái là loại văn nghị luận. Đoạn giữa (từ «Trọng Ni viết: Quân tử trung Dung» đến «Đạo tiền định tắc bất cùng») phần lớn nói về nhân sự, dường như đó là học thuyết của Khổng Tử được phát huy thêm. Còn văn thể của nó đại khái là loại văn đối thoại. Từ điểm khác biệt ấy mà suy ra, dường như đoạn giữa mới là bản *Trung Dung* gốc do Tử Tư viết, tức bản 23 thiên của Tử Tư được liệt kê nơi phần Nho gia trong *Hán Thư Nghệ Văn Chí*.[83] Còn đoạn đầu và đoạn cuối là do Nho gia đời sau thêm vào, tức hai thiên *Trung Dung Thuyết* được liệt kê nơi phần 13 quyển sách Lễ trong *Hán Thư Nghệ Văn Chí*. Câu «Kim thiên hạ, xa đồng quỹ, thư đồng văn, hạnh

---

[81] Vương Bách 王柏, *Cổ Trung Dung Bạt* 古中庸跋; trong *Lỗ Trai Tập*, quyển 5, trang 16-17.

[82] Vương Bách 王柏, *Trung Dung Luận* 中庸論; trong *Lỗ Trai Tập*, quyển 2, trang 11-12.

[83] Đây cũng chỉ là nói đại khái, kỳ thực ở đoạn giữa hẳn có sự thêm thắt của hậu nhân, nhưng đại bộ phận có lẽ là sáng tác của Tử Tư.– LAM chú: Trong *Hán Thư Nghệ Văn Chí*, phần Nho gia chỉ ghi là: «Tử Tư nhị thập tam thiên. Danh Cấp, Khổng Tử tôn, vi Lỗ Mục [Mậu] Công sư.» 子思二十三篇. 名伋孔子孫, 爲魯繆公師 (23 thiên của Tử Tư. [Tử Tư] tên là Cấp, cháu Khổng Tử và là thầy của Lỗ Mục [Mậu] Công).

đồng luân» nằm ở đoạn sau, càng cho ta thấy rõ điều ấy. Tác giả của *Trung Dung Thuyết* đặt tên sách như vậy, ắt là Nho gia thuộc môn phái Tử Tư, nhưng nội dung lại phát huy học thuyết của Mạnh Tử, nên tác giả ắt là Nho gia thuộc môn phái Mạnh Tử. Bởi vì hai phái này vốn gần gũi nhau, nên thiên Phi Thập Nhị Tử trong *Tuân Tử* mới gộp thành một phái.

Bây giờ tôi luận đoạn giữa của *Trung Dung* trước. *Trung Dung* nói: «Trọng Ni (tức Khổng Tử) nói: Quân tử giữ được Trung Dung, tiểu nhân thì trái lại. Quân tử giữ được Trung Dung nên giữ được sự trung chính tuỳ theo thời. Còn tiểu nhân không giữ được Trung Dung nên việc gì cũng dám làm, chẳng sợ ai cả.»[84]

Hai khái niệm «Trung» 中 và «Dung» 庸 là của Khổng Tử (chương Ung Dã của *Luận Ngữ* có đề cập chúng). *Trung Dung* lại nói đến «Thời Trung» 時中 (trung chính tuỳ theo thời), mà cái Trung trong mọi sự việc của con người thì Aristotle xem là tương đối chứ không tuyệt đối. Ông cho rằng tình cảm và hành vi của con người được bộc lộ khác nhau tuỳ theo thời gian, nơi chốn, và đối tượng tiếp nhận. Cho nên khó mà xác định thế nào mới là Trung.[85] *Trung Dung* nói Thời Trung thì ý cũng thế.

Mạnh Tử chú trọng chữ Thời, nên nói:

– «Ai không đáng là vua thì không phụng sự, ai không đáng là dân thì không sai khiến. Đời bình thì ra làm quan, đời loạn thì đi ẩn, đó là Bá Di. Phụng sự kẻ không đáng là vua, sai khiến kẻ không đáng là dân; đời bình cũng ra làm quan, đời loạn cũng ra làm quan, đó là Y Doãn. Lúc có thể làm quan thì làm quan, lúc có thể dừng [việc quan] thì dừng, lúc có thể [làm quan] lâu thì lâu, lúc có thể [làm quan] mau thì mau, đó là Khổng Tử.»[86]

– «Bá Di có đức thanh khiết của thánh nhân. Y Doãn có tinh thần trách nhiệm của thánh nhân. Liễu Hạ Huệ có sự ôn hoà của thánh nhân.

---

[84] ***Lễ Ký* (Trung Dung): «Trọng Ni viết: Quân tử Trung Dung; tiểu nhân phản Trung Dung. Quân tử chi Trung Dung dã, quân tử nhi thời trung; tiểu nhân chi phản Trung Dung dã, tiểu nhân nhi vô kỵ đạn dã.»** 仲尼曰：君子中庸；小人反中庸. 君子之中庸也，君子而時中小人之中庸也，小人而無忌憚也.

[85] **Aristotle, *Ethics (Luân Lý Học)*, quyển 2, chương 5.**

[86] ***Mạnh Tử* (Công Tôn Sửu - thượng): «Phi kỳ quân bất sự. Phi kỳ dân bất sử, trị tắc tiến, loạn tắc thoái, Bá Di dã. Hà sự phi quân, hà sử phi dân, trị diệc tiến, loạn diệc tiến, Y Doãn dã. Khả dĩ sĩ tắc sĩ, khả dĩ chỉ tắc chỉ, khả dĩ cửu tắc cửu, khả dĩ tốc tắc tốc, Khổng Tử dã.»** 非其君不事. 非其民不使，治則進，亂則退，伯夷也. 何事非君，何使非民，治亦進，亂亦進，伊尹也. 可以仕則仕，可以止則止，可以久則久，可以速則速，孔子也.

Khổng Tử có đức tuỳ thời của thánh nhân.»[87]

– «Tử Mạc *chấp trung* 執中 (giữ trung chính), chấp trung thì gần với Đạo. Nhưng chấp trung mà không quyền biến (tức không tuỳ thời mà ứng biến) thì khác gì cố chấp. Ta vốn ghét kẻ cố chấp, và xem hắn là kẻ hại Đạo, vì bo bo lấy một mặt mà vất bỏ trăm mặt khác.»[88]

Mạnh Tử lấy «đức tuỳ thời của thánh nhân» mà khen Khổng Tử. Ngược lại, Bá Di, Y Doãn, Liễu Hạ Huệ đều chỉ có một quy tắc không đổi về việc xuất xử (ra làm quan hay ở ẩn). *Luận Ngữ* nói: «Có những người, ta có thể đứng chung với họ nhưng chưa thể cùng họ quyền biến.»[89] Đó là thói chấp nhất (hay cố chấp) vậy. Nếu chỉ nói Trung mà không nói Thời, tức là chấp trung mà không biết quyền biến, khác nào chấp nhất. Chấp nhất mà xem là Trung, tức là bo bo lấy một mặt mà vất bỏ trăm mặt khác.

Trung Dung nói: «Khổng Tử nói: "Đạo không xa người. Khi người làm cho Đạo xa mình, thì nó không thể xem là Đạo được nữa." *Kinh Thi* nói: "Khi đẽo cán búa, chớ xa cán búa mẫu." Ta cầm cán búa này để đẽo một cán búa khác, nhưng nhìn hai cán búa thì ta thấy chúng khác xa nhau. Cho nên quân tử lấy người trị người, thì phải cải tạo họ cho thật tốt mới thôi. Cứ giữ *Trung* 忠 (trung thực, hết lòng) và *Thứ* 恕 (tức nguyên tắc *hiệt củ*) thì sẽ không xa Đạo. Điều gì mình không muốn người ta làm cho mình thì mình chớ làm cho họ. Đạo của người quân tử có bốn điều, thế mà ta chưa được một: Lấy cái mà ta cầu ở con ta, đem ra phụng sự cha ta; ta chưa làm được. Lấy cái mà ta cầu ở bề tôi ta, đem ra phụng sự vua ta; ta chưa làm được. Lấy cái mà ta cầu ở em ta, đem ra phụng sự anh ta; ta chưa làm được. Đối với bạn bè, phải ra tay giúp trước; ta chưa làm được. Quân tử thực hành đức bình thường (dung đức 庸德) và cẩn trọng lời nói bình thường (dung ngôn 庸言). Nếu có gì sơ sót, thì không dám bỏ qua; nếu có gì dư thừa, thì không dám cho là trọn vẹn. Lời nói đi với hành động, hành động đi với lời nói. Quân tử lẽ nào không chăm chăm vào nó?»[90]

---

[87] ***Mạnh Tử*** **(Vạn Chương - hạ): «Bá Di, thánh chi thanh giả dã. Y Doãn, thánh chi nhiệm giả dã. Liễu Hạ Huệ, thánh chi hoà giả dã. Khổng Tử, thánh chi thời giả dã.»** 伯夷聖之清者也.伊尹聖之任者也.柳下惠聖之和者也.孔子聖之時者也.

[88] ***Mạnh Tử*** **- Tận Tâm (thượng): «Tử Mạc chấp trung, chấp trung vi cận chi, chấp trung vô quyền, do chấp nhất dã. Sở ố chấp nhất giả, vi kỳ tặc đạo dã, cử nhất nhi phế bách dã.»** 子莫執中,執中爲近之,執中無權,猶執一也.所惡執一者,爲其賊道也,舉一而廢百也.

[89] ***Luận Ngữ*** **- Tử Hãn: «Khả dữ lập, vị khả dữ quyền.»** 可與立未可與權.

[90] ***Lễ Ký*** **(Trung Dung):«Tử viết: "Đạo bất viễn nhân. Nhân chi vi đạo nhi viễn nhân, bất khả dĩ vi đạo." Thi vân: "Phạt kha phạt kha, kỳ tắc bất viễn." Chấp kha dĩ phạt kha, nghễ nhi thị chi, du dĩ vi viễn. Cố quân tử dĩ nhân trị nhân, cải nhi chỉ. Trung thứ vi đạo bất viễn. Thi chư**

Ở đây phát huy đạo Trung Thứ của Khổng Tử. Đạo Trung Thứ tức là suy bụng ta ra bụng người. Đó là lý do tại sao quân tử lấy người trị người, còn phần mình thì không xa lìa khuôn mẫu. Đạo Trung Thứ giản dị như thế, nên gọi là Dung 庸 vậy.[91]

Trung Dung nói: «Đạo trong thiên hạ có năm quan hệ (ngũ luân); để thực hành thì có ba đức (tam đức). Năm quan hệ (ngũ luân) trong thiên hạ là: vua-tôi, cha-con, chồng-vợ, anh-em, bạn bè. Ba đức trong thiên hạ là: trí 智, nhân 仁, dũng 勇. Đem ba đức ra thi hành cho ngũ luân, tuy ba đức nhưng coi như một. Về ngũ luân, có người sinh ra đời thì đã biết; có người phải học mới biết; có người gặp nguy khốn mới biết.

---

kỷ nhi bất nguyện, diệc vật thi ư nhân. Quân tử chi đạo tứ; Khâu vị năng nhất yên. Sở cầu hồ tử dĩ sự phụ, vị năng dã. Sở cầu hồ thần dĩ sự quân, vị năng dã. Sở cầu hồ đệ dĩ sự huynh, vị năng dã. Sở cầu hồ bằng hữu, tiên thi chi, vị năng dã. Dung đức chi hành, dung ngôn chi cẩn, hữu sở bất túc; bất cảm bất miễn; hữu dư, bất cảm tận. Ngôn cố hành, hành cố ngôn, quân tử hồ bất thảo thảo nhĩ?» 子曰: "道不遠人.人之爲道而遠人,不可以爲道." 詩云: "伐柯伐柯,其則不遠." 執柯以伐柯, 睨而視之.猶以爲遠.故君子以人治人, 改而止. 忠恕違道不遠.施諸己而不願,亦勿施於人.君子之道四,丘未能一焉: 所求乎子,以事父,未能也;所求乎臣,以事君,未能也;所求乎弟,以事兄,未能也;所求乎朋友,先施之未能也.庸德之行,庸言之謹;有所不足,不敢不勉;有余,不敢盡.言顧行,行顧言.君子胡不慥慥爾.

91 **Trung và Thứ đều chủ yếu lấy bụng ta suy ra bụng người, cho nên nói Trung cũng là ngụ ý Thứ và ngược lại. «Lấy cái mà ta cầu ở con ta, đem ra phụng sự cha ta», v.v... đó chỉ là nói tới Trung. *Đại Học* nói đạo Hiệt Củ và «điều gì mình ghét ở người trên thì chớ thi hành điều ấy cho người dưới», v.v... đó chỉ là nói tới Thứ. Hợp hai khái niệm ấy lại, mới là đạo Trung Thứ.– LAM chú: Chúng ta cần phân biệt từ ngữ, chữ *Trung* 中 (trong Trung Dung 中庸) khác với chữ *Trung* 忠 (trong Trung Thứ 忠恕). Chữ *Trung* 中 được Chu Hi giảng ở đầu sách *Trung Dung* là: «Trình Tử nói: Không thiên lệch bên này hay bên kia thì gọi là Trung; không dời đổi thì gọi là Dung.» (Tử Trình Tử viết: Bất thiên chi vị Trung; bất dịch chi vị Dung 子程子曰: 不偏之謂中 ;不易之謂庸). Còn chữ *Trung* 忠 nguyên nghĩa là: chân thành, trung thành, tận tâm, thành tâm, toàn tâm toàn ý; thí dụ trong câu «Mưu tính công việc cho người có hết lòng hay không?» (Vi nhân mưu nhi bất trung hồ? 爲人謀而不忠乎) [*Luận Ngữ* - Học Nhi]. Cái ý nghĩa theo luân lý ấy về sau chuyển sang ý nghĩa chính trị là «trung quân» 忠君(trung thành với vua). Từ đời Tần và Hán về sau, Trung và Hiếu trở thành tiêu chuẩn đạo đức rất quan trọng trong xã hội phong kiến. Tuy nhiên, cứ nhắm mắt trung thành với vua, đó gọi là «ngu trung» 愚忠, mà ngay cả Khổng Tử và Mạnh Tử cũng chê. Khi Tử Cống nói với Khổng Tử rằng: «Quản Trọng không đáng gọi là nhân bởi vì khi công tử Củ bị Hoàn Công giết mà Quản Trọng là bầy tôi của công tử Củ lại không chết theo, ấy vậy lại còn làm Tể Tướng theo giúp Tề Hoàn Công nữa.» Khổng Tử trả lời: «Quản Trọng theo giúp Tề Hoàn Công nên nghiệp bá, nhờ vậy mà thiên hạ từ loạn đổi sang trị. Nếu không có Quản Trọng thì chúng ta phải gióc tóc và vắt vạt áo bên trái như giới man di. Há vì tấm lòng trung quân nhỏ hẹp tầm thường mà đi treo cổ bên lạch suối sao?» (*Luận Ngữ* - Hiến Vấn). Còn Mạnh Tử nói: «Vua xem bầy tôi như tay chân thì bầy tôi xem vua như tâm**

Tuy nhiên kết quả của sự hiểu biết ấy là một. Có người thi hành đạo ngũ luân rất tự nhiên; có người thi hành nó dễ dàng; có người phải cố gắng lắm mới thi hành được. Tuy nhiên sự thành công của họ thì như nhau. Khổng Tử nói: Kẻ hiếu học thì gần đức trí. Kẻ cố gắng hành đạo thì gần đức nhân. Kẻ biết xấu hổ thì gần đức dũng. Biết ba cái ấy thì sẽ biết tu sửa bản thân. Biết tu thân thì sẽ biết quản lý con người. Biết quản lý con người thì sẽ biết trị thiên hạ và quốc gia.»[92]

Đó cũng chính là học thuyết của Khổng Tử được phát huy thêm, khiến cho ngũ luân (năm mối quan hệ) trở thành Đạo phổ biến của thiên hạ, và khiến tam đức (trí, nhân, dũng; tức là thành tựu của sự tu thân) trở thành Đức phổ biến của thiên hạ. Lấy tam đức mà thực hành ngũ luân, tức là có thể tu thân và trị người.

Trên đây tôi lấy đoạn giữa của *Trung Dung* mà bình luận. Còn đoạn đầu và đoạn cuối của nó chính là sự thuyết minh có hệ thống về chủ nghĩa phản công lợi trong triết học Mạnh Tử kết hợp với khuynh hướng chủ nghĩa thần bí. *Trung Dung* nói: «Thiên mệnh (mệnh trời) gọi là Tính. Theo Tính gọi là Đạo. Tu Đạo gọi là Giáo.»[93]

Đại Đái Lễ Ký chép: «Cái được phân ra từ Đạo gọi là Mệnh. Cái thành hình ở mỗi một sự vật gọi là Tính. Cái biến hoá qua Âm Dương và phát ra thành hình gọi là sinh. Cái biến hoá đến cùng tận gọi là tử.»[94]

---

phúc, vua xem bầy tôi như chó ngựa thì bầy tôi xem vua như người thường, vua xem bầy tôi như đất cỏ thì bầy tôi xem vua như kẻ thù.» (Ly Lâu - hạ).

[92] ***Trung Dung*: «Thiên hạ chi đạt đạo ngũ; sở dĩ hành chi giả tam. Viết: quân thần dã, phụ tử dã, phu phụ dã, côn đệ dã, bằng hữu chi giao dã; ngũ giả, thiên hạ chi đạt đạo dã. Trí, nhân, dũng tam giả; thiên hạ chi đạt đức dã. Sở dĩ hành chi giả nhất dã. Hoặc sinh nhi tri chi; hoặc học nhi tri chi; hoặc khốn nhi tri chi. Cập kỳ tri chi nhất dã. Hoặc an nhi hành chi; hoặc lợi nhi hành chi; hoặc miễn cưỡng nhi hành chi. Cập kỳ thành công nhất dã. Tử viết: Hiếu học cận hồ trí. Lực hành cận hồ nhân. Tri sỉ cận hồ dũng. Tri tư tam giả, tắc tri sở dĩ tu thân. Tri sở dĩ tu thân, tắc tri sở dĩ trị nhân. Tri sở dĩ trị nhân, tắc tri sở dĩ trị thiên hạ quốc gia hĩ.»** 天下之達道五，所以行之者三.曰：君臣也，父子也，夫婦也，昆弟也，朋友之交也五者，天下之達道也.知(智)，仁，勇三者，天下之達德也.所以行之者一也.或生而知之；或學而知之；或困而知之；及其知之，一也.或安而行之；或利而行之；或勉強而行之；及其成功，一也.子曰：好學近乎知.力行近乎仁.知恥近乎勇.知斯三者，則知所以修身.知所以修身，則知所以治人.知所以治人，則知所以治天下國家矣.

[93] ***Lễ Ký* (Trung Dung): «Thiên mệnh chi vị tính. Suất tính chi vị đạo. Tu đạo chi vị giáo.»** 天命之謂性，率性之謂道，修道之謂教.

[94] ***Đại Đái Lễ Ký* (Bản Mệnh): «Phân ư Đạo vị chi Mệnh. Hình ư nhất vị chi Tính. Hoá ư Âm Dương, tượng hình nhi phát, vị chi sinh. Hoá cùng số tận vị chi tử.»** 分於道謂之命.形於一謂之性.化於陰陽，象形之發，謂之生.化窮數盡謂之死.

Trung Dung gọi là Thiên (trời) thì *Đại Đái Lễ Ký* (Bản Mệnh) gọi là Đạo. «Cái được phân ra từ Đạo gọi là Mệnh. Cái thành hình ở mỗi một sự vật gọi là Tính.» Quan hệ giữa Thiên và Tính theo Nho gia tương đồng với quan hệ giữa Đạo và Đức theo Đạo gia. (Xin xem lại tiết 4 chương 8 và tiết 2 chương 10). Thiên chứa nguyên lý đạo đức của vũ trụ, còn Tính là cái mà Thiên «mệnh» (ban cho)[95] người; nói cách khác, tức Tính là cái mà người nhận lãnh được phân ra từ Thiên. Khổng Tử một mặt chú trọng sự biểu lộ chân thực của tính tình cá nhân; mặt khác, ông chủ trương phải lấy lễ tiết chế tình cảm. *Trung Dung* một mặt cũng chủ trương «suất Tính» (noi theo Tính); một mặt lại chủ trương lấy «Giáo» (giáo hoá) để tu sửa Tính. *Trung Dung* nói: «Vui, giận, buồn, sướng chưa phát lộ ra thì gọi là Trung; phát ra mà có chừng mực thì gọi là Hòa.»[96] Vui, giận, buồn, sướng đều là những tình cảm tự nhiên, tất phải phát lộ ra. Nhưng ta phải lấy «Giáo» (giáo hoá) để tu sửa chúng, để cho sự phát lộ ấy không thái quá cũng không bất cập, tức là có chừng mực.

Triết học của Mặc gia khác với triết học của Nho gia. Nho gia thì «làm cho ý nghĩa trở nên chính đáng mà không mưu lợi; làm rõ Đạo mà không kể công»[97] nhưng Mặc Tử chuyên chú trọng lợi và công. (Xin xem tiết 4 chương 5). Theo Nho gia, người không kể đến công và lợi thì cho rằng ý nghĩa và giá trị của hành vi chúng ta nằm ngay ở tự thân hành vi ấy chứ không ở bên ngoài nó. *Trung Dung* ủng hộ thái độ nhân sinh ấy bằng một căn cứ siêu hình: «*Kinh Thi* nói: "Mệnh Trời sâu kín và chẳng ngừng nghỉ!" Ý nói Trời sở dĩ như thế mới là Trời. [*Kinh Thi* lại nói:] "Ôi! Không hiển lộ! Đức của Văn Vương thuần." Ý nói Văn Vương sở dĩ là Văn Vương vì đức của ngài thuần và chẳng ngừng nghỉ.»[98]

---

[95] **Derk Bodde chú: *Mệnh* 命 dùng như danh từ là số mệnh (fate), mệnh lệnh (decree); nhưng ở đây dùng như động từ, nghĩa là «ban cho» (to confer). Có thể giải thích rằng số mệnh của một người là cái mà hắn nhận lãnh từ Trời; nói cách khác, nó là cái mà Trời ban cho hắn.**

[96] ***Lễ Ký* (Trung Dung): «Hỉ, nộ, ai, lạc chi vị phát vị chi trung, phát nhi giai trúng tiết vị chi hòa.»** 喜,怒,哀,樂之未發,謂之中.發而皆中節 謂之和.

[97] **«Chính kỳ nghị bất mưu kỳ lợi, minh kỳ đạo bất kế kỳ công.»** 正其誼不謀其利,明其道不計其功.**– LAM chú: Trong cổ văn, chữ *nghị* 誼 dùng thông với chữ *nghĩa* 義 (ý nghĩa; điều đúng đắn). Derk Bodde dịch: *«The Confucians pursued what was right or appropriate without consideration of any consequent benefit.»* (Nho gia theo đuổi cái đúng hay thích đáng chứ không xét đến cái lợi về sau).**

[98] ***Lễ Ký* (Trung Dung): «Thi vân: "Duy thiên chi mệnh ô mục bất dĩ!" Cái viết: Thiên chi sở dĩ vi Thiên dã: "Ô hô! bất hiển! Văn Vương chi đức chi thuần." Cái viết: Văn Vương chi sở dĩ vi Văn dã, thuần diệc bất dĩ.»** 詩云:惟天之命,于穆不已.蓋曰:天之所以爲天也.于乎不顯,文王之德之純.蓋曰:文王之所以爲文也,純亦不已.

Trung Dung lại nói: «Cho nên bậc chí thành thì không ngừng nghỉ. Không ngừng nghỉ thì lâu dài. Lâu dài thì tự thể hiện. Tự thể hiện thì đi xa. Đi xa thì rộng và dày. Rộng dày thì cao minh. Rộng dày thì chở được mọi vật. Cao minh thì che chở được mọi vật. Đi xa thì thành tựu mọi vật. Rộng dày thì phối hợp với đất. Cao minh thì phối hợp với Trời. Đi xa không biên giới. Như vậy, không hiện ra mà sáng. Không hành động mà biến đổi. Vô vi mà thành tựu. Đạo của Trời đất có thể tóm lại một lời: Trời và đất cùng tạo ra vạn vật, sự sáng tạo ấy không thể đo lường nổi. Đạo của Trời đất thì rộng, dày, cao vời, sáng sủa, đi xa, lâu dài.»[99]

Trời (Thiên) hoạt động không ngừng, không vì riêng ai mà làm. Quân tử lấy Trời làm phép tắc, cho nên cũng phải tự lực tự cường không ngừng nghỉ, không vì riêng ai mà làm.

Ở trên tôi có nói trong triết học của Mạnh Tử có khuynh hướng chủ nghĩa thần bí. *Trung Dung* càng phát triển thêm khuynh hướng ấy, cho rằng «cái đạo hợp nhất trong và ngoài» (hợp nội ngoại chi đạo 合内外之道) là cảnh giới tối cao trong sự tu dưỡng của con người. Trong cảnh giới ấy, tuy sự sống vẫn hoạt động và sự vật vẫn tiếp tục, nhưng không còn nữa sự phân biệt giữa trong với ngoài, giữa ta với người. Cái mà *Trung Dung* gọi là Thành 誠 dường như ám chỉ cảnh giới đó. Trời (Thiên) vốn là Thành, vì Trời vốn không phân biệt trong với ngoài. *Trung Dung* nói: «Thành là đạo của Trời; đạt được Thành là đạo của người. [...] Từ Thành mà trở nên Minh (sáng suốt) gọi là Tính; từ Minh mà trở nên Thành gọi là Giáo (giáo hoá). Hễ Thành thì sẽ Minh, hễ Minh thì sẽ Thành.»[100]

Thành là đạo Trời và con người phải dùng đến «giáo» 教 (giáo hoá) để «tự minh» 自明 (tự soi sáng, giác ngộ) và rồi đạt tới Thành. Vì

---

[99] ***Lễ Ký* (Trung Dung): «Cố chí thành vô tức. Bất tức tắc cửu; cửu tắc trưng; trưng tắc du viễn; du viễn tắc bác hậu; bác hậu tắc cao minh. Bác hậu, sở dĩ tải vật dã; cao minh, sở dĩ phú vật dã; du cửu, sở dĩ thành vật dã. Bác hậu phối địa; cao minh phối thiên; du cửu vô cương. Như thử giả, bất hiện nhi chương; bất động nhi biến; vô vi nhi thành. Thiên địa chi đạo, khả nhất ngôn nhi tận dã: kỳ vi vật bất nhị, tắc kỳ sinh vật bất trắc. Thiên địa chi đạo bác dã, hậu dã, cao dã, minh dã, du dã, cửu dã.»** 故至誠無息.不息則久,久則征.征則悠遠.悠遠,則博厚.博厚,則高明.博厚,所以載物也.高明,所以覆物也.悠久,所以成物也.博厚,配地.高明,配天.悠久,無疆.如此者,不見而章,不動而變,無爲而成.天地之道,可一言而盡也.其爲物不貳,則其生物不測.天地之道,博也,厚也,高也,明也,悠也,久也.

[100] ***Lễ Ký* (Trung Dung): «Thành giả, Thiên chi đạo dã, Thành chi giả, nhân chi đạo dã. [...] Tự thành minh, vị chi tính. Tự minh thành, vị chi giáo. Thành tắc minh hĩ. Minh, tắc thành hĩ.»** 誠者,天之道也.誠之者,人之道也[...]自誠明,謂之性.自明誠謂之教.誠則明矣.明則誠矣.

thế nói Thành là đạo của người. *Trung Dung* nói: «Thành là khởi đầu và kết thúc của vạn vật. Không có Thành thì không có vạn vật. Do đó, quân tử xem Thành là quý. Thành không chỉ là hoàn thiện bản thân, mà còn phải hoàn thiện vạn vật. Hoàn thiện bản thân là nhân ái; hoàn thiện vạn vật là trí. Nhân và trí là hai đức của Tính. Có hai đức ấy tức là hợp nhất ngoài và trong. Cho nên quân tử luôn thi hành đúng nghi thức.»[101]

Trung Dung xem «hoàn thiện bản thân và vạn vật» là «đạo hợp nhất ngoài và trong»; giống như Schopenhauer nói «sự nghiệp nhân ái» (ái chi sự nghiệp 愛之事業) vượt trên «nguyên lý cá tính» (principium individutionis). Thành là đức của Tính. Giáo không thể lấy bất cứ gì ở bên ngoài để thêm vào Tính, mà nó chỉ trợ giúp Tính phát triển trọn vẹn thôi. *Trung Dung* nói: «Trong thiên hạ, hễ ai chí thành thì mới có thể phát triển cùng tận Tính của mình. Phát triển cùng tận Tính của mình thì mới có thể phát triển cùng tận Tính của người. Phát triển cùng tận Tính của người thì mới có thể phát triển cùng tận Tính của mọi vật. Phát triển cùng tận Tính của mọi vật thì mới có thể trợ giúp sự hoá dục của Trời đất. Có thể trợ giúp sự hoá dục của Trời đất thì có thể phối hợp với Trời đất.»[102]

Cái Tính của người và vật đều là một phần của Trời, nên ai có thể phát triển cùng tận Tính của mình thì sẽ có thể phát triển cùng tận Tính của mọi người và mọi vật. Người chí thành là người không còn phân biệt ngoài với trong, không còn thấy người với ta, tức là đạt cảnh giới ta với vạn vật là một thể. Đã hoà làm một thể với vạn vật tức là có thể trợ giúp sự hoá dục của Trời đất và phối hợp với Trời đất. Hạng người như thế có đức của thánh nhân, nếu ngồi ở địa vị thiên tử ắt sẽ có thể «nghị luận về lễ, lập ra các định chế, khảo sát văn chương» (nghị lễ, chế độ, khảo văn) được.

Trung Dung nói: «Cho nên đạo của quân tử [ở cương vị cai trị] gốc ở bản thân rồi thể hiện nơi thứ dân. Xét các định chế của Tam Vương (Vũ, Thang, Văn) thì thấy các định chế của mình không sai lầm. Sự kiến

---

[101] ***Lễ Ký* (Trung Dung): «Thành giả, vật chi chung thủy, bất thành vô vật. Thị cố quân tử thành chi vi quý. Thành giả, phi tự thành kỷ nhi dĩ dã, sở dĩ thành vật dã. Thành kỷ, nhân dã; thành vật, trí dã; tính chi đức dã, hợp ngoại nội chi đạo dã. Cố thời thố chi nghi dã.»** 誠者,物之終始,不誠無物.是故君子誠之爲貴.誠者,非自成己而已也,所以成物也.成己仁也.成物智也.性之德也,合外內之道也.故時措之宜也.

[102] ***Lễ Ký* (Trung Dung): «Duy thiên hạ chí thành vi năng tận kỳ tính. Năng tận kỳ tính tắc năng tận nhân chi tính. Năng tận nhân chi tính, tắc năng tận vật chi tính. Năng tận vật chi tính, tắc khả dĩ tán Thiên địa chi hóa dục. Khả dĩ tán Thiên địa chi hóa dục, tắc khả dĩ dữ Thiên địa tham hĩ.»** 唯天下至誠爲能盡其性.能盡其性,則能盡人之性.能盡人之性,則能盡物之性.能盡物之性,則可以贊天地之化育.可以贊天地之化育,則可以與天地參矣.

lập các định chế ấy không trái ngược với Trời đất. Trước quỷ thần, mình không có gì nghi ngại. Dù thánh nhân của trăm đời sau cũng không ngờ vực mình. Trước quỷ thần, mình không có gì nghi ngại: đó là mình biết Trời. Dù thánh nhân của trăm đời sau cũng không ngờ vực mình: đó là mình biết người. Cho nên, cử động của quân tử trở thành gương đạo đức cho muôn đời, sự thi hành trở thành khuôn phép cho muôn đời, lời nói trở thành quy tắc cho muôn đời. Người ở xa hoài mong; kẻ ở gần không chán ghét. *Kinh Thi* nói: "Ở đây không ai ghét, ở kia không ai đố kỵ; ngày đêm luôn như thế, thì mãi mãi được tiếng khen." Nếu quân tử không cư xử được như thế, làm sao sớm được thiên hạ khen?»[103]

Khi bậc quân tử như thế ngồi trên ngai vàng, hẳn sẽ trị thiên hạ bằng ảnh hưởng của mình. Trong tình hình đó, thế giới sẽ: «Vạn vật nuôi dưỡng nhau mà không làm hại nhau. Mọi nguyên tắc cùng thi hành mà không trái ngược nhau. Đức nhỏ như sông chảy. Đức lớn đôn hậu biến hoá. Trời đất do đó mà lớn lao vậy.»[104]

Cứ theo đó thì thấy phần lớn của *Trung Dung* là tư tưởng Mạnh Tử, còn phần lớn của *Đại Học* là tư tưởng Tuân Tử. Hai thiên *Trung Dung* và *Đại Học* có thế lực rất lớn trong triết học Trung Quốc. Và chẳng phải ngẫu nhiên mà trong thời Chiến Quốc hai thiên ấy đại biểu cho hai phái lớn của Nho gia do Mạnh Tử và Tuân Tử dẫn đầu.

9. Lễ Vận

Triết học của Nho gia về sau hơi bị ảnh hưởng triết học của Đạo gia. (Tuân Tử chịu ảnh hưởng của Đạo gia. Xin xem lại tiết 5 của chương

---

[103] *Lễ Ký* (Trung Dung): «**Cố quân tử chi đạo, bản chư thân, trưng chư thứ dân; khảo chư tam vương, nhi bất mậu; kiến chư thiên địa nhi bất bội; chất chư quỷ thần, nhi vô nghi, Bách thế dĩ sĩ Thánh nhân nhi bất hoặc. Chất chư quỷ thần nhi vô nghi: tri Thiên dã. Bách thế dĩ sĩ Thánh nhân nhi bất hoặc: tri nhân dã. Thị cố quân tử động nhi thế vi thiên hạ đạo; hành nhi thế vi thiên hạ pháp; ngôn nhi thế vi thiên hạ tắc. Viễn chi tắc hữu vọng; cận chi tắc bất yếm. Thi viết: "Tại bỉ vô ố; tại thử vô đố; thứ cơ túc dạ, dĩ vĩnh chung dự." Quân tử vị hữu bất như thử, nhi tao hữu dự ư thiên hạ giả dã.**» 故君子之道，本諸身，征諸庶民，考諸三王而不繆，建諸天地而不悖，質諸鬼神而無疑，百世以俟聖人而不惑，質鬼神而無疑，知天也，百世以俟聖人而不惑，知人也，是故君子動而世爲天下道，行而世爲天下法，言而世爲天下則，遠之，則有望，近之，則不厭，詩曰：在彼無惡，在此無射，庶几夙夜，以永終譽，君子未有不如此，而蚤有譽于天下者也。

[104] *Lễ Ký* (Trung Dung): «**Vạn vật tịnh dục nhi bất tương hại. Đạo tịnh hành nhi bất tương bội. Tiểu đức xuyên lưu; đại đức đôn hóa. Thử thiên địa chi sở vi đại dã.**» 萬物並育而不相害，道並行而不相背，小德川流，大德敦化，此天地之所以爲大也，

12). Triết học về xã hội chính trị của một số Nho gia bị ảnh hưởng của Đạo gia, điều này có thể thấy ở đoạn đầu của thiên Lễ Vận trong *Tiểu Đái Lễ Ký*: «Khổng Tử nói: Tuy vẫn hằng mong, nhưng Khâu này vẫn chưa thấy Đại Đạo thi hành cùng những bậc anh tài thời Tam Đại. Hễ Đại Đạo mà thi hành thì thiên hạ công bình. Người hiền và người tài năng được chọn. Lòng thành tín được xem trọng, tình thân ái được vun đắp. Cho nên người ta trọng cha mẹ người cũng như cha mẹ mình, quý con người cũng như con mình, khiến người già được tốt đẹp mãn đời, trai tráng có chỗ dùng, trẻ nhỏ có chỗ dựa để khôn lớn. Những kẻ đơn chiếc (không vợ, không con, không chồng), cô nhi, tàn tật đều được nuôi dưỡng. Trai có chức phận, nữ có chồng. Họ ghét của nả bị ném đầy đường, nên thu gom, nhưng không phải cất trữ cho riêng mình. Họ ghét năng lực không được thi thố, nên hành động, nhưng không hành động cho riêng mình. Cho nên mưu kế không dấy lên, trộm cắp và loạn tặc không hoành hành, cửa nẻo không cần đóng. Đó gọi là đại đồng. Nay Đại Đạo đã ẩn, thiên hạ bị phân thành từng gia đình riêng lẻ. Ai nấy chỉ kính cha mẹ mình, chỉ thương con cái mình, tích luỹ của nả và thi thố năng lực để tư lợi. Đại nhân xem việc phân ra thành gia đình là lễ; xem thành quách mương hào là an toàn kiên cố. Lễ nghĩa được xem là kỷ cương để vua tôi chính đáng, để cha con tận tâm, để anh em thương yêu, để vợ chồng hoà thuận, để lập các chế độ, để lập ruộng vườn làng xóm. Vì mưu kế được dùng mà binh đao nổi lên. Vũ, Thang, Văn, Vũ, Thành Vương, Chu Công, do đó mà được tuyển chọn. Sáu bậc quân tử ấy đều chưa từng bất cẩn việc lễ, nên thi hành được nghĩa, thể hiện được thành tín, nêu ra lỗi lầm, làm gương nhân ái, giảng giải từ nhượng, cho dân thấy đạo đức thông thường. Bất cứ nhà cai trị nào không theo Đạo ấy thì sẽ bị kẻ có quyền thế trừ khử, và dân chúng xem họ là tai ương. Thời đại ấy được gọi là *tiểu khang* (an lành nhỏ).»[105]

---

[105] *Lễ Ký* (Lễ Vận): «Khổng Tử viết: Đại Đạo chi hành dã, dữ tam đại chi anh, Khâu vị chi đãi dã, nhi hữu chí yên. Đại Đạo chi hành dã, thiên hạ vi công, tuyển hiền dữ năng, giảng tín tu mục. Cố nhân bất độc thân kỳ thân, bất độc tử kỳ tử, sử lão hữu sở chung, tráng hữu sở dụng, ấu hữu sở trưởng. Căng quả cô độc phế tật giả, giai hữu sở dưỡng. Nam hữu phận, nữ hữu quy. Hoá ố kỳ khí ư địa dã, bất tất tàng ư kỷ. Lực ố kỳ bất xuất ư thân dã, bất tất vi kỷ. Thị cố mưu bế nhi bất hưng, đạo thiết loạn tặc nhi bất tác. Cố ngoại hộ nhi bất bế, thị vị đại đồng. Kim Đại Đạo ký ẩn, thiên hạ vi gia. Các thân kỳ thân, các tử kỳ tử hoá lực vi kỷ. Đại nhân thế cập dĩ vi lễ, thành quách câu trì dĩ vi cố. Lễ nghĩa dĩ vi kỷ, dĩ chính quân thần, dĩ đốc phụ tử, dĩ mục huynh đệ, dĩ hoà phu phụ, dĩ thiết chế độ, dĩ lập điền lý, dĩ hiền dũng trí, dĩ công vi kỷ. Cố mưu

Đấy là một xã hội chính trị mà một số Nho gia hết sức đề xướng, gọi là «tiểu khang» (an lành nhỏ), mà bên trên nó còn có nền đại đồng thịnh trị. Ý tưởng này chỉ là vay mượn triết học xã hội chính trị trong học thuyết của Đạo gia. Các Nho gia gần đây rất tôn sùng cái triết học xã hội chính trị mới mẻ này.

---

dụng thị tác nhi bình do thử khởi. Vũ, Thang, Văn, Vũ, Thành Vương, Chu Công, do thử kỳ tuyển dã. Thử lục quân tử giả, vị hữu bất cẩn ư lễ giả dã, dĩ trứ kỳ nghĩa, dĩ khảo kỳ tín, trứ hữu quá, hình nhân giảng nhượng, thị dân hữu thường. Như hữu bất do thử giả, tại thế giả khứ, chúng dĩ vi ương, thị vị tiểu khang.» 孔子曰：大道之行也，與三代之英，丘未之逮也，而有志焉。大道之行也，天下爲公，選賢與能，講信修睦。故人不獨親其親，不獨子其子，使老有所終，壯有所用，幼有所長。矜寡孤獨廢疾者皆有所養。男有分，女有歸。貨惡其棄於地也，不必藏於己。力惡其不出於身也，不必爲己。是故謀閉而不興，盜竊亂賊而不作。故外戶而不閉，是謂大同。今大道既隱，天下爲家。各親其親，各子其子，貨力爲己。大人世及以爲禮，城郭溝池以爲固。禮義以爲紀，以正君臣，以篤父子，以睦兄弟，以和夫婦，以設制度，以立田里，以賢勇知，以功爲己。故謀用是作而兵由此起。禹，湯，文，武，成王，周公，由此其選也。此六君子者，未有不謹於禮者也，以著其義，以考其信，著有過，刑仁講讓，示民有常。如有不由此者，在勢者去，衆以爲殃，是謂小康。

CHƯƠNG 15

VŨ TRỤ LUẬN TRONG DỊCH TRUYỆN VÀ SÁCH HOÀI NAM HỒNG LIỆT

1. Khởi nguyên của Chu Dịch và tác giả của Dịch Truyện

Tương truyền Bát quái do Phục Hi 伏羲 vẽ. Còn 64 quẻ thì Vương Bật 王弼 (226-249) cho là của Phục Hi, nhưng Tư Mã Thiên 司馬遷 (145-86 TCN) cho là của Văn Vương. Về quái từ và hào từ, Tư Mã Thiên cho là của Văn Vương, nhưng Mã Dung 馬融 (79-166) bảo quái từ là của Văn Vương còn hào từ của Chu Công. Còn Thập Dực 十翼 tương truyền do Khổng Tử sáng tác.

Những thuyết trên đây không có căn cứ. Đời Thương (1766?-1123?) không có Bát quái. Dân đời Thương chỉ có bói giáp cốt (bốc 卜), chưa có bói cỏ thi (phệ 筮). Phép bói cỏ thi do đời Chu chế tác để thay thế hoặc bổ sung cho cho bói giáp cốt. Quái và hào cũng tương tự như các triệu 兆 (các vết nứt hiện ra khi mai rùa được hơ lửa) trong bói rùa (quy bốc 龜卜). Quái từ và hào từ cũng tương tự như các trứu từ 繇辭 [1] trong bói rùa. Trứu từ (hay bốc từ 卜辭, chiêm từ 占辭) là lời giải đoán căn cứ các triệu (vết nứt) trong bói rùa. Các lời giải bói (chiêm từ) có khi là tân tạo, có khi dựa vào lời cũ. Nếu có những việc bói mà triệu giống như cũ thì dùng lời đoán cũ. Nếu có triệu mới, khác với các triệu cũ, thì phải đặt ra lời giải đoán mới. Triệu vốn là vết nứt tự nhiên trên mai rùa bị hơ lửa. Những vết nứt trên quy giáp sau khi hơ nóng có rất nhiều và khó giải đoán. Những lời giải đoán của những lần bói trước thì có rất nhiều và khó nhớ. Khi phép bói cỏ thi hưng thịnh, nó giải quyết được sự khó khăn này. Những hào âm hào dương (bắt nguồn từ những vết nứt trên giáp cốt) của

[1] LAM chú: Chữ 繇 có các âm: *dao (diêu)* [yáo], *do* [yóu], *trứu* [zhòu]. Với âm *trứu*, nó nghĩa là "rút ra" (trừu 抽), tức là căn cứ vết nứt mà rút ra lời giải đoán. *Trứu từ* tức là *bốc từ* 卜辭. (Xem: Sử Đông 史東, *Giản minh Cổ Hán ngữ Từ điển* 簡明古漢語詞典, Vân Nam Nhân Dân xuất bản xã, 1999, tr.562; và xem *Từ Hải*, mục từ 繇). Derk Bodde dịch *trứu từ* (hay *bốc từ* 卜辭, *chiêm từ* 占辭) là *prognostication*.

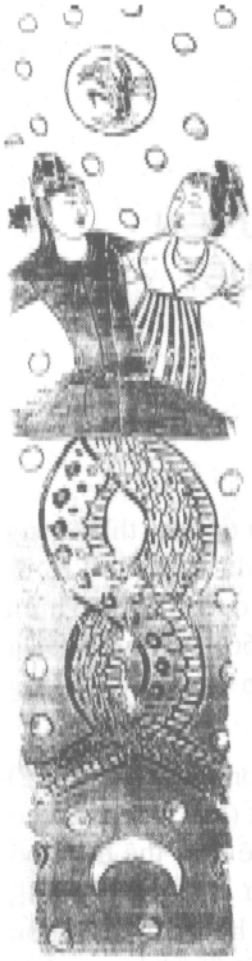

Phục Hi và Nữ Oa

các quẻ Dịch thì có số lượng nhất định. Mỗi hào gắn liền với số hào từ nhất định. Khi bói cỏ thi, gặp quẻ nào, hào nào tức thì có thể noi theo quái từ và hào từ để suy luận. So với phép bói rùa (quy bốc), bói cỏ thi dễ dàng hơn.[2] Cái tên *Chu Dịch* (Dị) 周易 **có lẽ** khởi xuất từ đây. Nó được người đời Chu chế tác, nên có chữ Chu, và dụng pháp dễ dàng nên mới mang thêm chữ Dị 易 (giản dị). Chu Dị: phép bói giản dị đời Chu.

Dịch vốn dùng phép bói cỏ thi, nhưng về sau tuy không dùng cỏ thi mà người ta vẫn dẫn dụng quái từ và hào từ để làm căn cứ cho lập thuyết của mình.

Tả Truyện, Tuyên Công 宣公 năm 12 (tức năm 597 TCN), chép: «Quân đội của nước Tấn đi cứu nước Trịnh. [...] Trệ Tử 彘子 thống lĩnh một phần trung quân vượt qua sông Hoàng Hà. Tri Trang Tử 知莊子 nói: "Binh quân kỳ này ắt phải chết. [Bởi vì đã bói được] quẻ Sư 師, biến ra quẻ Lâm 臨, nói rằng: '*Sư xuất dĩ luật; phủ tang, hung.*' 師出以律否臧凶 (Quân đội phải có kỷ luật; nếu không tốt, thì xấu)." Chấp hành kỷ luật thì kết quả tốt. Nếu không, thì xấu. Quân đông mà phân tán mỏng thì yếu, khác gì ngăn sông làm đầm. Nay kỷ luật mạnh ai nấy đổi. Cho nên mới nói «luật không tốt» (luật phủ tang 律否臧). Luật như dòng chảy tràn đầy nay bị cạn kiệt, không thể trôi chảy được. Vì thế mà nói gặp điều hung ác. Không hành động gọi là *lâm* 臨. Có tướng soái nhưng không tuân theo, đó là hành động thiếu sót lớn. Đây là trường hợp của Trệ Tử. Nếu gặp quân địch, ắt phải đại bại. Trệ Tử phải chịu trách nhiệm. Cho dù Trệ Tử có thoát thân trở về cũng không tránh được tai hoạ lớn.»[3]

Trong *Tả Truyện*, Tương Công 襄公 năm 28 (tức năm 545 TCN), Tử Triển 子展 nói: «Vua nước Sở sắp chết. Ông ta không tu sửa đạo đức

---

[2] **Từ đầu đoạn văn – *«Đời Thương không có bát quái...»* – cho đến đây là ý tưởng của Từ Vĩnh Lương** 徐永梁 **trong bài *Dịch quái hệ từ đích thời đại cập kỳ tác giả*** 易卦繫辭的時代及其作者, **in trong tập *Cổ Sử Biện*, III, phần 1.**

[3] ***Tả Truyện*** 左傳, **quyển 11.**

trong việc cai trị, lại còn tham lam mù quáng dòm dỏ chư hầu. Ông ta sẽ sống lâu để thoả nguyện chăng? Quẻ Phục 復 biến thành quẻ Di 頤 nói: "Mê phục, hung." 迷復凶 (Trở về trên mê lộ, điềm hung.) Lời này chẳng ứng vào vua Sở sao? Ông ta muốn trở lại ý nguyện ban đầu nhưng lại vất bỏ những điều cơ bản. Không có chỗ để trở về, nên gọi là «mê phục». Đó chẳng phải là điềm chẳng lành sao?»[4]

Khổng Tử cũng dùng *Kinh Dịch* theo cách đó khi ông viện dẫn và khai triển ý nghĩa của hào từ của hào cửu tam trong quẻ Hằng 恆.[5] Tuân Tử cũng thường viện dẫn ý nghĩa của hào từ và quái từ để làm căn cứ cho lập thuyết của mình (xem thiên Phi Tướng 非相 và thiên Đại Lược 大略 trong sách *Tuân Tử*). Những trường hợp này cho thấy về sau *Kinh Dịch* không còn được sử dụng đơn thuần như một sách bói nữa, mà là một quyển sách ẩn tàng nhiều ý nghĩa rộng lớn hơn. Dịch Truyện không phải do một người làm ra. Có lẽ nó được nhiều người biên soạn. Khi sử dụng *Kinh Dịch*, họ viết thêm ý kiến của mình vào để phát triển *Kinh Dịch* thành một quyển sách triết có hệ thống.

Thập Dực 十翼 không phải là sáng tác của Khổng Tử, điều này các học giả xưa và nay đã giải thích rõ.[6] Chương Nho Lâm Truyện 儒林傳 trong Tiền Hán Thư 前漢書 chép: "Suốt giai đoạn cấm học vấn của đời Tần (tức việc đốt sách và chôn Nho sĩ – phần thư khanh Nho 焚書坑儒 – năm 213 TCN), *Kinh Dịch* là quyển sách duy nhất không bị cấm vì được xem là một sách bói (bốc phệ chi thư 卜筮之書). Cho nên việc truyền dạy *Kinh Dịch* tiến triển không ngừng. Khi đời Hán khởi lên (năm 206 TCN), Điền Hà 田何 từ Tề Điền 齊田 di cư đến Đỗ Lăng 杜陵, được gọi là Đỗ Điền Sinh 杜田生. Điền Hà dạy *Kinh Dịch* cho Vương Đồng 王同

---

[4] *Tả Truyện* 左傳, quyển 18.

[5] Về *Kinh Dịch*, Khổng Tử bảo: «Người phương Nam nói: "Người không bền tâm thì không thể làm thầy cúng, thầy thuốc được." Đúng vậy. *Kinh Dịch*, quẻ Hằng [hào cửu tam] nói: "Người không bền đức thì thường bị hổ thẹn." Câu đó ý nói người không bền tâm thì chớ xem bói mà chi.» (*Luận Ngữ* 論語, Tử Lộ 子路-22.) Chỗ này chứng tỏ khi giảng *Kinh Dịch*, Khổng Tử đã chú trọng ý nghĩa hào từ chứ không chú trọng bói toán.

[6] Trong các sách như: *Dịch Đồng Tử Vấn* 易童子問 của Âu Dương Tu 歐陽修 (1017-1072), *Chu Tử Khảo Tín Lục* 朱泗考信錄 của Thôi Đông Bích 崔東壁 (1740-1816), các bài viết của Giáo sư Cố Hiệt Cương 顧頡剛 và bài *Địa vị của Khổng Tử trong lịch sử Trung Quốc* (*Khổng Tử tại Trung Quốc lịch sử trung chi địa vị* 孔子在中國歷史中之地位) của tôi in trong tuyển tập *Cổ Sử Biện* 古史辯, quyển 2.

(tự là Vương Trung 王中) ở đất Đông Vũ 東武,[7] Chu Vương Tôn 周王孫 và Đinh Khoan 丁寬 ở Lạc Dương 洛陽, và Phục Sinh 服生 ở Tề. Bốn người này đều viết mấy thiên Dịch Truyện."

Chúng ta không cách nào biết được mấy thiên Dịch Truyện mà Vương Đồng, Chu Vương Tôn, Đinh Khoan, Phục Sinh đã viết có nằm trong phần Thập Dực hiện hành hay không. Nhưng dù sao đi nữa, Thập Dực hiện hành có lẽ tương tự và cùng thời với mấy thiên Dịch Truyện mà bọn Vương Đồng sáng tác.

2. Bát quái và Âm Dương

Người đời Chu tạo ra Bát quái, lại còn kết hợp chúng thành 64 quẻ nữa, để phỏng theo quy triệu 龜兆 (vết nứt trên mai rùa khi bói). Ban đầu chưa hẳn Bát quái đã có ý nghĩa gì. Về sau người ta mới diễn giải thêm vào để Bát quái có thể tượng trưng cho sự vật.

Thuyết Quái chép: «Càn là trời, nên gọi là cha. Khôn là đất, nên gọi là mẹ. Chấn là con trai, do hào dưới chót là hào Dương nên gọi là trưởng nam. Tốn là con gái, do hào dưới chót là hào Âm nên gọi là trưởng nữ. Khảm là con trai, do hào giữa là hào Dương nên gọi là trung nam. Ly là con gái, do hào giữa là hào Âm nên gọi là trung nữ. Cấn là con trai, do hào trên cùng là hào Dương nên gọi là thiếu nam. Đoài là con gái, do hào trên cùng là hào Âm nên gọi là thiếu nữ. Càn là trời, tròn, vua, cha. Khôn là đất, mẹ. [...] Chấn là sấm. [...] Tốn là gỗ, gió. [...] Khảm là nước, mặt trăng. [...] Ly là lửa, mặt trời. [...] Cấn là núi. [...] Đoài là ao đầm.»

Trong Thập Dực, có ba thiên Thuyết Quái 說卦, Tự Quái 序卦, Tạp Quái 雜卦 là ra đời trễ nhất. Nhưng theo *Tả Truyện* và *Quốc Ngữ* thì vào thời Xuân Thu người ta đã nói Càn là trời, Khôn là đất, Tốn là gió,[8]

[7] **LAM chú: Đông Vũ nay là Chư Thành 諸城 tỉnh Sơn Đông 山東. Chỗ này Derk Bodde dịch nhầm là: «... Điển Hà dạy *Kinh Dịch* cho Vương Đồng 王同 và con ông ta là Vương Trung 王中 ở đất Đông Vũ 東武...» (*Wang T'ung and his son, Chung, of Tung-wu, to whom he [T'ien Ho] gave [the I]...*) Kỳ thực, Điển Hà dạy *Kinh Dịch* cho Vương Đồng. Vương Đồng tự là Tử Trung (hay Tử Trọng) không phải như Derk Bodde hiểu là «con của ông ta tên là Trung». Theo lời chú của Nhan Sư Cổ 顏師古 trong thiên Trọng Ni Đệ Tử Liệt Truyện 仲尼弟子列傳 của *Sử Ký*, Điển Hà dạy *Kinh Dịch* cho bốn người: Vương Đồng, Chu Vương Tôn, Đinh Khoan, Phục Sinh. Bốn người này đều viết Dịch Truyện. Tử Trung là tên tự của Vương Đồng. «Trung» đọc là «Trọng». (Điển Sinh thụ Vương Đồng, Chu Vương Tôn, Đinh Khoan, Phục Sinh, tứ nhân, nhi tứ nhân giai trứ "Dịch Truyện" dã. Tử Trung, Vương Đồng tự dã. «Trung» độc viết «Trọng» 田生授王同，周王孫，丁寬，服生四人，而四人皆著易傳也．子中王同字也．中讀曰仲).**

[8] **Xem *Tả Truyện* 左傳, Trang Công 莊公 năm 22 (tức năm 672 TCN).**

Ly là hoả, Cấn là núi,[9] Chấn là sấm, Khảm là nước;[10] và đã xem Chấn là trưởng nam, Khôn là mẹ.[11] Có thể thấy những gì Thuyết Quái nói cũng chỉ là lời lẽ người xưa được sắp xếp lại cho hoàn chỉnh thôi. Một khi Bát quái đã được gán cho các ý nghĩa như thế rồi, thì vũ trụ luận trong *Kinh Dịch* cũng được viết ra. Vũ trụ luận này lấy nguồn gốc của sinh mệnh cá nhân mà làm căn cứ để suy ra nguồn gốc của mọi sự vật khác.

Hệ Từ 繫辭 chép: «Trời đất [hai khí Âm Dương] giao cảm, vạn vật hoá thuần hậu, nam nữ giao cấu, vạn vật hoá sinh.» (Thiên địa nhân huân, vạn vật hoá thuần, nam nữ cấu tinh, vạn vật hoá sinh 天地絪縕萬物化醇男女構精萬物化生).

Nam nữ giao cấu mà sinh ra con người, cho nên suy ngược ra thì vũ trụ cũng có hai nguyên lý. Nguyên lý có nam tính là Dương, quẻ của nó là Càn. Nguyên lý có nữ tính là Âm, quẻ của nó là Khôn. Trời đất là đại biểu của hai nguyên lý này. Càn ☰ và Khôn ☷ giao cấu nhau mà biến ra các quái: Khôn ☷ lấy được hào dưới của Càn ☰ nên sinh ra quẻ Chấn ☳, là trưởng nam, đại biểu cho sấm. Khôn lấy được hào giữa của Càn nên sinh ra quẻ Khảm ☵ , là trung nam, đại biểu cho nước. Khôn lấy được hào trên của Càn nên sinh ra quẻ Cấn ☶ là thiếu nam, đại biểu cho núi. Càn lấy được hào dưới của Khôn nên sinh ra quẻ Tốn ☴, là trưởng nữ, đại biểu cho gió. Càn lấy được hào giữa của Khôn nên sinh ra quẻ Ly ☲, là trung nữ, đại biểu cho lửa. Càn lấy được hào trên của Khôn nên sinh ra quẻ Đoài ☱, là thiếu nữ, đại biểu cho ao đầm.

Tóm lại, lớn nhất trong vũ trụ là trời đất. Cái ở trên trời khiến người ta chú ý nhiều nhất là mặt trời, mặt trăng, gió, sấm. Cái dưới đất khiến người ta chú ý nhiều nhất là núi, ao đầm. Cái con người cần dùng nhất là nước và lửa. Người xưa lấy các thứ ấy làm căn bản của vũ trụ, rồi lấy Bát quái mà phối hợp với chúng, rồi dựa theo quan hệ cha mẹ và con cái của loài người mà suy ra sự quan hệ của các thứ ấy.

Những thứ mà Bát quái đại biểu trở thành căn bản của vũ trụ luận. Hình như trước đời Tần, thuyết Bát quái và thuyết Ngũ hành là hai hệ thống độc lập. Bấy giờ người giảng Ngũ hành không giảng Bát quái, người giảng Bát quái không giảng Ngũ hành. Đến đời Hán, hai thuyết ấy mới hỗn hợp. Người đời Hán gọi bọn Trâu Diễn 騶衍 là Âm Dương gia.

---

[9] Xem *Tả Truyện* 左傳, Chiêu Công 昭公 năm 15 (tức năm 537 TCN).

[10] Xem *Quốc Ngữ* 國語, Tấn Ngữ 晉語.

[11] Xem *Quốc Ngữ* 國語, Tấn Ngữ 晉語.

Phục Hi Bát Quái

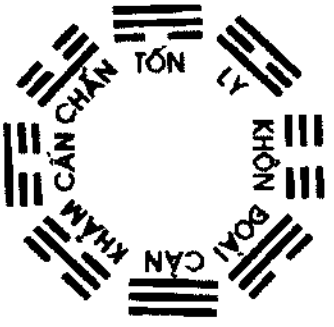

Văn Vương Bát Quái

Thật ra, Âm Dương được nói đến trong hệ thống của thuyết Bát quái, còn bọn Trâu Diễn thì không hề nói đến Bát quái.

Ngày xưa đã có người dùng thuyết Âm Dương để giải thích những hiện tượng trong vũ trụ. Về sau Đạo gia cũng thường nói đến Âm Dương. Thí dụ:

– Chương 42 của *Đạo Đức Kinh* chép: «Đạo sinh một, một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh vạn vật. Vạn vật cõng Âm ôm Dương. Hai khí [Âm Dương] giao nhau mà sinh hoà.» (Đạo sinh nhất, Nhất sinh nhị, Nhị sinh tam, tam sinh vạn vật. Vạn vật phụ Âm nhi bão Dương, xung khí dĩ vi hòa. 道生一,一生二,二生三,三生萬物.萬物負陰而抱陽,沖氣以爲和).

– *Lã Thị Xuân Thu* chép: «Thái Nhất sinh Lưỡng nghi, Lưỡng nghi sinh Âm Dương.» (太一生兩儀,兩儀生陰陽).

– Thiên Lễ Vận trong *Lễ Ký* chép: «Lễ gốc ở Thái Nhất, phân ra thành trời đất, chuyển mà thành Âm Dương.» (Lễ tất bản ư Thái Nhất, phân nhi vi thiên địa, chuyển nhi vi Âm Dương 禮必本於太一,分而爲天地,轉而爲陰陽).

– Hệ Từ chép: «Dịch có Thái Cực. Thái Cực sinh ra Lưỡng nghi. Lưỡng nghi sinh Tứ tượng. Tứ tượng sinh Bát quái.» và: «Một Âm và một Dương tạo thành cái gọi là Đạo. Cái nối tiếp nó thì thiện. Cái tạo thành từ nó là tính. Người nhân thấy nó và cho là nhân, người trí thấy nó và cho là trí. Trăm họ dùng hằng ngày mà không biết. Cho nên đạo quân tử ít người biết vậy. Đạo ấy hiện rõ ở đức nhân, ẩn tàng ở tác dụng. Đạo cổ động vạn vật nhưng không lo lắng như thánh nhân, cho nên cái đức của nó cực thịnh, sự nghiệp của nó rất lớn. Nó to lớn bao trùm tất cả, nên nói sự nghiệp nó lớn. Nó biến hoá ngày một mới nên nói đức của nó thịnh. Âm Dương sinh hoá mãi gọi là dịch.»

– *Đạo Đức Kinh* nói «một sinh hai» thì hai chỉ trời đất. *Lã Thị Xuân Thu* nói Lưỡng nghi, cũng là chỉ trời đất. Tuy nhiên, trong Hệ Từ, Lưỡng nghi có lẽ là Âm Dương, minh chứng qua câu «Một Âm và một Dương tạo thành cái gọi là Đạo» (Nhất Âm nhất Dương chi vị Đạo. 一陰一陽之謂道). Tiêu Tuần 焦循 (1763-1820) nói: «Một Âm một Dương tạo thành cái gọi là Đạo. Cái được tách ra khỏi Đạo gọi là mệnh. Cái thể hiện ở mỗi cá nhân gọi là tính. Phân chia sự thống nhất của Đạo để thành tính của cá nhân. Hợp tính của vạn vật lại để thành cái Đạo nhất quán. Một Âm một Dương vì thế mà khiến cho Đạo vô cùng.»[12]

Thuyết *Thiên viên địa phương* (Trời tròn đất vuông) được thể hiện qua đồng tiền đúc

Ở đây, mối quan hệ giữa cái gọi là Đạo với tính giống hệt như mối quan hệ giữa cái mà Đạo gia gọi là Đạo và Đức. Đạo là nguyên lý sinh ra toàn thể vạn vật, mà tính con người và sự vật là một phần do Đạo phân ra. Những gì do Đạo sinh ra đều tốt, nên Dịch nói «Cái nối tiếp nó thì thiện» (kế chi giả thiện dã 繼之者善也). Đạo phân ra những phần xác định, rồi sau chúng được quyết định mà có sự thành tựu, nên Dịch nói «Cái tạo thành từ nó là tính» (thành chi giả tính dã 成之者性也). Dịch nói «Người nhân thấy nó và cho là nhân, người trí thấy nó và cho là trí» (Nhân giả kiến chi vị chi nhân, trí giả kiến chi vị chi trí 仁者見之謂之仁智者見之謂之智) tức là ý nói trong chương 1 của *Đạo Đức Kinh*: «Cái đạo mà có thể luận bàn được thì không phải là Đạo thường hằng, cái danh mà có thể gọi tên được thì không phải là Danh thường hằng.» (Đạo khả đạo phi thường đạo, danh khả danh phi thường danh 道可道非常道名可名非常名). Chương 51 của *Đạo Đức Kinh* nói: «[Đạo] sinh vạn vật mà không nhận là của mình, làm mà không cậy công. [Đạo] làm cho vạn vật phát triển lên mà không đòi làm chủ của vạn vật.» (Sinh nhi bất hữu, vi nhi bất thị, trưởng nhi bất tể 生而不有爲而不恃長而不宰). Cho nên Dịch nói: «Trăm họ dùng [Đạo] hằng ngày mà không biết.» (Bách tính nhật dụng nhi bất tri 百姓日用而不知). Dịch nói: «[Đạo] cổ động vạn vật nhưng không lo lắng như thánh nhân.» (Cổ vạn vật nhi bất dữ thánh nhân đồng ưu 鼓萬物而不與聖人同憂). Tương tự, chương 5 của *Đạo Đức Kinh* nói: «Trời đất bất nhân, xem vạn vật là chó rơm.» (Thiên địa bất nhân, dĩ vạn vật vi sô cẩu 天地不仁以萬物爲芻狗).

[12] **Tiêu Tuần** 焦循, ***Luận Ngữ Thông Thích Nhất Quán Trung Thứ*** 論語通釋一貫忠恕

Tức là vạn vật tự nhiên mà sinh ra, còn trời đất thì không quan tâm và không thương yêu vạn vật, và cũng không quan tâm lo lắng cho vạn vật.

Như thế Dịch Truyện đã vay mượn quan niệm về Đạo của Lão học, rồi lại lấy thuyết Âm Dương phối hợp với Càn Khôn, khiến chúng trở thành hai nguyên lý của vũ trụ phát sinh từ Đạo hay Thái Cực. Về tính chất của hai nguyên lý này, Dịch Truyện nói:

– «Càn thật lớn thay, là Khởi Đầu [của tất cả], vạn vật nhờ nó mà sinh ra. Càn bao trùm cả trời. [...] Đạo Càn biến hoá để cho mỗi thứ trong vạn vật đều có được bản tính đúng đắn của nó theo mệnh.» (Đại tai Càn nguyên, vạn vật tư thuỷ, nãi thống thiên. [...] Càn đạo biến hoá, các chính tính mệnh. 大哉乾元萬物資始乃統天 [...] 乾道變化各正性命) [Thoán của quẻ Càn 乾]

– «Khôn thật lớn thay, là Khởi Đầu [của tất cả], vạn vật nhờ nó mà sinh ra. Khôn thuận theo trời.» (Chí tai Khôn nguyên, vạn vật tư sinh, nãi thuận thừa thiên. 至哉坤元萬物資生乃順承天) [Thoán của quẻ Khôn 坤]

– «Đạo Càn tạo thành tính chất nam, đạo Khôn tạo thành tính chất nữ. Càn làm sự khởi đầu lớn, Khôn làm cho vạn vật thành tựu. Càn lấy sự bình dị cho người biết, Khôn lấy sự giản ước để thể hiện công năng của mình.» (Càn đạo thành nam, Khôn đạo thành nữ. Càn tri đại thuỷ, Khôn tác thành vật. Càn dĩ dị tri, Khôn dĩ giản năng. 乾道成男坤道成女乾知大始坤作成物乾以易知坤以簡能) [Hệ Từ thượng 繫辭上]

– «Càn khi tĩnh thì chuyên nhất, khi động thì tiến thẳng, nên sức sinh ra lớn. Khôn khi tĩnh thì thu lại, khi động thì mở ra, nên sức sinh ra rộng." (Phù Càn, kỳ tĩnh dã chuyên, kỳ động dã trực, thị dĩ đại sinh yên. Phù Khôn, kỳ tĩnh dã hấp, kỳ động dã tịch, thị dĩ quảng sinh yên. 夫乾其靜也專其動也直是以大生焉夫坤其靜也翕其動也闢是以廣生焉) [Hệ Từ thượng 繫辭上]

– «Càn là vật có tính Dương, Khôn là vật có tính Âm. Âm Dương cùng hợp đức tính mà cương nhu và có hình thể, do đó có thể thể hiện quy luật biến hoá của các hiện tượng trong trời đất.» (Càn, Dương vật dã, khôn, Âm vật dã. Âm Dương hợp đức, nhi cương nhu hữu thể, dĩ thể thiên địa chi soạn 乾陽物也坤陰物也陰陽合德而剛柔有體以體天地之撰) [Hệ Từ hạ 繫辭下]

Ở đây ta thấy nguồn gốc của sinh mệnh cá nhân được lấy làm căn cứ để khai triển ra nguồn gốc vạn vật. Từ chuyện «nam nữ giao cấu, vạn

vật hoá sinh» (nam nữ cấu tinh, vạn vật hoá sinh 男女構精萬物化生) mà suy ra nguyên lý «trời đất [hai khí Âm Dương] giao cảm, vạn vật hoá thuần hậu» (thiên địa nhân huân, vạn vật hoá thuần 天地絪縕萬物化醇). Trời đất là sự thể hiện cụ thể của Càn Khôn và Âm Dương. Trong hai nguyên lý này: một cương, một nhu; một cho, một nhận; một là sự khởi đầu của vạn vật, một là sự sinh ra của vạn vật. «Càn khi tĩnh thì chuyên nhất, khi động thì tiến thẳng. Khôn khi tĩnh thì thu lại, khi động thì mở ra.» «Đóng cửa gọi là Khôn, mở cửa gọi là Càn» (Hạp hộ vị chi khôn, tịch hộ vị chi Càn. 闔戶謂之坤闢戶謂之乾) [Hệ Từ thượng]. Trong tất cả những câu nói ấy, hoạt động sinh sản của nam nữ được dùng làm thí dụ giải thích Càn Khôn.

Về những khía cạnh khác của quan hệ giữa Càn và Khôn, Dịch Truyện cũng lấy mối quan hệ nam nữ và địa vị xã hội thời bấy giờ giữa nam và nữ làm căn cứ mà suy ra.

Thoán của quẻ Khôn nói: «Khôn thật lớn thay, là Khởi Đầu [của tất cả], vạn vật nhờ nó mà sinh ra. Khôn thuận theo trời. Khôn dày đặn và chuyên chở vạn vật, đức của nó hoà hợp vô cùng. Khôn hàm dưỡng tất cả và khiến chúng phát huy lớn lao rực rỡ. Vạn vật nhờ đó được hanh thông. Ngựa cái là động vật trên mặt đất, chạy mãi trên mặt đất bao la, nó nhu thuận, sinh lợi và kiên trinh. Sự tiến hành của người quân tử cũng vậy, nếu đi trước thì sẽ mê loạn và mất đường lối; nếu đi sau người khác thì sự ôn hoà nhu thuận sẽ khiến cho tốt đẹp mãi. [...] Điều tốt đẹp của sự an thuận và kiên trinh ứng hợp với sự bao la của mặt đất.» (Chí tai Khôn nguyên, vạn vật tư sinh, nãi thuận thừa thiên. Khôn hậu tải vật, đức hợp vô cương. Hàm hoằng quang đại, phẩm vật hàm hanh. Tẫn mã địa loại, hành địa vô cương, nhu thuận lợi trinh, quân tử du hành. Tiên mê thất đạo, hậu thuận đắc thường. [...] An trinh chi cát, ứng địa vô cương. 至哉坤元萬物資生乃順承天坤厚載物德合無疆含弘光大品物咸亨. 牝馬地類行地无疆柔順利貞君子攸行先迷失道後順得常 [...] 安貞之吉應地无疆).

Văn Ngôn nói: «Khôn cực mềm nhưng khi động thì cứng, cực tĩnh nhưng đức của nó phân bố tứ phương. Khôn đi sau người mà có chủ, nên [thuần đức của nó] lâu dài, bao trùm vạn vật và làm cho chúng rực rỡ. Đạo Khôn nhu thuận thay! Thuận theo trời mà vận hành tuỳ thời. [...] Âm tuy tốt đẹp nhưng chỉ hàm tàng trợ giúp sự nghiệp của vua, và không dám kể công. Đạo Khôn là đạo của đất, của vợ, của bầy tôi vậy. Đạo của đất không kể công mà trợ giúp trời để vạn vật có được chung cuộc tốt.» (Khôn chí nhu nhi động dã cương, chí tĩnh nhi đức phương. Hậu đắc

chủ nhi hữu thường, hàm vạn vật nhi hoá quang. Khôn đạo kỳ thuận hồ? Thừa thiên nhi thời hành. [...] Âm tuy hữu mỹ, hàm chi dĩ tòng vương sự, phất cảm thành dã. Địa đạo dã, thê đạo dã, thần đạo dã. Địa đạo vô thành nhi đại hữu chung dã. 坤至柔而動也剛至靜而德方後得主而有常含萬物而化光坤道其順乎承天而時行[...]陰雖有美含之以從王事弗敢成也地道也妻道也臣道也地道無成而代有終也).

Càn Dương là chủ, Khôn Âm là phụ tá. Nếu Khôn Âm tiến đi trước thì «mê loạn và mất đường lối». Nếu đi sau Càn Dương thì «có chủ, nên [thuần đức của nó] lâu dài». Cái ý nghĩa ấy vốn là một lý tưởng của đạo làm vợ tại Trung Quốc bao đời nay.

Vợ chồng phải giao hợp để sinh con cái. Âm Dương cũng phải giao hợp để sinh vạn vật. Dịch Truyện nói:

– «Thái, [...] trời đất giao hợp mà vạn vật hanh thông, trên dưới giao hợp mà có cùng ý chí.» (Thái, [...] tắc thị thiên địa giao nhi vạn vật thông dã, thượng hạ giao nhi kỳ chí đồng dã. 泰[...]則是天地交而萬物通也上下交而其志同也) [Thoán của quẻ Thái 泰]

– «Trời đất giao cảm mà vạn vật hoá dục và sinh trưởng.» (Thiên địa cảm nhi vạn vật hoá sinh. 天地感而萬物化生) [Thoán của quẻ Hàm 咸]

– «Trời đất gặp nhau, các loại sự vật phát triển rực rỡ.» (Thiên địa tương ngộ, phẩm vật hàm chương dã. 天地相遇品物咸章也) [Thoán của quẻ Cấu 姤]

– «Thiếu nữ xuất giá mang ý nghĩa lớn của trời đất. Trời đất không giao hợp thì vạn vật không sinh sôi. Thiếu nữ xuất giá có ý nghĩa chung nhi phục thuỷ (chấm dứt rồi trở lại ban đầu) của con người.» (Quy Muội, thiên địa chi đại nghĩa dã. Thiên địa bất giao, nhi vạn vật bất hưng. Quy Muội, nhân chi chung thuỷ dã. 歸妹天地之大義也天地不交而萬物不興歸妹人之終始也) [Thoán của quẻ Quy Muội 歸妹]

Trời đất là các biểu hiện cụ thể của hai nguyên lý trừu tượng là Càn Khôn. «Trời đất không giao hợp thì vạn vật không sinh sôi» tức là trời đất có giao hợp thì mới sinh vạn vật. Thoán của quẻ Khuê 睽 nói: «Trời đất rời nhau mà công việc [hoá dục vạn vật] thì giống nhau. Nam nữ rời nhau nhưng có ý chí chung. Vạn vật rời nhau nhưng [cùng bẩm thụ khí chất của trời đất] như nhau.» (Thiên địa khuê nhi kỳ sự đồng dã; nam nữ khuê nhi kỳ chí thông dã; vạn vật khuê nhi kỳ sự loại dã. 天地睽而

其事同也男女睽而其志通也萬物睽而其事類也). Do giao cảm, tuy rời nhau, nhưng trời đất có công việc giống nhau, cũng giống như nam nữ tuy rời nhau nhưng lại có ý chí chung.

3. Sự phát triển và biến hoá của sự vật trong vũ trụ

Nhờ Càn Khôn giao cảm mà vạn vật mới sinh ra, phát triển, và biến hoá. Dịch Truyện chép:

– «Trời đất buông rời nhau nên có sấm và mưa. Có sấm và mưa thì trăm thứ cây cỏ hoa trái đâm chồi nảy lộc.» (Thiên địa giải nhi lôi vũ tác, lôi vũ tác nhi bách quả thảo mộc giai giáp sách. 天地解而雷雨作雷雨作而百果草木皆甲坼) [Thoán của quẻ Giải 解]

– «Trời đất biến đổi mà bốn mùa hình thành.» (Thiên địa cách nhi tứ thời thành. 天地革而四時成) [Thoán của quẻ Cách 革]

– «[Đạo] hiện rõ ở đức nhân, ẩn tàng ở tác dụng. Đạo cổ động vạn vật nhưng không lo lắng như thánh nhân, cho nên cái đức của nó cực thịnh, sự nghiệp của nó rất lớn. Nó to lớn bao trùm tất cả, nên nói sự nghiệp nó lớn. Nó biến hoá ngày một mới nên nói đức của nó thịnh.» (Hiển chư nhân, tàng chư dụng. Cổ vạn vật nhi bất dữ thánh nhân đồng ưu, thịnh đức đại nghiệp chí hĩ tai. Phú hữu chi vị đại nghiệp, nhật tân chi vị thịnh đức. 顯諸仁藏諸用鼓萬物而不與聖人同憂盛德大業至矣哉富有之謂大業日新之謂盛德) [Hệ Từ thượng 繫辭 上]

– «Đóng cửa gọi là Khôn, mở cửa gọi là Càn. Một đóng một mở gọi là biến. Qua lại không ngớt gọi là thông.» (Hạp hộ vị chi Khôn; tịch hộ vị chi Càn. Nhất hạp nhất tịch vị chi biến. Vãng lai bất cùng vị chi thông. 闔戶謂之坤闢戶謂之乾一闔一闢謂之變往來不窮謂之通) [Hệ Từ thượng 繫辭 上]

Mọi sự vật trong vũ trụ luôn cải cách và đổi mới (cách tân 革新), luôn luôn biến hoá, nên gọi là «ngày càng mới» (nhật tân 日新). Mọi sự vật trong vũ trụ luôn luôn biến hoá theo một trật tự nhất định. Dịch Truyện nói:

– «Trời đất thuận theo tính chất sự vật mà vận động, nên mặt trời và mặt trăng chuyển động không chút lỗi lầm, [trật tự] bốn mùa không sai lệch.» (Thiên địa dĩ thuận động, cố nhật nguyệt bất quá, nhi tứ thời bất thắc. 天地以順動故日月不過四時不忒) [Thoán của quẻ Dự 豫]

– «Trời đất vốn có sự tiết chế mà bốn mùa hoàn thành.» (Thiên địa

tiết nhi tứ thời thành. 天地節而四時成) [Thoán của quẻ Tiết 節]

– «Đạo (tức quy luật vận hành) của trời đất thì thường hằng và không ngừng nghỉ. Tiến tới thì có lợi. Sự vật phát triển đến mức tận cùng thì trở lại khởi đầu. Mặt trời và mặt trăng nhờ thuận theo thiên đạo mà chiếu sáng mãi mãi. Bốn mùa luân chuyển biến hoá mà giúp cho vạn vật được thành tựu mãi. [...] Xét sự hằng cửu của chúng thì có thể thấy bản chất của trời đất và vạn vật.» (Thiên địa chi đạo, hằng cửu nhi bất dĩ dã. Lợi hữu du vãng, chung tắc hữu thuỷ dã. Nhật nguyệt đắc thiên nhi năng cửu chiếu. Tứ thời biến hoá nhi năng cửu thành. [...] Quan kỳ sở hằng, nhi thiên địa vạn vật chi tình khả kiến hĩ. 天地之道恆久而不已也利有攸往終則有始也日月得天而能久照四時變化而能久成 [...] 觀其所恆而天地萬物之情可見矣) [Thoán của quẻ Hằng 恆]

– «Cát và hung luôn thắng nhau. Đạo của trời đất thường được xem thấy. Đạo của mặt trời và mặt trăng luôn sáng rỡ. Mọi hoạt động trong thiên hạ đều luôn tuân theo một quy luật vậy.» (Cát hung giả, trinh thắng giả dã. Thiên địa chi đạo, trinh quan giả dã. Nhật nguyệt chi đạo, trinh minh giả dã. Thiên hạ chi động trinh phù nhất giả dã. 吉凶者貞勝者也天地之道貞觀者也日月之道貞明者也天下之動貞夫一者也) [Hệ Từ hạ 繫辭下]

Các trích dẫn trên đây cho thấy các sự vật trong vũ trụ luôn tuân theo một trật tự nhất định mà tiến hành mãi mãi. Trung Dung nói: «Đạo của trời đất có thể tóm gọn vào một câu: Trời đất chí thành bất biến khi tạo sinh vạn vật, và sự tạo sinh này ảo diệu khôn lường.» (Thiên địa chi đạo, khả nhất ngôn nhi tận dã. Kỳ vi vật bất nhị, tắc kỳ sinh vật bất trắc. 天地之道可一言而盡也其爲物不貳則其生物不測).[13] Dịch Truyện nói "Mọi hoạt động trong thiên hạ đều luôn tuân theo một quy luật vậy"

---

[13] **LÂM chú: Câu này trong chương 26 của *Trung Dung*. James Legge dịch: «*The way of Heaven and Earth may be completely declared in one sentence. – They are without any doubleness, and so they produce things in a manner that is unfathomable.*» (Đạo của trời đất có thể tóm trong một câu: Trời đất không có [nguyên tắc thứ] hai, và tạo sinh vạn vật theo một cách thức khôn lường.) Đỗ Duy Minh (Tu Wei-ming, *Centrality and Commonality – an Essay on Chung-yung*, p.126) dịch tương tự: «*The Way of Heaven and Earth may be completely described in one sentence: They are without any doubleness and so they produce things in an unfathomable way.*» Hai chữ «bất nhị» này các bản *Trung Dung* chữ Hán đều chú là «chí thành bất biến 至誠不變; chí thành bất nhị 至誠不二; bất nhị tâm 不二心». Derk Bodde dịch: «*The way of Heaven and Earth may be completely described in one sentence: They are not doubleminded in their creation of things, and so they produce things inexhaustibly.*» (... chúng một lòng trong sự tạo sinh vạn vật, nên chúng tạo sinh vạn vật vô cùng tận.)**

(Thiên hạ chi động trinh phù nhất 天下之動貞夫一) chính là diễn tả ý nghĩa đó. Bởi thế mà sự diễn hoá của vũ trụ là vĩnh viễn không ngừng. Tự Quái 序卦 nói: "Vạn vật [tiến hoá] không cùng tận, nên lấy quẻ Vị Tế (chưa xong) để kết thúc [*Kinh Dịch*]." (Vật bất khả cùng dã, cố thụ chi dĩ vị tế chung yên. 物不可窮也故受之以未濟終焉).

4. Sự biến hoá của các sự vật trong vũ trụ có tính chất tuần hoàn

Sự vật trong vũ trụ luôn luôn biến hoá theo một chu kỳ bất tận. Dịch Truyện chép:

- «Giữa khoảng trời đất, chẳng có gì ra đi mà không trở lại.» (Vô vãng bất phục, thiên địa tế dã. 无往不復天地際也) [Tượng của quẻ Thái 泰]

- «Hễ tận cùng thì có khởi đầu, đó là sự vận hành của trời.» (Chung tắc hữu thuỷ, thiên hành dã. 終則有始天行也) [Thoán của quẻ Cổ 蠱]

– «Đạo ấy là trở về và lập lại. Hết bảy ngày thì trở về. [...] Sự phục hồi này cho thấy sự dụng tâm của trời đất vậy.» (Phản phục kỳ đạo, thất nhật lai phục. [...] Phục, kỳ kiến thiên địa chi tâm hồ! 反復其道七日來復[...]復其見天地之心乎) [Thoán của quẻ Phục 復]

- «Mặt trời đến đúng ngọ rồi thì xế, mặt trăng tròn rồi thì khuyết. Trời đất khi đầy khi vơi tuỳ theo thời.» (Nhật trung tắc trắc, nguyệt doanh tắc thực; thiên địa doanh hư, dữ thời tiêu tức. 日中則昃月盈則食天地盈虛與時消息) [Thoán của quẻ Phong 豐]

– «Mặt trời đi, mặt trăng đến; mặt trăng đi, mặt trời đến. Mặt trời và mặt trăng đổi chỗ nhau mà sinh ra ánh sáng. Lạnh đi, nóng đến; nóng đi, lạnh đến. Nóng và lạnh đổi chỗ nhau mà có năm. Cái đi thì co lại, cái đến thì duỗi ra. Co duỗi ảnh hưởng nhau mà cái lợi sinh ra.» (Nhật vãng tắc nguyệt lai, nguyệt vãng tắc nhật lai, nhật nguyệt tương thôi, nhi minh sinh yên. Hàn vãng tắc thử lai, thử vãng tắc hàn lai, hàn thử tương thôi, nhi tuế thành yên. Vãng giả, khuất dã. Lai giả, tín dã. Khuất tín tương cảm nhi lợi sinh yên. 日往則月來月往則日來日月相推而明生焉寒往則暑來暑往則寒來寒暑相推而歲成焉往者屈也來者信也屈信相感而利生焉) [Hệ Từ hạ]

«Đạo ấy là phản phục», «chẳng có gì ra đi mà không trở lại», và «vãng lai, khuất tín» của sự vật trong vũ trụ – tất cả chúng đều giống như sự vãng lai và tuần hoàn của mặt trời, mặt trăng, nóng, lạnh. Đấy gọi là

sự phản phục, là một qui luật lớn mà mọi sự vật trong vũ trụ đều biến hoá theo nó. Cho nên mới nói «sự phản phục này cho thấy sự dụng tâm của trời đất».

Bởi thế, bất cứ sự vật gì trong vũ trụ hễ phát triển đến một mức độ nhất định thì sẽ phản ngược lại. «Mặt trời đến đúng ngọ rồi thì xế, mặt trăng tròn rồi thì khuyết.» Cho nên trong sáu hào Dương của quẻ Càn thì hào cửu ngũ là tốt nhất; còn hào trên cùng (hào thượng cửu) là «rồng bay quá cao sẽ hối hận» (kháng long hữu hối 亢龍有悔), tức là có «cái tai hoạ ở chỗ tận cùng» (cùng chi tai 窮之災). Cho nên nơi Văn Ngôn của quẻ Càn, Khổng Tử nói: «Chữ *kháng* 亢 (vượt quá cao) ý nói biết tới mà không biết lui, biết còn mà không biết mất, biết được mà không biết thua. Chỉ có thánh nhân mà thôi! Kẻ biết tới, lui, còn, mất (tiến thoái tồn vong) nhưng không đánh mất sự trung chính, chỉ có thánh nhân mà thôi!» (Kháng chi vi ngôn dã, tri tiến nhi bất tri thoái, tri tồn nhi bất tri vong, tri đắc nhi bất tri táng. Kỳ duy thánh nhân hồ! Tri tiến thoái tồn vong, nhi bất thất kỳ chính giả, kỳ duy thánh nhân hồ! 亢之爲言也知進而不知退知存而不知亡知得而不知喪其唯聖人乎知進退存亡而不失其正者其唯聖人乎).

«Vật đến mức tột cùng thì trở ngược lại» (vật cực tắc phản 物極則反). Cái Dịch lý này cũng là cái lý mà Lão Tử Đạo Đức Kinh nói. Theo sự giải thích trong Dịch Truyện, thứ tự của 64 quẻ Dịch đều là biểu thị ý nghĩa «vật cực tắc phản» mà thôi. Tự Quái [14] nói:

– «*Bước đi theo lễ* (quẻ Lý) dẫn tới *thư thái* (quẻ Thái) thì mới yên, cho nên sau quẻ Lý là quẻ Thái. Thái nghĩa là hanh thông. Nhưng sự vật không thể hanh thông mãi, nên tiếp quẻ Thái là quẻ Bĩ (bế tắc). Nhưng sự vật không thể bế tắc mãi, nên tiếp theo quẻ Bĩ là quẻ Đồng Nhân (nhân loại hoà hợp).» (Lý nhi Thái nhiên hậu an, cố thụ chi dĩ Thái. Thái giả, thông dã. Vật bất khả dĩ chung thông, cố thụ chi dĩ Bĩ. Vật bất khả dĩ chung Bĩ, cố thụ chi dĩ Đồng Nhân. 履而泰然後安故受之以泰泰者通也物不可終通故受之以否物不可終否故受之以同人).

– «Sự vật không thể kết hợp bừa bãi, nên sau [quẻ Phệ Hạp] là quẻ Bí. Bí nghĩa là trang sức cho đẹp. Trang sức cực độ thì tiến triển đến chỗ cùng tận, nên sau quẻ Bí là quẻ Bác. Bác nghĩa là bóc lột tiêu hao. Nhưng sự vật không thể bị bóc lột được mãi, nên sau quẻ Bác là quẻ

[14] **Một số học giả cho rằng Tự Quái xuất hiện trễ hơn các phần còn lại trong Thập Dực. Tuy nhiên Tự Quái được trích dẫn trong chương *Mậu Xứng Huấn* 繆稱訓 của *Hoài Nam Tử*. Điều đó cho thấy vào thời đại của Hoài Nam Vương, Tự Quái đã được biết đến rồi.**

Phục (trở về).» (Vật bất khả cẩu hợp nhi dĩ, cố thụ chi dĩ Bí. Bí giả sức dã. Trí sức nhiên hậu hanh tắc tận hĩ. Cố thụ chi dĩ Bác. Bác giả bác dã. Vật bất khả chung tận, bác cùng thượng phản hạ, cố thụ chi dĩ Phục. 物不可苟合而已故受之以賁賁者飾也致飾然後亨則盡矣故受之以剝剝者剝也物不可終盡剝窮上反下故受之以復).

– «Chấn là động. Nhưng sự vật không thể động mãi, mà phải dừng, nên sau quẻ Chấn là quẻ Cấn. Cấn là dừng lại. Nhưng sự vật không thể dừng lại mãi, nên sau quẻ Cấn là quẻ Tiệm (tiến triển từ từ).» (Chấn giả, động dã. Vật bất khả dĩ chung động, chỉ chi, cố thụ chi dĩ Cấn. Cấn giả, chỉ dã. Vật bất khả dĩ chung chỉ, cố thụ chi dĩ Tiệm. 震者動也物不可以終動止之故受之以艮艮者止也物不可以終止故受之以漸).

Bởi thế nên trong trình tự biến hoá của vũ trụ hễ có cái tốt ắt có cái không tốt. Hệ Từ nói:

– «May rủi, hối tiếc đều do động mà sinh.» (Cát hung hối lận giả, sinh hồ động giả dã. 吉凶悔吝者生乎動者也).

– «Hào là bắt chước theo cái động của thiên hạ, cho nên may rủi và hối tiếc mới sinh ra.» (Hào dã giả, hiệu thiên hạ chi động giả dã, thị cố cát hung sinh nhi hối lận trước dã. 爻也者效天下之動者也是故吉凶生而悔吝著也).

May rủi luôn không rời với động, mà sự biến hoá của vũ trụ tức là động. Cho nên trong vũ trụ có cái ác cũng là điều tất nhiên. Cho nên Hệ Từ nói: «Bát quái định may rủi, may rủi sinh nghiệp lớn.» (Bát quái định cát hung, cát hung sinh đại nghiệp. 八卦定吉凶吉凶生大業). Nghiệp lớn (tức sự thành tựu lớn) này liên quan mật thiết với may rủi. Đó là cái mà Schopenhauer gọi là «eternal justice» (công lý vĩnh cửu).[15]

5. Dịch tượng và nhân sự

Sự vật trong vũ trụ phát triển và biến hoá theo các qui luật phổ quát nói trên. Theo Dịch Truyện, sách *Kinh Dịch* được sáng tác là để thể hiện các qui luật phổ quát đó – thông qua các hình tượng đơn giản – sao cho nó trở thành một khuôn mẫu cho các hành động của con người. Nói cách khác, *Kinh Dịch* là hình ảnh thu nhỏ của toàn thể vũ trụ. Hệ Từ chép:

---

[15] **Một tác giả Trung Hoa nọ viết rằng: «Có một vị tiên nói: "Đánh cờ không có phép đánh thắng, mà chỉ có phép đánh không thua." Hỏi tại sao, vị tiên trả lời: «Đó không phải là đánh cờ. Đi một quân cờ là động, mà hễ động thì có may rủi, hối tiếc."»**

– «Dịch là tượng trưng; tượng trưng là bắt chước [sự vật].» (Dịch giả, tượng dã. Tượng dã giả, tượng dã. 易者象也象也者像也).

– «Thánh nhân phát hiện các lý lẽ thâm áo trong thiên hạ, bèn bắt chước hình dung cụ thể của chúng để tượng trưng cái ý nghĩa đúng đắn của sự vật, nên gọi là *tượng*.» (Thánh nhân hữu dĩ kiến thiên hạ chi trách, nhi nghĩ chư kỳ hình dung, tượng kỳ vật nghi, thị cố vị chi tượng. 聖人有以見天下之賾而擬諸其形容象其物宜是故謂之象).

– «Sự hiện ra [của sự vật] gọi là *tượng*; khi nó có hình dạng cụ thể thì gọi là vật dụng; cách chế tạo và sử dụng vật dụng đó gọi là phép; ở trong nhà hay ngoài nhà nó đều có ích và ai cũng dùng nó thì gọi là *thần*.» (Hiện nãi vị chi tượng; hình nãi vị chi khí; chế nhi dụng chi vị chi pháp; lợi dụng xuất nhập, dân hàm dụng chi, vị chi thần. 見乃謂之象形乃謂之器制而用之謂之法利用出入民咸用之謂之神).

Từ các biểu tượng (tức các quẻ Dịch) mà thánh nhân vẽ để tượng trưng cho vạn vật trong vũ trụ, thánh nhân đã chế tạo vật dụng và định phép tắc cho con người dùng. Cho nên Hệ Từ thượng nói: «Trời sinh thần vật (tức cỏ thi và linh quy), thánh nhân đặt phép tắc [bói cỏ thi và bói rùa]. Trời đất biến hoá, thánh nhân bắt chước [tạo bát quái và 64 quẻ để cho thấy sự biến hoá]. Trời hiện ra hình tượng (mặt trời, mặt trăng, các sao) cho thấy điềm tốt xấu, thánh nhân bắt chước [tạo ra 64 quẻ và các tượng của quẻ cũng có tốt xấu].» (Thiên sinh thần vật, thánh nhân tắc chi. Thiên địa biến hoá, thánh nhân hiệu chi. Thiên thuỳ tượng hiện cát hung, thánh nhân tượng chi. 天生神物聖人則之天地變化聖人效之天垂象見吉凶聖人象之).

Các sự vật trong vũ trụ luôn biến hoá và đổi mới. *Kinh Dịch* bắt chước các sự vật trong vũ trụ và sự biến hoá của chúng. Hệ Từ hạ nói:

– «Hào là bắt chước theo cái động của thiên hạ.» (Hào dã giả, hiệu thiên hạ chi động giả dã. 爻也者效天下之動者也).

– «Dịch là quyển sách mà người ta không thể rời xa được. Đạo Dịch [thể hiện qua sự] biến thiên mãi [của các hào]. Biến đổi mãi không ngừng, luân chuyển ở sáu hào, sự biến động của hào ở trên hoặc ở dưới không nhất định. Hào dương (cương) và hào âm (nhu) thay đổi nhau. Cho nên không thể đề xuất một khuôn mẫu cố định. Chỉ có biến mới thích hợp.» (Dịch chi vi thư dã bất khả viễn, kỳ vi đạo dã lũ thiên. Biến động bất cư, chu lưu lục hư, thượng hạ vô thường, cương nhu tương dịch, bất khả vi điển yếu, duy biến sở thích. 易之爲書也不可遠其爲道也屢遷變動不居周流六虛上下無常剛柔相易不可爲典要惟變所適).

Sự vật biến hoá mãi, cho nên Dịch Truyện luôn nói đến «thời» 時. Sự vật phát triển đến cực điểm thì phản ngược lại, cho nên Dịch Truyện thường nói đến «trung» 中. Học giả Huệ Đống 惠棟 (1697-1758) nói: «Đạo Dịch thâm sâu thay, nhưng có thể lấy một lời mà tóm hết, đó là *thời trung*. Khổng Tử viết Thoán Truyện, có 24 quẻ nói đến *thời*, 35 quẻ nói đến *trung*. Còn Tượng Truyện có 6 quẻ nói đến *thời*, 36 quẻ nói đến *trung*.[16] Chữ *thời* dùng với các ý nghĩa là: *đãi thời* 待時 (chờ thời), *thời hành* 時行 (vận hành đúng thời), *thời thành* 時成 (thành tựu đúng thời), *thời biến* 時變 (biến đổi của tứ thời), *thời dụng* 時用 (vận dụng đúng thời), *thời nghĩa* 時義 (ý nghĩa đúng thời), *thời phát* 時發 (phát triển đúng thời), *thời xả/xá* 時舍 (xả bỏ đúng thời; cư trú tạm thời), *thời cực* 時極 (đúng thời). Chữ «trung» dùng với các ý nghĩa là: *trung chính* 中正, *chính trung* 正中, *đại trung* 大中 (trung lớn), *trung đạo* 中道, *trung hành* 中行 (vận hành theo trung), *hành trung* 行中 (trung lúc vận hành), *cương trung* 剛中 (trung cứng), *nhu trung* 柔中 (trung mềm). Nơi Thoán của quẻ Mông, «thời» và «trung» xuất hiện chung một câu (Dĩ hanh hành thời trung dã. 以亨行時中也). [...] Tử Tư 子思 viết Trung Dung thuật chân ý của Khổng Tử: «Người quân tử giữ đạo trung chính linh động theo thời.» (Quân tử nhi thời trung. 君子而時中). Mạnh Tử cũng nói: «Khổng Tử là bậc hiểu được chữ thời của thánh nhân.» (Khổng Tử, thánh chi thời giả dã. 孔子聖之時者也). Lời dạy chấp trung khởi đầu từ trời. Khổng Tử làm rõ ý nghĩa của thời trung. Đó là tâm pháp truyền từ Nghiêu Thuấn. Thoán của quẻ Phong nói: «Trời đất khi đầy khi vơi tuỳ theo thời.» (Thiên địa doanh hư, dữ thời tiêu tức. 天地盈虛與時消息). Thoán của quẻ Bác nói: «Người quân tử coi trọng lẽ doanh hư tiêu trưởng; đó là qui luật tự nhiên.» (Quân tử thượng tiêu tức doanh hư, thiên hành dã. 君子尚消息盈虛天行也). Văn Ngôn nói: «Kẻ biết tiến, thoái, tồn, vong nhưng không đánh mất sự trung chính, chỉ có thánh nhân mà thôi!» (Tri tiến thoái tồn vong, nhi bất thất kỳ chính giả, kỳ duy thánh nhân hồ! 知進退存亡而不失其正者其唯聖人乎). Tất cả những lời này đều nói ý nghĩa của thời trung vậy.»[17]

Trước kia Nho gia thường nói ý nghĩa của thời trung, nhưng đến

---

[16] **LAM chú: Theo *Chu Dịch Đại Từ Điển* (Ngũ Hoa chủ biên, Trung Sơn Đại học Xuất bản xã, 1993): Chữ *trung* xuất hiện 7 lần ở Văn Ngôn, 54 lần ở Tượng Truyện, 56 lần ở Thoán Truyện, 15 lần ở Hệ Từ, 3 lần ở Thuyết Quái. Chữ *thời* xuất hiện 8 lần ở Văn Ngôn, 6 lần ở Tượng Truyện, 30 lần ở Thoán Truyện, 7 lần ở Hệ Từ, 1 lần ở Tạp Quái.**

[17] **Huệ Đống 惠棟, *Dịch Thượng Thời Trung Thuyết* 易尚時中說, in trong *Dịch Hán Học* 易漢學, quyển 7, trang 4.**

Dịch Truyện thì thời trung mới có căn cứ siêu hình học.[18]

Cũng dựa theo lẽ «vật cực tắc phản» 物極則反 tương tự với những điều nói trong *Đạo Đức Kinh*, Dịch Truyện dạy người ta cách xử thế tiếp vật.

Thoán của quẻ Khiêm 謙 nói: «Đạo trời cứu giúp kẻ dưới mà quang minh, đạo đất thấp thỏi mà đi lên. Đạo trời làm vơi cái đầy và làm đầy cái vơi, đạo đất biến đổi cái đầy và làm hanh thông cái vơi. Quỷ thần làm hại cái đầy và ban phúc cái vơi. Đạo người ghét người sung túc [kiêu căng] và thương người khiêm hư. Hễ khiêm thì được tôn lên và sáng rỡ; hễ ở chỗ thấp cũng không ai lấn lướt mình. Chỉ có người quân tử mới giữ đức khiêm cho đến cùng.» (Thiên đạo hạ tế nhi quang minh, địa đạo ti nhi thượng hành. Thiên đạo khuy doanh nhi ích khiêm, địa đạo biến doanh nhi lưu khiêm. Quỷ thần hại doanh nhi phúc khiêm. Nhân đạo ố doanh nhi háo khiêm. Khiêm tôn nhi quang, ti nhi bất khả du, quân tử chi chung dã. 天道下濟而光明地道卑而上行天道虧盈而益謙地道變盈而流謙鬼神害盈而福謙人道惡盈而好謙謙

---

[18] Dịch Truyện nói đến chữ *trung* rất nhiều, có thể ngờ rằng ít nhất một phần của Dịch Truyện do Tử Tư hoặc môn đệ Tử Tư sáng tác. Câu văn trong Văn Ngôn có chỗ giống câu văn của *Trung Dung*. Thí dụ: Văn Ngôn của hào sơ cửu quẻ Càn nói: «Không xuôi theo đời, không cầu danh với đời, lánh đời không buồn, chẳng ai biết đến mình cũng không buồn.» (Bất dịch hồ thế bất thành hồ danh; độn thế vô muộn; bất kiến thị nhi vô muộn. 不易乎世不成乎名遯世無悶不見是而無悶). *Trung Dung* cũng nói: «Người quân tử theo đạo trung dung, lánh đời, tuy chẳng ai biết mình mà lòng không hối tiếc.» (Quân tử y hồ trung dung; độn thế nhi bất kiến tri nhi bất hối. 君子依乎中庸遯世而不見知不悔). Văn Ngôn của hào cửu nhị quẻ Càn nói: «Tin lời nói thường, giữ gìn hành vi thường.» (Dung ngôn chi tín, dung hành chi cẩn. 庸言之信庸行之謹). *Trung Dung* cũng nói: «Thi hành đức thường và giữ gìn lời nói thường.» (Dung đức chi hành, dung ngôn chi cẩn. 庸德之行庸言之謹). Văn Ngôn lại nói: «Hễ là đại nhân thì hợp đức mình với trời đất, hợp cái sáng của mình với mặt trời mặt trăng, hợp tính thứ tự của mình với bốn mùa, hợp may rủi của mình với quỷ thần.» (Phù đại nhân giả, dữ thiên địa hợp kỳ đức, dữ nhật nguyệt hợp kỳ minh, dữ tứ thời hợp kỳ tự, dữ quỷ thần hợp kỳ cát hung. 夫大人者與天地合其德與日月合其明與四時合其序與鬼神合其吉凶). *Trung Dung* cũng nói: «Đạo người quân tử lấy sự thành lập của mình so với trời đất thấy chẳng có gì sái nghịch, xét theo việc quỷ thần cũng không có gì nghi hoặc.» (Quân tử chi đạo, kiến chư thiên địa nhi bất bội, chất chư quỷ thần nhi vô nghi. 君子之道建諸天地而不悖質諸鬼神而無疑). *Trung Dung* lại nói: «Đạo chí thành, có thể đoán trước; quốc gia sắp hưng thịnh ắt sẽ có điềm lành xảy ra; quốc gia sắp suy vong ắt có điềm gở xảy ra; chúng hiện ra ở quẻ bói cỏ thi hay bói rùa và các cử động ở chân tay.» (Chí thành chi đạo, khả dĩ tiền tri, quốc gia tương hưng tất hữu trinh tường; quốc gia tương vong tất hữu yêu nghiệt, hiện hồ thi quy, động hồ tứ thể. 至誠之道可以前知國家將興必有禎祥國家將亡必有妖孽見乎蓍龜動乎四體). *Trung Dung* cũng tin tưởng vào *Kinh Dịch* vậy.

尊而光卑而不可踰君子之終也).

Hệ Từ thượng nói: «Cần lao và khiêm hư, quân tử giữ như vậy đến cùng thì tốt. Khổng Tử nói: "Cần lao nhưng không khoe tốt, có công nhưng không kể công đức, đó là đôn hậu rất mực." Ý nói tuy có công lao nhưng khiêm tốn ở dưới người khác. Đạo đức thịnh, cốt cách cung kính. Khiêm hư cung kính rất mực là cách bảo tồn địa vị của mình.» (Lao khiêm, quân tử hữu chung cát. Tử viết: «Lao nhi bất phạt, hữu công nhi bất đức, hậu chi chí dã.» Ngữ dĩ kỳ công hạ nhân giả dã. Đức ngôn thịnh, lễ ngôn cung, khiêm dã giả, trí cung dĩ tồn kỳ vị giã dã. 勞謙君子有終古子曰勞而不伐有功而不德厚之至也語以其功下人者也德言盛禮言恭謙也者致恭以存其位者也).

Hệ Từ hạ nói: «Nguy nan sinh khi đã từng có yên ổn. Diệt vong sinh khi đã từng có trường tồn. Loạn lạc sinh khi đã từng có thịnh trị. Cho nên người quân tử khi yên ổn thì không quên lúc nguy nan, khi tồn tại thì không quên lúc diệt vong, khi thịnh trị thì không quên lúc loạn lạc. Bởi thế, thân mình yên mà quốc gia được bảo tồn. Cho nên [hào cửu ngũ quẻ Bĩ] nói: "Có thể mất, có thể mất. [Biết lo nghĩ thế thì mới vững chắc như] buộc vào cụm cây dâu."» (Nguy giả, an kỳ vị giả dã. Vong giả, bảo kỳ tồn giả dã. Loạn giả, hữu kỳ trị giả dã. Thị cố quân tử an nhi bất vong nguy, tồn nhi bất vong vong, trị nhi bất vong loạn. Thị dĩ thân an nhi quốc gia khả bảo dã. Dịch viết: «Kỳ vong kỳ vong, hệ vu bao tang.» 危者安其位者也亡者保其存者也亂者有其治者也是故君子安而不忘危存而不忘亡治而不忘亂是以身安而國家可保也易曰其亡其亡繫于苞桑).

Ở đây ta thấy Dịch Truyện mượn thuyết của Lão Tử. Nhưng cách xử thế tiếp vật mà Dịch Truyện nói chỉ hao hao chứ không y hệt như thuyết của Lão Tử. Bởi vì Lão Tử chú trọng *hợp* 合 nhưng Dịch Truyện chú trọng *trung* 中. *Hợp* là sự tình mới mẻ do hai cực đoan phát sinh ra, còn *trung* là cảnh giới giữa hai cực đoan. Lão Tử nói «rất khéo mà như vụng» (đại xảo nhược chuyết 大巧若拙). Rất khéo không phải là trung gian của khéo và vụng mà hợp cả khéo và vụng. Còn Dịch Truyện dường như chỉ theo *trung*, vì thế mà nó thành điển tịch của Nho gia.

Dịch Truyện lấy địa vị và sự quan hệ giữa nam nữ trong xã hội thời xưa mà suy ra sự quan hệ giữa Càn và Khôn. Một khi sự quan hệ giữa Càn và Khôn được xác lập trong Dịch Truyện rồi thì nó trở thành sự giải thích hợp lý và mang tính chất siêu hình đối với địa vị và sự quan hệ giữa nam nữ trong xã hội. Thoán của quẻ Gia Nhân nói: «Người trong nhà. Vị trí đúng của đàn bà là ở trong nhà, vị trí đúng của đàn ông là ở ngoài

nhà. Đàn bà và đàn ông ở đúng vị trí của mình là theo đạo lớn của trời đất. Trong nhà có bậc cai trị nghiêm khắc chính là cha mẹ vậy. Cha ra cha, con ra con, anh ra anh, em ra em, chồng ra chồng, vợ ra vợ, thì đạo nhà được chính. Đạo nhà chính thì thiên hạ ổn định.» (Gia nhân, nữ chính vị hồ nội, nam chính vị hồ ngoại. Nam nữ chính, thiên địa chi đại nghĩa dã. Gia nhân hữu nghiêm quân yên, phụ mẫu chi vị dã. Phụ phụ, tử tử, huynh huynh, đệ đệ, phu phu, phụ phụ, nhi gia đạo chính. Chính gia nhi thiên hạ định hĩ. 家人女正位乎内男正位乎外男女正天地之大義也家人有嚴君焉父母之謂也父父子子兄兄弟弟夫夫婦婦而家道正正家而天下定矣).

Xem «vị trí đúng đắn của nam nữ» là «đạo lớn của trời đất» tức là đưa ra một cơ sở mang tính siêu hình nhằm giải thích địa vị và quan hệ giữa nam nữ trong xã hội bấy giờ. Hệ Từ thượng nói: «Trời cao đất thấp, nên Càn Khôn đã định. Cao thấp đã bày ra, nên địa vị sang hèn của sự vật đã định.» (Thiên tôn địa ti, Càn Khôn định hĩ. Ti cao dĩ trần, quý tiện vị hĩ. 天尊地卑乾坤定矣卑高以陳貴賤位矣).

Địa vị sang hèn trong xã hội cũng là điều tự nhiên y như sự cao thấp của trời đất vậy. Đó cũng là điều mà Dịch tượng 易象 hiển thị cho người ta thấy.

Ngoài ra, những chỗ «tượng viết» 象曰 trong 64 quẻ đều cho thấy rằng Dịch tượng có thể làm khuôn phép cho con người.

– «Đạo trời mạnh mẽ, người quân tử lấy ý nghĩa đó mà tự gắng sức không ngừng.» (Thiên hành kiện, quân tử dĩ tự cường bất tức. 天行健君子以自強不息) [Tượng của quẻ Càn].

– «Thế của đất là thuận theo [trời], người quân tử lấy ý nghĩa đức dày [của đất] để ứng xử.» (Địa thế khôn, quân tử dĩ hậu đức tải vật. 地勢坤君子以厚德載物) [Tượng của quẻ Khôn].

Đó là Dịch tượng có thể ứng dụng vào sự tu dưỡng của cá nhân. Thí dụ khác:

– «Trên là trời (Càn), dưới là ao đầm (Đoài), tức là quẻ Lý. Người quân tử lấy ý nghĩa đó để phân biệt địa vị trên dưới trong xã hội và xác định nguyện vọng của dân.» (Thượng thiên hạ trạch, Lý. Quân tử dĩ biện thượng hạ, định dân chí. 上天下澤履君子以辯上下定民志) [Tượng của quẻ Lý].

– «Trời (Càn) và đất (Khôn) giao nhau [thì vạn vật thông] nên có quẻ Thái. Bậc trị nước lấy ý nghĩa đó mà giúp đạo trời đất thành tựu và

trợ giúp sự đúng đắn của trời đất để làm lợi cho dân.» (Thiên địa giao, Thái. Hậu dĩ tài thành thiên địa chi đạo, phụ tướng thiên địa chi nghi, dĩ tả hữu dân. 天地交泰后以財成天地之道輔相天地之宜以左右民) [Tượng của quẻ Thái].

Đó là Dịch tượng có thể ứng dụng vào chính trị và xã hội.

Hệ Từ thượng nói: «Dịch có bốn điều tiêu biểu cho đạo của thánh nhân: [Dùng *Kinh Dịch*] để luận sự việc thì chuộng quái từ và hào từ, để hành động thì chuộng sự biến hoá của quái và hào, để chế tạo đồ vật thì chuộng tượng của quẻ, để bói thì chuộng sự giải đoán cát hung.» (Dịch hữu thánh nhân chi đạo tứ yên: dĩ ngôn giả thượng kỳ từ, dĩ động giả thượng kỳ biến, dĩ chế khí giả thượng kỳ tượng, dĩ bốc phệ giả thượng kỳ chiêm. 易有聖人之道四焉以言者尚其辭以動者尚其變以制器者尚其象以卜筮者尚其占).

Kinh Dịch vốn là sách bói nên nói: «[Dùng *Kinh Dịch*] để bói thì chuộng sự giải đoán cát hung.» Lấy ý nghĩa của quái từ và hào từ làm cơ sở cho việc lập ngôn, nên bảo: «Để luận sự việc thì chuộng quái từ và hào từ.» Ứng dụng nó vào hành vi: «Để hành động thì chuộng sự biến hoá của quái và hào.» Còn việc «chế tạo đồ vật thì chuộng tượng của quẻ» thì Hệ Từ hạ giải thích cụ thể rằng: «Ngày xưa Bào Hi làm vua thiên hạ, ngước lên trông thấy các hiện tượng trên trời, cúi xuống thấy các phép tắc dưới đất, xem dấu vết của chim và thú cùng với sự thích nghi của các miền đất; gần thì lấy nơi mình, xa thì lấy ở sự vật. Cho nên Bào Hi (Phục Hi) đầu tiên chế ra Bát quái để quán thông cái đức thần minh và để phân loại các đặc tính của vạn vật. [...] Bào Hi mất, Thần Nông nổi lên, đẽo gỗ làm lưỡi cày, uốn gỗ làm cán cày, rồi dạy cho thiên hạ biết ích lợi của cái cày cái bừa. Ý này lấy từ tượng của quẻ Ích.» (Cổ giả Bào Hi thị chi vương thiên hạ dã, ngưỡng tắc quan tượng ư thiên, phủ tắc quan pháp ư địa, quan điểu thú chi văn, dữ địa chi nghi, cận thủ chư thân, viễn thủ chư vật. Ư thị thuỷ tác Bát quái, dĩ thông thần minh chi đức, dĩ loại vạn vật chi tình. [...] Bào Hi thị một, Thần Nông thị tác, trác mộc vi tỉ, nhu mộc vi lỗi, lỗi nậu chi lợi, dĩ giáo thiên hạ, cái thủ chư Ích. 古者包羲氏王天下也仰則觀象於天俯則觀法於地觀鳥獸之文與地之宜近取諸身遠取諸物於是始作八卦以通神明之德以類萬物之情 [...] 包羲氏歿神農氏作斲木爲耜揉木爲耒耒耨之利以教天下蓋取諸益). Quẻ Ích, trên là Tốn ☴ (gió, cây), dưới là Chấn ☳ (sấm, động). Trên có cây mà dưới động, nên Thần Nông nhân biểu tượng này mà phát minh ra cái cày cái bừa.

Hệ Từ nói: «Khoét rỗng thân cây lớn làm thuyền, vót gỗ làm mái chèo. Ích lợi của thuyền và mái chèo là vượt qua những nơi ngăn cách bởi sông nước để đến nơi xa xôi đem lợi cho thiên hạ. Ý này lấy từ tượng của quẻ Hoán.» (Khô mộc vi chu, diệm mộc vi tiếp, chu tiếp chi lợi, dĩ tế bất thông, trí viễn dĩ lợi thiên hạ, cái thủ chư Hoán. 刳木爲舟剡木爲楫舟楫之利以濟不通致遠以利天下蓋取諸渙). Quẻ Hoán, trên là Tốn ☴ (gió, cây), dưới là Khảm ☵ (nước). Trên có cây và dưới có nước, nên Hoàng Đế nhân biểu tượng này mà chế tạo thuyền và mái chèo.

Hệ Từ nói: «Đánh xe trâu, xe ngựa chở các thứ nặng nề đến nơi xa xôi đem lợi cho thiên hạ. Ý này lấy từ tượng của quẻ Tuỳ.» (Phục ngưu thừa mã, dẫn trọng trí viễn dĩ lợi thiên hạ, cái thủ chư Tuỳ. 服牛乘馬引重致遠以利天下蓋取諸隨). Quẻ Tuỳ, trên là Đoài ☱ (ao đầm, vui vẻ), dưới là Chấn ☳ (sấm, động). Dưới chuyển động mà trên vui, nên Hoàng Đế nhân biểu tượng này mà chế tạo xe ngựa xe bò để chở các thứ nặng nề tới nơi xa xôi.

Tóm lại, *Kinh Dịch* là bức ảnh thu nhỏ của toàn thể vũ trụ vậy. Hệ Từ thượng nói:

– «Dịch có địa vị ngang với trời đất, nên có thể dùng để chỉnh đốn đạo của trời đất. [Thánh nhân] ngước lên thấy các hiện tượng trên trời, cúi xuống xem xét các nguyên lý trên mặt đất, nên thông hiểu được duyên cớ của tối sáng. Ngài truy ngược ra đầu mối của sự vật và xét được chung cuộc của sự vật, nên ngài biết giải thích về lẽ sống chết.» (Dịch dữ thiên địa chuẩn, cố năng di luân thiên địa chi đạo. Ngưỡng dĩ quan ư thiên văn, phủ dĩ sát ư địa lý, thị cố tri u minh chi cố; nguyên thuỷ phản chung, cố tri tử sinh chi thuyết. 易與天地準故能彌綸天地之道仰以觀於天文俯以察於地理是故知幽明之故原始反終故知死生之說).

– «Đạo Dịch rộng lớn thật. Nếu nói chỗ xa thì nó vô cùng, nói chỗ gần thì nó yên tĩnh và đúng đắn. Nếu nói đến các thứ trong trời đất thì nó đều bao quát cả.» (Phù Dịch quảng hĩ, đại hĩ; dĩ ngôn hồ viễn tắc bất ngự, dĩ ngôn hồ nhĩ tắc tĩnh nhi chính; dĩ ngôn hồ thiên địa chi gian tắc bị hĩ. 夫易廣矣大矣以言乎遠則不禦以言乎邇則靜而正以言乎天地之間則備矣).

Hành vi của chúng ta có thể noi theo Dịch, như thế ta sẽ tránh được lỗi lầm. Hệ Từ thượng nói: «Cho nên người quân tử ăn ở yên ổn theo trật tự đã giảng trong *Kinh Dịch* , rồi xem lời giải thích của các hào (tức hào từ) mà vui thích. Do đó người quân tử khi ở yên thì xem các tượng và nghiên cứu các hào từ. Khi hoạt động thì xem các hào biến và nghiên

cứu lời bói, nhờ đó trời ban cho điều may mắn, chẳng có gì mà không có lợi.» (Thị cố quân tử sở cư nhi an giả, Dịch chi tự dã; sở lạc nhi ngoạn giả, hào chi từ dã. Thị cố quân tử cư tắc quan kỳ tượng nhi ngoạn kỳ từ, động tắc quan kỳ biến nhi ngoạn kỳ chiêm, thị dĩ tự thiên hựu chi, cát vô bất lợi. 是故君子所居而安者易之序也所樂而玩者爻之辭也是故居則觀其象而玩其辭動則觀其變而玩其占是以自天佑之吉無不利). Qua sự giải thích trên đây, *Kinh Dịch* quả thực hết sức quan trọng vậy.

6. Vũ trụ luận trong sách *Hoài Nam Hồng Liệt*

Sách *Hoài Nam Hồng Liệt* 淮南鴻烈 do các tân khách của Hoài Nam Vương Lưu An 淮南王劉安 đời Hán biên soạn. Họ gom lấy các lời nói tạp nhạp của các nhà chứ không có tư tưởng cốt lõi. Tuy nhiên, trong đó đoạn văn luận về sự phát sinh vũ trụ thì rõ ràng hơn lời giảng của các triết gia thời kỳ ban đầu của Trung Quốc. Các triết gia thời kỳ ban đầu của Trung Quốc phần nhiều chú ý đến nhân sự, cho nên vũ trụ luận trong triết học Trung Quốc đến đầu đời Hán mới có quy mô hoàn chỉnh như trong Dịch Truyện và *Hoài Nam Hồng Liệt*.

Thiên Thiên Văn Huấn 天文訓 chép: «Khi trời đất chưa thành hình, thì có một trạng thái hỗn độn vô hình, gọi là Thái Thuỷ 太始. Thái Thuỷ sinh ra trống rỗng (hư khoách 虛霩). Trống rỗng sinh ra vũ trụ. Vũ trụ sinh ra nguyên khí 元氣. Nguyên khí có giới hạn. Cái trong và nhẹ thì bay lên thành trời. Cái đục và nặng thì ngưng kết thành đất. Trong nhẹ dễ hợp, nặng đục khó kết. Cho nên trời có trước, đất có sau. Tinh 精 của trời đất là Âm Dương. Chuyên tinh 專精 (cái tinh tụ lại) của Âm Dương là bốn mùa. Tán tinh 散精 (cái tinh phát tán) của bốn mùa là vạn vật. Khí nóng của Dương tích lâu thành lửa. Tinh của lửa là mặt trời. Khí lạnh của Âm tích lâu thành nước. Tinh của nước là mặt trăng. Tinh của dâm khí của mặt trời và mặt trăng là các ngôi sao. Trời nhận mặt trời, mặt trăng, và các sao. Đất nhận nước, nước mưa đọng, bụi bặm. Ngày xưa Cộng Công 共工 tranh với Chuyên Húc 顓頊 làm đế, nổi giận mà va phải núi Bất Chu 不周, làm gãy cột chống trời (thiên trụ 天柱) và làm đứt dây căng đất (địa duy 地維). Cho nên trời nghiêng hướng tây bắc, khiến cho mặt trời, mặt trăng, và các sao di chuyển về hướng đó. Còn đất thì không đầy đặn ở hướng đông nam, cho nên nước, nước mưa đọng, và bụi bặm tuôn đổ về hướng đó.[19] Đạo trời

[19] **Derk Bodde chú: Người Trung Quốc nghĩ như vậy có lẽ do nhìn thấy các thiên thể dường như di chuyển về hướng tây, còn các con sông lớn của Trung Quốc thì nói chung chảy về hướng đông.– LAM chú: Theo truyền thuyết, Cộng Công đánh với Chúc Dung 祝融 (chứ không phải Chuyên Húc), bị thua, nên giận húc đầu vào núi Bất Chu.**

tròn, đạo đất vuông. Vuông chủ về u tối, tròn chủ về sáng rỡ. Sáng rỡ nhả ra khí. Cho nên lửa gọi là ngoại cảnh. U tối ngậm khí. Cho nên nước gọi là nội cảnh. Nhả khí là thi hành (thi 施), ngậm khí là chuyển hoá (hoá 化). Vì thế, Dương thi hành, Âm chuyển hoá. Cái khí lệch lạc (thiên khí 偏氣) của trời đất giận mà thành gió. Cái khí hợp nhất (hợp khí 合氣) của trời đất hoà mà thành mưa. Âm Dương bức bách nhau mà thành sấm, kích thích nhau mà thành sét, loạn nhau mà thành sương mù. Khí Dương thắng thì tản ra thành mưa móc. Khí Âm thắng thì đọng lại mà thành sương tuyết. Loài lông mao lông vũ là loài bay, nên thuộc Dương. Loài có vảy có mai là loài ngủ đông (trập phục 蟄伏) nên thuộc Âm. Mặt trời là chủ của Dương, nên mùa xuân và mùa hạ các loài thú rụng lông. Đến ngày chí của mặt trời thì loài hươu nai cởi bỏ sừng. Mặt trăng là gốc của Âm, nên khi trăng khuyết thì não của loài cá giảm đi, khi trăng lặn thì thịt của loài nghêu sò teo lại. Lửa bốc lên, nước chảy xuống, nên chim bay cao, cá lặn sâu. Các chủng loại tạo vật ảnh hưởng nhau. Gốc và cành cây tương ứng nhau. Cho nên cái *dương toại* 陽燧 (gương lõm hình tròn bằng đồng) để dưới ánh nắng thì nóng lên và tạo ra lửa, còn cái *phương chư* 方諸 (loại gương hình vuông) để dưới ánh trăng thì ẩm đi và tạo ra nước. Loài cọp rống lên thì gió ở thung lũng thổi đến. Rồng bay lên thì mây lớn xuất hiện. Kỳ lân đánh nhau thì nhật thực và nguyệt thực xảy ra. Kình ngư chết thì sao chổi xuất hiện. Tằm nhả tơ thì dây đàn cung thương đứt. Khi sao Bôn 賁 (tức sao Khách 客, cũng gọi là sao Bột 孛) băng thì nước biển Bột Hải dâng lên.»

Trên đây là một vũ trụ luận rất hệ thống. Nó giải thích rất hệ thống về sự phát sinh trời đất và vạn vật. Nhưng giữa đoạn văn bỗng xen vào thần thoại Cộng Công đánh Chuyên Húc để tranh làm đế, khiến cho phần trước và phần sau của đoạn văn không mạch lạc. Dường như một học giả nào đó của một học phái khác trong bọn tân khách của Hoài Nam Vương đã viết xen vào.

Hoài Nam Hồng Liệt cũng luận bàn quan hệ giữa người với vũ trụ và địa vị của người trong vũ trụ. Thiên Tinh Thần Huấn 精神訓 chép: «Ngày xưa, lúc chưa có trời đất thì chỉ có một trạng thái giống như vô hình, mờ mờ mịt mịt, bao la, thâm sâu, tĩnh lặng, hỗn độn, trống rỗng, mà không ai biết cửa vào ở đâu. Rồi có hai thần 神 lộn lạo sinh ra (hỗn sinh 混生), giám sát trời và điều hành đất. [Trạng thái hỗn độn ấy] sâu đến nỗi không ai biết chỗ tận cùng, bao la đến nỗi không ai biết chỗ nó dừng. Vì thế mà nó mới tách biệt thành Âm Dương, phân ly thành *bát cực* 八極 (tức tám hướng), tạo thành cứng mềm, hình thành vạn vật. *Phiền khí* 煩氣 (khí tạp nhạp) sinh ra loài côn trùng, *tinh khí* 精氣 (khí

tinh khiết) tạo ra loài người. Cho nên, tinh thần có từ trời, hình thể có từ đất. Khi tinh thần trở về trời, hình thể trở về đất, thì con người chúng ta tồn tại được chăng? [...] Vì thế tinh thần bẩm thụ từ trời, hình thể bẩm thụ từ đất. Do đó nói một sinh hai, hai sinh ba, ba sinh ra vạn vật. Vạn vật cõng Âm ôm Dương. *Xung khí* 沖氣 (hai khí Âm Dương giao hợp) tạo *hoà khí* 和氣.[20] Cho nên nói [trước khi con người được sinh ra] trong tháng thứ nhất có chất nhựa (cao 膏), tháng thứ hai thai mạnh lên, tháng thứ ba thai có hình, tháng thứ tư có bắp thịt, tháng thứ năm có gân, tháng thứ sáu có xương, tháng thứ bảy hoàn thành, tháng thứ tám máy động, tháng thứ chín chòi đạp, tháng thứ mười sinh ra đời. Hình thể đã thành [ở tháng thứ bảy] thì ngũ tạng có hình. Vì vậy, phổi chủ về mắt, thận chủ về mũi, mật chủ về miệng, gan chủ về tai. [Ngũ quan] ở ngoài là biểu, [ngũ tạng] ở trong là lý. Mở đóng, duỗi co đều có phép tắc. Cho nên đầu tròn tượng trưng trời, chân vuông tượng trưng đất. Trời có bốn mùa, ngũ hành, cửu giải 九解, 360 ngày; người cũng có tứ chi, ngũ tạng, cửu khiếu, 360 lóng xương. Trời có gió, mưa, lạnh, nóng; người cũng có tiếp nhận, cho tặng, vui vẻ, giận dữ. Thế nên, mật là mây, phổi là khí, gan là gió, thận là mưa, tỳ là sấm, để người cùng kết hợp với trời đất, mà tâm là chủ. Vì thế, hai mắt là mặt trời mặt trăng, huyết khí là gió mưa.»[21]

Theo trên, trời đất được xem là một đại vũ trụ và con người được xem là một tiểu vũ trụ. Thiên Thuyên Ngôn Huấn 詮言訓 chép: «Trạng thái hỗn độn mờ mịt chất phác lúc vạn vật chưa sinh ra thì gọi là Thái Nhất 太一. Cùng sinh ra từ một nguồn nhưng vạn vật mỗi thứ đều khác nhau: có loài côn trùng, có loài cá, có loài chim, có loài thú. Đó gọi là

---

[20] **Derk Bodde chú: So sánh câu trong *Đạo Đức Kinh* (chương 42): "Đạo sinh nhất, nhất sinh nhị, nhị sinh tam, tam sinh vạn vật, vạn vật phụ âm nhi bão dương, xung khí dĩ vi hoà." 道生一一生二二生三三生萬物萬物負陰而抱陽沖氣以爲和.**

[21] **LAM chú: có bản chép 366 ngày và 366 lóng xương. *Cửu giải* = cửu thiên = 8 hướng và trung ương (bát phương trung ương vị chi cửu giải 八方中央謂之九解). – Theo Thiên văn học Trung Quốc, bầu trời được phân thành 9 vùng gọi là cửu dã 九野 ứng với mặt đất là Cửu Châu 九州 (tức Trung Quốc cổ đại, *Thượng Thư* (Vũ Cống) liệt kê 9 châu là: Ký 冀, Duyện 兗, Thanh 青, Từ 徐, Dương 揚, Kinh 荊, Dự 豫, Lương 梁, Ung 雍). Cửu châu theo Đạo giáo là 9 cơ quan trong thân thể con người. *Tu chân Thái Cực hỗn nguyên đồ* 修眞太極混元圖 nói: «Nhân thân chi trung vạn tượng tồn yên, đi cửu châu ngôn chi. Thận vi Ký châu, bàng quang vi Từ châu, can vi Thanh châu, đảm vi Duyện châu, tâm vi Dương châu, tiểu trường vi Kinh châu, tỳ vi Dự châu, phế vi Lương châu, đại trường vi Ung châu.» 人身之中萬象存焉，以九州言之．腎爲冀州，膀胱爲徐州，肝爲青州，膽爲兗州，心爲揚州，小腸爲荊州，脾爲豫州，肺爲梁州，大腸爲雍州 (Vạn tượng đều tồn tại trong thân thể con người, lấy cửu châu để nói điều này. Thận: Ký châu, bọng đái: Từ châu, gan: Thanh châu, mật: Duyện châu, tim: Dương châu, ruột non:**

phân loại muôn loài. Vạn vật phân theo từng nhóm, tính mệnh khác nhau, nhưng tất cả đều hữu hình. Chúng cách biệt nhau, không thông với nhau, khác biệt nhau, và chẳng thể trở ngược về nguồn cội. Cho nên động thì gọi là sinh, chết thì gọi là hết (cùng 窮). Chúng đều là vật. Chúng không chỉ là vật được tạo ra, mà chúng có thể sinh ra vật nữa. Nhưng cái vật sinh ra vật lại quên cái trung tâm của vạn vật (tức là Thái Nhất). Nếu người ta xem xét lại thuở rất xa xưa (thái sơ) thì thấy rằng con người sinh ra từ vô, có hình từ hữu. Hữu hình thì có thể chế tạo ra vật. Nếu ai có thể trở ngược về nguồn gốc như lúc mình chưa có hình thể, thì người đó gọi là chân nhân.»

Chân nhân trở ngược về cái gốc sinh ra mình, lúc chưa bắt đầu phân ly từ Thái Nhất, tức là có thể hợp thành một thể với trời đất và vạn vật vậy.

Kinh châu, lá lách; Dự châu, ruột già; Ung châu.)– *Hoài Nam Tử* gọi *cửu dã* 九野 là *cửu giải* 九解 hay *cửu thiên* 九天: gồm trung ương và 8 hướng. Trung ương là Quân thiên 鈞天; hướng đông là Thương thiên 蒼天; hướng đông bắc là Biến thiên 變天; hướng bắc là Huyền thiên 玄天; tây bắc là U thiên 幽天; hướng tây là Hạo thiên 顥天; hướng tây nam là Chu thiên 朱天; hướng nam là Viêm thiên 炎天; hướng đông nam là Dương thiên 陽天. Đó là 9 vùng trời theo sự phân loại trong *Lã Thị Xuân Thu* 呂氏春秋 (thiên *Hữu thủy lãm* 有始覽). *Hoài Nam Tử* gọi tên khác một chút ở 2 hướng: hướng đông bắc gọi là Mân thiên 旻天, hướng tây gọi là Hạo thiên 皓天. Còn 7 hướng kia thì cũng gọi y như vậy. Cửu dã trên trời ứng với cửu khiếu 九竅 nơi người. Đó là 9 lỗ, gồm 7 dương khiếu 陽竅 (2 mắt, 2 lỗ tai, 2 lỗ mũi, miệng) và 2 âm khiếu 陰竅 (lỗ tiểu tiện, lỗ đại tiện).

CHƯƠNG 16

LỤC NGHỆ CỦA NHO GIA & SỰ ĐỘC TÔN CỦA NHO GIA

1. Nho gia luận về Lục Nghệ

Các môn học Khổng Tử giảng dạy được gọi là Lục Nghệ 六藝.[1] Khổng Tử tuy giảng dạy Lục Nghệ nhưng ông chưa từng đặt tên chúng là Lục Nghệ và cũng chưa hề tổng luận về công dụng của Lục Nghệ. Đến cuối thời Chiến Quốc mới bắt đầu có người lý luận tổng quát về công dụng của Lục Nghệ. Tuân Tử viết: «*Thư* nhằm ghi chép việc chính trị; *Thi* là chuẩn mực của sự hài hoà; *Lễ* đặt ra những quy tắc bao quát các phân loại lớn, và điều khiển các giai cấp xã hội. [...] Giữa trời đất tràn đầy sự kính cẩn và thanh nhã của *Lễ*, sự trung hoà của *Nhạc*, sự quảng bác của *Thi* và *Thư*, sự vi tế của *Xuân Thu* vậy.»[2]

Trên đây chỉ luận chung chung về *Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Xuân Thu* mà không nói đến *Dịch*. Khổng Tử tuy thường viện dẫn ý nghĩa đạo đức của quái từ và hào từ trong *Dịch* mà dạy người, nhưng suốt đời ông giảng *Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Xuân Thu* nhiều hơn. Mạnh Tử không hề nói đến *Dịch*. Tuân Tử có nói đến *Dịch*[3] nhưng khi luận chung về công dụng của *Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Xuân Thu* thì lại bỏ qua *Dịch*. Đó là vì các Nho gia từ Tuân Tử về trước tuy có dùng *Dịch* để dạy người nhưng không xem trọng *Dịch* như năm bộ kinh kia. Từ Tuân Tử về sau, càng có nhiều Nho gia viện dẫn ý nghĩa của quái từ và hào từ trong *Dịch*. Do đó *Dịch* trở nên quan trọng như *Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Xuân Thu*.

---

[1] Xem lại tiết 1 của chương 4.– LAM chú: Có hai thuyết về *lục nghệ*: ① Lục nghệ = lục kinh (*Dịch, Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Xuân Thu*); ② Lục nghệ = *Lễ, Nhạc, Xạ, Ngự, Thư, Số*. Ở chương 4 tôi đã chú thích kỹ.

[2] *Tuân Tử* (Khuyến Học): «Cố Thư giả, chính sự chi kỷ dã, Thi giả, trung thanh chi sở chỉ dã, Lễ giả, pháp chi đại phân loại chi cương kỷ dã. [...] Lễ chi kính văn dã, Nhạc chi trung hoà dã, Thi, Thư chi bác dã, Xuân Thu chi vi dã, tại thiên địa chi gian giả tất bĩ.» 故書者政事之紀也，詩者中聲之所止也，禮者法之大分類之綱紀也[...] 禮之敬文也，樂之中和也，詩書之博也，春秋之微也，在天地之間者畢矣.

[3] Xem tiết 1 của chương 15.

Trang Tử nói: «*Thi* để nói ý chí, *Thư* để nói sự việc, *Lễ* để nói hành vi, *Nhạc* để nói sự hài hoà, *Dịch* để nói Âm Dương, *Xuân Thu* để nói danh phận.»[4]

Lễ Ký nói: «Khổng Tử nói: Vào một nước thì biết nền giáo dục của nước ấy. Nếu dân chúng của nước đó ôn nhu đôn hậu, đó là nhờ học *Thi*. Nếu họ thông hiểu việc xưa và việc xa xôi, đó là nhờ học *Thư*. Nếu họ khoan dung quảng đại, siêng năng, lương thiện, đó là nhờ học *Nhạc*. Nếu họ thanh khiết, điềm tĩnh, tinh tế, đó là nhờ học *Dịch*. Nếu họ cung kính, tiết kiệm, trang nghiêm, đó là nhờ học *Lễ*. Nếu họ sử dụng ngôn từ cẩn thận và biết sắp xếp các sự kiện lịch sử đúng đắn, đó là nhờ học *Xuân Thu*. Cho nên không dạy *Thi* thì dân ngu, không dạy *Thư* thì dân nói láo, không dạy *Nhạc* thì dân xa xỉ, không dạy *Dịch* thì dân trộm cắp, không dạy *Lễ* thì dân gây phiền nhiễu, không dạy *Xuân Thu* thì dân làm loạn. Nếu dân chúng của nước đó ôn nhu đôn hậu và không ngu, đó là nhờ học sâu *Thi*. Nếu họ thông hiểu việc xưa và việc xa xôi, và không nói láo, đó là nhờ học sâu *Thư*. Nếu họ khoan dung quảng đại, siêng năng, lương thiện, và không xa xỉ, đó là nhờ học sâu *Nhạc*. Nếu họ thanh khiết, điềm tĩnh, tinh tế, và không trộm cắp, đó là nhờ học sâu *Dịch*. Nếu họ cung kính, tiết kiệm, trang nghiêm, và không quấy nhiễu, đó là nhờ học sâu *Lễ*. Nếu họ sử dụng ngôn từ cẩn thận và biết sắp xếp các sự kiện lịch sử đúng đắn, và không làm loạn, đó là nhờ học sâu *Xuân Thu*.»[5]

---

[4] *Trang Tử* (Thiên Hạ): «Thi dĩ đạo chí, Thư dĩ đạo sự, Lễ dĩ đạo hành, Nhạc dĩ đạo hoà, Dịch dĩ đạo âm dương, Xuân Thu dĩ đạo danh phận.» 詩以道志，書以道事，禮以道行，樂以道和，易以道陰陽，春秋以道名分。

[5] *Lễ Ký* (Kinh Giải): «Khổng Tử viết: Nhập kỳ quốc, kỳ giáo khả tri dã. Kỳ vi nhân dã, ôn nhu đôn hậu, Thi giáo dã. Sơ thông tri viễn, Thư giáo dã. Quảng bác dị lương, Nhạc giáo dã. Kiết tĩnh tinh vi, Dịch giáo dã. Cung kiệm trang kính, Lễ giáo dã. Thuộc từ tỷ sự, Xuân Thu giáo dã. Cố Thi chi thất ngu, Thư chi thất vu, Nhạc chi thất xa, Dịch chi thất tặc, Lễ chi thất phiền, Xuân Thu chi thất loạn. Kỳ vi nhân dã, ôn nhu đôn hậu nhi bất ngu, tắc thâm ư Thi giả dã. Sơ thông tri viễn nhi bất vu, tắc thâm ư Thư giả dã. Quảng bác dị lương nhi bất xa, tắc thâm ư Nhạc giả dã. Kiết tĩnh tinh vi nhi bất tặc, tắc thâm ư Dịch giả dã. Cung kiệm trang kính nhi bất phiền, tắc thâm ư Lễ giả dã. Thuộc từ tỷ sự nhi bất loạn, tắc thâm ư Xuân Thu giả dã.» 孔子曰：入其國，其教可知也。其爲人也，溫柔敦厚，詩教也。初通知遠，書教也。廣博易良，樂教也。絜靜精微，易教也。恭儉莊敬，禮教也。屬辭比事，春秋教也。故詩之失愚，書之失誣，樂之失奢，易之失賊，禮之失煩，春秋之失亂。其爲人也，溫柔敦厚而不愚，則深於詩者也。疏通知遠而不誣，則深於書者也。廣博易良而不奢，則深於樂者也。絜靜精微而不賊，則深於易者也。恭儉莊敬而不煩，則深於禮者也。屬辭比事而不亂，則深於春秋者也。

Hoài Nam Hồng Liệt nói: «... Lục Nghệ khác môn học nhưng cùng nguyên tắc. Ôn hoà hiền lương là phong cách của *Thi*. Chân thực và đôn hậu là giáo huấn của *Thư*. Minh bạch và có suy luận là ý nghĩa của *Dịch*. Cung kính cẩn kiệm khiêm nhượng là hành vi của *Lễ*. Rộng rãi và giản dị là sự chuyển hoá của *Nhạc*. Phê bình nghị luận là sự phân tích chi tiết của *Xuân Thu*. Cho nên, không có *Dịch* thì quỷ quái, không có *Nhạc* thì dâm, không có *Thi* thì ngu, không có *Thư* thì trói buộc, không có *Lễ* thì ganh ghét, không có *Xuân Thu* thì phỉ báng. Sáu môn ấy, thánh nhân dùng chung và điều phối chúng để có ích.» [6]

Xuân Thu Phồn Lộ của Đổng Trọng Thư nói: «Người quân tử biết rằng kẻ cai trị không thể lấy cái ác khiến dân quy phục, do đó mới lấy Lục Nghệ để phát triển dân. *Thi* và *Thư* khiến ý chí dân có thứ tự; *Lễ* và *Nhạc* làm thanh mỹ phẩm chất của họ; *Dịch* và *Xuân Thu* khai sáng trí tuệ của họ. Sáu môn học đều vĩ đại, mỗi môn có một ưu điểm vượt trội. *Thi* nói về ý chí, nên nổi bật về chất. *Lễ* nhằm tiết chế, nên nổi bật về văn vẻ. *Nhạc* ca tụng đức, nên nổi bật về phong thái. *Thư* ghi chép công trạng, nên nổi bật về sự kiện lịch sử. *Dịch* nói về trời đất, nên nổi bật về bói toán. *Xuân Thu* để làm rõ đúng sai, nên nổi bật về việc cai trị dân.»[7]

Lời tựa của Thái Sử Công trong *Sử Ký* nói: «*Dịch* viết về trời đất, Âm Dương, bốn mùa, ngũ hành, nên nổi bật về biến dịch. *Lễ* khuôn định nhân luân, nên nổi bật về hành vi. *Thư* chép chuyện các vua ngày xưa, nên nổi bật về chính trị. *Thi* mô tả sông núi, suối hang, cầm thú, cây cỏ, trống mái, đực cái, nên nổi bật về phong tục. *Nhạc* lập ra để gieo niềm

---

[6] ***Hoài Nam Hồng Liệt*** **(Thái Tộc): «... Lục Nghệ dị khoa nhi giai đồng đạo. Ôn huệ nhu lương giả, Thi chi phong dã. Thuần bàng đôn hậu giả, Thư chi giáo dã. Thanh minh điều đạt giả, Dịch chi nghĩa dã. Cung kiệm tôn nhượng giả, Lễ chi vi dã. Khoan dụ giản dị giả, Nhạc chi hoá dã. Thích cơ biện nghị giả, Xuân Thu chi mị dã. Cố Dịch chi thất quỷ, Nhạc chi thất dâm, Thi chi thất ngu, Thư chi thất câu, Lễ chi thất kỷ, Xuân Thu chi thất tỷ. Lục giả, thánh nhân kiêm dụng nhi tài chế chi.»** 六藝異科而同道.溫惠柔良者,詩之風也.淳龐敦厚者,書之教也.清明條達者,易之義也.恭儉尊讓者,禮之爲也.寬裕簡易者,樂之化也.刺幾辯議者,春秋之靡也.故易之失鬼,樂之失淫,詩之失愚,書之失拘,禮之失忮.春秋之失訾.六者,聖人兼用而財制之.

[7] ***Xuân Thu Phồn Lộ:*** **«Quân tử tri tại vị giả bất năng dĩ ác phục nhân dã, thị cố giản Lục Nghệ dĩ thiệm dưỡng chi. Thi Thư tự kỳ chí, Lễ Nhạc thuần kỳ mỹ, Dịch Xuân Thu minh kỳ trí, lục học giai đại, nhi các hữu sở trường. Thi đạo chí, cố trưởng vu chất; Lễ chế tiết, cố trưởng vu văn; Nhạc vịnh đức, cố trưởng vu phong; Thư trước công, cố trưởng vu sự; Dịch bản thiên địa, cố trưởng vu số; Xuân Thu chính thị phi, cố trưởng vu trị nhân.»** 君子知在位者不能以惡服人也,是故簡六藝以贍養之.詩書序其志,禮樂純其美,易春秋明其知,六學皆大,而各有所長.詩道志,故長于質;禮制節,故長于文;樂詠德,故長于風;書著功,故長于事;易本天地,故長于數;春秋正是非,故長于治人.

vui, nên nổi bật về hài hoà. *Xuân Thu* luận bàn đúng sai, nên nổi bật về việc cai trị dân.»[8]

Hán Thư Nghệ Văn Chí nói: «Về giá trị văn hoá của Lục Nghệ, *Nhạc* để hài hoà tinh thần, nó biểu tượng cho lòng nhân; *Thi* để chỉnh đốn ngôn từ, nó là cái dụng của điều nghĩa; *Lễ* để làm rõ hành vi bản thân, sự hiển nhiên của nó ai cũng thấy, nên không cần giảng giải; *Thư* để mở mang kiến văn, nó là thuật phát triển trí tuệ; *Xuân Thu* để phán đoán sự việc, biểu tượng của tín. Năm bộ sách ấy bao trùm ngũ thường (nhân, nghĩa, lễ, trí, tín); chúng bổ túc hoàn thiện cho nhau, mà *Dịch* là nguồn cội của chúng. Cho nên nói: "*Dịch* không xuất hiện, chuyển động của Càn Khôn cơ hồ ngưng lại." Ý nói *Dịch* cùng khởi đầu và chấm dứt với trời đất. Nhưng việc học năm bộ kinh (*Thi, Thư, Lễ, Nhạc, Xuân Thu*) dần bị người đời thay đổi, cũng như ngũ hành nối tiếp nhau, khống chế sự việc trong từng giai đoạn.»[9]

Các đoạn trích dẫn trên đều là lý luận phổ thông của Nho gia đời sau đối với Lục Nghệ, mà cái tên Lục Nghệ từ đó cũng được xác lập. Lục Nghệ cũng gọi là Lục Học (sáu môn học). *Hán Thư Nho Lâm Truyện* nói: «Nho gia ngày xưa học rộng văn chương của Lục Nghệ. Sáu môn học ấy là kinh điển trong nền giáo dục triều đình; thánh nhân ngày xưa lấy đó mà giảng rõ đạo Trời, chỉnh đốn nhân luân, và vận dụng các phép tắc đã định để có nền cai trị hoàn hảo.»[10]

---

[8] *Sử Ký* (Thái Sử Công Tự Tự): «Dịch trứ thiên địa, Âm Dương, tứ thời, ngũ hành, cố trưởng ư biến. Lễ kinh kỷ nhân luân, cố trưởng ư hành. Thư ký tiên vương chi sự, cố trưởng ư chính. Thi ký sơn xuyên, khê cốc, cầm thú, thảo mộc, tẫn mẫu, thư hùng, cố trưởng ư phong. Nhạc lạc sở dĩ lập, cố trưởng ư hoà. Xuân Thu biện thị phi, cố trưởng ư trị nhân.» 易著天地陰陽四時五行故長於變.禮經紀人倫,故長於行.書記先王之事,故長於政.詩記山川谿谷禽獸草木牝牡雌雄,故長於風.樂樂所以立,故長於和.春秋辯是非,故長於治人.

[9] *Hán Thư Nghệ Văn Chí*: «Lục Nghệ chi văn: Nhạc dĩ hoà thần, nhân chi biểu dã; Thi dĩ chính ngôn, nghĩa chi dụng dã; Lễ dĩ minh thể, mình giả trước kiến, cố vô huấn dã; Thư dĩ quảng thính, tri chi thuật dã; Xuân Thu dĩ đoán sự, tín chi phù dã. Ngũ giả, cái ngũ thường chi đạo, tương tu nhi bị, nhi Dịch vi chi nguyên. Cố viết: "Dịch bất khả hiện, tắc Càn Khôn hoặc cơ hồ tức hĩ." Ngôn dữ thiên địa vi chung thuỷ dã. Chí vu ngũ học, thế hữu biến cải, do ngũ hành chi canh dụng sự yên.» 六藝之文:樂以和神,仁之表也;詩以正言,義之用也;禮以明體,明者著見,故無訓也;書以廣聽,知之術也;春秋以斷事,信之符也.五者,蓋五常之道,相須而備,而易爲之原.故曰:"易不可見,則乾坤或幾乎息矣."言與天地爲始終也.至于五學,世有變改,猶五行之更用事焉.

[10] *Hán Thư Nho Lâm Truyện*: «Cổ chi Nho giả bác học hồ Lục Nghệ chi văn. Lục Học giả, vương giáo chi điển tịch, tiên thánh sở dĩ minh thiên đạo, chính nhân luân, trí chí trị chi thành pháp dã.» 古之儒者博學乎五藝之文.六學者,王教之典籍,先聖所以明天道,正人倫,致至之成法也.

Hán Thư Nho Lâm Truyện nói tiếp: «Do đó chư Nho mới bắt đầu dùi mài Kinh Học.»[11] Kinh Học 經學 tức là Lục Học hay Lục Nghệ vậy.

Từ khi chính sách của Đổng Trọng Thư 董仲舒 được Hán Vũ Đế 漢武帝 (140-87 TCN) dùng – khoảng năm 136 TCN, quy định rằng «những môn học không thuộc phạm vi của Lục Nghệ và học thuật của Khổng Tử thì phải dứt tuyệt; cấm chúng song hành với Nho»[12] – thì đại bộ phận tư tưởng của Trung Quốc thống nhất về Nho, và cái học của Nho gia được xác định là Kinh Học. Từ đó về sau, từ Đổng Trọng Thư đến Khang Hữu Vi 康有爲 (1858-1927), đại đa số những nhà viết sách lập thuyết, dù học thuyết của họ có tân kỳ thế nào, cũng đều phải căn cứ vào Kinh Học, thì mới được công chúng tin tưởng và chấp nhận. Kinh Học tuy thường biến đổi theo thời đại, nhưng tinh thần của mỗi thời đại phần lớn đều là sự biểu hiện từ Kinh Học. Cho nên có thể khái quát những biến chuyển lịch sử của tư tưởng và học thuật Trung Quốc rằng: từ Khổng Tử đến Hoài Nam Tử là *thời đại* Tử học 子學時代 (thời đại của các triết gia); từ Đổng Trọng Thư đến Khang Hữu Vi là *thời đại Kinh Học* 經學時代 (thời đại nghiên cứu kinh điển Nho gia).

2. Nguyên nhân khiến Nho gia trở nên độc tôn

Sự hưng khởi của Nho gia mở đầu cho thời đại Tử học. Khi Nho gia trở nên độc tôn, thì thời đại Tử học kết thúc. chương 2 trên đây đã trình bày cái tư tưởng dào dạt như sóng tràn của một thời đại cùng với bối cảnh xã hội, chính trị, và kinh tế của nó. Đầu đời Hán đã diễn ra sự thống nhất lớn về chính trị chưa từng có. Còn các biến động về mặt kinh tế và xã hội đã bắt đầu từ thời Xuân Thu, rồi một trật tự mới cũng dần dần hình thành vào đầu đời Hán. Từ đó, sự thống nhất dần của tư tưởng cũng là một xu thế tự nhiên. Tần Thuỷ Hoàng và Lý Tư thi hành chính sách thống nhất tư tưởng trước; Hán Vũ Đế và Đổng Trọng Thư thi hành chính sách thống nhất tư tưởng sau. Cả hai đều tiêu biểu cho cùng một xu thế tự nhiên của lịch sử, chứ không phải chỉ là sự thi hành lý tưởng của

---

[11] *Hán Thư Nghệ Văn Chí*: «Ư thị chư Nho thuỷ đắc tu kỳ Kinh Học.» 於是諸儒始得修其經學.

[12] «Chư bất tại Lục Nghệ chi khoa, Khổng Tử chi thuật giả, giai tuyệt kỳ đạo, vật sử tịnh tiến.» 諸不在六藝之科,孔子之術者,皆絕其道,勿使並進.

một hay hai người.

Tần Thuỷ Hoàng tuy đặt ra danh hiệu «bác sĩ» 博士 cho các học giả của các học phái, nhưng khi thiết lập và thi hành cơ cấu chính trị thì vận dụng tư tưởng Nho gia rất nhiều. Cố Viêm Vũ 顧炎武 (1613-1682) viết: «Tần Thuỷ Hoàng cho khắc trên sáu phiến đá, phô trương việc diệt sáu vua của sáu nước để thống nhất thiên hạ. Về phong tục của dân đen, văn khắc tại Thái Sơn nói: "Quan hệ nam nữ phải theo lễ; mỗi người phải cẩn thận làm tròn phận sự của mình; việc trong nhà và việc ở ngoài phải tách bạch; cái gì cũng phải sạch sẽ." Văn khắc ở Kiệt Thạch Môn nói: "Nam vui với việc đồng áng, nữ luyện tập nữ công." Đại khái như vậy, chỉ có văn khắc ở Cối Kê nói rằng: "Bớt trang sức để tôn điều nghĩa; goá chồng có con mà cải giá là phản bội chồng đã mất và bất trinh. Việc trong nhà và việc ở ngoài phải cách biệt; cấm chỉ dâm dật; quan hệ nam nữ phải thành thật và trong sáng. Hễ người chồng nào ngoại tình, ai giết hắn cũng không có tội; như vậy đàn ông mới tuân theo điều nghĩa. Hễ người vợ nào bỏ nhà chồng để lấy chồng khác, thì con cái của ả không được nhìn ả là mẹ; như vậy đàn bà mới thuần hoá và trong sạch." [...] Tuy Tần dùng hình phạt quá nặng, nhưng mục đích là hạn chế dân và chỉnh đốn phong tục; vậy ngay từ đầu Tần chưa khác với ba vua [Nghiêu, Thuấn, Vũ].»[13]

Tần dùng học thuyết của Nho gia, để «hạn chế dân và chỉnh đốn phong tục» (phường dân chính tục 坊民正俗), tức là việc đốt sách và

---

[13] **Cố Viêm Vũ, *Nhật Tri Lục* 日知錄, quyển 13, tr.2: «Tần Thuỷ Hoàng khắc thạch phàm lục, giai phô trương kỳ diệt lục vương, tịnh thiên hạ chi sự. Kỳ ngôn kiểm thủ phong tục, tại Thái Sơn tắc vân: "Nam nữ lễ thuận, thận tuân chức sự, chiêu cách nội ngoại, mị bất thanh tịnh." Tại Kiệt Thạch Môn tắc vân: "Nam lạc kỳ trù, nữ tu kỳ nghiệp." Như thử nhi dĩ. Duy Cối Kê nhất khắc, kỳ từ viết: "Sức tỉnh tuyên nghĩa, hữu tử nhi giá, bội tử bất trinh. Phòng cách nội ngoại, cấm chỉ dâm dật, nam nữ kiết thành. Phu vi ký gia, sát chi vô tội, nam bỉnh nghĩa trình. Thê vi đào giá, tử bất đắc mẫu, hàm hoá liêm thanh." [...] Nhiên tắc Tần chi nhiệm hình tuy quá, nhi kỳ phường dân chính tục chi ý, cố vị thuỷ dị ư tam vương dã.»** 秦始皇刻石凡六，皆鋪張其滅六王，并天下之事，其言黔首風俗，在泰山則云："男女禮順，慎遵職事，昭隔內外，靡不清淨。"在碣石門則云："男樂其疇，女修其業。"如此而已。惟會稽一刻，其辭曰："飾省宣義，有子而嫁，倍死不貞。防隔內外，禁止淫佚，男女絜誠。夫爲寄豭，殺之無罪，男秉義程。妻爲逃嫁，子不得母，咸化廉清。"[...]然則秦之任刑雖過，而其坊民正俗之意，固未始異於三王也。**– LAM chú: Những trích dẫn của Cố Viêm Vũ lấy từ *Sử Ký* (Tần Thuỷ Hoàng Bản Kỷ). Theo đó, bia thứ nhất và thứ hai trên núi Thái Sơn 泰山 lập năm 28 đời Tần. Bia thứ ba và thứ tư trên núi Chi Phù 之罘 lập năm 29. Bia thứ năm trên núi Kiệt Thạch 碣石 lập năm 32. Bia thứ sáu trên núi Cối Kê 會稽 lập năm 37. Năm thứ nhất của Nhị Thế Hoàng Đế (Hồ Hợi 胡亥), vua cho lập thêm một bia bên cạnh mỗi cái trong sáu bia đó, cũng là ca tụng sự nghiệp của Thuỷ Hoàng, và ghi thêm tên các quan tuỳ tùng.**

cấm cái học tư nhân (tư học 私學) cũng phù hợp với đạo đức và chủ trương về phong tục của Nho gia; có điều Tần đã thi hành quá đáng. Tần Thuỷ Hoàng và Lý Tư phế bỏ cái học của tư nhân là bước đầu tiên của việc thống nhất tư tưởng. Hán Vũ Đế và Đổng Trọng Thư bãi bỏ bách gia là bước thứ hai của việc thống nhất tư tưởng. Nhưng từ cuối thời Chiến Quốc đến đầu đời Hán, các chi phái của các học phái rộ lên rất nhiều, tại sao Hán Vũ Đế và Đổng Trọng Thư chỉ chọn lấy Nho gia làm hệ tư tưởng chính thống? Có phải ngẫu nhiên mà Hán có nhân vật Đổng Trọng Thư và ngẫu nhiên mà Vũ Đế nghe lời của Đổng Trọng Thư để có một kết quả như thế?

Một số học giả cho rằng vì Nho gia trên phương diện chính trị vốn «tôn trọng vua và ức chế thần dân» (tôn quân ức thần 尊君抑臣) cho nên các ông vua chuyên chế rất thích. Nhưng nếu thế, học thuyết rất hợp với các ông vua chuyên chế phải là học thuyết của Pháp gia, chứ không phải là của Nho gia. Thực tế, đa số các vua về sau đều «bên ngoài là Nho, bên trong là Pháp» (dương Nho âm Pháp 陽儒陰法). Họ trọng Pháp gia thì đã rõ, nhưng tại sao đồng thời họ phải tỏ bề ngoài là Nho gia?

Từ thời Xuân Thu đến đầu đời Hán, các phương diện kinh tế, xã hội, và chính trị đều có những biến đổi cơ bản. Nhưng thời này không có phát minh cơ khí nên không có sự phát đạt về công nghiệp và thương nghiệp. Đa số nhân dân sống bằng nông nghiệp. Nhưng có điểm khác biệt: xưa họ là nông nô, nhưng nay họ trở thành nông dân tự do. Đa số họ là nông dân, quây quần theo họ hàng tông tộc, và tiếp tục canh tác ruộng của mình. Cho nên xã hội tông pháp (tức xã hội lấy gia tộc làm trung tâm) ngày xưa vẫn được bảo lưu chứ chưa hề bị phá hoại tan nát. Do đó một phần của chế độ lễ giáo ngày xưa cũng còn dùng được. Cái mà ngày xưa chỉ quý tộc mới được sử dụng thì nay phần lớn người bình dân cũng sử dụng được. Sau khi được giải phóng, người bình dân cũng thích dùng một phần chế độ và lễ giáo của quý tộc ngày xưa để tự hào và tự vui.

Trên phương diện chính trị, Tần và Hán tuy đã thay đổi định chế cũ, nhưng hoàng thất đời Tần vẫn là quý tộc cổ đại; còn Hán Cao Tổ vốn là bình dân nổi lên làm vua, mà ngôi vua về sau vẫn là cha truyền con nối. Theo điểm này mà luận, Tần và Hán vẫn chưa thay đổi triệt để định chế cũ. Hơn nữa, người ta không thể tách rời hoàn cảnh mà đứng một mình, nên trong thiên hạ không có định chế nào được lập ra là hoàn toàn mới mẻ. Vì thế Tần và Hán sau cuộc đại thống nhất, muốn lập ra những định chế mới về chính trị và xã hội cũng phải dùng Nho gia để làm việc đó; bởi vì Nho gia thông hiểu kinh điển xưa, thành thạo các định chế cũ, mà còn có những lý luận về các định chế xuất hiện từ đời Khổng Tử.

Trang Tử nói: «Người xưa hoàn bị thay! Các ngài phối hợp thần minh, theo phép tắc trời đất, nuôi dưỡng vạn vật, điều hoà thiên hạ, ban ân cho dân chúng, hiểu rõ những nguyên tắc cơ bản và liên kết chúng với các chế độ nhỏ nhặt phổ cập muôn phương, bao quát mọi thứ lớn nhỏ tinh thô. Ảnh hưởng của các ngài lan toả khắp nơi. Sự sáng suốt của các ngài về điển chương và pháp độ còn được ghi chép nhiều trong các bộ sử truyền đời như *Thi, Thư, Lễ, Nhạc*. Những kẻ sĩ và quan đại phu của nước Trâu và nước Lỗ phần lớn đều hiểu các điển chương và pháp độ ấy.»[14]

Nho gia đã thông hiểu sách vở xưa, thạo các định chế cũ, lại còn lý tưởng hoá chúng nữa, khiến chúng có trật tự và rõ ràng. Các nhà khác chỉ có triết học về chính trị và xã hội nhưng không có những biện pháp cụ thể đối với chính trị và xã hội. Nếu có biện pháp gì thì cũng không hoàn chỉnh như biện pháp của Nho gia. Trong thời kiến thiết sau cuộc đại thống nhất của đời Tần và đời Hán, đương nhiên họ không thể tranh thắng với Nho gia.

Còn một điểm nữa: Lục Nghệ của Nho gia không phải là học thuật của một cá nhân. Trong Lục Nghệ có mầm mống của nhiều hệ tư tưởng khác, nên rất dễ khiến người ta viện dẫn và phụ hoạ. Cái Lục Nghệ uyển chuyển đó có thể dung thông cả những tư tưởng bất đồng khác. Từ khi Nho gia trở nên độc tôn, các học thuyết bất đồng với Nho gia vẫn có thể đội chiếc nón Lục Nghệ và sửa đổi dung mạo mà tồn tại. Nho gia đã không hoàn toàn triệt tiêu các học phái khác, thì các phái đó bất tất phải kiệt lực chống lại Nho gia. Do đó, chiêu bài độc tôn của Nho gia có thể duy trì lâu dài. Địa vị của Kinh Học trong lịch sử tư tưởng Trung Quốc giống như địa vị của vua trong chế độ quân chủ lập hiến. Ngôi vua vẫn cha truyền con nối, nhưng chính sách trị nước thì tuỳ theo nội các mà thay đổi. Đến nay, Trung Quốc giao tiếp với Tây Phương, các mặt kinh tế, chính trị, xã hội đều biến chuyển tận căn bản. Do đó, cái Kinh Học ngự trị trong tư tưởng của người Trung Quốc suốt hai ngàn năm qua đã bị cách mạng mà thoái vị; và tư tưởng của người Trung Quốc sẽ có bộ mặt mới mẻ hơn.

---

[14] *Trang Tử* (Thiên Hạ): «Cổ chi nhân kỳ bị hồ! Phối thần minh, thuần thiên địa, dục vạn vật, hoà thiên hạ, trạch cập bách tính, minh ư bản số, hệ ư mạt độ, lục thông tứ tích, tiểu đại tinh thô, kỳ vận vô hồ bất tại. Kỳ minh nhi tại số độ giả, cựu pháp, thế truyền chi sử thượng đa hữu chi; kỳ tại ư Thi, Thư, Lễ, Nhạc giả, Trâu Lỗ chi sĩ, vi tấn thân tiên sinh đa năng minh chi.» 古之人其備乎!配神明，醇天地，育萬物，和天下，澤及百姓，明於本數，係於末度，六通四闢，大小精粗，其運無乎不在。其明而在數度者，舊法，世傳之史尚多有之；其在於詩書禮樂者，鄒魯之士，搢紳先生，多能明之。

*** Hết quyển I ***

***Ghi chú của người dịch**: Phùng Hữu Lan phân chia lịch sử triết học Trung Quốc làm hai giai đoạn: «**Thời đại Tử học**» và «**Thời đại Kinh Học**». Quyển I (**Thời đại Tử học**) tới đây là hết. Thời đại Kinh Học được trình bày trong quyển II.*

*

NIÊN BIỂU THỜI ĐẠI TỬ HỌC

* Lê Anh Minh *lập* – Nguồn: (1) Derk Bodde: *Chronological Table of the Philosophers* (trong bản dịch Anh ngữ quyển I, Phùng Hữu Lan) – (2) Liu Wu-chi (Liễu Vô Kỵ): *A Short History of Confucian Philosophy* – (3) E.R. Hughes: *Chinese Philosophy in Classical Times* – Jacques Gernet: *A History of Chinese Civilization*.

Năm 550 - 500

* Phật Thích Ca đản sanh (563 ? - 483 ?).

* Tây Phương: Pythagoras (sống chết không rõ, khoảng năm 530 định cư ở Croton thuộc miền nam nước Ý).

* Khổng Tử (551-479).

* Năm 536 (Chiêu Công năm thứ 6): «Chú Hình Thư» Bộ Hình Luật thành văn đầu tiên của Trung Quốc ra đời, khắc trên đỉnh đồng.

* Thư tịch: *Thư Kinh* và *Thi Kinh* xuất hiện.

Năm 500 - 450

* Tây Phương: Các nhà nguỵ biện (Sophists) xuất hiện. – Socrates (469-399) – Heraclitus (540-475).

* Năm 481: Kết thúc thời Xuân Thu.

* Nho gia: Tăng Tử.

* Mặc gia: Mặc Tử (479 ? - 381 ?)

Năm 450 - 400

* Tây Phương: Plato (427-347).

* Nho gia: Tử Tư (mất 402 ?).

* Thời Chiến Quốc (403-221): Sở, Tề, Tần, Yên, Hàn, Triệu, Nguỵ.

Năm 400 - 350

* Tây Phương: Aristotle (384-322).

* Nho gia: Mạnh Tử (372 ? - 289 ?).

* Đạo gia: Dương Chu, Lão Tử (?-?), Trang Tử (369 ? - 286 ?).

* Biện giả: Huệ Thi (mất 300 ?), Công Tôn Long (mất 250 ?).

* Pháp gia: Thương Ưởng (mất 338), Thân Bất Hại (mất 337), Thận Đáo.

* Tạp gia: Cáo Tử, Hứa Hành, Trần Tương, Trần Trọng Tử.

Năm 350 - 300

* Tây Phương: Epicurus (341-270), Zeno (336-264).
* Năm 334: Nước Sở diệt nước Việt.
* Bách gia tại trung tâm Tắc Hạ (nước Tề): Doãn Văn, Tống Khanh, Bành Mông, Điền Biền, Thận Đáo.
* Thư tịch: *Tả Truyện, Quốc Ngữ.*
* Văn học: *Ly Tao* của Khuất Nguyên (mất 288 ?).

Năm 300 - 250

* Nho gia: Tuân Tử (298 ?- 238 ?)
* Các Biệt Mặc xuất hiện.
* Âm Dương - Ngũ hành gia: Trâu Diễn.
* Năm 260: Tần diệt Triệu, 400 ngàn quân bị giết.
* Đời **Tần** (255-207).
* Pháp gia: Hàn Phi Tử (mất 233).
* Tạp gia: Lã Bất Vi (mất 235, viết *Lã Thị Xuân Thu*).

Năm 250 - 200

* Năm 221: Tần Thuỷ Hoàng diệt sáu nước, thống nhất Trung Quốc.
* Năm 213: Đốt sách chôn nho sĩ (phần thư khanh nho).
* Đời **Hán** (206 TCN - 220 CN).
* *Lễ Ký* (?) – *Hệ Từ Truyện* (?) – *Chiến Quốc Sách* (?).

Năm 200 - 150

* Nho gia: Đổng Trọng Thư (179 ? - 104 ?)

Năm 150 - 100

* Hán Vũ Đế (140-87).
* Năm 136: Nho gia độc tôn.
* Tạp gia: Hoài Nam Tử (tự sát 122).
* Sử gia: Tư Mã Thiên (145- 86 ?).
* Văn học: Tư Mã Tương Như (mất 117) – Thể loại Nhạc Phủ được hình thành (năm 120).
* Vua Hán hai lần phái phương sĩ tìm Bồng Lai tiên đảo (năm 133 và 109).
* Tây Phương: Cicero (106-43).
* Trung Quốc cải cách lịch pháp tận cơ bản (năm 104).

MỤC LỤC

Lời tựa của dịch giả Derk Bodde 5
Lời tựa của bản dịch Việt ngữ 9
Biển rộng trời cao ta vút bay 13

CHƯƠNG 1. MỞ ĐẦU 25
1. Nội dung của triết học 25
2. Phương pháp triết học 27
3. Tầm quan trọng của luận chứng trong triết học 28
4. Triết học và nghĩa lý học của Trung Quốc 28
5. Nhược điểm của triết học Trung Quốc 30
6. Sự thống nhất của triết học 32
7. Triết học và triết gia 34
8. Lịch sử và triết học sử 35
9. Lịch sử và lịch sử viết 36
10. Triết học sử viết kiểu tự thuật và triết học sử viết kiểu tuyển lục 39
11. Lịch sử là tiến bộ 40
12. Tiêu chuẩn để chọn tư liệu viết lịch sử triết học Trung Quốc 41

CHƯƠNG DẪN NHẬP (CHƯƠNG 1 RÚT GỌN CỦA DỊCH GIẢ DERK BODDE) 44

CHƯƠNG 2. PHIẾM LUẬN THỜI ĐẠI TỬ HỌC 49
1. Mở đầu thời đại Tử học 49
2. Nguyên nhân triết học phát đạt ở thời đại Tử học 50
3. Kết thúc thời đại Tử học 57
4. Kết thúc thời kỳ đại quá độ 60

5. Thể tài trứ thuật đời xưa 61
** Chú thích chương 2* *60*

CHƯƠNG 3. TƯ TƯỞNG VÀ TÔN GIÁO TRƯỚC THỜI KHỔNG TỬ 64
1. Quỷ thần 64
2. Thuật số 68
3. Trời 75
4. Những người có tư tưởng sáng suốt 76
5. Phát hiện nhân bản 78

CHƯƠNG 4. KHỔNG TỬ VÀ KHỞI NGUYÊN CỦA NHO GIA 91
1. Địa vị Khổng Tử trong lịch sử Trung Quốc 95
2. Thái độ của Khổng Tử đối với chế độ và tín ngưỡng truyền thống 104
3. Chủ nghĩa chính danh 109
4. Khổng Tử lấy thuật 述 làm tác 作 113
5. Trực 直, nhân 仁, trung 忠, thứ 恕 117
6. Nghĩa 義, lợi 利, tính 性 124

CHƯƠNG 5. MẶC TỬ VÀ MẶC GIA THỜI KỲ ĐẦU 127
1. Khảo chứng về Mặc Tử 127
2. Thời đại của các thiên Kinh 經, Kinh Thuyết 經說, Đại Thủ 大取, và Tiểu Thủ 小取 trong sách Mặc Tử 131
3. Mặc gia là đoàn thể có tổ chức 131
4. Triết học của Mặc Tử là chủ nghĩa công lợi 134
5. Sao cho nhân dân có lợi nhiều 137
6. Kiêm ái 140
7. Chế tài tôn giáo 144
8. Chế tài chính trị 147
9. Dư luận 150

CHƯƠNG 6. MẠNH TỬ VÀ MẠNH HỌC 153
1. Sứ mạng và địa vị của Mạnh Tử trong lịch sử Trung Quốc 153

2. Thái độ của Mạnh Tử đối với chế độ của nhà Chu 156
3. Chế độ chính trị và kinh tế lý tưởng của Mạnh Tử 160
4. Tính thiện 171
5. Mạnh Tử chống công lợi 180
6. Trời, tính, khí hạo nhiên 181

CHƯƠNG 7. CÁI HỌC BÁCH GIA THỜI CHIẾN QUỐC 185
1. Dương Chu và khởi đầu của Đạo gia 187
2. Trần Trọng Tử 200
3. Hứa Hành và Trần Tương 201
4. Cáo Tử và những nhà biện luận về nhân tính 202
5. Doãn Văn và Tống Khanh 206
6. Điền Biền, Bành Mông, và Thận Đáo 214
7. Trâu Diễn và các nhà Âm Dương ngũ hành 221

CHƯƠNG 8. LÃO TỬ VÀ LÃO HỌC TRONG ĐẠO GIA 234
1. Lão Đam và Lý Nhĩ 234
2. Lão học và Trang học 237
3. Tinh thần của người nước Sở 240
4. Đạo và Đức 242
5. Quan sát sự vật 246
6. Cách xử thế 250
7. Triết học về chính trị và xã hội 253
8. Thái độ của Lão Tử đối với dục và tri 255
9. Nhân cách lý tưởng và xã hội lý tưởng 258

CHƯƠNG 9. HUỆ THI, CÔNG TÔN LONG, VÀ CÁC BIỆN GIẢ KHÁC 260
1. Khuynh hướng chung trong các học thuyết của các biện giả 260
2. Huệ Thi và Trang Tử 264
3. Mười câu nghịch lý của Huệ Thi 267
4. Điểm khác nhau giữa Huệ Thi và Trang Tử 275
5. «Bạch mã luận» của Công Tôn Long 278
6. Ý nghĩa khái niệm «chỉ» 指 của Công Tôn Long 280

7. «Kiên bạch luận» của Công Tôn Long 281
8. «Chỉ vật luận» của Công Tôn Long 285
9. «Thông biến luận» của Công Tôn Long 287
10. «Hợp đồng dị» và «Ly kiên bạch» 291
11. Các nghịch lý của biện giả trong Trang Tử (Thiên Hạ) 292
12. Cảm giác và lý trí 298

CHƯƠNG 10. TRANG TỬ VÀ TRANG HỌC TRONG ĐẠO GIA 300
1. Trang Tử và tinh thần của người nước Sở 300
2. Đạo, Đức, Trời 302
3. Triết học về sự biến hoá 306
4. Làm sao để hạnh phúc 307
5. Tự do và bình đẳng 313
6. Cái chết và sự bất tử 321
7. Thế giới của kinh nghiệm thuần tuý 327
8. Tiêu dao tuyệt đối 334
9. So sánh học thuyết Trang Tử với học thuyết của Dương Chu 336

CHƯƠNG 11. MẶC KINH VÀ CÁC MẶC GIA VỀ SAU 339
1. Tình hình Mặc gia thời Chiến Quốc 339
2. Chủ nghĩa công lợi trong Mặc Kinh 342
3. Luận về tri thức 347
4. Luận về sự biện luận 358
5. Mặc Kinh luận về «đồng dị» 367
6. Mặc Kinh luận về «kiên bạch» 371
7. Mặc Kinh biện luận đối với các biện giả khác 377
8. Mặc Kinh biện hộ thuyết kiêm ái 380
9. Công kích các nhà khác thời đó 383

CHƯƠNG 12. TUÂN TỬ VÀ TUÂN HỌC TRONG NHO GIA 389
1. Tuân Tử 389
2. Ý kiến của Tuân Tử đối với Khổng Tử và Mạnh Tử 391

3. Ý kiến của Tuân Tử đối với chế độ đời Chu 393
4. Trời và Tính 396
5. Tâm lý học của Tuân Tử 401
6. Khởi nguyên của quốc gia và xã hội 408
7. Luận về lễ và nhạc 412
8. Vương và bá 414
9. Chính danh 419

CHƯƠNG 13. HÀN PHI TỬ VÀ CÁC PHÁP GIA KHÁC 430
1. Học thuyết của Pháp gia và xu thế kinh tế chính trị xã hội trong thời đại của họ 430
2. Quan niệm lịch sử của Pháp gia 435
3. Ba phái Pháp gia 436
4. Ba phái Pháp gia và Hàn Phi 439
5. Sự trọng yếu của pháp luật 440
6. Chính danh và thực 445
7. Thưởng phạt nghiêm minh 447
8. Tính ác 449
9. Vô vi 454
10. Pháp gia và quý tộc đương thời 459

CHƯƠNG 14. NHO GIA ĐỜI TẦN VÀ ĐỜI HÁN 462
1. Lý luận chung về Lễ 463
2. Lý luận chung về Nhạc 468
3. Lý luận về Tang Lễ 472
4. Lý luận về Tế Lễ 479
5. Lý luận về Hôn Lễ 486
6. Lý luận về Hiếu 489
7. Đại Học 494
8. Trung Dung 505
9. Lễ Vận 51

CHƯƠNG 15. VŨ TRỤ LUẬN TRONG DỊCH TRUYỆN VÀ SÁCH HOÀI NAM HỒNG LIỆT 517

1. Khởi nguyên của *Chu Dịch* và tác giả của Dịch Truyện 517
2. Bát quái và Âm Dương 520
3. Sự phát triển và biến hoá của sự vật trong vũ trụ 527
4. Sự biến hoá của các sự vật trong vũ trụ có tính chất tuần hoàn 529
5. Dịch tượng và nhân sự 531
6. Vũ trụ luận trong sách Hoài Nam Hồng Liệt 539

CHƯƠNG 16. LỤC NGHỆ CỦA NHO GIA & SỰ ĐỘC TÔN CỦA NHO GIA 543

1. Nho gia luận về Lục Nghệ 543
2. Nguyên nhân khiến Nho gia trở nên độc tôn 547

NIÊN BIỂU THỜI ĐẠI TỬ HỌC 552

Mục lục 554

* Bản đồ TRUNG QUỐC thời Chiến Quốc 560

LỊCH SỬ TRIẾT HỌC TRUNG QUỐC

Quyển I: THỜI ĐẠI TỬ HỌC

PHÙNG HỮU LAN

LÊ ANH MINH *dịch*

NHÀ XUẤT BẢN KHOA HỌC XÃ HỘI

61 Phan Chu Trinh - Q.Hoàn Kiếm, Hà Nội
ĐT: 8256174 - 8255428 - 8249216
CN: 57 Sương Nguyệt Ánh, Q.1, TP. Hồ Chí Minh
ĐT: 8394948

Chịu trách nhiệm xuất bản
TS. VI QUANG THỌ
Biên tập
TS. KIỀU VIỆT CƯỜNG
Sửa bản in
MAI THỦY
Trình bày
GIA VŨ

Tổ chức liên doanh và giữ bản quyền :

Công ty TNHH TMDV-VH Gia Vũ

In 1000 cuốn, khổ 16 x 24cm, tại Xưởng in Trung tâm Hội chợ Triển lãm Việt Nam. Địa chỉ: 265 Nguyễn Văn Đậu – Phường 11 – Quận Bình Thạnh – TP. HCM Giấy phép xuất bản số: 697 – 2006/ CXB/ 22 – 66/ KHXH do Cục Xuất bản cấp ngày 02 – 10 - 2006. In xong và nộp lưu chiểu quý 4 năm 2006.

Tiến sĩ Phùng Hữu Lan (1895-1990) – tốt nghiệp Đại học Columbia (Mỹ) 1924 – rực sáng cuối thế kỷ XX như là một sử gia lỗi lạc về triết học Trung Quốc kiêm triết gia hiện đại mà hệ thống triết học của ông hiện nay được nghiên cứu sâu rộng với danh xưng <<Phùng học>>.

Từ khi chào đời, bộ TRUNG QUỐC TRIẾT HỌC SỬ (quyển I, 1931; quyển II, 1934) của Phùng Hữu Lan đã trở thành sách giáo khoa trọng yếu của bậc đại học và cũng là tác phẩm kinh điển trong lĩnh vực lịch sử triết học Trung Quốc, chiếm địa vị quan trọng không chỉ tại Trung Quốc, Hàn Quốc, Nhật Bản (với nguyên tác Hán ngữ), mà còn ở phương Tây nữa (với bản dịch Anh ngữ của Derk Bodde).

Quyển I bao quát thời đại Tử Học, một thời đại có thể nói là rực rỡ nhất của triết học Trung Quốc, trải dài từ thời xa xưa đến khoảng năm 100 TCN với địa vị chính thống của Nho giáo. Quyển II bao quát thời đại Kinh Học, tức là từ cuối thời đại Tử Học cho đến cuối đời Thanh.

Nguyên tác trích dẫn rất nhiều đoạn cổ văn từ các nguồn thư tịch gốc, khiến nó không những là một sách tham khảo quý báu về các văn bản gốc của triết học Trung Quốc, mà còn tạo sự thuận lợi vì các văn bản cổ xưa đã tự lên tiếng. Đó là một điều rất quan trọng trong một lĩnh vực như triết học Trung Quốc, vì một văn bản thường có nhiều lời bình chú. Tác giả đã vận dụng vốn tri thức và phương pháp luận thu nhận thêm từ phương Tây vào việc nghiên cứu lịch sử triết học Trung Quốc, do đó bộ sách này có tính khoa học rất cao. Học giả Lý Thận của Trung Quốc hiện nay nhận định chung về Phùng Hữu Lan bằng tám chữ <<Dung quán Trung Tây, thông thích kim cổ>> (dung hoà thấu triệt hai nền học thuật Trung Quốc và phương Tây, giải thích thông suốt việc xưa nay) và cho rằng nếu người Trung Quốc biết đến học thuật của phương Tây nhờ Nghiêm Phục, thì người ngoại quốc hiểu được triết học Trung Quốc là nhờ Phùng Hữu Lan.

TRUNG QUỐC TRIẾT HỌC SỬ của Phùng Hữu Lan đến nay mới được dịch ra tiếng Việt. Bản dịch bảo lưu các trích dẫn kinh điển y như nguyên tác, kèm phiên âm Hán Việt, lại còn có thêm rất nhiều chú thích tỉ mỉ như dồn nén thông tin. Do đó độc giả đang có trên tay một nguồn tham khảo rất hệ thống và thiết yếu về tư tưởng triết học Trung Quốc.

Thư Pháp: Lê Anh Minh

Phát hành tại TP. HCM:
Nhà sách Ngọc Trầm
177B Nguyễn Thị Minh Khai - Quận 1 - TP. Hồ Chí Minh
Tel: 9256961 Fax: 9256960 Email: ngoctram@giavu.com.vn

Phát hành tại HÀ NỘI:
Nhà sách ĐÔNG TÂY
62 Nguyễn Chí Thanh - HÀ NỘI - ĐT/FAX: 04.7733041

Giá: 90.000đ